



HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*Chúc Mừng
Năm Mới*

1
1-2004

UNIV. OF MICH.

FEB 18 2004

CURRENT SERIALS

Digitized by Google



VIỆT NAM - Hà Nội / 2005 - 2020

MEET THE SUPER STARS

Nơi gặp gỡ của những siêu sao



Hello all are welcome

CIP

WILL MAKE YOU THINK ABOUT OUR BUSINESS...



THIẾT BỊ QUAN SÁT CAMERA BẢO VỆ

THIẾT BỊ QUẢNG CÁO - DỤNG CỤ BƯU CHÍNH

MÁY SOI NGƯỜI, TIỀN, LỐP, BÌNH XĂNG, CON-TAI-NER

BẢNG TÀI CÔNG NGHIỆP DỤNG CỤ THOÁT HIỂM CHỐNG CHÁY NỔ NHÀ CAO TẦNG

NHÀ Ở, LÀM VIỆC DI ĐỘNG PHỤC VỤ CÔNG TRƯỜNG

VÁCH NGĂN CHỐNG CƯỚP TA-XI

E: cipthaivip@hn.vnn.vn

GROUP ELECTRONIC RED STAR PROJECT DEVELOPED CONTRIBUTION HANOI VIETNAM

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ MỚI ĐIỆN TỬ THÔNG TIN



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

THÁNG RA 2 KỶ
RA NGÀY 1 VÀ 16 HÀNG THÁNG

SỐ 700

1

1-2004

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

• Cơ quan thường trú tại miền Trung :

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HƯU NGHĨA



Bìa 1 : Trước thềm Năm Mới - 2004
của Mai Linh

CHÀO NĂM 2004

XÃ LUẬN - Việt Nam - vận hội 2004	3
NÔNG ĐỨC MẠNH - Bản lĩnh lãnh đạo phải thể hiện trong việc nắm vững và thực hiện tốt nhiệm vụ then chốt xây dựng, chỉnh đốn Đảng	7
ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG - Tăng cường năng lực khoa học và công nghệ của đất nước	13

NĂM 2003 - NHÌN LẠI VÀ ĐI TỚI

NGUYỄN SINH CÚC - Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam 2003	18
NGUYỄN TIẾN THỎA - Đổi mới quản lý điều hành giá cả phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế	24
HỮU THỈNH - Tổ Hữu - nhà thơ của nhân dân	28
PHẠM THỊ THANH TÂM - Về xuất nhập khẩu các xuất bản phẩm ở Việt Nam hiện nay	32

NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

PHẠM HỒNG CHƯƠNG - Vai trò của lý luận đối với công tác xây dựng Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh	36
NGUYỄN XUÂN THÔNG - Những giá trị văn hóa Hồ Chí Minh	40

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ: QUA THỰC TIỄN VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC	
TRẦN QUANG NHIẾP - Lời chào mừng Hội thảo	44
LÊ HỮU NGHĨA - Đề dẫn Hội thảo	46

TRÊN NHỮNG NẸO ĐƯỜNG TỔ QUỐC

TRIỀU HẢI QUỲNH - Ninh Thuận - nỗ lực, thành quả và những trăn trở về con tôm	52
TẠ BÁ HUNG - Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 - khâu đột phá trên thị trường khoa học và công nghệ	56
PHẠM ĐỨC DƯƠNG - Đất Mũi - miền văn hóa sông nước	60

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NAM DŨNG - Căn bệnh trầm kha	64
------------------------------	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN THỊ HOA - Khái quát nhìn lại thế giới năm 2003	66
VÕ THỦ PHƯƠNG - Cu-ba hiện ngang trên chặng đường bốn mươi lăm năm	70

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

*** Việt Nam năm 2003 qua con mắt người nước ngoài	74
--	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Hội thi chung khảo toàn quốc giảng viên lý luận chính trị giỏi năm 2003	78
*** Đoàn đại biểu Tạp chí A-lun-may thăm và làm việc với Tạp chí Cộng sản	79
*** Tọa đàm khoa học "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn thực hiện Quy chế Dân chủ trong hoạt động cơ quan"	80

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая: Вьетнам – благоприятные возможности 2004 года. НОНГ ДЫК МАНЬ: Руководящая воля должна выражаться в усвоении и выполнении ключевой задачи – строительства, упорядочения Партии. ДО НГУЕН ФЫОНГ: Усиление способности к науке и технологии страны. НГУЕН ШИНЬ КУК: Социально-экономический обзор Вьетнама 2003 года. НГУЕН ТИЕН ТХОА: Обновление управленческой работы по ценам в соответствии с тенденцией международной экономической интеграции. ХЫУ ТХИНЬ: То Хыу – поэт народа. ФАМ ТХИ ТХАНЬ ТАМ: Об экспорте, импорте печатной продукции во Вьетнаме на данном этапе. ФАМ ХОНГ ТЫОНГ: Роль теории для строительства Партии по идеям Хо Ши Мина. НГУЕН СУАН ТХОНГ: Ценности культуры Хо Ши Мина. ЧАН КУАНГ НИЕП: Приветственное слово к Семинару «Осуществление демократии на местах: через практики Вьетнама и Китая». ЛЕ ХЫУ НГИА: Вводное слово к Семинару. ЧИЕУ ХАЙ КУИНЬ: Провинция Ниньтуан – старание, достижение и раздумья над вопросом о разведении и сбыте креветок. ТА БА ХЫНГ: Ярмарка «Технология и Оборудование - Вьетнам 2003 года» – переворотное звено на рынке науки и технологии. ФАМ ДЫК ЗЫОНГ: Крайняя земля Камау – район культуры речных вод. НГУЕН ТХИ ХОА: Ретроспективный обзор на мир 2003 года. ВО ТХУ ФЫОНГ: Куба – гордая на 45-летнем пути.

CONTENTS

Editorial: Vietnam – the 2004 fortune. NÔNG ĐỨC MẠNH: Leadership skill and spirit should be revealed through thorough grasp and best implementation of the key tasks of Party building and reorganisation. ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG: Strengthening scientific and technological capability of the country. NGUYỄN SINH CÚC: Socio-economic overview of Vietnam in 2003. NGUYỄN TIẾN THỎA: Renovating management of price regulations in accordance with the trend of World economic integration. HỮU THÍNH: Tổ Hữu – a poet of the people. PHẠM THỊ THANH TÂM: Regarding export and import of publications in Vietnam at the present. PHẠM HỒNG CHUÔNG: Role of theory regarding the matter of Party building in pursuance of Hồ Chí Minh's ideas. NGUYỄN XUÂN THÔNG: Hồ Chí Minh cultural values. TRẦN QUANG NHIẾP: Greeting words to the seminar: «Implementation of grassroots democracy – through the Vietnamese and Chinese practices». LÊ HỮU NGHĨA: Introduction to the seminar. TRIỀU HẢI QUỲNH: Ninh Thuận province – efforts, achievements and strained thoughts about shrimps. TẠ BÁ HÙNG: The Fair «Technology and Equipment Vietnam 2003» - a break-through on the sciences and technology market. PHẠM ĐỨC DƯƠNG: The Cape Land – an area of river and water culture. NGUYỄN THỊ HOA: Retrospective outline of the World in 2003. VÕ THỦ PHƯƠNG: The dignified and dautless Cuba in the 45-year stage.

SOMMAIRE

Editorial: Le Vietnam – fortune de 2004. NÔNG ĐỨC MẠNH: Le caractère directeur doit être manifesté dans le maintien et la réalisation avec succès des tâches clefs relatives à l'édification et à la rectification du Parti. ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG: Renforcer la capacité en sciences et technologies du pays. NGUYỄN SINH CÚC: Aperçu de la situation socio-économique du Vietnam en 2003. NGUYỄN TIẾN THỎA: Renouveler la gestion du prix conformément à la tendance à l'intégration économique internationale. HỮU THÍNH: Tổ Hữu – poète du peuple. PHẠM THỊ THANH TÂM: Sur l'import-export des publications au Vietnam à l'heure actuelle. PHẠM HỒNG CHUÔNG: Le rôle de la théorie dans le travail d'édification du Parti selon la pensée de Hồ Chí Minh. NGUYỄN XUÂN THÔNG: Les valeurs culturelles Hồ Chí Minh. TRẦN QUANG NHIẾP: Félicitation adressée au séminaire "Réalisation de la démocratie à la base : à travers la réalité au Vietnam et en Chine". LÊ HỮU NGHĨA: Introduction du séminaire. TRIỀU HẢI QUỲNH: Ninh Thuận : efforts, réalisations et soucis concernant l'élevage des crevettes. TẠ BÁ HÙNG: Le marché de Technologie et d'Equipements Vietnam 2003 – une percée sur le marché des Sciences et de Technologie. PHẠM ĐỨC DƯƠNG: La pointe de Cà Mau – région de culture des cours d'eau. NGUYỄN THỊ HOA: Aperçu du monde de 2003. VÕ THỦ PHƯƠNG: Cuba – la tête haute avec son parcours de 45 années.

SUMARIO

Editorial: Vietnam – fortuna de 2004. NÔNG ĐỨC MẠNH: El talento de dirección debe manifestarse en el dominio y el buen cumplimiento de la clave tarea de edificación y el reajuste del Partido. ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG: Elevar la capacidad científica y tecnológica del país. NGUYỄN SINH CÚC: El panorama socio-económico vietnamita en 2003. NGUYỄN TIẾN THỎA: Renovar la gestión de precios conforme a la tendencia de integración económica internacional. HỮU THÍNH: Tổ Hữu – poeta del pueblo. PHẠM THỊ THANH TÂM: Sobre la actual exportación e importación de publicaciones en Vietnam. PHẠM HỒNG CHUÔNG: El rol teórico en la edificación del Partido al pensamiento de Hồ Chí Minh. NGUYỄN XUÂN THÔNG: Valores culturales de Hồ Chí Minh. TRẦN QUANG NHIẾP: Felicitaciones al Seminario "El cumplimiento de la democracia en la base a través de las realidades en Vietnam y China". LÊ HỮU NGHĨA: La introducción del Seminario. TRIỀU HẢI QUỲNH: Ninh Thuận – esfuerzos, éxitos e inquietudes sobre los camarones. TẠ BÁ HÙNG: El mercado de Tecnología y Equipamientos – eslabón de brecha en el mercado científico-tecnológico. PHẠM ĐỨC DƯƠNG: La punta de Cà Mau – zona de cultura en ríos y aguas. NGUYỄN THỊ HOA: La vista general sobre el mundo del 2003. VÕ THỦ PHƯƠNG: Cuba indomable en su trayectoria de 40 años.

目录

• 社论：越南—2004年的机遇• 农德孟：领导能力必须体现于牢牢掌握及圆满实现建设党、整顿党的关键任务中• 杜原方：提高国家科学和技术的能力• 阮生菊：2003年越南经济、社会综观• 阮进妥：革新调节管理价格以符合融入国际经济的趋势• 友清：索有—人民的诗人• 范氏青心：有关目前越南出版刊物的进出口• 范红章：理论在按胡志明思想建设党的工作中所起的作用• 阮春通：胡志明主席的文化价值• 陈光掇：祝贺《实现基层民主—越南和中国的实践》研讨会• 黎有义：研讨会提要• 朝海琼：宁顺省—有关虾饲养出口业的一些想法• 谢伯兴：2003年越南工艺和设备市场—科学和技术市场上的突破环节• 范德杨：金甌省—江河文化地区• 阮氏花：概括回顾世界2003年• 武氏方：古巴共和国在四十年历程上昂首阔步前进



CHÀO NĂM 2004

ĐOÀN KẾT VÀ HỢP LỰC

Tạp chí Cộng sản



Chúc mừng năm mới

Xuân Giáp Thân
2004

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

Chủ tịch

Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam



VIỆT NAM - VẬN HỘI 2004

NĂM 2003 - năm "bản lề" của nhiệm kỳ Đại hội IX của Đảng vừa khép lại đầy ấn tượng với sự kết thúc thắng lợi toàn diện nửa nhiệm kỳ đầu. Nó đánh dấu một bước tiến mới của dân tộc ta trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa với thể và lực mới; đồng thời, mở ra vận hội mới hứa hẹn một gia tốc phát triển mới của đất nước trong nửa nhiệm kỳ tiếp theo của Đại hội IX và trên tiến trình thực hiện thành công Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2010 của Đảng.

Đó là hào khí đất nước kết tinh và dồn tụ trước thềm Năm Mới - 2004.

Nhìn lại năm 2003, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Các thế lực đế quốc hiếu chiến bất chấp sự phản đối của nhân dân thế giới và Liên hợp quốc đã đơn phương phát động chiến tranh I-rắc, đẩy thế giới vào trạng thái cực kỳ căng thẳng, trong khi nền kinh tế thế giới vẫn ở trong tình trạng trì trệ, phục hồi chậm. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và quá trình toàn cầu hóa tiếp tục phát triển mạnh mẽ; cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Bệnh dịch SARS đã xảy ra ở nhiều nước, làm tổn hại sinh mạng nhiều người. Những diễn biến phức tạp và nhiều chiều trên đây đã tác động trực tiếp đến nước ta, với không ít cơ hội lớn đan xen những thách thức lớn.

Ở trong nước, bên cạnh những mặt thuận lợi rất cơ bản và to lớn để thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, chúng ta đương đầu với nhiều khó khăn không nhỏ. Các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh hoạt động "diễn biến hòa bình", gây sức ép với ta dưới các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền", dân tộc, tôn giáo, tiếp tay cho các thế lực phản động và bọn cơ hội chính trị trong nước hoạt động chống phá cách mạng nước ta ngày càng quyết liệt; đồng thời, những yếu kém vốn có của nền kinh tế, thiên tai, cộng với những khuyết điểm, thiếu sót trong quản lý, điều hành là những nhân tố cản trở không nhỏ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Mặc dù vậy, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta không ngừng phấn đấu, chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, đẩy lùi nguy cơ, quyết tâm thực hiện hiệu quả những mục tiêu đề ra. Nhờ đó, trong gần 3 năm đầu của nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, nền kinh tế đất nước tăng trưởng khá cao và liên tục: năm 2001 tăng 6,9%, 2002 tăng 7,04%, 2003 tăng khoảng 7,24%. Năm 2003 tốc độ tăng trưởng đứng thứ 2 thế giới. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; các vùng kinh tế đều phát triển, nhất là các vùng kinh tế động lực; vừa từng bước xây dựng kinh tế độc lập tự chủ vừa chủ động hội nhập rộng hơn và sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới; tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, từng bước hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường. Các lĩnh vực xã hội như xóa đói giảm nghèo, chăm sóc người có công với nước, sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao..., việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là cho các xã nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm sâu sắc gắn chặt với sự phát triển kinh tế và từng bước bảo đảm công bằng xã hội. Trong năm 2003, một sự kiện rất nổi bật là, nước ta lần đầu tiên đăng cai và đã tổ chức thành công rực rỡ, vang dội Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 và Đại hội Thể thao Người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 2 - những SEA Games và ASEAN Para Games của niềm tự hào dân tộc, được bạn bè quốc tế ca ngợi về công tác tổ chức, sự chu đáo, tình hữu nghị, về thắng lợi vang dội của các Đoàn Thể thao Việt Nam (đứng đầu các đoàn SEA Games với 158 Huy chương Vàng và đứng thứ hai các đoàn ASEAN Para Games với 82 Huy chương Vàng). SEA Games 22 cùng với ASEAN Para Games 2 đã phát huy cao độ lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao vị thế đất nước trên đấu trường khu vực và quốc tế.

Trong những năm qua, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được đẩy mạnh, hệ thống pháp luật tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện, dân chủ trong xã hội được mở rộng, lòng tin của nhân dân đối với chế độ, đối với công cuộc đổi mới và sự đồng thuận trong xã hội tiếp tục được nhân lên. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, tiếp tục được đẩy mạnh với chất lượng mới. Nền quốc phòng và an ninh tiếp tục được giữ vững, chính trị - xã hội ổn định, quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng; uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao.

Những thành tựu trên đây chứng minh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước đang đi đúng đường lối đổi mới và những phương hướng của Nghị quyết Đại hội IX. Những thành tựu ấy tiếp tục làm tăng thêm thế và lực của đất nước, tạo những điều kiện thuận lợi, những vận hội mới để chúng ta bước vào năm 2004 một cách tự tin, vững chãi, tiếp tục phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX trong nửa nhiệm kỳ còn lại.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, phải thừa nhận rằng chúng ta còn không ít khuyết điểm, yếu kém cần phải khắc phục. Kinh tế tuy tăng trưởng khá song vẫn chưa đạt chỉ tiêu đề ra (bình quân 7,5%/năm), chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội còn thấp, sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao, tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm. Sự thất thoát, lãng phí trong quản lý kinh tế, nhất là trong quản lý xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách nhà nước còn nghiêm trọng. Môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh còn nhiều bất cập, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước và vốn đầu tư của toàn xã hội còn thấp. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch chưa tốt. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa theo kịp yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc kéo dài nhưng chậm được giải quyết làm nhân dân lo lắng, không an tâm; chất lượng giáo dục - đào tạo và hoạt động khoa học - công nghệ còn thấp; tệ nạn xã hội và tình trạng phạm tội chưa được ngăn chặn có hiệu quả; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn nghiêm trọng và khá phổ biến. Đời sống của nhân dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng thường bị thiên tai còn nhiều khó khăn. Tiến độ cải cách hành chính còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống...

Những khuyết điểm, yếu kém trên đây do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Để khắc phục chúng một cách hiệu quả, đòi hỏi phải có một sự nỗ lực chủ quan vượt bậc và có ý nghĩa quyết định, đặc biệt phải phát huy đồng bộ sức mạnh tổng thể của hệ thống chính trị ở tất cả các ngành, các cấp, nâng cao không ngừng vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy mạnh mẽ sức mạnh quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân nhằm tạo thế và lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, hoàn thành thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Năm 2004 là năm mở đầu của nửa cuối nhiệm kỳ Đại hội Đảng khóa IX, cũng là năm thứ tư thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005. Đầu năm 2004, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX sẽ họp Hội nghị lần thứ 9 để kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đề ra một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn trong nửa nhiệm kỳ còn lại, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Vì vậy, đây là năm rất quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, chuẩn bị tiến tới Đại hội X của Đảng.

Theo dự báo, năm 2004 và những năm còn lại của nhiệm kỳ khóa IX, tình hình chính trị thế giới và khu vực sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp; kinh tế thế giới và khu vực có khả năng từng bước phục hồi đà phát triển; xu thế toàn cầu hóa sẽ tiếp tục được mở rộng. Tình hình quốc tế đó sẽ vừa tạo thêm nhiều cơ hội nhưng cũng vừa đặt ra thêm không ít thách thức cho chúng ta.

Tuy còn những khó khăn do những mặt yếu kém của nền kinh tế chậm được khắc phục, những vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết hiệu quả, công tác quản lý, điều hành còn những thiếu sót, song với thế và lực mới, nhất là vận hội mới do thành quả 17 năm đổi mới, trực tiếp là 3 năm 2001-2003 tạo ra, năm 2004 sẽ là năm đất nước bước sang một trang phát triển mới, mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn.

Mục tiêu đồng thời cũng là nhiệm vụ của năm 2004 là, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế nhất là về chất lượng và bảo đảm tính bền vững, tạo cơ sở cho việc thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001-2005). Phát huy tối đa và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với không ngừng phát triển thị trường trong và ngoài nước. Tạo bước chuyển mạnh về chất lượng và hiệu quả đầu tư. Nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. Chủ động đẩy nhanh tiến độ hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình đã cam kết. Tiếp tục thực hiện xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân. Nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và xã hội. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về cải cách hành chính, tăng cường pháp chế, thực hiện kỷ cương xã hội, phát huy dân chủ. Ngăn chặn hiệu quả tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, sách nhiễu trong bộ máy nhà nước; đẩy lùi các tệ nạn xã hội...

Đồng thời với nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, phải tạo cho được bước chuyển biến mạnh mẽ trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị; đổi mới và tăng cường công tác cán bộ; đẩy mạnh việc tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới để bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), chuẩn bị soạn thảo Văn kiện Đại hội X của Đảng. Đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tiếp tục củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong nước và môi trường quan hệ đối ngoại hòa bình, ổn định để tập trung sức xây dựng và phát triển đất nước.

Với thế và lực mới, trước thời cơ mới, năm 2004 sẽ là năm vận nước tốt đẹp của Việt Nam. Chúng ta phải nắm lấy vận hội này để tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và nhịp bước cùng thời đại. □



BẢN LĨNH LÃNH ĐẠO PHẢI THỂ HIỆN TRONG VIỆC NẮM VỮNG VÀ THỰC HIỆN TỐT NHIỆM VỤ THEN CHỐT XÂY DỰNG, CHÍNH ĐỐN ĐẢNG

NÔNG ĐỨC MẠNH

Tổng Bí thư BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam



Lời Bộ Biên tập: Mùa Xuân năm 2004 là cái mốc đánh dấu sự kết thúc nửa kỳ đầu và mở ra nửa kỳ sau của việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Đó cũng là Mùa Xuân kỷ niệm lần thứ 74 Ngày Thành lập Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhân dịp Hội nghị lần thứ 9 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, đồng chí **Nông Đức Mạnh**, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, đã dành cho Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản một cuộc nói chuyện thân mật về chủ đề thực hiện nhiệm vụ then chốt xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Tạp chí Cộng sản: Thưa đồng chí Tổng Bí thư, mấy năm qua, trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, chúng ta đã giành thêm được nhiều thành tựu mới quan trọng trên tất cả các mặt, nhất là về

kinh tế - xã hội, mở ra triển vọng tốt đẹp cho việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội trong những năm tiếp theo. Xin đồng chí cho biết đâu là điểm nổi bật nhất trong sự lãnh đạo chính trị của Đảng?

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh: Đường lối chính trị là linh hồn của lãnh đạo chính trị. Đường lối chính trị trong thời kỳ mới đã được xác định trong Cương lĩnh của Đảng và trong Nghị quyết Đại hội IX.

Nửa nhiệm kỳ qua, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã tập trung sức lãnh đạo việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, lần lượt cụ thể hóa các nội dung cơ bản nhất của Nghị quyết Đại hội bằng nhiều nghị quyết chuyên đề trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ đạo quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết đó. Trong số các nghị quyết được ban hành, có một số nghị quyết và kết luận về xây dựng Đảng. Đó là một cố gắng đáng kể. Song, điều quan trọng không phải ở chỗ ban hành ít hay nhiều nghị quyết mà là ở chất lượng và tổ chức thực hiện các nghị quyết, tức là nội dung nghị quyết có phản ánh được thực tế cuộc sống, giải đáp được những đòi hỏi của cuộc sống và đưa được vào cuộc sống hay không? Về mặt này, có thể nói Đảng ta đã có nhiều tiến bộ. Nhiều nội dung nghị quyết của Đảng đã được thể chế hóa thành pháp luật của Nhà nước, được nhân dân tích cực hưởng ứng, nhờ đó đã đưa đến những thành tựu về nhiều mặt như chúng ta thấy. Tất nhiên thời gian còn chưa đủ để mọi nghị quyết của Đảng đều trở thành hiện thực. Song, bên cạnh những việc làm được, cũng phải thừa nhận rằng việc tổ chức thực hiện nghị quyết trong mấy năm qua chưa được tăng cường tương xứng, cho nên có những nghị quyết nội dung tốt, nhưng chưa được nhận thức đúng và thực hiện chậm; nếu tổ chức thực hiện làm tốt hơn, kết quả đạt được có thể còn nhiều hơn.

Tạp chí Cộng sản: Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Đại hội IX đã quyết định toàn Đảng tiếp tục thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Xin đồng chí Tổng Bí thư cho biết đánh giá tổng quát về việc thực hiện nhiệm vụ ấy?

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh: Trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng mấy năm qua, chúng ta đã tập trung vào bốn mặt công tác quan trọng nhất mà Đại hội IX đã nêu lên, cũng là những nội dung chủ yếu mà Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) từng đề cập tới. Nay nhìn lại, thấy mỗi mặt công tác đó đều có những tiến bộ đáng ghi nhận.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng được quan tâm nhiều hơn và trên thực tế, đã đưa lại một số kết quả thiết thực, góp phần vào việc làm chuyển biến tình hình tư tưởng trong cán bộ và nhân dân, tăng thêm niềm tin đối với công cuộc đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng.

Công tác cán bộ tiếp tục có những đổi mới, nhất là làm rõ hơn nội dung và phương thức thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng được đẩy mạnh hơn trước, gắn kết chặt chẽ hơn với việc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở; nội dung và phong cách lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường cũng từng bước được đổi mới, gần với dân hơn.

Việc kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến cấp ủy địa phương cũng đã đạt được một số kết quả tốt.

Ghi nhận những tiến bộ đó không có nghĩa là các mặt công tác nói trên đều đạt được những yêu cầu đề ra. Nghiêm khắc mà nói, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng vẫn còn nhiều thiếu sót và khuyết điểm. Chúng ta cần đi sâu phân tích từng mặt công tác, cả những việc làm được và chưa làm được, đồng thời có cái nhìn tổng quát về các mặt công tác đó thì mới có thể có sự đánh giá chính xác.

Tạp chí Cộng sản: *Thưa đồng chí Tổng Bí thư, quả đúng như vậy. mấy năm qua, mặt trận tư tưởng diễn ra khá sôi động. Xin đồng chí cho biết những nhận xét về công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Nghị quyết Đại hội IX có nói: công tác tư tưởng, công tác lý luận còn yếu kém, bất cập. Thực tế hiện nay như thế nào?*

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh: Các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng đã bám sát được mục tiêu và nhiệm vụ do Đại hội IX đề ra; bước đầu có cải tiến về nội dung và hình thức nghiên cứu, học tập Nghị quyết Đại hội và các nghị quyết của Trung ương. Thời gian gần đây, việc nghiên cứu và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh được triển khai khá rộng, khá mạnh và có chiều sâu hơn. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng đã góp phần nâng cao một bước nhận thức chính trị và tính tích cực của cán bộ, đảng viên; đã chú trọng đề cao gương người tốt, việc tốt, phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân; chủ động hơn và kịp thời hơn trong đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái, góp phần chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Tuy vậy, chất lượng, hiệu quả giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh chưa cao, còn nặng về hình

thức, ít kiểm tra kết quả đem lại. Chúng ta còn thiếu những hình thức thích hợp để giáo dục nâng cao ý chí cách mạng, tinh thần tự giác rèn luyện, giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Qua việc tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, càng thấy rõ tự phê bình và phê bình vẫn là khâu yếu, chuyển biến chậm. Trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân còn nặng nề; tính chiến đấu, tinh thần bảo vệ đường lối, nguyên tắc và uy tín của Đảng, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân còn yếu.

Chúng ta không đánh giá thấp những cố gắng và tiến bộ trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng vừa qua nhưng cũng không thể coi những gì đã làm được là đủ.

Tạp chí Cộng sản: *Thưa đồng chí, việc giáo dục tư tưởng, chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong Đảng gắn rất chặt với cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Có ý kiến cho rằng, kết quả cuộc đấu tranh này còn rất hạn chế. Vậy nên đánh giá như thế nào cho đúng?*

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh: Cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu đã tạo được một số chuyển biến tích cực. Rõ nhất là: việc xây dựng thể chế kinh tế, chính trị theo hướng dân chủ, công khai tiếp tục được coi trọng; công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường; việc xét xử các vụ án và việc xem xét kỷ luật trong Đảng nghiêm minh hơn, đặc biệt là đã đưa ra truy tố, xét xử đúng người, đúng tội một số vụ án lớn. Việc xử lý các vụ, việc nổi cộm, các vụ khiếu nại, tố cáo được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo và đã đem lại

những kết quả đáng kể; các điểm nóng trong xã hội có chiều hướng giảm bớt. Tất cả những việc làm nói trên đều có tác dụng cảnh báo, răn đe, phòng ngừa tệ tham nhũng, tiêu cực, làm lành mạnh hơn quan hệ trong nội bộ Đảng, Nhà nước và trong xã hội.

Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy rằng, hiện nay tình hình tham nhũng, lãng phí và các mặt tiêu cực khác vẫn còn rất nghiêm trọng trong các lĩnh vực quản lý xây dựng cơ bản, nhà đất, tài chính doanh nghiệp nhà nước, chi tiêu ngân sách và thi hành pháp luật. Bệnh quan liêu, xa dân, nói không đi đôi với làm vẫn còn khá nặng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và trong một số cơ quan lãnh đạo và quản lý. Điều đó cho thấy cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí cần được tiếp tục đẩy mạnh và bằng những biện pháp quyết liệt hơn.

Tạp chí Cộng sản: *Thưa đồng chí, về mặt công tác lý luận, có phải chúng ta đã triển khai trên một bình diện rộng, đề ra nhiều chương trình và đề tài nghiên cứu, đòi hỏi phải giải đáp rất nhiều vấn đề của cuộc sống nhưng kết quả đạt được chưa như mong muốn ?*

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh: Yêu cầu của chúng ta đối với công tác lý luận là phải thông qua nghiên cứu lý luận và nhất là tổng kết thực tiễn mà làm sáng tỏ hơn nữa những vấn đề của chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Kết quả nghiên cứu phải trực tiếp phục vụ cho việc xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong thời kỳ đổi mới, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định và chỉ đạo thi hành các chủ trương, chính sách, kế hoạch của Đảng và Nhà nước.

Trong tinh thần đó, từ sau Đại hội IX, phát huy những thành tựu lý luận đã đạt được, Bộ Chính trị đã giao cho Hội đồng Lý luận Trung ương và các cơ quan khoa học tiếp tục nghiên cứu nhiều vấn đề mới trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Có những vấn đề rất cơ bản như xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; xây dựng Đảng trong điều kiện mới... Cũng có những vấn đề rất cụ thể như làm thế nào để đổi mới và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp Nhà nước, vấn đề đảng viên có được làm kinh tế tư bản tư nhân hay không? v.v..

Mặt trận lý luận đã thu hút được đông đảo các nhà khoa học tham gia. Các chương trình và đề tài đều đang được triển khai và bước đầu đã có một số kiến nghị được chấp nhận trong quá trình Trung ương đưa ra các nghị quyết. Việc tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 20 năm đổi mới đang được tiến hành rất khẩn trương. Hy vọng rằng kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn sẽ có đóng góp tích cực cho Đại hội X của Đảng sắp tới.

Nghiên cứu lý luận nhất thiết phải gắn chặt với tổng kết thực tiễn, tách rời hai mặt đó ra là điều tối kỵ. Có phương pháp nghiên cứu đúng, có tự do tư tưởng và tính trung thực khoa học thì mới có sáng tạo. Vừa qua, có một số công trình nghiên cứu đã nghiệm thu hay chưa nghiệm thu chất lượng chưa cao. Có một số vấn đề rất bức xúc đòi hỏi lý luận cần phải giải đáp, nhưng các kết quả nghiên cứu lại chưa làm sáng tỏ. Đó là điều cần phải hết sức quan tâm. Tất nhiên, làm lý luận không phải là công việc của ngày một ngày hai. Cũng cần nói thêm rằng công

tác lý luận của Đảng không chỉ là nghiên cứu lý luận mà còn bao gồm cả việc giáo dục và phổ biến lý luận, đấu tranh về lý luận.

Tạp chí Cộng sản: *Thưa đồng chí, xin trở lại vấn đề công tác cán bộ. Những đổi mới được ghi nhận trong công tác này là gì và có những gì còn hạn chế? Gần đây, ta chú ý khá nhiều vào công tác luân chuyển cán bộ, kết quả như thế nào?*

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh: Đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ và thi hành chính sách đối với cán bộ đều là những khâu cơ bản trong công tác cán bộ của Đảng.

Đã có một sự chuyển biến tích cực cả về nhận thức và cách làm trong công tác cán bộ. Đã làm rõ hơn nội dung và phương thức thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, như trên tôi đã nói. Sự thống nhất lãnh đạo ấy tập trung vào cấp ủy đi đôi với việc phát huy trách nhiệm của tập thể thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ; thực hiện đúng và đầy đủ hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định trong công tác cán bộ. Công tác quy hoạch cán bộ được triển khai rộng rãi với cách làm dân chủ hơn. Công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý sớm được triển khai, thực hiện tương đối sâu, rộng và bước đầu đem lại kết quả tích cực. Đã khắc phục được một bước tình trạng đào tạo tại chức tràn lan, không theo quy hoạch, chất lượng không bảo đảm.

Chỗ yếu lớn là chiến lược cán bộ chậm được cụ thể hóa, cơ cấu cán bộ ở nhiều cấp còn bất hợp lý, quy chế về quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu trong

công tác cán bộ chưa xây dựng được, thủ tục hành chính trong công tác cán bộ còn rườm rà. Đánh giá cán bộ vẫn còn là khâu yếu, do chưa xây dựng được phương pháp và tiêu chí đánh giá cán bộ thật sự công tâm, khách quan và đáng tin cậy để phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài, kịp thời loại bỏ những phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất. Công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo cán bộ tuy đạt kết quả bước đầu nhưng chưa vững chắc, chưa đều, chưa được lãnh đạo một số bộ, ngành thực sự quan tâm chỉ đạo. Việc kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách cán bộ, các chế độ và quy chế công tác cán bộ còn nhiều hạn chế.

Kinh nghiệm chỉ ra rằng tùy tình hình cụ thể mà nhấn mạnh khâu này hay khâu khác, nhưng nhìn tổng thể có thực hiện một cách đồng bộ các khâu nói trên thì mới tạo ra được sự chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ.

Tạp chí Cộng sản: *Liên quan đến việc kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đồng chí có điều gì nhấn mạnh? Có điều gì cần nói thêm về phong cách "nói đi đôi với làm"?*

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh: Cho đến nay, tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị cơ bản đã được sắp xếp đúng định hướng của Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Trung ương 7, khóa VIII. Chức năng, nhiệm vụ, các mối quan hệ được xác định rõ hơn và bước đầu phát huy tác dụng. Ban Chấp hành Trung ương và các cấp ủy đảng ở địa phương đã rất quan tâm cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội, tập trung vào những vấn đề quan trọng, cơ bản, đồng thời chỉ đạo kịp thời hơn những vấn đề đột xuất mới phát sinh; làm việc có chương trình kế

hoạch từ đầu khóa, được bổ sung và điều chỉnh hợp lý; làm việc theo quy chế, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, cho nên đã bảo đảm tốt hơn sự đoàn kết, nhất trí trong các cấp ủy đảng, nhất là trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều đáng quan tâm là việc kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế nói chung vẫn chưa đạt yêu cầu; bộ máy vẫn còn cồng kềnh, biên chế vẫn tăng, thủ tục hành chính còn nhiều rườm rà, tệ sách nhiễu của một số viên chức nhà nước chưa giảm.

Trong thực hiện quy chế làm việc, chưa kịp thời cụ thể hóa một số vấn đề về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị như: quan hệ và lề lối làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Đảng đoàn Quốc hội trong công tác lập pháp và quyết định những vấn đề quan trọng; với Ban cán sự Đảng Chính phủ trong lãnh đạo một số mặt về kinh tế, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, công tác tổ chức cán bộ; quan hệ và lề lối làm việc giữa ban thường vụ cấp ủy với ban cán sự đảng ủy ban nhân dân, với các sở, ban, ngành...

Trong tác phong công tác, tôi đã nhiều lần nhấn mạnh: nói phải đi đôi với làm. Đó là điều Bác Hồ dạy. Cuộc đời của Bác là một tấm gương về nói đi đôi với làm. Đảng ta là Đảng hành động vì lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc. Nói mà không làm là trái với bản chất của Đảng. Tôi tha thiết đề nghị tất cả các cấp từ trung ương đến cơ sở, tất cả cán bộ, đảng viên đều phải thực hiện sự thống nhất giữa lời nói và việc làm. Chúng ta nghiêm khắc phê phán việc nói nhiều, làm ít, nói một đằng làm một nẻo, hay nói mà không làm.

Tạp chí Cộng sản: *Thưa đồng chí Tổng Bí thư, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng mấy năm tới là gì?*

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh: Hội nghị Trung ương lần thứ 9 quyết định các cấp ủy đảng từ trung ương đến cơ sở cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt hơn, bảo đảm cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thực sự là nhiệm vụ then chốt của Đảng, tạo sự chuyển biến đồng bộ trên các lĩnh vực: chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, đảng viên. Hội nghị Trung ương chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp cần thiết để thúc đẩy mạnh mẽ các mặt công tác đó. Trách nhiệm của chúng ta là thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng do Đại hội IX đề ra, nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, quyết tâm đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng từ trong nội bộ đảng để làm cơ sở cho cuộc đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực ngoài xã hội; làm tốt công tác chuẩn bị Đại hội lần thứ X của Đảng. Đó là quyết tâm lớn, cũng là một thử thách lớn về bản lĩnh lãnh đạo của Đảng ta.

Tôi mong rằng, với tư cách là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, Tạp chí Cộng sản sẽ bằng lý luận và thông qua công tác lý luận gắn liền với thực tiễn góp phần to lớn hơn nữa của mình vào việc thực hiện nhiệm vụ then chốt xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Nhân dịp Năm mới, tôi xin gửi đến Ban Biên tập, đến tất cả các đồng chí lãnh đạo, cán bộ biên tập, phóng viên, nhân viên, cộng tác viên và bạn đọc Tạp chí Cộng sản lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Tạp chí Cộng sản: *Xin cảm ơn đồng chí Tổng Bí thư.* □

TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA ĐẤT NƯỚC

ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG*

NGÀY nay, các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam đều đã nhìn nhận được ý nghĩa và vai trò quan trọng của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội. Nhận rõ được những tác động ngày càng to lớn của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển của nhân loại, sự phồn vinh và tăng trưởng của mỗi quốc gia, những cơ hội và thách thức mà nó đặt ra đối với Việt Nam, Đại hội IX của Đảng khẳng định: *Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn, vừa có bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến..., tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức.*

1 - Động lực khoa học và công nghệ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội

Cùng với khoa học tự nhiên, khoa học xã hội cũng đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Trên bình diện vĩ mô, khoa học xã hội cần ưu tiên hàng đầu việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về biến đổi cơ cấu xã hội, giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội, giữa các mối quan hệ xã hội và xây dựng các cơ chế thực hiện các chính sách xã hội hợp lý. Trên bình diện vi mô là hoàn thiện công nghệ quản lý và phát triển thị trường. Kinh nghiệm thành công của các nước mới công nghiệp hóa ở Đông Á và của gần 20 năm đổi

mới ở nước ta cho thấy, khoa học xã hội cần đưa ra được chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thích hợp của mỗi quốc gia, mặt khác phải góp phần xây dựng, thiết kế các chính sách vĩ mô khả thi và phù hợp nhằm thực hiện được chiến lược đã đề ra.

Với những biến đổi bước ngoặt của khoa học và công nghệ trong thế kỷ XX, loài người đã tạo ra một cơ sở vững chắc cho hệ thống công nghệ mới của nền sản xuất vật chất, chuẩn bị tiền đề để xuất hiện và đưa kinh tế tri thức vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Một đặc trưng của tiến trình biến đổi cách mạng này là những phát minh khoa học đều trực tiếp dẫn đến hình thành các nguyên lý công nghệ sản xuất mới, làm thay đổi về chất cách thức sản xuất chứ không chỉ về một công cụ kỹ thuật sản xuất như thời kỳ cách mạng công nghiệp trước đây.

Từ cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX, cách mạng khoa học đã phát triển ngày càng nhanh với những đặc điểm mới. Đó là cuộc cách mạng chủ yếu về công nghệ với sự ra đời của máy tính điện tử thế hệ mới được sử dụng trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế và đời sống xã hội. Việc áp dụng những công nghệ hoàn toàn mới đã tạo điều kiện cho những phát triển kinh tế - xã hội theo chiều sâu, giảm hẳn tiêu hao năng lượng và nguyên liệu, giảm tác hại cho môi trường, nâng

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương

cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển sản xuất. Khác với giai đoạn trước, máy móc thay thế lao động cơ bắp, trong giai đoạn cách mạng công nghệ tin học, máy tính đảm nhận nhiều chức năng của lao động trí óc. Đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đương đại này là diễn ra trên cơ sở những thành tựu của khoa học hiện đại, kết hợp chặt chẽ khoa học và công nghệ.

Trước kia, sự phát triển của khoa học và công nghệ hầu như độc lập với nhau. Mỗi quan hệ giữa chúng mới bắt đầu hình thành từ thế kỷ XVII, XVIII và ngày càng trở nên chặt chẽ. Đến nay, khoa học đã xác lập vị trí đi trước và vai trò chủ đạo của công nghệ. Việc đột phá vào thế giới vi mô của vật chất và sự sống đã tạo ra một hệ thống công nghệ mới khác hẳn về chất so với hệ thống công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp. Động lực đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của khoa học và công nghệ là thành quả tổng hợp của một phạm vi nghiên cứu ngày càng rộng lớn và liên ngành, bao trùm

không chỉ các ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ mà còn cả các ngành khoa học xã hội như kinh tế học, quản lý sản xuất, quản lý xã hội, tâm lý học...

2 - Khoa học và công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

Ngày nay, trên nhiều lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là kinh tế tri thức, khoa học và công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Đúng như C. Mác tiên đoán: *Tri thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp*. Các thành phố khoa học, công viên khoa học, khu công nghệ cao chính là môi trường với những điều kiện thuận lợi để cho khoa học, công nghệ và sản xuất nhập làm một. Trong các lĩnh vực công nghệ cao như công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, phòng thí nghiệm cũng chính là nhà máy, nhà khoa học đồng thời là nhà sản xuất, kinh doanh. Các loại dược phẩm mới, các vi mạch, các sản phẩm phần mềm tin học được sản xuất ra từ phòng thí nghiệm. Cùng một nơi, người ta nghiên cứu thực nghiệm rồi sản xuất đại trà; xưởng sản xuất cũng là một phòng thí nghiệm.



Một lớp học ngoại ngữ

Ảnh: TL

Một phân xưởng sản xuất vi mạch điện tử có các trang thiết bị và điều kiện giống như một phòng thí nghiệm hiện đại nhất.

Trước đây, khoa học được hiểu là lực lượng sản xuất với nghĩa khoa học tham gia vào quá trình sản xuất bằng việc tạo ra công nghệ, tạo ra phương pháp để phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất. Ngày nay, tri thức đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Đây là một thực tế kỳ diệu. Chính vì vậy, hiện nay tất cả các nước trên thế giới, từ các nước công nghiệp phát triển hàng đầu đến các nước đang phát triển đều chú trọng đầu tư cho cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Những nước có trình độ khoa học và công nghệ phát triển cao đầu tư cho khoa học từ 3% GDP trở lên, đóng góp của khoa học vào tăng trưởng nền kinh tế lên đến trên 80%, tức là hầu hết sản phẩm của xã hội đều do khoa học và công nghệ mang lại.

Nhờ có công nghệ mới mà nhiều ngành mới, nhất là trong các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ ra đời. Các ngành truyền thống được hiện đại hóa và tiếp tục phát triển. Cơ cấu nội bộ ngành sản xuất công nghiệp và dịch vụ thay đổi theo hướng giảm dần tỷ trọng và ý nghĩa của các ngành công nghiệp cổ điển như khai thác nguyên, nhiên liệu, sơ chế... Những công nghệ cũ tiêu hao nhiều tài nguyên và lao động dựa trên nền tảng điện - cơ khí được thay thế bởi các ngành công nghiệp cao cấp chủ yếu dựa trên nền tảng cơ - điện tử, tiêu hao rất ít nguồn lực "đầu vào", giảm sút tiêu hao nguyên vật liệu và năng lượng trên mỗi đơn vị tổng sản phẩm quốc nội. Trong khoảng thời gian từ 1965 đến 1985, công nghiệp Nhật Bản đã tăng lên 25 lần nhưng với mức tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng hầu như không thay đổi. Nguyên liệu và năng lượng chỉ chiếm chưa đến 50% giá trị sản xuất của ngành công nghiệp chế tạo. Trong ngành sản xuất vi bán dẫn, nguyên liệu và năng lượng chỉ chiếm 2% so với 98% chất xám trong tổng chi phí sản xuất.

Phát triển mạnh nhất là các ngành sản xuất và dịch vụ dựa chủ yếu vào tri thức và công nghệ cao - những ngành kinh tế tri thức hay còn gọi là kinh tế mới - với giá trị tăng thêm ngày càng được tạo ra bởi các yếu tố vô hình như sáng chế, phát minh, thiết kế mẫu mã, tiếp thị, dịch vụ tài chính, quản lý kinh doanh... Giá trị tăng thêm của các yếu tố đầu vào là vật chất và nguyên liệu trung gian ngày càng giảm đi. Hiện nay, giá trị tài sản vật chất của các công ty ở Mỹ và Châu Âu nói chung chỉ chiếm khoảng 25% tổng giá trị của công ty. Phần lớn giá trị của các công ty này phản ánh các yếu tố vô hình kể trên.

Sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã tạo ra sự phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất, rút ngắn thời gian, giảm dần ý nghĩa khoảng cách không gian, thúc đẩy phân công lao động quốc tế ngày càng sâu rộng, phát triển nhanh chóng mạng dịch quốc tế, đầu tư và tích tụ tập trung tư bản trên phạm vi toàn cầu dẫn đến hình thành nền kinh tế thế giới nhất thể hóa, toàn cầu hóa hiện nay.

Tự do hóa thị trường vốn toàn cầu sẽ tạo cơ hội cho nhiều nước đang phát triển có thể đi con đường tăng trưởng nhanh và thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển nếu biết tận dụng cơ hội và đưa ra những chính sách, chiến lược kinh tế và khoa học - công nghệ thích hợp. Nhưng đồng thời cũng làm gia tăng sự lệ thuộc của các nước này vào các cường quốc. Sự phát triển các giao dịch thương mại điện tử được thực hiện thông qua mạng in-tơ-nét cho phép hạ thấp các hàng rào chắn và chi phí đi vào thị trường. Kết quả là từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ đến các công ty xuyên quốc gia đều có thể tham gia thị trường toàn cầu. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp của các nước đang phát triển có thể khắc phục được nhiều trở ngại về các mặt kết cấu hạ tầng, vốn và vận tải, nhưng cũng phải chịu sự cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt.

Với tính cách là những thực thể chính trị và kinh tế mạnh nhất toàn cầu ngày nay, các công ty đa quốc gia đã thiết lập hệ thống các chi nhánh trải rộng trên thế giới phụ thuộc vào công ty mẹ dẫn đến việc lôi cuốn các nước có chi nhánh phải tham gia vào vòng chu chuyển của tư bản xuyên quốc gia. Hoạt động cùng một lúc trên phạm vi nhiều nước trên thế giới, các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu. Với 57 000 công ty mẹ gần 500 000 chi nhánh, các công ty xuyên quốc gia đang kiểm soát 80% công nghệ mới, 40% nhập khẩu, 60% xuất khẩu, 90% đầu tư trực tiếp nước ngoài, sử dụng 34,5 triệu lao động và có mặt ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Với mục tiêu đạt được lợi nhuận siêu ngạch, các công ty xuyên quốc gia luôn tập trung phát triển khoa học và công nghệ, tiếp tục mở rộng kinh doanh trên phạm vi toàn cầu để triệt để khai thác các cơ hội đầu tư. Dòng vốn đầu tư trực tiếp (FDI) ngày càng đổ về những nước có nguồn nhân lực với lợi thế về trí tuệ và tay nghề cao. Các công ty xuyên quốc gia đã có vai trò thúc đẩy sự phồn thịnh đến một mức độ nhất định ở các nước đang phát triển, nhưng sau đó bằng việc bòn rút lợi nhuận đã làm cạn kiệt nhanh chóng nguồn tài nguyên và ô nhiễm nghiêm trọng môi trường sinh thái ở những nước này.

3 - Tăng cường năng lực khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, quá trình tăng cường trình độ công nghệ và kỹ thuật tiến triển theo cả hai hướng: tăng cường công nghệ và kỹ thuật trong từng ngành sản xuất và chuyển dịch cơ cấu sản xuất sang những ngành có hàm lượng khoa học và công nghệ cao - cũng chính là những ngành có giá trị gia tăng lớn.

Sự tiến bộ công nghệ của nền kinh tế được thực hiện bằng cách nhập khẩu công nghệ ở nước ngoài và tự phát triển, sáng tạo ra công

nghệ tiên tiến. Trong thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở một nước đang trong quá trình phát triển như Việt Nam, thì nhập khẩu công nghệ tiên tiến ở nước ngoài là phương pháp vừa tiết kiệm thời gian, vừa tiết kiệm chi phí nếu lựa chọn đúng những công nghệ tiên tiến, thích hợp, với giá thành hạ trong quá trình nhập khẩu. Điều này được gọi là lợi thế đi sau của các nước đang phát triển do không bắt buộc phải trải qua hành trình tiến bộ công nghệ như các nước phát triển.

Vấn đề nhập công nghệ tiên tiến đòi hỏi chi phí đầu tư lớn trong khi khả năng nguồn vốn của nền kinh tế còn hạn hẹp. Vì vậy, trong quá trình nhập khẩu kỹ thuật và công nghệ, chúng ta phải nhanh chóng đẩy mạnh việc tiếp thu và phát triển khả năng tự chế tạo và tiến tới sáng tạo công nghệ. Khả năng sáng tạo công nghệ là con đường duy nhất để Việt Nam cũng như các nước đang phát triển đuổi kịp và vượt trình độ của các nước công nghiệp phát triển, nhờ vậy mới có thể giảm bớt những khoản chi phí tốn kém cho việc nhập khẩu những công nghệ tiên tiến. Khả năng sáng tạo công nghệ dựa trên cơ sở nghiên cứu khoa học tự nhiên và công nghệ ứng dụng. Nó phụ thuộc vào tiềm năng trí tuệ của dân tộc và đòi hỏi một chính sách đầu tư lâu dài liên tục và đúng phương hướng vào khoa học và công nghệ của đất nước.

Như tất cả các nước đang phát triển có nguồn lực còn hạn chế, nước ta muốn vượt được khó khăn trong quá trình đầu tư hiện đại hóa công nghệ và kỹ thuật phải tích lũy và sử dụng tối ưu nguồn vốn. Trong thời kỳ đầu, chúng ta đã tập trung vốn vào các ngành kinh tế với công nghệ và kỹ thuật chưa phải tiên tiến và đòi hỏi nguồn vốn thấp để phát huy lợi thế so sánh về lao động so với các nước phát triển hơn. Tuy nhiên, để vượt qua trạng thái dè dặt của nền kinh tế có trình độ công nghệ thấp, trong thời gian tới chúng ta phải có chiến lược nâng cao trình độ khoa học để tối ưu hóa chất lượng sản phẩm và hiệu quả của nền kinh tế. Đây chính là mô hình

phát triển "xuất khẩu tinh tiến" bằng động lực khoa học và công nghệ.

Việc nâng dần trình độ công nghệ và kỹ thuật của nền kinh tế phải được thực hiện đồng thời bằng hai quá trình. *Thứ nhất*, nâng dần trình độ công nghệ và kỹ thuật của các ngành sản xuất đã có để phá vỡ trạng thái dừng của các ngành này, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sản lượng và thu nhập lao động. *Thứ hai*, chuyển dịch dần cơ cấu sản xuất sang các ngành có trình độ khoa học và công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn.

Quá trình thứ nhất diễn ra một cách tự nhiên trong sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước trong cùng một ngành. *Quá trình thứ hai* đòi hỏi phải có một sự định hướng đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong chính sách ưu đãi ngành sản xuất, giáo dục và đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học và công nghệ, đi trước một bước tương ứng với quá trình đột phá và dịch chuyển của nền kinh tế lên trình độ công nghệ cao hơn. Trong mỗi thời kỳ phát triển, ngành sản xuất chủ yếu đang nắm giữ lợi thế so sánh của nền kinh tế có nhiệm vụ xuất khẩu và tích lũy vốn, trong khi đó ngành sản xuất mũi nhọn được bảo hộ tương đối trong chiến lược nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế. Những ngành mũi nhọn này có nhiệm vụ đột phá về công nghệ của nền sản xuất trong nước, và đến khi đã trưởng thành chúng phải đứng vững trong cuộc cạnh tranh quốc tế, đặt nền tảng cho việc mở rộng cơ cấu xuất khẩu ở trình độ công nghệ cao hơn và chuyển thành ngành sản xuất chủ yếu. Lúc đó lại xuất hiện những ngành mũi nhọn mới có nhiệm vụ tiếp tục nâng cao hơn nữa trình độ công nghệ của nền sản xuất trong nước, tạo thành quá trình "xuất khẩu tinh tiến" liên tục với các sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng khoa học và công nghệ ngày càng cao hơn. Vì vậy, việc lựa chọn đầu tư ngành mũi nhọn và phát triển khoa học và công nghệ phù hợp có ý nghĩa chiến lược trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tạo điều kiện cho

quá trình tăng trưởng liên tục của nền kinh tế đất nước.

Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta phải thực hiện đồng thời hai quá trình là chuyển từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và nâng cao trình độ khoa học và công nghệ của cả hai lĩnh vực này cùng với lĩnh vực dịch vụ của nền kinh tế. Tăng cường năng lực khoa học và công nghệ của đất nước để bắt kịp và làm chủ công nghệ hiện đại. Sự thành công của công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn phụ thuộc vào việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế kết hợp với tăng cường các yếu tố năng lực nội sinh của dân tộc như văn hóa, giáo dục, khoa học. Không có đủ tri thức, không có đủ năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ thì trong quá trình hội nhập đất nước sẽ bị thua thiệt, bị bóc lột, chèn ép và sẽ trở thành bãi thải công nghệ của các nước khác.

Công nghiệp hóa và hiện đại hóa là sử dụng tri thức và khoa học - công nghệ mới nhất để phát triển nền kinh tế, chuyển nền kinh tế từ tình trạng năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp sang nền kinh tế năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Nước ta tuy còn ở trình độ phát triển chưa cao, nhưng tiềm năng trí tuệ của con người Việt Nam không thua kém những nước mới công nghiệp hóa thành công ở châu Á. Con người Việt Nam tiếp thu và làm chủ các tri thức mới, công nghệ mới rất nhanh; một số lĩnh vực mới hình thành đã sử dụng công nghệ mới nhất và theo kịp trình độ thế giới. Nếu chỉ dựa vào tài nguyên, vốn, lao động và theo cách nghĩ, cách làm công nghiệp hóa trước đây thì bài toán đặt ra về rút ngắn khoảng cách sẽ không có lời giải mang tính tích cực và hiệu quả cao.

Với tiềm năng trí tuệ, tinh thần sáng tạo, ý chí và bản lĩnh kiên cường của cả dân tộc và đặc biệt là của đội ngũ các nhà khoa học, tiếp tục tăng cường năng lực khoa học và công nghệ, chúng ta nhất định sẽ thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn, đạt tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM 2003

NGUYỄN SINH CÚC*



1- NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT

Kinh tế tăng trưởng cao, nền tài chính quốc gia lành mạnh

Năm 2003 nền kinh tế nước ta phát triển trong điều kiện khó khăn: hạn hán kéo dài, lũ lụt xảy ra trên diện rộng ở đồng bằng sông Hồng và duyên hải miền Trung, dịch SARS tác động xấu tới du lịch, hàng không, thị trường xuất khẩu biến động mạnh... nhưng Đảng và Nhà nước đã có những giải pháp kịp thời, đúng đắn, đưa nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng cao. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tăng 7,24% so với năm 2002 (khu vực công nghiệp tăng 10,28%, nông nghiệp tăng 3,19%, dịch vụ tăng 6,63%) đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra và là mức tăng trưởng cao nhất trong 6 năm qua (1998 tăng 5,71%; 1999 tăng 4,77%; 2000 tăng 6,79%; 2001 tăng 6,89% và 2002 tăng 7,04%). Kết quả này khẳng định rằng: kinh tế nước ta đã lấy lại đà tăng trưởng, chất lượng vững vàng hơn.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP tăng nhanh, từ 36,73% (năm 2000); lên 38,13% (năm 2001) tới 38,55% (năm 2002) và lên 40% (năm 2003). Tỷ trọng nông nghiệp giảm dần, từ 24,53%; 23,24%; 22,99% và 21,6% trong các năm tương ứng, nhưng giá trị tuyệt đối của khu vực này đều tăng so với các năm trước. Tỷ trọng khu vực dịch vụ ổn định ở mức 38,74%; 38,63%; 38,46% và 38,01%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng: tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước có giảm dần do quá trình cổ phần hóa và phát triển mạnh khu vực ngoài quốc doanh, nhưng vẫn ở mức 38% và giữ vai trò chủ đạo. Tỷ trọng kinh tế ngoài quốc doanh chiếm trên 48% GDP lại tăng nhanh do tác động tích cực của Luật Doanh nghiệp và kinh tế có vốn FDI đạt khoảng 14% GDP, so với 13,91% năm 2002 và 13,75% năm 2001.

* PGS. TS, Tổng cục Thống kê

Kinh tế tăng trưởng cao nên thu ngân sách nhà nước năm 2003 ước đạt trên 132 500 tỉ đồng, tăng 11,3% so với năm 2002 và vượt dự toán 7,1%. Nét mới của năm 2003 là các nguồn thu có tỷ trọng lớn đạt tốc độ tăng cao: Thu nội địa là 69 700 tỉ đồng, tăng 16,4%; thu từ dầu thô vượt 13% so với dự toán; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu vượt 6,1%. Cơ cấu nguồn thu chuyển nhanh sang công nghiệp và dịch vụ. Kết quả đó đạt được trong bối cảnh phải thực hiện nhiều chính sách miễn giảm mức động viên để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tăng tích tụ, phát triển sản xuất kinh doanh, miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp trên diện rộng, hoàn thuế cho hàng xuất khẩu, giảm thu phí và lệ phí... là rất có ý nghĩa. Chi ngân sách tăng trên 10% so với năm 2002, trong đó gần 70% chi cho đầu tư phát triển. Các khoản chi cho giáo dục đào tạo, sự nghiệp y tế, bảo hiểm xã hội, văn hóa - thông tin đều tăng so với năm 2002. Một số khoản chi đột xuất lớn như điều chỉnh lương tối thiểu từ 210 nghìn đồng lên 290 nghìn đồng từ đầu năm; chi tổ chức SEA Games 22, hỗ trợ các tỉnh bị thiên tai... Bội chi ngân sách cả năm đảm bảo trong phạm vi Quốc hội cho phép và trên 70% được bù đắp bằng các khoản vay trong nước (trái phiếu giáo dục, trái phiếu chính phủ). Cân đối thu - chi ngân sách nhà nước được giữ vững, nền tài chính quốc gia lành mạnh. Hoạt động ngân hàng khởi sắc toàn diện, giá trị tiền đồng Việt Nam được giữ vững. Các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng của các thành phần kinh tế đều hoạt động có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu vốn của nền kinh tế.

Sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao, vượt mục tiêu kế hoạch.

Tốc độ tăng giá trị sản xuất toàn ngành năm 2003 ước đạt trên 16%, vượt so kế hoạch Quốc hội đề ra (tăng 14 - 14,5%) và cao hơn hẳn 2 năm trước đó (năm 2001 tăng 14,6%; năm 2002 tăng 14,8%). Xu hướng tăng trưởng khá vững chắc, quý sau cao hơn quý trước. Tốc độ tăng trưởng cao ở tất cả các thành phần, khu vực kinh tế. Khu vực nhà nước tăng 12,3%, cao

hơn năm 2002 (12,1%), trong đó trung ương quản lý tăng 12,5%. Nhiều ngành sản xuất và sản phẩm công nghiệp quốc doanh đã tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước mà điểm sáng nổi bật là ngành than đã hoàn thành kế hoạch năm 2005 trước 2 năm. Năm 2003 đã khai thác trên 18 triệu tấn than, tăng 19% trong đó xuất khẩu trên 6,3 triệu tấn, tăng 15% so với năm 2002. Các sản phẩm công nghiệp nhà nước tăng tốc trong năm nay là: ô-tô lắp ráp 80%; quạt điện dân dụng 37,6%; động cơ đi-ê-zen 31,5%; quần áo dệt kim 51%; quần áo may sẵn 22,5%; đường mật 60%; sữa hộp 25%. Hiệu quả sản xuất của nhiều doanh nghiệp đã tăng lên so với các năm trước do đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa quy trình sản xuất, giảm chi phí trung gian.

Nét nổi bật nhất là công nghiệp ngoài quốc doanh, chiếm tỷ trọng trên 26,5% và tăng trưởng ngoạn mục: năm 2003 ước tăng hơn 18,6%, cao hơn cả khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và khu vực doanh nghiệp nhà nước. Có 11 tỉnh, thành phố đạt tốc độ tăng trưởng trên 20%, trong đó cao nhất là Vĩnh Phúc 48,6%; Cần Thơ 48,3%. Năm 2003, cả nước có gần 14 nghìn doanh nghiệp công nghiệp ngoài quốc doanh và 800 hộ sản xuất cá thể thu hút trên 2,5 triệu lao động (riêng hộ cá thể có 1,5 triệu) với số vốn hàng nghìn tỉ đồng, góp phần quan trọng vào tăng trưởng sản xuất của công nghiệp cả nước. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng gần 38%, năm 2003 vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao, khoảng trên 18,5% so với năm 2002.

Đầu tư xây dựng có nhiều tiến bộ

Tiến độ thực hiện vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước tập trung nhanh hơn hẳn năm 2002. Đến cuối tháng 11, đạt 102,1% kế hoạch cả năm 2003, trong đó trung ương đạt 108,8%. Hàng loạt công trình xây dựng của các ngành: công nghiệp, giao thông, nông nghiệp, thủy lợi, kết cấu hạ tầng... triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng: đường Hồ Chí Minh; hầm qua đèo Hải Vân, nâng cấp

quốc lộ 1A, các công trình phục vụ SEA Games 22.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài có dấu hiệu phục hồi. Tính đến cuối tháng 11-2003 đã có 584 dự án được cấp giấy phép với số vốn đầu tư 1 439,7 triệu USD, xấp xỉ mức cả năm 2002, nếu tính cả vốn tăng thêm của các dự án cũ thì số vốn đầu tư ước đạt trên 2 tỉ USD, tăng 25% so với cùng kỳ. Tính chung từ năm 1988 đến cuối tháng 11-2003 nước ta đã thu hút trên 3 700 dự án với tổng số vốn đăng ký trên 46 tỉ USD, trong đó vốn thực hiện trên 23 tỉ USD. Khu vực này đã chiếm 25% vốn đầu tư toàn xã hội, ước tính năm 2003 tạo ra 36% giá trị sản xuất công nghiệp; 50% kim ngạch xuất khẩu, trên 13% GDP, 19% ngân sách nhà nước và tạo việc làm cho trên nửa triệu lao động.

Vượt qua thiên tai, nông nghiệp vẫn được mùa

Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt gần 37,5 triệu tấn, tăng 558 nghìn tấn (1,5%) so với năm 2002 và là mức cao nhất từ trước đến nay. Những nét mới của năm 2003 là cơ cấu sản lượng lương thực đã chuyển dịch theo hướng tích cực: vừa đa dạng hóa, vừa tăng chất lượng sản phẩm để đáp ứng tốt hơn yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Tỷ trọng ngô trong sản lượng lương thực tăng từ 6,2% (năm 2001) lên 6,8% (năm 2002) và 7,6% (năm 2003). Sản xuất ngô có bước phát triển đột biến: diện tích đạt 894 nghìn ha, tăng 9,6%, năng suất đạt 31,9 tạ/ha tăng 3,5% và sản lượng đạt 2 848,6 nghìn tấn, tăng 13,4% so với năm 2002, là mức tăng cao nhất từ trước đến nay cả về sản lượng và tốc độ. Điều đó đã đáp ứng được yêu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thức ăn gia súc mà các năm trước phải nhập khẩu. Đó cũng là một nét khởi sắc trong chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong ngành trồng trọt, phù hợp với tinh thần Nghị quyết 09 của Chính phủ. Sản xuất lúa tiếp tục phát triển theo hướng: giảm dần diện tích, tăng năng suất và chất lượng lúa gạo. Diện tích lúa cả năm đạt 7 443,6 nghìn ha, giảm

60 nghìn ha, năng suất đạt 46,6 tạ/ha, tăng 0,7 tạ/ha và sản lượng tăng 222 nghìn tấn so với năm 2002 và đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Tuy tỷ trọng lúa trong sản lượng lương thực giảm từ 93,8% (năm 2001); xuống 93,2% (năm 2002) và còn 92,4% (năm 2003) nhưng lượng tuyệt đối vẫn tăng. Sản lượng lúa tăng là do tăng năng suất cũng là một nét mới, tiến bộ hơn các năm trước. Kết quả đó đạt được trong điều kiện thời tiết không thuận ở các vùng trọng điểm lúa là thắng lợi lớn của sản xuất lương thực. Nguyên nhân tăng năng suất lúa năm 2003 cũng có những nét mới là việc sử dụng rộng rãi công nghệ sinh học, chủ yếu là các giống chất lượng tốt; áp dụng hệ thống canh tác tiên tiến, giảm sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu... Các địa phương đã thực hiện chủ trương mở rộng diện tích lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu gạo, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Sản lượng gạo xuất khẩu cả năm ước đạt 4 triệu tấn. An ninh lương thực quốc gia bảo đảm, thị trường, giá cả lương thực trong nước ổn định, kể cả những vùng bị thiên tai nặng. Sản xuất các cây rau, đậu, cây công nghiệp, cây ăn quả, đều có tiến bộ so với các năm trước. Sản lượng rau tăng 8,8%, sản lượng đậu tăng 9%, đỗ tương tăng 9,2%, bông tăng 18,8%, cói tăng 12%, hồ tiêu tăng 56%; điều tăng 28,7%, cao-su tăng 6,9%, chè tăng 6,3%, nho tăng 43%, bưởi tăng 41%, chuối tăng 26%, xoài tăng 19,5 %, cam quýt tăng 14%, do nhiều hộ nông dân đã chuyển đất lúa năng suất thấp sang trồng cây ăn quả. Chăn nuôi tiếp tục phát triển nhanh. Đàn bò đạt trên 4,4 triệu con, tăng 8,2%, trong đó đàn bò sữa đạt gần 56 nghìn con, tăng 41,8%; đàn lợn đạt gần 25 triệu con, tăng 7,5% và đàn gia cầm đạt 254 triệu con tăng 9% so với năm 2002. Sản lượng thịt các loại đạt trên 2,3 triệu tấn, tăng 8,3% so với năm 2002. Chăn nuôi đã có bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa. Nhờ đó, tốc độ tăng trưởng ngành chăn nuôi năm 2003 ước đạt trên 8,3% so với 3,2% của ngành trồng trọt. Cơ cấu

sản xuất nông nghiệp đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, giảm tỷ trọng trồng trọt. Tuy nhiên, tốc độ chuyển dịch còn chậm và chưa đều.

Sản xuất lâm nghiệp tuy gặp nhiều khó khăn như thời tiết khô hạn, mưa lũ và sâu bệnh (sâu róm) nhưng cũng có tiến bộ. Giá trị sản xuất tăng 1,1% so với năm 2002. Diện tích rừng trồng tập trung theo chương trình 5 triệu ha rừng đạt 200 nghìn ha, trong đó có một số vùng tăng khá: đồng bằng sông Cửu Long - 12,6%; Đông Bắc - 3,7%; Tây Bắc - 4,7%. Diện tích rừng bị cháy giảm 60%, bị phá giảm 51% so với năm 2002.

Thủy sản phát triển theo hướng bền vững, tăng trưởng cao

Năm 2003 đánh dấu những bước tiến mới trong sản xuất thủy sản theo hướng tăng trưởng với tốc độ cao nhưng bền vững, gắn sản xuất với chế biến và xuất khẩu. Tổng sản lượng thủy sản cả năm ước đạt 2 794,8 nghìn tấn, tăng 147,4 nghìn tấn so với năm 2002, là mức cao nhất từ trước đến nay. Nét mới trong sản xuất thủy sản năm 2003 là cơ cấu sản phẩm đã có bước chuyển đổi tích cực: tỷ trọng thủy sản nuôi trồng tăng từ 29,1% (năm 2001) và 31,6% (năm 2002) lên 34,5% (năm 2003), tỷ trọng thủy sản đánh bắt giảm từ 70,9% và 68,4% xuống 65,5% trong thời gian tương ứng. Kết quả đó cho thấy chủ trương đổi mới cơ cấu sản xuất trong ngành thủy sản đã chuyển từ khai thác nguồn lợi sẵn có của thiên nhiên sang nuôi trồng thủy sản trên cơ sở khai thác, sử dụng các tiềm năng và thế mạnh về diện tích mặt nước và nguồn lao động hiện có, để phát triển sản xuất, phù hợp với chủ trương bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Thị trường, giá cả ổn định, xuất khẩu vượt mục tiêu kế hoạch, du lịch khởi sắc

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ cả năm ước đạt 338 nghìn tỉ đồng, tăng 12% so với năm 2002, cao hơn tốc độ tăng

của 2 năm 2001 và 2002(11%), trong đó tăng nhanh nhất là khu vực tư nhân, 26,4%, tiếp đến là tập thể 24,1%. Về cơ cấu: khu vực tư nhân cá thể chiếm 80%; Nhà nước 17%, đầu tư nước ngoài 1,8% và tập thể 0,8%. Giá cả ổn định, chỉ số giá tiêu dùng tháng 11-2003 tăng 2,3% so với tháng 12-2002 và ước cả năm 103%, đạt mục tiêu đề ra (lạm phát dưới 5%).

Xuất khẩu tiếp tục lấy lại nhịp độ tăng tốc

Sau 2 năm tăng chậm, nên năm 2003 Quốc hội chỉ đặt mục tiêu khiêm tốn, tăng 7,5% - 8% so với năm 2002, nhưng kết thúc cả năm, kim ngạch xuất khẩu ước đạt trên 19,5 tỉ USD, tăng trên 16,7%. Đó thực sự là điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam năm 2003. Đây là năm đầu tiên chúng ta hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tăng trưởng xuất khẩu bình quân 16%/năm. Nhìn tổng thể, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực năm nay đều tăng trưởng cao, trong đó đáng chú ý là: hàng dệt may ước đạt 3,45 tỉ USD, chiếm tỷ trọng lớn nhất (17,7%). Ba mặt hàng khác có kim ngạch trên dưới 2 tỉ USD đều tăng khá: dầu thô 16,5%; thủy sản 13%; giày dép 21%. Một số mặt hàng có tốc độ tăng cao là: dây điện và dây cáp điện 61%; sản phẩm gỗ 35,2%; xe đạp và phụ tùng xe đạp 38,2%; cà-phê 48%; cao-su 52%; điện tử, máy tính 39%, hạt điều 36%... Kim ngạch xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt trên 10 tỉ USD và gần 39% so với năm 2002, trong đó dầu thô tăng 17%, hàng hóa khác tăng 39%. Kim ngạch nhập khẩu cả năm ước đạt 24,5 tỉ USD, tăng 24,3% so với năm 2002.

Nhập siêu trên 4,5 tỉ USD, bằng 23,8% kim ngạch xuất khẩu. Nhập siêu khu vực kinh tế trong nước ước đạt trên 5,7 tỉ USD, khu vực FDI xuất siêu trên 1,2 tỉ USD. Nhập siêu tuy cao nhưng chủ yếu là tư liệu sản xuất, nguyên, nhiên liệu.

Hoạt động du lịch tuy gặp khó khăn do ảnh hưởng của SARS nhưng có nhiều tiến bộ.

Ngành du lịch đã có nhiều chủ trương và giải pháp tích cực trong việc đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao chất lượng phục vụ. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam tuy không đạt kế hoạch nhưng năm 2003 ước đạt trên 2,3 triệu lượt khách. Sự khởi sắc của du lịch trong những tháng cuối năm đã báo hiệu sự hồi phục trong năm 2004.

Các mục tiêu phát triển xã hội đều đạt và vượt kế hoạch

Do kinh tế tăng trưởng cao, thị trường giá cả ổn định nên đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp dân cư được cải thiện. Tất cả các chỉ tiêu phát triển xã hội đều đạt và vượt kế hoạch do Quốc hội đề ra: giảm tỷ lệ hộ đói nghèo từ 14% (năm 2002) xuống dưới 12,5% (năm 2003); tỷ lệ hộ thiếu đói giáp hạt ở khu vực nông thôn giảm 45% trong điều kiện thiên tai nặng trên diện rộng; tiền lương tối thiểu của viên chức khu vực hành chính sự nghiệp đã được điều chỉnh từ 210 nghìn đồng lên 290 nghìn đồng/tháng từ đầu năm; tạo việc làm mới cho 1,5 triệu lao động; xuất khẩu lao động vượt kế hoạch đề ra; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống 28% và giảm tỷ suất sinh xuống còn 0,04%. Hệ số chênh lệch về thu nhập giữa các bộ phận dân cư có hướng thu hẹp, công bằng xã hội được bảo đảm. Công tác đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ các đối tượng chính sách, giúp đỡ người nghèo, vùng bị thiên tai, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng cao được Nhà nước đặc biệt quan tâm, các ngành các cấp và nhân dân tích cực hưởng ứng. Hàng nghìn tỉ đồng đã được Nhà nước, các đoàn thể xã hội và nhân dân trợ giúp các tỉnh bị hạn hán lũ lụt nặng để nhân dân vùng này sớm ổn định sản xuất và đời sống. Các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao, tiếp tục phát triển cả bề rộng và chiều sâu, trong đó thành công nổi bật là Việt Nam đã là nước đầu tiên thành công trong khống chế và đẩy lùi dịch SARS. An ninh chính trị và trật tự xã hội được

giữ vững, bộ mặt đất nước đổi thay theo hướng văn minh, hiện đại ở cả thành thị đến nông thôn. Năm 2003 đã có thêm hàng trăm xã vùng sâu, vùng xa có điện lưới quốc gia. Số máy điện thoại tăng 80%, máy thuê bao in-tơ-nét tăng 30%. Đến nay 100% số huyện, 89% số xã đã có điện lưới quốc gia, hơn 6 000 xã có điểm bưu điện văn hóa xã, 50% số hộ nông thôn dùng nước sạch. Hệ thống đường giao thông nông thôn được nâng cấp, phong trào kiên cố hóa kênh mương thủy lợi phát triển rộng khắp, nhiều trường học, trạm y tế được xây dựng mới theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Uy tín của Việt Nam trên thế giới và khu vực được nâng cao hơn bao giờ hết.

Điều đó được chứng minh rõ ràng trong thực tế cuộc sống, qua sự đổi thay của đất nước từ nông thôn đến thành thị và nhất là qua đánh giá của các tổ chức quốc tế. IMF và WB đều đánh giá cao thành tựu kinh tế - xã hội của Việt Nam năm 2003. Tại cuộc họp thường niên ở Đu-bai vừa qua, IMF đã xếp Việt Nam vào nhóm nước tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới; và WB đánh giá: Việt Nam đã thành công trong xóa đói giảm nghèo. Thực tế đó còn được khẳng định một cách hùng hồn qua thắng lợi rực rỡ của SEA Games 22 mà Việt Nam là nước chủ nhà đã tổ chức "rất tuyệt vời", rất ấn tượng, như đánh giá của các quan chức thể thao quốc tế, trưởng đoàn và các vận động viên các nước trong khu vực. Và điều bất ngờ, đây là lần đầu tiên nước ta được xếp thứ nhất toàn đoàn về số lượng huy chương các loại cũng như huy chương vàng trong Đại hội SEA Games.

2 - NHỮNG HẠN CHẾ VÀ NHƯỢC ĐIỂM

Bên cạnh những thành tựu đạt được trên đây, tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2003 cũng còn những hạn chế và nhược điểm. Trước hết, tốc độ tăng GDP chưa đều và chưa thật vững. Chi phí trung gian cao, chất lượng sản

phẩm hàng hóa tuy có tiến bộ, nhưng nói chung còn thấp nên sức cạnh tranh còn hạn chế. Điều đó thể hiện ở hầu hết các ngành sản xuất và hoạt động dịch vụ. Trong công nghiệp, tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 16%, nhưng GDP chỉ tăng trên 10,2% và đóng góp hơn 3,1% cho tốc độ tăng trưởng kinh tế là quá ít. Một số địa phương có tỷ trọng lớn trong sản xuất công nghiệp lại tăng chậm như Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Thọ... Trong khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản, sản xuất lâm nghiệp vẫn chưa ra khỏi tình trạng trì trệ. Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng vẫn không đạt kế hoạch hằng năm. Do vậy, tốc độ tăng trưởng toàn ngành lâm nghiệp năm 2003 chỉ đạt 1,1%. Nông nghiệp tuy được mùa nhưng chưa vững. Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 4%, chưa đạt kế hoạch. Cơ cấu sản xuất tuy có chuyển dịch nhưng còn chậm. Chương trình đánh bắt hải sản xa bờ không đạt mục tiêu đề ra, tình trạng không thu hồi được vốn vẫn diễn ra phổ biến. Tốc độ tăng giá trị sản xuất khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản cả năm ước đạt 4,72%, thấp hơn kế hoạch đề ra (5%). Trong xây dựng cơ bản, vẫn còn xu hướng đầu tư dàn trải. Thất thoát, lãng phí vẫn còn lớn nhưng khắc phục chậm. Đầu tư nước ngoài tuy đã phục hồi nhưng chưa đạt yêu cầu đề ra. Xuất khẩu tuy tăng trưởng cao nhưng hiệu quả chưa tăng tương ứng, rõ nhất trong ngành dệt may. Với kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt 3,45 tỉ USD, thuộc loại "đầu vị", tăng 25,36% so 2002, nhưng tốc độ này lại phụ thuộc quá lớn vào nguyên liệu nhập khẩu. Kim ngạch nhập khẩu 4 mặt hàng phục vụ ngành dệt may là bông, sợi, vải và nguyên phụ liệu dệt may, năm 2002 là 3,118 tỉ USD, năm 2003 tăng lên 4,152 tỉ USD. Rõ ràng là, để có 1 USD hàng dệt may xuất khẩu, chúng ta phải nhập khẩu ngày càng nhiều vật tư và phụ liệu hơn, đóng góp của xuất khẩu cho tăng trưởng kinh tế trong nước bị hạn chế. Tình hình tương tự cũng

diễn ra ở một số sản phẩm khác như điện tử, tin học, da giày... nên hiệu quả xuất khẩu chưa cao. Về tài chính, thiếu sót lớn nhất trong năm 2003 là tình trạng buôn lậu, trốn thuế còn lớn, thất thu còn nhiều. Chi ngân sách còn lãng phí, sai chế độ về mua sắm xe ô-tô con, xây dựng trụ sở, thanh toán cước phí điện thoại công vụ lên tới hàng nghìn tỉ đồng. Một số vấn đề xã hội vẫn còn nhiều bức xúc, trong đó nổi cộm vẫn là tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm của lao động nông thôn; các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy; tai nạn và ùn tắc giao thông. Hoạt động y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường vẫn còn nhiều bất cập, tình trạng quản lý thuốc chữa bệnh có nhiều yếu kém đã đẩy giá thuốc lên cao một cách giả tạo, làm thiệt cho người tiêu dùng.

Nguyên nhân của những hạn chế và yếu kém trên đây có nhiều. Về khách quan, kinh tế thế giới hồi phục chậm, chiến tranh I-rắc, xung đột ở Trung Đông... đã tác động tiêu cực đến thị trường xuất khẩu hàng hóa, lao động của Việt Nam. Ở trong nước thiên tai dồn dập trên diện rộng đã gây nhiều thiệt hại về người, tài sản, kết cấu hạ tầng, mùa màng với tổng số thiệt hại lên tới hàng nghìn tỉ đồng. Về chủ quan, công tác quy hoạch, kế hoạch tổng thể và cụ thể cho từng ngành, từng địa phương chưa theo kịp yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội. Đáng lưu ý là, không ít chính sách kinh tế vĩ mô chưa có tác dụng tích cực đối với yêu cầu sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, nhưng chậm sửa đổi. Công tác tổ chức, chỉ đạo và điều hành của các cấp, các ngành còn thiếu đồng bộ, kỷ cương, phép nước chưa nghiêm. Chương trình cải cách hành chính triển khai chậm và không đồng bộ đã và đang hạn chế đối với công tác tổ chức cán bộ trong các cơ quan nhà nước.

Với những thành tựu to lớn đã đạt được trong năm 2003, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, năm 2004 sẽ là một năm thắng lợi toàn diện về kinh tế - xã hội. □

HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ LÀ MỘT XU THẾ CUỐN HÚT SỰ THAM GIA CỦA HẦU HẾT CÁC NỀN KINH TẾ TRÊN THẾ GIỚI, MANG ĐẾN NHIỀU CƠ HỘI ĐỂ MỖI MỘT NƯỚC ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ, RÚT NGẮN CHÈNH LỆCH TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN SO VỚI NƯỚC KHÁC... Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế cũng đặt ra những thách thức, những rủi ro cả về kinh tế, chính trị... nếu quốc gia tham gia hội nhập có nền kinh tế không năng động và điều chỉnh chính sách không thích hợp.

Đổi mới quản lý điều hành giá cả phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế

NGUYỄN TIẾN THỎA *

Trong xu thế đó, Việt Nam không thể né tránh hay đứng ngoài cuộc. Vì vậy, Đảng ta đã xác định chiến lược chủ động hội nhập nhằm nắm lấy những vận hội mới, tạo ra thế và lực mới để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chiến lược này thực chất là tăng cường một cách toàn diện các hoạt động kinh tế của nền kinh tế có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với các cam kết, nguyên tắc và thông lệ quốc tế... Cùng với các ngành, các lĩnh vực thực hiện lộ trình hội nhập, lĩnh vực giá cả trong hơn một thập kỷ đã thực hiện chủ trương chiến lược nhất quán của Đảng ta về đổi mới cơ chế quản lý giá và hệ thống giá theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và đã thu được những thành công nhất định.

Tuân thủ mô hình kinh tế tổng quát do Đảng ta đề ra: chuyển từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì cơ chế quản lý giá và hệ thống giá cũng

được chuyển từ cơ chế giá hành chính sang cơ chế giá thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước đã thực hiện việc can thiệp vào thị trường chủ yếu bằng các chính sách, các biện pháp kinh tế vĩ mô, giảm dần hình thức định giá trực tiếp, mở rộng quyền tự chủ về giá cho doanh nghiệp. Hệ thống giá, nhìn chung được điều chỉnh và điều hành theo hướng từng bước tính đúng, tính đủ chi phí, bảo đảm tương quan cung cầu và được thị trường (trong nước và ngoài nước) chấp nhận.

Phương thức quản lý điều hành giá cả đã bắt nhịp được với cách quản lý giá của các nước có nền kinh tế thị trường phát triển trên thế giới. Nhiều loại giá cả hàng hóa, dịch vụ đã có sự tương quan và có khả năng cạnh tranh ở thị trường nước ngoài. Cơ chế và hệ thống giá này tạo ra bước chuyển biến mới cho sản xuất kinh doanh, tạo ra động lực kích thích sản xuất phát triển, phân bổ một cách hợp lý hơn các nguồn lực của đất nước; khuyến khích thu hút vốn đầu tư nước ngoài; kích thích việc khai thác tiềm năng sẵn có của đất nước, của các thành phần kinh tế cạnh tranh cùng phát triển... Tuy nhiên, bước vào giai đoạn mới,

* Tổng Biên tập Tạp chí Thị trường - Giá cả

thực hiện hội nhập kinh tế sâu hơn và rộng hơn thì cơ chế chính sách giá và hệ thống giá hiện nay còn bộc lộ những hạn chế, khiếm khuyết cần được tiếp tục hoàn thiện.

1 - Việt Nam mới chuyển sang nền kinh tế hoạt động theo cơ chế kinh tế thị trường, các thể chế của một nền kinh tế thị trường còn đang trong giai đoạn hình thành; hệ thống chính sách kinh tế nói chung, chính sách giá cả nói riêng còn thiếu và chưa đồng bộ; có những loại chưa thực sự "hòa nhập" với thông lệ quốc tế (về kiểm soát độc quyền, liên minh độc quyền về giá, khuyến khích cạnh tranh về giá, chống bán phá giá, trợ cấp, trợ giá, bảo hộ sản xuất trong nước, tình trạng chuyển giá nội bộ, quy định về giá tính thuế nhập khẩu, thẩm định giá...).

Do hệ thống thị trường còn chưa hình thành đầy đủ và đồng bộ, một số yếu tố thị trường hoạt động tự phát, nằm ngoài tầm kiểm soát của Nhà nước, tạo ra một loại "thị trường ngầm" làm cho hệ thống tín hiệu giá cả của thị trường được hình thành và vận động bị "méo mó" không phản ánh đúng giá trị hàng hóa và không phản ánh đúng bản chất của quan hệ cung cầu trên thị trường.

2 - Gần đây, Việt Nam đã được công nhận không nằm trong топ các nước kém phát triển, nhưng nhìn chung trình độ phát triển vẫn còn thấp, nền kinh tế hoạt động kém hiệu quả. Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, các ngành và của cả nền kinh tế còn yếu; kinh nghiệm thương trường còn yếu và thiếu, chất lượng hàng hóa kém, giá thành quá cao nên khó có khả năng giành thắng lợi trong cạnh tranh trước xu thế hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

3 - Trong hệ thống giá, một số hàng hóa dịch vụ còn chế độ hai giá, phân biệt đối với các đối tượng tiêu dùng là doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người trong nước và người nước ngoài; vẫn còn một số hàng hóa, dịch vụ được ấn định

mức "giá bao cấp" cho các đối tượng tiêu dùng nên chưa được tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất của doanh nghiệp và của xã hội bỏ ra để sản xuất hàng hóa, dịch vụ đó. Một số loại hàng hóa, dịch vụ bán dưới giá thành như: điện, cước bưu chính, điện báo, điện thoại nội hạt; than bán cho các hộ tiêu dùng lớn trong nước; nước máy; giá vé máy bay cho tuyến đường chuẩn bán cho khách trong nước; chi phí bảo vệ môi trường... Nhưng lại cũng có nhiều loại giá hàng hóa, dịch vụ không hợp lý do tình trạng gian lận trong hạch toán, trong quan hệ thương mại...

4 - Tính minh bạch của thị trường thông qua hình thức niêm yết giá, công khai giá cả chưa được thực hiện nghiêm túc và chưa trở thành nền nếp trong toàn xã hội... Công tác đấu thầu, đấu giá, hiệp thương giá cũng còn có những bất cập.

Nguyên nhân của tình trạng trên có nhiều, nhưng có thể *khái quát lại một số nguyên nhân chính sau*: a - Trong quá trình đổi mới cơ chế kinh tế nói chung, cơ chế quản lý giá cả nói riêng, chưa có sự thống nhất cao về nhận thức trong toàn xã hội về quan điểm Nhà nước phải quản lý giá cả theo nguyên tắc và yêu cầu của nền kinh tế thị trường (có quan điểm còn cho rằng theo cơ chế thị trường thì Nhà nước không cần quản lý giá); b - Chưa kịp thời nghiên cứu và tạo ra được môi trường pháp lý một cách toàn diện để quản lý điều hành giá cả; c - Các định chế kiểm soát chi phí sản xuất, kiểm soát các yếu tố hình thành giá cả, hiệu quả vốn đầu tư, năng suất lao động còn bị xem nhẹ...; d - Tình trạng bảo hộ (qua hàng rào quan thuế và phi quan thuế) tràn lan, thiếu lựa chọn không chỉ làm cho giá thành bị đẩy lên cao do chi phí sản xuất hàng hóa dịch vụ không chịu sức ép của thị trường mà còn làm sai lệch việc thu hút, phân bổ các nguồn đầu tư làm lãng phí của cải xã hội; e - Sản xuất chưa thật sự gắn kết với thị trường, dự báo không sát với nhu cầu trong nước, chưa phù hợp với

cung cầu ngoài nước... dẫn tới sự phát triển sản xuất trong một số lĩnh vực không cân đối với khả năng tiêu thụ và sản phẩm làm ra không đủ sức cạnh tranh với hàng hóa nước ngoài cả về chất lượng và giá cả...

Tình hình trên đang đặt ra nhiệm vụ cho công tác giá là phải phát huy hơn nữa những thành tựu đã đạt được; đồng thời, phải xử lý những khuyết, nhược điểm của cơ chế giá, hệ thống giá hiện hành để có một cơ chế giá và hệ thống giá phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần tạo động lực phát triển. Theo chúng tôi, cần thực hiện *một số giải pháp tiếp tục đổi mới quản lý điều hành giá cả như sau:*

Một là, kiên trì thực hiện cơ chế giá thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tạo môi trường pháp lý, quản lý giá cả chủ yếu bằng các giải pháp gián tiếp; tôn trọng quyền tự chủ về giá và các quyền đầu thầu, đấu giá, hiệp thương giá và thỏa thuận giá của doanh nghiệp. Nhà nước chỉ nên quy định giá bằng những hình thức thích hợp đối với một số hàng hóa, dịch vụ độc quyền (như điện, đất đai, bưu chính - viễn thông, nước sạch...) và những mặt hàng thuộc diện chính sách xã hội tối quan trọng.

Tạo dựng môi trường pháp lý bằng việc ban hành các quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Giá; xây dựng Luật Chống bán phá giá trong cả quan hệ thương mại nội địa và quan hệ thương mại quốc tế, Luật Kiểm soát độc quyền khuyến khích cạnh tranh lành mạnh nói chung, trong đó có nội dung về giá cả phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam. Ban hành quy chế tính giá để các doanh nghiệp vận dụng trong việc xây dựng các phương án giá, các mức giá hàng hóa, dịch vụ cụ thể để tiến hành hiệp thương giá, thỏa thuận giá với người tiêu dùng. Ban hành quy chế kiểm soát chi phí sản xuất và giá để buộc các doanh nghiệp tính toán làm ăn có hiệu quả, kinh doanh hàng hóa với giá cả hợp lý. Ban

hành quy chế thẩm định giá Việt Nam phù hợp với quy chế thẩm định giá của Hiệp hội Thẩm định giá ASEAN và quốc tế (mà Việt Nam là một thành viên); đồng thời, ban hành quy chế về niêm yết giá, nhằm vừa thực hiện văn minh thương nghiệp, vừa làm tăng tính minh bạch của thị trường, tạo nên sự cạnh tranh lành mạnh về giá để người bán đưa ra mức giá phù hợp, người tiêu dùng có cơ hội thuận lợi để chọn lựa khi mua hàng. Hình thành các trung tâm giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ công khai, chính thức để khắc phục hoạt động của "thị trường ngầm" (đặc biệt là những loại thị trường mới bước đầu hình thành như thị trường lao động, bất động sản, vốn tiền tệ, dịch vụ khoa học - công nghệ, thông tin...); đồng thời, cho phép hình thành các trung tâm (hoặc tổ chức thích hợp) định giá, thẩm định giá dưới hình thức tư vấn... Các trung tâm thu thập, phân tích, dự báo thông tin thị trường giá cả trong nước, quốc tế cung cấp cho các cơ quan quản lý tham khảo hoạch định chính sách vĩ mô và giúp cho các doanh nghiệp có điều kiện xây dựng chiến lược sản xuất, kinh doanh một cách có hiệu quả cao nhất.

Hai là, kích thích việc cạnh tranh có hiệu quả theo pháp luật. Từng bước gỡ bỏ rào cản về giá để khắc phục sự "méo mó" của hệ thống giá, tạo sự hòa nhập (tương quan) giữa giá cả thị trường trong nước và giá cả trên thị trường khu vực và thế giới... Theo nguyên tắc này, *cần phải xử lý các nội dung như sau:*

- Thực hiện lộ trình xóa bỏ chế độ hai giá, hình thành một biểu giá chung trên thị trường Việt Nam, không phân biệt giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người nước ngoài với doanh nghiệp trong nước và người trong nước.

- Cùng với lộ trình cắt giảm thuế, xóa bỏ hàng rào phi quan thuế làm cho mặt bằng giá giảm, công tác quản lý điều hành giá cả phải khắc phục sự bảo hộ qua giá, tiến tới xóa bao cấp qua giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ

còn được bao cấp mà không cần thiết phải bao cấp. Rà soát, bãi bỏ các khoản trợ cấp, trợ giá hiện nay đang tồn tại không phù hợp với tình trạng chuyển giá nội bộ không hợp lý của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta. Chấm dứt việc quy định mức giá tối thiểu tính thuế nhập khẩu không phù hợp với quy định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

- Có lộ trình thích hợp để xóa bỏ tình trạng "bù chéo" về giá của một số hàng hóa và dịch vụ hiện nay. Chủ động giảm giá một số hàng hóa, dịch vụ hiện đang cao hơn giá khu vực và thế giới.

- Các doanh nghiệp thực hiện nguyên tắc tính đủ chi phí sản xuất và giá thành hợp lý mà doanh nghiệp đã đầu tư để sản xuất hàng hóa dịch vụ, nhưng phải tuân thủ nguyên tắc giá trao đổi là mức giá được quyết định chủ yếu bởi sự tác động của quan hệ cung cầu, quy luật giá trị, cạnh tranh và các giải pháp điều hành gián tiếp của Nhà nước. Nhà nước thực hiện biện pháp kiểm soát chi phí sản xuất, kiểm soát các yếu tố hình thành giá; ngăn ngừa tình trạng hạch toán không đúng, góp phần chống "lạm phát chi phí"...; từ đó tạo áp lực buộc các doanh nghiệp phải tăng cường hạch toán, có các biện pháp hạ chi phí, giảm giá thành, chống lãng phí tiêu cực, kích thích tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

Ba là, có cơ chế ngăn ngừa sự tác động tự phát của quy luật giá trị, quan hệ cung cầu và của giá thị trường thế giới trong quá trình hội nhập đối với hệ thống giá trong nước, khi chúng gây ra những bất lợi đối với sản xuất, lưu thông và đời sống. Phương hướng cơ bản của cơ chế này là: Nhà nước hỗ trợ cho sản xuất, kinh doanh, cho những ngành hàng, mặt hàng chưa đủ sức cạnh tranh vươn lên bằng cách hỗ trợ việc nghiên cứu ứng dụng phục vụ sản xuất, nghiên cứu thị trường, thâm nhập thị trường ngoài nước, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt. Hỗ

trợ việc mở rộng thị trường bao gồm kết cấu hạ tầng: bến cảng, kho tàng, nơi giao dịch mua bán, tạo điều kiện để giảm chi phí sản xuất và chi phí lưu thông. Trong những năm trước mắt, chỉ thực hiện chính sách bảo hộ có lựa chọn, có thời hạn đối với sản phẩm sản xuất và tiêu thụ ở trong nước; cụ thể là, chỉ thực hiện hỗ trợ qua giá đối với một số loại hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng ở miền núi, một số mặt hàng thuộc diện chính sách xã hội và trợ giá đối với một số loại hàng hóa nông sản quan trọng khi giá thị trường xuống quá thấp gây thiệt hại đến lợi ích của người sản xuất. Về lâu dài, cần nghiên cứu thay đổi căn bản theo hướng chuyển mạnh sang đấu thầu, đấu giá thay cho cơ chế xét duyệt; từng bước chuyển từ hình thức trợ giá, trợ cước sang đầu tư trực tiếp cho nông dân. Trường hợp giá một số loại vật tư, hàng hóa nhập khẩu trên thị trường thế giới tăng quá cao thì điều chỉnh giá ở mức độ hợp lý với phương châm cùng chia sẻ khó khăn: Nhà nước chịu một phần do giảm nguồn thu, doanh nghiệp chịu một phần do cắt giảm chi phí lưu thông, người tiêu dùng chấp nhận bị điều tiết một phần do giá tăng. Nếu giá hàng hóa dịch vụ quan trọng, thiết yếu có những biến động bất thường cần áp dụng các giải pháp để bình ổn giá như: điều chỉnh cung cầu hàng hóa, kiểm soát hàng hóa tồn kho để chống đầu cơ, quy định giá tối đa hoặc tối thiểu, kiểm soát các yếu tố hình thành giá... Phá bỏ các rào cản thị trường để doanh nghiệp xuất nhập khẩu có thể tiếp cận và hoạt động hiệu quả ở các thị trường kỳ hạn nhằm góp phần loại bỏ các tác động bất lợi do những biến động của giá cả trong ngắn hạn thông qua thỏa thuận trước về mức giá cho sản phẩm sẽ được giao. Thực hiện được như vậy sẽ góp phần phân tán rủi ro, hạn chế đến mức thấp nhất sự rủi ro về giá cả cho người sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế phát triển và phát triển bền vững. □

SINH thời, anh Tố Hữu qua nhiều lần ốm nặng. Nhưng lần cuối này là nặng nhất và lâu nhất: hơn 8 tháng. Chị Thanh và cả gia đình đóng cửa nhà nhờ người trông đề vào ở liền bên cạnh, chăm sóc Anh. Ở đời, tình anh khí phách thể hiện lúc người ta khỏe mạnh, chứ đến khi bệnh tật, ai chả đau đớn, ốm yếu như nhau. Cũng ở trong lẽ ấy, nhưng với anh Tố Hữu, ngay cả những lúc bệnh trọng, hiểm nghèo nhất, tôi vẫn thấy toát lên ở Anh cái chí, cái gan, cái chất của một con người đã được cuộc sống rèn thành thép. Những lúc mệnh Anh nghìn cân treo sợi tóc, tôi đến bên Anh như một người em nhỏ, nhắc lại câu đã nói với Anh bao lần: "Anh vẫn quen vượt cạn mà". Nét mặt Anh bình thản, hai cánh mũi nheo nheo, tươi hóm, có vẻ hơi tự giấu một chút, rồi Anh lặng lẽ vuốt nhẹ cánh tay tôi và im lặng. Hai anh em cứ như thế, bên nhau. Im lặng trôi qua, mà như hiểu tất cả.

Lúc còn khỏe, lần nào anh em gặp nhau, anh cũng nhắc: "Cả chú nữa, phải biết quý sức khỏe, húc mạnh quá". Dẫn tôi thế, chứ với mình, Anh cũng đâu biết giữ sức. Anh là một con người hành động. Buông bút ra là đi đây đi đó. Không chỉ đến những nơi đang cựa quậy khai phá, và còn rất nhiều nơi không vui, thậm chí gai góc căng thẳng, anh cũng xông vào. Quãng 1999 - 2000, ngành than có sự chuyển đổi cơ chế, dồn việc cho nhau thế nào mà có trên hai nghìn người dứt việc. Những người thợ mỏ không được vào mỏ,

mà phải đi nhặt than rơi vãi, kiếm đất trồng rau, hoặc mở quán cóc bán trà chén. Hay tin, anh Tố Hữu liền xuống ngay với những người thợ. Đi gấp. Về gấp. Viết gấp. Viết những lời thống thiết nhất, thấy chưa đủ, Anh đi gõ cửa. Tiếng nói của Anh đã đến tai người có trách nhiệm cao nhất. Bài Anh viết đã được đặt lên bàn cơ quan quản lý cao nhất. Kết quả, Chính phủ quyết định xuất một khoản tiền lớn, nhiều tỉ đồng, để trợ

giúp ngành than, tức là cứu những người thợ mỏ. Anh nói: "Tình thế đã đến mức nào, cơ chế nào thì cũng phải bảo vệ những người thợ chứ. Truyền thống người ta như thế. Lại ở vị trí quan trọng như thế, nếu bọn xấu nó chọc thì sao. Nguy hiểm quá". Qua một việc cũng thấy rõ cái tâm và cái tầm của một nhà lãnh đạo chiến lược. Tôi nghĩ rằng, anh Tố Hữu đã không cường điệu vấn đề. Dân là gốc, chăm dân là vun gốc. Thời nào thì đất nước cũng cần phải có lực lượng dự trữ. Nguồn dự trữ ấy, ở trong dân. Tố Hữu được dân đùm, dân

nuôi, dân dưỡng, cho nên gần dân, lo cho dân là cốt cách của Anh; nó nhất quán trong tư tưởng, hành xử, phong thái, tâm tình. Vì thế, Anh, nhà thơ Tố Hữu, là nhà thơ của nhân dân, và có ảnh hưởng lớn nhất trong nền thơ cách mạng.

Tính nhân dân trong thơ Tố Hữu có một ngọn nguồn và sự thực đã trở thành một ngọn nguồn. Anh có nhiều bài thơ hay nhất viết về các bà mẹ. Lúc gian nan, thiếu thốn gắn với dân là lẽ dễ hiểu. Lúc nhà cao cửa

TỐ HỮU - nhà thơ của nhân dân

HỒU THỊNH

rộng, vẫn thân thiết với dân, thì đó là một đạo lý lớn. Tố Hữu rất tiêu biểu về mặt này. *Việt Bắc* là một bài thơ lớn, một bài thơ vào loại hay nhất của Tố Hữu và xứng đáng là những bài thơ hay nhất của thơ ca Việt Nam thế kỷ XX. Đó là một bài thơ vui, một khúc khải hoàn ca trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Vui đấy, mà canh cánh đấy. Tố Hữu cảnh báo rất sớm bệnh quan liêu, tức là bệnh xa dân ngay từ lúc ta chuẩn bị vào tiếp quản Thủ đô 1954:

Phố đông còn nhớ bản làng

Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?

Tôi đã có dịp cùng Anh Tố Hữu và chị Thanh thăm lại "mảnh trăng giữa rừng" trong chuyến đi trở lại Việt Bắc vào cuối thế kỷ trước. Đó là những nơi cơ quan Hội Văn nghệ Việt Nam và Tuần báo *Văn nghệ* đã "đóng quân" trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Đến Đào Dã, Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, Anh tìm ngay về nhà bà Gái. Đó là một căn nhà nhỏ, tường đất, khung tre, lợp lá gồi, với 3 gian nhỏ. Tố Hữu đã ở đây cùng Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Nguyễn Huy Tưởng, Kim Lân. Có thể xem đó là đại bản doanh của Văn nghệ kháng chiến. Bà Gái nhường nhà trên cho các anh, xuống bếp ở cùng với các con của bà. Bộ ván gỗ mộc, đơn sơ, vừa là giường nằm vừa là bàn viết của các anh còn đây. "Năm ấy rét lắm, chúng mình phải nằm úp thìa bên nhau đắp chung một chiếc chăn chiên mỏng" - Tố Hữu kể. Bếp núc, sân vườn còn đây. Tố Hữu tàn ngà, đôi mắt đăm lẹ. Bà Gái mắt rời! Trước khi mất, còn dặn con cháu, mấy thước lụa bác Tố Hữu tặng, bà có may một bộ áo quần, nhưng không mặc. Dặn giữ kỹ, làm kỷ niệm cho con cháu. Anh con trai bà Gái, sau này là đại tá quân đội, vẫn thường đến thăm gia đình

anh Tố Hữu, ở Hà Nội. Chị Thanh tặng quà cho cô cháu của bà Gái trước khi ra trụ sở ủy ban dự cuộc đón lớn của cán bộ và nhân dân trong xã.

Từ Phú Thọ, chúng tôi lên Tuyên Quang thăm lán Nà Lừa Bác ở, đình Tân Trào, đình Hồng Thái, suối Lê, sông Đáy, những căn hầm ở Trung ương, Chính phủ. Bao nhiêu tên nước tên sông đã vang lên trong thơ Anh, thiêng liêng quấn quýt, đầm chất sử thi. Tố Hữu có tài đặc biệt diễn tả những điều to tát của lịch sử trở thành những vấn đề của tâm tình. Nhờ tâm tình mà thơ Anh có sức chinh phục lớn. Người đọc, bất kể trình độ, nghề nghiệp, lứa tuổi, vùng miền, đều nhận Anh là nhà thơ của họ. Nhớ hôm ấy, đứng tàn ngà trước cây đa cổ thụ rất đẹp trước đình Hồng Thái, tôi hỏi nhà thơ Tố Hữu: "Có phải "Suối dài xanh muốt nương ngô" là đây không, Anh?", Anh Tố Hữu giải thích: "Đó là cảnh bên Định Hóa, Thái Nguyên". Ở Tân Trào là "Nắng trưa rực rỡ sao vàng, Trung ương Chính phủ luận bàn việc chung". Trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, do cương vị công tác, Anh vẫn thường qua lại giữa tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang, hai bên ngọn núi Hồng nổi tiếng. Hôm đến xóm Chòi, huyện Đại Từ, địa điểm của cơ quan Hội Văn nghệ và tạp chí *Văn nghệ* đóng từ những năm 1950 - 1954, Anh Tố Hữu tàn ngà đứng trên nền nhà cũ, mấy chục năm, nhà tranh nứa lá làm sao giữ được. May còn lại những nền nhà cũ tồn bằng đá. Cũng ở đây, còn có thêm nhà xuất bản *Văn nghệ* và trường văn nghệ nhân dân. Nhiều khách quốc tế đã đến đây. Nhiều Hội nghị quan trọng đón bạn văn cả nước về họp mặt. Tố Hữu thay mặt Trung ương chủ trì tất cả. Từ Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa theo lệnh Trung ương ra phụ trách văn nghệ, từ văn nghệ, phụ trách thêm cả tuyên huấn. Năm 1951, Anh được bầu Ủy viên dự

khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Cương vị như vậy mà giữa những người bạn văn, Anh không có gì tỏ ra là một thủ trưởng cả. Anh kể "Hồi cơ quan mới từ Phú Thọ chuyển lên, sinh hoạt thiếu thốn lắm. Nhiều lần mình phải từ xóm Chòi ra chợ Đại Từ mua mắm tôm về cho anh em cải thiện. Xách mãi mỗi tay, mình quảy toong teng một bên mấy gói mắm tôm một bên mấy trái đu đủ". Ôi anh Lành! Phụ trách văn nghệ kiêm luôn cấp dưỡng, tiếp phẩm. Đây không chỉ là chữ nhần của một người lãnh đạo có chí lớn mà là tình. Điều đó giải thích vì sao, con người nhỏ nhắn, thư sinh ấy lại được chọn là hạt nhân tập hợp xung quanh mình những tên tuổi lớn, trong đó nhiều người đã nổi danh từ trước Cách mạng Tháng Tám.

Về xóm Chòi, Đại Từ, Anh thuộc mọi ngõ ngách, mọi nhà dân, như mới xa mấy ngày, chứ không phải là mấy chục năm. Anh

đến thăm nhà cụ Giáo, một ông già trên 70 tuổi, quắc thước, râu tóc bạc trắng. Khi Anh Tổ Hữu ở đây thì cụ làm xã đội phó, được giao nhiệm vụ bảo vệ cơ quan Văn nghệ. Hai người bạn xưa, ôm nhau, cười rung râu tóc trắng; ôm nhau rồi nắm chân nắm tay, hỏi thăm người này người khác, chuyện xưa chuyện nay, quên cả vào nhà. Chị Thanh trân trọng biếu cụ túi quà mang sẵn từ Hà Nội. Cụ đón lấy, chòm râu rung lên, đôi mắt đầm lệ: "Quý hóa quá, hai bác vẫn còn nhớ đến chúng tôi".

*

* *

Anh Tổ Hữu thường nhận mình là nhà cách mạng làm thơ, không phải là nhà thơ chuyên nghiệp. Dù Anh khiêm tốn nói vậy, nhưng đối với đời một con người, làm được như Anh cũng là bậc xưa nay hiếm. Cách mạng và thơ ca trong Tổ Hữu là một, thống



Xuân về Tây Bắc Ảnh : Đình Na

nhất, bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Nhưng nếu cần rạch ròi, thì một nửa của Tố Hữu, tức là sự nghiệp cách mạng với hơn 50 năm hoạt động, lợi tận đáy của những thử thách hiểm nghèo, những va đập của thời thế, trở thành nhà lãnh đạo quốc gia, tầm nhìn xa rộng, quyết đoán và dám chịu, xứng đáng là những học trò ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh, như lời đánh giá của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Còn một nửa kia, Tố Hữu là nhà thơ tiêu biểu nhất, nổi tiếng nhất, có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong thế kỷ XX của dân tộc ta. Nhất quán trong đời, nhất quán trong thơ từ tập *Từ ấy* mở đầu đến tập *Ta với Ta* khép lại một sự nghiệp thi ca lớn, Tố Hữu là nhà thơ tiên phong của thời đại bão táp cách mạng kéo theo những thay đổi chưa từng có trên đất nước ta. Không có ai nói về Đảng, về Cách mạng, về lãnh tụ và kháng chiến về dân tộc và nhân dân hay và xúc động bằng Tố Hữu. Nhưng Anh không chỉ hay trên cảm hứng trữ tình công dân mà còn hay cả trong trữ tình cá nhân, vừa tráng ca, vừa bi ca, vừa lạc quan vừa cô đơn, vừa bác học, vừa dân dã, vừa sử thi, vừa đời thường. Thơ Tố Hữu là một chứng nhân, và cũng là một tác nhân của lịch sử. Từ tiếng lòng của một người, chuyển hóa thành tiếng lòng của hàng triệu con người, thơ ấy, tài ấy là thơ và tài ở một đỉnh cao. Tố Hữu nhiều lần cảm ơn cách mạng. Tôi nghĩ, cách mạng cũng phải cảm ơn Tố Hữu. Thuốc quý thường mọc nơi núi hiểm, cá kình quẫy sóng ngoài biển khơi, Tố Hữu là nhà thơ xuất sắc của buổi chuyển giao khắc nghiệt giữa nô lệ và tự do, bóng tối và ánh sáng. Thời thế đã chuyển, thơ cũng phải chuyển theo. Tố Hữu là người có công đầu tạo ra một dòng thơ mới, một kiểu cảm hứng mới, một hệ thống thẩm mỹ mới, một trường cảm mới của thơ. Đó là cái hay của một kiến trúc sư chiến lược văn học.

Là một người Anh lớn trên thi đàn, Tố Hữu hết lòng săn sóc, dìu dắt thế hệ trẻ. Anh

đọc tác phẩm của các nhà thơ, nhà văn trẻ với niềm say mê, tin yêu đặc biệt. Khích lệ, dìu dắt, khẳng định lớp trẻ, việc lớn là đề xuất những chủ trương, chính sách, mở trường lớp đào tạo, việc nhỏ là tham gia giảng dạy, thư từ, trò chuyện nhằm phát hiện các tài năng mới. Với những sai sót, va vấp của anh em trẻ, Anh ân cần chỉ bảo và hết lòng bảo vệ. Là người từng lặn lội trong chiến tranh, nếm trải mọi gian nan đời lính, Anh đặc biệt quý trọng những nhà thơ, nhà văn mặc áo lính.

Là người được Đảng giao nhiệm vụ chỉ đạo văn hóa, văn nghệ, nhà thơ Tố Hữu là người sáng lập Hội Văn nghệ Việt Nam, là Tổng Biên tập đầu tiên của Tuần báo *Văn nghệ* của Hội Nhà văn Việt Nam. Năm 1988, tôi được Hội Nhà văn cử phụ trách báo Văn nghệ, nên có điều kiện gần gũi anh Tố Hữu. Lúc này, Anh đã nghỉ các công việc quản lý, lãnh đạo, thời gian dành cho thơ nhiều hơn. Mỗi số báo ra, Anh đều đọc rất kỹ, bài nào hay thì Anh nói "được đấy"; bài nào chưa hay, Anh chỉ bảo rất cụ thể. Về báo *Văn nghệ* được một thời gian, tôi phát hiện thấy không biết tự bao giờ, cái vi-nhét có cửa sổ mở ra với ngôi sao và hai chữ VN được họa sĩ Văn Cao và Trần Văn Cẩn sáng tác từ năm 1948, không hiểu vì sao không còn in trên măng-sét của báo. Trong một lần lên thăm Anh, tôi nghĩ muốn lấy lại cái vi-nhét đã đi vào lịch sử của báo *Văn nghệ*. Anh Tố Hữu nói vui "Có ý đấy" và dặn khi in nên chuốt lại cho đẹp hơn. Thế là cái vi-nhét ấy lại hiện trên măng-sét báo *Văn nghệ* từ 15 năm nay, như một dấu ấn đẹp đẽ của nhiều thế hệ nhà văn, nhà thơ, cán bộ biên tập, công nhân viên của báo *Văn nghệ* 55 năm qua.

Đó cũng là dấu ấn riêng của Anh Tố Hữu với đứa con tinh thần mà anh nặng lòng yêu mến, chăm sóc hơn nửa thế kỷ qua. □

Về xuất nhập khẩu các xuất bản phẩm ở Việt Nam hiện nay

PHẠM THỊ THANH TÂM *

XUẤT nhập khẩu các xuất bản phẩm là một khâu rất quan trọng của ngành xuất bản trong mọi thời kỳ cách mạng ở nước ta. Trong giai đoạn hiện nay, hoạt động này càng có vai trò to lớn đối với việc tuyên truyền, giới thiệu một cách tốt nhất về đất nước, con người Việt Nam với thế giới, nhất là cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Đây còn là một trong những hình thức giao lưu văn hóa hữu hiệu và phổ biến nhất. Việc tìm hiểu nền văn hóa của bất kỳ nước nào qua những tác phẩm mà tác giả là người bản xứ viết sẽ tạo cho người sử dụng cảm thụ được đầy đủ và sâu sắc nhất. Cũng từ việc tìm hiểu, giao lưu văn hóa này, mỗi nước (Việt Nam cũng không nằm ngoài đó) tự nhìn nhận, đánh giá về mình và có biện pháp để hoàn thiện mình hơn. Đây cũng là cơ hội, là điều kiện tốt để đi tới sự hợp tác toàn diện giữa nước ta và thế giới trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa. Mặt khác, xuất nhập khẩu xuất bản phẩm còn là một hoạt động mang lại lợi ích kinh tế cao. Thực tế ở Việt Nam đã chứng minh kim ngạch xuất, nhập khẩu xuất bản phẩm đã tăng không ngừng. Đây là lợi thế ưu trội so với việc phát hành xuất bản phẩm trong nước.

Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam rất cần những tri thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến. Việc xuất nhập khẩu các xuất bản phẩm sẽ cho phép chúng ta đưa nhanh tri thức đó vào đất nước, góp phần thực hiện thành công các

mục tiêu của cách mạng. Trong những năm qua, tỷ lệ sách khoa học - kỹ thuật, sách thuộc các ngành công nghệ cao được nhập vào Việt Nam với số lượng lớn và tăng dần qua các năm.

Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt nhằm đẩy mạnh các hoạt động xuất nhập khẩu các xuất bản phẩm. Đặc biệt, Luật Xuất bản, Nghị quyết 07/TW của Bộ Chính trị, Nghị định 79/CP, Quyết định

số 46/QĐ-TTg, Nghị định 17/CP và 88/CP của Chính phủ, Thông tư 74/VH-TT của Bộ Văn hóa - Thông tin và Thông tư liên bộ về trợ giá cước vận chuyển xuất bản phẩm ra nước ngoài cùng nhiều văn bản khác đã được ban hành. Nhờ vậy, hoạt động xuất nhập khẩu các xuất bản phẩm không ngừng phát triển.

Tuy nhiên, trong tình hình mới, nhất là qua thực tiễn hoạt động trên lĩnh vực này, cần phải nhận thức một cách đầy đủ và khách quan hơn tính chất, đặc trưng của xuất bản phẩm nhằm đưa công tác xuất nhập khẩu các xuất bản phẩm đáp ứng nhu cầu phát triển hiện nay.

Thứ nhất: Xuất bản phẩm là hàng hóa đặc thù, nội dung của nó chứa đựng các giá trị tri thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, và các tri thức khác. Nó tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm và trí tuệ của con người, góp phần tích cực vào việc hình thành nhân cách con người. Do vậy, tất cả các xuất bản phẩm nhất là được nhập hoặc xuất ra nước ngoài cần xem xét kỹ về nội dung, hình thức sao cho phù hợp. Điều này sẽ đảm bảo cho nhân dân ta được nhanh chóng tiếp cận với lượng tri thức tiên tiến, hiện đại, bồi đắp thêm bản sắc văn hóa truyền thống nhằm hội nhập với thế giới; mặt khác, loại bỏ được các xuất bản phẩm có nội dung xấu, kích động và

* TS. Chủ nhiệm Khoa Phát hành sách, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội



Hội thi sách đẹp

Ảnh : PV

chống phá cách mạng Việt Nam và những biểu hiện thiếu lành mạnh. Hàng hóa xuất bản phẩm nhập đều được in bằng tiếng nước ngoài, trong đó, phần lớn là tiếng Anh, Pháp, Trung, Nga. Rất tiếc, ở nước ta số người giỏi ngoại ngữ còn chưa nhiều, nhất là giỏi đến mức đọc hiểu lại càng ít hơn. Vì vậy, lượng sách nhập về thường được tiêu thụ tới hơn 90% ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Điều cảnh báo là vài năm gần đây, sách nhập về chưa kịp phát hành đã được thuê dịch ra tiếng Việt để kinh doanh đã trở thành phổ biến. Còn có một thực tế nữa là, giá xuất bản phẩm nhập khẩu khá cao (thông thường đắt gấp 4-5 lần so với sách xuất bản trong nước) đã làm cho khả năng tiêu thụ chậm và chỉ bán được trên thị trường trung tâm, thành phố lớn.

Thứ hai: Xuất bản phẩm là sản phẩm văn hóa tinh thần, trí tuệ, tính đặc thù của nó không chỉ thể hiện ở chính sản phẩm mà còn ở người sử dụng. Bởi lẽ sử dụng xuất bản phẩm có liên quan mật thiết và trực tiếp tới khả năng, trình độ và năng lực hiểu biết đối ứng các tri thức. Người có

nhu cầu sử dụng xuất bản phẩm nhập khẩu phải có trình độ ngoại ngữ giỏi, mà số này ta lại không nhiều.

Mặt khác, xuất bản phẩm nhập khẩu có giá cả cao, như đã nói ở trên, nên khách hàng mua và sử dụng nó phải có khả năng tài chính. Khả năng tài chính là yếu tố không kém phần quan trọng trong việc quyết định mua xuất bản phẩm của khách hàng. Điều này lý giải vì sao xuất bản phẩm nhập khẩu không thể được tiêu thụ ở những thị trường xa xôi, kém phát triển và tiêu thụ rất ít ỏi ở thị trường tỉnh lẻ, các thành phố nhỏ. Đồng thời, xuất bản phẩm nhập khẩu thường có đối tượng khách hàng tập thể lớn như thư viện, cơ quan, viện nghiên cứu. Mạng lưới thư viện của chúng ta quá mỏng, lượng ngân sách dành cho

việc mua sách báo ngoại văn ở không ít cơ quan lại không lớn... đã trực tiếp cản trở việc phát triển mạnh mẽ hoạt động xuất nhập khẩu xuất bản phẩm ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba: Thị trường là nơi mua và bán xuất bản phẩm (có thể là vô hình hoặc hữu hình). Khác với thị trường xuất bản phẩm trong nước vừa rộng lớn vừa có mối quan hệ mua bán không phức tạp, thị trường xuất, nhập khẩu xuất bản phẩm có những yêu cầu và tiêu chí riêng.

Để có thị trường xuất và thị trường nhập, mọi đối tác kinh tế cần tuân thủ nguyên tắc ràng buộc lẫn nhau giữa các bên. Hàng hóa xuất bản phẩm với chủng loại, mẫu mã, giá cả cũng như điều kiện về thời gian, vận tải và phương thức giao nhận thanh toán phải phù hợp với mong muốn và yêu cầu của quốc gia nhập và xuất. Vì thế, muốn nắm chắc vấn đề này đòi hỏi các tổ chức tham gia xuất nhập khẩu xuất bản phẩm phải nghiên cứu kỹ càng, xác định nhu cầu và tìm kiếm thị trường, đối tác. Từ đặc trưng này

cho thấy, xuất bản phẩm của Việt Nam không có khả năng xâm nhập mọi thị trường. Ngược lại, xuất bản phẩm của nước ngoài, không phải loại nào, nội dung của nó ra sao và của nước nào cũng được nhập vào Việt Nam. Do đó, thị trường xuất nhập khẩu xuất bản phẩm của nước ta về quy mô chưa lớn, về tính chất chưa thực đa dạng và phong phú về chủng loại.

Xuất nhập khẩu xuất bản phẩm ở Việt Nam được khai sinh từ năm 1957, nhưng phải đến những năm 1990 trở lại đây mới hoạt động theo đúng nghĩa của nó. Lượng bản, đầu xuất bản phẩm xuất, nhập đã tăng lên đáng kể trong các năm và không chỉ nhằm tuyên truyền mà còn đem lại lợi ích kinh tế cao. Tuy nhiên, xuất nhập khẩu còn là vấn đề nan giải, lượng xuất chỉ bằng 1/4 lượng nhập. Vì thế, phấn đấu để đạt mức cân bằng giữa xuất với nhập xuất bản phẩm đang là đòi hỏi bức xúc, là mục tiêu phấn đấu của ngành xuất bản nước ta.

Hiện nay việc xuất khẩu các xuất bản phẩm đã được phát triển cả về điểm và diện tham gia, bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có chức năng phát hành xuất bản phẩm. Hàng hóa xuất bản phẩm của Việt Nam đã có mặt trên nhiều nước và đến với nhiều cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Với con số còn khiêm tốn: 247 000 bản sách, hơn 500 000 bản báo, tạp chí đã đến gần 40 nước trên thế giới, song ý nghĩa tuyên truyền và kinh tế của nó mới thật sự lớn.

Các chủng loại xuất bản phẩm Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài thường bao gồm các sách, báo, tạp chí về Việt Nam, đất nước, con người, về các di tích lịch sử, văn hóa, truyền thống với phong tục, lối sống và tập quán... Ngoài ra, còn là các xuất bản phẩm giới thiệu về các sản phẩm hàng hóa dân tộc, danh lam thắng cảnh và khu vực địa lý, địa chí. Thông qua việc xuất khẩu xuất bản phẩm này đã góp phần không nhỏ vào việc tạo ra sự hiểu biết của thế giới về Việt Nam và là cơ hội cho sự hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế của nước ta với thế giới.

Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu của nước ta cũng còn những hạn chế nhất định về số lượng và chất lượng xuất bản phẩm, về quy mô hoạt

động mà trong tương lai phải có giải pháp khắc phục.

So với xuất, hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm ở nước ta khả quan hơn nhiều. Có thể nói, trong điều kiện phát triển kinh tế và mở cửa quan hệ hợp tác toàn diện với thế giới và khu vực, nhu cầu về xuất bản phẩm của nước ngoài cũng tăng lên. Điều đó đã thúc đẩy khá mạnh mẽ hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm phát triển. Nếu như trong điều kiện nền kinh tế chỉ huy, ta chỉ có một đơn vị được độc quyền nhập khẩu sách báo là Xunhasaba (Công ty xuất nhập khẩu sách báo) thì ngày nay đã có nhiều doanh nghiệp phát hành xuất bản phẩm được quyền nhập xuất bản phẩm như: Tổng Công ty Phát hành sách, Công ty Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Xuất nhập khẩu văn hóa và Công ty Phát hành sách Hà Nội. Với đội ngũ những người làm nhập khẩu đông đảo và nhu cầu sử dụng xuất bản phẩm ngày càng phát triển, mở rộng không ngừng về chủng loại, mẫu mã và lượng bản qua các năm. Điều này được thể hiện:

1. Chủng loại xuất bản phẩm: Do nhu cầu xuất bản phẩm nhập khẩu ở trong nước phát triển nhanh, phong phú, đa dạng nên đã hình thành nên mặt hàng nhập khẩu cũng đa dạng phong phú. Sách, báo, tạp chí phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng tri thức khoa học, nghiên cứu học tập và tìm hiểu về đất nước, con người của các quốc gia trên thế giới, về tri thức văn học nghệ thuật phục vụ nhu cầu giải trí.

2. Nguồn cung cấp hàng hóa xuất bản phẩm: Do chính sách mở cửa quan hệ, hợp tác kinh tế với thế giới của nước ta phát triển và hợp lý đã tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu xuất bản phẩm phát triển ở phạm vi rộng hơn. Vì thế, nguồn cung cấp xuất bản phẩm cho Việt Nam cũng rất đa dạng. Chúng ta đã và đang quan hệ mua bán xuất bản phẩm với hơn 100 nước trên thế giới như: Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Thụy Điển, Hà Lan ..., nhất là với các quốc gia ở châu Á như: Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan... với nhiều nhà xuất bản, các công ty và nhà cung cấp trung gian nổi tiếng

3. Lượng bản và kim ngạch xuất nhập khẩu xuất bản phẩm: Từ sau Đại hội lần thứ VIII của Đảng, mục tiêu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã tạo điều kiện cho các ngành nghề liên quan phát triển mạnh mẽ. Xuất, nhập khẩu xuất bản phẩm một hoạt động có ý nghĩa to lớn trong việc chuyển giao các tri thức khoa học - công nghệ tiên tiến nên đây là cơ hội quan trọng để nó phát triển toàn diện. Nếu so với năm 1995, lượng xuất bản phẩm nhập khẩu của năm 2001 tăng gấp 3 lần, kim ngạch nhập khẩu tăng 3,4 lần. Cụ thể là, năm 2001, lượng sách nhập khẩu là 2 035 000 bản với kim ngạch là 1,8 tỉ USD. Riêng báo, tạp chí là 2 985 000 bản với kim ngạch 2,4 tỉ USD. Sáu tháng đầu năm 2002 con số này khá khả quan, lượng sách nhập là 1 086 000 bản, kim ngạch đạt 0,98 tỉ USD.

Những con số thực hiện trên đây là đáng mừng, cho ta hình dung về sự tăng trưởng, nhưng cũng cần thấy rằng những mặt hạn chế của nó còn nhiều.

- Xuất bản phẩm của Việt Nam chưa có ở nhiều nước trên thế giới. Mặt khác, xuất bản phẩm xuất ra nước ngoài mới chủ yếu phục vụ cho cộng đồng người Việt Nam, người nước ngoài có nhu cầu xuất bản phẩm Việt Nam còn ít. Lý do là xuất bản phẩm của nước ta chưa đẹp, chưa hay, chưa có sức thuyết phục người đọc. Nhất là các tác phẩm văn học, nghệ thuật còn đơn điệu, kém hấp dẫn. Cả về nội dung và hình thức trình bày. Đây là vấn đề khá nan giải.

- Xuất bản phẩm giá rất cao, chưa phù hợp với sức mua của đông đảo người dân. Trong khi bình quân thu nhập của Việt Nam hiện tại còn quá thấp so với thế giới. Đó là yếu tố cơ bản đang cản trở việc phát triển hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm.

- Mặt bằng dân trí của nước ta chưa cao; mặt khác, do có sự chênh lệch khá lớn giữa các vùng, miền, vì thế, người sử dụng xuất bản phẩm nhập khẩu tập trung vào các thành phố lớn, trong khi đó có những vùng, khu vực dân cư đông đúc đường như nhu cầu lại rất thấp.

- Khác với mặt hàng xuất bản phẩm sản xuất trong nước, xuất bản phẩm nhập khẩu phải

chịu hai loại thuế - thuế nhập khẩu và 10% thuế giá trị gia tăng (VAT), trong khi xuất bản phẩm trong nước chỉ chịu thuế VAT là 5% và một số loại được miễn thuế.

- Những quy định về thủ tục xuất, nhập khẩu xuất bản phẩm còn phức tạp. Đối tượng doanh nghiệp nhập khẩu còn hạn chế và trở ngại nhiều mặt nên phần nào đã ảnh hưởng tới hiệu quả xuất nhập khẩu. Mặt khác, chưa tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh trong nhập khẩu xuất bản phẩm đã phần nào hạn chế đáng kể tới hoạt động này.

Để hoạt động xuất nhập khẩu xuất bản phẩm những năm tới phát triển mạnh mẽ, cần có giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, Nhà nước nhanh chóng bổ sung và hoàn thiện luật liên quan, trong đó có những quy định hợp lý hơn về xuất nhập khẩu. Từ đó có thể tạo môi trường thông thoáng cho hoạt động xuất nhập khẩu như: chế độ kiểm duyệt, thủ tục và đặc biệt là lực lượng tham gia. Điều này sẽ có tác động tích cực không chỉ làm phong phú hơn mặt hàng xuất nhập khẩu mà còn nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực này.

Thứ hai, đầu tư cho hoạt động sản xuất xuất bản phẩm, thông qua việc nâng cao chất lượng của sách và công nghệ in nhằm tạo ra những xuất bản phẩm hay, đẹp, phù hợp với nhu cầu sử dụng của các nước để từng bước thâm nhập và tạo thế đứng của xuất bản phẩm nước ta trên thị trường thế giới.

Thứ ba, xuất bản phẩm là sản phẩm văn hóa, tinh thần, trí tuệ. Phổ biến nó sâu rộng trong xã hội sẽ có ý nghĩa lớn lao. Vì vậy, Nhà nước cần tạo hành lang và môi trường thuận lợi cho hoạt động xuất bản nói chung, xuất nhập khẩu xuất bản phẩm nói riêng phát triển. Nên chăng, cần bỏ việc đánh thuế nhập khẩu với sản phẩm sách báo. Mặt khác, việc đánh thuế VAT trên đầu sách, báo, tạp chí chỉ nên ở mức 5%. Như vậy sẽ kích thích hoạt động xuất nhập khẩu phát triển và tăng nhu cầu sử dụng, làm cho hoạt động xuất nhập khẩu xuất bản phẩm nói riêng và sự nghiệp xuất bản - phát hành sách nói chung phục vụ tốt nhất sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

VAI TRÒ CỦA LÝ LUẬN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

PHẠM HỒNG CHƯƠNG*

TRÊN trang bìa của tác phẩm "*Đường cách mệnh*" - cuốn sách lý luận đầu tiên dùng để huấn luyện cho thanh niên cách mạng nước ta, năm 1927 lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trích ghi luận điểm của V.I. Lê-nin: "Không có lý luận cách mệnh thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong"⁽¹⁾.

Vai trò của lý luận được Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh trong xây dựng Đảng Cộng sản - đội ngũ tiên phong của giai cấp công nhân. Cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận cách mạng, và lý luận cùng thực hành phải luôn đi đôi với nhau là vấn đề được Người xếp ở vị trí thứ hai trong 12 điều thuộc tư cách của đảng viên chân chính cách mạng. Điều đó cho thấy, Hồ Chí Minh coi lý luận có vai trò to lớn như thế nào đối với Đảng và trách nhiệm của đảng viên là phải học tập để khẳng định tư cách và vai trò tiên phong của Đảng.

Vai trò quan trọng của lý luận được Hồ Chí Minh xác định ngay trong thực tiễn từ thời kỳ vận động thành lập Đảng. Người đã tổ chức các lớp học để huấn luyện lý luận cho thanh niên cách mạng nước ta, nhằm đưa lý luận Mác - Lê-nin vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam, tạo ra các nhân tố chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng nhưng đồng

thời cũng là trang bị lý luận cho đội ngũ cán bộ chủ chốt trong tương lai của Đảng để tiến hành lãnh đạo cách mạng.

Cũng vì thấu hiểu vai trò của lý luận mà ngay trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản (ngày 18-2-1930) về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và sau đó, trong một loạt thư gửi các Đảng Cộng sản ở châu Âu và Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, Hồ Chí Minh đã lo lắng nói về tình trạng hiểu biết rất thấp về lý luận của những người cộng sản Việt Nam lúc đó. Vì vậy, Người yêu cầu Quốc tế Cộng sản, các Đảng Cộng sản và Ban Phương Đông giúp đỡ tổ chức học tập lý luận cho những người cộng sản Việt Nam, đề nghị gửi các tài liệu lý luận Mác - Lê-nin, tài liệu giáo dục cộng sản chủ nghĩa và các tài liệu khác để giúp vào việc đào tạo cán bộ. Trong tiến trình của cách mạng nước ta, Hồ Chí Minh thường xuyên yêu cầu Đảng phải không ngừng nâng cao việc nghiên cứu, học tập cho đảng viên và tuyên truyền lý luận cách mạng trong nhân dân.

Trong công tác huấn luyện cán bộ cho Đảng, Hồ Chí Minh cho rằng một trong bốn nhiệm vụ của huấn luyện cán bộ là phải huấn

* TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 2, tr 259

luyện về lý luận để họ có thể tự mình tìm ra phương hướng chính trị, có thể làm những công việc thực tế, có thể trở nên người tổ chức và lãnh đạo. Thế là lý luận thiết thực, có ích. Do vậy, theo Người: "Đã lựa chọn đúng cán bộ còn cần phải dạy bảo *lý luận* cho cán bộ. Chỉ thực hành mà không có lý luận cũng như có một mắt sáng, một mắt mù"⁽²⁾. "Những người chỉ trọng kinh nghiệm mà khinh lý luận thì không hiểu rõ toàn bộ quá trình khách quan, thiếu phương châm vững chắc, chỉ biết một mà không biết mười. Nếu những người ấy lãnh đạo cách mạng thì sẽ thất bại"⁽³⁾. Bởi vậy, trong "5 cách đối với cán bộ" mà Hồ Chí Minh chỉ ra là chỉ đạo, nâng cao, kiểm tra, cải tạo và giúp đỡ thì vấn đề "Luôn luôn tìm cách cho họ học thêm lý luận và cách làm việc, làm cho tư tưởng, năng lực của họ ngày càng tiến bộ"⁽⁴⁾ để nâng cao cán bộ được Hồ Chí Minh đặt ở vị trí thứ hai.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, Đảng ta là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân và đại biểu cho lợi ích của dân tộc. Một trong những vấn đề quyết định tính chất đó là Đảng phải luôn luôn giáo dục đảng viên về lý luận cách mạng. Hơn nữa, theo Người, từ giai đoạn cách mạng này phát triển lên giai đoạn khác, sự hiểu biết của người lãnh đạo và chiến sĩ cách mạng cũng phải tiến theo. Nghĩa là phải đề ra nhiệm vụ mới và phương pháp mới của cách mạng. Trong thực tiễn cách mạng, tình hình biến đổi rất mau. Nếu sự hiểu biết không theo kịp thì khó đưa cách mạng tới thắng lợi. Vì thế, việc giáo dục về lý luận cho cán bộ nhằm đáp ứng được mọi biến đổi của tình hình, của nhiệm vụ cách mạng, là việc làm thường xuyên của Đảng.

Lý luận không chỉ là yếu tố quyết định tư cách, tính chất của Đảng và vấn đề chất lượng cán bộ mà còn tác động tới vai trò lãnh đạo của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt câu hỏi: "Đảng dùng cách gì và làm thế nào để lãnh

đạo? Và Người cho rằng, có ba vấn đề để đáp ứng được câu hỏi này, trong đó, vấn đề hàng đầu là "Đảng đã *truyền bá lý luận* Mác - Lê-nin vào trong nhân dân ta... Đảng kết hợp *lý luận với kinh nghiệm và thực hành* của cách mạng Việt Nam. Đảng áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp Mác - Lê-nin mà giải quyết các vấn đề thực tế của cách mạng Việt Nam"⁽⁵⁾... Do đó, Đảng đòi hỏi đảng viên và cán bộ phải: Học, hiểu lý luận, chính sách, tình hình trong nước và trên thế giới để giáo dục quần chúng... Phải nắm vững chính sách của Đảng và của Chính phủ, đi đúng đường lối quần chúng như thế mới xứng đáng là đảng viên và cán bộ của Đảng, như thế mới lãnh đạo được quần chúng.

Trong xây dựng Đảng về tư tưởng, Hồ Chí Minh khẳng định, phải học tập lý luận Mác - Lê-nin... Đảng cần phải giáo dục và yêu cầu đảng viên ra sức học tập lý luận, mở rộng tự phê bình và phê bình, đấu tranh với những tư tưởng phi vô sản.

Đảng phải chống lại thói xem nhẹ học tập lý luận. Vì không học lý luận thì chí khí kém kiên quyết, không trông xa thấy rộng, trong lúc đấu tranh dễ lạc phương hướng, kết quả là "mù chính trị", thậm chí hủ hóa, xa rời cách mạng. Bệnh chủ quan duy ý chí, một căn bệnh rất nguy hại đối với một đảng cầm quyền, cũng bắt nguồn từ việc thiếu lý luận.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tổng kết: Phong trào cách mạng lôi cuốn hàng ức, hàng chục triệu người. Công việc cách mạng tức là nghìn điều muôn loại phức tạp, khó khăn. Để cân nhắc mọi hoàn cảnh phức tạp, nhìn rõ các mâu thuẫn, để giải quyết đúng các vấn đề, thì chúng ta phải cố gắng học tập lý luận Mác - Lê-nin.

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 276

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 253

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 276

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 231

Có học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm tốt công tác đảng giao phó cho mình.

Học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin là học tập tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã khẳng định lý luận có vị trí, vai trò rất to lớn. Nó là yếu tố quan trọng hàng đầu xác định tư cách, tính chất, khả năng lãnh đạo của một đảng tiên phong cách mạng và là nhiệm vụ chính của công tác xây dựng Đảng, bao gồm việc huấn luyện, đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ, công tác tư tưởng trong Đảng. Và cuối cùng, nó tác động tới sự phát triển của phong trào cách mạng, tác động đến sự thành bại trong thực hiện mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

Những luận điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của lý luận đã soi sáng những vấn đề trong công tác lý luận hiện nay. Nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh về xác định rõ vị trí, vai trò của lý luận đối với công tác xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Hội nghị Trung ương 5, (khóa IX) đã ra Nghị quyết *"Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới"*.

Hội nghị đánh giá: "Từ Đại hội VI của Đảng đến nay, trình độ lý luận của Đảng ta đã có bước phát triển rõ rệt. Đảng đã không ngừng đổi mới phương pháp tư duy lý luận, kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khắc phục bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí, mở ra bước chuyển biến quan trọng trong tư duy lý luận, từng bước

xây dựng và hoàn chỉnh đường lối đổi mới toàn diện, làm cho nước ta có bước phát triển ngày càng mạnh mẽ; giải đáp có căn cứ khoa học một số vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn; nhận thức đầy đủ hơn nội dung, giá trị và tầm vóc của tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng"⁽⁶⁾.

Tuy nhiên, Đảng ta cũng nhận thấy công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu của cách mạng. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó "là do Đảng ta chưa đặt đúng mức việc chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng, lý luận trong giai đoạn mới"⁽⁷⁾. Những vấn đề như quy chế hoạt động lý luận, công tác cán bộ lý luận, cơ sở vật chất còn nhiều bất cập. Trên cơ sở phân tích tình hình thực tiễn, Đảng ta đã chỉ ra phương hướng chung của công tác lý luận trong những năm tới là trên cơ sở kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quán triệt đường lối đổi mới, đẩy mạnh công tác lý luận theo phương hướng: "Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta"⁽⁸⁾.

Từ định hướng căn bản này, Đảng ta đã chỉ ra sáu nhiệm vụ của công tác nghiên cứu lý luận và trong thời gian tới cần tập trung nghiên cứu theo những nhóm nội dung chủ yếu sau đây:

- Những vấn đề do đòi hỏi trực tiếp của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta như: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

(6) Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, khóa IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 131

(7) Văn kiện đd, tr 133

(8) Văn kiện đd, tr 134

con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị; xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện mới; phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực.

- Những tác động khách quan tới cuộc cách mạng ở nước ta như: đặc điểm, nội dung của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và sự phát triển của kinh tế tri thức; những tác động nhiều mặt của quá trình toàn cầu hóa; dự báo các xu thế phát triển chủ yếu của thế giới và khu vực.

- Những vấn đề lý luận phục vụ quốc phòng - an ninh, đối ngoại, đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Bên cạnh những nội dung chủ yếu trên, công tác lý luận góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội bức xúc, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội thực dụng, ngăn chặn đà suy thoái về đạo đức và lối sống. Đồng thời, đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình", âm mưu gây bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch...

Từ phương hướng, nhiệm vụ trên, Đảng ta đã quán triệt trong toàn Đảng bảy giải pháp lớn nhằm đẩy mạnh công tác lý luận theo các nhóm vấn đề sau:

Về tổ chức: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước, trong đó các cấp ủy đảng đều coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, lý luận đi đôi với kiện toàn tổ chức, bộ máy nghiên cứu, đào tạo lý luận.

Về cán bộ: Trên cơ sở quy hoạch, cần đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận đông đảo, có chất lượng cao, đáp ứng được đòi hỏi của sự phát triển của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Một mặt tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu lý luận, tạo động lực cho công tác tư tưởng

lý luận bằng các chính sách đãi ngộ hợp lý. Mặt khác, nêu cao vai trò gương mẫu của đảng viên trong nghiên cứu, học tập lý luận, nói và làm đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Cùng với phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp đó, để khắc phục những yếu kém bất cập của công tác tư tưởng, lý luận, Hội nghị Trung ương 5, (khóa IX) chỉ ra, cần quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của lý luận và công tác lý luận. Bởi vì, như Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: "Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người. Muốn thế phải nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng, phải tổ chức học tập lý luận trong Đảng, trước hết là trong những cán bộ cốt cán của Đảng"⁽⁹⁾. Xét về tính chất của nhiệm vụ, không phải một lúc đã thực hiện tốt công tác lý luận và cũng không thể tập hợp được đội ngũ đông đảo những người làm công tác này trong một thời gian ngắn. Do vậy, bên cạnh những vấn đề có tính chất cấp bách, cần có chiến lược lâu dài trong công tác lý luận của Đảng. Sự nối tiếp thế hệ để thực hiện sứ mệnh của Đảng trong điều kiện phát triển liên tục của lý luận cũng đòi hỏi phải có chiến lược như vậy. Đó là đòi hỏi khách quan của quá trình thực hiện sứ mệnh của Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "Có thể nói từ trước đến nay, Đảng ta chưa bao giờ đứng trước nhiều vấn đề phức tạp, to lớn và khó khăn như bây giờ. Trong tình hình đó, nói chung cán bộ ta đều cảm thấy nhược điểm của mình là thiếu lý luận, cho nên đều cảm thấy sự cần thiết phải học tập lý luận và yêu cầu Đảng phải tổ chức học tập lý luận cho cán bộ"⁽¹⁰⁾. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) là sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới. □

(9) (10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 494 - 495

NIHƯNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN XUÂN THÔNG

NĂM 1923, lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc đến nước Nga, quê hương của V.I. Lê-nin, của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Tại đây, Người đã gặp nhà thơ xô-viết tên là Ô-xíp Man-đen-xtam. Và ngay từ lúc ấy, chính nhà thơ đã phát hiện: "Từ Nguyễn Ái Quốc tỏa ra một nền văn hóa, không phải là văn hóa châu Âu, mà có lẽ là nền văn hóa của tương lai"⁽¹⁾.

Thế rồi, gần 70 năm sau - năm 1990, khi Hồ Chí Minh đã đi xa, giữa lúc trên thế giới có những biến động to lớn, chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng sâu sắc, phong trào cách mạng quốc tế đứng trước những thử thách nghiêm trọng, tưởng như năm tháng đã phủ lên lớp bụi che lấp điều Ô-xíp Man-đen-xtam đã phát hiện trước đây. Nhưng chính trong thời điểm ấy, chúng ta lại được chứng kiến một sự kiện quan trọng. Đó là lần đầu tiên Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) quyết định tổ chức kỷ niệm trọng thể trên thế giới một người lãnh tụ cách mạng với tư cách là *người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất của nhân loại*. Người ấy không ai khác chính là **Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh**.

Nghị quyết của UNESCO nêu rõ: "Sự đóng góp về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ

thuật là kết tinh của truyền thống ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau".

Điều đó một lần nữa khẳng định thiên tài trí tuệ, nhân cách và phẩm chất của một nhà văn hóa lớn, cũng như những giá trị đích thực mà Hồ Chí Minh đã đem lại cho con người, cho giai cấp, cho dân tộc, cho nhân loại; cho trước đây, hôm nay và cả mai sau.

Tìm hiểu về nhà văn hóa Hồ Chí Minh chúng ta thấy luôn hội tụ những gì đẹp nhất, trong sáng nhất, vinh quang nhất suốt hàng nghìn năm văn hiến của dân tộc, trong tiến trình lịch sử của đất nước. Vì vậy, mỗi người Việt Nam chúng ta đến với văn hóa Hồ Chí Minh đều cảm thấy rất gần gũi. Tiến sĩ M. Át-mét, Giám đốc UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương nhận xét: "Cuộc đời của Người mang ảnh hưởng của những giá trị truyền thống dân tộc, có những đóng góp vào việc tạo nên một nền văn hóa Việt Nam hiện đại"⁽²⁾. Và điều đó cũng được khẳng định trong bài

(1) *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*: Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1992, t 1, tr 204

(2) *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr 37



Hội Xuân trên Hồ Hoàn Kiếm

Ảnh: Vũ Anh Tuấn

Điều văn do đồng chí Lê Duẩn thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc tại lễ truy điệu Người ở Hà Nội (năm 1969): "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta".

Đồng thời, ở Hồ Chí Minh còn thể hiện một cách tiêu biểu và nổi bật sự kết hợp hài hòa giữa những giá trị nhân văn của dân tộc, những đạo lý của con người Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lê-nin - chân lý của thời đại và tinh hoa văn hóa nhân loại bao gồm cổ, kim, Đông, Tây. Chính từ lòng yêu nước sâu sắc và ham học hỏi, từ thực tiễn hoạt động cách mạng phong phú, sôi nổi, liên tục, không mệt mỏi mà Người đã tiếp thu, chắt lọc, chuyển hóa những giá trị và tinh hoa ấy bằng một trí tuệ mẫn tiệp, óc nhạy cảm, sự sáng tạo. Một nhà nghiên cứu đã từng nêu nhận xét: Đây là nét

đặc sắc, nổi bật nhất của tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh. Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh đã và còn đem đến cho Việt Nam cũng như thế giới những giá trị và tầm vóc văn hóa mới.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người và giải phóng nhân loại, Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với nhiều nền văn hóa ở nhiều châu lục, nhiều vùng, nhiều quốc gia, ở phương Đông và phương Tây; ở chính quốc và thuộc địa; ở các dân tộc da trắng, da vàng cũng như da đen. Ít có một lãnh tụ cách mạng, một nhà văn hóa nào trên thế giới từng đi nhiều nơi, đến nhiều nước, làm nhiều nghề, am hiểu nhiều về các dân tộc và các nền văn hóa khác nhau như Hồ Chí Minh. Do đó, những người phương Tây có thể tìm thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh tinh thần của chủ nghĩa nhân đạo thời kỳ Phục Hưng,

tư tưởng dân chủ của thế kỷ Ánh sáng, tinh thần độc lập và nhân quyền của cách mạng Mỹ, tư tưởng tự do - bình đẳng - bác ái của cách mạng Pháp và tinh thần cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Còn những người ở phương Đông lại thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh những nét gần gũi, phù hợp với "chủ nghĩa tam dân" của Tôn Trung Sơn, tinh thần yêu nước, khắc khổ hy sinh vì dân của M. Găng-đi, cũng như sự tu dưỡng đạo đức của học thuyết Khổng Tử, đức từ bi của Phật Thích Ca, tinh thần bác ái của Chúa Giê-su. Rồi khi đọc một áng văn chương chính trị, một bài báo, hoặc một lời phát biểu của Người, ta lại phát hiện ra những điều lý thú và kinh ngạc về sự kết hợp giữa tính hài hước của văn chương Pháp; chất hàm xúc, thanh cao của thơ Đường, tính hiện thực của M. Goóc-ki, cùng sự sắc nhọn của ngòi bút Lỗ Tấn, sự gần gũi, trong sáng của Nguyễn Du... Ông T.N. Ca-un, Chủ tịch Trung tâm Ấn Độ nghiên cứu về Đông Dương nhận xét: "Các bài thơ, tiểu luận và diễn văn của Người phản ánh một sự hiểu biết sâu sắc về lịch sử và văn minh nhân loại và một niềm tin chung thủy đối với bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc và quốc gia, kể cả dân tộc mình và các dân tộc khác trên thế giới"⁽³⁾.

Nhưng điều kỳ lạ là những nền văn hóa cả phương Đông lẫn phương Tây, từ cổ đại đến cận đại và hiện đại, khi thể hiện ở Hồ Chí Minh luôn mang một phong cách rất Việt Nam, đầy tính nhân văn, rất bình dị, gần gũi nhưng cũng rất sâu sắc, mới mẻ, hiện đại và cách mạng.

Ở Hồ Chí Minh, những giá trị tinh thần cao cả, bền vững và tốt đẹp của văn hóa dân tộc được hình thành, phát triển trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, trong lao động sản xuất như: truyền thống yêu nước, lòng

nhân ái, tinh thần dân chủ, chủ nghĩa anh hùng cách mạng... luôn được đề cao, củng cố và phát huy. Song nó không dừng lại ở những giá trị truyền thống mà thông qua tư tưởng, đạo đức, lối sống và những lời dạy của Người được mang ý nghĩa sâu sắc, giá trị cao cả, tạo nên sức mạnh, niềm tin ở mỗi con người, ở các dân tộc và của cả cộng đồng. Ở đó hàm chứa một nền văn hóa mới: Văn hóa cách mạng với những giá trị truyền thống, vừa có nội dung yêu nước, tiến bộ và nhân văn cao đẹp; vừa thể hiện được chức năng nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ.

Hồ Chí Minh là một con người vĩ đại, nhưng lại gần gũi với mọi người, với nhân dân lao động. Ở Người, cái vĩ đại, cao cả được thể hiện thông qua cái bình thường, giản dị, Người nói: Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Chính cái bình thường, giản dị ấy lại rất vĩ đại và cao đẹp, bởi nó chứa đựng trong đó vừa văn hóa, vừa chính trị, đạo đức của cả dân tộc và của một nhân cách lớn. Điều đó càng làm nổi lên nhà văn hóa lớn, nhà đạo đức lớn, nhà cách mạng lớn, nhà chính trị lớn quện chặt trong con người Hồ Chí Minh. P.T. Pê-ru-đa, nhà sử học I-ta-li-a, viết: "Tất cả những ai đã may mắn gặp Hồ Chí Minh đều ngạc nhiên về sự giản dị của Người. Ngay cả những người không có được may mắn đó và chỉ biết Người qua những bài viết và sự kiện trong cuộc đời của Người cũng có ấn tượng sâu sắc là ở Hồ Chí Minh, nhà cách mạng và con người không tách rời nhau"⁽⁴⁾. Phải chăng sự giản dị,

(3) Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh: Sdd, tr 41

(4) Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh: Sdd, tr 126

gần gũi là một nét đẹp, một giá trị của văn hóa mà Hồ Chí Minh là người tiêu biểu và luôn tỏa sáng. Nhớ lại, khi Người tới thăm Ấn Độ lần đầu tiên vào năm 1957, Thủ tướng Nê-ru đã có bài viết, đăng trên báo Ấn Độ, ca ngợi: Được gặp Hồ Chí Minh, tôi như gặp một mảnh của lịch sử. Được gặp Người tôi cảm thấy tốt đẹp hơn.

Nhưng cần hiểu rằng, sự giản dị của Bác không phải là giản đơn mà là sự giản dị, trong sáng xuất phát từ một lý tưởng đạo đức cao đẹp, một nếp sống văn hóa hợp với khoa học, với thẩm mỹ mới; giản dị mà phong phú, văn minh.

Sự giản dị của Hồ Chí Minh không chỉ biểu hiện của văn hóa, của đạo đức mà còn là một tinh thần dân chủ và quan điểm quần chúng cao đẹp. Bác bao giờ cũng nghĩ đến dân, chăm lo tới lợi ích chính đáng và không ngừng đấu tranh cho tự do, độc lập của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Bác luôn yêu thương, tin tưởng, kính trọng và hòa mình vào nhân dân.

Có thể nói, lối sống giản dị, gần gũi với mọi người phản ánh cái cốt lõi tâm hồn của Bác, tấm lòng của Bác đối với hạnh phúc của con người, với tương lai của dân tộc và nhân loại. Đồng chí Phạm Văn Đồng nói: Hồ Chí Minh cao mà không xa, mới mà không lạ, lớn mà không làm ra vĩ đại, soi sáng mà không làm choáng ngợp.

Có một nét đẹp trong văn hóa Hồ Chí Minh mà chúng ta cần nói tới. Đó là sự khiêm tốn. Giáo sư X. Mau-roi (Ấn Độ) cho rằng, tình thương nhân dân, sự khiêm tốn và giản dị trong lối sống của Người là sâu sắc và hồn nhiên. "Sự khiêm tốn của Người là nổi tiếng"⁽⁵⁾. Nếu như khiêm tốn là phẩm chất của những người cách mạng chân chính, của nhà văn hóa lớn, thì điều đó được thể hiện

một cách đầy đủ, tập trung nhất ở con người Hồ Chí Minh. Người không bao giờ đặt mình cao hơn dân tộc và sự nghiệp cách mạng của Đảng, cho dù Bác là người tiêu biểu cho tinh hoa, khí phách của dân tộc, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta. Bác luôn tin tưởng ở nhân dân. Bác khẳng định nhân dân là lực lượng vĩ đại nhất, là những người khôn khéo nhất, thông minh nhất, không ai chiến thắng nổi lực lượng ấy. Bác căn dặn:

Dễ trăm lần không dân cũng chịu

Khó vạn lần dân liệu cũng xong.

Bác khẳng định: Cách mạng là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, chứ không phải của một cá nhân nào, tổ chức nào. Cũng như V.I. Lê-nin, Người phê phán và nghiêm khắc lên án bệnh "kiêu ngạo cộng sản", những "quan cách mạng" trong các tổ chức đảng và bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương, trong các tổ chức đoàn thể quần chúng. Người đấu tranh không khoan nhượng với thái độ coi thường quần chúng, không chịu học hỏi quần chúng, bệnh dân chủ giả hiệu của một số cán bộ, đảng viên. Bác nhắc nhở: "*Phải yêu kính nhân dân. Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt "quan cách mạng" ra lệnh ra oai*"⁽⁶⁾.

Đối với Hồ Chí Minh, khiêm tốn vừa là văn hóa, vừa là đạo đức đòi hỏi mỗi người, dù bất kỳ ai, cũng phải thường xuyên học tập, rèn luyện và thể hiện trong cuộc sống hằng ngày. Khiêm tốn, gắn liền với tự chủ, tự tin; tin ở bản thân, ở tập thể, ở tiền đồ tươi sáng của dân tộc, ở mục tiêu, lý tưởng và con đường cách mạng mà Đảng ta, nhân dân ta lựa chọn. □

(5) *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh: Sđd*, tr 159

(6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 311

THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ: QUA THỰC TIỄN VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Lời Bộ Biên tập: Như tin đã đưa, hai ngày 9 và 10-12-2003, tại Hà Nội, diễn ra cuộc Hội thảo khoa học với chủ đề: Thực hiện dân chủ cơ sở: Qua thực tiễn Việt Nam và Trung Quốc do Tạp chí Cộng sản - cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Tạp chí Cầu thị - cơ quan lý luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng tổ chức. Từ số này, Tạp chí Cộng sản xin trân trọng giới thiệu những nội dung chính yếu của cuộc Hội thảo.

LỜI CHÀO MỪNG HỘI THẢO

TRẦN QUANG NHIẾP*

ĐƯỢC sự đồng ý của Bộ Chính trị, Ban Bí thư hai Đảng của hai nước và sự thống nhất giữa Ban Biên tập hai Tạp chí, hôm nay trong không khí phấn khởi trước thềm năm mới 2004, với những thành tựu, kết quả đã đạt được năm 2003, tại Thủ đô Hà Nội, Tạp chí Cộng sản - cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Tạp chí Cầu thị cơ quan lý luận của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc cùng phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học **"Thực hiện dân chủ ở cơ sở: Qua thực tiễn của Việt Nam và Trung Quốc"**.

Thay mặt Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản, tôi xin gửi tới các vị đại biểu, các nhà khoa học, cùng tất cả các đồng chí, các bạn Trung Quốc và Việt Nam có mặt tại Hội thảo, lời chào mừng nồng nhiệt và lời chúc sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt.

Kính thưa các quý vị đại biểu, các đồng chí và các bạn

"Thực hiện dân chủ ở cơ sở qua thực tiễn của Việt Nam và Trung Quốc" là cuộc Hội thảo khoa

học đầu tiên giữa hai cơ quan lý luận của hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc, được tiến hành sau cuộc Hội thảo lý luận quan trọng giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc với chủ đề: **"Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường - kinh nghiệm của Trung Quốc, kinh nghiệm của Việt Nam"** được tổ chức tại Thủ đô Bắc Kinh tháng 10-2003 vừa qua.

Cuộc Hội thảo lần này là một trong những biểu hiện sinh động của mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa hai cơ quan Tạp chí Cộng sản của Việt Nam và Tạp chí Cầu Thị của Trung Quốc; thể hiện ý nguyện của những người làm công tác lý luận ở hai nước muốn được cùng nhau đóng góp thiết thực vào việc giải quyết những vấn đề quan trọng đang đặt ra đối với sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam và Trung Quốc trong thời kỳ mới. Mặt khác, cuộc Hội thảo còn là hoạt động thiết thực góp phần vào việc

* PGS, TS, Phó Tổng Biên tập Thường trực Tạp chí Cộng sản



Toàn cảnh Hội thảo

Ảnh: **Phạm Văn Hiệp**

phát triển, nâng cao tình đoàn kết gắn bó giữa hai Tập chí: Cộng sản và Cầu thị; giữa hai Đảng, nhân dân hai nước Việt Nam và Trung Quốc, trên tinh thần 16 chữ: "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai", mà các đồng chí lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu lên.

Kính thưa các vị đại biểu, các nhà khoa học, cùng các đồng chí và các bạn

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là một trong những nội dung cơ bản và rộng lớn, luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam quan tâm trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: "Dân chủ là chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi khó khăn". Nhận thức sâu sắc điều đó, Đảng, Nhà nước Việt Nam đã thường xuyên coi việc thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Đảng và Nhà nước Việt Nam vì thế luôn coi trọng và thực hiện tốt nội dung dân chủ xã hội chủ nghĩa trong thực tiễn cách mạng ở các thời kỳ, thông qua hình thức phát huy dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện của mọi tầng lớp nhân dân nhằm tạo nên sức

mạnh to lớn của quần chúng, đưa sự nghiệp cách mạng không ngừng phát triển. Chính vì vậy, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 30 về thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành các Nghị định số 29; số 71; số 07 về thực hiện Quy chế Dân chủ ở các loại hình cơ sở thích hợp. Sau 5 năm triển khai, Quy chế Dân chủ đã nhanh chóng đi vào cuộc sống và thực sự góp phần khơi dậy những tiềm năng, phát huy những nguồn lực của hàng chục triệu nhân dân trong sự nghiệp đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tuy nhiên qua 5 năm thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở cũng đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề cần đi sâu nghiên cứu làm rõ hơn về mặt lý luận và thực tiễn để tiếp tục làm tốt hơn vấn đề này trong thời gian tới.

Kính thưa các vị đại biểu, các nhà khoa học, các đồng chí và các bạn

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước xã hội chủ nghĩa, đều do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Chúng tôi biết rằng thực hiện dân chủ ở cơ sở cũng là chủ

trương và điều quan tâm lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân Trung Quốc nói chung, của Tạp chí Cầu thị nói riêng trong nhiều năm nay và các đồng chí cũng đã đạt được những thành tựu to lớn trên lĩnh vực này. Những kinh nghiệm về thực hiện dân chủ cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở Trung Quốc luôn có ý nghĩa thiết thực và bổ ích đối với Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng rằng, tại cuộc Hội thảo khoa học này, thông qua các tham luận và các công trình nghiên cứu của các đồng chí ở Trung Quốc sẽ giúp cho chúng tôi hiểu đầy đủ và sâu sắc hơn những kết quả và kinh nghiệm của các đồng chí, để chúng tôi nghiên cứu, tham khảo, học tập.

Chúng tôi cũng hy vọng rằng, những vấn đề về dân chủ ở cơ sở của Việt Nam, thông qua các tham luận của các nhà khoa học Việt Nam tại Hội thảo này, sẽ giúp các đồng chí Trung Quốc hiểu thêm những gì chúng tôi đã làm được trong thời gian

qua, và chia sẻ những khó khăn, thấy rõ những hạn chế mà Việt Nam cần khắc phục, để tiếp tục thực hiện một cách có hiệu quả nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nhân dịp cuộc gặp gỡ thân mật, đầy ý nghĩa thăm tình anh em, đồng chí giữa các nhà khoa học của hai nước, những người đồng nghiệp của hai Tạp chí Cộng sản và Tạp chí Cầu thị hôm nay, cho phép tôi gửi tới các đồng chí lời chào mừng nồng nhiệt nhất; chúc cho mối quan hệ hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam - Trung Quốc nói chung, giữa hai Tạp chí Cộng sản và Tạp chí Cầu thị nói riêng ngày càng bền chặt.

Xin kính chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc Hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp. □

ĐỀ DẪN HỘI THẢO

LÊ HỮU NGHĨA *

Thưa các đồng chí, các bạn và các vị khách quý !

Thực hiện kế hoạch hợp tác giữa Tạp chí Cộng sản - cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Tạp chí Cầu Thị - cơ quan lý luận của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, hôm nay chúng ta cùng nhau tiến hành cuộc hội thảo khoa học với chủ đề **"Thực hiện dân chủ ở cơ sở: Qua thực tiễn Việt Nam và Trung Quốc"**. Đây là một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn vừa cơ bản vừa cấp thiết đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam cũng như sự nghiệp cải cách, mở cửa ở Trung Quốc. Hội thảo lần này là cơ hội tốt để các nhà khoa học của hai Đảng, hai nước, hai tạp chí chúng ta cùng nhau trao đổi kinh nghiệm, học tập lẫn nhau, góp phần làm sâu sắc

thêm nhận thức để giải quyết những vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện, phát huy dân chủ cơ sở nhằm thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước.

Trong tinh thần trao đổi kinh nghiệm, tôi xin phát biểu một số ý kiến xung quanh vấn đề thực hiện dân chủ cơ sở trong công cuộc đổi mới.

1 - Như chúng ta biết, dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Không có dân chủ thì không có chủ nghĩa xã hội, dân chủ là khát vọng ngàn đời của nhân dân lao động. Quần chúng nhân dân lao động biết bao thế hệ đã

* GS. TS, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

không ngừng đấu tranh đòi dân chủ, giành dân chủ, vì dân chủ. Vì vậy, dân chủ là thành quả đấu tranh của quần chúng nhân dân lao động. Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là đỉnh cao trong sự phát triển của xã hội loài người nên cũng là đỉnh cao của dân chủ. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là dân chủ kiểu mới, của đa số nhân dân lao động đã được giải phóng và làm chủ. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa theo bản chất của nó phải là nền dân chủ của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Nó là sự tham gia rộng rãi của nhân dân lao động vào quản lý công việc của Nhà nước và của xã hội. Đến chủ nghĩa cộng sản văn minh, khi không còn giai cấp, nhà nước, dân chủ với tư cách là một giá trị sẽ đạt đến trình độ hoàn thiện nhất, con người đạt đến trình độ tự do, tự quản trong hình thức cộng đồng những người làm chủ.

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức bản chất và vai trò của dân chủ. Theo Người, dân chủ có nghĩa là *dân là chủ, dân làm chủ*. Không thể có dân chủ nếu nhân dân không được làm chủ. Sinh thời, Hồ Chí Minh khẳng định: "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân". Vì thế, đối với Người "Thực hành dân chủ là chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn" và "Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên". Vì vậy, sự nghiệp đổi mới của nhân dân Việt Nam hiện nay về thực chất là nhằm phát huy dân chủ, thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội, giải phóng mọi nguồn lực của con người cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng vai trò của dân chủ và phát huy dân chủ trong công cuộc đổi mới đất nước, coi dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngay từ Đại hội VI của Đảng - Đại hội khởi đầu sự nghiệp đổi mới, cùng với bài học "lấy dân làm gốc", Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra phương châm: "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*", nhằm phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc và tạo luồng sinh khí mới cho công cuộc đổi mới đất nước. Từ Đại hội VII đến Đại hội IX, trong các Nghị quyết của Đại hội và của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã tiếp tục quan tâm coi trọng vấn đề phát huy dân chủ, mở rộng dân chủ, thực hiện dân chủ hóa, làm cho các giá trị dân chủ ngày càng đi vào đời sống xã hội, tạo ra động lực, nguồn lực, sức mạnh tổng hợp để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từng bước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong 17 năm đổi mới, bên cạnh những thành tựu to lớn trong đổi mới kinh tế, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng về phát huy dân chủ của nhân dân. Nền dân chủ xã hội từng bước được khởi sắc, sinh hoạt xã hội ngày càng cởi mở. Các hình thức dân chủ - cả trực tiếp và gián tiếp (qua đại diện) từng bước được thể chế hóa trong chính sách, pháp luật của Nhà nước. Việc cải cách hành chính, cải cách tư pháp đang được đẩy mạnh. Hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp được đổi mới theo hướng ngày càng dân chủ, công khai, tăng cường hiệu quả và chất lượng. Các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng phản ánh được tiếng nói, nguyện vọng của nhân dân về các vấn đề bức xúc của đời sống xã hội. Những thành tựu về phát huy dân chủ cho thấy Đảng Cộng sản

Việt Nam có khả năng lãnh đạo, tổ chức được việc phát huy quyền dân chủ của nhân dân, bảo đảm vừa phát huy dân chủ, vừa giữ được kỷ cương, giữ được ổn định xã hội.

2 - Trong việc phát huy dân chủ, Đảng Cộng sản Việt Nam rất coi trọng việc phát huy dân chủ ở cơ sở. Sở dĩ như vậy trước hết bởi vì, cơ sở có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết đời sống cho nhân dân, bảo đảm an ninh - quốc phòng. Cơ sở là nền tảng tạo thành cơ thể xã hội và đời sống xã hội. Trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước 4 cấp ở Việt Nam, cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) có vai trò rất to lớn. Cơ sở là địa bàn sinh sống của dân cư, là nơi bắt đầu của mọi cuộc vận động xã hội, mọi sáng kiến của nhân dân, bắt đầu của đổi mới. Cơ sở cũng là nơi xuất phát, nơi trực tiếp thực hiện mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cơ sở cũng là nơi kiểm nghiệm và qua đó mà điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách.

Vì vậy, dân chủ ở cơ sở có vai trò vô cùng quan trọng. Dân chủ ở cơ sở được thực hiện sẽ đem lại quyền dân chủ cho mọi người dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất. Đó vừa là điều kiện để thực hiện và phát huy dân chủ trong xã hội, vừa là mục đích, bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Thực hiện dân chủ ở cơ sở là động lực mạnh mẽ để bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, để chống quan liêu, tham nhũng, độc đoán chuyên quyền - những hiện tượng trái với bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Do đó, thực hiện dân chủ ở cơ sở là một trong những khâu quan trọng và cấp bách nhất của công cuộc đổi mới, của việc xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Để phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, tạo động lực mới cho sự phát triển kinh tế, xã hội và kịp thời khắc phục

những biểu hiện mất dân chủ, ngày 18-2-1998, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) đã ra chỉ thị 30/CT-TW Về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Đây là một chủ trương đúng đắn của Trung ương, là một quyết sách *hợp lòng dân*, được lòng dân. Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Chính phủ đã ban hành các Nghị định: 29/1998/NĐ-CP Quy chế thực hiện Dân chủ ở xã (11-5-1998), 71/1998/NĐ-CP Quy chế thực hiện Dân chủ trong hoạt động của cơ quan (8-9-1998), 07/1999/ NĐ-CP Quy chế thực hiện Dân chủ ở doanh nghiệp Nhà nước (13-2-1999); và ngày 28-3-2002 Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) ra Chỉ thị số 10-CT/TW Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, của Ban Bí thư và các nghị định của Chính phủ, năm năm qua Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã được triển khai xây dựng và thực hiện ở tất cả các tỉnh thành, cơ quan, doanh nghiệp và đoàn thể chính trị - xã hội ở Việt Nam. Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã thực sự phát huy được quyền làm chủ, sức sáng tạo của nhân dân, động viên sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn của các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, cơ sở và đất nước; tạo ra sự ổn định chính trị, tăng cường, củng cố được khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể nhân dân trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn và khắc phục tình trạng suy thoái về đạo đức, quan liêu, tham nhũng, tiêu cực; xây dựng được niềm tin giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước, tạo ra được sự đồng thuận trong đời sống xã hội.

Xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở trong quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã thể hiện cụ thể, sinh động

vấn đề dân chủ ở cơ sở và chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nhiều cơ sở, địa phương trong cả nước đã có sự thay đổi đáng kể, nhiều công trình mới được nhân dân tích cực đóng góp xây dựng và phát triển như: điện, đường, trường, trạm, nhà văn hóa, công trình phúc lợi v.v.. Nhiều công trình được hoàn thiện chỉ do vốn hoặc phần lớn vốn đóng góp của nhân dân ở nhiều cơ sở, đời sống của nhân dân được cải thiện, số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo ngày càng giảm xuống.

Nhiều hoạt động văn hóa, xã hội ở cơ sở được đông đảo nhân dân bàn bạc xây dựng thành quy ước, hương ước sinh hoạt văn hóa, lễ hội truyền thống... Một số phong tục tập quán tốt đẹp ở thôn bản đã được khôi phục, giảm bớt các hủ tục lạc hậu, tạo nên nét đẹp trong văn hóa cộng đồng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với cách mạng; các hoạt động nhân đạo, tình nghĩa, từ thiện... được nhân dân bàn bạc, hỗ trợ và giúp nhau thực sự có hiệu quả.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở nói chung được giữ vững. Nhiều cơ sở thực hiện dân chủ công khai, nhân dân biết được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ở trung ương cũng như địa phương nên giảm hẳn đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở có tác động tích cực đến việc nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Đảng, nâng cao trách nhiệm lãnh đạo của cơ sở đảng và chất lượng đảng viên; góp phần chuyển biến một bước cải cách hành chính, thủ tục hành chính, lề lối làm việc, phương thức quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ của chính quyền cơ sở. Cũng qua thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở,

Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội cơ sở có điều kiện đại diện lợi ích chính đáng cho các tầng lớp nhân dân, qua đó tập hợp được đông đảo đoàn viên, hội viên và quần chúng tham gia hoạt động của các đoàn thể. Những nơi thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã phát huy được vai trò giám sát của Mặt trận, đoàn thể, nâng cao phong cách, phương pháp và kinh nghiệm tiếp cận của cán bộ đoàn thể đối với các tầng lớp nhân dân; phát huy được vai trò của người tiêu biểu, có uy tín, già làng trưởng bản, xây dựng cộng đồng dân cư theo hướng tự quản.

Quá trình xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã được thực tế khẳng định là đúng đắn, đã trở thành động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội và góp phần tăng cường xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số thiếu sót, bất cập, đó là:

Quan niệm và chỉ đạo xây dựng quy chế, quy ước ở cơ sở chưa thống nhất, kết quả chưa đồng đều. Một số cơ quan, doanh nghiệp nhà nước chưa thực sự nghiêm túc trong việc xây dựng và triển khai Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Có nơi lồng ghép vào các quy chế hoạt động đã có của cơ quan. Có nơi xây dựng Quy chế Dân chủ ở cơ sở chỉ là ban hành bổ sung một số điều khoản trong quy chế làm việc của cơ quan. Có nơi chỉ chọn một số việc trong các nghị định để xây dựng quy chế.

Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở ở nhiều nơi vẫn còn hình thức, thiếu nền nếp, không đồng bộ, hiệu quả chưa cao; kết quả chưa đồng đều. Do đó, chưa thực sự khai thác và phát huy được tiềm năng to lớn trong nhân dân để tạo ra động lực mới thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển; hiệu quả chống tham nhũng, cửa quyền, lãng phí trong các doanh nghiệp chưa cao.

Việc tổng kết, phát hiện, nhân rộng các điển hình tiên tiến xuất hiện trong quá trình triển khai xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở chưa được quan tâm chỉ đạo kịp thời, đúng mức, thiếu các hội nghị biểu dương, các cuộc trao đổi, học tập kinh nghiệm cho từng loại hình để nhân rộng các điển hình tiên tiến. Ở một số nơi có tổ chức rút kinh nghiệm nhưng còn mang tính hình thức, chưa thực sự đi thẳng vào những vấn đề mà nhân dân quan tâm.

Các điều kiện cho việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở còn nhiều bất cập, thiếu các chế tài để ràng buộc trách nhiệm thực hiện. Nhiều cơ sở không có nơi để họp dân, không có chỗ cho các đoàn thể hoạt động; thông tin công cộng yếu kém, cung cấp tài liệu cho dân gặp nhiều khó khăn; chưa có và thiếu các chế tài để xử phạt các vi phạm Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Sở dĩ còn những thiếu sót, bất cập trên là do nhiều nguyên nhân như: Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên còn hạn chế, chưa xác định được việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cấp ủy. Sự phối hợp chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân chưa nhịp nhàng, đồng bộ. Hoạt động của một số Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế Dân chủ ở các ban, ngành, các cấp còn lúng túng, chưa đồng đều; thiếu kiểm tra, đôn đốc. Trình độ mọi mặt của cán bộ, đảng viên ở cơ sở, nhất là ở thôn, làng, ấp, bản vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu về chỉ đạo thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Từ những điều làm được và chưa làm được trong việc thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam thời gian qua đã đặt ra một số vấn đề lý luận và thực tiễn cần phải tiếp tục suy nghĩ, giải quyết, đó là:

- Tại sao việc thực hiện dân chủ trực tiếp của người lao động ở các loại hình phường, xã, thị trấn khá hơn ở khu vực cơ quan và doanh nghiệp nhà nước. Ở cơ quan, làm thế nào để nội dung dân chủ trực tiếp của cán bộ, công chức hài hòa với chế độ thủ trưởng? Ở doanh nghiệp nhà nước, làm thế nào để nội dung dân chủ trực tiếp của người lao động không gây mâu thuẫn hoặc gây khó khăn cho giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường?

- Vai trò của cấp trên cơ sở, các cơ quan hoạch định chủ trương, chính sách vĩ mô đáp ứng như thế nào cho cơ sở để Quy chế Dân chủ ở cơ sở được thực hiện đồng bộ, có hệ thống chuẩn mực.

- Cần có điều kiện gì về cơ chế, chính sách để Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, Hội đồng nhân dân tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Cần có cơ chế bảo đảm phát huy dân chủ ở cơ sở đi đôi với tăng cường pháp chế, giữ vững kỷ cương phép nước như thế nào.

- Vấn đề dân chủ ở cơ sở gắn liền với vấn đề củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở, với tổ chức và đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực. Sự yếu kém của tổ chức và cán bộ cơ sở sẽ là trở ngại chính trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3 - Việt Nam và Trung Quốc là hai nước xã hội chủ nghĩa láng giềng có nhiều nét tương đồng về địa lý, chính trị, văn hóa và xã hội. Cả hai nước đều đang xây dựng chủ nghĩa xã hội do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Việt Nam và Trung Quốc đều lấy việc phát huy dân chủ ở cơ sở làm động lực mạnh mẽ để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhờ phát huy dân chủ ở cơ sở mà Việt Nam đã thu được nhiều thắng lợi quan trọng trong sự nghiệp đổi mới và Trung Quốc

cũng thu được nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp cải cách, mở cửa.

Chính vì dân chủ ở cơ sở có vai trò đặc biệt như thế nên việc tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm cùng trao đổi, thảo luận về quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở qua thực tiễn hai nước - Việt Nam và Trung Quốc chắc chắn sẽ giúp chúng ta nhận thức đầy đủ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn cốt yếu nhằm soi sáng quá trình tiếp tục phát huy dân chủ ở cơ sở trong thời gian tới ở mỗi nước.

Tổ chức hội thảo "Thực hiện dân chủ ở cơ sở: Qua thực tiễn Việt Nam và Trung Quốc" lần này nhằm 3 mục đích cụ thể sau: 1- *Đi sâu nghiên cứu làm rõ hơn nhận thức, quan điểm lý luận và thực tiễn đối với việc thực hiện dân chủ ở cơ sở qua thực tiễn Việt Nam và Trung Quốc*; 2 - *Bước đầu đánh giá khái quát thực trạng tình hình dân chủ ở cơ sở; ý nghĩa lý luận và thực tiễn, những bài học kinh nghiệm cần rút ra, các giải pháp để thực hiện tốt hơn nữa dân chủ ở cơ sở qua thực tiễn Việt Nam và Trung Quốc*; 3- *Tăng cường hơn nữa mối quan hệ, hợp tác giữa Tạp chí Cộng sản và Tạp chí Cầu thị.*

Để đạt được các mục đích cụ thể nêu trên, tại hội thảo khoa học này, các đồng chí lãnh đạo, các nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn của Việt Nam và Trung Quốc, cần tập trung đi sâu và làm rõ một số nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất: Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về dân chủ ở cơ sở. Mối quan hệ giữa dân chủ ở cơ sở với chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Những hình thức của dân chủ ở cơ sở, dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp. Thực tiễn thực hiện chế độ dân chủ ở cơ sở có những vấn đề gì nảy sinh cần phải nhận thức lại nội dung của dân chủ ở cơ sở.

Thứ hai: Tính tất yếu của phát huy dân chủ ở cơ sở trong quá trình đổi mới ở Việt Nam và cải cách, mở cửa ở Trung Quốc. Vai trò động lực của dân chủ ở cơ sở và dân chủ ở cơ sở như là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba: Định hướng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở và những nội dung của nó trong quá trình đổi mới ở Việt Nam và cải cách, mở cửa ở Trung Quốc. Thực hiện những nội dung dân chủ ở cơ sở trong mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, điều hành, nhân dân làm chủ.

Thứ tư: Những bài học kinh nghiệm về thành công và chưa thành công được rút ra từ thực tiễn thực hiện dân chủ ở cơ sở và những giải pháp để tiếp tục thực hiện tốt hơn dân chủ ở cơ sở trong giai đoạn mới.

Ngoài 4 nhóm vấn đề nêu trên, chắc chắn sẽ còn nhiều khía cạnh, nhiều vấn đề quan trọng và không kém phần bức xúc liên quan đến vấn đề thực hiện dân chủ ở cơ sở, chúng ta có thể tiếp tục đặt ra cùng thảo luận và phân tích. Với tinh thần khoa học nghiêm túc, đầy trách nhiệm và tinh thần hợp tác hữu nghị giữa Việt Nam và Trung Quốc, giữa Tạp chí Cộng sản và Tạp chí Cầu thị, chúng ta hy vọng tại cuộc Hội thảo này sẽ được các đồng chí lãnh đạo, các nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn của hai nước, hai tạp chí đóng góp nhiều ý kiến quý báu, thiết thực, góp phần làm sáng tỏ những nội dung chủ yếu của vấn đề thực hiện dân chủ ở cơ sở để chúng ta có cơ sở vững chắc thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, tạo động lực to lớn hơn, mạnh mẽ hơn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở mỗi nước chúng ta. □



NINH THUẬN -

NỖ LỰC, THÀNH QUẢ VÀ NHỮNG TRĂN TRỞ VỀ CON TÔM

TRIỀU HẢI QUỲNH

NĂM ở cực nam duyên hải miền Trung, bên cạnh việc thường xuyên phải đối mặt với khô hạn (lượng mưa trung bình hằng năm chỉ từ 700 đến 750mm), Ninh Thuận được thiên nhiên ban tặng khá nhiều thuận lợi để có thể phát triển một nền kinh tế với cơ cấu đa dạng. Nhiều nhà kinh tế đã thống nhất nhận định: Ninh Thuận có nhiều thứ. Quả vậy, Ninh Thuận có muối, nho, hành tây, tỏi, ớt, thuốc lá, dê, cừu, thủy sản và cả du lịch,... Đặc biệt, từ khi tái lập tỉnh (tháng 4-1992) đến nay, trên lĩnh vực kinh tế, Ninh Thuận đang được biết đến bởi một thể mạnh mới - đó là "kinh tế tôm".

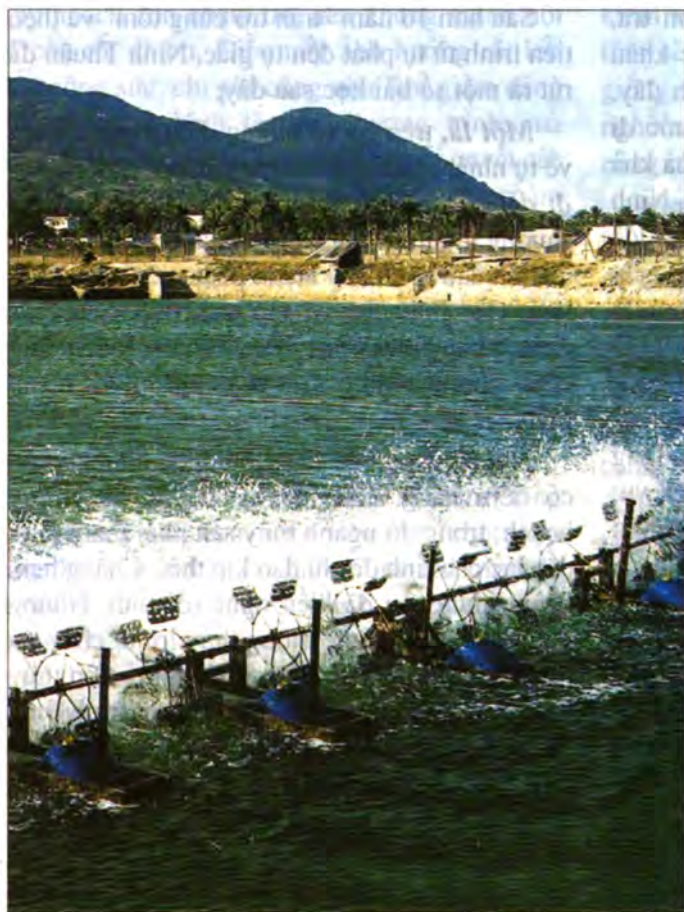
Tiềm năng lợi thế, thành quả và những kinh nghiệm rút ra từ "kinh tế tôm" những năm qua cho phép khẳng định, chủ trương đẩy mạnh phát triển thủy sản, đặc biệt là phát triển nghề nuôi tôm để nghề này góp phần quan trọng vào xóa đói giảm nghèo của Ninh Thuận là đúng đắn.

Ninh Thuận có 105 km bờ biển, với nguồn nước biển sạch, nhiệt độ cao; do ít mưa nên độ mặn ổn định,... Đây là những điều kiện lý tưởng để Ninh Thuận trở thành vùng sản xuất tôm giống tốt nhất cả nước. Với tinh thần phát huy nội lực, dám nghĩ dám làm, sau hơn 10 năm trăn trở về con tôm, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã tạo ra diện tích nuôi tôm vào loại cao của cả nước: 1 450 ha, hình thành nên

một trung tâm sản xuất tôm giống khá lớn với 1 172 trại, có khả năng sản xuất khoảng 3 tỉ con giống/năm; cung cấp tới 80% lượng tôm giống cho các tỉnh phía Nam; và là nơi có năng suất tôm thịt cao nhất nước (bình quân 2,5 tấn/ha/năm, trong khi năng suất bình quân của cả nước là 400 - 500kg/ha/năm).

Đó là cơ sở quan trọng để tỉnh, rồi Chính phủ trong những năm gần đây, thống nhất chỉ đạo: Về lâu dài, Ninh Thuận phấn đấu trở thành một trong những trung tâm sản xuất tôm giống tốt nhất nước. Để cụ thể hóa chủ trương của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận xác định: "*Đến năm 2005 sẽ phát triển diện tích nuôi tôm thịt lên 3 000 ha; với sản lượng đạt từ 5 000 - 8 000 tấn/năm; bảo đảm sản xuất và cung cấp 3 tỉ con giống/năm; đạt kim ngạch xuất khẩu thủy sản từ 20 - 25 triệu USD/năm*" (trong đó con tôm chiếm 50% giá trị)

Từ mục tiêu tổng quát đó, Ninh Thuận tập trung sức giải quyết những mục tiêu cụ thể là: từ phát triển nghề nuôi tôm, tạo cho nhiều hộ khá và giàu, làm cho bộ mặt nông thôn Ninh Thuận không ngừng khởi sắc; giải quyết việc làm cho dân thông qua phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ phục vụ nuôi trồng và chế biến thủy sản; khai thác lợi thế tự nhiên, tăng giá trị đất đai bằng việc tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao.



Nuôi tôm bán công nghiệp ở Duyên Hải miền Trung

Ảnh: T.L

Những năm qua, Ninh Thuận từng bước đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung, cơ cấu ngành thủy sản và nghề nuôi tôm nói riêng. Biện pháp chủ yếu là chuyển dần từ khai thác tự nhiên sang khai thác tiềm năng đất đai nhằm tăng năng suất và tăng sản lượng tôm trên một đơn vị diện tích. Để biến chủ trương thành hiện thực, Tỉnh ủy Ninh Thuận thống nhất chỉ đạo: Trong điều kiện còn nghèo, phải phát huy cao độ phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Cụ thể là, về phía Nhà nước, tỉnh ưu tiên tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ kinh tế thủy sản; nhân dân phát huy nội lực bằng việc huy động vốn và lao động để phát

triển nuôi trồng thủy sản, nhất là nghề nuôi tôm. Bên cạnh đó, tỉnh chỉ đạo sát sao các ban, ngành và vận động toàn dân mạnh dạn ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; thực hiện đi từ điểm (thí điểm) đến diện (mở rộng ra đại trà); phấn đấu để từ chỗ bị động, "ăn" vào tự nhiên trước đây chuyển sang làm chủ từng phần, tiến tới làm chủ hoàn toàn nghề nuôi tôm; gắn nuôi trồng với chế biến, trong đó xác định: *nuôi trồng là đột phá, chế biến là quan trọng, đầu tư là cần thiết.*

Cùng với hợp tác với các cơ quan nghiên cứu khoa học lập quy hoạch các khu vực phù hợp để sản xuất tôm giống, tỉnh chỉ đạo và phối hợp với các ngân hàng trên địa bàn triển khai công tác cho vay vốn trung và dài hạn đối với các cơ sở sản xuất giống thủy sản. Nhằm tăng cường công tác quản lý chất lượng tôm giống, ngành thủy sản của tỉnh đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản triển khai Quyết định

số 01/2002/QĐ-BTS của Bộ Thủy sản về việc cấm sử dụng một số hóa chất, kháng sinh trong sản xuất kinh doanh thủy sản; ra Chỉ thị số 38/2001/CT về tăng cường quản lý chất lượng tôm giống và lập lại trật tự trong lĩnh vực sản xuất giống thủy sản; bảo đảm phát triển lâu dài, bền vững và đúng quy định pháp luật. Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh được giao nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát chất lượng tôm giống trên địa bàn và nhập từ ngoài tỉnh vào; thực hiện việc lập mã số và cấp thẻ cho từng trại giống; công bố chất lượng sản phẩm, đăng ký và kiểm tra việc in ấn thương hiệu lên bao bì xuất tôm giống của từng cơ sở sản xuất.

Nhờ chỉ đạo quyết liệt, tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ và thường xuyên các khâu của quá trình sản xuất, trong 3 năm gần đây, nghề nuôi tôm của Ninh Thuận từng bước đi vào ổn định và đã đạt được những kết quả khả quan. Chỉ tính từ giữa năm 2001 đến nay, Ninh Thuận đã huy động được gần 500 tỉ đồng để phát triển ngành thủy sản; trong đó ngoài gần 60 tỉ đồng do Nhà nước đầu tư; 103 tỉ đồng là vốn vay tín dụng và trên 330 tỉ đồng còn lại là vốn huy động trong dân. Kinh tế thủy sản, nhất là nghề nuôi tôm không ngừng mở mang, đã giúp Ninh Thuận thu hút được 30 000 lao động vào các khâu chế biến, nuôi trồng và dịch vụ; bình quân mỗi năm tạo điều kiện cho trên dưới 2 000 lao động có việc làm ổn định.

Trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ngành thủy sản Ninh Thuận đã tăng giá trị sản xuất lên 21,9% (mục tiêu là 12,5%); tốc độ tăng trưởng bình quân 3 năm (2000 - 2002) đạt 22,4% (mục tiêu là 12,5%), giá trị GDP của ngành tăng từ 18% (năm 2000) lên 20,2% (năm 2003) trong cơ cấu GDP của tỉnh; diện tích nuôi tôm tính đến tháng 11-2003 đạt 1 450 ha; sản lượng tôm nuôi đạt xấp xỉ 4 000 tấn và số lượng tôm giống (P15) đạt 3,5 tỉ con.

Ninh Thuận cũng là địa phương đầu tiên "nổ phát súng" về mô hình nuôi tôm trên cát được thí điểm ở vùng đồi cát thuộc xã Phước Dinh (huyện Ninh Phước). Nhờ phát huy ưu thế cả về thiên thời, địa lợi và nhân hòa, từ 250 trại sản xuất tôm giống (năm 2000), đến giữa năm 2003, toàn tỉnh đã có 1 172 trại. Về nuôi tôm thương phẩm, sản lượng tôm nuôi ước tính đến cuối năm 2003 là 3 750 tấn. Phong trào nuôi tôm sú ở Ninh Thuận bắt đầu rộ lên ở các xã quanh đầm Nại, huyện Ninh Hải. Từ 10 ha (năm 1989) đã tăng lên trên 100 ha vào năm 1991 và 2 năm tiếp theo là 300 ha. Nông dân ở các huyện Ninh Hải, Ninh Phước rồi Thị xã Phan Rang đã lần lượt biến những khu đầm hoang hóa thực sự trở thành những "hồ vàng" - bởi theo bà con thì hiện trong nông nghiệp, nuôi tôm là một nghề siêu lợi nhuận.

Sau hơn 10 năm "trăn trở cùng tôm" và theo tiến trình từ tự phát đến tự giác, Ninh Thuận đã rút ra một số bài học sau đây:

Một là, trên cơ sở những điều kiện, lợi thế về tự nhiên, phải *lựa chọn cho được một hướng đi đúng*. Từ điểm xuất phát như đã nêu trên, "hướng đi đúng" mà Ninh Thuận đã lựa chọn là ưu tiên đầu tư để đẩy mạnh phát triển nghề nuôi tôm. Các lĩnh vực và sản phẩm khác, tuy đa dạng, phong phú về cơ cấu và chủng loại nhưng cũng chỉ là những sản xuất phân tán, manh mún.

Hai là, cùng với xác định được những vùng có tiềm năng, cần tiến hành các bước quy hoạch; trong đó ngành thủy sản phải tham mưu đắc lực cho tỉnh để chỉ đạo kịp thời. Chẳng hạn, ngành thủy sản đã kiến nghị với tỉnh: Những vùng nuôi tôm có hệ thống thủy lợi tự chảy thì ngành được trực tiếp ký hợp đồng trả tiền thủy lợi phí cho Công ty Khai thác công trình thủy lợi để bảo đảm được nguồn nước phục vụ sản xuất tôm. Phí thu từ người sản xuất, một phần được trích trả cho công ty trên, một phần để đầu tư duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng phục vụ nuôi tôm. Biện pháp và cũng là cách làm mới này ở Ninh Thuận đã khắc phục có hiệu quả tình trạng của một tỉnh thường xuyên đối mặt với khô hạn, thiếu nước.

Ba là, phải làm tốt công tác khuyến ngư để chuyển tải nhanh và hiệu quả các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Trong công tác này, phải làm sao để vừa đi kịp với yêu cầu thực tiễn, vừa luôn đi trước các địa phương khác để bảo đảm giữ vững và phát huy các lợi thế riêng có.

Bốn là, trong quá trình thực thi, phải kịp thời phát hiện, phân tích và đánh giá khách quan những nhược điểm, hạn chế; đồng thời phải có kế hoạch và biện pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời.

Những yếu kém, hạn chế cũng đã được tỉnh nghiêm túc rút ra là:

Thứ nhất, trong quá trình triển khai phát triển nghề nuôi tôm, việc hoàn chỉnh các vùng

quy hoạch còn chậm trễ, nếu không muốn nói là còn rất chậm. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến công sức, chi phí cũng như làm giảm đáng kể hiệu quả kinh tế của chương trình, mà nguyên nhân cơ bản là do trình tự giải quyết các thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm và công kênh.

Thứ hai, trong khi nhu cầu đầu tư cho một vùng sản xuất thủy sản nói chung, phát triển nghề nuôi tôm nói riêng cần huy động số vốn rất lớn thì nguồn ngân sách địa phương lại quá hạn hẹp và đầu tư chưa tập trung nên tiến độ triển khai có lúc bị chững lại.

Thứ ba, hầu hết các vùng nuôi thả tôm giống với mật độ khá cao, vượt trên mức cho phép theo khuyến cáo của ngành, trong khi trình độ quản lý và yêu cầu kỹ thuật lại chưa tương xứng. Điều đáng nói là, tình trạng nuôi tôm tự phát đã làm nảy sinh dịch bệnh, gây thiệt hại lớn cho sản xuất (điển hình như năm 2002, tại khu vực đầm Nai có 70% diện tích nuôi tôm thu hoạch chỉ hòa hoặc lỗ vốn do dịch bệnh).

Thứ tư, tính cộng đồng trong sản xuất nuôi tôm chưa được nâng cao, nhất là trong khâu xử lý các chất thải và trong việc phòng, chống dịch bệnh. Còn nhiều hộ và cơ sở sản xuất tôm giống chưa chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về các yêu cầu xử lý môi trường, dịch bệnh, quy hoạch hồ, đầm... gây ảnh hưởng trực tiếp và không nhỏ cho công tác quản lý và gián tiếp kéo lùi hiệu quả kinh tế đối với những vùng nuôi tôm đã được quy hoạch.

Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận đang đối mặt với hai cái thiếu trong lĩnh vực sản xuất tôm sú giống. Đó là *thiếu tôm bố mẹ* và *thiếu lực lượng kỹ thuật* đứng trại. Riêng về giống, theo đồng chí Nguyễn Tấn Tùng, Phó Giám đốc Sở Thủy sản Ninh Thuận thì: "Do tốc độ trại phát triển nhanh nên nguồn tôm bố mẹ tại chỗ không thể đáp ứng được, buộc Ninh Thuận phải "huy động" tôm bố mẹ từ nhiều địa phương trong cả nước, thậm chí phải nhập ngoại tôm bố mẹ từ các nước Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a. Mặt trái của vấn đề này là, nếu

kiểm soát không chặt chẽ, nguy cơ mắc bệnh tôm sẽ rất cao. Vì thế, việc thiếu hụt nguồn giống tôm đang và sẽ là mối đe dọa đối với nghề nuôi tôm ở Ninh Thuận cả về trước mắt cũng như lâu dài".

Ninh Thuận đang rất cần những "cú hích" "ngoại lực" để phát triển nghề nuôi tôm với tốc độ nhanh, mạnh. Một trong các ngoại lực đó là cần có một nguồn vốn lớn, với lãi suất phù hợp, để nhân dân chủ động đầu tư phát triển nghề nuôi tôm. Đây là một nhu cầu cần kíp và rất chính đáng, bởi vì để bảo đảm nuôi tôm thâm canh, đòi hỏi phải có nguồn vốn (cả vốn lưu động và cố định) rất lớn. Nhưng bao trùm lên tất cả là Ninh Thuận đang cần có những quyết định, những cơ chế, chính sách phù hợp từ Chính phủ và các cấp, các ngành có thẩm quyền; từ quy hoạch, định hướng đầu tư phát triển, đến đổi mới chính sách quản lý.

Người dân Ninh Thuận hôm nay vẫn nói rằng: Muốn nuôi tôm phải có thần kinh vững. Sở dĩ vậy là vì, trong tâm huyết làm giàu từ con tôm, người dân Ninh Thuận (cũng như các nơi khác trong cả nước) đang chưa hết trần trở về những rủi ro có thể gặp phải. Đó là các vấn đề: ô nhiễm môi trường vùng nuôi chưa được giải quyết triệt để; chất lượng tôm giống chưa bảo đảm; một số dịch bệnh trên tôm chưa có biện pháp chữa trị hữu hiệu, v.v..

Khi nào thì người dân ở vùng tôm Ninh Thuận chỉ cần sức lực và tâm huyết đã có thể "yên chí lớn" làm giàu; nỗi băn khoăn "phải có thần kinh..." sẽ lùi vào quá khứ? Chỉ có Chính phủ, và trực tiếp là các bộ, ngành từ Trung ương đến tỉnh mới có câu trả lời xác đáng.

Dẫu chưa thực sự hài lòng, nhưng nội lực của tỉnh nhà cho nghề tôm đã được khơi dậy và được khẳng định. Ninh Thuận đang rất mong đợi những sự tiếp sức mới từ bên ngoài. Chỉ có nguồn lực tổng hợp đó mới có thể giúp Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Ninh Thuận sớm đưa mục tiêu "dân giàu, nước mạnh" thành hiện thực. □

ĐẢNG và Nhà nước ta đã có chủ trương tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, coi đó là nhiệm vụ quan trọng, là giải pháp có tính đột phá trong phát triển khoa học và công nghệ, hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kết luận về khoa học và công nghệ của Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) chỉ rõ, cần *tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.*

Rà soát các cơ chế, chính sách hiện có và xây dựng cơ chế, chính sách mới để hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp nghiên cứu khoa học và thường xuyên đổi mới công nghệ, thúc đẩy các hoạt động thị trường khoa học và công nghệ. Hoàn thiện cơ sở pháp lý và nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Chủ trương đó của Đảng đã và đang được các nhà khoa học, giới sản xuất, kinh doanh và các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ đặc biệt quan tâm, tìm các biện pháp triển khai trong cuộc sống. Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003, sau một thời gian chuẩn bị hết sức khẩn trương và trong 3 ngày (13-15/10) đã diễn ra sôi động và kết thúc tốt đẹp với kết quả vượt các dự kiến ban đầu. Sự kiện này đánh dấu bước đột phá quan trọng, sự khởi phát đáng mừng của thị trường khoa học và công nghệ ở nước ta.

Chợ có ý nghĩa to lớn trong việc tạo sự liên kết hữu cơ giữa nghiên cứu - phát triển, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; tạo lực kéo từ thị trường đối với hoạt động khoa học và công nghệ và phát huy lực đẩy từ các công

Chợ công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 - khâu đột phá trên thị trường khoa học và công nghệ

TẠ BÁ HUNG*

nghệ tiên tiến tới các doanh nghiệp và đời sống xã hội; tôn vinh năng lực khoa học và công nghệ nước nhà; thúc đẩy việc tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ nước ta.

Lần đầu tiên ở Việt Nam, Chợ Công nghệ và Thiết bị được tổ chức ở quy mô toàn quốc, mang tính chất đa ngành, đa lĩnh vực. Với phương châm "liên kết cùng phát triển", Chợ Công nghệ và Thiết bị là một hoạt động thúc đẩy hình thành các quan hệ đối tác và môi trường thuận lợi cho quá trình chuyển giao và đổi mới công nghệ. Chợ có những điểm khác biệt quan trọng so với hội chợ, triển lãm thương mại thông thường. Chợ nhằm mục đích chủ yếu là thúc đẩy chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức nhằm nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường bằng hàm lượng trí tuệ, "chất xám" trong dây chuyền, quy trình sản xuất, trong từng sản phẩm, hàng hóa được tạo ra. Đối tượng xúc tiến thương mại ở đây không

* TS. Giám đốc Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ.

phải là hàng hóa theo nghĩa thông thường mà chính là tri thức khoa học - công nghệ được biến thành công nghệ và thiết bị tiên tiến. Đó cũng là biện pháp thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm trí tuệ, kết quả nghiên cứu - phát triển của tổ chức và cá nhân sáng tạo.

Về phương thức, quy trình tổ chức và vận hành, Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam mang những nét đặc trưng riêng. Nó chỉ được tổ chức sau khi đã tiến hành xác lập được hai dòng thông tin. *Một là*, thông tin về từng thiết bị, từng công nghệ và năng lực khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia giới thiệu, chào bán, tức là thông tin về "cung" công nghệ. *Hai là*, thông tin về nhu cầu công nghệ, thiết bị cần mua, nhu cầu về tư vấn đổi mới, chuyển giao công nghệ của khách hàng, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, tức là thông tin về "cầu" công nghệ. Trên cơ sở các thông tin đó, Chợ là nơi ráp nối các quan hệ "cung - cầu", giao dịch, thương thảo, đàm phán tiến tới cung cấp, mua bán các loại thiết bị tiên tiến và chuyển giao công nghệ thích hợp.

Về lĩnh vực bao quát, Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 không hạn chế, mà khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi lĩnh vực tham gia giới thiệu và chào bán công nghệ và thiết bị tiên tiến. Một số lĩnh vực được đặc biệt khuyến khích tham gia bao gồm: nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản; chế biến thực phẩm; cơ khí - chế tạo máy - tự động hóa; điện tử - tin học - bưu chính - viễn thông; dệt - may - da giày; cao-su - nhựa; y tế - dược phẩm; xử lý và bảo vệ môi trường.

Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 có những hoạt động chủ yếu:

- *Trước khai mạc*: Sơ bộ nắm bắt và ráp nối thông tin về "cung" và "cầu" công nghệ, thiết bị; thu thập và xuất bản thông tin cung - cầu

dưới dạng ca-ta-lô trên CD-ROM, xây dựng cơ sở dữ liệu cung - cầu công nghệ.

- *Trong thời gian họp*: Tiến hành giao dịch, mua - bán thiết bị, công nghệ; thương thảo, đàm phán, ký kết bản ghi nhớ, thỏa thuận, hợp đồng mua bán, chuyển giao công nghệ. Điều quan trọng là tổ chức các diễn đàn giao lưu, hội thảo theo các vấn đề được nhiều người quan tâm như: cơ chế chính sách và vai trò của các tổ chức khoa học và công nghệ trong chuyển giao công nghệ và đổi mới công nghệ; sở hữu công nghiệp và phát triển thị trường công nghệ; giao lưu giữa các địa phương với các nhà khoa học, các doanh nghiệp về vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- *Sau khi bế mạc*: Duy trì và thúc đẩy giao dịch, đàm phán, tạo quan hệ đối tác tin cậy và bền vững trong chuyển giao công nghệ.

Là bộ phận cấu thành của Chợ Công nghệ và Thiết bị, Chợ công nghệ ảo Việt Nam (Chợ ảo) được thiết kế và triển khai trước khi Chợ Công nghệ và Thiết bị chính thức khai mạc. Chợ ảo được duy trì thường xuyên, liên tục trên in-tơ-nét. Các đơn vị tham gia có điều kiện giới thiệu, chào bán công nghệ và thiết bị của mình; giới thiệu năng lực khoa học và công nghệ; yêu cầu tìm kiếm đối tác chuyển giao công nghệ. Các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu công nghệ, thiết bị cũng có thể đưa ra các nhu cầu công nghệ để tìm kiếm đối tác. Chợ ảo là sàn giao dịch điện tử hữu hiệu và thiết thực cho tất cả những ai muốn tham gia thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam. Chợ ảo đã được đưa vào hoạt động trên mạng in-tơ-nét một tháng trước khi khai mạc Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003. Chỉ tính từ ngày 9-10 đến ngày 15-10 đã có 14 000 lượt người truy cập

vào Chợ ảo và giao dịch qua mạng về các vấn đề liên quan đến công nghệ, thiết bị, các đối tác chuyển giao công nghệ. Chính Chợ ảo đã góp phần không nhỏ vào việc kết nối các đối tác, dẫn đến việc ký kết các bản ghi nhớ, các hợp đồng mua bán công nghệ trong thời gian Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 diễn ra tại Trung tâm Hội chợ Triển lãm Giảng Võ, Hà Nội.

Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 là một sự kiện lớn được xã hội đánh giá cao bởi quy mô, tính thiết thực và hiệu quả đạt được. Với sự tham gia tích cực và hào hứng của các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp, các bộ, ngành và địa phương trong cả nước, được sự tham gia và cổ vũ nhiệt tình của các cơ quan truyền thông đại chúng của trung ương và các địa phương, Chợ đã thực sự trở thành cuộc biểu dương lực lượng hùng hậu của khoa học và công nghệ Việt Nam trong thời kỳ đổi mới; thắp sáng lên ngọn đuốc sáng tạo thúc đẩy mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ tiến quân trên mặt trận khoa học và công nghệ, biến khoa học và công nghệ thành động lực to lớn thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Các số liệu thu được cho thấy, mọi chỉ tiêu đề ra ban đầu đối với Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 đều đã đạt và vượt. Có 319 đơn vị tham gia (vượt 69 đơn vị so với chỉ tiêu) trong đó: gần 100 viện, phân viện và trung tâm nghiên cứu - phát triển; 50 đơn vị thuộc 11 trường đại học, học viện; hơn 100 doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau; 34 đơn vị nước ngoài đến từ Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Cộng hòa liên bang Đức... với gần 400 gian hàng (tăng gần 150 gian so với dự kiến), trên 2 000 công nghệ, thiết bị và dịch vụ thuộc các lĩnh vực khác nhau: Cơ khí - chế tạo máy và tự động hóa: 531 (27,9%) công nghệ

và 14 dịch vụ; y tế - dược phẩm - vật liệu - hóa chất: 283 (14,8%) công nghệ và 97 dịch vụ; điện tử - tin học - viễn thông: 277 (14,5%) công nghệ và 23 dịch vụ; nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản: 190 (9,8%) công nghệ và 9 dịch vụ; chế biến thực phẩm: 185 (9,7%) công nghệ và 11 dịch vụ; xử lý và bảo vệ môi trường: 149 (7,8%) công nghệ và 19 dịch vụ; dệt may - da giày: 82 (4,2%) công nghệ và 2 dịch vụ; dầu khí - luyện kim - cao-su - nhựa: 79 (4%) công nghệ và 5 dịch vụ. Các lĩnh vực khác: 156 (8,2%) công nghệ và 16 dịch vụ.

Hai mươi bảy tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các đơn vị tham gia; 676 hợp đồng và bản ghi nhớ đã được ký kết, trong đó: 334 hợp đồng mua bán công nghệ và thiết bị với tổng giá trị lên tới 1 000 tỉ đồng; có những hợp đồng đạt trị giá lớn tới 11 và 19 triệu USD. Nhiều đơn vị đã ký được hàng chục hợp đồng trị giá hàng chục tỉ đồng. Ví dụ: Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch đã ký 53 hợp đồng trị giá 23,4 tỉ đồng; Công ty Cổ phần phân bón FITO-HOOCMON ký 13 hợp đồng trị giá gần 49,58 tỉ đồng; Đại học Bách khoa Hà Nội ký 10 hợp đồng trị giá gần 11,52 tỉ đồng; Công ty Dịch vụ khuyến ngư trung ương ký 10 hợp đồng kinh tế chuyển giao công nghệ nuôi tôm sạch bằng phương pháp sử dụng chế phẩm sinh học, năng suất cao trị giá 1,776 tỉ đồng với các đối tác ở Hà Nội, Hưng Yên, Hà Nam, Thanh Hóa, Thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm Công nghệ Laser thuộc Viện Ứng dụng công nghệ đã ký 7 hợp đồng trị giá 3,28 tỉ đồng...

Các đơn vị nước ngoài đã giới thiệu, chào bán gần 100 công nghệ và thiết bị tiên tiến phù hợp với yêu cầu của Việt Nam. Các gian hàng của Hàn Quốc ký kết được 70 hợp đồng với trị giá 2 triệu USD.

Trong thời gian diễn ra Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003, hai hội thảo khoa học và một buổi giao lưu đã được tổ chức, thu hút sự tham gia của trên 500 đại biểu. Các tham luận và ý kiến thảo luận đã góp phần làm sáng tỏ thêm một số vấn đề thời sự về lý luận và thực tiễn liên quan tới tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Ngoài hoạt động chủ yếu tại Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 là tìm hiểu, trao đổi, thương thảo trực tiếp tại các gian hàng, ký kết các bản ghi nhớ và hợp đồng mua bán công nghệ, một hoạt động khác không kém phần quan trọng được tiến hành, đó là hoạt động xét thưởng và trao giải thưởng. Trong số gần 2 000 công nghệ và thiết bị tham gia, các đơn vị đã tự đăng ký xin xét thưởng trên 300 công nghệ cụ thể. Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quy chế và các tiêu chí xét thưởng, thành lập sáu Hội đồng xét thưởng với 48 chuyên gia đại diện cho các lĩnh vực hữu quan. Trên cơ sở xem xét, đánh giá các hồ sơ, thẩm định cụ thể các thiết bị, công nghệ trưng bày tại Chợ, căn cứ vào mức độ quan tâm của khách hàng, số lượng hợp đồng, bản ghi nhớ được ký kết ngay trong hai ngày đầu tiên, Ban Tổ chức đã trao giải thưởng **Huy chương Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003** cho 141 công nghệ và thiết bị. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã tặng bằng khen cho các tập thể và cá nhân tham gia tích cực.

Chín cá nhân điển hình trong hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật của nông dân, công nhân được mời tham dự và giới thiệu kết quả sáng tạo của mình tại Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003. Gian hàng của các cá nhân điển hình này đã thu hút sự chú ý của đông đảo khách tham quan, được các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước quan tâm và động viên.

Điều đặc biệt là, trong 3 ngày họp, Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 lúc nào cũng "đông như chợ Tết". Tất cả người bán, người mua, người đi xem chợ đều tỏ vẻ hài lòng. Theo phiếu thăm dò ý kiến thu được ngay tại các buổi Chợ, hầu hết đều cho rằng, Chợ đã đáp ứng được hoặc một phần những mong đợi của khách hàng. Nhiều ý kiến cho rằng, Chợ họp 3 ngày là quá ngắn và nên tổ chức định kỳ hằng năm hoặc thường xuyên hơn. Mặc dù chợ đã rất đông, song không ít người yêu cầu cần đẩy mạnh hơn nữa khâu tuyên truyền, quảng cáo để mọi người biết đến và tham dự sự kiện thiết thực và có ý nghĩa quan trọng như Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003.

Dù còn không ít khiếm khuyết cần được khắc phục, song kết quả và hiệu quả đích thực của Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 thật đáng khích lệ. Ai cũng nhận thấy rằng, tổ chức và duy trì Chợ là việc làm hết sức hiệu quả, thiết thực và khả thi. Đây thực sự là khâu đột phá trong việc tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở nước ta. Cầu nối thực sự đã được tạo ra giữa cung và cầu công nghệ. Các quan hệ đối tác bền chặt giữa các tổ chức khoa học và công nghệ, các nhà sản xuất, kinh doanh và các nhà quản lý đã và đang được hình thành và phát triển.

Liên kết cùng phát triển chính là bức thông điệp mà Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 gửi tới mọi người cùng phấn đấu để khoa học và công nghệ thực sự trở thành quốc sách hàng đầu; giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thành công của Chợ là sự thể hiện sinh động, là bước khởi đầu quan trọng trong việc đưa vào cuộc sống chủ trương quan trọng của Đảng và Nhà nước về tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở nước ta. □

ĐẤT MŨI - miền văn hóa sông nước

PHẠM ĐỨC DƯƠNG*



Đường tới Năm Căn

Ảnh : Quang Bình

TỪ thị xã Cà Mau, chúng tôi đi Năm Căn qua cửa sông Bảy Háp ra Đất Mũi - nơi tận cùng phía Nam của Tổ Quốc. Chúng tôi đang ngồi trên chiếc ca-nô chạy với tốc độ 70 km/giờ mà cứ tưởng như mình đang ngồi trong ô-tô chạy trên con đường nhựa bạc trắng với hai hàng cây. Chỉ có điều khác, đường ở đây là con đường sông và mỗi lần ca-nô đi qua thì đẩy sóng dạt sang đôi bờ làm lay động rặng cây bao quanh. Thỉnh thoảng chúng tôi lại gặp những xóm nhà sàn nằm sát bên bờ nước. Nhà làm bằng gỗ đước, lợp lá dừa ngoảnh mặt ra sông, chum vại xếp hàng dọc trên sàn nhà. Người ta đi lại bằng ghe xuồng ba lá. Thỉnh thoảng hiện ra một "phố nhỏ" với vài cửa hàng tạp hóa. Sóng vỗ ồm ồm. Tôi nhớ tới cảnh những "làng nước" (kôngpông iar) ở Ma-lai-xi-a, Bru-nây mà tôi có dịp đi qua. Cũng những kênh rạch, những rừng đước, rừng dừa... và

thấp thoáng sau xa là những vườn cây, những đồng lúa.

Khi nghiên cứu nền văn minh lúa nước Đông Nam Á, chúng tôi nhận ra người Việt đã áp dụng mô hình văn hóa xã hội lúa nước của người Tày cổ vùng thung lũng xuống đồng bằng sông Hồng với công cuộc khai khẩn lấn biển lâu dài tạo dựng nên những cánh đồng màu mỡ thẳng cánh cò bay. Người dân Giao Thủy ở Nam Định đã đúc kết quá trình lấn biển "lúa lấn cói, cói lấn cá, cá lấn biển", nghĩa là ruộng cói đi trước, lúa nước theo sau. Phải chăng vì thế mà cây cói đã gắn bó với cuộc sống "một nắng hai sương" của người dân đồng bằng Bắc Bộ: *lúc sổng dùng chiếu để đắp, lúc chết dùng manh chiếu để chôn*.

* Giáo sư ngôn ngữ học, Chủ tịch Hội Nghiên cứu Đông Nam Á - Việt Nam

Vào Đất Mũi chúng tôi gặp lại cảnh con người cùng với thiên nhiên lấn biển nói rộng phần đất này. Con người vẫn là con người ấy - người Việt từ Bắc vào, nhưng ở đây đất rừng phương Nam khác lạ và đầy huyền bí - mảnh đất kỳ diệu với một nền văn hóa đặc sắc.

Đất Cà Mau như một chiếc lưỡi cày khổng lồ cắm sâu vào lòng biển, ba mặt giáp nước. Lần đầu tiên trong đời, chúng tôi được nhìn thấy mặt trời mọc trên biển và cũng lặn xuống biển. Dòng sông Cửu Long (vốn phiên âm từ Klong = sông, được giải nghĩa theo âm Hán - Việt là chín con rồng) bắt nguồn từ Tây Tạng chảy qua sáu nước (Trung Quốc, Mi-an-ma, Lào, Thái Lan, Cam-pu-chia, Việt Nam) dài 4 200 km đã chuyển tải một lượng phù sa rất lớn (một tỉ tấn/năm) và đổ ra Biển Đông tạo thành những cửa sông bao quanh bờ biển Nam Bộ, và phù sa lắng đọng thành những vùng sinh lầy mỗi năm lấn ra biển hơn 100 m. Ở Đất Mũi chúng ta thấy những hạt phù sa kết vón thành hòn và phủ lên cát. Thiên nhiên đã cử một đội quân "rừng sặc" vĩ đại chặn phù sa. Đó là những rừng sú vẹt "đôi mặt với biển" với hai loại cây đặc biệt: cây mắm và cây đước song hành. Mắm chắn gió và đước chắn sóng. Cây mắm bám trụ nhờ bộ rễ ngoằn ngoèo vừa cắm sâu vừa tỏa rộng. Cây mắm thân mềm, cành mắm cong queo, uốn éo đủ mọi chiều theo gió thổi. Với hệ thống rễ trôi (người địa phương gọi là cái ngó nhọn) làm cho cây mắm càng vững chãi. Mắm cùng với cây giá là những cây chắn sóng. Cây đước có bộ rễ tuyệt vời mà người địa phương gọi là chang đước gồm hai tầng: tầng thấp là bộ rễ bám trụ, tầng cao là bộ rễ chống đỡ. Cây đước đã tự phân thân mình thành một bộ rễ lớn gấp nhiều lần chính nó và tạo nên một giàn giáo hệ thống chân bám với một diện tích rộng vừa chống sóng vừa chặn phù sa. Thiên nhiên còn ban cho trái đước một phương thức rụng cắm xuống biển mọc thành cây. Là một loại cây lưỡng tính, hoa đước tự thụ phấn và có dáng hình thuyền nhọn hai đầu, phần dưới to hơn nên khi rụng trái cắm thẳng xuống bùn và mọc thành cây. Với bộ rễ vĩ đại, với đàn con vây quanh thành mạng, cứ thế cây đước sinh sôi nảy nở và rừng đước vươn dài ra biển.

Đội quân lấn biển hình thành nên những cánh rừng ngập mặn với đủ loại binh chủng theo phương thức: phù sa bám vào rễ cây, rễ cây bám vào đất, đất lấn dần ra biển để lại phía sau những "láng biển" nước lợ với những rừng tràm, rừng dừa nước, rồi lúa nước theo sau. Trái tràm nhỏ li ti, mùa khô theo chiều gió bay khắp cả vùng, chờ mưa xuống tràm nảy mầm và lớn lên trong mùa nước, và như có phép tiên, tràm lan tỏa như một tấm áo choàng màu xanh kỳ diệu bao phủ lên vùng sinh lầy. Xen với tràm là cây mốp cao vút lên tới vài chục mét, thân to mềm xốp chứa đầy nước dự phòng. Người dân ở đây dùng rễ mốp làm nút chai, vành đệm mũ cối thay cho bần. Hệ sinh thái rừng ngập mặn hết sức phong phú, đa dạng cả về thực vật lẫn động vật với những trảng, những láng, những hệ thống kênh rạch chằng chịt, quanh co uốn khúc đi mãi mà chẳng được mấy đoạn đường, lại gặp nhiều lần "giáp nước", "vừa bị nước ngược vừa bị nước xuôi", nước ngưng, phù sa lắng đọng, dân gian gọi là "lưng lừa":

"Ở mũi Ông Trang anh đi vô rừng đước

Vừa bị nước ngược, vừa bị nước xuôi

Còn hơn ở xứ Ba Dơi

Chèo gàn một buổi, quay lên coi... kể bên bờ"

Sông nước vùng Đất Mũi này đặt trước con người và sinh vật những thách thức mà chúng phải thích nghi tạo nên một lối ứng xử, một nếp sống mang tính đặc thù. Đến cây lúa cũng phải "theo nước" để khỏi bị ngập. Lúa Tàu binh, lúa Nàng Tây có khi vươn dài tới 20 cm trong một ngày đêm. Con người thì phải sống chung trên nước dưới rừng với cạp, cá sấu, rắn độc:

"U Minh, Rạch Giá thị quá sơn trường

Xuống sông sáu bắt, lên rừng cạp tha"

Sống giữa biển trời sông nước mênh mông hoang vu đó, người dân phải thâm nhập vào cuộc sống của muôn loài và nắm bắt được tính nét của chúng. Thật ra, với con người mọi thứ dữ chỉ chống lại khi chúng cảm thấy bị đe dọa. Có câu chuyện kể rằng, ông Tư già có tài bắt rắn, có thể nhận biết rắn ngay khi chúng còn nằm trong hang. Ông xem dấu răng mà biết được rắn đực

hay cái, rắn trẻ hay già. Mỗi lần bắt rắn, ông dùng tay vỗ nhẹ vào miệng hang, ông lăm bằm như đang đọc một câu "thần chú" vô nghĩa. Thế là dưới hang, vài chú rắn to lần lượt bò lên và nằm bất động sát chỗ ông ngồi. rồi ông "bế" chúng xuống thuyền thả vào khoang. Ông còn bắt rắn diễn trò chào khách. Ông nói rắn hiền khô, nó chỉ cắn khi giật mình và cảm thấy bị đe dọa.

Ngày xưa người ta nói, *đất Nam Bộ là đất trời cho, làm giả ăn thật*. Đúng vậy, lúc đầu con người sống nhờ "chim rừng cá ruộng". Ở Cà Mau quả có nhiều vườn chim. Chim rừng đủ các loại hạc, cò, nhưng đáng giá phải kể chim bồ nông từ Biển Hồ (Cam-pu-chia) về làm tổ trong lùm cây dương xỉ. Chim bồ nông một năm tuổi nặng tới 5 - 6 kg, cánh dài khoảng một sải tay, lông màu xám nhạt óng ánh như tơ cho con người sản phẩm có giá trị như trứng, thịt, lông. Đứng trên chòi chim chúng tôi thấy cả một rừng cò trắng trên cây gọi nhau ồn ào náo nhiệt như vỡ chợ. Rừng cho con người nhiều thứ: mật ong hoa trầm thơm ngọt, củi than trầm đỏ rực, thú vật để ăn. Nhưng có lẽ nguồn thực phẩm dồi dào nhất vẫn là cá tôm. Cá đồng loài đen có trê, lóc, lươn, rùa...; cá sông loài trắng có chêm, chép... Tôm có đủ loại: sú, càng, xanh, thê... Người ta lấy giống tôm tự nhiên trong mùa tôm đẻ đưa vào nuôi trong ruộng và cứ tự nhiên mà thu hoạch. Con lươn ở đây to bằng cổ chân, người không quen tưởng là rắn. Người ta đóng nò, cắm chà, đặt vó, quăng chà, thả câu... để bắt cá mùa nước lên cũng như mùa nước xuống. Nổi tiếng nhất vùng này là đánh cá bằng giàn nò. Ở đây nổi lên một nhân vật như huyền thoại: "thầy nò". Ông có bí quyết tạo ra dòng chảy ở đáy sông phù hợp với tính nết của đàn cá trong thời kỳ cá xuống đẻ. Khi các chú cá búống bình "đội nò" không chịu vào rọ thì người thầy nò phải "ém". Ông ta lặn xuống đáy sông để "nghe nước" hoặc "phá xói" để dẫn cá chạy nò vào rọ. Muốn vậy thầy nò phải "nghe nước" bằng tai, bằng lỗ mũi và bằng những sợi tóc. Các thầy nò cũng là những ông trạng chuyện, nhưng bí mật nhà nghề, ông không nói cho ai, thậm chí còn "linh hóa" bằng cách cúng vái các thần linh.

Người dân Đất Mũi rất thích món rắn vi cá (một loại rắn như cá có thể nhảy cao khỏi mặt nước để bắt mồi) thái thành lát nấu gừng ăn với rau đắng và bún, thích dùng lá cách gọi cá thịt để nướng, trong đó có món bánh xèo gói lá cách (giống như ở miền Bắc và miền Trung dùng lá lốt). Cá tra (có nơi còn gọi là cá hú hay cá đồ) theo mùa nước nổi từ Cam-pu-chia xuôi về rất nhiều, được nuôi trong ao chuôm, có con nặng tới 5 - 7 kg, người ta phải dùng móc sắt, dây thừng với mồi bằng nắm cơm để câu. Ngày nay nó trở thành một loài cá xuất khẩu. Mùa nước nổi những đàn chuột đồng tụ tập trên những gò đồng và cung cấp cho con người một loại đặc sản thịt chuột.

Dân Cà Mau từ nhiều miền kéo tới để khai hoang lập ấp, khai thác tổng hợp các giá trị của thiên nhiên cả nông - lâm - ngư nghiệp. Ở đây, có 4 loại làng: làng ruộng, làng vườn, làng rừng, làng chài. Nếu như thiên nhiên ra sức lấn biển tạo nên những bãi sinh lầy, thì đến lượt mình, con người lại cải tạo chúng thành những đồng ruộng, những miệt vườn, những rừng cây nuôi tôm thả cá. Chúng tôi đã được người dân địa phương cho biết về kỹ thuật làm vườn nơi Đất Mũi. Người ta đã đào rạch đưa đất phèn lên hai bờ thành những liếp, dùng nước để rửa đất. Đầu tiên họ giồng cây chuối để cải tạo đất. Chuối ưa đất phèn và có một bộ rễ lớn dài hàng thước. Chuối mẹ rồi chuối con mở rộng bộ rễ của mình trên liếp mương làm cho đất thoáng, rễ chuối biến thành phân hữu cơ. Sau ba năm, người ta bắt đầu trồng cây ăn quả và biến cả một vùng đất thành miệt vườn.

Người dân đồng bằng sông Cửu Long không có khái niệm chống lũ mà từ lâu họ đã *sống chung với lũ*. Ở miền Bắc, đồng bằng sông Hồng khi phù sa chưa lấp đầy thì người Tây cổ đã thể nghiệm thành công mô hình kinh tế - xã hội lúa nước vùng thung lũng hẹp chân núi quanh vịnh Hà Nội. Do sức ép của dân số vùng núi trên những thêm cô hẹp của các dòng sông, hơn nữa do sự hấp dẫn của cuộc sống ổn định trồng lúa nước, hàng loạt người làm nương rẫy vùng cao đã tràn xuống đồng bằng còn ngập nước và cộng cư

với người Tày cổ. Tại đây, người ta đã đắp đê ngăn lũ bảo vệ vùng cư trú và quai đê lấn biển. Do đó, đê kéo dài ra tận bờ biển. Trong lúc đó, đồng bằng sông Cửu Long - một châu thổ rất lớn - đã được phù sa hoàn tất việc lấp bằng. Khi con người vào đây khai hoang lập ấp, họ chung sống với lũ và ra sức đào kênh rạch cho lũ thoát nhanh. Lũ về đem phù sa phủ lên ruộng, bỏ cá lại trong ao chuôm sông rạch, còn lũ trẻ con thì nghịch nước. Như vậy, ngoài Bắc thì đắp đê chống lũ, trong Nam thì đào kênh cho lũ thoát. Đương nhiên có những vùng trũng như Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên lũ rút chậm hơn. Ngày nay, phát triển vùng châu thổ, dân số ngày càng đông đúc, người ta lập làng, xây đường, dựng thị tứ, thị trấn, thành phố, nhưng không có kế hoạch thoát lũ, hơn nữa lại tưởng rằng con người ngày nay có thể cưỡng lại lũ, nên chúng ta đã làm nhiều điều trái với quy luật tự nhiên khi chưa đủ vốn và công nghệ, thậm chí muốn trồng cây ăn quả trên cả những vùng sâu ngập nước lâu ngày... Và bây giờ, tỉnh ra chúng ta mới hô hào người dân chung sống với lũ; thay vì thông kênh rạch để tạo nên một hệ thống thoát lũ thì người ta lại đắp đê bao, đê vùng...

Giờ đây vùng sinh thái Đất Mũi đang hồi sinh. Chúng ta nhớ lại năm 1930, rừng Cà Mau có khoảng 300 000 ha, gồm: rừng đước 200 000 ha và 100 000 ha rừng tràm. Đây là hệ sinh thái liên hoàn khép kín, giàu tiềm năng kinh tế và nhiều loài động vật quý hiếm sống dưới tán rừng. Trải qua nhiều biến động, rừng Cà Mau bị khai phá quá mức làm cho diện tích bị thu hẹp, chất lượng bị giảm sút nghiêm trọng, nhiều loài động vật, thực vật đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Sau năm 1975, diện tích rừng Cà Mau chỉ còn 118 000 ha, đến nay còn khoảng 100 000 ha, trong đó rừng ngập mặn 166 000 ha, rừng tràm 39 000 ha. Hiện trạng rừng hầu như mất đi tính tự nhiên. Phần lớn diện tích rừng hiện nay là do vừa khôi phục, tái sinh và trồng mới. Trong một vài năm trở lại đây, Cà Mau đã trồng thêm được 50 461 ha tập trung, tỷ lệ cây sống hằng năm đạt 90%. 24 đơn vị được giao quản lý thực hiện việc

giao đất, khoán rừng cho gần 20 400 hộ dân quản lý sản xuất trên diện tích hơn 95 500 ha. Nhiều mô hình quản lý trồng rừng tiên tiến đã xuất hiện, đời sống người dân không ngừng được cải thiện. Nạn cháy rừng trầm U Minh hôm nay đang giảm đi rõ rệt. Có được kết quả đó là do chúng ta đã đầu tư đúng mức cho công tác phòng cháy chữa cháy. Hơn nữa, vai trò của chủ rừng được phát huy và nâng cao vị thế, cư dân sống trong lâm phần có nhận thức đúng đắn về quản lý, bảo vệ, khôi phục, phòng chống cháy rừng. Từng dải rừng nằm bám đất phù sa bãi bồi, vũng vàng nơi đầu sóng ngọn gió mở đường cho rừng được tiến dài ra biển. Và từng "tắc đất chết trắng" trước đây đang từng ngày hồi sinh trả lại cho rừng những thảm rừng trồng mới đã khép tán. Những loài thủy sản, đặc sản dưới tán rừng sau thời gian di cư lánh nạn, nay quay trở về sinh sôi nảy nở.

Ở đời có vay có trả. Với ý chí kiên cường, trí tuệ phóng khoáng, tinh thần lạc quan, người dân Đất Mũi dù là người Việt, người Khơ Me hay người Hoa... đã đổ bao mồ hôi nước mắt và cả xương máu để xây dựng và bảo vệ vùng đất đầu sóng ngọn gió vô cùng quý giá này của Tổ quốc. Họ là chủ nhân chính đảm nhiệm phát triển vùng đất phỉ nhiêu này.

Ba trăm năm so với đời người có thể là dài, nhưng so với thiên nhiên thì quá non trẻ. Nhưng nhìn thấy cảnh sống hôm nay trên Đất Mũi: làng mạc san sát bên bờ nước, thuyền ghe đi lại tấp nập trên sông trên biển, đường đất và điện nước nối tận ấp mũi, thị trấn Năm Căn như một phố nổi trên nước cổ vũ và hướng người Việt ra làm ăn trên biển góp phần với Cà Mau và các tỉnh miền Tây Nam Bộ, mở rộng tầm mắt của nước ta ra đại dương mênh mông, thiết lập các mối quan hệ làm ăn buôn bán trên đường biển với các nước láng giềng và quốc tế... ai mà không sung sướng, xúc động đối với con người và thiên nhiên của một miền văn hóa sông nước. Con người Đất Mũi đã, đang và sẽ vượt qua những thách thức để góp phần cùng nhân dân cả nước xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh. □



Căn bệnh trầm kha

NAM DUNG

Y kiến tranh luận trong "Hội nghị Diên Hồng" của tỉnh E. hôm ấy sôi nổi lạ thường. Nhiều vấn đề chí lý, nhiều việc phải bàn và làm ngay. Nhưng tựu trung lại là, vì sao đã qua mấy nhiệm kỳ mà tỉnh E. vẫn "tăng trưởng tại chỗ"? Ý kiến mềm có, gay gắt có nhưng cơ bản là tâm huyết và hiến kế để tìm ra "chìa khóa" cho sự phát triển của tỉnh.

Có ý kiến rằng, phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế thật mạnh, để chống tụt hậu. Phải lấy kinh tế làm trọng tâm. Không bật GDP lên thì chưa thể nói làm việc gì khác được. Kinh tế phát triển sẽ kéo theo mọi thứ. Các tỉnh, các nước ngay gần chúng ta đã cho thấy điều đó... Các cụ nhà ta từ xưa đã từng đúc kết "có thực mới vực được đạo"... Có người thì khẳng định, phải đầu tư cho giáo dục. Đó là chiến lược, là quốc sách hàng đầu. Dân trí cao mới là yếu tố gốc, yếu tố quyết định. Nếu chỉ chú trọng kinh tế thì thiên lệch, không thể có một nền

kinh tế bền vững, càng không thể nói tới làm chủ kiến thức khoa học - kỹ thuật và chủ động hội nhập kinh tế khu vực...

Ý kiến khác lại cho rằng, phải thu hút đầu tư trong và ngoài nước; tỉnh ta phải có đội ngũ cán bộ công chức, cán bộ kỹ thuật và lực lượng công nhân lành nghề, đủ khả năng thực thi với các dự án đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao. Thu hút đầu tư phải là vấn đề hàng đầu. Nơi nào có đầu tư mạnh nơi ấy sẽ phát triển, giải quyết được nhiều việc làm cho dân... Người thì nhấn mạnh, cần tập trung cho công tác xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Cơ sở mới là "tế bào", mới là gốc, mới là then chốt. Cơ sở yếu thì khó nói gì tới kinh tế hay giáo dục. Nhỡn tiền cho thấy, kinh tế một số nơi tuy có đạt được một số kết quả nhưng vẫn thiếu nền tảng cơ sở, cán bộ hỏng không ít; tham nhũng, tham ô từng đây làm xói mòn lòng tin của dân, v.v..

... Đến lúc ông B. nguyên là cán bộ chủ chốt của tỉnh

trước đây, đã nghỉ hưu, hôm nay được mời về dự lên phát biểu, dường như Hội nghị có chiều lắng xuống. Ông nói: Mỗi ý kiến các đồng chí nêu ra đều có khía cạnh đúng. Nhưng điều quy tụ quan trọng ở đây là gì? Vẫn chưa được bàn đến thấu đáo. Tỉnh ta có thể mạnh về nhiều mặt và đã từng là lá cờ đầu của nhiều phong trào thi đua toàn quốc. Vậy đã gần 10 năm nay các chỉ tiêu về kinh tế, văn hóa, xã hội... của tỉnh đều "được" xếp hạng đứng gần cuối trong số các tỉnh, thành phố cả nước. Ngừng giây lát, ông B. tiếp: Hôm nay, là người con của tỉnh, cho phép tôi được nói thẳng, nói thật và nhắc lại rằng, ý kiến của nhiều đại biểu là rất hay, rất đúng nhưng vẫn chưa bắt trúng "bệnh". Tôi xin nêu đề chúng ta tham khảo:

Thứ nhất, căn bệnh nguy hại nằm ngay trong bộ máy lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, đó là chuyện *mất đoàn kết*. Không ít các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ bằng mặt mà không bằng lòng nhau, cứ âm ỉ như đám trâu chày thềm, thậm chí có đồng chí nói một đằng làm một nẻo. Tôi được biết, khi trên cho ta bổ sung thêm một Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lúc họp, ai cũng thấy là rất cần và thống nhất giới thiệu đồng chí Y. để Ban Chấp

hành bầu. Nhưng khi bầu thì ngay trong Ban Thường vụ, có mấy đồng chí đi vận động bỏ phiếu trắng? Thế là thế nào? Đến lúc trên tăng cường một đồng chí khác vào Ban Thường vụ thì đồng chí đó bị "ngâm tẩy chay". Còn chuyện sắp xếp các chức danh trong tỉnh diễn ra rất gay gắt. Nếu như đây là một cuộc "cạnh tranh" lành mạnh để chọn người hiền tài thì chắc dân mừng lắm. Nhưng không, nào thì phe phái kình địch, đấu đá lẫn nhau; nào thì vận động, tung tin thất thiệt, "gấp lửa bỏ bàn tay", dựng lên mọi chuyện để gây rối, gây hoang mang trong dân, gây ly gián ngay trong chính hàng ngũ lãnh đạo tỉnh... Thử hỏi những việc như vậy là gì? Chúng ta vì dân hay đang có tội với dân?

Loại "bệnh" thứ hai cũng không kém phần nguy hại đó là bệnh *sách nhiễu, phiền hà*. Một số doanh nghiệp kêu than, "cửa ải" để làm ăn ở tỉnh ta đây "chông gai" và "nguy hiểm". Một dự án đầu tư phải qua quá nhiều cửa, phiền phức không đáng có. Rồi tiêu cực, vôi vĩnh cũng không phải ít. Đến khi dự án có thể vào thì cơ hội kinh doanh đã qua đi và "nuê khí làm ăn đã bị thui chột". Còn chuyện dư luận nói về bộ máy công quyền của xã, phường ở một số huyện, thị, xã cửa quyền, những nhiễu dân khiến chúng ta không thể yên tâm. Chỗ nào cũng nói đến chuyện "phí cửa". Thậm chí có trường hợp đi kêu, đi kiện đến mấy năm trời chỗ nào cũng nói không thuộc quyền tôi giải quyết. Rồi họ không biết kêu đâu?

Là cán bộ xã, phường nhưng luật nắm không vững; cơ chế, chính sách không thuộc, làm việc theo "lệ" là chính, được đâu hay đấy, thế mà vẫn tranh đua đòi "đúng mũi chịu sào" trước hàng nghìn, hàng vạn dân mới là chuyện đáng lo?

Ông B. tiếp: Hai thứ "căn bệnh" trên là *căn bệnh trầm kha* tồn tại ở tỉnh ta đã khá lâu. Nếu chúng ta muốn nói đến phát triển, muốn thực sự vì dân thì không ai khác, chính chúng ta phải ra tay "giải phẫu" để cắt "căn bệnh" đó đi. Ta thường nói tới thời cơ và thách thức. Hai "căn bệnh" trên đang là *nội thách thức* do chúng ta tạo ra trước tiến trình phát triển của tỉnh nhà.

Hội nghị lắng hẩn xuống. Rồi như bưng tỉnh hẩn lên... □



Một thoáng Bình Thuận

Ảnh : Quang Bình



KHÁI QUÁT NHÌN LẠI THẾ GIỚI NĂM 2003

NGUYỄN THỊ HOA

KHÔNG phải ngẫu nhiên khi có quan điểm cho rằng, năm 2003 được bắt đầu từ ngày 20-3 với việc nhà cầm quyền Anh - Mỹ đơn phương tấn công I-rắc. Bởi, xét trên góc độ chính trị quốc tế, cuộc chiến này là một trong những sự kiện nổi bật nhất trong năm nay, nó tác động sâu xa đến tình hình cục diện khu vực và các quan hệ quốc tế. Nhưng cũng có ý kiến nhận xét, năm 2003 được mở đầu bằng trận dịch viêm đường hô hấp cấp (SARS) khiến kinh tế một số khu vực trên thế giới trở nên lao đao. Các ý kiến đó dù không giống nhau song đều nói lên rằng thế giới đi qua năm 2003 với vô vàn sự kiện, diễn biến phức tạp, với nhiều biến số khó lường trong đời sống chính trị, kinh tế quốc tế.

Nền chính trị, an ninh thế giới năm 2003 ẩn chứa những yếu tố phức tạp. Khủng bố là một trong những mối đe dọa hàng đầu ở một số nơi trên thế giới. Từ vụ đánh bom cảm tử liên tiếp trong 5 ngày tại thủ đô I-xtan-bun (Thổ Nhĩ Kỳ), một chuỗi các vụ khủng bố đẫm máu ở Nga, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Thổ Nhĩ Kỳ, I-rắc, I-xra-en... đến những lời đe dọa khủng bố các mục tiêu của Mỹ và lực lượng đồng minh cho thấy các vụ tấn công bất ngờ trên quy mô rộng có thể xảy ra ở bất kỳ nơi nào trên thế giới. Khủng bố là vết thương nhức nhối chưa có phương thức hiệu quả chữa trị và phải cần một thời gian dài để triệt phá.

Những thay đổi, điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ đã làm cho tình hình một số khu vực trở nên căng thẳng, phức tạp. Mỹ mượn cớ chống khủng bố để thiết lập trật tự thế giới một cực, đơn phương tiến hành cuộc tấn công I-rắc, bất chấp công ước và luật pháp quốc tế. Mỹ thi hành chiến lược đánh đòn phủ đầu, sử dụng vũ lực để thay đổi chính quyền, định hình lại bản đồ chính trị khu vực. Chính sách đơn phương của Mỹ tạo ra một tiền lệ nguy hiểm trên thế giới: các nước khác không được lòng Mỹ, cũng sẽ chịu chung số phận là trở thành tầm ngắm của cuộc chiến "chống khủng bố" do Mỹ cầm đầu. Điều này đã đặt nền an ninh chính trị quốc tế vào sự thách thức.

Trong cuộc chiến I-rắc, cộng đồng quốc tế bị chia rẽ về cách thức giải quyết khủng hoảng. Mâu thuẫn giữa Mỹ và các nước khác chung quanh việc sắp xếp và tái thiết I-rắc sau chiến tranh có chiều hướng lắng dịu khi một số nước đồng ý xóa nợ cho I-rắc. Nhưng mâu thuẫn không thể chấm dứt khi một số nước đòi đặt giá cho việc tham gia cuộc chiến và nhất là khi Mỹ gạt một số nước ra khỏi cuộc đấu thầu tái thiết I-rắc.

Cuộc chiến I-rắc đã kết thúc từ ngày 1-5-2003 theo như lời tuyên bố của Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ, nhưng cho đến nay, nước



Lễ khai mạc Kỳ họp thứ 58 Đại hội đồng Liên hợp quốc.

Ảnh: TL

Mỹ vẫn chưa ra khỏi cuộc chiến tranh này và thậm chí, ngày càng có nguy cơ bị sa lầy tới mức không thể kiểm soát được tình hình. Dùng chiến tranh để thiết lập nền "hòa bình" và "ổn định" ở I-rắc nhưng lại lờ đi nguyện vọng và lợi ích của nhân dân I-rắc là điều không tưởng. Bởi cho đến nay, các cuộc chiến tranh du kích ngầm của người I-rắc vẫn liên tiếp nhằm vào các mục tiêu của Mỹ và các lực lượng liên quân. Mỹ có tham vọng thiết lập "tự do hóa, dân chủ hóa" khu vực Trung Đông nhưng chừng nào Mỹ chưa ổn định được tình hình ở I-rắc, Áp-ga-ni-xtan, thì chừng đó còn chưa thể nói tới việc bảo trợ cho tiến trình hòa bình khu vực.

Năm 2003, Trung Đông có nhiều biến động nhất, là một trong những điểm nóng của thế giới và là nơi thử nghiệm cho chính sách của Mỹ và các nước lớn có liên quan. Tuy nhiên, hàng loạt vấn đề vẫn chưa giải quyết, nhất là mâu thuẫn giữa người A-rập và Do Thái xung quanh quy chế Giê-ru-xa-lem; vấn đề người tị nạn; việc thành lập nhà nước Pa-le-xin độc lập. Do vậy, Trung Đông vẫn chưa thoát khỏi vòng luẩn quẩn của xung đột, bạo lực và khủng bố. Những nỗ lực của các bên liên quan và của cộng đồng quốc tế trong việc xây dựng một lộ trình hòa bình do nhóm "bộ tứ" bảo trợ, và cho dù hiệp định Giơ-ne-vơ có tiến hành nhằm vực Trung Đông khỏi bãi lầy của khủng hoảng đem lại một sự thay đổi ở mảnh đất vốn đã hằn sâu mối chia rẽ và đã từng nhuốm quá nhiều máu và nước mắt... nhưng khó có thể hy vọng mang lại những kết quả mong đợi.

Châu Phi là lục địa kém phát triển nhất thế giới đang nỗ lực khắc phục khó khăn, tìm kiếm con đường phát triển, từng bước tham gia hội nhập quốc tế. Việc các nước lớn trong thời gian gần đây tăng cường quan hệ với châu Phi để tranh giành ảnh hưởng cho thấy châu lục này không còn là "lục địa bị lãng quên". Chuyến công du của Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ tới các nước châu Phi hồi đầu tháng 7-2003 cho thấy Mỹ bắt đầu để tâm tới châu Phi. Hội nghị thượng đỉnh các nước công nghiệp phát triển ở Ê-vi-ăng (6-2003) đã tuyên bố xóa 36 tỉ USD tiền nợ, giúp đỡ phòng chống HIV/AIDS ở châu Phi. Tuy nhiên, để giúp châu Phi thoát khỏi các vấn đề "kinh niên" là nghèo đói, nợ nần, dịch bệnh, đòi hỏi

các nước giàu có phương Tây tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong việc gỡ bỏ các rào cản thương mại, hạn chế các hình thức bảo trợ, để bảo đảm châu Phi khi mở cửa thị trường có thể thu được lợi ích thương mại.

Năm 2003 cũng là năm khu vực và thế giới lấy lại đà tăng trưởng kinh tế, bất chấp chiến sự tại I-rắc và dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp (SARS). Sở dĩ đạt được điều này, vì có sự tăng trưởng của các nền kinh tế lớn như Nhật Bản, Trung Quốc, Mỹ. Theo dự đoán của Ngân hàng thế giới, kinh tế thế giới tăng trưởng 3,2%, các nước phát triển là 1% và đang phát triển là 5%. Châu Á - Thái Bình Dương là một trong những điểm sáng trong bức tranh toàn cảnh kinh tế thế giới. Mức tăng trưởng của khu vực này là 6,5%, trong đó Trung Quốc là nước có mức tăng trưởng cao nhất khu vực (7,5 %), đồng thời là một trong các địa điểm thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài. Với mức tăng trưởng 3,9%, các nước ASEAN tiếp tục có những bước phát triển mới, khẳng định tầm vóc mới trong bối cảnh hướng tới một khu vực hòa bình, hợp tác, phồn vinh. Tháng 10-2003, các nước này đã ký kết hiệp định lịch sử nhằm tiến tới xây dựng một Cộng đồng khu vực kinh tế tự do vào năm 2020 với ba trụ cột chính là hợp tác an ninh - chính trị, hợp tác kinh tế và hợp tác văn hóa - xã hội. Hội nghị 10 + 3 (ASEAN + Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) đã đề ra phương hướng hợp tác trong thời gian tới. Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) diễn ra năm qua càng nhấn mạnh sự tăng cường hợp tác, cam kết thúc đẩy tự do hóa thương mại và đầu tư ở khu vực.

Bên cạnh những điểm sáng, nền kinh tế thế giới vẫn hàm chứa những gam màu tối. Thất bại của Hội nghị Bộ trưởng lần thứ năm của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) diễn ra ở Can-cun (Mê-hi-cô) đã phủ màn u ám lên bức

tranh kinh tế thế giới, làm cho quá trình hoàn thành vòng đàm phán Đô-ha (tháng 11-2001) với mục tiêu là khôi phục lại thương mại thế giới bằng cách ủng hộ những nước nghèo nhất đã bị chững lại. Thất bại của Hội nghị Can-cun cho thấy các nước phát triển và đang phát triển đã không tìm được tiếng nói chung trong nhiều vấn đề về nông nghiệp và chính sách thương mại do chính sách bảo hộ mậu dịch của các nước phát triển. Điều đáng nói là, sự sụp đổ của Can-cun không chỉ thể hiện cuộc khủng hoảng sâu sắc của WTO mà thực chất là làm cho người bị thua thiệt nhiều nhất là các nước nghèo và kém phát triển, đẩy sâu hơn sự phân cực giàu nghèo trên thế giới.

Cuộc cạnh tranh kinh tế giữa các trung tâm kinh tế thế giới vẫn là chủ đề chính trong nền kinh tế thế giới. Các nước vừa có sự thỏa hiệp nhân nhượng, mặc cả với nhau, vừa có sự kiềm chế lẫn nhau và tranh giành lợi ích. Giữa các nước dù có sự điều chỉnh, phối hợp, ràng buộc nhau nhưng vẫn không tránh khỏi sự bất đồng, mâu thuẫn trên các vấn đề cụ thể. Chẳng hạn như về chính trị, dù tránh đối đầu với Mỹ, nhưng về kinh tế, vẫn có sự dọ dẫm quyết liệt để trở thành một cực đối chọi Mỹ. Mỗi quan hệ giữa các nước lớn có xu hướng ngày càng đi vào thực dụng, vừa đấu tranh vừa hợp tác, vừa kiềm chế vừa thỏa hiệp nhau. Quan hệ Mỹ - Trung Quốc, Mỹ - Nga đã có những điều chỉnh nhất định. Các nước một mặt tránh đối đầu với Mỹ, mặt khác thiết lập quan hệ với các nước lớn khác nhằm nâng cao tính độc lập tự chủ.

Năm 2003 cũng là năm biến động của thị trường tài chính toàn cầu. Đồng đô-la Mỹ lên xuống thất thường, và thời gian qua, đã bị giảm mạnh: 40% so với đồng ơ-rô và 10% so với đồng yên. Sở dĩ xảy ra tình trạng này là do Mỹ phát động các cuộc chiến tranh và mở rộng can thiệp quân sự nhiều nơi trên thế giới. Sự

biến động của thị trường tài chính toàn cầu đã ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới.

Mặc dù các cuộc xung đột vũ trang, tấn công khủng bố có xu hướng ngày càng gia tăng, các cuộc xung đột tôn giáo, sắc tộc diễn ra ở một số nơi nhưng xu thế đối thoại, hợp tác vẫn là nét cơ bản của thế giới. Điều này phù hợp với lợi ích cơ bản giữa các bên và phù hợp với nhận thức chung của nhiều nước trên thế giới. Cuộc đối đầu giữa Mỹ và I-ran chung quanh chương trình hạt nhân của Tê-hê-ran từ lâu đã làm bầu không khí khu vực nóng lên nhưng những động thái mới về việc I-ran ngừng việc sản xuất u-ra-ni-um, sẵn sàng ký kết nghị định thư bổ sung Hiệp định không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) đã tháo gỡ nỗi của cuộc khủng hoảng hạt nhân và nguy cơ bùng nổ một cuộc chiến tranh mới ở Vùng Vịnh. Cuộc đàm phán 6 bên ở Bắc Kinh đã tạo ra những bước đi đầu tiên trong việc khắc phục khủng hoảng, giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên kéo dài hơn một năm qua. Li-bi bị Mỹ xếp là một trong 7 nước "cứng đầu" nhất cũng đã công bố từ bỏ vũ khí hạt nhân hủy diệt, cho phép các tổ chức quốc tế thanh tra. Ở khu vực Nam Á, những dấu hiệu tích cực ở khu vực tranh chấp Ca-sơ-mia giữa Ấn Độ và Pa-ki-xtan đã góp phần làm dịu bớt sự căng thẳng giữa hai nước, tuy cốt lõi của những mối bất hòa chưa hoàn toàn được giải quyết. Tất cả những sự kiện đó góp phần làm giảm bớt căng thẳng trong khu vực.

Phong trào đấu tranh của các lực lượng dân chủ, tiến bộ, các nước đang phát triển vì một trật tự thế giới công bằng, vì một toàn cầu hóa cho cả người nghèo làm cho bức tranh toàn cảnh thế giới năm 2003 có nhiều sắc thái mới. Điều đó cảnh báo rằng, các nước công nghiệp phát triển không thể tiếp tục làm ngơ trước một thế giới còn đói nghèo, nợ nần. Chừng nào

các vấn nạn đó chưa được giải quyết thì thế giới vẫn chưa thể yên bình bởi một trong những nguồn gốc của tệ khủng bố và tội ác chính là sự nghèo đói.

Năm 2003, có lúc, có nơi, nền hòa bình, ổn định của các khu vực bị đe dọa; nền chính trị quốc tế bị thao túng. Nhưng hòa bình và phát triển vẫn là xu thế lớn của thời đại. Các cuộc biểu tình, đấu tranh rầm rộ của các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới phản đối Mỹ xâm lược và chiếm đóng I-rắc, chống bạo quyền đã khẳng định một ước nguyện chung của các quốc gia, dân tộc về một nền hòa bình toàn cầu, không có xung đột, bạo lực, chiến tranh. Cuộc đấu tranh này chắc chắn sẽ còn tiếp diễn, là nhân tố quan trọng trong bức tranh thế giới đa sắc, nhiều chiều.

Toàn bộ những diễn biến phức tạp trong khu vực và trên thế giới năm 2003 đã tác động, ảnh hưởng nhiều mặt đến Việt Nam. Song với bản lĩnh vững vàng, tầm nhìn xa trông rộng, chúng ta vẫn tiếp tục phát triển, cơ bản vẫn duy trì được ổn định kinh tế - xã hội, đạt mức tăng trưởng cao (7,24% GDP), giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội, ngày càng khẳng định vị thế, vai trò của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế. Dự luận thế giới đánh giá cao nỗ lực của Việt Nam trong việc đẩy lùi, khống chế nạn dịch SARS. Việt Nam được báo chí thế giới coi là nơi an toàn nhất, điểm du lịch tốt nhất khu vực. Những thành tựu mà chúng ta đạt được trong bối cảnh toàn cầu như vậy đã khẳng định rằng, con đường ta đi là đúng đắn, hợp lòng người, thuận chiều đất nước. Vận nước đang đến, chúng ta tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp, tranh thủ thời cơ, khắc phục khó khăn, thách thức, đưa công cuộc đổi mới tiến lên, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

CU-BA HIÊN NGANG TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG BỐN MƯƠI LĂM NĂM

VÔ THỦ PHƯƠNG

GIỮA mệnh mông đại dương, đất nước - hòn đảo nhỏ Cu-ba hứng chịu biết bao sóng gió, bão bùng. Nhưng, vượt qua mọi thử thách, Cu-ba vẫn hiên ngang, tự hào đi lên, xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đứng đầu ngọn sóng

Cách đây đúng 45 năm, ngày mùng 1 tháng Giêng năm 1959, cách mạng Cu-ba dưới sự lãnh đạo của Phi-đen Ca-xtơ-rô đã thành công. Chế độ độc tài Ba-ti-xta thân Mỹ bị lật đổ. Chính quyền cách mạng của nhân dân lao động được thành lập. Nhân dân Cu-ba bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Chính phủ Cu-ba. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ không cam chịu cảnh trong "sân sau" của mình lại tồn tại một nước Cu-ba xã hội chủ nghĩa. Các thế lực Mỹ hiếu chiến đã giúp đỡ những tổ chức Cu-ba phản động lưu vong thực hiện một chiến dịch phản công quy mô hòng đoạt lại chính quyền. Tháng tư năm 1961, bãi biển Hy-rông đã chứng kiến sự thất bại thảm hại của đội quân do Mỹ đào tạo - chiến dịch đổ bộ tái chiếm Cu-ba hoàn toàn đổ vỡ.

Ngay trước khi diễn ra bản anh hùng ca lịch sử Hy-rông, Đảng và Chính phủ Cu-ba đã tuyên bố khẳng định tính chất xã hội chủ nghĩa của cuộc cách mạng mà mình tiến hành.

Vừa giành được chính quyền, Đảng và Chính phủ Cu-ba đã thực hiện một cuộc cải cách sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực: cải cách ruộng đất, quốc hữu hóa các công ty của tư sản dân tộc và tư bản nước ngoài; áp dụng chính sách phúc lợi xã hội xã hội chủ nghĩa cho toàn dân: toàn dân được hưởng chế độ giáo dục, chăm sóc y tế, hoạt động thể thao, vui chơi giải trí... miễn phí - đây là điều mà ngay cả những nước phát triển cũng khó có được!. Đất nước Cu-ba với sự nỗ lực đáng kinh ngạc của nhân dân cùng sự giúp đỡ của bè bạn trên thế giới, đặc biệt là Liên Xô, đã có những bước tiến đầy tự hào. Nếu so sánh với trước ngày cách mạng thành công với 24% số dân mù chữ, chỉ có 56% số dân được sử dụng điện, không có y tế ở nông thôn, thì đến cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, số người mù chữ chỉ còn dưới 5%, cứ 7 người dân có một người tốt nghiệp đại học, mạng lưới điện đã phủ 95% lãnh thổ quốc gia, binh quân 250 người dân có 1 bác sĩ, Cu-ba đã vươn lên vị trí dẫn đầu thế giới thứ ba, và vượt một số nước phát triển về chỉ số phát triển con người (HDI).

Sóng cả không ngã tay chèo

Con đường cách mạng Cu-ba vượt qua không hề bằng phẳng mà vô cùng khúc

khuyết, đầy chông gai, thử thách. Giai đoạn gay gắt nhất đối với cách mạng Cu-ba là sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Cu-ba bị rơi vào thế bao vây tứ bề, tất cả các nguồn viện trợ như những huyết mạch của nền kinh tế Cu-ba bị cắt đứt. Đất nước Cu-ba chao đảo, nhân dân bị lâm vào cảnh thiếu thốn, khó khăn. Nhưng, nhân dân Cu-ba vẫn kiên cường, với tinh thần "Tổ quốc hay là chết". Từ trong muôn ngàn gian khó, thậm chí đói khổ, người dân Cu-ba vẫn kiên cường đi lên, vượt mọi gian nan, trụ vững giữa phong ba bão táp. Nguồn lực nào đã tạo ra ý chí và động lực thúc đẩy nhân dân Cu-ba vươn lên?. Trước hết, đó là quá trình giải phóng năng lượng - giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người được Đảng Cộng sản và Chính phủ Cu-ba thực hiện sau ngày cách mạng thành công. Thứ hai, những quyền lợi mà cách mạng đem lại cho nhân dân Cu-ba chỉ có dưới chế độ xã hội chủ nghĩa: quyền được sống trong một đất nước độc lập, tự do, có chủ quyền; quyền có việc làm và được hưởng thành quả lao động của chính mình; quyền được chăm sóc y tế, được hưởng nền giáo dục đầy tính nhân văn; quyền được hưởng thụ văn hóa - nghệ thuật và giải trí; quyền được sống không bị phân biệt đối xử về màu da, về giới, về tín ngưỡng... Ý thức của nhân dân về độc lập dân tộc, về tự do, bình đẳng và bác ái được nâng cao, từ đó hình thành một khối đoàn kết thống nhất, tập hợp xung quanh Đảng và Chính phủ Cu-ba, chống lại những mưu toan áp đặt từ bên ngoài. Thứ ba, Đảng, Chính phủ và nhân dân Cu-ba ngày càng trưởng thành qua những thử thách, hiểm nguy: cuộc đổ bộ "Hy-rông", vụ khủng hoảng tên lửa 1962, cuộc bao vây cấm vận suốt 45 năm... tạo nên, rèn đúc, tôi luyện

ý chí và sức quật khởi của con người trên Hòn đảo Tự do này.

Từ năm 1993, năm bắt đầu công cuộc cải cách, Cu-ba đã từng bước vượt qua khó khăn thử thách, dần dần gượng dậy từ cuộc khủng hoảng nghiệt ngã, và đã bước đầu đạt được những thành tựu trong nhiều lĩnh vực:

Về kinh tế, Cu-ba đã áp dụng nhiều chính sách kinh tế và các biện pháp đồng bộ để thúc đẩy kinh tế phát triển. Quốc hội khóa V đã thông qua luật mới về hợp tác xã, trong đó có các hợp tác xã tín dụng và dịch vụ, các hợp tác xã nông nghiệp. Theo luật mới, các hợp tác xã được quyền tự vạch kế hoạch sản xuất của mình mà không phụ thuộc vào bộ, ngành của Chính phủ. Năm 2002, mức sử dụng nguồn đầu tư phát triển là 93% (so với 50% năm 1994), thâm hụt ngân sách giảm từ 33,5% GDP (năm 1993) xuống còn 3% (năm 2002). Khai thác dầu khí đạt 4,1 triệu tấn (so với 500 nghìn tấn năm 1994). Tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 6% (năm 2000) xuống còn 3,5% (năm 2002). Do thiên tai và do sự suy thoái kinh tế chung trong khu vực, đặc biệt là sự suy thoái của các nền kinh tế lớn như Bra-xin (nợ nước ngoài lên tới 260 tỉ USD, đồng Real mất giá, bạo lực gia tăng...), khiến cho nền kinh tế Cu-ba tăng trưởng không cao trong năm 2002: 1,1 %, dự tính năm 2003 Cu-ba có mức tăng trưởng cao hơn: 1,5 %.

Cu-ba là một nước được thế giới đánh giá cao trong công tác xóa đói giảm nghèo. Đại diện của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) tại Cu-ba, ông Rô-béc-tô A-ri-at Mi-gia, trong lời phát biểu tại cuộc họp báo ngày 29-9-2000, tại La Ha-ba-na, đã khẳng định Cu-ba là một đối tác tích cực của FAO trong chương trình an ninh lương thực và là một trong số ít nước trên thế giới thực hiện nghiêm túc công tác xóa đói giảm nghèo ở tất cả các cấp, thành thị

cũng như nông thôn. Năm 2002 là năm đầu tiên sau 43 năm, kể từ khi chính quyền cách mạng lãnh đạo đất nước, Cu-ba bắt đầu nhập khẩu lương thực, thực phẩm của Mỹ. Trong thực tế, kim ngạch xuất khẩu của Mỹ sang Cu-ba từ tháng 1 đến tháng 9-2002 đã tăng vọt lên tới 109,4 triệu USD so với 2,3 triệu USD cùng kỳ năm 2001.

Du lịch của Cu-ba cũng có những bước tiến đáng kể. Theo Bộ Du lịch Cu-ba, từ năm 1990, du lịch đã trở thành ngành phát triển năng động nhất của nền kinh tế quốc dân Cu-ba và là một trong những yếu tố chính góp phần thúc đẩy quá trình phục hồi kinh tế. Trong số các nước châu Mỹ, Cu-ba đã nhảy vọt từ vị trí 23 lên vị trí thứ 9 về lượng khách du lịch, và từ vị trí 21 lên vị trí thứ 8 về doanh thu du lịch. Nguồn thu ngân sách từ du lịch tăng trung bình mỗi năm 28% (trong thời gian từ năm 1990 đến 2001). Số phòng khách sạn tăng từ 12 900 phòng (năm 1990) lên 40 000 phòng (năm 2001), trong đó có 68% số phòng đạt tiêu chuẩn 4 - 5 sao. Đối với Cu-ba, du lịch thật sự là một động lực thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành nghề khác như công nghiệp nhẹ, nông nghiệp, lương thực thực phẩm, đánh cá... Du lịch là một ngành truyền thống của Cu-ba. Sáu tháng đầu năm 2003, Cu-ba đã đón khoảng 1 triệu lượt khách du lịch, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2002. Với thu nhập gần 2 tỉ USD/năm, trong những năm tới, chắc chắn ngành du lịch còn đem lại cho đất nước và nhân dân Cu-ba nhiều lợi nhuận hơn nữa.

Nói đến kinh tế Cu-ba không thể không nhắc tới ngành công nghiệp mía - đường - một thời đã rơi vào suy thoái trầm trọng bởi nhiều lý do. Cu-ba hiện đang bắt đầu cơ cấu lại ngành này bằng nguồn tài chính quốc tế. Trong chương trình cơ cấu lại ngành mía - đường, dự kiến hoàn thành vào năm 2004,

Cu-ba sẽ đóng cửa 71 trong tổng số 156 nhà máy đường hiện có, 7 nhà máy sẽ được chuyển thành nhà bảo tàng để phục vụ ngành du lịch, 68% diện tích trồng mía sẽ được chuyển sang trồng các loại cây lương thực, chăn nuôi và trồng rừng. Đây là một chiến lược kinh tế - xã hội lớn của Cu-ba nhằm nâng cao hiệu quả cho ngành mía - đường và giải quyết một số khó khăn trong nền kinh tế Cu-ba.

Về **chính trị**, hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, quyền lực của nhân dân, vai trò lãnh đạo của Đảng và Chính phủ Cu-ba không ngừng được củng cố và phát triển. Cu-ba đã tiến hành cải cách cơ cấu hành chính, chống nạn quan liêu, chống nạn tham nhũng... Trong bài phát biểu tại Lễ bế mạc Đại hội lần thứ VI các Ủy ban bảo vệ cách mạng Cu-ba (CDR), tối 28-8-2003, Chủ tịch Phi-đen Ca-xtrô-rô đã bày tỏ niềm tự hào về tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước và phẩm chất, đạo đức tốt đẹp của quảng đại nhân dân, mà nòng cốt là CDR. Chủ tịch Phi-đen Ca-xtrô-rô nêu rõ: Bí quyết tồn tại của cách mạng Cu-ba là biết dựa vào quần chúng. Chính sự ủng hộ của các tổ chức quần chúng đã giúp cách mạng Cu-ba vượt qua được thử thách, đứng vững trước những hành động xâm lược và bao vây của các thế lực hiếu chiến phản động. Trước những thắng lợi trên mặt trận kinh tế, những thành công trong lĩnh vực chống tham nhũng, chống quan liêu, lòng tin của nhân dân vào Đảng Cộng sản, vào chế độ và công cuộc cải cách ngày càng được củng cố và tăng cường.

Vị thế của Cu-ba trên trường quốc tế đang ngày càng được nâng cao. Đại hội đồng Liên hợp quốc liên tục ra nghị quyết phản đối chính sách bao vây cấm vận của Mỹ chống Cu-ba. Về phần mình, Cu-ba chủ động kiến

tạo và duy trì quan hệ tốt với nhiều quốc gia trên thế giới. Trong lĩnh vực giáo dục, Cu-ba đã và đang giúp đỡ nhiều nước xóa nạn mù chữ như: Niu Di-lân, Ni-ca-ra-go-a, Mê-hi-cô, Ha-i-ti và nhiều nước khác. Cu-ba có quan hệ hợp tác với nhiều nước trên thế giới ở nhiều lĩnh vực: y tế, giáo dục, nông nghiệp, xây dựng, thương mại, khoa học và kỹ thuật. Với Việt Nam, Cu-ba tiếp tục nâng cao mối quan hệ anh em bền chặt được Chủ tịch Phi-đen Ca-xtơ-rô và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt nền móng và dày công vun đắp. Cu-ba là nước đầu tiên trên thế giới thành lập tổ chức đoàn kết với Việt Nam chống Mỹ xâm lược. Mới đây, ngày 23-9-2003 vừa qua, tổ chức này (nay là Hội hữu nghị Cu-ba - Việt Nam) đã kỷ niệm 40 năm ngày thành lập.

Giáo dục và y tế là niềm tự hào của nhân dân Cu-ba, và là tấm gương sáng trên lĩnh vực này. Trong tình hình kinh tế đất nước đang khó khăn như hiện nay, Chính phủ Cu-ba vẫn dành 11,4% GDP cho giáo dục và

17,6% GDP cho y tế. Và, với sự đầu tư đó, Cu-ba đã thu được những thành quả rất đáng khâm phục: phổ cập tiểu học 100% số dân, phổ cập phổ thông cơ sở 98% số dân, 95,3% số dân được dùng nước sạch, tất cả trẻ em đều được tiêm chủng 13 căn bệnh cơ bản, cả nước có 436 bệnh viện đa khoa, 275 bệnh viện chuyên khoa, 13 viện y học chuyên ngành... tuổi thọ bình quân người dân Cu-ba đạt 76 tuổi.

Nhìn lại lịch sử 45 năm cách mạng Cu-ba, nhân dân Cu-ba và bè bạn anh em của Hòn đảo Tự do trên khắp năm châu càng tự hào về những gì mà cách mạng Cu-ba đã đạt được. Đảng, Chính phủ và nhân dân Cu-ba đã không ngã tay chèo trước muôn vàn sóng to gió cả. Chúng ta có đầy đủ cơ sở để tin tưởng vững chắc rằng, nhân dân Cu-ba với ý chí vững vàng và niềm tin sắt đá vào tương lai của mình, sẽ tiếp tục tiến bước thắng lợi trên con đường cách mạng đầy khó khăn nhưng vô cùng vinh quang. □



Một góc
bãi biển
Cu-ba

Ảnh : TL



VIỆT NAM NĂM 2003 QUA CÒN MẮT NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

NĂM 2003, mặc dù còn nhiều khó khăn và thách thức, nền kinh tế nước ta vẫn đạt mức tăng trưởng khá. Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội đều đạt và vượt kế hoạch. Công nghiệp và xuất khẩu đạt mức tăng cao. Các nguồn lực cho đầu tư và phát triển được huy động tốt hơn, đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thu ngân sách nhà nước vượt dự toán. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được cải thiện. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội đều có bước phát triển. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Tình hình chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội được giữ vững. Quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng, vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Đặc biệt, năm 2003, nước ta đã đăng cai và tổ chức thành công Đại hội Thể thao Đông - Nam Á lần thứ 22 (SEA Games 22) và Đại hội thể thao người khuyết tật Đông - Nam Á lần thứ 2 (ASEAN Para Games 2). Những thành tựu này được báo chí, tổ chức và người nước ngoài đánh giá cao, đã tạo ra sự phấn khởi để chúng ta tiến bước vững chắc vào năm 2004.

Qua báo chí...

Nhân dịp SEA Games 22, mục "Xin chào" của *Com-pát*, tờ báo lớn nhất của In-đô-nê-xi-a, đã đăng bài ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh và quan hệ Việt Nam - In-đô-nê-xi-a. Bài báo viết: "Người Việt Nam gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh là Bác Hồ, một cách xưng hô kính trọng và triu

mến. Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời năm 1969, nhưng đến nay, ngày ngày hàng nghìn người Việt Nam và nước ngoài vẫn nối nhau vào Lăng viếng Bác Hồ để bày tỏ lòng tôn kính Người". Bài báo bày tỏ sự khâm phục khi nhiều người Việt Nam, mặc dù tuổi còn rất trẻ, đều hiểu rõ về Bác Hồ. Thế hệ trẻ Việt Nam luôn ghi nhớ những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt là lời dạy nổi tiếng: "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

Việt Nam từ chiến tranh sang phát triển là nhan đề bài viết đăng trên tờ *Người lao động - Cơ quan ngôn luận của Trung tâm những người lao động Cu-ba* - số ra tuần cuối tháng 11-2003. Bài báo có đoạn viết: "Với chính sách đổi mới, cải cách kinh tế vĩ mô và hội nhập, Việt Nam là một trong số 15 nước đạt chỉ số tăng trưởng cao nhất thế giới. Nét nổi bật trong quá trình phát triển của Việt Nam là Nhà nước nắm quyền chủ yếu trong các hoạt động kinh tế của đất nước, không tư hữu hóa các nguồn năng lượng và khí đốt, đồng thời khuyến khích cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp. Các thành tựu kinh tế của Việt Nam không tách rời phát triển xã hội. Tỷ lệ các hộ nghèo giảm rõ rệt tại các vùng nông thôn, miền núi và dự kiến đến năm 2010, tất cả các làng và 93% số hộ gia đình Việt Nam sẽ có điện. Việt Nam đang đẩy mạnh tin học hóa xã hội phục vụ phát triển đất nước và nâng cao đời sống nhân dân".

Bài báo kết luận: "Nước Văn Lang ngày xưa hiện đang có quan hệ ngoại giao với gần 200 nước trên thế giới và ngày càng tiến tới việc hoàn thiện chủ nghĩa xã hội với những nét riêng của mình".

Hãng Roi-tơ đưa tin: "Kinh tế Việt Nam đang có tốc độ phát triển nhanh nhất trong khu vực Đông - Nam Á, với tỷ lệ tăng trưởng trên 7% trong năm 2003, nhờ sự gia tăng mạnh trong các ngành công nghệ và xây dựng. Trong 10 tháng đầu năm, mức sản xuất đầu máy đi-ê-den đã tăng vọt 164% so với cùng kỳ năm ngoái; công nghiệp lắp ráp ô-tô có tỷ lệ tăng trưởng là 37%, trong khi mức sản xuất quần áo, đường và quạt máy cũng tăng trưởng hơn 40%".

Báo chí Đức trong mấy ngày đầu tháng 11-2003 liên tục đưa tin, bài về Việt Nam. *Tờ Thế giới*, số ra ngày 7-11-2003, đã dành cả trang lớn viết về khách du lịch vào Việt Nam, trong đó giới thiệu các đền đài, cung điện; các bãi biển còn nguyên khai; những nét hoang sơ xen lẫn hiện đại, những nền văn hóa đan xen và phong phú... Bài báo cho rằng, những điều đó đang thu hút sự quan tâm của du khách quốc tế, nhưng hơn thế là thái độ cởi mở và mến khách của người Việt Nam.

Bình luận về SEA Games 22, tờ *Ma-ti-cho*n của Thái Lan, số ra ngày 13-12-2003, viết: "Ngoài những nét hồ hởi thấy rõ trên khuôn mặt của người Việt Nam đón chào sự kiện thể thao lớn nhất khu vực này, người nước ngoài có mặt ở Hà Nội đều phải thừa nhận việc đăng cai SEA Games 22 là một bước tiến quan trọng trong việc mở cửa đất nước, mở cửa xã hội và sự phát triển về nhiều mặt của Việt Nam".

Trong bài viết về SEA Games 22 tại Việt Nam, Tạp chí *Kinh tế Viễn đông* (FEER) cho biết, trong tổng số tiền đầu tư ước khoảng hơn 340 triệu USD cho SEA Games 22, Việt Nam đã đầu tư tới 155 triệu USD để xây mới các sân vận động, mua sắm thiết bị và xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ SEA Games 22. Đây là một khoản đầu tư hợp lý, bởi sự kiện thể thao lớn nhất khu vực Đông - Nam Á này sẽ cải thiện hình ảnh của Việt Nam trong con mắt người nước ngoài. Nhiều du khách và quan chức nước ngoài cảm thấy rất ấn tượng trước một cơ sở vật chất phục vụ thể thao hiện đại và các làn đường cao tốc rộng rãi ở một đất nước thường được biết đến với những cánh đồng lúa.

Qua các tổ chức...

Báo cáo *Phát triển con người năm 2003* của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) nhận định, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ vượt bậc về giảm đói nghèo và phát triển con người trong thập kỷ qua. Báo cáo đánh giá, phần lớn kết quả đạt được trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam bắt nguồn từ tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm khá cao (8% - 9%) vào đầu thập kỷ 90 và cụ thể là do sự phát triển mạnh mẽ trong nông nghiệp kể từ cuối thập kỷ 80 thế kỷ XX. Luật Doanh nghiệp được thông qua năm 2000 đã tạo điều kiện cho khoảng 60 000 doanh nghiệp ra đời và tạo ra khoảng 1,5 triệu việc làm, góp phần quan trọng vào việc tạo thu nhập và giảm nghèo, thông qua việc hỗ trợ kinh tế tư nhân và việc làm trong khu vực phi nông nghiệp.

Báo cáo thường niên của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) công bố ngày 1-12-2003, đánh giá kinh tế Việt Nam trong những năm tới sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức cao (7%/năm). Báo cáo nhấn mạnh: "Quản lý kinh tế vĩ mô khôn ngoan đã tạo ra một môi trường tích cực cho tăng trưởng, đồng thời việc chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và tăng cường hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu là yếu tố then chốt cho quá trình xóa đói, giảm nghèo tại Việt Nam".

Tại cuộc hội thảo với chủ đề "Kinh tế In-đô-nê-xi-a năm 2004: Triển vọng và Chính sách" vừa diễn ra ở thủ đô Gia-các-ta, Ủy ban Kế hoạch và Phát triển Quốc gia In-đô-nê-xi-a cho rằng, Việt Nam vẫn là điểm hấp dẫn trong con mắt các nhà đầu tư nước ngoài. Trước cuộc khủng hoảng tài chính khu vực (1997 - 1998), In-đô-nê-xi-a là một điểm hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, mỗi năm thu hút trung bình 3 tỉ USD FDI, cao hơn mức 2 tỉ USD vào Thái Lan. Song hiện nay, FDI tại In-đô-nê-xi-a đã giảm xuống thấp hơn Việt Nam.

Việt Nam - điểm đến hấp dẫn của các doanh nghiệp Nhật Bản, là đánh giá của Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO). Theo JETRO, trung bình mỗi ngày có từ 7 đến 8 doanh nghiệp Nhật Bản thông qua cơ quan này để tìm kiếm cơ hội đầu tư vào Việt Nam. JETRO dự báo, số lượng doanh

nghiệp Nhật Bản đến Việt Nam sẽ tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới.

Báo cáo chuyên sâu đầu tiên về môi trường đầu tư của Cơ quan hợp tác và phát triển Đức vừa công bố cho biết, 85% các nhà đầu tư Đức muốn quay trở lại đầu tư tại Việt Nam và 70% có kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Báo cáo đánh giá cao các thế mạnh của Việt Nam, như: tính ổn định chính trị cao, có vị trí thuận lợi tại khu vực Đông - Nam Á, chất lượng lao động cao, chi phí lao động thấp, thị trường nội địa tiềm năng, là những nhân tố chính hấp dẫn các nhà đầu tư Đức. Báo cáo cho rằng, những cải cách mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam trong thời gian vừa qua nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng hơn, cùng với những chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn đã làm cho các nhà đầu tư nhận thức rõ hơn khả năng phát triển hoạt động kinh doanh của mình tại Việt Nam.

Văn phòng đại diện Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực của Liên hợp quốc (FAO) tại Băng-cốc (Thái Lan) cho biết, lượng gạo giao dịch trên thị trường thế giới trong năm 2003 đạt khoảng 27,9 triệu tấn; trong đó, xuất khẩu gạo của Việt Nam có thể tăng 23%, đưa Việt Nam trở lại vị trí thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo, sau một năm để mất vị trí này về Ấn Độ.

Trong một cuộc thăm dò ý kiến các du khách trẻ nước ngoài, có 87,5% số người được hỏi cho biết sẽ chọn Việt Nam là điểm đến trong chuyến du lịch gần nhất của mình. Trong số đó, có nhiều người đã tới Việt Nam và cho biết sẽ trở lại Việt Nam.

Kết quả trên được công bố tại Đại hội Thanh niên và Sinh viên thế giới ở Pát-thay-a (Thái Lan), qua thăm dò ý kiến 2 300 thanh niên và sinh viên từ Ca-na-đa, Cộng hòa Séc, Hồng Công, Mê-hi-cô, Xi-lô-ven-ni-a, Nam Phi, Thụy Điển và Anh (Cuộc thăm dò do Liên đoàn Du lịchữ hành sinh viên quốc tế và Hiệp hội Du lịch và Giáo dục giải trí tiến hành). Những người đã tới Việt Nam đều có chung nhận xét, người Việt Nam rất thân thiện, hiếu khách và nhiệt tình giúp đỡ các du khách nước ngoài.

Ngày 1-12-2003, tại Lễ công bố báo cáo "Tình hình trẻ em thế giới năm 2003" ở Trường THPT Chu Văn An (Hà Nội), Đại diện Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) tại Việt Nam đánh giá cao những nỗ lực của Việt Nam trong việc đưa trẻ em, nhất là trẻ em gái đến trường. Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái nhập học tiểu học gần như ngang nhau (92%). Giáo dục Việt Nam đã có những tiến bộ quan trọng trong giáo dục trẻ em gái, như vận động trẻ em gái đến trường và ổn định tỷ lệ học sinh nữ tham gia các cấp học từ tiểu học đến trung học phổ thông... Đây là kết quả quan trọng để Việt Nam đạt được mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2015.

Và qua các cá nhân

Thế kỷ XXI đang chứng kiến thành công của Việt Nam là nhận định của Tiến sỹ Sác-lơ Bai-li, đại diện Quỹ Pho (Ford) tại Việt Nam. Theo Sác-lơ Bai-li (đã sống và làm việc tại Việt Nam suốt 6 năm qua), trước khi tới Việt Nam, ông đã có thời gian dài làm đại diện cho Quỹ Pho tại Nam Phi, Kê-ni-a... nhưng Việt Nam luôn để lại trong ông những ấn tượng sâu sắc. Có điều kiện đi thăm nhiều tỉnh và thành phố, ông càng hiểu rõ hơn về đất nước và con người Việt Nam. Việt Nam là một đất nước nhỏ bé và xinh đẹp, có nền văn hóa truyền thống giàu bản sắc dân tộc. Tốc độ phát triển nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực cho thấy Việt Nam đang đi đúng hướng. Sác-lơ Bai-li tin tưởng, thế kỷ XXI sẽ chứng kiến thành công của Việt Nam trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo.

Việt Nam từ nước nhận viện trợ trở thành nhà tài trợ quốc tế là nhận định của ông Giêm Mo-rít-xơ, Giám đốc Chương trình Lương thực thế giới. Ông Mo-rít-xơ đã hoan nghênh một tàu gạo của Việt Nam tới I-rắc trong một chương trình tài trợ gạo cho nước này, đồng thời khẳng định rằng, sự kiện này đánh dấu sự chuyển đổi mang tính lịch sử của Việt Nam: từ một nước nhận viện trợ trở thành nhà tài trợ quốc tế. Ông ca ngợi Việt Nam là nước giàu có thể dùng thặng dư về thực phẩm của mình để giúp giảm nạn nghèo đói tại các quốc gia khác.

Môi trường kinh doanh Việt Nam ngày càng được cải thiện là nhận xét của ông

Tô-ny Phốt-xơ, quan chức của Hiệp hội Thương mại Mỹ tại Việt Nam. Tô-ny Phốt-xơ đã đánh giá cao những nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam và cho rằng, môi trường kinh doanh của Việt Nam đang ngày càng tốt hơn với những tiến bộ liên tục, nhất là trong vòng 3 năm qua, kể từ khi Luật Doanh nghiệp đi vào cuộc sống. Nhờ đó, dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đã tiên triển tốt. Tuy nhiên, ông Phốt-xơ cho rằng, dòng vốn này có thể lớn hơn nhiều nếu Chính phủ Việt Nam có chính sách đầu tư linh hoạt và rộng mở hơn, trong đó, đáng chú ý là việc áp dụng một nguyên tắc rõ ràng những lĩnh vực các nhà đầu tư nước ngoài được phép và không được phép đầu tư, hay việc thiết lập một hệ thống mà theo đó các nhà đầu tư chỉ cần đăng ký, chứ không cần phải có một giấy phép.

Phát biểu nhân dịp kỷ niệm 10 năm hợp tác giữa Việt Nam và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Quyền Giám đốc IMF tại nước ta, Đa-vít Bóc-ton, nhận định, Việt Nam đang có một tương lai sáng sủa về mức độ tăng trưởng kinh tế cũng như xóa đói, giảm nghèo và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, theo đại diện IMF, để nắm bắt những cơ hội tươi sáng của mình, Việt Nam cần có một nền kinh tế mang tính cạnh tranh cao. Việt Nam cần sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước từ khâu cải cách hành chính, doanh nghiệp nhà nước tới việc đẩy nhanh quá trình cải cách các ngân hàng thương mại quốc doanh và mở rộng môi trường hoạt động kinh doanh cho các thành phần kinh tế.

Sự cởi mở, thân thiện, lòng hiếu khách của người dân Việt Nam thật ấn tượng là nhận xét của Phó Tổng thư ký Ủy ban Ô-lim-pích Quốc gia Nga, Y-u-rin N. Y-u-ri-ép, khách mời của SEA Games 22. Ông nói: "Tôi rất vui mừng được đến Việt Nam dự Đại hội thể thao Đông - Nam Á, một sự kiện quan trọng trong đời sống của cộng đồng khu vực này. Việt Nam đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng đẹp và ấn tượng mạnh nhất đối với tôi là sự cởi mở, thân thiện, lòng hiếu khách của người dân Việt Nam và sự chu đáo của Ban Tổ chức SEA Games 22. Đi tới đâu tôi cũng được đắm mình trong không khí

của ngày hội. Không chỉ riêng tôi mà nhiều vị khách mời danh dự của SEA Games cũng có cảm giác như vậy.

Việt Nam như quê hương tôi là lời của nhà văn nữ người Pháp Ma-ri Phlo-găng-xơ Ê-rê trong chuyến công tác mới đây tại Việt Nam, do Bộ Ngoại giao Pháp tài trợ cho những hoạt động văn hóa. Đây là lần thứ hai Ma-ri tới Việt Nam và bà rất muốn viết một tác phẩm về Việt Nam: "Một Việt Nam bất hủ và một Việt Nam mới". Nhà văn cho biết, bà có một cảm tưởng rất đẹp về Việt Nam và thấy hạnh phúc khi tiếp xúc với người Việt Nam: "Người Việt Nam trong tôi rất thân thiện, dễ thương, năng động, đầy sức sống... Hơn nữa, đó là một ấn tượng về Việt Nam mà tôi đã có khi còn trẻ con. Thời thơ ấu, tôi có một người cha nuôi là người Việt Nam. Ông đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc đời tôi. Tôi luôn ước mơ được tìm về quê cha nuôi của mình. Và vì thế, chuyến đi này khiến tôi sung sướng như được trở về quê hương. Trong trí nhớ của mình, Việt Nam như là quê hương tôi và tôi thật sự muốn viết một cái gì đó để nhớ về Việt Nam".

Một Việt Nam đổi mới, tươi đẹp là nhận xét của bà A-nét-tê Cra-mơ, Đại diện Chữ thập đỏ Đan Mạch. A-nét-tê Cra-mơ nói rằng, bà thật sự cảm thấy thoải mái khi được sống và làm việc tại Việt Nam suốt 4 năm qua. Điều gây ấn tượng lớn với A-nét-tê là sự khát khao cống hiến của người Việt Nam. Bà nói: "Người Việt Nam thật cần cù, chịu khó, ham học hỏi... Chính ý chí và sự vươn lên mạnh mẽ tiềm ẩn trong dân tộc Việt đã làm nên một Việt Nam đổi mới, tươi đẹp hôm nay. Thời gian sống và làm việc tại Việt Nam đã làm tôi thay đổi cách nghĩ về đất nước này. Giờ đây, tôi có thể nói với tất cả bạn bè của mình về sự phát triển kỳ diệu của Việt Nam dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam. Con số thực tế những trẻ em được đến trường, những người dân nghèo được hưởng trợ cấp y tế, phụ nữ được tham gia sâu rộng trong các cơ quan chính quyền... là những bằng chứng sống nói lên sự thay đổi về chất lượng cuộc sống ở Việt Nam. □

Tuấn Anh

(Tổng thuật)

HỘI THI CHUNG KHẢO TOÀN QUỐC GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ GIỎI NĂM 2003

THỰC hiện Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới và phương hướng, nhiệm vụ công tác tư tưởng - văn hóa năm 2003; để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị trong tình hình mới, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức "Hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi năm 2003" thuộc Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Sau Hội thi tại 3 khu vực trong cả nước, trong các ngày 2 - 3 tháng 12 năm 2003, tại Hà Nội, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức "Hội thi chung khảo toàn quốc giảng viên lý luận chính trị giỏi năm 2003".

Dự hội thi, có các đồng chí lãnh đạo Ban Tuyên giáo của 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Đảng ủy khối trực thuộc Trung ương; 18 thí sinh đạt giải cao tại các hội thi giảng viên lý luận chính trị cấp khu vực tham gia hội thi. Đồng chí Nguyễn Khoa Điểm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chỉ đạo Hội thi và phát biểu ý kiến.

Trong báo cáo đề dẫn, đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã nhấn mạnh mục đích, yêu cầu của Hội thi là nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị tại các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện; góp phần từng bước nâng cao trình độ năng lực, kỹ năng giảng dạy của đội ngũ giảng viên; phát hiện và giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện các chương trình giáo dục lý luận chính trị; tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, tạo phong trào thi đua mới trong giảng dạy, đưa hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện vào nền nếp; giúp cấp ủy các cấp nhận thức đầy đủ hơn về công tác giáo dục lý luận chính trị, về vị trí, vai trò của Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

Sau hai ngày, các thí sinh đã hoàn thành hai phần thi giảng dạy và thi vấn đáp. Tổng hợp hai nội dung thi trên và điểm chuẩn bị để cương giáo án, Ban giám khảo đã chọn và trao giải gồm 1 giải nhất cho thí sinh Trần Văn Thế (Nam Định); hai giải nhì cho các thí sinh: Đặng Thị Bích Thủy (Hưng Yên), Cút Thị Nguyệt (Nghệ An); bốn giải ba cho: Nguyễn Ngọc Thông (Vĩnh Phúc), Nguyễn Đình Hiến (Bình Định), Trần Quốc Việt (Hải Dương), Thành Công Trí (Tây Ninh). Ngoài ra còn có năm thí sinh được trao giải khuyến khích, sáu thí sinh được trao tặng phẩm.

Qua cả ba phần thi cho thấy, các thí sinh đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, chuẩn bị giáo án công phu, khoa học; phần trình bày nội dung đầy đủ, sâu sắc, hấp dẫn; tác phong đĩnh đạc, trả lời nhanh, đúng các câu hỏi do các thành viên Ban giám khảo đặt ra, thực hiện tốt phương châm giáo dục lý luận gắn liền với thực tiễn cuộc sống.

Phát biểu ý kiến chỉ đạo Hội thi, đồng chí Nguyễn Khoa Điểm đã đánh giá cao vai trò, những thành tích của các Trung tâm và nhấn mạnh một số vấn đề về công tác giáo dục lý luận chính trị ở các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện những năm đổi mới.

Nói về nhiệm vụ của công tác giáo dục lý luận chính trị trong thời gian tới, đồng chí Nguyễn Khoa Điểm cho rằng, tình hình thế giới và khu vực hiện nay đang có những diễn biến phức tạp; tình hình kinh tế - xã hội nước ta trong những năm qua có bước phát triển, thu được những thành tựu quan trọng, song cũng bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém. Lĩnh vực xã hội còn nhiều mặt bức xúc rất đáng lo ngại, nhất là phân hóa giàu - nghèo, tình trạng quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng, lãng phí không giảm, làm cho lòng dân không yên, giảm niềm tin vào khả năng đổi mới và tự chỉnh đốn Đảng và triển vọng của công cuộc đổi mới. Tình hình trên đặt ra cho công tác tư tưởng nói chung và công tác giáo dục lý luận chính trị nói riêng những yêu cầu, nhiệm vụ mới quan trọng. Từ nay đến Đại hội X của Đảng, công tác giáo dục lý luận chính trị cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau: Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng hơn nữa Nghị quyết đại hội IX, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước, giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, các đoàn thể xã hội và trong nhân dân.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, phải tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình theo hướng thiết thực, cụ thể trên cơ sở nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bám sát các quan điểm, đường lối của Đảng, nêu cao tinh chiến đấu, tăng cường tính thực tiễn của các chương trình giáo dục lý luận chính trị. Kết hợp việc nâng cao kiến thức lý luận chính trị, kinh tế với nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, phát huy tác dụng của tự phê bình và phê bình. Quan tâm xây dựng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị cả về bản lĩnh, phẩm chất, năng lực và phương pháp giảng dạy, đặc biệt là phương pháp sư phạm cho đội ngũ của Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Giải quyết tốt chế độ, chính sách cho người dạy và người học. □

ĐOÀN ĐẠI BIỂU TẠP CHÍ A-LUN-MAY THĂM TẠP CHÍ CỘNG SẢN



Theo chương trình hợp tác thường niên giữa hai tạp chí của hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào, ngày 21-12-2003, Đoàn đại biểu của Tạp chí A-lun-may (Bình minh) - cơ quan lý luận của Đảng Nhân dân cách mạng Lào - do đồng chí Bua-thoong, Phó Tổng Biên tập, dẫn đầu đã sang thăm và làm việc tại Việt Nam với Tạp chí Cộng sản. Đồng chí Trần Quang Nhiếp, Phó Tổng Biên tập Thường trực Tạp chí Cộng sản cùng các đồng chí cán bộ chủ chốt của Tạp chí đã làm việc với Đoàn. Hai bên thông báo cho nhau về tình hình phát triển kinh tế, tình hình chính trị, xã hội và các thành tựu mà hai nước đã đạt trong năm qua. Hai bên cũng trao đổi kinh nghiệm hoạt động nghiệp vụ và thảo luận về phương hướng hợp tác trong thời gian tới. Tạp chí Cộng sản và Tạp chí A-lun-may đã có một bản ghi nhớ về những hoạt động hợp tác trong tương lai. Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, đã mở tiệc chiêu đãi Đoàn.

Sau khi làm việc và thăm Hà Nội, Đoàn đại biểu Tạp chí A-lun-may đã đi thăm và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Nghệ An.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Cao Xuân Phách, Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy, đã tiếp và chiêu đãi Đoàn; đồng thời thông báo tình hình phát triển kinh tế và những kết quả tốt đẹp của chương trình kinh tế - xã hội trong năm qua Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được.

Tại Bà Rịa - Vũng Tàu, đồng chí Võ Ngọc Minh, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đã làm việc với Đoàn và mở tiệc chiêu đãi. Đoàn cũng đi thăm cơ sở của báo Bà Rịa - Vũng Tàu dưới sự hướng dẫn của đồng chí Trần Ngọc Toàn, Tổng Biên tập báo.

Ngày 28-12-2003, Đoàn về thăm Nghệ An. Đồng chí Nguyễn Công Thành, Phó Bí thư Tỉnh ủy, đã thân mật tiếp và chiêu đãi Đoàn. Đoàn đã đến dâng hương tại Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại quê hương làng Sen của Người và thăm Bảo tàng Xô-viết Nghệ Tĩnh.

Ngày 30-12-2003, Đoàn lên đường về nước. □

TỌA ĐÀM KHOA HỌC "MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN"

CHUẨN bị cho tổng kết 5 năm thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, ngày 24-12-2003, Ban Chỉ đạo Quy chế Dân chủ Trung ương phối hợp với Ban Dân vận Trung ương tổ chức Tọa đàm khoa học "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn thực hiện Quy chế Dân chủ trong hoạt động cơ quan" nhằm đánh giá việc triển khai thực hiện Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị và Nghị định 71 của Chính phủ; những mặt được và chưa được, bài học kinh nghiệm rút ra; đề xuất kiến nghị để tiếp tục thực hiện tốt Quy chế Dân chủ trong cơ quan.

Tham dự có các đại biểu lãnh đạo các bộ, ban, ngành, các cơ quan ở Trung ương và Hà Nội. Đồng chí Tổng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Quy chế Dân chủ đã dự và trực tiếp chỉ đạo. .

Phát biểu chỉ đạo Tọa đàm, đồng chí Tổng Thị Phóng nhấn mạnh những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, của Đảng và Nhà nước ta về thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khẳng định vai trò, tính cần thiết của việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở và phát huy quyền làm chủ của nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng nước ta; nhất là việc triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở trong các cơ quan thời gian qua.

Gần 20 bản tham luận gửi tới Ban Tổ chức và nhiều ý kiến phát biểu, tham luận đã tập trung vào các vấn đề chính sau: Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện Quy chế Dân chủ trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy chế Dân chủ. Phạm vi trách nhiệm của Ban Chỉ đạo, Ban Cán sự đảng, Đảng ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy chế Dân chủ. Gắn việc thực hiện Quy chế Dân chủ với công tác cán bộ, quản lý tài chính, cơ sở vật chất, các chương trình dự án, cải cách thủ tục hành chính, việc rèn luyện đạo đức, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân. Đại hội cán bộ công chức cơ quan. Công tác phối hợp, kết hợp giữa các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể trong triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ quan. Những vấn đề về công tác kiểm tra, giám sát, công khai tài chính. Những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung Nghị định số 71, những bài học rút ra từ kinh nghiệm thực hiện Quy chế Dân chủ trong hoạt động cơ quan...

Với tinh thần, khoa học, nghiêm túc, đầy trách nhiệm, các đại biểu tham dự Tọa đàm đã thẳng thắn đóng góp nhiều ý kiến mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc. □



NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Chúc
Mừng
Năm
Mới

Vietcombank
40th anniversary



Xuân Giáp Thân
2004

Ngân hàng tốt nhất Việt Nam



198 Trần Quang Khải, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 9.343 137 + (84-4) 8.240 876
Fax: (84-4) 8.269 067 + Telex: 411 504 VCB - VT
www.vietcombank.com.vn

*Kính chúc Quý Khách Hàng
một năm mới
An Khang - Thịnh Vượng*



VIFON®

SẢN PHẨM MỚI



**Xuân
Về
Tươi
Sắc
Nước**



Bánh Đa Cua



Mì Gà Tiềm



Mì Thịt Hầm



**Tết
Đến
Đương
Hương
Nhà**



MÌ TÔ VIFON - CÓ GỎI THỊT HẦM - CHẤT LƯỢNG HẢO HẠNG
Đặc biệt sợi mì được chế biến từ tinh bột khoai tây



CÔNG TY KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM

6/1B TRƯỜNG CHINH, P.15, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

Tel: 815 3947 - 815 4071 - 815 4072 - Fax: 84.8. 815 3059 - 815 1293

E-mail: vifon@hcm.vnn.vn - Web: www.vifon.com.vn



BAN TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ THÀNH ỦY
CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ
PHÚ NHUẬN



PHU NHUAN CONSTRUCTION AND
HOUSING TRADING COMPANY

117 Nguyễn Văn Trỗi, P.12, Q.Phú Nhuận, TP.HCM * ĐT : (84-8) 844 7959 - 842 0076 - 844 2842 - 845 5730
* Fax: (84-8) 844 5410 * Email : nhapnco@hcm.vnn.vn
185 Lý Chính Thắng, P.7, Quận 3, TP.HCM * ĐT : (84-8) 843 7737 - 843 8048 - 931 9980 - 931 7443
* Fax: (84-8) 843 7742 * Email : nhapnco@hcm.vnn.vn

CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG & KINH DOANH NHÀ ĐẤT
SPECIALIZING IN BUILDING AND TRADING REAL ESTATE

Các khu nhà ở có hạ tầng kỹ thuật tuyệt vời, hiện đại: Trạm biến thế riêng, hạ thế ngầm, nước sinh hoạt đầy đủ, đèn chiếu sáng công cộng, hệ thống cấp điện thoại ngầm, cây xanh nhẹ nhàng; các nhà cao tầng hiện đại, tiện nghi, thanh lịch - Tất cả là nơi ở lý tưởng của mọi người.

Uy tín - Phục vụ tận tình, chu đáo
Chất lượng cao



CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ :

- ❖ Kinh doanh nhà, cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc.
- ❖ Kinh doanh dịch vụ cho người nước ngoài thuê nhà để ở.
- ❖ Xây dựng, sửa chữa các công trình

Khu nhà ở Thới An 1, phường Thới An, quận 12

công nghiệp, dân dụng, nhà ở và giao thông theo phân cấp.

- ❖ Tư vấn xây dựng.
- ❖ Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.
- ❖ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu dùng trong xây dựng và trang trí nội thất.

Chúc mừng HAPPY NEW YEAR 2004 Năm Mới

AN

KHANG

THỊNH

VƯỢNG



CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC



Địa chỉ: Gia Lâm- Hà Nội * Điện thoại: 04- 8 271 453 * Fax: 84-4 8 731 364

Email: coma-el@.fpt.vn * Giám đốc: Kỹ sư **TRẦN ĐÌNH HẢI**

Công ty Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước là một doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng Công ty Cơ khí xây dựng, được thành lập theo Quyết định số 164 A/BXD TCLD ngày 5 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Ba huân chương Lao động hạng Nhì, Ba Huân chương lao động hạng Ba, ba cờ đơn vị chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam, 26 Huy chương Vàng cho các sản phẩm cùng nhiều bằng khen, giấy khen của Nhà nước và Bộ Xây dựng tặng thưởng.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Công ty chuyên kinh doanh, xuất nhập khẩu, cung cấp và vận chuyển các thiết bị vật tư phục vụ sản xuất và thi công.

- Sản xuất các thiết bị, phụ tùng cơ khí, máy móc cho ngành xây dựng và ngành sản xuất vật liệu xây dựng: Máy trộn bê-tông, các thiết bị sản xuất gạch, ngói cho lò nung tuy-nen và dây chuyển thiết bị xi-măng lò đứng. Hệ máy và khuôn ly tâm cột điện, khuôn ống cống chịu áp lực.

- Chế tạo các sản phẩm đúc chất lượng cao.

- Chế tạo và lắp đặt hệ máy nâng vận chuyển: Cầu trục, cổng trục, cần trục nhỏ, vận thăng một trụ, gầu tải, vít tải, các loại băng cao-su, băng tải thép.

- Chế tạo thiết bị nâng, hạ thang máy.

- Chuyên sản xuất, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn cho các công trình công nghiệp.

- Chế tạo, lắp đặt công nghệ thiết bị áp lực, các thiết bị đường ống dẫn dầu khí, các hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa

không khí, chiếu sáng, hệ thống lọc bụi, bồn bể. Thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước.

- Sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành điện bao gồm: Tủ trạm điện trung, hạ thế, trạm biến áp hợp bộ, trạm kiốt, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, tủ điều khiển, các sản phẩm cơ khí liên quan đến ngành điện. chế tạo và lắp dựng cột ăng-ten (vi ba). Lắp dự án đầu tư và thiết kế, xây dựng đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35KV

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, đường dây và trạm biến áp, thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước, thi công các công trình giao thông, bến cảng, thủy lợi, kinh doanh và phát triển nhà.

- Tư vấn thiết kế, lập dự án đầu tư, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đầu tư và hợp đồng tư vấn thiết kế, xây lắp, mua sắm vật tư thiết bị các công trình xây dựng.



Cột điện cao áp 500KV



Chế tạo và lắp đặt kết cấu thép, hình bể cho các công trình công nghiệp

40
NĂM

HUYỆN THANH TRÌ



Địa chỉ: Thị trấn Văn Điển - Hà Nội * ĐT: 04.8 615 386

CHÚC

MỪNG

NĂM

MỚI

AN

KHANG

THỊNH

VƯỢNG

LỄ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT

Huyện Thanh Trì - 28 / 11 / 2003



Bí thư: **NGUYỄN CÔNG SOÁI**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết lần thứ XIII của Đại hội Đảng bộ Thành phố và Nghị quyết Đại hội lần thứ XX của Đảng bộ huyện và dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thành ủy Hà Nội, Huyện ủy Thanh Trì đã xây dựng các chương trình công tác cụ thể phù hợp khắc phục mọi khó khăn, động viên cán bộ và nhân dân trong huyện nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn. Năm 2003, đạt được những kết quả sau:

* Tổng giá trị sản xuất của huyện trong hơn hai năm qua đạt 1.229 tỉ 114 triệu đồng, tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm là 12,45%, so với Nghị quyết ĐH tăng 1,45% (NQ để ra tăng 11%).

- Về nông nghiệp và thủy sản: Chủ động chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng, sản lượng đạt 554 tỉ 657 triệu đồng.

- Giá trị sản xuất công nghiệp, TTCN, XDCB đạt 483 tỉ 878 triệu đồng.

- Giá trị thương mại, dịch vụ đạt 190 tỉ 779 triệu đồng.

- Các ngành nghề truyền thống, các dự án phát triển làng nghề đang được huyện tập trung chỉ đạo đầu tư.

* Công tác giáo dục đào tạo:

Huyện đã coi trọng lãnh đạo công tác giáo dục - đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân trong huyện. Duy trì vững chắc phổ cập giáo dục tiểu học và PTCS đúng độ tuổi. Đội ngũ giáo viên đã được bổ sung đủ để giảng dạy các bộ môn.

* Công tác xây dựng Đảng:

- Huyện xác định là nhiệm vụ then chốt, tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ đổi mới, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW 6 (lần 2). Huyện đã tổ chức thành công Hội thi Bí thư chi bộ thôn xóm giỏi, góp phần thiết thực nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Chất lượng đảng viên được nâng lên: đảng viên loại I, loại II chiếm tỷ lệ cao (chiếm 99%).

- Huyện đã đổi mới phương thức lãnh

đạo, tăng cường đi sâu, đi sát cơ sở, thực hiện phân công cán bộ, đảng viên cơ quan khối Dân - Đảng xuống sinh hoạt với các chi bộ.

- Đội ngũ cán bộ, đảng viên giữ gìn được phẩm chất, gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Phát huy kết quả đã đạt được đảng bộ và nhân dân huyện Thanh Trì quyết tâm tiếp tục đổi mới, phát huy thế mạnh, tiềm năng sẵn có, khai thác mọi nguồn lực, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã đề ra, xây dựng huyện Thanh Trì giàu mạnh, văn minh, đảng bộ huyện đạt vững mạnh.

* Các thành tích đạt được:

-Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì và 2 Huân chương Lao động hạng Ba

- Năm 2000, được Nhà nước phong tặng Anh hùng LLVT nhân dân.

- Năm 2000-2001, huyện Thanh Trì được Thành phố tặng Cờ Thi đua xuất sắc và nhiều bằng khen.

- Năm 2002, huyện được UBND Thành phố tặng cờ Thi đua xuất sắc dẫn đầu khối huyện.

-Năm 2003, được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất.



HUYỆN TỪ LIÊM



Địa chỉ: Đường Hồ Tùng Mậu, TT. Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội * Điện thoại: 04 837 2950

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM!



Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Từ Liêm



Huyện Từ Liêm nằm ở phía Tây - Tây Bắc TP. Hà Nội, có diện tích tự nhiên là 7 532 héc -ta, dân số 270 000 người, gồm 15 xã và 1 thị trấn và là một huyện ngoại thành có tốc độ đô thị hóa nhanh.

Trong nhiều năm qua, huyện đạt được nhiều thành tích nổi bật trên nhiều lĩnh vực:

*** Nông nghiệp, xây dựng nông thôn:** Tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thường xuyên chủ động đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống thủy lợi, tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, có nhiều đặc sản như: cam Canh, bưởi Diễn

*** Sản xuất công nghiệp - TTCN - Thương mại - Dịch vụ:** Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, sản xuất và cung ứng cho thị trường tiêu dùng các sản phẩm đặc trưng như may mặc, bún bánh, chế tác nông cụ. Quản lý và bình ổn giá cả thị trường, tập trung vào khai thác hiệu quả các khu chợ văn minh thương mại.

*** Thực hiện công tác thu chi ngân sách:** Thu, chi ngân sách đảm bảo đúng luật, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phục vụ tốt cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa thể thao, giáo dục, đảm bảo an ninh quốc phòng.

*** Xây dựng cơ bản và giải phóng mặt bằng:**

CHỈ

ĐẠNG

NĂM

MỘT

Thực hiện đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng và trật tự an toàn xã hội.

*** Giáo dục đào tạo:** Được xác định là nhiệm vụ trọng tâm và đẩy mạnh xã hội hóa, quan tâm đào tạo nguồn lực để phát triển. Cơ sở vật chất của hệ thống nhà trường được chú ý đầu tư xây dựng. Toàn huyện có 5 trường đạt chuẩn quốc gia.

*** Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền**

- Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật từ huyện đến các xã, thị trấn.

- Công tác thanh tra, đặc biệt là công tác chống tham nhũng, thực hiện tiết kiệm, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm chỉ đạo.

*** Phong trào thi đua:**

- 16/16 xã, thị trấn trong huyện được xếp loại xuất sắc và khá.

- Năm 2000, được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

- Năm 2001, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

- Năm 2003, được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.

- Hai năm 2000, 2001 được Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc, thành phố tặng Cờ dẫn đầu khối huyện.



TỔNG CÔNG TY CAO-SU VIỆT NAM CÔNG TY CAO-SU ĐỒNG PHÚ

Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: (0651) 819 786 - 819 709 * Fax: (0651) 819 620 * Email: doruco.bpc@hcm.vnn.vn * Website: http://doruco.com.vn

CHUYÊN SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP CÁC LOẠI SẢN PHẨM CAO-SU TỰ NHIÊN ĐẠT TIÊU CHUẨN VIỆT NAM VÀ QUỐC TẾ:
SVR 3L - SVR 5 - SVR 10 - SVR 20 - SVR - CV50 - SVR - CV60 - LATEX



Công ty Cao-su Đồng Phú (tiền thân là đồn điền Thuận Lợi của Công ty Michelin Pháp), thành lập ngày 21-5-1981. Với diện tích 9 000 héc-ta cao-su, trong đó hơn 8 000 héc-ta đã đưa vào khai thác, đạt sản lượng hàng năm trên 12 000 tấn. Sản phẩm cao su thiên nhiên của Công ty đạt tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế: SVR 3L - SVR 5 - SVR 10 - SVR 20 - SVR CV50 - SVR - CV60 LATEX. Công ty Cao-su Đồng Phú quản lý sản phẩm theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 đã được tổ chức QMS (AUSTRALIA) và QUACERT (Việt Nam) cấp chứng nhận. Sản phẩm của Công ty Cao-su Đồng Phú được tiêu thụ ở các nước châu Âu (Pháp, Bỉ, Hà Lan, Anh, Tây Ban Nha, Séc-va-ki-a...) Hàn Quốc, Xin-ga-po, Trung Quốc, Ôt-xtrây-li-a, Niu-Di-lân, Ca-na-đa, Mỹ... qua các khách hàng truyền thống như: SMPT (Michelin), SaficAlcan (Pháp), Tae Young (Hàn Quốc) và các công ty trong nước.

Công ty Cao-su Đồng Phú luôn thỏa mãn mọi yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước



SINCE 1959

CÔNG TY VĂN PHÒNG PHẨM

HỒNG HÀ



Hà Nội

25 Lý Thường Kiệt - Hà Nội

Điện thoại: 04. 9 342 764 / 9 361 251

Fax: 04. 8 260 359

E-mail: ctyvpphongha@hn.vnn.vn

Website: www.vpphongha.com.vn

Đà Nẵng

16 Điện Biên Phủ

Q. Thanh Khê - TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.645 822

TP Hồ Chí Minh

91 Đại lộ Nguyễn Chí Thanh

Phường 9 - Quận 5 - TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.8 309 802

*Chúc mừng
Năm Mới
2004*





CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY XUẤT KHẨU HẢI PHÒNG

HAI PHONG TEXTILE AND GARMENTS STOCK COMPANY

Địa chỉ: Km 16 Đường 353 Hải Phòng- Đồ Sơn. (Hợp Đức- Kiến Thụy- Hải Phòng)
Tel: 84.31.860 063 Fax: 84.31.860 215 * Email: Texgarcohaiphong@hn.vnn.vn



Chủ tịch Hội đồng quản trị- Tổng Giám đốc:
KS: HOÀNG VĂN KHÁNH



Q uy mô của Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Dệt may xuất khẩu HP, 4 công ty thành viên và Trung tâm Hợp tác lao động quốc tế, với tổng số CBCNV là 10 200 người. Cụ thể là:

☎ Công ty Cổ phần Dệt may xuất khẩu Hải Phòng với chức năng chủ yếu là sản xuất hàng dệt may xuất khẩu được hợp tác kinh doanh với Hồng Kông, sản lượng hàng năm của công ty đạt từ 3,5 đến 4 triệu sản phẩm dệt kim cao cấp xuất khẩu.

☎ Công ty May Việt Hàn với chức năng chuyên sản xuất áo Jắc-két xuất khẩu với sản lượng từ 1 000 000 đến 1 200 000 sản phẩm/năm.

☎ Công ty Liên doanh Chỉ thun Việt-Ý, liên doanh với tập đoàn chuyên sản xuất chỉ thun cao cấp các loại của I-ta-li-a, phục vụ cho ngành dệt may và y tế, với sản lượng hàng năm là 6 000 tấn sản phẩm chỉ thun các loại.

☎ Công ty sản xuất gia công linh kiện điện tử và khai thác mạng viễn thông là liên doanh với tập đoàn viễn thông lớn của Mỹ. Chức năng chủ yếu là sản xuất gia công linh kiện điện tử viễn thông, khai thác mạng, dịch vụ giải đáp khách hàng.

☎ Trung tâm hợp tác lao động quốc tế được hợp tác với Singapore chuyên đào tạo công nhân kỹ thuật (chủ yếu là ngành may, xây dựng, da giày), phục vụ nhu cầu lao động trong nước và xuất khẩu cho một số nước trong khu vực và quốc tế.

☎ Công ty Liên doanh Việt- Mỹ, kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn và bệnh viện.

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

- + Đầu tư xây dựng và khai thác dịch vụ khách sạn,
- + Đầu tư xây dựng trường đại học, bệnh viện,
- + Kinh doanh dịch vụ trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.



Là một doanh nghiệp với quy mô lớn và đa dạng hóa ngành nghề, Công ty rất cần hợp tác, liên doanh với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong các lĩnh vực và ngành nghề nói trên



2004



An Khang - Thịnh vượng

Năm cũ qua đi và năm mới sắp đến. Trong năm 2003, bằng việc đưa vào sử dụng loại máy bay hiện đại Boeing 777, Vietnam Airlines ghi tên mình vào danh sách những hãng hàng không có đội bay mạnh trong khu vực. Và giống như Hoa sen - biểu tượng của Vietnam Airlines, tượng trưng cho sức sống và sự phát triển, mạng đường bay của Vietnam Airlines cũng không ngừng được mở rộng tới các chân trời mới cùng chất lượng dịch vụ không ngừng được cải tiến. Bước vào năm mới 2004, mong muốn lớn nhất của chúng tôi là mang đến cho Quý khách sự hài lòng hơn nữa.



Vietnam Airlines
www.vietnamairlines.com

HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

*Chào Xuân
Giáp Thân*



2

1-2004

UNIV. OF MICH.

FEB 25 2004

CURRENT SERIALS

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
BUILDING MATERIALS CORPORATION N°1

FICO

FICO

Luôn ở hàng đầu

*Chúc Mừng
Năm Mới
2004*

SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG - KINH DOANH ĐỊA ỐC

Cách men
VITALY



BMT



CBM-S

Trụ sở chính: 9 - 19 Hồ Tùng Mậu, lầu 4 - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 823 0809; 821 2960 * Fax: (84-8) 821 3233 * Email: fctvxd@hcm.vnn.vn * Website: www.fico.com.vn

Digitized by Google



THÁNG RA 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16 HÀNG THÁNG

SỐ 701

2

1-2004

● BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Điện thoại : (04) 7 753 605

Fax : (04) 7 753 633

Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● Cơ quan thường trú

tại miền Trung :

26 Trần Phú,

Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (080) 51301

Fax : (080) 51303

● Cơ quan thường trú

tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,

Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 8 274 638

Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Cội nguồn sức mạnh Việt Nam
của Mai Linh

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

*** Thông báo Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX

3

NÔNG ĐỨC MẠNH - Đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tăng nhanh nhịp độ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

7

MỪNG XUÂN, MỪNG ĐẢNG, MỪNG ĐẤT NƯỚC

XÃ LUẬN - Xuân Giáp Thân, nhìn lại ba năm đầu thế kỷ

12

NGUYỄN TRỌNG THỤY - Những Mùa Xuân đáng nhớ trong hành trình tìm đường cứu nước của Bác Hồ

15

PHAN TÁ - HẢI QUỲNH - Xuân về, âm vang những vần thơ kêu gọi đại đoàn kết của Bác Hồ

18

NHÂN KỶ NIỆM 80 NĂM NGÀY V.I. LÊ-NIN TỬ TRẦN (21-1-1924 - 21-1-2004)

ĐẢNG HỮU TOÀN - Sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước: Từ quan niệm của V.I. Lê-nin đến chủ trương của Đảng ta

21

NGÔ ĐÌNH XÂY - Những biện pháp hình thành nền đạo đức mới trong di huấn của V.I. Lê-nin

26

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ: QUA THỰC TIỄN VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

*** Tổng quan Hội thảo

29

LÊ TỰ CƯỜNG - Đà Nẵng phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở

35

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ĐÌNH VĂN AN - Chương trình hành động của Chính phủ - hơn một năm nhìn lại

39

VŨ XUÂN MỪNG - Khai thác tốt lợi thế, phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở các tỉnh phía Nam

44

MAI HẢI OANH - An ninh văn hóa trong toàn cầu hóa

49

MÙA XUÂN - ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN TUẤN KHANH - Gia Lai - tiềm năng và phát triển

54

DOÃN KIM THUYỀN - Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1 đi trước một bước đáp ứng nhu cầu phát triển năng lượng quốc gia

59

TRIỀU HẢI HOÀNG - Về An Giang nghe chuyện liên kết "bốn nhà"

64

PHẠM SONG - Ngày Xuân, nghĩ về nước với sức khỏe

68

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

MAI THẾ CHÍNH - Đi chúc Tết cấp trên

72

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

TẾ KIẾN QUỐC - Thành tựu rực rỡ, triển vọng xán lạn

73

TRẦN BÀ KHOA - Châu Âu nhất thể hóa - thách thức và triển vọng

76

СОДЕРЖАНИЕ

*** Сообщение IX Пленума Центрального Комитета Партии IX созыва. НОНГ ДЫК МАНЬ: Усиливать курс обновления, ускорять темпы устойчивого социально-экономического роста, создавать продвижение в строительстве и упорядочении Партии. **Передовая:** Весна «Жал Тхан», ретроспективный взгляд на первые 3 года века. НГУЕН ЧОНГ ТХУ: Незабываемые весны в путешествии Дяди Хо во имя разыскивания пути спасения страны. ФАН ТА – ХАЙ КУИНЬ: Пришла весна, оглашаются стихотворения Дяди Хо о призыве к широкому сплочению. ДАНГ ХЫУ ТОАН: Использование производственной формы государственного капитализма: От концепций В. И. Ленина до установок нашей Партии. НГО ДИНЬ СЕЙ: Способы, устанавливающие новую мораль в заветах В. И. Ленина. *** Обзор семинара «Осуществление демократии на местах через практики Вьетнама и Китая». ДИНЬ ВАН АН: Программа действий Правительства – ретроспективный взгляд на неё после более одного года исполнения. МАЙ ХАЙ ОАНЬ: Безопасность культуры в условиях глобализации. НГУЕН ТУАН ЮАНЬ: Провинция Жалай – потенциалы и развитие. ЧИЕУ ХАЙ ХОАНГ: Узнавание о слиянии между учёными, крестьянами, предпринимателями и государством при приходе в провинцию Анжанг. ТЕ КИЕН КУОК: Яркие достижения, блестящие перспективы. ЧАН БА КХОА: Интегрированная Европа – испытания и перспективы.

CONTENTS

*** Information of IX Plenum of CPV Central Committee (IX tenure). NÔNG ĐỨC MẠNH: Advancing the renovation cause, speeding up tempo of permanent socio-economic development, creating vital shifts in the matter of Party building and reorganisation. **Editorial:** Spring of the Giáp Thân year – retrospective overview of first 3 years of the century. NGUYỄN TRỌNG THỤ: The memorial springs in the itinerary for the country salvation of Uncle Hồ. PHAN TÁ - HẢI QUỲNH: Spring comes, and Uncle's Hồ's verses that call for a great solidarity are resounding. ĐẶNG HỮU TOÀN: Using state capitalism: from Lenin's conceptions to our Party's lines. NGÔ ĐÌNH XÂY: Measures for forming new morality in V.I. Lenin's hereditary instructions. *** Overview of the seminar: "Implementation of Grassroots Democracy Status – through practices of Vietnam and China". ĐINH VĂN AN: The government's action program: a look at it after over one year of implementation. MAI HẢI OANH: Cultural safety in Globalisation. NGUYỄN TUẤN KHANH: Gia Lai province – potentials and developments. TRIỀU HOÀNG HẢI: Learning about the integration of scientists, peasants, businessmen and the state on the arrival to An Giang province. TẾ KIẾN QUỐC: Splendid achievements, bright prospects. TRẦN BÁ KHOA: United Europe: the challenges and the prospects.

SOMMAIRE

*** Communiqué du 9e Plénum du Comité central du PCV, issu du IXe Congrès. NÔNG ĐỨC MẠNH: Renforcer l'œuvre de renouveau, accélérer le rythme de développement socio-économique durable, créer un changement notable dans le travail d'édification et de rectification du Parti. **Editorial:** Au printemps de Giáp Thân - regard rétrospectif des trois premières années du siècle. NGUYỄN TRỌNG THỤ: Les printemps inoubliables dans l'itinéraire de recherche de la voie du salut national de l'Oncle Ho. PHAN TÁ – HẢI QUỲNH: L'arrivée du printemps fait résonner les vers de l'Oncle Ho faisant appel à la grande union nationale. ĐẶNG HỮU TOÀN: La mise en vigueur du capitalisme étatique: de la conception de V.I. Lénine aux options de notre Parti. NGÔ ĐÌNH XÂY: Mesures visant à élaborer une nouvelle morale dans les recommandations de V.I. Lénine. *** Aperçu du colloque "Réalisation de la démocratie à la base: A travers la pratique au Vietnam et en Chine". ĐINH VĂN AN: Programme d'action du gouvernement au bout de plus d'une année de mise en œuvre. MAI HẢI OANH: Sécurité culturelle dans la mondialisation. NGUYỄN TUẤN KHANH: Gia Lai – potentialités et développement. TRIỀU HẢI HOÀNG: Sur l'alliance des quatre (Etat, paysan, scientifique, entrepreneur) dans la province d'An Giang. TẾ KIẾN QUỐC: Réalisations brillantes, perspectives radieuses. TRẦN BÁ KHOA: Une Europe unie – défis et perspectives.

SUMARIO

*** Comunicado del IX Pleno del CC del Partido (IX Congreso). NÔNG ĐỨC MẠNH: Impulsar la renovación, acelerar el ritmo de estable desarrollo económico-social y crear un cambio impetuoso en la construcción y rectificación del Partido. **Editorial:** La Primavera de Giáp Thân, una vista retrospectiva de las tres décadas del comienzo del siglo. NGUYỄN TRỌNG THỤ: Las inolvidables primaveras en el viaje de búsqueda del camino de salvación nacional realizado por el Tío Hồ. PHAN TÁ-HẢI QUỲNH: La primavera y los versos llamados a la gran unidad hechos por el Tío Hồ. ĐẶNG HỮU TOÀN: El uso del capitalismo estatal: De la concepción de V.I. Lenin a la línea de nuestro Partido. NGÔ ĐÌNH XÂY: Medidas formadoras de la nueva virtud en las recomendaciones legadas por V.I. Lenin. *** El parónama del Seminario "El cumplimiento de la democracia en la base a través de realidades de Vietnam y China". ĐINH VĂN AN: El programa de acción del Gobierno – una mirada retrospectiva sobre más de un año de su realización. MAI HẢI OANH: La seguridad cultural en la globalización. NGUYỄN TUẤN KHANH: La provincia de Gia Lai – potencialidades latentes y desarrollo. TRIỀU HẢI HOÀNG: Llegando a la provincia de An Giang para escuchar el cuento de la integración de "los cuatro elementos". TẾ KIẾN QUỐC: Gloriosos logros y radiantes perspectivas. TRẦN BÁ KHOA: Europa unificada – retos y perspectivas.

目录

*** 越共九届九中全会公报·农德孟：大力推动革新事业，加大经济社会稳固发展速度，为建党整党工作造就新的转变·社论：甲申春—回顾本世纪头三年·阮仲授：胡伯伯在寻求救国之路中难忘的春天·潘佐、海琼：春天来临了，荡漾着胡伯伯号召大团结的诗韵·邓友全：使用国家资本主义生产形式—从列宁观点到我党的主张·吴廷设：形成列宁遗训中新道德基础所采取的措施*** 《实现基层民主—越南和中国的实践》研讨会综观·丁文恩：回顾一年来政府的行动计划·梅海莹：全球化中的文化安全·阮俊卿：嘉莱省—潜能与发展·朝海皇：到安江省听国家、科学家、农民和企业家联结的故事·齐建国：成就辉煌、未来灿烂·陈伯科：欧洲一体化—挑战和展望。



THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

TỪ ngày 05 đến ngày 12-01-2004, tại Thủ đô Hà Nội đã diễn ra Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX). Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

I- Với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng, phát huy trí tuệ tập thể, Hội nghị đã dân chủ thảo luận, kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX trong nửa nhiệm kỳ vừa qua và thông qua Nghị quyết về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội Đảng.

1 - Với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, thẳng thắn tự phê bình và phê bình, Hội nghị đánh giá một cách khách quan, sâu sắc những việc làm được cũng như chưa làm được, phân tích rõ nguyên nhân.

a - Hội nghị chỉ rõ hai năm rưỡi qua, trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, kinh tế khu vực và thế giới phục hồi chậm và dịch bệnh SARS... tác động không nhỏ đến nước ta, song với sự phấn đấu nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, chúng ta đã giành được những thắng lợi quan trọng.

Kinh tế tăng trưởng khá nhanh và toàn diện, năm sau cao hơn năm trước. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, từng bước hiện đại hóa; các vùng kinh tế đều phát triển, trong đó các vùng kinh tế trọng điểm phát triển mạnh mẽ hơn. Nước ta vừa xây dựng cơ cấu kinh tế độc lập tự chủ, vừa hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới; tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu, trong đó kinh tế nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, tiếp tục hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các lĩnh vực xã hội như giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của đông đảo nhân dân, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc người có công với nước, phát triển các sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao..., xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho các xã nghèo ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được quan tâm thực hiện, nhờ đó cải thiện một bước đời sống nhân dân, gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Việc xây dựng pháp luật, củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được tăng cường; dân chủ xã hội được mở rộng. Lòng tin của nhân dân đối với công cuộc đổi mới, đối với chế độ và sự đồng thuận trong xã hội tiếp tục được nâng cao.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm lành mạnh hệ thống chính trị tiếp tục được coi trọng và quyết tâm chỉ đạo, đã đạt được một số kết quả tích cực, có tác dụng răn đe, cảnh báo, hạn chế nhất định những mặt tiêu cực.

Quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị, xã hội được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng; uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Hội nghị khẳng định những thành tựu trên đây là kết quả phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, trong đó có vai trò quan trọng của sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng từ Trung ương đến địa phương; sự đổi mới trong quản lý, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp; vai trò chủ động phối hợp hoạt động của hệ thống tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, cổ vũ tinh thần lao động năng động, sáng tạo, tương thân tương ái của các tầng lớp nhân dân... Những thành tựu này chứng tỏ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đang đi đúng theo đường lối đổi mới và những định hướng mà Đại hội IX đã đề ra, tiếp tục làm tăng thêm thế và lực của đất nước, đặt nền móng và tạo điều kiện thuận lợi cơ bản để tiếp tục tiến lên phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

b - Hội nghị chỉ rõ bên cạnh thành tựu và tiến bộ, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX còn những yếu kém, khuyết điểm, thể hiện chủ yếu trên một số mặt sau đây:

Kinh tế tuy tăng khá song vẫn chưa đạt nhịp độ tăng trưởng mà Đại hội đề ra. Nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước để phát triển kinh tế chưa được huy động và sử dụng tốt. Chất lượng, hiệu quả của sự phát triển kinh tế - xã hội còn thấp và chưa có chuyển biến rõ rệt. Thất thoát lãng phí trong quản lý kinh tế, đặc biệt trong quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách nhà nước còn rất nghiêm trọng; chưa tận dụng được lợi thế về ổn định chính trị - xã hội để thu hút mạnh mẽ nguồn đầu tư của nước ngoài.

Còn để nhiều vấn đề xã hội bức xúc kéo dài, chậm được giải quyết làm nhân dân lo lắng, không an tâm: tình trạng nghèo đói, đời sống khó khăn ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gay gắt; các gia đình nghèo gặp nhiều khó khăn về chữa bệnh và học hành; chất lượng giáo dục toàn diện thấp; tệ nạn xã hội và tình trạng phạm tội chưa được ngăn chặn có hiệu quả; tai nạn giao thông còn nhiều... Điều mà nhân dân bất bình và lo lắng là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên vẫn còn nghiêm trọng. Thực trạng trên đây cùng với những yếu kém trong quản lý nhà nước theo pháp luật đang ảnh hưởng không nhỏ đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta, hạn chế việc phát huy những thắng lợi mà chúng ta đã đạt được.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính trong hệ thống chính quyền chưa tạo được chuyển biến cơ bản. Hệ thống chính trị chưa đủ mạnh. Nhiều tổ chức đảng cơ sở sinh hoạt lỏng lẻo, sức chiến đấu yếu.

2 - Về phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp lớn trong nửa nhiệm kỳ còn lại, Hội nghị khẳng định: để thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX, hoàn thành mục tiêu kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực, tạo thuận lợi cho kế hoạch 5 năm sau, cần thực hiện thật tốt **phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trọng yếu sau**:

Một là, tập trung đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong 2 năm 2004 - 2005 đạt bình quân mỗi năm trên 8%. Tạo một bước chuyển biến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực, của các doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; tăng đóng góp của khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Hai là, đẩy mạnh xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục tháo gỡ các trở ngại về cơ chế, chính sách để sắp xếp, đổi mới, đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác; hình thành đồng bộ hơn các loại thị trường, nhất là các thị trường vốn, bất động sản, lao động, khoa học, công nghệ.

Ba là, phát triển văn hóa, xã hội đồng bộ hơn nữa với tăng trưởng kinh tế, tập trung giải quyết một bước quan trọng một số vấn đề xã hội bức xúc nhất, như xóa đói, giảm nghèo ở những vùng đặc

biệt khó khăn; nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy lùi một bước các tệ nạn xã hội, tình trạng phạm tội, việc khiếu kiện đông người, tai nạn giao thông.

Bốn là, chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương, song phương và sớm gia nhập WTO, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng, có tính cạnh tranh cao so với khu vực; thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.

Năm là, tạo cho được chuyển biến toàn diện, sâu sắc trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị; thực hiện khẩn trương cải cách hành chính, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiễu dân. Quan tâm đặc biệt đến đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sáu là, tiếp tục củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị - xã hội và mở rộng quan hệ đối ngoại, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

3 - Trên tinh thần đó, cùng với việc tiếp tục thực hiện đồng bộ 7 nhóm chủ trương, chính sách, giải pháp lớn đã được Đại hội đề ra và được cụ thể hóa ở các nghị quyết Trung ương khóa IX, Hội nghị đã xác định trong hơn hai năm còn lại, cần tập trung thực hiện quyết liệt hơn các chủ trương, chính sách, giải pháp quan trọng trên từng lĩnh vực như sau:

a - Về phát triển kinh tế.

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa mạnh hơn nữa doanh nghiệp nhà nước; phát triển mạnh kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và loại hình tổ chức kinh tế cổ phần; nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tạo lập và phát triển đồng bộ các thị trường.

- Tiếp tục chủ động hội nhập, thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập WTO.

- Đổi mới cơ bản công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế.

b - Về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, xã hội.

Hội nghị khẳng định tiếp tục quán triệt quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, vai trò động lực của các yếu tố văn hóa, xã hội đối với sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Tập trung chỉ đạo nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực. Đổi mới một cách cơ bản cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; lấy chất lượng sản phẩm, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế làm mục tiêu chủ yếu của hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển các tổ chức khoa học và công nghệ nghiên cứu triển khai sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp. Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống, lối sống văn hóa, văn minh; giữ gìn và phát triển các giá trị tốt đẹp của xã hội và con người Việt Nam. Tổ chức tốt hơn nữa việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Tiếp tục thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, giảm tai nạn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, chăm lo các đối tượng chính sách.

c - Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước, thực hiện cải cách hành chính, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong hai năm tới cần tập trung:

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội và cơ quan dân cử các cấp.

- Đẩy mạnh đồng bộ cải cách hành chính nhà nước.
- Đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.
- Thực hiện tốt hơn chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.
- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

d - Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Hội nghị chỉ rõ cần quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8 về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới". Có phương án, kế hoạch phòng ngừa, nhằm chủ động ngăn chặn và đối phó thắng lợi với mọi âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù trong mọi tình huống; bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

đ - Về công tác xây dựng Đảng.

Hội nghị chỉ rõ trong thời gian tới cần tập trung chỉ đạo nhiệm vụ xây dựng Đảng tương xứng với vị trí là nhiệm vụ then chốt.

Nâng cao chất lượng và tăng cường hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, kiên quyết khắc phục sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Triển khai sâu rộng việc giáo dục rèn luyện đạo đức, lối sống trong cán bộ, nhân dân theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh xây dựng, kiện toàn và tăng cường sức chiến đấu cho tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng chính quyền, đoàn thể cơ sở và phong trào cách mạng của quần chúng. Xây dựng cơ chế để phát huy quyền làm chủ, quyền giám sát của nhân dân đối với tổ chức đảng, đảng viên. Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong Đảng. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm, nội dung, phương pháp, tổ chức quản lý, chế độ trách nhiệm, bộ máy và con người làm công tác cán bộ; triển khai đồng bộ các mặt đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

II - Hội nghị đã xem xét thi hành kỷ luật một số cán bộ.

- Thi hành kỷ luật về đảng đối với đồng chí Lê Huy Ngọ bằng hình thức cảnh cáo vì có phần trách nhiệm trong việc để Công ty Tiếp thị đầu tư nông nghiệp và phát triển nông thôn và Lã Thị Kim Oanh hoạt động vi phạm pháp luật, gây hậu quả nghiêm trọng. Đề nghị Nhà nước xem xét xử lý kỷ luật đúng mức đồng chí Lê Huy Ngọ về mặt chính quyền.

- Thi hành kỷ luật về đảng đối với đồng chí Vũ Trọng Kim bằng hình thức khiển trách vì có phần trách nhiệm trong việc để tình trạng mất đoàn kết nội bộ của lãnh đạo tỉnh Quảng Trị kéo dài.

- Thi hành kỷ luật về đảng đối với đồng chí Nguyễn Tuấn Minh bằng hình thức khiển trách vì trong thời kỳ làm Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có trách nhiệm trong việc xử lý không đúng số xe ô-tô nhập lậu của Công ty liên doanh Vicarent. Đề nghị Nhà nước xem xét xử lý kỷ luật đúng mức đồng chí Nguyễn Tuấn Minh về mặt chính quyền.

- Thi hành kỷ luật về đảng đối với đồng chí Ksor Phước bằng hình thức khiển trách vì có phần trách nhiệm trong việc chưa ngăn chặn, xử lý tốt vụ việc gây mất trật tự an ninh tại tỉnh Gia Lai tháng 02-2001, khi đồng chí đang là Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức tự lực tự cường, truyền thống đoàn kết, ý chí phấn đấu, thi đua yêu nước, động viên tối đa sức người, sức của, tài năng và trí tuệ của mọi tầng lớp nhân dân thành sức mạnh tổng hợp để tiến lên hoàn thành thắng lợi toàn diện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. □

ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, TĂNG NHANH NHỊP ĐỘ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ - XÃ HỘI, TẠO BƯỚC CHUYỂN MẠNH MẼ TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHÍNH ĐỐN ĐẢNG *

NÔNG ĐỨC MẠNH

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng



Thưa các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Sau 8 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần

thứ chín Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành chương trình đề ra.

Như tôi đã trình bày trong buổi khai mạc, Hội nghị Trung ương lần này có nhiệm vụ quan

* Tựa đề là của Báo Nhân dân

trọng đặc biệt là kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Đây là dịp chúng ta nhìn lại quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội, nhìn lại sự nghiệp phát triển đất nước và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời gian 3 năm đầu thế kỷ XXI, vạch ra phương hướng, biện pháp tiếp tục đẩy mạnh các mặt công tác trong nửa nhiệm kỳ còn lại để thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Hơn hai năm rưỡi qua, trong bối cảnh tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp mới; kinh tế thế giới và khu vực phục hồi chậm; dịch bệnh SARS xảy ra và thiên tai liên tiếp... đã tác động tiêu cực đến tình hình nước ta, nhưng do quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, với sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, đất nước đã đạt được những thành tựu quan trọng. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh và toàn diện, năm sau cao hơn năm trước; cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, từng bước hiện đại hóa, phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế; vừa thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, vừa xây dựng một bước cơ cấu kinh tế độc lập tự chủ trong quá trình hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới. Nhiều lĩnh vực xã hội được quan tâm phát triển hòa nhịp với phát triển kinh tế. Phong trào xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ những người cơ nhỡ, khó khăn phát triển rộng khắp. Quốc phòng, an ninh và ổn định xã hội được giữ vững. Quan hệ đối ngoại được mở rộng; vị thế và uy tín của nước ta tiếp tục được nâng cao. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng và quyết tâm chỉ đạo thực hiện, đã có những tiến bộ đáng ghi nhận; tuy chưa chặn đứng được những biểu hiện tham nhũng, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên nhưng đã có tác dụng răn đe, hạn chế nhất định.

Trong khi khẳng định những thành tựu quan trọng đó, trên tinh thần tự phê bình và phê bình, Trung ương đã thẳng thắn chỉ rõ những yếu kém và khuyết điểm. Kinh tế tuy có tốc độ tăng trưởng khá nhưng chưa đạt được mục tiêu do Đại hội IX đề ra, chất lượng và hiệu quả còn thấp, sức cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp, của hàng hóa còn kém. Tình trạng thất thoát, lãng phí trong quản lý kinh tế, nhất là trong quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, trong hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, trong chi tiêu tài chính công còn lớn. Một số vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết. Tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những nhiễu dân, sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, công chức còn nghiêm trọng, gây lo lắng, bất bình trong nhân dân và hạn chế sự phát triển có thể còn cao hơn nữa của đất nước.

Hội nghị Trung ương đã đề ra những chủ trương, giải pháp quan trọng trong những năm còn lại của nhiệm kỳ để thúc đẩy thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Quyết tâm lớn của chúng ta là đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới, tăng nhanh nhịp độ phát triển và tính bền vững về kinh tế - xã hội, tạo cho được một bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị, đấu tranh có hiệu quả với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, khắc phục sự suy thoái về đạo đức, lối sống, phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương phép nước.

Các bản giải trình của Bộ Chính trị sau khi Trung ương thảo luận đã đề cập toàn diện các vấn đề. Tôi xin phát biểu thêm để nhấn mạnh một số nội dung có quan hệ tới việc rút kinh nghiệm quá trình quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội trong hơn hai năm rưỡi qua, để tổ chức thực hiện tốt hơn trong nửa nhiệm kỳ còn lại, bảo đảm thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Thứ nhất là mối quan hệ giữa ổn định và phát triển.

Trong sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu phát huy cao độ nội lực, đi đôi với hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng giao lưu văn hóa, văn đề mà Đảng ta đặc biệt quan tâm là xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa ổn định và phát triển. Với những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới trong những năm gần đây, Hội nghị Trung ương lần thứ hai, thứ tư và thứ tám khóa IX đã khẳng định và phát triển quan điểm cơ bản đó, coi ổn định là điều kiện quan trọng để phát triển, phát triển là cơ sở, là tiền đề thúc đẩy ổn định xã hội.

Phát huy và tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm nhân dân được hưởng thụ nhiều hơn những thành quả công cuộc đổi mới, củng cố và hoàn thiện chế độ xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế không tách rời với phát triển.

Thực tế cho thấy, trong hơn hai năm rưỡi qua, đất nước đã phát triển theo tinh thần chỉ đạo đó.

Mặc dù có những biến động phức tạp, phải xử lý kịp thời những vấn đề nhạy cảm, đất nước vẫn tiếp tục ổn định chính trị - xã hội. Các tổ chức quốc tế đã đánh giá nước ta là một nước ổn định của khu vực, người dân tin ở tương lai; điều đó thật sự là một thời cơ để phát huy các nguồn nội lực và thu hút đầu tư nước ngoài cho phát triển. Mặt khác, nhờ phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện, đã tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân càng tin tưởng hơn vào đường lối đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, góp phần ổn định chính trị - xã hội.

Mối quan hệ giữa ổn định và phát triển trở thành một kinh nghiệm lớn, cần được quán triệt trong lãnh đạo và chỉ đạo phát triển đất nước, từ xử lý các việc cụ thể tới việc hoạch định các chính sách vĩ mô. Quyết tâm giữ vững môi trường hòa bình, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm những cân đối quan trọng trong kinh tế vĩ mô... phải trở thành nhận thức sâu sắc và hành động thiết thực của các cấp, các ngành trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Đó là bài học lớn rút ra từ thực tiễn phát triển đất nước trong bối cảnh thế giới đầy biến động phức tạp trong những năm qua, là một trong những phương châm phát triển đất nước trong những năm tới.

Thứ hai là mối quan hệ giữa tăng trưởng tốc độ cao với chất lượng, hiệu quả và sự bền vững của tăng trưởng.

Trong những năm qua, nhờ nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phát huy cao độ nội lực gắn liền với thu hút các nguồn ngoại lực trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đất nước đã vượt qua thời kỳ suy giảm tốc độ tăng trưởng do ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực, đã tăng trưởng liên tục với tốc độ khá cao; đó là một thành tựu rất quan trọng. Trong thời gian tới cần đẩy mạnh hơn nữa nhịp độ tăng trưởng để có thể thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng do Đại hội đề ra, góp phần từng bước khắc phục tình trạng tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước xung quanh. Tuy nhiên, như Nghị quyết Đại hội lần thứ IX đã chỉ rõ: phải "tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững", "nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế". Một nền kinh tế tăng trưởng có chất lượng, hiệu quả cao mới có thể coi là tăng trưởng bền vững. Mặt khác, chất lượng và hiệu quả chính là cơ sở để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm sức tăng trưởng lâu dài kể cả trong

những tình huống khó khăn. Do đó, từ năm 2004 và các năm sau, phải có chuyển biến rõ rệt về mặt này.

Chất lượng tăng trưởng thể hiện ở hiệu quả đầu tư, năng suất lao động, chất lượng và giá thành sản phẩm, sức cạnh tranh của hàng hóa. Đó phải là mục tiêu phấn đấu của mọi người lao động, các doanh nghiệp và các cấp, các ngành. Nâng cao trình độ quản lý kinh tế, xã hội của Nhà nước, nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp, của các hoạt động khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, tích cực chống tham ô, lãng phí là những lĩnh vực, những việc phải tập trung sức làm tốt trong những năm tới.

Chúng ta có thể vừa giữ vững tốc độ tăng trưởng cao, vừa nâng cao chất lượng tăng trưởng nếu biết tập trung sức phát huy nội lực gắn liền với thu hút các nguồn lực từ bên ngoài. Tạo môi trường thuận lợi để phát triển có hiệu quả các thành phần kinh tế, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, đồng thời phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế khác, phát huy các khả năng tiềm tàng trong dân. Đặc biệt coi trọng việc phát huy tiềm năng con người Việt Nam, bao gồm tiềm năng về trí tuệ, sức lao động sáng tạo cũng như tiền vốn, trọng dụng nhân tài phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Thứ ba là phát triển kinh tế gắn liền với phát triển văn hóa, xã hội.

Đường lối của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới đã chỉ rõ phải phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đó cũng là một nội dung quan trọng của sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Gắn liền tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội là để thực hiện sự phát triển bền vững, bảo đảm "nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân" như Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nêu.

Trong thời gian tới, chúng ta phải coi trọng hơn nữa phát triển giáo dục - đào tạo, đặc biệt về mặt chất lượng, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; coi trọng phát triển khoa học, công nghệ hướng vào việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế - xã hội cấp bách để tăng năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực sự coi giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Quan tâm sâu sắc việc phát triển văn hóa, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, giữ gìn bản sắc văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc, xây dựng nếp sống, lối sống văn minh, đấu tranh với lối sống sa đọa, đồi trụy, phô trương hình thức.

Cần xử lý tốt các vấn đề xã hội bức xúc, như giải quyết việc làm, ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn xã hội, xóa đói giảm nghèo, chăm lo các đối tượng chính sách. Cùng với việc tạo điều kiện cho các vùng kinh tế trọng điểm phát triển nhanh, phải quan tâm hơn nữa tới sự phát triển của các vùng sâu, vùng xa, vùng có khó khăn, không để xảy ra tình trạng chênh lệch quá xa về đời sống giữa nhân dân các vùng... từ đó, tạo niềm vui trong toàn dân, giữ vững sự đồng thuận xã hội và ổn định chính trị đất nước.

Thứ tư là xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với việc củng cố hệ thống chính trị, vấn đề rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định.

Ngay từ những ngày đầu của sự nghiệp đổi mới, Đảng ta đã xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Qua những năm đổi mới, đặc biệt trong hơn hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, chúng ta càng thấy vị trí quan trọng, có ý nghĩa quyết định của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, công tác xây dựng Đảng luôn luôn gắn liền với xây dựng và củng cố hệ thống chính trị bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn

thể nhân dân, để phát huy sức mạnh toàn dân tộc là động lực to lớn và quyết định sự phát triển đất nước. Công tác xây dựng Đảng bao gồm nhiều mặt : xây dựng Đảng về chính trị, về tư tưởng và về tổ chức. Trong tình hình hiện nay, về mặt chính trị, tư tưởng, cần tập trung giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện nói và làm theo gương Bác Hồ, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, giữ gìn đạo đức cách mạng, đấu tranh có hiệu quả chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, các biểu hiện bè phái, cục bộ. Trên cơ sở đó, đấu tranh có hiệu quả chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tập trung vào những nơi còn nhiều sơ hở như quản lý đất đai, quản lý xây dựng cơ bản, quản lý kinh tế doanh nghiệp nhà nước, chi tiêu ngân sách. Đây không chỉ là vấn đề đạo đức mà còn là vấn đề kinh tế và chính trị lớn. Cùng với việc giáo dục, phải rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh cơ chế, chính sách không để sơ hở; hình thành cơ chế nhân dân giám sát hoạt động của cán bộ, công chức; đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình, ý thức trách nhiệm tập thể và cá nhân, trước hết của người đứng đầu; kiên quyết xử lý những người sai phạm và những người bao che bất kể họ là ai, không dùng hình thức xử lý nội bộ, kỷ luật hành chính thay cho việc xử lý hình sự đối với những người đã có đủ chứng cứ về hành vi phạm tội; bảo vệ và khen thưởng những người có công phát hiện tội phạm.

Một vấn đề có ý nghĩa quyết định là vai trò gương mẫu của cá nhân và gia đình cán bộ, công chức, trước hết của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, từ các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội, đến các đồng chí lãnh đạo các cấp ủy, các ngành, các đoàn thể, các địa phương cần tự giác rèn luyện, nêu gương trước cấp dưới về sự giác ngộ chính trị, giữ gìn phẩm chất, đạo

đức, lối sống, tinh thần hy sinh phấn đấu vì lý tưởng của Đảng, vì hạnh phúc của nhân dân, chủ động đấu tranh có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, làm trong sạch bộ máy trong ngành, trong địa phương mình phụ trách. Các đồng chí đứng đầu các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước những khuyết điểm, tham nhũng, lãng phí trong ngành, địa phương, đơn vị mình. Đề cao sự giám sát của các tổ chức đảng, Mặt trận, các đoàn thể và toàn thể nhân dân đối với cán bộ để thực hiện thật nghiêm túc và hiệu quả nhiệm vụ này.

Đây là tình trạng tham nhũng, lãng phí là một công việc có ý nghĩa quan trọng để củng cố niềm tin trong nhân dân, phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần thứ chín họp vào những ngày đầu năm 2004 và Tết cổ truyền Giáp Thân sắp tới. Chúng ta đã bước sang một năm mới với nhiều triển vọng về sự phát triển của đất nước trong thập kỷ đầu của thế kỷ mới, với lòng tin sâu sắc ở sức mạnh to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân sẵn sàng nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, vững bước tiến lên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nhân dịp năm mới, xin chúc các đồng chí và gia đình khỏe mạnh, thành đạt và hạnh phúc. Cho tôi gửi tới các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các gia đình liệt sĩ, anh chị em thương binh, bệnh binh, gia đình có công với nước, cùng toàn thể đồng bào, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài lời thăm hỏi thân thiết và lời chúc mừng an khang, thịnh vượng.

Xin tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ chín.

Xin chân thành cảm ơn các đồng chí. □



XUÂN GIÁP THÂN, NHÌN LẠI BA NĂM ĐẦU THẾ KỶ

XUÂN 2004, Xuân Giáp Thân, là Xuân đánh dấu sự kết thúc nửa kỳ đầu và mở ra nửa kỳ sau của việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Đó cũng là xuân thứ 74 kể từ ngày Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam - ra đời.

Nhìn lại năm 2003 và cả ba năm 2001 - 2003, từ Tân Ty, Nhâm Ngọ đến Quý Mùi, chúng ta thật sự phấn khởi nhận thấy ý chí lớn, quyết tâm cao và những thành tựu đáng kể của toàn Đảng, toàn dân ta trong cuộc phấn đấu đưa Nghị quyết Đại hội IX vào cuộc sống, mở ra cái thế thuận lợi mới cho sự phát triển trong những năm tiếp theo.

Đại hội IX quyết định rằng, trong vài thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, phương hướng chung của đất nước ta là: "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là đến năm 2010 đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020, căn bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trong 5 năm 2001 - 2005, nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân là 7,5%.

Xét trên tổng thể, trên cơ sở dự báo tình hình phát triển trong nước và trên thế giới của mấy thập niên trước mắt, những mục tiêu mà Đảng ta đề ra như trên vừa có tính cách mạng tiến công lại vừa có tính hiện thực lớn. Cái khó trong ba năm qua là, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, đã xuất hiện rất nhiều khó khăn mà trước đây ta chưa lường hết, nhất là thiên tai liên miên, tuy cục bộ, dịch SARS và tác động trực tiếp của tình hình khu vực và thế giới diễn biến phức tạp, kinh tế chưa thoát hẳn cơn chấn động của khủng hoảng cuối thế kỷ trước, thường xuyên xen lẫn giữa phục hồi và suy giảm.

Nhưng cái khó làm lớn cái khôn. Cuộc chiến đấu để vượt qua khó khăn, lập nên thành tựu mới không chỉ là thử thách lớn mà còn là minh chứng cho quyết tâm của nhân dân ta và bản lĩnh lãnh đạo của Đảng ta.

Trong nửa nhiệm kỳ qua, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã tập trung sức lãnh đạo việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, lần lượt cụ thể hóa các nội dung cơ bản nhất của Nghị quyết Đại hội bằng các nghị quyết chuyên đề về tất cả các lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại; đồng thời chỉ đạo quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết đó. Nhiều nội dung Nghị quyết của Đảng đã được thể chế hóa thành pháp luật của Nhà nước, được nhân dân tích cực hưởng ứng và phấn đấu thực hiện, nhờ đó, đã đạt được thành tựu về nhiều mặt.

Về kinh tế - xã hội, nét nổi bật nhất là đã đạt được mức tăng trưởng GDP năm sau cao hơn năm trước: năm 2001 = 6,9%, năm 2002 = 7,04% và năm 2003 = 7,24%. Bình quân ba năm là hơn 7%, cái mức tuy chưa đạt được yêu cầu đề ra nhưng lại là cao nhất so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, trừ Trung Quốc. Điều quan trọng hơn nữa là, chúng ta đã chặn lại và vượt qua được giai đoạn suy giảm tốc độ tăng trưởng diễn ra những năm cuối thế kỷ XX. Riêng năm 2003, hầu hết các chỉ tiêu của Kế hoạch nhà nước đều đạt và vượt mức. Có những chỉ tiêu đã đạt quá cái mức đề ra cho năm 2005, như sản xuất lúa gạo đạt 34,5 triệu tấn, than sạch 16,5 triệu tấn. Liên trong nhiều năm, Việt Nam giữ vững vị trí là một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Cơ cấu của nền kinh tế có bước chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa và từng bước hiện đại hóa, phát huy các lợi thế so sánh. Chủ trương giữ vững độc lập tự chủ về kinh tế tiếp tục được thực hiện có hiệu quả; có tiến bộ đáng kể trong việc phát huy các nguồn nội lực của đất nước, của các thành phần kinh tế cho đầu tư phát triển; đồng thời tiếp tục hội nhập kinh tế quốc tế. Hàng hóa Việt Nam đã thâm nhập và tìm được chỗ đứng trên thị trường nhiều nước, kể cả những thị trường khó tính như Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU. Thể chế kinh tế từng bước được đổi mới, từng bước hình thành và phát triển các loại thị trường, như thị trường hàng hóa ngày càng sôi động, thị trường lao động và thị trường tài chính - tiền tệ có nhiều tiến bộ.

Cả nước nhộn nhịp không khí một công trường xây dựng lớn. Nhiều khu công nghiệp, khu kinh tế mở, khu công nghệ cao mọc lên và đi vào hoạt động. Nhiều đô thị được nâng cấp thành thành phố. Hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ và đường hàng không mở rộng nhiều. Thật phấn khởi khi thấy sự ra đời của những công trình lớn như Đường Hồ Chí Minh huyền thoại, cầu Mỹ Thuận, hầm đèo Hải Vân, các cảng nước sâu Cái Lân, Kỳ Hà, Dung Quất, thủy điện Y-a-li, mở đầu khí mới Sư tử đen, ...

Gắn liền với tăng trưởng kinh tế, việc phát triển văn hóa và thực hiện các mục tiêu xã hội đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, cả trong giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng đời sống văn hóa và nếp sống văn minh, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Thể thao có tiến bộ vượt bậc với việc tổ chức thành công hai Đại hội Thể thao lớn của Đông Nam Á, trong đó, tại SEA Games 22, Việt Nam vô địch toàn đoàn với 158 huy chương vàng. Đáng nói nhất là những thành tựu về xóa đói giảm nghèo và từng bước nâng cao các chỉ số xã hội so với nhiều nước đang phát triển như HDI (chỉ số phát triển con người) và GDI (chỉ số phát triển về giới).

Về chính trị, tư tưởng phát huy sức mạnh toàn dân tộc ngày càng thấm sâu vào đông đảo các tầng lớp nhân dân, từ đó, đã động viên được nhiều năng lực tiềm tàng trong xã hội, mở rộng và tăng cường thêm khối đại đoàn kết toàn dân tộc, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo, đồng bào ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đổi mới một bước nội dung và phương thức hoạt động, khắc phục dần chủ nghĩa quan liêu và bệnh hình thức. Công tác cải cách nhà nước, cải cách hành chính từ Trung ương đến các địa phương đều có những tiến bộ mới theo hướng tăng hiệu lực của bộ máy và giảm phiền hà cho nhân dân. Dân chủ nói chung, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở, được phát huy cùng với những tiến bộ trong việc củng cố và tăng cường hệ thống chính trị ở các cấp. Ổn định chính trị, xã hội của đất nước tiếp tục được giữ vững. Trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, đã phát hiện và đưa ra xét xử nhiều vụ án lớn. Dư luận thế giới công nhận rằng, tỷ lệ dân số ở Việt Nam tin tưởng vào tương lai và tin tưởng ở chế độ rất cao.

Cùng với các thành tựu đạt được nói trên, quốc phòng và an ninh của nước ta càng được giữ vững, uy tín và vị trí quốc tế của nước ta ngày càng cao.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được sự quan tâm không chỉ trong toàn Đảng mà cả trong nhân dân, bởi tất cả đều hiểu rằng những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng. Mấy năm qua, trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng ta đã tập trung vào bốn mặt công tác quan trọng nhất mà Đại hội IX đã nêu lên, cũng là những nội dung chủ yếu mà Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) từng đề cập tới. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng được quan tâm nhiều hơn và trên thực tế, đã đem lại một số kết quả thiết thực, góp phần vào việc làm chuyển biến tình hình tư tưởng trong cán bộ và nhân dân. Công tác cán bộ tiếp tục có những đổi mới, đã làm rõ hơn nội dung và phương thức thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; việc luân chuyển cán bộ bước đầu đạt kết quả tốt. Công tác xây dựng cơ sở đảng gắn kết chặt chẽ hơn với việc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Việc kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến các cấp ủy địa phương cũng đã đạt được một số kết quả.

Ghi nhận những thành tựu và tiến bộ nói trên, chúng ta đồng thời nhận rõ những yếu kém và khuyết điểm, những khó khăn và nhiều vấn đề cần phải tiếp tục giải quyết.

Nền kinh tế nước ta tuy đạt mức tăng trưởng khá cao nhưng còn dưới tiềm năng, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp và chậm được cải thiện. Cơ cấu kinh tế tuy có chuyển dịch tiến bộ nhưng so với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn còn chậm. Việc thực hiện chính sách phát triển các thành phần kinh tế còn có chỗ thiếu nhất quán; chưa phát huy được lợi thế về ổn định chính trị - xã hội để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài. Văn hóa, xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc; chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp; nhân tố văn hóa và con người trong phát triển chưa được nhận thức đầy đủ; công tác giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, phòng chống các tệ nạn xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Tổ chức và hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp vẫn còn nhiều hạn chế so với quy định của pháp luật. Còn thiếu quyết tâm trong cơ cấu lại bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; thiếu những chủ trương và giải pháp về cải cách tư pháp có tính đột phá. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tuy có những tiến bộ đáng ghi nhận nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu cơ bản nhất là tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực sự là sức mạnh cơ bản và là động lực phát triển đất nước; tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng để Đảng làm tròn sứ mệnh của mình trong thời kỳ mới.

Năm Quý Mùi trao lại cho năm Giáp Thân một hành trang quý giá về các thành tựu, đồng thời cũng phỏ thác một trọng trách cần gánh vác do những gì còn chưa làm được và cả những gì mới nảy sinh cần phải tiếp tục giải quyết trên bước đường tiến lên.

Năm 2004 và nửa nhiệm kỳ sau của Đại hội IX đòi hỏi ở Đảng ta và nhân dân ta quyết tâm cao hơn trong việc phát huy những thành tựu và ưu điểm, khắc phục những khó khăn, khuyết điểm, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, tạo nên một sự bứt phá mới, bằng những biện pháp quyết liệt hơn và hiệu quả hơn. Cần đạt tới một nhịp độ tăng trưởng cao hơn và bền vững hơn về kinh tế, một sự tăng cường và ổn định vững vàng hơn về chính trị - xã hội, quốc phòng và an ninh, một tầm vóc cao hơn về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, một vị thế cao hơn của đất nước trên trường quốc tế.

Tất cả những gì đạt được ở ba năm đầu thế kỷ cũng cố trong chúng ta quyết tâm ấy và lòng tin ấy. □

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

NHỮNG MÙA XUÂN ĐẢNG NHỚ TRONG HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA ĐÁC HỒ

NGUYỄN TRỌNG THỤ

TỪ tuổi thanh niên cho đến khi trở thành vị Chủ tịch của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Bác Hồ đã nhiều năm bôn ba ở nước ngoài để tìm đường cứu nước và đã từng đón Xuân ở nhiều nước như: Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan... Trong đó, đã có những mùa xuân thật đáng nhớ, đánh dấu những mốc quan trọng trên hành trình tìm đường cứu nước của Người và của cách mạng nước ta.

Xuân 1930: Xuân thành lập Đảng

Cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Thái Lan thì được tin Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội đang bị tan rã. Người lập tức từ Thái Lan về Trung Quốc để chuẩn bị việc hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến Thượng Hải, Người tìm gặp đồng chí Nguyễn Lương Bằng và một số đồng chí Việt Nam khác để tìm hiểu kỹ tình hình trong nước. Người cũng đã tìm cách liên lạc với các cơ quan của Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Hồng Công, gặp các đồng chí Nhiều Vê Hoa, Lý Phú Xuân và Thái Sương... để tham khảo ý kiến. Quá trình chuẩn bị cho Hội nghị hợp nhất được bắt đầu từ ngày 6-1-1930 (tức ngày 7 tháng Chạp năm Kỷ Ty). Để giữ bí mật, khi bàn bạc việc chuẩn bị Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí Việt Nam lúc giả đánh "mạt chược" ở khách sạn, khi vờ xem đá bóng ở sân vận động. Sau những buổi bàn luận kỹ càng, Người đã quyết định triệu tập

Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng. Nhận được tin, các đoàn đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và của An Nam Cộng sản Đảng lần lượt đến Hồng Công vào những ngày giáp Tết. Hội nghị bắt đầu ngày mùng Năm Tết Canh Ngọ (tức ngày 3-2-1930) khi không khí Tết ở Hồng Công còn rộn ràng. Sau năm ngày thảo luận sôi nổi và khẩn trương, Hội nghị đã nhất trí tán thành hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam thành một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa to lớn đối với cách mạng Việt Nam. Trước đây các tổ chức này đã nhiều lần gặp nhau bàn việc hợp nhất, nhưng không thành vì có những ý kiến khác nhau và thiếu người có đầy đủ uy tín đứng ra chủ trì. Hội nghị cũng đã nhất trí thông qua *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản có ý nghĩa như một đại hội thành lập Đảng. Sự nhất trí cao và nhanh chóng của Hội nghị là nhờ vào vai trò lãnh đạo, hướng dẫn của Nguyễn Ái Quốc. Nhờ uy tín và công lao to lớn của Người, Đảng ta đã ra đời, đảm nhận sứ mệnh cao cả và thiêng liêng lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi.

Theo lời của T. Lan kể lại trong cuốn "Vừa đi đường vừa kể chuyện", để mừng Đảng ra đời và mừng Xuân, Người đã đãi những người dự họp một bữa cơm Tết Nguyên đán trong không khí đầm ấm đầy tình đồng chí, đồng bào.

Đây là Mùa Xuân rất có ý nghĩa không những đối với Người, mà đối với cả sự nghiệp của Đảng, của dân tộc. Tin mừng về việc thành lập Đảng làm cho nhân dân ta vô cùng phấn khởi và từ đó đồng tâm nhất trí đưa cuộc cách mạng vượt mọi thác ghềnh, không ngừng tiến lên. Thực tế 74 năm qua đã chứng tỏ một cách hùng hồn rằng có Đảng, và chỉ có Đảng mới thật sự đem lại mùa xuân cho dân tộc.

Xuân 1933: Xuân thoát khỏi tù ngục của thực dân Anh

Tháng 6-1931, Nguyễn Ái Quốc lúc đó lấy tên là Tống Văn Sơ, bị cảnh sát Anh bắt tại số nhà 186 phố Tam Lung (Cửu Long) và giam ở nhà tù của thực dân Anh ở Hồng Công. Được tin Nguyễn Ái Quốc bị bắt, thực dân Pháp ở Việt Nam rất vui mừng. Chúng phái cả bảy mật thám sang châu chực ở Hồng Công, tìm mọi cách vận động chính phủ, tòa án và cảnh sát Anh trao Nguyễn Ái Quốc cho chúng. Chúng đưa tàu thủy chực sẵn ở Hồng Công, nếu tòa án Anh ký lệnh "trục xuất" là chúng bắt ngay Nguyễn Ái Quốc và đưa về Việt Nam.

Nhưng thực dân Pháp đã thất bại. Nguyễn Ái Quốc đã được Lô-dơ-bai, một luật sư người Anh có thiện tâm, tìm mọi cách giúp đỡ. Qua Lô-dơ-bai, Người đã tiếp bà Xten-la Ben-xon, một nhà hoạt động văn học và sân khấu, vợ của Phó Thống đốc Hồng Công. Cảm phục về thái độ và tầm cao trí tuệ của Nguyễn Ái Quốc, bà này đã yêu cầu chồng mình giúp đỡ Người.

Theo T.Lan trong cuốn "Vừa đi đường vừa kể chuyện", thì từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1931, tòa án họp 9 phiên. Quan tòa và công tố vẫn quyết định đuổi Bác về Đông Dương. Luật sư Lô-dơ-bai chống án lên Hội đồng nhà vua Anh và nhờ luật sư Nô-oen Pơ-rit (Nowell' Pritt) ở Luân Đôn cãi hộ cho Nguyễn Ái Quốc.

Khoảng cuối tháng 1-1933, gần Tết Âm lịch, Hội đồng nhà Vua xóa án và ra lệnh cho phép Nguyễn Ái Quốc tự do đi đâu thì đi, miễn là ra khỏi Hồng Công.

Với sự giúp đỡ của Lô-dơ-bai và của vợ chồng Phó Thống đốc Hồng Công, Người đã rời Hồng Công một cách an toàn và đúng ngày 30

tháng Chạp năm Nhâm Thân (tức là ngày 25-1-1933) Người đến Hạ Môn (Trung Quốc) nơi mà lãnh sự Anh và lãnh sự Pháp không có quyền can thiệp.

Tức tối vì không bắt được Nguyễn Ái Quốc, giận dữ đối với người Anh, các báo thực dân Pháp bịa đặt ra tin rằng, Nguyễn Ái Quốc mắc bệnh lao trong nhà lao Anh và đã chết (!).

Giữa những ngày đầu xuân Quý Dậu, Nguyễn Ái Quốc đã thoát khỏi nhà tù của thực dân Anh. Đây là niềm vui, sự may mắn rất lớn cho cách mạng Việt Nam. Chúng ta biết rằng, tháng 11-1929, thực dân Pháp đã xử Nguyễn Ái Quốc vắng mặt với mức án tử hình. Chúng chỉ chờ bắt được Người là thi hành án. Thực dân Pháp cũng đã treo giải thưởng 75 ngàn đồng tiền Đông Dương (một số tiền rất lớn hồi đó) cho ai bắt được Người.

Thoát cảnh tù ngục, nhận lời mời của đồng chí và bầu bạn, Người đã lưu lại Hạ Môn nhiều tháng, vừa tìm cách bắt liên lạc với tổ chức, vừa tránh sự theo dõi của mật thám. Sau đó Người đi Thượng Hải.

Vào một ngày đầu Xuân năm 1934, Người lên một chiếc tàu hàng Xô viết ở Thượng Hải để đi Liên Xô. Sau khi tới cảng Vla-di-vô-xtôc (Liên Xô), Người đến Mát-xcơ-va. Tại đây, Người đã gặp lại đồng đảo đồng chí, bạn bè thân thiết, trong niềm vui lớn mà sau này được T. Lan diễn đạt lại bằng hai câu thơ:

Ba năm lưu lạc lênh đênh

Nay đã trở lại trong đại gia đình công nông.

Xuân 1941: Xuân về với Tổ quốc

Từ tháng 10-1940, lúc còn ở Quế Lâm (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc đã nhận định rằng thời cơ về nước đã tới. Đến cuối năm đó, Người cùng một số cán bộ Việt Nam rời Quế Lâm, đến Nam Ninh rồi đến Tĩnh Tây. Tại đây, Người đã cùng các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên... mở lớp huấn luyện cán bộ trước khi về nước. Bốn mươi ba cán bộ cách mạng Việt Nam đã theo học lớp này tại làng Nậm Quang (Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc). Ngày 29 tháng Chạp năm Canh Thìn (tức ngày 26-1-1941), lớp học làm lễ bế

mặc dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, trong khu rừng vắng vẻ rìa làng Nậm Quang. Hôm sau, ngày mừng Một Tết Tân Ty, Nguyễn Ái Quốc cùng với anh em cán bộ đi chúc tết bà con dân làng Nậm Quang. Người mặc bộ quần áo Nùng màu chàm, quần xắn cao, đầu vấn khăn, tay chống gậy. Người đi thăm hỏi từng gia đình, nói chuyện với người già bằng tiếng dân tộc. Theo phong tục người Nùng ở đây, Người tặng mỗi nhà một tờ giấy hồng điều, trên đó Người viết dòng chữ Hán "Cung chúc tân niên" (Chúc mừng năm mới).

Ngày mừng Hai tháng Giêng âm lịch, giữa lúc nhân dân Nậm Quang và khắp nơi đang vui vẻ ăn Tết thì Người rời Nậm Quang trở về nước, với sự tháp tùng của các đồng chí Lê Quảng Ba, Phùng Chí Kiên và một số đồng chí khác. Đồng chí Lê Quảng Ba, trong bài "Bác Hồ về nước" kể "Chúng tôi ăn cơm sớm, đi chào bà con rồi lên đường".

"Trong bộ quần áo chàm Nùng, Bác như gầy hơn. Ngước nhìn gương mặt sạm sương gió của Người, tôi thấy một dáng vẻ ung dung, điềm tĩnh rất thân quen. Tôi dẫn Bác theo những vết đường mòn lượn giữa các nếp núi tiếp nối nhau ở vùng biên giới hướng về Cao Bằng. Bác cầm một cây gậy nhỏ, nhưng chỉ khi xuống dốc Bác mới chống. Chân Bác bước mau lẹ, dẻo như thanh niên".

"Quá chín giờ, mặt trời đã ló hửn giữa nền trời xanh. Đi một thời nữa, gặp một làng nhỏ nằm sau mái nhà sàn. Đây là làng Pò Vẩn, một làng có cả cơ sở cách mạng của ta và Trung Quốc".

"Vượt lên một đoạn dốc ngắn rồi xuống một sườn núi dài lởm chởm đá, tôi đã nhận ra cây si mọc không xa một tấm bia. Bác dừng lại, cúi đọc những chữ Pháp và chữ Hán khắc sâu ở cả hai mặt đá. Người hướng tầm mắt nhìn vọng hồi lâu về dải đất Tổ quốc trùng điệp..."⁽¹⁾.

Đồng chí T. Lan cũng kể lại tâm trạng của Nguyễn Ái Quốc lúc đó: "Xa rời Tổ quốc đã hơn 30 năm. Đã mất bao nhiêu thời giờ và sức lực tìm liên lạc mà không được. Bao nhiêu năm thương nhớ đợi chờ. Hôm nay mới bước chân về

nơi non sông gấm vóc của mình. Khi bước qua cái bia giới tuyến, lòng Bác vô cùng cảm động..."⁽²⁾.

Sau đó ít ngày, Người đến ở hang Pắc Bó, với bí danh già Thu. Cũng trong mùa xuân này, Người đã sáng tác bài thơ mô tả cảnh Pắc Bó hùng vĩ:

*Non xa xa, nước xa xa,
Nào phải thênh thang mới gọi là...
Đây suối Lê-nin, kia núi Mác,
Hai tay xây dựng một sơn hà.*

Cũng tại đây, Người tiếp tục dịch cuốn Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Nga ra tiếng Việt để làm tài liệu huấn luyện đảng viên. Người cũng đã sáng tác bài thơ Túc cảnh Pắc Bó.

*Sáng ra bờ suối, tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang.*

Tháng 5-1941 Người chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8. Hội nghị đã xác định rõ nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết của cách mạng Đông Dương. Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất rộng rãi, lấy tên là Việt Nam Độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) nhằm liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn.

Với sự ra đời của Mặt trận Việt Minh, cách mạng Việt Nam chuyển hẳn sang một thời kỳ mới. Hơn 4 năm sau, Cách mạng Tháng Tám thành công, Tổng Khởi nghĩa thắng lợi, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Cũng chính từ đó, Tổ quốc ta bước vào một mùa Xuân mới - Xuân của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - từ sức xuân truyền thống của mình. □

(1) Xem: *A Voọc Hồ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1977, tr 13, 14

(2) Trần Dân Tiên: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1976, tr 73

XUÂN VỀ, ÂM VANG NHỮNG VẦN THƠ KÊU GỌI ĐẠO ĐÀN KẾT CỦA BÁC HỒ

PHAN TÁ * - HẢI QUỲNH

SINH thời, Bác cho rằng, các thi sĩ xưa thường thiên về ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên, như mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông. Còn thơ ngày nay phải mang tính tư tưởng, tính chiến đấu sâu sắc, nên Bác đòi hỏi:

Nay ở trong thơ nên có thép,

Nhà thơ cũng phải biết xung phong ⁽¹⁾

Vì vậy khi mới về nước, để khắc tương chuẩn bị cho cuộc Tổng Khởi nghĩa Tháng Tám, Bác đã viết hàng loạt tác phẩm thơ ca, như: *Lịch sử nước ta, Dân cày, Công nhân, Phụ nữ, Kêu gọi thiếu nhi, Ca ngợi binh lính, Ca ngợi chỉ, Con cáo và tổ ong, v.v..* với tinh thần cốt lõi là kêu gọi toàn dân ta:

Đoàn kết vững bền như khối sắt,

Để cùng nhau cứu nước Nam ta ⁽²⁾.

Những tác phẩm đó đã toát lên tư tưởng lớn của Bác là: "Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn.

Vậy nay ta phải biết đoàn kết, đoàn kết mau, đoàn kết chắc chắn thêm lên mãi dưới ngọn cờ Việt Minh để đánh đuổi Tây - Nhật, khôi phục lại độc lập, tự do" ⁽³⁾.

Và tư tưởng đó của Bác được thể hiện đậm nét nhất trong tác phẩm *Lịch sử nước ta* bằng hơn 200 câu lục bát truyền thống của dân tộc. Trong tác phẩm này, Bác đã tái hiện dòng lịch sử nước ta, làm sống lại trong lòng người dân đất Việt những mốc son chói lọi, nêu lên những chiến công hiển hách của cha anh, khơi dậy lòng tự hào dân tộc; đồng thời, động viên lớp lớp cháu con noi gương các bậc tiền bối đứng lên đánh đuổi giặc thù:

Hỡi ai con cháu Rồng tiên !

Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau.

Bất kỳ nam nữ, nghèo giàu

Bất kỳ già trẻ cùng nhau kết đoàn.

Người giúp sức, kẻ giúp tiền,

Cùng nhau giành lấy chủ quyền của ta ⁽⁴⁾.

Đặc biệt, Bác còn có những tác phẩm thơ ca kêu gọi các tầng lớp dân cày, công nhân, phụ nữ, thiếu nhi,... phải mau mau đoàn kết để mà đấu tranh, để "trước ta cứu nước, sau ta cứu mình". Ngay cả với những binh lính xưa, Bác cũng có tác phẩm *Ca ngợi binh lính*, trong đó có đoạn kêu gọi, động viên thật rung động lòng người:

Trong tay sẵn có súng này,

Quyết quay đánh Nhật, đánh Tây mới đành.

Tiếng thom sẽ tạc sử xanh:

"Việt binh cứu quốc" rạng danh muôn đời! ⁽⁵⁾

Không chỉ có kêu gọi, mà qua thơ ca, Bác còn dùng những hình ảnh sinh động có thực với lý lẽ sắc bén, phân tích những đúng, sai, lợi, hại nhằm tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, lôi cuốn, tập hợp quần chúng cách mạng lên đường tranh đấu. Từ đó, Bác viết các tác phẩm *Hòn đá, Ca ngợi chỉ,*

* Luật gia, Thành phố Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, t 3, tr 424

(2) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 3, tr 200

(3) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 3, tr 217

(4) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 3, tr 228

(5) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 3, tr 207



Xuân rẻo cao

Ảnh : **Vũ Anh Tuấn**

Chơi trăng, Con cáo và tổ ong... Bằng những thể thơ dân tộc truyền thống, cùng với nghệ thuật nhân cách hóa khéo léo của Bác, khiến ai đọc, ai nghe cũng đều dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng.

Trong bài *Con cáo và tổ ong*, Bác sử dụng hình ảnh cả đàn ong thấy con cáo muốn cướp con mình bèn xúm lại, vây tròn con cáo, rồi châm đầu, châm mắt, khiến cáo già đau quá phải rơi xuống đất. Rồi Bác kết luận và giáo dục rất nhẹ nhàng:

*Ong kia yêu giống, yêu nòi,
Đồng tâm, hợp lực đuổi loài cáo đi.
Bây giờ ta thử so bì,*

Ong còn đoàn kết hướng chi là người!⁽⁶⁾

Hoặc trong bài *Ca sợi chỉ*, Bác nêu lên hình tượng sợi bông, sợi chỉ; khi còn riêng lẻ thì ai vò cũng đứt, ai rung cũng rời. Nhưng khi đã dệt thành tấm vải mỹ miều nhờ sợi dọc, sợi ngang đan chặt vào nhau thì không ai bứt phá được. Bác cho đó là sức mạnh, là lực lượng, và Bác kêu gọi:

*Hỡi ai con cháu Hồng Bàng,
Chúng ta phải biết kết đoàn mau mau.
Yêu nhau xin nhớ lời nhau,*

Việt mình hội ấy mau mau phải vào⁽⁷⁾.

Bác luôn vững tin rằng: Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì

mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân, nên toàn dân ta đồng tình, đồng sức, đồng lòng, sẽ tạo nên sức mạnh diệu kỳ và hùng hậu; thành phong trào cách mạng sục sôi để đánh đuổi Nhật - Tây, cứu nước, cứu nhà. Sức mạnh đó đã được Bác khẳng định trong bài *Nhóm lửa*:

*Sẽ ồ ạt lan tràn khắp xứ,
Sẽ vùn vụt như tòa núi lửa,
Sẽ âm âm như ngọn thủy triều,
Sẽ kéo theo tất cả đồng bào,
Sẽ đè bẹp cả loài lang sói*⁽⁸⁾.

Và đúng như tiên đoán của Bác, chỉ bốn năm sau, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân ta đã tập hợp thành lực lượng to lớn trong Mặt trận Việt Minh, giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân tộc. Bằng tinh thần quyết chiến, quyết thắng, vượt qua bao sóng gập bão tố, nhân dân ta đã làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại, đưa dân tộc ta từ kiếp lầm than nô lệ sang kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, được cả thế giới hết mực ngợi ca: "Việt Nam là tám gương diệu kỳ".

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 3, tr 236

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 3, tr 231

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 3, tr 239

Cách mạng Tháng Tám vừa thành công, một đạo quân xâm lược nhà nghề với vũ khí hiện đại là đế quốc Pháp lại tiến hành cuộc chiến tranh hòng cướp nước ta lần thứ hai; buộc toàn dân ta phải đứng lên kháng chiến cứu nước. Mùa xuân năm 1947, từ Chiến khu Việt Bắc, tiếng gọi thiêng liêng của Bác đã bay cao, bay xa khắp mọi miền đất nước:

*Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng,
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.*

Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!⁽⁹⁾

Lời Bác vang lên như hồi kèn xung trận, sang sảng như lời *Hịch tướng sĩ*, như tiếng *Bình Ngô đại cáo* năm nào; đã tạo nên hào khí ngất trời và niềm tin sắt đá, đã làm nên một Điện Biên "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu".

Lẽ ra, phải biết Việt Nam hơn, biết sức mạnh của khối đại đoàn kết của dân tộc ta hơn, nhưng bọn xâm lược vẫn âm mưu muốn chia lòng người, chia cắt núi sông ta. Vào mùa xuân năm 1956, tiếng gọi của Bác lại vang lên, hòa vào hồn thiêng sông núi:

*Toàn dân đoàn kết một lòng,
Miền Bắc thi đua xây dựng,
Miền Nam giữ vững thành đồng.
Quyết chí, bền gan phấn đấu,
Hòa bình, thống nhất thành công*⁽¹⁰⁾.

Lời Bác đã truyền đi niềm tin tất thắng, tạo ra sức mạnh diệu kỳ, đuổi giặc thù cứu nước, cứu dân. Đúng như khi họa thơ Bác năm 1948, cụ Bùi Bằng Đoàn đã ca ngợi:

*Biết Người việc nước không hề rảnh,
Vung bút thành thơ đuổi giặc thù.*

Sinh thời, Bác cho rằng, sức mạnh của cách mạng không chỉ ở sức người, sức của, ở vũ khí và ý chí, mà sức mạnh to lớn, bền vững hơn cả không gì lay chuyển nổi là tấm lòng của con người đối với dân tộc. Cho nên, ngay từ ngày đầu của Cách mạng Tháng Tám, câu nói mang tính tổng kết lịch sử sâu sắc về đại đoàn kết của Bác đã thấm đượm trong tâm khảm mỗi người dân đất Việt:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.

Thành công, thành công, đại thành công"

Giáo sư Trần Văn Giàu đã có một nhận xét xác đáng và thú vị: "Trong cửa Phật không có khái

niệm nào được lặp đi lặp lại nhiều lần bằng khái niệm từ bi. Trong cửa Khổng sân Trình, không có khái niệm nào được nhắc đi, nhắc lại nhiều lần bằng khái niệm nhân nghĩa. Trong vận động yêu nước, cách mạng, kháng chiến, kiến quốc mấy chục năm rồi, chúng ta luôn nói đoàn kết mà không khi nào thấy thừa. Chữ khắc trên đá càng vạch càng sâu, ý niệm trong tâm càng tụng càng thấm. Lời cụ Hồ dặn: *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công"* là chân lý vĩnh hằng, là bí quyết tồn tại, vinh quang của dân tộc"⁽¹¹⁾.

Ngon cò đại đoàn kết của Bác kính yêu là bó đuốc soi đường, dẫn lối cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; từ miền Bắc đến miền Nam, từ miền ngược đến miền xuôi, từ trong nước đến nước ngoài tiến lên giành hết thắng lợi to lớn này đến thắng lợi to lớn khác. Ngày nay, ngọn cò đó đang vẫy gọi chúng ta tiếp tục vững bước tiến lên để thực hiện bằng được "Mục tiêu chung là củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"⁽¹²⁾ mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (phần 2), khóa IX, đã chỉ rõ.

Mỗi độ Xuân về, chúng ta như càng nghe rõ hơn âm vang những vần thơ kêu gọi đại đoàn kết cứu nước của Bác năm nào. Câu nào cũng rung rung niềm tự hào dân tộc, lời nào cũng thấm đẫm tinh thần đại đoàn kết toàn dân và trĩu nặng lòng yêu nước thương nòi. Nhớ công ơn trời biển của Bác, trân trọng những mùa xuân đất nước mà Bác mang lại; toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nguyện giương cao hơn nữa ngọn cò đại đoàn kết của Bác kính yêu; tiếp tục đẩy lên những phong trào cách mạng mới ngày càng sâu rộng để đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống - vì độc lập tự do, ấm no của toàn dân; vì những mùa xuân vĩnh hằng, tràn đầy hạnh phúc của đất nước. □

(9) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 17

(10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 107

(11) Báo *Tin Tức*, số Xuân Tân Ty, 2001, số 569, tr 3

(12) *Tạp chí Cộng sản*, số 8, tháng 3-2003, tr 4

SỬ DỤNG CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NHÀ NƯỚC: TỪ QUAN NIỆM CỦA V.I. LÊ-NIN ĐẾN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TA

ĐẶNG HỮU TOÀN *

TÁM mươi năm trước, ngày 21 tháng Giêng năm 1924, V.I. Lê-nin - vị lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản Nga và giai cấp vô sản toàn thế giới - đã vĩnh viễn ra đi. Sự ra đi của Người là một tổn thất lớn lao cho phong trào xã hội chủ nghĩa, nhưng sự nghiệp cách mạng và di sản lý luận của Người vẫn sống mãi với thời đại. Một trong những di sản lý luận mà Người để lại cho chúng ta hôm nay là "Chính sách kinh tế mới".

Nói đến "Chính sách kinh tế mới" (NEP) của V.I. Lê-nin, chúng ta không thể không nhắc đến một tư tưởng hết sức cơ bản của nó - tư tưởng về việc sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong bài viết này, chúng tôi xin đề cập đến quan niệm của Người về vị trí, vai trò và ý nghĩa của việc sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước tiểu nông và chủ trương sử dụng thành phần kinh tế này của Đảng ta trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Khi chính thức công bố NEP tại Đại hội X của Đảng Cộng sản (b) Nga (tháng 3-1921), V.I. Lê-nin khẳng định tính tất yếu khách quan của NEP và coi NEP không chỉ là sách lược, là đường lối chiến lược, đường lối phát triển kinh tế lâu dài đối với nước Nga, mà còn đối với tất

cả các nước tiểu nông, kém phát triển trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Với tư cách là *đường lối phát triển kinh tế*, NEP chứa đựng một nội dung hết sức phong phú, *trong đó vấn đề sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước* là một nội dung căn bản.

Thực ra, không phải chỉ đến lúc chính thức tuyên bố NEP, V.I. Lê-nin mới đưa ra quan niệm về việc sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước, mà ngay trước khi Cách mạng Tháng Mười nổ ra, Người đã nói về "vai trò của chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". Người viết: "Biện chứng của lịch sử chính là ở chỗ này: chiến tranh đã thúc đẩy nhanh chóng phi thường sự chuyển hóa của chủ nghĩa tư bản độc quyền thành chủ nghĩa tư bản độc quyền - nhà nước, và *chính bằng cách* đó làm cho nhân loại tiến hết sức gần chủ nghĩa xã hội"⁽¹⁾. Rằng, trong các nước dân chủ - cách mạng thực sự, chủ nghĩa tư bản độc quyền - nhà nước, "tất nhiên và nhất định phải có nghĩa là một bước lớn, hay những bước tiến lên chủ nghĩa xã hội" và là "sự chuẩn bị *vật chất* đầy đủ nhất" cho chủ nghĩa xã hội, là "*phòng chờ đi*

* PGS.TS, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Triết học

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t. 34, tr 257-258

vào chủ nghĩa xã hội", là "nấc thang lịch sử" mà giữa nấc thang này với nấc thang được gọi là chủ nghĩa xã hội không có bất cứ một nấc thang nào ở giữa chúng. Bởi lẽ, "chủ nghĩa xã hội không phải là cái gì khác hơn là chế độ độc quyền tư bản chủ nghĩa của nhà nước được áp dụng để phục vụ toàn thể nhân dân và, do đó, không còn là chế độ độc quyền tư bản chủ nghĩa nữa"⁽²⁾.

Trên cơ sở nhận thức một cách sâu sắc và rõ ràng rằng, khi chúng ta còn "chưa đạt tới" trình độ của chủ nghĩa tư bản nhà nước, do đó không thể thực hiện được bước chuyển lên chủ nghĩa xã hội, V.I. Lê-nin khẳng định: Chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản và chính đảng của nó là "ngưỡng cửa của chủ nghĩa xã hội, là điều kiện cho thắng lợi chắc chắn của chủ nghĩa xã hội"⁽³⁾.

Với quan niệm chủ nghĩa tư bản nhà nước là chủ nghĩa tư bản hiện đại mà lịch sử nhân loại cho đến lúc đó chưa hề biết tới và vai trò của nó trong việc phát triển lực lượng sản xuất là hết sức to lớn, V.I. Lê-nin phê phán tất cả những ai đã "tự hạn chế" ở chỗ đem chủ nghĩa tư bản đối lập một cách trừu tượng với chủ nghĩa xã hội mà "không nghiên cứu *những hình thức cụ thể của nó*" trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Theo Người, về phương diện kinh tế, chủ nghĩa tư bản nhà nước hiện đại ở trình độ cao hơn rất nhiều so với nền kinh tế của các nước tiểu nông đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và do vậy, "nếu không trải qua một cái gì chung cho chủ nghĩa tư bản nhà nước và chủ nghĩa xã hội" thì chúng ta khó có thể thoát ra khỏi tình trạng lạc hậu về kinh tế⁽⁴⁾. Nếu ai không nhận thấy điều đó, theo V.I. Lê-nin, đó là một sai lầm hết sức nghiêm trọng về phương diện lý luận.

Khi khẳng định công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước tiểu nông nhất thiết phải dựa trên cơ sở cải biến cơ cấu kinh tế và xã hội cũ "một cách thận trọng và từng bước" theo phương thức "nhà nước điều tiết" ở một mức độ nào đó, V.I. Lê-nin cho rằng, chúng ta

phải biết áp dụng các biện pháp quá độ, các hình thức trung gian, "phải biết nghĩ đến các mắt xích trung gian" có thể tạo điều kiện thuận lợi cho bước chuyển từ nền tiểu sản xuất lên chủ nghĩa xã hội. Một trong những "mắt xích trung gian" cần phải sử dụng đó, theo V.I. Lê-nin, là chủ nghĩa tư bản nhà nước. Người viết: "Vì chúng ta chưa có điều kiện để chuyển trực tiếp từ nền tiểu sản xuất lên chủ nghĩa xã hội, bởi vậy, trong một mức độ nào đó, chủ nghĩa tư bản là không thể tránh khỏi, nó là sản vật tự nhiên của nền tiểu sản xuất và trao đổi; bởi vậy, chúng ta phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên"⁽⁵⁾.

Khẳng định NEP là đường lối chiến lược và là bước đi không thể tránh khỏi đối với một nước nông nghiệp lạc hậu quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I. Lê-nin luôn trăn trở với câu hỏi: Liệu có thể kết hợp, phối hợp nhà nước do giai cấp vô sản lãnh đạo với chủ nghĩa tư bản nhà nước được không? Và, chỉ qua một thời gian ngắn thực hiện NEP, V.I. Lê-nin đã trả lời một cách dứt khoát: "Tất nhiên là được". Song, Người cảnh tỉnh rằng, toàn bộ sự phức tạp và khó khăn "về lý luận cũng như trong thực tiễn" của vấn đề này là ở chỗ, phải "tìm ra những phương pháp đúng giúp ta hướng sự phát triển không thể tránh được (đến một trình độ nào đó và trong một thời gian nào đó) của chủ nghĩa tư bản vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước; là đặt ra những điều kiện cần thiết cho công việc ấy và bảo đảm sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản nhà nước sang chủ nghĩa xã hội trong một tương lai gần"⁽⁶⁾.

(2) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 34, tr 256

(3) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 36, tr 383

(4) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 36, tr 369 - 370

(5) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 43, tr 276

(6) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 43, tr 268

Từ một nước với nền kinh tế tiểu nông là chủ yếu quá độ lên chủ nghĩa xã hội, theo V.I. Lê-nin, không có con đường nào khác và thích hợp hơn là "phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước... không phải bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình, mà là với nhiệt tình do cuộc cách mạng vĩ đại sinh ra, bằng cách khuyến khích lợi ích cá nhân, bằng sự quan tâm thiết thân của cá nhân, bằng cách áp dụng chế độ hạch toán kinh tế"⁽⁷⁾.

Đánh giá vai trò của chủ nghĩa tư bản nhà nước, V.I. Lê-nin cho rằng, nó là thành phần kinh tế quan trọng, tạo nên một "kết cấu kinh tế - xã hội quá độ", tạo nên tính chất đan xen của nền kinh tế này; và khi xét đến mức độ tiến bộ, trình độ phát triển, khả năng hiện thực và tính hữu ích của chúng đối với công cuộc xây dựng xã hội mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước tiểu nông, thì chúng ta cần dành một quyền ưu tiên nhất định cho chủ nghĩa tư bản nhà nước. Bởi lẽ, việc phát triển kinh tế tư bản nhà nước trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là cơ sở để tăng nhanh lực lượng sản xuất, thúc đẩy công cuộc khôi phục và cải tạo kinh tế, "đưa chúng ta đến chủ nghĩa xã hội bằng con đường chắc chắn nhất" và "bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội được củng cố".

Trong quá trình thực hiện NEP, V.I. Lê-nin luôn nói về chủ nghĩa tư bản nhà nước và dành nhiều thời gian để nghiên cứu hình thức kinh tế mới mẻ này. Người coi *những hình thức kinh tế cơ bản trong việc sử dụng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần* là những hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước, như hình thức *tô nhượng* trong công nghiệp, hình thức *hợp tác xã* của những người sản xuất nhỏ, hình thức tư nhân làm *đại lý* cho nhà nước trong thương nghiệp, hình thức nhà nước cho tư nhân *thuê* các xí nghiệp, cơ sở sản xuất, v.v..

Trong những năm thực hiện NEP, V.I. Lê-nin đặc biệt chú ý tới hình thức tô nhượng với tư cách là "một sự liên kết với chủ nghĩa tư bản các nước tiên tiến". Người rất coi trọng loại xí

ngiệp tô nhượng theo kiểu cho tư bản nước ngoài thuê lại các xí nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, bởi theo Người, hình thức tô nhượng trong công nghiệp chẳng những có khả năng đảm bảo mức sống khá giả cho một số bộ phận nào đó, dù là nhỏ, của giai cấp công nhân, mà còn giúp cho giai cấp công nhân học tập cách quản lý hợp lý, đẩy nhanh việc khôi phục kinh tế, củng cố nền hòa bình mà khi đó, đang là đòi hỏi bức thiết. Tại Đại hội III Quốc tế Cộng sản, khi nói về "Ý nghĩa và điều kiện của Chính quyền Xô-viết dung nạp chủ nghĩa tư bản và chế độ tô nhượng", V.I. Lê-nin khẳng định: "Trong một nước tiểu nông đã bị cực kỳ tàn phá và quá đói lạc hậu, thì sự phát triển của chủ nghĩa tư bản do nhà nước vô sản kiểm soát và điều tiết (tức là chủ nghĩa tư bản "nhà nước" hiểu theo nghĩa ấy) là có lợi và cần thiết (cố nhiên chỉ trong một mức độ nhất định thôi) vì sự phát triển đó có thể đẩy nhanh sự phát triển *ngay tức khắc* của nền nông nghiệp nông dân. Đối với chế độ tô nhượng, lại càng đúng như thế"⁽⁸⁾.

Luận điểm này được V.I. Lê-nin nhiều lần sử dụng trong các cuộc tranh luận với không ít đảng viên cộng sản có thái độ nghi ngờ hình thức tô nhượng, coi thường các xí nghiệp tô nhượng - những người tỏ ý lo ngại thế lực tự phát đầu cơ trên thị trường sẽ có điều kiện hoành hành, nền kinh tế đất nước bị phá hoại bởi chủ nghĩa tư bản và theo đó là sự phục hồi chủ nghĩa tư bản. V.I. Lê-nin cho rằng, việc thực hiện chế độ tô nhượng sẽ "gây ra những nguy cơ mới", song nếu vì thế mà cho rằng không nên thực hiện chế độ tô nhượng thì "những người chủ chúng ta không nên đảm nhiệm điều khiển một nhà nước". Thực hiện tô nhượng buộc chúng ta phải giải quyết "những vấn đề cực kỳ khó khăn", nhưng điều đó không có gì đáng sợ bởi chúng ta có đủ khả năng "bất

(7) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 44, tr 189

(8) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 44, tr 9

chúng phải khuất phục và cải tạo chúng". Rằng, tô nhượng là "một hình thái chiến tranh mới" - chiến tranh kinh tế, "một cuộc chiến tranh mà trong đó ta cũng không được nhượng bộ một chút xíu nào", nhưng đó là cuộc chiến tranh "có lợi cho chúng ta về mọi mặt" và là "một bảo đảm gián tiếp cho hòa bình", bởi sự tồn tại của xí nghiệp tô nhượng là "một lý do về kinh tế và chính trị để chống lại chiến tranh"⁽⁹⁾. Hơn nữa, V.I. Lê-nin còn coi việc "chuyển từ chế độ tô nhượng lên chủ nghĩa xã hội là chuyển từ một hình thức đại sản xuất này sang một hình thức đại sản xuất khác" và một khi thành công, nó sẽ đưa lại cho chúng ta những xí nghiệp lớn kiểu mẫu "ngang trình độ của chủ nghĩa tư bản tiên tiến hiện đại".

Trong số các xí nghiệp tô nhượng, V.I. Lê-nin luôn dành sự đánh giá cao hơn cho kiểu xí nghiệp tô nhượng theo lối *công ty liên doanh* mà ở đó, nhà kinh doanh nước ngoài hợp tác với nhà nước xã hội chủ nghĩa "theo cổ phần". Người coi việc sử dụng rộng rãi các công ty liên doanh sẽ có lợi hơn cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp lạc hậu. Hình thức nhà nước cho tư nhân *thuê* lại các xí nghiệp quốc doanh, hình thức *thương nghiệp tư doanh* và hình thức *hợp tác xã* của những người sản xuất nhỏ cũng được V.I. Lê-nin coi là những hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước khi chúng phục tùng, phục vụ và chịu sự điều tiết của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Người cho rằng, chủ nghĩa tư bản nhà nước không chỉ là thành phần kinh tế biểu hiện dưới dạng "thuần túy", nhất là xí nghiệp tô nhượng, mà còn là sự hợp tác của Nhà nước xã hội chủ nghĩa với khu vực tư doanh trên cơ sở của chế độ sở hữu nhà nước về tư liệu sản xuất.

*

* *

Những tư tưởng cơ bản của V.I. Lê-nin về NEP, đặc biệt là về vấn đề sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước và vị trí, vai trò của nó trong nền kinh tế nhiều thành phần ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội không chỉ có ý nghĩa đối

với nước Nga đầu những năm 20 của thế kỷ XX, mà còn mang ý nghĩa quốc tế rộng lớn trong thời đại ngày nay. Những tư tưởng đó hiện vẫn là mẫu mực về một *sách lược tình thế*, đồng thời mang ý nghĩa của một *đường lối chiến lược lâu dài* đối với tất cả các nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ nền tiểu sản xuất, trong đó có nước ta.

Coi những tư tưởng đó của V.I. Lê-nin là một trong những cơ sở lý luận cho đường lối đổi mới ở nước ta hiện nay và từ thực tiễn sự nghiệp đổi mới, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, khi khẳng định "chúng ta phải không ngừng thông qua tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận mà từng bước hình dung ngày càng sáng tỏ về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, làm rõ những mô hình cụ thể trong từng lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa,...", Đảng ta nhấn mạnh: "Phải vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng của V.I. Lê-nin về chính sách kinh tế mới, về chủ nghĩa tư bản nhà nước, sáng tạo nhiều hình thức quá độ, những nấc thang trung gian đa dạng, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể để đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội một cách vững chắc"⁽¹⁰⁾. Tại Đại hội lần thứ VIII, khi một lần nữa khẳng định đường lối đổi mới mà chúng ta đã thực hiện qua 10 năm, Đảng ta chỉ rõ việc kiên định định hướng xã hội chủ nghĩa trong tiến trình xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta hiện nay cần phải thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân

(9) V.I. Lê-nin: *Sdd*, t 42, tr 89-92

(10) *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr 24

làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh.

Xuất phát từ quan niệm như vậy, Đảng ta đề ra chủ trương đổi mới, *phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác xã*; lấy kinh tế nhà nước làm chủ đạo, phát triển kinh tế hợp tác xã để tạo ra những điều kiện thuận lợi cho chúng dần dần trở thành *nền tảng* của nền kinh tế quốc dân. Bên cạnh đó, phải tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư, làm ăn lâu dài; đồng thời mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác cả trong và ngoài nước. Để thực hiện tốt công việc này, cần "áp dụng phổ biến các hình thức kinh tế tư bản nhà nước"⁽¹¹⁾.

Kinh tế tư bản nhà nước với tư cách là thành phần kinh tế bao gồm *các hình thức hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản nước ngoài*, như Đảng ta đã khẳng định, "có vai trò quan trọng trong việc động viên tiềm năng to lớn về vốn, công nghệ, khả năng tổ chức quản lý... của các nhà tư bản vì lợi ích của bản thân họ, cũng như của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước"⁽¹²⁾. Để kinh tế tư bản nhà nước thực hiện được vai trò quan trọng đó, Đảng ta chủ trương áp dụng nhiều phương thức góp vốn kinh doanh giữa Nhà nước với các nhà kinh doanh tư nhân trong nước nhằm "tạo thế, tạo lực" cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển, tăng sức hợp tác và cạnh tranh với bên ngoài; cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực quản lý để thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong các xí nghiệp hợp tác, liên doanh.

Cụ thể hóa chủ trương đó, tại Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII, một lần nữa, Đảng ta khẳng định, trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế tư bản nhà nước là thành phần kinh tế

cần được "khuyến khích phát triển", và đề ra những biện pháp cụ thể để khuyến khích sự phát triển của nó trong khuôn khổ luật pháp, với sự điều tiết của Nhà nước nhằm tạo ra những điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với quan niệm nhất quán như vậy về việc phát triển kinh tế tư bản nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tại Đại hội lần thứ IX, khi tổng kết thực tiễn 15 năm đổi mới đất nước, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã có sự đánh giá đúng đắn, sát thực về vị trí và vai trò của thành phần kinh tế tư bản nhà nước. Trên cơ sở đó, Đảng ta tiếp tục khẳng định chủ trương "phát triển đa dạng *kinh tế tư bản nhà nước* dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước"⁽¹³⁾ nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh doanh và qua đó, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, tăng hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước ta nhanh chóng đạt tới trình độ của một nước công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Như vậy, có thể nói, trong công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, việc làm sáng tỏ quan niệm của V.I. Lê-nin về vấn đề sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ luôn luôn là vấn đề có ý nghĩa thời sự và cần thiết. Bởi nó đem lại cho chúng ta một cơ sở lý luận để tổng kết thực tiễn và định hướng đúng đắn việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm tiếp theo. □

(11) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 92

(12) Văn kiện đã dẫn, tr 95

(13) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 99

Những biện pháp hình thành nền đạo đức mới trong di huấn của V.I. Lê-nin

NGÔ ĐÌNH XÂY*

SINH thời, V.I. Lê-nin đánh giá rất cao vai trò của đạo đức mới - đạo đức cộng sản chủ nghĩa - trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới của giai cấp vô sản. Người cho rằng, đạo đức mới chính là những gì góp phần phá hủy xã hội cũ của bọn bóc lột và góp phần đoàn kết tất cả những người lao động chung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới của những người cộng sản⁽¹⁾. Song, theo Người, đạo đức mới đó không phải có ngay sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, mà phải trải qua một quá trình hình thành lâu dài, khó khăn và phức tạp. Để có được đạo đức mới ấy, điều quan trọng và có tính quyết định nhất là, giai cấp vô sản phải đưa ra và tổ chức thực hiện có hiệu quả hàng loạt các biện pháp thích hợp.

1 - Phải tiến hành giáo dục chính trị - tư tưởng

Theo V.I. Lê-nin, đây là biện pháp đầu tiên, hết sức cần thiết, bởi lẽ chúng ta đang sống trong thời kỳ đấu tranh, có tính chất lịch sử, chống lại giai cấp tư sản thế giới - giai cấp hiện đang mạnh hơn chúng ta gấp nhiều lần. Trong thời kỳ đấu tranh này, chúng ta phải bảo vệ công cuộc xây dựng cách mạng, phải đấu tranh chống giai cấp tư sản bằng quân sự và nhất là bằng tư tưởng. Để thực hiện tốt biện pháp này, cần tập trung vào những nội dung sau:

Một là, không chỉ tuyên truyền những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản nói chung mà điều quan trọng hơn, phải đưa được tư tưởng, tổ chức và giáo dục của giai cấp vô sản vào những tầng lớp nửa vô sản và không phải vô sản trong quần chúng lao động, nhằm đào tạo một thế hệ hoàn toàn có khả năng thiết lập chủ nghĩa cộng sản.

Hai là, phải tuyên truyền để chống lại tâm lý, tập quán của nền sản xuất nhỏ, tức là chống lại cái tâm

lý và tập quán khiến người ta chỉ biết kiếm lợi cho mình mà không để ý đến lợi ích của người khác.

Ba là, phải tuyên truyền, giáo dục và thực hiện được sự đoàn kết trong quần chúng, tất nhiên là trên nguyên tắc của giai cấp vô sản. Sở dĩ phải đoàn kết là bởi "cái bầu không khí bất hòa, nghi kỵ, thù địch, chia rẽ, hãm hại nhau, cái bầu không khí do nền tiểu sản xuất riêng lẻ, do nền kinh tế của những người tư hữu dưới chế độ trao đổi "tự do", nhất định phải sản sinh và không ngừng sản sinh ra"⁽²⁾.

Bốn là, phải giáo dục và làm cho ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa trở thành kim chỉ nam cho tất cả các hoạt động của mọi thành viên trong xã hội để từ đó, thực hiện được ý chí của giai cấp vô sản trong thực tế.

Năm là, việc giáo dục đạo đức mới phải gắn liền với việc làm cho quần chúng tham gia xây dựng đời sống kinh tế. Hơn nữa, chỉ khi nào quần chúng chúng mình rằng họ biết làm ăn tập thể đến đâu, chỉ khi nào căn cứ vào sự thành công của công cuộc xây dựng đó mà nhận xét hành động của mỗi người thì khi đó mới có thể có cơ sở để tin vào sự thắng lợi của việc xây dựng đạo đức mới.

2 - Phải tuyên truyền, giáo dục, tổ chức và thực hiện được ý thức và kỷ luật lao động tự giác

V.I. Lê-nin cho rằng, việc thật sự xây dựng chủ nghĩa xã hội chính là "việc tạo ra một mối liên hệ xã hội mới, một kỷ luật mới về lao động tập thể,

* TS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t 41, tr 369

(2) V.I. Lê-nin: *Sđđ*, t 41, tr 133

một cơ cấu mới"⁽³⁾. Và điều này "có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới, của toàn bộ nền kinh tế quốc dân". Theo Người, để hình thành đạo đức mới trong lao động mà chỉ bằng một vài bản sắc lệnh thì thật là vô lý. Do đó, muốn hiện thực hóa có hiệu quả biện pháp này, cần tập trung vào các nội dung sau:

Một là, tổ chức thi đua phải chiếm vị trí quan trọng trong số những nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước. Song, cần phân biệt thi đua với cạnh tranh. Cạnh tranh là sự giành giật miếng ăn, giành giật ảnh hưởng và địa vị trên thị trường giữa những người sản xuất riêng lẻ. Do vậy, "thủ tiêu sự cạnh tranh, với tính cách là sự giành giật chỉ gắn liền với thị trường của những người sản xuất, quyết không có nghĩa là thủ tiêu thi đua; trái lại, chính việc thủ tiêu nền sản xuất hàng hóa và thủ tiêu chủ nghĩa tư bản sẽ mở đường cho khả năng tổ chức thi đua với những hình thức nhân đạo, chứ không phải dã man"⁽⁴⁾.

Hai là, muốn có được kỷ luật lao động tự giác, điều không thể thiếu là phải thường xuyên tiến hành giám sát, kiểm soát lao động sản xuất. Bởi vì, theo V.I. Lê-nin, chừng nào sự giám sát, kiểm soát lao động sản xuất của công nhân chưa trở thành sự thật thì chừng đó giai cấp công nhân sẽ không thể nào tiến từ bước thứ nhất (thực hiện sự giám sát, kiểm soát) lên bước thứ hai trên con đường đi tới chủ nghĩa xã hội, tức là bước chuyển sang việc công nhân điều tiết sản xuất.

Ba là, muốn tạo lập kỷ luật lao động tự giác, cần xử lý bằng hành chính và bằng pháp luật tất cả các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động. Theo những cách xử lý này thì những xí nghiệp hay hợp tác xã không hưởng ứng việc "phục hồi kỷ luật tự giác và về việc tăng năng suất lao động, thì sẽ bị... nêu tên trên bảng đen và sẽ bị liệt vào hoặc là loại xí nghiệp ốm yếu cần phải trị bệnh bằng những cách xử lý riêng - bằng những biện pháp và đạo luật riêng - hoặc là loại xí nghiệp phải chịu phạt và phải đóng cửa, còn những người tham gia các xí nghiệp đó sẽ bị truy tố trước toà án nhân dân"⁽⁵⁾.

3 - Phải tiến hành giáo dục quốc dân cho toàn thể xã hội

V.I. Lê-nin cho rằng, chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa cộng sản từ tổng số những kiến thức, những tổ chức và thiết chế, cùng những dự trữ nhân lực và vật lực mà xã hội cũ đã để lại. Rằng,

người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra. Để có được những kho tàng tri thức đó - cái làm nền tảng và hạt nhân cho đạo đức mới, theo V.I. Lê-nin, cần đồng thời thực hiện tốt các nội dung sau:

Một là, phải xóa mù chữ cho những người, những vùng, miền chưa biết chữ, bởi vì, theo V.I. Lê-nin, không thể xây dựng một xã hội cộng sản chủ nghĩa trong một nước có những người mù chữ. Hơn nữa, chỉ khi nào đạt được những kết quả thực tiễn trong công tác xóa mù chữ, thì những thanh niên đi tham gia công tác này mới trở thành người cộng sản chân chính.

Hai là, phải giáo dục kiến thức tổng hợp cho nhân dân lao động, tức là phải làm cho nhân dân lao động nắm và có được tri thức lý luận, tri thức thực tiễn và tri thức chuyên môn.

Ba là, phải xây dựng được nền văn hóa vô sản, tức là nền văn hóa được đúc kết lại, được sáng tạo ra trong toàn bộ quá trình phát triển của xã hội loài người. Hơn nữa, phải làm cho nền văn hóa đó kết hợp với chính trị, nghĩa là nó phải được xây dựng trên những nguyên tắc văn hóa của giai cấp vô sản, chịu sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và phục vụ lợi ích của giai cấp vô sản và toàn thể nhân dân lao động.

4 - Đảng của giai cấp vô sản phải luôn luôn giữ vai trò lãnh đạo trong việc xây dựng nền đạo đức mới

Theo V.I. Lê-nin, để lãnh đạo việc xây dựng nền đạo đức mới, Đảng của giai cấp vô sản phải kiên trì "dựa vào một nguyên tắc duy nhất mà sửa chữa mọi khuyết điểm, quy định và xây dựng mọi cái nhằm làm cho những người cộng sản, là những người gắn liền với giai cấp vô sản, có thể làm cho giai cấp vô sản thấm nhuần tư tưởng của mình, nghe theo mình, thoát khỏi sự lừa dối của giai cấp tư sản"⁽⁶⁾. Chính điều đó giúp cho những người cộng sản có khả năng thắng được sự dối trá và sự thiên kiến, có khả năng

(3) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 41, tr 132

(4) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 36, tr 185

(5) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 36, tr 184

(6) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 41, tr 477 - 478

giúp đỡ quần chúng lao động thắng được chế độ cũ và xây dựng được một xã hội mới bình đẳng, không có bóc lột.

Theo V.I. Lê-nin, việc thực hiện có hiệu quả những biện pháp trên sẽ xây dựng được một nền đạo đức mới - nền đạo đức cộng sản - và những con người mới - những chủ nhân của xã hội tương lai. Nền đạo đức mới đó là khuôn mẫu, là nội dung chính để "giáo dục, huấn luyện và đào tạo những con người *phát triển về mọi mặt, được rèn luyện về mọi mặt, và biết làm mọi việc*". Và đó cũng chính là "cái đích mà chủ nghĩa cộng sản đang đi tới, phải đi tới và sẽ đi tới, nhưng phải trải qua một thời gian lâu dài"⁽⁷⁾.

*
* *
*

Thấm nhuần sâu sắc di huấn của V.I. Lê-nin về việc xây dựng nền đạo đức mới và nhận thức rõ vai trò của những giá trị đạo đức mới trong công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và con người mới ở Việt Nam, Hồ Chí Minh coi *đạo đức mới là nền tảng* của người cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng thì mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng. Do đó, việc thường xuyên chăm lo cái gốc, cái nền tảng ấy phải là công việc thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, của mỗi gia đình, mỗi người, đặc biệt là của người đảng viên cộng sản.

Từ thực tiễn hoạt động và đấu tranh cách mạng và xuất phát từ những nguyên lý mác-xít về xây dựng đảng kiểu mới, Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng ta phải là đạo đức, là văn minh. Hơn ai hết, Người luôn luôn khắc sâu và đề cao tư tưởng của V.I. Lê-nin: Đảng Cộng sản phải tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự và lương tâm chắt chiu của dân tộc mình mà còn của thời đại. Và, để Đảng giữ vững được vị trí tiêu biểu đó, Hồ Chí Minh chủ trương kiên trì giáo dục, bồi dưỡng đạo đức mới cho mọi đối tượng. Người đề ra và thực thi những yêu cầu và biện pháp đạo đức sát hợp để mọi người học tập, rèn luyện, phấn đấu nhằm ngày càng hoàn thành tốt hơn những nhiệm vụ vẻ vang của cách mạng.

Nhận thức sâu sắc di huấn của V.I. Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của đạo đức cách

mạng đối với sự nghiệp xây dựng xã hội mới, trong quá trình hoạt động và lãnh đạo xã hội, Đảng ta đã rất chú ý đến vấn đề xây dựng đạo đức mới. Một thực tế hiện nay là, đời sống đạo đức trong Đảng, Nhà nước và trong xã hội rất đáng báo động. "*Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng*"⁽⁸⁾. Hơn nữa, tình trạng nói trên không những vẫn chưa được ngăn chặn và đẩy lùi mà ngược lại, có chiều hướng phát triển trầm trọng hơn, trong đó, nhiều hiện tượng đạo đức không lành mạnh và nhiều tệ nạn xã hội đã mang tính tập thể, thâm nhập vào cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị.

Để khắc phục và đẩy lùi được sự suy thoái đạo đức trong Đảng và trong xã hội, Đảng ta cho rằng, phải tăng cường và đẩy mạnh hơn nữa việc giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cũng như chống tư tưởng cơ hội, thực dụng; tăng cường giáo dục, rèn luyện đảng viên thông qua cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ đảng viên để lấy lại niềm tin cho nhân dân; kết hợp chặt chẽ công tác giáo dục chính trị, đạo đức với công tác tổ chức cán bộ để từ đó, giữ vững sự trong sạch về đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận trong lĩnh vực đạo đức để qua đó, chuẩn hóa và thực hiện những tiêu chí đạo đức cách mạng mới phù hợp với thời đại và với công cuộc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay ở nước ta.

Hơn bao giờ hết, những di huấn của V.I. Lê-nin về những biện pháp để hình thành nền đạo đức mới không chỉ có ý nghĩa và thích hợp với những người cộng sản Nga - những người đầu tiên trên thế giới tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội vào những năm đầu của thế kỷ XX, mà còn có ý nghĩa và phù hợp với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. □

(7) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 41, tr 41

(8) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 76

THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ: QUA THỰC TIỄN VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

TỔNG QUAN HỘI THẢO

NHÂN thức đúng vai trò đặc biệt quan trọng của dân chủ trong sự nghiệp đổi mới đất nước, ngay từ Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu bài học "Lấy dân làm gốc" và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Để đẩy mạnh việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội, ngày 18-2-1998, Bộ Chính trị khóa VIII, đã ra Chỉ thị 30/CT-TW *Về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở*. Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Chính phủ đã ban hành các Nghị định 29, 71 và 07 về Quy chế dân chủ ở phường-xã, cơ quan và doanh nghiệp. Tại Đại hội IX, Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: "Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng". Ngày 28-3-2002, Ban Bí thư đã ra chỉ thị số 10-CT/CW về *Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở*.

Từ năm 1978, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lãnh đạo nhân dân Trung Quốc tiến hành sự nghiệp cải cách và mở cửa. Đảng Cộng sản Trung Quốc đặc biệt coi trọng thực hiện dân chủ sâu rộng trong đời sống xã hội. Tại Đại

hội lần thứ XVI, Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ rõ: "Kiện toàn chế độ dân chủ, phong phú hình thức dân chủ, mở rộng việc công dân tham gia hoạt động chính trị, bảo đảm nhân dân thi hành bầu cử dân chủ, quyết sách dân chủ, quản lý dân chủ và giám sát dân chủ theo pháp luật, được hưởng quyền tự do rộng rãi, được tôn trọng và bảo đảm nhân quyền".

Rõ ràng, vấn đề dân chủ và thực hiện dân chủ ở cơ sở là một vấn đề lý luận và thực tiễn vừa có tính cấp thiết vừa có tính lâu dài; đồng thời, là mối quan tâm chung của các nhà lãnh đạo, quản lý, các nhà lý luận và khoa học của hai đảng trong quá trình đổi mới và cải cách, mở cửa nhằm thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước. Thực hiện kế hoạch hợp tác, ngày 9, 10-12-2003 tại Hà Nội, Tạp chí Cộng sản và Tạp chí Cầu thị đã tổ chức Hội thảo khoa học: ***Thực hiện dân chủ ở cơ sở: Qua thực tiễn Việt Nam và Trung Quốc***. Hội thảo nhằm 3 mục đích: 1- Đi sâu nghiên cứu làm rõ hơn nhận thức, quan điểm lý luận và thực tiễn đối với việc thực hiện dân chủ ở cơ sở qua thực tiễn Việt Nam và Trung Quốc; 2- Bước đầu đánh giá khái quát thực trạng tình hình dân chủ ở cơ sở; ý nghĩa lý luận và thực

tiền, những bài học kinh nghiệm cần rút ra, các giải pháp để thực hiện tốt hơn nữa dân chủ ở cơ sở qua thực tiễn Việt Nam và Trung Quốc; 3- Tăng cường hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa Tạp chí Cộng sản và Tạp chí Cầu thị.

Ban Tổ chức Hội thảo đã nhận được gần 50 bản tham luận của các nhà lãnh đạo, quản lý, lý luận và nhà khoa học, trong đó có 15 bản tham luận của các tác giả Trung Quốc. Số lượng tham luận nhiều, chất lượng các tham luận đều sâu sắc, nhưng do khuôn khổ bài tổng thuật có giới hạn, chúng tôi chỉ xin điểm qua một số ý kiến cơ bản của các tác giả tham gia cuộc hội thảo này.

1 - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CƠ BẢN VỀ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Những vấn đề lý luận chung về dân chủ và dân chủ ở cơ sở đã thu hút sự quan tâm của hầu hết các tác giả tham gia hội thảo. GS.TS **Lê Hữu Nghĩa** (Việt Nam), trong "Báo cáo đề dẫn" đã phân tích một cách sâu sắc các khía cạnh lý luận cơ bản của dân chủ, dân chủ ở cơ sở và khẳng định rằng, dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Không có dân chủ thì không có chủ nghĩa xã hội, dân chủ là khát vọng ngàn đời của nhân dân lao động. Quần chúng lao động biết bao thế hệ đã không ngừng đấu tranh đòi dân chủ, giành dân chủ, vì dân chủ... Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa theo bản chất của nó phải là nền dân chủ của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Nó là sự tham gia rộng rãi của nhân dân lao động vào quản lý công việc của nhà nước và xã hội. Tác giả **Lưu Nhuận Vi** (Trung Quốc) trong "Lời chào mừng" Hội thảo khẳng định: Ngay từ ngày thành lập, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lấy nhân dân làm chủ, lấy dân chủ làm mục tiêu phấn đấu bất di bất dịch của mình. Từ khi tiến hành cải cách mở cửa đến nay, công tác xây dựng dân chủ ở cơ sở càng phát triển vượt

bậc. Đại hội XV của Đảng nhấn mạnh, cần mở rộng hơn nữa dân chủ ở cơ sở. Đại hội XVI của Đảng xác định, lấy phát triển chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng văn minh chính trị xã hội chủ nghĩa làm mục tiêu quan trọng cho việc xây dựng toàn diện xã hội khá giả; đồng thời nhấn mạnh, mở rộng dân chủ ở cơ sở là công tác cơ bản của việc phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa. PGS.TS **Trần Quang Nhiếp** (Việt Nam) xem xét vấn đề dân chủ ở cấp độ tổng quát, theo tác giả, dân chủ là một phạm trù chính trị - xã hội, nó tồn tại và phát triển trong cuộc sống đích thực của cộng đồng, xã hội loài người. Dân chủ là *tiêu chí* để xem xét, đánh giá trình độ phát triển của cộng đồng. Dân chủ phụ thuộc vào nhiều yếu tố lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Tuy nhiên, dân chủ không chỉ là sản phẩm của các yếu tố nêu trên mà trái lại nó còn là tác nhân tích cực thúc đẩy các yếu tố đó của cộng đồng phát triển. Bởi lẽ, dân chủ là một đòi hỏi chính đáng của con người, của từng thành viên và của cả cộng đồng. Tác giả chỉ ra một cách thuyết phục rằng: Dân chủ gắn liền với tư tưởng tự do, quyền tự do của con người; dân chủ còn là một công cụ quản lý nhằm ngăn cản thứ tự do đặc quyền của số ít người; dân chủ mang tính xã hội, tính cộng đồng rộng rãi; và, dân chủ còn có giá trị quản lý, giúp cho xã hội hướng tới xây dựng một chính quyền vững mạnh có khả năng điều phối các quan hệ xã hội, phân phối các lợi ích một cách công bằng... Tác giả **Trần Hoài Bằng** (Trung Quốc), xuất phát từ thực tiễn Trung Quốc cho rằng, phát triển dân chủ trong Đảng, lấy dân chủ trong Đảng để thúc đẩy dân chủ nhân dân là một con đường thiết thực khả thi và có hiệu quả nhanh trong việc xây dựng chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Cùng với sự phân tích khái niệm dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa, các tác giả cũng tập

trung phân tích những khía cạnh của dân chủ ở cơ sở và mối quan hệ của nó với dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tác giả **Hoàng Tùng** (Việt Nam) nhấn mạnh, dân chủ ở cơ sở là nền tảng của chế độ dân chủ thực sự của quảng đại quần chúng nhân dân, cơ sở là nơi thực hiện mọi nhiệm vụ, nơi sinh sống của mọi con người. **TS Phạm Thắng** (Việt Nam) khẳng định, dân chủ nói chung và dân chủ ở cơ sở nói riêng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Các nguyên tắc dân chủ nói chung được thực thi rộng rãi là điều kiện quan trọng để các thiết chế dân chủ ở cơ sở nhanh chóng bám rễ, đi sâu vào lòng người, thấm sâu vào công việc hằng ngày của nhân dân. Ngược lại, các thiết chế dân chủ ở cơ sở được triển khai có kết quả là những điều kiện để xây dựng và củng cố vững chắc nền dân chủ nói chung. Theo tác giả **Điền Đình** (Trung Quốc), dân chủ ở cơ sở là thực tiễn sâu rộng nhất của dân chủ xã hội chủ nghĩa, là con đường trực tiếp nhất nhằm thực hiện việc nhân dân làm chủ đất nước... là một phần quan trọng của nền dân chủ chính trị xã hội chủ nghĩa. Tương tự, tác giả **La Tú Anh** (Trung Quốc) khẳng định, dân chủ ở cơ sở là hình thức thực hiện mang tính rộng rãi của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tác giả **Hà Đăng** (Việt Nam) khái quát, cuộc vận động xây dựng dân chủ ở cơ sở là bộ phận trọng yếu của cuộc vận động xây dựng dân chủ nói chung. Dân chủ ở Việt Nam được hiểu là dân chủ xã hội chủ nghĩa, một nền dân chủ thực sự của đông đảo nhân dân không giành riêng cho một giai cấp hay tầng lớp nào. Theo tác giả, dân chủ ở cơ sở được biểu hiện ở hai hình thức, dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Nhất trí với ý kiến này, tác giả **Trần Bạch Đằng** (Việt Nam) cho rằng, trong chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình vừa bằng hình thức gián tiếp..., vừa bằng hình thức trực tiếp, bảo đảm cho nhân dân có quyền

tham gia quản lý xã hội một cách thiết thực và hiệu quả. **GS.TS Lưu Văn Sùng** (Việt Nam) khẳng định, dân chủ được thực hiện dưới hai hình thức là dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Theo tác giả **Vương Nhất Trình** (Trung Quốc), để thực hiện các hình thức dân chủ ở cơ sở, trong tổ chức tự trị cơ sở thành thị và nông thôn, Đảng Cộng sản Trung Quốc ủng hộ đồng đạo quần chúng nhân dân trực tiếp thi hành các quyền bầu cử dân chủ, quyết sách dân chủ, quản lý dân chủ và giám sát dân chủ theo pháp luật, thi hành tự trị dân chủ đối với khu vực hoặc sự nghiệp công cộng.

2 - TÍNH TẤT YẾU CỦA VIỆC PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM, CẢI CÁCH Ở TRUNG QUỐC VÀ NÂNG CAO VAI TRÒ ĐỘNG LỰC CỦA DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Dân chủ là một thành quả to lớn của sự phát triển lịch sử của nhân loại. Vì vậy, phát huy dân chủ trong quá trình đổi mới ở Việt Nam và cải cách ở Trung Quốc không phải là ý chí chủ quan mà là đòi hỏi tất yếu của lịch sử. Trong hội thảo nhiều tác giả đã tập trung đề cập đến vấn đề này. **GS.TS Đỗ Nguyên Phương** (Việt Nam) khẳng định, Đảng ta coi việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa không chỉ là một trong những nội dung thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa mà còn là quy luật hình thành, phát triển và tự hoàn thiện của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển công cuộc đổi mới của xã hội ta. Tác giả **Hà Đăng** (Việt Nam) nhấn mạnh, phát huy quyền dân chủ - hay quyền làm chủ của nhân dân - ở cơ sở không chỉ là đòi hỏi bức bách trước mắt do những khuyết điểm hay bất cập của chúng ta trong việc thực hành dân chủ, mà là việc làm có tính cơ bản, lâu dài trong nhiệm vụ chính trị xây dựng chế độ mới. Tính chiến lược của vấn

đề là ở đó. Theo tác giả **Dương Phát Hỷ** (Trung Quốc), không có dân chủ thì không thể có chủ nghĩa xã hội, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa cũng như thực hiện mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội khá giả. Từ thực tiễn triển khai dân chủ cơ sở ở doanh nghiệp, tác giả **Ngô Cường** (Trung Quốc) cho rằng, tăng cường xây dựng dân chủ ở cơ sở doanh nghiệp là một phần quan trọng của việc xây dựng dân chủ cơ sở Trung Quốc, là yêu cầu tất yếu cho việc xây dựng nền văn minh chính trị xã hội chủ nghĩa Trung Quốc.

Cùng với việc chỉ ra tính tất yếu của việc phát huy dân chủ trong quá trình đổi mới và cải cách ở hai nước, các tác giả cũng tập trung phân tích vai trò động lực của dân chủ ở cơ sở. Tác giả **Lưu Nhuận Vi** (Trung Quốc) khẳng định, thực tiễn của hai nước Trung - Việt chứng minh rằng: Xây dựng dân chủ ở cơ sở đã khích lệ rộng rãi tinh thần sáng tạo lịch sử của muôn vàn quần chúng nhân dân, tăng cường mạnh mẽ mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và quần chúng nhân dân. Tác giả **Vũ Hữu Ngoạn** (Việt Nam) cho rằng, dân chủ ở cơ sở có lợi thế là rất cụ thể, liên quan đến những lợi ích thiết thân của quần chúng, làm cho quần chúng dễ dàng cảm nhận được nền dân chủ ấy, cho nên có thể trở thành động lực mạnh mẽ hàng ngày xây dựng đất nước, xây dựng chế độ mới. **GS.TS Phạm Ngọc Quang** (Việt Nam) khẳng định, thực hiện Quy chế Dân chủ đã góp phần tạo ra động lực cả từ phía hệ thống chính trị lẫn phía quần chúng. Chính sự hội tụ hai nguồn động lực đó đã tạo thành sức mạnh tổng hợp để đẩy lên phong trào cách mạng và thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với những kết quả to lớn và thiết thực. Tác giả **Dương Phát Hỷ** (Trung Quốc) nhấn mạnh, mở rộng dân chủ ở cơ sở có lợi cho tăng cường sức sống của nhà nước và xã hội; mở rộng dân chủ ở cơ sở có lợi cho sự

ổn định của nhà nước và xã hội; mở rộng dân chủ ở cơ sở có lợi cho nâng cao tổ chức chính trị dân chủ của toàn dân. Về vai trò động lực của phát huy dân chủ ở cơ sở, **GS.TS Lê Hữu Nghĩa** (Việt Nam) đã chỉ ra một cách khái quát rằng, thực hiện dân chủ ở cơ sở là động lực mạnh mẽ để đảm bảo và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, để chống quan liêu, tham nhũng, độc đoán chuyên quyền - những hiện tượng trái với bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Do đó, thực hiện dân chủ ở cơ sở là một trong những khâu quan trọng và cấp bách nhất của công cuộc đổi mới, của việc xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

3- PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ VÀ NHỮNG NỘI DUNG CỦA NÓ TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM VÀ CẢI CÁCH Ở TRUNG QUỐC

Về phương hướng thực hiện dân chủ ở cơ sở, tác giả **Hữu Thọ** (Việt Nam) nhấn mạnh, chỉ có thực hiện đúng đắn Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX, về nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở mới tạo cơ sở bảo đảm Quy chế Dân chủ ở cơ sở được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ. Đồng thời, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở sẽ tạo điều kiện để nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 và Quy chế Dân chủ ở cơ sở là vấn đề hệ trọng, để củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Tác giả **Phạm Thế Duyệt** (Việt Nam) chỉ rõ, cần quy định rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và từng đoàn thể trong việc tổ chức thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Coi trọng việc giáo dục ý thức công dân, giáo dục pháp luật cho nhân dân cũng là yêu cầu phải làm đồng bộ có kết quả.

Từ thực tiễn thực hiện dân chủ cơ sở ở Trung Quốc, tác giả **Vương Nhất Trình**

(Trung Quốc) khẳng định, xây dựng nền dân chủ ở cơ sở nông thôn mà hạt nhân là dân làng tự trị - với Ủy ban dân làng... Nội dung chính của dân làng tự trị là: Dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng trong làng, thúc đẩy toàn diện việc bầu cử dân chủ, quyết sách dân chủ, quản lý dân chủ và giám sát dân chủ, do quần chúng nhân dân làm chủ. Tác giả **Lã Hồng** (Trung Quốc) nói rõ hơn, phát triển nền dân chủ ở cơ sở nông thôn, tức là phải kiện toàn chế độ tổ chức tự trị và quản lý dân chủ ở cơ sở nông thôn, hoàn thiện chế độ làm việc công khai, bảo đảm nông dân trực tiếp thi hành quyền lợi dân chủ theo pháp luật,... thi hành giám sát dân chủ đối với cán bộ cơ sở ở nông thôn. Dân làng tự trị là nội dung quan trọng và hình thức chủ yếu của nền dân chủ ở nông thôn Trung Quốc.

Nhiều tác giả đề cập tới vấn đề thực hiện dân chủ ở cơ sở trong mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Theo PGS. TS **Trần Quang Nhiếp** (Việt Nam), thực hiện Quy chế Dân chủ trong điều kiện hiện nay nhằm hướng tới nhiều mục đích nhưng có ba điểm quan trọng là, nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân; nâng cao hiệu quả quản lý của bộ máy chính quyền các cấp; và, xây dựng niềm tin vào mối quan hệ chặt chẽ giữa dân với Đảng và chính quyền. Tác giả **Vũ Hữu Ngoạn** (Việt Nam) cho rằng, phát huy đầy đủ dân chủ ở cơ sở là một liệu pháp mạnh để xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh và xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng ta tăng thêm năng lực và sức chiến đấu, hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo trong giai đoạn hiện nay.

Từ thực tiễn lãnh đạo triển khai Quy chế Dân chủ ở cơ sở, tác giả **Trịnh Long Biên** (Việt Nam) khẳng định, thực tế cho thấy ở những nơi triển khai và thực hiện tốt Quy chế

Dân chủ thì ở đó khối đoàn kết trong cộng đồng dân cư được củng cố, xây dựng tinh thần tương thân, tương ái được phát huy; mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng, chính quyền được gắn bó đã góp phần ổn định tình hình chính trị xã hội ở địa phương; kinh tế có bước phát triển và đời sống nhân dân được cải thiện. Tác giả **Trịnh Trọng Quyền** (Việt Nam) nhấn mạnh, ở những nơi thực hiện tốt Quy chế Dân chủ, tổ chức Đảng được củng cố, vai trò lãnh đạo và tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên được tăng cường; chính quyền các cấp điều hành, quản lý có hiệu lực và hiệu quả hơn; Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội gắn bó với nhân dân hơn; quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện tốt hơn, tạo ra bầu không khí dân chủ, cởi mở hơn trong sinh hoạt ở cộng đồng dân cư, kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được thực hiện tốt hơn...

4 - NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ THÀNH CÔNG VÀ CHƯA THÀNH CÔNG TỪ THỰC TIỄN THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỂ TIẾP TỤC THỰC HIỆN TỐT HƠN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Về vấn đề này, GS. TS **Lê Hữu Nghĩa** (Việt Nam) khẳng định, quá trình xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã được thực tế khẳng định là đúng đắn, đã trở thành động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội và góp phần tăng cường xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở. TS **Nguyễn Đức Thăng** (Việt Nam) cho biết, thành công của Lào Cai trong phát huy dân chủ ở cơ sở là do, khi thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể xã hội luôn coi vấn đề xây dựng và phát huy dân chủ của nhân dân là động lực để phát triển. Trong quá trình lãnh đạo, điều hành, cấp ủy và

chính quyền các cấp trong tỉnh luôn quán triệt phương châm: dân cần, dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân kiểm tra, dân hưởng lợi và dân quản lý. Theo tác giả **Lã Hồng** (Trung Quốc), cần tôn trọng và giữ gìn đầy đủ quyền dân chủ của đông đảo nhân dân, coi thực hiện việc làm chủ của nông dân là yêu cầu mục đích và bản chất phát triển dân chủ ở cơ sở nông thôn;... cần thống nhất hài hòa giữa kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, nông dân làm chủ và làm việc theo pháp luật, coi đó là điều kiện cơ bản phát triển nền dân chủ ở cơ sở nông thôn. Tác giả **Bao Tuấn Hồng** (Trung Quốc) nói cụ thể hơn, lấy dân chủ trong Đảng dẫn dắt dân chủ nhân dân, vừa thể hiện vai trò quyết định của dân chủ trong Đảng đối với nhân dân, lại thể hiện vai trò thăm thấu, ảnh hưởng và thúc đẩy của nhân dân đối với dân chủ trong Đảng.

Để thực hiện tốt hơn dân chủ ở cơ sở trong giai đoạn mới, theo tác giả **Lê Minh Vực** (Việt Nam), cần tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc, sáng tạo nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách của Nhà nước về dân chủ ở cơ sở; đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền công khai những điều dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, trong sạch; phát huy dân chủ đi liền với củng cố và nâng cao kỷ luật, kỷ cương, tăng cường giáo dục pháp luật; thực hiện dân chủ phải gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Theo tác giả **Nguyễn Minh Thông** (Việt Nam), cần chú trọng công tác tuyên truyền, hướng dẫn làm cho mọi người trong doanh nghiệp hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện Quy chế Dân chủ; phát huy dân chủ phải gắn bó với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đảm bảo việc làm và nâng cao đời sống của mọi người; coi trọng vai trò, phát huy tối đa sức mạnh của Đảng và các tổ chức quần chúng;...

Đồng ý với ý kiến này, tác giả **Lê Văn Dưỡng** (Việt Nam) nhấn mạnh, cần quán triệt sâu sắc, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vấn đề thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở; tập trung xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, xác định trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị với chủ trương xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở... Tương tự, tác giả **Huỳnh Minh Đoàn** (Việt Nam) cho rằng, cần phải nâng cao nhận thức đúng đắn, đầy đủ của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, doanh nghiệp về thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở; phát huy dân chủ đi liền với kỷ cương phép nước, kết hợp đúng đắn dân chủ đại diện với dân chủ trực tiếp; ...thực hiện tốt và đồng bộ Quy chế Dân chủ ở cơ sở ở tất cả các cấp; cần sớm chấn chỉnh và kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế Dân chủ ở tất cả các cấp...

Từ Hội thảo, nhiều vấn đề cơ bản về dân chủ, dân chủ xã hội chủ nghĩa và dân chủ ở cơ sở; nhiều hình thức biểu hiện của dân chủ trong thực tiễn; tính tất yếu của việc phát huy dân chủ và vai trò động lực của dân chủ trong điều kiện hiện nay; việc thực hiện dân chủ trong mối quan hệ với cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; và những bài học kinh nghiệm, những giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ ở cơ sở trong giai đoạn mới đã được các tác giả tham gia Hội thảo trình bày và trao đổi một cách sôi nổi và tâm huyết. Thành công của Hội thảo chắc chắn sẽ góp phần quan trọng vào công tác lý luận và thực tiễn để phát huy dân chủ ở cơ sở trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam và cải cách ở Trung Quốc. □

NGUYỄN LINH MINH
(Tổng thuật)

ĐÀ NẴNG

phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở



Cầu sông Hàn Đà Nẵng - Ảnh: Bá Tích

CHỈ thị 30 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở nhấn mạnh: "Khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền làm chủ của nhân dân một cách rộng rãi". Thành ủy Đà Nẵng chỉ đạo triển khai Quy chế ở cả 3 loại hình trong toàn thành phố (xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp); thành lập Ban Chỉ đạo, giao cho Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện. Việc triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở Đà Nẵng được tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ và hiệu quả. Chính vì vậy, nó có tác động tích cực đến việc phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề vững chắc cho giữ gìn an ninh - chính trị và trật tự - an toàn xã hội ở địa phương.

Thứ nhất, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực kinh tế

Trong những năm qua, thành phố Đà Nẵng đã huy động mọi nhân tài vật lực, các tiềm năng trong nhân dân để phát triển kinh tế. Tốc độ GDP 3 năm (2001-2003) tăng bình quân 12,46%, GDP bình quân đầu người năm 2003 đạt 980 USD, giá trị sản xuất công nghiệp tăng

bình quân hằng năm là 19,8%, giá trị dịch vụ tăng bình quân hằng năm đạt 10,92%, tổng thu ngân sách tăng bình quân 12,86%, và đặc biệt là kết cấu hạ tầng được tập trung xây dựng, làm chuyển biến nhanh bộ mặt thành phố. Thành phố tiến hành cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ những bất hợp lý trong chính sách phát triển kinh tế, xây dựng cơ chế phù hợp phát triển các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế dân doanh. Đến nay, toàn thành phố có 2 534 doanh nghiệp dân doanh, 932 doanh nghiệp tư nhân, 1 172 công ty trách nhiệm hữu hạn, 90 công ty cổ phần. Trên cơ sở ý kiến của nhân dân, các xã, phường đã hoàn tất kế hoạch phát triển kinh tế phù hợp với đặc điểm của địa phương. Nhiều doanh nghiệp đã ban hành quy chế nội bộ phát huy vai trò làm chủ và ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, người lao động, tạo mối quan hệ gắn bó giữa lãnh đạo với nhân viên, giữa người sử dụng lao động với người lao động.

Đặc biệt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" trong xây dựng và chỉnh trang đô thị được Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện sáng tạo trong sự đồng tình, hưởng ứng của

* Trưởng Ban Dân vận, Thành ủy Đà Nẵng

nhân dân. Qua gần 7 năm thực hiện, nhờ phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân, thành phố đã vận động di dời hơn 52 000 hộ dân để nâng cấp, mở rộng nhiều tuyến đường, khu dân cư mới nhưng không xảy ra điểm nóng, không có khiếu kiện tập thể kéo dài, vượt cấp, mà trái lại nhân dân đã đóng góp hơn 150 tỉ đồng, hàng chục vạn ngày công góp sức mình cho sự phát triển nhanh bộ mặt thành phố.

Qua khảo sát cho thấy, sự quan tâm của người dân đối với từng vấn đề quốc kế dân sinh ngày càng cao và không có sự cách biệt giữa các địa bàn. Ở khu vực nông thôn, người dân được biết: chính sách cho vay vốn ưu đãi cho cán bộ nghèo là 83%; chính sách phát triển nông thôn (điện, đường, trường, trạm) là 76%; chính sách khoán và trao quyền sử dụng đất lâu dài cho nông dân là 66%. Ở khu vực đô thị, người dân được biết: chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần là 81,29%; chủ trương khôi phục ngành nghề truyền thống là 41,14%.

Chính nhờ phát huy tốt quyền làm chủ trong đời sống kinh tế nên nhân dân thành phố càng yên tâm làm ăn, đầu tư vốn mở rộng ngành nghề sản xuất, kinh doanh dịch vụ. Các mô hình kinh tế hợp tác chuyển đổi, mô hình kinh tế hộ gia đình đang hình thành và phát triển mạnh. Theo đó, ý thức tự giác, trách nhiệm công dân từng bước nâng lên, nhân dân thực hiện tốt nghĩa vụ với thành phố, mức thu ngân sách của thành phố hằng năm luôn vượt chỉ tiêu.

Thứ hai, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực chính trị.

Nhận thức chính trị của nhân dân được nâng lên, ý thức chính trị ngày càng cao, sự đồng thuận của nhân dân ngày càng tăng. Năm 2001, tỷ lệ cử tri đi bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân đạt tỉ lệ cao (99,97%); nhân dân theo dõi, chủ động tham gia đóng góp ý kiến các văn kiện của đảng bộ các cấp, các phiên chất vấn trong các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân thành phố. Người dân tích cực tham gia các hoạt động trong các ngày lễ, tỷ lệ số hộ dân tham gia sinh hoạt tổ dân phố cao.

Quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân được phát huy hiệu quả ngay từ quá trình hiệp thương giới thiệu nhân sự, các cuộc tiếp xúc cử tri, tạo điều kiện cho nhân dân lựa chọn chính xác đại biểu của mình. Trong những năm qua, thành phố đã tổ chức bầu trực tiếp trưởng khối và phó khối ở 252 khối phố, tổ trưởng và tổ phó ở 2 253 tổ dân phố, thôn trưởng và thôn phó ở 125 thôn. Thành phố đã triển khai Đề án cải cách thủ tục hành chính theo mô hình "một cửa" trong các cơ quan, đơn vị. Đây là bước cải cách quan trọng nhằm công khai cho nhân dân được biết lịch làm việc của cơ quan hành chính các cấp, quy trình tiếp và giải quyết các yêu cầu, kiến nghị của công dân, cải tiến các thủ tục hành chính phức tạp, giảm nhiều phiền hà cho dân, làm cho cán bộ công chức nhà nước gần gũi, gần bó với nhân dân.

Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại của công dân được thực hiện tương đối tốt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quy định mỗi tháng dành 2 ngày trực tiếp tiếp dân và giải quyết các kiến nghị của công dân. Làm tốt công tác tiếp dân đã góp phần giải tỏa hầu hết những băn khoăn, thắc mắc trong dân. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân còn được thể hiện rõ nét ở hoạt động tự quản, thảo luận và giải quyết ở địa bàn dân cư thông qua tổ đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Qua đây, chính quyền các cấp kịp thời nắm được thông tin, đề ra chủ trương giải pháp đúng đắn; sửa đổi, bổ sung, thậm chí bãi bỏ những nội dung không hợp lòng dân. Chính điều này đã góp phần tạo sự đồng thuận của nhân dân trong quá trình triển khai và thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của thành phố.

Thứ ba, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực văn hóa - xã hội.

Việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực văn hóa - xã hội được thể hiện ở thực hiện xã hội hóa giáo dục, đào tạo, y tế. Điều này đã khơi dậy tiềm năng to lớn trong nhân dân, góp phần nâng cao mặt bằng dân trí, chăm sóc tốt hơn sức khỏe cho nhân dân. Tỷ lệ

người biết chữ trong độ tuổi 15 - 35 đạt 99,3%, tỷ lệ sinh viên đại học, cao đẳng trong độ tuổi là 19,2%. Năm 2001, thành phố được Trung ương công nhận phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tỷ lệ tăng dân số ở mức 1,2%.

Trong việc thực hiện chương trình xóa đói - giảm nghèo, năm 2000, thành phố đã xóa được hộ đói, giảm hộ nghèo từ 8,97% (năm 1997) xuống còn 1,95% (năm 2003), 100% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được xóa nhà tạm. Thành phố huy động được nhiều nguồn vốn khác nhau, đặc biệt là biết kết hợp chương trình giải quyết việc làm với cuộc vận động vì người nghèo, chương trình xóa nhà tạm, phong trào nhân dân giúp nhau xóa đói giảm nghèo và phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập. Đây chính là cơ sở quan trọng để Đà Nẵng phấn đấu đến năm 2005 sẽ đưa hộ nghèo xuống còn 1,35% (theo chuẩn mới) và xóa nhà tạm cho hộ nghèo.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" được cụ thể và lồng ghép với các phong trào "năm không" (*không có hộ đói, không có người mù chữ, không có người lang thang xin ăn, không có người nghiện ma túy trong cộng đồng, không có giết người để cướp của*) và phong trào xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Thông qua các phong trào này, nhân dân đã thực sự phát huy quyền làm chủ của mình, nhất là trong việc thảo luận, quyết định và thực thi những vấn đề cụ thể trên địa bàn. Nhiều phong trào tổ chức thực hiện đạt kết quả tốt như xây dựng khu dân cư văn hóa, gia đình văn hóa, phong trào phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, mại dâm. Việc xây dựng nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội, bài trừ hủ tục mê tín dị đoan, phòng chống tệ nạn xã hội được triển khai hiệu quả.

Qua thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" và xây dựng thành phố "năm không", nhân dân "được biết, được bàn, được kiểm tra" trên mặt trận phòng chống tệ nạn xã hội. Ban Chỉ đạo phòng chống tệ nạn xã hội phối hợp chặt chẽ với Mặt trận và các đoàn thể vận động nhân dân

phát hiện được nhiều đối tượng mua bán, sử dụng ma túy, hoạt động mại dâm, xử lý các tụ điểm ka-ra-ô-kê tiêu cực, quán bia ôm trá hình. Chính quyền tổ chức gặp gỡ đối thoại trực tiếp với các đối tượng phạm pháp, có chính sách hỗ trợ vốn cho đối tượng này làm ăn sinh sống. Chính nhờ phát huy quyền làm chủ của nhân dân sự phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể với gia đình ngày càng chặt chẽ, giáo dục, giúp đỡ nhiều đối tượng hoàn lương. Đây chính là những việc làm thiết thực tạo lập môi trường xã hội lành mạnh để hình thành và phát triển nhân cách con người.

Bên cạnh kết quả đạt được, việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân còn có mặt hạn chế, do nhiều yếu tố tác động, có mặt do vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý chính quyền, công tác tuyên truyền của Mặt trận và các đoàn thể chưa tốt; có mặt do vai trò làm chủ của nhân dân chưa được phát huy và đề cao. Cụ thể là:

Một, việc triển khai Quy chế Dân chủ ở cơ sở tuy được triển khai nghiêm túc, nhưng trong từng khâu chưa thực hiện triệt để, có khâu còn hình thức, chưa phát huy được quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân. Việc niêm yết công khai, thông báo các nội dung văn bản theo quy định của Quy chế Dân chủ ở cơ sở có lúc, có nơi thực hiện chưa đầy đủ. Do chưa được thông tin đầy đủ về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của thành phố, nên không ít người chưa thấy được trách nhiệm của mình trong việc bàn bạc, thảo luận, cùng làm, cùng kiểm tra hoạt động của hệ thống chính trị một cách hiệu quả. Việc công khai tài chính vẫn mang tính hình thức, vì đại đa số cán bộ, công chức, viên chức là người lao động và nhân dân đều vẫn thụ động, nghe cho biết.

Hai là, do trình độ dân trí chưa đồng đều, nhận thức về dân chủ và pháp luật còn hạn chế, nên nhân dân chưa thấy hết ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện quyền làm chủ của mình một cách tự giác và có trách nhiệm. Một bộ phận nhân dân không chú ý, coi trọng việc học tập, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước nên nhận

thức và thực hiện có hạn chế. Mặt khác, cũng phải thừa nhận tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân còn tồn tại trên một số lĩnh vực, phổ biến là trong thực thi nhiệm vụ của một số cán bộ chính quyền, chưa coi trọng công tác tuyên truyền vận động thuyết phục nhân dân, còn nặng hành chính, mệnh lệnh. Tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân thường thấy ở hai khâu "dân bàn và dân kiểm tra". Vấn đề "dân bàn" còn ít, nặng tính hình thức. Phần lớn số người tham gia bàn bạc thảo luận ở địa bàn dân cư là cán bộ hưu trí. Ý thức tự giác, tự nguyện tham gia sinh hoạt, hội họp của nhân dân để bàn bạc còn hạn chế, nhất là không dám đấu tranh phê phán tiêu cực. Đây là điều đáng lưu ý để khắc phục, cả với tổ chức và người dân.

Vấn đề "dân kiểm tra" là khâu thực hiện được ít nhất và kém hiệu quả nhất, ngay cả kiểm tra thông qua đại diện của dân. Có một thực tế là, đại bộ phận nhân dân, kể cả công nhân lao động, cán bộ công chức trong cơ quan đảng, chính quyền không dám nói thẳng, không dám phê phán trực tiếp các mặt tiêu cực của lãnh đạo; do họ sợ bị trừ dập, bị gây khó khăn, nguy cơ mất việc làm. Cũng có ý kiến cho rằng, nhân dân biết rất rõ tiêu cực của một số cán bộ, đảng viên, những người có chức, có quyền nhưng không dám tố giác; không phải vì họ sợ những người đó, mà họ thiếu tin tưởng vào việc giải quyết công minh và kịp thời của các cấp có thẩm quyền, sợ bè cánh bao che cho nhau.

Vai trò của Ban Thanh tra nhân dân trong quá trình thực hiện Quy chế Dân chủ còn thấp, trong khi đó chức năng, nhiệm vụ của Ban Thanh tra nhân dân đến nay cũng chưa được quy định rõ ràng. Pháp lệnh Thanh tra nhân dân và Nghị định 214/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) được ban hành từ rất lâu, nay tỏ ra không còn phù hợp. Khâu kiểm tra chưa được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ đã hạn chế việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung ương mới được thành lập từ tháng 1-1997 đến nay. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi ấy, nhờ biết đoàn kết thống nhất trong nội bộ đảng, huy động

sức mạnh tổng hợp của địa phương, tập trung sức phát triển kinh tế, chăm lo những vấn đề văn hóa - xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chăm lo xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tất cả vì mục tiêu xây dựng thành phố theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đã được Chính phủ quyết định công nhận là đô thị loại I. Những kết quả đó tuy mới chỉ là bước đầu nhưng rất đáng phấn khởi và tự hào, là kết quả của sự triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trong đó có việc thực hiện tốt Quy chế Dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân.

Từ những kết quả bước đầu đó có thể rút ra một số nguyên nhân và kinh nghiệm như sau:

Về phía nhân dân: Nhân dân thành phố Đà Nẵng vốn có truyền thống yêu nước và cách mạng, luôn luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, gắn bó với Đảng và cả hệ thống chính trị nên mỗi khi thành phố triển khai một chủ trương gì đều được nhân dân đồng tình, ủng hộ mạnh mẽ và chung sức, chung lòng thực hiện. Mặt khác, Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị và các Nghị định của Chính phủ hợp lòng dân, đáp ứng một cách thiết thực và hiệu quả tâm tư, nguyện vọng của nhân dân nên được nhân dân quan tâm đặc biệt và hưởng ứng rộng rãi.

Phía hệ thống chính trị: Do nhận thức sâu sắc và ý thức được vị trí, tầm quan trọng của Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị, nên Thành ủy đã tập trung lãnh đạo chặt chẽ, chính quyền các cấp có kế hoạch tổ chức thực hiện chu đáo, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phối hợp nhịp nhàng đồng bộ. Đặc biệt vai trò của chính quyền các cấp có ý nghĩa quyết định trong quá trình thực hiện Quy chế Dân chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Các đồng chí đứng đầu cơ quan chính quyền từ thành phố đến quận, huyện, xã, phường đều trực tiếp làm việc với dân, sát dân, hiểu dân và có trách nhiệm với dân. Chính cách làm sâu sát, cụ thể đó đã làm cho nhân dân ngày càng tin tưởng, phấn khởi hơn và ủng hộ mạnh mẽ hơn đối với lãnh đạo các cấp của thành phố trong quá trình xây dựng và phát triển Đà Nẵng trong những năm qua. □



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ - HƠN MỘT NĂM NHÌN LẠI

DINH VĂN AN *

ĐẦU năm 2002, Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) ra Nghị quyết số 14 về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân. Ngày 17-7-2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 94/2002/QĐ-TTg về *Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 14 của Đảng*. Phải khẳng định rằng, đây là một chương trình toàn diện, cụ thể hóa khá đầy đủ và chi tiết chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

Sau hơn một năm, nhìn chung đa số các địa phương đã triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ một cách chủ động, tích cực. Những kết quả bước đầu thể hiện rõ nét trên một số mặt:

- Tăng cường hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân trong việc tìm hiểu pháp luật, đào tạo nguồn nhân lực và dạy nghề cho các doanh nhân, tư vấn đầu tư, củng cố niềm tin vào các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc coi các thành phần kinh tế đều bình đẳng và là những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân;

- Tạo thuận lợi về mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp, một số tỉnh đã có những giải pháp hay về thu hồi, đền bù, giải phóng mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm làng nghề...;

- Nhiều địa phương vận dụng sáng tạo và có những cách đi riêng để giảm bớt khó khăn về vốn

cho khu vực kinh tế tư nhân - một vấn đề đang rất nan giải;

- Không ít các tỉnh và thành phố đã cố gắng đề xuất, thực hiện các biện pháp hỗ trợ về thị trường, xúc tiến thương mại và đầu tư để khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân phát triển.

Sở dĩ chỉ trong một thời gian ngắn chúng ta đã làm được khá nhiều việc nhằm huy động nội lực để phát triển kinh tế khu vực tư nhân là vì:

Thứ nhất, các bộ, ngành ở Trung ương kịp thời tổ chức học tập, quán triệt nội dung Nghị quyết Trung ương năm (khóa IX), nhờ đó tạo được sự thống nhất về quan điểm, nhận thức, nhiệm vụ, các giải pháp tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế tư nhân. Bằng những hành động cụ thể, các bộ đã tiến hành rà soát các văn bản đã ban hành (từ trước tới nay) liên quan đến các nội dung và các biện pháp của Chương trình hành động nhằm phát hiện những vướng mắc, những điểm còn chồng chéo làm cản trở chủ trương khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các văn bản, quy định bổ sung với tinh thần xuất phát từ yêu cầu thực tế, đơn giản, dễ hiểu và minh bạch, phù hợp với các luật đã ban hành, nhất là Luật Doanh nghiệp.*

Cụ thể là, theo Chỉ thị số 17/2002/CT-TTg, ngày 2-8-2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban

* TS Kinh tế, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương

hành các văn bản pháp quy, trong đó có những biện pháp hữu hiệu nhằm đẩy mạnh thi hành Luật Doanh nghiệp, tiếp tục tháo gỡ những khó khăn trong thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, tăng cường khâu "hậu kiểm" đối với hoạt động của doanh nghiệp. Tiếp theo đó, Thủ tướng đã ra Chỉ thị số 08/2003/CT-TTg, giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố về việc tìm giải pháp nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Tháng 9-2002, Cục Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ ra đời, có nhiệm vụ theo dõi, hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng với Cục này đang triển khai hàng loạt các chương trình, như đào tạo nguồn nhân lực, tham gia Hội đồng khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, xây dựng đề án về cơ quan đầu mối ở Trung ương và địa phương để phối hợp theo dõi và tổng hợp tình hình phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 22/2003/QĐ-BTC về cơ chế tài chính trong việc sử dụng quỹ đất tạo vốn cho xây dựng kết cấu hạ tầng. Hiện nay, Bộ Tài chính đang được giao

giúp Chính phủ hoàn tất các công việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 43/NĐ-CP về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo hướng xóa bỏ phân biệt đối xử trong việc tiếp cận vốn vay ưu đãi, điều chỉnh mức lãi suất, đơn giản hóa các quy trình thủ tục, điều chỉnh lại đối tượng được vay ưu đãi cho phù hợp với những quy định mới nhất của Nghị định 35/2002/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Nghị định 51/1999/NĐ-CP). Việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển như một tổ chức tài chính nhà nước phi lợi nhuận, thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước sẽ tăng cường mạnh mẽ các hình thức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tiếp cận tín dụng nhà nước trong các lĩnh vực Nhà nước khuyến khích đầu tư. Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng đã hoàn tất dự thảo đề án thành lập Ngân hàng Hỗ trợ xuất khẩu và đã triển khai lấy ý kiến đóng góp của các bộ, ngành trong cả nước.

Một điểm rất mới trong thời gian vừa qua là, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước đã ban hành những văn bản cần thiết hướng dẫn quy chế thành lập, tổ chức hoạt động, nội dung góp vốn thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ (Thông tư 42/2002/TT-BTC và Thông tư 06/2003/TT-NHNN) theo tinh

thần Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg, ngày 20-12-2001, của Thủ tướng Chính phủ. Và hàng loạt các văn bản pháp quy, thông tư, hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan đến các vấn đề về đất đai, lao động, tiền lương, xúc tiến thương mại và đầu tư... đã lần lượt được ban hành. Có thể nói, chưa bao giờ như trong một khoảng thời gian ngắn vừa qua, nhiều văn bản pháp quy đã ra đời nhưng đều nhằm một mục đích thống nhất là tháo gỡ những vướng mắc, cản trở



Dịch vụ cho những đàn khoan dầu khí

Ảnh: TTXVN

để đẩy mạnh hơn nữa nhịp độ phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

Hai là, cùng với các cơ quan trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy đều đã ra nghị quyết về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế tư nhân trên cơ sở những điều kiện cụ thể của địa phương mình. Tiếp theo đó, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã cụ thể hóa những nội dung lãnh đạo của cấp ủy, xây dựng chương trình hành động nhằm thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Đảng. Hầu hết các tỉnh, thành đều tiến hành cải cách thủ tục hành chính, có nơi đã thực hiện cơ chế "một cửa" trong việc cấp chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và quản lý ngành nghề kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và chủ trương phân cấp quản lý của Chính phủ để tạo điều kiện khuyến khích đầu tư trong nước. Tỉnh Bình Dương là một điển hình tốt trên lĩnh vực này.

Các tỉnh, thành phố đều đã công bố công khai quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội để thu hút vốn đầu tư trong nước và vốn đầu tư nước ngoài. Một số địa phương còn có các biện pháp cụ thể hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp lập hồ sơ dự án, các cơ quan chức năng giúp cung cấp thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội tạo thuận lợi cho các nhà doanh nghiệp trong việc lựa chọn phương án và địa điểm đầu tư. Nhiều tỉnh có chương trình xúc tiến đầu tư rất thiết thực và hiệu quả, có các hình thức phong phú để tổ chức tiếp xúc, gặp gỡ, trao đổi, đối thoại giữa các cơ quan chức năng, các nhà hoạch định chính sách với các nhà doanh nghiệp. Nhiều vấn đề vướng mắc trong cơ chế đã được nêu ra và đề xuất các giải pháp tháo gỡ từ những cuộc đối thoại thẳng thắn và cởi mở này. Riêng Thành phố Hồ Chí Minh 6 tháng tổ chức một lần.

Hầu hết các tỉnh, thành phố đều có chính sách xây dựng các khu công nghiệp tập trung, khu công nghiệp vừa và nhỏ, cụm công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp, cụm làng nghề để huy động tối đa các nguồn vốn cho đầu tư phát triển, tạo thuận lợi về mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp.

Trong một thời gian ngắn Bắc Ninh đã hình thành quy hoạch phát triển chung của toàn tỉnh, cùng với những biện pháp thiết thực ưu đãi đầu tư cho các làng nghề, các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh. Một số tỉnh như Long An, Quảng Ngãi cũng có những giải pháp thích hợp đối với đất của tư nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang được dùng làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh.

Ngoài các biện pháp hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng, nhiều tỉnh, thành phố còn thiết lập trang web site để giới thiệu, cung cấp thông tin thị trường trong nước và thế giới cho doanh nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh đầu tư mới trên 310 tỉ đồng để xây dựng mạng liên kết giữa các cơ quan, ban, ngành, doanh nghiệp và công dân phỏng theo mô hình chính phủ điện tử, thực hiện đăng ký kinh doanh qua mạng, vừa rút ngắn được thời gian, tiết kiệm chi phí, vừa hạn chế tối đa những hành vi sách nhiễu, gây phiền hà của các quan chức chính quyền.

Nhiều tỉnh, thành phố tìm tòi những hình thức đa dạng, hiệu quả nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tổ chức đào tạo nghề, chuyển giao và áp dụng công nghệ, xúc tiến thương mại, hỗ trợ xuất khẩu. Tỉnh Hòa Bình có nhiều sáng kiến trong việc khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, phát triển mạng lưới dạy nghề và giới thiệu việc làm, hỗ trợ các tổ chức và cá nhân hình thành các trung tâm dạy nghề, tập huấn nghiệp vụ triển khai thực hiện Luật Doanh nghiệp. Đến nay, có trên 500 lượt người là các nhà doanh nghiệp và các cán bộ quản lý cấp cơ sở tham gia các khóa học như vậy. Ví dụ tỉnh Hà Tây đã tổ chức đào tạo nghề cho hơn 35 ngàn lượt người trong một thời gian tương đối ngắn.

Tuy vậy, bên cạnh nhiều tỉnh, thành phố rất năng động trong việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, thậm chí còn cung cấp thêm nhiều ưu đãi khác căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương mình, thì vẫn còn không ít địa phương chưa thực sự "bắt tay vào cuộc". Trong số đó, đáng chú ý nhất là nhận thức chưa đầy đủ, chưa thấu đáo của một bộ phận cán bộ và nhà

doanh nghiệp về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân. Do đó, hành động còn cầm chừng hoặc không đầy đủ, kém hiệu quả... Tất cả đã làm hạn chế kết quả việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ. Theo thống kê chưa đầy đủ, có 17/23 biện pháp của Chương trình hành động phải hoàn thành trong quý 3 năm 2003, thì đến hết tháng 9 mới có 5 biện pháp hoàn thành, 7 biện pháp còn triển khai gian dối, 5 biện pháp còn lại chưa được triển khai. Điều mong mỏi của các nhà doanh nghiệp là phải sớm có một cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu vực kinh tế tư nhân nhưng vẫn chưa được đáp ứng.

Một thực tế nữa là, các cơ chế chính sách đã được ban hành, nhưng chậm được triển khai thực hiện, nhất là trong vấn đề tạo mặt bằng sản xuất, kinh doanh, phát triển kết cấu hạ tầng thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển. Chủ trương đúng đắn của Chính phủ về việc thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ mới chỉ dừng lại ở ý tưởng và dự án, hiện chưa có địa phương nào xây dựng được Quỹ này. Lý do chính là các tỉnh, thành phố đều lúng túng chưa rõ mô hình tổ chức, quy chế hoạt động cụ thể. Ngoài ra, theo quy định của Bộ Tài chính, Quỹ phải có vốn điều lệ tối thiểu là 30 tỉ đồng, trong đó Nhà nước góp vốn tối đa 30%, số còn lại địa phương "tự lo". Đối với các địa phương có nguồn thu ngân sách dồi dào thì điều đó còn có thể thực hiện được, nhưng những địa phương (đang chiếm số đông) có nguồn thu hạn chế, chủ yếu còn dựa vào sự cấp phát của ngân sách trung ương thì đây là vấn đề nan giải. Nhiều ý kiến cho rằng, có vấn đề về tính khả thi ngay trong việc ban hành văn bản pháp quy về Quỹ này.

Hiện còn thiếu các văn bản hướng dẫn chi tiết, hoặc có nhưng chưa đồng bộ, như chính sách ưu đãi, chính sách khuyến công. Có chủ trương chưa thực hiện được vì còn thiếu các văn bản hướng dẫn thi hành. Một số văn bản không còn phù hợp với thực tế cuộc sống, như các quy định

thi hành Luật Đất đai. Thêm vào đó, sự phối hợp giữa các bộ, ngành trong việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ chưa tốt nên tiến độ không đạt được như mục tiêu đã đề ra.

Thủ tục vay vốn tín dụng và ưu đãi đầu tư chưa được cải tiến đáng kể như tinh thần của Nghị quyết 14 của Đảng đã nêu. Trên thực tế, cơ chế hiện nay chưa đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Điều này thể hiện từ nhận thức của các công chức và có cả trong một bộ phận dân cư đến hành vi đối xử trong từng vụ việc, từng hoạt động cụ thể và trong một số văn bản pháp quy điều chỉnh các quan hệ kinh tế - tài chính, nhất là trong chính sách về đất đai và tín dụng, trong thực tế thi hành các chính sách và pháp luật.

Cuối cùng là, vẫn còn đó những hạn chế của chính các nhà doanh nghiệp. Họ chưa được cung cấp đủ thông tin, và thậm chí tự mình chưa chủ động tiếp cận thông tin về các chính sách và biện pháp ưu đãi cụ thể của Nhà nước đối với phát triển kinh tế tư nhân. Các doanh nghiệp nhỏ hầu như chưa nhận được ưu đãi của Chính phủ, mà lý do chính là thiếu thông tin hoặc doanh nghiệp chưa hội đủ các điều kiện để được nhận ưu đãi, đó là chưa nói đến những phân biệt đối xử như đã nêu ở trên. Ngoài ra, cũng cần phải nói rằng, phần đông các nhà doanh nghiệp còn chưa được đào tạo cơ bản nên đã bộc lộ nhiều lúng túng trong điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhất là trong việc tìm hiểu các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước.

Hơn một năm là một khoảng thời gian còn quá ngắn. Nhưng đứng trước yêu cầu đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế để tiếp tục chủ động hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới như tiến độ đã cam kết, những tồn tại như đã nêu ở trên đối với một Chương trình hành động lớn của Chính phủ là rất đáng lưu ý. Để tháo gỡ những vướng mắc đó, xin nêu một số kiến nghị sau:

Một là, trong công tác tư tưởng, cần tiếp tục tuyên truyền thật sâu rộng về đường lối của Đảng

trong việc khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân. Thực tế cho thấy, các nhà doanh nghiệp do chưa thật tin vào chủ trương nên một số thì ngần ngại, do dự chưa thật vững tâm mạnh dạn đầu tư vốn để phát triển; một số ít khác thậm chí chỉ đầu tư ngắn hạn mang tính chụp giật, đánh quả; các quan chức thì rụt rè lo bị "chệch hướng" nên không mạnh dạn, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm. Tình trạng đó đã dẫn đến hậu quả là không ít các giải pháp đưa ra vừa nóng vội và mang tính chấp vá, xử lý tình thế, vừa có cả tình trạng xơ cứng, giáo điều không đáp ứng kịp yêu cầu của thực tiễn, kìm hãm sự phát triển. Bởi vậy, bên cạnh việc triển khai công tác tuyên truyền nội dung của Nghị quyết 14 của Trung ương khóa IX bằng nhiều hình thức thích hợp và hiệu quả, cần đề cao tính kỷ luật chấp hành nghị quyết ngay trong hàng ngũ đảng viên, nhất là đảng viên đương chức, đương quyền. Thực hiện vai trò tiên phong của Đảng thông qua từng đảng viên, theo phương châm "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau", thông qua việc phân công, phân nhiệm cụ thể trong quá trình quản lý, theo dõi và trợ giúp doanh nghiệp, cũng như thông qua những nhiệm vụ đã được phân công cụ thể trong việc tham mưu cho Đảng và Chính phủ ban hành những chủ trương, chính sách kịp thời để thúc đẩy sự phát triển chung.

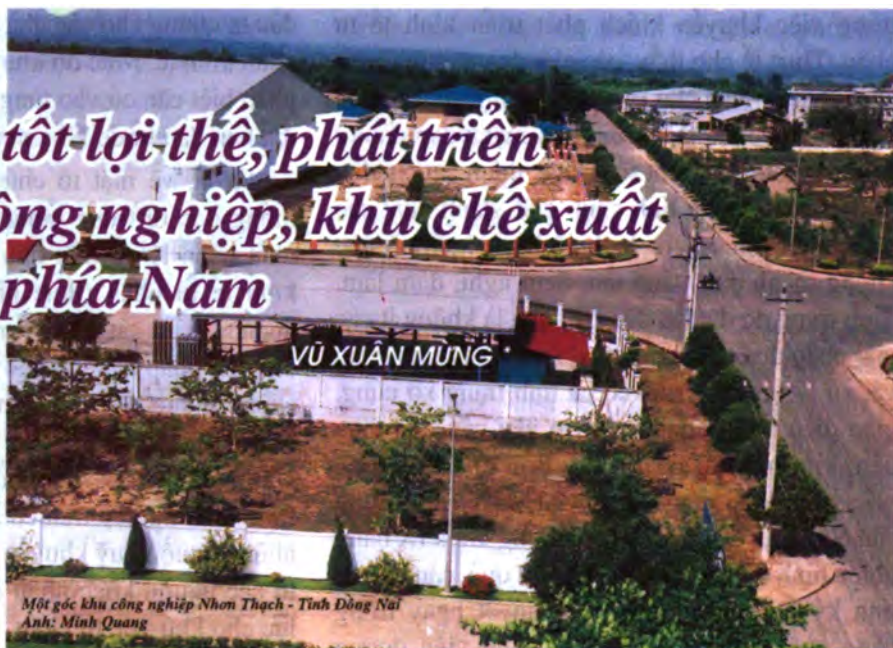
Hai là, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Muốn có sự bình đẳng trong cạnh tranh, phải bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Hiện nay, nền kinh tế đang vận hành trong một thể chế mà mỗi thành phần, mỗi khu vực kinh tế chịu sự điều tiết của một luật riêng (Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Đầu tư nước ngoài). Trong khi về mặt lý thuyết, luật phải hướng vào điều chỉnh hành vi, thì hiện nay hệ thống luật đó lại đang điều chỉnh có phân biệt đối tượng. Bởi vậy, trong tương lai cần phải thống nhất bởi một luật chung. Trước mắt, cần sửa đổi, bổ sung Luật Khuyến khích đầu tư trong nước theo hướng hình thành một luật khuyến khích

đầu tư chung cho các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế. Mức độ khuyến khích chỉ nên được phân biệt căn cứ vào từng mục tiêu hay lĩnh vực, địa bàn đầu tư do Nhà nước quy định.

Ba là, về mặt tổ chức, nên sớm có một hệ thống dọc từ trung ương đến địa phương thống nhất quản lý về mặt nhà nước đối với khu vực kinh tế tư nhân (thực hiện việc đăng ký kinh doanh, giám sát, tổng hợp tình hình và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn và chủ động chấn chỉnh những lệch lạc trên từng bước phát triển). Ngoài ra, hệ thống này còn có thể tham gia hướng dẫn chính sách, bồi dưỡng nghiệp vụ, hỗ trợ doanh nghiệp trên cơ sở sử dụng có hiệu quả những nguồn quỹ khuyến khích của Nhà nước và từ các nguồn khác nhau để đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực tư nhân.

Bốn là, sớm có những quy định cụ thể về đất ở, đất chuyên dùng, đất chuyển nhượng hợp pháp, thuê chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê chuyển mục đích sử dụng, tiền thuê đất, quy hoạch sử dụng đất, tái định cư sau giải tỏa mặt bằng... phù hợp với Luật Đất đai (sửa đổi). Đồng thời, Nhà nước cũng cần có những quy định cụ thể về quản lý và xây dựng hệ thống các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp do địa phương tự tổ chức để bảo đảm cân bằng giữa phát triển công nghiệp với bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển xã hội trong mục tiêu chung là phát triển bền vững. Trong việc sử dụng Quỹ Hỗ trợ phát triển, nên bãi bỏ các điều kiện còn có tính chất phân biệt đối xử đối với các thành phần kinh tế khác nhau, đơn giản hóa các thủ tục cấp tín dụng ưu đãi. Sự phân định có chăng chỉ nên tập trung dành sự ưu tiên cho vùng sâu, vùng cao, vùng xa để hạn chế tình trạng phát triển quá chênh lệch giữa các vùng, miền. Chính phủ nên sớm có cơ chế quản lý tài chính và chế độ kế toán phù hợp với trình độ còn hạn chế của khối doanh nghiệp vừa và nhỏ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân cũng có thể chủ động tiếp cận với các dịch vụ kiểm toán độc lập, từng bước thực hiện minh bạch tài chính.□

Khai thác tốt-lợi-thế, phát-triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở các tỉnh phía Nam



THỨC đẩy tất cả các ngành kinh tế quốc dân phát triển nhằm thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang là một trong những ưu tiên hàng đầu của Đảng và Chính phủ Việt Nam. Gần 20 năm thực hiện đường lối "ĐỔI MỚI", hiện nay Việt Nam đã tạo ra bức tranh kinh tế hoàn toàn khác so với hai thập kỷ trước đây. Với đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã có giai đoạn tăng trưởng kinh tế khá dài và liên tục đạt tốc độ cao. Trong giai đoạn 1990 - 2003, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm bình quân đạt hơn 7%. Tính bình quân, nông nghiệp tăng khoảng 3 - 4%/năm; dịch vụ tăng 6 - 7%/năm; công nghiệp tăng cao nhất, đạt từ 12 - 14%/năm, và công nghiệp của năm 2003 tăng 16%.

Trong bối cảnh của quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới hiện tại cũng như trong tương lai, để tiếp tục giữ vững nhịp độ phát triển, Việt Nam phải đẩy mạnh việc tự do hóa thương mại và đầu tư, thông qua áp dụng các hiệp định về khối mậu dịch tự do ASEAN,

Hiệp định Thương mại song phương Việt - Mỹ và nỗ lực hơn nữa để gia nhập WTO theo lộ trình.

Để đạt được các kế hoạch, mục tiêu tăng trưởng trong thời gian tới, một trong những chính sách và giải pháp lớn của Chính phủ là phát triển mạnh mẽ hệ thống các khu công nghiệp, khu chế xuất tại Việt Nam. Thực tế cho thấy, những khu công nghiệp, khu chế xuất ra đời và hoạt động tại Việt Nam đã thể hiện hai mặt cơ bản trong phát triển kinh tế, đó là sự hoàn thiện từng bước môi trường chính sách và phát triển kết cấu hạ tầng. Và cũng chính các khu công nghiệp, khu chế xuất này đã phản ánh tương đối đầy đủ sự can thiệp cũng như mức độ hỗ trợ của Nhà nước đối với các doanh nghiệp, các ngành nghề trong nền kinh tế nước ta. Các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Việt Nam thời gian qua trở thành một trong những môi trường quan trọng trong việc thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (vốn FDI); đây cũng là

* Phó Trưởng Văn phòng đại diện Bộ Công nghiệp, tại Thành phố Hồ Chí Minh

nơi thu hút các nguồn vốn trong nước, đặc biệt là nguồn vốn từ các tầng lớp nhân dân để xây dựng và phát triển khu vực kinh tế dân doanh khá mạnh như hiện nay.

Tính đến hết tháng 6-2003, Việt Nam có tổng số 137 khu công nghiệp, khu chế xuất được phê duyệt quy hoạch; trong đó có 82 khu công nghiệp, khu chế xuất đã thành lập với tổng diện tích là 16 799 ha gồm 78 khu công nghiệp, 3 khu chế xuất, 1 khu công nghệ cao. Hiện có 2 500 dự án được phê duyệt trong các khu công nghiệp, khu chế xuất với tổng số vốn đăng ký xấp xỉ 10,5 tỉ USD và 60 000 tỉ VNĐ. (Chưa tính các khu công nghiệp Dung Quất và Chu Lai). Chủ yếu (93%) là các doanh nghiệp sản xuất, số còn lại làm nhiệm vụ cung cấp dịch vụ hạ tầng. Đến nay, các khu công nghiệp, khu chế xuất là điểm tập kết của gần 40% dòng vốn FDI đổ vào Việt Nam (đo bằng số vốn đăng ký và không kể lĩnh vực dầu khí và xây dựng). Các khu công nghiệp, khu chế xuất đã đóng góp 21% khối lượng sản xuất của đất nước. Hiện nay, những khu công nghiệp, khu chế xuất lớn và thành công nhất của nước ta tập trung chủ yếu tại Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, vùng ngoại vi của hai thành phố này. Trong bài này, chúng tôi xin tập trung vào phân tích những lợi thế của các khu công nghiệp, khu chế xuất ở các tỉnh phía Nam.

Nếu tính đến tháng 9-2003, các tỉnh phía Nam (kể từ Bình Thuận trở vào) đã có tổng số 56 khu công nghiệp, khu chế xuất, chiếm 68,29%, diện tích đất (11 906 ha), và chiếm 70,87% tổng diện tích các khu công nghiệp, khu chế xuất của cả nước. Các khu công nghiệp, khu chế xuất ở các tỉnh phía Nam đã thu hút tới 8,6 tỉ USD vốn FDI. Và nếu như bình quân các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Việt Nam có diện tích cho thuê mới đạt 45%, thì nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất ở phía Nam hầu như đã được lấp kín như: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Biên Hòa 2, Khu Công nghiệp Gò Dầu (Đồng Nai); Khu Công nghiệp

Bình Dương, Khu Công nghiệp Đồng An (của Bình Dương); Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Sóng Thần 2, Khu Công nghiệp Xín-ga-po, các khu Công nghiệp Tân Bình, Tân Tạo; Khu Chế xuất Linh Trung 1, Linh Trung 2; Khu Chế xuất Tân Thuận (Thành phố Hồ Chí Minh); Khu Công nghiệp Trảng Bàng (Tây Ninh); Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1 (Bà Rịa - Vũng Tàu)...

Trong những năm qua, hệ thống các khu công nghiệp, khu chế xuất phía Nam nói trên đã tạo ra những chuyển biến và có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển kinh tế của cả nước nói chung và khu vực phía Nam nói riêng. Cụ thể là:

- Các khu công nghiệp, khu chế xuất đã xây dựng được một môi trường kinh doanh và hệ thống kết cấu hạ tầng khá thuận lợi, góp phần tạo ra sức hấp dẫn rất lớn đối với các nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài và các nguồn vốn đầu tư trong nước. Đã tạo công ăn việc làm cho hàng chục ngàn lao động mỗi năm, biến đổi hàng trăm ngàn ha từ đất nông nghiệp chuyên dùng, đất nông nghiệp kém màu mỡ, hiệu quả thấp thành đất công nghiệp và đất chuyên canh nguyên liệu để phục vụ công nghiệp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong vùng được cải thiện đáng kể, nhất là các hệ thống giao thông, trục, tuyến và phương tiện vận tải phục vụ cho các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Là nơi áp dụng khá thành công nhiều loại hình, gồm: khu công nghiệp theo kiểu truyền thống, khu chế xuất và xí nghiệp chế xuất trong khu chế xuất, cụm khu công nghiệp, khu công nghiệp kỹ thuật cao (như khu công nghiệp công viên phần mềm Quang Trung)...

- Cũng là nơi đầu tiên đề xuất và thí điểm, áp dụng thành công nhiều mô hình mới về quản lý kinh tế và kinh doanh khu công nghiệp, khu chế xuất trong phạm vi cả nước. Chẳng hạn, mô hình quản lý nhà nước "Một cửa, tại chỗ"; mô hình thực hiện "Chế độ tự bảo đảm kinh phí

hoạt động của Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất"; mô hình "Miền kiểm tra hàng hóa và khai báo hải quan qua mạng"; mô hình "Cơ phần hóa khu công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài".

- Đặc biệt, riêng Khu Chế xuất Tân Thuận được Chính phủ cho phép mở rộng chức năng hoạt động, hiện được bổ sung thêm lĩnh vực dịch vụ thương mại và kinh doanh kho vận, nhằm biến khu chế xuất này thành cầu nối cung cấp dịch vụ hàng hóa giữa thị trường nội địa với thị trường các nước trong khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả tích cực, hiện còn nhiều hạn chế, vướng mắc và yếu kém trong quá trình phát triển.

Câu hỏi được đặt ra là: Vậy đâu là những lợi thế của mô hình các khu công nghiệp, khu chế xuất ở các tỉnh phía Nam nhằm tạo động lực phát triển cho khu vực trong giai đoạn sắp tới? Theo chúng tôi, những lợi thế đó bao gồm:

Một là, các tỉnh phía Nam vẫn là vùng trung tâm tạo nên động lực phát triển kinh tế của cả nước cho tới năm 2010 (theo Quyết định số 173/2001/QĐ-TTg, ngày 6-11-2001, của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội vùng) và căn cứ vào các phương án 1 cho 6 vùng kinh tế trọng điểm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng vào tháng 7-2000 đã xác định như sau:

- Giai đoạn 2001 - 2005:

+ **Các tỉnh miền Đông Nam Bộ** phải đạt tốc độ tăng trưởng GDP hằng năm trên 8,94%; trong đó, công nghiệp và xây dựng tăng 13%/năm, dịch vụ tăng 10%/năm; đến năm 2005, tỷ trọng trong cơ cấu GDP của nông - lâm - ngư nghiệp, thủy sản chiếm 6,34%; công nghiệp và xây dựng chiếm 58,6%; dịch vụ chiếm 35,6%; GDP bình quân đầu người đạt 1 070 USD/năm.

+ **Vùng đồng bằng sông Cửu Long** phải đạt tốc độ tăng trưởng GDP hằng năm trên 9,8%; trong đó, công nghiệp và xây dựng tăng 13,5%/năm; dịch vụ tăng 10%/năm; nông -

lâm - ngư nghiệp tăng 6%/năm; đến năm 2005, tỷ trọng trong cơ cấu GDP của nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 45,9%; công nghiệp và xây dựng chiếm 22,7%; dịch vụ chiếm 31,4%; mức thu nhập bình quân đầu người đạt 550 USD/năm.

- Giai đoạn 2006 - 2010:

+ **Các tỉnh miền Đông Nam Bộ** phải đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm là 8,12%; tốc độ phát triển công nghiệp hằng năm là 10,4%; đến năm 2010, về cơ cấu kinh tế: công nghiệp và xây dựng chiếm 65,6%; nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 5,3%; dịch vụ 29,10%.

+ **Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long** phải đạt tốc độ phát triển công nghiệp hằng năm là 12%; về cơ cấu: công nghiệp và xây dựng chiếm 21,6%; nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 35%; dịch vụ chiếm 38,9%.

Với những định hướng cơ bản trên của Chính phủ, chúng ta thấy rõ tiềm năng căn bản rất lớn cho hoạt động cũng như phát triển của các mô hình công nghiệp tập trung chính là các khu công nghiệp, khu chế xuất và cụm công nghiệp.

Hai là, tiến trình chủ động hội nhập kinh tế của Việt Nam trong khu vực và thế giới là một cơ hội rất tốt cho việc thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài cũng như trong nước. Những hiệp định thương mại mà Việt Nam đã tham gia ký kết đa phương cũng như song phương với các tổ chức quốc tế và các nước sẽ tạo thêm nhiều cơ hội tìm kiếm, phát triển thị trường cho các doanh nghiệp để mở rộng sản xuất, tăng tốc đầu tư. Và ngay chính miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long với những lợi thế về điều kiện tự nhiên, dân số, mức thu nhập dân cư, trình độ dân trí... sẽ là một thị trường tiêu thụ nội địa rất lớn. Các nhà đầu tư khu vực này không chỉ nhằm vào thị trường trong nước, mà thực chất mục tiêu lớn hơn của họ là hướng đến thị trường tiềm năng trong tương lai. Do đó, việc lựa chọn đầu tư để tổ chức sản xuất - kinh doanh trong các khu công nghiệp tập trung sẽ

tạo cho họ nhiều lợi thế, nhất là dễ dàng hơn việc đáp ứng các mục tiêu xây dựng thị trường của các doanh nghiệp.

Ba là, các thành phố, các tỉnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam như Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Thơ... suốt nhiều năm qua luôn giữ vị trí là trung tâm công nghiệp lớn, chiếm tỷ trọng trên 60% công nghiệp cả nước. Trong những năm qua, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động ở khu vực này đã từng bước làm quen, thích nghi và ngày càng có nhiều kinh nghiệm hơn trong môi trường sản xuất - kinh doanh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các doanh nghiệp Việt Nam tại các tỉnh phía Nam, có thể nói, cũng là những doanh nghiệp đầu tiên phải chịu sức ép cạnh tranh lớn nhất trong cả nước, do phải cọ xát và chịu áp lực sớm và mạnh mẽ nhất từ các công ty, tập đoàn đa quốc gia, liên doanh và các công ty nước ngoài lớn... Đây cũng là khu vực thu hút luồng FDI lớn nhất cả nước. Quá trình cạnh tranh này đã tạo ra lợi thế lớn cho các doanh nghiệp trong vùng; và đến lượt mình, các doanh nghiệp này đã tích lũy được những kinh nghiệm, những bài học về quản lý kinh doanh sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực, các phương pháp cạnh tranh, v.v.. Đây chính là những tài sản vô hình rất lớn, rất nổi bật của các doanh nghiệp ở khu vực phía Nam: sự năng động, nhạy bén, táo bạo, quyết liệt...

Bốn là, các tỉnh miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long là nơi tập trung và có khả năng cung cấp nguyên liệu rất lớn cho các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến thực phẩm, nông - lâm - thủy hải sản. Ngành công nghiệp mũi nhọn và tạo nguồn thu ngoại tệ lớn nhất nước là dầu khí lại tập trung ở phía Nam. Như vậy, rõ ràng ở đây đang và sẽ là trung tâm kinh tế, tài chính, khoa học, văn hóa, xã hội... lớn của Việt Nam. Các khu công nghiệp, khu chế xuất và những kiểu mẫu phát triển công nghiệp tập trung sẽ vẫn là những mô

hình thích hợp nhất cho vùng kinh tế trọng điểm này.

Năm là, miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống hạ tầng thuộc loại tốt nhất của cả nước, bao gồm các hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không; hệ thống các cảng biển có năng lực bốc dỡ lớn nhất của cả nước; cùng với hệ thống bưu chính - viễn thông đang trên đà phát triển rất mạnh... Đây là những điều kiện quan trọng để các khu công nghiệp, khu chế xuất ở các tỉnh phía Nam tiếp tục phát triển và thu hút mạnh mẽ đầu tư trong thời gian tới.

Sáu là, Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm của cả vùng kinh tế phía Nam và đồng bằng sông Cửu Long. Ở đây đang tập trung nhiều viện nghiên cứu, trường đại học, trường cao đẳng, trung cấp và đào tạo nghề. Toàn vùng có tới 25 trường đại học và cao đẳng, 46 trường chuyên nghiệp, 39 trường dạy nghề hiện đang trên đà phát triển rất tốt, đã và đang đào tạo, cung cấp nguồn lao động có chuyên môn cho các khu công nghiệp, khu chế xuất. Hệ thống đào tạo trong khu vực cũng có nhiều kinh nghiệm hơn trong việc cung cấp lao động cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tại các địa phương nói trên lại sẵn có nguồn lao động dồi dào, có tay nghề, trình độ chuyên môn cao và bản thân khu vực này cũng là nơi thu hút một lực lượng lớn các cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, chuyên gia, kỹ thuật viên giỏi của cả nước. Đây cũng chính là ưu thế cho phát triển kinh tế của các tỉnh phía Nam so với cả nước.

Để phát huy hiệu quả những tiềm năng vốn có cũng như để tăng thêm các lợi thế cho sự phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất trong thời gian tới, chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến như sau:

Một là, cần thống nhất về mặt quan điểm lý luận:

Các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp... là kết quả phát triển của quá

trình tập trung công nghiệp. Đây là một mô hình kinh tế phản ánh rất rõ vai trò của Nhà nước trong sự giúp đỡ một cách bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế trong nước cùng phát triển.

Các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp cũng là một dạng bất động sản, nên các luật lệ, quy tắc về kinh doanh, phát triển bất động sản cũng phải được xây dựng và áp dụng. Mới đây nhất, cuối tháng 11-2003, Thành phố Đà Nẵng là nơi đầu tiên trong cả nước áp dụng chính sách chuyển quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp cho nhà đầu tư. Việc làm này phù hợp với Luật Đất đai, đáp ứng kịp thời nhu cầu của các nhà đầu tư, nên cần được vận dụng, phổ biến rộng rãi trong cả nước.

Cần xác định một lần nữa, các nhà đầu tư là **khách hàng**. Theo đó, các khu công nghiệp, khu chế xuất phải phục vụ cho họ trên nguyên tắc vàng là **"thỏa mãn mọi nhu cầu đúng đắn của khách hàng"**. Về vai trò quản lý của Nhà nước, bên cạnh việc định hướng, giám sát các doanh nghiệp thực thi theo luật định cần làm tốt vai trò của người cung cấp các dịch vụ, hệ thống kết cấu hạ tầng tốt nhất để thỏa mãn nhu cầu của các nhà đầu tư.

Hai là, cần xem xét và chỉnh sửa các quy hoạch khu công nghiệp, khu chế xuất trong vùng.

Quy hoạch phải mang tính tổng thể, liên kết được sự phát triển kinh tế của các tỉnh, thành phố trong vùng và đặc biệt bảo đảm tính tuân thủ nghiêm khắc, chặt chẽ, lâu dài cho quy hoạch; phải có sự phân công, căn cứ vào thế mạnh sẵn có cũng như tiềm năng phát triển trong tương lai của từng tỉnh, từng thành phố và trong toàn bộ khu vực; và phải mang tính toàn diện, bao gồm cả quy hoạch bên trong và bên ngoài tường rào khu công nghiệp, khu chế xuất, bao gồm các vùng dân cư đô thị, các kết cấu hạ tầng...

Trong quy hoạch, phải xác định mục tiêu thu hút vốn đầu tư trong các năm tới là từ đâu? Có thể tiên đoán trước là sẽ có một dòng vốn FDI rất đáng kể từ Trung Quốc, Mỹ và của Việt kiều chuyển về đầu tư tại Việt Nam trong những năm sắp tới...

Ba là, trong nội bộ mỗi khu công nghiệp, khu chế xuất nhanh chóng **thiết lập sự liên kết phục vụ lẫn nhau** giữa các công ty sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Đặc biệt là sự kết nối giữa các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các nhà đầu tư trong nước thành một hệ thống đồng bộ, hoạt động trong một khuôn khổ pháp lý thống nhất.

Bốn là, có **chính sách phù hợp nhằm phát huy các lợi thế về nhân công, giá thuê đất rẻ**.. Trong tương lai, những vấn đề này sẽ ngày càng trở thành yếu tố ít quan trọng hơn. Muốn cạnh tranh hiệu quả, nên cho phép mỗi địa phương chủ động khai thác những lợi thế riêng của địa phương mình, ngành mình. Đặc biệt là, khai thác lợi thế về giá thuê đất, dịch vụ phục vụ, cung cấp nguồn nhân lực...

Trong công tác đào tạo nguồn nhân lực, cần tập trung tạo nguồn lao động tại chỗ, có chuyên môn, nghiệp vụ; đồng thời, có chính sách ổn định lâu dài cho lực lượng lao động có chuyên môn, kỹ thuật, có trình độ quản lý giỏi trong từng tỉnh và trong toàn vùng. Chú trọng thêm việc dạy các môn tiếng Anh, môn tin học trong các trường đào tạo...

Để đạt được các định hướng và mục tiêu do Đảng và Nhà nước ta đề ra cho các tỉnh phía Nam từ nay tới 2010, cần thu hút thêm một khối lượng vốn rất lớn cho khu vực sản xuất công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ. Để đạt được điều này, vấn đề mấu chốt nhất đối với toàn vùng là phải tập trung phát triển và hoàn thiện hơn nữa các chính sách cũng như đáp ứng tốt các hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ cho sự phát triển của các khu công nghiệp, khu chế xuất và cụm công nghiệp ở các tỉnh phía Nam. □

SỨC mạnh của mỗi quốc gia, dân tộc phụ thuộc vào nhiều yếu tố: tài nguyên, thể chế chính trị, quyền lực nhà nước và đặc biệt quan trọng là khối đoàn kết toàn dân, sự thống nhất về mặt tinh thần của xã hội. Những quan niệm về giá trị, niềm tin chính trị, tư tưởng triết học, chế độ luật pháp, quy phạm đạo đức, tín ngưỡng tôn giáo, tính cách dân tộc vốn là những tố chất được trầm tích trong văn hóa. Và nếu hiểu như thế thì sự bền vững và phát triển của văn hóa chính là một trong những tiền đề và điều kiện sinh tồn của một dân tộc. Một khi an ninh của nền văn hóa bị đe dọa và bị uy hiếp nếu không vững vàng, tất sẽ dẫn đến nguy cơ khủng hoảng văn hóa và đe dọa trực tiếp đến an ninh của quốc gia, dân tộc.

1- Từ tháng 3-1946, bài diễn văn do S. Sô-sin đọc tại Phun-ton (Mỹ) về "Bức màn sắt" mở màn cho "chiến tranh lạnh" đòi dân chủ tự do, đến sau này với những "Chiến lược ngăn chặn" của H. Tru-man, "Chiến lược trả đũa ào ạt" của G. Ai-xen-hao, "Chiến lược phản ứng linh hoạt" của G. Ken-nơ-di hoặc "Chiến lược không đánh mà thắng" của R. Ních-xon... tất cả đều ngầm ngầm dùng thủ đoạn thông qua văn hóa và bằng cách thâm thấu văn hóa cùng với chiến tranh vũ trang để đe dọa và kiềm chế các nước, đặc biệt các nước xã hội chủ nghĩa. Sau "chiến tranh lạnh", các chiến lược "Vượt trên ngăn chặn" và "Trật tự thế giới mới" của G. Bu-sơ (cha), "Ngoại giao nhân quyền" của B. Clin-ton, "Đánh đòn phủ đầu" của G. Bu-sơ (con) bên cạnh đòn xâm lược vũ trang trắng trợn, các chiến lược ấy đều nhuộm màu chủ nghĩa đế quốc văn hóa. Trên thực tế cùng với vũ khí công nghệ cao, chúng ta thấy tồn tại một thứ văn hóa, mang nhãn hiệu "Made in USA" trong giai đoạn hiện nay

Sau "chiến tranh lạnh", văn hóa được coi là một thứ "quyền lực mềm". Nó đối ứng với

An ninh văn hóa trong toàn cầu hóa

MAI HẢI OANH

"quyền lực cứng" là quyền lực về kinh tế và quyền lực về chính trị. Văn hóa ngày càng trở thành một yếu tố quan trọng và đã tỏ rõ sức mạnh thực sự của nó trong đấu tranh giành chủ quyền quốc gia. Các nhà nước đều có ý thức và trên thực tế đều lợi dụng văn hóa để mở rộng hoạt động chính trị hoặc bảo vệ chủ quyền. Điều này đặc biệt rõ ở các nước phương Tây và Mỹ. Một mặt, họ dựa vào ưu thế khoa học - kỹ thuật, sức mạnh kinh tế, sự lũng đoạn các phương tiện truyền thông đại chúng trên toàn cầu để truyền bá quan niệm giá trị, hình thái ý thức, phương thức sinh hoạt theo chủ nghĩa trung tâm Âu, Mỹ, từ đó thực hiện ý đồ thống trị toàn cầu; mặt khác, lợi dụng văn hóa để mở rộng phạm vi ảnh hưởng, tự cho mình cái quyền được thiết lập một trật tự quốc tế mới, lái tiến trình phát triển các sự kiện quốc tế theo ý muốn của họ. Chính phủ B. Clin-ton từng cho rằng: "Mối liên hệ chính trị và kinh tế do sức hấp dẫn của văn hóa Mỹ mà có được sự bổ sung bồi đắp. Thúc đẩy dân chủ, nhân quyền ra các nước không chỉ là nghĩa vụ phải thực hiện một cách bức thiết về mặt đạo nghĩa mà còn là phương thức đáng tin cậy của chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ"⁽¹⁾.

(1) Xem "Bàn luận về đối sách của Mỹ sau chiến tranh lạnh với chiến lược thâm thấu dân chủ" (Tiếng Anh), chương 12, tr 45-50

Không nên nhìn toàn cầu hóa ngày nay từ riêng góc nhìn về kinh tế, mà còn phải nhìn thấy nó từ bình diện văn hóa. Bản chất của toàn cầu hóa là sự thúc đẩy lẫn nhau giữa các giá trị kinh tế và văn hóa. Toàn cầu hóa là kết quả tất yếu của việc mở rộng các hình thức giao lưu của loài người, theo đó nhất định sẽ dẫn đến sự chuyển đổi về hình thức tư duy và quan niệm giá trị. Nền kinh tế, chính trị, văn hóa của các nước trong giao lưu có sự gặp gỡ thúc đẩy lẫn nhau. Quá trình phát triển toàn cầu hóa mà các nước phương Tây là chủ đạo thường dựa vào ưu thế kinh tế, họ tìm cách áp đặt văn hóa và hệ giá trị của mình, mưu đồ buộc các nước đang phát triển phải chấp nhận địa vị bị lệ thuộc vĩnh viễn. Chiến lược văn hóa trong toàn cầu hóa là thông qua sự giao lưu rộng rãi trên toàn cầu để tạo nên sự đồng nhất văn hóa (tức là văn hóa phương Tây, hay văn hóa Mỹ) biến các nước khác phải thừa nhận văn hóa Âu, Mỹ từ tự phát đến tự giác. Hiện nay, tính chất đế quốc văn hóa được biểu hiện ngày càng rõ rệt hơn. Các nước phát triển thông qua thế mạnh kinh tế, thực hiện sự khống chế trên quy mô lớn trong đó có sự khống chế về văn hóa. Từ việc đưa ra những quyết sách về kinh tế cho thế giới, các nước phát triển ngang nhiên tự cho mình cái quyền lãnh đạo văn hóa toàn cầu. Tính tự chủ của nền kinh tế yếu kém của các nước đang phát triển có thể sẽ dần mất đi và thế là mất luôn cả tính tự chủ về văn hóa, mù quáng theo những quyền dẫn dắt văn hóa bị quy định bởi kinh tế. Tiền đề của các nước đang phát triển trong quá trình toàn cầu hóa về ý nghĩa nào đó chính là tự động đặt mình vào một trật tự mà do "người khác" quy định, từ đó, kết quả cuối cùng của toàn cầu hóa chính là quyền lực của các quốc gia dân tộc dần mất đi.

Một vấn đề nữa mà các nước xã hội chủ nghĩa phải đối mặt trong bảo vệ an ninh văn hóa là chống lại mưu đồ "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Nửa thế kỷ đã qua, nhưng mưu đồ đó không hề thay đổi. Mục đích chính của chủ nghĩa đế quốc văn hóa là truyền bá

lối sống, quan niệm giá trị của nước tư bản phát triển. Thông qua thẩm thấu văn hóa, họ tiêm nhiễm vào người dân các nước xã hội chủ nghĩa quan niệm về chính trị, về dân chủ theo kiểu phương Tây, buộc các nước này sùng bái lối sống, phương thức tư duy phương Tây, từ đó làm nhiều loạn tư tưởng, phá vỡ lý tưởng cộng đồng, làm suy yếu và tan rã trụ cột tinh thần, phá hoại sức gắn kết của dân tộc.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc không chỉ mở ra theo chiều rộng mà ngày càng diễn ra theo chiều sâu. Sự phát triển lịch sử này phù hợp với trào lưu tiến bộ của xã hội. Nhưng thực tế trước mắt, sự không đồng đều về trình độ phát triển, sự khác biệt về ý thức hệ là một thách thức văn hóa đối với các quốc gia. Hiện nay chủ nghĩa cường quyền tìm cách khống chế toàn thế giới kết hợp với mưu đồ chính trị xây dựng trật tự thế giới đơn cực đẩy mạnh sự uy hiếp về văn hóa.

2- Chủ nghĩa đế quốc văn hóa phương Tây về thực chất chính là chủ nghĩa đế quốc văn hóa Mỹ đang lợi dụng những ưu thế về tư bản, kỹ thuật và thị trường, dưới nhiều hình thức và thủ đoạn khác nhau tìm cách tăng cường xâm nhập vào các nước, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa. Mưu đồ của Mỹ là thông qua con đường giao lưu văn hóa, thực hiện toàn cầu hóa về quan điểm giá trị Mỹ, từ đó khống chế về phương diện chính trị, khiến cho các nước lệ thuộc vào Mỹ. Điều này thể hiện rõ nhất qua các hình thức sau:

Thứ nhất: Thông qua giao lưu về các mặt giáo dục, văn hóa, đối ngoại và các hình thức viện trợ để thẩm thấu văn hóa. Mỹ coi sự giao lưu văn hóa, giáo dục là chính sách đối ngoại thứ tư. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mỹ đã đưa ra một số hạng mục giao lưu văn hóa trong phạm vi toàn cầu, sau đó đi sâu vào một số nước châu Á. Mỹ tăng cường giao lưu văn hóa giáo dục với các nước xã hội chủ nghĩa; đồng thời, phối hợp các thủ đoạn khác như viện trợ, đầu tư để củng cố

tiến trình tự do dân chủ hóa. Mỹ triển khai "chương trình người tình nguyện hòa bình" để viện trợ văn hóa đối ngoại, đưa các giáo sư, giáo sĩ, bác sĩ của mình ra nước ngoài làm công tác từ thiện, chủ yếu tại các nước đang phát triển. Dưới những chiêu bài khác nhau, các hoạt động này đều tập trung vào mục tiêu mở rộng sự bành trướng của Mỹ ở cấp độ toàn cầu. Thông qua những hoạt động, Mỹ truyền bá quan niệm giá trị, hình thái ý thức Mỹ ra nước ngoài. Điều này từng xảy ra ở miền Nam Việt Nam kể từ khi chúng ta thực hiện chính sách hòa hợp dân tộc. Một số Việt kiều từ Mỹ trở về nước đã "nhập cảng" các quan niệm giá trị, lối sống Mỹ và đánh mạnh vào thế hệ trẻ, nhằm tạo nên một tâm lý sùng bái Mỹ và một thế hệ thanh niên đi theo chủ nghĩa thực dụng. Những năm gần đây, cùng với xu thế hòa bình, hòa dịu trên thế giới, những cuộc thăm viếng, những cuộc họp, hội thảo, trao đổi về quan điểm, tư tưởng, văn hóa, về hòa bình và phát triển tăng lên rất nhiều. Đây cũng là một cơ hội để Mỹ tiến hành thâm thấu văn hóa.

Thứ hai: Dựa vào hệ thống truyền thông với những tin tức tổng hợp phủ khắp toàn cầu, Mỹ tiến hành mở rộng ảnh hưởng của mình. Hai hãng thông tấn của Mỹ (Hãng Thông tấn liên bang và Hãng Thông tấn Hợp chủng quốc) đã sử dụng hơn 100 thứ tiếng, phát tin suốt ngày đêm nhằm vào hơn 100 quốc gia. Hằng ngày, số lượng bài viết ước chừng 7 triệu chữ tung trên mạng in-tơ-nét khắp toàn cầu. Hãng CNN (Hãng tin tức ti vi hữu tuyến của Mỹ) hiện đã trở thành nguồn tin mới phổ biến nhất thế giới, có hàng chục triệu khán giả. Báo chí thực sự là một công cụ hữu hiệu nhất trong việc khuếch trương văn hóa Mỹ ra nước ngoài. Mặt khác, Mỹ còn xây dựng các đài phát thanh ở hải ngoại để truyền bá quan điểm giá trị Mỹ và khống chế trực tiếp về hình thái ý thức trên toàn cầu. Đài Phát thanh *Tiếng nói Hoa Kỳ* ở hải ngoại xây dựng từ thời đại chiến thế giới hai phát triển cho đến nay đã sử

dụng 52 thứ tiếng kể cả tiếng Anh, mỗi tuần có khoảng 86 triệu thính giả. Đài Tiếng nói Hoa Kỳ phát ra hàng tuần đến hơn 1 200 giờ. Trước đây, Mỹ đã thành lập đài *Châu Âu tự do* chia vào Liên Xô và Đông Âu để tuyên truyền chính trị và chống phá chủ nghĩa xã hội. Tấn bi kịch xảy ra ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô một phần bắt nguồn từ chiến lược thâm thấu văn hóa của Mỹ và phương Tây thông qua đài *Châu Âu tự do*. Đối với châu Á, Mỹ thành lập đài *Châu Á tự do* (11-3-1996) hoạt động chủ yếu nhằm vào các nước Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma cũng với mục đích trên.

Năm 1993, chính quyền B. Clin-ton công bố kế hoạch hành động xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia nhằm lợi dụng việc truyền bá thông tin qua mạng toàn cầu để mở "chiến trường tư tưởng", dùng ngón bài "Tự do, dân chủ, nhân quyền" để thực hiện "sự chinh phục tư tưởng" nhằm chiếm lĩnh và thống trị thế giới. Sản phẩm văn hóa Mỹ chiếm hơn 90% nguồn tin tức trên in-tơ-nét. Thông qua in-tơ-nét, Mỹ luôn tiến hành những hoạt động chính trị hòng áp đặt ý thức chính trị, quan điểm chính trị của Mỹ vào các nước đang phát triển nhằm "Mỹ hóa" thế giới. Sự du nhập đơn tuyến về tin tức không chỉ phá vỡ tính chất đa dạng của văn hóa mà còn tạo ra sự xung đột nghiêm trọng về chính trị và trật tự kinh tế với các nước đang phát triển.

Thứ ba: Thông qua những sản phẩm văn hóa, Mỹ đã "xuất khẩu" lối sống, quan niệm giá trị, ý thức hệ ở mức đại trà. Các sản phẩm ấy với sự tinh xảo và hấp dẫn đã từng bước đánh bại các sản phẩm văn hóa của người bản xứ. Tiếp thu văn hóa Mỹ người dân ở các quốc gia khác đã hoài nghi và dao động với văn hóa dân tộc. Do đó, có người đã gọi "toàn cầu hóa" chẳng qua chỉ là "Mỹ hóa" thế giới. Theo thống kê của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc, chương trình ti-vi của các nước thế giới thứ ba lấy nội dung từ Mỹ khoảng 60% đến 80%.

Đài phát thanh truyền hình của các nước thế giới thứ ba dường như trở thành trạm chuyển phát của Mỹ. Còn với Mỹ, tỷ lệ tiết mục nước ngoài chỉ chiếm 1,2%. Sản lượng phim Mỹ chỉ chiếm 6,7% sản lượng phim thế giới vậy mà lượng phát hành trên thế giới lại chiếm trên 50%. Rất nhiều phim Mỹ đã trở thành con sốt mang tính thời thượng ở nhiều nước. Lợi nhuận thu từ điện ảnh của Mỹ chỉ đứng hàng thứ hai sau hãng Bô-ing. Mỗi năm Hô-li-út đạt doanh thu là trên 30 tỉ USD.

3- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, kỹ thuật điện tử và các sản phẩm văn hóa đại chúng, Mỹ mưu đồ xây dựng một quyền lực siêu đẳng nhằm khống chế toàn thế giới trong đó có mưu đồ khống chế về ý thức hệ. Để chống lại sự xâm nhập của chủ nghĩa đế quốc văn hóa, bảo vệ an ninh văn hóa không còn cách nào khác cần tạo nên một hệ thống an ninh văn hóa trên tất cả các mặt.

Một là: Xây dựng ý thức an ninh văn hóa dân tộc.

Ý thức an ninh văn hóa dân tộc của chúng ta chính là lý tưởng yêu nước gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa yêu nước là nguồn sức mạnh đã được hun đúc trong suốt lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc. Đến đầu thế kỷ XX cuộc gặp gỡ giữa phong trào giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới và tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã trở thành tư tưởng văn hóa chủ đạo của dân tộc. Đề cao chủ nghĩa yêu nước và lý tưởng xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay. Một mặt phải khích lệ hơn nữa lòng tự tôn của nhân dân và niềm tin vào ý thức tự cường, sức mạnh đoàn kết của dân tộc; mặt khác, cần nâng cao yếu tố bản sắc dân tộc và lý tưởng xã hội chủ nghĩa để nó thực sự giữ vai trò quyết định trong sự lựa chọn chiến lược phát triển văn hóa, nâng cao khả năng chống lại sự thâm thấu văn hóa của chủ nghĩa đế quốc văn hóa. Đứng trước

nguy cơ khủng hoảng văn hóa, chỉ có phát huy những ưu thế văn hóa truyền thống và văn hóa mới xã hội chủ nghĩa mới có thể bảo vệ sự an toàn của văn hóa dân tộc.

Hai là: Phát huy sức mạnh của hệ thống truyền thông, bảo vệ và phát huy nền văn hóa dân tộc, chống lại sự xâm nhập của chủ nghĩa đế quốc văn hóa.

Về vấn đề này, cần lưu ý đến ý kiến của A-vin Tô-phlor: "Trong xã hội thông tin, các phương tiện truyền thông đại chúng có ảnh hưởng lớn đến chính trị, chúng quy định chương trình nghị sự cũng như một trật tự tranh luận. Vấn đề nan giải là ở chỗ, nếu kiểm soát các phương tiện này sẽ bị coi là bịt mồm nền dân chủ, còn nếu để chúng nói gì thì nói, thì nền dân chủ sẽ thuộc về ông chủ của phương tiện thông tin đại chúng. Bởi vậy, trong những thời kỳ hỗn loạn, có khi một nhóm thiểu số người lại nắm tóm quyền lực rất lớn". Trong cuốn "Chiến tranh và chống chiến tranh", ông ta khẳng định, trong tương lai - làn sóng thứ ba - nếu có chiến tranh xảy ra thì các phương tiện thông tin đại chúng vẫn là vũ khí quan trọng hàng đầu. Và trên thực tế, qua cuộc chiến tranh I-rắc vừa qua, do Mỹ, Anh nắm trong tay hệ thống thông tin đại chúng chủ yếu trên thế giới nên họ có thể lý giải những gì họ làm theo cách họ muốn.

Bởi vậy, chúng ta phải cấp thiết xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin đủ mạnh để chống lại sự khống chế về xã hội và tin tức của các thế lực thù địch. Một mặt, phải lợi dụng kỹ thuật thông tin để bảo vệ tài sản văn hóa dân tộc; mặt khác, phải chủ động đưa tin tức của ta đến với thế giới, để các nước chú ý và tôn trọng nguồn tin của chúng ta. Vì thế, đầu tư hơn nữa vào việc sản xuất thông tin, thúc đẩy sự phát triển của kỹ thuật máy tính là một công việc cấp thiết để bảo vệ an ninh văn hóa tư tưởng, đưa các thông tin, ấn phẩm báo chí thành một lực lượng xung kích hữu hiệu, có sức mạnh to lớn trong việc bảo vệ sự nghiệp

cách mạng của Đảng và nhân dân. Các phương tiện thông tin đại chúng có trách nhiệm vạch trần mọi luận điệu thù địch của phương Tây, tuyên truyền sâu hơn và toàn diện hơn nữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, đoàn kết nhân dân đóng góp tích cực vào thành tựu chung của cách mạng, giữ gìn sự ổn định về chính trị, thúc đẩy công cuộc đổi mới trên mọi phương diện.

Ba là: Thực hiện việc tiêu chuẩn hóa kỹ thuật và dùng các biện pháp kỹ thuật để bảo vệ an toàn thông tin chống lại sự xâm nhập của chủ nghĩa đế quốc văn hóa.

Việc bảo vệ chủ quyền văn hóa quốc gia, chống lại ảnh hưởng xấu trong vi tính, bảo đảm bí mật quốc gia vẫn là một vấn đề nan giải trong quản lý mạng. Để sàng lọc tin tức, ngăn chặn số liệu có hại thâm nhập vào hệ thống in-tơ-nét, bảo đảm an ninh hệ thống thông tin..., chúng ta phải có những quy định chặt chẽ về phát tin, kiểm tra giám sát tin, bảo vệ và nắm vững tin. Nghĩa là Nhà nước cần quy chuẩn mọi hoạt động thông tin.

Bốn là: Có chiến lược và chính sách phát triển ngành nghề sản xuất sản phẩm văn hóa.

Tiếp tục xây dựng hệ thống cảnh báo an ninh văn hóa, dự báo chính xác xu thế biến động của thị trường sản phẩm văn hóa quốc tế và ảnh hưởng của nó đối với nước ta, tuân thủ nguyên tắc kiểm soát chặt chẽ thị trường văn hóa và lĩnh vực kinh doanh văn hóa. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cần nhận diện các kênh ảnh hưởng và xu thế "hàng hóa văn hóa" trên thị trường, từ đó có những biện pháp phát triển các ngành nghề văn hóa trong nước. Ở khía cạnh này, phải xuất phát từ nhận thức văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần của xã hội mà còn là yếu tố quan trọng của sức mạnh tổng hợp quốc gia để có những điều chỉnh chiến lược về ngành nghề văn hóa. Xây dựng hệ thống chính sách ngành nghề văn hóa mà hạt nhân là đa dạng hóa các chủ thể đầu tư

văn hóa và cải cách thể chế đầu tư văn hóa thích ứng tạo nên tính xã hội hóa cao độ toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và phát triển sự nghiệp văn hóa. Mặt khác, chúng ta tích cực tham gia cạnh tranh thị trường văn hóa quốc tế, đẩy mạnh việc xuất khẩu văn hóa phẩm ra nước ngoài. Có như vậy chúng ta mới có thể xây dựng được một mặt trận an ninh văn hóa.

Năm là: Nâng cao năng lực sáng tạo để ngày càng nắm quyền chủ động về an ninh văn hóa.

Điều quan trọng là tiếp tục đổi mới đường lối phát triển văn hóa dân tộc cả về lý luận lẫn thành quả sáng tạo trong thực tiễn. Muốn vậy, giới văn hóa tư tưởng, giới học thuật và giới nghệ thuật phải nỗ lực tạo ra bước chuyển thực sự trong quá trình chuyển đổi mô hình của nước ta hiện nay. Bởi lẽ thực tiễn mới phải có lý luận mới và lý luận mới phải gắn với chính sách mô hình mới đáp ứng được sự đòi hỏi của nhân dân. Chúng ta đang đứng trước nguy cơ tụt hậu về lý luận, trì trệ trong sáng tạo. Một số theo đuôi văn hóa phương Tây, không có những sáng tạo văn hóa thực sự của riêng mình. Năng lực sáng tạo văn hóa mới trước hết phải dựa trên cơ sở kế thừa giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc và quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng phấn đấu, sáng tạo những sản phẩm văn hóa mới thể hiện tinh thần thời đại, gắn bó với đời sống của nhân dân, thực tiễn đổi mới của đất nước. Nhà nước tiếp tục kiện toàn và hoàn thiện hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ quốc gia, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân trong lĩnh vực văn hóa tinh thần, phải chú ý tăng cường đầu tư cho sáng tạo văn hóa và có chính sách phát triển ngành nghề văn hóa hướng tới mục đích cao cả mà Đảng ta đã vạch ra. Rõ ràng, trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự xâm nhập của chủ nghĩa đế quốc văn hóa, chúng ta phải chủ động tiến công để vừa chống lại sự xâm thực văn hóa, vừa xây dựng thành công một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. □

GIA LAI -

TIỀM NĂNG VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN TUẤN KHANH*

LÀ một tỉnh miền núi - biên giới thuộc Bắc Tây Nguyên trên độ cao 600 - 800 mét so với mặt biển, Gia Lai có khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên; là đầu nguồn của nhiều hệ thống sông đổ về vùng duyên hải miền Trung và Cam-pu-chia như sông Ba, sông Sê San và các con suối. Gia Lai có nhiều thác và những cánh rừng nguyên sinh tạo nên cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ thơ mộng, mang đậm nét hoang sơ nguyên thủy. Vị trí giao thông thuận lợi: trục quốc lộ 14 nối với Quảng Nam và các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam bộ; quốc lộ 19 nối với các tỉnh duyên hải miền Trung từ Quy Nhơn đến Plây Cu và các tỉnh Đông Bắc Cam-pu-chia; quốc lộ 25 nối với Phú Yên; sân bay Plây Cu, v.v...; là một trong những điều kiện tiền đề quan trọng để Gia Lai phát triển. Trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, đồng bào các dân tộc ở Gia Lai đã sát cánh bên nhau, chia ngọt sẻ bùi làm nên những chiến công hiển hách, là biểu tượng của tình đoàn kết keo sơn giữa các dân tộc con Lạc cháu Hồng. Hòa bình lập lại, nhất là trong những năm đổi mới vừa qua, đồng bào các dân tộc ở Gia Lai ngày càng đoàn kết, gắn bó, đồng lòng xây dựng quê hương.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ tỉnh, Gia Lai đứng trước những khó khăn chung và riêng. Tình hình quốc tế, khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Khi Đảng bộ và nhân dân

các dân tộc Gia Lai vừa bắt tay thực hiện các mục tiêu mà Đại hội đề ra, hệ thống chính trị tiếp tục được kiện toàn và củng cố thì xảy ra sự kiện chính trị - xã hội ngày 2-2-2001 với những hậu quả nặng nề, tác động xấu đến tất cả các mặt của đời sống xã hội, ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn, gây tâm lý lo lắng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân. Thời tiết lại thất thường, giá cả một số hàng nông sản xuống thấp, kết cấu hạ tầng yếu kém. Trước tình hình trên, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Quyết định 168 của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010 đã tạo tiền đề thuận lợi rất cơ bản để Gia Lai đẩy nhanh tốc độ phát triển toàn diện các lĩnh vực, rút ngắn khoảng cách chênh lệch so với các tỉnh, thành trong khu vực và cả nước.

Kinh tế có bước phát triển đáng kể: tốc độ tăng GDP năm 2001 đạt 7,91%, năm 2002 đạt 9,05%, năm 2003 đạt 11,9%, (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra là 12%/năm); cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng, tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp giảm. Nội bộ từng ngành có sự chuyển dịch tích cực, tỷ trọng chăn nuôi tăng nhanh hơn so với trồng trọt; công nghiệp sản xuất

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai

phân phối điện tăng nhanh so với công nghiệp khai thác. Trong nền kinh tế tỉnh, thành phần kinh tế nhà nước chiếm gần 37%, kinh tế cá thể chiếm gần 55%, kinh tế tư nhân chiếm 4%, kinh tế tập thể chiếm 2,5%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 0,76%. Cơ cấu kinh tế vùng, lãnh thổ bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng khai thác lợi thế so sánh của từng vùng.

Gia Lai đã tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng để hình thành những khu, cụm công nghiệp tập trung ở các vùng kinh tế động lực như: Khu Công nghiệp Trà Đa, Biển Hồ, Nam Hàm Rồng (Plây Cu), các cụm công nghiệp ở thị trấn An Khê, A-yun-pa, Chư Sê tạo điều kiện đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. Cơ cấu lao động đang từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng lao động ngành công nghiệp - dịch vụ. Lao động ngành công nghiệp tăng từ 3,7% (năm 2000) lên 4,7% (năm 2002); lao động thương nghiệp dịch vụ tăng từ 3,8% (năm 2000) lên 5,4% (năm 2002). Tổng mức đầu tư toàn xã hội nếu năm 2001 là 1 725 tỉ đồng, thì năm 2003 đạt 1 800 tỉ đồng, trong đó, đầu tư cho lĩnh vực công nghiệp chiếm 44,8%.

Để kinh tế tăng trưởng nhanh, vững chắc, Gia Lai chú trọng đầu tư phát triển một số ngành và lĩnh vực kinh tế trọng yếu. Đối với *ngành nông - lâm nghiệp*, tỉnh tập trung chỉ đạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật nuôi theo hướng đa dạng hóa, đáp ứng nhu cầu của thị trường (như sản cao sản, ngô lai, bông vải, tiêu, cà-phê, cao-su...). Nhịp độ tăng GDP bình quân ngành nông - lâm nghiệp trong 3 năm (2001 - 2003) đạt 8,5%/năm (đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh đề ra). Tập trung phát triển chăn nuôi gia súc, triển khai các dự án phát triển đàn bò lai và heo, đẩy mạnh công tác trồng, quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng và xử lý lâm tặc. Đến nay, độ che phủ của rừng đạt 58%, trong đó cây ăn quả và cây công nghiệp dài ngày chiếm 10%. *Công nghiệp* đạt mức tăng trưởng khá cao, chú trọng phát triển một số ngành có lợi thế như chế biến nông - lâm sản, thủy điện, sản xuất vật liệu xây dựng cùng với đổi mới công nghệ, thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm. Các nhà máy MDF ở An Khê, thủy điện Ry Ninh 2, Ia Đrăng I, A-yun Hạ đi vào vận hành, đã góp phần tăng giá trị sản xuất và tỷ trọng ngành

*Gia Lai trước Mùa Xuân**Ảnh: Tùng Lâm*

công nghiệp. Gia Lai đã khởi công các nhà máy điện Sê San 3, Sê San 4 và Hchan. Các ngành dịch vụ tăng trưởng khá, bình quân trong 3 năm (2000 - 2003) tăng 11%, chiếm 26,5% GDP. Thị trường hàng hóa ngày càng đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu của nhân dân, nhất là các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa, biên giới. Tổng mức lưu thông hàng hóa và dịch vụ xã hội tăng bình quân 20%/năm. Thương nghiệp quốc doanh được sắp xếp lại và hoạt động có hiệu quả hơn, cung ứng kịp thời các mặt hàng thiết yếu, vật tư, các mặt hàng chính sách phục vụ đồng bào dân tộc. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu đang gặp nhiều khó khăn, giảm cả về số lượng mặt hàng lẫn giá trị kim ngạch: Nếu năm 2000 đạt 64,5 triệu USD thì năm 2003 đạt chưa đầy 30 triệu USD so với mục tiêu đề ra đến năm 2005 là 160 triệu USD. Quy mô đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng không ngừng gia tăng và ngày càng được xã hội hóa. Ưu tiên nguồn vốn đầu tư và kêu gọi đầu tư vào xây dựng thủy điện vừa và nhỏ, kiên cố hóa kênh mương nội đồng, đầu tư mở mới và nâng cấp hệ thống giao thông. Đến nay, có 181/183 xã có đường ô-tô đến trung tâm, 94,5% số xã, phường, thị trấn có điện, 182/183 xã, phường có điện thoại.

Cùng với việc tập trung đầu tư phát triển kinh tế, Gia Lai cũng chú trọng chăm lo *lĩnh vực văn hóa, xã hội*. Công tác xóa đói - giảm nghèo được đặc biệt quan tâm và hiện nay, số hộ đồng bào dân tộc thiểu số dư nợ vay vốn chiếm 60,5%, dư nợ hộ nghèo vùng đặc biệt khó khăn chiếm 40% số dư nợ toàn tỉnh. Tỷ lệ đói nghèo trong tỉnh đã giảm đáng kể, năm 2001 là 22,4%, năm 2002 còn 19,4%, và đến cuối năm 2003 chỉ còn 16%. Công tác giải quyết nhà ở, đất ở và đất sản xuất cho những hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được triển khai tích cực, tạo sức sống mới trong dân. Đời sống và bộ mặt nông thôn Gia Lai có nhiều thay đổi, cuộc sống du canh du cư trước đây dần đi vào ổn định theo chương trình định canh, định cư.

Trong *lĩnh vực giáo dục - đào tạo*, tỉnh Gia Lai đã tập trung thực hiện các mục tiêu: kiên cố hóa trường lớp, xóa lớp học ca 3 và những phòng học

tranh tre nứa lá, nhiều nhà ở cho giáo viên đã được xây dựng ở vùng nghèo và vùng sâu, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến lớp đạt 95,6%. Các bậc học và loại hình đào tạo ngày càng được mở rộng và xã hội hóa. Công tác chăm sóc sức khỏe trong cộng đồng được đẩy mạnh, các chương trình quốc gia về y tế được triển khai rộng khắp và bước đầu có hiệu quả. Chế độ trợ cấp cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng hưởng chính sách ngày càng được quan tâm.

Trong lĩnh vực *an ninh - quốc phòng*, các thế lực thù địch vẫn ráo riết thực hiện âm mưu "*diễn biến hòa bình*", lợi dụng những sơ hở của ta trong việc thực hiện chính sách về kinh tế, xã hội, dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền, xuyên tạc, kích động, lừa gạt đồng bào dân tộc nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ Kinh - Thượng... mà cao điểm là sự kiện chính trị - xã hội đầu tháng 2-2001.

Để giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm yên lòng dân và đấu tranh có hiệu quả với các thế lực thù địch, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thường xuyên chỉ đạo các ngành, các cấp đề cao cảnh giác, tăng cường công tác vận động quần chúng, đẩy mạnh các biện pháp trấn áp bọn phản động, nhất là số cầm đầu. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân, tăng cường công tác bảo vệ an ninh biên giới, chống xâm nhập móc nối. Các lực lượng đã phát hiện, đấu tranh và vô hiệu hóa một số nhóm phản động đội lốt tôn giáo trên địa bàn, do vậy, âm mưu gây bạo loạn lần thứ hai của chúng đã bị ngăn chặn kịp thời từ trong trứng nước. Một đợt vận động các đối tượng ra tự thú và trình diện đã được triển khai rộng khắp và bền bỉ đến tận các buôn làng xa xôi; đến nay, đã có nhiều đối tượng tham gia trong các nhóm hoạt động phá hoại an ninh quốc gia ra đầu thú. Việc vận dụng các chính sách khoan hồng của Đảng cùng với công tác vận động quần chúng, tranh thủ sự đồng tình của các chức sắc tôn giáo và người có uy tín tại địa phương đã mở đường hỏi cải cho các đối tượng lầm lỗi ra kiểm điểm trước dân, truy tố xét xử nghiêm minh, công khai số ngoan cố để răn đe.

Đến nay, tình hình an ninh - chính trị trên địa bàn Gia Lai đã từng bước đi vào ổn định. Về cơ bản, ta đã phá vỡ hệ thống tổ chức phản động đội lốt tôn giáo; tuy vậy, không tránh khỏi còn một số đối tượng cầm đầu ngoan cố vẫn chưa từ bỏ ý đồ chống đối. Nhiều vụ tranh chấp, khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài đã được các huyện, thành phố và các cơ quan chức năng nỗ lực và tập trung giải quyết.

Trong lĩnh vực *xây dựng Đảng*, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề nhằm cụ thể hóa các nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh cho phù hợp với tình hình ở từng địa bàn. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, Tỉnh ủy đã tăng cường cải tiến phương pháp, lề lối, tác phong làm việc, phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm cá nhân, hướng về cơ sở và tập trung dồn sức củng cố kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở; quan tâm công tác đào tạo và bố trí nhiều cán bộ có trình độ đại học, nữ, dân tộc vào nhiều vị trí quan trọng.

Công tác luân chuyển, bố trí và đào tạo đội ngũ cán bộ trong các cơ quan đảng, chính quyền và đoàn thể theo tinh thần Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị đã góp phần tạo sức bật mới, phong cách mới trong đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở. Đến nay, 180 cán bộ được luân chuyển, điều động tăng cường từ tỉnh về cơ sở và từ cơ sở lên tỉnh, trong đó khoảng 70% được đánh giá đang có những tiến bộ cả về chất lẫn lượng sau thời gian thực thi nhiệm vụ tại nơi công tác mới.

Có thể nói, trong nửa nhiệm kỳ vừa qua, tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là phải đối mặt với nhiều âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch, song Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Gia Lai đã đồng tâm, hiệp lực phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và đã đạt được những thành quả đáng kể. Nhất là, từng bước tấn công chính trị, cô lập, khống chế, làm cho nhân dân thấy được bản chất đen tối của bọn phản động; đồng thời chú trọng lãnh đạo phát triển kinh tế nhiều mặt, nhiều lĩnh vực để đạt nhịp độ tăng trưởng khá dần đều. Các vấn đề xã hội bức xúc, nhất là giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức

khỏe nhân dân, xóa đói giảm nghèo được quan tâm giải quyết bằng tất cả cái tâm trong sáng của những người đảng viên.

Tuy nhiên, vẫn còn đó một số hạn chế, yếu kém: nền kinh tế cơ bản chưa có tích lũy, sản xuất nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm nhất là hai ngành nông - lâm nghiệp và công nghiệp - xây dựng còn phụ thuộc vào đồng vốn của các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Một số doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước còn thấp, song việc xử lý vẫn còn chậm. Tỷ lệ tăng dân số còn cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp nên đến nay, quỹ nguồn nhân lực của Gia Lai còn hạn chế, năng suất lao động vẫn chưa cao. Sự chênh lệch giàu nghèo có xu hướng gia tăng, tỷ lệ đói nghèo tuy có giảm song vẫn còn cao, trong đó số hộ đói nghèo là bà con người dân tộc chiếm tỷ lệ khá lớn. Tình trạng tranh chấp đất đai, khiếu kiện vượt cấp vẫn xảy ra; các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao chưa đủ mạnh để đẩy lùi những hủ tục lạc hậu, mê tín.

Đội ngũ cán bộ ở cơ sở còn mỏng và ở một số nơi chưa thực sự là chỗ dựa của dân. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn quan liêu, xa rời dân, chưa nắm chắc công việc, chưa đủ bản lĩnh trong lãnh đạo và quản lý, thậm chí còn trong tình trạng "*cầm tay chỉ việc*". Công tác tập hợp quần chúng và thanh niên phục vụ cho các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị trên địa bàn nhất là ở vùng nông thôn còn nhiều hạn chế.

Để thực hiện đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh, trước mắt cần tập trung một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, phát triển kinh tế một cách bền vững trên cơ sở nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư để tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm (2001 - 2005) đạt 12%, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 15,5%, dịch vụ 13% nông - lâm nghiệp 8,5%, GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt gấp 1,5 lần so với năm 2000. Khắc phục sự chậm chạp trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế để tỷ trọng nông - lâm nghiệp chiếm 49,5%, công nghiệp - xây dựng chiếm

khoảng 26%, dịch vụ chiếm khoảng 24,5% GDP. Tăng nguồn lực đầu tư nhằm phát huy lợi thế những ngành, lĩnh vực quan trọng như thủy điện, chế biến nông - lâm sản, chăn nuôi; gắn phát triển vùng nguyên liệu với giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ. Ban hành các cơ chế chính sách thông thoáng để thu hút đầu tư, liên doanh, liên kết với các địa phương trong và ngoài nước. Tiếp tục phát huy thành quả 3 593 tỉ đồng đầu tư trong và ngoài nước được đăng ký trong **"Ngày hội mời gọi đầu tư vào Gia Lai"** tại Thành phố Hồ Chí Minh tháng 10 vừa qua. Tập trung đầu tư và có chính sách hỗ trợ đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào phát triển giao thông, thủy lợi vào sản xuất, đẩy nhanh mối liên kết **"bốn nhà"** trong lĩnh vực nông nghiệp. Giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc như xóa đói - giảm nghèo, giải quyết đất sản xuất, hỗ trợ nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện đói nghèo, kiên cố hóa trường học...

Hai là, giữ vững ổn định về an ninh chính trị, nhất là ở các địa bàn trọng điểm, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn dù ở mức độ nào, nâng cao tinh thần cảnh giác trên từng địa bàn. Phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, gắn thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân vững mạnh, tin cậy; đấu tranh kiên quyết, bóc gỡ tổ chức phản động đội lốt tôn giáo, làm thất bại âm mưu **"diễn biến hòa bình"** của các thế lực thù địch; đẩy mạnh xây dựng cơ sở, xây dựng cốt cán trong dân. Tăng cường quan hệ hợp tác và phối hợp với chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân Cam-pu-chia nhằm làm tốt công tác quản lý địa bàn, biên giới không để xâm nhập, móc nối và vượt biên trái phép. Tiếp tục xây dựng lực lượng quân sự địa phương đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.

Ba là, tiếp tục củng cố và tăng cường sức chiến đấu của hệ thống chính trị cơ sở, đề cao vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của các cấp ủy, đẩy mạnh công tác phát triển đảng, giảm nhanh số **"làng trắng"** đảng viên và tổ chức đoàn thể nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chống quan liêu, giảm phiền hà; xây dựng đội ngũ cán

bộ, công chức có đạo đức cách mạng trong sáng, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ. Tăng cường sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trên từng địa bàn để làm tốt công tác quần chúng. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chương trình của các cấp ủy, khắc phục tình trạng làm lướt, thiếu kế hoạch hành động cụ thể. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) gắn với thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân, chuẩn bị chu đáo nội dung và nhân sự cho bầu cử Hội đồng nhân dân và Đại hội Đảng các cấp sắp tới.

Tăng cường khối đoàn kết, trước hết là đoàn kết trong Đảng, chính quyền, đoàn thể làm cơ sở tạo sự đồng thuận trong nhân dân. Đặc biệt quan tâm xây dựng khối đoàn kết dân tộc, nhất là đoàn kết giữa đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào Kinh; giữa người có tín ngưỡng tôn giáo và người không tín ngưỡng tôn giáo. Nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, đảng viên ngang tầm với nhiệm vụ, nhất là cán bộ tiếp xúc với nhân dân theo phương châm **"nghe dân nói, nói dân nghe và cùng làm với dân"**.

Là những người được nhân dân tín nhiệm và đang đảm nhận những nhiệm vụ nhất định trong hệ thống chính trị, đây vừa là niềm vinh dự, đồng thời cũng là trách nhiệm to lớn mà chúng tôi phải làm ngày càng tốt để sao cho những bà con nghèo, nhất là bà con người dân tộc nghèo thoát cảnh đói cơm, đói chữ và làm sao để Gia Lai mai này thoát nghèo. Đây không chỉ là trách nhiệm của người cán bộ mà còn là mệnh lệnh từ trái tim của những người cộng sản. Do đó, mọi thái độ thờ ơ, bàng quan, ỷ lại đang diễn ra trong một bộ phận cán bộ và nhân dân, cần được quan tâm uốn nắn, nhắc nhở và phê phán nghiêm túc.

Phát huy sức mạnh truyền thống cần cù, yêu đất, yêu rừng, tính chịu thương, chịu khó và sáng tạo trong lao động, sản xuất, trong cuộc sống mới hôm nay của nhân dân các dân tộc, chúng tôi tin rằng, mai này Gia Lai sẽ không chỉ có nhiều gia đình làm ăn khá giả mà còn góp phần tạo ra nhiều của cải cho xã hội, đưa **"con thuyền"** Gia Lai thoát khỏi con sông nhỏ, ra biển lớn một cách vững vàng. □

ĐẠI HỘI lần thứ IX của Đảng xác định mục tiêu phát triển của ngành năng lượng Việt Nam trong giai đoạn 2001 - 2005 và những năm tiếp theo là: "Phát triển năng lượng đi trước một bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an toàn năng lượng quốc gia. Sử dụng tốt các nguồn thủy năng (kết hợp với thủy lợi), khí và than để phát triển

cân đối nguồn điện. Xây dựng các cụm khí - điện - đạm ở Phú Mỹ và khu vực Tây Nam. Xúc tiến nghiên cứu, xây dựng thủy điện Sơn La. Nghiên cứu phương án sử dụng năng lượng nguyên tử. Đồng bộ hóa, hiện đại hóa mạng lưới phân phối điện quốc gia"⁽¹⁾. Ngành điện lực đang nỗ lực phấn đấu góp phần thực hiện mục tiêu đó và Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1 là một trong những đơn vị đi đầu.

Những bài học kết tinh từ thực tiễn

Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1 thành lập ngày 1-7-1982, trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Nghiên cứu và Thiết kế thủy điện, Viện Thiết kế điện và Công ty Khảo sát địa chất thủy điện. Với 4 xí nghiệp thành viên và 19 phòng, ban, 1 535 kỹ sư, cán bộ, công nhân viên, công ty thực hiện nhiều chức năng, nhiệm vụ: Thiết kế quy hoạch chuyên ngành điện; lập dự án đầu tư xây dựng các công trình nguồn và lưới điện; thiết kế kỹ thuật, lập tổng dự toán các công trình nguồn và lưới điện; khảo sát kỹ thuật (địa hình, địa chất, thủy văn, thí nghiệm, khoan phun, quan trắc...); khảo sát đánh giá môi sinh, môi trường; thiết kế và quản lý dự án; thẩm định thiết kế các công trình điện; lập hồ sơ mời

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1 đi trước một bước đáp ứng yêu cầu phát triển năng lượng quốc gia

DOÀN KIM THUYỀN *

thầu, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, mua sắm vật tư, thiết bị xây lắp; giám sát kỹ thuật xây dựng, lắp đặt thiết bị; kiểm định chất lượng công trình, đánh giá hiện trạng, xác định nguyên nhân, thiết kế xử lý, cải tạo, nâng cấp các công trình điện; xây dựng lưới điện từ 35 kV trở xuống, xây dựng và sửa chữa các công trình thủy điện nhỏ; thử nghiệm, chế tạo các loại cột điện bằng thép...

Toàn bộ chức năng, nhiệm vụ khảo sát, thiết kế, tư vấn lập dự án đầu tư các công trình điện tự thân chúng đòi hỏi công ty phải chủ động tiên liệu, sáng tạo, đi trước một bước hoặc tuần tự hoặc nhảy vọt, đi tắt đón đầu. Để hoàn thành khối lượng công việc to lớn đó, Đảng ủy và tập thể lãnh đạo công ty *xác định rõ khâu đột phá và tập trung sức đủ mạnh phát triển tổng thể các nguồn lực, mà trọng tâm là nguồn nhân lực, then chốt là đổi mới trang thiết bị và nâng cao trình độ ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại nhất.*

* Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 176

Hoạt động chủ yếu trên những địa hình khó khăn, nguy hiểm như vùng núi cao, rừng sâu, những nơi hẻo lánh và bệnh sốt rét đe dọa, nhưng từ năm 1982 đến nay, công ty đã khảo sát, tham gia thiết kế, lập dự án đầu tư cho hàng trăm công trình thủy điện, nhiệt điện, lưới điện của nước ta. Nhiều công trình lớn đã đưa vào vận hành như công trình thế kỷ - Nhà máy Thủy điện Hòa Bình, thủy điện Trị An, Y-a-li, Vĩnh Sơn, Sông Hinh, nhiệt điện Phả Lại 1, Phả Lại 2 và nhiều công trình nguồn điện lớn khác đang được nghiên cứu khảo sát - thiết kế, chuẩn bị khởi công xây dựng và đang xây dựng như thủy điện Sê-san 3, Tuyên Quang, Plây Krông, Bản Lả, Sê-san 4, Sông Ba Hạ, nhiệt điện Uông Bí, nhiệt điện Quảng Ninh... Đặc biệt công ty đang được giao nhiệm vụ làm tư vấn thiết kế chính cho Dự án Thủy điện Sơn La - công trình

thủy điện lớn nhất và khó khăn, phức tạp nhất nước ta - đánh dấu một bước tiến bộ mới của công ty. Cùng với việc khảo sát, thiết kế các công trình thủy, nhiệt điện, công ty triển khai lập dự án đầu tư cho hơn 800 công trình đường dây và trạm 110, 220, 500 kV trên phạm vi cả nước như đường dây siêu cao áp 500 kV Bắc - Nam, đường dây 500kV Plây Cu - Phú Lâm (mạch 2), Plây Cu - Dốc Sỏi - Đà Nẵng, Hà Tĩnh - Nho Quan - Thường Tín. Đây cũng là nhiệm vụ vô cùng gian nan bởi các tuyến dây lớn thường đi qua các khu vực có địa hình hiểm trở, những khu rừng nguyên sinh, những con sông lớn, những bãi sinh lầy, eo biển... Các kỹ sư khảo sát, thiết kế phải len lỏi trong rừng sâu nhiều tháng, đi bộ hàng trăm cây số để chọn tuyến, chọn vị trí đặt móng cột đường dây tải điện với phương án tối ưu nhất.

Cùng với việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất, là đơn vị hạch toán độc lập, công tác kinh doanh của công ty cũng thu được những kết quả khả quan. Doanh thu năm 2003 tăng gấp 20 lần so với năm 1990, đạt trung bình mỗi năm 118 tỉ đồng. Đặc biệt, năm 2002, doanh thu đạt 216 tỉ đồng, và năm 2003 tăng lên 250 tỉ đồng. Tương ứng với doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách cũng không ngừng tăng: Nếu năm 1990 là 900 triệu đồng và 598 triệu đồng thì dự kiến năm 2003 sẽ đạt 24 000 triệu đồng và 22 000 triệu đồng.

Nhìn lại 22 năm phấn đấu, từ chỗ chỉ tham gia thực hiện được một phần công tác khảo sát, thiết kế, đến nay công ty đã đảm nhận hầu hết các loại hình tư vấn như khảo sát, thiết kế, thẩm định, giám sát... theo thông lệ Việt Nam và quốc tế; từ chỗ chỉ làm tư vấn phụ, làm thuê cho các tư vấn nước ngoài đến vươn lên đảm nhận vị trí tư vấn chính cho các công trình trên chính đất nước mình. Phương châm phát triển của công ty là khuyến khích mọi khả năng, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ mới và đưa các trang thiết bị hiện đại vào sản xuất.



Những người thợ đường dây Ảnh: Thanh Lộc

Với sự sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, công ty đã chủ động đề xuất ứng dụng thiết kế hai loại kết cấu đập mới, được Tổng Công ty Điện lực Việt Nam và Bộ Công nghiệp phê duyệt cho phép áp dụng: *Một là*, đập đá đổ có bản mặt bê-tông đang được thi công cho công trình thủy điện Tuyên Quang. Đây là kết cấu - công nghệ tiên tiến của thế giới lần đầu tiên được áp dụng để thi công cho các công trình thủy điện ở Việt Nam, với nhiều ưu điểm: rút ngắn tiến độ thi công, là kết cấu đập an toàn, giá thành hạ, giữ gìn được môi trường tự nhiên của khu vực. Thành công của công trình nghiên cứu khoa học ứng dụng này đã giảm giá thành xây dựng đập khoảng 25%, làm lợi khoảng 200 tỉ đồng so với công nghệ đập đất đá đổ truyền thống trước đây. *Hai là*, đập bê-tông công nghệ đầm lăn thiết kế cho thủy điện Plây Krông (đã được khởi công ngày 23-11-2003). Với công nghệ này, theo tính toán của Công ty sẽ giảm giá thành được 200 tỉ đồng so với xây dựng đập bê-tông trọng lực truyền thống, rút ngắn thời gian thi công và sẽ đưa công trình vào vận hành sớm 1 năm, đem lại hiệu quả về điện tới 400 tỉ đồng, chưa kể giá trị làm lợi do tận dụng tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện tiết kiệm 150 kg xi-măng/m³ bê-tông, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật.

Trong quá trình nghiên cứu lập dự án, công ty rất chú ý việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu những tác động không tốt của các dự án điện đối với xã hội và dân sinh. Nhất là khi thiết kế các tuyến đường điện, chú trọng hạn chế tối đa ảnh hưởng của từ trường do hiện tượng phóng điện của các đường dây cao áp tới người dân; tính toán, cân nhắc các yếu tố về kinh tế, xã hội trong việc lựa chọn địa điểm, quy mô và công suất của các công trình thủy điện... nhằm giảm thiểu việc di dời dân, tình trạng ngập đất, rừng, gây tổn hại các công trình văn hóa, xáo trộn tập quán sản xuất, sinh hoạt của nhân dân trong vùng xây dựng công trình.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, công ty xác định nhiệm vụ sống còn là phải thường xuyên đổi mới trang, thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho việc khảo sát, thiết kế và đẩy mạnh công tác tin học hóa nhằm cập nhật những thành tựu mới nhất của khoa học - kỹ thuật thế giới, đồng thời trao đổi kinh nghiệm với các nhà khoa học trên thế giới. Từ chỗ làm việc với chuyên gia phải qua phiên dịch, đến nay các cán bộ, kỹ sư đã có thể làm việc trực tiếp với chuyên gia tư vấn nước ngoài. Việc sử dụng các thiết bị hiện đại, phần mềm, chương trình tính toán tối ưu trong khảo sát, thiết kế đã không ngừng nâng cao năng suất lao động, đảm bảo tính chính xác của mỗi đề án, giảm lao động quá khứ... Công ty là đơn vị tư vấn đầu tiên của ngành, xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9001-2000.

Để có nguồn nhân lực đủ mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công ty, Đảng ủy, ban lãnh đạo và các đoàn thể của công ty đều dành những ưu tiên tốt nhất cho *công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ kỹ sư, cán bộ, công nhân viên*. Với đề án "Nâng cao năng lực tư vấn xây dựng điện", công ty lấy ngày thứ bảy hàng tuần làm ngày *học tập*, mở các lớp học ngoại ngữ, đào tạo, khai thác và sử dụng các phần mềm phục vụ chuyên môn tại chỗ vào các buổi tối và ngày nghỉ. Hằng năm, công ty dành hàng tỉ đồng cho việc học tập, trao đổi kinh nghiệm của cán bộ, kỹ sư với các hãng tư vấn và các công trình cụ thể ở nước ngoài. Sự nỗ lực này đã góp phần giúp đội ngũ kỹ sư tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thiết kế, từ đó nâng cao năng lực tư vấn. Một hình thức đào tạo chủ yếu là thông qua rèn luyện thực tế. Kỹ sư mới ra trường được phân công đi thực tế ở công trình ít nhất là 2 - 3 năm, trước khi về công ty làm công tác thiết kế. Những kỹ sư trẻ làm việc có hiệu quả, có triển vọng được công ty chọn cử đi học trong nước và nước ngoài,

được xét nâng lương sớm; là căn cứ để đề bạt giữ các vị trí chủ chốt trong dây chuyền sản xuất.

Việc bố trí sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện một cách dân chủ, công khai theo đúng quy trình. Hầu hết cán bộ được bổ nhiệm phát huy tốt khả năng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ở một công ty đa chức năng, đảm nhận nhiều nhiệm vụ, do đó bảo đảm và tăng cường sự phối hợp hoạt động, thống nhất, hiệu quả giữa Đảng ủy, Ban Giám đốc, Công đoàn, Đoàn Thanh niên có ý nghĩa quyết định mọi thành công. Một hệ thống quy chế công tác được ban hành và được thực thi nghiêm ngặt. Nổi bật nhất là quy chế khoán lương, thưởng đã được cán bộ, công nhân viên rất đồng tình, hoan nghênh vì tính hợp lý và tạo động lực thi đua trong toàn công ty. Ngoài mức lương và phụ cấp theo quy định của Nhà nước, tiền thưởng được tính theo hiệu quả công việc trên cơ sở tính điểm. Điểm nhấn mạnh là, giá trị điểm của bất kỳ nhân viên nào cũng ngang điểm của đồng chí giám đốc, không có bất cứ sự đặc quyền đặc lợi nào. Điều này làm yên lòng mọi cán bộ, công nhân viên.

Công ty đặc biệt quan tâm đời sống vật chất và tinh thần của anh chị em làm việc tại những khu vực đặc biệt khó khăn. Công ty đã ban hành quy chế quy định việc xây dựng lán trại, trang bị dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày, chế độ chăm sóc y tế cho cán bộ công nhân viên làm việc tại hiện trường. Nhờ vậy, điều kiện về ăn ở từng bước được nâng cao. Mạng lưới y tế được xây dựng rộng khắp đến từng đơn vị tại hiện trường. Mỗi tổ sản xuất được trang bị tối thiểu một ti-vi, 2 tờ báo và các dụng cụ thể dục, thể thao. Con em cán bộ làm việc nơi xa được công ty thường xuyên chăm lo việc học hành, khuyến khích động viên các cháu có thành tích tốt trong học tập.

Con đường hướng tới tương lai

Từ những bài học thành công và chưa thành công trong những năm qua, Đảng bộ và toàn

thể cán bộ, công nhân viên của công ty đều xác định rõ: Chỉ có đoàn kết, sát cánh bên nhau, phát huy tiềm năng lợi thế để tiếp tục chiếm lĩnh những đỉnh cao mới, xứng đáng với truyền thống của đơn vị.

Trước hết, tiếp tục kiện toàn cơ chế hoạt động.

Thực tế cho thấy, để tiếp tục phát huy sức mạnh của công ty, phải tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng. Để tạo điều kiện hơn nữa cho hoạt động, hướng thích hợp nhất là nên chuyển Đảng bộ công ty về sinh hoạt tại Đảng bộ Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Điều này vừa tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt và công tác đảng cũng như hoạt động chuyên môn đạt hiệu quả cao. Nói cách khác, điều đó sẽ càng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thực hiện cơ chế đang phát huy tác dụng của công ty là Giám đốc công ty kiêm Bí thư Đảng ủy.

Gần 22 năm qua, thực tế càng cho thấy, sự đồng thuận dựa trên cơ sở tin cậy, phối hợp đồng bộ giữa các thành viên của công ty là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh to lớn vượt qua mọi khó khăn. Mỗi cá nhân trong từng đơn vị nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với công việc chung. Tất thảy đều hết lòng hết sức với công ty. Điều đó đã, đang và tiếp tục được đảng bộ và toàn thể cán bộ công nhân viên giữ gìn, vun đắp. Điều đáng khắc sâu là, sự đoàn kết thống nhất đó được đặt trên và bảo đảm bởi hệ thống quy chế hoạt động của công ty. Thời gian tới, công ty tiếp tục kiện toàn các nội dung của từng quy chế, sao cho có thể phát huy cao nhất nỗ lực của mỗi cá nhân, qua đó mỗi người có quyền nhận được sự đãi ngộ xứng đáng.

Để hoàn thành nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao phó, trình độ chuyên môn, kỹ thuật của mỗi kỹ sư tư vấn, mỗi cán bộ cần được trau dồi, nâng cao hơn nữa nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao, qua đó tự nâng dần trình độ tư vấn, đủ sức đảm nhận vững vàng các công trình trong nước, hướng tới từng bước chiếm

lĩnh thị trường ngoài nước. Công ty đã và tiếp tục khuyến khích hình thức tự học, tự nghiên cứu; học tập thông qua công việc cụ thể, qua các đề án được giao; học tập kinh nghiệm của các chuyên gia tư vấn nước ngoài; học tập dựa trên việc khai thác có hiệu quả kinh nghiệm của các nước qua mạng in-tơ-nét.

Trước yêu cầu mới, chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ của công ty từng bước được thực thi: *Thứ nhất*, tiêu chuẩn hóa các loại hình cán bộ (đối với cán bộ quản lý, chuyên viên, kỹ sư tư vấn); *Thứ hai*, phân loại nguồn nhân lực để có cơ sở đánh giá, bồi dưỡng và sử dụng; *Thứ ba*, tuyển dụng nhân lực có hiệu quả dựa trên những yêu cầu mới. Cùng với việc đó, Đảng ủy công ty hết sức chú trọng việc giáo dục tư tưởng chính trị cho cán bộ, đảng viên, gắn chặt với việc nâng cao trình độ chuyên môn, vươn lên hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Thứ hai, tiếp tục đảm nhận ngày càng xứng đáng vị trí người xây dựng kế hoạch.

Để xứng đáng là đơn vị đầu đàn về tư vấn trong ngành điện, công ty nỗ lực làm tốt nhiệm vụ tham mưu cho Đảng và Nhà nước về chiến lược phát triển ngành điện. Trên cơ sở khảo sát, tư vấn thiết kế, nắm vững tiềm năng của đất nước, tiếp tục góp phần xây dựng chiến lược phát triển của ngành điện Việt Nam bảo đảm tính lâu bền và hiệu quả từ hoạch định chương trình tới xác lập bước đi sao cho khai thác cao nhất tiềm năng điện của đất nước; đồng thời, bảo đảm sự bền vững của nguồn tài nguyên, giữ gìn cho các thế hệ sau. Trước mắt, với việc hoàn thành Dự án Thủy điện Sơn La, trong đó phải bảo đảm kết hợp cả yêu cầu về kinh tế với giữ gìn môi trường cũng như bảo đảm an toàn tối đa cho công trình là nhiệm vụ khó khăn, đòi hỏi sự nỗ lực tối đa của ngành điện nói chung, của công ty nói riêng. Cùng với đó, là hàng loạt các dự án thủy điện, nhiệt điện, lưới điện... đang chờ đợi sự tham gia của công ty.

Thứ ba, chủ động vươn tới những địa bàn mới.

Từ kế hoạch phát triển tổng thể của ngành điện, công ty chủ động xác định bước đi của mình một cách sáng tạo, phù hợp. Tiềm năng thủy điện của Việt Nam, theo tính toán khoảng 18 000 MW, đã và đang nghiên cứu đưa vào khai thác trong hai - ba năm tới khoảng 12 000 MW. Trong tương lai, cùng với việc tiếp tục thực hiện các dự án phát triển thủy điện, với một trình độ cao hơn, công ty chủ động phát triển mạnh hoạt động ở các lĩnh vực xây dựng hệ thống điện của các địa phương; thiết kế và thi công các trạm biến áp, đường truyền tải điện; tư vấn và thiết kế các công trình nhiệt điện; và tương lai xa hơn là sử dụng các nguồn năng lượng mới như điện sức gió, điện nguyên tử... Công ty xác định: từ năm 2004 đến 2005 phấn đấu hoàn thiện đạt trình độ tư vấn tương đương với các nước trong khu vực; từ năm 2006 là giai đoạn phát triển cao, có thể tham gia đấu thầu tư vấn bình đẳng trong nước và quốc tế về lĩnh vực xây dựng điện.

Từ dự báo đó, công ty nỗ lực nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mỗi cán bộ, công nhân viên, sẵn sàng đón bắt cơ hội, chủ động đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn phát triển đất nước.

Ghi nhận những đóng góp to lớn, công ty đã vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì; 27 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba cùng nhiều bằng khen của các cấp, các ngành và các địa phương cho các cá nhân và đơn vị trực thuộc. Tổng kết công tác của ngành Điện lực Việt Nam năm 2003, công ty vinh dự được Tổng Công ty đề nghị Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc.

Từ những kết quả đạt được, nhìn rõ những khó khăn, thách thức, Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1 sẽ tiếp tục phấn đấu vươn lên xứng đáng với vị thế và truyền thống vẻ vang của mình, giữ vững vai trò là lá cờ đầu trong công tác tư vấn của ngành điện Việt Nam. □

Về An Giang, nghe chuyện liên kết "bốn nhà"

TRIỀU HẢI HOÀNG

VÀI năm gần đây, An Giang - vùng đất được mệnh danh là "trên cơm, dưới cá" (hai thế mạnh nông nghiệp của tỉnh) - đang được cả nước biết đến bởi một mô hình kinh tế mới mẻ; được nhìn nhận như một chìa khóa để giải quyết các bài toán việc làm, xóa đói giảm nghèo cho vùng nông thôn An Giang rộng lớn. Đó là mô hình liên kết "bốn nhà".

Tính thực tiễn của một mô hình

Phấn đấu xây dựng một nền sản xuất hàng hóa lớn nhưng vấn đề tiêu thụ nông sản luôn ở trong tình trạng bấp bênh kéo dài, từ lâu đã là nỗi trăn trở của Đảng bộ và nhân dân tỉnh An Giang. Là địa phương "có tiếng" về sản lượng cá nước ngọt, và sản lượng thóc ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, mấy năm nay An Giang tiếp tục tiến bộ không ngừng: từ 36 000 tấn (những năm 1976 - 1980) lên 90 000 tấn (năm 1985) và 1 triệu tấn (năm 1988) rồi vượt qua con số 1,3 triệu tấn (những năm 2000); sản lượng khai thác thủy sản hiện đã đạt trên dưới 200 000 tấn/năm. Tuy vậy, người dân An Giang vẫn vui, buồn lẫn lộn. Thực tế cho thấy, người làm thương mại hầu như năm nào cũng thu lãi

lớn, còn đa phần nông dân một nắng hai sương, làm ra con cá, hạt thóc thì vẫn nghèo và chịu nhiều thua thiệt. Vấn đề đặt ra là, phải có một sự liên kết đủ mạnh, để vừa nâng cao chất lượng nông sản đi đôi với không ngừng hạ giá thành nhằm khuyến khích nông dân chủ động và yên tâm làm giàu chính đáng trên mảnh đất của mình.

Thế rồi, những mối liên kết ban đầu xuất hiện ở một số nơi trong nông thôn An Giang. Đầu tiên là những liên kết thông qua các dịch vụ tưới tiêu, dịch vụ cây, con giống; rồi mở dần ra các hoạt động tín dụng, khuyến nông... Nhưng chỉ có thế, tình hình vẫn chưa ổn, khi mà hầu hết các dịch vụ đều do thương lái "bao". Ai cũng thừa nhận rằng, lợi ích của người nông dân chỉ có thể được bảo đảm, nếu nhà kinh doanh mua được hàng, chế biến và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp một cách tập trung, ổn định. Theo lô-gích đó, thì đòi hỏi phải có sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa các khâu: từ chủ trương, chính sách đến ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật rồi thu mua, chế biến và tiêu thụ.

Từ thực tiễn đó, một đề án *liên kết "bốn nhà"* đã được tỉnh xây dựng. Tính thuyết phục của đề án này được Chính phủ đồng tình và hỗ trợ An Giang 150 tỉ đồng để thực hiện thí điểm. Có ý tưởng rồi có tiền, An Giang bắt tay vào xây dựng hình thức hợp tác xã kiểu mới; trong đó, có đại diện của "bốn nhà" gồm: *Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nông*. Các yêu cầu cụ thể là: Nhà khoa học phải lo làm sao tạo ra giống tốt; nhà nông lo sản xuất ra nhiều sản phẩm với năng suất, chất lượng cao; nhà doanh nghiệp thì phải làm tốt khâu chế biến, tiêu thụ; và cuối cùng, Nhà nước là người "cầm chịch", giải quyết các vấn đề ở tầm vĩ mô để phát huy hiệu quả mới gắn kết giữa "3 nhà" nói trên. Ngay từ đầu, cả "bốn nhà" đều có chung quan điểm: Trên cơ sở *Quyết định 80 của Chính phủ* về việc tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua

hợp đồng, phải làm sao để về lâu dài, xây dựng cho được các hợp tác xã đủ mạnh để trở thành các công ty cổ phần nông thôn, mà lợi ích trước hết là của nông dân và xã viên. Hợp tác xã sẽ là người tập trung vốn trong dân lại; hộ không có vốn thì được vay ngân hàng để đóng cổ phần; xã viên sẽ có việc làm thường xuyên, trở thành những người chủ thực sự. Người nông dân sẽ quan hệ với công ty cổ phần thông qua hợp tác xã, thay vì qua thương lái. Giá cả bán sản phẩm của nông dân sẽ ổn định vì họ có thể bán, có thể gửi (ủy thác). Xét cả trên lý luận và thực tiễn, thì khi mô hình này càng phát triển, vai trò của Nhà nước và nhà khoa học sẽ càng giảm dần (vì khi ấy nông dân có đủ khả năng tự điều hành sản xuất - kinh doanh; Nhà nước thì chủ yếu là chính quyền cấp xã, với sự trợ giúp của các ban, ngành; còn nông dân thì đã được tri thức hóa).

Bốn cái được và năm bài học của mô hình

Trước hết, cái được chung của mô hình liên kết "bốn nhà" là đã áp dụng được một hình thức sản xuất *theo quy hoạch* và *có kế hoạch*. Thay vì nặng về giấy tờ và sự áp đặt như trước đây, mô hình này đã giúp cả nhà nông, nhà doanh nghiệp cũng như nhà khoa học có được sự chủ động trong hoạt động của mình, nhờ các yếu tố được xây dựng dựa trên quy hoạch gắn với kế hoạch.

Cái được thường trực trước hết thuộc về nhà nông và nhà doanh nghiệp. Từ mô hình này, khuyến nông thực sự trở thành một khâu đột phá mạnh mẽ, đã tạo ra chất keo để gắn kết các "nhà". Một đội ngũ 300 kỹ thuật viên ngành nông nghiệp phục vụ công tác khuyến nông đã được tỉnh xây dựng. Bằng khả năng và trách nhiệm của mình, họ thường xuyên bám sát đồng ruộng, tận tình hướng dẫn và giải quyết những yêu cầu về sản xuất của nông dân. Để nâng cao tính chuyên nghiệp hóa cho nông dân, mỗi năm, tỉnh cấp từ 700 triệu đến 1 tỉ đồng cho chương trình dạy nghề cho nông dân, và chương trình này đã thực sự là "bà đỡ kiến thức" cho nông dân trong tỉnh. Khuyến nông lúc này không đơn thuần là của ngành nông nghiệp nữa, mà còn cả khuyến nông

đối với nhà doanh nghiệp. Phong trào khuyến nông ở An Giang đã làm nảy nở hơn 9 000 nông dân sản xuất giỏi; trở thành lực lượng đi đầu, dẫn hướng cho hàng chục vạn hộ nông dân khác trong việc xóa đói giảm nghèo; tiến tới làm giàu. Ngoài sức hút tự nhiên của thị trường, mối liên kết "bốn nhà" thời gian qua đã kích thích nông dân An Giang tập trung vốn liếng và tâm huyết vào làm giàu. Từ chỗ chỉ tính đến số chục, số trăm, đến nay toàn tỉnh đã có trên 3 300 lồng bè nuôi cá; mỗi bè có chi phí đầu tư thấp nhất 100 triệu đồng, cao nhất tới hơn 1 tỉ đồng. Chuyện nhiều nhà nông mỗi vụ thu hoạch hàng trăm tấn thóc, đạt doanh thu một vài tỉ đồng tiền bán cá mỗi năm, cách nay mười năm còn ngỡ là huyền thoại, thì giờ đây không có gì là ngạc nhiên đối với người dân An Giang.

Về phía nhà doanh nghiệp, tuy các doanh nghiệp mua sản phẩm của nông dân bằng giá mua của các nhà máy chế biến, nhưng cái được của doanh nghiệp là tạo được việc làm và đảm bảo có lãi (tuy không cao), nhờ trực tiếp mua sản phẩm của nhà nông, không qua các nấc trung gian.

Thứ hai, qua liên kết "bốn nhà", mức chi phí sản xuất giảm, dẫn đến giảm giá thành sản phẩm, cả "bốn nhà" đều có điều kiện và cơ hội phát huy vai trò của mình; từ đó tạo khả năng cạnh tranh để thúc đẩy sản xuất phát triển. Ở đây, trừ Nhà nước đóng vai trò là "nhạc trưởng", thì các "nhà" còn lại, cùng với sự cố gắng để đạt được các lợi ích cho chính mình, còn phải bảo đảm hoạt động đúng chính sách, pháp luật - cũng chính là thể hiện rõ trách nhiệm của mình trước Nhà nước.

Thứ ba, liên kết "bốn nhà" đã thực sự hướng quá trình thực hiện Quyết định 80 của Chính phủ đi từ *tiếp cận các hợp đồng kinh tế đến thực hiện những hợp đồng kinh tế chính thức*. Hiện ở An Giang đã xuất hiện 3 hình thức mua - bán trong nông dân; mà điển hình là hợp đồng trong việc tiêu thụ nông sản với "giá chết có cơ chế bù trừ" (tức có sự bù trừ theo giá thị trường, trên cơ

sở giá thỏa thuận ban đầu). Mỗi "nhà", ngoài những lợi ích tự tạo của mình, còn được hưởng những lợi ích từ bên ngoài mang lại hoặc tác động đến.

Thứ tư, liên kết "bốn nhà" đã thực sự tạo ra sự gắn bó giữa các "nhà" với nhau thông qua lợi ích. Và khi các "nhà" càng gắn bó thì trình độ nhận thức cũng như lợi ích của cả "bốn nhà" đồng thời được nâng lên nhờ sự tác động tương hỗ, thúc đẩy lẫn nhau. Trên tổng thể, sự liên kết "bốn nhà" không ngừng phát huy công năng của "bốn trong một", và ngược lại. Mặt khác, sự liên kết đó cũng đồng thời tạo ra sức mạnh tổng hợp, nhờ đó tạo ra được nguồn hàng hóa lớn; nâng cao sự chủ động trong hội nhập và cạnh tranh trên thị trường đang trong xu hướng mở.

Từ thực tiễn có tính đặc thù của địa phương, và sau nhiều năm "rộn ràng" với "hạt thóc và con cá"; nhất là sau hơn một năm mạnh dạn triển khai thực hiện mô hình liên kết "bốn nhà", An Giang đã rút ra được 5 bài học cơ bản sau đây:

Một là, với một tỉnh nông nghiệp, các điều kiện vốn, kinh nghiệm, khoa học, công nghệ v.v... còn hạn chế, An Giang đã thống nhất quan điểm: chỉ chọn một số nhóm (hợp tác xã) và hộ nông dân có đủ các điều kiện để triển khai mô hình; khi thành công, mới nhân rộng. Về sản phẩm, cũng chỉ chọn một số mặt hàng có lợi thế và có khả năng cạnh tranh. Mặt khác, phải chấp nhận tính quá trình, tức là làm từ từ, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, từng bước xây dựng niềm tin đối với nông dân.

Hai là, trong xây dựng, nhất là trong quá trình thực hiện, phải xuất phát và hướng đến những lợi ích kinh tế cụ thể. Trong mô hình liên kết "bốn nhà", một mặt phải luôn chú trọng đến lợi ích kinh tế của từng "nhà"; mặt khác, phải đảm bảo hài hòa lợi ích chung của cả "bốn nhà". Nói cách khác, cả "bốn nhà" phải thực sự gắn kết với nhau trên từng sản phẩm mới có được sức mạnh tổng hợp và có hiệu quả. Theo đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Nguyễn Minh

Nhị, "Nếu cả "bốn nhà", ai cũng cho rằng mình đã hoàn thành nhiệm vụ rồi, hoặc mình là quan trọng nhất thì mô hình sẽ chỉ là "danh" mà không có "thực". Hệ quả cuối cùng là, chúng ta vẫn bị động trước thị trường. Khi được mùa thì mất giá, khi được giá lại mất mùa; cũng đồng nghĩa với việc chúng ta chưa đoạn tuyệt được với quản lý hành chính để chuyển sang quản lý kinh tế".

Ba là, để bảo đảm cho mô hình thành công, Đảng bộ và nhân dân An Giang đã thống nhất thực hiện chủ trương "hai có" và "ba thống nhất". "Hai có" là yêu cầu mỗi "nhà" trong "bốn nhà" phải có *trình độ* và có *quyết tâm*. Còn "ba thống nhất" - đó là thống nhất về *tư tưởng*, thống nhất giữa *nói với làm* và thống nhất về *các lực lượng* trong quá trình triển khai. Có *quyết tâm* thì rõ, còn có *trình độ* là đòi hỏi mỗi nhà một mặt phải tự nâng mình lên để thoát ra khỏi những hạn chế yếu kém; mặt khác, phải có đủ khả năng để đi kịp với thực tiễn và trước hết là đủ sức để hòa nhập vào "bốn nhà".

Bốn là, phải khẳng định vai trò của "thương lái" trong liên kết "bốn nhà". Cũng theo đồng chí Nguyễn Minh Nhị - thì nhà doanh nghiệp chỉ đóng vai trò "nhạc trưởng" trên từng hợp đồng cụ thể, còn người bao quát toàn bộ mô hình này phải là Nhà nước. Thẳng thắn mà cũng rất thực tế, Đảng bộ và chính quyền An Giang đã xác định: Chừng nào còn kinh tế thị trường thì "thương lái" còn đóng vai trò quan trọng, dù đây chỉ là một bộ phận trong khái niệm "nhà doanh nghiệp" nói chung tham gia tiêu thụ sản phẩm của nhà nông. Vậy nên, cùng với thừa nhận phải có các chính sách và cơ chế thiết thực để khuyến khích và tạo những điều kiện thuận lợi giúp bộ phận này phát huy tối đa vai trò, khả năng của mình.

Năm là, để mô hình có sức lan tỏa rộng và đi sâu vào cuộc sống, phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, với nội dung thiết thực để người dân hiểu rõ chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, từ đó lựa chọn cho mình những hướng đi và cách làm phù hợp. Cùng với các chuyên trang, chuyên mục thường kỳ trên báo Đảng của

tỉnh, Đài phát thanh và Truyền hình của tỉnh An Giang đã tổ chức một chương trình truyền hình hấp dẫn với chủ đề "Gặp gỡ bốn nhà". Mục tiêu của chương trình là cổ vũ "5 khuyến": khuyến nông, khuyến công, khuyến mãi, khuyến học và khuyến thiện. Đến nay, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã tổ chức trên 25 kỳ "gặp gỡ bốn nhà"; cứ 2 tháng 1 kỳ, mỗi kỳ một chủ đề, được phát sóng vào ngày chủ nhật, thời lượng 90 phút. Tại diễn đàn gặp gỡ lý tưởng này, nhà nông nêu các câu hỏi (trực tiếp tại trường quay hoặc qua điện thoại), đại diện các "nhà" trả lời. Chương trình không chỉ thu hút nông dân trong tỉnh mà các tỉnh Kiên Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp... cũng nhiệt liệt hưởng ứng qua đường dây nóng. Cùng với các tiết mục khác nhằm nâng cao tính hấp dẫn của chương trình, Đài đã phối hợp với Đài Truyền hình Cần Thơ tổ chức chương trình "nhịp cầu nhà nông" để các nhà khoa học, các viện, trường gặp gỡ, đối thoại với nông dân trong khu vực. Ngoài trang "Web" của tỉnh cập nhật giá cả các sản phẩm nông nghiệp của An Giang với toàn thế giới, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang cũng đã xuất bản *Bản tin Nông nghiệp* hàng ngày, cung cấp những thông tin nóng hổi nhất về giống, giá cả, thị trường tiêu thụ v.v... và đang xúc tiến mở trang "Web" "giống lúa chất lượng cao"... Có thể nói, công tác thông tin, tuyên truyền qua đài, báo địa phương và các hội nghị, hội thảo, tập huấn... được tổ chức đa dạng và thường xuyên, đã đóng góp thiết thực nâng cao hiệu quả của mô hình.

NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN LẠI

Sau hơn một năm chính thức hoạt động, những kết quả ban đầu của mô hình liên kết "bốn nhà" ở An Giang thật đáng trân trọng. Tuy nhiên, trong quá trình vận động, những bất cập, vướng mắc là điều không tránh khỏi. Chẳng hạn, mối liên kết, tính hợp tác giữa "bốn nhà" chưa thực sự gắn bó. Nhà doanh nghiệp luôn muốn có lợi nhuận cao, còn nhà nông thì muốn lợi tức cao, nên vẫn còn những tâm trạng khác nhau trong ký kết các hợp đồng kinh tế. Để sớm giải quyết thấu

đáo những vướng mắc hiện nay, vai trò của Nhà nước là hết sức quan trọng. Nhưng người "nhạc trưởng" trong liên kết này phát huy vai trò điều hành của mình đến đâu, phải bắt đầu từ sự tham mưu đắc lực của các ban, ngành; mà trước hết là của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nông dân, Liên minh các hợp tác xã của tỉnh trong quá trình thực hiện. Điều này thời gian qua An Giang làm chưa tốt, đúng như đồng chí Chủ tịch tỉnh nhận định: "Sự bằng lòng của các "nhà" và của các cơ quan tham mưu thời gian qua không phải do kết quả đã mỹ mãn, mà do tầm nhìn còn hạn hẹp, tư tưởng chưa thống nhất".

Để nâng cao hiệu quả của mô hình liên kết "bốn nhà", mới đây, tỉnh đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Hiệp hội nghề cá của tỉnh thành lập Công ty cổ phần chế biến thủy sản. Công ty này sẽ đảm nhận tất cả các khâu của một quy trình sản xuất: từ giống, thức ăn, đến chế biến và xuất khẩu; nếu thành công, sẽ là một gợi ý thú vị để An Giang tiếp tục nhân rộng. An Giang cũng đang tích cực chuẩn bị để tiến hành sơ kết và tiến tới tổ chức một Hội thảo khoa học sau hơn một năm thực hiện mô hình liên kết "bốn nhà". Đây sẽ là dịp để nhìn lại, đánh giá khách quan những ưu, nhược điểm của mô hình; nhất là để các "nhà" cùng ngồi lại với nhau; cùng lắng nghe, cùng bàn bạc để có những định hướng và biện pháp tích cực hơn cho mô hình vào những năm tới.

Trên tinh thần "tất cả là của dân, do dân và vì dân", mục tiêu cao nhất mà Đảng bộ và chính quyền tỉnh An Giang đang hướng tới, là từ mô hình liên kết "bốn nhà" sẽ xây dựng một hệ thống các hợp tác xã thực sự mạnh trên toàn tỉnh; lần lượt đảm nhận vai trò của nhà khoa học và nhà doanh nghiệp; để từ "tam nông" ("ba nhà") trở thành "tam hóa": tri thức hóa, hợp tác hóa và hiện đại hóa. Như vậy, "tam hóa" là điều cốt lõi; cũng chính là mục tiêu và khát vọng của Đảng bộ và nhân dân An Giang trong cuộc hành trình vươn tới ấm no, giàu mạnh. □

1- Lợi ích và tác hại của nước

Nước làm bùng dậy mùa xuân. Bởi vì, nước là khởi đầu và nuôi dưỡng sự sống của muôn loài. Nước cũng tác động đến sức khỏe của muôn loài và của con người. Nước chiếm tới 70% trọng lượng động vật và 90% trọng lượng thực vật. Lão Tử nói: *Không có gì mềm hơn nước, nhưng cũng không có gì mạnh hơn nước.*

Nước đem đến sự sống, sức khỏe nhưng cũng gây rất nhiều tác hại cho đời sống của con người như lũ lụt, sóng thần, và do chính con người làm ô nhiễm nguồn nước, hoặc không cung cấp đủ nước. Con người cần đến nước từ khi sinh ra cho đến khi từ giã cõi đời và chôn vào đất vẫn tiếp tục tác động đến nước. Nếu hỏa táng mà không loại trừ được đi-ô-xin trong khí thải vẫn gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Nước là tài nguyên quý giá nhất trong mọi tài nguyên. Sử dụng tài nguyên nước là một thuộc quyền của con người. Nước là tài nguyên có vòng tuần hoàn tái tạo, nhưng mãi đến thập kỷ 90 của thế kỷ XX nó mới được coi trọng, vì con người đã nhầm tưởng nước là nguồn tài nguyên vô tận. *Nước ngọt* là tài sản kinh tế - xã hội đặc biệt quan trọng so với các tài nguyên khác. Sử dụng nước ngọt được xem là dịch vụ xã hội tối thiết yếu của con người. Liên hợp quốc đã khởi xướng *Thập kỷ nước uống* vào năm 1988 và mở nhiều hội nghị quốc tế có sự tham dự của các nguyên thủ quốc gia cảnh báo về môi trường và nước. Hội nghị thượng đỉnh đánh giá về môi trường phát triển tại Ri-ô Đê-gi-a-nê-rô tháng 6-1992, đã xây dựng Tuyên bố thiên niên kỷ, đề ra nhiều chỉ tiêu cụ thể, trong đó có chỉ tiêu đến năm 2010 giảm 50% số người không được cung cấp nước sạch. Tháng 4-1997, Liên hợp quốc lại có cuộc họp về phát triển bền vững, trong đó có vấn

đề bảo tồn nước ngọt, hạn chế sự ô nhiễm nguồn nước và khai thác nguồn nước một cách hợp lý.

Hàng trăm dòng sông lớn trên thế giới không tuân theo địa lý hành chính do con người vạch ra, mà theo dòng chảy tự nhiên qua lãnh thổ các nước. Do đó, đã có 286 hiệp ước quốc tế về nước liên quan đến khoảng 200 lưu vực chảy qua nhiều nước. Ủy ban sông Mê Công là một ví dụ điển hình về sự hợp tác liên quốc gia trong sử dụng nước của một dòng sông, trong đó có Việt Nam và trực tiếp nhất là đồng bằng sông Cửu Long. Xung đột về nước có thể xảy ra nếu không cùng nhau thiện chí thảo luận việc khai thác, nhất là ở vùng thượng nguồn.

Nguồn nước trên trái đất không nhiều, nước ngọt chỉ có 0,65%. Trong phần nước ngọt, nước ngầm chiếm 97,54%, hơi nước trong khí quyển 0,6%, nước thấm trong đất 0,80% và sông hồ 1,5%. Nước là tài nguyên có tái tạo bay hơi rồi hóa lỏng, hoặc đóng băng không mất đi bao nhiêu mà chỉ chuyển dạng nên khá ổn định trong nhiều thế kỷ.

Nếu con người biết tôn trọng vòng tuần hoàn của nước, biết khai thác đúng mức và không làm ô nhiễm, bảo vệ thảm thực vật của rừng nhiều tầng nguyên sinh thì sẽ đủ nước dùng cho sinh hoạt, bảo đảm cho sức khỏe và phát triển kinh tế bền vững, nhất là nông nghiệp.

Trên thực tế, con người đã không quan tâm nhiều đến bảo tồn vòng tuần hoàn của nước, phá rừng, làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm. Các chất thải sinh hoạt và chất thải nước trong sản xuất chế biến và công nghiệp gây tác hại rất lớn đối với sức khỏe và đời sống con người.

* GS. VS. Chủ tịch Hội Nước sạch - Vệ sinh môi trường Việt Nam

Ngày Xuân, nghĩ về NƯỚC với SỨC khỏe

PHẠM SONG *

Hiện có 2 tỉ người trên trái đất đang thiếu nước và 50% số người chưa có nước đã được xử lý tốt để dùng. 90% số bệnh tật của chúng ta bắt đầu từ dùng uống. Mỗi năm có 1,5 tỉ người trên thế giới bị tiêu chảy, 3,3 triệu trẻ em dưới 5 tuổi tử vong và 5 triệu người thuộc mọi lứa tuổi bị nhiễm bệnh do thiếu nước sạch.

2- Nước với sức khỏe và đời sống con người

Thứ nhất, lũ lụt.

Lũ lụt là thiên tai hàng đầu ở nước ta.

Miền Bắc có hệ thống đê, miền Trung thất hẹp, rừng sát đồng bằng, miền Nam lũ thau chua rửa mặn, đưa phù sa bồi đắp, nuôi dưỡng đồng bằng Cửu Long và lấn biển nên ít khi bị lụt và úng ngập kéo dài. Nhưng từ thập kỷ 90 của thế kỷ XX đến nay, cả ba miền đều có những trận lũ lụt lớn và dồn dập chưa từng thấy trong vòng 30 năm trở lại đây. Năm 2000, lũ ở đồng bằng sông Cửu Long lớn nhất trong 70 năm qua; từ năm 1994 đến năm 2000 đã xảy ra 4 trận lũ lớn trong lịch sử hình thành của đồng bằng, gây tử vong 713 người, trong đó có nhiều trẻ em. Sau lũ lụt, úng ngập kéo dài (1-3 tháng), do thiếu nước sạch và môi trường ẩm, nóng, sức đề kháng giảm vì thiếu ăn, thiếu nhà đủ tiện nghi tương đối nên các bệnh ỉa chảy, tả, lỵ, thương hàn... thường xuất hiện. Cũng từ nguồn nước bị ô nhiễm, muỗi có điều kiện phát

triển, dịch bệnh sốt rét và sốt xuất huyết lan tràn ở một số tỉnh. Bệnh tả ở An Giang, Cần Thơ, Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp tuy không gây tử vong, nhưng đã khiến cho 13,8% số người nhiễm bệnh, 65% số người mắc thương hàn, 50,8% số người sốt xuất huyết nếu tính tổng số người mắc bệnh của cả nước.

Lũ lụt càng kéo dài điều kiện phát dịch càng lớn. Trong mùa mưa lũ, toàn ngành y tế hướng về đồng bằng sông Cửu Long, khôi phục hệ thống y tế xã huyện, cung cấp thuốc sát trùng nước, tăng cường giáo dục truyền thông để người dân tự giữ gìn sức khỏe, bảo vệ môi trường nước. Nhà nước đã có chủ trương "sống chung với lũ", quy hoạch cụm dân cư ở các vùng có độ cao tránh ngập lũ, có chính sách cho vay vốn xây dựng nhà kiên cố để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống và sức khỏe của con người. Thực hiện chính sách tái tạo rừng để bảo đảm thảm thực vật ngày càng phong phú. Đó là nguồn dự trữ nước ngọt, đất màu và hệ sinh thái rừng cho muôn loài động thực vật, bảo đảm tính đa dạng sinh học. Chính sách giao đất, giao rừng đã bắt đầu phát huy tác dụng và có hiệu quả.

Rừng, nước, đất, biển liên quan chặt chẽ với nhau. Đất sống được nhờ nước, nước tồn tại được nhờ rừng bồi phụ cho nước để nước bồi phụ cho đất, cho biển, nước bốc hơi lên trời và nước nếu



Những tấm lòng thanh niên tình nguyện

Ảnh: TTXVN

không bị ô nhiễm từ không khí sẽ thành mưa sạch được dự trữ qua rừng, bồi phụ trực tiếp cho sông ngòi và nước ngầm nông. Bảo vệ được vòng tuần hoàn này thì kinh tế sẽ phát triển bền vững, tăng sức khỏe cho con người và hạn chế được lũ lụt, đặc biệt bảo đảm an toàn lương thực. Đảng ta đã có chủ trương đúng đắn *phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết các mục tiêu xã hội liên quan đến con người, trong đó có cung cấp nước sạch, xử lý môi trường trong và sau lũ lụt.*

Thứ hai, ô nhiễm nguồn nước.

Mật độ sông suối của nước ta khá dày. Chỉ tính những con sông dài hơn 10 km có nước chảy quanh năm đã có 2 360 dòng. Ô nhiễm là vấn nạn của tất cả các dòng sông, đặc biệt là các dòng sông ở vùng đô thị và khu công nghiệp. Hằng năm, có khoảng 1,3 tỉ m³ nước thải hầu như chưa được xử lý, đã gây ô nhiễm nguồn nước mặt.

Các cuộc khảo sát qua nhiều năm ở sông Hồng (tại Lào Cai), sông Lô, sông Cẩm, sông Cầu, sông Thương, sông Đông Nai, sông Sài Gòn, sông Cần Thơ, sông Vàm Cỏ Đông... đều đi đến kết luận, so với tiêu chuẩn Việt Nam về nước mặt loại A dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo nhiều chỉ tiêu, nhất là chỉ tiêu BOD5 đã vượt quá giới hạn cho phép. Các hồ ao, kênh mương ở nội thành của Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương, Bắc Giang, Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi... bị ô nhiễm nghiêm trọng. Ở đồng bằng sông Cửu Long tình trạng chăn nuôi, xây dựng, thải bừa bãi phân rác ra dòng kênh khá phổ biến. Ô nhiễm nguồn nước là nguyên nhân gây nên 7 bệnh đứng đầu của 27 bệnh thường gặp ở nước ta: tả, lỵ, trực trùng, lỵ a-míp, thương hàn, bại liệt, viêm gan A. Trong các bệnh này, tiêu chảy vượt lên rất cao: 1 261/100 000 dân. Nếu lấy tỷ lệ tử vong của các bệnh: dịch lỵ, không lỵ, tai nạn, ngộ độc, chấn thương để so sánh, thì bệnh nhiễm trùng chưa giảm, bệnh không lây nhiễm đang giảm và tai nạn, ngộ độc, chấn thương đang có chiều hướng tăng cao. Ở nông thôn bệnh nhiễm trùng chiếm 31,6%, các vùng nông thôn nghèo là 36,4%. Bệnh không nhiễm trùng ở đô thị lại rất cao 73,6%, trong khi ở nông thôn là 55% và nông

thôn nghèo chỉ 50%. Chấn thương, tai nạn, ngộ độc gần như bằng nhau giữa các vùng này.

Chúng ta đã thấy rõ ô nhiễm nước do phân và rác sinh hoạt, nhưng do nước thải công nghiệp hoặc phân bón thuốc trừ sâu lại chưa được đánh giá đầy đủ. Để giải quyết ô nhiễm nước từ phân và rác vùng nông thôn, chúng ta đang làm thí điểm rộng rãi hầm Bi-ô-ga dung tích từ 6 đến 12m³. Đây là cách giải quyết tổng hợp có lợi về vệ sinh môi trường, tạo ra phân bón hữu cơ, phát triển các hồ xí hợp vệ sinh, cũng như thí điểm giải quyết chất thải các làng nghề.

Những năm gần đây, ngộ độc thực phẩm, trong đó có tác động của nước đang là vấn đề bức xúc đối với sức khỏe cộng đồng. Cung cấp nước sạch là giải pháp tích cực, chủ động để phòng bệnh tật do nguồn nước bị ô nhiễm gây ra. Cần tiếp cận cung cấp nước sạch cho các đô thị nhỏ và nông thôn theo nguyên tắc: kết hợp cung cấp nước sạch với giải quyết vệ sinh môi trường, đặc biệt là ô nhiễm phân người, gia súc, rác sinh hoạt. Tận dụng nước mưa sao cho đạt 70% lượng nước tiêu dùng của cả năm. Giáo dục nhân dân tự cải thiện nước đang dùng (bằng chất gây lắng đọng: phèn, PACN 95) và chất sát khuẩn hoặc có bộ lọc nước gia đình. Phải coi nước là hàng hóa, nhưng mang tính xã hội cao. Chuyển mạnh từ đào giếng sang cấp nước tập trung bằng nhiều nguồn vốn, coi trọng nước tự chảy. Khuyến khích phát triển công nghệ Việt Nam, cùng với nhập các công nghệ nhưng phải hiện đại và mang tính thích ứng cao. Mục tiêu phấn đấu của Chương trình quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2005 là 60% hộ nông dân có nước sạch với 50 lít/ngày; 100% số hộ ở đô thị có nước sạch với số lượng 150 - 200 lít/ngày.

Thứ ba, di-ô-xin nhiễm qua nước

Từ năm 1961 - 1971, trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, quân đội Mỹ đã áp dụng chiến tranh hóa học, lúc đầu với 20 loại, sau đó chúng dùng 5 loại, đáng kể nhất là chất màu da cam. Chúng đã rải 44 triệu 338 lít xuống trên 1,3 triệu ha, chiếm 12% diện tích toàn miền Nam nước ta. Di-ô-xin là chất gây hậu quả lâu dài, nặng nề đối với hệ sinh thái môi trường và sức khỏe con

người. Nó vừa gây tác hại trực tiếp cho con người do hít thở không khí có hơi độc, vừa gián tiếp qua nước và động vật cá tôm sống trong môi trường nước. Hậu quả đối với sức khỏe con người trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua nước bị ô nhiễm là rất nguy hiểm, nhất là đối với sức khỏe sinh sản. Đi-ô-xin gây dị tật bẩm sinh cho con cái của người nhiễm như sẩy thai tự nhiên, con đẻ ra chết ngay, thai chết lưu; gây các bệnh ngoài da rất đa dạng: viêm đỏ da, nổi sần, tróc da từng mảng, mụn phỏng, ngứa, bong vảy, phù cứng bì lan tỏa. Điều tra dịch tễ học so sánh cho thấy, dị tật bẩm sinh của con cái các cựu chiến binh tham gia chiến đấu ở các vùng bị rải chất độc đi-ô-xin là rất lớn. Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm khắc phục hậu quả đi-ô-xin trên con người và môi trường sinh thái. Tuy nhiên, đây là vấn đề rất khó khăn, vì đi-ô-xin có thời gian bán phân hủy rất dài: từ 15 - 20 năm. Do đó, đòi hỏi phải có sự quan tâm giúp đỡ về kỹ thuật và tài chính của các nước trên thế giới, nhất là Hoa Kỳ.

3 - Giải pháp cho vấn đề nước sạch và sức khỏe của nhân dân

Một là, theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), người có sức khỏe không phải chỉ không có bệnh tật, mà còn có một trạng thái thoải mái về thể chất, tâm thần và xã hội. Có năm yếu tố liên quan đến sức khỏe và cần phải tác động đồng bộ đến chúng. Đó là, môi trường thiên nhiên, xã hội, gia đình; phát triển kinh tế; môi trường lao động, học tập, giải trí, nghỉ ngơi; rèn luyện ý thức tự giữ gìn sức khỏe; phát triển y học y tế. Năm vấn đề này liên quan chặt chẽ với nhau, nhưng lại nằm trong vấn đề tổng thể là Dân số - Môi trường và Phát triển. Trong dân số có vấn đề sức khỏe. áp lực dân số của nước ta đối với phát triển kinh tế - xã hội còn kéo dài tới giữa thế kỷ XXI. Vì vậy, phải coi trọng kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, đặc biệt cho vị thành niên và thanh niên. Dân số - Môi trường và Phát triển là ba vấn đề lớn mà mọi quốc gia muốn phát triển bền vững đều phải đặc biệt quan tâm.

Hai là, đầu tư cho sức khỏe là đầu tư cho phát triển kinh tế. Bệnh tật làm cản trở tăng trưởng kinh tế. Bệnh tật không tự mất đi do tăng trưởng

kinh tế. Do đó, đầu tư cho y tế dự phòng tuyến huyện, xã là góp phần bảo đảm công bằng trong hưởng thụ dịch vụ y tế cho 40% số người thuộc diện nghèo và trung bình kém. Tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân và hình thành chuyên khoa bác sĩ gia đình để phục vụ cộng đồng. Đây là giải pháp bảo đảm công bằng và tạo ra nền y tế hiệu quả và ít tốn kém nhất.

Ba là, nước ta giàu tài nguyên nước, bình quân hàng năm là 12 571 m³/người, nhưng phân phối không đều. Mùa mưa chiếm 70% lượng nước cả năm. Nhu cầu nước sẽ tăng theo đà tăng dân số (mỗi năm khoảng một triệu người cho đến 2010). Sử dụng nước trong nông nghiệp sẽ tăng 1,49 lần (60,5 tỉ m³), công nghiệp tăng 5,62 lần (16,3 tỉ m³) và nước sinh hoạt cũng tăng lên rất lớn. Ủy ban Tài nguyên nước quốc gia dự báo đến năm 2020, nước ta sẽ là một trong 52 quốc gia thiếu nước. Nguồn nước sông chỉ có 37% là sản sinh trong lãnh thổ, còn lại đầu nguồn thuộc lãnh thổ nước ngoài nên dễ bị động. Vì vậy, Chính phủ cần quản lý và phát triển nước theo lưu vực sông. Quản lý tổng thể tài nguyên nước, kiểm kê cập nhật, đánh giá sử dụng và bồi phụ nước. Tích cực tái tạo rừng, phòng cháy rừng, nỗ lực đến năm 2020 có độ rừng che phủ đạt từ 40 đến 50%.

Bốn là, nước là hàng hóa mang tính xã hội đặc biệt. Nước không phải là vô hạn. Do đó, phải sử dụng nước hợp lý, kể cả trong sinh hoạt. Các ngành sản xuất sử dụng nước phải có ý thức tái tạo nước thải để sử dụng vào công việc thích hợp. Giá nước sạch phải bao gồm giá xử lý nước thải và bao cấp cho đối tượng nghèo. Huy động cộng đồng tham gia bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước hợp lý. Cung cấp nước sạch phải đi đồng bộ với phát triển hạ tầng xử lý vệ sinh môi trường sinh hoạt và sản xuất, đặc biệt là thực hiện Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo. Cần đưa biến số dân số vào phát triển kinh tế, đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái. Đầu tư quản lý tốt tổng tài nguyên nước quốc gia là đầu tư từ gốc cho sức khỏe, cho phát triển đa dạng sinh học, an toàn lương thực và làm cho mùa xuân đất nước mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững. □



Đi chúc Tết cấp trên

MAI THẾ CHÍNH

NGHIÊM ra, đi chúc tết cấp trên không dễ. Phải cân nhắc, tính toán kỹ, kể cả chọn đội hình đi sao cho "đẹp". Trước hết phải là Tổng Giám đốc dẫn đầu. Rồi, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, nhưng nhất thiết phải là phái nữ. Cần thiết mới cho kế toán trưởng, hoặc cán bộ văn phòng, tổng hợp thập từng, nhưng sẽ chỉ để ngồi ngoài chờ ở xe. Ai nấy áo quần lịch sự, cùng lên một chiếc ô-tô con cho "đơn giản, gọn nhẹ", khỏi gây ồn ào. Dạo này, công nhà "sếp" vốn đông xe của nhiều công ty, đơn vị, cơ quan khác, mình phải có ý một tý! "Ý tứ" nữa là đừng khệ nệ quà cáp làm gì. Bịch gạo tám thơm, con gà sống thiện thì "xưa" quá rồi. Cuốn lịch, cây đào, chậu quất cũng vẫn hơi hướng của thời bao cấp. Bây giờ, cái gì cũng phải gọn, nhẹ, "chất lượng cao". Chỉ cái xác nhỏ trong tay bà Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị là đã đầy đủ cả.

Đúng giờ hẹn đã "phôn" từ trước, cả bộ sậu đến công nhà "sếp", được người giúp việc nhanh nhẹn dẫn vào phòng khách. "Sếp" từ trong nhà thông thả bước ra. Khách liú ríu đứng dậy, chào hỏi. Mới vừa nhấp

chén trà (có khi chưa kịp nâng chén), Tổng Giám đốc vào đề ngay: "Dạ, thưa anh..., thưa anh...". Sau mỗi cái "dạ, thưa" ấy là "năm qua Tổng Công ty sản xuất rất phát triển, doanh thu cao"; là "đời sống cán bộ, công nhân, viên chức toàn Tổng Công ty được cải thiện"; là "được vậy cũng nhờ có anh"; là "chúc anh sang năm mới...".

Trong lúc Tổng Giám đốc "dạ, thưa" với "sếp", thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị "xin phép anh, cho em vào thăm chị". Ở phòng trong, tình chị em thật nồng ấm. Chị vốn vờ hỏi thăm sức khỏe em, có khi chưa kịp biết em tên gì. Em thì ca ngợi "anh nhà" đủ điều: tài đức, uy tín, sức khỏe, gần gũi và thương cấp dưới. Lại nữa: "Tổng Công ty chúng em làm ăn tấn tới được cũng là nhờ có anh. Xin cho phép chúng em coi anh như một thành viên của Tổng Công ty. Vâng, anh nhà đúng là một thành viên của Tổng Công ty đấy ạ. Ngày tết, Tổng Công ty có quà cho mọi người. Em xin có chút quà gửi biểu anh chị". Và rồi, chiếc phong bì trong cái xác nhỏ được rút ra, trân trọng trao tận tay chị. Phong bì in rõ tên Tổng Công ty, đựng sẵn 5 "vé" (tức 100 USD)

hay 10 "vé" còn tùy ở cương vị của "sếp". Lát sau, người giúp việc thay mặt "sếp" tiễn khách ra tận cổng. Thế là xong được một "sếp". Chiếc ô tô lại bon nhanh, đưa bộ sậu đến nhà một "sếp" khác. Ngày tư, ngày tết, phải tranh thủ thời gian...

Có chuyện khôi hài mà sau đó chính bà Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kể lại với ông Tổng Giám đốc:

- Anh thấy chưa? Chị nào nghe em nói thế mà chả vui vẻ nhận cho. Chỉ có chị X. ...

- Bà X làm sao?

- À, chị ấy thật thà lắm, mở phong bì ra đếm ngay. Lại còn bảo: "Sao đưa nhiều thế. Một nghìn "đô" à? Thôi, chị cũng cảm ơn".

Tổng Giám đốc thở phào, chép miệng:

- Thế mà mình đã tưởng... Thôi thì, cũng vì công việc làm ăn của Tổng Công ty mình!

Cả hai cùng cười vui vẻ. Có điều, cả ông Tổng Giám đốc và bà Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng nghĩ, nhưng chẳng ai nói ra: Còn vì "cái ghế" của mình trong năm mới này nữa!

Lời bàn: Năm nào Chính phủ cũng có quy định cấm dùng quỹ công biểu Tết cấp trên. Nhưng có cách nào ngăn được kiểu đi chúc Tết cấp trên như vừa kể? Chả lẽ lại "cực đoan" quy định: Cấm đến nhà riêng của cấp trên hoặc cấm "gặp riêng" cấp trên ở cơ quan dịp trước, trong và sau Tết? □



THÀNH TỰU RỰC RỠ, TRIỂN VỌNG XÁN LẠC

TẾ KIẾN QUỐC *

NĂM 2003 là một năm trải qua nhiều khó khăn và thử thách, nhưng cũng là một năm tràn đầy niềm tin và hy vọng. Vào thời điểm "tổng cựa nghênh tân" này, chúng ta vô cùng tự hào và phấn khởi trước những thành tựu đáng mừng mà nhân dân hai nước Việt Nam và Trung Quốc đã giành được trong năm qua.

Một năm qua đi, dưới sự lãnh đạo vững vàng của Đảng và sự quản lý sát sao của Chính phủ, nhân dân Việt Nam tiếp tục phấn đấu bền bỉ nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam, và đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội đều đạt hoặc vượt kế hoạch, nổi bật và tập trung nhất là tốc độ tăng GDP cả năm đạt 7,24%. Đây là mức tăng trưởng liên tục và cao nhất trong 6 năm qua. Bên cạnh đó, các nguồn lực của đất nước được huy động tốt hơn và đã đạt được những thành tựu cơ bản, như giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp tăng hơn 4%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 16%, giá trị các ngành dịch vụ tăng hơn 6%, kim ngạch xuất khẩu tăng 19% và tỷ lệ hộ đói nghèo giảm xuống 12%. Đặc biệt là, qua sự nỗ lực năng động, sự phối hợp chặt chẽ với Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Việt Nam đã trở thành nước đầu tiên khống chế thành công dịch bệnh SARS trên thế giới. Trước khi bước vào năm mới, Việt Nam đã đăng cai và tổ chức thành công tốt đẹp Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 và Đại hội Thể thao Người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 2; và đội chủ nhà đã đạt được thành tích rực

rỡ chưa từng có trong lịch sử thể thao nước nhà, đứng đầu cả về số lượng các bộ huy chương cũng như bảng xếp hạng huy chương vàng các đoàn trong SEA Games lần thứ 22 và đứng thứ hai các đoàn trong ASEAN Para Games lần thứ 2. Điều đó chứng tỏ Việt Nam đã trở thành cường quốc thể thao của khu vực.

Hướng tới Năm Mới, chúng tôi tin chắc rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam nhất định sẽ đạt được nhiều thành tựu to lớn hơn nữa, vững bước tiến lên trên con đường xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Năm 2003 cũng là một năm rất phi thường đối với Trung Quốc với những thành tựu rực rỡ: *Một là*, tập thể lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã hoàn thành thuận lợi chuyển giao thế hệ, cả nước đẩy lên cao trào mới thực hiện nghị quyết Đại hội XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc, tạo sự bảo đảm vững chắc về chính trị cho việc không ngừng đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc. *Hai là*, Trung Quốc tuy phải chịu sự tác động của bệnh dịch SARS, nhưng kinh tế vẫn phát triển liên tục và nhanh chóng. Năm 2003, GDP tăng trưởng 8,5%, đạt khoảng 1 340 tỉ đô-la Mỹ, bình quân đầu người đã vượt 1 000 đô-la Mỹ. Bên cạnh đó, một số

* Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam



Tàu "Thần Châu 5" - đường vào vũ trụ

Ảnh: TL

lĩnh vực kinh tế - xã hội khác cũng đã đạt được những bước tiến mới. Trung Quốc đã trở thành nước thương mại lớn thứ 5 trên thế giới, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm 2003 đạt 840 tỉ đô-la Mỹ, trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 430 tỉ đô-la Mỹ. *Ba là*, Trung Quốc đã phóng thành công tàu vũ trụ có người lái đầu tiên mang tên "Thần Châu 5", đánh dấu sức mạnh khoa học - công nghệ của Trung Quốc vươn lên một đỉnh cao mới.

Về quan hệ giữa hai Đảng, hai nước Trung - Việt, năm 2003 cũng đánh dấu một chặng đường tiến lên vững chắc với những sự kiện nổi bật như sau:

Thứ nhất, Lãnh đạo hai Đảng của hai nước duy trì sự tiếp xúc thường xuyên. Đặc biệt là sau khi Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc vừa thành công tốt đẹp và bầu ra tập thể lãnh đạo mới, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã sang thăm và làm việc tại Trung Quốc vào tháng 4-2003. Tháng 10-2003 vừa qua, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Tấn Dũng đã nhận lời mời và sang thăm chính thức Trung Quốc. Ngay sau đó, bên

lề các hội nghị của APEC và ASEAN với Trung Quốc, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào và Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã lần lượt hội kiến với Thủ tướng Phan Văn Khải. Qua các chuyến thăm và gặp gỡ nói trên, lãnh đạo hai Đảng của hai nước đã đi đến nhiều nhận định chung quan trọng về việc tiếp tục quán triệt và thực hiện phương châm 16 chữ vàng là "*Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai*", để hai Đảng, hai Chính phủ và nhân dân hai nước mãi mãi là "láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt".

Thứ hai, với sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của lãnh đạo hai nước, quan hệ hợp tác kinh tế thương mại trong một năm qua lại đạt được những bước tiến đột phá. Trên cơ sở kim ngạch buôn bán hai chiều năm ngoái đã vượt 3 tỉ đô-la Mỹ, năm nay con số đó sẽ có triển vọng vượt 4 tỉ đô-la Mỹ. Các dự án cải tạo kỹ thuật Nhà máy Gang thép Thái Nguyên và Nhà máy Phân đạm Bắc Giang lần lượt khánh thành và thực hiện mục tiêu chuyển lỗ thành lãi, đã và đang góp phần tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam. Bên cạnh đó, các dự

án hợp tác quan trọng như Mô đồng Sin Quyền và Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngan đã lần lượt đi vào thực hiện, còn các dự án lớn như Mô bô-xít nhôm Đắc Nông cũng đang được tích cực xúc tiến. Điều đặc biệt đáng mừng là, Chính phủ Trung Quốc quyết định cung cấp khoản viện trợ không hoàn lại để xây dựng Cung Hữu nghị Việt - Trung tại Hà Nội, đã thể hiện đầy đủ tình cảm nồng ấm của nhân dân Trung Quốc đối với nhân dân Việt Nam anh em. Chúng tôi tin chắc rằng, với sự cố gắng chung của cả hai bên, quan hệ kinh tế thương mại hai nước sang năm mới nhất định sẽ có những bước tiến mạnh mẽ hơn nữa, dự kiến mục tiêu kim ngạch buôn bán hai chiều đạt 5 tỉ đô-la Mỹ nhất định sẽ trở thành hiện thực.

Thứ ba, sau khi hai nước chính thức ký kết Hiệp ước về biên giới trên đất liền cũng như Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ vào thời điểm chuyển giao thế kỷ, những công việc tiếp theo đã giành được bước tiến đáng kể trong một năm qua. Với sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo cấp cao, hai bên đã đi đến nhất trí về những vấn đề then chốt trong cuộc đàm phán tiếp theo về Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ, tạo điều kiện thuận lợi để Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ sớm đi vào cuộc sống. Đồng thời, qua một thời gian tìm tòi và tổng kết kinh nghiệm, công tác phân giới cắm mốc trên đất liền cũng đang được đẩy nhanh. Chúng tôi tin rằng, với sự nỗ lực bền bỉ của cả hai bên, hai nước nhất định sẽ xây dựng được đường biên giới hòa bình, hữu nghị và ổn định lâu dài.

Thứ tư, sự giao lưu và hợp tác giữa hai nước trên mọi lĩnh vực không ngừng phát triển theo cả bề rộng lẫn chiều sâu với những nét nổi bật như sau: Qua chuyến thăm Trung Quốc của đồng chí Lê Hồng Anh và đồng chí Phùng Quang Thanh, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng hai nước lần lượt ký nghị định thư hợp tác, đánh dấu quan hệ hợp tác hữu nghị giữa các cơ quan trọng yếu của hai nước đã bước vào giai đoạn thực chất; Hai Đảng đã tổ chức thành công cuộc hội thảo lý luận với

chủ đề "Chủ nghĩa xã hội với kinh tế thị trường", đã đưa sự giao lưu về lý luận giữa hai Đảng không ngừng đi vào chiều sâu; Thanh niên hai nước tiến hành cuộc gặp gỡ hữu nghị lần thứ IV. Đoàn Thanh niên Cộng sản hai nước đã ký kết Thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2004 - 2005, đã phát huy vai trò to lớn đối với việc đào tạo lớp kế tiếp của sự nghiệp quan hệ Trung - Việt hữu hảo.

Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương hai Đảng Cộng sản, *Tạp chí Cộng sản* và *Tạp chí Cầu thị* đã duy trì sự giao lưu và hợp tác mật thiết trong nhiều năm qua, đặc biệt vào tháng 12-2003, hai Tạp chí đã phối hợp tổ chức Hội thảo với chủ đề "Thực hiện dân chủ ở cơ sở: Qua thực tiễn Việt Nam và Trung Quốc". Hội thảo lần này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không những đưa ra những kiến nghị xứng đáng đóng góp cho việc tăng cường xây dựng chế độ dân chủ ở cơ sở tại mỗi nước, mà còn góp phần tích cực vào việc thúc đẩy sự giao lưu lý luận giữa hai Đảng phát triển theo chiều sâu. Chúng tôi hy vọng và tin tưởng rằng, qua sự cố gắng chung của cả hai bên, sự hợp tác giữa cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương hai Đảng nhất định sẽ không ngừng được tăng cường, góp phần xứng đáng vào sự giao lưu về lý luận giữa hai Đảng nói riêng và sự phát triển mối quan hệ hai Đảng của hai nước nói chung.

Thực tiễn đã chứng minh rằng, quan hệ hữu nghị Trung - Việt là tài sản quý báu của nhân dân hai nước. Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc coi trọng cao độ phát triển quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác toàn diện với Việt Nam, và nguyện cùng với Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam anh em tăng cường đoàn kết, mở rộng hợp tác, không ngừng mở ra tương lai tốt đẹp hơn cho quan hệ hai Đảng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai nước.

Nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thân cổ truyền sắp đến với hai dân tộc Trung - Việt, tôi xin gửi tới các bạn đọc giả của *Tạp chí Cộng sản* lời chúc tốt đẹp nhất. Chúc các bạn Năm Mới mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt. □

CHÂU ÂU NHẤT THỂ HÓA - THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG

TRẦN BÁ KHOA

LIÊN minh châu Âu (EU) - một liên minh kinh tế, chính trị - gồm 15 nước châu Âu đang trải qua thời điểm biến đổi nhanh chóng nhất kể từ ngày thành lập, cách đây 50 năm.

Trước đòi hỏi bức thiết của việc cải cách thể chế, (EU sắp mở rộng lên 25 nước từ tháng 5-2004 và sau đó có thể lên 34 nước) và việc nhất thể hóa châu Âu ngày càng đi vào chiều sâu trên nhiều phương diện (kinh tế, chính trị, ngoại giao và quốc phòng...), vấn đề đặt ra là EU sẽ phát triển thành một "siêu quốc gia", một "hợp chủng quốc" như Mỹ, liên bang kiểu Đức, hay chỉ là một liên minh kinh tế, chính trị, an ninh... được vận hành một cách linh hoạt, dưới hình thái "liên bang các nhà nước - dân tộc" gồm nhiều quốc gia riêng lẻ, vẫn giữ bản sắc và chủ quyền riêng?

1 - Quá trình hình thành và mở rộng

Trong lịch sử, nhiều đế quốc châu Âu sử dụng phương thức chiến tranh xâm lược để thống nhất châu Âu, nhưng rút cuộc đều thất bại.

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc không lâu, năm 1946, trong bài diễn văn tại Dux-rích (Thụy Sĩ), cựu Thủ tướng Anh, W. Sốc-sin, đã đưa ra kiến nghị lập "Hợp chủng quốc châu Âu" do Pháp và Đức lãnh đạo (Anh không tham gia). W. Sốc-sin muốn bắt đầu liên kết từ chính trị, nhưng một số chính khách khác chủ trương khởi đầu là kinh tế để từng bước thúc đẩy sự liên hợp châu Âu.

Lịch sử 50 năm qua chứng minh việc châu Âu bắt đầu bằng con đường hợp nhất về kinh tế là đúng

đúng. Than và thép là 2 nguyên liệu cơ bản trong kinh tế cũng như trong chiến tranh, do đó việc đầu tiên là năm 1951, lập Cộng đồng than, thép của 6 nước: Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, I-ta-li-a, Hà Lan, Bỉ, Luc-xăm-bua. Sáu năm sau (1957), 6 nước này đã ký Hiệp ước Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) và Hiệp ước Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu tại Rô-ma...

Căn cứ vào thỏa thuận của Hội nghị thượng đỉnh Ni-xơ (Pháp, tháng 12-2000), sau một thời gian sàng lọc, tuyển chọn, Hội nghị thượng đỉnh Cồ-pen-ha-gen (Đan Mạch, tháng 12-2002) đã chấp nhận kết nạp thêm 10 nước hội viên vào tháng 5-2004. Những hội viên mới hầu hết là các nước Trung và Đông Âu, gồm: Ba Lan, Hung-ga-ri, Cộng hòa Séc, Xlô-va-ki-a, Xlô-ven-ni-a, E-xtô-ni-a, Lát-vi-a, Lit-va, Síp và Man-ta, tạo thành một khối 25 nước, trải dài từ Đại Tây Dương tới giáp biên giới Bê-la-rút, U-crai-na, Nga và Đông Địa Trung Hải. Sau khi mở rộng, dân số EU sẽ tăng thêm 20%, lên tới 450 triệu người. Sau đợt kết nạp này, sẽ đến lượt Bun-ga-ri, Ru-ma-ni (vào năm 2007) và sau đó có thể là Thổ Nhĩ kỳ.

Đây là đợt kết nạp hội viên lớn nhất từ trước đến nay, sẽ làm thay đổi bộ mặt châu Âu vốn bị chia cắt suốt nhiều thập kỷ qua, triển vọng sẽ tạo ra một khối kinh tế, chính trị khổng lồ, nâng cao được khả năng cạnh tranh và hy vọng mang lại thịnh vượng và an ninh cho các nước thành viên.

Tuy nhiên, với số hội viên tăng lên (25 nước và hơn nữa), thể chế điều hành EU hiện nay như một

chiếc áo cũ đã quá chật, không còn thích hợp với một liên minh gồm nhiều nước với quy mô dân số, lãnh thổ, lợi ích và trình độ phát triển chênh lệch nhau xa và khác biệt nhau trong chính sách đối ngoại, cơ cấu phòng thủ, nhất là trong quan hệ với Mỹ.

2 - Nhất thể hóa châu Âu chứ không phải thống nhất

Điều này hàm nghĩa rằng, EU dù có mở rộng đến mấy chục nước thì cũng không thể trở thành một "hợp chủng quốc" như Mỹ hay một "liên minh lỏng lẻo kiểu phường hội để rồi mỗi thành viên hành động theo cách riêng của mình... mà phải tuân thủ nghiêm ngặt những qui định chung và được bảo đảm quyền lợi nhưng cũng phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ"⁽¹⁾. Cuối tháng 4-2001, Thủ tướng Đức G. Sru-ê-đơ đã đề nghị thành lập một Liên bang châu Âu mà hiến pháp sẽ được xây dựng trên cơ sở Hiến chương quyền cơ bản đã được thông qua năm 2000. Ngày 9-2-2001, Tổng thống Pháp, G. Si-rắc, tuyên bố chủ trương "xây dựng một liên bang châu Âu trên cơ sở các nhà nước - dân tộc, dựa trên một nhóm nước hạt nhân làm động lực cho phát triển, có một cơ chế quyết định hiệu quả và hợp pháp". Ngày 25-5-2001, Thủ tướng Anh, T. Ble, nêu lên ý tưởng hình thành một châu Âu của "các dân tộc tự do, độc lập và có chủ quyền"⁽²⁾.

3 - Nhất thể hóa tài chính tiền tệ

Vốn xuất thân từ một cộng đồng kinh tế, nên tiến triển về mặt hợp tác và hợp nhất lực lượng, thể chế, cơ cấu tài chính tiền tệ của EU là nổi bật nhất. Sau khi hợp nhất 3 lĩnh vực: than, thép, năng lượng hạt nhân, năm 1967 - 1968 lập Cộng đồng Thuế quan và Thị trường chung nông sản, xóa bỏ thuế quan đối với hàng công nghiệp trong nội bộ 6 nước, thực hiện thuế quan thống nhất đối ngoại. Năm 1979, Cộng đồng Kinh tế châu Âu (EEC) lập hệ thống tiền tệ thống nhất, quy định biên độ dao động tỷ giá hối đoái (không có Anh). Năm 1985, EEC thông qua "Đạo luật châu Âu duy nhất" nhằm thúc đẩy hơn nữa quá trình liên kết kinh tế khu vực, tiến tới một hệ thống ngân hàng trung ương châu Âu và đồng tiền chung, cùng nhau hợp tác phát triển khoa học, giáo dục, y tế, luật pháp và bảo vệ môi trường.

Năm 1991, sau hơn 6 năm chuẩn bị, Hội nghị thượng đỉnh EEC họp ở Ma-xơ-ric (Đan Mạch), thông qua kế hoạch xây dựng Liên minh Kinh tế và Tiền tệ. Năm 1992, Bộ trưởng Ngoại giao và Bộ trưởng Tài chính các nước EEC ký thành hiệp ước. Các văn kiện này chẳng những quy định thống nhất đồng tiền châu Âu mà còn yêu cầu đẩy mạnh nhất thể hóa chính trị. Năm 1993, EEC đổi tên thành Cộng đồng châu Âu (EC) và năm 1994 đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU). Kể từ ngày 1-1-1993, khi Hiệp ước Ma-xơ-ric có hiệu lực, EU trở thành thị trường duy nhất; các đường biên giới được giải phóng, tạo ra một thị trường khu vực rộng lớn chưa từng có mà ở đó, con người, hàng hóa và dịch vụ được lưu chuyển tự do. Năm 1995, EU quyết định châu Âu trong tương lai sẽ loại bỏ các đồng tiền bản địa của các nước thành viên và thống nhất lưu hành đồng tiền chung (ơ-rô) trong khối. Năm 1996, Hội nghị thượng đỉnh EU thông qua "Công ước ổn định và phát triển", đề ra quy định nghiêm ngặt về kỷ luật tài chính, tiền tệ, ngân sách. Năm 1997, Hiệp ước Am-xtéc-đam (Hà Lan) nhấn mạnh, EU không chỉ coi trọng kinh tế mà còn chú trọng đến sự tăng trưởng và giải quyết việc làm. Năm 1998 xác định có 11 nước tham gia Khu vực đồng ơ-rô. Từ ngày 4-1-1999, EU bắt đầu loại bỏ đồng ê-cu và lưu hành đồng ơ-rô song song với đồng tiền bản địa. Năm 2001, Hy Lạp xin gia nhập khu vực đồng ơ-rô (Anh, Đan Mạch và Thụy Điển chưa tham gia). Từ ngày 1-1-2002, đồng ơ-rô chính thức được lưu hành và từ tháng 2 cùng năm, EU cấm lưu hành đồng tiền riêng của các nước thành viên.

Năm năm kể từ khi đồng ơ-rô ra đời, tuy có một thời gian mất giá mạnh, nhưng từ đầu năm 2003, đồng ơ-rô đã tăng giá mạnh so với đồng đô-la Mỹ. Sự ra đời của đồng ơ-rô mở ra con đường mới - liên minh tiền tệ khu vực - có lợi cho ổn định chính trị và phồn vinh của châu Âu, cung cấp cho thế giới một đồng tiền mạnh, cạnh tranh với đồng đô-la Mỹ

(1) Tuyên bố của Đô-mi-ni-cơ Đờ Lơ-panh, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp. (Tài liệu tham khảo đặc biệt TTXVN, 4-2-2002)

(2) Theo báo Pháp, *Le Figaro*, 29-5-2001

trong thanh toán quốc tế và dự trữ ngoại tệ của các nước.

4 - Nhất thể hóa chính trị

Đây là vấn đề gây tranh cãi, kéo dài trong nhiều năm giữa nhiều nước trong EU, bởi nó liên quan đến chủ quyền của các nước thành viên. Trong cuộc tranh cãi này, chỉ có Đức là muốn EU theo thể chế liên bang kiểu Đức. Nhưng cuối cùng, tất cả các nước EU đều nhất trí đây là "liên bang các nhà nước - dân tộc", thực chất là liên minh kinh tế chính trị của các quốc gia châu Âu. Thể chế chính trị mới nhằm hai mục tiêu: hình thành một thị trường nội địa chung và tạo cho kinh tế châu Âu có khả năng cạnh tranh thắng lợi với mọi cực kinh tế trên thế giới, đồng thời tiến hành hợp tác đa dạng rộng lớn với mọi đối tác. Các thành viên EU phải có nghĩa vụ thực hiện nguyên tắc "chủ quyền chia sẻ" trong hoạt động của các ngành cảnh sát, tòa án, đối ngoại và phòng thủ, tiến tới hình thành chính sách thuế chung của Liên minh.

Ủy ban soạn thảo Hiến pháp EU, do cựu Tổng thống Pháp, Va-lê-ry G. Đe-xtanh làm Chủ tịch, gồm 105 thành viên của 28 nước (bao gồm cả 13 nước có khả năng được kết nạp vào EU), sau 16 tháng làm việc đã đạt được sự đồng thuận trong Hội nghị "Tương lai châu Âu" (6-2003) và bản Dự thảo đã được trình lên Hội nghị Thượng đỉnh EU ở Póc-tô Ca-rát (Hy Lạp) vào tháng 6 và tháng 10-2003, và có khả năng đạt được thỏa thuận cuối cùng tại Hội nghị thượng đỉnh EU vào cuối tháng 12-2003. Những thay đổi đáng chú ý trong Dự thảo này là các đề xuất về Hội đồng châu Âu gồm các nhà lãnh đạo cao nhất của châu Âu, sẽ đề cử và bổ nhiệm một chủ tịch EU có nhiệm kỳ dài hạn (5 năm) thay thế cho cơ chế chủ tịch luân phiên với nhiệm kỳ 6 tháng hiện nay; lập ra chức Bộ trưởng ngoại giao EU với sự chấp thuận của Ủy ban châu Âu (EC); Ủy ban châu Âu là cơ quan hành pháp của EU chỉ gồm 15 thành viên do các nước luân phiên đảm nhiệm (hiện gồm 20 ủy viên trong đó 5 nước lớn Pháp, Đức, Anh, I-ta-li-a, Tây ban Nha, do có dân số đông được cử 2 ủy viên mỗi nước, sắp tới chỉ 1); giảm bớt quyền phủ quyết, tăng quy chế biểu quyết theo đa số. Về quy chế Nghị viện châu Âu, không

có thay đổi lớn. Mặc dù đã trải qua nhiều hội nghị cấp cao từ tháng 6-2003 đến nay, nhưng vẫn tồn tại nhiều bất đồng (và ý kiến bảo lưu của nhiều nước nhỏ), về việc hạn chế số ủy viên - chỉ 15 trong Ủy ban châu Âu (theo Hiệp ước Ni-xơ: mỗi thành viên có 1 ủy viên). Về mức độ nhất thể hóa cơ cấu phòng thủ (Anh và Ba Lan bày tỏ lo ngại điều này đe dọa đối với vai trò của NATO), nếu đạt được thỏa thuận tại Hội nghị liên chính phủ vào tháng 12-2003, sẽ ký kết vào năm 2004. Sau đó, quốc hội các nước sẽ thông qua. Tuy nhiên, một số nước, chẳng hạn như Anh, gợi ý phải đưa ra trưng cầu dân ý. Nếu mọi việc suôn sẻ, châu Âu sẽ có hiến pháp vào năm 2006. Nếu ngược lại, các nước sẽ phải quay lại bàn hội nghị, không hứa hẹn ngày kết thúc.

Như vậy, từ cuối thập kỷ 90 thế kỷ XX, các nước trong Liên minh châu Âu đã nhận thức lợi ích to lớn và sự cần thiết của việc xây dựng Liên minh châu Âu nhất thể hóa về chính trị, với thể chế và cơ cấu tổ chức điều hành có hiệu quả hơn khi EU mở rộng. Đạt được nhiều tiến triển nhất theo hướng trên là thỏa thuận của Hội nghị thượng đỉnh Ni-xơ - một hội nghị thượng đỉnh dài ngày nhất và phức tạp nhất trong lịch sử xây dựng châu Âu (cuộc họp kéo dài 5 ngày và thỏa thuận chỉ đạt được vào 4 giờ 30 sáng ngày họp cuối cùng). Đây là điểm sáng dọn đường cho việc soạn thảo Hiến pháp châu Âu và thúc đẩy hơn nữa sự hội nhập và hợp nhất các xã hội châu Âu.

5 - Nhất thể hóa phòng thủ và ngoại giao

Trước những yếu kém nhiều mặt về khả năng quân sự của châu Âu, thể hiện qua cuộc chiến tranh Nam Tư (đầu năm 1999), các nước "hạt nhân" của EU như Pháp, Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan, Lúc-xăm-bua đã bày tỏ quyết tâm xây dựng nền phòng thủ châu Âu vững mạnh, độc lập với NATO. Sau chiến tranh Á-p-ga-ni-xtan, nhất là sau chiến tranh I-rắc, các nước trên cũng bày tỏ ý muốn xây dựng nền ngoại giao chung của EU một cách mạnh mẽ, làm cho EU trở thành một cực bình đẳng với Mỹ và các trung tâm quyền lực khác. Thực ra, ý tưởng xây dựng một lực lượng quân sự riêng của châu Âu đã được Pháp, Đức thử nghiệm khi hai nước này xây dựng một Quân đoàn phản ứng nhanh vào đầu những năm 90 thế kỷ XX.

Tờ *Nước Bỉ tự do* (số ra ngày 13-4-2001) viết: "Trong lĩnh vực quân sự, nếu mãi cho đến gần đây, mọi kế hoạch liên quan đến việc xây dựng một chính sách quốc phòng châu Âu không gây được sự chú ý nhiều, thì ngày nay sự việc đã khác hẳn". Cũng theo tờ báo trên, đối với những người có đầu óc thực dụng, một chính sách đối ngoại và an ninh chung sẽ cho phép các nước thành viên EU nâng được tính hữu hiệu của mình và làm cho châu Âu đủ mạnh. Đối với những người theo chủ nghĩa Đờ-gôn và một bộ phận cánh tả rất lớn trong EU, thì EU phải có một chính sách đối ngoại và an ninh chung để chống lại chủ nghĩa bá quyền Mỹ.

Tờ *Thời báo Niu-Yoóc* (số ra ngày 13-12-1999) viết: "Phản ứng trước thái độ "siêu quyền lực" của Mỹ, từ lâu Pháp đã muốn châu Âu có một sức mạnh to lớn về chính trị, quân sự, cũng như muốn biến châu Âu thành một khối kinh tế lớn". Ý đồ này của Pháp đã được các nhà lãnh đạo EU nhất trí tại Hội nghị thượng đỉnh Hen-xin-ki (Phần Lan, tháng 12-1999). Tại cuộc họp này, các nhà lãnh đạo EU đã quyết định xây dựng một "lực lượng phản ứng nhanh" gồm 60 000 quân (3 sư đoàn) vào năm 2003 và lập Ủy ban Chính trị - Quân sự thường trực và một nhóm chuyên gia quân sự giúp hoạch định chính sách và chiến lược. Thủ tướng Đức, G. Sru-ê-đơ, nói: "EU phải có các cơ cấu ra quyết định về chính trị và quân sự, có khả năng nhận biết khủng hoảng và kiểm soát khủng hoảng". Đầu tháng 11-1999, Hội đồng châu Âu đã bổ nhiệm Tổng Thư ký EU, G. Xô-la-na, kiêm nhiệm Tổng Thư ký Liên hiệp Tây Âu (WEU) và là đại diện cao nhất cho chính sách an ninh và đối ngoại của EU. WEU thành lập tháng 11-1954 gồm 10 thành viên chính thức là Bỉ, Pháp, Đức, Hà-Lan, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Hy Lạp và Lúc-xăm-bua và 18 nước thành viên liên kết, là tổ chức quân sự của các nước Tây Âu. Do không có lực lượng quân sự riêng và nằm dưới cái bóng của NATO, nên vai trò của WEU mờ nhạt. Thông qua Hiệp ước Ma-xơ-ric, EU tạo ra tiền đề pháp lý và chính trị nhằm cải tiến WEU thành nhân tố phòng thủ quân sự của mình và thành trụ cột quân sự châu Âu trong NATO. Đến năm 2000, WEU giải thể và sát nhập vào EU, làm chức năng phòng thủ chung của EU.

Để hoàn chỉnh thể chế phòng thủ, mới đây (ngày 19-6-2003), một bản dự thảo chiến lược an ninh châu Âu đã được vạch ra, nêu lên mối đe dọa đối với an ninh phương Tây và thế giới là chủ nghĩa khủng bố quốc tế và nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Đánh giá này giống như phân tích của Mỹ, song đề xuất giải pháp đa phương chứ không phải đơn phương, đánh đòn phủ đầu để giải quyết các mối đe dọa đó.

Về xây dựng lực lượng công nghiệp quốc phòng chung, trên cơ sở sáp nhập nhiều tổ hợp hàng không vũ trụ của nhiều nước thành viên, đã thành lập Tập đoàn Công nghiệp hàng không vũ trụ châu Âu (AEDS). Tập đoàn này sản xuất máy bay Airbus, máy bay cường kích, máy bay vận tải quân sự hạng nặng A400M (8 nước châu Âu đã đặt mua 196 chiếc trị giá 16 tỉ ơ-rô). Để bảo đảm có hệ thống thông tin chỉ huy riêng, EU đã quyết định phát triển Hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu GPS Gia-li-lê-ô của châu Âu.

Trên lĩnh vực đối ngoại, EU đã thực hiện chính sách "một tiếng nói" trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng, như chính sách tăng cường hợp tác với Nga, xung đột I-xra-en - Pa-le-xtin, bình thường hóa quan hệ với Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, đưa ra giải pháp cho vấn đề hạt nhân ở I-ran và bán đảo Triều Tiên... Rút kinh nghiệm từ sự chia rẽ sâu sắc giữa EU và với các ứng cử viên vào EU ở Trung, Đông Âu, giữa châu Âu "cũ" do Pháp, Đức dẫn đầu và châu Âu "mới" do Anh, Ba Lan dẫn đầu, các nhà lãnh đạo EU đang thận trọng hàn gắn rạn nứt và tìm cách có tiếng nói chung nhiều hơn trong chính sách đối ngoại và phòng thủ châu Âu. Chủ tịch Ủy ban châu Âu, R. Prô-đi, đã kêu gọi các nước thành viên, bằng tinh thần trung thực và đoàn kết, ủng hộ chính sách ngoại giao - an ninh chung của châu Âu, từ đó khiến EU trở thành một lực lượng chính trị tích cực và có ảnh hưởng trên thế giới. Cuối tháng 4-2003 vừa qua, Hội nghị thượng đỉnh 4 nước Pháp, Đức, Bỉ, Lúc-xăm-bua đưa ra kiến nghị xây dựng Liên minh phòng thủ châu Âu với bộ chỉ huy và lực lượng vũ trang riêng, đã phản ánh phần nào ý nguyện chính trị của đa số các nước thành viên muốn nhanh chóng nâng cao khả năng phòng thủ chung của châu Âu.

Chính sách ngoại giao và an ninh là trụ cột lớn thứ hai trong tiến trình nhất thể hóa châu Âu. Do sự khác biệt về lợi ích của mỗi nước, sự chênh lệch về khả năng chi phí quân sự và sự phân tán trong kế hoạch xây dựng quốc phòng, việc nhất thể hóa về quốc phòng và chính sách đối ngoại của EU gặp nhiều khó khăn, trở ngại và tất yếu phải trải qua quá trình lâu dài mới thực hiện được, trong đó Hội nghị thượng đỉnh Hen-xin-ki là cột mốc đánh dấu bước mở đầu đầy triển vọng.

6 - EU với tham vọng trở thành một cực trong thế giới đa cực

Với hơn nửa thế kỷ tồn tại, từ một cộng đồng 6 nước lúc khởi đầu, nay là Liên minh 15 nước và sắp tới lên 25 nước thành viên, nền tảng của một "Cường quốc Đại châu Âu" đang từng bước hình thành với hơn 450 triệu dân, GDP đạt 9,5 nghìn tỉ USD, chỉ đứng sau Khu vực Mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) với GDP đạt 12 nghìn tỉ USD. Cùng với quá trình nhất thể hóa đi vào chiều sâu, EU đã là nền kinh tế nhất thể hóa nhất, thành công nhất toàn cầu. Đây là sản phẩm hoàn toàn mới trong lịch sử thế giới. Nhà nghiên cứu chiến lược quốc tế, người Mỹ, D. Brê-din-xki thừa nhận: "Về lâu dài, việc xuất hiện một châu Âu thực sự đoàn kết về chính trị sẽ khiến việc phân chia lại lực lượng nảy sinh sự thay đổi cơ bản, ảnh hưởng lớn tới sự cân bằng toàn cầu và địa vị của bản thân nước Mỹ"⁽³⁾. Đúng như lời cựu Tổng thống Pháp, Gi-xca Đe-xtanh, từng nói: "Quá trình cân nhắc lâu dài về số phận châu Âu trong tương lai sẽ sớm thúc đẩy các nước Cựu lục địa thông qua một hiến pháp chung. Trong 50 năm tới, vai trò của châu Âu trên thế giới sẽ thay đổi, châu Âu sẽ được tôn trọng hơn, không chỉ với tư thế cường quốc kinh tế mà còn là cường quốc chính trị, sánh ngang với các cường quốc hàng đầu trên thế giới"⁽⁴⁾.

Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu đó, con đường đi của EU không bằng phẳng mà quanh co phức tạp, có nhiều trở ngại và thử thách. Thống nhất thường tạo ra sức mạnh, điều này dường như đúng với mọi nơi mọi lúc. Tuy nhiên, trong tình hình EU sắp mở rộng, kết nạp thêm nhiều nước nghèo, nhỏ (ngoại trừ Ba Lan với dân số 39 triệu), thu nhập bình quân đầu người chỉ bằng hơn một phần ba của EU, nên EU đã

rút hầu bao để bao cấp cho các nước này, nhất là về nông nghiệp. Với việc nhìn nhận EU như một đối thủ cạnh tranh chính yếu trong vài thập kỷ tới, Mỹ đã lợi dụng quan hệ đặc biệt với Anh và chính sách "ngoại giao đô-la" để lôi kéo một số nước Đông Âu, gây chia rẽ giữa các nước EU, cản trở quá trình nhất thể hóa về chính trị, ngoại giao, phòng vệ châu Âu. Các nước nghèo Đông Âu cũng phần nào lo ngại về tiếng nói ít trọng lượng của họ trong hướng đi mới của EU. Trong khuôn khổ Hiệp ước Ni-xơ và Hiến pháp châu Âu sắp hoàn tất, vai trò của Hội đồng châu Âu, Ủy ban châu Âu và Nghị viện châu Âu sẽ gia tăng đáng kể. Trong mô hình "Liên bang các nhà nước - dân tộc", sự gia tăng nhất thể hóa châu Âu đi liền với sự gia tăng thẩm quyền của các cơ quan của Liên minh, nhất là trên các vấn đề nhạy cảm như chính sách an ninh, ngoại giao và một số vấn đề xã hội khác (nhập cư, cảnh sát, chế độ thuế...) và sự giảm dần chủ quyền của các nước thành viên.

Trên bàn cờ chiến lược quốc tế, EU được đánh giá như là một siêu cường kinh tế nhưng lại là "chú lùn" quân sự. Nhiều nước lớn như Pháp, Đức muốn EU trở thành một cực mạnh, sử dụng Liên hợp quốc và liên kết với các nước lớn khác để kiềm chế chính sách bá quyền đơn phương của Mỹ. Tuy nhiên, những gì diễn ra sau sự kiện 11-9 đã chứng minh điều ngược lại. Nước Mỹ dưới sự dẫn dắt của thế lực bảo thủ mới, ỷ vào sức mạnh vượt trội của mình đã bỏ ngoài tai những lời cảnh báo của EU, mở rộng cuộc chiến quân sự chống khủng bố ra toàn cầu, đơn phương xâm lược I-rắc. Điều này một mặt gây chia rẽ sâu sắc châu Âu; mặt khác, cũng làm dấy lên làn sóng chính trị chống Mỹ và thúc đẩy nhanh, mạnh mẽ, rộng khắp quá trình nhất thể hóa châu Âu. Tuy nhiên, để biến ý chí chính trị đó thành hiện thực, bản thân các nước thành viên EU, không có con đường nào khác ngoài việc cùng nhau giải quyết êm thấm sự bất đồng nội bộ, đặt lợi ích toàn khối lên trên lợi ích riêng, tìm cách hòa hợp lợi ích giữa nước lớn với các nước nhỏ, từ bỏ bớt và chia sẻ một cách nhanh chóng chủ quyền của nhà nước - dân tộc mình. □

(3) Tạp chí Chiến lược và quản lý Trung Quốc, số 5-2000

(4) Theo Hãng tin Roi-tơ, 14-12-2002



Chúc
Tết
Xuân

Giáp Thìn
2004



Kính chúc Quý khách
Năm mới An Khang Thịnh Vượng

TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội; ĐT: 84.4.9435104; Fax: 84.4.9435851; Website: <http://www.vnpt.com.vn>

Digitized by Google

Chúc Mừng
Năm Mới
2004



CÔNG TY DẦU KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SAIGON PETRO

Trụ sở chính: 27 Nguyễn Thông, Q.3, TP.HCM
Tel: (84.8) 930 7989 - 930 7037 Fax: (84.8) 930 7642

NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI
P. Thanh Mỹ Lợi, Q.2 - TP. HCM
Tel : 08.897 6114
Fax : 08. 742 1249

XUỞNG LPG
P. Thanh Mỹ Lợi, Q.2, TP. HCM
Tel : 08.897 6113
Fax : 08. 742 0890

**CHI NHÁNH SAIGON PETRO
TẠI CẦN THƠ**
144B Cách mạng Tháng Tám,
TP. Cần Thơ
Tel : 071.834 476
Fax : 071.833 746

**CHI NHÁNH SAIGON PETRO
TẠI ĐỒNG NAI**
Quốc lộ 51, Phước Tân,
Long Thành, Đồng Nai
Tel : 061.939 678
Fax : 061.930 405

**CHI NHÁNH SAIGON PETRO
TẠI VŨNG TÀU**
75 Trần Đồng, TP. Vũng Tàu
Tel : 064.857 742
Fax : 064.807 412

Các ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Lọc, chế biến, kinh doanh các loại sản phẩm từ dầu thô.
- Xuất nhập khẩu, làm đại lý ủy thác xuất nhập khẩu (theo giấy phép của Bộ Thương Mại) và kinh doanh các loại xăng dầu, các sản phẩm chế biến về dầu mỏ và khí đốt, máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất... phục vụ ngành dầu khí.
- Dịch vụ vận chuyển dầu thô, xăng dầu và các sản phẩm về dầu khí
- Liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế với các đơn vị trong và ngoài nước để phục vụ ngành dầu khí.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Địa chỉ: 63 Vũ Thạnh - Đống Đa Hà Nội * ĐT: 04 5 120 523/ 5 120 537/ 5 120 538 * Fax: 04 5 120 524 * Giám đốc Chi nhánh: **Thạc Sĩ. BẠCH NGỌC DU**

Chào mừng
HAPPY NEW YEAR 2004
năm mới



AN

KHANG

THỊNH

VƯỢNG

Happy New Year



ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Địa chỉ: Đại cổ việt - Hà Nội * Điện thoại: 04 869 2222, 869 2896 * Fax: 04 869 2006
* HIỆU TRƯỞNG- PGS TRẦN QUỐC THẮNG * BÍ THƯ ĐẢNG ỦY - GS NGUYỄN KHẮC XƯƠNG



Lễ trao Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp kiểm tra Đảng"



P. Hiệu trưởng - GS. Hoàng Bá Chư thay mặt Trường ký HĐ chuyển giao công nghệ tại "Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003"



Trường Đại học Bách khoa Hà Nội - trường đại học trọng điểm đa ngành, đa lĩnh vực về khoa học và công nghệ của đất nước. Trường định hướng rõ mục tiêu: "Xây dựng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội thành trường đại học đào tạo trình độ cao, đa ngành, đa lĩnh vực; một trung tâm nghiên cứu khoa học hàng đầu của đất nước, với một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; một địa chỉ tin cậy, hấp dẫn đối với nhà đầu tư phát triển công nghệ, giới doanh nghiệp trong và ngoài nước".

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC

- ❖ 18 khoa, viện và bộ môn trực thuộc, trong đó gồm 98 bộ môn và phòng thí nghiệm chuyên ngành,
- ❖ 20 phòng, ban nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý điều hành các mặt công tác hành chính của trường,
- ❖ 25 trung tâm và phòng thí nghiệm trọng điểm triển khai các hoạt động NCKH-CGCN.
- ❖ 1 công ty trách nhiệm hữu hạn

2. NHÂN SỰ:

- ❖ Tổng số cán bộ, công chức: 1732, trong đó:

- + Nữ: 678
- + Đảng viên: 633
- + Nhà giáo Nhân dân: 5
- + Nhà giáo Ưu tú: 54
- + Giáo sư: 42
- + PGS: 152
- + Tiến sĩ KH: 30
- + Tiến sĩ: 354
- + Thạc sĩ: 310

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CGCN, SXKD

- ❖ Hiện đang đào tạo hơn 25 000 sinh viên, trong đó hơn 2 000 học viên cao học và nghiên cứu sinh theo học 78 chuyên ngành của trường
 - ❖ Hằng năm tổ chức tuyển sinh:
 - + Đào tạo đại học: 3 700 sinh viên
 - + Đào tạo quốc tế (đại học và sau đại học): 700 sinh viên
 - + Sau và trên đại học: 400 học viên cao học, 80 nghiên cứu sinh
 - + Đại học tại chức: 2000 sinh viên (đào tạo tại trường và các địa phương, các tổng công ty)
 - ❖ Thực hiện đề tài: trung bình 5 năm gần đây (mỗi năm thực hiện):
 - + 30 đề tài Nhà nước
 - + 100 đề tài cấp Bộ
 - + 150 đề tài cấp Trường
 - + Công bố trên 400 bài báo, báo cáo khoa học
 - + Xuất bản trên 200 đầu sách và giáo trình chuyên khảo
 - ❖ Tổ chức và tham gia nhiều hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế, chủ trì hoạt động của nhiều hội chuyên ngành.
- THÀNH TÍCH ĐẢNG BỘ ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI**
- 1- Đảng bộ đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh 6 năm liền, có hai năm là đảng bộ trong sạch, vững mạnh xuất sắc
 - 2- Có 9 Đảng bộ khoa, viện và 74 chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch, vững mạnh
 - 3- Có 632/633 đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ

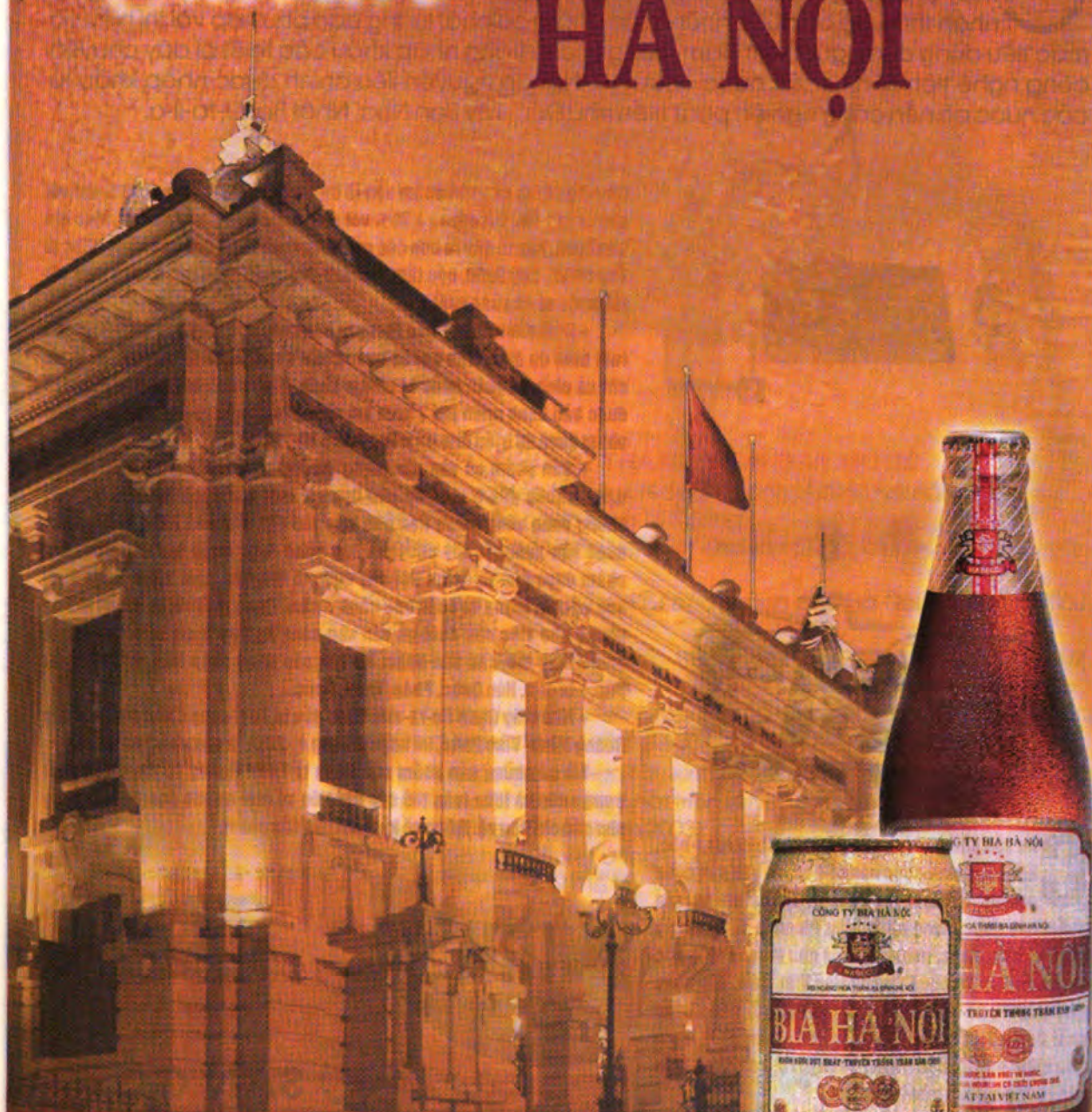
Chúc Mừng Năm Mới

Một nét

Văn hóa

Culture

HÀ NỘI



NGUỒN NƯỚC DUY NHẤT - TRUYỀN THỐNG TRĂM NĂM

Digitized by Google

Công ty TNHH Hoàng Tử

Địa chỉ: 26 Cát Linh - Đống Đa Hà Nội * Điện thoại: 04- 7338 779 * Fax: 04- 7337 537

Giám đốc: **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Công ty TNHH Hoàng Tử là đơn vị chuyên doanh về đồ nội thất, vật liệu xây dựng và thiết bị phòng tắm, với tổng số nhân viên trên 300 người. Ban Lãnh đạo Công ty nhận thấy, để có được những sản phẩm có chất lượng cao phù hợp với thị hiếu và mức tiêu dùng của người Việt Nam, công ty chú trọng nhập khẩu các thiết bị dây chuyền công nghệ tiên tiến từ các nước châu Âu. Nguồn nguyên liệu chính được nhập khẩu từ các nước có nền công nghiệp phát triển như Đức, Tây Ban Nha, Nhật Bản, I-ta-li-a.



Tiêu thụ chính của sản phẩm vẫn là thị trường nội địa chiếm 70% đối với chậu rửa I-nốc Pícenza và 30% với sản phẩm bồn tắm Pícenza. Mức giá bán buôn, bán lẻ đều rẻ hơn các sản phẩm cùng loại của các hãng khác từ 150 000đ - 200 000đ, bồn tắm Pícenza được bảo hành miễn phí 3 năm với lỗi thuộc về nhà sản xuất.

+ Bình nước nóng I-nốc Pícenza hạn chế được tối đa sự ăn mòn thành ruột bình do điều kiện nguồn nước chứa nhiều khoáng tạp, can-xi thậm chí cả những nguồn nước bị nhiễm phèn. Bình nước nóng I-nốc Pícenza được bảo hành miễn phí 7 năm với những lỗi thuộc về nhà sản xuất. Sản phẩm được dự triển lãm Nam Phi tháng 10-2003.

+ Sản phẩm gỗ ván sàn mang thương hiệu Pícenza có mẫu mã đa dạng, phong phú trang nhã phù hợp với mọi quy cách thiết kế, bề mặt không cong vênh thuận tiện cho việc lắp đặt. Ván sàn bằng gỗ Pícenza được sản xuất với dây chuyền công nghệ được nhập từ CHLB Đức, sản phẩm được giới thiệu tại Hội chợ quốc tế Mùa thu năm 2003, được đảm bảo về chất lượng và được bảo hành 7 năm. Công ty TNHH là đơn vị đi tiên phong cho việc sản xuất gỗ ván sàn công nghiệp trong nước với mong muốn thay thế các sản phẩm gỗ ván sàn đang nhập trên thị trường từ Đức, I-ta-li-a, Hàn Quốc, Pháp, Trung Quốc...

+ Nhà máy Gạch Ce-ra-míc được đầu tư 70 tỉ đồng ở khu công nghiệp Quang Minh - Vĩnh Phúc, kế hoạch tháng 4 - 2004 ra sản phẩm đầu tiên.

Tất cả những sản phẩm của Công ty TNHH Hoàng Tử được sản xuất trong nước và luôn tuân thủ các chỉ tiêu về môi trường ngoại quan cũng như các chỉ tiêu về thông số kỹ thuật của sản phẩm.

Các sản phẩm chính của Công ty: Chậu rửa I-nốc, bồn tắm, bình nước nóng I-nốc, gỗ ván sàn công nghiệp và gạch ce-ra-míc. Tất cả những sản phẩm này được mang nhãn hiệu Pícenza được chứng nhận về kiểu dáng, mẫu mã cũng như thương hiệu độc quyền do Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam, cấp ngày 22/05/2002, số 1704/QĐ - ĐK, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam số TC 03 2001; đồng thời, được Nhà nước bảo hộ độc quyền nhãn mác, bao bì và kiểu dáng công nghiệp trong cả nước.

+ Chậu rửa I-nốc Pícenza, bồn tắm Pícenza là sản phẩm được thiết kế mẫu mã và kiểu dáng theo mô-đen mới nhất thích hợp với thị hiếu người tiêu dùng để lắp đặt và an toàn cho người sử dụng. Hiện tại, thị trường



SÀN GỖ

PÍCENZA

Digitized by Google

CÔNG TY TNHH HOÀNG TỬ

Chúc mừng năm mới
Xuân 2004



NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- + Là doanh nghiệp trẻ tiêu biểu của Thành phố Hà Nội năm 2002.
- + Năm 2003, nộp ngân sách 14 tỉ đồng.
- + Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt cho sản phẩm bình nước nóng i-nốc Picezza (năm 2003).
- + Doanh nghiệp trẻ tiêu biểu của Thành phố Hà Nội các năm 2000, 2001, 2002, 2003.
- + Doanh nghiệp trẻ tiêu biểu toàn quốc các năm 2000, 2001, 2002, 2003.
- + Huy chương Vàng cho sản phẩm chậu rửa i-nốc tại hội chợ hàng hóa người tiêu dùng ưa thích (năm 2003).
- + Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế tặng bằng khen do "Đã có thành tích xuất sắc trong phát triển sản phẩm và thương hiệu tham gia hội nhập kinh tế quốc tế" (năm 2003)
- + Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng Huy chương " ỉ thế hệ trẻ" về thành tích đóng góp và sự nghiệp giáo dục trẻ và xây dựng tổ chức Đoàn (năm 2003)
- + UBND TP Hà Nội tặng bằng khen do "Đã có thành tích trong phong trào thi đua, xây dựng, phát triển doanh nghiệp và hoạt động xã hội góp phần vào các mục tiêu kinh tế - xã hội Hà Nội năm 2003"
- + UBTƯ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tặng bằng khen " tập thể cán bộ công nhân viên chức đã có thành tích trong hoạt động doanh nghiệp trẻ Hà Nội và đóng góp cho phong trào thanh, thiếu nhi Thủ Đô năm 2003".
- + UBND TP. Hà Nội tặng bằng khen do "Đã thực hiện tốt Luật Doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội" (năm 2003).



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY XDCT GIAO THÔNG I
CÔNG TY CẦU 12
Đơn vị 3 lần Anh hùng

Địa chỉ: Sài Đồng - Long Biên - Hà Nội * Tel: (04) 8 272 413 * Fax: (04) 8 272 419 * Email: congtycau12@hn.vnn.vn



- Công ty cầu 12 thuộc Tổng Công ty Xây dựng CTGT 1 - Bộ GTVT - tiền thân là Đội cầu Chủ lực (Đơn vị xây dựng cầu đầu tiên của nước Việt Nam) thành lập ngày 17 tháng 8 năm 1952. Trải qua 50 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 49 huân chương các loại.
- 4 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.
- Công ty 2 lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động (1985, 1997) và 1 lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân (19/3/2002).
- Là đơn vị thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000

Nhân dịp đón Xuân Giáp Thân 2004, Công ty Cầu 12 kính chúc các Cơ quan, Đoàn thể và Doanh nghiệp một năm mới Hạnh phúc, An khang, Thịnh vượng



CÔNG TY VẬN TẢI DẦU KHÍ
PETROVIETNAM TRANSPORTATION COMPANY - PV TRANS CO.

*Chúc
Mừng
Năm
Mới*

- Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm dầu khí.
- Tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí.
- Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác với các đối tác trong và ngoài nước.
- Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ sửa chữa tàu biển và dịch vụ hàng hải khác.
- Liên doanh trong và ngoài nước để triển khai các dự án về vận tải, tàng trữ, kinh doanh các sản phẩm dầu khí, thiết bị vật tư tàu thuyền.

172 NGUYỄN VĂN THỦ, P. ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP.HCM • ĐT: (84.8) 8246 176 • FAX: (84.8) 8220 341



TỔNG CÔNG TY CAO-SU VIỆT NAM CÔNG TY CAO-SU PHÚ RIÊNG



Giám đốc: LÊ MINH CHÂU



Địa chỉ: Xã Phú Riềng, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước
Điện thoại: (0651) 777 264, 777 901 * Fax: (0651) 777 901, 777 758
Email: nt4-bpc@hcm.vnn.vn - xnk@phuriengrubber.com
Website: http://phuriengrubber.com

Công ty thành lập ngày 06-9-1978 theo Quyết định số 318/NN-TC-QĐ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với nhiệm vụ: trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh xuất khẩu cao-su. Công ty hiện nay gồm:

- 14 nông trường, 2 nhà máy chế biến với trang thiết bị hiện đại, 1 xí nghiệp xây dựng và 1 bệnh viện.
- 6 500 công nhân có tay giỏi, đội ngũ cán bộ quản lý được đào tạo và có kinh nghiệm.
- Tổng diện tích vườn cây cao-su là 18 000 héc-ta.
- Sản lượng năm 2003 ước đạt 21 000 tấn.
- Với lợi thế có nguồn nguyên liệu chủ động, ổn định từ cao-su thiên nhiên để sản xuất các loại sản phẩm cao-su theo TCVN 3769:1995.

**PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHÚNG TÔI LÀ:
SẢN LƯỢNG CAO - CHẤT LƯỢNG TỐT - HƯỚNG TỚI KHÁCH HÀNG**



**Hiệu trưởng
TRẦN ĐĂNG HÒA**

TRƯỜNG TRUNG HỌC KỸ THUẬT MAY VÀ THỜI TRANG I

Địa chỉ: xã Lê Chi - Gia Lâm - Hà Nội * ĐT: 04.827 6514 - 827 6694 * Fax: 04-8766585

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO:

*** Hệ Trung học chuyên nghiệp:**

- Kỹ thuật viên Công nghệ May.
- Kỹ thuật viên Thiết kế thời trang.
- Kỹ thuật viên Khai thác thiết bị cơ khí.
- Kỹ thuật Nghiệp vụ kinh doanh cơ sở.

Sau khi tốt nghiệp, đạt trình độ Trung học chuyên nghiệp và có tay nghề tương đương bậc 4/6, sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành May, giác sơ đồ trên máy vi tính.

*** Hệ Công nhân kỹ thuật:**

- Công nhân kỹ thuật May bậc 3/6.
- Công nhân kỹ thuật May bậc 4/6.
- Công nhân cơ điện bậc 3/7.

*** Liên kết đào tạo:** Liên kết với các trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên; đào tạo Đại học tại chức ngành Công nghệ May, Cao đẳng Công nghệ May.

TUYỂN SINH HÀNG NĂM:

Trung cấp - Hệ Trung học chuyên nghiệp: 600.

- Hệ Công nhân kỹ thuật: 1 400.

LƯU LƯỢNG HỌC SINH: 3 500 đến 4 000.

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO: 100% học sinh ra trường có việc làm ngay, đúng chuyên môn.





NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ NỘI

Chúc
Mừng
Năm
Mới



Xuân Giáp Thân
2004

Ngân hàng tốt nhất Việt Nam

Rất hân hạnh được phục vụ
Quý khách tại các địa điểm:

TRỤ SỞ CHÍNH:

78 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (04) 942 3741, 942 4035, 942 3038

Fax: (04) 822 8039 * Telex: 411309 VCBHN-VT
Website: <http://www.vietcombank.com.vn>



CHI NHÁNH CẤP 2 THÀNH CÔNG:

30-32 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Tel: (04) 776 1812-776 1814
Fax: (04) 776 1747

CHI NHÁNH CẤP 2 CẦU GIẤY:

147 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (04) 756 9005 - 756 9004
Fax: (04) 756 9006

CHI NHÁNH CẤP 2 CHƯƠNG DƯƠNG:

564 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội
Tel: (04) 877 7159 - 877 7154
Fax: (04) 877 7102

PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 1:

02 Hàng Bài, Tel: (04) 934 2472

PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 2:

14 Trần Bình Trọng, Tel: (04) 942 3252

PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 3:

01 Hàng Đồng, Tel: (04) 923 1729

QUẦY GIAO DỊCH NỘI BÀI:

Tel: (04) 584 4311



Incombank

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG CHI NHÁNH 7 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 346 Bùi Hữu Nghĩa - phường 2 - quận Bình Thạnh * Tel: 08.8412 329 Fax: 08.8412 165 * Giám đốc: Thạc sĩ **BÙI THỊ NỘI**

Ngân hàng Công thương Chi Nhánh 7 là một chi nhánh của Ngân hàng Công thương Việt Nam đóng trên địa bàn TP.HCM.

Ngân hàng Công thương Chi Nhánh 7 sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng về vay tiền, gửi tiền, chuyển tiền trong nước và quốc tế với thủ tục thuận tiện, thời gian nhanh nhất.

Chúc Mừng Năm Mới

ĐẾN VỚI NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG CHI NHÁNH 7

Quý Khách sẽ hài lòng về chất lượng sản phẩm dịch vụ và tinh thần phục vụ nhiệt tình, chu đáo của đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi

NGÂN HÀNG CỦA MỌI NGƯỜI, MỌI NHÀ, MỌI DOANH NGHIỆP





BƯU ĐIỆN TỈNH CẦN THƠ



ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Địa chỉ: 02 Hòa Bình, Cần Thơ * ĐT: 071.821 194 - 822 194 * Fax: 071.820 888

Nhân dịp năm mới, Xuân Giáp Thân 2004, Bưu điện tỉnh Cần Thơ xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã ủng hộ và sử dụng các dịch vụ bưu chính viễn thông và xin kính chúc Quý khách hàng một năm mới AN KHANG THỊNH VƯỢNG.

Với sự phấn đấu không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên, trong năm 2003 Bưu điện Cần Thơ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị mà Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam giao. Tổng doanh thu thực hiện 339 tỉ đồng, đạt 104,31%; nộp Tổng Công ty 173,3 tỉ đồng, đạt 107,35%; nộp địa phương 17,1 tỉ đồng, đạt 162,8%. Phát triển 13 200 máy điện thoại, đạt 108,2%, nâng tổng số máy trên mạng lên 142 337 máy, mật độ 7,58 máy điện thoại/100 dân. Tổng

số bưu cục phục vụ là 208 điểm, Tiết kiệm Bưu điện huy động được 39 tỉ đồng, đạt 105,41% kế hoạch. Ngoài ra, Bưu điện Cần Thơ không ngừng cải tiến, trang bị thêm các thiết bị hiện đại, sẵn sàng đáp ứng và phục vụ tốt nhất Quý Khách hàng trên toàn tỉnh các dịch vụ:

- Tiết kiệm Bưu điện
- Bưu phẩm khai giá.
- Bưu chính ủy thác.
- Chuyển tiền điện tử (Money Gram).
- Bưu phẩm không địa chỉ.
- Điện thoại cố định hiển thị số.

- Chuyển vùng quốc tế (International Roaming IR).

- Dịch vụ điện thoại Internet (Fone VNN).

- Gọi VNN 1260, 1268, 1269.

- Gọi 171, 1717 trong nước và quốc tế.

- Điện thoại hội nghị.

- Hộp thư thông tin (Audio text).

- Quà tặng văn hóa âm nhạc.

- Điện thoại di động Vinaphone, VinaCard, Vina Daily, Vina-Text)

Chúc mừng năm mới

HẠNH HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH NHANH CHÓNG - CHÍNH XÁC - AN TOÀN - TIỆN LỢI - VĂN MINH



TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH BÌNH DƯƠNG
TRAV SERVICE RADIO AND TELEVISION SERVICES CENTER

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH BÌNH DƯƠNG



Địa chỉ: 46 Đại lộ Bình Dương - thị xã Thủ Dầu Một - tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0650) 824 314 - 840 054 * Fax: (0650) 833 744

NHẬN THỰC HIỆN:

- Thông tin, quảng cáo, tài trợ cho các chương trình trên sóng phát thanh và truyền hình Bình Dương
- Thực hiện phim quảng cáo. Tự giới thiệu. Phim truyền thống.
- In sang các băng đĩa hình do Đài sản xuất.
- Lắp đặt đầu thu kỹ thuật số.

Chi nhánh Trung tâm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 33F Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, quận I, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08. 8 293 549.

Chi nhánh Trung tâm tại Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 134 Đường 30/4, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 061. 826 836

KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH NĂM MỚI AN KHANG - THỊNH VƯỢNG

Digitized by Google



CÔNG VIÊN YẾN HÓA ĐÀM SEN

Số 03 Hòa Bình - Quận 11 - Tp. Hồ Chí Minh

Tel : 9634963 - 8588868 . Fax : 9633073

Email : damsenspark@hcm.vnn.vn

KHU PHỨC HỢP GIẢI TRÍ XANH - SẠCH - ĐẸP

*Kính Chúc Quý Khách Một Năm Mới
An Khang Thịnh Vượng*

- Hội Hoa Xuân
 - Hội Hoa Đăng
 - Lễ Hội Dân Gian Việt Nam
 - Hội Lân Sư Rồng
 - Đại Nhạc Hội Mừng Xuân...
- Và nhiều công trình tham quan
giải trí mới, hấp dẫn.



**Tung bừng Lễ Hội
Mừng Xuân Giáp Thân
Hoành tráng - Rực rỡ**



2004

**ĐÀM SEN
THẾ GIỚI TUYỆT VỜI!**



**VINASHIN
Ocean Shipping**

CÔNG TY VẬN TẢI VIỄN DƯƠNG - VINASHIN

VIANSHIN OCEAN SHIPPING COMPANY



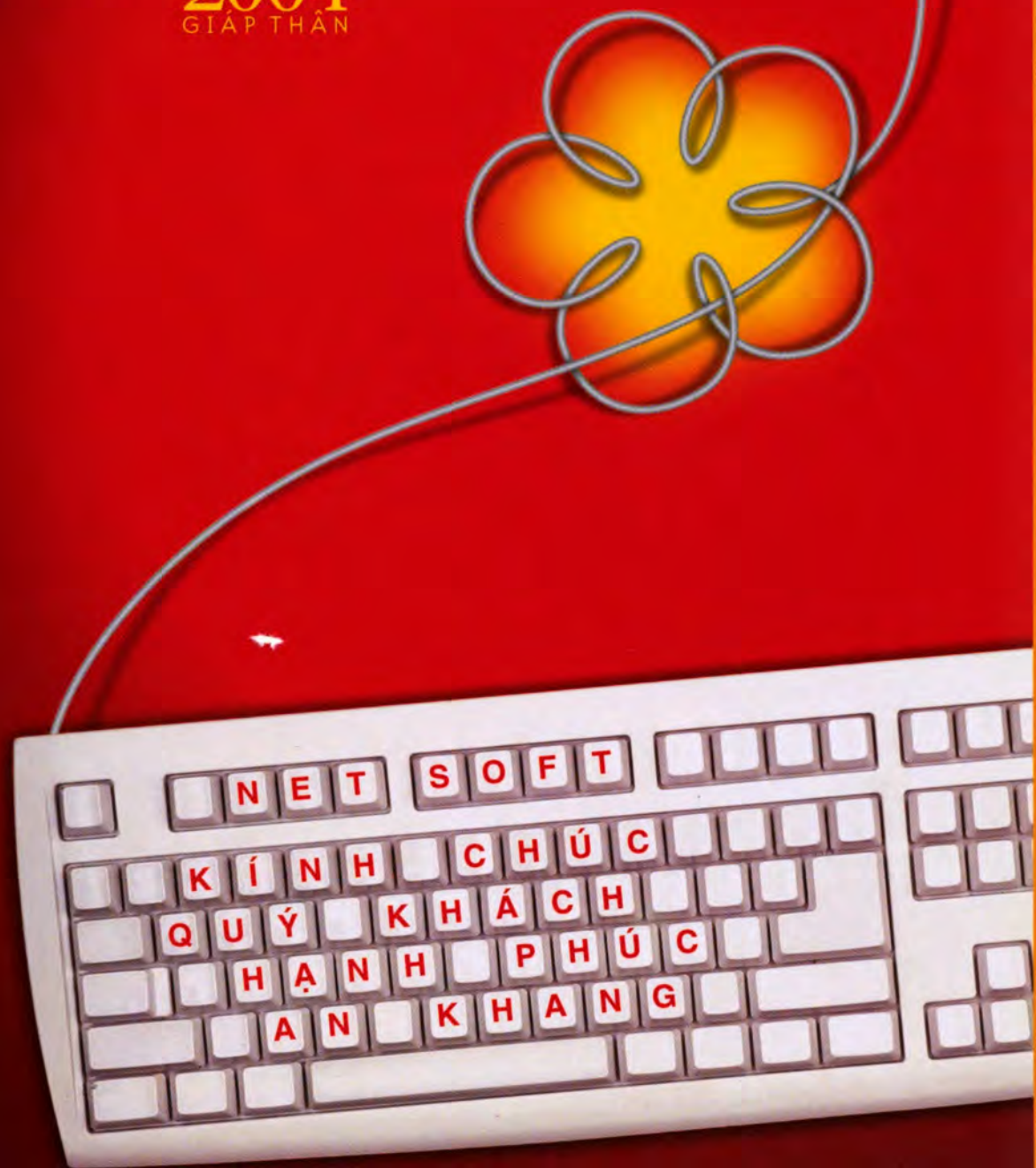
**Chúc Mừng Năm Mới
2004**

**XUÂN
GIÁP
THÂN**

Địa chỉ: Số 132 Nghi Tàm, Tây Hồ, Hà Nội * ĐT: 84.4. 7197 232; 7197 233 * Fax: 84.4. 8290 713 * Email: vinashinship@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại Hải Phòng: Số 20 Hồ Xuân Hương, TP. Hải Phòng * ĐT/Fax: 84.31. 842 236

Chúc Mừng
Năm Mới 2004
GIÁP THÂN



CÔNG TY TIN HỌC BƯU ĐIỆN: 142 Nguyễn Đình Chiểu - quận 3 - TP.HCM
Tel: (08) 8237780 - Fax: (08) 8237773 • Homepage: <http://www.netsoft.com.vn>

Digitized by Google



2004



An Khang - Thịnh vượng

Năm cũ qua đi và năm mới sắp đến. Trong năm 2003, bằng việc đưa vào sử dụng loại máy bay hiện đại Boeing 777, Vietnam Airlines ghi tên mình vào danh sách những hãng hàng không có đội bay mạnh trong khu vực. Và giống như Hoa sen - biểu tượng của Vietnam Airlines, tượng trưng cho sức sống và sự phát triển, mạng đường bay của Vietnam Airlines cũng không ngừng được mở rộng tới các chân trời mới cùng chất lượng dịch vụ không ngừng được cải tiến. Bước vào năm mới 2004, mong muốn lớn nhất của chúng tôi là mang đến cho Quý khách sự hài lòng hơn nữa.



Vietnam Airlines
www.vietnamairlines.com

HX
9
HUBB

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

NỬA NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI



UNIV OF MICH.

MAR 24 2004

CURRENT SERIALS

3

2-2004



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - XÂY DỰNG & ĐẦU TƯ KINH DOANH NHÀ TÂN HỒNG UY

Địa chỉ: R8 (56) Khu Bàu Cát 1, P13, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 8427668, 8494390, 8152730, 9490393
Fax: (84-8) 7427668 * Email: Tanhonguy@hcm.fpt.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Thương mại; Xây dựng; Đầu tư; Kinh doanh nhà; Đại lý ký gửi hàng hóa;
San lấp mặt bằng; Xây dựng cầu đường.

Trong thời gian qua, Công ty Tân Hồng Uy đã và đang thực hiện các dự án khu nhà ở, khu phố chợ trên địa bàn thành phố nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa: Khu Phố chợ Tân Trụ, phường 15 - Quận Tân Bình; Khu Nhà ở cán bộ công nhân viên phường Hiệp Thành, Quận 12; Khu Nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại Thủ Đức; Khu Biệt thự ven sông quận 2, TP. Hồ Chí Minh... và các dự án đang triển khai khác.

Đặc biệt Khu Phố cư xá Tân Sơn, phường 15, Quận Tân Bình được xây dựng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm cao cấp đã hoàn chỉnh.

Công ty Tân Hồng Uy xin chân thành cảm ơn Quý cơ quan - ban, ngành, Quý khách hàng - Đối tác trong thời gian qua đã quan tâm giúp đỡ, hợp tác với các dự án của Công ty chúng tôi.



**NHÂN DỊP NĂM MỚI, CÔNG TY TÂN HỒNG UY
KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH HÀNG CÙNG GIA ĐÌNH
An Khang, Thịnh Vượng và Hạnh Phúc**



THÁNG RA 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16 HẰNG THÁNG

SỐ 702

3

2-2004

● BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● Cơ quan thường trú tại miền Trung :

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1 : Hành trình tới Đại hội X
của Mai Linh

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN, MỪNG ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Phát huy truyền thống vẻ vang, làm tốt hơn nữa công tác xây dựng Đảng, bảo đảm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội	3
HÀ ĐĂNG - Con người của mắt	8
NGUYỄN VĂN BIỂU - Dân chủ trong Đảng ta hiện nay - quan niệm và những biểu hiện đặc trưng	13
DƯƠNG VIẾT Á - Xuân đến, nghĩ về ý nghĩa sự ra đời ca khúc <i>Cùng nhau đi hồng binh</i>	17

NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN HUYỀN - Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh	20
BIỆN THANH LÂM - Học tập tác phong của Hồ Chí Minh	25

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ĐẶNG VĂN THANH - Những giải pháp phát triển kinh tế 2004 - 2005	30
HOÀNG CHÍ BẢO - Bản chất của Đảng Cộng sản cầm quyền	35
VÕ HÙNG DŨNG - Về chiến lược phát triển kinh tế ở đồng bằng sông Cửu Long	40
NGUYỄN HÒA - Văn học năm 2003 - thêm một bước đi hướng về phía trước	44

TRÊN NHỮNG NẸO DƯƠNG ĐẤT NƯỚC

LÊ HOÀNG QUÂN - Đồng Nai vững bước cùng cả nước	50
VŨ NGỌC HOÀNG - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Quảng Nam	55
ĐẶNG VŨ LIÊM - Bộ đội Biên phòng tham gia phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới và hải đảo	58
NGỌC HỒ - Xuân sớm trên vùng "Ruộng cuối"	62

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

XUÂN HOÀNH - Điều nghịch lý	67
-----------------------------	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

LƯƠNG VĂN TỰ - Hợp tác chiều sâu cho mục tiêu phát triển trong ASEAN và ASEM	69
NGUYỄN THỊ THU HÀ - Bài học về phát triển nguồn nhân lực của Trung Quốc	74

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Tọa đàm: "Nghiên cứu, tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trên các tạp chí"	78
*** Hội thảo: Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và kinh nghiệm chuẩn bị làm thành viên Hội đồng	79
*** Hội thảo khoa học quốc tế về Công ước Chống tra tấn và nhục hình	80

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ФУ ЧОНГ: Развивая славную традицию, лучше осуществляя строительство Партии, обеспечивать успешное выполнение социально-экономических задач. ХА ДАНГ: Зеница ока. НГУЕН ВАН БИЕУ: Демократия в нашей Партии на данном этапе – концепции и характерные черты. НГУЕН ВАН ХУЕН: Гуманитарные идеи Хо Ши Мина. БИЕН ТХАНЬ ЛАМ: Учиться стилям Президента Хо Ши Мина. ДАНГ ВАН ТХАНЬ: Решения для экономического развития 2004 – 2005 гг. ХОАНГ ТЫИ БАО: Сущность правящей Коммунистической Партии. ВО ХУНГ ЗУНГ: О стратегии экономического развития в дельте реки Кыулонг. НГУЕН ХОА: Литература 2003 года – ещё один шаг вперёд. ДАНГ ВУ ЛИЕМ: Пограничники принимают участие в социально-экономическом развитии пограничных районов и морских островов. ЛЫОНГ ВАН ТЫ: Углублённое сотрудничество в целях развития в рамках стран АСЕАН и АСЕМ. НГУЕН ТХИ ТХУ ХА: Извлеченные уроки о развитии резервов рабочей силы Китая.

CONTENTS

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Promoting the glorious traditions, fulfilling better the matter of Party building, guaranteeing a successful implementation of the socio-economic tasks. HÀ ĐĂNG: The apple of the eye. NGUYỄN VĂN BIỂU: Democracy in our Party at the present – conceptions and specific expressions. NGUYỄN VĂN HUYỀN: Hồ Chí Minh's humane ideas. BIÊN THANH LÂM: Learning Hồ Chí Minh's manners. ĐẶNG VĂN THANH: Measures of economic development in 2004-2005. HOÀNG CHÍ BẢO: The essence of the Communist Party in power. VÕ HÙNG DŨNG: Regarding the strategy for economic development in the Cửu Long delta. NGUYỄN HÒA: Literature in 2003 – one more advance forward. ĐẶNG VŨ LIÊM: The frontier army participating in socio-economic development in the frontier areas and islands. LƯƠNG VĂN TỰ: In-depth collaboration for the developmental targets in ASEAN and ASEM. NGUYỄN THỊ THU HÀ: A lesson about workforce development of China.

SOMMAIRE

NGUYỄN PHÚ TRỌNG : Mettre en valeur les traditions glorieuses, mieux mener le travail d'édification du Parti, réaliser avec succès les tâches socio-économiques. HÀ ĐĂNG : La prunelle des yeux. NGUYỄN VĂN BIỂU : La démocratie au sein de notre Parti à l'heure actuelle – conception et manifestations caractéristiques. NGUYỄN VĂN HUYỀN : La pensée humaniste de Hồ Chí Minh. BIÊN THANH LÂM : A l'exemple des manières de Hồ Chí Minh. ĐẶNG VĂN THANH : Solutions du développement économique pour la période de 2004-2005. HOÀNG CHÍ BẢO : La nature du Parti communiste au pouvoir. VÕ HÙNG DŨNG : Sur la stratégie du développement économique dans le delta du Mékong. NGUYỄN HÒA : La littérature en 2003 – encore un pas en avant. ĐẶNG VŨ LIÊM : Contributions des gardes-frontières au développement socio-économique des régions frontalières et insulaires. LƯƠNG VĂN TỰ : La coopération en profondeur pour l'objectif du développement au sein de l'ASEAN et de l'ASEM. NGUYỄN THỊ THU HÀ : Leçons tirées du développement des ressources humaines de Chine.

SUMARIO

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Poner en alto juego la tradición gloriosa, cumplir más bien la edificación del Partido y realizar con éxito las tareas socio-económicas. Hà Đăng: La niña del ojo. NGUYỄN VĂN BIỂU: La actual democracia en nuestro Partido – nociones y manifestaciones típicas. NGUYỄN VĂN HUYỀN: El pensamiento humanitario del Presidente Hồ Chí Minh. BIÊN THANH LÂM: A estudiar el estilo de trabajo del Presidente Hồ Chí Minh. ĐẶNG VĂN THANH: Soluciones para el desarrollo económico de 2004-2005. HOÀNG CHÍ BẢO: La naturaleza del Partido Comunista en poder. VÕ HÙNG DŨNG: A cerca de la estrategia de desarrollar la economía en el delta de Mekong. NGUYỄN HÒA: La literatura de 2003 – un paso hacia adelante. ĐẶNG VŨ LIÊM: La participación de tropas de guardia de fronteras en el desarrollo socio-económico en la frontera nacional y las islas. LƯƠNG VĂN TỰ: La cooperación en profundidad por la meta de desarrollo en ASEAN y ASEM. NGUYỄN THỊ THU HÀ: Lecciones sacadas del desarrollo de fuente de recursos humanos de China.

目录

• 阮富仲: 发扬光荣的传统, 更好地落实党建工作, 保证胜利完成经济、社会各项任务。• 何登: 眼珠。• 阮文瓢: 目前我党中的民主—观念及表现特征。• 阮文烺: 胡志明人文思想。• 卞青林: 向胡志明作风学习。• 邓文青: 2004 年—2005 年经济发展措施。• 黄志宝: 共产党执政的本质。• 武雄勇: 关于九龙江平原经济发展的战略。• 阮和: 2003 年文学—再向前迈进。• 邓武廉: 边防部队参加边疆及海岛的经济发展。• 良文绪: 为东盟和亚欧会议的发展目标进一步深入合作。• 阮氏秋何: 关于中国发展人力资源的经验

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VẺ VANG, LÀM TỐT HƠN NỮA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, BẢO ĐẢM THỰC HIỆN THẮNG LỢI CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

TRONG không khí tràn ngập niềm vui đón Tết cổ truyền của dân tộc, mừng Đảng, mừng Xuân, mừng Đất nước từng ngày từng giờ đổi mới, lòng người xốn xang với biết bao kỷ niệm và ấn tượng tốt đẹp của Năm Quý Mùi 2003 đầy ắp các sự kiện và hướng tới Năm Giáp Thân 2004 tràn đầy hy vọng và quyết tâm, chúng ta kỷ niệm 74 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh - Đảng Cách mạng chân chính do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, Đảng luôn luôn một lòng, một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Nhớ lại cách đây 74 năm, ngày 3-2-1930, tại Cửu Long, Hương Cảng (Trung Quốc) dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam khi đó (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn) đã họp bàn và quyết định hợp nhất thành một Đảng thống nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đã thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt* của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

Với sự kiện lịch sử này, *Đảng Cộng sản Việt Nam đã chính thức được thành lập* và thực sự trở thành người lãnh đạo, tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta, một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc.

Từ đó đến nay, 74 năm đã trôi qua. Đó là 74 năm cách mạng Việt Nam trải qua biết mấy thăng trầm, vượt qua biết bao gian nan thử thách, từng bước đi lên, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập nên nhiều kỳ tích vẻ vang. Từ thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới. Từ chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", đến miền Bắc hoàn toàn được giải phóng; nhân dân lao động đứng lên làm chủ vận mệnh của mình xây dựng cơ sở vật chất cho chế độ xã hội mới, để rồi với chiến thắng vang dội

* GS. TS. Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

mùa Xuân năm 1975, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu của gần 20 năm đổi mới, đất nước vượt qua thử thách hiểm nghèo, phá thế bao vây cấm vận của các thế lực thù địch, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo tiền đề vững chắc để đất nước ngày càng phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tất cả thực tiễn phong phú, sôi động, hào hùng đó đã nói lên nhiều điều, cho chúng ta nhiều bài học quý, đặc biệt là bài học về xây dựng Đảng.

Tuy nhiên, để có được những thành quả đó, Đảng ta và nhân dân ta đã phải đổ bao xương máu, gánh chịu biết bao hy sinh. Chỉ riêng cuộc "khủng bố trắng" của thực dân Pháp trong những năm 1931-1932 đã có hàng vạn cán bộ, đảng viên và những người yêu nước bị giam cầm, tù đầy, bị giết dần, giết mòn; nhiều đồng chí lãnh đạo xuất sắc của Đảng như Trần Phú, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh và sau này là Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Võ Văn Tần... bị sát hại. Các nhà tù lớn của địch như Côn Đảo, Sơn La, Hòa Lò, Lao Bảo... giam chặt ních những người cộng sản; riêng ở nhà tù Côn Đảo có đến 793 đồng chí hy sinh; ở Kon Tum có 339 đồng chí bị thủ tiêu. Trong những năm 1954 - 1959 ở miền Nam có 466 000 đảng viên và những người yêu nước bị bắt giam, 400 000 người bị đưa đi đây và 68 000 người bị giết. Riêng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã có gần 160 000 đảng viên hy sinh...

Nhìn lại chặng đường đấu tranh oanh liệt của Đảng ta trong 74 năm qua, ôn lại những khó khăn, gian khổ cùng những thắng lợi vẻ vang mà nhân dân ta đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta càng trân trọng quá khứ, nâng niu giữ gìn những thành quả của cách mạng, càng

thấm thía và biết ơn vô hạn công lao trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu, càng hiểu thêm, tin yêu thêm và tự hào thêm về Đảng ta, nhân dân ta, dân tộc ta. Chúng ta thành kính tưởng nhớ các bậc cách mạng tiền bối, các nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng qua các thời kỳ, các chiến sĩ cộng sản kiên cường, các anh hùng, liệt sĩ, đồng chí, đồng bào đã anh dũng hy sinh trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của nhân dân ta vì sự trường tồn của dân tộc và sự phát triển của đất nước.

*
* *

Thực tiễn 74 năm qua ở nước ta khẳng định rằng, muốn cách mạng tiến lên, đất nước phát triển, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, nhất thiết phải có sự lãnh đạo của Đảng. Cách mạng càng phát triển càng cần có sự lãnh đạo của Đảng ở tầm cao hơn, ở phạm vi rộng lớn hơn, sâu sắc hơn. Càng đi vào đổi mới, đi vào phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế càng phải *giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng*. Đây là vấn đề có tính quy luật, là nhân tố bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuyệt đối không mơ hồ, dao động về vấn đề này. Muốn thế, phải thường xuyên đổi mới, chỉnh đốn Đảng, làm tốt công tác xây dựng Đảng, coi đây là vấn đề then chốt, nhiệm vụ sống còn của cách mạng. Trong công tác xây dựng Đảng, phải kiên định, quán triệt sâu sắc và phát triển sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chống các khuynh hướng lệch lạc giáo điều hoặc cơ hội, bảo đảm giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của Đảng, giữ cho Đảng luôn luôn là và mãi mãi là Đảng Cộng sản, đảng cách mạng chân chính, hoạt động vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Trách nhiệm cao cả và nặng nề trước hết của một đảng chính trị là *vạch ra cương lĩnh*,

đường lối đúng để lãnh đạo đất nước, dẫn dắt cả dân tộc đi lên, không được phạm sai lầm về đường lối. Đây là vấn đề cốt tử, đòi hỏi Đảng phải thường xuyên *nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo của mình.* Đường lối chính trị đúng là đường lối phản ánh đúng quy luật khách quan, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, đáp ứng đúng yêu cầu của thực tiễn, chỉ ra được mục tiêu, phương hướng và giải pháp cơ bản của cách mạng, trên cơ sở đó tập hợp, tổ chức, động viên quần chúng thực hiện một cách có hiệu quả. Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã bốn lần xây dựng cương lĩnh. Đó là "*Chính cương vắn tắt*" tháng 2-1930; "*Luận cương chính trị của Đảng*" tháng 10-1930, "*Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam*" tháng 2-1951; "*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*" tháng 6-1991; và Nghị quyết của các Đại hội Đảng. Trong các cương lĩnh và văn kiện Đại hội của Đảng đã trình bày rõ quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm đổi mới, Đảng ta đã đề ra và từng bước bổ sung, phát triển, hoàn thiện dần đường lối đổi mới, hình thành ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, đổi mới tư duy lý luận, tổng kết thực tiễn, mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, nắm bắt đúng những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Trong khi kiên định mục tiêu, lý tưởng, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, Đảng luôn luôn có ý thức đổi mới, sáng tạo, dám từ bỏ những cái cũ không còn thích hợp, cả trên lĩnh vực kinh tế cũng như trên lĩnh vực văn hóa, xã hội; cả đối nội và đối ngoại; giải quyết tốt mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn

kết quốc tế, tập trung sức cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đổi mới nhưng không xa rời nguyên tắc và phương pháp biện chứng duy vật; không phiến diện, cực đoan, hoặc giản đơn từ cực này nhảy sang cực kia.

Trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Đảng đặc biệt coi trọng việc củng cố, nâng cao niềm tin, bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, ý chí kiên định lý tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt; thường xuyên có kế hoạch tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nhất là trình độ tư duy lý luận; trình độ nhận thức, nắm bắt quy luật; trình độ tiếp cận, phân tích, tổng kết thực tiễn; năng lực đề ra quyết sách đúng và tổ chức thực hiện có kết quả đường lối, chủ trương của Đảng. Trước mỗi bước ngoặt và trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, Đảng kịp thời có định hướng tư tưởng đúng đắn, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, phê phán những quan điểm và khuynh hướng không đúng, tạo sự nhất trí cao và sự vững vàng về tư tưởng trong Đảng và sự đồng thuận trong nhân dân. Đảng yêu cầu tất cả cán bộ, đảng viên, dù ở cương vị công tác nào, cũng phải không ngừng tự rèn luyện để nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục các thói quan liêu, cửa quyền, giữ gìn thanh danh, uy tín của Đảng. Phải thấm nhuần sâu sắc và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Cán bộ càng giữ chức vụ cao càng phải gương mẫu. Các tổ chức đảng xây dựng quy chế và có biện pháp giáo dục, bồi dưỡng, kiểm tra, quản lý hoạt động của cán bộ, đảng viên. Kịp thời biểu dương những cán bộ, đảng viên gương mẫu, đồng thời xử lý nghiêm minh những người hư hỏng, không còn đủ tư cách đảng viên.

Đi đôi với việc xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng, Đảng ta luôn luôn chăm lo *xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức, bảo đảm nội bộ đoàn kết*

thống nhất, có sức chiến đấu cao. Xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức bao gồm nhiều việc. Từ xây dựng cơ cấu bộ máy đến xác định chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành; từ bố trí cán bộ đến xây dựng phương thức, lề lối làm việc; từ thực hiện các nguyên tắc tổ chức đến quản lý, kiểm tra hoạt động của các thành viên trong tổ chức. Trong đó, đặc biệt quan tâm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ và chấn chỉnh hệ thống tổ chức của Đảng.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là vấn đề trọng yếu bảo đảm cho Đảng thật sự chặt chẽ về tổ chức, đoàn kết thống nhất và có sức chiến đấu cao. Một mặt phải thực hiện đầy đủ các quyền dân chủ của đảng viên, có quy chế, quy trình để các đảng viên tham gia vào quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu, phải tôn trọng và lắng nghe ý kiến cũng như những việc làm sáng tạo của đảng viên, của cấp dưới; lắng nghe các ý kiến khác nhau trước khi quyết định; thực hiện dân chủ tập thể trong công tác cán bộ. Mặt khác, phải đấu tranh với những khuynh hướng dân chủ hình thức hoặc dân chủ cực đoan, muốn lợi dụng dân chủ để gây chia rẽ, bè phái, mị dân, theo đuôi quần chúng lạc hậu; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng kèn cựa, địa vị, tranh giành ngôi thứ, lợi lộc, cũng như đầu óc cục bộ, bản vị là nguyên nhân quan trọng gây ra tình trạng mất đoàn kết. Dân chủ chân chính không thể có được nếu thiếu tập trung, thiếu kỷ luật, thiếu trách nhiệm. Dân chủ không tương dung với thói độc đoán, chuyên quyền, cũng không phải là tự do vô chính phủ. Nếu xa rời hoặc coi nhẹ nguyên tắc tập trung dân chủ là làm sai lệch tổ chức đảng từ trong bản chất; nếu thực hiện không đúng nguyên tắc tập trung dân chủ là làm yếu sức mạnh của Đảng từ gốc.

Hơn bảy mươi năm lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn

luôn gắn bó chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân ưu mang, che chở, giúp đỡ hết lòng. Và chính nhờ thế mà Đảng có đủ khả năng và sức mạnh lãnh đạo cách mạng vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, dù đó là kẻ thù hung bạo nhất. *Liên hệ mật thiết với nhân dân là một truyền thống tốt đẹp của Đảng, là bài học lớn của cách mạng Việt Nam.* Nhân dân tin Đảng, ủng hộ Đảng, theo Đảng làm cách mạng. Còn Đảng làm hết sức mình để phục vụ nhân dân, phát huy vai trò và khả năng sáng tạo không bao giờ cạn của nhân dân. Trong điều kiện hiện nay, vấn đề này lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi vì, như V.I. Lê-nin nói, một trong những nguy cơ lớn nhất và đáng sợ nhất đối với một đảng cầm quyền là tự cắt đứt mối liên hệ với quần chúng nhân dân.

Ngày nay, trong điều kiện mới, với quy mô, tầm vóc to lớn của cách mạng, với vai trò và trình độ ngày càng cao của nhân dân, với vị thế mới của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam có thêm điều kiện thuận lợi để mở rộng và tăng cường mối liên hệ với nhân dân. Nhưng mặt khác, với vị thế là Đảng cầm quyền, tính chất và phương thức lãnh đạo mới, mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân cũng có những đòi hỏi cao hơn và đang đứng trước những thử thách mới. Ngoài những nỗ lực phấn đấu để vượt qua khó khăn khách quan, Đảng phải cố gắng rất nhiều để khắc phục những khuyết điểm chủ quan, như tình trạng quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền trong một số cơ quan lãnh đạo và quản lý; những hiện tượng sa sút về đạo đức, lối sống, tác phong công tác của một số cán bộ, đảng viên, nhất là những hiện tượng tham nhũng, sách nhiễu dân, lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân, trù dập, ức hiếp quần chúng.

Tóm lại, từ thực tiễn xây dựng, hoạt động, phát triển và trưởng thành của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt tiến trình cách mạng của dân tộc gần ba phần tư thế kỷ qua cho phép rút ra kết luận: *Một Đảng Cách mạng chân chính có*

đường lối đúng, có tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, gương mẫu, tận tụy, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân ủng hộ, thì Đảng đó là vô địch; Đảng đó có sức mạnh không thể lực nào ngăn cản nổi trên con đường dẫn dắt dân tộc đi lên, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

*
* *

Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã trải qua nửa nhiệm kỳ. Hội nghị Trung ương 9 khóa IX vừa họp để kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội và đề ra một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Đảng cũng đang tiến hành tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, chuẩn bị cho việc soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng. Riêng về công tác xây dựng Đảng, Hội nghị Trung ương 9 nhận định: Từ Đại hội IX đến nay, công tác xây dựng Đảng đã được triển khai tương đối đồng bộ, bước đầu có chuyển biến, mang lại kết quả trên một số mặt. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được nâng lên; nhiều chính sách của Đảng đi vào cuộc sống, mang lại kết quả thực tế; Đảng có nhiều biện pháp chỉ đạo khắc phục sự suy thoái, giữ vững bản chất cách mạng, gắn bó với nhân dân. Sinh hoạt trong Đảng, trong xã hội ngày càng dân chủ, cởi mở, công khai hơn. Nhiều cán bộ, đảng viên đã phát huy vai trò gương mẫu trong công tác, rèn luyện đạo đức, lối sống, năng động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm; có phong cách làm việc dân chủ, nói đi đôi với làm. Công tác xây dựng Đảng đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập, nhất là chưa ngăn chặn, đẩy lùi được tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều tổ

chức đảng nhìn chung còn thấp. Một số cấp ủy chưa dành đúng mức thời gian, công sức và thiếu các biện pháp đủ mạnh để chỉ đạo thực hiện các chủ trương, nghị quyết về xây dựng Đảng.

Trong thời gian tới, chúng ta phải tập trung thực hiện thật tốt những nhiệm vụ trọng yếu mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 đề ra, đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế; giải quyết tốt hơn một số vấn đề xã hội bức xúc; tạo chuyển biến mạnh mẽ về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam, của công tác xây dựng Đảng trong 74 năm qua chắc chắn sẽ giúp chúng ta tiếp tục thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Các cấp ủy và tổ chức của Đảng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt hơn, làm cho công tác xây dựng Đảng thực sự là nhiệm vụ then chốt, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong thời kỳ mới, đồng thời chuẩn bị tốt cho Đại hội X của Đảng.

Kỷ niệm Ngày Thành lập Đảng năm nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vô cùng phấn khởi trước những thành tích đã đạt được trong ba năm đầu của thế kỷ XXI mà đỉnh cao là năm "bản lề" 2003 và thể hiện tập trung nhiều mặt ở việc chuẩn bị và tổ chức thành công SEA Games 22 và ASEAN Para Games 2, để lại những ấn tượng tốt đẹp trong lòng bạn bè quốc tế. Chúng ta tin tưởng rằng, với những thành tựu và kinh nghiệm đã có, phát huy khí thế và sức bật của Năm 2003, nêu cao tinh thần đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, phấn đấu một cách mạnh mẽ và sáng tạo, nhất định chúng ta sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ của Năm 2004 và những năm tiếp theo, chuẩn bị tiến tới Đại hội X của Đảng một cách xứng đáng nhất. □

CON NGƯỜI CỦA MẮT

HÀ ĐĂNG

NHỮNG nhà lãnh đạo chiến lược phải có tầm nhìn xa, trông rộng. Các nhà chính trị tự đòi hỏi mình phải có một nhãn quan chính trị đúng đắn. Nhà thơ, nhà văn nói rằng đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn. Các khái niệm về nhìn xa trông rộng, nhãn quan chính trị hay cửa sổ tâm hồn đều xuất phát và dồn lại ở đôi mắt. Đôi mắt quý giá biết bao. Nhưng cái quý giá nhất của mắt lại là con người, cái hạt nhân cơ bản mà nếu thiếu nó thì mắt sẽ không thực hiện được chức năng của mình là trông, nhìn, thấy và biểu lộ tình cảm.

Đối với Đảng ta, một đảng lãnh đạo cách mạng, một đảng cầm quyền, cái quý giá nhất trong sự tồn tại và hoạt động của mình là sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Bác Hồ, không phải một lần mà nhiều lần, căn dặn chúng ta phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con người của mắt mình. Đảng ta đã nói, đang nói và sẽ còn nói mãi điều ấy.

Vậy đoàn kết thống nhất trong Đảng là một nhiệm vụ chính trị, một nguyên tắc xây dựng Đảng hay là một quy luật vận động của Đảng? Ta hãy thử xem theo từng góc nhìn.

Quy luật vận động

Triết học mác-xít coi quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là một trong những quy luật cơ bản của sự phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy. V.I. Lê-nin coi lý luận về sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là "hạt nhân" của phép biện chứng.

Đảng ta là một cơ thể sống, một thực thể xã hội, do đó sự vận động, phát triển của Đảng cũng không đứng ngoài quy luật này. Tuy nhiên cần phải hiểu "đối lập" và "mặt đối lập" trong



Gần bùn mà chẳng... Ảnh : TL

Đảng là gì, thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập trong Đảng là như thế nào? Tuy là tổ chức của giai cấp nhưng trong Đảng tuyệt đối không có mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp, không có đối lập về chính trị hay về những lợi ích cơ bản, không có những mặt đối lập có thể dẫn đến mâu thuẫn đối kháng. Các mặt đối lập trong Đảng có chăng là giữa đúng và sai, tốt và xấu, tiến bộ và lạc hậu, giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân, giữa tư tưởng tập trung thống nhất và tư tưởng cục bộ địa phương, giữa yêu cầu dân chủ hóa và chủ nghĩa quan liêu,... Và như vậy, đấu tranh của các mặt đối lập ấy hoàn toàn mang tính chất nội bộ.

Là sản phẩm của giai cấp và đấu tranh giai cấp, đồng thời là sản phẩm của dân tộc và đấu tranh dân tộc, và như chúng ta thường nói, là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, Đảng ta ngay từ khi mới ra đời đã gắn bó với dân tộc, hòa mình cùng dân tộc, sinh tồn trong dân tộc. Tập hợp trong hàng ngũ Đảng là những người xuất thân từ nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau, chủ yếu là công nhân và nông dân, nhưng đều cùng chung lý tưởng, cùng chung mục tiêu và cùng chung lợi ích. Lý tưởng đó là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Mục tiêu đó là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Lợi ích đó là phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc; ngoài ra, Đảng không có lợi ích riêng tư nào khác.

Xuyên suốt hơn bảy thập kỷ đấu tranh cách mạng, đối với Đảng ta, không có sự đối lập nào giữa giai cấp công nhân với dân tộc, giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Đại hội lần thứ II của Đảng ta đã từng nêu trong Điều lệ là: Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Từ Đại hội lần thứ III, Điều lệ nói cụ thể hơn, Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân, đại biểu cho

lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Những cách thể hiện ấy về bản chất không có gì khác nhau. Khi nói là đại biểu cho lợi ích của ai thì cũng đồng nghĩa với phần đấu cho lợi ích của người mình đại biểu.

Chính lý tưởng chung, mục tiêu chung và lợi ích chung là cơ sở của sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Và đoàn kết thống nhất thực sự là động lực chủ yếu của sự phát triển của Đảng; thống nhất là cơ bản chứ không phải đấu tranh của các mặt đối lập là cơ bản, mặc dù các hình thức đấu tranh trong nội bộ mang tính chất xây dựng cũng góp phần quan trọng củng cố và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Nguyên tắc xây dựng Đảng

Lý luận về xây dựng Đảng mà Đảng ta tổng kết được qua thực tiễn hoạt động lâu dài của mình đã nêu lên nhiều nguyên tắc quan trọng như: tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, kỷ luật nghiêm và tự giác, đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức của Đảng, theo đó, mọi việc trong Đảng đều phải được bàn bạc dân chủ, ai cũng có quyền được nêu ý kiến của mình, nhưng khi quyết định thì thiểu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, toàn Đảng phải phục tùng Trung ương và cao nhất là Đại hội Đảng. Tập trung dân chủ được coi là nguyên tắc rường cột để xây dựng Đảng thành một tổ chức chiến đấu chặt chẽ, vừa phát huy sức mạnh của mỗi người, vừa tạo nên sức mạnh tổng hợp của tổ chức. Dân chủ và tập trung là hai mặt của một vấn đề. Dân chủ không đối lập với tập trung mà chỉ đối lập với tình trạng độc đoán, chuyên quyền. Tập trung không đối lập với dân chủ mà chỉ đối lập với tình trạng tàn sát, tự do, tùy tiện, vô tổ chức. Dân chủ là cơ sở của tập trung và tập trung chỉ có thể thực hiện được có hiệu quả trên cơ sở phát huy thật sự dân chủ trong Đảng.

Tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách là nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, theo đó, các cấp ủy Đảng từ Trung ương đến cơ sở đều phải làm việc dân chủ, tập thể bàn bạc và đưa ra những quyết định lớn, những chủ trương lớn, còn từng việc cụ thể thì phân công cho cá nhân phụ trách. Không có tập thể lãnh đạo mà để cho một người quyết định thì dù người đó tài giỏi đến đâu cũng không thể thấy hết mọi việc, hiểu hết mọi vấn đề. Không có cá nhân phụ trách thì sẽ dẫn tới tình trạng lộn xộn trong hành động, có việc mà không ai làm, "nhiều sai không ai đóng cửa chùa", hoặc ngược lại, một việc không có gì quan trọng mà ai cũng nhúng tay vào, "lắm thầy nhiều ma" mà không ai chịu trách nhiệm.

Tự phê bình và phê bình là nguyên tắc sinh hoạt của Đảng, theo đó mọi hoạt động của Đảng đều phải được kiểm điểm đánh giá để thấy rõ đúng sai, tốt xấu, phải trái. Đó là vũ khí để rèn luyện đảng viên, giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ Đảng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi tổ chức đảng ngày càng tiến bộ hơn, biết phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, từ đó tăng cường đoàn kết nội bộ. Bác Hồ chỉ rõ: "Một Đảng mà giấu khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính".

Kỷ luật nghiêm và tự giác cũng là một nguyên tắc sinh hoạt Đảng, gắn rất chặt với nguyên tắc tự phê bình và phê bình và bổ sung cho nguyên tắc này bằng kỷ luật tự giác. Yêu cầu cao nhất của kỷ luật Đảng là chấp hành nghiêm ngặt các chủ trương, nghị quyết của Đảng và tuân thủ các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; mặt khác, cũng yêu cầu phải xử lý kỷ luật nghiêm minh đối với những trường hợp vi

phạm, cho mọi đảng viên dù ở cương vị nào, cho mọi cấp ủy dù ở cấp nào.

Đoàn kết thống nhất trong Đảng là nguyên tắc sau cùng được đề cập nhưng lại chính là nguyên tắc cơ bản nhất trong các nguyên tắc xây dựng Đảng. Bởi nguyên tắc đó phản ánh quy luật vận động và phát triển của Đảng như trên đã nói. Đoàn kết trong Đảng là cơ sở để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Bác Hồ nói "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết" là bao gồm cả sự đoàn kết trong Đảng, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, và chỉ có một sự đoàn kết cơ bản và rộng rãi như thế mới thật sự là sức mạnh vô địch, cơ sở cho mọi thắng lợi và thành công của cách mạng. Thống nhất trong Đảng là sự thống nhất cao nhất và toàn diện nhất - thống nhất về chính trị, về tư tưởng, về tổ chức, từ đó thống nhất về hành động. Có thể nói đoàn kết thống nhất trong Đảng là vấn đề sinh tử của Đảng.

Nhiệm vụ chính trị

Với tất cả những điều nêu trên, ta thấy rõ giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng là một nhiệm vụ chính trị cực kỳ quan trọng trong xây dựng Đảng. Thái độ của mỗi đảng viên, tổ chức trong Đảng đối với việc giữ gìn sự đoàn kết thống nhất ấy là thước đo về sự trung thực cộng sản và sự trung thành đối với Đảng. Không ai có quyền tự coi mình là người cộng sản nếu tự mình có hành động gây tổn hại cho sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Cũng không ai có quyền nhân danh sự đoàn kết thống nhất để che đậy các mưu đồ cá nhân, hành động trái với lợi ích của Đảng, trên thực tế là phá vỡ sự đoàn kết thống nhất ấy.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng được xây dựng bởi nhiều nhân tố, nổi bật nhất là đường lối chính trị và đường lối tổ chức đúng đắn, là việc thực hành dân chủ rộng rãi đi đôi với kỷ luật nghiêm minh trong Đảng, là việc thường xuyên rèn luyện và giữ gìn phẩm chất, đạo đức của cán bộ, đảng viên.

Đường lối chính trị và tổ chức đúng đắn là nhân tố quan trọng hàng đầu thể hiện trong cương lĩnh chính trị, các nghị quyết Đại hội và Điều lệ Đảng. Ba tổ chức cộng sản tiền thân của Đảng ta, sở dĩ hợp nhất thành một Đảng Cộng sản Việt Nam thống nhất là nhờ có *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Điều lệ vắn tắt* do Bác Hồ khởi thảo đã nêu lên con đường làm cách mạng giải phóng dân tộc rồi tiến lên làm cách mạng xã hội (xã hội chủ nghĩa). Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc mà Đảng ta nêu cao từ Hội nghị Trung ương 8 (khóa I) của Đảng năm 1941 đã là ngọn cờ hiệu triệu toàn Đảng và toàn dân ta xốc tới làm Cách mạng Tháng Tám thành công. Ngày nay, cũng dưới ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã động viên toàn Đảng, toàn dân cùng tiến lên trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Sự thống nhất về đường lối chính trị là sự thống nhất cao nhất. Sự chia rẽ về đường lối chính trị là sự chia rẽ nghiêm trọng nhất; theo đó, tất sẽ dẫn đến sự chia rẽ về tổ chức, và ít nhất cũng là tình trạng bè phái trong Đảng.

Thực hành dân chủ rộng rãi đi đôi với kỷ luật nghiêm minh trong Đảng vừa là nội dung của các nguyên tắc xây dựng Đảng vừa là những biện pháp để bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Trong thực tế, nhiều trường hợp mất đoàn kết trong Đảng không phải do khác nhau về đường lối, chủ trương, chính sách mà là do thái độ, tác phong và sự đối xử không dân chủ. Một tập thể làm việc không dân chủ sẽ làm triệt tiêu tính tích cực và sáng kiến của các thành viên, tước bỏ của họ quyền được bàn bạc và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của họ, rốt cuộc dù có nghị quyết nhưng không ai coi đó là của chính mình nên không chịu thi hành, mỗi người làm theo ý riêng, sinh ra tình trạng "trống đánh xuôi kèn thổi ngược". Cấp

trên không dân chủ với cấp dưới, hành động không đủ sức thuyết phục lại dựa vào sự gò ép mệnh lệnh, tất cấp dưới sẽ coi thường cấp trên và bất tuân thượng lệnh. Và đến lượt mình, nếu cấp trên lại tiếp tục dùng những biện pháp không dân chủ để thi hành kỷ luật đối với cấp dưới, tất không tránh khỏi dẫn đến tình trạng khiêu kiện triền miên và gửi đơn thư tố cáo đi khắp nơi, nội bộ càng thêm rối. Còn nếu như đã bàn bạc dân chủ, trên dưới biết lắng nghe nhau, quyết định theo số đông thì mọi cán bộ, đảng viên tất sẽ tự giác chấp hành nghiêm chỉnh. Đối với những trường hợp làm ngược lại, việc xử lý kỷ luật nghiêm minh, chắc chắn sẽ được số đông ủng hộ và đó là cái bảo đảm cho sự đoàn kết thống nhất.

Cuối cùng là vấn đề cán bộ giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng. Trường hợp mất đoàn kết phổ biến trong nhiều năm nay ở nhiều chi bộ, đảng bộ là do cán bộ tự tư tự lợi, tham nhũng, bòn rút của công, sống xa hoa, tranh giành địa vị, nêu gương xấu cho quần chúng. Có nơi vì tham ô của công, chia chác không đều mà người này thắc mắc với người khác. Có nơi vì tranh chức, tranh quyền mà nhiều người vốn là đồng chí thân thiết của nhau bỗng trở thành những kẻ kình địch nhau. Các hiện tượng chạy chức, chạy quyền, chạy tiền, chạy tội, tệ thù vật, trù dập người ngay cộng với sự tham nhũng và làm ăn bất chính, lối sống quan liêu, sa đọa đã tạo nên một bức tường ngăn cách giữa hai loại cán bộ trung thực và liêm khiết với thoái hóa, biến chất. Nói đi đôi với làm là một phong cách công tác tốt đẹp. Bác Hồ nói, "một tấm gương sống còn giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền". Có một số cán bộ lãnh đạo ở cấp này hay cấp khác được coi là có danh tiếng nhưng khi hỏi về đời tư, về chuyện nhà cửa, vợ con và gia đình, cách ứng xử trong cuộc sống thường ngày thì ai cũng lắc đầu lè lưỡi.

Trở lại chuyện con người của mất

Không phải ngẫu nhiên mà Đại hội lần thứ IX của Đảng, trong khi khẳng định những thành tựu trong công tác xây dựng Đảng, đã rất lưu tâm đến một số mặt yếu kém và khuyết điểm, nhất là khuyết điểm về công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống; một số tổ chức đảng ở các cấp chưa được chỉnh đốn; dân chủ bị vi phạm, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ không đoàn kết; chất lượng sinh hoạt đảng bị giảm sút. Đại hội đã nêu lên một loạt nhiệm vụ quan trọng phải làm nhằm khắc phục các yếu kém và khuyết điểm đó, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đặc biệt nhấn mạnh đến sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Đại hội yêu cầu: Từng đảng bộ giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo. Đối với những cấp ủy, tổ chức đảng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cán bộ lãnh đạo độc đoán chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ, cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo kiểm điểm làm rõ đúng sai, xử lý nghiêm minh những người có khuyết điểm, kiện toàn tổ chức cán bộ; nơi không có khả năng khắc phục khuyết điểm thì giải tán về tổ chức, lập tổ chức mới theo quy định của Điều lệ Đảng. Trước đó, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII cũng chỉ rõ: Trường hợp nghiêm trọng thì phải thay ngay cán bộ chủ chốt và có hình thức xử lý thích đáng đối với những người có liên quan.

Điều đáng mừng là, trong nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX vừa qua, với sự lãnh đạo kiên quyết của Trung ương, nhiều cấp ủy đảng ở địa phương đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc thực hiện các yêu cầu nói trên của Đại hội. Thông qua việc kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), các cấp ủy, tổ chức đảng đã nhìn nhận rõ hơn tình hình của ngành, địa phương, đơn vị và đồng

chí mình. Bước đầu tạo ra được bầu không khí làm việc cởi mở, tin tưởng và trách nhiệm vì công việc chung. Tình hình đoàn kết trong nội bộ Đảng, trước hết là trong cấp ủy, có bước chuyển biến tích cực. Một số cấp ủy mất đoàn kết nội bộ đã bị thi hành kỷ luật. Số nơi mất đoàn kết và mức độ mất đoàn kết giảm đi rõ rệt. Nguyên nhân dẫn đến mất đoàn kết ở một số cấp ủy, tổ chức đảng đã được chỉ ra. Không ít địa phương, đơn vị đã khắc phục được tình trạng chia rẽ, mất đoàn kết triền miên lâu nay, xây dựng được sự đoàn kết thống nhất và tinh thần cộng đồng trách nhiệm trong lãnh đạo chủ chốt đến toàn thể cấp ủy, nhờ đó phong trào thoát khỏi trì trệ, có bước chuyển biến.

Cái chưa thể mừng là, ở một số cấp ủy và tổ chức đảng, vẫn còn tình trạng dân chủ hình thức, tập trung nửa vời, bằng mặt không bằng lòng. Ở một số nơi, việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật của Đảng chưa được coi trọng; nói và làm không theo đúng nghị quyết. Ý thức tự giác, tinh thần tự phê bình và phê bình của một số cấp ủy viên còn yếu, sợ trù dập nên còn né tránh trong phát biểu ý kiến, chưa dám nói thẳng nói thật, chỉ nói sau lưng. Những yếu tố mất đoàn kết nội bộ mà nguồn gốc chủ yếu là chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, bản vị còn tiềm ẩn lớn.

Xuân 2004 - Xuân Giáp Thân - Xuân kỷ niệm lần thứ 74 Ngày Thành lập Đảng ta, nhắc lại lời dạy của Bác Hồ "phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con người của mất mình" là điều rất hay, nhiều ý nghĩa. Với một con người, tuổi xuân qua đi, tuổi già đến, độ tinh sáng của con người có thể giảm suy. Nhưng đối với Đảng ta, một Đảng phấn đấu cho Mùa Xuân vĩnh viễn của dân tộc, Đảng đó mãi mãi thanh xuân. Vì vậy mà sự đoàn kết thống nhất trong Đảng phải không ngừng được tăng cường, như khối thép càng được tôi luyện càng thêm rắn chắc. □

DÂN CHỦ TRONG ĐẢNG TA HIỆN NAY – QUAN NIỆM VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN ĐẶC TRƯNG

NGUYỄN VĂN BIỂU*

ĐẢNG Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, là khối liên minh tự nguyện của những người cộng sản có cùng mục đích và lý tưởng. Điều đó thể hiện ở chỗ, tất cả những công dân của nước Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, muốn vào Đảng Cộng sản Việt Nam thì điều đầu tiên và cũng là điều bắt buộc - phải tự nguyện làm đơn gia nhập Đảng.

Sức mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam là do tính tự giác của toàn thể đảng viên. Chỉ khi nào đảng viên tự giác thảo luận và giải quyết tất cả mọi vấn đề, kể cả việc thành lập các cơ quan lãnh đạo, bầu ra những người lãnh đạo, thì tính tích cực của đảng viên mới được nâng cao. Điều này thể hiện bản chất dân chủ của Đảng ta. Có thực hiện dân chủ trong Đảng, mới có điều kiện giáo dục và rèn luyện đảng viên, mới có thể phát huy tối đa nghị lực của họ vào việc đề ra và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam cần có dân chủ không phải chỉ để tổ chức đúng đắn sinh hoạt và hoạt động của Đảng, mà vì Đảng Cộng sản Việt Nam là người đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc. Do đó, trước hết Đảng phải là một tổ chức dân chủ mới có thể phát huy sức mạnh của mọi người dân, tranh thủ được sự đồng tình của nhân dân để lãnh đạo và dẫn dắt họ thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng do Đảng đề ra.

Hiện nay, Đảng ta đang lãnh đạo công cuộc đổi mới trong điều kiện cơ chế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, có rất nhiều vấn đề mới mẻ, phức tạp. Nhất là khi giao thông liên lạc thuận tiện, điều kiện tiếp cận thông tin rộng rãi và nhanh chóng, trình độ kiến thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân ngày càng được nâng cao, thì vấn đề thực hiện dân chủ trong Đảng lại càng có ý nghĩa quan trọng.

Tuy nhiên, cần hiểu trong Đảng dân chủ gắn với tập trung. Bởi vì, tập trung và dân chủ là hai mặt, hai yếu tố cấu thành của nguyên tắc tập trung dân chủ. Dân chủ trong Đảng phải có tính đảng, có lãnh đạo, gắn liền với kỷ luật Đảng.

Dân chủ trong Đảng ta thể hiện ở những đặc trưng cơ bản sau:

1 - Chế độ bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Đảng

Chương II, Điều 9 của Điều lệ Đảng đã ghi rõ: "Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra". Như vậy, dân chủ trong Đảng trước hết là áp dụng rộng rãi chế độ bầu cử. Việc bầu cử các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng và bầu ra những người lãnh đạo các cơ quan ấy khẳng định đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam trên một ý nghĩa nào đó, là chủ nhân trong Đảng, họ được quyền

* PGS, TS, Viện trưởng Viện Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

quyết định nên bầu ai là người lãnh đạo họ và lãnh đạo các cơ quan của Đảng.

Các cuộc họp, các cuộc hội nghị, đại hội, bằng cách bỏ phiếu công khai, sơ bộ quy định số người được bầu cử vào cơ quan lãnh đạo, quyết định vấn đề có nên đình chỉ việc đề cử hay tiếp tục ghi thêm các ứng cử viên mới vào danh sách nói lên trình độ dân chủ trong Đảng ta hiện nay. Không một ai và một thế lực nào có thể hạn chế quyền tự do hành động của người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam trong khi đề cử và thảo luận ứng cử viên. Có thể nói, thảo luận ứng cử viên một cách toàn diện, đó là nét quan trọng nhất của cuộc bầu cử thật sự dân chủ.

Việc bầu cử bằng phiếu kín có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc dân chủ hóa sinh hoạt đảng, đối với việc đảng viên thực hiện quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng. Việc bỏ phiếu kín được xác nhận và ghi vào Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trở thành một tiêu chuẩn bất di bất dịch trong việc bầu cử tất cả các cơ quan lãnh đạo của Đảng ta.

Chế độ bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng và những người lãnh đạo các cơ quan ấy đã được Điều lệ Đảng đặt thành một nguyên tắc trong sinh hoạt đảng, mọi tổ chức, mọi đảng viên phải nghiêm chỉnh tuân theo. Tổ chức và cá nhân nào vi phạm nguyên tắc đó, tùy theo mức độ khác nhau, phải chịu kỷ luật của Đảng. Do đó, chế độ bầu cử càng được thực hiện rộng rãi, đầy đủ, triệt để bao nhiêu, thì Đảng càng hoạt động dân chủ bấy nhiêu.

2 - Chế độ báo cáo, chế độ thông báo, tính công khai

Điều lệ Đảng quy định: "Cơ quan lãnh đạo và những người phụ trách các cấp của Đảng, phải theo kỳ hạn nhất định báo cáo công việc cụ thể của mình với các đảng viên và các tổ chức cấp dưới đã bầu ra mình", "Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước Đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới". Như vậy, cùng với chế độ bầu cử, chế độ báo cáo là biện pháp có hiệu quả để các đảng viên tác động vào

hoạt động của các cán bộ lãnh đạo; để kiểm tra, xem cán bộ lãnh đạo ấy tôn trọng đến mức độ nào ý kiến của đảng viên và tiến hành đến mức độ nào công việc theo tinh thần của những nghị quyết đã được tập thể đảng viên thông qua trong các hội nghị, hội nghị đại biểu hoặc đại hội. Không những vậy, thông qua việc nghe và thảo luận các bản báo cáo ấy, thông qua việc đánh giá hoạt động của các cơ quan lãnh đạo của Đảng, của các cán bộ lãnh đạo những cơ quan ấy, đảng viên có điều kiện để quyết định một cách đúng đắn việc trao quyền lãnh đạo cho ai.

Đảng ta phát huy truyền thống chế độ báo cáo rộng rãi của các cơ quan lãnh đạo của Đảng, của các cán bộ lãnh đạo các cơ quan ấy trước đảng viên, thì Đảng ta cũng thực hiện chế độ thông báo tại hội nghị các tổ chức đảng về tình hình nội bộ Đảng và thông báo tình hình chính trị chung. Điều lệ Đảng quy định: "Định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc". Trong các hội nghị toàn thể, đảng viên được nghe các thông báo và báo cáo về công tác của ban thường vụ, về tình hình chấp hành những nghị quyết của cấp trên đã được thông qua, về việc thực hiện những ý kiến phê bình và những kiến nghị đã được nêu ra trong các hội nghị Đảng. Có thể nói, công tác thông báo tình hình nội bộ Đảng và thông báo tình hình chính trị chung đóng một vai trò to lớn trong đời sống của Đảng và các tổ chức đảng, là thước đo phản ánh việc thực hiện dân chủ trong đảng ta hiện nay.

Đảng Cộng sản Việt Nam không có lợi ích nào khác là phục vụ giai cấp và dân tộc, phục vụ nhân dân. Với ý thức đầy đủ về trách nhiệm của mình trước nhân dân, toàn bộ đường lối, chính sách, những nhiệm vụ, các kế hoạch thực tiễn của Đảng, Đảng ta đều đưa ra để nhân dân thảo luận góp ý kiến, phán xét về hoạt động của Đảng. Điều này thể hiện những nguyện vọng và ý muốn của nhân dân, người mà Đảng thấy mình phải có sứ mệnh và nhiệm vụ cao cả là phải phục vụ, được phục vụ. Đảng ta quan tâm sâu sắc đến việc làm cho đảng viên và tất cả nhân dân hiểu thật rõ về công việc và

các kế hoạch của Đảng, biết suy xét về những công việc và các kế hoạch đó.

Dĩ nhiên, tất cả những điều đó không có nghĩa là trong Đảng không có những vấn đề chỉ liên quan đến đảng viên và chỉ được đem ra thảo luận trong hàng ngũ đảng viên. Với tư cách là lực lượng lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội, Đảng và các tổ chức của Đảng còn phải xem xét cả những vấn đề thuộc về bí mật của quốc gia. Nếu công khai và thảo luận về những vấn đề ấy một cách rộng rãi thì chỉ là tiếp tay cho các thế lực thù địch để phá hoại Đảng.

Như vậy, những tin tức nào chỉ dành riêng cho các đảng viên, thì đều có liên quan đến những mặt nào đó trong sinh hoạt của bản thân tổ chức đảng, hoặc có liên quan đến những vấn đề thuộc về bí mật quốc gia. Còn tất cả những vấn đề khác thì đối với nhân dân, toàn bộ hoạt động của Đảng là công khai và Đảng ta đang thi hành tất cả những biện pháp để quần chúng lao động, toàn thể nhân dân Việt Nam đều biết rõ công việc của Đảng, các kế hoạch và chủ trương của Đảng. Đảng ta xem đó là nguồn sức mạnh vô cùng quan trọng và là sự vững chắc của Đảng.

3 - Tính tập thể trong sự lãnh đạo của Đảng

Tính chất dân chủ của Đảng Cộng sản Việt Nam còn thể hiện ở chỗ, Đảng thừa nhận tính tập thể là nguyên tắc tối cao trong sự lãnh đạo của Đảng. Tính tập thể trong Đảng là ở chỗ, đứng đầu tất cả các tổ chức đảng không phải là những người lãnh đạo riêng lẻ, mà là các tập thể: các ban thường vụ, các ban chấp hành. Trong Đảng, không có tổ chức đảng nào do các cá nhân thao túng, điều khiển, mà đều do những cơ quan tập thể lãnh đạo. Một khi trong tổ chức Đảng có sự lãnh đạo thật sự tập thể, thì đó là cái bảo đảm tốt nhất để giải quyết có kết quả các nhiệm vụ, ngăn ngừa những hành động sai lầm, kịp thời sửa chữa các thiếu sót, ngăn ngừa thói độc đoán, chuyên quyền.

Nguyên tắc này được Đảng ta thực hiện ngay từ những ngày đầu mới ra đời cho đến nay. Sau khi xác định nguyên tắc bất di bất dịch tập thể lãnh đạo, Đảng ta đã áp dụng những biện pháp chặt chẽ

về sinh hoạt đảng để bảo đảm việc chấp hành nguyên tắc đó được thực hiện nghiêm túc.

Các nghị quyết hội nghị, hội nghị đại biểu, đại hội của Đảng thể hiện trí tuệ tập thể, kinh nghiệm của toàn Đảng và của các tổ chức đảng; là kết quả của một hoạt động sáng tạo, sâu sắc và thật sự tập thể, do đó có tính chất bắt buộc và là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mỗi tổ chức, mỗi đảng viên. Chỉ có nghiêm chỉnh tuân thủ nguyên tắc tập thể lãnh đạo thì các tổ chức đảng và toàn thể đảng viên mới có thể hoạt động bình thường. Đó là luận điểm bất di bất dịch của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

4 - Tự do trong thảo luận và trong phê bình

Tự do trong thảo luận và tự do trong phê bình là không thể thiếu trong sinh hoạt của Đảng ta. Đảng không những quy định những nghĩa vụ nhất định cho từng đảng viên, mà còn để cho mỗi đảng viên có những quyền hạn nhất định. Đảng luôn chú ý nâng cao tinh thần tích cực và sáng tạo của toàn Đảng, bảo đảm cho đảng viên phát huy hết khả năng, trí tuệ để làm tròn nhiệm vụ của mình tới mức cao nhất, đồng thời mở rộng quyền dân chủ của đảng viên.

Điều lệ Đảng ghi rõ: Đảng viên có quyền "được thông tin và thảo luận các vấn đề về cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng". Điều đó xuất phát từ nhận thức sự nghiệp của Đảng là sự nghiệp của toàn thể đảng viên, thể hiện đường lối quần chúng của Đảng.

Thảo luận tự do trong tổ chức đảng là quyền không ai được ngăn cấm. Song tự do trong thảo luận, tranh luận phải trên tinh thần xây dựng Đảng, vì lợi ích của công việc, lợi ích của Đảng, của nhân dân tuyệt đối không được lợi dụng quyền tự do để tuyên truyền những tư tưởng chống lại Đảng, chống lại chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gây chia rẽ, bè phái trong Đảng. Việc thảo luận tự do trong Đảng không thể vô giới hạn; giới hạn của nó được quy định trong Cương lĩnh và trong Điều lệ Đảng, xuất phát từ sự cần thiết phải hành động, đấu tranh, thực hiện những gì mà

sau khi thảo luận tập thể, được những người tham gia thảo luận đã nhất trí trở thành nghị quyết chung, cương lĩnh hành động chung.

Tự do thảo luận phải gắn với việc phê bình. Quyền phê bình đã trở thành một tiêu chuẩn của đảng viên được ghi trong Điều lệ Đảng. Quyền đó vừa được xem như quyền hạn, vừa được xem là nghĩa vụ của đảng viên.

Đảng ta thường xuyên quan tâm đến việc phát huy tự phê bình và phê bình trong các tổ chức đảng, và tạo mọi điều kiện để thực hiện điều đó. Đảng lên án những hành động bóp nghẹt phê bình, nghiêm cấm bất cứ tổ chức và cá nhân nào trong Đảng trù dập những người phê bình mình. Trong Đảng, mọi đảng viên đều chịu sự kiểm tra của Đảng, không một ai được đứng ở ngoài kỷ cương của Đảng. Đảng ta luôn quan tâm làm sao để phê bình phải mang tính nguyên tắc, thực sự cầu thị, có tổ chức, có ý thức xây dựng, thực hiện đoàn kết thống nhất trong Đảng. Sự phê bình thẳng thắn, công khai và có tính nguyên tắc là yếu tố cần thiết và quan trọng nhất để phát huy dân chủ nội bộ, củng cố kỷ luật của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của đảng viên. Đảng cũng kiên quyết phê phán những kẻ lợi dụng tự do phê bình để chống lại các quy định chung và những nguyên tắc chung, đấu tranh với những ai thay thế sự phê bình thiết thực, lành mạnh bằng việc đưa ra những lời luận tội vô căn cứ và vô trách nhiệm, thổi phồng những thiếu sót, khuyết điểm của đồng chí và tổ chức. Sự phê bình thẳng thắn, công khai và có tính nguyên tắc là yếu tố cần thiết và quan trọng nhất để phát huy dân chủ nội bộ, củng cố kỷ luật của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của đảng viên hiện nay.

Vừa qua, nhiều tổ chức đảng và đảng viên đã nắm vững quan niệm và những biểu hiện đặc trưng của dân chủ trong Đảng, cho nên đã phát huy tính tự giác, tính tích cực và nâng cao tinh thần trách nhiệm của đảng viên trong công tác xây dựng Đảng và trong hoạt động của Đảng, làm cho Đảng thống nhất ý chí và hành động, phát huy vai trò của Đảng và đảng viên trên các lĩnh vực của đời sống

xã hội, góp phần đem lại những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới của đất nước. Tuy nhiên, ý thức dân chủ và thực hành dân chủ trong Đảng của không ít tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên còn kém hoặc vi phạm những đặc trưng này hoặc đặc trưng khác. Thực tiễn cho thấy, việc bầu các cấp ủy đảng, các chức vụ trong bộ máy của Đảng và Nhà nước vẫn còn có hiện tượng dân chủ hình thức, các đại biểu chưa được tạo mọi điều kiện để hiểu rõ những người được cấp trên đề cử. Có những cán bộ lãnh đạo mang nặng bệnh quan liêu, gia trưởng, óc độc đoán, đặt mình lên trên tập thể, không chịu sự kiểm soát của tổ chức; không thực hiện đúng nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nhất là về công tác tổ chức, cán bộ. Dân chủ có khi trở thành hình thức, hợp thức hóa cho những quyết định quan liêu, chủ quan của cá nhân người thủ trưởng. Chưa tạo điều kiện đầy đủ cho các cấp ủy viên, cho đảng viên, cán bộ nắm được thông tin, được nghiên cứu thấu đáo vấn đề cho nên việc lấy ý kiến, biểu quyết nhiều khi chỉ là chiếu lệ, không chuẩn xác. Trong khi đó, nhiều đảng viên, cán bộ không dám nói và làm trái ý cấp trên, sợ bị thành kiến, trù dập, nên không dám nói thẳng, nói thật, không dám sử dụng quyền dân chủ mà Điều lệ Đảng đã trao cho, thậm chí còn có xu nịnh, cơ hội; không dám nói thẳng, nói thật trong hội nghị, trong tổ chức mà lại nói ngoài hội nghị, ngoài tổ chức, nói sau lưng, đơn thư nặc danh hoặc nói sai sự thật.

Nắm vững và thực hiện tốt dân chủ trong Đảng trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ đi đôi với dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội thì Đảng mới có sự thống nhất ý chí và hành động, thiết thực đấu tranh chống bệnh quan liêu trong Đảng và Nhà nước ta, chống lại nguy cơ suy thoái chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống của đảng viên, giữ gìn bản chất cách mạng tốt đẹp của Đảng và Nhà nước ta. Thực hiện tốt dân chủ trong Đảng sẽ tăng cường đoàn kết nội bộ, tạo không khí tích cực và tin cậy của đội ngũ cán bộ đối với cấp lãnh đạo, để Đảng thực hiện được vai trò lãnh đạo và là người tổ chức mọi thắng lợi nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. □

Xuân đến, nghĩ về ý nghĩa sự ra đời ca khúc CÙNG NHẠU ĐI HỒNG BINH

DƯƠNG VIẾT Á *

TRÀO lưu tân nhạc, hay âm nhạc cải cách, như tên gọi vào thời điểm bấy giờ, hoặc là nhạc mới, như tên gọi phổ biến ngày nay, đã ra đời từ trước Cách mạng Tháng Tám khoảng mười lăm năm. Đây là một trào lưu không thuần nhất (theo Tú Ngọc): về lực lượng và đội ngũ sáng tác; về điều kiện và môi trường hoạt động (chuyên nghiệp, nghiệp dư, bí mật, công khai...); và nhất là về khuynh hướng nghệ thuật (bộc lộ rõ nhất trong cả trào lưu và ngay trong sáng tác của từng tác giả). Trong



Lễ tiến bánh chung, bánh dày

Ảnh : T.C.H

điều kiện lịch sử cụ thể, chỉ những bài hát trữ tình, lãng mạn như *Buồn tàn thu* (Văn Cao), *Giọt mưa thu* (Đặng Thế Phong), *Biệt ly* (Doãn Mẫn),...; hoặc những bài hát ngợi ca quê hương thôn dã như *Chiều quê*, *Chùa Hương* (Hoàng Quý), *Hương xuân* (Văn Chung), *Trên sông Hương* (Nguyễn Văn Thương)...; hoặc những bài "hùng ca" lịch sử xa xưa, như *Trung Vương*

(Đỗ Nhuận), *Bạch Đằng Giang*, *Ái Chi Lăng*, *Hội nghị Diên Hồng* (Lưu Hữu Phước),... mới được phép lưu hành công khai. Và tất nhiên, những bài ca cách mạng mang nội dung kêu gọi và động viên nhân dân đứng lên giành chính quyền, dựng nền độc lập cho Tổ quốc chỉ được lưu truyền trong vòng bí mật; và gần như chủ yếu theo phương thức truyền miệng, tuy tác giả đã ghi lại trên bản phổ hoặc được in ấn với một số lượng rất ít ỏi.

Theo cách nhìn nặng về bề nổi, nhiều người cứ nghĩ rằng:

Những ca khúc như *Bê bàng* của Lê Yên, *Tiếng sáo chăn trâu* của Văn Chung ra đời vào năm 1935 là mốc khởi đầu của trào lưu tân nhạc. Cẩn thận hơn, có người đã chọn năm 1938 làm mốc với lý lẽ: "Trên báo *Ngày nay* số ra

* Giáo sư Mỹ học - Nhạc viện Hà Nội

ngày 31-7-1938, lần đầu tiên cho đăng bài hát của nhạc sĩ Việt Nam bằng nhạc phổ ngũ tuyến - bài *Bình minh* của Nguyễn Xuân Khoát, tiếp theo là bài *Kiếp hoa* của Nguyễn Văn Tuyên. Từ đó về sau, nhiều bài hát mới của các tác giả Việt Nam lần lượt có mặt trên báo".

Song, khi tra cứu lại các tài liệu, thì hóa ra mốc khởi đầu của trào lưu tân nhạc lại thuộc về một bài ca cách mạng: *Cùng nhau đi hồng binh* với những ghi chú rất rõ ràng về tác giả - Đinh Nhu - và về thời điểm sáng tác - năm 1930. Bộ hợp tuyển ca khúc *Tiếng hát Việt Nam* (gồm ba tập) - công trình nghiên cứu (đã in thành sách) *Âm nhạc mới Việt Nam* - tiến trình và thành tựu... ghi rõ điều đó. Như thế là *Cùng nhau đi hồng binh* được sáng tác trước *Bê bàng* và *Tiếng sáo chẵn trâu* 5 năm.

* *
*

Có gì khiến cưỡng không, khi coi và xếp *Cùng nhau đi hồng binh* vào trào lưu tân nhạc? Phải chăng, đó là một bài hát thuộc dạng thức âm nhạc dân gian hiện đại và đương đại?

Trước hết, cần nhận thức rằng, cái ranh giới giữa dân gian và chuyên nghiệp rất mong manh, thậm chí là "mơ hồ" về nội dung khái niệm - chỗ dựa để phân định giữa hai dạng thức nghệ thuật. Bởi lẽ, theo tiến trình phát triển của nghệ thuật, thường có sự chuyển hóa giữa hai dạng thức đó. Mặt khác, không thể vin vào phương thức lưu hành gần như chủ yếu của những bài ca cách mạng: truyền miệng để coi và xếp nó vào âm nhạc dân gian! Truyền miệng không phải là tiêu chí duy nhất và tối hậu quyết định chủng loại văn nghệ dân gian. Cứ theo nhận thức đó, chắc chắn sẽ không tài nào lý giải được về phong trào văn nghệ quần chúng (theo cách gọi phổ biến hiện nay) đang nở rộ trên đất nước ta, nhất là từ sau ngày hòa bình, thống nhất.

Có thể ví trào lưu tân nhạc như một dòng họ gồm ba chi: trữ tình - lãng mạn; ngưỡng vọng lịch sử, cảnh sắc đồng nội; và, cách mạng. Nét không thuần nhất chủ yếu của trào lưu này chính

là về khuynh hướng nội dung tư tưởng, tình cảm mà rõ nhất là đề tài, góc nhìn và điệu cảm xúc. Vì thế, nó mới chỉ dừng lại với tính cách là trào lưu, chứ chưa phải là trường phái, và càng không phải là một phương pháp sáng tác với những nguyên lý thẩm mỹ, nguyên tắc và những quy phạm sáng tác nhất định.

Tuy nhiên, cả ba dòng (hoặc khuynh hướng) của trào lưu tân nhạc này lại thống nhất ở một điểm: quy luật vận động của các phương thức cấu trúc âm thanh (ngôn ngữ âm nhạc) - có thể dùng từ ngữ thi pháp theo nghĩa rộng. Nói rõ hơn, đó là thi pháp âm nhạc của chủ nghĩa cổ điển châu Âu. Cả trào lưu, trong đó có dòng âm nhạc cách mạng, đều theo cùng một thi pháp âm nhạc chung. Không chỉ riêng *Cùng nhau đi Hồng binh* của Đinh Nhu, mà ngay cùng thời 1930 - 1931, ta còn bắt gặp nét chung về thi pháp âm nhạc trong *Tam bình*, *Tiến quân*... của Trần Văn Úc; hoặc *Nội chiến cách mạng* (sáng tác của các chiến sĩ cộng sản ở Nam Kỳ); *Đi lên, đi lên* (khuyết danh) - bài hát rất phổ biến ở tỉnh Quảng Ngãi v.v.. Những ca khúc cách mạng được sáng tác về sau càng minh chứng về tính thống nhất trong thi pháp âm nhạc như vừa nêu trên: *Ứng hộ Liên Xô* (1940) và *Cờ Việt Minh* (1941) của Vương Gia Khương, *Phất cờ Nam tiến* (1944) của Hoàng Văn Thái, *Du kích ca* (1944) của Đỗ Nhuận, *Tiến quân ca* (1944) của Văn Cao, v.v..

Nhìn xa hơn, thi pháp của trào lưu tân nhạc gần như vẫn giữ nguyên vẹn trong những nhạc phẩm thuộc vùng tạm chiếm thời kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ. Ảnh hưởng - như là "du âm" - của thi pháp ấy vẫn còn sống qua một số tác phẩm ra đời vào cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI - ngay trong vòng lần lượt của trào lưu nhạc trẻ đang thịnh hành hiện nay.

* *
*

Khi ví trào lưu tân nhạc như một dòng họ với ba chi, chúng tôi cũng dựa trên một cơ sở lịch

sử: quá trình hình thành, phát triển và định hình chung của cả trào lưu cũng như từng chi, từng dòng (hoặc khuynh hướng) thuộc trào lưu ấy.

Tiếp cận từ góc độ văn hóa học, có thể nói, trào lưu tân nhạc là một sản phẩm văn hóa - nghệ thuật của quan hệ giao lưu văn hóa giữa Đông và Tây; nói rõ hơn, giữa Việt Nam và châu Âu, thông qua văn hóa Pháp. Văn hóa âm nhạc cổ điển châu Âu, thông qua văn hóa âm nhạc Pháp, đã được văn hóa âm nhạc Việt Nam tiếp nhận và "tiếp biến" (Trần Quốc Vượng). Con đường mà cả trào lưu đã đi qua - như là những tháng năm thai nghén - diễn ra vào khoảng ba thập niên đầu thế kỷ XX, có thể tóm lược như sau: 1- Dịch ra tiếng Việt những bài ca nước ngoài (Pháp và châu Âu); 2- Soạn lời mới theo nhạc nước ngoài - thời bấy giờ gọi là "lời ta điệu tây"; 3- Nhạc mới và lời mới do người Việt Nam sáng tác - trào lưu tân nhạc đích thực xuất hiện. Điều đáng lưu ý là, tuy cùng trải qua những chặng đường giống hệt nhau, nhưng do nhận thức và quan điểm thẩm mỹ quy định nên mỗi dòng đều có hướng đi riêng khi lựa chọn tác phẩm âm nhạc để dịch lời hoặc soạn thêm lời mới.

Được lý tưởng cách mạng soi sáng - và trở thành định hướng văn hóa nghệ thuật - dòng âm nhạc cách mạng lại có những nét khác biệt trên những chặng đường hình thành, so với hai dòng anh em trong cùng một trào lưu: tân nhạc. Ngoài việc dịch lời từ nguồn những bài ca cách mạng của các nước châu Âu (Pháp, Anh, Đức, I-ta-li-a...) còn thêm những bài ca cách mạng Trung Quốc (thí dụ bài *Kêu gọi dân nghèo làm cách mạng* theo điệu *Bài ca Hoàng Phố* ra đời vào khoảng năm 1925 - khuyết danh). Như vậy, nguồn tác phẩm âm nhạc được các chiến sĩ cộng sản lựa chọn để dịch lời bao gồm từ Á sang Âu, có nghĩa là rộng rãi hơn trong quan hệ giao lưu văn hóa.

Một nét khác biệt rất quan trọng nữa, đó là ý thức dân tộc được biểu hiện rất rõ nét trong chặng đường thứ hai: soạn lời mới. Ngoài việc

soạn lời mới theo nhạc (cách mạng) nước ngoài, các chiến sĩ cộng sản đã soạn rất nhiều lời ca để hát theo các làn điệu dân ca cổ truyền. *Dân ca Xô-viết Nghệ - Tĩnh* với các làn điệu ví giặm mang nội dung cách mạng là một thí dụ. Hoặc trong *Tổng tập văn học Việt Nam* (tập 31), có rất nhiều bài thơ được viết theo các làn điệu dân ca cổ truyền khác nhau: sa mạc, xẩm, hò, ca trù, v.v.. Trong hướng đi này, không thể không nhắc đến một hiện tượng rất có ý nghĩa trên bình diện văn hóa nói chung và văn hóa âm nhạc nói riêng. Đó là, năm 1925, sau khi đến Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã dịch lời bài hát *Quốc tế ca* (thơ: Ô-gien Pôt-chi-ê; nhạc: Đờ Gây-te) ra tiếng Việt bằng văn vần theo thể lục bát - một thể thơ có thể hát theo rất nhiều làn điệu dân ca cổ truyền.

Nghĩ rộng hơn, ba phương châm *Dân tộc, Khoa học và Đại chúng*, mà Đảng nêu ra trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* (năm 1943), không phải là xuất phát từ lý tính thuần túy! Có thể nói, đây là sự đúc kết một quá trình vận động cách mạng trên mặt trận văn hóa mà cơ sở và tiền đề là thơ ca và âm nhạc cách mạng ra đời từ khoảng hai mươi năm trước đó.

Trên bình diện tổng thể của nền văn hóa Việt Nam, bài ca *Cùng nhau đi hồng binh* do Đinh Nhu sáng tác năm 1930 - như là mốc khởi đầu của trào lưu tân nhạc - xứng đáng được ghi nhận là một *hiện tượng trong lịch sử văn hóa âm nhạc Việt Nam*.

Và có một điều thật lý thú, khi chúng ta đều biết rằng, trào lưu tân nhạc vốn là một sản phẩm văn hóa được tiếp nhận và tiếp biến từ văn hóa âm nhạc cổ điển châu Âu, thông qua văn hóa âm nhạc Pháp. Từ văn hóa của nước thống trị, nhân dân ta đã biết "vượt gộp" (Phan Ngọc) để hội hòa vào dòng chảy văn hóa truyền thống Việt Nam. Và cớ mốc cho tiến trình vượt gộp ấy, là một bài ca cách mạng. Điều đó càng chứng minh một cách hùng hồn sức sống trường tồn của bản sắc văn hóa Việt Nam. □

TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN HUYỀN *

NHÂN văn là giá trị phổ quát, là tổ hợp các yếu tố chân - thiện - mỹ, là hiện thân của thiên hướng vươn lên và hoàn thiện không ngừng của chính con người. Vì vậy, nhân văn bao giờ cũng là lý tưởng và mục tiêu mà loài người hằng vươn tới; nó tồn tại, phát triển và ngày càng thể hiện sức sống mãnh liệt của mình trong suốt tiến trình phát triển xã hội. Khát vọng nhân văn ở con người, dù là phương Đông hay phương Tây, cũng đều cháy bỏng và lớn lao. Ở đâu có điều kiện thuận lợi thì ở đó tư tưởng nhân văn nảy nở và phát triển. Việt Nam, với lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng, gây dựng truyền thống yêu nước và đạo lý làm người của mình, là mảnh đất uơm sẵn những hạt giống nhân văn, để từ đó bùng lên những mầm xanh tư tưởng nhân văn. Hồ Chí Minh, một thiên tài như được đúc kết nên từ tinh hoa truyền thống nhân văn của dân tộc Việt Nam; dù khi Người bôn ba khắp năm châu bốn biển để tìm đường cứu nước, cứu dân, được sống trong nhiều nền văn minh của các dân tộc khác nhau, được tiếp xúc với những tư tưởng vĩ đại của C. Mác, Ph. Ăng-ghen và V.I. Lê-nin, tới tận phút cuối cùng của cuộc đời, tư tưởng nhân văn ở Người càng ngời sáng hơn, trở thành lý luận, thành hiện thực vững chắc.

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh lúc đầu thể hiện ở những yêu cầu nhân bản bao quát nhất. Đó là tư tưởng đòi lại cho con người những gì mà nó vốn có, trước hết là quyền được sống, theo nghĩa "người ta sinh ra ai cũng có quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc". Đất nước Việt Nam - cái nôi của con Rồng cháu Tiên, phải để cho người Việt Nam được gọi là Tổ quốc, chứ không cần đến một "mẫu quốc" bên phương Tây xa xôi tới "khai hóa"! Đã là con người thì ai cũng có quyền làm người, quyền tự do, quyền sống bình đẳng. Phải trả lại độc lập cho nhân dân Việt Nam để họ làm chủ đất nước mình, tự mình xây dựng cuộc sống. Đưa con người trở về với chính con người, đó là tư tưởng nhân bản cơ bản đầu tiên được hình thành trong con người Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, Người kêu gọi xóa bỏ nô lệ, áp bức, bần cùng, đối xử với con người như là Con Người chân chính.

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh được nâng lên tầm cao hơn khi ở Người hội tụ những tư tưởng tiến bộ toàn nhân loại, trong đó có các hệ tư tưởng nhân văn Phục hưng, Khai sáng. Đặc biệt, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh chỉ thật sự trở thành lý luận

* PGS. TS. Viện trưởng Viện Khoa học chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

khoa học, trở thành học thuyết vững chắc khi Người thấm nhuần tư tưởng cộng sản chủ nghĩa của các lãnh tụ thiên tài C. Mác, Ph. Ăng-ghen và V.I. Lê-nin.

Tư tưởng cộng sản chủ nghĩa đã giúp Hồ Chí Minh nâng những yêu cầu có tính nhân bản lên tầm cao hơn, đó là tính nhân văn thực thụ. Tính nhân văn ở đây không còn bị giới hạn trong khuôn khổ giải quyết vấn đề vị trí của con người, giải thoát con người khỏi kiếp ngựa trâu do chế độ nô lệ trói buộc, mà là giải quyết vấn đề xây dựng vị thế con người trong xã hội mới. Tư tưởng của Người lúc này không chỉ là xóa bỏ tình trạng tha hóa, đưa con người về đúng vị trí của mình, mà còn là phát huy mọi tiềm năng của con người để xây dựng một cuộc sống mới. Muốn vậy, trước hết phải thực hiện tư tưởng nhân văn tự sản là tự do, bình đẳng, bác ái. Sau đó, từng bước thực hiện lý tưởng nhân văn cộng sản chủ nghĩa để tiến tới xây dựng một xã hội cộng đồng và hòa hợp. Ở đó, con người không chỉ có đủ các điều kiện để phát huy mọi tài năng trong xây dựng xã hội mới, mà còn có đủ điều kiện để phát triển toàn diện, hài hòa chính bản thân mình với tư cách là mục đích tối cao của con người. Đây là tầm nhân văn cao nhất của con người, của xã hội loài người trên phương diện lý thuyết. Tư tưởng này thể hiện ở tầm cao hơn, sâu hơn còn bởi vì nó mở ra tính nhân văn vô tận của chủ nghĩa cộng sản: con người là mục đích của lịch sử, của mọi hoạt động của chính con người.

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng nhân văn cộng sản chủ nghĩa, Hồ Chí Minh tự nguyện đứng vào hàng ngũ những người cộng sản quốc tế, chiến đấu hy sinh cho lý tưởng nhân

văn cộng sản chủ nghĩa. Và trên thực tế, Người đã trở thành một trong những chiến sĩ đi tiên phong trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ xã hội cũ, xây dựng chế độ xã hội mới trên phạm vi toàn thế giới. Người quan tâm đến số phận từng con người, vận mệnh từng dân tộc, từng quốc gia khắp năm châu. Cuộc cách mạng mà Người theo đuổi là cuộc đấu tranh giai cấp, lật đổ giai cấp bóc lột, giải phóng giai cấp bị bóc lột, đưa loài người tiến tới một xã hội tốt đẹp. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, vì thế, có tầm giai cấp, tầm quốc tế, tầm nhân loại.

Hồ Chí Minh tiếp thu một cách sâu sắc lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, lấy nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản để thực hiện lý tưởng nhân văn cụ thể của con người: xóa bỏ xã hội cũ thối nát và phản nhân đạo để xây dựng một xã hội mà ở đó, người với người là bạn bè, đồng chí, anh em; sống hòa bình, hợp tác, hữu nghị trong thế giới đại đồng. Chính vì vậy, khi Quốc tế II phân hóa thành nhiều khuynh hướng khác nhau, Người đã chọn Quốc tế III, vì nó đề ra mục tiêu đúng với tư tưởng của Người là chống phong kiến, đế quốc, giải phóng dân tộc, mà thực chất là giải quyết vấn đề dân tộc và thuộc địa - vấn đề bức xúc nhất, bản chất nhất của cách mạng thế giới lúc bấy giờ.

Giải quyết vấn đề dân tộc và thuộc địa, theo Hồ Chí Minh, không phải là nhiệm vụ cuối cùng, mà là khâu đột phá để tiến tới giải quyết vấn đề cách mạng thế giới. Giải phóng từng dân tộc là điều kiện cho việc giải phóng tất cả các dân tộc thuộc địa; giải phóng giai cấp vô sản là để đi đến xã hội cộng sản chủ nghĩa. Mục tiêu đó quán xuyên toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Người. Đó

cũng là nền tảng của tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc toàn nhân loại trên cơ sở chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính. Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người, theo Người, cũng chỉ mới là tiền đề để thực hiện mục tiêu thiêng liêng nhất của con người là phát triển toàn bộ bản chất người với mọi phẩm chất tốt đẹp, với mọi tiềm năng và năng lực sáng tạo cũng như khả năng hưởng thụ cao các giá trị văn hóa do chính mình sáng tạo ra.

Chính với quyết tâm thực hiện lý tưởng nhân văn đó, Hồ Chí Minh có một thái độ hết sức khoan dung, độ lượng, một tinh thần đoàn kết, hòa hợp. Phê phán, phản đối tư tưởng biệt phái, chia rẽ các tín ngưỡng, tôn giáo trong nước và trên thế giới, Người tiếp thu tất cả tinh hoa trí tuệ, ước mơ, khát vọng chân chính của nhân loại nhằm đạt tới mục đích cuối cùng là đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Người đã hội tụ những tinh hoa của tất cả các tư tưởng nhân văn của nhân loại, từ tư tưởng Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Trung, Hiếu, Lễ, Tín của đạo Nho, tinh thần từ bi, cứu nhân độ thế, phấn đấu đạt tới sự sáng láng của đạo Phật, đến ước mơ vươn tới một xã hội cao đẹp, con người hoàn thiện của đạo Thiên chúa. Người đã chất lọc ưu điểm trong các học thuyết của Khổng Tử, Thích Ca Mâu Ni, Giê-su, Tôn Dật Tiên... Đặc biệt, Người đã tìm thấy ở học thuyết Mác - Lê-nin nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa. Người nhận thấy rằng, ở tất cả các vị tiền bối đều có chung một ưu điểm là mưu cầu hạnh phúc cho con người. Công lao đó của Người, tự nó đã thể hiện một tinh thần, một bản chất nhân văn lớn lao, cao cả, vì cuộc sống tốt đẹp của con người, vì hạnh phúc và tiến bộ của nhân gian.

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh còn thể hiện một cách đặc sắc ở khát vọng và tinh thần quyết tâm biến tư tưởng thành hiện thực. Cốt lõi thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa được Hồ Chí Minh chuyển hóa thành một tổ hợp tư tưởng Mác - Lê-nin - Hồ Chí Minh, rồi nó lại được thăng hoa, biến hóa thành một chất tư tưởng mới rất riêng, trong đó có sự hòa quyện giữa chiều sâu lý luận và sinh khí cuộc sống. Tiếp thu bản chất khoa học và cách mạng, tinh thần cải tạo thế giới của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Người thực hiện khát vọng cháy bỏng của mình là biến tất cả tình thương người, tình yêu cuộc sống thành hành động.

Lòng nhân ái Hồ Chí Minh bao la, rộng lớn bao nhiêu đối với nhân loại thì cũng sâu nặng bấy nhiêu đối với con người, dân tộc Việt Nam. Nhận nhiệm vụ từ Quốc tế Cộng sản, trở về Tổ quốc, Người dành tất cả tình thương yêu cho dân tộc Việt Nam. Khi đã trở thành lãnh tụ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Người không màng danh lợi cá nhân, suốt đời chăm lo cho hạnh phúc của nhân dân, cho sự trường tồn của dân tộc và sự phát triển của đất nước. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh bao quát toàn bộ cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc, đem lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân. Tư tưởng đó được kết tinh thành một tuyên ngôn bất hủ không chỉ đối với nhân dân Việt Nam mà còn đối với toàn thể loài người tiến bộ: Không có gì quý hơn độc lập, tự do.

Để thực hiện lý tưởng nhân văn đó, Hồ Chí Minh đã vạch ra con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam là "Độc lập

dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội". Giải phóng dân tộc là mục tiêu số một khi đất nước còn nô lệ. Vì vậy, ham muốn tột bậc của Người là "làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do" (1). Độc lập, tự do trở thành bản chất cao quý trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, trở thành ngọn cờ chiến đấu và mục tiêu suốt đời hy sinh cống hiến của Người. Bởi vì, đó là điều kiện tiên quyết đem lại hạnh phúc và tiến bộ cho nhân dân Việt Nam.

Lý tưởng nhân văn đó được Hồ Chí Minh biến thành mục tiêu của cách mạng Việt Nam là xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Với sức mạnh khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, với niềm tin sắt đá vào tương lai và ý chí quyết tâm của người cộng sản, Người đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam làm nên những chiến công hiển hách. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh thấm sâu trong đường lối của Đảng, trở thành ngọn cờ hướng dẫn nhân dân ta làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 chấn động địa cầu và Đại thắng Mùa Xuân năm 1975 thần thánh.

Đất nước giành được độc lập, dân tộc giành được tự do, nhiệm vụ trọng tâm của dân tộc Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là lô-gíc tất yếu của lý thuyết phát triển theo hướng nhân văn, vì chủ nghĩa xã hội là xã hội phù hợp nhất với bản chất con người, là xã hội tốt đẹp nhất mà loài người hằng vươn tới. Xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Người lãnh đạo toàn dân xây dựng không phải là thứ chủ nghĩa xã hội cực đoan, hẹp hòi, vị kỷ của một giai cấp, một đảng phái nào. Mục tiêu và phương thức tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh

cũng không chỉ là chuyên chính, phá bỏ, cũng không phải là một cái gì đó mơ hồ, không tưởng như nhiều người, nhiều đảng đương thời trên thế giới quan niệm. Đó là chủ nghĩa xã hội hiện thực, cụ thể gắn liền với đặc điểm lịch sử, truyền thống văn hóa và bản sắc dân tộc. Chủ nghĩa xã hội mà Người lãnh đạo xây dựng ở Việt Nam là một xã hội mới công bằng, nhân đạo và tốt đẹp, nhằm mục tiêu cụ thể là: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, con người hạnh phúc.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội do Hồ Chí Minh lãnh đạo thực sự là một cuộc cách mạng giải phóng và phát triển mọi tiềm năng của dân tộc, của xã hội, cụ thể là giải phóng và phát triển con người. Người luôn quan niệm rằng: "Nếu nước độc lập mà người dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"(2). Chính tấm lòng nhân hậu Hồ Chí Minh đã đúc kết nên tư tưởng nhân văn của Người: con người không chỉ được giải phóng về mặt xã hội, mà chủ yếu và cuối cùng là giải phóng và phát triển toàn bộ bản chất và bản tính tốt đẹp của mình. Bản chất sâu xa, lớn lao trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là, tất cả đều vì sự phát triển con người Việt Nam: xóa bỏ tha hóa, trả lại cho con người phẩm chất Người, giải phóng toàn bộ tiềm năng, thể chất, trí tuệ, tài năng sáng tạo của con người; tạo mọi điều kiện cho con người phát triển toàn diện - hài hòa về đức - trí - thể - mỹ. Với tinh thần đó, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến thanh, thiếu niên. Vì,

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t 4, tr 161

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr 56

"thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà", "nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên"⁽³⁾. Người yêu cầu Chính phủ phải chú ý đặc biệt tới việc giáo dục thanh, thiếu niên về thể dục, đức dục và trí dục.

Một điểm đáng được lưu ý là, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh có tính vượt thời đại, đó là sự tuyệt đối tin tưởng vào thắng lợi ngày mai, lo cho tương lai của đất nước. Trong chiến tranh ác liệt, vận mệnh đất nước lâm nguy, nhưng với nhãn quan duy vật biện chứng, Hồ Chí Minh đã thấy trước thắng lợi tất yếu của cách mạng Việt Nam. Người luôn nghĩ tới và đặt kế hoạch cho sự phát triển tương lai đất nước. Người có kế hoạch đào tạo nhân tài cho đất nước, kể cả đào tạo ở nước ngoài. Trong hoàn cảnh đời sống vật chất còn rất nhiều khó khăn, Người vẫn quan tâm tới xây dựng đời sống văn hóa, phát triển khoa học - kỹ thuật. Đặc biệt, Người rất quan tâm tới xây dựng và phát triển đời sống tinh thần của nhân dân. Theo Người, giá trị thiêng liêng nhất, cao quý nhất và trường tồn nhất của con người chính là giá trị tinh thần. Càng lùi xa chiến tranh, lùi xa đời sống vật chất đầy khó khăn, thiếu thốn của quá khứ, chúng ta càng thấy tư tưởng đó của Người là đúng đắn và sẽ mãi mãi giữ nguyên giá trị.

Thật hiếm thấy ở một vị lãnh đạo quốc gia nào mà phần quan tâm đến con người, đến nhân dân lại được đặt trên tầm lớn lao, sâu sắc nhưng hết sức cụ thể, thiết thực như ở Hồ Chí Minh. Có thể nói, tính nhân văn cao cả trong tư tưởng Hồ Chí Minh là đặt hạnh phúc nhân dân lên trên hết. Ở Hồ Chí Minh, nhân dân không phải là một khái niệm chung chung, mơ hồ, mà là cộng đồng

Việt Nam, là đồng bào, là từng con người, từng cán bộ, từng cuộc đời, từng hoàn cảnh cụ thể. Cho đến lúc đi xa, Người chỉ nghĩ đến sự đoàn kết toàn dân, sự phát triển và tiến bộ của Đảng, của dân tộc; Người vẫn dành muôn vàn tình thương yêu cho mọi người.

Chủ nghĩa yêu nước, tình thương yêu con người, đạo lý làm người đã đưa Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa cộng sản ở Hồ Chí Minh lấy hạt nhân nhân văn vì hạnh phúc và tiến bộ của con người làm mục tiêu phấn đấu. Đối với Người, chủ nghĩa nhân đạo, tinh thần nhân văn là bao trùm, là tất cả. Nó là cái cho mọi người và của mọi người. Cái làm nên sức mạnh và niềm tin của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, nói đến cùng, chính là ở đó.

Có thể khái quát, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là triết lý nhân văn Hồ Chí Minh. Trong thực tế, Hồ Chí Minh không trình bày tư tưởng nhân văn của mình bằng một học thuyết với hệ thống các khái niệm, phạm trù như một triết lý kinh viện. Triết lý nhân văn Hồ Chí Minh được hình thành từ trong khối óc, con tim của Người về lòng yêu nước, tình thương người và đạo lý làm người; về con đường để nhân dân Việt Nam nói riêng, loài người tiến bộ nói chung, thực hiện những ước mơ, khát vọng cao đẹp của mình, tiến tới một cuộc sống độc lập, tự do, hòa bình, giàu mạnh, xã hội văn minh, con người hạnh phúc. Nhiều chính khách và nhiều nhà khoa học quốc tế đã gọi con người Hồ Chí Minh là con người của khí phách dân tộc, lương tâm thời đại, tinh hoa loài người. □

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 185

HỌC TẬP TÁC PHONG CỦA HỒ CHÍ MINH

BIÊN THANH LÂM*

Từ trước đến nay chúng ta vẫn thường nói đến việc học tập *tư tưởng, đạo đức* và *tác phong* của Hồ Chủ tịch. Nhưng thật ra chúng ta mới chú ý đến phần tư tưởng và đạo đức, còn phần tác phong thì chưa coi trọng đúng mức. Ngay việc học tập tư tưởng và đạo đức của Người cũng chưa phải đã được tiến hành tốt ở mọi nơi, mọi lúc. Chính vì vậy, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 27-3-2003 về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quán triệt hơn nữa và ra sức thực hiện tư tưởng của Người.

Tư tưởng, đạo đức, tác phong của Bác Hồ mãi mãi là di sản vô giá đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Đó là một chỉnh thể đã tạo nên nhân cách của Bác - một mẫu mực hoàn thiện nhất của nhân cách Việt Nam - nhân cách của con người cách mạng, con người cộng sản; một tấm gương trong sáng tuyệt vời đối với mọi thế hệ người Việt Nam.

Tư tưởng, đạo đức, tác phong là ba mặt có liên quan chặt chẽ với nhau, bao quát cả lý trí và tình cảm, nhận thức và hoạt động thực tiễn; trong đó, tư tưởng chi phối đạo đức, tác phong; đồng thời đạo đức, tác phong lại hiện thực hóa tư tưởng, qua hoạt động thực tiễn của con người.

Trong việc giáo dục cán bộ, đảng viên, Bác rất coi trọng tư tưởng và đạo đức, đồng

thời rất quan tâm tới rèn luyện tác phong hết sức cụ thể, sâu sắc đầy cảm hóa, thuyết phục và hướng dẫn trực tiếp hành động cho mọi người, thuộc mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Về mặt tác phong, Bác đã chú ý giáo dục cán bộ, đảng viên trên cả ba lĩnh vực: công tác, lãnh đạo và sinh hoạt hằng ngày; thể hiện trong cả ba mối quan hệ: đối với công việc, đối với người khác và đối với bản thân mình.

Bác giáo dục cán bộ, đảng viên về tác phong, cũng như về tư tưởng, đạo đức, không phải chỉ qua những lời nói, những bài viết, mà điều quan trọng hơn là ở ngay những hoạt động thực tiễn của Người. Bác là người luôn thực hiện trước hết và hơn ai hết phương châm: "Nói phải đi đôi với làm". Hơn thế nữa, Bác đã làm nhiều hơn những điều Bác đã nói và viết. Sự vĩ đại của Bác chính là ở đó. Niềm tin tuyệt đối, sự kính trọng đến mức thiêng liêng của mọi người đối với Bác cũng bắt nguồn từ đó.

Điểm nổi bật nhất trong tác phong của Bác là tính *quần chúng sâu sắc, sự tin yêu và tôn trọng quần chúng; vừa lãnh đạo, vừa phát huy quyền làm chủ của quần chúng*;

* Chuyên viên, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Cái Nước, tỉnh Cà Mau

vừa giáo dục vừa không ngừng học hỏi quần chúng; giản dị, gương mẫu và luôn luôn quan tâm đến đời sống của quần chúng.

Bác thường dạy cán bộ, đảng viên chúng ta phải "từ nơi quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng". Bác đã nhiều lần phê phán tệ xa rời quần chúng, lên mặt "quan cách mạng", "quan nhân dân", những người chưa xứng đáng là người đầy tớ, người học trò của nhân dân. Những thói mệnh lệnh, cửa quyền đối với quần chúng; cưỡng bức, ức hiếp quần chúng; không chú ý lắng nghe ý kiến phê bình, những kiến nghị của quần chúng; bỏ mặc không xem xét những yêu cầu, khiếu nại của quần chúng... là hoàn toàn xa lạ với quan điểm và tác phong của Bác. Bác thường nhắc nhở mọi người: "Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta"⁽¹⁾. Làm cho dân kính, dân tin, dân yêu, dân phục là vấn đề thuộc về lòng người. Uy quyền chỉ có thể làm người ta sợ, chứ không thể giành được sự tin yêu, kính phục của người khác. Quần chúng chỉ tin yêu, kính phục cán bộ, đảng viên khi thấy ở người cán bộ, đảng viên có tấm lòng trọn vẹn với dân, với nước như Bác dạy.

Tấm lòng của Bác đối với Nước, với dân mệnh mông như biển cả. Khi đã trở thành Chủ tịch nước, Bác vẫn không khác Già Thu hồi mới trở về Pắc Bó. Khi về làm việc tại khu Phủ Chủ tịch giữa Thủ đô Hà Nội, Bác vẫn gần gũi với mọi người như Ông Ké hồi ở chiến khu Việt Bắc. Dù bận trăm công nghìn việc, nhưng đã hàng trăm lần Bác đi thăm các cơ sở của Hà Nội; hàng trăm lần Bác đến các đơn vị của lực lượng vũ trang nhân dân thuộc đủ các ngành, các binh chủng, quân chủng để hỏi thăm cán bộ, chiến sĩ. Bác cũng đã có mặt ở hàng trăm công trường, xí nghiệp, nông trường, hợp tác xã, bệnh viện, trường học, nhà gửi trẻ, lớp mẫu giáo và nhiều nơi ở của những công nhân, cán bộ bình thường. Dẫu

chân Bác đã để lại ở nhiều địa phương, từ trung du đến đồng bằng, từ miền núi đến miền duyên hải và các đảo xa. Có đến hàng nghìn lần Bác đã tiếp khách trong khu Phủ Chủ tịch, không phải chỉ ở trong phòng khách long trọng mà còn ở cả bên giàn hoa hoặc bên sân gỗ. Đối với mọi người Bác đều ân cần, trân trọng. Ngay đối với các cháu thiếu niên, nhi đồng, Bác đã từng nói với các đồng chí phục vụ: "*Ở nhà cháu là con là cháu của các chú, nhưng vào đây các cháu là khách của Bác*". Nhận được hàng nghìn lá thư của nhiều người khác nhau, Bác đều đọc và trả lời một cách chu đáo hoặc cho ý kiến cụ thể để các cơ quan có trách nhiệm giải quyết.

Tác phong quần chúng của Bác còn thể hiện ở sự giản dị như chính bản thân cuộc sống của Người. Đối với Bác, mọi nghi thức hình như đều trở nên thừa. Bác đến với quần chúng nhân dân như đến với những người thân thích, ruột thịt. Bao giờ Bác cũng đem đến cho mọi người sự gần gũi, ấm cúng; niềm lạc quan, tin tưởng; sự động viên khích lệ lớn lao và thấy rõ những việc cần làm rất cụ thể, thiết thực.

Nếu tác phong quần chúng là nội dung nổi bật nhất trong tác phong của Bác, thì *tác phong tập thể dân chủ* với Người là một nội dung không kém phần quan trọng. Nó xuất phát từ quan điểm về chủ nghĩa tập thể của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và từ nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Bác yêu cầu cán bộ, đảng viên phải xây dựng một tác phong tập thể dân chủ trong công tác, trong lãnh đạo.

Gắn bó với tập thể, tôn trọng tập thể, phát huy sức mạnh của tập thể, sẽ tránh được nhiều khuyết điểm, sai lầm. Bác thường nói,

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 57

không có một người nào có thể hiểu biết được tất cả mọi thứ, làm nổi được tất cả mọi việc. Ngay đến anh hùng, lãnh tụ cũng vậy: "Đem so với công việc của loài người trong thế giới, thì những người đại anh hùng xưa nay cũng chẳng qua làm tròn một bốn phần mà thôi"(2). Cái thông minh của người phụ trách, người lãnh đạo không phải chỉ là những điều tự mình nghĩ ra, mà quan trọng hơn, chính là ở chỗ biết phát huy và tổng hợp được những cái thông minh của nhiều người khác, của tập thể.

Đối với người phụ trách, người lãnh đạo, tác phong tập thể dân chủ đòi hỏi phải mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng dân chủ với quần chúng, phát huy tinh thần làm chủ của mọi người. Cách làm việc đó sẽ tạo ra không khí làm việc hoạt bát, phấn khởi, hăng hái và đầy sáng tạo. Đã có lần Bác phê bình cách lãnh đạo của một số cấp bộ không dân chủ, khiến cho người có ý kiến không dám nói, người muốn phê bình không dám phê bình, thành thử cấp trên với cấp dưới cách biệt nhau, quần chúng với Đảng xa rời nhau, không còn sáng kiến, không còn hăng hái trong khi làm việc. Cách lãnh đạo ấy chỉ tạo ra "*không khí âm u*" trong nội bộ và gây nên tình trạng "*chán nản, bức bối, uất ức, bất mãn*" trong quần chúng; không thể xây dựng được những tập thể vững mạnh, và sẽ làm cho cấp dưới, quần chúng giảm lòng tin vào những quan điểm đúng đắn của Đảng. Đối với người phụ trách, người lãnh đạo, tác phong tập thể dân chủ đòi hỏi phải hết sức lắng nghe cấp dưới, hơn thế nữa, còn biết khơi gợi cho cấp dưới nói lên ý kiến của mình.

Chính bản thân Bác đã có một tác phong tập thể dân chủ rất cao. Dù ở cương vị đứng đầu Đảng hay Nhà nước, Bác vẫn giữ lối làm việc tập thể, dân chủ với Bộ Chính trị, với các cơ quan của Đảng và Nhà nước, và rất chú ý

lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và người dân bình thường. Không chỉ những văn kiện lớn của Đảng và Nhà nước, mà cả những bài báo Bác viết, những bài thơ Bác làm, thường Bác vẫn đưa cho nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị đọc và tham gia ý kiến; nhiều khi Bác còn đưa cho một số đồng chí khác hoặc ngay cả anh em phục vụ xem để góp ý hoặc nêu ra những chỗ nào còn khó hiểu để Bác sửa. Bác đã sử dụng nhiều cơ quan của Đảng và Nhà nước chuẩn bị cho Bác những việc cần thiết, và trước khi quyết định, Bác đều hỏi lại cẩn thận và chu đáo. Bác thường gấp gờ Bộ Chính trị vào ngày "*sóc vọng*" (tức là ngày 1 và 15 theo lịch ta) hằng tháng để làm việc tập thể, cùng góp ý kiến phê bình một cách nhẹ nhàng, thoải mái nhưng rất có hiệu quả.

Hằng ngày đọc báo, xem thư, nếu phát hiện thấy có những ý kiến của cán bộ, đảng viên và người dân bình thường cần phải chú ý giải quyết, không bao giờ Bác bỏ qua mà đều đánh dấu, tổng hợp lại và yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giải quyết kịp thời.

Trong công tác lãnh đạo, Bác yêu cầu cán bộ, đảng viên phải *xây dựng tác phong khoa học, cách làm việc có khoa học*.

Từ một nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu đã để lại cho chúng ta một tác phong không khoa học, một thói quen "*Làm việc theo lối thủ công nghiệp*". Đó là hàng loạt những thói xấu như tự do, tùy tiện, gấp chẳng hay chớ; thiếu kế hoạch, thiếu điều tra nghiên cứu; thiếu ngăn nắp, trật tự, luộm thuộm; lề mề, chậm chạp, không coi trọng thời gian; không cụ thể, không thiết thực; bảo thủ, trì trệ, thiếu nhìn xa, trông rộng... Bác thường xuyên phê phán những hiện tượng này và

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 5, tr. 256

đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải kiên quyết đấu tranh khắc phục cho được.

Tác phong khoa học đòi hỏi trong khi làm việc, trong khi lãnh đạo, theo Bác là phải có kế hoạch rõ ràng, từ kế hoạch lớn đến kế hoạch nhỏ, từ kế hoạch dài đến kế hoạch ngắn; không phải chỉ hằng năm mà cho đến hằng ngày, hằng tuần; làm việc có chương trình, giờ nào việc ấy như Bác đã thường làm. Bác nhắc chúng ta phải biết quý trọng thời gian, làm việc phải đúng giờ, làm việc phải có điều tra nghiên cứu, nắm chắc tình hình, nắm chắc vấn đề mới đi đến quyết định. Đối với người phụ trách, người lãnh đạo, phải có cách sử dụng bộ máy, sử dụng những người cộng sự để họ giúp mình nắm được những thông tin cần thiết và chính xác, đặc biệt là sàng lọc những thông tin sai lệch, những báo cáo sai sự thật.

Tác phong khoa học đòi hỏi chúng ta làm việc phải cụ thể, chính xác, thiết thực, có hiệu quả; đã làm thì phải làm một cách kiên quyết, khản trương, làm đến nơi đến chốn, không bày biện ra nhiều thứ; làm ít nhưng làm hẳn hoi. Bác phê phán cái bệnh "hữu danh vô thực" - "làm việc không thiết thực, không từ chỗ gốc, chỗ chính, không từ dưới làm lên. Làm cho có chuyện, làm lấy rồi. Làm được ít suýt ra nhiều, để làm một bản báo cáo cho oai, nhưng xét kỹ lại thì rỗng tuếch (...) Thế là đối trá với Đảng, có tội với Đảng. Làm việc không thiết thực, báo cáo không thật thà, cũng là một bệnh rất nguy hiểm"(3).

Bác đòi hỏi trong làm việc và lãnh đạo phải sâu sát; lãnh đạo chung kết hợp với chỉ đạo riêng, làm nhiều nhưng phải nghĩ nhiều, phải tăng cường kiểm tra đôn đốc chặt chẽ, kịp thời. Bác thường căn dặn cán bộ phải chân đi, mắt thấy, tai nghe, miệng nói, tay

làm, óc nghĩ; không được lãnh đạo chung chung. Sâu sát sẽ giúp cho người phụ trách, người lãnh đạo nhìn thấy đúng tình hình để đi đến những quyết định chính xác.

Bác yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện để có được một *tác phong sinh hoạt giản dị, lành mạnh, trong sạch*. Khi nói đến V.I. Lê-nin, Bác của chúng ta đã có những lời tâm huyết: "Trước con mắt các dân tộc Phương Đông, Lê-nin không phải chỉ là một lãnh tụ, một người chỉ huy. Đó cũng là một người thầy có sức hấp dẫn; tính coi thường sự xa hoa, lòng ham mê công việc, đời sống trong sạch, sự giản dị và tâm hồn cao thượng của Người làm cho quả tim chúng tôi hướng về Người, không gì ngăn nổi"(4). Như vậy là sự hấp dẫn của V.I. Lê-nin không phải chỉ ở sự vĩ đại của tư tưởng và sự lỗi lạc của tài năng, mà còn là sự trong sạch, lành mạnh và giản dị trong nếp sống hằng ngày. Trong suốt cuộc đời, Bác đã giáo dục chúng ta hướng về V.I. Lê-nin như hướng về một cuộc đời đẹp nhất, hướng về một con người trọn vẹn nhất.

Con người ai cũng có những ham muốn nhất định. Bác dạy cán bộ, đảng viên phải hướng những ham muốn đó vào việc phấn đấu thực hiện những mục tiêu, lý tưởng của người cách mạng, của người cộng sản, như Bác đã từng nói về mình: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"(5). Những ham muốn của con người nếu chỉ hướng vào những cái tầm thường và coi đây là trên hết, trước

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 256, 257

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 472, 473

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 161

hết, thì như vậy là biến phương tiện thành mục đích thấp hèn. Bác đã dạy: "Người ta ai cũng muốn ăn ngon mặc đẹp, nhưng muốn phải cho đúng thời, đúng hoàn cảnh. Trong lúc nhân dân ta còn thiếu thốn mà một người nào đó muốn riêng hưởng ăn ngon mặc đẹp, như vậy là không có đạo đức"(6).

Theo Bác, mỗi người phải biết tự kiềm chế, không để cho những ham muốn thấp hèn trở thành thói quen trong cuộc sống, trong sinh hoạt hằng ngày. Bởi vì khi đã thành thói quen rồi thì rất khó sửa; có khi nó còn làm cho con người đi tới thoái hóa, biến chất, hư hỏng. Bác đã nhắc nhở chúng ta "Nếu không giữ được thói quen tiết kiệm thì sẽ tham ăn ngon, tham mua các thứ xa hoa. Lương không đủ thì sẽ lấy ở đâu? Lúc ấy chỉ có hai cách: một là ăn cắp của Chính phủ, hai là bị tiền mua chuộc"(7). Sự kiềm chế ấy trước hết thể hiện ở chỗ "không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tặng bốc mình. Vì vậy là quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa"(8). Đồng thời còn phải kiềm chế những ham muốn, những tham vọng quá đáng của vợ con mình, của những người thân thích ruột thịt của mình - một vấn đề mà người cán bộ, đảng viên không thể không quan tâm, không có trách nhiệm. Mọi sự lơ là dễ dãi, bỏ qua hay dung túng trong vấn đề này đều có thể dẫn đến những hậu quả nhiều khi không lường trước được.

Sự giản dị, lành mạnh, trong sạch trong nếp sống, trong các mặt sinh hoạt như ăn mặc, ở, đi lại; đối xử, trong giao tiếp hằng ngày của Bác đã được mọi người Việt Nam biết rất rõ. Bạn bè khắp nơi trên thế giới, cũng như bất cứ một người khách nước ngoài nào khi được tiếp xúc với Bác hoặc đến thăm nơi ở; nơi làm việc đều thấy sự giản dị vĩ đại của Bác - sự giản dị đến mức như G. Véc-mét Tô-rê đã

phát biểu: "Giữa bạn bè người ta, không biết lấy gì biểu Chủ tịch. Hình như Chủ tịch không cần điều gì khác hơn sự ủng hộ chính nghĩa của Việt Nam"(9).

Tóm lại, tác phong của Bác Hồ là tác phong quần chúng; tác phong tập thể dân chủ; tác phong khoa học; tác phong sinh hoạt giản dị, lành mạnh, trong sạch. Đó là tác phong mang tính triệt để và tính khoa học sâu sắc. Tác phong ấy đã chất lọc và chứa đựng tất cả những gì tốt đẹp nhất của truyền thống Việt Nam, của con người và dân tộc Việt Nam. Tác phong ấy lại rất hiện đại, luôn hướng con người về tương lai và là một bộ phận không thể thiếu của nhân cách những con người mới xã hội chủ nghĩa. Phải chăng, chính vì vậy mà ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Ô-xíp Man-đen-stam đã thấy ở Người một sự thu hút kỳ lạ đến mức phải cảm phục và đã sớm phát hiện: "từ Nguyễn Ái Quốc, tỏa ra một nền văn hóa, không phải văn hóa Châu Âu, mà có lẽ là nền văn hóa của tương lai"(10).

Những lời dạy của Bác về tác phong của người cán bộ, đảng viên, đặc biệt là chính tác phong của Bác mãi mãi là một tài sản vô cùng quý báu đối với chúng ta. Nếu chúng ta xây dựng được một tác phong theo gương Bác Hồ trong đông đảo cán bộ, đảng viên, thì chắc chắn sẽ góp phần làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình mọi mặt trên mọi lĩnh vực của đất nước, thiết thực góp phần hoàn thành thắng lợi sự nghiệp cách mạng mà Đại hội IX của Đảng đề ra.□

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 392

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 346

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 252

(9) Bác Hồ ở Pháp, Nxb Văn học, Hà Nội, 1970, tr 74

(10) Ô-xíp Man-đen Stam: *Gặp mặt chiến sĩ quốc tế Nguyễn Ái Quốc, báo Ngọn lửa nhỏ*, số 39, ngày 23-12-1923



NHỮNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ 2004 - 2005



Cảng Nha Trang (Khánh Hòa) - Ảnh: Bá Tích (Đà Nẵng)

NHIỆM vụ kinh tế - xã hội năm 2003 đã hoàn thành về cơ bản. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,24%, nhiều chỉ tiêu chủ yếu đã hoàn thành vượt mức kế hoạch. Và như vậy, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2003 là cao nhất trong 7 năm qua, cao hơn nhiều nước trong khu vực. Thu ngân sách nhà nước vượt 7,1% so với dự toán và tăng 11,3% so với năm 2002. Nguồn lực cho phát triển kinh tế được huy động khá. Trong 3 năm 2001 - 2003, vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP đã tăng từ 34% (năm 2001) lên 35,6% (năm 2003). Đó là thành tựu to lớn, thể hiện sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân vượt qua những khó khăn do thiên tai, những tác động bất lợi của chiến tranh I-rắc, dịch bệnh SARS và cạnh tranh thương mại diễn ra gay gắt gây ra.

Cần phải thấy rằng, năm 2003 là năm có ý nghĩa quan trọng của việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005. Đây là

năm thứ 3 của kế hoạch 5 năm, là năm "bản lề" của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm. Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn nhiều so với các năm trước, nhưng vẫn chưa đạt chỉ tiêu tăng trưởng bình quân 7,5% như Đại hội IX của Đảng đề ra. Chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn là khâu yếu, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Công tác quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được quan tâm, nhưng triển khai còn chậm; hiệu lực, hiệu quả chưa cao; việc chỉ đạo thực hiện thiếu kiên quyết, thiếu linh hoạt dẫn đến những hạn chế và hậu quả lâu dài cho nền kinh tế. Nguồn lực huy động cho đầu tư phát triển đạt khá, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Cơ cấu huy động chưa linh hoạt, chưa hợp lý, hiệu quả sử dụng chưa cao, thị trường tài chính thiếu năng động và còn nhiều yếu kém.

* PGS. TS. Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Ngân sách của Quốc hội

Hệ thống thị trường chậm được hình thành và phát triển chưa đồng bộ, thiếu vững chắc. Công tác sắp xếp, chuyển đổi, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước triển khai chậm. Nhiều doanh nghiệp nhà nước còn thụ động, năng lực cạnh tranh thấp, hiệu quả sản xuất, kinh doanh không cao.

Năm 2004 - 2005 là hai năm cuối của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005), đất nước đang đứng trước những thuận lợi và thời cơ mới. Năng lực sản xuất của nền kinh tế tiếp tục tăng, các mặt tích cực của cơ chế, chính sách, hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế và xây dựng kết cấu hạ tầng trong nhiều năm trước đã phát huy tác dụng... Tuy nhiên, nền kinh tế đang đứng trước những thời cơ và thách thức to lớn. Sự chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế gặp không ít trở ngại. Điều đó đòi hỏi sự nỗ lực rất cao của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp trong cuộc cạnh tranh ngày càng gay gắt với các doanh nghiệp nước ngoài, nhất là ở những thị trường lớn, có tiềm năng, khi hàng rào thuế quan và phi thuế quan đã và đang bị dỡ bỏ. Các rào cản cạnh tranh ở tầm vĩ mô và vi mô, về luật pháp, về kỹ thuật, công nghệ mới phát sinh ngày càng phức tạp. Quá trình hội nhập đa phương, đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) còn gặp khó khăn; quan hệ song phương tuy phát triển nhưng chưa hứa hẹn nhiều tiềm năng về thị trường xuất khẩu nhưng vẫn còn không ít trắc trở. Chính sách đầu tư, phát triển kinh tế các nước kinh tế phát triển... đối với các nước ASEAN tiếp tục tác động nhiều chiều không thuận lợi tới nền kinh tế nước ta...

Nhiệm vụ hai năm 2004 - 2005 là phải tiếp tục phát triển kinh tế nhanh, bền vững, tạo sự chuyển biến thực sự, trước hết từ trong nhận thức về nâng cao hiệu quả kinh tế, chất lượng

tăng trưởng, chất lượng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, nhằm chủ động triển khai một cách kiên quyết các giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, hạn chế và đẩy lùi những nhân tố bất ổn định, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững an ninh, quốc phòng; đồng thời, chuẩn bị tiền đề cần thiết cho thời kỳ phát triển cao từ năm 2006 - 2010. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2004 phải đạt từ 7,5% - 8%. Đây là phương hướng cơ bản, đòi hỏi phải phấn đấu rất cao. Do đó, nhiệm vụ của năm 2005 tiếp theo là rất nặng nề.

Với tinh thần quyết tâm hướng tới đạt kết quả theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, từ thực tế năm 2003 và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội các năm 2004 và 2005, cần tập trung triển khai tốt các giải pháp sau:

Một là, xác định đúng những khâu đột phá của nền kinh tế, của từng ngành, từng lĩnh vực để tập trung đầu tư, đẩy nhanh quá trình hình thành và phát triển đồng bộ các loại thị trường, tạo môi trường đầu tư lành mạnh, thông thoáng, hấp dẫn cho các thành phần kinh tế.

Trong năm 2004 và những năm tiếp theo, cần chọn khâu đột phá trong nền kinh tế để tập trung đầu tư và tập trung chỉ đạo phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ, phát triển đồng bộ các thị trường: vốn, bất động sản, lao động, khoa học - công nghệ... Khâu trọng yếu có khả năng tạo động lực mạnh cho sự phát triển trong hai năm tới là, phát triển mạnh các ngành dịch vụ; phát triển đồng bộ các loại thị trường, đặc biệt là thị trường bất động sản, thị trường tài chính - tiền tệ, thị trường khoa học - công nghệ; điều chỉnh mạnh cơ cấu đầu tư gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, coi trọng hiệu quả đầu tư; kiên quyết thực hiện chương trình sắp xếp lại, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; tạo môi trường

thuận lợi để khuyến khích tối đa các tổ chức kinh tế dân doanh, các cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh những sản phẩm, dịch vụ mà pháp luật không cấm.

Đối với sản xuất công nghiệp, cần cập nhật và bổ sung quy hoạch phát triển những sản phẩm có sức cạnh tranh cao, có hàm lượng trí tuệ lớn. Khuyến khích đổi mới và cải tiến công nghệ. Có lộ trình và giải pháp giảm thiểu chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Phát triển và khai thác triệt để các khu công nghiệp, chú trọng các khu công nghiệp vừa và nhỏ, phát triển làng nghề truyền thống gắn với quy hoạch phát triển ngành, vùng và quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Đối với sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn, tiến hành rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch; tạo nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh, thâm canh, đa dạng hóa ngành nghề, chuyển lao động nông nghiệp sang các ngành nghề công nghiệp. Chọn hướng đầu tư nhanh hơn cho phát triển giao thông, thủy lợi phục vụ hiệu quả việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, cơ cấu sản phẩm trong nông nghiệp.

Đối với hoạt động dịch vụ, phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống. Phát triển mạnh dịch vụ phục vụ kinh tế - kinh doanh như dịch vụ du lịch, bưu chính - viễn thông, dịch vụ tư vấn, dịch vụ tài chính. Ngăn chặn tình trạng biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp ở một số lĩnh vực dịch vụ quan trọng. Phần đầu đến năm 2005, tỷ trọng dịch vụ trong GDP chiếm 41,42%, như Đại hội Đảng IX xác định. Năm 2004 là năm đột phá thực hiện biện pháp lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp, nhất là các ngân hàng thương mại quốc doanh. Thu hẹp và có lộ trình xóa bỏ các khoản bảo trợ, bao cấp... của Nhà nước

đối với doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tài chính nhà nước. Tập trung đầu tư phát triển mạnh hơn nguồn nhân lực, có kế hoạch phân luồng đào tạo ngay khi kết thúc bậc trung học phổ thông để giảm sức ép về tuyển sinh đại học và giúp cho việc chuẩn bị hình thành đội ngũ công nhân lành nghề trong tương lai.

Kiên quyết khắc phục tình trạng kế hoạch đầu tư không gắn với nguồn vốn, đầu tư dàn trải, kéo dài thời gian thi công và hiệu quả thấp. Chấm dứt sự phát triển "tự phát", "phong trào" hoặc điều tiết lệch và xa thị trường; hướng các hoạt động kinh tế (đầu tư, sản xuất, kinh doanh, thị trường...) theo đúng quỹ đạo của quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Kiên quyết cắt giảm, đình hoãn các công trình, dự án dù trong kế hoạch nhưng không sát yêu cầu bức thiết của ngành và địa phương, của thị trường. Không đầu tư vốn vào công trình kém hiệu quả hoặc hiệu quả chưa rõ.

Hai là, khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quyết định cho sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế. Năm 2003, nguồn lực huy động tăng khá, vốn huy động đạt 217 000 tỉ đồng; trong đó, vốn đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân chiếm 27%, vốn của doanh nghiệp nhà nước chiếm 17,7%... nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Cần có giải pháp nắm bắt thời cơ, thu hút, khai thác các nguồn lực trong nền kinh tế, đặc biệt là nguồn lực của khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, minh bạch và cởi mở hơn nữa để các nhà đầu tư trong và ngoài nước mạnh dạn bỏ vốn vào sản xuất, kinh doanh và có nhiều cơ hội tham gia đầu tư những dự án

lớn thuộc lĩnh vực mà trước đây chỉ có khu vực kinh tế nhà nước thực hiện. Nhanh chóng xóa bỏ những vướng mắc, ách tắc trong cơ chế, chính sách; những thủ tục hành chính do chủ quan của cơ quan quản lý nhà nước đặt ra, bảo đảm tính nhất quán trong các chính sách và thực hiện đúng các quy định về quyền lợi nghĩa vụ của nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tạo niềm tin cho dân cư và các nhà đầu tư, tạo sự bình đẳng cho các khu vực kinh tế (về ngành, nghề, lĩnh vực ưu đãi đầu tư, về giá các loại dịch vụ, việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi của các tổ chức tín dụng, chính sách tài chính doanh nghiệp và các ưu đãi về thuế suất...). Khắc phục các trở ngại trong việc giải ngân nguồn vốn ODA, như phối hợp với các nhà tài trợ cải tiến thủ tục, bố trí đủ vốn đối ứng, giải phóng và bàn giao mặt bằng đúng tiến độ.

Để thu hút mọi nguồn vốn cho phát triển kinh tế - xã hội, cần có giải pháp kinh tế, hành chính phù hợp, đa dạng hóa các hình thức thu hút các thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư: xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), xây dựng - chuyển giao (BT) hoặc nhà nước đầu tư, doanh nghiệp và cá nhân thuê mua để quản lý khai thác; phát hành trái phiếu công trình, trái phiếu và cổ phiếu doanh nghiệp và trái phiếu đô thị. Chú trọng phát triển thị trường vốn, tăng cường các kênh huy động vốn trung hạn và dài hạn, tạo điều kiện cho thị trường chứng khoán phát triển, vận hành an toàn, trôi chảy.

Lành mạnh hóa nền tài chính (kể cả tài chính nhà nước và tài chính doanh nghiệp), tăng cường sự an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của ngân hàng. Có biện pháp thích hợp để giảm lãi suất tín dụng. Tạo sự liên thông giữa thị trường vốn ngắn hạn với thị trường vốn dài hạn, từng bước tạo sự liên

thông giữa thị trường tài chính trong nước và thị trường tài chính quốc tế. Xác định và phân tích kỹ cơ cấu nợ của nền kinh tế, nợ xấu của ngân hàng, các quỹ tín dụng (kể cả nợ đến hạn và nợ chưa đến hạn nhưng khó có khả năng thu nợ), cơ cấu lại nợ của nền kinh tế và nợ ngân hàng, nợ tín dụng, hạn chế những rủi ro.

Ba là, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; tăng hiệu quả đầu tư, tạo sự chuyển biến tích cực về chất lượng, hiệu quả của tăng trưởng kinh tế.

Cùng với việc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng (tăng quy mô của nền kinh tế), cần đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội. Trong khi, sự tăng trưởng của nền kinh tế chủ yếu do yếu tố vốn đóng góp (52,7%), yếu tố năng suất toàn bộ (IFP) chỉ chiếm 28,2%, thấp hơn thời kỳ 1992 - 1994 và thấp hơn tỷ trọng của nhiều nước trong khu vực, cần định hình cơ cấu kinh tế theo mục tiêu đề ra để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Việc khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng lĩnh vực phải được đặt trong trạng thái động trên cơ sở sự tác động liên ngành, liên địa phương và liên vùng trong phát triển kinh tế - xã hội, phát huy hiệu quả lan tỏa từ những vùng kinh tế động lực, những ngành kinh tế trọng điểm có khả năng cạnh tranh cao.

Hình thành và phát triển các sản phẩm chủ lực, có sức cạnh tranh cao, có thị trường tiêu thụ lớn. Có giải pháp giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Tận dụng khả năng tăng mức xuất khẩu trên tất cả các thị trường. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo động lực để đạt và vượt mức chỉ tiêu về kim ngạch xuất khẩu. Tăng đầu tư để nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu, tạo dựng thương hiệu Việt Nam trên thị trường quốc tế, nhất là

thương hiệu của các ngành hàng nông sản, thủy hải sản, sản phẩm cây công nghiệp. Tập trung đầu tư phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, có khả năng thu hồi vốn nhanh, có khả năng cạnh tranh.

Quy mô đầu tư năm 2004 - 2005 và các năm sau sẽ ngày càng lớn. Trong khi các nguồn vốn trong và ngoài nước có hạn, cần có giải pháp tăng hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả đầu tư coi trọng chất lượng của sự tăng trưởng. Có chỉ tiêu cụ thể về mức giảm sút đầu tư (cả về định tính và định lượng), trước hết là đối với các dự án lớn, thuộc các vùng động lực, các ngành kinh tế trọng điểm. Các cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phải rà soát, phân loại, làm rõ tính cấp thiết và hiệu quả của từng loại công trình, trước mắt là các dự án nhóm B, C; có biện pháp cắt giảm, điều chỉnh, chuyển vốn của dự án, công trình thực sự không có hiệu quả, không có khả năng triển khai hoặc triển khai chậm.

Bốn là, tiếp tục sửa đổi, bổ sung pháp luật, cơ chế, chính sách để tạo khung pháp lý đồng bộ, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Thu hẹp các nhân tố cản trở sự hình thành đồng bộ các loại thị trường.

Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách kinh tế để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung pháp luật, cơ chế, chính sách để thực hiện tốt Luật Doanh nghiệp nhà nước (sửa đổi), Luật Hợp tác xã (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua để tạo sự chuyển biến về chất trong lực lượng sản xuất, khơi dậy tiềm năng, thế mạnh của các thành phần kinh tế. Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số luật như Luật Thương mại, Luật Phá sản, Luật Cạnh tranh, Luật Thuế sử dụng đất, Luật Thuế thu nhập

cá nhân... Để thu hẹp các nhân tố hiện đang cản trở sự hình thành đồng bộ các loại thị trường, cần có những cơ chế, chính sách mạnh mẽ hơn nữa tác động, chi phối tới các loại "hàng hóa" của thị trường; đặc biệt, cần bảo đảm vai trò định hướng vĩ mô của Nhà nước trong điều tiết, quản lý thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm là, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chấn chỉnh lề lối, cách thức làm việc, tập trung chỉ đạo điều hành một cách kiên quyết triệt để.

Với quyết tâm cao thực hiện Đề án cải cách hành chính đã đề ra, mục tiêu của năm 2004 là tạo bước chuyển biến đột phá về cải cách hành chính trong phạm vi cả nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và các nghị quyết của Quốc hội. Năm 2004 cần tập trung tạo sự chuyển biến thật rõ nét trên lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính, chấn chỉnh lề lối, cách thức làm việc, tăng cường hiệu lực của bộ máy nhà nước, tăng cường kỷ cương, phép nước trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội; gắn vai trò, trách nhiệm cá nhân trong việc ra quyết định quản lý, điều hành; sớm ban hành các quy định về chế độ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong khi thi hành công vụ. Nâng cao vai trò trách nhiệm và ý thức phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Thực hiện tốt sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan quản lý để giải quyết những phát sinh, những yêu cầu trong sản xuất.

Triển khai đồng bộ các giải pháp trên, dưới sự tập trung chỉ đạo điều hành một cách kiên quyết từ trung ương đến địa phương và cơ sở, chắc chắn kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển nhanh, bền vững, đạt và vượt các mục tiêu đã đề ra. □

BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN CẨM QUYỀN

HOÀNG CHÍ BẢO *

1 - Đảng cộng sản cẩm quyền - một vấn đề chính trị thực tiễn

Bắt đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga (1917), ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, đảng cộng sản (dưới những tên gọi khác nhau) đều là đảng cẩm quyền, có vị trí nổi bật trong hệ thống tổ chức quyền lực, thực hiện vai trò lãnh đạo nhà nước và xã hội trong công cuộc kiến thiết chế độ xã hội chủ nghĩa.

Những thành tựu to lớn mà chủ nghĩa xã hội hiện thực đạt được đều gắn liền với vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản cẩm quyền. Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Sự thật lịch sử ấy không gì có thể phủ nhận được. Song, mặt khác, cũng không thể không nhận thấy rằng, tất cả những khuyết tật của chủ nghĩa xã hội, những khuyết điểm, sai lầm trong lãnh đạo, quản lý dẫn đến sự trì trệ và khủng hoảng trầm trọng, kéo dài trong các nước xã hội chủ nghĩa, thậm chí dẫn tới sự đổ vỡ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu ở thập kỷ 90 của thế kỷ XX, đều có phần nguyên nhân từ đảng cộng sản cẩm quyền. *Đây thực sự là một tình huống có vấn đề cần được phân tích, đánh giá, rút ra những bài học cần thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn một cách khách quan, với tinh thần tôn trọng sự thật.*

V.I. Lê-nin nói, sự thật là sức mạnh, là vũ khí của những người cách mạng. Thái độ dũng cảm tự phê phán, vạch rõ những khuyết điểm, sai lầm đã mắc phải và quyết tâm sửa chữa những khuyết

điểm, sai lầm ấy bằng hành động thực tế là thước đo về bản lĩnh chính trị và trách nhiệm cao cả trước xã hội của một đảng mác-xít. Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh: "Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"⁽¹⁾.

Từ sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng ta đã trở thành đảng cẩm quyền. Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội trong những thời kỳ và hoàn cảnh lịch sử khác nhau của cách mạng nước ta với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đảng là người khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới ở nước ta gần 20 năm nay. Thành tựu của công cuộc đổi mới đã chứng thực tính đúng đắn của đường lối cách mạng do Đảng vạch ra và sự trưởng thành về năng lực lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

* GS, TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr 261

Mặt khác, việc khắc phục những hạn chế và yếu kém, việc giải quyết những tình huống và những vấn đề đang nảy sinh từ thực tiễn đổi mới, một cách chuẩn xác và tinh tế, đòi hỏi Đảng phải có những bước tiến mới ngang tầm với nhiệm vụ. *Đảng phải tự đổi mới bản thân mình để thúc đẩy sự đổi mới xã hội.*

Giải quyết một vấn đề chính trị lớn của thực tiễn chính trị chẳng những phải xuất phát từ thực tiễn, thấm nhuần quan điểm thực tiễn và phát triển mà còn phải dựa trên những tiền đề lý luận đúng. Do đó, vào lúc này, khi Đảng chủ trương tổng kết lý luận từ thực tiễn 20 năm đổi mới, việc nghiên cứu, tìm tòi những nhận thức mới về lý luận đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội là công việc rất cần thiết và bức xúc. Không những thế, đây là một trong những vấn đề hệ trọng, cơ bản và quyết định nhất đối với thành công của đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Có thể xác định đây là *trọng điểm* của nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tất cả những nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền và xã hội công dân, thực hiện và phát huy dân chủ, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng... đều liên hệ mật thiết, không thể tách rời với nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về bản chất của đảng cộng sản cầm quyền.

2 - Trong lý luận xây dựng Đảng, vấn đề bản chất và giữ gìn, phát huy bản chất của Đảng khi Đảng đã trở thành đảng cầm quyền là vấn đề cốt lõi nhất

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã đưa lại những kiến giải sâu sắc về vấn đề này. Đây là di sản cần được khai thác và vận dụng một cách đúng đắn và sáng tạo trong thực tiễn xây dựng Đảng. Song, đảng cộng sản cầm quyền là một hiện tượng vẫn còn

khá mới mẻ trong lịch sử của đảng chính trị cầm quyền, nhất là trong lịch sử xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa, hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa lại là những nước, hoặc chưa trải qua trình độ phát triển cao của chủ nghĩa tư bản (như trường hợp nước Nga thời kỳ V.I. Lê-nin và một số nước Đông Âu), hoặc bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ các xã hội nông nghiệp lạc hậu, tiền tư bản (như trường hợp một số nước châu Á, trong đó có Việt Nam). Ở những nước này, cơ sở và nguồn gốc xã hội của đảng cộng sản không chỉ là giai cấp công nhân mà còn là giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác sống trong môi trường xã hội nông nghiệp với rất nhiều tàn tích của ý thức hệ phong kiến. Hơn nữa, giai cấp công nhân nói ở đây cũng chưa phải là sản phẩm thực thụ của sự phát triển đại công nghiệp. Tình hình và đặc điểm đó tác động và ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình xây dựng và trưởng thành của đảng cộng sản cầm quyền.

Nói chung, đảng cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp giữa phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội khoa học. Ở Việt Nam, sự ra đời của Đảng Cộng sản cùng với hai nhân tố đó còn là sự kết hợp với phong trào yêu nước của dân tộc Việt Nam.

Chính vì vậy, *đảng cộng sản là đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, là một đảng cách mạng mang bản chất của giai cấp công nhân.* Nó đối lập về nguyên tắc, bản chất, mục tiêu với các đảng chính trị tư sản và tiểu tư sản.

Khi nói *bản chất của đảng cộng sản là một đảng cách mạng kiểu mới* và cần nhận rõ những cái mới đó. Nó biểu hiện ở mối liên hệ bản chất giữa giai cấp công nhân, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đảng cộng sản. Bàn về chính trị, V.I. Lê-nin viết: "Chính trị có tính lô-gích khách quan của nó, không phụ thuộc vào những dự tính của cá nhân này hay cá nhân

khác, của đảng này hay đảng khác"⁽²⁾. Ông còn nhấn mạnh rằng, "chính trị cũng có cái lô-gích nội tại của nó". Lô-gích khách quan và lô-gích nội tại của chính trị cũng như cái căn bản nhất trong chính trị mà V.I. Lê-nin đề cập cho thấy, cơ sở xã hội - lịch sử và cội nguồn vật chất khách quan làm xuất hiện chủ nghĩa Mác - Lê-nin chính là giai cấp công nhân và phong trào công nhân.

Đảng cộng sản chỉ thực sự là một đảng cách mạng kiểu mới nếu nó tiêu biểu cho sức mạnh trí tuệ của giai cấp công nhân hiện đại, cho tiềm lực tinh thần của dân tộc và tiếp thu được những tinh hoa của thời đại và của nền văn hóa nhân loại.

V.I. Lê-nin cho rằng, đảng cộng sản là trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại. Hồ Chí Minh khẳng định, đảng cộng sản là đạo đức, là văn minh. Vậy là, bản chất của đảng cộng sản không chỉ là *cách mạng, khoa học* mà còn là *văn hóa* nữa. Nói cách khác, bản chất của đảng cộng sản là sự thống nhất hữu cơ giữa cách mạng, khoa học và nhân văn cộng sản chủ nghĩa. Bản chất ấy được biểu hiện ở tính chất của đảng cộng sản. Tính chất căn bản, nổi bật và bao trùm của đảng cộng sản là *tính chất giai cấp công nhân* - nhân tố quan trọng bảo đảm cho đảng cộng sản giữ vững được bản chất của đảng cách mạng kiểu mới. Những đặc trưng của giai cấp công nhân như tính tổ chức, kỷ luật, tính cách mạng triệt để, tính quốc tế chủ nghĩa, kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế trong sáng, đức hy sinh quên mình, vô tư, không vị kỷ và thiên kiến, luôn trung thành và đại biểu cho lợi ích của cả phong trào phải thể hiện và phát triển trên một trình độ cao trong đảng cộng sản. Bởi vì, đảng cộng sản là đội tiên phong, là tổ chức của những chiến sĩ ưu tú, tiên phong nhất của giai cấp công nhân và dân tộc.

Do sức mạnh của tổ chức và kỷ luật mà đảng cộng sản là một đảng chiến đấu, hành

động theo một *cương lĩnh cách mạng thống nhất* và dựa trên những nguyên tắc thống nhất, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ. V.I. Lê-nin cho rằng, một đảng thực sự cách mạng thì phải giữ thái độ trung thành với những nguyên tắc của mình, với giai cấp mình, với những nhiệm vụ cách mạng của mình. Chỉ như vậy, đảng mới lãnh đạo được giai cấp và trở thành người tổ chức của giai cấp, mới không chạy theo đuôi những sự biến.

Nói về bản chất của đảng cộng sản như một đảng cách mạng kiểu mới, các nhà kinh điển, từ C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n đến V.I. Lê-nin, đặc biệt là V.I. Lê-nin, đã dùng những khái niệm, những cách diễn đạt khác nhau nhưng cùng chỉ ra *một bản chất cách mạng và khoa học*. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n gọi đó là "một chính đảng độc lập", "một đảng mới" đối lập với tất cả các chính đảng cũ, là "đảng công nhân", "đảng cộng sản". V.I. Lê-nin thì gọi đó là "Đảng của giai cấp công nhân", "Đảng Cộng sản", "Đảng Cộng sản lãnh đạo", "Đội tiên phong của giai cấp vô sản và của tất cả quần chúng lao động", "Đảng thật sự cách mạng", "Đảng chấp chính" (tức là nắm chính quyền, lãnh đạo chính quyền nhà nước).

Đặc biệt đáng chú ý là những luận điểm của Hồ Chí Minh về Đảng (Đảng Cộng sản Việt Nam). Những luận điểm này được Người đưa ra trong những thời điểm và hoàn cảnh khác nhau khi Đảng thực hiện sứ mệnh của mình: lãnh đạo cách mạng và trở thành đảng cầm quyền.

Ở thời kỳ vận động thành lập Đảng, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh tới sự cần thiết phải có Đảng. Đó là Đảng cách mạng. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927), Người chỉ rõ: "Cách mệnh trước hết phải làm

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 14, tr 246

cho dân giác ngộ... Cách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu. Cách mệnh phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân... Cách mệnh lại phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh"⁽³⁾. Người gắn liền đảng cách mệnh với người cách mệnh và đặt lên hàng đầu tư cách của người cách mệnh, trong đó nhấn mạnh hai điều cốt yếu: *giữ vững chủ nghĩa và ít lòng ham muốn vật chất*. Đây thực sự là một tư tưởng lớn có tầm chiến lược, cho đến nay, sau gần 80 năm, vẫn còn nguyên tính thời sự và hiện đại.

Sau này, Đảng ra đời, lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và từ đó trở đi, đã ở vị thế đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh nói tới *12 điều xây dựng đảng chân chính cách mạng* (trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, năm 1947). Nói tới đảng chân chính cách mạng, Người chú trọng tới không chỉ trình độ, năng lực lãnh đạo quần chúng mà còn cả phương pháp khoa học và thực thi dân chủ; không chỉ trí tuệ mà còn cả kinh nghiệm và bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống gương mẫu, tận tụy hy sinh, phục vụ dân chúng, làm công bộc, đầy tớ trung thành của dân. Người đòi hỏi rất cao thái độ dũng cảm và sự thành thật trong tự phê bình, phê bình của Đảng, của cán bộ, đảng viên. Chỉ như vậy, Đảng mới được dân tin, dân phục, dân yêu mến, dân giúp đỡ, ủng hộ và bảo vệ. Chỉ như vậy, Đảng mới là một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính.

Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng với bản chất của một đảng cách mạng phải thể hiện rõ ở các tính chất, các đặc điểm của nó, bao gồm các vấn đề thành phần của Đảng, lý luận của Đảng, kỷ luật của Đảng, quy luật phát triển Đảng và mục đích của Đảng. Đảng phải thật mạnh, thật trong sạch để thiết thực lãnh đạo, mà muốn lãnh đạo được thì trước hết, cán bộ, đảng viên phải có tư tưởng, lập trường vững chắc, xung phong làm gương mẫu.

Nói tới bản chất của Đảng, Người còn nhấn mạnh: Đảng vô sản là bộ tham mưu của giai cấp công nhân, là đội ngũ tiên tiến nhất và là tổ chức chặt chẽ nhất của giai cấp công nhân, là người lãnh đạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Người xác định rõ mục đích của Đảng là phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Ngoài ra không còn có lợi ích nào khác. Nói về Đảng trong thời kỳ kiến thiết chế độ mới, Người cho rằng: "Ngày nay, nhiệm vụ của Đảng ta là lãnh đạo quần chúng đánh thắng tình trạng nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân"⁽⁴⁾.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất của Đảng thấm nhuần sứ mệnh lịch sử và vai trò lãnh đạo của Đảng là giành lấy độc lập dân tộc hoàn toàn và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Nói cách khác, tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất của Đảng cũng chính là tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Những luận điểm nêu trên của Hồ Chí Minh thực sự là những chỉ dẫn quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng hiện nay. Đó cũng chính là những biểu hiện cốt yếu nhất về bản chất của Đảng, là những điều cần phải giữ gìn, phát huy khi Đảng trở thành đảng cầm quyền.

Nói tóm lại, nhận thức về bản chất của đảng cộng sản không thể không nhận thức nó trong các mối quan hệ. Đó là các mối quan hệ giữa đội tiên phong của giai cấp (giai cấp công nhân) với chính giai cấp đã sản sinh ra nó, giữa Đảng với khối quần chúng nhân dân lao động đông đảo trong xã hội và giữa Đảng với dân tộc. Đây chính là cơ sở xã hội rộng lớn và môi

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 2, tr 267

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 599

trường xã hội - lịch sử - văn hoá mà trong đó Đảng hoạt động và thực thi sứ mệnh lịch sử của mình với tư cách là lực lượng lãnh đạo. Đó còn là mối quan hệ giữa Đảng với hệ tư tưởng chính trị, với nền tảng tư tưởng của Đảng mà Đảng có nhiệm vụ tổ chức, giáo dục, tuyên truyền trong Đảng, trong xã hội để biến nó thành ý thức xã hội phổ biến. Bản chất của Đảng còn đòi hỏi phải nhận thức mối liên hệ giữa Đảng và phong trào cách mạng thế giới cũng như nghĩa vụ và sự trung thành của Đảng đối với chủ nghĩa quốc tế.

Đảng là một tổ chức cách mạng, một tổ chức chiến đấu và hành động chứ không phải là câu lạc bộ bàn suông; Đảng có sự thống nhất giữa nhận thức và hành động, giữa nói và làm. Do đó, nhận thức bản chất của Đảng còn đòi hỏi phải nhận thức *sự gắn kết giữa cơ cấu tổ chức, thể chế trong Đảng với tính nguyên tắc, kỷ luật của Đảng*, với chất lượng chính trị, tư tưởng, tư cách của toàn Đảng và nhờ sự gắn kết đó mà Đảng trở thành một cơ thể sống. Đó cũng còn là phương thức lãnh đạo, hoạt động của Đảng, thể hiện ở năng lực, trình độ kinh nghiệm và bản lĩnh của Đảng, trong đó có những chỉ báo rất quan trọng về trình độ lý luận, năng lực tư duy lý luận của Đảng, nhất là đối với những đảng viên giữ cương vị lãnh đạo; là dân chủ trong nội bộ Đảng đủ sức làm gương mẫu cho thực hành và phát huy dân chủ trong xã hội; là ý thức và năng lực thực tế để tự đổi mới, tự phát triển của Đảng làm động lực thúc đẩy quá trình cải cách, đổi mới trong toàn xã hội... Suy rộng ra và xét đến cùng, đó chính là *văn hóa đảng*. Đảng khi đã trở thành đảng cầm quyền thì chất lượng văn hóa đảng càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Văn hóa ấy là cả một tổng hợp chất lượng của văn hóa tư duy và tư tưởng, văn hóa chính trị, văn hóa tổ chức - quản lý và lãnh đạo, văn hóa đạo đức và lối sống, văn hóa pháp lý (pháp luật).

Trong đó, văn hóa pháp lý là điều không thể thiếu để hình thành nên *văn hóa dân chủ* khi Đảng đang lãnh đạo Nhà nước và xây dựng Nhà nước thành một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Đảng cầm quyền, đó là thời điểm bước ngoặt đối với sự phát triển của Đảng, thuận lợi nhiều nhưng nguy cơ cũng không ít, thậm chí có cả những thử thách nghiệt ngã. Thời khắc đó đòi hỏi Đảng phải thường xuyên giải quyết các mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, giữa Đảng với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong hệ thống chính trị, giữa Đảng với dân, giữa Đảng với dân tộc trong những điều kiện mới, khi cán bộ, đảng viên của Đảng có chức, có quyền, nhất là những cán bộ, đảng viên trong các tổ chức thuộc hệ thống quyền lực. Một số mối quan hệ khác không kém phần phức tạp, phức tạp một cách tinh tế, đó là các mối quan hệ giữa đường lối của Đảng với chính sách của Nhà nước, giữa lãnh đạo chính trị của Đảng với quản lý theo pháp luật của Nhà nước, giữa chính trị với kinh tế, giữa chính trị với khoa học, giữa quyền lực với chân lý, giữa tư cách đảng viên với quyền và nghĩa vụ công dân... Đó là hàng loạt vấn đề đặt ra mà Đảng, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên nếu không thường xuyên đổi mới, phát triển, sáng tạo thì không dễ gì giải quyết một cách đúng đắn trên tầm cao của chính trị - khoa học - đạo đức và văn hóa.

Nếu cách mạng - khoa học - nhân văn là bản chất của đảng cộng sản thì khi cầm quyền, lãnh đạo nhà nước và xã hội, bản chất đó của đảng cộng sản càng phải được đề cao. Đó là *trình độ phát triển mới của bản chất đảng cộng sản cầm quyền* - Đảng của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới. Nhiệm vụ then chốt của cách mạng nước ta hiện nay là xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh theo những chuẩn mực hiện đại đó. □



1 - Một thập kỷ phát triển - thành tựu và thách thức

Một thập kỷ qua, sự phát triển kinh tế ở đồng bằng sông Cửu Long rất phong phú, sinh động. Theo các số liệu thống kê và từ kết quả đánh giá, nhất là những năm gần đây cho thấy, tỷ lệ tăng GDP của vùng luôn cao hơn mức bình quân chung của cả nước: giai đoạn 1991-1995 khoảng 19%; 1996 - 2000 là 7,8%. Song, chính các số liệu ấy lại cho thấy rằng, tỷ lệ tăng trưởng của khu vực đang chậm dần: 11,6% (trong các năm 1993 - 1995), rồi 8,2% (trong các năm 1996 - 1998) và 7,5% (trong các năm 1999 - 2001). Phân tích thêm số liệu này còn cho thấy, trong khi các tỉnh ven biển có xu hướng tăng nhanh hơn trong những năm sau này, thì các tỉnh sản xuất lương thực vốn có tỷ lệ tăng trưởng cao trong những năm trước thì nay chậm lại.

Nhưng, điều đáng quan tâm hơn là **chất lượng tăng trưởng**. Với hơn 50% GDP và 65% số lao động của vùng nằm trong Khu vực I nhưng tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong 3 năm gần đây là không đáng kể; tỷ lệ dân số sống ở đô thị vẫn ở mức rất thấp; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị là 5,5%, ở nông thôn tuy chỉ ở mức 1,7% nhưng tình trạng nông nhân khá phổ biến và ở mức cao.

Năm 2002, tốc độ tăng trưởng của vùng là 10,4% nhưng những nhân tố là tiền đề bứt phá, vươn lên vẫn chưa rõ. Sự yếu kém đó rất có thể tạo nên tác động dây chuyền đối với sự phát triển của khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, và chiến lược của quốc gia, đồng thời cũng đặt ra những thách thức lớn trong tương lai⁽¹⁾.

Có thể khái quát, bức tranh kinh tế của vùng trong mấy năm gần đây là **thành tựu đan xen với những khó khăn và thách thức**. Bởi, ngoài chất lượng tăng trưởng thấp, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, đồng bằng sông Cửu Long còn đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức nghiêm trọng: mật độ dân số tăng nhanh, đất canh tác giảm, tài nguyên cạn kiệt dần; số lao động qua đào tạo thấp; lệ thuộc ngày một nhiều vào Thành phố Hồ Chí Minh; công nghiệp chế biến yếu kém và phụ thuộc vào xuất khẩu sản phẩm thô.

* TS, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Chi nhánh tại Cần Thơ

(1) Xem: *Số liệu kinh tế - xã hội 12 tỉnh ĐBSCL 1990-2001*; *Quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long. Việt Nam triển vọng phát triển lâu dài tài nguyên đất và nước*; Nguyễn Văn Chính - Vũ Quang Việt: *Kinh tế Việt Nam đổi mới*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2002

Những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là *mặt bằng dân trí thấp, nguồn nhân lực hạn chế, đầu tư của Nhà nước vào vùng này chưa nhiều*, chưa có những công trình đủ lớn tạo nên động lực để bứt phá... Nhưng, liệu có phải chỉ do đầu tư của nhà nước còn thấp là yếu tố quyết định sự phát triển của vùng?

Đầu tư là nguyên nhân quan trọng, nhưng sự lựa chọn chiến lược không phù hợp có thể làm tăng nỗi khó khăn, thậm chí làm cho tình hình đáng ra không đến nỗi trì trệ nhưng lại trở nên trì trệ hơn. Khu vực I là lợi thế, nhưng nếu chỉ tập trung duy nhất vào khu vực này thì về lâu dài, ưu thế đó có thể trở thành một nhược điểm, thậm chí lạch lạc rất khó thoát ra để phát triển.

2 - Cần một chiến lược mới cho phát triển kinh tế vùng

Phát triển kinh tế ở đồng bằng sông Cửu Long từ rất lâu đã *thiên về khai thác tiềm năng nông nghiệp*, cung cấp lương thực cho đất nước, làm vệ tinh cung cấp nguyên liệu và là thị trường tiêu thụ cho công nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh. Trong nhiều năm, nơi đây đã làm tốt công việc này, được ca ngợi là "vựa thóc" của quốc gia. Gần đây, bán đảo Cà Mau được xem là "mỏ tôm" của đất nước. Nhưng, đến nay, để xây dựng một quan niệm mới, một chiến lược phát triển cho vùng, cần nhìn lại và có sự đánh giá nghiêm túc hơn.

Trong xu thế hiện nay, để có thể vươn lên làm chủ những lĩnh vực công nghệ cao hơn, Thành phố Hồ Chí Minh đang rất cần một sự thay đổi trong mối quan hệ liên kết, còn đồng bằng sông Cửu Long cũng rất cần có những đánh giá mới trong mối quan hệ chiến lược với các vùng.

Trong hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta đứng trước những cơ hội lớn nhưng cũng đang đối mặt với những thách thức không nhỏ. Hơn nữa, lại nằm ngay sát những nước vừa có tiềm năng nông nghiệp lớn, vừa phát triển mạnh hơn về công nghiệp nên vấn đề càng phức tạp. Một động thái mới gần đây xung quanh Chương trình Phát triển tiểu vùng sông Mê Công mở rộng với sáng kiến của Nhật là thành lập Diễn đàn Doanh nghiệp của tiểu vùng (GMS-BF) và một loạt

hành lang kinh tế đang được phác họa: trung tâm nằm ở Băng-cốc (Thái Lan) còn "đầu ra" thì hầu như tỏa trên các cảng biển của Việt Nam đã đặt ra trước chúng ta không ít vấn đề nan giải.

Trên thực tế, ưu thế và tiềm năng của vùng thực ra không chỉ có lương thực, thủy sản mà còn là sông, biển. Những điều kiện cần thiết được hội tụ đủ ở nơi đây để thực hiện một chiến lược phát triển hướng ra bên ngoài với *kinh tế biển, ngoại thương, hàng hải, du lịch*, và khai thác tiềm lực bên trong. Xu thế này ngày càng rõ hơn trong bản đồ chiến lược khai thác biển, với vị trí địa - chính trị của vùng, một chiến lược mới rất cần được tính đến để khai thác tốt nhất lợi thế địa - kinh tế (ven biển, biên giới, vùng tiếp giáp trung tâm công nghiệp lớn nhất nước), lợi thế tiềm năng (nông nghiệp, thủy sản), lợi thế du lịch sông nước, lợi thế giao thông thủy, bộ từ hậu cứ vươn ra phía biển phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh quốc phòng lâu dài của đất nước.

Với những tính chất và đặc trưng vốn có, toàn bộ vùng này cần được xem như một thể thống nhất trong toàn bộ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Điều đó là cần thiết để huy động sức mạnh không chỉ của một vùng (liên kết các tỉnh trong vùng) mà là *nhiều vùng* (liên kết vùng rộng) để mở rộng ra bên ngoài biên giới đất liền, *hướng về phía biển*, khai thác *kinh tế biển*, triển khai chiến lược *ngoại thương cận vùng*, trước mắt với miền duyên hải của các nước gần trong vùng Biển Đông và vịnh Thái Lan.

Để thực hiện những điều ấy, rất cần những tuyến xa lộ bổ sung thêm vào quốc lộ I, mở mới các tuyến đường sắt, đường thủy, các đường hành lang biên giới và đường vòng cung ven biển, thêm các cầu qua sông Tiền, sông Hậu. Việc thông thương trên tuyến đường thủy và đường biển nối vùng đồng bằng sông Cửu Long với khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Ninh Thuận, Nha Trang cũng phải được đặc biệt lưu ý. Để hướng ra đại dương, khai thác kinh tế biển, cần có sự kết hợp vùng ven biển Việt Nam từ đồng bằng sông Cửu Long đến Vũng Tàu, Bình Thuận, Nha Trang thành một hành lang ven biển chạy từ Nam Trung Bộ đến Hà Tiên. Sự phát triển đó sẽ mở rộng toàn bộ không gian

kinh tế của vùng Nam Bộ cũ, giảm thiểu tối đa sự chia cắt không gian kinh tế giữa miền Đông và miền Tây Nam Bộ với Nam Trung Bộ để hướng ra bên ngoài. Chiến lược này hoàn toàn có khả năng thực hiện và theo đó sẽ hình thành mối quan hệ liên kết phát triển của thể chân vạc: Đồng bằng sông Cửu Long - Thành phố Hồ Chí Minh - khu vực miền Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Bởi vậy, có thể phải tính đến việc đề xuất mở tuyến đường xuyên Á thứ 2 ven biển đi từ Băng-côc (Thái Lan) qua Com-pông-som (Cam-puchia) đến Hà Tiên, Cà Mau và nối vòng cung ven biển từ Cà Mau đến Gò Công. Với hành lang này, khi phát triển sẽ đủ điều kiện để mở tuyến hành lang trên biển từ đồng bằng sông Cửu Long đến vùng phía Bắc Ma-lai-xi-a - Nam Thái Lan và tuyến thứ 2 trên biển nối từ cụm đồng bằng sông Cửu Long - Vũng Tàu - Nha Trang đến vùng phía Bắc In-đô-nê-xi-a - phía Đông Ma-lai-xi-a. Một tam giác như vậy rất nên được xem xét để làm đối trọng với hành lang kinh tế tiểu vùng sông Mê Công mà trung tâm của nó hiện đang được bố trí ở Băng-côc (Thái Lan).

3 - An ninh lương thực, giao thông và đô thị hóa trong vùng

Đất nông nghiệp của Việt Nam không nhiều, hơn nữa trong đó không phải đất nào cũng có đủ điều kiện để phát triển nông nghiệp nhằm nuôi sống cả 100 triệu dân quen dùng lương thực. Nếu xã hội cần điều đó để ổn định và phát triển thì phải trả lại cho nó những chi phí đề ngang bằng với các vùng được công nghiệp hóa. Nông nghiệp, nông thôn hay nói đúng hơn: nông dân, luôn là vấn đề nhạy cảm không bao giờ được xem nhẹ.

Phát triển kinh tế ở vùng đồng bằng sông Cửu Long không phải chỉ cho nội vùng hay để nối với Thành phố Hồ Chí Minh mà là đường liên vận nối với các ngành trong nước và nước ngoài. Trong suốt hơn một thập kỷ trước, vùng này đã tham gia giải quyết hiệu quả bài toán lương thực quốc gia; và trong mấy năm gần đây, càng đóng vai trò quyết định trong tăng tốc xuất khẩu thủy sản của cả nước.

An ninh lương thực quốc gia là nhiệm vụ lâu dài. Đồng bằng sông Cửu Long phải góp phần chủ yếu gánh trọng trách ấy, bởi không có một vùng đất nào tốt hơn trong việc sản xuất lương thực một cách an toàn và có năng suất cao như ở nơi đây. Nhưng, để sản xuất loại gạo có chất lượng cao thì nơi đây ưu thế lại không lớn. Hơn nữa, bởi đất nước ta trải dài trên nhiều vùng địa lý, chiến lược an ninh lương thực quốc gia không thể trông chờ vào một khu vực duy nhất. Do đó, trong quá trình điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước đang gia tăng và nhu cầu xuất khẩu lương thực cùng với việc đầu tư cho đồng bằng sông Cửu Long, rất cần thúc đẩy trồng các loại lúa có chất lượng cao ở Đồng bằng sông Hồng. Điều đó sẽ góp phần cải thiện thu nhập của nhân dân phía Bắc.

Giao thông vận tải là cơ sở để phát triển. Do đó, cần giải tỏa tình trạng phụ thuộc vào con đường độc đạo của quốc lộ I hiện nay. Sông nước, giao thông thủy là ưu thế của vùng này nên cần được chú ý phát triển trên các mặt: vận chuyển, đi lại và du lịch. Trong tương lai xa hơn, những hạn chế về bến cảng nước sâu cho loại tàu có trọng tải lớn sẽ được khắc phục nếu xây dựng một cảng nổi nằm bên ngoài lòng Định An. Việc hình thành một chiến lược phát triển mới như thế sẽ cho phép khai thác những phương tiện có sức chứa từ 2 đến 3 nghìn tấn đáp ứng nhu cầu chuyên chở với vòng quay nhanh trong quan hệ thương mại cận vùng.

Xét trên những khía cạnh lợi ích kinh tế hay an ninh quốc phòng thì tuyến quốc lộ ven biển là rất cần thiết. Để việc khai thác kinh tế biển có hiệu quả, phải nhờ vào hậu cứ địa đất liền - nơi có đủ những dịch vụ hậu cần cần thiết cho việc tiến và vươn ra đại dương. Kiên Giang và các đảo trong vùng biển Tây Nam sẽ có vai trò lớn hơn trong chiến lược mở rộng giao thương ra bên ngoài, phát triển kinh tế biên giới, kinh tế biển. Cần mở thêm tuyến đường thủy lớn từ Thành phố Hồ Chí Minh xuyên qua vùng Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên ra vịnh Hà Tiên. Kênh Vĩnh Tế có thể là một điểm chọn tốt cho kế hoạch này để nối thông ra biển Tây.

Tốc độ đô thị hóa chậm đã hạn chế đến tăng trưởng, cản trở việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu dân số, cơ cấu lao động và chất lượng cuộc sống của cư dân trong vùng. Phải tìm cách hình thành một vùng kinh tế phát triển có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế trong thu hút đầu tư, liên kết các vùng và phát triển thương mại quốc tế. *Đầu tư cho công cuộc đô thị hóa* phải được tập trung hơn, thậm chí còn bức bách hơn đầu tư vào các dự án công nghiệp mà các tỉnh đang ra sức kêu gọi hiện nay. Đô thị hóa trong vùng sẽ không dừng ở chỗ xây dựng một đô thị trung tâm mà là *một chuỗi các đô thị* có mối quan hệ liên kết nhau, có kết cấu hạ tầng và dịch vụ công cộng thuận lợi, thu hút đầu tư, bảo vệ môi trường, thu hút nguồn lao động có chất lượng và giữ được giá nhân công đủ để duy trì sức mạnh cạnh tranh.

Cần Thơ là đô thị trung tâm, nhưng không nhất thiết xây dựng theo hướng một đại đô thị, thu hút tất cả các nguồn lực về mình mà trái lại cần một hệ thống các đô thị liên kết nhau. Mỗi một đô thị trong mối liên kết đó phải có bản sắc riêng và là một hạt nhân liên kết của các đô thị nhỏ hơn trong vùng. Những đô thị ở xa hơn sẽ đóng vai trò cầu nối ra bên ngoài trên các hành lang kinh tế biên giới, hành lang kinh tế ven biển từ Mộc Bài, Hồng Ngự, Châu Đốc, Hà Tiên đến Cà Mau, Trà Vinh, Gò Công.

Đô thị hóa trong vùng không chỉ là sự chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế mà nó liên quan đến vấn đề dân sinh, nhu cầu văn hóa, cải thiện chất lượng cuộc sống. Đó là cả một chiến lược sâu rộng, phức tạp và để làm được điều đó đòi hỏi phải có tầm nhìn trong quy hoạch, hành động mạnh mẽ hơn trong chuyển dịch cơ cấu đất đai và cơ cấu lao động. Không mạnh dạn trong vấn đề đất đai và tầm nhìn quy hoạch các đô thị trong vùng nếu chỉ dừng ở những dãy nhà ống bê-tông, những đường phố ngắn ngủn, chật hẹp, chen chúc và đầy bụi thì giá đất đô thị cứ mãi tăng vọt và vấn nạn đô thị còn nan giải hơn những gì mong mỏi.

4 - Thay lời kết

Chiến lược khai thác tiềm năng nông nghiệp của vùng đã mang những kết quả to lớn trong thập kỷ trước, góp phần giải quyết căn bản bài toán lương thực bảo đảm cho việc chuyển sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc nhấn mạnh khai thác lợi thế so sánh đã đẩy mạnh xuất khẩu lúa gạo và thủy sản nhưng nay rất cần phải tính đến những lợi ích lớn hơn.

Tài nguyên và những gì đang có *chỉ nên xem là vốn ban đầu*, trên nền đó cần tính đến *yêu cầu phát triển chuyên sâu*. Sự bắt chước, sao chép lẫn nhau trong việc khai thác tài nguyên, khai thác lợi thế so sánh ở từng tỉnh trong một vùng có nhiều nét tương đồng nhau không chỉ tạo ra sự đơn điệu, nhàm chán trong các sinh hoạt văn hóa, trong các dự án kêu gọi đầu tư, trong du lịch và thương mại, xuất nhập khẩu mà còn gây ra không ít những khó khăn, chông chéo trong việc giải quyết các vấn đề lớn của toàn vùng (lũ lụt, tiêu thụ nông sản, môi trường, nguồn nhân lực...). Việc *xây dựng năng lực cạnh tranh của vùng*, của mỗi tỉnh trong vùng sẽ thúc đẩy sự tăng tốc và đa dạng hóa để tạo nên những bản sắc riêng. Đó là điều rất cần được quan tâm.

Thương mại quốc tế đang thay đổi. Không cứ có lợi thế so sánh, có lao động rẻ là có thể bán được nhiều hàng hóa. Không nên đi vào những ngành sản xuất không có sức cạnh tranh. Quan niệm tôn sùng nền sản xuất với những sản phẩm hữu hình có thể không bắt nhịp được với cuộc cạnh tranh kinh tế. Có được nguồn lao động dồi dào, giá nhân công rẻ là vốn rất quý nhưng cái cần là *lao động phải có năng suất, có chất lượng* và giữ được nguồn lao động với *giá nhân công ổn định*. Sức cạnh tranh mạnh của vùng là điều có ý nghĩa quyết định cuộc chạy đua trong tương lai.

Tính hiệu quả là thước đo, việc thoát khỏi những tư duy trói buộc là rất cần thiết để tìm kiếm con đường phát triển. Để một đồng bằng sông Cửu Long đầy tiềm năng phát triển mạnh mẽ và bền vững đang rất cần những chính sách mới nhằm vừa phát huy được sức mạnh các nhân tố bên trong vừa huy động được các nguồn lực từ bên ngoài. □

1 - Xét về thời gian, có thể coi khi *Giải thưởng văn học* hằng năm của Hội Nhà văn Việt Nam được công bố cũng là khi sinh hoạt văn học của một năm đã tạm thời kết thúc. Một năm qua với 365 ngày, một năm với công việc của hàng ngàn cây bút. Cũng là một năm mà văn học, trong sắc thái phức tạp của nó, đã bộc lộ không ít những hay - dở để có thể vui, để có thể buồn và đôi khi còn có thể lo âu. Gần đây, vào các dịp cuối năm, đối diện với thực trạng văn học đang "khủng hoảng thiếu tác phẩm hay, khủng hoảng thừa tác phẩm dở", chúng ta vẫn hy vọng đến năm sau mọi sự sẽ khá hơn. Để rồi đợi chờ, và để rồi dường như mỗi năm văn học lại cố gắng nhích lên một bước. Giải thưởng năm 2003 còn là tín hiệu đáng mừng vì các cơ quan chức năng đã tỏ ra nghiêm khắc hơn, đã chọn được những tác phẩm tiêu biểu như *Con giông* (Lê Văn Thảo), *Mùa không gió* (Lê Thành Nghị), *Cây bút đời người* (Vương Trí Nhàn).

2 - Năm qua, truyện ngắn tiếp tục giữ vị trí nổi trội trong sinh hoạt văn học của xã hội và sẽ là không thể nếu có người nào muốn đưa ra một số liệu thống kê những truyện ngắn đã được in ấn. Tuy nhiên, trong vô số truyện ngắn đó, những tác phẩm có chất lượng tư tưởng - nghệ thuật cao, có tiếng vang trong bạn đọc lại không nhiều. Do vậy, sự tái xuất tác phẩm của một hai cây bút "gác bàn phím" đã lâu càng trở nên đáng đọc như *Vàng xưa* của Nguyễn Văn Thọ, *Gió mưa gửi lại* của Thùy Linh. Đặc biệt, người đọc và giới nghiên cứu còn có điều kiện tiếp cận, nhận diện kỹ hơn một số tác giả truyện ngắn từng có nhiều thành tựu qua sự ra đời tuyển tập truyện ngắn của Ma Văn Kháng,

của Đỗ Chu... Đọc tác phẩm của các tác giả này, thêm khẳng định rằng nhắc tới truyện ngắn Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua, không thể không nhắc tới tác phẩm của các ông. Không ai khác, chính các ông đã tiếp nối thành công con đường mà các cây bút truyện ngắn Việt Nam đã tạo dựng từ các giai đoạn văn học trước.

VĂN HỌC NĂM 2003 - *thêm một bước đi hướng về phía trước*

NGUYỄN HÒA*

Tuy nhiên, số ấn phẩm thuộc loại trên như bị chìm lấp giữa các tập truyện ngắn trẻ, truyện ngắn tuổi hai mươi, truyện ngắn sinh viên... và cả truyện ngắn hay 2003 được in ngay từ quý I cùng năm. Truyện ngắn có thể có chất lượng cao thấp khác nhau, nhưng xưa nay phạm đã là "truyện ngắn hay" thì nhất thiết phải có khả năng đọng lại trong người đọc. Một tác giả cho xuất bản một tập truyện ngắn là tìm một cách thức đem tác phẩm đến với xã hội, hay - dở thế nào tùy thuộc vào sự tán thưởng hay không tán thưởng của dư luận. Nhưng tập hợp, chọn lọc nhằm xuất bản một tập "truyện ngắn hay" lại là chuyện khác. Đọc các tập "truyện ngắn hay", người viết bài này

* Tạp chí Văn nghệ quân đội

không khỏi ngạc nhiên vì không ngờ tiêu chí "hay" lại đang bị lạm dụng, bị thả nổi một cách "vô thường" đến thế. Qua bàn tay của các chuyên gia tuyển chọn, của các đầu nậu, người ta không chỉ biến một truyện ngắn vào loại trung bình (thậm chí yếu) thành một "truyện ngắn hay" mà còn cấp cho truyện ngắn đó tài xuất quỷ nhập thần để nó xuất đầu lộ diện trong nhiều tập truyện ngắn khác nhau. Nên không có gì ngạc nhiên nếu đến công đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất là người tiêu dùng thì sự "chọn lọc" chỉ còn là sự xào xáo!

Truyện ngắn nhiều song phần lớn là những câu chuyện được kể theo một cốt truyện đầy tư biện "bịa không như thật", nhiều trường hợp biện pháp nghệ thuật còn sơ sài, "chất văn" thập thồm. Mở bất kỳ số báo hằng tuần, số báo số chủ nhật nào người đọc cũng có thể bắt gặp một hai truyện ngắn, song dù ai đó không vừa lòng, thì vẫn xin nhận xét rằng, đa số truyện này thường chú trọng tới những tình huống éo le của cuộc đời, những số phận bi đát, thiệt thòi hay những thủ đoạn bất nhân trong quan hệ xã hội như mưu mô và lường gạt, vong ân và sa ngã, tình và tiền... Ngay đến tác phẩm của một số cây bút vốn ít nhiều có tên tuổi cũng không toàn bích bởi sự lạm dụng kỹ thuật hoặc không dụng công trau chuốt những gì còn thô mộc. Đó là chưa nói một số tác giả không những "trẻ hóa" bằng cách cho in lại ảnh bức chân dung chụp đã mấy chục năm, mà còn cố gắng "trẻ hóa" thông qua việc xây dựng tác phẩm từ các tình huống giật gân, đưa vào tác phẩm hoặc vài ba triết lý có vẻ thời thượng, hoặc là tưởng tượng ra đời ba tình huống tình dục thô lậu, trần trụi. Ở nhiều truyện ngắn, dường như "tính báo chí" đang giữ vai trò chủ đạo trong các yếu tố thuộc về đề tài, hình thức kể chuyện, lối hành văn... đến ngay kết cấu cũng được tổ chức theo kiểu lối một bài báo. Hiển nhiên do lao động sáng tạo còn đơn giản nên đã có một tỷ lệ khá cao các truyện ngắn

không hấp dẫn, chỉ để đọc một lần. Trên mặt bằng phong phú của truyện ngắn, các cây bút trẻ trình làng khá nhiều tác phẩm, song đa số truyện ngắn của họ được viết trên cơ sở một trí tưởng tượng nghèo nàn và hình như sau khi đạt được một vài thành công nho nhỏ, họ không còn ham mê lăn lộn với cuộc sống, mà sớm thỏa mãn với việc vét voi cái vốn liếng trải nghiệm ít ỏi được thu lượm từ trước.

3 - So với năm trước, năm 2003 tiểu thuyết ra đời ít hơn, trong số đó cuốn "đáng đọc" lại không nhiều. Với tiểu thuyết *Con giông*, lần thứ hai Lê Văn Thảo được trao Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam (lần trước là tiểu thuyết *Một đời và một người*) và ông hoàn toàn có đủ tư cách đại diện cho các nhà văn Việt Nam nhận Giải thưởng Văn học ASEAN năm 2004. Bẵng đi một thời gian sau *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nguyễn Khắc Trường đã trình làng một cuốn tiểu thuyết. Dù mới có 6 chương công bố trên Tạp chí *Nhà văn* thì tiểu thuyết *Trang trại* của Nguyễn Khắc Trường cũng làm cho nhiều người chú ý và họ không thất vọng. Nhưng đọc xong 6 chương hấp dẫn ấy lại dự cảm rằng cuốn tiểu thuyết sẽ mất cân đối, và vẫn chưa dự đoán được rồi đây Nguyễn Khắc Trường sẽ mở ra cánh cửa đi vào "trang trại" của ông ra sao. Tiểu thuyết *Giàn thiêu* của Võ Thị Hảo lại đem tới những tín hiệu khác và tôi tin người đọc sẽ tốn thời gian với *Giàn thiêu*. Nghe nói sau *Giàn thiêu*, Võ Thị Hảo sẽ cho ra tiếp tiểu thuyết *Dạ tiệc quỷ*, chị cho biết tiểu thuyết này viết "về đề tài hiện đại, trong đó có nhiều thứ, mà có một đứa là... tôi. Đề từ của tiểu thuyết này là: *Mỗi người là một món ngon trên bàn tiệc của quỷ. Tôi cũng vậy. Nhưng tôi là một món ngon luôn nhẩy ra khỏi bàn tiệc...*".

Lâu nay, hiện tượng nhiều nhà xuất bản quan tâm đến tiểu thuyết là rất đáng mừng, ít nhất họ cũng dám dùng cảm dân thân vào cuộc chơi đầy may rủi với thể loại văn học gần đây

ít được hâm mộ lại phập phù về thu nhập. Tiếc rằng, sự quan tâm đó mới mang lại những tiểu thuyết ít tiếng vang, đa số vẫn đi theo lối mòn, thiếu những khám phá, sáng tạo mới lạ (theo ý nghĩa tích cực của từ này). Với tiểu thuyết, khi người kể chuyện đứng ở ngôi thứ nhất, tác giả có thể dễ cho nhân vật là người quan sát và trần thuật, nhưng thủ pháp đã trở thành cổ điển này dễ đẩy tới cái nhìn phiến diện, dễ xuất hiện những tình huống "giả" nếu người viết chưa có một vốn sống đầy đặn, chưa có sự nhập thân và suy ngẫm với một năng lực thụ cảm sâu sắc, tinh tường. Giữa một nhịp sống có quỹ thời gian rồi ngày càng thu ngắn, chúng ta thường thấy các tiểu thuyết được viết theo lối "nhỏ và đẹp" với số trang khiêm tốn nhưng bao chứa dung lượng lớn những vấn đề xã hội - nhân sinh, thì trong năm 2003, vẫn xuất hiện những tiểu thuyết dày cộp như tiểu thuyết lịch sử gồm bốn tập của Hoàng Quốc Hải. Bộ sách này cũng được tán thưởng ở nơi này nơi khác, thậm chí một cuộc thảo luận đã được tổ chức dành cho nó, nhưng thiết nghĩ các tập *Bão táp cung đình*, *Huyền Trân công chúa*... xuất bản đã mấy năm nhưng không gây được chú ý thì đọc trọn bộ càng khó hy vọng nó có thể sống được với thời gian vì "tính tiểu thuyết" còn đơn giản và thiếu một ý tưởng lớn tương xứng với điều tác giả nói trong một bài phỏng vấn: phải "thông qua lịch sử để giải quyết những vấn đề của hôm nay". Rồi nữa, không hiểu do cần tiếp thị, do lo ngại người đọc không phát hiện ra ý tưởng sâu sắc của mình... hay sao mà hầu như sau khi một cuốn tiểu thuyết được xuất bản là ngay lập tức xuất hiện các bài trả lời phỏng vấn giúp tác giả lập ngôn và các cuộc thảo luận được mở ra giúp tác phẩm trở nên dễ hiểu. Thậm chí ngay cả khi tiểu thuyết chưa được xuất bản người ta cũng đã tính tới việc quảng cáo, như trường hợp Nguyễn Huy Thiệp với cuốn tiểu thuyết *Tuổi hai mươi yêu* đã được ông quả quyết sẽ là một "cú sốc" cho

văn học nước nhà. Nhưng những ai đã đọc bản thảo cuốn tiểu thuyết này đều thất vọng vì Nguyễn Huy Thiệp viết tiểu thuyết quá dở. Cho nên xét đến cùng thì trước sau tiểu thuyết vẫn là sản phẩm của một sự dụng công đầy nhọc nhằn, và sự hay - dở của nó phụ thuộc vào "nội lực" của người viết, vào sự đồng thuận của người đọc... chứ không phụ thuộc vào tuyên ngôn của người đã khai sinh ra nó.

4 - Cùng với văn xuôi, năm qua thơ tiếp tục có mặt trên các trang báo, còn nếu tính theo số lượng tập thơ được xuất bản thì thơ vẫn đứng ở thể thượng phong. Trên cái vệt kéo dài từ những năm trước với những câu tứ chưa đủ độ, năm 2003 vẫn có quá nhiều các bài thơ không hay và phần lớn các tập thơ đang đứng ủ rũ ở các cửa hàng sách. Những tập được chú ý trong năm như *Mùa không gió* - tập thơ của Lê Thành Nghị được trao Giải thưởng Hội Nhà văn, thì không nhiều. So với *Mưa trong thành phố*, ở tập thơ này Lê Thành Nghị đã có những đổi mới khá rõ về nội dung và hình thức, tứ thơ của anh được khơi nguồn từ những cảm xúc chân thực, từ những trải nghiệm cuộc đời và từ những suy tư nhân tình thế thái đã đạt tới ý nghĩa triết luận sâu sắc. Các tập thơ được trao Giải thưởng của Hội Nhà văn khác như *Thơ lục bát* của Trần Mạnh Hảo, *Lễ tẩy trần tháng Tư* của In-sa-ra, ở những mức độ khác nhau, với những thành công khác nhau đã góp phần làm cho thi đàn thêm sinh sắc mà còn là sự sàng lọc khá kỹ càng của Hội Nhà văn trước một "biển thơ" được xuất bản trong năm 2002.

Hôm nay, nhu cầu phải đổi mới thơ, làm cho thơ theo kịp với nhu cầu tinh thần của con người trong thời hiện đại đang thật sự là nỗi trăn trở của nhiều cây bút. Dẫu chưa thể đánh giá đầy đủ những tìm tòi của Trần Nhuận Minh trong *Bản Xô-nát hoang dã*, nhưng qua tập thơ đã nhận thấy Trần Nhuận Minh đang có khát vọng vượt qua chính mình, âu cũng là một thể nghiệm đáng mừng. Cùng với

Trần Nhuận Minh, còn có thể nhận ra sự tìm tòi đổi mới của một số tác giả thơ khác cùng thế hệ với ông. Tuy nhiên nhu cầu đổi mới thơ cần phải được xem xét trên bình diện bản chất nhất của nó, đó là thế giới tinh thần, thế giới cảm xúc của con người thời hiện đại. Thế giới ấy là một phức thể đa dạng, ẩn chứa những nội dung tư tưởng - thẩm mỹ mà những "trò chơi" chữ nghĩa mang tính hình thức chưa hẳn là cách biểu hiện thích hợp nhất. Người ta có thể viện dẫn các triết lý trừu tượng và mơ hồ về "vô thức", về "tâm linh" để biện hộ cho một số bài thơ, một số tác giả trẻ, nhưng người ta không thể trả lời được câu hỏi tại sao những bài thơ đó, những tác giả đó chưa tìm thấy chỗ đứng, chưa có vị trí trong đời sống tinh thần của người yêu thơ. Phải chăng dù thế nào thì trước sau vẫn cần phân biệt giá trị đích thực của thơ ca nói chung với những "xì căng đan" do báo chí (đôi khi do chính các tác giả) dựng lên.

Khi có người trẻ tuổi làm thơ vì muốn: "Đề cao vai trò thơ, khước từ cái cũ, thơ nhuần nhuột, nhập nhөр, đủng đỉnh theo một thói quen, rập khuôn nhảm chán. Những tay súng thơ với những khoảng ngắc lậ bắn vào đường biên hình thức, những giá trị hạn hẹp mà Thơ mới vô hình tạo ra, nghiêm nhiên ngự trị", rồi coi tác phẩm của mình: "là cuộc tuyên chiến vào tư duy cảm tính. Tại sao thơ chỉ đề cao *Mỹ + Cảm + Hiện thực* mà không dẫn sâu vào các lãnh địa khác phiêu lưu và quyến rũ không kém là *Cái phức tạp + Siêu hình + Lô-gích*" (Tạp chí *Sông Hương*, số 169, 3-2003) thì đời sống thơ ca không thể không nảy sinh những hiện tượng "cách tân" theo hướng "phá cách" chứ không phải là sự tiếp nối mang ý nghĩa như là kết quả của việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa truyền thống với hiện đại, giữa thế giới tinh thần của chủ thể sáng tạo thơ ca với thế giới tinh thần của khách thể cảm thụ thơ ca. Gần đây, có thể coi sự xuất hiện nhóm

thơ *Mở miệng* tập hợp một số cây bút làm thơ trẻ tự nhận là "tiền phong" là ví dụ điển hình cho những khát khao làm mới thơ ca của thế hệ trẻ. Họ làm thơ và phát hành các bản phô-tô-cô-py như là tác phẩm chính thức. Họ tuyên ngôn và viết tiểu luận với những lý thuyết rối rắm, trừu tượng về Hậu hiện đại, về thơ Tân hình thức... Tiếc thay đọc tác phẩm của họ chưa thấy những tín hiệu mới mà vẫn chỉ là những tìm tòi chữ nghĩa cầu kỳ, bí hiểm, đánh đố người đọc (nếu không nói là tặc tẩu) - những hiện tượng nhất thời vốn đã từng xuất hiện trong lịch sử thơ ca. Khao khát làm mới thơ ca là rất đáng trân trọng, nhưng làm mới như thế nào (?) thì xét ra không phải là câu hỏi dễ trả lời. Trong văn cảnh ấy, bài viết *Tân hình thức: phản kháng tìm tòi và quá khích* của Nguyễn Vĩnh Nguyên - một tác giả thơ trẻ, trên Tạp chí *Ngày nay* (số 21, ra ngày 5-11-2003) lại trở thành một gợi ý khá cần thiết đối với những cây bút trẻ đang hăm hở góp thêm những đường cày mới trên cánh đồng thơ ca. Nguyễn Vĩnh Nguyên viết: "Cái mới thực sự chỉ bắt nguồn từ nội tại của một nền thơ, không thể gồng mình lên, xương lên mà mới được. Cái mới, hiện đại hóa thực sự có được phải qua một quá trình tiếp biến, kế thừa và phủ định những giá trị cũ, truyền thống không còn hợp thời nữa. Quá trình ấy phải được nỗ lực nuôi dưỡng và chín chắn để có thể tạo ra bùng vỡ thẩm sâu. Văn chương không ép uống, nóng vội và càng không rút ngắn khoảng cách! Cũng như không thể mong cho lúa mau lớn mà nắm đầu mạ kéo lên khỏi đất được".

5 - Xem xét các yếu tố cấu thành một nền văn học không thể bỏ qua lý luận - phê bình và với năm 2003, sự kiện được quan tâm nhất của lĩnh vực này là Hội nghị Lý luận - Phê bình do Hội Nhà văn tổ chức. Qua các tham luận, ý kiến phát biểu tại Hội nghị, đặc biệt qua kết luận của nhà thơ Hữu Thịnh - Tổng Thư ký

Hội Nhà văn, chúng ta càng khẳng định đã đến lúc việc đổi mới lý luận - phê bình đã trở nên bức thiết. Không kỳ vọng một cuộc lột xác sẽ diễn ra chỉ sau một hội nghị, nhưng có thể hy vọng qua Hội nghị, những người làm lý luận - phê bình sẽ có thêm tiền đề để xem xét lại mình, loại bỏ những thói quen cũ và tham vọng "học phiệt", loại trừ những "trí thức giả", để tự giác và nỗ lực nghiên cứu, tiếp nhận những tri thức khoa học văn chương mới, chấp nhận nhiều xu hướng tiếp cận văn chương từ góc độ khác nhau trên cơ sở thiện chí và lành mạnh.

Tuy nhiên, cũng cần thẳng thắn thừa nhận rằng tình hình lý luận - phê bình trong năm 2003 đã có những diễn biến phức tạp: đã có vài ba tờ báo trở thành chiến trường của những lời lẽ "đao búa", của những cuộc trao đổi luôn luôn kết thúc bằng một cánh cửa khép hờ. Các cuộc bút chiến này thường bất phân thắng bại, chỉ có người đọc là không biết đầu cua tai nheo ra sao. Lại nữa là các bài phê bình, các bài đọc sách lấp lánh những lời khen ngợi, tăng bốc, và theo đó, nếu tác giả kết luận đúng đắn, chính xác thì văn học Việt Nam đang có đội ngũ sáng tác hùng hậu, tài năng sáng chói, văn đàn đầy ắp những văn phẩm văn chương đạt tới đỉnh cao. Có thể còn có sai chệnh - điều khó tránh khỏi trong những cuộc bút chiến bèn bỉ, ngày càng quyết liệt, nhưng trong năm 2003, nhà thơ Trần Mạnh Hảo tiếp tục đưa ra một số ý kiến khá hợp lý đối với hoạt động dạy văn và học văn trong trường phổ thông. Bên cạnh đó là các cuộc tranh luận không có hồi kết về "chủ nghĩa hiện thực vô bờ bến", về việc dịch *L'étranger* của A. Camus là *Người xa lạ* hay *Người dưng*, về văn bản *Truyện Kiều*, về "chợ" hay "rợ" trong bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan... Chưa kể có tác giả còn phát hiện thấy các nhà phê bình đã "tuyệt chủng" như loài khủng long ở kỷ Giu-ra. Vào gần cuối năm, bài viết của

nhà lý luận - phê bình Lại Nguyên Ân có nhan đề *Vũ điệu cái bô* cùng lúc đăng trên các báo *Tiền phong Chủ nhật*, *Văn nghệ* và *Tạp chí Tia sáng* dường như đã chỉ đích danh những bất cập còn tồn tại trong công việc đào tạo các nhà khoa bảng. Sự thật vốn dễ mất lòng, phản ứng của dư luận trước bài báo của Lại Nguyên Ân cho thấy nỗi trăn trở lâu ngày của xã hội đã có dịp được giải tỏa, vì dù sao chẳng nữa chúng ta không thể tiến tới một nền khoa học xã hội - nhân văn tiên tiến nếu không ngăn chặn một cách triệt để sự xuất hiện của những "khoa bảng dỏm", của những "trí thức dỏm" trong sinh hoạt khoa học.

Hoạt động lý luận - phê bình năm qua khá ồn ào, nhưng nó làm cho nhiều người ít biết đến sự có mặt của *Văn học Trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa* (Trần Nho Thìn), *Văn đàn - thời sự và bình luận* (Nguyễn Hoàng Sơn), *Ba đỉnh cao Thơ mới Xuân Diệu - Nguyễn Bính - Hàn Mặc Tử* (Chu Văn Sơn)... và bên những ý nghĩa tích cực, nó cũng bộc lộ không ít khiếm khuyết mà thiết nghĩ một nền lý luận - phê bình thực sự trưởng thành sẽ không mắc phải. Bởi lẽ dường như trước lúc đưa ra một (hay nhiều) ý kiến về văn chương, có những tác giả đã để ngòai bút của mình chịu sự chi phối của yếu tố chủ quan hoặc chưa có thói quen biết lắng nghe ý kiến người khác. Đối với lý luận - phê bình văn học, cũng như đối với các lĩnh vực hoạt động tinh thần khác của con người, yếu tố khách quan trong tư duy, sự cân trọng... có vai trò hết sức quan thiết, chúng giúp mỗi người tỉnh táo khi nghiên cứu, phê bình, nhận xét ý kiến người đối thoại. Qua những biểu hiện trên đây, chúng ta có điều kiện đánh giá chính xác hơn về thực trạng lý luận - phê bình, càng nhận thấy việc "nâng cấp" trình độ, xác định thái độ đúng mực trong lý luận - phê bình đã và đang trở nên cấp thiết. Giống như mọi lĩnh vực khác của xã hội trong

thời kỳ đổi mới đã phải nỗ lực gian nan như thế nào để vượt thoát ra khỏi tình trạng trì trệ để phát triển, không lý gì lý luận - phê bình của văn học Việt Nam lại chỉ loanh quanh trong những thói quen cũ để tự kìm hãm sự phát triển của chính mình. Dẫu gần đây một số nhà lý luận - phê bình đã bắt tay vào việc đi tiên phong trong đổi mới lý luận - phê bình thì đó vẫn chỉ là những chập chững đầu tiên chứ chưa phải là tất cả. Hy vọng sau những bước đầu tiên ấy, lý luận - phê bình văn học sẽ xuất hiện những "Hoài Thanh của thế kỷ XXI" - điều hân hạnh là ước mơ của nhiều người.

6 - Theo dõi đời sống văn học năm qua, dư luận không thể không lo âu về hiện tượng in ấn, phát hành tùy tiện, và nạn vi phạm bản quyền ở một vài nhà xuất bản. Cụ thể hơn, những lộn xộn trong lĩnh vực này đang ngày càng trở nên trầm trọng, nhiều trường hợp đã vượt khỏi tầm kiểm soát của các cơ quan chức năng. Dường như sau một thời gian chưa được quản lý chặt chẽ và thưởng phạt nghiêm minh về mặt pháp lý, một vài nhà xuất bản và các "đầu nậu sách" đã lãng quên vai trò quan thiết của sách văn học trong đời sống tinh thần của xã hội, mà thật sự họ đã biến sách văn học thành một thứ hàng hóa để thao túng, chộp giật theo đúng nghĩa đen của các từ này. Trong lĩnh vực này, nổi lên trong năm 2003 là các sự kiện như: sau khi Nguyễn Thị Thu Huệ và Phan Thị Vàng Anh buộc phải lên tiếng vì Nhà xuất bản Văn học chưa được tác giả đồng ý đã phát hành một tập truyện ngắn của hai nhà văn này, thì ngay lập tức bản dịch *Nghìn lẻ một đêm* của Phan Quang bị Trịnh Xuân Hoàn "chôm chia" rồi ngang nhiên xuất bản. Rồi nữa, cũng Nhà xuất bản trên đã xuất bản tập truyện ma *Chuyến xe bão táp* gồm chủ yếu là tác phẩm của Nguyễn Ngọc Ngạn ở hải ngoại, lấy từ bộ đĩa do tác giả này tự đọc tác phẩm đang trôi nổi trên thị trường băng đĩa lậu. Nói về tình trạng vi phạm Luật xuất bản, vi phạm quyền

tác giả, in ấn nháp nhằng còn phải kể đến một sự kiện được chú ý và bị phản ứng mạnh mẽ vào cuối năm 2003 là trường hợp Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin đã dịch và in lậu tập 5 của *Harry Pốt-tơ* là cuốn sách đã được Nhà xuất bản Trẻ ký hợp đồng toàn quyền phát hành ở Việt Nam - điều những ai quan tâm tới cuốn sách đã biết rõ từ năm 2000.

Tác phẩm đến được với công chúng hay không, trước hết phụ thuộc vào hoạt động xuất bản, vào ý thức công dân, vào ý thức xã hội của người làm xuất bản. Tình trạng thả nổi và thiếu trách nhiệm, tình trạng để cho các "đầu nậu" thao túng lĩnh vực xuất bản đã đến lúc cần phải được đánh giá nghiêm túc để quản lý, xử lý theo pháp luật. Chúng ta xây dựng một xã hội mới, xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, điều đó cũng đồng nghĩa với thái độ mang tính nguyên tắc của chúng ta là không chấp nhận những sản phẩm làm tha hóa con người, đẩy tới nguy cơ của một "xã hội tiêu thụ", chạy theo đồng tiền mà xem nhẹ ý nghĩa cao quý của con người, của lý tưởng xã hội.

7 - Phác họa toàn cảnh đời sống văn học trong một năm đòi hỏi cần khảo sát công phu, quan sát trên một bình diện rộng, nhưng từ một góc nhìn cá nhân vẫn có thể đưa ra những chấm phá cơ bản. Văn học năm 2004 sẽ phát triển ra sao, quả khó đưa ra một dự báo. Gạn lọc từ sự bẽ bộn của sinh hoạt văn học một năm, chúng ta vẫn có thể phát hiện ra những tác phẩm, trong những thể loại khác nhau, đã đem lại ý nghĩa tư tưởng - thẩm mỹ nhất định cho xã hội và con người. Đó phải chăng lại không phải là những bước đi chậm nhưng chắc chắn hướng về tương lai? Đổi mới văn chương là một quá trình lâu dài và chỉ thật sự có hiệu quả nếu các nhà văn có bản lĩnh, có nhiệt huyết đem tài năng của mình dấn thân vào quá trình đó. □



ĐỒNG NAI vững bước cùng cả nước

LÊ HOÀNG QUÂN*

Phóng viên: Nhân dịp Năm Mới, xin đồng chí Bí thư vui lòng cho biết khái quát về sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh nhà trong năm "bản lề" 2003?

Đồng chí Lê Hoàng Quân: Năm 2003 được xác định là năm "bản lề" của kế hoạch 5 năm (2001 - 2005). Với sự phấn đấu nỗ lực của các ngành, các cấp và nhân dân trong tỉnh, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo khắc phục kịp thời các khó khăn vướng mắc và đã đạt được kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực. Nền kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng nhanh, tốc độ phát triển cao hơn so với các năm trước; tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 13,17% (năm 2001 tăng 11,1%, năm 2002 tăng 12,2%). Các thành phần kinh tế đều đạt mức tăng trưởng khá, kinh tế quốc doanh tăng 10,7%, ngoài quốc doanh tăng 11,4%, đầu tư nước ngoài tăng 17,8%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng. Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 56,2%, dịch vụ chiếm 26,1%, nông lâm thủy sản chiếm 17,7%, đạt mục tiêu Nghị quyết Đảng bộ tỉnh (mục tiêu tương ứng là 56% - 26% - 18%). Thu nhập bình quân đầu người tăng 14,2% so với năm trước (năm 2002 là 12%). Đạt và vượt 17/19 mục tiêu phát triển kinh tế -

xã hội theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó có một số mục tiêu rất quan trọng như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, thu ngân sách, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động, tăng thu nhập bình quân đầu người.

Trong điều kiện năm 2003 có nhiều khó khăn, thử thách, những thành tựu đạt được của Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai là rất quan trọng, rất đúng nghĩa là năm "bản lề", tạo đà vững chắc cho sự phát triển của hai năm cuối trong kế hoạch 5 năm (2001 - 2005).

Phóng viên: Là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài, xin đồng chí cho biết cụ thể hơn về vấn đề này?

Đồng chí Lê Hoàng Quân: Trước hết, phải khẳng định, năm 2003 là năm mà các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển có tốc độ phát triển nhanh và đồng bộ.

Các ngành sản xuất nhìn chung đạt mức tăng trưởng khá nhanh, đạt và vượt mục tiêu

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra: Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 18,9%, dịch vụ tăng 12,1%, sản xuất nông - lâm tăng 5,67%. Đặc biệt, trong sản xuất công nghiệp, 23/23 ngành công nghiệp cấp II có mức tăng trưởng từ 7,8% đến 50,5%; trong đó, có 6 ngành tăng trên 30%; 3 ngành tăng từ 25,3% đến 30%, các ngành còn lại tăng từ 7,8% đến 18,1%; các khu vực và thành phần kinh tế đều thực hiện vượt kế hoạch và tăng cao so cùng năm 2002. Riêng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vượt 3,36% kế hoạch và tăng 21,9% so với năm 2002. Nhìn chung sản xuất công nghiệp đang dần hình thành một số ngành công nghiệp mũi nhọn: chế biến nông sản thực phẩm, khai thác vật liệu xây dựng, công nghiệp điện tử, công nghiệp phục vụ xuất khẩu và thay thế hàng nhập khẩu. Từng bước phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp nông thôn, tạo

mối liên kết công nông nghiệp, đúng định hướng. Cái được mà chúng tôi rất tâm đắc là, tích cực cải tiến thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nên thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển các khu công nghiệp trong năm có chuyển biến tích cực. Năm 2003 đã thu hút thêm 87 dự án mới với vốn đăng ký 290 triệu USD, tăng vốn đầu tư 450 triệu USD cho 53 dự án. Kết quả thu hút đầu tư nước ngoài đạt 740 triệu USD (kế hoạch là 450 triệu USD), có thêm 19 dự án đi vào sản xuất, kinh doanh, vượt 64% mục tiêu, tăng 52% so với năm 2002. Đến nay, toàn tỉnh có 501 giấy phép còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký là 6,33 tỉ USD. Hiện, có 273 dự án đang sản xuất, kinh doanh; 90 dự án đang xây dựng, tổng vốn thực hiện 3 tỉ USD chiếm 48,7% vốn đăng ký, đã giải quyết việc làm cho hơn 150 000 lao động. Ngoài 10 khu công nghiệp



Một góc khu Công nghiệp Nhơn Trạch Đồng Nai

Ảnh : TTX

đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, năm 2003 đã có 5 khu công nghiệp được Chính phủ phê duyệt bổ sung. Tổng số các khu công nghiệp của tỉnh hiện nay là 15 khu công nghiệp, với diện tích 4 758 ha. Tổng diện tích cho thuê tại 10 khu công nghiệp là 1 480 ha, chiếm 76,3% diện tích dành cho thuê, diện tích cho thuê mới trong năm 2003 là 320 ha, gấp 2,4 lần so với cùng với năm 2002. Đầu tư nước ngoài có bước phát triển mới, có chuyển biến về ứng dụng và tranh thủ công nghệ mới, về kiến thức xúc tiến thương mại và đầu tư.

Phóng viên: *Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cũng là thế mạnh của Đồng Nai. Vấn đề đó được thực hiện như thế nào, thưa đồng chí?*

Đồng chí Lê Hoàng Quân: Đồng thời với sản xuất, nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được huy động khá hiệu quả. Hoạt động đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đầu tư chiều sâu tăng năng lực sản xuất ở các doanh nghiệp tăng mạnh. Quy mô đầu tư xây dựng cơ bản toàn địa bàn tăng 28,4% so với năm 2002, vượt 6,5% mục tiêu. Đặc biệt, nguồn lực trong nước được huy động đạt kết quả khá. Nguồn vốn trong nước tăng 26,3%, chiếm tỷ trọng 46,5% và hầu hết đều thực hiện vượt kế hoạch và tăng khá so cùng kỳ (tăng từ 20% đến 48%). Đáng chú ý là, vốn tín dụng thương mại, vốn các doanh nghiệp, vốn khu vực dân cư đầu tư thực hiện đạt 146,8% và tăng 30,3% so với năm 2002. Ngoài ra, do cải cách thủ tục hành chính, việc thực hiện Luật Doanh nghiệp nên thu hút vốn đầu tư trong nước có bước phát triển mới. Năm 2003, toàn tỉnh có thêm 460 doanh nghiệp ngoài quốc doanh được thành lập, với tổng vốn đăng ký 1 100 tỉ đồng, tăng 9,5% về số doanh nghiệp, 6,9% về vốn đăng ký và vượt 57% mục tiêu (mục tiêu là 600 - 700 tỉ đồng). Tính đến nay, toàn tỉnh có 2 516 doanh nghiệp, với

tổng vốn đăng ký 4 068 tỉ đồng, tăng 34% so với năm 2002.

Cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp - xây dựng, nông nghiệp, ngành dịch vụ cũng tăng trưởng khá. Giá trị toàn ngành tăng 12,1% - đạt mục tiêu Nghị quyết (mục tiêu là từ 12 đến 12,5%). Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn tăng 27,5% so với năm 2002, trong đó riêng xuất khẩu tăng 22%, vượt mục tiêu (mục tiêu là từ 15 đến 15,5%); hiện hàng hóa của các doanh nghiệp địa phương được xuất khẩu sang 60 nước trên thế giới, đặc biệt kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ tăng cao (66,8%). Giá trị xuất khẩu ngành hàng điện tử, máy tính chiếm tỷ trọng lớn sau một thời gian giảm sút. Năm 2003, do cấu trúc lại sản phẩm, mở rộng thị trường và tăng số hợp đồng với nhiều nước nên kim ngạch xuất khẩu tăng 18,1%.

Thu ngân sách vượt 23% kế hoạch do Trung ương giao. Do chủ động triển khai các biện pháp thu ngay từ đầu năm nên đã có 13/16 lĩnh vực thu nội địa đạt và vượt dự toán, trong đó một số lĩnh vực vượt cao như: thu xí nghiệp quốc doanh trung ương vượt 34%, thu xí nghiệp quốc doanh địa phương vượt 26%, thu xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vượt 25%, thu thuế công nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh vượt 36%, đã đẩy mạnh công tác thu nợ đọng, tăng cường công tác chống thất thu thuế khu vực ngoài quốc doanh. Đặc biệt, các huyện, thành phố, thị xã đều đạt và vượt kế hoạch Nhà nước giao.

Phóng viên: *Kết thúc một năm cũng là dịp để Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai có dịp "tự soát xét" lại mình, nhất là tìm giải pháp, khắc phục, sửa chữa những hạn chế, khiếm khuyết để tiếp tục cuộc hành trình vào Năm Mới. Theo đồng chí Bí thư những khiếm khuyết, hạn chế cần khắc phục đó là gì?*

Đồng chí Lê Hoàng Quân: Nhìn chung, kết quả đạt được trong năm 2003 trên tất cả

các lĩnh vực là khá toàn diện, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế. Tuy nhiên, trên từng mặt hoạt động cụ thể, từng lĩnh vực vẫn còn một số hạn chế. Đó là, sản xuất công nghiệp thực hiện vượt mục tiêu Nghị quyết, song công nghiệp địa phương vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp thua lỗ kéo dài, việc vay vốn để đầu tư chiều sâu cải tiến công nghệ ở một số doanh nghiệp còn chậm, bước chuẩn bị cho quá trình hội nhập còn hạn chế. Trong sản xuất nông nghiệp, chưa có giải pháp để hình thành thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thuận lợi và ổn định giá cả nông sản hàng hóa, việc triển khai hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, nhìn chung thực hiện còn chậm và lúng túng. Đặc biệt, giá cả các loại nông sản chủ lực của địa phương có tăng song chậm được cải thiện, đã ảnh hưởng không nhỏ đến lĩnh vực trồng trọt. Việc giải quyết ghi nợ nghĩa vụ tài chính, việc cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" chưa đạt yêu cầu. Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, vẫn còn tình trạng chất lượng công trình kém, còn thất thoát đáng kể, việc giám sát, kiểm tra chưa đến nơi đến chốn. Về thương mại nội địa, tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tuy vượt mục tiêu nhưng lĩnh vực dịch vụ du lịch phát triển chậm, các loại hình dịch vụ phục vụ các khu công nghiệp, các khu dân cư, dịch vụ phục vụ đi lại công cộng (công nhân, học sinh...) chưa đáp ứng yêu cầu. Dịch vụ nhà ở phục vụ công nhân chưa có những chuyển biến tích cực, thực hiện còn thấp so với yêu cầu, hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực thương mại dịch vụ nhìn chung chưa tương xứng, công tác xúc tiến thương mại chưa đạt được như mong muốn.

Thu ngân sách chưa triệt để, việc triển khai thực hiện Pháp lệnh Lao động công ích chưa đạt, vẫn còn những đơn vị chưa chấp hành nghiêm chế độ tài chính hiện hành, chưa thực

hiện tốt tiết kiệm. Công tác cải cách hành chính chưa theo kịp yêu cầu; ở một số đơn vị, kỷ luật hành chính chưa nghiêm, thực hiện chế độ báo cáo không kịp thời...

Phóng viên: *Một Năm Mới đã bắt đầu. Trước những mục tiêu chủ yếu của năm 2004, Đồng Nai tiếp tục làm gì và làm như thế nào để đạt được những mục tiêu đó?*

Đồng chí Lê Hoàng Quân: Những mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế trong năm 2004 của Đồng Nai là, tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP tăng 13 - 13,5%; cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp với tỷ lệ tương ứng chiếm trong GDP là : 57% - 27% - 16%; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 17 - 18%; giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng 3 - 4%; giá trị tăng thêm dịch vụ là 12% - 13%; kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng 24 - 25%; thu ngân sách trên địa bàn tăng 20%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội là 10 000 tỉ đồng, chiếm 40% GDP.

Để đạt được những mục tiêu trên, những giải pháp chủ yếu mà chúng tôi phải thực thi là:

1 - Tiếp tục triển khai và quán triệt sâu rộng Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 43-CT/TU của Tỉnh ủy về hội nhập kinh tế quốc tế. Các ngành, các doanh nghiệp tập trung xây dựng chiến lược phát triển ngành và phát triển sản phẩm. Trên cơ sở đó, có giải pháp đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ tương ứng nhằm hạ chi phí sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc biệt quan tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế nhằm phát triển bền vững.

2 - Tăng cường và mở rộng hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, tích cực tìm kiếm và mở rộng thị trường mới, trong đó chú trọng thị trường châu Âu, các nước thuộc EU, thị trường Bắc Mỹ mà trọng tâm là Hoa Kỳ.

Phối hợp với Bộ Thương mại nghiên cứu xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm trên địa bàn tỉnh với quy mô hợp lý. Hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước triển khai thực hiện quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn tiên tiến (ISO 9000, ISO 14 000...).

3 - Tập trung chỉ đạo việc rà soát và hoàn thiện quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thành phố trực thuộc, quy hoạch phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới dịch vụ, học tập, giải trí cho công nhân, người lao động gắn với phát triển các khu công nghiệp. Trên cơ sở quy hoạch một số ngành hàng quan trọng, lập chương trình phát triển và danh mục sản phẩm dự án để ưu tiên đầu tư hợp lý. Trong quy hoạch, chú ý gắn kết với quy hoạch của vùng kinh tế động lực phía Nam với đẩy mạnh liên kết với các tỉnh trong vùng nhằm để phát huy tốt lợi thế so sánh của tỉnh và của cả vùng.

4 - Tập trung huy động vốn đầu tư từ nhiều nguồn, nhất là nguồn thu từ quỹ đất; nghiên cứu thí điểm việc phát hành trái phiếu công trình; mở rộng việc áp dụng các hình thức đầu tư: BOT, BT; đồng thời, có chế độ kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Mở rộng và đa dạng hóa hơn nữa những hình thức huy động các nguồn vốn khác một cách phù hợp (nhất là nguồn vốn trong dân) thông qua các chương trình tiết kiệm, chương trình xã hội hóa giao thông, giáo dục, y tế, thể thao và có biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả. Thực hiện công khai thật rộng rãi chính sách ưu đãi đầu tư của Chính phủ, của tỉnh; tập trung tháo gỡ nhanh những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư của các doanh nghiệp và đẩy nhanh tiến độ cải cách thủ tục hành chính (theo cơ chế "một đầu mối, một cửa") nhằm khuyến khích doanh nghiệp và nhân dân tăng cường đầu tư vào sản xuất. Tiếp tục thu hút

mạnh mẽ vốn đầu tư nước ngoài, chú trọng thu vốn từ các dịch vụ thu ngoại tệ, các nguồn đầu tư gián tiếp như cổ phiếu, trái phiếu... Tiếp tục tạo những điều kiện thuận lợi, phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

5 - Hướng đầu tư tập trung ưu tiên bố trí đầu tư cho các công trình trọng điểm như đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng - kỹ thuật phục vụ yêu cầu phát triển đô thị trên địa bàn, đầu tư phát triển các khu công nghiệp, nhất là khu công nghiệp kỹ thuật cao, các cụm công nghiệp địa phương. Đầu tư xây dựng nhà ở gắn với các khu công nghiệp, các khu tái định cư phục vụ công tác giải tỏa. Đầu tư hệ thống thoát nước, hệ thống thủy lợi (hồ Cầu Mới, các công trình chống lũ), tập trung triển khai xây dựng các tuyến đường cao tốc Nhơn Trạch - Long Thành - Dầu Giây; Dầu Giây - Lâm Đồng; Biên Hòa - Vũng Tàu, một số cầu và tuyến tránh quan trọng trên quốc lộ I, hệ thống giao thông nông thôn và nghiên cứu các loại giống mới về cây trồng, con vật nuôi phù hợp. Phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ, các dự án đổi mới công nghệ phục vụ phát triển xã hội tốt.

6 - Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế xã hội năm 2004, Đảng bộ Đồng Nai xác định phải tiếp tục tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Đặc biệt là, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần phục vụ của cán bộ, đảng viên, công chức các ngành, các cấp, các đơn vị; giảm thiểu và đẩy lùi các tệ nạn những nhiễu, cửa quyền, gây khó khăn, cản trở cho sự phát triển.

Phóng viên: *Xin trân trọng cảm ơn đồng chí Bí thư!* □

NHU HÙNG
(Thực hiện)

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở QUẢNG NAM

VŨ NGỌC HOÀNG*

I - Lợi thế so sánh của Quảng Nam

Lâu nay, mỗi khi nghiên cứu về phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Nam, người ta thường nhắc đến tiềm năng về "lao động, đất đai" và coi đó là hai yếu tố vô cùng quan trọng không thể không nhắc



Cổng Quảng Nam Ảnh : TL

đến. Nhận định đó gắn với tư duy về phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên, điều đó có mặt hợp lý và đồng thời có mặt không hợp lý. Nguồn lao động dồi dào về số lượng, cần cù, chịu khó, có thể đáp ứng cho các nhu cầu về lao động giản đơn. Nhưng nguồn lao động ấy chưa được đào tạo nghề, có kỹ thuật (ở Quảng Nam, lao

động được đào tạo nghề chỉ chiếm 14%). Vì vậy, nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa rõ ràng còn rất hạn chế. Mặt khác, nếu dành cho nông nghiệp (mà chủ yếu là nông nghiệp sản xuất lương thực như lâu nay) thì đất đai ở Quảng Nam không là lợi thế. Diện tích đất bình quân trên một lao động rất nhỏ, độ màu mỡ nói chung là thấp (chỉ trừ một số ít ở ven sông Thu Bồn, Vu Gia), lại manh mún, địa hình dốc nhiều, hay bị nắng hạn và bão lũ. Đổi mới tư duy về nhìn lợi thế so sánh ở Quảng Nam, rõ ràng, phải tiếp cận từ hướng khác.

Quảng Nam ở vị trí hết sức quan trọng: Nằm giữa trọng điểm kinh tế miền Trung - trung độ của đất nước và của khu vực; có sân bay và cảng biển quy hoạch ở tầm quốc tế ở hai đầu; nằm trong hành lang hàng hải quốc tế, dưới đường bay quốc tế; có đường sắt và đường bộ xuyên Việt đi qua, gần các đầu mối giao thông liên vùng - các trục xuyên Á trong hành lang Đông - Tây nối với Biển Đông, Tây Nguyên và Lào... Với vị trí địa lý như vậy, Quảng Nam có ưu thế phát triển kinh tế mở, tăng cường giao lưu với bên ngoài, phát triển khu chế xuất, mở rộng ngoại thương và trung chuyển du lịch...

Đặc biệt, Quảng Nam rất có lợi thế phát triển du lịch quốc tế và trong nước. Là nơi có hai Di sản văn hóa thế giới, lại gần với Huế - Di sản văn hóa thế giới, Quảng Nam có 21 công trình

* Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam

văn hóa cổ, 125 km bờ biển mà nơi nào cũng có thể làm bãi tắm đẹp, 15 đảo biển gần bờ, 10 hồ nước với trên 6 000 héc-ta mặt nước, 10 ngàn héc-ta rừng ở giữa hồ và trên 50 đảo núi giữa các hồ (chưa kể 10 hồ thủy điện sắp làm). Rừng nguyên sinh ở phía Tây rất lớn (hàng trăm ngàn héc-ta) lại mang đặc điểm riêng có và đa dạng của vùng khí hậu giao thoa Nam - Bắc Hải Vân và Đông - Tây Trường Sơn, nhiều thắng cảnh nổi tiếng với 61 điểm có thể quy hoạch thành điểm du lịch. Nằm cạnh khu lọc dầu Dung Quất, Quảng Nam có điều kiện phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ, nhất là phát triển hàng hải quốc tế, khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng và sản xuất điện năng với công suất lớn.

Với những đặc điểm trên, có thể khái quát lợi thế so sánh của Quảng Nam là:

1 - Không có lợi thế để phát triển nền kinh tế nông nghiệp sản xuất lương thực là chủ yếu như từ trước đến nay.

2 - Rất có lợi thế để phát triển thành trung tâm du lịch quốc tế và trong nước.

3 - Có nhiều lợi thế để phát triển các ngành công nghiệp.

II - Quảng Nam: Nguyên nhân của sự nghèo khó? Sự lựa chọn công nghiệp và dịch vụ

Quảng Nam là vùng đất anh hùng. Cũng là vùng đất sản sinh nhiều nhân tài, anh hùng, hào kiệt. Nhân dân Quảng Nam cần cù, chịu khó, rất dũng cảm, hiếu học và học giỏi. Vậy mà, cho đến nay vẫn là vùng nghèo khó đã suốt 600 năm. Nhưng cái nghèo chắc chắn không phải là định mệnh vì nhân dân Quảng Nam hoàn toàn có khả năng vượt qua nghèo khó, phát triển quê hương giàu mạnh.

Từ trước đến nay, trong cơ cấu kinh tế của Quảng Nam nông nghiệp vẫn là chủ yếu; và trong nông nghiệp, hướng phát triển chủ yếu lại là tự túc lương thực. Cơ cấu ấy có hoàn cảnh lịch sử cụ thể và đã giúp Quảng Nam tồn tại, đứng vững qua các thời kỳ và chiến thắng các kẻ thù xâm lược. Tuy nhiên, nếu ngày nay vẫn duy trì hướng đó thì không thể hết nghèo và tụt hậu mãi. Một số công trình nghiên cứu cho thấy, sản xuất

lương thực ở Quảng Nam luôn bị lỗ vốn, mỗi ngày công chỉ đáng giá 8 000 đồng (quá thấp) mà đã phải chịu lỗ vốn (-5%). Bỏ ra 100 đồng để rồi cuối vụ thu lại 95 đồng. Có người nói một cách chua chát: Nếu nằm ngủ, không làm, thì khỏi mất 5 đồng. Điều đó cho thấy, hiệu quả kém nên ngày công thấp, nhưng vẫn hơn không có thu nhập vì chưa có công việc nào tốt hơn. Với thực trạng nền kinh tế như vậy thì tái sản xuất giản đơn đã khó, làm sao có thể nói tới tái sản xuất mở rộng? Do đó, mãi vẫn nghèo. Và cứ qua vài năm làm việc vất vả, nhìn lại, thấy mình lại tụt hậu xa thêm một đoạn nữa (vì tốc độ phát triển kém hơn nhiều nơi khác).

Việc Tỉnh ủy Quảng Nam quyết tâm chuyển Quảng Nam thành tỉnh công nghiệp có cơ cấu kinh tế chủ yếu là ngành công nghiệp và dịch vụ là rất đúng đắn. Nông nghiệp vẫn còn lâu dài, mãi mãi và vẫn rất quan trọng, nhưng nó chỉ là sự phòng thủ, góp phần giữ ổn định, là để chống đỡ với đói chứ không thể xóa được cái nghèo và khắc phục sự tụt hậu. Chống đói nhưng vẫn nghèo chẳng qua là chạy ăn từng bữa, không giải quyết được căn bản. Con đường để hết nghèo trở thành giàu có, để khắc phục tụt hậu và vươn lên tiên tiến phải là công nghiệp và dịch vụ. Từ xưa các bậc cha anh đã cho rằng "phi công bất phú, phi thương bất hoạt", có người thì "phi thương bất phú". Sự tổng kết ấy rất đúng khi đem đối chiếu với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của Quảng Nam.

Có ý kiến cho rằng, công nghiệp quan trọng hơn dịch vụ, nên cần ưu tiên hơn; ngược lại, ý kiến khác lại nhấn mạnh dịch vụ. Tôi nghĩ, cần thấy mối quan hệ hữu cơ giữa hai lĩnh vực này. Những năm trước mắt, nên đẩy mạnh song song công nghiệp và dịch vụ, hai lĩnh vực này sẽ tác động qua lại, hỗ trợ thúc đẩy lẫn nhau. Sau một thời gian, khi công nghiệp và dịch vụ đã phát triển đến một mức nhất định, thì tập trung đẩy mạnh hơn đối với lĩnh vực dịch vụ, đưa khối dịch vụ lên hàng đầu. Vì sao lựa chọn như vậy? So với công nghiệp thì dịch vụ giải quyết vấn đề môi trường và thị trường thuận lợi hơn, quay vòng vốn nhanh hơn, thuận lợi hơn trong ứng dụng những tiến bộ của khoa học - kỹ thuật. điều

kiện lao động cũng đỡ phần nặng nhọc (về cơ bắp). Mặt khác, các ngành dịch vụ ít phá vỡ cảnh quan; ngược lại, một số ngành (nhất là du lịch) còn tạo thêm cảnh quan, làm cho quê hương đẹp hơn lên.

Như vậy, Quảng Nam sẽ có điều kiện phát triển thành một tỉnh công nghiệp, trong đó đứng hàng đầu là khối các ngành dịch vụ. Nói cách khác, là một tỉnh dịch vụ. Để vấn đề được tiếp tục sáng tỏ hơn, xin đề nghị các nhà nghiên cứu và bạn đọc cùng tham gia ý kiến về chủ đề trên.

III - Một vài suy nghĩ về hướng chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở Quảng Nam

Mặc dù ngành nông nghiệp ở Quảng Nam trong tương lai sẽ không còn giữ vị trí chủ yếu nữa, tỷ trọng trong GDP sẽ giảm dần. Tuy nhiên, vẫn là một ngành quan trọng, nó còn tồn tại lâu dài, mãi mãi, góp phần giữ ổn định và cải thiện dần dần đời sống của một bộ phận lớn nhân dân.

Hiện tại sản xuất nông nghiệp ở Quảng Nam hiệu quả thấp, giá trị sản phẩm nông nghiệp trên mỗi héc-ta chưa được 20 triệu đồng (trong khi cả nước nhiều nơi đã đạt 30 - 40 triệu đồng, đang phấn đấu 50 triệu đồng và các nước trong khu vực có những nơi đã đạt từ 20 000 đến 80 000 USD/ha, thậm chí còn hơn nữa). Ở Quảng Nam, nếu hạch toán đủ các loại chi phí thì lỗ vốn, không có tích lũy, không thể tái sản xuất mở rộng. Để cải thiện đời sống nhân dân làm nông nghiệp và ở khu vực nông thôn, cần có hướng đi và giải pháp đúng, quyết tâm cao và nỗ lực hành động để chuyển dịch một cách căn bản cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Chuyển theo hướng nào? Đó vẫn đang là câu hỏi lớn cần giải đáp.

Từ xưa tới nay, nông nghiệp Quảng Nam chủ yếu là sản xuất tự túc lương thực, đại bộ phận đất đai và lao động đã tập trung chủ yếu cho hướng phát triển này. Qua nhiều trăm năm, nông nghiệp vẫn nhỏ bé và nông dân Quảng Nam vẫn nghèo. Thực tiễn đã chứng minh rằng, cơ cấu sản xuất ấy không thể giải quyết cái nghèo được. Cần chuyển mạnh theo hướng một nền nông nghiệp thực phẩm và nguyên liệu. Vì những lẽ sau:

Thứ nhất, hướng mạnh vào việc sản xuất thực phẩm và trồng cây công nghiệp, nhất là cây đặc sản có hiệu quả kinh tế lớn. Chỉ có như vậy mới chuyển từ lỗ vốn sang bảo toàn được vốn và có lãi; theo đó, chuyển từ tình trạng khó khăn nặng về sản xuất giản đơn sang một nền sản xuất có điều kiện tái sản xuất mở rộng (chuyển từ $m < 0$ đến $m > 0$ theo công thức: $c + v + m$ của C. Mác, tức là tạo nguồn để bổ sung vốn cho tái sản xuất mở rộng).

Thứ hai, tận dụng diện tích tự nhiên để làm ra sản phẩm, nhất là sử dụng diện tích đồi gò và mặt nước (hiện nay diện tích đồi gò còn bỏ trống nhiều hơn 2 lần so với diện tích canh tác của cả tỉnh và diện tích mặt nước cũng rất lớn, sắp tới còn thêm hàng chục hồ nước nữa).

Thứ ba, phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả nhằm xây dựng thâm thực vật tốt hơn để góp phần tạo và giữ môi trường sinh thái, giảm bớt lũ cho đồng bằng, coi trọng phát triển các loại cây lâu niên, dài ngày, các loại cây sau khi thu hoạch không làm mất đi tán lá - thâm thực vật.

Trong quan hệ giữa trồng trọt và chăn nuôi: Phải lấy chăn nuôi làm ngành chính, chuyển chăn nuôi từ chủ yếu phục vụ cho trồng trọt (cung cấp sức kéo, phân bón và tận dụng nhân công thừa, tận dụng sản phẩm phụ của trồng trọt) sang trồng trọt phục vụ cho chăn nuôi. Nhất là chuyển ruộng trồng lúa có năng suất kém sang trồng cỏ giống mới để phục vụ chăn nuôi bò chất lượng cao... Thực tế ở Quảng Nam và các tỉnh miền Trung cho thấy, giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích trồng bông, trồng quế, trồng cỏ nuôi bò cao gấp 2 - 3 lần so với trồng lúa; thu nhập trong vườn (trồng các loại cây thực phẩm và công nghiệp) cao hơn 3 - 4 lần so với thu nhập ngoài đồng. Tại Quảng Nam, có nơi nuôi cá lã gấp mấy chục lần so với trồng lúa. Điển hình là ông Hiền nuôi cá ở Duy Trinh thu được giá trị hơn 1 tỉ đồng trên 1 ha. Người xưa đã tổng kết: "*thứ nhất canh trì, thứ nhì canh viên, thứ ba canh điền*". Qua câu ấy có thể hiểu rằng, chăn nuôi hiệu quả nhất, trong vườn hiệu quả hơn ngoài đồng (trong vườn phần lớn là cây thực phẩm và có cả chăn nuôi; còn ngoài đồng thì lâu nay chủ yếu là cây lương thực). □

THAM gia xây dựng cơ sở chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh ở miền núi, vùng sâu, vùng xa biên giới, hải đảo góp phần từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số, giữ vững ổn định ở biên giới và

vùng biển là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, lâu dài của Bộ đội Biên phòng. Vì vậy, trong nhiều năm qua, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã chỉ đạo Bộ đội Biên phòng các tỉnh - thành phố, đơn vị trực thuộc tích cực tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện nhiều dự án kinh tế - xã hội đạt hiệu quả thiết thực về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh. Năm năm gần đây, công tác này đạt kết quả hết sức to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng.

Hướng các dự án do Bộ đội Biên phòng thực hiện tập trung góp phần xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, điều chỉnh, bố trí lại dân cư ở khu vực biên giới (chủ yếu ở các thôn, bản giáp biên), khắc phục du canh, du cư, ngăn chặn xâm canh, xâm cư, tham gia chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ dân sinh và củng cố quốc phòng - an ninh, tham gia chương trình thông tin, văn hóa, giáo dục, y tế... Đầu tư nâng cấp trang bị, phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật (Xưởng in, Đoàn Nghệ thuật Bộ đội Biên phòng, Báo Biên phòng và Trường Dạy nghề, Trung tâm Dịch vụ việc làm) góp phần phục vụ đời sống văn hóa tinh

Bộ đội Biên phòng tham gia phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới và hải đảo

ĐẶNG VŨ LIÊM *

thần và tạo việc làm cho cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng và đồng bào các dân tộc ở biên giới.

Trong 5 năm qua, lực lượng Bộ đội Biên phòng đã trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện 124 dự án kinh tế - xã hội ở 35 tỉnh - thành phố và đơn vị trực thuộc, với tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 748 544 triệu đồng (có 100 dự án chuyển tiếp và 24 dự án mới).

Trong tổng số 124 dự án do Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phê duyệt đầu tư, được bố trí đến hết năm 2003 là 401 711 triệu đồng, đã ổn định, định canh định cư bền vững cho 3 700 hộ với hàng vạn người, chấm dứt việc du canh, du cư, phát rừng làm rẫy, không trồng cây thuốc phiện ở địa bàn các xã thực hiện dự án. Đây là một cố gắng rất lớn của Bộ đội Biên phòng và các cấp, các ngành có liên quan trong việc thay đổi tập quán sản xuất của đồng bào. Các chiến sỹ biên phòng phải gần gũi, đi sâu sát giúp đỡ đồng bào một cách kỳ công và thiết

* Thiếu tướng, TS. Phó Tư lệnh Chính trị Bộ đội Biên phòng

thực. Bộ đội Biên phòng đã cùng với các địa phương tổ chức, điều chỉnh bố trí lại hàng trăm hộ dân cư, di dân ra vành đai biên giới, tới các trục lộ giao thông biên giới và giãn dân từ các khu dân cư đông đúc, thiếu ruộng nương lập ra các thôn, bản, khu dân cư mới có đủ ruộng nương sản xuất để bà con các dân tộc thiểu số có cuộc sống ngày càng ổn định; tổ chức khai hoang cải tạo 786 ha ruộng nước đưa canh tác từ 1 vụ lên 2 vụ, đặc biệt có nơi sản xuất được 3 vụ; xây dựng nương rẫy bậc thang, nương ngô, xếp đá, cải tạo vườn rừng được 450 ha; hỗ trợ vật tư nông nghiệp, công cụ sản xuất cho 393 hộ, cung cấp hàng trăm con trâu, bò, đào tạo khuyến nông, khuyến lâm cho 27 người. Ngoài việc cung cấp vật tư, công cụ sản xuất, Bộ đội Biên phòng còn hướng dẫn khoa học - kỹ thuật, phương pháp

canh tác để bà con tự sản xuất đủ lương thực, thực phẩm theo giống mới. Bước đầu có nơi đã tạo ra được sản phẩm hàng hóa, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ trên các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, thủy điện, nước sạch, điện thấp sáng. Những việc này cũng đòi hỏi cán bộ, chiến sỹ Biên phòng phải tốn rất nhiều công sức.

Trong 5 năm qua (1998 - 2003), được Nhà nước, Bộ Quốc phòng và các địa phương quan tâm đầu tư, Bộ đội Biên phòng đã xây dựng xong 8 công trình đường điện, đảm bảo cho khoảng 80 000 người dân và bộ đội được dùng điện trong sinh hoạt và phát triển sản xuất; hoàn tất 6 công trình thủy lợi, thủy điện đảm bảo tưới tiêu cho khoảng 950 ha diện tích trồng lúa và cây ăn quả. Với 30 dự án cấp nước sạch cho các đồn biên phòng kết hợp



Bộ đội biên phòng giúp dân khắc phục hậu quả thiên tai

Ảnh: TL

cụm dân cư, Bộ đội Biên phòng đã đảm bảo cho khoảng 72 500 người được hưởng nguồn nước sạch, giảm được đáng kể bệnh đường ruột, bệnh ngoài da và một số bệnh hiểm nghèo khác, góp phần nâng cao sức khỏe cho bộ đội và đồng bào các dân tộc thiểu số. Bộ đội Biên phòng đã xây dựng được 13 dự án trại sản xuất, hằng năm sản xuất từ 8 đến 10 tấn thịt bò, dê, đảm bảo nguồn thực phẩm tươi sống tại chỗ để cải thiện đời sống cho cán bộ, chiến sỹ các đồn biên phòng và cung cấp một phần con giống hỗ trợ đồng bào các dân tộc vùng cao, vùng sâu biên giới phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Với 20 dự án đường giao thông, Bộ đội Biên phòng đã xây dựng được 365,5 km đường giao thông miền núi, một mặt phục vụ tốt việc cơ động trong khi làm nhiệm vụ và mặt khác, giúp đồng bào các dân tộc đi lại được thuận lợi, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội. Trong 5 dự án trồng rừng và định canh định cư, các đơn vị đã tổ chức trồng mới 5 143 ha rừng, chăm sóc 3 842 ha rừng, khoanh nuôi bảo vệ 100 162 ha rừng, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho đồng bào, đồng thời góp phần cải thiện và bảo vệ môi trường sinh thái. Các dự án đầu tư chiều sâu cho Trung tâm Dịch vụ việc làm, Báo Biên phòng, Xưởng in, Đoàn Nghệ thuật Bộ đội Biên phòng đã góp phần quan trọng vào việc nâng cấp, bổ sung trang thiết bị, phương tiện, máy móc và cơ sở vật chất cho các đơn vị nói trên nâng cao chất lượng công tác và hiệu quả phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số ở các tuyến biên giới. Do đó, các công trình, dự án được xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng đạt mục tiêu, ý nghĩa chính trị đề ra.

Trong những năm qua, Bộ đội Biên phòng đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao đời sống văn hóa tinh thần ở vùng cao biên giới,

hải đảo, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học cho hàng vạn người, xây dựng hàng trăm điểm văn hóa xã, bản; khám chữa bệnh cho hàng vạn đồng bào; ủng hộ hàng nghìn ngày công giúp nhân dân địa phương làm đường, trạm y tế, xây dựng công trình điện và trường học; ủng hộ bà con các địa phương hàng tỉ đồng để xóa đói giảm nghèo, và sinh hoạt văn hóa lành mạnh. Đã cử hàng trăm cán bộ, chiến sỹ bám thường xuyên địa bàn, thực hiện "bốn cùng", giúp địa phương xây dựng, củng cố xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

Có thể nói khái quát, sau 5 năm tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới, Bộ đội Biên phòng góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc và cán bộ chiến sỹ Bộ đội Biên phòng, qua đó củng cố được lòng tin vững chắc của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; củng cố quan hệ gắn bó giữa Bộ đội Biên phòng với nhân dân các dân tộc, góp phần xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt; củng cố thế trận biên phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên phòng, đẩy lùi các phong tục, tập quán lạc hậu, các tệ nạn xã hội.

Góp phần xây dựng một hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân các dân tộc thiểu số vùng biên giới, hải đảo, đáp ứng yêu cầu công tác và sẵn sàng chiến đấu của Bộ đội Biên phòng. Đặc biệt, các dự án về đường giao thông biên giới đã tạo điều kiện đi lại, lưu thông hàng hóa, sản phẩm giữa các vùng, miền, góp phần phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí cho nhân dân khu vực biên giới.

Tham gia tổ chức định canh, định cư, điều chỉnh bố trí lại dân cư ra một số thôn bản giáp biên giới, góp phần thực hiện chủ trương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội kết hợp quốc phòng - an ninh trên các tuyến biên giới;

đồng thời, bước đầu giải quyết cơ bản việc chặt phá rừng làm nương rẫy trong vùng dự án; tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ hàng trăm ngàn héc-ta rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và rừng đặc dụng, góp phần hạn chế thiên tai, cải thiện, bảo vệ môi trường sinh thái.

Qua 5 năm trực tiếp tham gia quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các dự án kinh tế - xã hội ở vùng biên giới và bờ biển, hải đảo, bước đầu có thể rút ra một số bài học đáng chú ý:

1- Cấp ủy, chỉ huy các đơn vị xác định đúng đắn phương hướng, mục tiêu, nội dung và biện pháp cụ thể tham gia thực hiện các dự án kinh tế - xã hội, chấp hành nghiêm quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; dân chủ, công khai trong tổ chức thực hiện, trong quản lý chi tiêu và thanh quyết toán tài chính.

2- Quan hệ hiệp đồng chặt chẽ với cơ quan nghiệp vụ cấp trên để luôn có sự chỉ đạo, hướng dẫn đúng đắn; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương tuyên truyền, vận động, tổ chức nhân dân tham gia thực hiện và giám sát.

3- Lựa chọn cán bộ có năng lực, nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm cao, đặc biệt là cán bộ có kinh nghiệm và thông hiểu phong tục, tập quán của đồng bào từng dân tộc, từng vùng để tham gia quản lý và tổ chức thực hiện các dự án kinh tế - xã hội; chú trọng tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ và nhân viên để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý.

4- Làm tốt công tác khảo sát, điều tra kỹ mọi mặt khi lập dự án; đặc biệt, nắm vững thực tế địa bàn các xã biên giới, nắm chắc

tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của đồng bào từng dân tộc, từ đó đề ra nhiệm vụ cụ thể và thích hợp cho từng dự án từng địa phương.

5- Chấp hành nghiêm chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất, chú trọng công tác sơ kết, tổng kết hằng năm để đánh giá toàn diện, chính xác kết quả, hiệu quả thực hiện dự án kinh tế - xã hội, tìm nguyên nhân và giải pháp khắc phục một cách hiệu quả những khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện.

6- Xây dựng cơ chế thích hợp nhằm động viên cán bộ, chiến sỹ biên phòng phát huy tính năng động, sáng tạo, có quyết tâm cao, nhiệt tình tốt hoàn thành nhiệm vụ dù khi cuộc sống của họ còn rất khó khăn, gian khổ ở nơi biên giới bờ biển và hải đảo xa xôi...

Tham gia thực hiện các chương trình, dự án kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới, hải đảo là việc làm có ý nghĩa to lớn nhiều mặt, là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên và lâu dài của Bộ đội Biên phòng. Do đó, yêu cầu các cấp ủy và chỉ huy các đơn vị phải giáo dục, làm cho mọi cán bộ, chiến sỹ nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia và chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế Quản lý đầu tư và Xây dựng của Nhà nước, giữ nghiêm nguyên tắc, thực hiện tốt các chính sách, chế độ, quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng trong việc thực hiện các dự án kinh tế - xã hội; phát huy bản chất, truyền thống tốt đẹp của Bộ đội Biên phòng. Phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những thiếu sót trong những năm qua, nhất định trong những năm tới, lực lượng Bộ đội Biên phòng sẽ tham gia thực hiện tích cực và có hiệu quả hơn nữa nhiều chương trình, dự án kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt, tạo cơ sở để Bộ đội Biên phòng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia. □

VƯỢT qua bao đèo cao, sông cả, trọn một ngày, chúng tôi đặt chân lên vùng đất Nà Hang (Nà Hang - theo tiếng Tày có nghĩa là, ruộng cuối), ngút ngàn màu xanh của cây rừng và bụi đỏ.

Dừng chân trên triền đê sông Gâm vừa mới định hình do cuộc lấp sông ngăn dòng cách đó mười hôm, chúng tôi gặp những người thợ điều khiển máy ủi, máy xúc gương mặt hồ hởi, áo quần xỉn mờ dầu bụi, đang khẩn trương bóc những lớp đất đá khổng lồ dọc những triền đồi hai bên bờ sông Gâm để kiến tạo vùng trung tâm của công trình thủy điện. Họ đều là những công nhân thuộc Công ty Sông Đà, tình nguyện lên Nà Hang xây dựng công trình thủy điện Tuyên Quang đã một năm nay. Họ đã viết lên vách đá khẩu hiệu trang trọng: "*Hạnh phúc là sự đúng hẹn*". Đúng hẹn, sau một năm khởi công, ngày 28-11-2003, công trường thủy điện Tuyên Quang đã hoàn thành tiến độ giai đoạn đầu: sông Gâm đã được ngăn dòng, vét nước để giải phóng mặt bằng thi công các hạng mục công trình đầu tiên.

Chúng tôi tìm và gặp những người dân sống ở hai bờ sông Gâm (thuộc các thôn Nà Pài - xã Vĩnh Yên, Mỏ đá số 4 - xã Năng Khả, tổ 2 - thị trấn Nà Hang vừa rời nhà về khu định cư mới ở các điểm: đầu cầu Nè, Cốc Tèo - xã Thanh Tương, tổ 5 - thị trấn huyện)

đã nhường lại đất đai, ruộng vườn mà họ đã gắn bó bao đời cho Nhà nước lấp sông xây đập. Bùn ngùi rời quê cũ, nhưng ai cũng hiểu và thấy được sự cần thiết, gia đình mình, bản thân mình hy sinh để đóng góp được nhiều cho tương lai của đất nước. Theo đúng tiến trình, thủy điện Tuyên Quang sẽ khởi động và

đưa tổ máy số một vào hoạt động trong năm 2006. Lúc đó, vùng "Ruộng cuối" - "Thác Mơ" hôm nay sẽ trở thành một vùng lòng hồ mênh mông. Một khu công nghiệp quan trọng vào bậc nhất của tỉnh Tuyên Quang sẽ ra đời. Dòng điện sông Gâm thấp sáng bao ước mơ và sẽ làm đổi đời bao thế hệ. Nhưng gì Đảng bộ, chính quyền nhân dân huyện Nà Hang đang làm hôm nay chính là bước chuẩn bị cho viễn cảnh diệu kỳ đó.

Nà Hang là huyện miền núi, cách trung tâm tỉnh lỵ Tuyên Quang gần 150 km, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm với sản xuất nông nghiệp là

chủ yếu. Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc Nà Hang tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức: trừ thị trấn Nà Hang, 21 xã còn lại của huyện là 21 xã đặc biệt khó khăn trong diện "135" của Chính phủ. Nà Hang không chỉ là huyện khó khăn nhất của tỉnh Tuyên Quang mà còn là một trong những huyện khó khăn nhất của cả nước. Trong những năm 80 của thế kỷ XX,



Nà Hang là vùng đất nghèo nàn, lạc hậu, khó khăn và vất vả. Cho đến năm 2001 tỷ lệ số hộ đói nghèo của Nà Hang vẫn còn hơn 30%, xếp vào hàng cao nhất tỉnh. Vùng Thác Mơ là một thắng cảnh thiên nhiên thơ mộng và hùng vĩ song nhiều người dân ở ngay thị xã Tuyên Quang cũng chưa từng đặt chân tới, bởi đường sá trắc trở, giao thông bất lợi.

Làm thế nào để khơi dậy lợi thế của vùng đất Nà Hang giàu tiềm năng và truyền thống cách mạng? Làm thế nào cho đồng bào nhanh chóng vượt lên đói nghèo, có cơ hội tạo dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc? Đó là những câu hỏi lớn đặt ra đối với tỉnh Tuyên Quang và huyện Nà Hang trong những năm qua.

Kế thừa truyền thống cách mạng kiên cường của vùng chiến khu xưa và tinh thần đại đoàn kết dân tộc bền chặt đậm đà qua bao năm tháng, toàn Đảng, toàn dân Nà Hang đã kiên trì phấn đấu, nỗ lực vươn lên không ngừng, quyết tâm thực hiện thành công những mục tiêu quan trọng về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo, tạo những tiền đề cần thiết cho quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Trong những bước đi ban đầu đầy gian nan thử thách ấy, Nà Hang đã *chọn phát triển giáo dục - đào tạo là mục tiêu hàng đầu. Lấy giáo dục làm điểm tựa, làm khâu đột phá quan trọng.*

Trong thời gian lưu lại Nà Hang, chúng tôi đã được chứng kiến một phong trào học tập sôi nổi của đồng bào ở khắp các thôn bản. Học tập đã trở thành một nét văn hóa mới trong cộng đồng các dân tộc địa phương. Nếu cách đây chưa lâu, ngành giáo dục và chính quyền địa phương đã phải bỏ ra nhiều công

sức để làm cho dân hiểu sự cần thiết và lợi ích của việc học tập thì nay người dân đã coi việc học là một nhu cầu không thể thiếu, là quyền lợi, nghĩa vụ của chính bản thân, gia đình, cộng đồng mình. Ước vọng *"dù nghèo đói cũng cố gắng cho con em ăn học, đòi ông, đòi cha thất học, đòi con cháu phải được học hành"* là quyết tâm và mục tiêu phấn đấu từng ngày của đồng bào các dân tộc nơi đây và đã trở thành hiện thực sinh động.

Thực hiện phương châm *trường gần dân*, Nà Hang tổ chức và quy hoạch lại mạng lưới trường lớp trong toàn huyện. Việc làm này đã góp phần khơi dậy lòng tin và ý thức trách nhiệm của nhân dân đối với giáo dục. Nhận thức vai trò nền tảng của giáo dục mầm non đối với tiến trình phát triển sự nghiệp giáo dục địa phương, Nà Hang đã mạnh dạn đầu tư đẩy nhanh tốc độ phát triển hệ thống trường lớp mầm non thôn bản theo hướng Nhà nước và nhân dân cùng làm; mở rộng trường lớp mầm non dân lập, và thí điểm hình thức bán trú, các hộ gia đình thay nhau *"gánh cơm nuôi trẻ"*, tạo bước chuyển biến mới đáp ứng yêu cầu nuôi dạy, chăm sóc học sinh trong độ tuổi đến nhà trẻ, lớp mẫu giáo. Đạt được chuẩn phổ cập giáo dục là một quá trình phấn đấu vô cùng gian nan song giữ được chuẩn càng khó khăn gấp bội. Để giữ vững chuẩn chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, chuẩn phổ cập trung học cơ sở và tiến tới phổ cập giáo dục bậc trung học, Nà Hang đã dành một phần kinh phí hỗ trợ, khuyến khích các xã, cụm xã xây dựng hệ thống trường, lớp bán trú dân nuôi, trường bổ túc văn hóa các cấp. Mạng lưới các trường phổ thông, các trường bán trú dân nuôi, bổ túc văn hóa rải khắp các xã và các điểm dân cư đã giúp thanh, thiếu niên trong mọi độ tuổi đều có thể đến trường. Đây là chủ trương rất hợp với ý

nguyên của dân và thực tế địa phương nên được nhân dân hết lòng hưởng ứng. Toàn huyện Nà Hang hiện có 7 điểm trường trung học phổ thông và các điểm ở các cụm xã theo học chương trình bổ túc văn hóa. Trường bán trú dân nuôi khu vực cụm xã Yên Sơn có tới 70 gian nhà nội trú cho con em các xã trong vùng đến học, đây chính là điểm sáng trong hệ thống trường bán trú dân nuôi của ngành giáo dục Tuyên Quang và là mô hình tốt đã được nhân rộng ở nhiều tỉnh bạn.

Nà Hang còn có chính sách ưu đãi đặc biệt đối với người dạy và người học: học sinh học phổ cập được hỗ trợ văn phòng phẩm, sách giáo khoa, gạo và tiền theo mức 10 kg lương thực và 15 000 đồng/người/ tháng. Những lúc mùa vụ hối thúc, các gia đình có người đi học thiếu lao động sẽ được các đoàn thể - tổ chức xã hội và bà con giúp đỡ. Chỉ tiêu về phát triển giáo dục được nêu thành tiêu chí thi đua của cấp ủy, các đoàn thể và chính quyền địa phương. Tiêu chuẩn về văn hóa đối với những người trong độ tuổi phổ cập còn được quy định thành thiết chế, chẳng hạn thanh niên muốn được cấp bằng lái xe mô-tô, phải có trình độ văn hóa từ bậc tiểu học trở lên... Ngành giáo dục quán triệt tinh thần *một hội đồng hai nhiệm vụ* (có nơi thêm cả nhiệm vụ đỡ đầu trường mầm non). Cán bộ, giáo viên ngoài nhiệm vụ dạy phổ thông, tham gia dạy phổ cập, dạy bổ túc văn hóa được trợ cấp vượt giờ.

Qua nửa thế kỷ kiên trì phấn đấu, Nà Hang đã tạo được bước đột phá căn bản trong giáo dục với những mốc son đáng tự hào: năm 1996, đạt chuẩn quốc gia về chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; năm 2001, đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở; năm 2003, giáo dục Nà Hang càng thêm khởi sắc với những bước tiến vững chắc

hứa hẹn nhiều triển vọng: 100% số thôn bản có lớp mầm non, với 84,8% số trẻ trong độ tuổi được huy động ra lớp mẫu giáo; 100% số trẻ 6 tuổi được huy động ra lớp 1 và 99,36% số học sinh tốt nghiệp lớp 5 vào lớp 6... Trên nền tảng những thành tựu quan trọng đó, Nà Hang hạ quyết tâm phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học phổ thông vào tháng 8-2006.

Những thành quả quan trọng trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã trở thành chiếc chìa khóa để Nà Hang không chỉ thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí mà còn làm tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực. Trình độ văn hóa phổ thông của người lao động ngày càng được nâng cao chính là những tiền đề cần thiết để Nà Hang thực hiện những mục tiêu kinh tế: giúp nông dân chuyển đổi nếp nghĩ, cách làm ăn, nâng cao năng suất lao động; từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật nuôi; ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

Tiến độ phát triển kinh tế - xã hội ở Nà Hang trong những năm gần đây cho thấy, khi trình độ dân trí của người dân ngày càng được nâng cao thì tỷ lệ đói nghèo ngày càng giảm. Nà Hang đang phấn đấu giảm tỷ lệ hộ đói nghèo xuống 5%. Trình độ văn hóa được nâng lên giúp người dân đổi mới nếp nghĩ, chủ động tiếp cận với cách làm ăn mới, tự tin hơn trong quá trình nắm bắt các cơ hội, từng bước tự đổi mới - phát huy nội lực và khơi dậy tiềm năng vươn lên thoát đói giảm nghèo. Trong 3 năm (2001 - 2003), Nà Hang đã xây dựng 264 dự án đào tạo việc làm cho 554 lao động, với số vốn lên tới 2,54 tỉ đồng và tư vấn cho 817 lao động có nhu cầu đi làm việc và học nghề.

Giải quyết tốt những mục tiêu về giáo dục, Nà Hang đã tạo được tiền đề vững chắc trong

công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Từ năm 2001 đến năm 2003 huyện đã cử 104 người đi đào tạo đại học, 124 người đi học trung cấp nông nghiệp, 197 người đi học trung cấp lý luận chính trị, 91 người theo học quản lý nhà nước; đồng thời, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý nhà nước thường xuyên cho đội ngũ cán bộ đương chức. Hiện nay, 60% số cán bộ chủ chốt ở các xã trong huyện được đào tạo ở trình độ cao đẳng, đại học chuyên ngành và trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước từ trung cấp trở lên.

Cùng với đào tạo chính quy tại các trường, Nà Hang đặc biệt quan tâm đến đào tạo cán bộ trong hoạt động thực tiễn. Là huyện miền núi xa xôi, sản xuất thuần nông, cán bộ chưa quen với cơ chế thị trường và quản lý các dự án, song huyện đã mạnh dạn giao cho cấp xã làm chủ đầu tư trong việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, thực hiện Chương trình 135 của Chính phủ. Chỉ sau 3 năm (2001 - 2003), đã có 89 công trình và hàng trăm ki-lô-mét đường giao thông liên thôn, liên xã được các chủ đầu tư là cấp xã hoàn thành đạt hiệu quả cao, tránh được thất thoát không đáng có.

Đồng chí Bí thư huyện ủy Nà Hang đánh giá rất cao phương thức giao cho xã làm chủ đầu tư các công trình thuộc Chương trình 135. Theo đồng chí, một việc làm được mấy cái lợi: rèn luyện cán bộ cấp xã qua thực tiễn; khơi dậy được bầu không khí dân chủ ở cơ sở; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và truyền thống lao động cần cù, tương thân tương ái của đồng bào, tạo niềm tin của người dân đối với Đảng, chính quyền. *Cái được* lớn hơn trong vấn đề này là, đội ngũ cán bộ qua đây đã tự khẳng định mình, tự hoàn thiện mình, có điều kiện để tiếp cận với lối tư duy mới trong hạch toán kinh tế, trong đầu tư,

trong quan hệ với đối tác. Người ta gọi đây chính là bước khởi đầu mà Nà Hang đang tập dượt để thực hiện tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn trong tương lai!.

Sự nghiệp giáo dục ở Nà Hang đã trở thành mũi đột phá tạo những tiền đề quan trọng góp phần đẩy nhanh sự phát triển các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương... Vùng đất Nà Hang hôm nay không còn quá xa xôi trong lòng bè bạn và du khách cả nước. Mọi thông tin trong nước và trên thế giới đã được cập nhật trong ngày qua, mạng lưới truyền thanh, truyền hình phủ rộng khắp các thôn bản; báo chí của Đảng có thể đến tận những bản làng xa xôi nhất trên địa bàn huyện trong ngày; số giờ tiếp sóng Đài Truyền hình Việt Nam tại huyện đã lên đến 3 114 giờ/năm. Huyện đã xây dựng được 27 điểm thu truyền hình kỹ thuật số tại thôn bản. Mạng lưới đường giao thông từ trung ương đến tỉnh, huyện, thôn bản đã được đầu tư nâng cấp ngày càng hiện đại; mạng lưới y tế cơ sở ở các thôn bản hoạt động đạt hiệu quả cao; điện lưới quốc gia, nước sạch đã đến với đa số người dân ở những bản làng xa xôi nhất. Truyền thống văn hóa dân tộc được bảo tồn, mô hình nhà văn hóa thôn bản phát triển rộng khắp trong toàn huyện. Người dân Nà Hang chưa giàu nhưng đã tự tin vươn lên làm giàu. Vùng "Ruộng cuối" - "Thác Mơ" - vùng đất thuần nông, bốn bề đồi núi như đang *bùng tỉnh* trong những âm thanh sôi động của nhịp sống mới trên công trường thủy điện ngồn ngồn đất đá..., hối hả những bước đi ban đầu trong tiến trình đô thị hóa. Mấy năm gần đây, cơ cấu kinh tế của huyện đang có chiều hướng chuyển dịch tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành dịch vụ công nghiệp trong GDP. Năm 2002, tỷ trọng nông, lâm nghiệp đạt 64,39% (so với năm 2000 giảm 4,73%);

công nghiệp xây dựng là 7,84% (so với năm 2000 tăng 0,12%); các ngành dịch vụ đạt 27,77% (so với năm 2000 tăng 4,61%). Năm 2002, Nà Hang đạt 28 056 tấn lương thực (tăng 1 705 tấn so với năm 2000), bình quân 417,2 kg lương thực/người/năm. Tỷ lệ hộ đói nghèo ở Nà Hang đã giảm nhanh, toàn dân đang quyết phấn đấu giảm tỷ lệ đói nghèo xuống dưới 5% vào năm 2006.

Dù có nhiều khởi sắc về mọi mặt, song trước mắt Nà Hang vẫn là một huyện khó khăn (huyện "135"). Để vượt khỏi tiêu chí huyện khó khăn, phía trước còn biết bao thách thức, huyện cần có sự quan tâm trợ giúp kịp thời của Nhà nước.

Trước mắt, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi vẫn chỉ đang ở trong giai đoạn thử nghiệm. Trong tương lai, Nà Hang sẽ trở thành vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh với cơ cấu nông - lâm nghiệp - công nghiệp, dịch vụ. Hiện tại, huyện đang xúc tiến đầu tư cho vùng rau chuyên canh từ 30 đến 50 héc-ta; đồng thời, nâng diện tích trồng lê tại các xã Hồng Thái, Đà Vị, Yên Hoa, Khau Tinh lên 160 héc-ta, đẩy nhanh tốc độ cải tạo đàn bò; phát triển cây chè Shan; đẩy mạnh việc trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng (nâng độ che phủ của rừng lên 68% vào năm 2006). Tất cả những công việc này đều cần một nguồn kinh phí lớn.

Thứ hai, Nà Hang có lợi thế về đất đai, tài nguyên rừng và lao động. Việc lo đủ ăn không khó, nhưng tiến tới làm giàu vẫn còn nhiều gian nan. Ngày nay, tuy đường giao thông đã khá hoàn thiện song về mặt địa lý Nà Hang vừa xa trung tâm tỉnh lỵ vừa nằm lọt giữa các tỉnh bạn. Do đó, vấn đề giao lưu kinh tế, thông thương sản phẩm đều gặp khó khăn.

Hiện tại, Nà Hang chưa có nhiều mô hình làm ăn kinh tế giỏi. Cây lê trồng ở Yên Sơn, đàn bò mới vừa phát triển đã cho thấy nhiều bất cập trong việc giải quyết "đầu ra" cho sản phẩm. Làm thế nào để người dân không tự thỏa mãn với những gì đã có? Làm sao để họ năng động hơn, phấn đấu để giàu hơn? Đó là bài toán khó đang đặt ra cho Đảng bộ, chính quyền và toàn dân Nà Hang trong những năm trước mắt.

Thứ ba, vấn đề di dân tái định cư cũng còn nhiều khó khăn. Quỹ đất của Nà Hang không thể đáp ứng cho một lượng lớn dân số (4 000 hộ) nằm trong vùng lòng hồ phải di chuyển đến vùng tái định cư. Nà Hang phải nhờ sự chi viện của nhiều huyện bạn. Bên cạnh việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân ủng hộ chủ trương này của Đảng, Nà Hang cần có một số vốn lớn và nhiều nhân lực để giải phóng mặt bằng, đầu tư quỹ đất sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng ở vùng tái định cư giúp đồng bào nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Thứ tư, Nà Hang đạt được những thành tựu quan trọng trong giáo dục, song muốn giữ vững những thành quả đó đang là một bài toán không dễ giải. Yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, nâng cấp cơ sở vật chất trường lớp, đào tạo nghề và phân luồng đào tạo phục vụ nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong tương lai... đòi hỏi ngành giáo dục và toàn dân Nà Hang phải nỗ lực nhiều hơn nữa.

Tạm biệt vùng "Ruộng cuối" hùng vĩ và thơ mộng, tạm biệt những ngôi nhà thơm mùi tranh, gỗ mới, những triền nương, con đường, ngôi trường trong vùng tái định cư..., như bao người dân Nà Hang, chúng tôi mang theo hơi ấm *Xuân sớm* trên suốt chặng đường về. □



Điều nghịch lý

XUÂN HOÀNH

NHỮNG năm gần đây, nhờ công cuộc đổi mới, nền kinh tế nước ta đã khởi sắc, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, việc xây dựng kết cấu hạ tầng có nhiều tiến bộ. Hầu hết, các trụ sở làm việc của các cấp ủy, chính quyền địa phương, doanh nghiệp đều được xây dựng, tân trang đẹp với các phương tiện làm việc hiện đại. Nhiều tỉnh đã xây trụ sở liên hoàn rất tiện lợi trong giải quyết công việc có liên quan đến nhiều người, nhiều bộ phận. Không chỉ ở các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài cũng xây trụ sở bề thế, to đẹp để tạo niềm tin và chữ tín đối với bạn hàng.

Điều khiến mọi người quan tâm là ở nhiều địa phương, nhiều doanh nghiệp nhà nước việc đầu tư xây

dựng, chi tiêu mua sắm các trang thiết bị, phương tiện hiện đại chưa cần thiết, nếu không nói là để phô trương hình thức lãng phí, cốt để cho "oai". Trong khi đó, ở nhiều nơi còn một bộ phận dân cư đang sống rất khó khăn, trường học còn tình trạng lớp học ba ca, phòng học tranh tre, nứa lá. Từ thực tế trên làm tôi nhớ lại câu chuyện của hai cán bộ ở một viện nghiên cứu.

Anh K. cầm chén nước nhấp một ngụm rồi nói với mọi người xung quanh: "Vừa qua, nhân chuyến đi nghiên cứu thực tế, tôi có đi đến nhiều tỉnh từ miền Bắc đến miền Nam. Phần lớn các tỉnh nghèo, tỉnh vừa tái lập lại có trụ sở làm việc khang trang, to đẹp. Có tỉnh ở miền núi xa xôi xây trụ sở to như tòa "Bạch ốc" ở nước ngoài. Còn một số tỉnh có nguồn thu ngân sách cao, có

nhiều tiềm năng kinh tế khá nhưng trụ sở của tỉnh lại bình dị"...

Phải chăng điều anh K. nói đang là một nghịch lý? Đúng vậy. Cùng một cơ chế, chính sách, có tỉnh xây được trụ sở to, có tỉnh đành cam chịu trụ sở nhỏ. Để có một công trình hoàn thiện đưa vào sử dụng phải qua nhiều cấp, nhiều khâu phê duyệt. Nhưng... Thấy tôi băn khoăn về câu chuyện anh K. vừa kể, chị T. nhân thể bổ sung. Chị nói: "Tôi vừa đi nghỉ mát ở miền Trung ra. Chuyến đi nghỉ mát là được vợ chồng cháu cả bao cấp. Ở bãi biển, tôi thấy rõ ràng có nhiều tổng giám đốc, giám đốc doanh nghiệp nhà nước thuộc diện đơn vị yếu kém song vẫn đi xe rất sang (*), vẫn hưởng thu nhập cao, họ tiêu tiền mặc sức mà doanh nghiệp vẫn cứ được "ưu ái" như ai. Hiện nay, có không ít giám đốc doanh nghiệp chịu chơi, tiêu xài sang, đi nước ngoài như

Theo số liệu Bộ Tài chính, năm 2002 có 500 xe ô-tô còn mua vượt so với định mức tiêu chuẩn

đi chợ bằng tiền "chùa" – nhưng hiệu quả kinh tế lại vô cùng thấp. Theo một điều tra xã hội học do Đài Truyền hình Việt Nam công bố trên Diễn đàn Doanh nghiệp năm 2002: mỗi tổng giám đốc, giám đốc doanh nghiệp nhà nước mỗi tháng bình quân đã chi hết 20 triệu đồng (tiền xăng xe, điện thoại di động, tiếp khách...). Chi phí ấy lấy ở đâu ra trong khi doanh nghiệp làm ăn thất bát? Mà vẫn sống mới lạ chứ?

Sau khi nghe chuyện, anh K. vừa tỏ thái độ đồng tình, vừa nêu lên băn khoăn của mình như có hàm ý đề chị T. nói rõ hơn cho mọi người hiểu: "Vì sao doanh nghiệp làm ăn thua lỗ mà vẫn tồn tại".

Như gợi đúng bầu tâm sự chị T. giải bày: Sở dĩ có doanh nghiệp nhà nước làm ăn không có lãi mà vẫn tồn tại là do Nhà nước bao cấp bằng nhiều hình thức khác nhau (như qua thuế, lãi suất, giá điện, giá thuê đất...), thậm chí còn đi vay vốn từ ngân hàng để cứu doanh nghiệp (gánh nợ, mua nợ). Cơ chế "xin cho" chỉ bị xóa bỏ trên lý thuyết, nhưng

thực tế nó vẫn tồn tại, nhất là ở các doanh nghiệp nhà nước mà xã hội cần. Cho nên, nhiều doanh nghiệp nằm trong diện phải cổ phần hóa nhưng vẫn cố chần chừ, do dự. Tuy cũng nộp ngân sách hằng năm, nhưng nếu hạch toán đầy đủ là "lãi giả lỗ thật"...

Qua nghe chuyện của hai cán bộ trên, nghịch lý hiện ra càng rõ. Trong cơ chế mới hiện nay đòi hỏi các địa phương, cơ quan và doanh nghiệp nhà nước phải vươn lên trong cơ chế thị trường để tự khẳng định mình chứ không thể trông chờ, dựa dẫm vào nguồn ngân sách nhà nước. Càng không thể coi ngân sách nhà nước như "quả vú sữa" mạnh ai nấy có giành được cho mình. Sắp

tới, Việt Nam tham gia đầy đủ vào AFTA, chuẩn bị gia nhập WTO, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, nếu các doanh nghiệp không vào cuộc cạnh tranh, nhất là không chịu nâng cao chất lượng hàng hóa, hạ giá thành sản phẩm để khẳng định chỗ đứng của mình trên thương trường, thì chắc chắn sẽ chết chìm.

Vấn đề quản lý thu chi ngân sách nhà nước ở nước ta đang là vấn đề được xã hội quan tâm. Việc chi tiêu, hưởng thụ vượt quá tiêu chuẩn quy định là một điều lo ngại. Làm thế nào để chấn chỉnh việc quản lý chi cho hiệu quả. Mong sao điều nghịch lý trên sẽ không còn tồn tại nữa. □





HỢP TÁC CHIỀU SÂU CHO MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TRONG ASEAN VÀ ASEM

LƯƠNG VĂN TỰ*

Bức tranh toàn cảnh

Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN) và Diễn đàn Kinh tế Á - Âu (ASEM) là hai trong số các tổ chức kinh tế lớn trên thế giới. Chúng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và thực thi chính sách thương mại, tăng trưởng kinh tế của khu vực và thế giới. Hai tổ chức này bao gồm các quốc gia thuộc 2 trung tâm kinh tế lớn nhất trong 3 trung tâm của thế giới.

ASEAN ra đời năm 1967 (có năm nước thành viên), với mục đích ban đầu nhằm ổn định môi trường an ninh và chính trị khu vực. Từ sau năm 1990, các nước thành viên của ASEAN chuyển hướng sang các nội dung hợp tác kinh tế. Đây là tổ chức hợp tác chặt chẽ theo nguyên tắc đồng thuận. Năm 1992, Khu vực Thương mại Tự do ASEAN (AFTA) ra đời, thông qua việc các nước thành viên ký kết Hiệp định về Chương trình Ưu đãi Thuế quan Hiệu lực chung (CEPT). Năm 1998, Hiệp định khung về Khu vực Đầu tư ASEAN được ký kết, đưa tới việc thành lập Khu vực Đầu tư ASEAN (AIA).

Ngày nay, ASEAN đã trở thành một tổ chức lớn mạnh, bao gồm 10 nước thành viên: Bru-nây, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, My-an-ma, Lào, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan và Việt Nam, với dân số trên 500 triệu người, diện tích 4 464 000 km², chiếm 14,15% diện tích châu Á, tổng thu nhập quốc dân khoảng trên 500 tỉ USD (số liệu năm 2002). Trong thập kỷ cuối của thế kỷ XX, ASEAN được coi là khu vực phát triển năng động nhất thế giới. Từ năm 1990 đến năm 1997, tốc độ tăng trưởng hàng năm của ASEAN đạt bình

quần 7%; trong đó, Xin-ga-po đạt 8,75%, Ma-lai-xi-a đạt 8,5%, Thái Lan đạt 6,8%, Phi-líp-pin đạt 3,1% (do khủng hoảng chính trị sau thời kỳ Tổng thống Mác-cốt).

Trong những năm 1997 - 1999, các nước Đông - Nam Á rơi vào cuộc khủng hoảng tài chính, nhiều nước rơi vào mức tăng trưởng âm. Một trong những nguyên nhân là đa số các nền kinh tế của ASEAN là phụ thuộc, dựa vào thị trường thế giới. Hệ số giá trị xuất nhập khẩu chiếm tỷ lệ rất cao trong tổng sản phẩm quốc dân (GNP). Năm 1998, hệ số này của Xin-ga-po là 250,41%, Ma-lai-xi-a là 184,79%, Phi-líp-pin là 93,57% và Việt Nam khoảng 81%. Tuy nhiên, từ năm 2000, kinh tế của các nước ASEAN bắt đầu phục hồi và năm 2003 cả khối đạt mức tăng trưởng là 3,5%.

Năm 2002, kim ngạch xuất khẩu toàn khối đạt khoảng 381,39 tỉ USD, tăng 2,9% so với 370,55 tỉ USD của năm 2001. Kim ngạch nhập khẩu so với xuất khẩu tăng, nhưng tốc độ chậm hơn (2,5% - từ 317,23 tỉ USD lên 325,31 tỉ USD). Bức tranh xuất, nhập khẩu trong nội bộ khối sáng sủa hơn và tỷ trọng kim ngạch buôn bán nội bộ của ASEAN so với tổng kim ngạch thương mại của ASEAN tăng từ 22,12% (năm 2001) lên 22,56% (năm 2002). Mức xuất khẩu nội bộ năm 2002 của ASEAN đạt 86,34 tỉ USD, tăng 2,2% so với 84,49 tỉ USD của năm 2001. Nhập khẩu nội bộ tăng 8,1%, nhưng vẫn thấp hơn giá trị xuất khẩu. Mặc dù tốc độ nhập khẩu có xu hướng tăng trong vài năm

* Thứ trưởng Bộ Thương mại



Thủ tướng Phan Văn Khải với các bộ trưởng tham dự Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEM.

gần đây, ASEAN vẫn luôn là thị trường xuất siêu. Tuy nhiên, nếu đặt ASEAN vào bức tranh toàn cầu thì thương mại mới chiếm xấp xỉ 4% thương mại toàn cầu, một con số quá nhỏ bé và khiêm tốn.

Khác với ASEAN, ASEM là Diễn đàn Kinh tế Á - Âu, mang nặng tính chất định hướng hoạt động và hướng dẫn hành động chứ không cam kết. Diễn đàn Kinh tế Á - Âu thành lập năm 1996, gồm 25 nước thành viên: 10 nước châu Á là Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Thái-lan và Bru-nây cùng 15 nước thuộc Cộng đồng châu Âu là Anh, Pháp, Bỉ, Áo, Hà Lan, Đan Mạch, Phần Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Lúc-xăm-bua, Hy-lạp, Ai-len, I-ta-li-a, Thụy Điển và Đức.

ASEM có 2,65 tỉ người (chiếm 40% dân số thế giới), tổng thu nhập của khối khoảng 14 700 tỉ USD. Theo số liệu thống kê năm 1999, 15 nước EU có dân số gần 400 triệu người, GDP đạt 8 366,1 tỉ USD. Năm 2000, kim ngạch xuất khẩu đạt 2 239,12 tỉ USD và nhập khẩu đạt 2 346,89 tỉ USD. Nhật Bản có dân số 126 triệu người, GDP đạt 4 677 tỉ USD; kim ngạch xuất khẩu năm 2000 là 479,328 tỉ USD và nhập khẩu là 379,514 tỉ USD. Trung Quốc có dân số 1,25 tỉ người, GDP đạt 1 076 tỉ USD; kim ngạch xuất khẩu năm 2000 là 249,210 tỉ USD và nhập khẩu là 225,097 tỉ USD.

Xuất phát từ yêu cầu nội tại của nền kinh tế và đón bắt được xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa, Đảng ta đã chuyển đường lối kinh tế đối ngoại

theo hướng Việt Nam sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước và là đối tác tin cậy trên nguyên tắc bình đẳng, đôi bên cùng có lợi. Chúng ta đã thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế. ASEAN và ASEM đã trở thành 2 thị trường quan trọng, hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại của ta. Năm 1995, Việt Nam gia nhập ASEAN. Năm 1996, gia nhập và là sáng lập viên của ASEM. Trong 10 năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và chủ động hội nhập vào nền kinh tế thế giới, chúng ta đã đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 7% năm; xuất khẩu tăng 5,6 lần. Cùng với sự nỗ lực cơ bản của toàn Đảng, toàn dân, chúng ta cũng cần đánh giá và thấy hết được những tác động tích cực của ASEAN và ASEM tới sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

Về thương mại, năm 2002, ASEAN chiếm khoảng 18% kim ngạch xuất khẩu và 29% kim ngạch nhập khẩu; ASEM chiếm 67,6% kim ngạch xuất khẩu và 70,9% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam.

Về đầu tư, trong giai đoạn 1995 - 2000, ASEAN đã thực hiện 296 dự án, chiếm hơn 36% tổng số vốn FDI vào Việt Nam và ASEM thực hiện 1 844 dự án ở Việt Nam, với số vốn tương ứng là 7,365 tỉ USD và 25,67 tỉ USD. Thêm vào đó, nguồn vốn ODA có được trong các mối quan hệ song phương đạt tới hàng chục tỉ USD, cũng phần lớn từ các nước ở hai khối này.

Để tồn tại và phát triển trong quá trình toàn cầu hóa và cạnh tranh quyết liệt

ASEAN đã trải qua thời kỳ phát triển 34 năm theo chiều hướng mở rộng cả về số lượng thành viên và các lĩnh vực hợp tác. Ban đầu chỉ từ lĩnh vực thương mại, sau đó mở rộng ra tài chính ngân hàng, đầu tư, dịch vụ du lịch, giao thông vận tải, khoa học - kỹ thuật... Hiện nay, hợp tác kinh tế của ASEAN rất toàn diện, bao trùm tất cả các lĩnh vực kinh tế, kể cả năng lượng, kết cấu hạ tầng, bưu chính - viễn thông, e-ASEAN.

Mặc dù là thành viên mới của ASEAN, nhưng Việt Nam đã từng bước khẳng định được vị trí và vai trò của mình trong khu vực, đặc biệt qua sự kiện Việt Nam đăng cai tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN (12-1998) và Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 33, họp từ ngày 12 đến 16-9-2001 tại Hà Nội. Hội nghị này đã giải quyết được một số vấn đề quan trọng, theo phương châm đẩy nhanh hơn nữa quá trình hợp tác kinh tế, tự do hóa thương mại và đầu tư, thu hẹp khoảng cách giữa các thành viên mới với các nước thành viên cũ với những cam kết sau:

1. Để giúp thu hẹp khoảng cách giữa các nước thành viên mới với các nước thành viên cũ, ngoài cam kết hỗ trợ 50 triệu USD cho công tác đào tạo nguồn lực của Xin-ga-po và 14 lớp đào tạo của Thái Lan, lần này các Bộ trưởng đã nhất trí cơ chế ưu đãi hỗ trợ hội nhập ASEAN (ASEAN Integration System of Preferences - AISP), dành cho các nước thành viên mới gồm Cam-pu-chia, Lào, My-an-ma và Việt Nam, áp dụng từ 1-1-2002 và theo quy tắc xuất xứ Form D hiện hành. Mức thuế ưu đãi AISP sẽ thấp hơn mức thuế CEPT hiện tại. Theo ước tính, các nước thành viên mới, hàng năm sẽ được hưởng lợi khoảng 400 triệu USD nhờ cơ chế này.

Cho đến nay, Ma-lai-xi-a đã cam kết dành ưu đãi AISP cho Việt Nam 170 sản phẩm, In-đô-nê-xi-a: 50 sản phẩm, Bru-nây: 1 sản phẩm và Thái Lan: 19 sản phẩm.

2. Hội đồng AFTA đã họp phiên thứ 15 và quyết định đẩy nhanh việc thực hiện AFTA. Sáu nước thành viên đầu tiên ký kết thực hiện Hiệp định CEPT đã hoàn thành AFTA vào ngày 1-1-2002, vượt trước thời hạn 1 năm. Tính đến nay, 6 nước

thành viên này đã cắt giảm thuế quan ít nhất 90% số mặt hàng trong danh mục cắt giảm (IL) xuống còn từ 0 đến 5%. Tính chung lại, tổng số 40 911 dòng thuế, chiếm 92,9% danh mục cắt giảm của 6 nước này, đã giảm xuống 3,21%. Đến cuối năm 2003, có 42 377 dòng thuế, chiếm 96,42% danh mục cắt giảm của 6 nước thành viên cũ, có thuế xuất từ 0 đến 5% và tăng dòng thuế có thuế suất 0%. Năm 2010, tất cả thuế nhập khẩu của 6 thành viên cũ sẽ là 0%. Đến năm 2015, thuế nhập khẩu từ ASEAN sẽ là 0%.

Các Bộ trưởng cũng nhất trí đẩy nhanh hơn nữa việc thực hiện Hiệp định khung e-ASEAN và thông qua danh mục các sản phẩm công nghệ thông tin (ITC) theo 3 nhóm thực hiện xóa bỏ thuế quan vào các năm 2003, 2004, 2005 đối với 6 nước thành viên cũ và vào các năm 2008, 2009 và 2010 đối với 4 nước thành viên mới.

3. Về vấn đề đầu tư, cuộc họp lần thứ 4 Hội đồng AIA thấy rằng, do cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 và môi trường chính trị không ổn định ở một số nước ASEAN, đầu tư nước ngoài vào ASEAN đã giảm đáng kể. Năm 1996, đầu tư nước ngoài vào ASEAN là 29,5 tỉ USD; năm 1997 là 27,6 tỉ USD; năm 1998 là 20 tỉ USD; năm 1999 là 19 tỉ USD và năm 2000 chỉ còn 10,6 tỉ USD. Trong khi đó, các luồng vốn đầu tư nước ngoài đang chảy mạnh vào Trung Quốc (năm 2000, khoảng 40 tỉ USD). Để mở rộng lĩnh vực đầu tư trong ASEAN và tạo môi trường thuận lợi nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, các Bộ trưởng đã nhất trí và ký Nghị định thư AIA, mở rộng phạm vi của Hiệp định AIA tới cả các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và khai khoáng, cũng như các dịch vụ gắn với các khu vực thuộc phạm vi Hiệp định.

Các Bộ trưởng cũng đồng ý đẩy nhanh thời hạn cuối cùng cho việc mở cửa và dành Đối xử quốc gia cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào ASEAN, từ năm 2020 xuống năm 2010 với 6 nước thành viên cũ và 2015 đối với các nước thành viên mới.

4. Về hợp tác dịch vụ, đã thông qua Nghị định thư thực hiện gói cam kết thứ 3 về dịch vụ, nhằm xóa bỏ hơn nữa những hạn chế về dịch vụ trong các nước thành viên; đồng thời, nhất trí phát động vòng đàm phán mới về tự do dịch vụ, bắt đầu từ

năm 2002 và sẽ kéo dài trong 3 năm. Các Bộ trưởng cũng thông qua Nghị định thư thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về thiết bị điện và điện tử.

5. Về hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp, đến tháng 7-2003 đã có 114 đơn AICO được phê duyệt (Việt Nam có 3 đơn), với giá trị trao đổi thương mại xấp xỉ 1,4 tỉ USD và nhất trí bãi bỏ quy chế 30% yêu cầu cổ phần quốc gia đối với tất cả các đơn xin cấp AICO. Ngoài chương trình cụ thể, Hội nghị quan tâm đẩy mạnh các chương trình hợp tác dài hạn, như hợp tác Tiểu vùng sông Mê Công và hành lang Đông - Tây.

Từ khi thành lập ASEM đến nay, Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế lần 1 và 2 đã họp ở Nhật Bản, Đức; lần thứ 3 họp ở Việt Nam; lần thứ 4 ở Đan Mạch và lần thứ 5 ở Trung Quốc. Về hợp tác kinh tế, ASEM có 3 chương trình được coi là trụ cột trong hợp tác Á - Âu, đó là Thuận lợi hóa thương mại, Thuận lợi hóa đầu tư và Tăng cường đối thoại doanh nghiệp Á - Âu, nhằm mục tiêu "Hợp tác để tạo sự tăng trưởng hơn nữa ở cả châu Á và châu Âu". Á - Âu là 2 trung tâm kinh tế lớn trên thế giới, song thương mại giữa Á - Âu chưa phát triển ngang tầm với tiềm năng của nó. Năm 1999, thương mại từ Á sang Âu chiếm khoảng 12% và ngược lại, từ Âu sang Á chỉ chiếm 9,5% kim ngạch nhập khẩu của châu Á. Đầu tư từ Âu sang Á mới đạt 6% và Á sang Âu chỉ đạt 2%. Chính vì vậy, vấn đề đặt ra trong Hội nghị lần này là làm sao phải tiếp tục xóa bỏ các rào cản thương mại, đầu tư và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tìm ra những lĩnh vực phối hợp mới để đẩy mạnh kinh tế thương mại và tháo gỡ tình trạng kinh tế và thương mại toàn cầu đang trên đà giảm sút. Hội nghị đã rà soát và đẩy nhanh 8 lĩnh vực được coi là rào cản thương mại, như: thủ tục hải quan, tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh kiểm dịch, sở hữu trí tuệ, dịch vụ phân phối lưu thông, thương mại điện tử, mua sắm của chính phủ và đi lại của doanh nhân. Đồng thời, gia hạn nhóm chuyên gia thúc đẩy đầu tư thêm 2 năm; tìm những biện pháp hữu hiệu hơn cho Diễn đàn doanh nghiệp và các xí nghiệp vừa và nhỏ, đưa ra đề nghị hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, công nghệ môi trường, công nghệ thông tin, vận tải và năng lượng. Tháng 10-2004, Hội nghị Thượng đỉnh ASEM 5 sẽ họp ở Hà Nội.

Đây là một trong những sự kiện quan trọng nhất về hội nhập kinh tế trong năm 2004. Hiện nay, Chính phủ ta đang có sự chuẩn bị tích cực để Hội nghị được tổ chức thành công.

Hiện nay, ASEAN đang đứng trước nhiều thách thức và khó khăn, như nền kinh tế thế giới giảm sút, tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN có chiều hướng sụt giảm. Mặt khác, thời hạn hoàn thành AFTA cũng đã đến gần (2002 với ASEAN-6 và 2006 với Việt Nam). Trước thực tế này, Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN lần thứ 34 (tháng 9-2002) đã nhất trí thành lập Nhóm Đặc trách cao cấp về hội nhập kinh tế ASEAN (HLTF) nhằm thảo luận về định hướng hội nhập khu vực sau khi hoàn thành AFTA. Tiếp theo, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 9 (tháng 11-2002) đã giao cho các Bộ trưởng nghiên cứu về "Ý tưởng Cộng đồng kinh tế ASEAN".

Nhằm nâng cao tính cạnh tranh để hấp dẫn hơn nữa đầu tư nước ngoài, Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN không chính thức (tháng 5-2002) đã nhất trí thuê Công ty Mắc Kin-xây thực hiện đề tài "Nghiên cứu Tính cạnh tranh ASEAN" để đưa ra những đề xuất về những cụm ngành hàng có thể nâng cao tính cạnh tranh, cũng như những cải cách về mặt thể chế cho ASEAN.

Theo tinh thần trên, ASEAN đã hoàn chỉnh một văn kiện về Chương trình đẩy mạnh hội nhập kinh tế (Cộng đồng kinh tế ASEAN) để trình các nhà lãnh đạo tại Hội nghị Cấp cao 9, nhằm thể hiện ý chí chính trị của ASEAN trong việc quyết tâm đẩy mạnh hội nhập.

Tại Hội nghị Cấp cao lần thứ 9 ở Ba-li, In-đô-nê-xi-a (các ngày 7, 8-10-2003), các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký kết Tuyên bố hòa hợp Ba-li II, gồm ba trụ cột là: Cộng đồng kinh tế, Cộng đồng chính trị, an ninh và Cộng đồng văn hóa - xã hội. Việc ký kết Tuyên bố này đã khẳng định sự quyết tâm của các quốc gia ASEAN trong việc đưa hợp tác kinh tế, chính trị, an ninh, văn hóa và xã hội của ASEAN lên tầm cao mới, vượt qua các thách thức mà ASEAN đã, đang và sẽ phải đương đầu, để ASEAN tiến tới hình thành Cộng đồng Kinh tế và An ninh vào năm 2020, như mục tiêu được đề ra trong Tầm nhìn 2020.

Bên cạnh đó, xu thế hình thành các quan hệ đối tác kinh tế mật thiết hơn giữa ASEAN với các nước đối tác đã được thể hiện rõ nét thông qua việc ký kết Hiệp định khung về hợp tác kinh tế ASEAN - Ấn Độ và Thỏa thuận khung về đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản tại Hội nghị Cấp cao 9. Như vậy, sau khi ASEAN và Trung Quốc ký kết Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Trung Quốc tại Hội nghị Cấp cao lần thứ 8 ở Phnôm-pênh (các ngày 4, 5-11-2002), ASEAN đã trở thành tâm điểm và chiếm một vị trí quan trọng đối với các đối tác khác. Điểm quan trọng và nổi bật của Hiệp định khung và Thỏa thuận khung này là, chúng đều bao gồm việc hình thành Khu vực mậu dịch tự do giữa ASEAN và các đối tác trên. Xu hướng này đã thể hiện, *một mặt* sự năng động và tính hấp dẫn của thị trường ASEAN; và *mặt khác*, càng khẳng định vai trò, vị trí và sự cần thiết của ASEAN đối với các đối tác ngoài khối. Điểm đáng lưu ý là, các Hiệp định trên đều bao gồm nội dung về Khu vực mậu dịch tự do. Như vậy, vấn đề tự do hóa thương mại vẫn luôn là nền tảng cho quá trình hội nhập kinh tế.

Việt Nam phải làm gì để chủ động hội nhập với ASEAN, ASEM và nâng cao hiệu quả kinh tế?

1. Chủ động khai thác những ưu đãi do hai tổ chức này dành cho chúng ta, như đẩy nhanh hơn nữa hàng xuất khẩu áp dụng Form D được hưởng ưu đãi thuế. Lợi thế này, đến nay, các doanh nghiệp Việt Nam chưa khai thác hết; tỷ lệ hàng xuất khẩu áp dụng Form D cũng có tăng nhưng mới chiếm khoảng 1% hàng xuất khẩu vào ASEAN. *Thứ hai*, khai thác ưu đãi mới AISP áp dụng thuế ưu đãi thấp hơn CEPT, dành cho các nước mới gia nhập ASEAN. *Thứ ba*, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào cơ cấu AICO để khai thác ưu thế về mặt công nghệ từ các nước và góp phần tăng kim ngạch trao đổi thương mại của ta với các nước ASEAN.

2. Khai thác tối đa lợi thế ổn định chính trị và tăng trưởng kinh tế cao của ta để thu hút đầu tư và du lịch đến Việt Nam, nhất là với các nhà đầu tư Nhật Bản, châu Âu và Hoa Kỳ. Họ vừa có vốn, công nghệ nguồn, lại có thị trường tiêu thụ qua mạng lưới công ty đa quốc gia trên toàn cầu. Ví dụ, mặt hàng đồ gỗ của ta vừa qua phát triển là nhờ một công ty đa quốc gia của Thụy Điển đặt mua 100 triệu USD

và tiêu thụ qua 30 cửa hàng của công ty này ở nhiều nước.

3. Toàn bộ kinh nghiệm của ASEAN về việc quá phụ thuộc vào thị trường nước ngoài (năm 1997 khi bị khủng hoảng tài chính); các nước ASEAN một lần nữa lại rơi vào tình trạng khó khăn do kinh tế thế giới đi xuống sau sự kiện ngày 11-9-2001; xuất nhập khẩu của các nước EU với các nước ngoài khối chỉ chiếm 40%, còn 60% là trong nội bộ khối... đều cho thấy, việc đẩy mạnh khai thác và chiếm giữ thị trường trong nước không chỉ có ý nghĩa trước mắt mà còn có ý nghĩa lâu dài. Do cuộc chiến tranh I-rắc, đầu năm 2003, giá xăng dầu, phân bón, sắt thép tăng đồng loạt. Nếu không có sản xuất trong nước thì nền kinh tế sẽ bị chao đảo. Vì vậy, chúng ta vừa phải lo mở rộng thị trường và tăng thị phần cho hàng xuất khẩu trên thị trường thế giới, vừa phải lo phát triển sản xuất và chiếm lĩnh thị trường trong nước trước khi mở cửa tự do hóa thương mại, đầu tư và đãi ngộ quốc gia.

4. Đẩy nhanh thương mại điện tử để tăng tốc độ giao dịch mở rộng thị trường, giảm chi phí kinh doanh. Học tập kinh nghiệm một số nước ASEAN về cải cách hành chính đi đôi với vi tính hóa và nổi mạng, kịp thời nắm thông tin và kiểm soát vĩ mô các ngành nhạy cảm như tài chính, ngân hàng. Xin-ga-po là một ví dụ đáng để chúng ta khảo sát. Họ có trên 134 ngân hàng có chế độ báo cáo hàng ngày về trung tâm quản lý theo mã riêng từng ngân hàng, vừa giữ được bí mật cho doanh nghiệp, vừa quản lý được lĩnh vực nhạy cảm này. Thái Lan sau cuộc khủng hoảng năm 1997 cũng tiến tới áp dụng quản lý hằng ngày. Hải quan Xin-ga-po nổi mạng với các doanh nghiệp, trung bình chỉ 30 phút đã hoàn tất các thủ tục xuất nhập khẩu và đóng thuế cho một lô hàng nhập khẩu không cần giấy phép.

5. Phải xây dựng chiến lược hội nhập, nhanh chóng đổi mới cơ cấu kinh tế, đầu tư thiết bị và công nghệ hiện đại, chuyển đổi chính sách để theo kịp những thay đổi của khu vực và thế giới; chủ động chuẩn bị để thực hiện tất cả các cam kết quốc tế.

6. Tranh thủ các chương trình đào tạo, các nguồn lực và sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật của tất cả các nước để chuẩn bị tốt cho tiến trình đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới và hội nhập với nền kinh tế thế giới và khu vực một cách có hiệu quả nhất. □

BÀI HỌC VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CỦA TRUNG QUỐC

NGUYỄN THỊ THU HÀ *

TRUNG Quốc có gần 1,4 tỉ người nhưng lại đang "thiếu" lao động. Đó là một nghịch lý. Nền kinh tế tăng trưởng suốt một thời gian dài với tốc độ "phi mã" nhưng cũng tồn tại nhiều sự tụt hậu, trong đó có sự tụt hậu về trình độ nguồn nhân lực. Điều đó đang làm cho nền kinh tế rơi vào trạng thái vừa "thiếu" lại vừa "thừa" về nguồn nhân lực. "Thừa" những người không đủ năng lực để đáp ứng những yêu cầu mới của sự phát triển, và "thiếu" những người có trình độ thực sự để đảm đương những công việc đòi hỏi phải có tay nghề cao, kỹ năng lao động giỏi.

Hiện nay, theo một số liệu, Trung Quốc còn khoảng 100 triệu lao động trong độ tuổi không có việc làm, nhưng lại rất thiếu những công nhân kỹ thuật thành thạo trong các lĩnh vực sản xuất mới, do đó phải mời gọi kỹ thuật viên nước ngoài. Theo số liệu thống kê, chỉ có 5% trong số 70 triệu công nhân kỹ thuật của Trung Quốc có những chứng chỉ kỹ thuật viên cao cấp. Điều đó càng cho thấy, trình độ tay nghề càng cao đang càng hiếm dần. Điều này hoàn toàn trái ngược với cơ cấu hiện đại của các nước phát triển (gần 40% lực lượng lao động kỹ thuật là các kỹ thuật viên có được các chứng nhận kỹ thuật viên cao cấp). Theo đánh giá của các chuyên gia, chất lượng sản phẩm thấp của phần lớn các ngành sản xuất và dịch vụ ở Trung Quốc hoàn toàn có thể là do tình

trạng thiếu hụt trầm trọng đội ngũ công nhân kỹ thuật tay nghề cao, trong khi đó trình độ của đội ngũ kỹ sư thì tương đối cao lại dư thừa.

Trước khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), một số chuyên gia đã dự báo, trong lĩnh vực nông nghiệp có thể sẽ thừa ra khoảng 10 triệu lao động (chưa kể các ngành khác), nếu không cạnh tranh được với các nước trong WTO về hàng hóa, thị trường và thậm chí cả lĩnh vực lao động. Đúng như dự kiến, theo số liệu thống kê, hiện nay có trên 60 000 người nước ngoài đã nhận được giấy phép lao động ở Trung Quốc, trên thực tế con số đó còn có thể lớn hơn rất nhiều. Hầu hết lao động ngoại quốc được các công ty Trung Quốc có nhu cầu thuê thực sự và trả công trực tiếp và hiện đang làm việc trong các lĩnh vực, như: quản trị, ma-két-tin, sản xuất, tài chính, cung cấp dịch vụ giải trí và giáo dục. Họ đến từ hơn 90 nước và khu vực, mà đông nhất là từ Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc, Đức và Xin-ga-po. Phần lớn trong số họ tập trung ở các thành phố lớn, như: Bắc Kinh, Thượng Hải (chỉ riêng Phố Đông đang có trên 400 nhà đầu tư nước ngoài đóng trụ sở và hoạt động) và Quảng Châu. Sau khi Trung Quốc trở thành

* ThS, Bộ Bưu chính - Viễn thông

thành viên chính thức của WTO, nhu cầu được đến làm việc tại Trung Quốc của người nước ngoài đang tăng lên.

Mách bảo của thị trường

Nếu chỉ cốt có một nơi làm việc với năng lực kiểu gì cũng được thì chuyện đó chỉ còn tồn tại trong quá khứ - thời kỳ bao cấp, kế hoạch hóa tập trung. Ngày nay, đứng trước sự cạnh tranh mãnh liệt, các doanh nghiệp phải cân nhắc từng đồng chi tiêu để làm sao có hiệu quả và có lãi. Bởi vậy, những lời mách bảo của thị trường, hay còn gọi là nhu cầu thị trường, là mệnh lệnh số một hối thúc các doanh nghiệp phải có hành động kịp thời và chuẩn xác.

Là một nước nổi tiếng về lòng tự hào dân tộc và tính cộng đồng, nên việc xuất hiện không ít lời bàn tán xôn xao trong dư luận vào năm 2001 khi lần đầu tiên một hãng hàng không Trung Quốc tuyển dụng 12 chiêu đãi viên người Nhật Bản. Một cuộc điều tra thăm dò ý kiến người tiêu dùng cho thấy, hằng ngày, hãng hàng không này đã thực hiện 40 chuyến bay Trung Quốc - Nhật Bản và ngược lại, trong khi đó có tới 60% số hành khách trên các chuyến bay là người Nhật và phần đông trong số họ đang gặp khó khăn trong giao tiếp bằng tiếng Anh. Và theo họ, các chiêu đãi viên Trung Quốc dường như không gây được thiện cảm (do bất đồng ngôn ngữ). Có tới 52% số người được hỏi cho rằng, họ thích các chiêu đãi viên người Nhật. Vượt lên trên mọi "điều ong tiếng ve", hãng hàng không này đã nhận được phần thưởng của thị trường, số chuyến bay và hành khách tăng lên rõ rệt sau khi đưa ra các quyết định tuyển dụng người Nhật làm chiêu đãi viên.

Tư tưởng tiến cùng thời đại

Ngoài những lợi ích mà việc tuyển dụng lao động nước ngoài vào những chỗ làm việc

cần thiết, sự tăng lên về số lượng lao động người nước ngoài cũng đang thể hiện những nỗ lực của Trung Quốc trong việc đạt các tiêu chuẩn quốc tế về mặt kiến thức, nguồn nhân lực, nhất là hoạch định chính sách, cập nhật các khái niệm mới, chất lượng dịch vụ và sản phẩm. Khi lập kế hoạch cho sự phát triển tương lai của mình, không ít các doanh nghiệp của Trung Quốc đã thu hút một số tài năng quốc tế. Chính vì vậy, họ đã không tốn nhiều thời gian trong việc đạt được chuẩn mực quốc tế. Thậm chí điều đó còn đem lại lợi ích kinh tế lớn mỗi khi chiếm lĩnh được thị trường trước sự cạnh tranh gay gắt. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một xu hướng hiện hữu và ngày càng tỏ rõ tính hợp lý của nó.

Những nỗ lực mà các nhân viên ngoại quốc đã bỏ ra đều không uổng. Hiệu quả kép đã thể hiện rất rõ, một mặt họ có thu nhập, nhưng mặt khác, cái không đo đếm được là họ đang góp phần gây thiện cảm trong tiềm thức của người dân bản địa vốn đã có truyền thống lịch sử lâu đời. Một huấn luyện viên người Crô-a-ti-a của đội tuyển bóng chày quốc gia Trung Quốc đã mang lại niềm vui cho người dân Trung Quốc, nhất là những cổ động viên của đội bóng này, mỗi khi đội mang những chiến thắng trở về. Hay nhờ sự giúp đỡ của một trưởng văn phòng đại diện Phờ-rem-a-tôm mà Nhà máy công cụ số 1 của Thượng Hải đã sản xuất ra thiết bị cho nhà máy điện hạt nhân. Những sản phẩm này đã nhận được sự đánh giá rất cao của Ủy ban Giám sát khoa học và Công nghệ của Pháp, và được liệt vào loại sản phẩm được WTO thừa nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Không tiếc học phí

Nhiều công ty bảo hiểm của Trung Quốc đã đầu tư một khoản tiền lớn để thuê các cố vấn và các nhân viên ngoại quốc. Công ty bảo

hiếm Ping ở Trung Quốc lại còn tiến xa hơn nữa: mời một phó tổng giám đốc của một công ty nổi tiếng của Mỹ. Hiện nay, nhiều công ty khác cũng đã cảm thấy không thể bỏ qua những cơ hội hiếm hoi đó trong chiến lược phát triển của mình. Họ đã thấu hiểu được rằng, việc tuyển dụng được những người có tài sẽ là một trong những biện pháp chủ yếu để tăng cường sự phát triển dài hạn của công ty.

Những cố gắng thu hút tài năng từ nước ngoài đã trở thành cuộc cạnh tranh lao động thực sự. Người thắng cuộc chắc chắn làm nên cái điều mà trước đây chưa hề có, đó là làm sao để nhiều người muốn đến Trung Quốc tìm kiếm cơ hội việc làm và có nhiều thu hoạch. Những thành tựu kinh tế, những triển vọng tươi sáng của quốc gia này và sự sống động trong cuộc sống hằng ngày..., tất cả đã hợp thành những lý do đầy tính thuyết phục để thu hút lao động nước ngoài tới Trung Quốc.

Thực tế đã cho thấy, nhiều người nước ngoài coi Trung Quốc là một địa điểm tốt để làm việc và thể hiện tài năng. Thu nhập hằng tháng của một số nhân viên quản lý nhân sự cao cấp trong một vài công ty xuyên quốc gia đã lên tới 100 ngàn USD.

Có chính sách mạnh dạn tìm người tài

Năm 2001, một thị trường tài năng quốc tế Trung Quốc, do Văn phòng chuyên gia ngoại quốc Trung Quốc hỗ trợ và được Hiệp hội Trao đổi tài năng Trung Quốc thành lập, đã bắt đầu đi vào hoạt động. Đây là cơ quan đầu tiên xuất hiện tại Trung Quốc. Mục tiêu của dịch vụ này là mở rộng phạm vi hoạt động quốc tế. Đây là một tổ chức trung gian, đồng thời là một kênh để thông qua đó thu hút được người nước ngoài vào làm việc và gửi nhân viên ra nước ngoài đào tạo. Thị trường này

hiện nay đang được sự ủng hộ toàn diện của Văn phòng chuyên gia nước ngoài, với nhiệm vụ chủ yếu là tìm kiếm và mời các chuyên gia ngoại quốc, như: các nhà khoa học, các chuyên gia kỹ thuật, các giảng viên đại học... đến làm việc tại Trung Quốc, dựa trên việc thu thập các yêu cầu từ các đơn vị trong nước. Ngoài các kênh thông tin trong nước, thị trường này cũng có một trang điện tử để quảng bá thông tin cho các tài năng hải ngoại.

Thượng Hải là một thành phố lớn của Trung Quốc được mệnh danh là nơi tập trung nhiều tài năng lỗi lạc từ khắp mọi miền của đất nước và đang là cánh cửa tiên phong mở ra thế giới. Tại đây, việc xây dựng một cơ chế, thông qua đó, hội tụ được các tài năng ngang tầm với những tiêu chuẩn của quốc tế trong tương lai gần, đang là mục tiêu được ưu tiên số một trong phát triển nguồn nhân lực. Thượng Hải phấn đấu đến năm 2005, sẽ đứng đầu châu Á về việc tuyển dụng tài năng và đến năm 2015, một khung pháp lý về thu hút tài năng quốc tế sẽ bắt đầu được định hình.

Sau khi Trung Quốc trở thành thành viên của WTO, thị trường lao động quốc gia và quốc tế sẽ ngày càng liên thông với nhau, cho nên mọi sự cản trở có tính chất truyền thống và hành chính còn sót lại sẽ bị dỡ bỏ. Theo đó, thị trường lao động Trung Quốc sẽ còn được rộng mở hơn nữa đối với lao động là người nước ngoài. Lao động nước ngoài rồi đây không còn chỉ là những kỹ thuật viên mà gồm tất cả các dạng hoạt động hợp pháp, mọi người sẽ được hoan nghênh đón tiếp bằng những vòng tay rộng mở. Các biện pháp để thu hút tài năng ngoại quốc cũng sẽ được sửa đổi và bổ sung cho phù hợp.

Trước mắt, Trung Quốc đang thực hiện việc phát hành "thẻ xanh", một loại thẻ dành

cho những kỹ thuật viên, các nhà đầu tư, các nhà doanh nghiệp với một "đặc quyền" là vào Trung Quốc sẽ không cần vi-sa. Chính phủ Trung Quốc đang dự định sẽ cung cấp nhiều dịch vụ hơn, và cũng sẽ chỉ định một số cơ quan cụ thể cung cấp tất cả các thông tin và các dịch vụ trung gian cho người nước ngoài. Tất cả những việc làm này sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế và tăng cường sức cạnh tranh của Trung Quốc trên thị trường quốc tế.

Bài học không riêng cho Trung Quốc?

Rõ ràng, cái lợi ở tầm quốc gia của việc sử dụng lao động nước ngoài trên đất nước mình, ngoài phần lao động mà họ bỏ ra một cách trực tiếp cho các công ty, không chỉ giới hạn trong các khoản tiền thuế mà họ đóng góp cho ngân sách, hay dịch vụ mà họ sử dụng trong suốt thời gian sinh sống và làm việc. Mặc dầu vậy, không ít ý kiến đã lên tiếng cảnh báo rằng, đất nước không nên đi quá xa trong lĩnh vực tuyển dụng lao động nước ngoài, mà cần sớm rút ra cho mình những bài học quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực. Bởi vì, nếu cứ đà này thì chẳng khác nào ngành đào tạo nguồn nhân lực trong nước đang "thua trên sân nhà" trong cuộc cạnh tranh tại thị trường sức lao động. Trên thực tế, nhiều quốc gia cũng đã thực hiện những biện pháp thật cần thiết để bảo vệ lực lượng lao động của chính đất nước họ và thực thi những biện pháp kiểm soát ngặt nghèo đối với vấn đề sử dụng lao động nước ngoài.

Tuy nhiên, một số học giả khác thì lại cho rằng, sử dụng được các lao động ngoại quốc là một bằng chứng đối với sức mạnh tổng thể ngày càng tăng lên của Trung Quốc. Họ coi đây như là hiện tượng kế tiếp, sau sự phát triển thần kỳ mấy năm gần đây của nền kinh tế Trung Quốc. Quy mô của thị trường lao

động Trung Quốc là rất to lớn và việc chấp nhận một số lượng có tính toán người lao động nước ngoài là lẽ thường tình và phù hợp với quy luật phát triển. Những người theo cách lập luận này tỏ ra rất nghiêm khắc khi nói rằng, nếu người lao động Trung Quốc không chịu học tập, rèn luyện nhằm nâng cao tay nghề và tận dụng hết mọi cơ hội về việc làm, cũng như không tỏ ra tận tụy trong công việc, thì họ không thể đổ lỗi cho ai khác, khi chính họ bị đẩy ra khỏi thị trường sức lao động. Số người theo cách lập luận này cho rằng không nên quá hốt hoảng trước những hiện tượng mới. Họ đưa ra một ví dụ điển hình, hiện tại có tới 16 ngàn người nước ngoài và 5 ngàn đồng bào Trung quốc từ Đài Loan, Hồng Kông và Ma Cao đã nhận được "thẻ xanh" đến làm việc tại Bắc Kinh, 85% trong số họ là những chuyên gia, những nhà quản lý cao cấp. So với dân số của Bắc Kinh (khoảng 10 triệu người hiện nay), thì tỷ lệ 0,21% người lao động ngoại quốc không nên coi là một sự đe dọa nào đó đối với triển vọng tìm việc làm của tuyệt đại đa số người dân Bắc Kinh.

Các quan điểm có thể rất khác nhau, nhưng cũng có thể là tất cả đều đúng ở những phương diện mà nó tiếp cận. Một điều chắc chắn rằng, hội nhập với thế giới thì vấn đề việc làm của Trung Quốc cũng phải trải qua những thay đổi theo chiều hướng chuẩn hóa và quốc tế hóa về chất lượng. Điều đó có nghĩa là việc quản lý có hiệu quả vấn đề nhập lao động nước ngoài cũng rất cần thiết để hạn chế tối đa những hậu quả phát sinh, "lợi bất cập hại"; và nhanh chóng chấn chỉnh lại hệ thống đào tạo nguồn nhân lực để vừa bảo đảm chất lượng, vừa có cơ cấu lao động được đào tạo phù hợp hơn với nhu cầu thị trường, vừa tăng cường tiềm lực cạnh tranh của những người lao động giỏi trong nước. □

Tọa đàm khoa học

“NGHIÊN CỨU, TUYÊN TRUYỀN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA TRÊN CÁC TẠP CHÍ”

NGÀY 25-12-2003, tại Hà Nội, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã tổ chức Tọa đàm khoa học *“Nghiên cứu, tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trên các tạp chí”*. Đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì Tọa đàm. Đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa - Thông tin, lãnh đạo các vụ chức năng của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và các đồng chí lãnh đạo của hơn hai mươi tạp chí tham gia Tọa đàm.

Bằng nhiều cách tiếp cận khác nhau, các tham luận đã đề cập tư tưởng Hồ Chí Minh, văn hóa Hồ Chí Minh từ những góc độ: chính trị, dân vận, quân sự, văn học, triết học, sử học, kinh tế học... Ý kiến tại cuộc tọa đàm đều thống nhất nhận định: *Tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa nói riêng thực sự là đề tài lớn, hấp dẫn đối với người nghiên cứu. Nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh từ lâu đã trở thành nhiệm vụ quan trọng của nhiều báo, tạp chí. Trong nhiều năm qua, việc truyền bá tư tưởng Hồ Chí Minh được nhiều tạp chí xây dựng thành chuyên mục thường kỳ, thu hút sự cộng tác của nhiều nhà khoa học, nghiên cứu và được nhiều bạn đọc đón nhận.*

Kết luận Tọa đàm, đồng chí Hồng Vinh đánh giá cao những nội dung, kết quả tuyên truyền về tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trên các tạp chí. Nhiều tạp chí đã tích cực triển khai Chỉ thị 23/CT-TW của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và đang tiếp tục tuyên truyền kết quả, đánh giá, tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa - văn nghệ.

Để phát huy và nâng cao hiệu quả tuyên truyền giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, thời gian tới, các tạp chí cần phải biết phát huy lợi thế của nghiên cứu chuyên sâu. Không chỉ dừng ở việc lý giải, giới thiệu tư tưởng Hồ Chí Minh, các bài viết cần bổ sung phát triển tư tưởng của Người, phân tích làm sáng tỏ hơn nữa những luận điểm được ghi trong các văn kiện Đại hội Đảng, như tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể trên lĩnh vực văn hóa. Tìm hiểu, phân tích làm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) với ba luận điểm rất cơ bản: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; văn hóa là tầm cao trí tuệ và văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung kiến giải những vấn đề lý luận như nền văn hóa tiên tiến là gì, mối quan hệ giữa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc; phân tích sâu sắc Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) là cụ thể hóa sinh động tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa Việt Nam. Các tạp chí cố gắng khai thác khía cạnh mới trong nội dung văn hóa Hồ Chí Minh, giới thiệu công trình nghiên cứu mới về Hồ Chí Minh; tham gia tổng kết thực tiễn và nâng lên thành lý luận văn hóa trên từng khía cạnh, nói và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm làm cho tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo nên động lực, kinh nghiệm và phương pháp mới góp phần vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta kiên trì thực hiện. □

HỘI ĐỒNG BẢO AN LIÊN HỢP QUỐC VÀ KINH NGHIỆM CHUẨN BỊ LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

Trong ngày 2 và 3-12-2003, tại Hà Nội, diễn ra Hội thảo "Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và kinh nghiệm chuẩn bị làm thành viên Hội đồng" do Bộ Ngoại giao nước ta phối hợp với Đại sứ quán Vương quốc Anh tại Việt Nam và Quỹ Ford cùng tổ chức, với mục đích nhằm tăng cường trao đổi thông tin và kinh nghiệm cho Việt Nam chuẩn bị ứng cử làm thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009.

Tới dự Hội thảo có Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Văn Bàng, Đại sứ Việt Nam tại Liên hợp quốc Nguyễn Thành Châu, Đại sứ Vương quốc Anh R. Go-đơn, Đại diện Văn phòng Quỹ Ford C. R. Bây-li, cùng đại diện các bộ, ngành, các cơ quan liên quan trong nước và một số tổ chức của Liên hợp quốc tại Hà Nội.

Sau Lời khai mạc của Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Văn Bàng và phát biểu của các ngài R. Go-đơn và C. R. Bây-li, 10 báo cáo chuyên đề của các đại biểu, chuyên gia trong nước và quốc tế trình bày tại Hội thảo tập trung làm rõ những nội dung sau:

Thứ nhất, giới thiệu chung về Hội đồng Bảo an - một trong 6 cơ quan chính của Liên hợp quốc - với trách nhiệm hàng đầu trong việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế; cơ cấu tổ chức của Hội đồng Bảo an; chức năng và quyền hạn; quá trình thương lượng và ra quyết định; thủ tục hoạt động; quan hệ của Hội đồng Bảo an với các cơ quan khác của Liên hợp quốc và hợp tác với các tổ chức khu vực, nhất là với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN); vai trò của Hội đồng Bảo an trong tương lai và các thách thức đặt ra trước nó.

Thứ hai, những đóng góp và hạn chế của Hội đồng Bảo an. Bên cạnh những đóng góp to lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ chính của mình thông qua một số hoạt động như việc đưa ra các lệnh trừng phạt, hoạt động của lực lượng gìn giữ hòa bình, của Ủy ban chống khủng bố, của hai toà án xét xử tội phạm chiến tranh và các chương trình giải trừ quân bị, Hội đồng Bảo an vẫn chưa khắc phục được những hạn chế của mình trong những hoạt động trên, như thiếu tính công minh cũng như tác động xấu về nhân đạo của các lệnh trừng phạt, hoạt động của các lực lượng gìn giữ hòa bình không hiếm khi bị lợi ích riêng của các thành viên trong Hội đồng Bảo an thao túng,...

Song, gìn giữ hòa bình và an ninh thế giới vẫn là một nhu cầu chung của nhân loại. Để đáp ứng nguyện vọng này, Hội đồng Bảo an phải thực hiện những cải cách theo hướng dân chủ hóa để bảo đảm vai trò lãnh đạo, điều phối các hoạt động gìn giữ hòa bình và an ninh thế giới, vì sự công bằng và lợi ích chung của tất cả các quốc gia.

Thứ ba, việc tham gia ứng cử vào thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an trong chủ trương đối ngoại chung của Việt Nam.

Nước ta chính thức đăng ký ứng cử tham gia Hội đồng Bảo an từ năm 1997 và cho tới nay là nước duy nhất trong Nhóm châu Á ứng cử vào vị trí này. Với chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, uy tín của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế, nhất là tại Liên hợp quốc. Việt Nam đã chủ động và có nhiều đóng góp tích cực vào các công việc chung của Liên hợp quốc, như giữ chức Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc các năm 1997, 2000, 2002; là thành viên Hội đồng chấp hành Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) nhiệm kỳ 1997 - 1999; thành viên Hội đồng Kinh tế - xã hội của Liên hợp quốc (ECOSOC) nhiệm kỳ 1998 - 2000; thành viên Hội đồng điều hành của Chương trình Phát triển Dân số của Liên hợp quốc (UNDP) nhiệm kỳ 2000 - 2002; thành viên Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2001 - 2003, thành viên Ủy ban Phát triển xã hội nhiệm kỳ 2001 - 2004.

Việt Nam ủng hộ các nỗ lực chung về cải tổ và dân chủ hóa Liên hợp quốc, yêu cầu củng cố và tăng cường các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc.

Việc tích cực chuẩn bị cho ứng cử làm thành viên Hội đồng Bảo an là sự tiếp nối các nỗ lực của Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng hơn tại Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế, thể hiện tinh thần trách nhiệm và mong muốn đóng góp vào sự nghiệp chung của Liên hợp quốc và các dân tộc vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Do còn ít kinh nghiệm trong việc tham gia các hoạt động ngoại giao đa phương nên việc học hỏi kinh nghiệm của các nước là vô cùng cần thiết.

Sau phần tham luận, các ý kiến thảo luận sôi nổi đã tập trung vào các vấn đề: các công việc cần thiết đặt ra cho Việt Nam trong chuẩn bị ứng cử làm thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008 - 2009 và hoạt động tại Hội đồng Bảo an; sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan; vấn đề tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc trong tương lai v.v.. □

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ VỀ CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN VÀ NHỤC HÌNH

Trong ba ngày, từ 10 đến 12-12-2003, tại Hà Nội, Bộ Ngoại giao Việt Nam và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh kết hợp với Viện Nhân quyền Vương quốc Đan Mạch tổ chức Hội thảo quốc tế về Công ước Chống tra tấn và nhục hình. Tham gia Hội thảo, về phía Việt Nam có nhiều vị lãnh đạo và các chuyên gia, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Ngoại giao, Ban Tư tưởng - Văn hóa, Ban Khoa giáo, Ban Đối ngoại Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Ủy ban Pháp luật và Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và một số trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan thông tấn, báo chí ở trung ương và cơ quan tư pháp ở một số địa phương. Đại biểu quốc tế có các vị đại sứ của Anh, Đan Mạch, Thụy Điển, Phần Lan, Hà Lan, I-ta-li-a, Ô-xtrây-li-a... các đại diện của Liên minh Châu Âu, một số tổ chức quốc tế ở Việt Nam như UNDP, UNICEF và các chuyên gia của Viện Nhân quyền Đan Mạch.

Nhiều báo cáo, tham luận của các đại biểu trong nước và quốc tế trình bày tại Hội thảo tập trung thảo luận các vấn đề: cơ sở lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Công ước Chống tra tấn và nhục hình (tên đầy đủ là Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng trị hạ nhục, phi nhân tính và tàn tệ khác); truyền thống nhân đạo và bảo vệ quyền con người của dân tộc Việt Nam; Hiến pháp, pháp luật Việt Nam về tôn trọng, bảo đảm quyền con người; sự phù hợp của hệ thống pháp luật Việt Nam với nội dung của Công ước Chống tra tấn và nhục hình cũng như khả năng thực tế của Việt Nam tiến tới gia nhập công ước này.

Công ước Chống tra tấn và nhục hình được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 10-12-1984 và đến nay, có 134/193 nước thành viên Liên hợp quốc tham gia. Đây là một trong 6 điều ước cơ bản nhất về quyền con người của Liên hợp quốc.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Công Phụng khẳng định, tra tấn và các hình thức đối xử, trừng trị hạ nhục, phi nhân tính hoặc tàn tệ khác là sự vi phạm nghiêm trọng quyền con người, bị cộng đồng quốc tế lên án; đồng thời, cũng là những hành động trái với đạo lý và truyền thống nhân đạo, tôn trọng và bảo vệ con người của dân tộc Việt Nam. Pháp luật Việt Nam từ trước tới nay đều nghiêm cấm và có những quy định trừng phạt thích đáng đối với những người có hành vi xâm phạm đến thân thể và danh dự, nhân phẩm của công dân, bất kể người đó ở cương vị nào. Tham luận của nhiều đại biểu khác trong Hội thảo cũng khẳng định rằng, hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đã chứng tỏ sự phù hợp ở mức độ cao với những nguyên tắc và nội dung cơ bản của công ước. Cụ thể, trong pháp luật Việt Nam, quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, thân thể, danh dự và nhân phẩm của công dân được ghi nhận một cách trang trọng trong Hiến pháp 1992 (Điều 71), Bộ luật Dân sự (Điều 5, 32 và 33). Bộ luật Hình sự 1999 khẳng định, mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mới và quy định nhiều điều khoản nhằm bảo vệ công dân trước những hành vi bị cấm trong công ước kể trên như tội dùng nhục hình trong tố tụng hình sự (mức án cao nhất đến 12 năm tù), tội bức cung (mức án cao nhất đến 10 năm tù), tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội (mức án cao nhất lên đến 15 năm tù)... Bên cạnh việc ngăn cấm các hành vi tra tấn, nhục hình, Hiến pháp năm 1992 và nhiều văn bản pháp luật khác của Việt Nam như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Pháp lệnh Thi hành án phạt tù, Nghị định 47/CP, ngày 3-5-1997 và Nghị quyết số 388, ngày 17-3-2003, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bồi thường thiệt hại cho người bị oan sai do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra đã xác lập những quy chế pháp lý chặt chẽ nhằm bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo, quyền được phục hồi danh dự và được bồi thường vật chất của công dân trước những sai phạm do các cơ quan và viên chức nhà nước gây ra trong quá trình thực thi pháp luật.

Nhiều đại biểu quốc tế cũng bày tỏ sự ngưỡng mộ và khâm phục trước truyền thống nhân đạo sâu sắc của dân tộc Việt Nam cũng như tinh thần đạo và chặt chẽ của hệ thống pháp luật Việt Nam trong việc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về nhân thân của con người.

Xuất phát từ sự phù hợp ở mức độ cao của pháp luật Việt Nam với Công ước Chống tra tấn và nhục hình và nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều đại biểu đã khuyến nghị Nhà nước nên xem xét để sớm tham gia công ước này trong thời gian tới nhằm bổ sung vào danh mục 8 công ước cơ bản về quyền con người của Liên hợp quốc mà Việt Nam đã là thành viên và giúp cộng đồng quốc tế hiểu rõ hơn nữa về truyền thống nhân đạo, bảo vệ quyền con người của dân tộc cũng như tinh thần ưu việt của pháp luật xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. □



TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG VIỆT NAM
CÔNG TY VIỄN THÔNG QUỐC TẾ



Nhà cung cấp các dịch vụ viễn thông quốc tế chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam

6 cách gọi

Chất lượng tốt nhất theo tiêu chuẩn quốc tế



**... thông dụng,
... tiết kiệm
... hiệu quả**

-  Dịch vụ IDD truyền thông
-  Gọi 171 (Điện thoại tiết kiệm)
-  Gọi số, tìm người
-  HCD
-  Collect Call nhân công
-  Collect Call tự động

Để biết thêm chi tiết, hãy gọi 142 hoặc liên hệ tại các điểm giao dịch của VNPT

Địa chỉ: 97 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 8 410 026 - Fax: (84.4) 8 357 393

Email: Bussiness@vti.com.vn; Website: www.vti.com.vn

CÔNG TY TNHH THÔNG QUA
là nền tảng được thông tin



Cho bạn cảm giác như đang bên nhau

Với chất lượng âm thanh trong như pha lê, giảm bớt nhiễu âm, mang lại cảm nhận sống động đến không ngờ, bạn sẽ ngỡ "một nửa" của mình như đang kề bên. S-Fone, mạng điện thoại di động CDMA thế hệ mới, để luôn thấy rõ những gì bạn nghe.



Chúc Mừng Năm Mới

BỘ XÃ HỘI
12 Đường Trần Hưng Đạo, Hà Nội
Tel: (04) 9421030 - Fax: (04) 9421032
E-mail: webmaster@icb.com.vn

muôn
người
thành
đạt
vạn
nhà
an
khang

www.icb.com.vn



Incombank

Ngân hàng Công thương Việt Nam

108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: 04 - 9421030 / Fax: 04 - 9421032

E-mail: webmaster@icb.com.vn



BỘ XÂY DỰNG TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1

51 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 8222059 - 8222257

Fax: (08) 8290500



TÒA NHÀ 51 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - Q.1 - TP.HCM



Tháp cất áp - Dự án nước sông Sài Gòn



Công trình Đài truyền hình TP.HCM



Lắp đặt cống tròn

DỰ ÁN THOÁT NƯỚC & VỆ SINH DÀ NẴNG



Thi công mương dẫn nước



Thi công cốt thép sàn

*Chúc Mừng
Năm Mới*

2004

Digitized by Google



Bí thư Thị ủy
ĐÀO VĂN BÌNH

THỊ XÃ SƠN TÂY



Địa chỉ: Phố Trưng Vương - thị xã Sơn Tây * Điện thoại: 034.832 211-832 216



Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng VTND



Ban Thường vụ Thị ủy họp triển khai nghị quyết



Trụ sở làm việc của Thị ủy Sơn Tây

Được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã đã tích cực khắc phục khó khăn, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, vận dụng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội 9 của Đảng bộ tỉnh Hà Tây. Hơn hai năm qua, thị xã đã đạt được những kết quả quan trọng:

★ GDP tăng bình quân trong 3 năm là: 8,4%

★ Cơ cấu kinh tế: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - thương mại, dịch vụ du lịch - nông lâm ngư nghiệp đã có hướng chuyển dịch tích cực, với tỷ lệ tương ứng năm 2001 là 40%- 35%- 25%, năm 2003 là 44%- 36%- 20%.

★ Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 13,7%, giá trị thương mại dịch vụ, du lịch tăng 15,6%, giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp tăng 5,8%. Năm 2003 đạt 103 tỉ đồng, trong đó tỉ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm 49,2%.

★ An ninh chính trị được giữ vững, công tác quốc phòng quân sự địa phương 3 năm liên tiếp là lá cờ đầu phong trào quân sự địa phương của tỉnh Hà Tây.

★ Giáo dục - đào tạo: Giữ vững nâng cao chất lượng phổ cập tiểu học và trung học cơ sở. Mỗi năm đều có từ hai đến ba trường được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia.

★ Y tế: Đảm bảo khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, được công nhận là đơn vị thanh toán bệnh phong và thực hiện

4 sạch. Tỷ lệ sinh hằng năm giảm 0,02%, tỷ lệ sinh năm 2003 là 1,42%.

★ Đầu tư nhiều công trình mới như Khu Di tích ấp hai vua Ngô Quyền, Phùng Hưng; nhà thiếu nhi thị xã... Cho gần 1214 hộ vay 4,1 tỉ đồng để phát triển kinh tế xóa đói giảm nghèo. Nhờ đó, số hộ nghèo đã giảm đáng kể. Năm 2003 có 494 hộ thoát nghèo, không còn hộ đói. Mỗi năm bình quân giải quyết việc làm cho 1 500 đến 2 000 lao động địa phương.

Năm 2004 và những năm tiếp theo, các cấp ủy và chính quyền, các ngành, Mặt trận Tổ quốc từ thị xã đến cơ sở tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với mục tiêu:

★ Tập trung phát triển công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, ưu tiên phát triển du lịch, kêu gọi đầu tư phát triển, xây dựng 8 cụm điểm công nghiệp, tập trung phát triển những đô thị mới. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế (48%-37%-15%)

★ Duyệt những dự án đầu tư du lịch, dịch vụ trên địa bàn tạo việc làm cho người dân bằng nhiều hướng, phần đầu GDP tăng 9,6% so với năm trước, giá trị công nghiệp tăng 16%, dịch vụ thương mại tăng 17%

★ Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, xây dựng Đảng bộ thị xã Sơn Tây vững mạnh, tăng cường hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc

Mừng Đảng Mừng Xuân

Thành cổ Sơn Tây



CÔNG TY PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang * Điện thoại: 0240.854 538; 048.355 981; Fax: 0240.855 018

TRẠM BÁN NH₃ LỎNG BIÊN HÒA

Đường số 3, Khu Công nghiệp 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 061.834 741; Fax: 061.834 741

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. ĐAM URE:

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam, Huy chương Vàng Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp năm 1993, tại Hà Nội.

Chỉ tiêu chất lượng:

- Hàm lượng Nitơ $\geq 46\%$
- Hàm lượng ẩm $\leq 0,5\%$
- Sản lượng: 150 000 tấn/năm

2. AMONIAC LỎNG (NH₃ LỎNG):

Sản phẩm đạt Huy chương Vàng Hội chợ kinh tế quốc dân năm 1986 và năm 1998, Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp năm 1993 tại Hà Nội.

Chỉ tiêu chất lượng chính:

- Hàm lượng NH₃ $\geq 99,9\%$
- Sản lượng 90.000 tấn/năm.

3. CÁC BON ĐIOXIT (CO₂):

Hệ thống sản xuất CO₂ lỏng, rắn chất lượng cao được đầu tư đồng bộ thiết bị công nghệ tiên tiến của Cộng hòa liên Bang Đức.

Chỉ tiêu chất lượng chính:

- Hàm lượng CO₂ $> 99,9\%$.
- Sản lượng:

-CO₂ lỏng: 7 200 tấn/năm.

- CO₂ rắn: 1 000 tấn/năm.

4. NITƠ KHÍ (N₂):

Chỉ tiêu chất lượng:

- Ni-tơ kỹ thuật:
- Hàm lượng N₂ $> 95\%$
- Ni-tơ thuần:
- Hàm lượng N₂ $\geq 99,5\%$

5. ÔXY KHÍ (O₂):

Chỉ tiêu chất lượng:

- Hàm lượng O₂ $\geq 98\%$
- Sản lượng: 360 000 m³/năm

6. NPK CÁC LOẠI:

NPK 5-10-3; NPK 8-6-4

NPK 5-7-6; NPK 10-5-3

NPK 10-14-12

Sản lượng: 30 000 tấn/năm

7. THAN HOẠT TÍNH CÁC LOẠI:

Được sản xuất từ than gỗ

Sản lượng: 200 tấn/năm

8. GIẤY ĐẾ XUẤT KHẨU:

Sản lượng: 3 300 tấn/năm.



41
NĂM

TRƯỜNG TRUNG HỌC THỦY SẢN IV

Địa chỉ: Đình Bảng - Từ Sơn - Bắc Ninh* Tel: 0241.831 632 * Fax: 0241.832 909

KHEN THƯỞNG: 1 Huân chương Lao động hạng Ba, 1 Huân chương Lao động hạng Nhì, 1 Huân chương Lao động hạng Nhất, 2 lần được tặng Cờ luân lưu của Chính phủ, 3 Nhà giáo ưu tú, 2 đồng chí được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, nhiều tập thể, cá nhân được tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.



Cơ sở 2 của trường giai đoạn 2003 - 2007



Đồng chí Tạ Quang Ngọc UVTW Đảng Bộ trưởng Bộ Thủy sản dự lễ khai giảng và giao nhiệm vụ năm học 2002 - 2003 cho nhà trường



Giờ thực hành máy vi tính

Trường Trung học Thủy sản IV được thành lập năm 1962, từ tiền thân là Trường Văn hóa nghiệp vụ và Trường Trung học Thủy sản TW II.

BỘ MÁY TỔ CHỨC NHÀ TRƯỜNG

- 125 CBGD và nhân viên (49 GV, trong đó có 8 thạc sỹ, 41 đại học).
- 5 Phòng chức năng: Đào tạo, Hành chính-Tổ chức, Quản trị-Đời sống, Tài chính-Kế toán, Công tác học sinh.
- 5 Tổ bộ môn: Nuôi thủy sản, Cơ sở cơ bản, Hạch toán kế toán, Tin học ngoại ngữ, Văn hóa nghiệp vụ.
- 2 Trại thực nghiệm: Trại Thực nghiệm NTTS nước mặn lợi tại Quảng Ninh, Trại Thực nghiệm NTTS nước ngọt tại Bắc Ninh.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

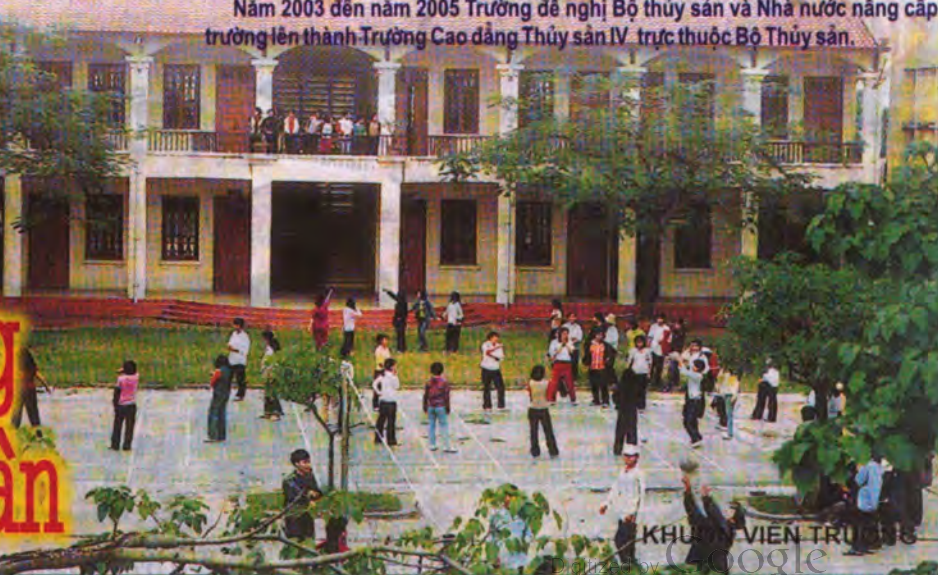
- Đào tạo THCN: có 3 ngành: Nuôi trồng thủy sản, Hạch toán kế toán, Kế toán Tin học. Thời gian đào tạo 2 năm.
- Đào tạo CNKT: có 2 chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản nước ngọt, Nuôi trồng thủy sản nước mặn. Thời gian đào tạo từ 3 tháng đến 1 năm.
- Liên kết đào tạo hệ ĐHTC: 3 chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản, Kế toán doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh.
- Liên kết đào tạo hệ CĐ chính quy chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản.
- Bồi dưỡng CCVC cho ngành thủy sản thuộc các tỉnh phía Bắc.

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO:

- Trường được xây dựng trên khuôn viên 1,6 héc-ta với 4 tòa nhà 3 tầng, 12 phòng học lý thuyết, 4 phòng thí nghiệm, 3 phòng thực hành tin học, 1 phòng học tiếng, 1 thư viện, 1 trại thực nghiệm nước ngọt.
- Cơ sở thực hành ngoài trường: Trại thực nghiệm NTTS nước mặn lợi tại Quảng Ninh diện tích 50 ha, Phòng Nghiên cứu và Chuẩn đoán bệnh động vật thủy sản.

Năm 2003 đến năm 2005 Trường đề nghị Bộ thủy sản và Nhà nước nâng cấp trường lên thành Trường Cao đẳng Thủy sản IV, trực thuộc Bộ Thủy sản.

**Mừng
Đảng
Mừng
Xuân**



KHU VƯỜN TRƯỜNG

THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Địa chỉ: Thị xã Sông Công - tỉnh Thái Nguyên * Điện thoại: 0280 862 286



Bí thư: **NGUYỄN TÀI HÀ**

Thị xã Sông Công (tỉnh Thái Nguyên) được thành lập ngày 01/04/1985 theo Quyết định số 1113/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Ngày 01-07-1985, bộ máy tổ chức thị xã bắt đầu hoạt động. Thị xã có tổng diện tích tự nhiên là 83,54 km², số dân là 45 000 người. Thị xã Sông Công được Chính phủ xác định là một trong những trung tâm công nghiệp lớn ở phía Bắc, đặc biệt là về cơ khí - chế tạo máy.

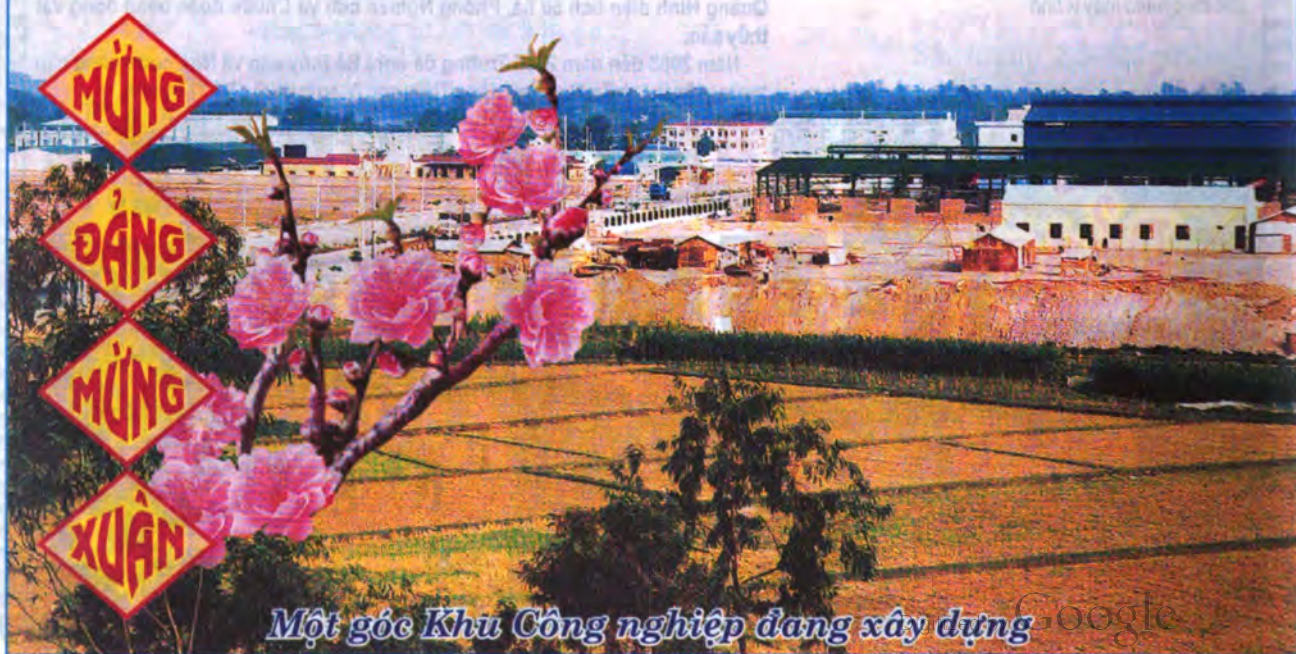
➤ Sau gần 19 năm xây dựng và phát triển, thị xã Sông Công đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Đặc biệt sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng: kinh tế luôn có mức tăng

trường trên 15%; trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng trên 30%, dịch vụ tăng trên 20%, sản xuất nông nghiệp tăng trên 10%, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 7 triệu đồng/năm. Các hoạt động văn hóa - xã hội đều có tiến bộ, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững.

➤ Thị xã Sông Công đang đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặc biệt, Khu Công nghiệp tập trung Sông Công với diện tích 320 héc-ta đã và đang phát huy tác dụng; 2 cụm công nghiệp vừa và nhỏ với diện tích 50 héc-ta đã thu hút 20 nhà đầu tư vào sản xuất công nghiệp trên địa bàn thị xã.

➤ Với điều kiện thuận lợi về điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng tương đối đầy đủ, có đường quốc lộ 3 đi qua, chỉ cách Hà Nội 55 km, cách sân bay Nội Bài trên 30 km, với chính sách mở cửa, thông thoáng, các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư..., thị xã Sông Công sẽ là nơi rất thuận lợi để đón những nhà đầu tư trong và ngoài nước.

➤ Với những thành tựu của gần 19 năm xây dựng và phát triển, nhất là những kết quả nổi bật trong năm 2003 và 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, nhân dân thị xã Sông Công phấn khởi, vững tin bước vào thực hiện nhiệm vụ năm 2004, sớm đưa Sông Công trở thành một đô thị công nghiệp, ngày càng giàu đẹp.



Một góc Khu Công nghiệp đang xây dựng



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

ĐC: 352 Đội Cấn Ba Đình Hà Nội * ĐT: 04.7.625.934 * Fax: 04.7.625.923

Email: xuatbanyhoc@netnam.vn * Giám đốc: **HOÀNG TRỌNG QUANG**

Chào mừng Ngày Thành lập Đảng mừng 3 tháng 2



Nhà xuất bản Y học thành lập tháng 10 - 1959. Là nhà xuất bản chuyên ngành, với tôn chỉ và mục đích là phục vụ các đối tượng trong và ngoài ngành, sử dụng tri thức khoa học - kỹ thuật, quản lý nghiệp vụ y, dược; quy tụ việc xuất bản và in các ấn phẩm của ngành.

Nhà xuất bản Y học có chức năng xuất bản in ấn và phát hành các loại sách:

1. Sách phổ thông y dược học.
2. Sách giáo khoa y dược học.
3. Sách chuyên đề y dược học.
4. Sách dịch y dược học của các nước trên thế giới.
5. Sách y dược học cổ truyền.
6. Sách ngoại văn giới thiệu nền y tế và y học Việt Nam ra nước ngoài.



7. Sách cho chương trình quốc gia và quốc tế về y tế.
8. Trang tuyên truyền bảo vệ sức khỏe.
9. Hệ thống sổ sách quản lý nghiệp vụ y dược.

CÔNG TY VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Mai Thị Hồng Hạnh, thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: 077 864370 - 910520 - 864230 * Giám đốc: **NGUYỄN VĂN HÙNG**

1. Công ty Vận tải Thủy bộ Kiên Giang là đơn vị chuyên kinh doanh vận tải bằng phương tiện đường thủy, đường bộ trong phạm vi cả nước, với chất lượng phương tiện hiện đại nhất. Đội ngũ công nhân có tay nghề cao, nhiều năm kinh nghiệm, phục vụ chu đáo, an toàn, văn minh, lịch sự...

XE KHÁCH (60 XE)

Xe HUYNDAI, ASIA,... chạy các tuyến nội tỉnh, liên tỉnh và chạy Bắc Nam như Hải Phòng, Thái Bình,...

Xe chất lượng cao: Chạy tuyến Rạch Giá đi TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu hàng đêm. Khách được phục vụ miễn phí khăn lạnh và nước suối trên xe.

XE BUÝT (55 XE)

Hoạt động trên các tuyến Rạch Giá đi Tắc Cậu (Châu Thành), Rạch Giá đi Tân Hiệp, Rạch Giá đi Trí Tôn (Hòn Đất) và sắp tới sẽ đầu tư 25 xe chạy tuyến Rạch Giá đi thị trấn Giồng Riềng (huyện Giồng Riềng).

Công ty là doanh nghiệp kinh doanh vận tải xe buýt đem lại hiệu quả cao mà không có sự bù lỗ của Nhà nước, ngoài ra còn đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách.

ĐỘI TÀU KHÁCH BIỂN.

Hiện, công ty có 6 tàu vỏ sắt với trọng tải mỗi tàu từ 190 đến 200 khách và 50 tấn hàng. Tàu hoạt động bình thường trong gió cấp 6 (sóng cấp 5).

2. Nhận thực hiện các hợp đồng thuê bao chở khách đi tham quan, du lịch, hội họp, công tác,... trong phạm vi cả nước.

3. Công ty hệ thống xưởng sửa chữa đường thủy và đường bộ chuyên sửa chữa các loại phương tiện đường thủy và đường bộ theo yêu cầu của Quý khách.

Trong các năm qua, công ty luôn đạt và vượt mức kế hoạch, tăng doanh thu, lợi nhuận, làm nghĩa vụ với Nhà nước, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho gần 300 lao động.

Tập thể và cá nhân của công ty đã được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- + Huân chương Độc lập hạng Ba.
- + Huân chương Lao động các loại Nhất, Nhì, Ba.
- + Nhiều bằng khen của Thủ tướng, các bộ, ban, ngành trung ương và địa phương.

Công ty rất mong được phục vụ Quý khách

Digitized by Google

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH HẠNG 1 CÔNG TY DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

ĐC: 246- 248 quốc lộ 50, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 08 8 552 248 * Fax: 08 8 596 582 * E-mail: ctatq8@hcm.vnn.vn

Chào mừng Ngày Thành lập Đảng mừng 3 tháng 2

NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH

- + Thu gom, vận chuyển rác, vệ sinh môi trường.
- + Xây dựng, sửa chữa công trình hạ tầng, giao thông.
- + Quản lý nhà thuộc sở hữu nhà nước.
- + Quản lý công viên cây xanh, hệ thống chiếu sáng và thoát nước.
- + Xử lý chất thải và chất gây ô nhiễm trên và ven kinh, sông.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- + Cơ khí ô-tô, cơ khí xây dựng
- + Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông.
- + Tư vấn, thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.
- + Trò chơi, giải trí phục vụ các công viên thuộc quận 8.
- + Kinh doanh nhà.
- + Mua, bán vật liệu xây dựng.
- + Bán lẻ xăng dầu.



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TRUNG TÂM TIẾP THỊ - TRIỂN LÃM NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số 2 - đường Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: 84-4.7 540 130 - 7 542 608 * Fax: 84-4.7 542 752

E-mail: trienlamNN@hotmail.com hoặc glamdocttdt@hn.vnn.vn

VAFEC



Q. Giám đốc
TS. Lê Thế Thín

Tòa nhà Triển lãm Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

* Vị trí giao thông thuận lợi tại khu vực đô thị có tốc độ phát triển nhanh nhất Hà Nội

* Tòa nhà Hội chợ - Triển lãm lớn và hiện đại nhất Việt Nam



Triển lãm và Hội chợ chuyên ngành:

- Dịch vụ tiếp thị
- Tổ chức triển lãm, hội chợ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trong và ngoài nước.
- Tổ chức hội nghị, hội thảo của Bộ và các cơ quan đơn vị trong và ngoài ngành.
- Tổ chức dịch vụ vui chơi, giải trí phục vụ cho tiếp thị, triển lãm và dịch vụ triển lãm, hội chợ.
- Đại lý hàng hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn.



Rất hân hạnh được hợp tác với Quý khách

Chúc mừng Năm Mới

ĐÀI TRUYỀN HÌNH TP. HỒ CHÍ MINH

**HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG HAI**



Chúc Mừng Năm Mới

Xuân Giáp Thân

Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh
phát sóng từ: 01-05-1975. (Đài Truyền
hình Sài Gòn từ năm 1966).

Công suất 20kW - Trụ Anten 128m - Hệ
màu PAL D/K.

Trên 2 kênh: 7 và 9 VHF.

Phủ sóng trực tiếp từ miền Nam Trung Bộ
đến miền Tây Nam Bộ (Lâm Đồng - Ninh
Thuận đến Cà Mau) đường kính 200 km.

Hiệu quả tiêu chuẩn, khu vực dân cư trên
25 triệu người.

Chương trình hằng ngày:

* Trên kênh 7: Từ 5:30 đến 23:00

* Trên kênh 9: Từ 5:30 đến 23:00



HẠNG PHIM TRUYỀN HÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TELEVISION FILM STUDIOS

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG HAI

Địa chỉ: 9 Nguyễn Thị Minh Khai - quận 1 - TP. HCM.

ĐT: (84.8) 9 102 022 - 8 888 095 - 8 229 600 *Fax: (84.8) 8 292 738

Email: tfs-hcm@hcm.vnn.vn

Thành lập ngày: 18-10-1991

Theo Quyết định số: 526/QĐ-UB của UBND Thành phố Hồ Chí Minh

Sản xuất phim truyền, phim tài liệu, phim ca nhạc và Tạp chí Văn nghệ phát sóng trên kênh 7 vào lúc 9
giờ 05 phút sáng Chủ nhật gồm nhiều tiết mục phong phú, hấp dẫn, bổ ích.

Các chương trình trên được thực hiện trên hệ thống thiết bị kỹ thuật số, đạt tiêu chuẩn phim Video chất
lượng cao.



TRUNG TÂM DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH TP. HỒ CHÍ MINH

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

Địa chỉ: 14 Đinh Tiên Hoàng - quận 1 - TP. HCM

ĐT: (84.8) 8 222 475 * Fax: (84.8) 8 292 120

Thành lập ngày: 11-01-1989

Theo Quyết định số: 20/QĐ-UB của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Sản xuất và phát sóng các chương trình quảng cáo, giới thiệu sản phẩm cho khách hàng trong và
ngoài nước, trên các kênh của Đài Truyền hình TP. Hồ Chí Minh.

Chương trình quảng cáo được phủ sóng trên khu vực dân cư trên 25 triệu người, trên địa bàn trọng
điểm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật của cả nước.

Trung tâm được trang bị thiết bị kỹ thuật hiện đại để sản xuất và phát hành các thể loại chương trình
hình và tiếng dưới dạng băng từ và đĩa.

Cung ứng thiết bị kỹ thuật, thiết kế lắp đặt kỹ thuật và hướng dẫn nghiệp vụ cho các Đài, Trạm
Truyền hình và Truyền thanh.



TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ-KINH DOANH NHÀ

INVESTMENT AND TRADING OF REAL ESTATE JOINT STOCK Co.

Trụ sở: 18 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (848) 8 230 256 - 8 225 213 - 8 225 985 * Fax: (848) 8 293 764 * E-mail: dautu.resco@az.com.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

1. Đầu tư kinh doanh địa ốc:

- + Kinh doanh địa ốc.
- + Đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác nhà ở và các công trình.
- + Cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuê nhà.
- + Thực hiện: Dịch vụ pháp lý, định giá, tư vấn và môi giới bất động sản.

2. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xuất, nhập khẩu:

- + Sản xuất, cung ứng bê-tông tươi, cọc, ống cống, bê-tông đúc sẵn, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.
- + Cho thuê xe vận chuyển và thiết bị bơm bê-tông tươi.
- + Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, máy móc, thiết bị thuộc ngành xây dựng.

3. Tư vấn, thiết kế xây dựng và trang trí nội thất:

- + Lập dự án đầu tư quy hoạch, thiết kế công trình.
- + Tư vấn đấu thầu giám sát kỹ thuật xây dựng.
- + Thực hiện các dịch vụ đo, vẽ, đánh giá hiện trạng.
- + Thi công xây dựng và trang trí nội thất các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

- 1/ Khu Dân cư Bình Hòa (8,53 héc-ta)
- 2/ Khu Chức năng 6B (đường Nguyễn Tri Phương nối dài thuộc đô thị Nam Sài Gòn) (74,24 héc-ta)
- 3/ Khu Dân cư In-tre-scô Phong Phú (32 héc-ta)
- 4/ Khu Công nghệ thương mại và Dân cư In-tre-scô (48,585 héc-ta)
- 5/ Khu Đô thị An Phú, An Khánh
- 6/ Khu Dân cư Thạnh Xuân, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
- 7/ Dự án chung cư cao cấp 11 tầng, xã Bình Hưng, Bình Chánh

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 1

235 Xô-viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q.BT, TP.HCM

ĐT: (848) 8 994 144 Fax: (848) 8 982 206

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 2

83 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM

ĐT: (848) 8 484 852 Fax: (848) 8 435 833

E-mail: xaydung283@hcm.fpt.vn

XÍ NGHIỆP BÊ-TÔNG HẢI AU

* Văn phòng Trạm Bê-tông Hải Âu 1:
Km 9 xa lộ Hà Nội, P.Hiệp Phú, Q.9, TP.HCM

ĐT: (848) 8 963 021 8 960 036 7 305 930

Fax: (848) 8 961 983



Huân chương
Lao động hạng Nhì

Huân chương
Lao động hạng Ba



Huy chương Vàng



Trụ sở Văn phòng công ty mới



Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì

* Văn phòng Trạm Bê-tông Hải Âu 2:
Khu Công nghiệp Nhơn Trạch - Đồng Nai
ĐT: (061) 521 075 Fax: (061) 521 076



Khu Công nghệ và Thương
mại dân cư In-tre-sco



Làng Việt kiều



Chung cư An Phú, An Khánh



Chung cư Nguyễn Văn Cừ



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

VIET NAM WATERWAY CONSTRUCTION CORPORATION

Địa chỉ: 40 Phùng Hưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội * Điện thoại: 04. 9 285 109 - 9 285 106 * Fax: 04. 9 285 124 * Email: vinawco@vpt.vn

LĨNH VỰC KINH DOANH CHỦ YẾU:

- ❖ Xây dựng các công trình giao thông đường thủy trong và ngoài nước.
- ❖ Nạo vét các tuyến luồng đường thủy (sông, biển) và bến cảng.
- ❖ Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, khu công nghiệp, khu đô thị mới.
- ❖ Nạo vét và xây dựng các công trình khác (thủy lợi, thủy sản, quốc phòng, đường bộ, cầu đường bộ...)
- ❖ Tư vấn đầu tư và phát triển giao thông đường thủy, đường bộ.
- ❖ Xuất nhập vật tư - thiết bị giao thông vận tải và xây dựng dân dụng.
- ❖ Vận tải đường thủy, đại lý và môi giới vận tải (thủy, bộ).
- ❖ Đóng mới và sửa chữa các phương tiện thủy.



Chủ tịch HĐQT:
K.s LƯU MINH TUYẾN



Tổng Giám Đốc:
T.s DƯƠNG CHÍ DŨNG



Đúc thùng chìm 1 800 tấn thi công Cảng Cái Lân

Tàu hút Trần Hưng Đạo, trọng tải 500 tấn chứa bụng 3 240 m³. Năng suất hút 3 000 m³/h, khả năng nạo vét tại vùng biển, cửa sông, cửa biển bến cảng... có độ sâu từ 4-21 m



MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU:

- ☐ Nạo vét Cảng Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng...
- ☐ Xây dựng cầu cảng con-tai-nơ Tân Thuận.
- ☐ Cảng Tiên Sa (Đà Nẵng).
- ☐ Cảng con-tai-nơ Hải Phòng.
- ☐ Cảng Cái Lân, đường Hồ Chí Minh.
- ☐ Dự án nâng cấp hai tuyến đường thủy phía Nam.
- ☐ Khu công nghiệp: Bắc Thăng Long, Đình Vũ...
- ☐ Khu đô thị mới: Kiên Giang, Đà Nẵng, Quy Nhơn...

**Chúc
tương
lành
hạnh
phúc**

MAR 17 2004

Cầu tàu Nhà máy Xi-măng Sao Mai (Hòn Chông) do Công ty thi công

8730

**Hãy nói
theo cách của bạn**



CÔNG TY VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI
VIETTEL CORPORATION

Nhà khai thác dịch vụ bưu chính - viễn thông hàng đầu tại Việt Nam

Say it your way



- Dịch vụ thuê kênh truyền dẫn trong nước và quốc tế.
- Dịch vụ điện thoại di động 098.
- Dịch vụ điện thoại cố định nội hạt, đường dài trong nước và quốc tế PSTN 168.
- Dịch vụ điện thoại đường dài trong nước và quốc tế VOIP 178, 1788, 1789.
- Dịch vụ truy nhập in-tơ-nét (ISP) 1278.
- Dịch vụ kết nối internet (IXP).
- Dịch vụ bưu chính.
- Dịch vụ khảo sát thiết kế và xây lắp công trình viễn thông.
- Dịch vụ xuất nhập khẩu...

Trụ sở: Số 1 Giang Văn Minh,
quận Ba Đình, Hà Nội
Tel: (04) 255 6789 Fax: (04) 299 6789

Đại diện phía Nam: Số 270 Lý Thường Kiệt,
quận Tân Bình, TP HCM
Tel: (08) 293 5435 Fax: (08) 293 4430

www.viettel.com.vn

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



4

2-2004

UNIV. OF MICH.

MAR 24 2004

CURRENT SERIALS

Digitized by Google



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI

260 - QL15, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa

ĐT: 061.822 297 Fax: 061.825 585

Website: www.dost-dongnai.gov.vn

Email: dostdn@hcm.vnn.vn

Văn phòng điện tử của Sở (được xây dựng và vận hành từ tháng 4-2003)



Giám đốc Sở trực tiếp bàn giao giống bưởi sạch bệnh cho huyện Vĩnh Cửu



Thứ trưởng Bộ KH&CN Hoàng Văn Huỳnh dự lễ ký kết chương trình hợp tác KH&CN giai đoạn 2003-2005 và đến năm 2010 giữa Sở KH&CN Đồng Nai và TP.HCM



Ký kết hợp tác thực hiện dự án xây dựng mô hình cung cấp thông tin KHCN phục vụ phát triển KT-XH ở Đồng Nai

- ▶ Triển khai thực hiện 46 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học - công nghệ.
- ▶ 6 doanh nghiệp được hỗ trợ xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.
- ▶ 5 465 các loại phương tiện đo được kiểm định và hiệu chuẩn.
- ▶ 165 đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và 126 giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa được cấp.
- ▶ Thanh tra 130 trạm kinh doanh xăng dầu; 33 cơ sở X-Quang; giải quyết 42 đơn khiếu nại, tố cáo.
- ▶ Phát hành 18 kỳ tập san và bản tin khoa học - công nghệ, với số lượng 6500 bản.
- ▶ Ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy mô để nhân giống các loại cây: 5000 cây dưa Cayen; 4000 cây chuối La Ba; 10000 cây phong lan các loại.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TẠI SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI:

- Quản lý nhân sự
- Quản lý tài vụ - kế toán
- Quản lý công tác thanh tra
- Quản lý văn bản pháp luật
- Quản lý nhãn hiệu hàng hóa
- Quản lý công tác khiếu nại, tố cáo
- Quản lý thông tin các nhà khoa học
- Quản lý các dự án và đề tài nghiên cứu khoa học
- Quản lý tập san và bản tin khoa học & công nghệ
- Quản lý CSDL khoa học và công nghệ nông thôn
- Quản lý và điều hành theo mô hình văn phòng điện tử
- Quản lý CSDL nền, CSDL công nghệ và môi trường trên công nghệ hệ thống thông tin địa lý (GIS)



THÁNG RA 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16 HÀNG THÁNG

SỐ 703

4

2-2004

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

• Cơ quan thường trú

tại miền Trung :

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• Cơ quan thường trú

tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Trên công trường xây dựng
Đường Hồ Chí Minh
Ảnh: Nguyễn Văn Đảnh

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

DƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

*** Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) Về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng	3
XÃ LUẬN - Nửa nhiệm kỳ quyết định	9
TÀO HỮU PHÙNG - Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	12

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TÔ XUÂN DÂN - NGUYỄN THANH BÌNH - Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng	17
VŨ THỊ LOAN - Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong bầu cử cơ quan dân cử ở nước ta	21
LÊ XUÂN ĐÌNH - PHAN HUY ĐƯỜNG - Tạo nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực xuất khẩu	25
DƯƠNG TRUNG QUỐC - Từ Chiếu Dời đô đến Tuyên ngôn Độc lập (Cảm nghĩ từ cuộc khai quật Di chỉ khảo cổ học Ba Đình)	31
VŨ PHÙ NGHĨA - Nhân quyền ở Việt Nam - nhìn từ sự phát triển, tiến bộ xã hội	35

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

"Phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở thành phố Hồ Chí Minh - những vấn đề lý luận và thực tiễn"	38
--	----

DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

NGUYỄN HUY QUÝ - Về dân chủ ở cơ sở	43
TRẦN QUANG NHIẾP - Dân chủ ở cơ sở với phát triển cộng đồng	47

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRẦN VĂN KHÁNH - Bà Rịa - Vũng Tàu: Nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội III của Đảng bộ tỉnh	53
NGUYỄN QUỐC TRIỆU - Hà Nội đẩy mạnh thi đua yêu nước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa	57
HẢI NINH - Phim truyện lịch sử hướng tới 1000 năm Thăng Long - Hà Nội	60

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

PHẠM BÍCH SAN - Quá độ dân số ở Việt Nam	65
--	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN VĂN LAN - Một số tác động của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đối với chế độ tư bản chủ nghĩa ở các nước phát triển	68
TRỊNH CƯỜNG - Mỹ - EU: Từ đồng minh trở thành đối thủ?	73

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Hội nghị kiểm điểm 5 năm tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) của tỉnh Bắc Ninh	78
*** Hội nghị tổng kết tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2003 và phương hướng triển khai tuyển sinh năm 2004	79

СОДЕРЖАНИЕ

*** Резолюция IX Пленума Центрального Комитета Компартии (IX созыв) О некоторых партийных линиях, политических установках, больших решениях для успешного выполнения резолюций IX Общенационального Съезда Компартии Вьетнама. **Передовая:** Решающая полсрока полномочий. ТАО ХЫУ ФУНГ: Повышение эффективности в исполнении бюджета во имя дела индустриализации и модернизации. ТО СУАН ЗАН – НГУЕН ТХАНЬ БИНЬ: Строительство Правого Социалистического Государства народа, народом, во имя народа под руководством Партии. ЛЕ СУАН ДИНЬ – ФАН ХУ ДЫОНГ: Создание ряд благоприятных возможностей для предприятий в усилении экспортных потенциалов. ВУ ФУ НГИА: Права человека во Вьетнаме – с точки зрения развития, прогресса общества *** Научно-практический семинар: «Развитие промышленных зон и зон обработки экспортных продуктов в городе Хошимина – теоретические и практические вопросы». ЧАН КУАНГ НИЕП: Демократия на местах и развитие сообщества. ЧАН ВАН ЮАНЬ: Провинция Бариа-Вунгау – полсрока выполнения резолюций III Съезда провинциальной парторганизации. НГУЕН КУОК ЧИЕУ: Ханой усиливает патриотическое соревнование за осуществление курса индустриализации и модернизации. ФАМ БИЧ ШАН: Переходный период развития населения во Вьетнаме. НГУЕН ВАН ЛАН: Некоторые воздействия движения борьбы рабочего класса на капиталистический строй в развивающихся странах. ЧИНЬ КЫОНГ: США – ЕС: союзники превращаются в соперников.

CONTENTS

*** Resolution of the 9th Plenum of the 9th Party Central Committee on some major guidelines, policies and measures to successfully implement the resolution of the 9th Party Congress. **Editorial:** The decisive second half TÀO HỮU PHỤNG: Improving the efficiency of using the State budget in service of industrialization-modernization. TÔ XUÂN DÂN, NGUYỄN THANH BÌNH: Building the socialist rule-of-law State of the people, for the people and by the people, under the leadership of the Party. LÊ XUÂN ĐÌNH, PHAN HUY ĐƯƠNG: Creating opportunities for enterprises to improve their export capability. VŨ PHÙ NGHĨA: Human rights in Việt Nam – a view from social development and progress. *** Scientific and practical conference entitled "Developing industrial and export processing zones in Hồ Chí Minh City – Theoretical and Practical Issues". TRẦN QUANG NHIẾP: Grassroots democracy with community development. TRẦN VĂN KHÁNH: Bà Rịa-Vũng Tàu: Implementing the resolution of the 3rd Congress of the provincial Party Committee in the second half. NGUYỄN QUỐC TRIỆU: Hà Nội pushes up patriotic emulation movements for the sake of industrialization-modernization. PHẠM BÍCH SAN: a demographic transition in Việt Nam. NGUYỄN VĂN LAN: Some impacts of the working class' movements against capitalism in developed countries. TRỊNH CƯỜNG: The United States – European Union: From alliance to rivalry.

SOMMAIRE

*** Résolution du 9^e plénum du Comité central du Parti (issu du IX^e Congrès) Sur quelques majeures options, politiques et mesures visant à réaliser avec succès la Résolution du IX^e Congrès national du Parti. **Editorial:** Le demi mandat décisif. TÀO HỮU PHỤNG: Elever l'efficacité de l'utilisation du budget d'Etat au service de l'industrialisation et de la modernisation. TÔ XUÂN DÂN – NGUYỄN THANH BÌNH: Edifier un Etat de droit socialiste du peuple, par le peuple et pour le peuple sous la direction du Parti. LÊ XUÂN ĐÌNH – PHAN HUY ĐƯƠNG: Créer davantage de chances d'élever la capacité d'exportation des entreprises. VŨ PHÙ NGHĨA: Les droits de l'homme au Vietnam – vu de l'angle du développement et du progrès sociaux. *** Colloque Science-Pratique: «Développement des zones industrielles et des zones franches à Hồ Chí Minh - ville – problèmes théoriques et pratiques». TRẦN QUANG NHIẾP: Démocratie à la base et développement de la communauté. TRẦN VĂN KHÁNH: Bà Rịa – Vũng Tàu: demi mandat de réalisation de la Résolution du III^e Congrès du Comité du Parti de la province. NGUYỄN QUỐC TRIỆU: Hanoi renforce l'émulation patriotique en faveur de l'industrialisation et de la modernisation. PHẠM BÍCH SAN: Transition démographique au Vietnam. NGUYỄN VĂN LAN: Sur certains impacts du mouvement de lutte ouvrière sur le régime capitaliste dans les pays développés. TRỊNH CƯỜNG: Etats-Unis – Union européenne: l'allié devenu l'adversaire.

SUMARIO

*** Resolución del IX Pleno del CC del Partido (IX Congreso) Sobre algunas grandes directivas, políticas y soluciones con vistas a cumplir existosamente la Resolución del IX Congreso Nacional del Partido. **Editorial:** La mitad del mandato decisivo. TÀO HỮU PHỤNG: Elevar la eficiencia del uso de presupuesto estatal en servicio de la industrialización y modernización. TÔ XUÂN DÂN – NGUYỄN THANH BÌNH: E dificar un Estado jurídico socialista de pueblo, por el pueblo y para el pueblo bajo la dirección del Partido. LÊ XUÂN ĐÌNH – PHAN HUY ĐƯƠNG: Crear muchas oportunidades para que las empresas eleven su capacidad de exportación. VŨ PHÙ NGHĨA: Derechos humanos en Vietnam – una visión partida del desarrollo y del progreso social. *** Seminario científico-práctico: "El desarrollo de parques industriales, zonas de procesamiento para la exportación en Ciudad Hồ Chí Minh – Cuestiones de teoría y de realidad". TRẦN QUANG NHIẾP: La democracia en la base y el desarrollo de la comunidad. TRẦN VĂN KHÁNH: Bà Rịa – Vũng Tàu: la mitad del mandato de cumplir la Resolución del III Congreso de la organización provincial del Partido. NGUYỄN QUỐC TRIỆU: Hanoi en el impulso de emulación patriótica para cumplir existosamente la industrialización y la modernización. PHẠM BÍCH SAN: La transición de población en Vietnam. NGUYỄN VĂN LAN: Algunos impactos del movimiento de lucha de la clase obrera para con el régimen capitalista en los países desarrollados. TRỊNH CƯỜNG: Estados Unidos y EU: de aliados en adversarios.

目录

*** 越共九届九中全会决议有关党为胜利地落实九中全会决议的大主张、政策和解决措施。社论：带有决定性的前半任期。曹友冯：为服务工业化现代化事业，提高国家财政预算的使用效果。苏春民、阮青平：在党的领导下，建设民有、民治、民享的社会主义法制国家。黎春廷、潘辉堂：为提高各个企业的出口能力而造就更多机会。武符义：越南人权——从社会的发展和进步角度而视 *** 科学实践研讨会：《发展胡志明市的工业区、出口加工区——理论和实践问题》。陈光摄：基层民主与社会共同体的发展。陈文庆：巴地—头顿省落实省党部第三次会议的决议的前半任期。阮国肇：河内市大力推动爱国竞赛运动，实现工业化、现代化。范碧珊：越南的人口过渡时期。阮文兰：在发展国家中，工人阶级与资本主义制度的斗争运动所起的作用。郑强：美国和欧盟——从同盟变成对手。



**NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA IX)
VỀ MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP LỚN
NHẪM THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX CỦA ĐẢNG**

**I - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ
QUYẾT ĐẠI HỘI TRONG NỬA ĐẦU
NIỆM KỶ KHÓA IX**

Từ sau Đại hội IX của Đảng, tình hình chính trị thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp; kinh tế khu vực và thế giới hồi phục chậm và dịch bệnh SARS... tác động tiêu cực nhất định đến nước ta. Trong nước, mặc dù công cuộc đổi mới đã đạt nhiều thành tựu rất quan trọng, nhưng nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, yếu kém. Trong bối cảnh đó, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, chúng ta đã giành được những thắng lợi quan trọng.

Kinh tế tăng trưởng khá nhanh và toàn diện, năm sau cao hơn năm trước. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, từng bước hiện đại hóa. Năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng tăng đáng kể. Các ngành, vùng, địa phương đều phát triển; các vùng kinh tế trọng điểm phát triển mạnh hơn. Nền kinh tế nước ta vừa giữ vững độc lập tự chủ, vừa hội nhập sâu hơn vào khu vực và thế giới. Kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước tiếp tục phát triển. Thể chế kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng. Các lĩnh vực xã hội như giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc người có công với nước, phát triển các sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho các xã nghèo ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được quan tâm phát triển để từng bước đồng bộ với phát triển kinh tế.

Việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được chăm lo; dân chủ trong xã hội được mở rộng. Lòng tin của nhân dân đối với công cuộc đổi mới, đối với chế độ, lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc và sự đồng thuận trong xã hội tiếp tục được củng cố. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có bước chuyển biến tích cực. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm lành mạnh hệ thống chính trị tiếp tục được coi trọng và quan tâm chỉ đạo, đã đạt một số kết quả nhất định. Quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị - xã hội được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng; uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao.

Những thành tựu trên đây là kết quả phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có vai trò quan trọng của sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng từ Trung ương đến địa phương; sự đổi mới trong quản lý, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp; sự đổi mới và chủ động phối hợp hoạt động của hệ thống tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Tất cả đã góp phần phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh thần lao động năng động, sáng tạo, quyết khắc phục đói nghèo vươn lên xây dựng đời sống tốt đẹp hơn của các tầng lớp nhân dân, của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Những thành tựu đã đạt được chứng tỏ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đang đi đúng đường lối đổi mới và những định hướng mà Đại hội IX đã đề ra, tiếp tục làm tăng thế và lực của đất nước, đặt nền móng và tạo điều kiện thuận lợi cơ bản để chúng ta phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Bên cạnh những thành tựu và tiến bộ, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cũng còn một số yếu kém, khuyết điểm. Kinh tế tăng khá nhưng chưa đạt nhịp độ tăng trưởng mà Đại hội đề ra, chưa tương xứng với mức tăng đầu tư và tiềm năng của nền kinh tế. Nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước chưa được huy động và sử dụng tốt để phát triển kinh tế - xã hội. Chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển còn thấp. Thất thoát, lãng phí trong quản lý kinh tế, đặc biệt trong quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và chi tiêu ngân sách nhà nước còn rất nghiêm trọng. Chúng ta chưa tận dụng được lợi thế về ổn định chính trị - xã hội để thu hút mạnh mẽ nguồn đầu tư của nước ngoài.

Còn nhiều vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết như thiếu việc làm, đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là nhân dân ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; các gia đình nghèo gặp nhiều khó khăn về chữa bệnh và học hành; chất lượng giáo dục thấp; tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy, mại dâm, lây nhiễm HIV/AIDS và tình trạng phạm tội chưa được ngăn chặn có hiệu quả; tai nạn giao thông còn nhiều.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện cải cách hành chính trong hệ thống chính quyền chưa tạo được chuyển biến cơ bản. Hệ thống chính trị chưa đủ mạnh. Nhiều tổ chức cơ sở đảng sinh hoạt lỏng lẻo, sức chiến đấu yếu, vai trò lãnh đạo giảm sút, mờ nhạt.

Điều làm cho nhân dân còn nhiều bất bình, lo lắng, bức xúc nhất hiện nay là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng, chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn rất nghiêm trọng; kỷ cương phép nước trong nhiều việc, nhiều lúc chưa nghiêm.

Khắc phục những yếu kém và khuyết điểm trên đây có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tạo đà phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong những năm sau.

II - MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRONG NỬA NHIỆM KỲ CÒN LẠI CỦA ĐẠI HỘI IX

Để thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, hoàn thành mục tiêu kế hoạch 5 năm 2001-2005, tạo thuận lợi cho bước phát triển nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo, trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX, toàn Đảng, toàn dân ta phải có quyết tâm chính trị cao để thực hiện thật tốt **những mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu** sau:

- Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong hai năm 2004-2005 mỗi năm đạt trên 8%. Tạo bước tiến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm, các doanh nghiệp của cả nền kinh tế; nâng cao vai trò của khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đóng góp cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

- Thúc đẩy việc xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; kiên quyết tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách để tiếp tục giải phóng sức sản xuất. Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nhất là cổ phần hóa mạnh hơn nữa doanh nghiệp nhà nước, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, đồng thời phát triển mạnh, không hạn chế quy mô các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Hình thành đồng bộ các loại thị trường, nhất là các thị trường vốn, bất động sản, lao động, khoa học và công nghệ.

- Chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương, song phương nước ta đã ký kết và chuẩn bị tốt các điều kiện để sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO); tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng, có tính cạnh tranh cao so với khu vực; tăng nhanh xuất khẩu và thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.

- Phát triển văn hóa, xã hội đồng bộ hơn với tăng trưởng kinh tế; tập trung giải quyết tốt hơn nữa một số vấn đề xã hội bức xúc, như tạo nhiều việc làm, tiếp tục xóa đói, giảm nghèo ở những vùng đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa; ngăn chặn và đẩy lùi một bước các tệ nạn xã hội, tình trạng phạm tội, tai nạn giao thông, việc khiêu khích đông người.

- Tạo cho được sự chuyển biến toàn diện và sâu sắc trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng

và trong hệ thống chính trị, thực hiện khẩn trương cải cách hành chính, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiễu dân. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị - xã hội và mở rộng quan hệ đối ngoại tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

III - CÁC CHỦ TRƯỞNG, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Tiếp tục thực hiện đồng bộ 7 nhóm chủ trương, chính sách, giải pháp lớn đã được Đại hội IX của Đảng đề ra và được các nghị quyết Trung ương (khóa IX) cụ thể hóa. Tập trung thực hiện tốt **các chủ trương, giải pháp** chủ yếu sau đây :

1- Về phát triển kinh tế

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa mạnh hơn nữa; khuyến khích phát triển mạnh kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế cổ phần; nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách.

Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện đột phá, nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, hướng doanh nghiệp vào sản xuất những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, tiếp thu công nghệ hiện đại, công nghệ nguồn, đào tạo và nâng cao năng lực quản lý điều hành của giám đốc doanh nghiệp và tay nghề của công nhân.

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 3 về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa và mở rộng diện các

doanh nghiệp nhà nước cần cổ phần hóa, kể cả một số tổng công ty và doanh nghiệp lớn trong các ngành như điện lực, luyện kim, cơ khí, hóa chất, phân bón, xi măng, xây dựng, vận tải đường bộ, đường sông, hàng không, hàng hải, viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm... Giá trị tài sản doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất, về nguyên tắc phải do thị trường quyết định. Việc mua bán cổ phiếu phải công khai trên thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, tổng kết công tác cổ phần hóa; kịp thời rút kinh nghiệm, uốn nắn những lệch lạc, hoàn thiện cơ chế, chính sách để thực hiện ngày càng tốt hơn. Khẩn trương chuyển các doanh nghiệp mà Nhà nước giữ 100% vốn sang hoạt động theo chế độ công ty dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước. Tổng kết thí điểm việc chuyển các tổng công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; tích cực chuẩn bị để hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh do tổng công ty nhà nước làm nòng cốt, có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế trong nước và đầu tư của nước ngoài.

Kiên quyết xóa bỏ các loại bảo hộ bất hợp lý; sớm khắc phục tình trạng bao cấp, như khoan nợ, dẫn nợ, xóa nợ, bù lỗ, cấp vốn tín dụng ưu đãi tràn lan đối với các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện đầu tư vốn cho doanh nghiệp nhà nước thông qua các công ty đầu tư tài chính của Nhà nước. Xúc tiến việc phân định rõ quyền của cơ quan nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3. Nghiên cứu việc thành lập công ty đầu tư tài chính của nhà

nước và cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện thống nhất và có hiệu quả chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp thuộc mọi ngành trong nền kinh tế quốc dân. Trước mắt, chuẩn bị tốt điều kiện để có thể thí điểm việc hình thành các tổ chức nói trên tại một số tỉnh, thành phố. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Khẩn trương xóa bỏ đặc quyền và độc quyền kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nhà nước kiểm soát, điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp có thị phần lớn, có thể khống chế thị trường, trước hết là thị trường hàng hóa, dịch vụ thiết yếu đối với an sinh xã hội. Sớm ban hành Luật cạnh tranh và kiểm soát độc quyền kinh doanh, Luật chống bán phá giá. Nhà nước thực hiện phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu đối với sản phẩm công ích. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế khác đầu tư vào các hoạt động công ích và dịch vụ công, tham gia nhiều hơn trong đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội và các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, thể dục thể thao...

Tạo môi trường, điều kiện để phát triển có hiệu quả hơn *kinh tế tập thể*; tổng kết nhân tố mới, các mô hình kinh tế tập thể làm ăn có hiệu quả để phổ biến, nhân rộng phù hợp với điều kiện của từng ngành nghề; hỗ trợ tốt hơn việc đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ tài chính, kế toán cho hợp tác xã.

Tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc và có chính sách hỗ trợ về mặt bằng sản xuất kinh doanh, tiếp cận nguồn vốn tín dụng, chuyển giao công nghệ mới, tiếp cận và mở rộng thị trường, đào tạo nguồn nhân lực... để phát triển mạnh và có hiệu quả hơn nữa *kinh tế tư nhân*,

kể cả doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn; chú trọng trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tạo chuyển biến cơ bản trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, nhất là của các tập đoàn xuyên quốc gia, hướng mạnh hơn vào những ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, đặc biệt là các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ nguồn. Mở rộng các lĩnh vực đầu tư và đa dạng hóa các hình thức đầu tư nước ngoài phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy nhanh việc giải ngân và sử dụng có hiệu quả vốn ODA.

Nâng cao hiệu quả đầu tư bằng vốn ngân sách. Xác định đầy đủ trách nhiệm và thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, vai trò chủ đầu tư và chỉ đạo thực hiện nghiêm ngặt quy chế đầu tư và xây dựng, đặc biệt là quy chế đấu thầu, quy chế giám sát đầu tư. Chấm dứt tình trạng đơn vị thi công và tổ chức giám sát thi công đều thuộc một cơ quan quản lý. Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách phải được công bố rộng rãi để nhân dân biết và tham gia giám sát việc thực hiện; tạo điều kiện cho các cơ quan dân cử làm tốt chức năng giám sát việc thực hiện đầu tư.

- Tạo lập và phát triển đồng bộ các loại thị trường.

Hoàn thiện và mở rộng nhanh hoạt động của *thị trường chứng khoán* để sớm trở thành một kênh huy động vốn có hiệu quả cho đầu tư phát triển. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn của Nhà nước, hoạt động có hiệu quả chuyển thành công ty cổ phần, phát hành cổ phiếu, trái phiếu, tham gia thị trường chứng khoán.

Tiếp tục đổi mới nhằm tăng tính cạnh tranh và lành mạnh hóa *thị trường tài chính - tín dụng*, tạo cơ hội bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tiếp cận

các nguồn vốn vay trên cơ sở có dự án hiệu quả. Các ngân hàng thương mại nhà nước được phát hành trái phiếu, cổ phiếu để thu hút vốn trong dân; được tham gia xây dựng và quyết định phương án sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước có vay vốn của ngân hàng. Đổi mới cơ chế tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Trong từng thời kỳ, xác định rõ những lĩnh vực, chương trình, dự án, sản phẩm quan trọng có ý nghĩa nền tảng của nền kinh tế và có hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, để có chính sách hỗ trợ phát triển phù hợp thông qua tín dụng đầu tư của Nhà nước; khắc phục tình trạng ưu đãi tín dụng tràn lan hiện nay; hạn chế cho vay ưu đãi trước đầu tư, mở rộng việc áp dụng các hình thức bảo lãnh tín dụng và mở rộng hình thức ưu đãi sau đầu tư. Đẩy mạnh việc thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ quan, doanh nghiệp và dân cư. Thực hiện việc hình thành tỉ giá và lãi suất phù hợp với cơ chế thị trường, nâng cao tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam.

Khẩn trương hướng dẫn thi hành Luật đất đai (sửa đổi) và các văn bản pháp luật có liên quan khác để phát triển và quản lý có hiệu quả *thị trường bất động sản*; áp dụng những biện pháp mạnh mẽ, đồng bộ để xóa bao cấp về đất, chống đầu cơ trục lợi, kích cầu ảo, gây khan hiếm "sốt" nhà đất giả tạo, tham nhũng, chiếm dụng trái phép và lãng phí đất đai. Thực hiện chính sách điều tiết để bảo đảm lợi ích của Nhà nước với tư cách là người đại diện chủ sở hữu và là nhà đầu tư lớn nhất phát triển hạ tầng, làm tăng giá trị của đất.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh *thị trường lao động*. Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các hình thức đào tạo nghề, tìm việc làm, giới thiệu việc làm và tuyển chọn lao động.

Phát triển mạnh *thị trường khoa học và công nghệ* để góp phần nhanh chóng nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp; có cơ chế, chính sách để sản phẩm khoa học thực sự trở thành hàng hóa.

- *Tiếp tục chủ động hội nhập, thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).*

Xây dựng chiến lược tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế ở các cấp độ: toàn cầu, khu vực và song phương; vừa đẩy nhanh hợp tác đa phương, vừa phát triển mạnh quan hệ song phương với các đối tác có vị thế quan trọng và lâu dài. Khẩn trương mở rộng các hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đàm phán gia nhập WTO. Triển khai khẩn trương và đồng bộ việc chuẩn bị đầy đủ điều kiện để giành thế chủ động trong hội nhập, nhất là: sửa đổi và xây dựng mới các văn bản pháp luật phù hợp với yêu cầu hội nhập; tăng nhanh năng lực cạnh tranh của quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam, giảm dần theo lộ trình việc bảo hộ bằng thuế nhập khẩu; xây dựng hệ thống các biện pháp bảo hộ phi thuế phù hợp với thông lệ và cam kết quốc tế. Kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện của lợi ích cục bộ làm kìm hãm tiến trình hội nhập. Xây dựng cơ chế phối hợp và điều phối tập trung thống nhất, có hiệu quả các hoạt động hội nhập kinh tế ở tầm quốc gia.

- *Đổi mới cơ bản công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế.*

Nâng cao chất lượng quy hoạch; sớm ban hành nghị định về công tác quy hoạch, khắc phục tình trạng thiếu thống nhất giữa quy hoạch chung của cả nước, quy hoạch vùng và quy hoạch của tỉnh, quy hoạch ngành và quy hoạch vùng. Rà soát việc quy hoạch và xây

dựng các khu công nghiệp; chú trọng xây dựng các khu, cụm công nghiệp vừa và nhỏ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn gắn với bảo vệ môi trường.

Công bố rộng rãi các chiến lược và quy hoạch để các doanh nghiệp tự quyết định lựa chọn đầu tư kinh doanh. Quy định rõ trách nhiệm thực hiện quy hoạch và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch; rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch và triển khai lập các quy hoạch mới theo yêu cầu điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển của đất nước.

Tăng cường đầu tư cho công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn. Chú trọng quản lý kiến trúc bảo đảm xây dựng đô thị văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, trật tự, kỷ cương.

Trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, có chính sách *điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư và cơ cấu lao động trong từng ngành, từng vùng* theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát huy lợi thế so sánh, gắn với thị trường trong nước và thế giới. Chuyển mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh, thâm canh, có năng suất, chất lượng cao; áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học, gắn với chế biến và tiêu thụ. Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, phụ trợ cần thiết. Mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống, đặc biệt là dịch vụ chất lượng cao, phấn đấu đưa tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Khuyến khích mạnh các hoạt động xuất khẩu; khắc phục dần tình trạng nhập siêu, tiến tới cân bằng xuất nhập khẩu.

(Xem tiếp kỳ sau)



NỬA NHIỆM KỲ QUYẾT ĐỊNH

Hội nghị lần thứ 9 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã ra Nghị quyết "Về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng".

Thời gian thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 là nửa nhiệm kỳ còn lại của khóa IX. Nếu kể từ đầu năm 2004 cho đến thời điểm Đại hội X của Đảng họp là chưa đầy hai năm rưỡi và nếu so với kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 thì chỉ là hai năm. Thời gian đó là rất ngắn trong khi chúng ta còn phải làm rất nhiều việc để hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ do Đại hội IX hoạch định trong 5 năm mở đầu thế kỷ XXI.

Sáu mục tiêu và nhiệm vụ mà Hội nghị lần thứ 9 của Trung ương đề ra cho nửa nhiệm kỳ còn lại là:

Một, đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế hai năm 2004 - 2005, trong đó mỗi năm đạt trên 8%, tạo bước tiến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao vai trò của khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo góp phần đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Hai, thúc đẩy việc xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; kiên quyết tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách để tiếp tục giải phóng sức sản xuất.

Ba, chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương, song phương và chuẩn bị tốt các điều kiện để sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Bốn, phát triển đồng bộ văn hóa, xã hội gắn với tăng trưởng kinh tế, tập trung giải quyết tốt hơn nữa một số vấn đề xã hội bức xúc.

Năm, tạo cho được sự chuyển biến toàn diện và sâu sắc trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, thực hiện khẩn trương cải cách hành chính, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiễu nhân dân.

Sáu, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị - xã hội và mở rộng quan hệ đối ngoại, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Cùng với 6 mục tiêu và nhiệm vụ ấy, Trung ương đã chỉ rõ các chủ trương và giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục thực hiện đồng bộ 7 nhóm chủ trương, chính sách, giải pháp lớn do

Đại hội IX của Đảng đề ra và được các nghị quyết Trung ương (khóa IX) cụ thể hóa. Nổi bật là những chủ trương và giải pháp về phát triển kinh tế, xã hội và về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với xây dựng hệ thống chính trị.

Về phát triển kinh tế: Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa mạnh hơn nữa; khuyến khích phát triển mạnh kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế cổ phần, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả đầu tư bằng các nguồn vốn ngân sách. Tạo lập và phát triển đồng bộ các loại thị trường: hoàn thiện và mở rộng nhanh hoạt động của thị trường chứng khoán, tăng sức cạnh tranh và lành mạnh hóa thị trường tài chính - tín dụng, phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường bất động sản, phát triển mạnh các thị trường lao động, thị trường khoa học và công nghệ,... Thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế; chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Đổi mới cơ bản công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và điều chỉnh mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát huy lợi thế so sánh trong cả nước và trong từng ngành, từng vùng.

Về văn hóa và xã hội: Tập trung chỉ đạo để nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục và đào tạo; đổi mới cơ bản cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, giữ gìn và phát triển các giá trị tốt đẹp của xã hội và con người Việt Nam; làm tốt hơn nữa việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân; tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, giảm mạnh tai nạn giao thông và tích cực phòng chống tệ nạn xã hội.

Về công tác xây dựng Đảng: Chỉ đạo quyết liệt hơn cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng tương xứng với vị trí là nhiệm vụ then chốt, trọng tâm là nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, kiên quyết khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh xây dựng, kiện toàn và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể ở cơ sở và phong trào cách mạng của quần chúng; tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm, nội dung, phương pháp, tổ chức quản lý, chế độ trách nhiệm, bộ máy và con người làm công tác cán bộ, triển khai đồng bộ các mặt đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ; đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trước hết là nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới và phát triển đất nước, từng bước làm rõ những vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ mới.

Các chủ trương và giải pháp xây dựng hệ thống chính trị tập trung vào việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước, bao gồm cả lập pháp, hành pháp và tư pháp, cải cách hành chính, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Các mục tiêu và nhiệm vụ do Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 đề ra với những yêu cầu

rất cao, đòi hỏi có sự nỗ lực rất lớn, nhất là mục tiêu đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế trong hai năm 2004-2005 là hơn 8% mỗi năm; đồng thời, tạo bước tiến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nhưng với hệ thống các chủ trương, chính sách và giải pháp được hoạch định, hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng rằng, chúng ta đủ khả năng thực tế để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ ấy. Nhất là những thành tựu quan trọng đã đạt được trong mấy năm qua, các năng lực tiềm tàng về kinh tế - xã hội và về các mặt khác chưa được khai thác đúng mức, đồng thời từ những diễn biến được dự báo là thuận lợi hơn trước trong sự phục hồi và phát triển kinh tế thế giới là những nhân tố hết sức quan trọng. Chúng ta còn tìm thấy những khả năng ấy trong quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm và hạn chế về tổ chức chỉ đạo và quản lý điều hành mà nếu kiên quyết khắc phục và khắc phục được thì sẽ trở thành một sức mạnh vật chất, một động lực mạnh mẽ và to lớn.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 chỉ rõ, những thành tựu đạt được trong nửa nhiệm kỳ đầu chúng ta công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đang đi đúng đường lối đổi mới và những định hướng mà Đại hội IX đề ra, tiếp tục làm tăng thế và lực của đất nước, đặt nền móng và tạo điều kiện thuận lợi cơ bản để chúng ta phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Chúng ta tin tưởng ở Nghị quyết Trung ương 9 bởi tính thực tế và khả thi của các chủ trương, chính sách và giải pháp được đề ra; và tin tưởng ở việc thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách và giải pháp đó sẽ biến các khả năng thành hiện thực, biến cái chưa đạt được thành cái đạt được, biến quyết tâm thành phong trào hành động sôi nổi và mạnh mẽ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Đảng ta thường nói, quyết tâm cao cộng với khả năng thực tế, chủ trương, chính sách đúng và biện pháp hữu hiệu là một tổ hợp các nhân tố bảo đảm thành công.

Nghị quyết Trung ương 9 được xây dựng không chỉ nhìn vào thuận lợi mà còn lường trước những khó khăn và trở ngại đan xen với nhau một cách phức tạp. Ngay sau khi Hội nghị Trung ương 9 vừa họp xong, trong nước ta đã xảy ra dịch cúm gà và hạn hán trên diện rộng. Có thể chúng ta sẽ còn đối phó với nhiều khó khăn mới khác nữa, cả về chủ quan và khách quan. Song dù trong bất cứ tình huống nào, nhịp bước của chúng ta vẫn phải nhanh và mạnh hơn.

Cuộc phấn đấu của chúng ta trong nửa nhiệm kỳ còn lại sẽ rất quyết liệt - cuộc phấn đấu có tính quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX. Đưa Nghị quyết Trung ương 9 vào cuộc sống thực chất là phấn đấu để tiếp tục đưa toàn bộ Nghị quyết Đại hội IX vào cuộc sống. Chính vì vậy các cấp ủy cần lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên, trong nhân dân và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể, thiết thực, phù hợp với cấp mình, bảo đảm Nghị quyết đi nhanh vào cuộc sống. Thực hiện lời kêu gọi của Trung ương, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nhất trí nêu cao tinh thần dân tộc, ý thức tự lực tự cường, truyền thống đoàn kết, ra sức thi đua yêu nước, huy động tối đa sức người, sức của, tài năng và trí tuệ, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. □

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

TÀO HỮU PHÙNG*

I

Gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng khởi xướng, ngân sách nhà nước đã có những chuyển biến tích cực, xứng đáng là một khâu tài chính chủ đạo trong hệ thống tài chính, bảo đảm duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước và là một trong những công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Những thành tựu đạt được của ngân sách nhà nước thể hiện chủ yếu như sau:

- Do có sự tăng trưởng kinh tế và đổi mới chính sách thuế, chúng ta đã chuyển từ một ngân sách chủ yếu dựa vào ngoại viện, thu trong nước không đủ chi thường xuyên tiến tới thu trong nước không những bảo đảm chi thường xuyên mà còn có phần tích lũy, tập trung vốn cho chi đầu tư phát triển và trả nợ. Tỷ lệ động viên GDP vào ngân sách nhà nước tăng lên đã cho phép xử lý mâu thuẫn giữa nhu cầu chi và khả năng thu ngân sách nhà nước, loại bỏ tình trạng thâm hụt ngân sách nhà nước cao trong nhiều năm trước đây, tạo tiền đề cho việc giảm và đi tới chấm dứt phát hành tiền bù đắp bội chi ngân sách, hỗ trợ đắc lực cho mục tiêu chống lạm phát.

- Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đã chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, hỗ trợ cho các ngành kinh tế mũi nhọn, then chốt,

trọng điểm; phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất; thực hiện các chương trình mục tiêu, từng bước giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội.

- Chi ngân sách nhà nước từng bước được cơ cấu lại theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, xóa bao cấp, tránh dàn trải trong chi tiêu, đáp ứng các nhu cầu ăn, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông nghiệp và nông thôn; đáp ứng các nhu cầu củng cố quốc phòng, an ninh và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

- Những thành công trong quản lý thu, chi ngân sách trực tiếp hỗ trợ cho việc thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Luật Ngân sách nhà nước đã được ban hành và tổ chức thực hiện khá tốt đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu đúng, thu đủ và thu kịp thời các nguồn thu. Việc chi ngân sách nhà nước được kiểm tra, kiểm soát khá chặt chẽ, bước đầu thực hiện theo luật trên cơ sở tuân thủ các điều kiện chi; tăng cường kiểm soát trước và sau khi chi thông qua việc nâng cao chất lượng công tác lập dự toán và kiểm toán ngân sách nhà nước.

* GS.TSKH, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Ngân sách của Quốc hội

Nhà nước tiếp tục thực hiện nguyên tắc cân đối ngân sách nhà nước theo hướng thu từ thuế và phí phải lớn hơn chi thường xuyên, do đó có điều kiện tích lũy cho đầu tư phát triển, dành chi đầu tư phát triển lớn hơn chi thường xuyên và chi ngân sách nhà nước. Hạn chế tối đa vay thương mại nước ngoài để bù đắp bội chi. Nhất là việc bội chi ngân sách nhà nước được kiểm chế trong phạm vi Quốc hội cho phép, góp phần kích thích tăng trưởng kinh tế.

- Quan hệ giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đã được xử lý theo hướng tăng quyền chủ động của ngân sách địa phương. Tập trung hoàn thiện hệ thống thuế thông qua việc tiến hành cải cách thuế bước III theo hướng vừa bảo đảm nhu cầu chi của ngân sách, vừa tạo môi trường tài chính thuận lợi, khuyến khích sản xuất, kinh doanh. Rà soát và chấn chỉnh việc ban hành và thu các loại phí, lệ phí trái quy định.

Nhà nước đã từng bước cắt giảm các khoản chi hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp nhà nước. Trong bối cảnh các doanh nghiệp nhà nước đang được cải cách, chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh gắn với thị trường, chủ động hạch toán, bảo toàn và phát triển vốn, kinh doanh có hiệu quả, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, Nhà nước chỉ đầu tư ban đầu. Đáng lưu ý là, giảm mạnh các đối tượng bao cấp của ngân sách nhà nước; có cơ chế huy động thêm các nguồn lực ngoài ngân sách để đảm bảo mục tiêu phát triển các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa.

Nhìn chung, chính sách động viên của Nhà nước vào ngân sách nhà nước là nhất quán, hướng tới sự công bằng, chú trọng bồi dưỡng nguồn thu lâu dài, bảo đảm cho ngân sách nhà nước đáp ứng các nhu cầu phát triển của đất nước. Chính sách động viên đã bám sát quan điểm của Đảng là phải có tầm nhìn dài hạn trong chính sách thu, giải quyết hợp lý quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa tập trung vào ngân sách nhà nước và khả năng tích tụ vốn, tái

đầu tư của các doanh nghiệp. Chính sách khai thác các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước được chú trọng, thực hiện xã hội hóa đầu tư, xã hội hóa một số khoản chi ngân sách nhà nước nhằm đáp ứng các nhu cầu cần nâng cao chất lượng, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa. Những cơ chế, chính sách và luật pháp về ngân sách nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đúng tiến độ và có hiệu quả, khuyến khích đầu tư xã hội, mở rộng thị trường, phục vụ có hiệu quả cho chiến lược con người, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, phát triển khoa học - công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội ở các xã vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Bên cạnh những kết quả nêu trên, hoạt động ngân sách nhà nước vẫn đứng trước những khó khăn và tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định trong quá trình hội nhập và phát triển. Điều đó, thể hiện tập trung ở mấy điểm sau:

Thứ nhất: Cơ sở, nền tảng để động viên GDP vào ngân sách nhà nước chưa vững chắc. Cụ thể là, cơ cấu nguồn thu trong nước tăng chậm do hiệu quả nền kinh tế còn thấp; nguồn thu của ngân sách nhà nước chưa thực sự bắt nguồn từ kết quả sản xuất, kinh doanh, từ hiệu quả chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế mà vẫn bị chi phối bởi các khoản thu có tính bấp bênh, thiếu chắc chắn, phụ thuộc yếu tố bên ngoài (như thu từ bán dầu thô, thu thuế xuất nhập khẩu...) đang chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách nhà nước; ngân sách địa phương phụ thuộc nhiều vào nguồn thu từ đất, từ xổ số kiến thiết và trợ cấp của ngân sách cấp trên. Tất cả điều đó luôn đặt Nhà nước trước sự lựa chọn về chính sách động viên phải làm sao có đủ nguồn lực để đáp ứng các nhu cầu chi thiết yếu và cấp bách.

Thứ hai: Chính sách thuế đang tiếp tục hoàn thiện và còn nhiều vấn đề cần giải quyết, nhất là thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế quyền sử

dụng đất. Chính sách động viên chưa khuyến khích sử dụng hợp lý và có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, kết cấu hạ tầng, công sản... Việc làm cho các chính sách thuế đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát vẫn chưa đạt được. Công tác tuyên truyền về chính sách thuế còn hạn chế. Việc hướng dẫn các văn bản luật còn máy móc, thiếu thực tế nên thường xảy ra tình trạng trùng chéo, không rõ ràng, vừa gây khó khăn cho người thực hiện, vừa gây cản trở cho công tác thanh tra, giám sát.

Thứ ba: Công tác quản lý và điều hành thu ngân sách nhà nước còn tồn tại tình trạng thất thu, trốn thuế, lậu thuế, nhất là việc thoái trả thuế giá trị gia tăng. Kiểm soát thu nhập cá nhân để làm cơ sở đánh thuế thu nhập cá nhân chưa thực hiện được.

Thứ tư: Công tác quản lý và giám sát tài chính trong đầu tư xây dựng cơ bản còn lỏng lẻo dẫn đến chất lượng công trình không cao và tình trạng tiêu cực, thất thoát, lãng phí diễn ra khá phổ biến. Nợ xây dựng cơ bản lớn (năm 2003 là trên 11 000 tỉ đồng) và kéo dài có nguyên nhân do công tác lập dự án, chuẩn bị đầu tư, quản lý vốn còn hạn chế trong điều kiện phải đi vay vốn, từ đó dẫn đến việc xử lý nợ không dứt điểm, không triệt để, tạo gánh nặng phải trả nợ cho ngân sách nhà nước.

Thứ năm: Sức ép tăng chi ngân sách nhà nước vẫn còn lớn do nhu cầu đòi hỏi của nền kinh tế - xã hội ngày càng cao, trong khi sự phân bổ ngân sách nhà nước còn dãn trải, chưa chú ý hiệu quả kinh tế - xã hội. Do sự hạn hẹp của ngân sách nhà nước mà định mức chi ngân sách nhà nước mới chỉ thực hiện được nhiệm vụ duy trì mà chưa mang tính thúc đẩy phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội.

Thứ sáu: Chủ trương xã hội hóa một số khoản chi, lĩnh vực chi (như giáo dục, y tế, văn hóa) chưa được nhận thức đầy đủ, quán triệt kịp thời, phổ biến rộng rãi, dẫn đến triển khai chậm, quản lý chưa tốt. Công tác quản lý và

giám sát tài chính thiếu tập trung, chưa chặt chẽ. Quan hệ giữa ngân sách nhà nước và doanh nghiệp nhà nước còn lẫn lộn giữa bao cấp và tài trợ hợp lý dẫn đến sự bảo hộ quá mức của ngân sách nhà nước, tạo ra tư tưởng thụ động, ỷ lại, trông chờ, làm giảm sức cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình hội nhập.

Nguyên nhân của các hạn chế nêu trên, chủ yếu là chưa giải quyết được mâu thuẫn giữa tỷ lệ động viên GDP vào ngân sách nhà nước đang có xu hướng giảm trong khi nhu cầu chi ngân sách nhà nước luôn đòi hỏi rất lớn, tốc độ tăng chi có xu hướng doãng dần so với tốc độ tăng thu; thuế xuất nhập khẩu bị giảm do thực hiện các cam kết hội nhập, nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh thất thu lớn, vấn đề "hậu kiểm" chưa được quan tâm đúng mức, nộp ngân sách chưa tương xứng với tốc độ tăng trưởng, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đang thực hiện ưu đãi cho nhiều dự án... là những nhân tố tiềm ẩn gây căng thẳng trong cân đối ngân sách nhà nước.

Việc chi ngân sách nhà nước vẫn dành bao cấp cho một số lĩnh vực (bao cấp trực tiếp hoặc gián tiếp), cho một số khoản chi không thuộc phạm vi bảo đảm của ngân sách nhà nước (như chi cho các hiệp hội quần chúng, hỗ trợ vốn lưu động cho các doanh nghiệp nhà nước, chi sự nghiệp trong các tổng công ty nhà nước...). Tỷ trọng chi dành cho lương quá lớn do bộ máy quản lý công kênh nên mức lương bình quân cho mỗi cán bộ, công nhân viên thấp. Ngân sách phải chi cho các đối tượng thuộc diện trợ cấp xã hội còn lớn, trong khi chính sách xã hội hóa các nguồn lực để đầu tư cho một số lĩnh vực (giáo dục, y tế, văn hóa...) tiến hành còn chậm.

II

Mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước không thể tách rời mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Đặc biệt là,

tăng cường nền tảng của thu ngân sách nhà nước phải đi đôi với tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, loại bỏ dần những nguy cơ mất ổn định của ngân sách nhà nước. Để từng bước khắc phục những khó khăn, hạn chế và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, cần thực hiện một số giải pháp sau:

1 - Chính sách thu ngân sách nhà nước cần được hoạch định theo hướng động viên hợp lý các nguồn lực của nền kinh tế. Giải quyết tốt mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước - doanh nghiệp và xã hội; nhằm bảo đảm đủ nguồn tài chính để Nhà nước thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng và điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế; tạo động lực cần thiết cho các doanh nghiệp tập trung vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Chính sách thu ngân sách nhà nước phải chú trọng đến xu hướng hội nhập kinh tế và hợp tác quốc tế, nhanh chóng chuyển đổi cơ cấu nguồn thu để vừa thực hiện tốt các cam kết quốc tế vừa bảo đảm nguồn thu ngân sách nhà nước.

2 - Việc chi ngân sách nhà nước cần tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, có lộ trình hợp lý cắt giảm dần các khoản chi bao cấp, bao biện. Việc bố trí chi ngân sách nhà nước phải được cân nhắc trên cơ sở phối hợp giữa vốn của ngân sách nhà nước với các nguồn lực tài chính khác trong toàn xã hội để bảo đảm tính thiết thực và hiệu quả. Từ đó, góp phần phân bổ nguồn lực tài chính quốc gia công bằng và hợp lý giữa các vùng, miền trong cả nước. Thực hiện cân đối ngân sách nhà nước tích cực theo nguyên tắc thu từ thuế, phí phải lớn hơn chi thường xuyên, có tích lũy cho đầu tư phát triển. Bội chi ngân sách phải nhỏ hơn chi đầu tư phát triển, không phát hành thêm tiền, hạn chế tối đa vay thương mại nước ngoài để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước. Cân đối thu, chi ngân sách địa phương theo nguyên tắc chi phải cân bằng với thu, tốc độ tăng chi đầu tư phát triển phải lớn hơn tốc độ tăng chi thường xuyên; bảo

đảm tiết kiệm chi thường xuyên để tạo tích lũy từ nội bộ ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển.

3 - Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý và điều hành ngân sách nhà nước; hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; tổ chức nghiên cứu ban hành mới hệ thống định mức chi tiêu ngân sách; đổi mới quy trình phân bổ ngân sách, thực hiện cấp phát, thanh toán trực tiếp qua kho bạc cho người thụ hưởng ngân sách để xóa bỏ việc cấp phát qua nhiều khâu; nghiên cứu sửa đổi chế độ kế toán, quyết toán và kiểm toán ngân sách, thực hiện công khai và minh bạch hóa ngân sách các cấp; ổn định nguồn thu và nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách để phát huy tính tự chủ, năng động của chính quyền địa phương trong quản lý và điều hành ngân sách phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương trong khuôn khổ chung của Luật Ngân sách nhà nước.

4 - Tiếp tục kiện toàn hệ thống chính sách thuế theo hướng giảm dần thuế suất, giảm chênh lệch giữa các mức thuế suất, giảm số lượng thuế suất, giảm dần các ưu đãi, miễn giảm thuế, mở rộng phạm vi, đối tượng nộp thuế, bảo đảm nguyên tắc công bằng về thuế giữa các thành phần kinh tế, giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, góp phần đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại sản xuất kinh doanh. Đồng thời, điều chỉnh cơ cấu các sắc thuế và thuế suất cho phù hợp với yêu cầu phát triển, mở cửa, hội nhập kinh tế và thực hiện các cam kết quốc tế. Sửa đổi và hoàn thiện các loại thuế gián thu; nâng dần tỷ trọng thuế trực thu trong tổng thu ngân sách nhà nước theo bước đi thích hợp, trong đó đặc biệt chú trọng đến triển khai áp dụng thống nhất chế độ thuế thu nhập cá nhân để xác lập thói quen đóng thuế trong nhân dân, tạo dựng môi trường bình đẳng, thống nhất cho việc thiết lập các chế độ thuế và các chính sách tài chính khác, góp phần cải thiện sự công bằng, bình đẳng trong xã hội và tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

5 - Rà soát lại các chế độ thu ngân sách hiện hành theo hướng bao quát tất cả các lĩnh vực hoạt động, phù hợp với điều kiện chung của nền kinh tế, điều kiện riêng của từng ngành, khuyến khích nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chất lượng sản phẩm, khuyến khích xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng của Nhà nước; tiếp tục hoàn thiện chế độ thu phí, lệ phí và chế độ huy động các khoản đóng góp của nhân dân. Tăng cường các biện pháp chống gian lận thương mại, buôn lậu, trốn thuế, lậu thuế bằng việc tăng cường thanh tra, kiểm tra, cưỡng chế hành chính.

Về chi ngân sách nhà nước cần bảo đảm duy trì sự hoạt động bình thường của bộ máy nhà nước, củng cố quốc phòng - an ninh, phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn. Chi đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước phải được thực hiện tập trung, dứt điểm theo từng công trình, đáp ứng yêu cầu tiết kiệm, hiệu quả, định hướng đầu tư xã hội, thu hút nhiều nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển. Chú ý tập trung chi đầu tư cho các vùng kinh tế trọng điểm để tạo động lực phát triển cho cả nền kinh tế, tạo cơ sở giải quyết tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bố trí hợp lý các khoản dự phòng, dự trữ tài chính và trả nợ.

6 - Tiếp tục đổi mới các chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho việc thúc đẩy xuất khẩu, xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường mới. Mở rộng hệ thống bảo hiểm và an sinh xã hội nhằm huy động sự tham gia của người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế để giải quyết các vấn đề xã hội. Có cơ chế quản lý thống nhất, chặt chẽ mọi khoản chi ngân sách nhà nước, chú trọng đổi mới quản lý các khoản chi từ nguồn vốn ngoài nước, vốn sự nghiệp kinh tế, vốn chương trình mục tiêu quốc gia. Mở rộng phạm vi xã hội hóa một số khoản chi ngân sách nhà nước, thực hiện cơ chế tự trang trải chi tiêu, xây dựng mô hình tự lo chi phí ở

một số đơn vị hành chính sự nghiệp cung cấp các dịch vụ công cộng, thay thế phương thức cấp kinh phí trực tiếp bằng việc Nhà nước mua sản phẩm theo giá cả phù hợp với chất lượng và tiến độ.

7 - Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, giải quyết dứt điểm những bất hợp lý trong chính sách tiền lương và thu nhập, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ yếu, kết hợp với các hình thức phân phối khác nhằm bảo đảm phân phối công bằng trong xã hội. Củng cố và sắp xếp lại hệ thống các quỹ hiện có nhằm đổi mới phương thức quản lý, nâng cao khả năng bảo toàn, phát triển vốn và chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn; bảo đảm lợi ích của các nhà đầu tư và an toàn tài chính. Đa dạng hóa các công cụ hoạt động và hình thức tổ chức tài chính, tiền tệ, các quỹ đầu tư nhằm động viên sự tham gia đóng góp của cộng đồng và của nước ngoài hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ.

8 - Tiếp tục đổi mới chính sách, cơ chế quản lý và điều hành ngân sách nhà nước. Đổi mới quy trình lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước các cấp theo hướng công khai, minh bạch, dân chủ bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ, chính xác và phù hợp với thông lệ quốc tế. Hiện đại hóa hệ thống thống kê, kế toán, dự báo nhằm nâng cao hiệu quả của công tác điều hành ngân sách nhà nước. Chủ động và sử dụng linh hoạt các giải pháp tài khóa "*nới lỏng*" hoặc "*thắt chặt*" cho phù hợp với diễn biến của tình hình thực tế. Phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn cũng như cơ chế phối hợp, kết hợp giữa các cơ quan có liên quan đến thu và chi ngân sách nhà nước. Cải thiện môi trường pháp lý về ngân sách nhà nước để quản lý và điều hành nền tài chính quốc gia bằng pháp luật và ban hành các cơ chế, chính sách dựa trên cơ sở chủ yếu là Luật Ngân sách nhà nước đã được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 2, thông qua. □



XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

TÔ XUÂN DÂN * NGUYỄN THANH BÌNH**

ĐẢNG ta chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một trong những điều kiện và môi trường tiên quyết của một quốc gia tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và một xã hội phát triển tiên tiến.

Nội dung quan trọng của Nhà nước pháp quyền là khẳng định cội nguồn quyền lực nhà nước là ở nhân dân. Để bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, trong đó nhà nước là của nhân dân chứ không phải nhân dân là của nhà nước, Nhà nước pháp quyền đề cao tính hợp hiến, hợp pháp trong tổ chức và hoạt động của nhà nước, nhà nước chỉ được làm những điều pháp luật cho phép, còn nhân dân được làm tất cả những điều pháp luật không cấm, pháp luật bảo đảm cho sự phát triển tự do tối đa của nhân dân. Vai trò của pháp luật trong việc xây dựng và duy trì một xã hội trật tự ổn định, trong đó không chỉ mỗi công dân, mỗi cá nhân, mà bản thân nhà nước và những người đứng đầu chính quyền cũng phải tôn trọng pháp luật đã được khẳng định. Hai mặt dân chủ và pháp luật trong Nhà nước pháp quyền gắn bó hữu cơ, làm tiền đề tồn tại cho nhau và tạo nên bản chất của Nhà nước pháp quyền trong lịch sử nhân loại. C. Mác, Ph. Ăng-ghen và V.I. Lê-nin đánh giá cao giá trị nhân văn của học thuyết

Nhà nước pháp quyền mà cách mạng tư sản đã công hiến cho nhân loại.

Ở nước ta để bảo đảm phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh thì một trong những vấn đề chiến lược là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Do vậy, cần làm sáng tỏ về bản chất, nội dung cũng như những đặc trưng của nó, tạo thành hệ thống quan điểm lý luận định hướng cho việc hoàn thiện nhà nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hiện nay, Việt Nam đã có đủ các tiền đề về kinh tế, chính trị, xã hội để từng bước xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân, có sắc thái riêng, phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, truyền thống, văn hóa của Việt Nam. Cần nhận thức rằng việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là quá

* GS, TS, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội

** Ban Dân chủ và Pháp luật, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

trình lâu dài, phải được tiến hành từng bước, chia thành nhiều giai đoạn, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mỗi giai đoạn tương ứng với một mức độ phát triển của xã hội và của nhà nước. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cần quán triệt những vấn đề có tính nguyên tắc sau:

1 - Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân là cách thức cơ bản để phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân. Đó là Nhà nước trong đó bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, vì thế quyền lực nhà nước là thống nhất, không tam quyền phân lập nhưng có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện quyền lực nhà nước về mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đó là Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế, xử lý nghiêm minh kịp thời mọi vi phạm pháp luật nhằm thực hiện và bảo vệ được các quyền tự do dân chủ, đặc biệt là quyền tự do kinh doanh và lợi ích hợp pháp của nhân dân, ngăn ngừa mọi sự tùy tiện lạm quyền từ phía cơ quan nhà nước, cán bộ công chức nhà nước, đồng thời ngăn ngừa hiện tượng dân chủ cực đoan, vô kỷ luật, thiếu kỷ cương. Đó là Nhà nước mà mọi tổ chức (kể cả tổ chức đảng), hoạt động phải dựa trên cơ sở pháp luật, tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước công dân về mọi hoạt động của mình. Vì vậy, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có quan hệ khăng khít với xây dựng xã hội công dân. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, là cách thức cơ bản để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động nội lực của toàn thể nhân dân, của tất cả các thành phần kinh tế vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. *Nhà nước pháp quyền, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xã hội công dân là bộ ba hợp thành không thể tách rời, là điều kiện và tiền đề cho nhau, là bảo đảm và*

kết quả của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2 - Hiến pháp và pháp luật nước ta ghi nhận quyền của công dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị, đề đạt nguyện vọng, yêu cầu của mình với các cơ quan nhà nước. Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền khiếu nại, tố cáo, v.v.. Các quyền và sự tự do đó trong nhiều trường hợp là điều kiện để nhân dân kiểm tra hoạt động của Nhà nước, nhưng trước hết đó là một trong những phương thức quan trọng để thực hiện dân chủ. Vì vậy, cần chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Đổi mới cơ chế, xác định trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, công chức trong việc giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân.

Quyền lực nhà nước ở nước ta là quyền lực nhà nước thống nhất. Sự thống nhất đó là ở mục tiêu chung phục vụ lợi ích của nhân dân, của đất nước, của dân tộc. Xét theo cơ chế tổ chức thì quyền lực nhà nước tối cao, tức là những chức năng và thẩm quyền cao nhất thuộc về những cơ quan đại diện cho nhân dân. Ở nước ta, đó là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Quốc hội có thẩm quyền lập hiến và lập pháp; quyền giám sát tối cao; quyền quyết định kế hoạch phát triển đất nước; quyền lập ra các cơ quan và chức vụ quốc gia cao nhất. Hội đồng nhân dân các cấp là những cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

3 - Một trong những điểm cơ bản của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân là *quyền lực nhà nước thống nhất trên cơ sở phân công và phối hợp trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp,*

tư pháp. Có thể hiểu rằng, sự thống nhất là nền tảng, sự phân công và phối hợp là phương thức để đạt được sự thống nhất của quyền lực nhà nước.

Trong giai đoạn hiện nay, hoạt động lập pháp đang đứng trước những nhiệm vụ mới mẻ và phức tạp của việc điều chỉnh pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Lập pháp phải bảo đảm tính khả thi của các quy định pháp luật, tính hiệu lực và hiệu quả của việc áp dụng pháp luật vào cuộc sống. Hoạt động lập pháp phải vừa bảo đảm chất lượng, vừa theo kịp yêu cầu của sự phát triển. Muốn vậy, cần tổ chức tốt hơn nữa quy trình lập pháp. Quy trình đó phải vừa bảo đảm phản ánh được sự phát triển sống động của đời sống xã hội trong các lĩnh vực, lại vừa bảo đảm tính chuyên môn pháp lý của các quy định để có sự phối hợp chặt chẽ giữa khâu làm luật với việc ban hành các văn bản dưới luật, tổ chức thực hiện pháp luật.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực đổi mới và cải cách nhưng tổ chức và hoạt động của bộ máy hành pháp của nước ta còn nhiều nhược điểm, còn nhiều mặt chưa theo kịp và đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước. Tổ chức hành pháp chưa thông suốt, còn yếu trong việc xử lý những mối liên kết dọc và ngang, thậm chí còn có hiện tượng cục bộ. Chế độ phân cấp trách nhiệm còn thiếu rành mạch, làm trầm trọng thêm tác phong làm việc quan liêu và dựa dẫm. Thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân chưa được quy định chặt chẽ. Thái độ làm việc và trách nhiệm trước dân của đội ngũ cán bộ, công chức vẫn còn là vấn đề đáng nói hiện nay.

Trong lĩnh vực hoạt động tư pháp, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước ta trước sau như một đều khẳng định các yêu cầu về bình đẳng, công bằng, về sự độc lập của toà án khi xét xử, bảo đảm mọi vi phạm đều bị xử lý, tăng cường bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của người dân. Trong giai đoạn hiện nay, hoạt động tư pháp đã trở thành

một hoạt động hết sức quan trọng của Nhà nước ta, thể hiện vai trò mới, những đòi hỏi và những nhiệm vụ mới của lĩnh vực hoạt động đó. Trên cơ sở những thành tựu và kinh nghiệm đã có, cần đẩy mạnh cải cách tư pháp theo Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị (khóa IX) mà những nội dung cơ bản phải là cải cách hoạt động xét xử và cải cách các thủ tục tố tụng, nâng cao năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm chính trị - pháp lý của cán bộ tư pháp.

4 - Một trong những nội dung cơ bản của nguyên tắc phân công và phối hợp quyền lực nhà nước và cải cách hành chính là sự phân công, phân cấp giữa trung ương và địa phương. Sự phân công, phân cấp ấy phải nhằm khuyến khích và nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Việc phân công và phân cấp giữa trung ương và địa phương phải dựa trên nền tảng của một hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, có tính chuyên nghiệp cao và đủ sức giải quyết mọi vấn đề do thực tiễn đặt ra. Đây đang là một khâu yếu.

5 - Đề cao pháp luật, tăng cường pháp chế phải đi liền với việc đưa pháp luật vào cuộc sống, tạo thói quen và nếp sống tôn trọng pháp luật trong cán bộ và mọi tầng lớp nhân dân. Cho nên, xây dựng pháp luật và đưa pháp luật vào cuộc sống phải thực sự là hai mặt của một nhiệm vụ. Đổi mới và hoàn thiện pháp luật phải đi liền với đổi mới và hoàn thiện thực tiễn áp dụng pháp luật. Tăng cường hoạt động xây dựng pháp luật phải đi liền với việc khuyến khích và tạo điều kiện cho các hoạt động của các tổ chức và công dân nhằm sử dụng đầy đủ quyền và thực hiện tốt nghĩa vụ của họ, sự khuyến khích tích cực pháp lý phải đi liền với việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đổi mới và cải cách hành chính và hệ thống tư pháp. Đồng thời, đề cao pháp luật và pháp chế còn đặt ra nhiệm vụ phải bằng mọi cách nâng cao

sự hiểu biết pháp luật, đấu tranh có hiệu quả với các vi phạm và tội phạm, kiên quyết chống quan liêu và tham nhũng trong bộ máy của Đảng và Nhà nước.

6 - Thực thi quyền lực và thi hành pháp luật là những hoạt động luôn luôn cần đến sự kiểm tra, giám sát đầy đủ và hữu hiệu. Các hình thức và cơ chế kiểm tra, giám sát phải thực sự được coi trọng và hoàn thiện ở mức cao nhất, bảo đảm cho quyền lực nhà nước luôn nằm trong quỹ đạo phục vụ nhân dân và đất nước, pháp luật luôn luôn được tôn trọng, pháp chế và kỷ cương được giữ vững. Đối với các cơ quan nhà nước, kiểm tra, giám sát là cách tốt nhất để các cơ quan đó thực hiện đúng chức trách và thẩm quyền của mình, đồng thời là điều kiện phối hợp các hoạt động một cách có hiệu quả. Đến lượt mình, các hoạt động, các hình thức và cơ chế kiểm tra, giám sát phải có sự phân công, phối hợp đầy đủ và hoàn thiện hơn.

7 - Nhà nước pháp quyền của chế độ ta thể hiện những tư tưởng, quan điểm tích cực, tiến bộ, phản ánh mơ ước và khát vọng của nhân dân đối với công lý, tự do, bình đẳng. Trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân hiện nay, về mặt nhận thức, cần khẳng định các mối quan hệ chủ đạo giữa các nguyên tắc và yêu cầu của Nhà nước pháp quyền với hệ thống chính trị duy nhất một đảng lãnh đạo; với phương thức tổ chức nhà nước tập trung có phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; với việc tôn trọng các quyền tự do của công dân và nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân trong việc bảo đảm một xã hội trật tự, kỷ cương.

Về nguyên tắc, Nhà nước pháp quyền không mâu thuẫn với hệ thống chính trị một đảng lãnh đạo. Vấn đề là ở chỗ, bản chất của đảng cầm quyền thế nào, mục tiêu chính trị của nó có phải vì lợi ích chung của dân tộc, vì con người hay không và do đó có sẵn sàng tuân theo những quy định của pháp luật hay không; có đủ phẩm chất đạo đức để vượt qua các cám dỗ quyền lực to lớn mà một đảng cầm quyền duy nhất có nhiều khả năng gặp phải hay không và

nó có đặt ra và thực hiện được những kỷ luật nghiêm khắc cho chính mình hay không, v.v..

Thực tiễn phát triển của xã hội ta, đất nước ta xác nhận và khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng. Hơn bảy mươi tư năm qua, Đảng thể hiện tập trung ý chí, nguyện vọng và trí tuệ của toàn dân tộc. Đường lối của Đảng là sự thể hiện nhận thức của toàn xã hội về các quy luật khách quan của sự phát triển đất nước. Đó chính là căn cứ, là điều kiện cần thiết để chúng ta hoàn thiện pháp luật. Hiến pháp của nước ta đã ghi nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng phù hợp với những nguyên tắc của nhà nước pháp quyền, căn cứ vào kinh nghiệm thực tiễn và yêu cầu của xã hội, cần cụ thể hóa hơn nữa mối quan hệ lãnh đạo của Đảng, mà cụ thể là các tổ chức đảng và cấp ủy các cấp, cán bộ lãnh đạo Đảng với các cơ quan nhà nước và các chức vụ nhà nước các cấp. Hoàn thiện những cơ sở pháp lý đó sẽ giúp tránh được những biểu hiện bao biện, làm thay hay can thiệp không đúng nguyên tắc của cấp ủy và cán bộ Đảng vào công việc chính quyền mà có thời kỳ nhiều nơi mắc phải.

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, mở rộng dân chủ, phát huy tối đa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng và quản lý nhà nước, trong vai trò phản biện và trong giám sát hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường không phải chỉ dựa vào quyền uy, mệnh lệnh, mà là bằng trí tuệ, năng lực lãnh đạo của Đảng, ở khả năng vạch ra đường lối chính trị đúng đắn, ở sự gắn bó với nhân dân và khả năng giáo dục, thuyết phục toàn xã hội chấp thuận, ở vai trò tiên phong của đảng viên và tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là điều kiện quan trọng nhất, cơ bản nhất đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. □

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong bầu cử cơ quan dân cử ở nước ta

VŨ THỊ LOAN *

BẦU cử là phương thức cơ bản để lựa chọn những đại biểu ưu tú, thành lập cơ quan đại diện nhà nước. Thông qua bầu cử, các chủ thể chính trị thực hiện sự chuyển giao quyền lực hợp pháp cho các thế hệ mới, tạo ra sự thay đổi từ số lượng đến chất lượng trong đội ngũ những người lãnh đạo, quản lý làm cơ sở cho sự kế thừa và tiếp tục thực hiện các mục tiêu chính trị, đáp ứng những đòi hỏi mới của thực tiễn.

Vấn đề cốt lõi của bầu cử là làm thế nào để người dân biết ủy quyền và chọn được đúng người để ủy quyền; đồng thời, khi cần thiết, người dân dễ dàng có thể bỏ phiếu bất tín nhiệm, bãi miễn người đại diện. Đây là những vấn đề quan trọng không chỉ liên quan đến các ứng cử viên, các đảng chính trị mà liên quan đến số phận hàng triệu người, đến sự ổn định và phát triển lâu dài của đất nước. Vì thế, bầu cử là cơ hội để đào tạo, rèn luyện, sàng lọc, lựa chọn đội ngũ cán bộ một cách liên tục nhằm thực hiện các mục tiêu chính trị hiệu quả hơn.

Để đạt được mục đích của bầu cử, ngoài những tri thức về bầu cử được xác định và bảo

đảm bằng hiến pháp, pháp luật còn cần đến việc tổ chức tốt trình tự bầu cử, nhằm bảo đảm quyền ứng cử và bầu cử của công dân, mang lại kết quả bầu cử khách quan, trung thực, phản ánh đầy đủ ý chí và nguyện vọng của nhân dân.

Đảng ta là đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo toàn diện quá trình phát triển đất nước. Mục tiêu và lợi ích của Đảng Cộng sản Việt Nam thống nhất với mục tiêu và lợi ích của nhân dân, của dân tộc. Vì vậy, Đảng lãnh đạo Nhà nước, xây dựng củng cố Nhà nước vừa là quy luật khách quan, vừa là đòi hỏi tất yếu của sự nghiệp cách mạng nước ta. Do đó, thành công của các cuộc bầu cử ở nước ta phụ thuộc rất nhiều vào sự lãnh đạo của Đảng. Trong suốt gần 60 năm qua, Đảng ta đã lãnh đạo thành công 11 cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và các cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Đó là những thành tựu quan trọng trong quá trình lãnh đạo xây dựng và củng cố Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân.

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu to lớn nhưng trong quá trình lãnh đạo bầu cử, công tác lãnh đạo của Đảng vẫn còn bộc lộ một số yếu kém cần khắc phục:

- Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy là vấn đề có tính nguyên tắc không thể phủ nhận trong các cuộc bầu cử, nhưng chỉ tuyệt đối hóa hoặc vận dụng một cách máy móc các quan điểm chỉ đạo của cấp ủy, không có biện pháp triển khai hợp lý sẽ dẫn đến thu hẹp dân chủ không đúng với bản chất của chế độ ta. Trong thực tế, đó là bệnh hình thức, áp đặt cơ cấu thành phần đại biểu một cách bình quân, máy móc, xơ cứng, không phát huy được tính chủ động tích cực của quần chúng nhân dân trong việc lựa chọn

* Đại học Sư phạm Hải Phòng

người đại diện xứng đáng nhất cho mình. Vì thế, trong nhiều cuộc bầu cử vẫn còn biểu hiện tính phong trào, hình thức, nhân dân ở tình thế bị động, không giới thiệu được người mình tín nhiệm. Họ chủ yếu đi bầu theo dự kiến, theo định hướng "lãnh đạo" của cấp ủy. Kết quả là, có nhiều đại biểu trúng cử qua bầu cử tuy đủ phẩm chất và năng lực nhưng lại không phải là người đại biểu xứng đáng nhất của nhân dân.

- Bầu cử và ứng cử là quyền cơ bản về chính trị của công dân. Hiện nay vấn đề tự ứng cử còn buông lỏng điều kiện nên người tự ứng cử quá tự do, hầu như không bị ràng buộc gì. Đến nay, chúng ta vẫn chưa đưa ra được quy định cụ thể đối với người tự ứng cử.

- Việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác và nơi cư trú của ứng cử viên là một thể thức khá quan trọng, giúp cử tri có được những thông tin đầy đủ và chính xác về nhân thân, phẩm chất, năng lực... của ứng cử viên; đồng thời, cũng là một cách để cử tri lựa chọn. Nhưng, thể thức này chưa phản ánh thực chất quyền dân chủ của nhân dân.

- Các cuộc vận động tranh cử ở nước ta đầu sao vẫn còn ít nhiều mang tính hình thức. Nhiều đại biểu đắc cử chủ yếu phụ thuộc vào định hướng của lãnh đạo, cơ cấu chứ không phải phụ thuộc vào năng lực và chương trình hành động của họ thể hiện qua vận động tranh cử.

- Chưa cụ thể hóa quyền bãi miễn các đại biểu đã được bầu. Vì vậy, ở nước ta chưa tiến hành bãi miễn thường xuyên với những người không làm tròn nhiệm vụ.

Những yếu kém trên đây của công tác bầu cử ở nước ta là một trong những nguyên nhân làm cho đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị nói chung, của Nhà nước nói riêng, chưa ngang tầm với đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì vậy, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với bầu cử ở nước ta hiện nay là một đòi hỏi cấp bách.

Phương thức lãnh đạo của Đảng là hệ thống các phương pháp, hình thức, biện pháp, quy trình, lề lối làm việc mà Đảng sử dụng để tác động vào hệ thống chính trị và xã hội nhằm đạt được mục tiêu, nội dung lãnh đạo của Đảng. Phương thức lãnh đạo của Đảng ngày càng có vai trò quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là một nội dung cơ bản và quan trọng nhằm bảo đảm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nêu cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...

Trong quá trình Đảng lãnh đạo củng cố, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với quá trình bầu cử là một yêu cầu cấp thiết. Những vấn đề cơ bản mà Đảng cần tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo đối với công tác bầu cử ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là:

I - Có nhận thức mới, đúng đắn về chế độ bầu cử, coi bầu cử là một trong những thể chế quan trọng nhất của nền chính trị dân chủ - pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong việc bảo đảm quyền lực chính trị của nhân dân lao động, phù hợp với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, với truyền thống dân tộc, văn hóa chính trị và văn minh xã hội. Hoàn thiện chế độ bầu cử theo hướng vừa sử dụng được những thành quả, những giá trị phổ biến của văn minh nhân loại, vừa bảo đảm các quyền dân chủ thực sự của nhân dân.

Để có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của chế độ bầu cử, cần đầu tư nghiên cứu lý thuyết, kinh nghiệm bầu cử thế giới, tổng kết kinh nghiệm bầu cử trong nước. Trên cơ sở đó, hoàn thiện hệ thống bầu cử ở nước ta, xác định chiến lược của Đảng trong các cuộc bầu cử, thực hiện phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội thông qua đội ngũ các

nhà lãnh đạo, quản lý được nhân dân lựa chọn, ủy quyền qua các cuộc bầu cử.

Hiện nay, cần làm sáng tỏ cả về lý luận và thực tiễn luận điểm rất quan trọng của Đảng được xác định tại Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa IX: "Kết hợp thực hiện chế độ tập trung dân chủ trong Đảng và chế độ hiệp thương dân chủ trong tổ chức Mặt trận để làm phong phú thêm nền dân chủ ở nước ta"⁽¹⁾. Đây là những nhận thức mới của Đảng về dân chủ, về tính đặc thù của sự vận động và thực hiện dân chủ trong tổ chức, hoạt động của Mặt trận với tư cách là một liên minh chính trị - xã hội rộng rãi dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là cơ sở để Đảng đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận trong quá trình phát huy sức mạnh, tập hợp đoàn kết dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đặc biệt là phát huy vai trò to lớn của Mặt trận trong quá trình hiệp thương dân chủ.

Mặt trận là tổ chức tiêu biểu cho sức mạnh đại đoàn kết của toàn dân tộc, cho sự tập hợp và phát huy lực lượng của toàn dân tộc. Vì vậy, Đảng cần thông qua Mặt trận để thu hút những tinh hoa ưu tú nhất về trí tuệ, tư tưởng của dân tộc và thời đại, nhằm làm giàu năng lực, phương pháp và bản lĩnh lãnh đạo của mình bằng cách tập hợp và nâng cao mọi hiểu biết, sáng kiến, sáng tạo của quần chúng trong đời sống xã hội. Đảng lãnh đạo Mặt trận không phải bằng cách áp đặt, ra lệnh, làm thay mà bằng thuyết phục và vận động để phát huy tính chủ động, tích cực của Mặt trận. Qua đó, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao của các lực lượng xã hội chung quanh Đảng, thực hiện thắng lợi Cương lĩnh xây dựng đất nước của Đảng.

Phát huy tác dụng và hiệu quả của hiệp thương dân chủ của tổ chức Mặt trận, chủ động hiệp thương dân chủ trong mối quan hệ giữa Đảng với Mặt trận sẽ bảo đảm cho Đảng lãnh đạo Mặt trận một cách dân chủ, tránh tình trạng quan liêu, hành chính hóa, tránh tình trạng "nhà nước hóa đảng" khi Đảng trở thành đảng cầm

quyền; bảo đảm cho Đảng có khả năng luôn luôn nhận biết được tâm trạng, ý nguyện thực của nhân dân, thấu hiểu nhân dân, từ đó đề ra những chủ trương, quyết sách đúng, phù hợp với cuộc sống, được nhân dân ủng hộ, tin cậy.

Mặt trận thực hiện tốt hiệp thương dân chủ với Đảng sẽ làm tăng tính chủ động tích cực và các năng lực sáng tạo của Mặt trận, khẳng định vị trí, vai trò của Mặt trận đối với Đảng và xã hội; tránh cho Mặt trận rơi vào tình trạng thụ động, hình thức trong hoạt động của mình hoặc không hoàn thành vai trò chủ thể của quá trình hiệp thương. Sự kết hợp giữa chế độ tập trung dân chủ trong Đảng với chế độ hiệp thương dân chủ của Mặt trận là sự kết hợp cần thiết và không thể thiếu được trong nền chính trị theo nguyên tắc nhất nguyên và mô hình một đảng cầm quyền như ở nước ta hiện nay.

2 - Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với quá trình hiệp thương giới thiệu, lựa chọn người ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng; đồng thời, mở rộng dân chủ để nhân dân thực sự làm chủ trong việc lựa chọn người xứng đáng đại diện cho mình tham gia vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Liên quan trực tiếp đến vấn đề này, cần tuân thủ và giữ vững nguyên tắc cơ bản là vừa tập trung dân chủ, vừa phát huy tính chủ động của Mặt trận trong quá trình hiệp thương. Nâng cao vai trò, năng lực hiệu quả hoạt động của Mặt trận.

Một vấn đề có tính nguyên tắc trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và có tính quy luật chung của các đảng chính trị khi trở thành đảng cầm quyền là đảng viên của đảng cầm quyền chiếm tỷ lệ cao trong đại biểu quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp và giữ các chức vụ chủ chốt trong các cơ quan nhà nước. Chúng ta biết rằng, việc giành, giữ,

(1) Văn kiện Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 26

thực thi quyền lực nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội. Bất cứ đảng chính trị nào cũng đặt lên hàng đầu việc giành lấy đa số phiếu trong quốc hội và các chức vụ chủ chốt trong chính phủ, xây dựng một thể chế chính trị bảo vệ quyền lãnh đạo của đảng đó và thực thi quyền lực có hiệu quả.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Đảng viên của Đảng chiếm tỷ lệ cao trong thành phần của Quốc hội và các cơ quan nhà nước là đúng quy luật và rất cần thiết. Vấn đề mấu chốt là việc tổ chức đảng lựa chọn đảng viên để giới thiệu tham gia ứng cử như thế nào? Đảng không phải chờ đến kỳ bầu cử mới bàn tính tới việc "chọn cử", mới "đốt đuốc tìm nhân tài". Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ là vấn đề cốt tử của Đảng, là công việc thường xuyên và liên tục của công tác xây dựng Đảng. Cần xây dựng đội ngũ đảng viên vững vàng về chính trị, giỏi về chuyên môn, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có uy tín với quần chúng nhân dân... đáp ứng được yêu cầu của cách mạng trong mọi thời kỳ. Đảng phải coi trọng công tác kiểm tra lãnh đạo và thực hiện kỷ luật của Đảng, kiên quyết đấu tranh với mọi hiện tượng đảng viên thoái hóa, biến chất, củng cố xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao vai trò, uy tín và sức chiến đấu của Đảng. Những đảng viên ưu tú được các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh giới thiệu (thông qua Mặt trận, theo đúng Luật Bầu cử) để nhân dân lựa chọn, ủy thác. Đó thực sự là phương sách chăm lo xây dựng, phát hiện và tiến cử người hiền tài cho đất nước.

Để thực hiện phương sách này cần thực hành dân chủ, trước hết là dân chủ trong Đảng. Đảng phải thể hiện là lực lượng tiên phong, mẫu mực trong thực hành dân chủ. Tổ chức đảng, các cấp ủy phải thực sự công khai, công minh và mạnh dạn trong việc lựa chọn các đảng viên ra ứng cử. Tổ chức cơ sở đảng phải có trách nhiệm tạo mọi điều kiện cho đảng viên đủ tiêu chuẩn, năng lực ra ứng cử một cách có tổ chức để gánh

vác công việc đất nước. Đây vừa là trách nhiệm của Đảng trước dân vừa là trách nhiệm trong việc xây dựng uy tín của Đảng. Sự tín nhiệm của nhân dân đối với những đảng viên được giới thiệu ra ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp là một cơ hội để Đảng đánh giá, kiểm tra và lượng hóa được mức độ uy tín của mình. Cử tri bỏ phiếu cho đảng viên ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp có thể coi là một dịp nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm Đảng.

Để bảo đảm chất lượng đại biểu của Đảng trong Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các cấp ủy cần coi trọng và làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng quy hoạch cán bộ. Công tác quy hoạch cán bộ phải được coi như là một khoa học trong công tác cán bộ, phải được nghiên cứu, làm thận trọng. Trong xây dựng đề án quy hoạch cán bộ, cần bảo đảm tính khách quan và tính khả thi cao; có quy trình cụ thể, có sự phân công trách nhiệm cho các tổ chức cơ quan và giao nhiệm vụ cho cá nhân cán bộ được quy hoạch, tạo điều kiện cho cán bộ được quy hoạch phấn đấu rèn luyện, được thử thách... Quy hoạch phải đi liền với sử dụng. Tránh tình trạng quy hoạch để quy hoạch, không sử dụng; hoặc quy hoạch rồi không sử dụng được; hoặc cán bộ, đảng viên nằm trong diện quy hoạch không được tạo điều kiện để rèn luyện, phấn đấu, khẳng định mình mà bị "roi rụng" hoặc "chết yểu", gây tâm lý chán nản, phát sinh tư tưởng tiêu cực, bất mãn. Quy hoạch phải đi liền với đào tạo, bồi dưỡng. Cán bộ trong diện quy hoạch phải được đào tạo một cách bài bản cả về lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức, đặc biệt, phải được rèn luyện và trưởng thành qua thực tiễn. Cán bộ trong diện quy hoạch phải được khẳng định và trưởng thành từ ý thức, trách nhiệm, hiệu quả phục vụ nhân dân, được lớn lên trong sự yêu thương, tin cậy của nhân dân. Họ trước hết phải là cán bộ của dân, vì dân và do dân tin cậy ủy quyền; Đảng là tổ chức giới

(Xem tiếp trang 30)

Tạo nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp NÂNG CAO NĂNG LỰC XUẤT KHẨU

LÊ XUÂN ĐÌNH và PHAN HUY ĐƯỜNG

I - Hội nhập đặt ra nhiều thách thức, nhưng không đáng lo ngại, nếu biết khai thác lợi thế của chính mình

Diễn đàn Kinh tế thế giới đã đánh giá mức độ cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam các năm gần đây, qua bảng sau:

Năm	Thứ tự xếp hạng của Việt Nam	Số quốc gia được xếp hạng
1997	49	53
1998	39	53
1999	48	59
2000	53	59
2001	62	75
2002	65	80
2003	60	120

Kết quả trên làm cho không ít các nhà kinh tế tỏ thái độ bi quan về sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trong lộ trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Các nhận định chủ yếu dựa vào các chỉ tiêu sau: chi phí tiền công cho công nhân của Việt Nam cao hơn một số nước trong khu vực nếu lấy cùng một trình độ đào tạo hay trình độ học vấn; chi phí "đầu vào" có liên quan đến các ngành độc quyền nhà nước đều cao. Chẳng hạn, giá cước dịch vụ bưu chính - viễn thông cao hơn giá trung bình quốc tế từ 4 đến 5 lần, giá sắt thép, phân bón, xi-măng,

kính xây dựng đều cao hơn các mặt hàng cùng loại nhập khẩu từ 20 đến 40%, giá thuê văn phòng tại Hà Nội là 23 USD/m², trong khi tại Băng-cốc là 13 USD, giá thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội, Thượng Hải (Trung Quốc) và Cu-a-la Lăm-pơ (Ma-lai-xi-a). Giá điện tại Việt Nam là 0,07 USD/kWh chỉ thấp sau

Ma-ni-la (0,09 USD) nhưng cao hơn nhiều quốc gia khác. Nhiều mặt hàng quan trọng đang có giá bán trong nước cao hơn giá bán trên thị trường quốc tế (giá CIF), như xi-măng: 115%, giấy in, giấy viết: 127%, phân đạm u-rê: 131%, xút: 163%, phân đạm: 125%, mía đường: 140%.

Ngoài ra, các yếu tố vô hình khác cũng có tác dụng tăng chi phí "đầu vào" sản xuất, như dịch vụ hành chính còn phiền hà, sách nhiễu... vừa gây tốn tiền, vừa làm mất thời gian. Theo tính toán của Ngân hàng thế giới, ở Việt Nam chi phí điện năng cho sản xuất (chi phí "đầu vào") tăng thêm từ 8 đến 12% so với giá công bố do yếu tố chất lượng cung cấp điện thấp. Đến cuối năm 2003, mới có một số nơi công bố cam kết và hứa đền bù thiệt hại nếu để mất điện đột xuất kéo dài quá 2 giờ liên tục...

Mặc dù dân số đứng thứ 13 thế giới, nhưng mức sống dân cư thấp, thu nhập quốc dân của cả nước chưa vượt con số 40 tỉ USD. Nếu so số đó với 500 tỉ USD (Ấn Độ), 1 000 tỉ USD (Trung Quốc), 7 500 tỉ USD (Liên minh châu Âu), thì chúng ta như "con châu chấu đứng cạnh chiếc xe"?!

Nhiều người vẫn còn cho rằng, chúng ta là nước đi sau, trong khi nhiều quốc gia khác đã tham gia thị trường thế giới từ trước, "ghế đã hết, mình lại là người đến sau". Nhưng nếu nhìn

vào tấm gương Nhật Bản - một nước lạc hậu rất nhiều so với Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai - chỉ sau mấy thập kỷ đã vượt Mỹ về nhiều mặt, các "con rồng" châu Á cũng là những tấm gương bứt phá đi lên trong một thời gian ngắn bằng những chiến lược công nghiệp hóa thích hợp thì lý do để bị quan của ai đó nghe ra không thỏa đáng.

Bởi vậy, cần có *thái độ công bằng và khách quan đối với những điểm yếu của mình, biết nhìn thấu đáo những mặt mạnh mình có để khai thác triệt để*. Sự chênh lệch lớn về tiền công của lao động nông nghiệp ở nước ta so với các nước khác có khả năng làm cho người sản xuất dễ chấp nhận điều kiện cạnh tranh hiện nay trong lúc giá cả nông sản không nhất thiết đòi hỏi phải lên cao đến mức đủ đem lại lợi nhuận trung bình như trong công nghiệp và dịch vụ thương mại. Nói cách khác, vốn đầu tư vào nông nghiệp trong trường hợp còn sở hữu nhỏ về ruộng đất và sản xuất manh mún (nơi có trên dưới 80% số dân và 75% số lao động cả nước) thường không tham gia vào quá trình bình quân hóa lợi nhuận. Đây là luận điểm rất căn bản đánh giá điều kiện sản xuất thực tế của người nông dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay - giai đoạn chuyển đổi từ sản xuất tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa. Trạng thái này sẽ sớm mất đi khi người nông dân tiến lên sản xuất hàng hóa, hạch toán đầy đủ các yếu tố "đầu vào". Vậy, vấn đề là ở chỗ chọn bước đi, chiến lược hội nhập như thế nào để có lợi là rất quan trọng, nếu không nói là quyết định, mọi thành công trong thương mại.

Cơ hội của phần lớn các nước đang phát triển trước xu thế toàn cầu hóa kinh tế là dựa vào sự phát triển nông nghiệp (lực lượng lao động trong nông nghiệp đông, có nước chiếm tới 2/3 dân số; công nghiệp chưa chiếm tỷ trọng áp đảo trong GDP...). Hội nhập là cơ hội để nông nghiệp các nước đang phát triển và nước nghèo có được nhiều thị trường hơn, vì giá

tiêu thụ nông sản ở các nước giàu rất cao (có mặt hàng cao hơn hàng chục lần so với giá ở các nước đang phát triển. Người ta ước tính, nếu không còn hàng rào nào, hàng hóa tự do vào Mỹ, thì giá cả trên thị trường Mỹ đồng loạt giảm khoảng 58%).

Những thành tựu bước đầu đã chứng tỏ nhận định một số người cho rằng, ta bé "hạt tiêu" nên gia nhập thị trường thế giới sẽ chỉ như "hạt muối bỏ biển" là không có sức thuyết phục. Chẳng hạn, nếu chỉ xét tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trên thế giới, thì hiện nay ta chỉ chiếm 0,2% trong tổng xuất khẩu sản phẩm của thế giới và 0,6 % trong tổng xuất khẩu của các nước đang phát triển (không kể dầu mỏ). Nhưng cuộc sống không hoàn toàn như những con số thống kê khô cứng! Nhiều mặt hàng xuất khẩu đã tìm được chỗ đứng trên thị trường thế giới:

- Năm 2001, Việt Nam đã xuất khẩu 53 500 tấn hạt tiêu các loại chiếm 27,5% thị phần thế giới, tăng hơn năm trước 46,7%. Điều làm không ít các thương gia ngạc nhiên là chỉ trong một thời gian ngắn, Việt Nam đã vượt In-đô-nê-xi-a, vươn lên đứng đầu thế giới về xuất khẩu hạt tiêu.

- Sản xuất cà-phê của Việt Nam trong mười năm lại đây đã góp phần không nhỏ làm cho thế giới cung vượt cầu, làm chấn động thị trường thế giới. Từ "không thành có", Việt Nam đã vươn lên đứng thứ tư, rồi thứ ba về xuất khẩu cà- phê (sau Bra-xin và Ác-hen-ti-na).

- Từ nước phải nhập lương thực để cứu đói, hiện nay Việt Nam (hàng năm xuất khẩu từ 3 đến 4 triệu tấn), đứng thứ hai, sau Thái Lan về xuất khẩu gạo. Theo các nhà phân tích, gạo Việt Nam đang có nhiều lợi thế trong xuất khẩu cả về diện tích, năng suất và chi phí so với nhiều "cường quốc gạo" khác. Hiện nay, Việt Nam chiếm từ 18 đến 20% tổng lượng gạo xuất khẩu của thế giới.

- Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đạt 1,76 tỉ USD, tăng gần 26% so với năm trước và gấp đôi năm 1998. Năm 2003, ngoài thành tích đạt 2,3 tỉ USD về kim ngạch xuất khẩu, thủy sản là mặt hàng chiếm hàng đầu về thu nhập ròng. Năng lực cạnh tranh của hàng thủy sản Việt Nam cao do có điều kiện sản xuất khá thuận lợi, nhất là tốc độ phát triển mạnh cả đánh bắt và nuôi trồng. Chẳng hạn, mặt hàng tôm đông lạnh Việt Nam đã vượt hẳn Thái Lan, do kích cỡ tôm nuôi to hơn, chất lượng tốt hơn. Cơ cấu thị trường xuất khẩu mặt hàng thủy sản của Việt Nam như sau: Nhật Bản (chiếm 35%), Mỹ (23%) Trung Quốc (16%), các thị trường khác là châu Á (8%), EU (4%), các nước khác (14%). Triển vọng xuất khẩu hàng thủy sản sang thị trường EU và Mỹ trong những năm tới sẽ tăng do nhiều cơ sở chế biến đã đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo yêu cầu của thị trường này.

Đáng lưu ý là, có mặt hàng thủy sản Việt Nam đã cạnh tranh trên thị trường Mỹ đến mức làm cho các nhà nuôi cá chuyên nghiệp Mỹ lo ngại, họ đã tìm cách hạn chế bằng các thủ đoạn cạnh tranh không công bằng - "not fair trade", vận động ban hành luật cấm cá đến từ Việt Nam được mang nhãn hiệu Catfish, đánh thuế chống bán phá giá một cách vô lý, rồi sau đó lại trợ giúp các nhà nuôi cá nheo Mỹ hàng chục triệu USD...

Tuy vậy, xét theo xu hướng toàn cầu hóa hiện nay thì thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam vẫn còn lớn, nếu không sớm chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Bên cạnh việc thúc đẩy tự do hóa thương mại các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh áp đảo, trên thực tế, mỗi năm các nước giàu nhất thế giới chi từ 370 đến 400 tỉ USD cho trợ cấp nông nghiệp (đi ngược lại các quy định của WTO). Bên cạnh đó, họ còn áp đặt biểu thuế cao, có lúc tới 350%, đối với nông sản nhập khẩu, trong khi đó tại nhiều nước đang phát triển nông sản xuất khẩu chiếm tới trên dưới 70% kim ngạch xuất

khẩu. Ngân hàng Thế giới ước tính, nếu thực hiện được tự do hóa thương mại đối với nông sản có thể làm cho giá trị nông sản xuất khẩu tăng thêm từ 30 đến 100 tỉ USD mỗi năm, tạo điều kiện cho hàng chục quốc gia với khoảng trên 1 tỉ người thoát khỏi cảnh đói nghèo.

Qua các vòng đàm phán thương mại chứng tỏ các nước giàu vẫn chưa chịu xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu hàng nông sản để tạo bình đẳng trong cạnh tranh; chưa giảm thiểu thuế hải quan đối với hàng nông sản nhập; tìm mọi cách để ngăn cản hàng hóa của các nước thế giới thứ ba. Khu vực Đông Á, Nhật Bản và Hàn Quốc đang trợ cấp lớn nhất cho nông dân để giữ giá nông sản, nâng tính cạnh tranh của hàng hóa và bảo vệ thị trường nội địa trước làn sóng hàng nông sản giá rẻ từ bên ngoài.

Nhiều cuộc biểu tình phản đối toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại, từ Si-ét-tơn đến Cancun ở chính các nước công nghiệp phát triển, suy cho cùng có cả yếu tố bảo vệ lợi ích của chính họ trước nguy cơ cạnh tranh của giá công lao động và hàng hóa nông sản rẻ ở các nước thuộc thế giới thứ ba...

Tóm lại, môi trường quốc tế, môi trường vĩ mô trong nước đang đặt ra trước doanh nghiệp Việt Nam nhiều cơ hội lẫn thách thức trong việc nỗ lực tăng năng lực xuất khẩu của hàng hóa. Một lô-gích hiện hữu là, nếu biết khéo léo tận dụng cơ hội thì thách thức ắt sẽ giảm đi. Chẳng hạn, một thời tưởng chừng như bia Vạn Lực của Trung Quốc vừa nhiều, vừa hợp túi tiền của phần đông người tiêu dùng Việt Nam, sẽ bóp chết bia trong nước; xe máy, quạt điện, động cơ máy nông nghiệp... của Trung Quốc, giống ngô lai của nước ngoài... có lúc đã chiếm lĩnh thị trường trong nước tới gần 100%, nhưng sau đó đều bị đẩy lui dần. Và điển hình là giống ngô lai do Việt Nam sản xuất đã từ số 0 nay vươn lên chiếm lĩnh 70 - 80% thị phần trong nước, thậm chí còn có xuất khẩu sang Ấn Độ, Lào...

II - Năng lực xuất khẩu của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng cuối cùng đánh giá năng lực cạnh tranh và phát huy lợi thế

Hiện nay, nhiều người vẫn cho rằng, trong nền kinh tế thị trường người sản xuất cần lưu ý "không bán/sản xuất những gì mình có, mà nên bán/sản xuất những gì thị trường cần". Nhưng như thế, vẫn chưa thật đầy đủ và công bằng. Họ vẫn chưa thấy rằng, trong thực tế nhiều lúc chúng ta không thể bán hay sản xuất những gì mà chính năng lực của chúng ta không cho phép.

Lô-gích của phân công lao động và buôn bán quốc tế cho phép các nước xuất khẩu những hàng hóa mà quá trình sản xuất, xét về tương đối, sử dụng nhiều nguồn lực sẵn có và dồi dào ở trong nước, đồng thời nhập khẩu những hàng hóa mà quá trình sản xuất đòi hỏi phải sử dụng nhiều nguồn lực trong nước khan hiếm, hoặc chi phí cao. Bởi vậy, việc xác định sản xuất cái gì, ngoài việc dựa vào các cứ liệu về nhu cầu thị trường, người sản xuất cũng có thể thành công khi biết kết hợp được các yếu tố chủ quan và khách quan để khai thác lợi thế, năng lực, điều kiện tự nhiên cụ thể của từng vùng, các yếu tố về truyền thống văn hóa, xã hội, trình độ lao động, tập quán sản xuất...

Nhưng lợi thế cũng luôn vận động theo xu thế phát triển của lực lượng sản xuất. Chẳng hạn, ngày nay, vai trò của các lợi thế do thiên nhiên ban tặng đang mất vị trí hàng đầu, và thay vào đó là các lợi thế mới, mà cốt lõi là chính sự nỗ lực vươn lên của con người với hàm lượng tri thức ngày càng tăng trong cơ cấu chi phí đầu vào của sản phẩm. Gần đây, nhiều nước chuyển sang kinh tế tri thức, tự động hóa và sinh học hóa các quá trình sản xuất cơ bản. Nghĩa là, càng nhanh nhạy nắm bắt được những thành tựu mới nhất của khoa học, công nghệ, thì càng có nhiều cơ hội để tạo ra nhiều sản phẩm mới, tăng năng suất, giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Việc nghiên cứu sâu sắc các *mặt mạnh, yếu, cơ hội và thách thức* (gọi là phương pháp phân tích SWOT) trước khi tiến hành đầu tư sản xuất sẽ quyết định việc nhà sản xuất đưa ra thị trường sản phẩm có tính cạnh tranh cao hay thấp. Điều đó có nghĩa là tính cạnh tranh của từng sản phẩm cụ thể tùy thuộc vào mức độ hiểu biết và sự đón nhận của nhà sản xuất về nhu cầu thị trường. Đây chính là thách thức đối với mỗi nhà sản xuất trong kinh tế thị trường. Nếu không nghiên cứu thị trường có thể coi sản xuất là một trong những hành vi "liều lĩnh" mang nhiều rủi ro, thiếu sự bảo đảm thành công.

Tiêu chí đánh giá năng lực xuất khẩu của doanh nghiệp tùy thuộc phần lớn vào mức độ cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất. Việc đánh giá khả năng cạnh tranh một sản phẩm nào đó là công việc phức tạp, tốn kém do phải thu thập nhiều luồng thông tin để xem xét, phân tích, bóc tách nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó yếu tố khách quan thường là những ẩn số khó có thể tiên lượng một cách chính xác. Nhưng qua nghiên cứu chúng tôi thấy, *hệ số chi phí nguồn lực trong nước (DRC)* là tương đối phù hợp để vận dụng tính toán cho các mặt hàng mới thâm nhập thị trường của nước ta.

Việc so sánh giá thành sản xuất (chi phí) để làm ra sản phẩm giữa các nước cùng sản xuất trong điều kiện tự do hóa thương mại, loại trừ các rào cản xuất nhập khẩu sẽ giúp xác định khả năng cạnh tranh của sản phẩm nước này với nước khác. Quy luật chung là giá thành sản xuất càng thấp thì sức cạnh tranh của sản phẩm càng cao và ngược lại. Cả hai trạng thái đó đều dẫn đến việc làm tăng hay giảm năng lực xuất khẩu của doanh nghiệp.

III - Một số giải pháp nâng cao năng lực xuất khẩu của doanh nghiệp

1 - Tuyên truyền rộng rãi về những thách thức đối với nền kinh tế trong quá trình hội nhập để các doanh nghiệp chủ động có kế

hoạch thích ứng với mọi tình huống, cải thiện năng lực cạnh tranh của sản phẩm

Đây là một khâu yếu hiện nay. Thủ tướng Chính phủ cũng nhắc nhở rằng, dường như các doanh nghiệp coi việc hội nhập là của Chính phủ, của cấp trên, trong khi "đội quân" chủ lực để hội nhập thành công phải là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, là những mặt hàng có sức cạnh tranh mạnh, có vị trí trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

2 - Trong chính sách vĩ mô, quyết không chấp nhận tình trạng đầu tư kiểu phong trào, phân tán, dàn trải, phá vỡ quy hoạch tổng thể dẫn đến hậu quả xấu cho nhiều năm sau

Đã đầu tư là phải cân nhắc hiệu quả, cạnh tranh được với hàng nhập khẩu, do đó phải sẵn sàng lựa chọn nhiều phương án khả thi. Khắc phục tình trạng "xin - cho" trong cấp phát vốn đầu tư ngân sách. Sớm chuyển cơ chế "cấp phát" vốn cho các doanh nghiệp nhà nước sang cơ chế tín dụng đầu tư, có tiêu chí rõ ràng và thống nhất cả nước về đánh giá hiệu quả đầu tư ngay từ giai đoạn tiền khả thi của các dự án. Lấy quy hoạch chung của nền kinh tế để định hướng cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển đúng hướng, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

3 - Khai thác tiềm năng, giảm chi phí "đầu vào" cho các doanh nghiệp

Các bước giảm cước, phí và lệ phí vừa qua của các ngành độc quyền nhà nước vẫn còn quá chậm, chủ yếu vẫn nặng về lợi ích cục bộ của từng ngành, chưa xuất phát từ nhu cầu cấp thiết của việc tăng năng lực cạnh tranh quốc gia; trong khi các doanh nghiệp phải trực tiếp chịu nhiều chi phí, lệ phí khác về dịch vụ giao thông, vận tải... để thực hiện sản phẩm (xuất, nhập khẩu), gọi tắt là các khoản hành chính phí. Giảm các chi phí khác có tính chất vô hình, như tốn kém thời gian làm các thủ tục hành chính phiền hà để thực hiện sản phẩm. Những loại chi phí gián tiếp này khó xuất đầu lộ diện, nhưng

gây tác hại vô cùng lớn, làm cho doanh nhân dễ bị mất thời cơ kinh doanh, tốn kém, nhất là tình trạng không minh bạch, nên dẫn tới sự cạnh tranh không lành mạnh, người làm ăn giỏi có sản phẩm tốt chưa hẳn là người thắng cuộc trong cạnh tranh.

4 - Chủ động điều chỉnh kế hoạch, bổ sung luật pháp hiện hành phù hợp với các cam kết quốc tế

Sớm hình thành khung pháp lý thống nhất (luật phải hướng tới điều chỉnh hành vi, - sản xuất, kinh doanh, thay cho điều chỉnh có phân biệt các thành phần kinh tế như hiện nay) đối với các loại hình doanh nghiệp có hình thức tổ chức, sở hữu khác nhau thuộc các thành phần kinh tế. Sớm xây dựng Luật cạnh tranh và Kiểm soát độc quyền nhằm quy định rõ về các lĩnh vực và tổ chức được độc quyền tự nhiên.

5 - Sớm ban hành Luật về đấu thầu quốc gia

Điều này nhằm ngăn chặn tình trạng móc ngoặc, đi đêm, "quân xanh", "quân đỏ", thiếu minh bạch... đang làm cho tài sản nhà nước thất thoát, công trình và sản phẩm chất lượng thấp, lãng phí, như đang rất phổ biến hiện nay (trong xây dựng cơ bản, tỷ lệ lãng phí lên tới trên dưới 30% vốn đầu tư là quá lớn). Trong giai đoạn 2000 - 2002, hiệu quả đầu tư của khối doanh nghiệp tư nhân (hệ số ICOR là 3,9) lớn hơn rất nhiều so với khối doanh nghiệp nhà nước (hệ số ICOR là 7,2). Bởi vậy, minh bạch hóa các thể lệ đấu thầu, tạo môi trường bình đẳng, không có sự phân biệt giữa các thành phần kinh tế trong đấu thầu sử dụng vốn đầu tư nhà nước là để Nhà nước có điều kiện "chọn mặt gửi vàng", nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cũng như các nguồn lực khác trong nước.

6 - Xóa bỏ các hình thức bao cấp cho doanh nghiệp nhà nước, chuyển sang trợ cấp gián tiếp theo các hình thức phù hợp với yêu cầu của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế theo tiêu chuẩn quy định chung để tiến tới hội nhập sâu

hơn về kinh tế, chuẩn bị trở thành thành viên chính thức của WTO. Mở rộng yêu cầu công khai, minh bạch những khoản bao cấp, hỗ trợ từ ngân sách và chính sách đối với các cấp, các doanh nghiệp.

7 - Tăng cường thâm nhập thị trường thế giới

Phổ biến rộng rãi các thông lệ quốc tế về thương hiệu và hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký thương hiệu hàng hóa, như: Công ước Pa-ri về Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, Thỏa ước Ma-đrit về Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa; thực hiện chính sách khuyến khích xuất khẩu phù hợp với yêu cầu WTO. Phát triển thương mại điện tử. Tìm kiếm các hình thức mới hỗ trợ xúc tiến thương mại, đổi mới cơ chế sử dụng Quỹ Xúc tiến thương mại. Các doanh nghiệp nên tập trung xây dựng chương trình xúc tiến thương mại cho một số sản phẩm có năng lực cạnh tranh trong tương lai trên cơ sở bảo đảm sự phù hợp với điều kiện Việt Nam trong lập chiến lược kinh doanh. Nghiên cứu thành lập trung tâm xúc tiến thương mại tại một số thị trường trọng điểm.

8 - Tăng cường năng lực công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp, trợ giúp doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, tiến tới cạnh tranh bằng sản phẩm có hàm lượng tri thức cao và có tính độc đáo

Đơn giản hóa thủ tục đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho thị trường khoa học - công nghệ, mở rộng phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với quy định của WTO và các điều ước quốc tế đã ký kết. Mở rộng quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục đào tạo, dạy nghề trong việc tuyển sinh, lựa chọn chương trình bổ sung cho chương trình bắt buộc căn cứ vào nhu cầu thị trường lao động. Khuyến khích hợp tác, trao đổi, liên doanh với tổ chức nước ngoài. Tiếp tục thực hiện chương trình cử người ra nước ngoài học tập và mời chuyên gia nước ngoài vào đào tạo cho giảng viên trong nước. □

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC...

(Tiếp theo trang 24)

thiệt và bảo đảm. Có như vậy, ý Đảng và lòng dân mới là một. Người đại biểu nhân dân đó mới thực sự xứng đáng. Đảng cần thiết kế một lộ trình giới thiệu mang tính chiến lược về công tác cán bộ của Nhà nước. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng một cách có hiệu quả, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, tạo niềm tin ngày càng vững chắc trong nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với quá trình hiệp thương, cùng với việc đổi mới quá trình giới thiệu ứng cử viên của Đảng ra ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, phải khuyến khích những công dân có tài, có đức hăng hái tham gia gánh vác việc nước. Kết hợp hài hòa giữa định hướng cơ cấu của Đảng với quyền ứng cử, đề cử của công dân và các tổ chức xã hội, phát huy quyền làm chủ của công dân. Muốn vậy, các cấp ủy cần tập trung trí tuệ, công sức, khách quan, công minh, có đủ bản lĩnh để phát hiện người có đức, tài, động viên, ủng hộ họ ra ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; động viên nhân dân tìm kiếm, giới thiệu người ra ứng cử... Có nhiều người ra ứng cử là thể hiện lòng hăng hái muốn tham gia gánh vác công việc nước nhà của công dân; đồng thời, cũng có thêm nhiều đối tượng để cử tri cân nhắc, so sánh lựa chọn và quyết định.

Ngoài hai nội dung cơ bản trên trong điều kiện đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền, thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Đảng cần lãnh đạo nghiên cứu xây dựng hệ thống lý luận bầu cử, hệ thống quy trình tổ chức thực thi bầu cử, hệ thống pháp luật bầu cử ngày càng hoàn thiện... để bầu cử nói chung và bầu cử cơ quan dân cử nói riêng thực sự là một phương thức chính trị lựa chọn cán bộ quan trọng hàng đầu trong hệ thống chính trị ở nước ta. □

TỪ "CHỖ DỜI ĐÔI"

ĐẾN "TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP"

(Cảm nghĩ từ cuộc khai quật Di chỉ khảo cổ học Ba Đình)

DƯƠNG TRUNG QUỐC*

1 - Vừa tròn một năm, kể từ khi các nhà khảo cổ hạ nhất cuộc đầu tiên (12-2002) để thực hiện một quy định của pháp luật: trong khi thi công xây dựng mà phát hiện có dấu tích của cổ vật thì phải thông báo và tạo điều kiện cho các nhà khảo cổ tiến hành khai quật. Cuộc khai quật đã làm đảo lộn mọi dự án ban đầu của hai công trình xây dựng quan trọng là Hội trường Ba Đình mới và nhà Quốc hội và kết quả bước đầu của cuộc khai quật có thể trở thành một trong những sự kiện nổi bật nhất của năm 2003.

Chưa khi nào trong lịch sử khảo cổ học nước nhà lại có một công trình đạt nhiều kỷ lục như cuộc khai quật này: một hố khai quật có quy mô lớn nhất (17 000 m² đã đào và còn đào tiếp...); tại một địa điểm quan trọng nhất (khu vực Ba Đình, đầu não của Thủ đô); và phát lộ một di chỉ có giá trị vào bậc nhất (khu vực phía Tây của trung tâm Hoàng thành Thăng Long)... Đương nhiên, còn có thể liệt kê ra nhiều "kỷ lục" khác nữa như về sự quan tâm của toàn xã hội trong đó có những cơ quan và những nhà lãnh đạo quốc gia, về sự đầu tư cho một công trình khai quật, về số lượng và giá trị hiện vật...; nhất là về một quyết định đúng đắn và thuận lòng dân khi Nhà nước cho phép tiếp tục khai quật, di dời địa điểm xây dựng Hội trường đến nơi khác...

Khảo cổ học là một hoạt động khoa học phải thực hiện theo những quy trình nghiêm ngặt của nghề nghiệp. Nhưng nó cũng mới là công đoạn đầu tiên và đương nhiên có ý nghĩa rất quyết định của một quá trình nghiên cứu khoa học với sự phối hợp của nhiều ngành khoa học xã hội - nhân văn cũng như một số ngành khoa học và công nghệ có liên quan, trước khi có thể đưa ra những kết luận khoa học tương đối hoàn chỉnh và có hệ thống. Sẽ là quá sớm và thiếu sự thận trọng cần thiết để vào thời điểm này đưa ra những kết luận mang tính khẳng định đối với tổng thể di chỉ cũng như nhiều vấn đề khoa học để định danh hay định lượng cho mỗi hiện vật hay những dấu tích trong lòng hố khai quật. Nhưng quan điểm tạo được sự đồng thuận cao trong giới chuyên môn khi cho rằng, đây là một bộ phận phía Tây của kinh thành Thăng Long được định vị theo trục tuyến Bắc - Nam ngang qua Điện Kính thiên là di tích gốc của đời Lê.

Mặc dầu còn đang là một công trường khai quật bề bộn nhưng đã có một lượng công chúng hạn chế được vào tham quan, một số lượng nhỏ nhưng đặc sắc hiện vật được đem ra trưng bày tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã mang đến cho

* Tổng Thư ký Hội Sử học Việt Nam

nhân dân một cảm xúc tuy ở những mức độ khác nhau nhưng có điểm tương đồng rõ rệt, là sự trân trọng đối với di sản của tổ tiên. Và nhìn nhận lại những gì đã diễn ra trong một năm qua, kết luận đầu tiên có thể được ghi nhận: đó là thành tựu của Luật Di sản. Như giáo sư Trần Văn Giàu bình luận thì "đó là thắng lợi của Văn hóa".

2 - Cách mạng Việt Nam khởi đầu bằng một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ lấy mục tiêu hàng đầu là đánh đổ ách thống trị của thực dân, xây dựng một quốc gia Việt Nam độc lập và đánh đổ chế độ quân chủ xây dựng nền dân chủ - cộng hòa. Những mục tiêu ấy đã được xác lập một cách căn bản sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Có một sự thật đáng tự hào là ngay trong cuộc vận động cách mạng gian khổ đầy máu lửa ấy, những tư tưởng cơ bản cho mục tiêu xây dựng nền văn hóa mới đã được xác lập qua "Đề cương văn hóa Việt Nam" (1943) đặt trên ba nguyên tắc: Dân tộc - Khoa học và Đại chúng. Rồi ngay sau khi Nhà nước cách mạng vừa thành lập, giữa lúc còn bẽ bộn công việc, phải đối phó với thù trong giặc ngoài, lo toan chống lụt, chống đói... Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn kịp ra một sắc lệnh về "bảo tồn cổ tích" (11-1945) và thiết chế văn hóa liên quan là "Đông phương bác cổ học viện" trên cơ sở kế thừa cả tổ chức và đội ngũ người Việt Nam làm việc trong thiết chế của chế độ cũ để lại.

Nhưng bên cạnh niềm tự hào về những tư tưởng sáng suốt ấy, lại có một thực tiễn xót xa là trải qua một cuộc chiến tranh liên tục trong nhiều thập kỷ cho đến trước đổi mới, di sản văn hóa của dân tộc đã mất mát quá nhiều, không chỉ vì bom đạn, bão lụt... mà đáng tiếc hơn là do chính sự ấu trĩ một thời của chúng ta. Lẫn lộn giữa di sản văn hóa của dân tộc với tàn dư chính trị của chế độ phong kiến; sự thực dụng trong ứng xử với các di sản của quá khứ và sự không tường của một quan niệm chủ quan duy ý chí

cho rằng có thể xây dựng nên một thiết chế văn hóa mới và ưu việt không cần đến sự kế thừa quá khứ, v.v.. đã làm cho di sản văn hóa của dân tộc bị mai một và tổn hại đáng kể. Công cuộc đổi mới của chúng ta đã và đang tiến hành trong ngót hai thập kỷ qua cũng được ghi nhận như một nỗ lực để khắc phục những điều đáng tiếc ấy. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) và Luật Di sản đã mang ý nghĩa như một cương lĩnh hành động hướng tới mục tiêu xây dựng một nền văn hóa Việt Nam "tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Do vậy, cuộc khai quật di chỉ khảo cổ học ở khu vực Ba Đình cũng chính là thành quả hiển hiện của đổi mới.

Cho dù thực tiễn của công cuộc đổi mới không chỉ là những thành tựu mà còn bao hàm cả những thách thức, thì bức tranh tổng cảnh của công cuộc bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) của dân tộc vẫn là một bình minh sáng sủa và nhiều hứa hẹn, mà di chỉ khảo cổ học Ba Đình sẽ là nét tô điểm đáng ghi nhận.

3 - Dân tộc Việt Nam tự hào về lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, về nguồn gốc gắn liền với truyền thuyết của các vua Hùng; về một thiên niên kỷ nối dài từ kỷ nguyên Đại Việt tới thời đại Hồ Chí Minh mà chúng ta đang sống.

Cho đến trước cuộc khai quật này, điểm lại những di sản văn hóa vật thể mà chúng ta đang thừa hưởng, không ai không tự hào về một di sản Mỹ Sơn của văn hóa Chăm, một bộ phận ruột thịt của văn hóa dân tộc Việt Nam; về Hội An với những dấu tích của văn hóa Nhật - Hoa mà cha ông ta giao thương từ các thế kỷ trước; về cố đô Huế - nơi định đô của triều đại phong kiến Việt Nam cuối cùng đã lựa chọn từ sự thiên đô ra khỏi Thăng Long để dẫn đến sự tàn lụi và mất nước... Nhưng khi điểm lại những di sản vật thể của nền văn minh Đại Việt - dòng chủ lưu của nền văn hiến Việt Nam, thì chúng ta phải nhận rằng chẳng còn bao nhiêu di tích nguyên

gốc. Với kinh thành Thăng Long xưa, ngoài nền Điện Kính thiên và những tấm bia nơi Quốc Tử Giám, thời Lê, còn được bao nhiêu dấu tích nguyên gốc của nền văn minh Đại Việt, tiêu biểu là các triều đại Lý, Trần, Lê khiến những dòng viết trong thư tịch cổ hay trong kho tàng các truyền thuyết phong phú về Thăng Long xưa vẫn còn nhiều bóng mờ huyền hoặc...

Chính vì vậy, với cuộc khai quật này, lần đầu tiên chúng ta được tiếp cận trên một diện rộng những dấu tích về những thời kỳ lịch sử xa xưa. Các tầng văn hóa hiển lộ trong lòng hố khai quật đã cung cấp nhiều thông tin trực quan qua một số lượng rất phong phú về chủng loại và chất liệu các hiện vật khảo cổ học liên quan đến nhiều thời đại lịch sử: từ thời "Tiền Thăng Long" khi vùng đất này còn là trị sở Thành Đại La thời Bắc thuộc của Cao Biền (thế kỷ VII - IX), qua các triều đại tự chủ Lý, Trần, Lê là kinh đô của Nhà nước Đại Việt... cho đến thời đại mà chúng ta đang sống. Nói cách khác, với những phát hiện từ cuộc khai quật quan trọng này, việc nhận thức về lịch sử Thăng Long - Hà Nội trở nên phong phú và thuyết phục hơn.

Cuộc khai quật đã thực sự thu hút được mối quan tâm của toàn xã hội. Trên một phương tiện thông tin đại chúng (Vietnam Net) vừa có người nêu ý kiến là trong hố khai quật chẳng thấy cung điện nguy nga đâu, chỉ thấy sự đổ nát, nghèo nàn của một phế tích, không đáng phải bảo tồn; thì lập tức đã có lời phản bác: không ai được chê cha mẹ nghèo khó và nếu không có cung điện nguy nga thì điều đó chỉ nói lên rằng tổ tiên chúng ta sống luôn thanh sạch không có thói xa hoa, lãng phí công quỹ...

4 - Ngay ở thời điểm này, những gì phát lộ từ hố khai quật đủ cho ta nhận thức được những điều sâu sắc. *Thứ nhất*, ông cha ta từ thời Lý Trần không dốc sức làm những Vạn lý trường thành hay các cung điện nguy nga mà qua sự liên kết của các làng xã (tế bào của xã hội truyền thống) bền bỉ làm nên một trường thành -

đê điều để chiến thắng thiên tai và địch họa. Còn nếu chỉ căn cứ vào những gì đã xuất lộ, thì những công trình xây dựng tại khu vực này, qua dấu tích nền móng cũng như các vật liệu xây dựng, trong đó có những vật liệu trang trí cũng đủ thấy một quy mô không nhỏ (ví như có những nền móng rộng lớn gấp đôi Điện Thái Hòa ở cố đô Huế). Đó là những cơ sở bước đầu để đoán định được quy mô và trình độ phát triển của quốc gia Đại Việt trong các triều đại xưa tương xứng với những gì sử sách đã ghi chép về một vị thế mạnh trong khu vực, cho đến trước khi bị chủ nghĩa thực dân phương Tây can thiệp (thế kỷ XIX).

Thứ hai là, qua nhiều thời kỳ bị ngoại xâm đô hộ, người dân Việt một mặt tiếp nhận những tinh hoa văn minh của nước ngoài, một mặt kiên trì gìn giữ những bản sắc riêng của văn hóa bản địa. Nguyễn Trãi đã tuyên ngôn trong Đại cáo Bình Ngô: "Như nước Việt ta từ trước - Vốn xưng văn hiến từ lâu - Sơn hà cương vực đã chia - Phong tục Bắc Nam cũng khác...". Nhiều hiện vật và cung cách kiến trúc của khu di chỉ này cho thấy sự khác biệt không chỉ phản ánh trình độ, mà quan trọng hơn là thể hiện một tinh thần tự chủ. Nét khác biệt và đặc sắc này lại được bộc lộ mạnh mẽ ngay sau khi giành được quyền tự chủ, đặc biệt dưới các triều Lý, Trần, và có chiều phai nhạt dần ở những triều đại sau trước sự xâm nhập của văn minh từ bên ngoài cùng với sự cách biệt ngày càng xa giữa tầng lớp thống trị với nhân dân. Độ tinh xảo trong chế tác và sáng tác qua các hiện vật thời Lý, Trần, Mạc cho đến Lê sơ... khai quật được tại đây minh chứng điều đó.

Trong lịch sử còn có những bài học đáng để suy ngẫm là tất cả những ai và triều đại nào sau đức Lý Thái Tổ mà dời đô khỏi vùng đất địa linh của Thăng Long, trước sau đều đoản mệnh. Nhà Hồ muốn chuyển đô vào xứ Thanh chỉ tồn tại được có 7 năm ngắn ngủi mà Hồ Quý Ly

không phải là người không có chí lớn, tài cao, nhưng chỉ vì mưu đời đô mà sụp đổ cả cơ đồ quốc gia và đế vương. Rồi cả nhà Tây Sơn của vị Hoàng đế anh hùng Quang Trung - Nguyễn Huệ lỏng lẻo trong sự nghiệp đánh giặc ngoại xâm, diệt nạn phân tranh, thống nhất bờ cõi, đã ra đến Thăng Long mà còn nuối tiếc trở vào với Phú Xuân hoặc có lúc lại dự kiến lấy xứ Nghệ quê gốc để dựng Phượng Hoàng trung đô, cuối cùng đoản mệnh, làm dang dở sự nghiệp, khiến nhà Tây Sơn bị nhà Nguyễn tiêu diệt. Rồi chính nhà Nguyễn với Gia Long, tiếp đó là Minh Mạng đã củng cố quốc gia Đại Nam thành một thiết chế nhà nước thống nhất và hùng cường trong khu vực. Nhưng triều đại ấy phải chăng vì đã không trở lại với Thăng Long lại còn cố tình hạ thấp vị thế chỉ là Bắc thành, rồi xuống tỉnh thành Hà Nội để định đô tại Huế nên cũng chỉ giữ được nền tự chủ không đầy một hội (60 năm) đã để một phần đất nước lọt vào tay giặc Pháp rồi lần từng bước trở thành một triều đại bù nhìn và tuyên bố tự cáo chung khi cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã bùng thành một ngọn lửa Dân chủ, không còn đất sống cho chế độ phong kiến... Và chính Nhà nước dân chủ ra đời sau cuộc cách mạng này đã có một quyết định sáng suốt, thuận với mệnh nước là định lại thủ đô của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là Hà Nội - Thăng Long xưa, là nơi "lăng hồn núi sông ngàn năm" (ca từ "Người Hà Nội" của Nguyễn Đình Thi). Những người viết sử còn chưa làm rõ được ý tưởng định lại Thủ đô Hà Nội đã được hình thành như thế nào trong tư duy của những nhà cách mạng, đặc biệt là ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, một người sớm bốn ba nhiều miền trong nước và hải ngoại nhưng cho đến trước ngày cách mạng thành công, chưa một lần đặt chân lên mảnh đất Hà Nội lại đã chọn nơi đây làm Thủ đô ngay từ trong cương lĩnh của Mặt trận Việt Minh được thông qua tại Quốc dân Đại hội Tân Trào. Và có linh cảm điều gì mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn vườn

hoa Ba Đình làm nơi khai sinh ra nhà nước Việt Nam cách mạng?

+
+ +

Lịch sử của ngót 60 năm qua là minh chứng cho sức sống của Quốc gia Việt Nam có Thủ đô là Hà Nội mãnh liệt như thế nào khi đã vượt qua mọi thử thách của chiến tranh mà chỉ riêng Hà Nội đã để lại hai chiến tích lẫy lừng trong lịch sử: 60 ngày đêm quyết tử trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1947) và 12 ngày đêm "Điện Biên Phủ trên không" đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng không quân của đế quốc Mỹ (12-1972). Và giờ đây, sau ngót hai thập kỷ đổi mới, Hà Nội cùng cả nước đang bút phá trong công cuộc xây dựng và hội nhập với thế giới không chỉ bằng sự vượt lên khỏi những ấu trĩ, sai lầm mà quan trọng hơn là phải theo kịp với bước đi của thời đại.

Do vậy, những gì phát lộ từ lòng đất khu di chỉ khảo cổ học Ba Đình giống như một thông điệp về sự hồi sinh của dân tộc gắn kết với sự trở lại của Hà Nội trong vị thế là Thủ đô của nước Việt Nam hiện đại đã được lịch sử kiểm chứng ngót 60 năm qua.

Giờ đây, đứng ở nơi di chỉ khảo cổ học Ba Đình, có thể cảm nhận được mạch chảy liên tục của lịch sử từ khi đức vua Lý Thái Tổ từ cố đô Hoa Lư ra định đô lại mảnh đất được đặt tên là Thăng Long, cách nay ngót ngàn năm, cho đến Mùa Thu năm 1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố về nền độc lập tự do của một quốc gia Việt Nam lấy Thủ đô là Hà Nội. Trong "Chiếu dời đô", vị vua khai nghiệp triều Lý đã khẳng định chọn mảnh đất này "để mưu toan việc lớn, tính kế lâu dài cho con cháu đời sau", còn vị Chủ tịch của Nhà nước cách mạng thì trình trọng tuyên bố: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập". Đó là cảm xúc về chiều sâu của Di chỉ khảo cổ học Ba Đình. □

Các góc độ khác nhau, người ta có thể đưa ra nhiều tiêu chí để đánh giá về tình hình nhân quyền của một quốc gia. Tuy nhiên, có một tiêu chí cơ bản mà bất cứ ai cũng phải thừa nhận, đó là "quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Điều này đã được "Tuyên ngôn Độc lập" của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ xác nhận từ năm 1776.

Từ luận cứ cơ bản này, soi rọi vào xã hội nước ta, kể từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam đến nay, thông qua hệ thống các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, nhất là những thay đổi tích cực trong đời sống xã hội cũng như cuộc sống của người dân đã cho thấy chăm lo đến các quyền cơ bản của người dân luôn luôn là mối quan tâm, là mục đích nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Một thực tế không thể phủ nhận là, mặc dù một đất nước phải gánh chịu những di chứng nặng nề của những năm dài chiến tranh, xuất phát điểm về kinh tế, xã hội lại thấp kém, lạc hậu nhưng vấn đề nhân quyền ở Việt Nam đã được thực hiện ngày càng đầy đủ, toàn diện hơn cùng với sự phát triển, tiến bộ của đất nước.

Xuất phát từ hoàn cảnh một đất nước nông nghiệp lạc hậu, khi người dân Việt Nam phải sống lầm than, tủi nhục dưới ách nô lệ của đế quốc, phong kiến; bị đe dọa triền miên bởi đói, rét, mù chữ, nghèo túng thì nói tới nhân quyền không gì khác hơn trước hết người dân phải có cơm ăn, áo mặc, được học hành, được sống trong tự do, độc lập. Nhiều tổ chức và nhiều người Việt Nam yêu nước đã nhận ra thực tế trên và tìm cách đưa dân tộc thoát khỏi thực

trạng đó, song vì lý do này hay lý do khác đều không thành công. Trên thực tế, duy nhất Đảng Cộng sản đã giải quyết thành công được yêu cầu này. Lý do sâu xa của sự thành công đó chính là mục tiêu, lý tưởng phấn đấu của Đảng phù hợp với nguyện vọng thiết thực, đồng thời đó cũng là quyền con người của đại đa số quần chúng nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, lúc sinh thời đã có một nguyện vọng: *"Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"*⁽¹⁾. Ý nguyện đó của Người cũng là những giá trị thiết yếu về nhân quyền đang đặt ra đối với đất nước; đồng thời, đó cũng là mục đích, tôn chỉ hoạt động duy nhất, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta những năm qua. Điều này đã lý giải cho một thực tế là, trong các giai đoạn cách mạng, vượt qua mọi thử thách, gian khổ, hy sinh, đồng bào ta không phân biệt già trẻ, gái trai, dân tộc, tôn giáo đã đoàn

kết sắt son, một lòng theo Đảng, tạo nên nguồn sức mạnh vô bờ bến, đánh thắng những tên đế quốc xâm lược tàn bạo có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh.

Quyền được hưởng tự do, độc lập phải luôn luôn được gắn liền với quyền mưu cầu hạnh phúc. Đó là tư tưởng thường trực được thể hiện qua đường lối, chủ trương, chính sách của

NHÂN QUYỀN Ở VIỆT NAM - nhìn từ sự phát triển, tiến bộ xã hội

VŨ PHÙ NGHĨA

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr VIII

Đảng, Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng. Ngay trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: *"nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"*⁽²⁾. Tư tưởng này của Người trở thành tư tưởng chủ đạo cho mọi hoạt động lãnh đạo của Đảng, nhất là của Nhà nước, kể từ khi nước ta giành được tự do, độc lập tới nay. Trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc khỏi ách xâm lược của thực dân, đế quốc, bên cạnh việc động viên cao độ sức người, sức của để đánh thắng kẻ thù, Đảng và Nhà nước ta vẫn chú trọng quan tâm kết hợp giữa "kháng chiến và kiến quốc"; "vừa sản xuất, vừa chiến đấu"; "làm giàu, đánh thắng"... Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa non trẻ mới được thành lập, phải đối phó với các nguy cơ "thù trong, giặc ngoài", việc quan tâm hàng đầu của Đảng ta vẫn là chống "giặc đói, giặc dốt". Trong thử thách ác liệt của những năm chống đế quốc Mỹ xâm lược, mặc dù phải tập trung hàng đầu cho chiến thắng ở chiến trường, song Đảng và Nhà nước ta vẫn quan tâm thích đáng tới các vấn đề xã hội, trực tiếp liên quan tới những nhu cầu thiết yếu của người dân, nhất là về lương thực, điều kiện học tập và y tế... Ngay trong những ngày tháng nóng bỏng nhất của cuộc chiến tranh, Việt Nam vẫn có những đội tuyển học sinh xuất sắc tham dự và giành nhiều giải cao trong các kỳ thi quốc tế; đồng thời, có những thành tựu đáng kể trong các lĩnh vực y học, khoa học - kỹ thuật... Thắng lợi oanh liệt của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của dân tộc ta được tạo nên bởi nhiều nguyên nhân, song có một nguyên nhân hết sức quan trọng là sự hy sinh, phấn đấu tự giác vô bờ bến của quân và dân, một khi họ đã thống nhất cao độ về lý tưởng: chiến đấu vì quyền con người của mình và cho mình.

Hiện nay, trong điều kiện đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất, cả nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc chăm lo quyền cơ bản của người dân vừa

đòi hỏi, vừa có những khả năng, điều kiện mới để thực hiện được đầy đủ, toàn diện với chất lượng cao hơn. Phấn đấu thực hiện "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" đang là mục tiêu của toàn Đảng, toàn dân ta; đồng thời, mục tiêu này đã bao hàm đầy đủ các tiêu chí về nhân quyền trong điều kiện mới, hoàn cảnh mới.

Việc thực hiện nhân quyền ở nước ta hiện nay được bảo đảm trước hết thông qua các định chế mang tính pháp lý quy định quyền lợi cả về vật chất, tinh thần của mọi người dân, thuộc mọi dân tộc, tôn giáo. Điều 50 của Hiến pháp năm 1992 xác định: *"Ở nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng - thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật"*. Thông qua các sinh hoạt chính trị, xã hội, ở các mức độ khác nhau vừa qua, người dân có thể trực tiếp hoặc thông qua đại diện của mình là các đại biểu Quốc hội tham gia xây dựng hàng chục bộ luật mới trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhiều điều luật đã phát huy tốt tác dụng, tạo ra những hành lang pháp lý cần thiết về nhân quyền trên bình diện toàn xã hội nói chung, trong từng địa bàn dân cư và cá nhân nói riêng. Việt Nam đã tham gia có trách nhiệm vào các Công ước quốc tế về quyền con người.

Trên bình diện vĩ mô, vai trò của Nhà nước ngày càng phát huy có hiệu quả trong việc tập trung phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; khắc phục những hạn chế, lạc hậu ở các địa phương, các đối tượng khó khăn, cơ nhỡ. Thông qua các chính sách, các cuộc vận động xã hội nhân đạo do chính quyền, đoàn thể các cấp tổ chức đã góp phần điều tiết, làm giảm đi sự bất bình đẳng, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về giàu nghèo, trình độ dân trí, văn hóa... trong các khu vực dân cư. Từ một quốc gia thường xuyên thiếu đói, nước ta đã tạo ra bước phát triển nhảy vọt về sản xuất lương thực, trở

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr VIII

thành một trong những nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu lương thực. Việt Nam được Liên hợp quốc đánh giá là nước đã giải quyết thành công nhất việc xóa đói, giảm nghèo. Gắn liền với sự tăng trưởng kinh tế, vấn đề chăm lo sự tiến bộ, công bằng xã hội đã được hết sức chú trọng. Mặc dù trình độ kinh tế chưa thoát khỏi tình trạng kém phát triển nhưng những nỗ lực và kết quả của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong việc giải quyết hậu quả sau chiến tranh, phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... đã được bạn bè quốc tế đánh giá cao. Với sự quan tâm ưu tiên phát triển các địa phương, nhất là đối với các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng núi, biên giới, dân tộc thiểu số đang có sự phát triển tích cực. Tình trạng thiếu đói đã được đẩy lùi một cách đáng kể, bộ mặt kết cấu hạ tầng, đời sống văn hóa, trình độ dân trí, các điều kiện thiết yếu bảo đảm đời sống đã được cải thiện.

Cũng như nhiều quốc gia tiến bộ khác, quyền tự do tín ngưỡng và quyền sinh hoạt tôn giáo hợp pháp ở Việt Nam đã được chú trọng ngày càng đầy đủ theo đúng Công ước quốc tế và Hiến pháp nước ta. Đại hội IX của Đảng một lần nữa đã khẳng định: "Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống của đồng bào". Trên thực tế, các hoạt động tín ngưỡng, sinh hoạt tôn giáo hợp pháp ở Việt Nam hiện nay không những được diễn ra bình thường mà còn có sự phát triển. Nếu so với trước năm 1975, hiện nay số lượng các nhà tu hành, chức sắc tôn giáo, tín đồ đã tăng lên đáng kể. Các cơ sở thờ tự tôn giáo hợp pháp, các trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành và việc xuất bản các kinh sách phục vụ cho hoạt động tôn giáo đều có sự phát triển.

Trong đời sống chính trị, xã hội, vấn đề dân chủ, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân đã có sự chuyển biến quan trọng. Các thiết chế bảo đảm để nâng cao hiệu quả thực tế việc thực hiện dân chủ đã không ngừng được củng cố, tăng cường. Đã có sự đổi mới về thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở; chế độ tiếp dân, giải quyết các đơn thư tố cáo, khiếu nại của công dân. Từng bước người dân có thể tham gia đóng góp, chất vấn, phê bình, kiểm tra đối với các tổ chức công quyền, các đại diện mà mình tham gia bầu lên. Cũng cần thấy rằng, hoạt động này còn mới mẻ đối với chúng ta, các điều kiện bảo đảm cho hoạt động này chưa thật sự đầy đủ, đồng bộ đã dẫn tới không tránh khỏi những hạn chế, bất cập nhất định. Song từ kết quả thực tế, nhất là các tiền đề và chiều hướng phát triển đã có cơ sở bảo đảm để mục tiêu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với các vấn đề trọng đại của đất nước, từng địa phương và cá nhân ngày càng trở thành hiện thực.

Những sự phát triển tích cực về tình hình nhân quyền, nhất là trên các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, dân chủ ở Việt Nam hiện nay là một thực tế hiển nhiên. Thế nhưng ở đâu đó, lúc này hoặc lúc khác do các nguyên nhân khác nhau, trong đó có sự ty hiềm, thù địch về chính trị hoặc bất mãn, chống đối với chính thể, một số cá nhân nào đó đã cố tình phớt lờ thực tế, nhìn nhận xã hội Việt Nam nói chung, tình hình nhân quyền ở nước ta nói riêng hết sức méo mó, sai lệch. Điều nguy hại là, họ còn lợi dụng những thế lực, những diễn đàn nào đó để áp đặt những nhận định, chính sách phi lý về nhân quyền đối với chúng ta. Họ cố tình lờ đi thực tế là, nếu nói tới nhân quyền, điều trước hết cần đề cập là những quyền cơ bản của tuyệt đại nhân dân, trước hết là nhân dân lao động - những người đã đóng góp trực tiếp, trước hết vào sự phát triển, tiến bộ xã hội. Điều này đã và đang tiếp tục là mối quan tâm, thực hiện có hiệu quả của Đảng, Nhà nước, nhân dân Việt Nam trước đây và hiện nay. □

"PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN"

Lời Bộ Biên tập: Ngày 26-12-2003, tại Khu Chế xuất Linh Trung, Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo "Phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh - những vấn đề lý luận và thực tiễn". GS, TS Lê Hữu Nghĩa - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; VS, TS Nguyễn Chơn Trung - Trưởng Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, cùng chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có 70 đại biểu, là các nhà khoa học với gần 40 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ; đại biểu các cơ quan trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Long An và các cơ quan thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương.

Gần 40 bản tham luận được gửi tới và trình bày tại Hội thảo. Sau đây là những nội dung chủ yếu của Hội thảo.

Đây là Hội thảo khoa học - thực tiễn được mong đợi từ khá lâu của các nhà khoa học; nhất là các nhà quản lý, lãnh đạo của các địa phương có các khu chế xuất và khu công nghiệp đang hoạt động. Trên tinh thần cởi mở và đầy tâm huyết, các tham luận và ý kiến phát biểu tại Hội thảo đã đề cập khá toàn diện, sinh động các vấn đề xoay quanh chủ đề trọng tâm, với 3 nội dung chính dưới đây:

I - KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT TRONG TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Trong báo cáo đề dẫn Hội thảo, GS, TS Lê Hữu Nghĩa nhận định: Để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với xu thế của thời đại, Đảng ta đã lựa chọn con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn; thực hiện đi tắt đón đầu bằng nhiều phương thức khác nhau; trong đó, phát triển các khu công

nghiệp, khu chế xuất là một phương thức rất quan trọng. Phương thức này cho phép chúng ta khai thác tốt nhất các tài nguyên, nhất là nguồn lực con người Việt Nam; thu hút, sử dụng vốn, khoa học - công nghệ, trình độ tổ chức, quản lý... của thế giới vào quá trình sản xuất - kinh doanh và các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội...

Nhất trí với quan điểm trên, GS, TS Hoàng Ngọc Hòa (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) cho rằng: Để có thể đi tắt đón đầu,

kích thích thu hút vốn đầu tư, chuyển từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức... thì các khu công nghiệp, khu chế xuất chính là động lực để tạo nên những "cú hích"; là sự lựa chọn hết sức đúng đắn của Đảng ta. Trở lại quá trình hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất, VS, TS Nguyễn Chơn Trung khẳng định: Sẽ không thể có các khu công nghiệp, khu chế xuất, nếu không có đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng ta và từ một nhân tố rất quan trọng là Nhà nước ta đã tạo ra cơ chế quản lý đặc thù, xuất phát từ đặc thù của các khu công nghiệp, khu chế xuất. Đây là quá trình đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa cơ chế "một cửa, tại chỗ" với cơ chế nhiều cửa... Còn TS. Phạm Tất Thắng (Ủy viên Ban Biên tập, Trưởng Ban Kinh tế, Tạp chí Cộng sản) và TS Hoàng Xuân Hòa (Ban Kinh tế Trung ương), sau khi phân tích những lợi ích cơ bản của khu công nghiệp, khu chế xuất đã cho rằng: Cần có sự thống nhất trong quan điểm phát triển, rằng phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất là để hỗ trợ phát triển công nghiệp gắn với kinh doanh bất động sản công nghiệp; tiếp tục củng cố và hoàn thiện cơ chế quản lý "một cửa, tại chỗ" đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất; và đây là một khâu quan trọng trong cuộc cải cách hành chính quốc gia. PGS, TS Ngô Hương (Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh) nhận định: Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang tiến vào giai đoạn cách mạng thông tin và tự động hóa, giai đoạn toàn cầu hóa nền kinh tế. Vì vậy, các khu công nghiệp, khu chế xuất có vị trí quan trọng trong việc góp phần đưa công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế đi đến thắng lợi. Đề cập về quan niệm và nhận thức, PGS, TS Phương Ngọc Thạch (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã nhắc lại: Các khu công nghiệp "là nơi tập trung các doanh nghiệp, khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất

công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống; do Chính phủ hay Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập..." (Nghị định 36/CP ngày 24-4-1997 của Chính phủ). Vậy nên, việc xây dựng các khu, cụm công nghiệp tập trung cần thực hiện theo tinh thần đó. Trong tham luận "Một số vấn đề cơ bản về phát triển khu công nghiệp ở Việt Nam trong thời gian qua" đồng chí Trần Ngọc Hưng (Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất - Bộ Kế hoạch và Đầu tư) khái quát 7 vấn đề, trong đó nhấn mạnh: Để thu hút mạnh mẽ đầu tư vào khu công nghiệp, ngoài các chính sách ưu đãi về các mặt tài chính và quản lý của Nhà nước, thì việc đáp ứng các yêu cầu về kết cấu hạ tầng kỹ thuật có ý nghĩa rất quan trọng. Bằng chứng là, từ chủ trương khuyến khích và tạo mọi điều kiện của Nhà nước, đến nay, cả nước có 88 dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, trong đó có 19 dự án đầu tư nước ngoài, với số vốn đăng ký là 995 triệu USD; 69 dự án đầu tư trong nước, với số vốn đăng ký là 17 399 tỉ đồng, v.v..

Tuy có cách tiếp cận khác nhau, nhưng các ý kiến đều thống nhất khẳng định vị trí, vai trò; những thành tựu của khu công nghiệp, khu chế xuất ở Việt Nam nói chung, ở các tỉnh phía Nam và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng sau chặng đường 10 năm xây dựng và phát triển.

II - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đây là nội dung được các đại biểu trình bày và trao đổi sôi nổi nhất. Đồng chí Đặng Thị Kim Nguyên (Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai), sau khi trình bày một cách sinh động những kết quả đạt được của các khu công nghiệp ở Đồng Nai, đã nêu lên 4 nguyên nhân chủ yếu giúp Đồng Nai tăng thu hút đầu tư vào khu công nghiệp: Nhờ Đảng có

chủ trương đúng và Nhà nước có các chính sách phù hợp, nhất quán trong việc phát triển các khu công nghiệp; nhờ tính xác định việc phát triển các khu công nghiệp là mũi nhọn để thực hiện tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; có các quy định và thực hiện nghiêm túc chế độ thanh tra, kiểm tra; là địa phương đầu tiên được Chính phủ cho phép thành lập tổ chức quản lý nhà nước trong các khu công nghiệp theo mô hình "một cửa, tại chỗ". Cùng với giới thiệu những tiềm năng và thành quả của các khu công nghiệp tỉnh Tây Ninh, **đồng chí Nguyễn Văn Tiến** (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh) đã kết thúc tham luận của mình bằng lời mời gọi có tính cam kết: Tây Ninh sẽ áp dụng những chính sách ưu đãi với cơ chế thông thoáng nhất để các nhà đầu tư an tâm đầu tư vào khu công nghiệp Trảng Bàng và Tây Ninh nói chung. Hiện nay, 8 huyện của tỉnh đã được Chính phủ công nhận và được hưởng đầy đủ các chính sách ưu đãi đặc biệt đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Khi bàn về nguồn nhân lực có trình độ đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh, **PGS, TS Lê Bảo Lâm** (Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Bán công Thành phố Hồ Chí Minh) so sánh: Nhìn về số lượng, Thành phố Hồ Chí Minh tuy có dân số đông hơn (5,33 triệu người) nhưng số trường đại học, cao đẳng lại ít hơn so với Hà Nội có dân số chỉ bằng một nửa (2,4 triệu người). Tình trạng mất cân đối này còn nặng nề hơn nếu so sánh với khu vực miền Tây Nam Bộ. Điều đó cho thấy sự mất cân đối giữa hệ thống đào tạo với nhu cầu học tập của nhân dân và nhu cầu xây dựng nguồn nhân lực có trình độ cao của thành phố. Đề cập các chính sách của Nhà nước có liên quan đến thương mại áp dụng tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, **PGS, TS Vũ Chí Lộc, ThS Lê Thị Ngọc Lan** (Đại học Ngoại thương Hà Nội) đánh giá: Tuy Chính phủ đã có các quyết định và nghị định về những biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài với những quy định thông thoáng, ưu đãi hơn, song vẫn chưa giải

quyết thỏa đáng vấn đề phân biệt đối xử giữa hai hệ thống: doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Góp phần khẳng định tốc độ phát triển khá mạnh mẽ của các khu công nghiệp Việt Nam, **GS, TS Võ Thanh Thu** (Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh) dẫn nguồn tin từ Vụ Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất (Bộ Kế hoạch và Đầu tư): Tính đến tháng 10-2003, cả nước đã có 88 khu công nghiệp, khu chế xuất với tổng diện tích tự nhiên 16 573 ha; trong đó, gần 70% diện tích có thể cho thuê. Đã có gần 2 600 dự án đang hoạt động, trong đó có 52% là các dự án FDI, với doanh thu ước đạt 6,10 tỉ USD; trong đó, xuất khẩu đạt 2,60 tỉ USD, nộp ngân sách 325 triệu USD. Tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, có gần 412 000 lao động đang làm việc. Cũng theo **GS, TS Võ Thanh Thu**, hiện ở miền Đông Nam Bộ, những bất cập đang diễn ra: Tuy có quy hoạch nhưng chất lượng quy hoạch chưa cao; tình trạng chia cắt khu công nghiệp bởi địa giới hành chính còn phổ biến; các loại dịch vụ tại các khu công nghiệp nhìn chung còn yếu và phân bố không đồng đều; các loại hình hỗ trợ khác không đồng bộ, v.v... Điều cần kíp là, sớm khắc phục tình trạng thí điểm, thí nghiệm, áp dụng mô hình tràn lan... trong xây dựng các khu công nghiệp. Trên cương vị một nhà quản lý và nhà khoa học, **VS, TS Nguyễn Chơn Trung** nhận xét: Hiện nay, chúng ta chưa có một quy hoạch tổng thể về khu công nghiệp, khu chế xuất, càng chưa có quy hoạch cụ thể của từng vùng, từng khu vực và lĩnh vực... Sự hình thành và phát triển các khu công nghiệp còn tự phát, dẫn đến những hậu quả tiêu cực, trong đó đáng quan ngại là các vấn đề về môi trường. Việc giải tỏa, đền bù, xét trên phạm vi cả nước cũng đang có sự "lấn cấn"; trong đó, người dân chưa thấy được việc xây dựng các khu công nghiệp là vì nhiều lợi ích, trong đó có lợi ích của người dân. Cũng từ thực tiễn quản lý của mình, **đồng chí Trần Thanh Hồng** (Giám đốc Công ty Liên doanh Khu Chế xuất Linh Trung,

Thành phố Hồ Chí Minh) bày tỏ sự bức xúc: Về tính bền vững của các khu công nghiệp, khu chế xuất, cho đến nay, chưa ai đánh giá cụ thể là khu nào, vùng nào như thế nào? Chúng ta mới chỉ quan tâm khai thác quỹ đất cho thuê mà chưa chú trọng đến việc xây dựng các hệ thống kết cấu hạ tầng và dịch vụ hoàn hảo. Cũng nói về thực trạng, *ThS Ngô Hoàng Minh* (Phó Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh) đề cập đến một vấn đề nóng bỏng, có tính thời sự là, việc bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Cùng với việc cung cấp những thông tin khả quan về công tác xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh, *Thạc sĩ* đi đến kết luận: Các khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung là nơi có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao vì tập trung khối lượng chất thải công nghiệp lớn, với nhiều thành phần độc hại. Nếu được sự quan tâm đúng mức thì các khu công nghiệp, khu chế xuất, ngoài việc giữ vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, còn góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh.

III - PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Về vấn đề này, *đồng chí Lê Minh Châu* (Phó Trưởng Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) cho rằng: Rất nên có sự liên kết, hợp tác giữa các khu công nghiệp của các địa phương trong khu vực về những vấn đề cụ thể vì lợi ích chung, như liên kết bảo vệ môi trường, về trao đổi lao động; về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, v.v.. Về công tác quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, *đồng chí Trần Văn Lợi* (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Quản lý khu công nghiệp Việt Nam - Xin-ga-po tỉnh Bình Dương) cho rằng: Trong quy hoạch khu công nghiệp, cần gắn với quy hoạch phát triển vùng và ngành; chú trọng vị trí và điều kiện địa lý;

các khả năng thu hút đầu tư, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực... *PGS, TS Đoàn Thị Hồng Vân* (Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh) đề nghị: Cần chuyển dịch cơ cấu đầu tư vào các khu công nghiệp trên cơ sở dựa vào các lợi thế so sánh của từng địa phương; trong đó, cần xác định rõ các ngành mũi nhọn, trọng điểm. Chẳng hạn, ở Thành phố Hồ Chí Minh, nên tập trung thu hút công nghệ cao; ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long là công nghệ chế biến nông - thủy sản. Bàn về chính sách đền bù giải tỏa để xây dựng khu công nghiệp, *đồng chí Phan Chánh Dưỡng* (Tổng Giám đốc Công ty Phát triển Khu công nghiệp Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh) cho rằng: Điều quan trọng là phải làm cho người dân thấy rõ việc chuyển dịch mục đích sử dụng đất là phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước do đó nhân dân cần ủng hộ. Sẽ thật sai lầm khi người dân lại xem việc giải tỏa là "cơ hội ngàn vàng" để có được một khoản thu lớn cho mình. *Đồng chí Trần Thiện Tứ* (Phó Chủ tịch Thường trực Hiệp hội các doanh nghiệp khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh) nêu ý kiến khá thực tế: Do chúng ta còn hiểu khái niệm khu công nghiệp, khu chế xuất một cách chung chung, nên khi ra chính sách còn vướng víu. Kinh nghiệm cho thấy, trong việc ban hành cơ chế chính sách, nếu càng thông thoáng, phù hợp thì càng giảm được chi phí. Trong phần "những gợi ý về phát triển khu kinh tế đặc biệt ở Việt Nam", *TS. Hoàng Hải* (Phó Trưởng Ban Kinh tế, Tạp chí Cộng sản) cho rằng: Để nâng cao hiệu quả của khu công nghiệp, khu chế xuất, cần có chính sách phù hợp với diễn biến kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa; có sự trợ giúp về tài chính đối với các doanh nghiệp nhỏ khi tham gia đầu tư vào khu công nghiệp, khu nông - công nghiệp; mở rộng thị trường đầu ra cho các sản phẩm ở các khu công nghiệp, khu chế xuất. Đề cập những giải pháp về tài chính - tiền tệ nhằm phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, riêng phần kiến nghị với Trung ương, *GS, TS Dương Thị Bình Minh* và

TS. Sử Đình Thành (Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh) đề xuất: Cần thực hiện chính sách tài chính thống nhất, minh bạch (trong đó có các chương trình cải cách thuế, cải cách doanh nghiệp nhà nước); xây dựng và phát triển các tổ chức hỗ trợ kinh phí phát triển khu vực tư nhân; tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực này tiếp cận dễ dàng các nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là nguồn vốn tín dụng ngân hàng v.v..

Kết luận Hội thảo, **GS, TS Lê Hữu Nghĩa** tổng hợp đầy đủ các ý kiến của các đại biểu, và nhấn mạnh:

1 - Hội thảo đã khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khu công nghiệp, khu chế xuất trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong chủ trương đi tắt đón đầu, các khu công nghiệp, khu chế xuất là một đội quân chủ lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là sản phẩm của công cuộc đổi mới của Đảng ta trong gần 20 năm qua; là động lực của các đô thị mới; góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa; góp phần to lớn đào tạo nguồn nhân lực mới chất lượng cao. Các khu công nghiệp, khu chế xuất cũng góp phần tạo ra cơ chế quản lý và mô hình quản lý mới; qua đó, thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển mạnh, nhất là kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tạo tiền đề trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

2 - Các tham luận đã khẳng định những thành tựu quan trọng của khu công nghiệp Việt Nam trong 10 năm qua, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ là những địa phương đi đầu trong xây dựng và phát triển với những thành quả to lớn. Thực tiễn đã đặt ra những vấn đề bức bách, giúp chúng ta có cơ sở để hoàn thiện hơn nữa việc xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất. Đó là những hạn chế, yếu kém, trước hết là về công tác quy hoạch. Do đó, phải có quy hoạch tổng thể các khu công nghiệp, khu chế xuất trong cả nước, trong vùng và liên vùng, cũng như trong từng địa phương. Phải

chú trọng gắn sản xuất với dịch vụ, kinh tế với xã hội, kinh tế với văn hóa... Trong đào tạo nguồn nhân lực, phải gắn đào tạo với sản xuất và cơ chế quản lý; trong đó, cơ chế "một cửa, tại chỗ" cần tiếp tục được hoàn thiện, nhất là đối với những ngành công nghệ cao, v.v..

3 - Hội thảo góp phần đề xuất những phương hướng, giải pháp và kiến nghị để xây dựng các khu công nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao giá trị đầu tư, thúc đẩy hội nhập; giải quyết hài hòa giữa đầu tư và hiệu quả đầu tư, giữa hiệu quả kinh tế với hiệu quả văn hóa - xã hội. Nhất là chú ý nâng cao hơn nữa chất lượng công tác quy hoạch phù hợp với chiến lược tổng thể; dựa trên những lợi thế so sánh của từng địa phương để quy hoạch cả về trước mắt và lâu dài. Tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách, cơ chế ưu đãi cho các khu chế xuất để tạo ra hiệu quả cao hơn; tăng quyền chủ động cho các ban Quản lý các khu công nghiệp. Có những chính sách thích hợp về xây dựng kết cấu hạ tầng; cải thiện môi trường đầu tư để các khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động đúng với quan điểm của Đảng: Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, các thành phần bình đẳng cùng phát triển. Các ý kiến khác nhấn mạnh, tiếp tục tăng cường sự hợp tác giữa các khu công nghiệp trên một địa bàn; đồng thời, có các thông tin dự báo chính xác và kịp thời để chủ động hội nhập...

GS, TS Lê Hữu Nghĩa kết luận: Đây là dịp tốt để các địa phương và trung ương cùng lắng nghe tiếng nói của nhau; từ đó có sự đồng thuận về quan điểm, nhất là về những giải pháp, kiến nghị,... giúp Nhà nước có thêm cơ sở để hoàn thiện các chính sách nhằm thúc đẩy khu công nghiệp, khu chế xuất phát triển đúng hướng và mạnh mẽ hơn nữa, đóng góp ngày càng thiết thực và quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

TRẦN QUANG HẢI
(Tổng thuật)

VỀ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

NGUYỄN HUY QUÝ *

I - Nội dung khái niệm dân chủ ở cơ sở

Dân chủ cho ai và dân chủ về những phương diện nào quy định bản chất của các nền dân chủ. Thời đại chế độ chiếm hữu nô lệ từng xuất hiện chế độ dân chủ, đó là nền dân chủ của chủ nô. Trong các nước tư bản chủ nghĩa, xuất hiện nhà nước dân chủ, đó là nền dân chủ của giai cấp tư sản; và dù là nền chính trị dân chủ mang hình thức toàn dân, nhưng nó được xây dựng trên nền tảng kinh tế tư bản chủ nghĩa, nhằm phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản.

Chủ nghĩa xã hội nhằm mục tiêu xây dựng một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa "cao gấp triệu lần dân chủ tư sản", như V.I. Lê-nin nói. Đó là một nền dân chủ toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, tạo điều kiện cho mọi thành viên trong xã hội có thể làm chủ bản thân, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên. Đó là mục tiêu cao cả của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, là nhiệm vụ lịch sử mà Đảng và nhân dân ta phải phấn đấu lâu dài mới đạt được.

Nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã được khẳng định trong đường lối của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Quyền dân chủ của công dân được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa. Hệ thống chính quyền ở nước ta gồm 4 cấp: trung ương,

tỉnh (thành phố trực thuộc), huyện (thị, quận) và xã (phường) đều vận hành theo nguyên tắc dân chủ. Nhưng hiệu quả dân chủ thể hiện trực tiếp đến nhân dân là ở cấp cơ sở. Tất cả đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước có đi vào cuộc sống hay không là tùy thuộc vào sự quán triệt những đường lối, chính sách đó ở cấp cơ sở.

Vấn đề dân chủ ở cơ sở cũng đang được nhấn mạnh ở Trung Quốc từ nhiều năm nay. Hệ thống chính quyền ở Trung Quốc cũng gồm 4 cấp: trung ương, tỉnh (khu tự trị, thành phố trực thuộc), huyện (thị), hương (trấn). Trung Quốc không chỉ thực hiện dân chủ ở cấp hương (trấn) mà ở cả cấp thôn (có ủy ban thôn dân), khu phố (có ủy ban cư dân), đơn vị, xí nghiệp (có đại hội đại biểu công nhân viên chức), các trường học, bệnh viện, các tổ chức xã hội, v.v..

Trung Quốc và Việt Nam có điểm tương đồng về quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong giai đoạn hiện nay, hai nước đều nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng dân chủ ở cơ sở. Trung Quốc và Việt Nam đều có 4 cấp chính quyền, nhưng quy mô quản lý của từng cấp ở Trung Quốc rộng hơn so với ở Việt Nam. Một hương ở Trung Quốc có quy mô tương đương một huyện ở nước ta. Trong quản lý xã hội, chính quyền hương không nhiều chức năng quản lý trực tiếp như chính quyền xã, phường ở

* PGS. Nghiên cứu viên Cao cấp, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

nước ta. Nói cách khác, các quyền dân chủ của người dân Việt Nam trong đó có nhiều quyền dân chủ trực tiếp, gắn liền với chính quyền cấp xã, phường.

Do vậy, đổi mới và phát triển dân chủ cơ sở ở nước ta tiến hành từ cấp xã, phường trở xuống (đến cấp thôn xóm, đơn vị, cơ quan, nhà máy, xí nghiệp) là hợp lý.

II - Tầm quan trọng của vấn đề dân chủ ở cơ sở

1 - Vấn đề dân chủ ở cơ sở là một khâu trong công cuộc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội không những là có một nền kinh tế phát triển cao mà còn là xây dựng một nền chính trị dân chủ cao, một nền văn hóa phong phú, để các thành viên trong xã hội không những có mức sống vật chất dồi dào, mà còn có đời sống chính trị tự do và một lối sống văn hóa cao đẹp.

Nền kinh tế phát triển cũng như nền chính trị dân chủ là thành tựu được xây đắp trong quá trình lịch sử nhân loại. Nền dân chủ tư sản là một thành tích mang tính đột phá trong quá trình đó. Nó đã giải phóng con người khỏi đêm trường trung cổ của chế độ quân chủ phong kiến. Nhưng, nền dân chủ đó được hình thành trên cơ sở nền kinh tế tư bản chủ nghĩa về thực chất vẫn là dân chủ của giai cấp tư sản, tự do của người lao động tuy không bị trấn áp bằng roi vọt nữa nhưng lại bị trói buộc bằng sự nghèo khổ. Do vậy, chủ nghĩa xã hội bắt đầu bằng cuộc cách mạng giành chính quyền, xác lập quan hệ sản xuất mới nhằm phát triển sức sản xuất, giải thoát người lao động khỏi sự nghèo khổ, khắc phục những hạn chế của nền dân chủ chính trị tư bản chủ nghĩa, phát triển nền dân chủ chính trị xã hội chủ nghĩa.

Ở một số nước bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, khi bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa

xã hội chưa có nền kinh tế đã công nghiệp hóa, cũng chưa có nền chính trị dân chủ tư sản. Lịch sử nước ta đã trải qua hàng nghìn năm phong kiến và hàng trăm năm chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Những tàn dư của chế độ cũ phải được khắc phục trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở một đất nước bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là một vấn đề lý luận đòi hỏi phải sáng tạo và là một nhiệm vụ phức tạp, khó khăn, phải tiến hành từng bước. Chẳng hạn, trong một xã hội dân chủ phát triển, có thể thực hiện dân chủ trực tiếp về bầu cử đến tận cấp cao nhất nhưng trong một xã hội mà trình độ dân trí và ý thức chính trị của người dân còn quá thấp thì dân chủ trực tiếp chưa chắc đã thể hiện được, mà có khi đi ngược lại ý chí của nhân dân. Kinh nghiệm một số nước đang phát triển cho thấy, khi dân chủ chính trị vượt quá xa trình độ phát triển về kinh tế, văn hóa sẽ dẫn tới bất ổn chính trị, gây trở ngại cho phát triển xã hội.

Do vậy, trong quá trình xây dựng nền chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần có bước đi thích hợp với từng giai đoạn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa đạt mục tiêu, vừa tạo động lực cho từng giai đoạn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việc thực thi dân chủ ở cơ sở của nước ta hiện nay phải đặt trong bối cảnh chung, chiến lược chung đó.

2 - Dân chủ ở cơ sở là quyền dân chủ trực tiếp của người dân, là khâu quan trọng nhất trong đời sống xã hội

Thực hiện dân chủ phải ở nhiều cấp, nhưng kết quả cuối cùng là ở cấp cơ sở. Khi chúng ta nói đưa đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước vào cuộc sống, có nghĩa là những đường lối, chủ trương, chính sách đó được thực hiện có hiệu quả ở cấp cơ sở. Trong lĩnh vực dân chủ về kinh tế, muốn thực hiện phương thức "phân phối theo lao động" hay "phân phối theo yếu tố sản xuất" thì phải có dân chủ thực sự ở cấp đội sản xuất, hợp tác xã,

nhà máy, xí nghiệp, cơ quan... Nếu xã viên hợp tác xã không có quyền dân chủ thực sự trong việc bình xét tăng lương, thưởng phạt, v.v.. thì tất cả những quyền dân chủ kinh tế quy định trong Hiến pháp và chính sách của Nhà nước sẽ không được thực hiện, hoặc thực hiện một cách méo mó.

Hầu hết các lợi ích chính trị, văn hóa của công dân hiện nay đều được thực hiện ở cấp xã, phường, cơ quan, xí nghiệp - đơn vị trực tiếp công tác của người lao động. Chúng nhận lý lịch của cán bộ, đảng viên đều phải thông qua cơ quan chính quyền xã, phường, cơ quan, xí nghiệp, đơn vị công tác trực tiếp đó. Nếu các đơn vị cơ sở không có dân chủ thực sự thì không thể đưa quyền dân chủ về chính trị và văn hóa trong Hiến pháp và trong đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước đến với mọi người dân, dẫn đến tình trạng tình hình chính trị - xã hội diễn ra trái với mong muốn của lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Dân chủ ở tất cả các cấp đều quan trọng, nhưng dân chủ ở cơ sở là khâu trực tiếp quyết định hiệu quả của cả hệ thống dân chủ. Người xưa thường nói "phép vua thua lệ làng" cũng là để chỉ "phép vua" bị khâu trực tiếp với dân là "lệ làng" phủ nhận hoặc làm sai lệch.

3 - Dân chủ ở cơ sở của nước ta hiện nay - những vấn đề cần chỉnh đốn, tăng cường

Ở một số làng, xã (nông thôn), các phường (thành phố), trong các cơ quan, xí nghiệp, hiện tượng vi phạm quyền dân chủ của người dân còn tương đối phổ biến, có chỗ tới mức nghiêm trọng, dẫn tới những hậu quả tai hại như tình trạng mất ổn định xã hội ở một số địa phương trong mấy năm qua, tình trạng khiếu kiện kéo dài... Mặt khác, ý thức và nhận thức về quyền làm chủ của người dân nhiều nơi còn hạn chế. Một bộ phận công dân chưa biết sử dụng quyền dân chủ chính đáng của mình hoặc lợi dụng dân chủ để hành động quá khích.

Sự thiếu dân chủ ở những nơi đó không nằm trong bản chất của chế độ mà chủ yếu thể hiện

trong quá trình thực thi Hiến pháp của Nhà nước và đường lối của Đảng, quan trọng nhất là khâu thực hiện dân chủ trực tiếp với người dân. Nói như vậy không có nghĩa là nói ở cấp độ vĩ mô nền dân chủ của chúng ta đã hoàn thiện. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta phải được phát triển cùng với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhưng trong giai đoạn hiện nay, vấn đề dân chủ ở cơ sở phải đặt thành một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách.

III - Đổi mới dân chủ ở cơ sở như thế nào?

Dân chủ ở cơ sở là một khâu trong hệ thống cơ chế dân chủ. Nó liên quan đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa... của đời sống xã hội. Do vậy, đổi mới dân chủ ở cơ sở không chỉ là nhiệm vụ riêng của cấp cơ sở, mà là nhiệm vụ chung của toàn bộ hệ thống thể chế dân chủ; không chỉ đơn thuần diễn ra trong lĩnh vực chính trị, mà phải được quán triệt trong mọi mặt của đời sống xã hội.

Ở tầm vĩ mô, thông qua sửa đổi Hiến pháp và đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chúng ta từng bước tăng cường cơ sở pháp lý cho việc thực thi dân chủ ở cơ sở. Ví dụ: Khi Luật Đất đai được hoàn thiện, việc xử lý vấn đề đất đai ở cơ sở rất thuận lợi. Khi luật pháp đã thực sự phản ánh ý chí của nhân dân, đi vào ý thức của quần chúng, thì việc chấp hành luật sẽ thuận lợi và đồng thời sẽ hạn chế được tình trạng mất dân chủ. Tất nhiên, với điều kiện là các cơ quan của Nhà nước thực hiện tốt chức năng giám sát đối với việc thực thi luật pháp ở các cấp chính quyền, nhất là ở cấp cơ sở.

Ở các cấp tỉnh (thành phố), huyện (thị trấn), một mặt phải nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp của Nhà nước; mặt khác, phải vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn của địa phương mình. Chẳng hạn như Luật Đất đai có những quy định chung về nguyên tắc trong phạm vi cả nước, nhưng những nguyên tắc chung đó phải

được áp dụng đến từng địa phương đồng bằng, trung du, miền núi, ven biển thông qua những chính sách cụ thể của địa phương (tỉnh, huyện). Những "lệ làng" làm trái với "phép vua" phải bị ngăn cấm. Nhưng những "hương ước" nhằm thực hiện tốt "phép nước" thì cần được khuyến khích. Tình trạng chính quyền ở cấp này thụ động, thiếu sáng tạo trong chấp hành luật pháp có thể dẫn đến những sai lầm trong thực hiện pháp luật, làm nảy sinh những phản ứng tiêu cực của quần chúng. Thiếu chủ động, thiếu sáng tạo ở đây, nói cho cùng cũng là thiếu trách nhiệm.

Đổi mới "dân chủ ở cơ sở", trực tiếp nhất là đổi mới thể chế lãnh đạo quản lý, điều hành của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể đơn vị cơ sở. Ở đây, có vấn đề tổ chức bộ máy và vấn đề lề lối làm việc. Nhiều nơi, bộ máy chính quyền còn cồng kềnh, mối liên hệ chiều ngang trong từng cấp và quan hệ chiều dọc ở nhiều khâu chưa thông suốt, do đó hoạt động chưa phối hợp nhịp nhàng, đạt hiệu quả cao. Do đó, nhiệm vụ đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay nên lấy việc đổi mới bộ máy chính quyền cấp cơ sở làm khâu trung tâm. Cần nghiên cứu một cách có hệ thống để đổi mới bộ máy, chức năng của chính quyền cấp cơ sở, phù hợp với bước phát triển mới của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn với công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay ở nước ta.

Đổi mới việc thực hiện dân chủ ở cơ sở hiện nay liên quan đến nhiều vấn đề trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa v.v.. Dân chủ trước hết phải là dân chủ về kinh tế. Phải hoàn thiện một cơ chế trong đó người nông dân thực sự làm chủ ruộng đất, người lao động thực sự làm chủ nhà máy, xí nghiệp, người công chức thực sự làm chủ công tác ở cơ quan, từ đó mới

thực sự động viên được tính chủ động sáng tạo của quần chúng trong lao động, học tập và công tác. Quyền làm chủ đó được khẳng định trong Hiến pháp nước ta, nhưng cụ thể hóa quyền làm chủ tới cấp cơ sở, đến người lao động đòi hỏi phải đổi mới không ngừng. Ví dụ về vấn đề đất đai: Ở một số địa phương, do giải phóng mặt bằng chậm nên đã gây hậu quả nghiêm trọng đến việc xây dựng các công trình. Nhưng báo chí chỉ đăng bài nói của chủ đầu tư phê bình chính quyền địa phương thiếu kiên quyết, chính quyền địa phương phê bình người dân thiếu ý thức chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhưng lại thiếu bài đăng ý kiến nói rõ người dân vì sao chưa chấp nhận điều kiện di dời. Nếu biết phát huy dân chủ ở cơ sở thực sự thì chúng ta sẽ thấy, tuyệt đại bộ phận nhân dân ta không phải thiếu ý thức chấp hành đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước, và chúng ta có thể tháo gỡ những khúc mắc trong việc giải phóng mặt bằng. Nếu chỉ làm việc theo kiểu quan liêu mệnh lệnh thì chỉ có thể dẫn tới tâm lý bất mãn của người dân.

Tàn dư của xã hội phong kiến ở nông thôn nước ta là một trở ngại lâu dài trong quá trình xây dựng nền chính trị dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Dân chủ chính trị ở cấp cơ sở do đó có một tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

Xây dựng nền dân chủ ở cơ sở liên quan nhiều đến lĩnh vực văn hóa. Một mặt, quần chúng ở cấp cơ sở được quyền làm chủ trong đời sống văn hóa; mặt khác, Nhà nước phải thông qua các chính sách về văn hóa giáo dục để nâng cao trình độ dân trí. Ý thức dân chủ và khả năng sử dụng quyền dân chủ chỉ có thể đạt được trên một trình độ dân trí cần thiết. Những công dân không biết chữ sẽ thiếu hiểu biết về

(Xem tiếp trang 52)

DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ VỚI PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

TRẦN QUANG NHIẾP

I - Cơ sở của dân chủ với phát triển cộng đồng

Thực hiện dân chủ ở cơ sở không ngoài mục đích làm cho cộng đồng dân cư không ngừng phát triển.

Những giá trị dân chủ gắn với con người nảy sinh từ cộng đồng, tồn tại trong cộng đồng và cũng là nhân tố thúc đẩy cộng đồng phát triển.

Dân chủ là một phạm trù chính trị - xã hội. Nó tồn tại và phát triển trong cuộc sống đích thực của cộng đồng, của xã hội loài người. Tuy nhiên, trong từng phạm vi cụ thể của cộng đồng, trình độ dân chủ có thể khác nhau. Dân chủ là một *tiêu chí* để xem xét, đánh giá trình độ phát triển của cộng đồng. Dân chủ phụ thuộc vào nhiều yếu tố lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Dân chủ không chỉ là sản phẩm của các nhân tố nêu trên mà trái lại nó còn là một *tác nhân tích cực* thúc đẩy các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của cộng đồng phát triển. Bởi lẽ dân chủ là một đòi hỏi chính đáng của con người, của từng thành viên và của cả cộng đồng. Chính do sự đòi hỏi ấy mà nội dung dân chủ ngày càng mở rộng phong phú, thiết thực hơn. Nó được hình thành từ những đòi hỏi của con người và là động lực khiến cho con người thể hiện vị trí, vai trò của mình trong cộng đồng.

Dân chủ gắn liền với quyền tự do của con người. Tự do và dân chủ của cá nhân gắn liền

với những điều kiện khách quan của xã hội, của cộng đồng mà họ sống; đồng thời, tuân thủ những quy ước của cộng đồng, những quy định của Hiến pháp, pháp luật của quốc gia, dân tộc.

Dân chủ mang *tính cộng đồng, tính xã hội*. Dân chủ thể hiện các quyền xã hội của con người. Do đó sự năng động của dân chủ không chỉ có mục tiêu chính trị mà còn có giá trị thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa...

Dân chủ là một phạm trù chính trị nên nó mang *tính giai cấp* rõ rệt. Việc các thể chế chính trị khác nhau áp dụng khái niệm dân chủ bao hàm sự xác định lập trường khác nhau. Giai cấp tư sản thời phong kiến, nhân quyền của một số kẻ mạnh để sử dụng chúng vào những mưu đồ thâm độc. Họ đã không vì nhân dân, mượn danh công lý, mượn danh dân chủ, nhân quyền để áp đặt những mưu toan đen tối, áp đặt sự thống trị của mình đối với người khác.

Dân chủ đích thực trên lập trường của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người là sao cho phát huy tối đa năng lực của mọi thành viên xã hội cùng tham gia quyết định vào tương lai phát triển của cộng đồng một cách phù hợp, qua đó, ý chí của nhân dân được thể hiện trực tiếp. Những cá nhân được nắm giữ một phần quyền lực xã hội và các quyền đó không bị tha hóa, tạo nên sự thống nhất quyền

lợi giữa người dân và những người quản lý. Cùng với đó, sáng kiến của nhân dân, quyền phủ quyết và trưng cầu ý dân cho phép người dân biểu đạt ý chí và nguyện vọng của mình. Thực tế cho thấy, trưng cầu ý dân là phát huy trí tuệ, sức mạnh của nhân dân tham góp vào giải quyết những công việc của cộng đồng có hiệu quả. Nhân dân còn tham gia nắm quyền bằng cách tham gia chọn lựa những người thật xứng đáng đại diện cho mình vào các bộ máy công quyền. Khi ấy, người dân bày tỏ rõ quan điểm và những đòi hỏi đối với người mà mình lựa chọn.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa với tư cách là một thể chế chính trị, khi người công dân được cộng đồng ủy quyền đại diện nắm giữ quyền lực không phải là những cá nhân ích kỷ, tham lam, mù quáng trước những lợi ích của cá nhân. Họ phải là người thoát khỏi những ràng buộc, ích kỷ mà hóa thân vì sự phát triển của cộng đồng, biết kìm nén những ham muốn cá nhân để biểu đạt ý chí chung vì sự phồn vinh, hạnh phúc của cộng đồng, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của dân tộc.

Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa có yêu cầu lắng nghe tiếng nói của nhân dân. Điều đó được xem là giá đỡ của quyền lực. Thực tế cho thấy pháp luật xã hội chủ nghĩa là ý chí của nhân dân, nhưng không phải tất cả mọi ý chí của nhân dân đều là pháp luật, cho nên ý kiến của nhân dân được xem xét dưới góc độ những sáng kiến, phát hiện từ thực tế sinh động của cuộc sống để xây dựng, thực thi pháp luật, thực thi đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Nền dân chủ hiện nay ở nước ta bao hàm những *hướng lựa chọn rộng mở*, trong đó có sự phát triển các thành phần kinh tế năng động gắn với thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; việc tiếp thu những tri thức của nền văn minh nhân loại và các lĩnh vực tiến bộ của đời sống xã hội. Mục đích của xã hội hiện đại là không ngừng tăng trưởng và phát triển. Đó là

những đòi hỏi của người dân và cũng là quy luật phát triển của quá trình vươn lên làm chủ của con người.

Trong điều kiện ấy, dần dần khắc phục tâm lý người dân thích được "yên tĩnh", bằng lòng với những gì đã có ở trình độ thấp để họ quen dần với sự bứt phá, tìm tòi, áp dụng cái mới, thậm chí chấp nhận có những rủi ro cần thiết trong cạnh tranh để phát triển. Đó chính là những yếu tố, những động lực thúc đẩy phát triển cộng đồng. Bởi lẽ, những tiến bộ của khoa học - công nghệ; những biến đổi nhanh chóng và phức tạp của xã hội hiện đại của kinh tế thị trường khiến cho con người hiểu biết, thấy không thể giữ mãi cách nghĩ, cách sống cũ mà phải thích nghi, tìm cách làm ăn mới cho thích hợp. Cuộc sống buộc họ phải vươn lên làm chủ không ngừng. *Làm chủ vừa là một đòi hỏi khách quan vừa là kết quả của quá trình nhận thức, vừa là một kỹ năng, vừa là một giá trị.* Dân chủ làm cho con người tự làm chủ cuộc sống của mình, phát huy tối đa mọi năng lực cá nhân, góp phần tích cực thúc đẩy cộng đồng phát triển.

II - Những động lực của dân chủ ở cơ sở với phát triển cộng đồng

1 - Cộng đồng và mục tiêu phát triển cộng đồng

Do đặc điểm kinh tế - tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, xã hội từ lâu đời, nhân dân ta sống gắn bó với nhau trong cộng đồng làng xã, không tách khỏi những truyền thống tốt đẹp của lịch sử dân tộc.

Ở mỗi cộng đồng nhỏ, người dân gắn bó với nhau ngay cả những khi "tắt lửa, tối đèn". Họ thương yêu giúp đỡ nhau, lo toan cho nhau với tâm lý "con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ", "lá lành đùm lá rách". Cộng đồng gắn kết các thành viên bởi pháp luật và cả những phong tục tập quán, văn hóa, đạo đức truyền thống. Và hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các thành viên cộng đồng còn gắn bó với nhau bởi

tinh thần làm chủ, và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Mọi người dân cùng nhau chung sống ở thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố, khu dân cư... - một *cộng đồng* trực tiếp, thường xuyên, bền chặt. Họ gắn bó với nhau bằng nhiều mối quan hệ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh. Mọi thành viên trong cộng đồng cùng có những mối quan tâm chung và có những lợi ích chung.

Mục tiêu của phát triển cộng đồng dân cư bền vững là không ngừng phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của mọi người dân, mọi gia đình, xây dựng xã hội học tập, nâng cao dân trí, thực hiện dân chủ, công bằng, văn minh, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn môi trường trong sạch và phát huy truyền thống tốt đẹp của cộng đồng, bảo vệ an ninh, trật tự, đẩy lùi mọi tiêu cực và tệ nạn xã hội.

Mọi thành viên trong cộng đồng đều tự giác tuân thủ pháp luật của Nhà nước và thực hiện các quy ước của cộng đồng, góp phần xây dựng thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố, khu dân cư giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc và tiến bộ.

2 - Mục đích của việc thực hiện dân chủ ở cơ sở với phát triển cộng đồng

Lấy dân làm gốc là tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Tư tưởng đó đã được quán triệt trong toàn bộ nội dung bản "Quy chế Dân chủ ở cơ sở" trên những điểm chính sau:

Một là, thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của người dân. Bằng những quy định cụ thể làm cho người dân có ý thức, có khả năng, có trách nhiệm tham gia trực tiếp vào các công việc phát triển chung của cộng đồng, khắc phục lối tư duy và cách sống "đèn nhà ai nấy rạng" của chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ trước đây.

Hai là, thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ của

công dân. Không phải dễ dàng ai cũng hiểu rõ mình có quyền và nghĩa vụ gì đối với cộng đồng. Không nhận rõ điều đó, con người trở nên thụ động, lệ thuộc vào cộng đồng, những khả năng của con người bị triệt tiêu, các giá trị của cuộc sống không được bảo đảm, con người thu về với những phạm vi cá nhân nhỏ hẹp chật chội, tầm thường.

Ba là, thực hiện dân chủ ở cơ sở đã khơi dậy tiềm năng trí sáng tạo, sức mạnh vật chất và tinh thần của nhân dân để phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống cộng đồng.

Bác Hồ nhấn mạnh, trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới, không gì mạnh bằng lực lượng nhân dân.

Nhân dân sống ở các cộng đồng cụ thể, họ tự làm chủ thì mọi việc được giải quyết đến nơi, đến chốn. Ngược lại, nhân dân không thông, không thấy đó là công việc của chính mình thì mọi việc không thể giải quyết được và dễ nảy sinh tâm lý "cha chung không ai khóc" làm xã hội ngưng đọng, hoặc tạo ra một xã hội vô chính phủ. Mọi tiềm năng, sự suy nghĩ, óc sáng tạo, sức mạnh vật chất, tinh thần... đều do nhân dân tạo ra. Điều cần có để những tiềm năng thành hiện thực là cách tổ chức và cơ chế thích hợp để năng lực đó được khơi dậy.

Bốn là, thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm giữ vững kỷ cương phép nước, ngăn chặn tiêu cực, các tệ nạn xã hội, nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy chính quyền các cấp.

Dân chủ và kỷ cương là hai mặt thống nhất biện chứng với nhau. Có dân chủ, ý thức pháp luật của người dân được nâng cao thì kỷ cương mới vững chắc. Đồng thời kỷ cương pháp luật nghiêm minh mới bảo đảm cho quyền làm chủ của người dân được thực thi. Nó hoàn toàn đối lập với những ai lợi dụng dân chủ để phá vỡ kỷ cương, để sống theo lối tự do vô chính phủ, bất chấp luật pháp. Đất nước nào, chế độ nào cũng có pháp luật. Đương nhiên, những người coi thường pháp luật, vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý

theo pháp luật và khi ấy họ mất tự do, mất quyền làm chủ của mình. Rõ ràng, pháp luật là bảo vệ quyền làm chủ của người dân.

Khi cộng đồng xã hội được vận hành theo sự kết hợp hài hòa giữa quyền làm chủ của nhân dân với kỷ cương pháp luật hoàn bị thì các cấp chính quyền phát huy tốt vai trò quản lý của mình. Ở đây, có sự thống nhất năng lực tự quản của cộng đồng với vai trò điều hành quản lý của bộ máy chính quyền cơ sở.

Năm là, thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm xây dựng niềm tin và mối quan hệ chặt chẽ giữa dân với Đảng và chính quyền. Nhân dân là chủ thể của xã hội, là chủ thể của lịch sử. Đảng, chính quyền là người đại diện quyền làm chủ của nhân dân, người lãnh đạo và tổ chức nhân dân thực hiện các mục tiêu cao đẹp của cuộc sống cộng đồng. Có niềm tin sắt đá của nhân dân vào Đảng và chính quyền thì nhân dân mới vững tin, mới một lòng, một dạ thực hiện sáng tạo sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của chính quyền. Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh hết lòng phục vụ nhân dân càng thắt chặt mối quan hệ giữa dân với Đảng và chính quyền.

3 - Những quy định thực hiện dân chủ ở cơ sở với phát triển cộng đồng

Đảng, Nhà nước đã quy định rất cụ thể những điều *dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra* để phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Chính điều đó là những nhân tố tích cực, là động lực thúc đẩy cộng đồng phát triển.

Thứ nhất, chính quyền bảo đảm cho dân biết đầy đủ, chính xác những thông tin cần thiết để dân tham gia xây dựng phát triển cộng đồng.

Bằng nhiều cách, chính quyền cơ sở mở rộng thông tin để từng người dân biết đầy đủ, chính xác về các vấn đề chính như những điều trong Quy chế đã ghi.

Đây là những vấn đề liên quan trực tiếp đến lợi ích và đời sống của người dân. Nó phải được thông tin công khai, kịp thời để dân biết

và tự giải quyết. Chỉ có như vậy, cộng đồng mới thực sự phát huy hết tài năng, trí sáng tạo của mọi thành viên.

Thứ hai, nhân dân công khai, dân chủ bàn bạc, quyết định trực tiếp những việc cần làm để thúc đẩy cộng đồng phát triển.

Trên cơ sở hiểu biết các chủ trương, chính sách, pháp luật, người dân có quyền dân chủ bàn bạc quyết định những công việc thiết thực đến đời sống cộng đồng như: chủ trương và mức đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng và công trình phúc lợi cộng đồng; quyết định và theo dõi các khoản thu, chi của các loại quỹ trong khuôn khổ pháp luật, xây dựng hương ước, quy ước làng văn hóa, nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh trật tự, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội; quyết định các công việc trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với pháp luật; thành lập ban giám sát công trình xây dựng do dân đóng góp, tổ chức bảo vệ sản xuất, kinh doanh.

Ngoài những việc bàn và quyết định trực tiếp, cần huy động nhân dân tham gia ý kiến cho Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân địa phương về những việc liên quan đến phát triển cộng đồng như bản Quy chế đã xác định.

Thứ ba, nhân dân trực tiếp kiểm tra giám sát thúc đẩy các hoạt động của cộng đồng phát triển.

Không có sự kiểm tra hiệu quả nào hơn sự tự kiểm tra, giám sát của nhân dân tại cộng đồng. Quy chế Dân chủ ở cơ sở quy định quyền nhân dân được kiểm tra các hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; kết quả thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của Ủy ban nhân dân; hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cũng như cán bộ, công chức nhà nước tại địa phương, việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân, dự toán, quyết toán ngân sách xã; kết quả nghiệm thu, quyết toán công trình do nhân dân đóng góp, quản lý

sử dụng đất đai, thu chi các loại quỹ, lệ phí theo quy định của Nhà nước và các khoản đóng góp của dân. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng liên quan đến cán bộ cơ sở; thực hiện các chế độ chính sách của công dân...

Sự kiểm tra, giám sát của nhân dân sẽ góp phần khắc phục các hạn chế, yếu kém, mở rộng phát huy các kinh nghiệm tốt, các việc làm hay, các điển hình tiên tiến, tạo đà cho cộng đồng phát triển.

III - Dân chủ ở cơ sở với phát triển cộng đồng trong sự nghiệp đổi mới đất nước

Phải khẳng định rằng, trong những năm 80 của thế kỷ XX, khi đất nước gặp khó khăn hai bước đột phá quan trọng đã diễn ra: 1- Áp dụng chế độ khoán sản phẩm đến hộ gia đình nông dân trong hợp tác xã nông nghiệp. 2- Triển khai chế độ "kế hoạch 3 phần" ở các xí nghiệp quốc doanh. Cuộc "thử nghiệm" này đều bắt nguồn từ những sáng kiến của người lao động, được Đảng, Nhà nước tổng kết và nhanh chóng trở thành quyết sách. Nó đã bắt rễ nhanh vào cuộc sống, lan rộng toàn xã hội, giải phóng sức sản xuất, đưa lại những thành tựu nổi bật, trước hết trên lĩnh vực nông nghiệp.

Tiếp đó đến Đại hội VI của Đảng (1986), Đảng ta chính thức phát động công cuộc đổi mới toàn diện và triệt để đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội tiếp tục đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hai bài học lớn trong nhiều bài học mà Đại hội VI của Đảng rút ra là: 1- Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động; 2- Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

Những bài học trên là cơ sở cho việc quyết định từ bỏ lối tư duy sáo mòn, kinh viện, tập trung trí tuệ toàn Đảng, toàn dân vào việc đổi

mới tư duy, tìm con đường phát triển mới của đất nước. Đó còn là sự khẳng định trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Thực hiện cơ chế *Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*, từng bước chúng ta hoàn thiện việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Nhân dân thực sự là người chủ và mọi việc của cộng đồng được giải quyết theo nguyên tắc "*dân biết - dân bàn - dân làm - dân kiểm tra*". Đảng ta khẳng định phát huy nhân tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động, coi nguồn lực con người là quý giá nhất, có vai trò quyết định đối với sự phát triển đất nước, là yếu tố cơ bản phát triển nhanh, bền vững của cộng đồng.

Cụ thể hóa những tư tưởng, quan điểm về phát huy quyền làm chủ của nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 30 về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở như đã nêu ở mục II. Chỉ hơn 5 năm thực hiện Quy chế đó, chúng ta đã phát huy mọi nguồn lực, hướng vào đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, làm biến đổi rõ rệt bộ mặt đời sống các cộng đồng dân cư cả nước.

Chỉ sau 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nạn lạm phát phi mã từ hơn 700% (năm 1986) bị kiềm chế chỉ còn 12% (năm 1995) và được kiểm soát chặt chẽ từ đó đến nay. GDP tăng gấp đôi sau 10 năm (1991 - 2001) nhờ tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 7,5%. Khuyến khích sự phát triển của tất cả các thành phần kinh tế, các lực lượng kinh tế, tạo sự phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy, đồng thời vẫn giữ vững sự ổn định vĩ mô làm tiền đề tối cần thiết cho thành công của đổi mới.

Thắng lợi công cuộc đổi mới là sự kết hợp hài hòa, biện chứng của phương châm *Đảng lãnh đạo - Nhân dân làm chủ - Nhà nước quản lý*. Thành tựu đó do nhân dân tạo ra và nhân dân được hưởng thụ. Đời sống nhân dân được cải thiện nhanh chóng về nhiều mặt. Chỉ trong 5 năm thời kỳ đầu đổi mới (1993 - 1998), thu nhập bình quân đầu người trên phạm vi cả nước tăng gấp 2,45 lần. Tỷ lệ hộ nghèo đói giảm từ 50% (giai đoạn 1992 - 1993) xuống còn trên 30% (giai đoạn 1997 - 1998) và nay tỷ lệ ấy còn thấp hơn nhiều. Nhiều mô hình kinh tế hộ, kinh tế tập thể làm ăn giỏi xuất hiện. Nền kinh tế hàng hóa phong phú, đa dạng thay cho nền kinh tế tự cấp tự túc, đơn điệu, nghèo nàn trước đây. Cơ cấu kinh tế nông thôn thay đổi. Kết cấu hạ tầng: điện, đường, trường, trạm, các trung tâm văn hóa, các cơ sở dịch vụ được xây dựng khang trang phục vụ các nhu cầu cải thiện đời sống người dân. Bộ mặt nông thôn, đô thị thay đổi từng ngày. Quan hệ nội bộ trong đời sống cộng đồng ngày càng phần khởi, đoàn kết. Tình trạng khiếu kiện giảm hẳn, các điểm nóng được giải quyết kịp thời. Nếp sống văn minh, văn hóa được tôn trọng. Những tiêu cực và tệ nạn xã hội dần được khắc phục. Công ăn việc làm của người lao động ngày càng được chăm lo giải quyết. Y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng được quan tâm chu đáo. Giáo dục từ mầm non, mẫu giáo đến phổ thông cơ sở, trung học, đại học, trên đại học phát triển nhanh chóng trong những năm qua. Đời sống mọi mặt của nhân dân các dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo cũng như các tầng lớp nhân dân khác ở mọi vùng đất nước đều có sự biến đổi khá toàn diện, các điều kiện kết cấu hạ tầng xã hội, đời sống văn hóa tinh thần được không ngừng cải thiện.

Tuy còn nhiều hạn chế, nhưng nhận thức về dân chủ, về quyền và khả năng làm chủ của người dân được từng bước nâng lên. Điều đó đã góp phần thiết thực, là nhân tố không thể thiếu được bảo đảm cho công cuộc đổi mới thành công, thúc đẩy cộng đồng phát triển. □

VỀ DÂN CHỦ...

(Tiếp theo trang 46)

luật pháp, do đó sẽ dễ phạm sai lầm trong việc chấp hành pháp luật.

Khâu then chốt trong công cuộc xây dựng nền chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa nói chung và thực hiện dân chủ ở cơ sở nói riêng là sự lãnh đạo của Đảng. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong đổi mới dân chủ ở cơ sở. Sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp khác nhau, trong các lĩnh vực khác nhau: chính trị, kinh tế, văn hóa v.v., trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, có những nội dung và phương thức khác nhau. Sự lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở trong giai đoạn hiện nay tập trung vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhằm đáp ứng nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, đổi mới các mối quan hệ giữa tổ chức cơ sở đảng với tổ chức chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội ở cấp cơ sở là rất cần thiết và cấp bách.

Lịch sử văn minh nhân loại và lịch sử phong trào xã hội chủ nghĩa trên thế giới đã để lại nhiều bài học về dân chủ đối với tiến bộ xã hội. Xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ lịch sử lâu dài, nhất là đối với các quốc gia còn ở trình độ phát triển thấp về kinh tế, văn hóa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã giành được những thành tựu to lớn, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được khẳng định trong thực tiễn. Vấn đề quan trọng và cấp bách hiện nay là tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách để tạo động lực phát triển cho dân chủ cơ sở, đưa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa của chúng ta phát triển không ngừng. □



BÀ RỊA - VŨNG TÀU: NỬA NHIỆM KỲ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI III CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH

TRẦN VĂN KHÁNH*

NĂM trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Bà Rịa - Vũng Tàu được xác định là cửa ngõ của vùng cũng là cửa ngõ hướng ra Biển Đông, với nhiều tiềm năng phong phú. Vị trí thuận lợi này hội tụ nhiều điều kiện để tỉnh có thể phát triển kinh tế biển: khai thác dầu khí trên biển, khai thác cảng biển và vận tải biển, chế biến hải sản, phát triển du lịch. Vị trí địa lý đó cũng cho phép tỉnh phát triển tất cả các tuyến giao thông: đường bộ, đường không, đường thủy, đường sắt, trở thành một địa điểm trung chuyển đi các nơi trong nước và thế giới.

Ngay từ khi thành lập (1991), cơ cấu kinh tế của địa phương đã hình thành theo hướng: công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Đây là cơ cấu hợp lý được giữ vững trong suốt 12 năm qua và có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; giảm tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP.

Theo những số liệu tổng kết, trong thời gian qua, nhất là trong những năm gần đây, có thể khẳng định rằng, Bà Rịa - Vũng Tàu đã đạt *nhịp độ phát triển cao hơn trước, đồng bộ hơn trước và vượt phần lớn các chỉ tiêu đã đề ra* trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong xây dựng kinh tế, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn, đóng góp tích cực vào ngân sách trung ương, tăng cường

đáng kể nội lực trên nhiều mặt; mức sinh hoạt vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện; quá trình đô thị hóa được đẩy nhanh tạo triển vọng tốt đẹp cho việc hoàn thành thắng lợi những mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội III của Đảng bộ tỉnh đề ra. Những thành tựu đó chứng tỏ Nghị quyết III của Đảng bộ tỉnh và các nghị quyết của Tỉnh ủy đã đi vào cuộc sống, đáp ứng tích cực những yêu cầu cơ bản của thực tiễn địa phương. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tăng cường đoàn kết toàn đảng bộ trên cơ sở nghiêm túc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy tốt hơn vai trò lãnh đạo và vai trò trung tâm đoàn kết toàn dân, phấn đấu vì các mục tiêu xây dựng đất nước và xây dựng tỉnh.

Năm 2003, kinh tế của tỉnh *tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá cao*, có 9/12 chỉ tiêu về phát triển kinh tế vượt kế hoạch đề ra. GDP (cả dầu khí) tăng 14,1%. Tổng thu ngân sách nhà nước tăng cao, vượt dự toán đề ra; huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển đạt khá; nhiều công trình hoàn thành đưa vào hoạt động, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện. Tuy nhiên còn 3/12 chỉ tiêu tăng cao nhưng chưa đạt mức do Nghị quyết Hội đồng nhân dân đề ra.

* Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu

Công nghiệp: Dầu khí là ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số giá trị công nghiệp, quyết định tốc độ tăng trưởng GDP và giá trị sản xuất công nghiệp, tổng vốn đầu tư trên địa bàn. Bên cạnh ngành công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác cũng trên đà phát triển như: sản xuất điện, sản xuất thép, chế biến hải sản đông lạnh... Năm 2003, ngành công nghiệp tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng 11,8%. Phát triển các ngành nghề (khí đốt, phân NPK, điện sản xuất, gạch men, hải sản đông lạnh, giày thể thao, may xuất khẩu). Thu hút vốn đầu tư tăng mạnh, tính đến cuối tháng 11-2003, có thêm 35 dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, với tổng vốn là 206,25 triệu USD và 1 508 tỉ đồng. So với các khu công nghiệp của cả nước, Bà Rịa - Vũng Tàu có nhiều lợi thế so sánh về các điều kiện thu hút đầu tư, vì thế hiện nay đã thu hút tổng vốn đầu tư khá lớn so với các khu công nghiệp khác trong khu vực. Toàn tỉnh đã có 7 khu công nghiệp tập trung

Nông nghiệp: Điều kiện thiên nhiên cũng là những thế mạnh để phát triển nông nghiệp. Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2003 tăng 9,1%; trong đó, trồng trọt tăng 8,7%, chăn nuôi tăng 10,7%. Các chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, đổi mới cây trồng, vật nuôi đã mang lại hiệu quả khá rõ. Đánh bắt được 175 nghìn tấn hải sản; tăng thêm 115 ha nuôi tôm bán công nghiệp. Tổng sản lượng xuất khẩu thủy sản đạt 42 800 tấn; kim ngạch xuất khẩu ước đạt 103 triệu USD. Tuy nhiên, việc thu mua nguyên liệu cho chế biến hải sản xuất khẩu ngày càng khó khăn, các bến cảng thủy sản còn hạn chế, thị trường xuất khẩu chưa ổn định.

Thương mại - dịch vụ: Năm 2003, tăng 16,24%. Dịch vụ dầu khí vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu dịch vụ trên địa bàn.

Du lịch: Bà Rịa - Vũng Tàu từ lâu đã là một trung tâm du lịch lớn của cả nước với 150 km bờ biển có bãi tắm đẹp, bãi cát dài thoải mái,

nước trong và sạch quanh năm; các khu rừng nguyên sinh, với nước suối khoáng nóng; điều kiện thiên nhiên lý tưởng và hệ thống các di tích lịch sử cách mạng, văn hóa, danh lam thắng cảnh. Năm 2003, lượng khách du lịch tăng 14,5%, với khoảng 4,7 triệu lượt, tăng 13,6%; trong đó khách du lịch quốc tế là 172 nghìn lượt, tăng 13,6% so với năm 2002. Ngành du lịch thực hiện 19 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư 5,55 triệu USD và 17 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư 1 061 tỉ đồng.

Thu hút đầu tư trong và ngoài nước: Lợi thế về tiềm năng cảng biển, nguồn tài nguyên khí đốt và những yếu tố thuận lợi khác như: khí hậu, địa hình... đã có sức hấp dẫn mạnh đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Đây cũng là điểm đến đầu tiên của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Năm 2003, đầu tư nước ngoài vào tỉnh đạt kết quả cao: 19 giấy phép đầu tư nước ngoài được cấp với tổng vốn đăng ký 217,4 triệu USD.

Văn hóa - xã hội: Hầu hết các hoạt động văn hóa - xã hội được nâng lên và có chuyển biến tích cực. Có 11/15 chỉ tiêu về văn hóa - xã hội đạt Nghị quyết Hội đồng nhân dân đề ra, tiêu biểu như: tỷ lệ giảm sinh, giải quyết việc làm và tỷ lệ lao động qua đào tạo, huy động số cháu trong độ tuổi vào nhà trẻ và tới lớp mẫu giáo, mức hưởng thụ văn hóa, tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, tỷ lệ dân được xem truyền hình, tỷ lệ dân được dùng điện sinh hoạt, tỷ lệ dân được dùng nước sạch, xây dựng nhà tình thương...

Đã giải quyết việc làm cho 23 651 lao động, tạo việc làm mới cho 9 147 lao động; giúp 4 400 hộ vay vốn xóa đói, giảm nghèo với tổng số tiền là 14 tỉ đồng. Công tác quản lý quy hoạch đô thị, quản lý đất đai và môi trường, khoa học - công nghệ có nhiều chuyển biến tích cực; đầu tư giao thông nông thôn và đường hẻm nội thị đạt kết quả đề ra.

Nhưng cần nhấn mạnh là, trong xây dựng kinh tế, tỉnh *chưa đạt kết quả tương xứng với tiềm năng, lợi thế*. Công nghiệp địa phương và công nghiệp chế biến còn rất nhỏ bé; chưa phát huy được mạnh mẽ tác động tương hỗ giữa khu vực kinh tế trực thuộc trung ương và kinh tế địa phương; chưa thực hiện hiệu quả chủ trương xây dựng những xí nghiệp "vệ tinh" cho ngành dầu khí, xây dựng các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tận dụng nguyên liệu tại chỗ; xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng, thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp chưa được thực hiện tốt. ***Báo cáo Tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh*** về nhiệm vụ kế hoạch năm 2003 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2004 thẳng thắn nhìn nhận: Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh còn nhiều khó khăn, hạn chế, các giải pháp chưa đồng bộ; quản lý quy hoạch và đầu tư phát triển còn nhiều khiếm khuyết; một số đề án, chủ trương, chính sách chậm được ban hành. Phương thức kinh doanh du lịch chậm đổi mới; dịch vụ du lịch còn đơn điệu; còn bất cập trong quản lý kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ bãi biển. Sức cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu của tỉnh nhìn chung còn yếu. Vẫn còn tình trạng phá rừng. Việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước còn chậm và gặp nhiều vướng mắc. Một số hoạt động văn hóa - xã hội và các lĩnh vực dạy nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động còn hạn chế. Kết quả thực hiện "4 giảm" đạt thấp; tình hình tội phạm còn diễn biến phức tạp; tai nạn giao thông còn ở mức nghiêm trọng. Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo tuy đạt cao hơn cùng kỳ nhưng thời gian còn kéo dài...

Nguyên nhân chính của các yếu kém nói trên phần nào thuộc về trách nhiệm lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhất là do những chủ trương công tác trong các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động của Tỉnh ủy chưa thật đầy đủ, còn thiếu tính khả thi; khâu tổ chức thực hiện nhiều khi lỏng lẻo, không đồng bộ.

Chưa chú trọng đúng mức đến công tác cán bộ.

Trên cơ sở phân tích cụ thể tình hình thực tế và các bài học kinh nghiệm, nhận thức rõ trọng trách của địa phương trong địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam; đặc biệt coi trọng khai thác, tận dụng các lợi thế so sánh, nhất là lợi thế về tiềm năng kinh tế biển, Đại hội lần thứ III Đảng bộ tỉnh đã xác định mục tiêu: ***"Phấn đấu đến năm 2010, Bà Rịa - Vũng Tàu cơ bản trở thành một trong những trung tâm công nghiệp, du lịch và khai thác hải sản của khu vực và cả nước, một thương cảng quốc gia và quốc tế"***.

Phát huy những thành tựu đã đạt được trong những năm qua, nhất là trong năm 2003, nỗ lực phấn đấu, khắc phục những khó khăn, yếu kém, trong năm 2004, tỉnh quyết tâm đạt tốc độ tăng trưởng GDP (cả dầu khí) tăng 11,6%. Giá trị sản xuất công nghiệp (kể cả dầu khí) tăng 11,9%, trong đó riêng dầu khí tăng 4,7%. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5,2%; trong đó, trồng trọt tăng 4,8%, chăn nuôi tăng 6,95%, giá trị sản xuất ngư nghiệp tăng 6%. Doanh thu thương mại - dịch vụ tăng 17,1%; trong đó, thương mại tăng 17,9%, dịch vụ - 15,4%, du lịch - 10,6%.

Giảm tỷ lệ sinh 0,04%, hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,2%; giải quyết việc làm cho 24 400 người lao động; tạo việc làm mới cho khoảng 9 500 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 31%. Mức hưởng thụ văn hóa đạt 24,5 lần/người/năm; tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa là 78%. Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch là 90%; được dùng điện sinh hoạt khoảng 92%.

Để đạt mục tiêu tăng trưởng, ***công nghiệp*** sẽ tập trung vào những sản phẩm có thị trường, có khả năng cạnh tranh. Năm 2004 sẽ có thêm một số dự án mới đưa vào hoạt động: Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Nhà máy Điện Phú Mỹ III, Nhà máy Sản xuất vật liệu và sành sứ thủy tinh, sản phẩm giấy, bao bì... Ngoài nguồn vốn ngân sách đầu tư ngoài hàng rào, tỉnh sẽ dành khoảng 200 tỉ đồng đầu tư trong hàng rào 2 khu công nghiệp

Phú Mỹ I. Tạo điều kiện cho các dự án lớn của trung ương và các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn : Nhà máy Đạm Phú Mỹ; Nhà máy Điện Phú Mỹ, Phú Mỹ III, Phú Mỹ IV; Nhà máy Thép Phú Mỹ...

Về **nông, lâm, ngư nghiệp**, tiếp tục triển khai thực hiện các dự án về giống cây trồng, con vật nuôi và các dự án về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Giảm diện tích trồng cây cà-phê; ổn định diện tích cao-su, tiêu; tiếp tục chuyển đổi diện tích lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nhất là thủy lợi. Thực hiện đổi mới trang thiết bị công nghệ, đổi mới công tác quản lý chất lượng sản phẩm ở các cơ sở chế biến hải sản theo tiêu chuẩn HACCP, ISO 9000. Phấn đấu chế biến xuất khẩu 32 nghìn tấn hải sản đông lạnh, xuất khẩu 44 800 tấn hải sản các loại, đạt kim ngạch xuất khẩu 125,9 triệu USD.

Chú trọng phát triển **thương mại - dịch vụ** trên địa bàn nông thôn, gắn sản xuất với tiêu thụ. Hoàn chỉnh mạng lưới chợ và trung tâm thương mại của tỉnh. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại; tổ chức tốt việc thông tin thị trường, giá cả cho doanh nghiệp.

Du lịch phấn đấu thu hút 5 triệu lượt khách đến tỉnh, trong đó có 228 nghìn lượt khách du lịch quốc tế. Đầu năm 2004, sân bay Côn Đảo đi vào hoạt động, cần có các biện pháp đáp ứng nhu cầu cho khách tham quan. Đa dạng hóa loại hình sản phẩm du lịch: nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao biển, hội thảo, Festival Biển 2005, lễ hội... Tiếp tục triển khai các dự án du lịch.

Về **văn hóa - xã hội**: Phấn đấu đến cuối năm đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở; xây thêm khoảng 300 phòng học; phấn đấu 50% số xã có Trung tâm giáo dục cộng đồng. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 21%. Đầu tư trang thiết bị hiện đại cho 2 bệnh viện tỉnh. Nâng mức hưởng thụ văn hóa lên 24,5 lần/người; phát triển thêm 1% số gia đình, 2% số thôn, ấp, khu phố văn hóa và 10 xã

văn hóa; xây dựng nhà bảo tàng và tôn tạo công trình Di tích Lịch sử cách mạng Nhà tù Côn Đảo. Giải quyết việc làm cho 24 400 lao động, tạo việc làm mới cho 9 500 lao động, xuất khẩu 2 000 lao động; phát triển và củng cố các trường dạy nghề, mở rộng các hình thức đào tạo nghề: chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản. Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 3,7%, đặc biệt chú trọng xóa nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong năm 2004, tỉnh sẽ tập trung thực hiện các **chương trình mục tiêu**:

- Các đề án phục vụ cho công tác chăm sóc trẻ em.
- Đề án xóa đói giảm nghèo.
- Đề án xuất khẩu lao động.
- Chương trình giống cây trồng vật nuôi.
- Dự án rau sạch, rau an toàn và kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Đề án hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số.
- Dự án hoàn chỉnh số hóa chính lý cập nhật biến động bản đồ địa chính và hồ sơ địa chính huyện Long Đất.
- Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2020.
- Đề án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh.
- Chương trình đào tạo nguồn nhân lực và kế hoạch đào tạo thường xuyên.

Với nhận thức mới, quyết tâm mới, Đảng bộ và nhân dân Bà Rịa - Vũng Tàu không ngừng đoàn kết phấn đấu, phát huy thành quả đã đạt được trong 10 năm xây dựng tỉnh, vượt qua các khó khăn, thử thách, quyết tâm đạt nhiều thành tích to lớn hơn nữa trong giai đoạn đến năm 2005 và trong thập kỷ đầu thế kỷ XXI, xứng đáng là tỉnh cửa ngõ ra Biển Đông của các tỉnh Đông Nam Bộ, trở thành một trong những tỉnh mạnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước, đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

HÀ NỘI

đẩy mạnh thi đua yêu nước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa

NGUYỄN QUỐC TRIỆU*

SINH thời, Bác Hồ kính yêu rất quan tâm đến công tác thi đua - khen thưởng. Người dạy: *"Thi đua là yêu nước! - Yêu nước phải thi đua!"*. Qua các thời kỳ cách mạng, thi đua - khen thưởng đã tỏ rõ là một công cụ quan trọng, góp phần làm nên thắng lợi vĩ đại của cả nước nói chung và của Thủ đô Hà Nội nói riêng.

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước. Nhiều năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo của Nhà nước, được sự cộng tác chí tình của các bộ, ngành trung ương, sự hợp tác thân thiện của nhiều tỉnh, thành phố bạn, Hà Nội luôn quan tâm thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, tháng 10-2003, phần viết về Hà Nội có đoạn: *"Thủ đô Hà Nội vốn có truyền thống luôn là một trong những địa phương đi đầu trong cả nước về tổ chức phong trào thi đua ở nhiều lĩnh vực khác nhau"*. Hà Nội xin cảm ơn và trân trọng những đánh giá quý báu ấy, và cố gắng phấn đấu giữ vững thành quả đó.

Thật sự, đã có thời gian những năm cuối 80 đầu 90, khi nền kinh tế đang chuyển đổi, đã xuất hiện nhận thức lệch lạc, xem nhẹ công tác thi đua - khen thưởng, lơ là lỏng tổ chức và quản lý thi đua - khen thưởng. Chỉ thị của Bộ Chính trị số 35/CT-TW, ngày 3-6-1998, về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới đã kịp thời uốn nắn những nhận thức chưa đúng, theo đó chấn chỉnh tổ chức và quản lý thi đua - khen thưởng. Chỉ một tháng sau,

ngày 20-7-1998, Thành ủy Hà Nội ban hành Kế hoạch số 33/KH-TU về chỉ đạo việc triển khai và tổ chức thực hiện Chỉ thị 35/CT-TW. Ủy ban nhân dân Thành phố ra văn bản hướng dẫn việc triển khai các chủ trương của trung ương và Thành ủy về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng; thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố và ở các ngành, các cấp; ban hành các quy định về tiêu chuẩn danh hiệu, hình thức khen thưởng. Theo đó, mỗi ngành, cấp cụ thể hóa một cách phù hợp với đặc điểm của ngành, cấp mình. Ngày 24-10-1998, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức Hội thảo: *"Đổi mới công tác thi đua - khen thưởng của Thành phố Hà Nội trong giai đoạn mới"*. Ban Tuyên giáo Thành ủy phối hợp với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố khảo sát thực tế, xây dựng đề án: *"Đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa"*.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII (nhiệm kỳ 2001 - 2005) của Đảng bộ Thành phố, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố cùng xác định:

* Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội

"Tổ chức phong trào thi đua sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân là một giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội". Điều đáng chú ý là, nhân dịp Thành phố được trao tặng danh hiệu: "*Thủ đô Anh hùng*", cũng là thời điểm mở đầu thế kỷ và thiên niên kỷ mới, Hà Nội phát động phong trào thi đua: "*Phát huy truyền thống Thủ đô Anh hùng - 1000 năm văn hiến, xây dựng Thủ đô văn minh - thanh lịch - hiện đại*". Đây là phong trào thi đua lớn, lâu dài, bao hàm nhiều lĩnh vực; là cơ sở để đánh giá, xếp hạng thi đua hằng năm đối với tất cả các ngành, các cấp. Đồng thời, dựa theo đó, mỗi ngành, mỗi cấp cụ thể hóa thành các phong trào thi đua bộ phận tương xứng, thích hợp.

Trên cơ sở đó, định kỳ hằng năm, Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố mở hội nghị chuyên đề về thi đua - khen thưởng, ghi nhận những kết quả thành tích, bổ khuyết thiếu sót, uốn nắn lệch lạc, định hướng chỉ đạo thúc đẩy phong trào phát triển liên tục và đạt hiệu quả ngày càng cao hơn. Nhờ sự quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị 35/CT-TW một cách khẩn trương, nghiêm túc, sâu rộng, các phong trào thi đua của Hà Nội diễn ra liên tục, thiết thực, toàn diện; khen thưởng đúng người, đúng việc, kịp thời, mang lại kết quả tốt, động viên mạnh mẽ lòng hăng hái, nhiệt tình của nhân dân Thủ đô trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Qua 4 năm (1999 - 2002), Thành phố có 32,4 vạn cá nhân, đơn vị được khen thưởng dưới các hình thức; trong đó có 291 Huân chương, 465 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 9 904 Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố, 6 Anh hùng Lao động, 25 952 Chiến sĩ thi đua các cấp. Có những tập thể thi đua xuất sắc, tiêu biểu như: quận Ba Đình; huyện Từ Liêm; Công ty Kim khí Thăng Long, Công ty Cơ điện Trần Phú, Công ty Khóa Việt Tiệp, Công ty thiết bị chiếu sáng đô thị, Công ty Đầu tư khai thác Hồ Tây, Công ty Du lịch Hà Nội, Công ty trách nhiệm hữu hạn máy tính C.M.C; Trường Trung học phổ thông Hà Nội Am-xtéc-đam; Trường Mẫu giáo Chim non; Bệnh viện Phụ sản, Trung tâm Dưỡng lão Hà Nội, v.v..

Công tác thi đua - khen thưởng ở Hà Nội đã góp phần thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở. Thành phố đã khen thưởng 40 tổ chức và cá nhân là người nước ngoài với danh hiệu "*Vì sự nghiệp xây dựng Thủ đô*"; đồng thời, đón nhận 451 huân chương, huy chương của nước bạn Lào khen thưởng các tập thể và công dân Thủ đô.

Hoạt động thi đua - khen thưởng đã góp phần quan trọng để Thủ đô đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đạt được những thành tựu ổn định và ngày càng phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội. Năm 2002, Hà Nội đạt mức tăng trưởng GDP là 10,3% (cả nước tăng 7,0%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 10,2%). Ở Hà Nội, cứ 100 người dân có 25,4 máy điện thoại, trong khi đó, cả nước là 6,9 máy, Thành phố Hồ Chí Minh đạt 18,9 máy. Tỷ lệ sinh con ở Hà Nội đã giảm xuống 14,65‰, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 3%; hơn 40% số phường, xã thực hiện không có người mới mắc nghiện ma túy. Hà Nội thực hiện một năm cao điểm xây dựng Thủ đô văn minh - thanh lịch, hướng tới Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 và Đại hội thể thao Người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 2, xây dựng hàng chục công trình thể thao văn hóa mới, chỉnh trang nhiều tuyến phố, góp phần quan trọng để các Đại hội trên diễn ra an toàn trong tinh thần đoàn kết, hợp tác vì hòa bình và phát triển. Đây là một cố gắng hết sức lớn lao và là kết quả của khí thế hăng say lao động không mệt mỏi của Hà Nội trong năm 2003 lịch sử này.

Từ thực tiễn phong trào thi đua - khen thưởng ở Hà Nội trong 4 năm qua, cho phép ta nhận định rằng: ở tất cả các thời kỳ, giai đoạn cách mạng, lời Bác Hồ kính yêu: "*Thi đua là yêu nước! - Yêu nước phải thi đua!*" luôn có giá trị chân lý quý báu. Ở đâu và lúc nào cũng cần thiết động viên, nêu cao tinh thần yêu nước, thiết thực hành động thi đua yêu nước. Thi đua - khen thưởng là một trong những biện pháp quan trọng để lãnh đạo, tập hợp, động viên tập thể và cá nhân cùng hướng vào mục tiêu chung, thống nhất lợi ích, tư tưởng và hành động. Trong thời kỳ đổi mới, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thi đua - khen thưởng tiếp tục là một hình thức thích hợp, hữu hiệu,

khơi dậy những mặt tốt, tích cực; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện xấu, tiêu cực. Thi đua - khen thưởng còn là một công cụ quan trọng để thúc đẩy thực hiện việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; là thước đo công khai, nhiều tác dụng để đánh giá, biểu dương, hoặc phê phán, uốn nắn cán bộ, đảng viên cũng như các tổ chức đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác thi đua - khen thưởng thời gian qua ở Hà Nội cũng còn bộc lộ nhiều yếu kém, bất cập, cần khắc phục. Nhiều nơi, nhiều lúc còn nặng về hình thức, nặng về các thủ tục hành chính - khen thưởng hơn công tác tổ chức thi đua. Bệnh thành tích vẫn tồn tại ở một số ngành, lĩnh vực, địa phương. Phong trào phát triển chưa đồng đều; ở những vùng sâu - xa, các lĩnh vực và địa bàn khó khăn, phức tạp còn nhiều yếu kém. Khen thưởng ở cấp cơ sở thường có hiện tượng xuê xoa, cào bằng, luân phiên, kiểu *"hoa thơm cùng hưởng"*, không phản ánh đúng người, đúng việc xứng đáng được khen thưởng. Việc đề nghị khen thưởng nhân ngày truyền thống, ngày thành lập cơ quan, đơn vị có xu hướng gia tăng mà không vì công trạng, thành tích nổi trội. Chúng ta phát triển nền kinh tế nhiều thành phần đã gần hai chục năm nhưng vấn đề thi đua - khen thưởng vẫn theo *"quán tính"* nghiêng về khu vực nhà nước. Cụ thể, trong 32,4 vạn trường hợp được khen thưởng vừa qua, khu vực nhà nước chiếm 29,3 vạn, ước 90,4%; phần ngoài khu vực nhà nước chỉ là 3,1 vạn, đạt 9,6%. Riêng các mức khen cao (Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ), khu vực nhà nước chiếm 98,7%; khu vực ngoài nhà nước chỉ chiếm 1,3%. Vẫn còn hiện tượng nghiêng về khen thưởng tập thể để được *"vui vẻ cả làng"* hơn là đi sâu sát phát hiện, khen thưởng những cố gắng, thành tích cá nhân. Cũng trong các mức khen thưởng cao, tập thể chiếm 61,9%; cá nhân chỉ chiếm 38,1%. Một số trường hợp đề nghị khen thưởng theo kiểu *"ân huệ chính sách"*, ưu đãi cho những *"lão làng"*, *"cây đa, cây đề"*, thậm chí cho đối tượng thân quen hoặc vì những mục tiêu không trong sáng; không tạo được tác dụng tích cực ngay ở cơ sở, ngành, lĩnh vực; chưa chế định

khen thống nhất với thưởng. Nhiều trường hợp phần thưởng của cấp ra quyết định khen chỉ là tượng trưng, cấp dưới phải *"bù"*, thậm chí tách bạch: *"trên khen - dưới thưởng"*.

Nhằm phát huy thành tích, ưu điểm; hạn chế, khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Thủ đô, cần nhấn mạnh một số bài học sau:

1 - Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác thi đua - khen thưởng cần có hình thức chung nhất để mọi tổ chức, cá nhân có thể tham gia. Trong khen thưởng, cần coi trọng những thước đo giá trị của kinh tế như: hàng hóa, dịch vụ chất lượng cao; tăng thị phần; xuất khẩu khối lượng lớn, thị trường mới; mức nộp ngân sách; phát triển doanh nghiệp. Đối với đơn vị, nhất là những nơi có đông dân cư, khi khen thưởng cần chú ý đến quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo đảm công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Đối với vùng nghèo, người nghèo, càng phải chú ý đến việc bảo đảm lợi ích vật chất, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống.

2 - Việc tổ chức thi đua - khen thưởng phải bảo đảm hội đủ các điều kiện: a- Có nội dung, mục tiêu rõ ràng; b- Có tiêu chuẩn, công cụ đo tính, đánh giá kết quả thực hiện; c- Có tính khả thi, hay tiếp cận được; d- Có lịch trình theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết; đ- Tính thời gian rõ ràng, có bước đi, tiến độ cụ thể.

3 - Kiện toàn, đổi mới bộ máy chuyên trách thực hiện công tác thi đua - khen thưởng. Đặc biệt chú ý đổi mới theo tinh thần cải cách hành chính, đồng bộ cả 4 khâu (thể chế, bộ máy, công chức, tài chính công) từ Thành phố đến các ngành, cấp, cơ sở.

4 - Luôn luôn ghi nhớ, thi đua yêu nước là một truyền thống quý giá và có tiềm năng vô cùng to lớn trong toàn thể nhân dân ta nói chung và nhân dân Thủ đô Hà Nội nói riêng. Các cấp, các ngành không ngừng nâng cao trách nhiệm, tìm tòi mọi biện pháp để gìn giữ, phát huy truyền thống tốt đẹp của mình, nhằm thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

Phim truyện lịch sử hướng tới 1000 năm **THĂNG LONG - HÀ NỘI**

HẢI NINH*

1 - Đôi điều suy ngẫm

Ban Chỉ đạo quốc gia kỷ niệm 1000 năm Thăng Long đã phát động cuộc thi sáng tác kịch bản phim truyện lịch sử Thăng Long - Hà Nội lần thứ nhất trước đông đảo các nhà lịch sử, nhà Hà Nội học, nhà văn, nhà báo, các nhà điện ảnh và truyền hình cả nước. Đối với điện ảnh - đặc biệt là phim truyện - có lẽ đây là lần đầu tiên được đánh giá đúng vị trí, vai trò một loại hình nghệ thuật có nhiều khả năng nhất trong việc tái tạo lịch sử.

Có nhiều hình thức văn hóa, thể loại văn học, nghệ thuật để phản ánh lịch sử. Mỗi thể loại đều có ngôn ngữ riêng của mình, song chỉ có phim truyện mới có khả năng tái tạo quá khứ để người ta có thể nhìn thấy bằng mắt, cảm nhận trực tiếp và đầy đủ về hình ảnh, âm thanh, hội họa, kiến trúc, âm nhạc trong một nghệ thuật tổng hợp sinh động như chính cuộc sống. Vì vậy, nó có sức truyền cảm mạnh mẽ, giúp cho các thế hệ mai sau tiếp nhận một cách sâu sắc cội nguồn của dân tộc trong mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, từ thời các vua Hùng cho đến thời đại Hồ Chí Minh.

Trong giai đoạn khó khăn của thời chống Mỹ cứu nước, có một lần cố Tổng Bí thư Trường Chinh nói chuyện với một số anh chị em

văn nghệ sĩ điện ảnh về những chiến công thần kỳ của vua, quan, quân dân thời Trần và lấy làm tiếc ngày ấy chưa có điện ảnh như bây giờ để có thể ghi lại những chiến công oanh liệt trên sông Bạch Đằng, tinh thần bất khuất của quân sĩ đã tự khắc vào tay mình hai chữ "Sát Thát", thể hiện ý chí chiến đấu kiên cường của một dân tộc đã ba lần đánh thắng quân Nguyên - Mông. Anh chị em nghệ sĩ điện ảnh lĩnh hội được ý tứ của cố Tổng Bí thư Trường Chinh là hãy sáng tạo nên những tác phẩm xứng đáng với tầm vóc lịch sử của đất nước. Tất cả những trang sử vàng ấy chỉ có thể được lưu giữ trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật, trong nền văn hoá của dân tộc. Đây là mới đề cập đến một triều đại nhà Trần. Còn làm thế nào thấy được An Dương Vương xây thành Cổ Loa, tấn bi kịch cầu hôn qua chuyện tình của Trọng Thủy - My Châu; Lý Công Uẩn dời đô từ cố đô Hoa Lư về Thăng Long xây dựng một quốc gia Đại Việt hùng mạnh. Lý Thường Kiệt phá tan âm mưu xâm lược của quân thù trong trứng nước, lập phòng tuyến sông Như Nguyệt để chặn giặc, đánh bại quân Tống; làm thế nào để thấy được cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi - Nguyễn Trãi với "Bình Ngô đại cáo", lấy chính nghĩa thắng hung tàn, chém tướng Liễu Thăng ở ải Chi Lăng, vây hãm Vương Thông ở thành Đông Quan, buộc chúng phải đầu hàng; làm thế nào thấy được cuộc hành quân thần tốc, táo bạo của Nguyễn Huệ, giữa mùa 5 tết Kỷ Dậu đã tiêu diệt 20 vạn quân của Tôn Sĩ Nghị giải phóng kinh thành Thăng Long; và những chiến công mở nước của các triều đại Tây Sơn, nhà Nguyễn sau này...

Ngay cả trong lịch sử hiện đại, một sự kiện vĩ đại đã diễn ra trong ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh

* Đạo diễn điện ảnh. Nghệ sĩ Nhân dân

nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam cũng chỉ được ghi lại trong vài bức ảnh, hay trong những thước phim tư liệu ít ỏi và mờ ảo.

Lịch sử đang giao cho chúng ta trách nhiệm chuyển tải các giá trị lịch sử, văn hóa hàng ngàn năm đến đời sau để mọi người có thể cảm nhận được những biến cố lịch sử, nhận dạng đất nước qua từng thời đại, những lâu đài, thành quách, cung điện, làng mạc dân cư dưới các triều đại phong kiến, cho đến những công trình xây dựng hiện đại làm cho dân giàu, nước mạnh dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

Người ta ví Hà Nội như "người đẹp ngủ trong rừng", ẩn giấu trong mình bao điều bí ẩn, những tinh hoa văn hóa dân tộc, những vòng hào quang lịch sử hiển hách, những vẻ đẹp huyền diệu... Liệu chúng ta có đánh thức được giấc ngủ ấy của nữ thần để thu vào ống kính điện ảnh những vẻ đẹp của Hà Nội chưa một lần được thể hiện trên màn ảnh đúng với lịch sử vốn có của nó. Hà Nội của chúng ta không đẹp như bây giờ, nếu không có một quá khứ lịch sử huy hoàng. Đây là chưa nói đến những anh hùng dân tộc, những nhà văn hoá kiệt xuất của đất ngàn năm văn hiến như: Nguyễn Bình Khiêm, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, những thần Siêu, thánh Quát, những nhà thơ sống mãi với thời gian như: Đoàn Thị Điểm, Đặng Trần Côn, Hồ Xuân Hương, bà Huyện Thanh Quan... mà cuộc đời, sự nghiệp của họ đã cống hiến cho nền văn hóa dân tộc sẽ là những tác phẩm điện ảnh giữ lại cho đời sau. Một triết gia nói: *Linh hồn chính là quá khứ*. Vì khi nói đến một cái hồn của một thành phố là người ta nghĩ đến quá khứ của thành phố đó. Thực chất 1000 năm Thăng Long là cái cốt lõi sáng tạo của trí tuệ và tâm hồn người Hà Nội được tiếp nối từ đời này sang đời khác, để tạo nên vẻ đẹp cho Hà Nội. Một Hà Nội vừa thơ mộng, vừa hiện đại và ngày nay đang là điểm hẹn của bạn bè quốc tế đến với một thành phố hòa bình của thế giới.

Lâu nay, vấn đề phim lịch sử đang trở thành một yêu cầu tình cảm của mọi người, mọi tình yêu non sông đất nước trong đời sống của những người Hà Nội và các nơi trên đất nước. Khai thác những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, kể cả những giá trị trong đời sống tâm linh của người Việt Nam xưa và nay, để tạo nên những giá trị nhân văn sâu sắc, một tâm hồn cao đẹp, một vẻ đẹp thanh lịch và hiện đại, một giá trị đạo đức là công việc của mọi người, song trước tiên là của các nhà lãnh đạo, các nhà văn hóa, lịch sử, những người sáng tạo ra các tác phẩm văn học, nghệ thuật để lại cho đời sau. Chúng ta đang làm một công việc mang đầy ý nghĩa vào những năm đầu của thiên niên kỷ mới, chính là chuẩn bị cho con người Việt Nam - Hà Nội phát triển suốt 1000 năm.

2 - Tiếp thu, kế thừa tinh hoa phim truyện lịch sử thế giới

Phim truyện lịch sử có những niêm luật, ngôn ngữ, màu sắc riêng của nó. Nhìn bằng con mắt nghiên cứu, tham khảo những bộ phim lịch sử thành công trên thế giới như: Ben Hua, Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát (Mỹ); Chiến tranh và Hòa bình, Đại đế Pi-ôt (Nga); Hoàng đế Na-pô-lê-ông (Pháp); Hăm-lét (Anh); hay các phim Trung Quốc gần đây như Tần Thủy Hoàng, Tam quốc chí, Thủy hử... Tuy các tác phẩm thuộc lịch sử các quốc gia khác nhau nhưng đều có những đặc điểm chung về thể loại. Các đề tài thường được khai thác từ những cuộc chinh phạt giành quyền uy và lãnh thổ giữa các quốc gia, dân tộc; sự chiếm đoạt đất đai, của cải, nô lệ; đề tài về tình yêu và bạo lực, nhân cách, nhân phẩm lương tri con người; những mưu đồ bá chủ thiên hạ... song bao giờ chính nghĩa cũng thắng phi nghĩa, cái thiện thắng cái ác. Một đặc điểm khác của thể loại phim lịch sử là tính đồ sộ, quy mô, hoành tráng. Những tác phẩm điện ảnh mang phong cách sử thi cũng giống như những pho sử giúp cho người xem thấy được những biến cố lớn lao, những bước ngoặt lịch sử, số phận dân tộc, con người trong

các cuộc đấu tranh sinh tồn; thấy được tầm vóc đất nước và con người qua từng thời đại. Vì vậy, phim lịch sử trước tiên đòi hỏi sự công phu, chân thật lịch sử, không ai có quyền vo tròn, bóp méo, to biến thành nhỏ và ngược lại.

Để có những thông tin tối thiểu về tính quy mô hoành tráng của loại phim này, chúng ta cũng cần có một cái nhìn ra bên ngoài. Ngay từ những năm đầu thế kỷ XX đạo diễn Gơ-ríp-phít (Mỹ) đã làm một bộ phim về đế chế Ba Tư lấy tên là "Thiếu khoan dung". Ông đã cho xây một toà thành khổng lồ, có chiều cao bằng ngôi nhà 4 tầng, mặt thành đủ rộng cho 2 xe tứ mã đi lại tránh nhau. Bao quanh toà nhà là những ngọn tháp cao 70 m, cao nhất là tháp Ba-bi-lon. Để thấy được đội quân Ba Tư đông đến 16 000 người, các nhà làm phim phải đặt máy quay trên khinh khí cầu để ghi hình. Để chuyên chở vật liệu, người đi lại, tiếp tế lương thực người ta phải làm một con đường xe lửa từ thành phố đến trường quay, hằng ngày tiêu phí 12 000 đô-la thời ấy.

Trong lịch sử điện ảnh thế giới có nhiều đề tài được thực hiện nhiều lần như Ham-lét, Ô-ten-lô, riêng bộ phim Cờ-lê-ô-pát được làm tới 5 lần. Nhưng phải đến bộ phim của đạo diễn Dô-dép Man-ki-ê-vích mang tên "Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát" mới được gọi là kiệt tác. Đạo diễn Dô-dép Man-ki-ê-vích đã cho xây hải cảng A-lếch-xăng-đơ của Ai Cập trên đất I-ta-li-a cách Rô-ma không xa; cho làm lại như thật chiếc du thuyền của nữ hoàng lộng lẫy như một lâu đài nổi trên sông Nin. Để phô trương sức mạnh thần thánh của đế chế La Mã đã chiến thắng Ai Cập và các nước vùng Trung Đông giàu có, rộng lớn, các họa sĩ thiết kế mỹ thuật đã phải xây dựng lại toàn cảnh quảng trường thời La Mã cổ đại để cho hàng ngàn diễn viên quần chúng gồm các đoàn quân chiến thắng đầy đủ binh khí của các binh chủng, những màn trình diễn của các đội kỵ binh, những bày vũ nữ... đặc biệt là hình tượng con nhân sư khổng lồ của Ai Cập bị đế quốc La Mã

khuất phục. Trên lưng con nhân sư chở hai "tù binh" là nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát và đứa con trai - đứa con ấy cũng là hậu quả của sự chiếm đoạt mỹ nhân Cờ-lê-ô-pát của Xê-đa trong cuộc chinh phạt Ai Cập. Đỉnh điểm của sự đồ sộ, quy mô và hoành tráng của bộ phim này phải kể đến trận thủy chiến giữa tướng Ăng-tô-ny và Ốc-ta-vi-ăng với hàng trăm chiến thuyền bọc sắt hung dữ như những con thủy quái khổng lồ trong một trận huyết chiến khốc liệt trên mặt biển.

Xem những bộ phim kinh điển đó của thế giới làm chúng ta liên tưởng tới những tài sản vô cùng quý báu trong kho tàng văn hóa của dân tộc ta, như chiến thắng Bạch Đằng Giang với tướng Trần Hưng Đạo, chuyện tình lịch sử My Châu - Trọng Thủy thời An dương Vương... Đứng về mặt lịch sử và thời đại, lòng hiếu hòa, đức khoan dung và độ lượng của dân tộc ta trong thời lập nước vẫn còn là vấn đề thời sự nóng hổi. Câu chuyện My Châu - Trọng Thủy lại diễn ra một cách hấp dẫn, đầy kịch tính của một âm mưu chính trị thông qua hôn nhân. Tầm vóc của một tác phẩm điện ảnh nếu làm hay sẽ không hề thua kém câu chuyện nữ hoàng Ai Cập. Tư tưởng lớn của tác phẩm lại chính là vấn đề nhân văn, nhân đạo, bản chất tốt đẹp của một dân tộc hiếu hòa, mặt khác là một bài học mất nước, mất cảnh giác với quân thù, và ngay cả trong tình yêu dẫn đến cái chết đầy bi thảm của cha và con, vợ và chồng.

Những thông tin ấy giúp cho chúng ta một cái nhìn đúng đắn về thể loại phim này, hình dung được quy mô của một công trình nghệ thuật, đặc biệt đối với các nhà điện ảnh Việt Nam là xác định được một quan niệm nghề nghiệp nghiêm túc, chính quy và chuyên nghiệp.

Đương nhiên sự tiếp thu, kế thừa tinh hoa nhân loại không cùng nghĩa với bắt chước, giáo điều, tách rời thực tế của đất nước mình. Một bộ phim lịch sử đầu tư lớn hay nhỏ là tùy thuộc vào sức chứa nội dung kịch bản phản ánh sự kiện nào, thời đại nào, nhân vật nào trong lịch sử. Những

sự kiện lịch sử vĩ đại không thể giải thích bằng ý nghĩa mà phải được nói bằng hình tượng nghệ thuật, ngôn ngữ điện ảnh.

Đề tài lịch sử không bao giờ đồng nghĩa với quan niệm "hoài cổ". Bên cạnh sự khẳng định và tôn vinh giá trị của quá khứ, còn là sự khám phá, phát hiện những điều bí ẩn mà mình chưa biết đến, chưa hiểu hết để khai thác, lấy cái cổ đại bổ sung cho cái hiện đại, tạo nên một dòng chảy lịch sử trong huyết thống của người dân Việt Nam từ đời này đến đời khác, và chính đây là sức mạnh bất khả chiến bại trước mọi kẻ thù dân tộc. Người sáng tác phải biết trân trọng, kế thừa, biến hóa trong sáng tạo phù hợp với hoàn cảnh và thời đại.

Chúng tôi đã có dịp chuyển tiểu thuyết "Đêm hội Long Trì" của cố nhà văn Nguyễn Huy Tưởng sang bộ phim dài 2 tập cùng tên (phim nhựa). Thực ra chuyện xưa kể về cuộc tình ái giữa một ông chúa hào hoa - Trịnh Sâm - và hai người đàn bà đẹp Tuyên phi Đặng Thị Huệ và Dương Thái Phi. Nhưng trong câu chuyện xưa ấy lại có nét rất hiện đại mà cuộc sống ngày nay cũng không thiếu. Đó là những âm mưu tranh ngôi, cướp vị, kéo bè, kéo cánh, để cho bọn tham quan ô lại thao túng triều đình, dẫn đến sự hỗn loạn trong xã hội. Tiêu biểu cho cái ác là tên vô lại Đặng Lân bất chấp luật vua, phép nước, hoành hành giữa thanh thiên bạch nhật ở kinh thành. Tên Đặng Lân xưa và Năm Cam hiện nay có khác gì nhau về bản chất? Và tất nhiên lưỡi gươm công lý phải ra tay. Lây xưa nói nay, không đơn thuần là ngồi ngắm một chiếc lọ cổ.

3 - Tìm những bước đi cho phim lịch sử

Có thể nói, chưa bao giờ Nhà nước ta có được hai loại "công cụ" sắc bén như bây giờ. Đó là điện ảnh và truyền hình. Mỗi loại hình đều có thế mạnh riêng. Với ngôn ngữ màn ảnh nhỏ và tính phổ cập rộng rãi của truyền hình có thể xây dựng những bộ phim dài nhiều tập. Đặc biệt đối với đề tài lịch sử truyền hình đang ẩn chứa một tiềm năng vô cùng to lớn, phổ cập nhanh nhạy rộng

lớn, có thể đem ánh sáng văn hóa đến các vùng sâu, vùng xa, núi cao, biển khơi, hay bất cứ một nơi nào trên đất nước. Chúng ta có thể biến toàn bộ lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc, 1000 năm Thăng Long - Hà Nội thành một bộ sử thi đồ sộ bằng hình ảnh. Cơ sở văn học của nó chính là lịch sử Việt Nam từ thời các vua Hùng lập nước cho đến thời đại Hồ Chí Minh. Lâu nay, chúng ta còn lúng túng về cách tổ chức, khai thác khơi nguồn và tạo dòng chảy.

Có nhiều cách để chuyển tải bộ sử thi đó. Đối với các phim truyền hình ngắn hai ba tập thì có thể làm như lâu nay. Song có lẽ thích hợp với thể loại này là hình thức "Câu chuyện truyền hình" chuyển tải bằng hình ảnh là chủ yếu, nhưng không coi nhẹ "lời kể chuyện". Những vấn đề lịch sử phức tạp còn nằm trong vòng bí ẩn chưa thể nói hết bằng hình ảnh, nhưng cần tính khúc triết, rành rõ về con người, sự kiện thì thủ pháp kể chuyện bình luận đang là một ngôn ngữ truyền hình thông dụng trên màn ảnh nhỏ quốc tế.

Điện ảnh có cách đi khác. Điện ảnh, đặc biệt là phim truyện - một loại hình nghệ thuật (nghệ thuật thứ 7). Chức năng của truyền hình là thông tin - trong đó có thông tin văn học - nghệ thuật như một trang văn nghệ của một tờ báo hình.

Thời gian để người xem cảm thụ một tác phẩm điện ảnh như xem một vở kịch trên sân khấu. Vì vậy, nó đòi hỏi tính hàm súc, cô đọng và chất lượng nghệ thuật cao bằng những đặc thù của ngôn ngữ màn ảnh lớn, không thể kéo dài nhiều tập như truyền hình. Có thể dành cho điện ảnh phản ánh những biến cố lịch sử lớn lao, những điển hình của thời đại, những bước ngoặt, những cái mốc của lịch sử. Sức hấp dẫn của phim truyện là nó có thể tái tạo lại lịch sử, những cung điện, lâu đài, thành trì, đền đài, miếu mạo, cộng đồng dân cư. Những chiến công vĩ đại của dân tộc trong từng thời kỳ, có thể đưa người ta ngược dòng thời gian từ thời hồng hoang cho tới hiện đại, kể cả những truyền thuyết, cổ tích, giả tưởng,

viễn tưởng. Chúng ta cần nhìn nhận một cách khách quan về sự đồ sộ, tính quy mô, hoành tráng của thể loại phim này. Vì nó không thể dựa vào quang cảnh hiện tại, mà phải tái tạo toàn bộ lịch sử. Nhìn chung phim truyện lịch sử có nhiều dạng, song có thể chia thành ba loại:

- *Loại thứ nhất*, chuyện về đề tài "thâm cung bí sử" như Hăm-lét, Ô-ten-lô, Từ Hy Thái Hậu, Tể tướng Lưu Gù... Thể loại này hạn chế được quy mô sản xuất vì truyện phim thường diễn ra trong các cung điện, được dựng lại trong các trường quay, hoặc sử dụng các di tích lịch sử phù hợp với nội dung, niên đại. Vì phải tạo một cuộc sống vương giả trong lầu son gác tía, cho nên cái khó của nó trong trang trí nội thất phải chuẩn xác từng niên đại, lộng lẫy và tinh tế. Các sự kiện lịch sử thường được thể hiện qua thoại nhân vật, lời tác giả, do đó hạn chế được phần tốn kém xây dựng thành quách, tổ chức trận mạc.

- *Loại thứ hai*, những câu chuyện xảy ra trong cung điện là chính, nhưng được phụ họa với những sự kiện diễn ra ở bên ngoài để minh họa cho hành động của nhân vật, làm sáng tỏ nội dung chủ đề như: *Đông chu liệt quốc*, *13 triều đại nhà Thanh*, *Binh pháp Tôn Tử*... Những cuộc hành quân, các trận đánh mang tính chất tượng trưng, làm nền minh họa cho các tính cách nhân vật, diễn biến sự kiện.

- *Thể loại thứ ba*, chiến tranh trực tiếp giữa các triều đại, giữa các quốc gia thì phức tạp hơn rất nhiều như những bộ phim lịch sử các nước trên thế giới *Tam quốc chí*, *Thủy Hử*, *Chiến tranh và Hòa bình*, *Sự sụp đổ của đế quốc La Mã*... Đối với lịch sử Việt Nam, chúng ta phải dựng lại trận thủy chiến chống quân Nguyên trên Bạch Đằng Giang của Trần Hưng Đạo, trận đại phá quân Thanh giải phóng kinh thành Thăng Long của Nguyễn Huệ, chiến thắng Điện Biên Phủ và chiến dịch Hồ Chí Minh.

Thực hiện những công trình nghệ thuật to lớn như vậy phải có sự chỉ đạo, tổ chức thật chặt chẽ.

Có hai công đoạn quan trọng của loại công trình nghệ thuật đồ sộ này. *Một là*, đầu tư cho kịch bản văn học. *Hai là*, xây dựng bộ phim. Để có một kịch bản hay cần tập trung những nhà lịch sử, nhà văn, nhà biên kịch và đạo diễn có khả năng và uy tín thành một tổ sáng tác, cùng nghiên cứu trao đổi, đề xuất, chọn lựa sự kiện và nhân vật lịch sử. Ở nhiều nước, những bộ phim phải đầu tư lớn người ta thường đặt hàng cho ba tác giả (hoặc nhóm tác giả) cùng viết, đều trả tiền nhuận bút như nhau, nhưng sau khi hoàn chỉnh kịch bản nào xuất sắc nhất mới được đưa vào sản xuất. Kịch bản văn học là khâu đầu quan trọng, không có nó sẽ không có bộ phim. Sự tốn kém ở khâu đầu tiên này không đáng kể so với giá trị của một bộ phim sau đó. Đây cũng là một phương pháp phá thế độc canh trong cách tổ chức kịch bản lâu nay: mọi người luôn bị ràng buộc vào một kịch bản yếu kém, sửa đi, sửa lại nhiều lần mà vẫn dở, cuối cùng đành chấp nhận đưa vào sản xuất với nhiều "lý do" khác nhau để cho ra đời một bộ phim tồi.

Nhiều người cho rằng tổ chức thi kịch bản về đề tài lịch sử trong thời gian một năm để phục vụ cho 1000 năm Thăng Long hiện nay là quá vội vàng, thiếu cơ sở để cho ra đời một kịch bản chất lượng và có giá trị nhiều mặt. Để hoàn thành bộ tiểu thuyết Hồ Quý Ly, nhà văn Nguyễn Xuân Khánh phải miệt mài lao động sáng tác trong 20 năm. Đương nhiên, mỗi người làm theo cách của mình, song cần một thời gian nghiên cứu, thai nghén hợp lý ít nhất là 2 năm để cho ra đời một kịch bản lịch sử.

Các nhà lịch sử, nhà văn, nhà điện ảnh, các nghệ sĩ đều đang hướng về ngày lễ trọng 1000 năm Thăng Long - Hà Nội; đồng thời cũng đang hướng về một chủ trương thường xuyên và lâu dài nằm trong chiến lược văn hóa của Đảng và Nhà nước là sử dụng vai trò điện ảnh và truyền hình như một vũ khí sắc bén trong sự phát huy truyền thống mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam. □

QUÁ ĐỘ DÂN SỐ Ở VIỆT NAM

PHẠM BÍCH SAN *

QUÁ độ dân số, hiểu một cách tổng quát, là sự chuyển đổi dân số từ tình trạng cân bằng dân số truyền thống, lãng phí với mức sinh cao, mức chết cao và mức gia tăng dân số thấp sang trạng thái cân bằng dân số hiện đại, tiết kiệm với mức sinh thấp, mức chết thấp và mức gia tăng dân số thấp.

Hai trạng thái cân bằng dân số này có sự khác nhau về bản chất: trong trạng thái truyền thống, nhân loại phải tốn rất nhiều năng lượng và công sức cho yêu đương và sinh đẻ (với những đầu tư rất tốn kém cho mang thai, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục) để có thể duy trì và phát triển dân số ở mức rất thấp; trong khi, với trạng thái hiện đại, người ta chỉ phải đẻ một số rất ít con (với những đầu tư không nhiều cho mang thai, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục) nhưng cũng đã có thể duy trì và phát triển nòi giống của mình. Tuy nhiên, trạng thái thứ nhất tồn tại phổ biến ở mọi quốc gia từ xưa và cho đến bây giờ vẫn còn hiện hữu ở rất nhiều dân tộc; trong khi, trạng thái thứ hai xuất hiện và tồn tại mới được khoảng hơn một nửa thế kỷ qua và cũng mới chỉ có ở một số dân tộc, một số quốc gia.

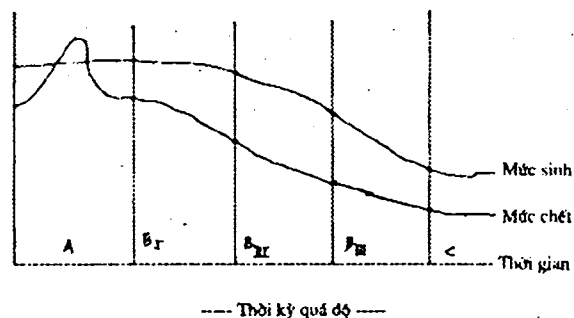
Giữa hai trạng thái cân bằng này là một thời kỳ quá độ diễn ra với ba giai đoạn. Giai đoạn 1, với sự sụt giảm mức chết, trong khi mức sinh giữ nguyên hay gia tăng chút ít, đó là do tình trạng sức khỏe khá hơn, khả năng chăm sóc sức khỏe cũng khá hơn. Đây chính là điều khiến cho trạng thái cân bằng bị phá vỡ và dân số bắt đầu gia tăng. Giai đoạn 2, là sự sụt giảm mức chết mạnh, trong khi

mức sinh mới bắt đầu giảm: dân số bùng nổ. Giai đoạn 3, đặc trưng bằng mức chết giảm thấp, mức sinh giảm mạnh và sự gia tăng dân số giảm dần để chuyển sang trạng thái cân bằng dân số hiện đại.

Sự quá độ dân số này khởi đầu ở châu Âu vào khoảng năm 1650 cùng với cuộc cách mạng công nghiệp và đã được hoàn tất tại đây vào khoảng giữa thế kỷ XX. Dĩ nhiên, thời kỳ quá độ dân số này ở các nước khác nhau có khác nhau và với nhiều nước sau này thời kỳ quá độ có thể là rất ngắn. Sự phát triển kinh tế - xã hội, suy cho cùng, là yếu tố quyết định về lâu dài đối với sự quá độ dân số. Nhưng thực tế cho thấy, trong những thời điểm nhất định yếu tố chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình của các quốc gia lại đóng vai trò quyết định.

Hình 1: Sơ đồ tổng quát về các giai đoạn của sự quá độ dân số

Mức sinh và chết (%)



* PGS, TS, Trung tâm nghiên cứu Thị trường và Phát triển

Trước quá độ: cân bằng dân số lãng phí

Thời kỳ quá độ

Giai đoạn I: bắt đầu quá độ

Giai đoạn II: giữa thời kỳ quá độ

Giai đoạn III: cuối thời kỳ quá độ

Sau quá độ: cân bằng dân số tiết kiệm

Ở Việt Nam, câu chuyện quá độ dân số bắt đầu đúng 26 năm về trước. Năm 1978, khi chuẩn bị cho cuộc Tổng Kiểm kê dân số đầu tiên vào ngày 1-10-1979. Lúc đó, vấn đề dân số còn chưa được đặt ra một cách gắt gao dù rằng những dự cảm về một hiểm họa dân số đã có từ rất lâu. Năm 1961, Quyết định số 216/CP của Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã thực sự khởi động thực thi công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình với việc sinh đẻ có hướng dẫn ở miền Bắc Việt Nam. Vào thời điểm đầu những năm 60 thế kỷ trước, trên cả hai miền Nam - Bắc, mức chết giảm mạnh, xuống dưới 15‰ trong khi mức sinh tăng vọt tới hơn 40‰ nhờ những tiến bộ về y tế và vệ sinh được áp dụng đại trà. Đây thực sự là những tiến bộ rất lớn lao cho dân tộc Việt Nam nếu nhìn lại thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khi mức chết, đặc biệt là mức chết trẻ sơ sinh là rất cao khiến cho tỷ lệ gia tăng dân số rất thấp. Nhưng tiếc là ngay sau đó, chiến tranh và sự chia cắt hai miền đã ngăn cản tiến trình quá độ dân số mới bắt đầu diễn ra ở Việt Nam: miền Bắc tiếp tục theo định hướng hạn chế mức tăng dân số, trong khi miền Nam lại có xu hướng khuyến khích gia tăng dân số.

Số liệu của cuộc Tổng Kiểm kê dân số đầu tiên, năm 1979, cho thấy, sự bùng nổ dân số ở Việt Nam là có thật với tỷ lệ gia tăng dân số khoảng 2,2% - một tỷ lệ có thể đưa đến số dân Việt Nam tăng gấp đôi trong dưới 30 năm. Sự gia tăng dân số còn trầm trọng thêm vào những năm 60 (thế kỷ XX) với mức sinh rất cao, nay đến lúc thế hệ được sinh ra trong thời gian đó đã bước vào thời kỳ sinh đẻ, và càng thúc đẩy sự gia tăng dân số, bất kể các biện pháp kế hoạch hóa gia đình có chặt chẽ đến như thế nào. Trong nhiều năm, tỷ lệ gia tăng

dân số ở Việt Nam đã không thể nào xuống được dưới 2% bất chấp các nỗ lực cố gắng hết mình của các cấp quản lý.

Vấn đề đặt ra là, nếu theo lý thuyết, chỉ có sự phát triển kinh tế - xã hội mới đem lại được sự thay đổi trong hành vi dân số thì trên thực tế, sự bùng nổ dân số đưa đến hậu quả cho sự phát triển kinh tế - xã hội những điều bất khả. Việc nhận thức chính xác điều này đã cho phép các nhà lập chính sách phát triển ở Việt Nam xác lập được các định hướng và chỉ tiêu hợp lý cho chương trình dân số Việt Nam - một chương trình cương quyết nhưng uyển chuyển phù hợp với các đặc điểm văn hóa của con người Việt Nam. Việc nhận thức chính xác này cũng cho phép Việt Nam bỏ qua những định đề dân số của Man-tuyt để hòa nhập vào công cuộc cắt giảm dân số hợp lý do Liên hợp quốc khởi động, điều mang lại những nguồn hỗ trợ lớn lao về các biện pháp kế hoạch hóa gia đình mà thiếu nó, một sự thay đổi trạng thái dân số tại một quốc gia chậm phát triển như Việt Nam là không thể có được.

Bảng về sự biến đổi mức sinh, mức chết ở Việt Nam theo các số liệu thống kê chính thức:

	CBR	CDR	TFR	IMR	GR	CPRM	CPRT	Nạo thai
	‰	‰	(con)	‰	%	%	%	
1979#	30,1	7,2			2,29			
1989###	30,1	9,1	3,8	44	2,10	37,91*	15,27*	
1994	25,3	8,4	3,1		1,69	43,77	21,2	
1995	23,9	6,8			1,65	49,16	14,67	
1996	22,8	6,7	2,69	36,0++	1,61	52,9	15,38	17,5
1997	21,9	6,2			1,57	55,8**	19,2**	14,4
1999####	19,9	5,7	2,33	36,7	1,42			
2000 +	19,2	5,6	2,28	31,2	1,36	61,1	11,6	
2001 +	18,6	5,1	2,25	29,5	1,35	61,1	12,8	13,0
2002 +	19,0	5,8	2,28	26,0	1,32	64,7	12,2	10,8

Nguồn: # Kết quả Điều tra dân số 1979, theo Niên giám thống kê y tế 1976 - 1980

Kết quả Điều tra mẫu 5% Tổng điều tra dân số 1989

Kết quả Điều tra mẫu 5% Tổng điều tra dân số 1999,

Điều tra giữa kỳ 1994, điều tra biến động dân số 1995, 1996

* DHS1987, cho phụ nữ hiện đang có chồng

** DHS1997, cho phụ nữ hiện đang có chồng

+ Điều tra biến động dân số - kế hoạch hóa gia đình 2000, 2001, 2002. Dân số và Phát triển 3-2003

++ Cho thời kỳ 1995 - 1996

Với ngày hôm nay, dù rằng các số liệu tính toán còn có chỗ khác nhau và chưa có một sự ổn định tuyệt đối trong xu hướng đi xuống, nhưng vẫn có thể nói rằng sự quá độ dân số ở Việt Nam, về cơ bản, là đã hoàn tất: tỷ lệ phát triển dân số hàng năm khoảng 1,3% và rất có xu hướng tiếp tục đi xuống do mức sinh đang trên đường đi xuống (nếu như Pháp lệnh Dân số vừa mới ban hành không gây ra những tác động bất ngờ không lường trước được) và mức chết có xu hướng đi lên cùng với sự già hóa của dân số Việt Nam.

Số liệu cho thấy, quá độ dân số được hoàn tất ở Việt Nam, trước hết là do chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình đã được triển khai nghiêm túc với những mục tiêu phù hợp cùng với các biện pháp triển khai chặt chẽ. Chương trình này, không đơn thuần là những hoạt động của các nhà chuyên môn, mà trên thực tế, đó là sự tham gia của cả xã hội với nhiều thành viên khác nhau: Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và nhất là được sự ủng hộ rộng rãi của các cộng đồng cơ sở. Dù rằng các thành viên này hoạt động không thực sự chuyên nghiệp nhưng sự nỗ lực không mệt mỏi của họ đã mang lại hiệu quả thiết thực. Chương trình này cũng không vận hành đơn độc mà đã tận dụng được một đặc tính rất ưu việt của Việt Nam là có một mạng lưới y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng rộng khắp đến tận cơ sở. Điều đó cho phép cải thiện rõ rệt tình trạng sức

khỏe và mức chết so với các quốc gia có cùng điều kiện kinh tế tương đương như Việt Nam.

Bên cạnh đó, sự tăng trưởng và phát triển tương đối nhanh của nền kinh tế Việt Nam nhờ công cuộc đổi mới cũng đem lại những điều kiện cần thiết về tài chính cho chương trình dân số có thể phát triển với thuận lợi. Sự đầu tư cao và ưu tiên của Nhà nước cho các hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình trong một khoảng thời gian dài, tới tận cuối thế kỷ XX, là rất khích lệ; đồng thời, chính sách xóa đói giảm nghèo mà Chính phủ Việt Nam kiên trì thực thi thời gian qua đã thực sự mang lại những điều kiện tối thiểu cho những tầng lớp dân nghèo, những người vốn có mức sinh cao và số lượng lớn, để họ có thể tiếp nhận những hành vi sinh đẻ mới.

Cuối cùng, sự mở cửa và tiếp nhận kinh nghiệm và giúp đỡ của quốc tế đã giúp cho chương trình dân số Việt Nam một quy trình tốt để xây dựng chính sách và thực hiện các bước đi một cách hợp lý trong khi vẫn tránh được những giải pháp cực đoan mà một số quốc gia đã buộc phải thi hành. Điều này cũng là cần thiết cho sự quá độ nhanh (hay là một cách rút ngắn) của dân số ở Việt Nam trong những điều kiện kinh tế - xã hội chưa thật sự sẵn sàng...

Quá độ dân số ở Việt Nam, như vậy, là đã hoàn tất về cơ bản và vấn đề dân số thực tế có thể sẽ không phải là mối đe dọa thường trực cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam như trong suốt một phần tư thế kỷ qua. Tuy nhiên, sự phát triển dân số vẫn hãy còn là gánh nặng cho các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong một khoảng thời gian nữa, có thể là khoảng 10 năm... để rồi mất hẳn nếu như chúng ta có được một chương trình phát triển tốt, mang lại phúc lợi và sự hài hòa chung cho tất cả các khu vực và các cộng đồng dân cư Việt Nam. Đây quả thực là một tiền đề tối cần thiết, tuy không đủ, cho sự cất cánh (take off) của Việt Nam để cơ bản trở thành một quốc gia công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.□



MỘT SỐ TÁC ĐỘNG CỦA PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN ĐỐI VỚI CHẾ ĐỘ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN

NGUYỄN VĂN LAN *

Sự ra đời và phát triển của phong trào cách mạng thế giới nói chung, phong trào công nhân ở các nước tư bản phát triển nói riêng đã trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến chế độ tư bản chủ nghĩa ở các nước phát triển. Để duy trì sự tồn tại của mình, chủ nghĩa tư bản đã có những phương hướng chiến lược đối phó quyết liệt. Một mặt, chủ nghĩa tư bản phát động và thi hành các hình thức "chiến tranh lạnh", diễn biến hòa bình chống chủ nghĩa xã hội, thông qua thể chế tư sản và các điều luật của nó để chống phong trào cách mạng trong nước và thế giới; mặt khác, họ liên tục điều chỉnh, hoàn thiện cấu trúc của chủ nghĩa tư bản trên cơ sở khai thác triệt để các thành tựu khoa học - công nghệ, thi hành nhiều chính sách làm xoa dịu các mâu thuẫn nội bộ, v.v..

Qua thực tiễn hơn một thế kỷ tồn tại, phong trào công nhân ở các nước tư bản phát triển luôn khẳng định mình là một lực lượng tiên phong, đóng vai trò quan trọng đối với sự tiến bộ xã hội. Dù điều kiện hoạt động và bối cảnh lịch sử khác nhau, nhưng lúc nào và ở bất kỳ đâu, những đại biểu của giai cấp vô sản quốc tế luôn thể hiện là những lực lượng cách mạng đi đầu trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân, chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, bất bình đẳng giới, chống áp bức bóc lột, chống thất nghiệp, chống lại các điều luật đi ngược với tiến bộ xã hội. Vì thế, phong trào

đã thực sự trở thành một trong những nhân tố xã hội - chính trị quan trọng thúc đẩy sự phát triển của lịch sử xã hội loài người.

Về mặt kinh tế - xã hội, phong trào công nhân đấu tranh chống áp bức, bóc lột của tư bản tài phiệt, các công ty tư bản độc quyền xuyên quốc gia diễn ra ở mọi quy mô và mức độ, không chỉ ở kiến trúc thượng tầng mà cả ở hạ tầng cơ sở, tác động đến nền móng xã hội tư bản hiện đại. Biện pháp điều chỉnh các quan hệ kinh tế và sở hữu của giai cấp tư sản phải phát triển theo hướng xã hội hóa, mà biểu hiện rõ nhất là việc các cổ đông, người lao động, các tổ chức công đoàn ngày càng tham gia quản lý kinh tế - xã hội, 10% sở hữu tư liệu sản xuất thuộc về các tập thể lao động ở các nước tư bản phát triển. Những biến đổi đó nằm ngoài ý muốn của giới chủ tư bản, trở thành những tiền đề của chế độ xã hội mới ngay trong lòng xã hội tư bản.

Cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân, nhân dân lao động chống bóc lột và bất công, chống thất nghiệp tại các nước tư bản phát triển ngày càng lan rộng, mang tính xã hội sâu sắc và trở thành tất yếu. Điều đó góp phần làm cho những yếu tố tiên bộ trong xã hội tư bản ngày càng được nhân lên, tạo tiền đề cho sự ra đời một xã hội mới tốt đẹp hơn. Ở châu Âu, nhất là các nước

* TS. Phân viện Đà Nẵng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

phát triển Tây - Bắc Âu, những thành quả đấu tranh to lớn mà giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các lực lượng chính trị - xã hội tiến bộ đã giành được đó là kinh tế, các phúc lợi xã hội, đặc biệt là chính sách bảo trợ xã hội. Ở hầu khắp các nước tư bản phát triển, phong trào công nhân với hạt nhân lãnh đạo là các đảng cộng sản và công nhân đã kiên quyết đấu tranh bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, nên giai cấp tư sản buộc phải nhượng bộ, phải trích một phần giá trị thặng dư mà họ chiếm đoạt, chia cho người lao động và cải thiện đời sống tinh thần tương ứng.

Với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, thu nhập theo đầu người hằng năm của các nước thuộc khối OECD tăng mạnh so với các nước thuộc thế giới thứ ba. Năm 1979, mức chênh lệch thu nhập theo đầu người giữa hai khối nước này là 8 849 USD, năm 1988 là 16 689 USD. Trong bối cảnh kinh tế ở các nước tư bản phát triển như vậy, tiền lương và thu nhập của người lao động nói chung theo đó cũng được tăng lên đáng kể. Bộ phận có thu nhập đạt mức trung lưu ngày càng đông, ở Mỹ những năm 1990, số này chiếm 60 - 70% dân số Mỹ; ở Nhật Bản, 90% số người Nhật tự coi mình thuộc tầng lớp trung lưu. Hiện nay, tại các nước công nghiệp phát triển tầng lớp này chiếm từ 1/2 đến 2/3 dân cư ⁽¹⁾. Từ thực tế khách quan đó, một bộ phận đáng kể công nhân không những bảo đảm được các nhu cầu ăn, mặc, chi tiêu cho giáo dục, thể thao, y tế, du lịch mà còn mua được nhà ở, sắm nhiều hàng tiêu dùng hiện đại, lâu bền, gửi tiền tiết kiệm, mua cổ phiếu v.v.. Thời gian lao động của công nhân cũng giảm xuống đáng kể. Đầu thế kỷ XX, công nhân các nước công nghiệp phát triển phải làm việc tới 3 000 giờ/năm thì hiện nay ở các nước công nghiệp phát triển nhất, công nhân làm việc từ 1 700 đến 1 900 giờ/năm. Nếu tạm gác vấn đề thiếu việc làm, phải chia việc thì vấn đề giảm thời gian lao động, trong khi vẫn tăng thu nhập, xét trên bình diện toàn xã hội, đó là sự cải thiện điều kiện sống đối với công nhân, lao động.

Bên cạnh cuộc sống vật chất được nâng cao và tương đối ổn định trên cơ sở thu nhập cao, cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ đời sống ngày

càng hiện đại, thời gian lao động giảm, công nhân, người lao động ở các nước tư bản phát triển có nhiều thời gian nhàn rỗi hơn, có nhiều cơ hội để nâng cao và cải thiện đời sống tinh thần.

Mức sống của một bộ phận quan trọng trong công nhân, người lao động ở các nước tư bản phát triển thay đổi tích cực là một thực tế khách quan. Song điều đó hoàn toàn không phải do lòng hào phóng, do bản chất của giai cấp tư sản đã thay đổi mà là do sức ép của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, người lao động, do chính nhu cầu phát triển của lực lượng sản xuất, giải phóng sức sản xuất xã hội, do đòi hỏi của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.

Về mặt chính trị - xã hội, thông qua đấu tranh, người công nhân và tổ chức công đoàn nâng cao hiểu biết về tình hình chính trị - xã hội của đất nước, có quyền kiến nghị, tư vấn, quyền lập đề án, quyền cùng quyết định có điều kiện thông qua cơ cấu hiệp thương ba bên (thợ, chủ tư bản và chính phủ) như ở Mỹ, Nhật Bản. Thông qua Nghị viện do các đảng phái có quan hệ mật thiết với tổ chức đại diện quyền lợi, lợi ích của công nhân lao động - công đoàn (như tại Anh, Đức, Thụy Điển) đưa ra đề án hoặc kiến nghị theo yêu cầu của công đoàn, có quan hệ tới quyền lợi của công nhân và nhân dân lao động như: việc làm, vật giá, tiền lương, giờ công, bảo hiểm xã hội, phúc lợi xã hội, kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng, môi trường sinh thái, kế hoạch cải cách kinh tế - xã hội, v.v.. Bởi vậy, giới cầm quyền ở các nước tư bản phát triển đều đã phải ban hành nhiều điều khoản hiến pháp và pháp luật trên cơ sở tính đến quyền con người, quyền công dân và tuân theo chế độ cộng hòa với nhiều nội dung mang tính dân chủ, tiến bộ.

Ở Pháp, năm 1996, cùng với các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới, giai cấp công nhân, người lao động Pháp đã đẩy lên một phong

(1) Xem *Nhật Bản ngày nay*, Xin-ga-po, 1993, tr 42, 81; *Báo Nhân dân* ngày 26-2-2002; *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 6 tr 7 và tạp chí *Thông tin những vấn đề lý luận*, số 4 (2-2003)

trào phản kháng mạnh mẽ, chống lại việc giới cầm quyền cho tiến hành một loạt vụ thử hạt nhân ở Nam Thái Bình Dương. Tại Áo, cũng do áp lực từ nhiều phía, trong đó trực tiếp là áp lực của công nhân, nhân dân lao động trong nước, Hiến pháp của nước này đã ghi rõ điều khoản chống chủ nghĩa phát xít và nêu ra những căn cứ truy tố, xét xử các lực lượng phát xít mới. Dựa trên cơ sở pháp lý đó, những năm qua công nhân, nhân dân lao động Áo là lực lượng hàng đầu tổ cáo, lên án những hành động dung túng cho bọn phát xít mới của chính quyền tư sản, góp phần tích cực từng bước ngăn chặn từ gốc những hành động tàn bạo trong xã hội tư bản Áo.

Cũng với mục đích như vậy, phong trào công nhân, người lao động ở Hàn Quốc đấu tranh đòi Mỹ rút quân đội, vũ khí về nước. Phong trào công nhân, người lao động và các tổ chức chính trị - xã hội tiến bộ Mỹ, châu Âu, Đông Bắc Á... đấu tranh chống giới cầm quyền Mỹ và đồng minh của Mỹ đối mấu lấy dầu ở Vùng Vịnh năm 1991; phong trào công nhân, người lao động I-ta-li-a đấu tranh chống lại luật lao động cải biến phản dân chủ đầu năm 2002; chống chủ nghĩa đơn phương của Mỹ, sự can thiệp thô bạo của nhà cầm quyền Mỹ vào các quốc gia độc lập có chủ quyền dưới danh nghĩa chống khủng bố sau "sự kiện ngày 11-9-2001", v.v..

Nhờ những cuộc đấu tranh chính trị sâu rộng, phong trào công nhân, công đoàn, đảng cộng sản, các tổ chức chính trị - xã hội tiến bộ ở các nước tư bản phát triển giành được quyền tồn tại hợp pháp và tham gia hoạt động quản lý xã hội vì lợi ích của quảng đại quần chúng lao động, vì sự phát triển lành mạnh của xã hội trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản hiện đại. Hơn nữa, qua việc sử dụng các hình thức của chính chế độ đa nguyên, đa đảng làm phương tiện đấu tranh chống lại độc tài của giai cấp tư sản, thông qua các cuộc bầu cử, phong trào cộng sản và công nhân đã đưa đại biểu của mình vào các cơ quan quyền lực nhà nước tư bản như ở Nhật Bản, Pháp, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha, v.v.. Chính việc sử dụng đấu tranh nghị trường, đấu tranh chính trị kết hợp với phong trào đấu tranh rộng rãi của công nhân lao động, đã tạo ra những áp lực quan

trọng đối với các thể lực cánh hữu trong các cơ quan quyền lực tư sản.

Bằng các cuộc đấu tranh đòi mở rộng và tăng cường hình thức ký kết hợp đồng kinh tế giữa tập thể công nhân và chủ tư bản, đòi để xã hội (hoặc tập thể) kiểm tra các quyền lực kinh tế - xã hội, nên ở mức độ nhất định, quyền hạn của người lao động đã được mở rộng. Một trong những xu hướng tích cực ở các nước tư bản phát triển là sự phát triển của xu hướng xã hội hóa. Trong các công ty cổ phần, khác với trước kia, công nhân, lao động đấu tranh với tư cách thuần túy là người làm thuê, nay dựa trên tư cách "người đồng sở hữu", tổ chức công đoàn đấu tranh đòi được tham gia trong việc xác định phương hướng đầu tư, phương hướng nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ vì mục đích tối cao là phục vụ xã hội, phục vụ người lao động, kịch liệt chống lại phương hướng nghiên cứu, ứng dụng thuần túy vì mục đích lợi nhuận tối đa. Tại Cộng hòa liên bang Đức, luật pháp quy định "chế độ cùng quyết". Những xí nghiệp than, thép và xí nghiệp lớn từ 2 000 công nhân, người lao động trở lên được thành lập hội đồng giám sát xí nghiệp, số lượng đại biểu hai bên chủ thợ khác nhau, thực hiện "bình đẳng cùng quyết". Xí nghiệp dưới 2 000 công nhân, người lao động thì số lượng đại biểu công nhân, lao động trong hội đồng giám sát chiếm 1/3. Ở Thụy Điển, trong xí nghiệp cũng được phép thành lập "Ủy ban sản xuất chung", hai bên chủ thợ cùng quyết định vấn đề sản xuất và điều kiện lao động. Ở Phần Lan, Ô-xtrây-li-a, Bỉ, luật pháp lại cho phép xây dựng chế độ "Ủy ban xí nghiệp" để tham gia quản lý xí nghiệp. Ở Nhật Bản, cấp xí nghiệp, cấp ngành và cấp nhà nước đều thành lập ủy ban thường trực để chủ thợ thực hiện hiệp thương các vấn đề kinh tế, xã hội. Ở Anh thành lập "Ban Đại diện phân xưởng" và nhiều loại "tổ công nhân tự trị"⁽²⁾, và trong chế độ sở hữu hỗn hợp ở hầu khắp các nước tư bản phát triển hiện nay, sở hữu tập thể lao động đã và đang trở thành nhân tố tích cực.

(2) Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và công đoàn, Nxb Lao động, Hà Nội, 1995, tr 561 - 563

Dựa vào luật pháp, đại biểu của công nhân, lao động và tổ chức công đoàn đã tích cực, chủ động can dự vào lĩnh vực vi mô ở xí nghiệp như về thời gian lao động, thời gian nghỉ ngơi, sa thải và chuyển công nhân, lao động, về mức lương, bảo hộ lao động, trật tự xí nghiệp và các phúc lợi xã hội khác. Các tổ chức công đoàn cũng tích cực tham gia ở tầm vĩ mô, can dự đến vấn đề chính sách, pháp luật quan trọng. Mặc dù còn nhiều hạn chế, song sự mở rộng, phát triển quyền tham gia của công đoàn tới tất cả những cấp cao nhất trong chế độ tư bản để bảo vệ quyền, lợi ích của công nhân và liên quan đến các tầng lớp lao động xã hội khác đã phản ánh chất lượng, trình độ cao của phong trào công nhân. Với những tổ chức công đoàn chịu ảnh hưởng bởi các đảng xã hội - dân chủ thì việc tranh thủ mở rộng quyền tham gia là biện pháp thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa, và là hậu thuẫn đắc lực cho các hình thức đấu tranh khác.

Ở nhiều nước tư bản phát triển, phong trào đấu tranh của các tổ chức công đoàn trên cơ sở các tổ chức, luật pháp, chính sách, được biểu hiện rất sinh động như: đấu tranh đòi quốc hữu hóa những ngành kinh tế quan trọng, thông qua đó nhằm tăng cường vai trò của công nhân trong hoạt động chính trị - xã hội vì quốc kế dân sinh; đòi giới chủ phải công khai các số liệu hoạt động kinh tế của nhà máy, xí nghiệp; đòi quyền của công nhân, người lao động trong việc trao đổi, bàn bạc các vấn đề kinh tế, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân, người lao động nâng cao tay nghề. Ngoài ra, công nhân, người lao động còn đấu tranh đòi tôn trọng người lao động trong quá trình sử dụng họ, không được sa thải khi có khủng hoảng kinh tế (Nhật Bản, Hàn Quốc là những trường hợp điển hình). Một số công ty Mỹ đã phải chấp nhận triết lý: Hãy tôn trọng nhân phẩm người lao động⁽³⁾. Phong trào đấu tranh truyền thông mùa xuân hàng năm về mức lương ở Nhật Bản; phong trào đấu tranh chống lại luật lao động mới phản dân chủ, đi ngược lại quyền lợi chính đáng của người lao động ở Hàn Quốc; phong trào đấu tranh "mùa thu nóng" ở I-ta-li-a; phong trào đấu tranh của công nhân mỏ ở Anh, công nhân, lao động

ngành giao thông vận tải ở Pháp; phong trào đấu tranh chống lại chính sách "thắt lưng buộc bụng", phản đối việc cắt 20% lương trong trường hợp ốm đau, trong ngành kim khí ở Đức. Tinh thần đấu tranh của Ngày Quốc tế lao động 1-5 ra đời cách đây hơn một thế kỷ vẫn hiện hữu trong phong trào công nhân, công đoàn Mỹ trong cuộc đấu tranh chống bóc lột, chống các điều luật phản dân chủ hiện nay. Đó là những bằng chứng sống động, phản ánh sự phát triển của phong trào công nhân ở các nước tư bản phát triển thời kỳ sau "chiến tranh lạnh". Dù còn rất hạn chế, song tất cả đã giúp người công nhân, người lao động được biết, được quyền tham gia quản lý sản xuất, tự quản tập thể trong sản xuất, quyền bảo vệ chân lý, lẽ phải. Ở mức độ khác nhau, người công nhân, người lao động đã có đại diện của mình cùng tham gia vào việc thông qua những quyết định của nhà máy, xí nghiệp, góp phần làm chậm hoặc đẩy lùi một số quyết sách phản dân chủ. Từng bước phá bỏ tập trung hóa, hạn chế bớt quyền lực của giai cấp tư sản, thực hiện việc kiểm tra xã hội về vốn đầu tư, bảo vệ lợi ích xã hội và công bằng.

Trước giới chủ và chính phủ tư sản, vượt lên trên mục tiêu kinh tế, các phong trào đấu tranh của công nhân, người lao động đã đạt được những thành quả nhất định trong mục đích đòi dân sinh, dân chủ, công bằng, tiến bộ xã hội, chống chạy đua vũ trang và các chính sách phản động của giới cầm quyền; và đã thực sự trở thành lực lượng nòng cốt, to lớn chống lại sự lũng đoạn xã hội của giới tài phiệt tư sản.

Trong hơn một thập niên qua, từ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, nổi lên xu hướng tập hợp lực lượng mới của phong trào cộng sản, công nhân các nước tư bản phát triển, đã có tác động không nhỏ đến quá trình vận động của các xã hội tư bản phát triển theo hướng tích cực. Từ những năm 1990, trong các tầng lớp công nhân, nhân dân lao động ở các nước tư bản phát triển, tâm lý bất bình đối với chủ nghĩa bảo

(3) T.J. Pi-tơ: *Các công ty phát đạt ở Hoa Kỳ*, Nxb Khoa học - Kỹ thuật, Hà Nội, 1990, tr 128 - 138

thủ mới phát triển mạnh mẽ. Nhiều tổ chức công đoàn của công nhân, người lao động có khuynh hướng chuyển sang phái tả, quay lại ủng hộ các đảng công nhân truyền thống của mình. Nhiều đảng xã hội - dân chủ ở Tây Âu bị thất bại trong các cuộc bầu cử ở thập niên 1980, thì vào những năm 1990, các đảng này dần trở lại chính trường, có vai trò đáng kể ở hầu hết các nước. Sau khi trở lại nắm quyền hoặc liên minh cầm quyền, các đảng này đã có những điều chỉnh nhất định trong chiến lược, sách lược để đấu tranh chống lại chủ nghĩa bảo thủ mới và thích nghi với những biến đổi ở trong nước và quốc tế. Một số quan điểm của họ đang xích lại gần các quan điểm của những người cộng sản. Cả hai trào lưu này trong phong trào công nhân đều quan tâm đến việc tập hợp các lực lượng dân chủ, tiến bộ vào một khối đa số cánh tả rộng rãi, có xu hướng đối trọng và chống lại chủ nghĩa bảo thủ mới, tìm kiếm các giá trị và con đường thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của riêng mình, trên cơ sở thừa nhận cuộc đấu tranh giành dân chủ và dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội ở các nước tư bản phát triển như là một giải pháp trước mắt và lâu dài trên con đường thực hiện mục tiêu của phong trào công nhân. Những cơ sở khách quan nêu trên đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tập hợp lực lượng phong trào công nhân ở các nước tư bản phát triển mà ở đó thế lực tư sản cánh hữu luôn chịu áp lực và phải thu hẹp.

Cùng với những tác động nêu trên, trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, phong trào công nhân, nhân dân lao động đã đạt được bước tiến khá xa trong việc đòi giới cầm quyền tư sản tôn trọng những giá trị văn hóa tinh thần và đạo đức lành mạnh theo hướng dân chủ hóa xã hội, nhân đạo hóa lối sống, nâng cao quyền sống bình đẳng, tự do, dân chủ. Đó là phong trào đấu tranh chống phân biệt chủng tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, v.v..

Bên cạnh cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc, cuộc chiến chống bất bình đẳng về giới ở các nước tư bản phát triển cũng không kém phần gay gắt. Phụ nữ không chỉ bị phân biệt đối xử trong nghề nghiệp, thu nhập mà còn bị đánh giá thấp trong công việc, trong cương vị xã hội. Tuy nhiên một hiện tượng đáng mừng là

đồng đảo phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào lực lượng lao động, và đây là một trong những thay đổi lớn của các nền kinh tế phát triển trong hơn một thập kỷ qua.

Không thể chấp nhận chế độ bất bình đẳng giữa nam và nữ trong xã hội văn minh tư sản, phong trào công nhân, công đoàn tại các nước tư bản phát triển đã kiên trì, bền bỉ đấu tranh và đã đạt được những thành quả bước đầu đáng khích lệ. Trong những năm gần đây, tại các nước phát triển Tây Âu, Mỹ, Nhật Bản... một xu hướng nổi lên là số lượng công việc đòi hỏi tay nghề cao mà lực lượng phụ nữ đã có được đang có chiều hướng gia tăng. Ở các nước công nghiệp phát triển, rất đông phụ nữ đăng ký thi lấy bằng "đại học y khoa, luật, kế toán và nghiên cứu kinh doanh, tất cả các lĩnh vực mà trước đây nam giới chiếm đa số". Đó là điều được khẳng định trong *Báo cáo về việc làm thế giới năm 1998 - 1999* của ILO (Tổ chức Lao động quốc tế). Với quá trình vận động không ngừng hơn 10 năm qua, phong trào công nhân, công đoàn ở Thụy Điển đã xác lập được văn phòng về bình đẳng nam - nữ. Ở Mỹ, phụ nữ chiếm 10% trong Quốc hội. Tại Nhật Bản, trước sức ép của phong trào công nhân, lao động, kể từ năm 1946, phụ nữ được quyền bầu cử, (Luật "Bình đẳng" ra đời năm 1985 và được điều chỉnh tháng 6-1997 và có hiệu lực kể từ năm 1999) đã góp phần làm giảm bớt sự khác nhau trong tuyển dụng và thăng tiến giữa nam và nữ lao động.

Có thể khẳng định, tuy có lúc thăng, lúc trầm và còn nhiều hạn chế, song sự kiên trì, bền bỉ đấu tranh của phong trào công nhân, nhân dân lao động vì dân sinh, dân chủ, công bằng và tiến bộ xã hội đã có tác động to lớn, trực tiếp tới sự vận động của xã hội tư bản. Dù còn xa mới đạt sự công bằng thực sự, song ít nhiều lợi ích của đồng đảo người lao động đã được tăng hơn trước. Phong trào đã thực sự trở thành một trong những lực lượng cách mạng quan trọng nhất góp phần chi phối sự phát triển của chế độ tư bản chủ nghĩa ở các nước phát triển trên tất cả các mặt từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội, góp phần tạo ra và nhân lên ngay trong lòng xã hội tư bản các tiền đề cho xã hội mới tốt đẹp trong tương lai. □



Từ đồng minh trở thành đối thủ?

TRINH CƯỜNG

QUAN hệ Mỹ - EU luôn là một trong những mối quan hệ quan trọng nhất trong quan hệ giữa các nước lớn. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) do hai bên lập ra trong thời kỳ "chiến tranh lạnh" được công nhận là liên minh thành công nhất trong lịch sử. Mỹ và các nước EU, về cơ bản, cũng duy trì được sự đoàn kết trong các cuộc chiến tranh lớn sau "chiến tranh lạnh", như chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ nhất, chiến tranh Cô-xô-vô (Nam Tư) và chiến tranh Áp-ga-ni-xtan. Nhưng xung quanh cuộc chiến tranh I-rắc, hai bờ Đại Tây Dương đã nảy sinh những đối lập nghiêm trọng: Pháp, Đức thiết lập "trục chống chiến tranh", Anh và Tây Ban Nha gia nhập cái gọi là "liên minh tự nguyện" của Mỹ để tấn công I-rắc. Lập trường của nhiều nước EU trong vấn đề chống khủng bố và vấn đề hạt nhân của I-ran, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên cũng khác Mỹ. Và mới đây, Mỹ lại gạt Pháp, Đức ra khỏi các hợp đồng tái thiết I-rắc, với lý do Pháp, Đức đã cùng với Nga phản đối Mỹ xâm lược I-rắc... Sự mâu thuẫn giữa Mỹ và EU và trong nội bộ các nước EU khiến cho dư luận thế giới hết sức quan tâm. Bởi đây là những trung tâm kinh tế lớn của thế giới; những biến động trong quan hệ giữa họ có ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế và cân cân quyền lực quốc tế.

Nguyên nhân sâu xa của sự chia rẽ

Có nhiều nguyên nhân khiến cho sự rạn nứt giữa Mỹ và EU trở nên công khai và mở rộng. *Thứ nhất*, mâu thuẫn giữa Mỹ và EU bị quy định bởi tính chất phát triển lịch sử và đặc điểm văn hóa của mỗi bên. Không phải ngẫu nhiên người ta gọi châu Âu và nước Mỹ là *Cựu thế giới* và *Tân thế giới*. Nền văn minh châu Âu đã có lịch sử không dưới 25 thế kỷ, trong khi nước Mỹ mới được mấy trăm năm và *Tân thế giới* là con đẻ của *Cựu thế giới*. Những cuộc chiến tranh đẫm máu nhất đã bắt đầu ở châu Âu và ký ức về chúng đã khơi lên ở người châu Âu ý kiến về việc theo đuổi một nền hòa bình vững chắc. Còn Mỹ, sau khi Liên Xô tan rã, với tư cách là siêu cường duy nhất, có ưu thế nổi trội về kinh tế, kỹ thuật, quân sự, ngoại giao... Mỹ có xu hướng sử dụng sức mạnh để giải quyết vấn đề. *Thứ hai*, mâu thuẫn giữa Mỹ và EU còn bắt nguồn từ những đặc điểm kinh tế. EU tự do hơn trong việc tìm kiếm những hình thức kinh tế mới, phù hợp với các yêu cầu hiện đại. Ngược lại, nền kinh tế Mỹ xuất hiện và phát triển như là một hệ thống công nghiệp với lối sản xuất hàng loạt nhằm phục vụ xã hội tiêu dùng, nên ít có khả năng thay đổi. *Thứ ba*, kể từ khi "chiến tranh lạnh" kết thúc đến nay, mấy đời tổng thống Mỹ đều theo đuổi việc xây dựng trật tự thế giới đơn

cực: từ G. Bu-sơ (cha) chủ trương xây dựng "trật tự thế giới mới do Mỹ lãnh đạo", đến B. Clin-تون theo đuổi "địa vị lãnh đạo thế giới có một không hai", rồi đến G. Bu-sơ (con) muốn duy trì ưu thế tuyệt đối về quân sự, kinh tế, chính trị và xây dựng "trật tự thế giới dưới sự thống trị bá quyền đơn cực của Mỹ". Do đó, Mỹ thường dùng thủ đoạn "diễn biến hòa bình", trừng phạt kinh tế, thậm chí dùng vũ lực để thay đổi các chế độ không chịu tuân theo ý muốn của họ. Trong khi đó, EU cho rằng "chúng ta không còn sống trong một thời đại mà một hay hai quốc gia kiểm soát vận mệnh của các quốc gia khác", chủ trương thế giới đa cực, tán thành việc xây dựng một thế giới cân bằng, đa cực. Cuối cùng, sự chênh lệch lớn về thực lực giữa Mỹ và EU sau "chiến tranh lạnh" và sự thay đổi môi trường an ninh quốc tế sau "sự kiện ngày 11-9-2001" đã khiến cho vai trò của đồng minh truyền thống thay đổi. Thời kỳ "chiến tranh lạnh", Mỹ không thể tách rời sự ủng hộ của EU để cạnh tranh với Liên Xô. Sau "chiến tranh lạnh", mối đe dọa chung đối với các nước tương đối ít, liên minh vĩnh cửu kiểu như NATO không còn quan trọng. Tính đa nguyên, phân tán và không xác định của nguồn gốc các mối đe dọa sau "chiến tranh lạnh" khiến Mỹ ngày càng coi trọng việc xây dựng những "liên minh tạm thời" để đối phó với các cuộc xung đột khu vực hoặc công việc quốc tế đặc biệt. Từ đó, vai trò của các liên minh "lâu dài", truyền thống giảm đi.

Mâu thuẫn giữa Mỹ và EU sau "sự kiện ngày 11-9-2001"

"Sự kiện ngày 11-9-2001" khiến cho EU thay đổi cách nhìn nhận về nước Mỹ. Trước đó, tuy hai bên không ngừng va chạm, nhưng về cơ bản, sự va chạm này không đụng đến các lĩnh vực như an ninh, chiến lược. Sau "sự kiện 11-9", ngoại giao Mỹ đã có một loạt điều chỉnh và thay đổi về chiến lược, đồng thời Mỹ

tiến hành cuộc chiến tranh I-rắc khiến các nước EU vô cùng lo lắng.

Về hình thức, mối lo này được phản ánh ở cấp chính phủ và cả trong dân chúng, là hiện tượng phổ biến ở EU. Pháp vốn là nước có truyền thống "chống Mỹ", do đó việc chính giới và công luận Pháp phê phán Mỹ cũng là chuyện bình thường. Nhưng Đức luôn trung thành với Liên minh Đại Tây Dương, nay bỗng tuyên bố không cung cấp quân và vũ khí cho cuộc chiến tranh I-rắc, khiến nhiều người ngỡ ngàng. Nếu trước khi bầu cử, Thủ tướng Đức Sru-ê-đơ tỏ ra phản đối chiến tranh thì có thể nói là xuất phát từ yêu cầu bầu cử, nhưng sau khi bầu cử và đã thắng cử, chính phủ của ông Sru-ê-đơ vẫn cùng Pháp và Nga thành lập "trục chống chiến tranh". Nội bộ chính phủ Anh cũng có người phản đối Mỹ. Để chống lại việc Thủ tướng Tô-ny Ble ủng hộ Mỹ tấn công I-rắc, lãnh tụ Công đảng tại Hạ viện, cựu Ngoại trưởng Rô-bin Cúc, và một số bộ trưởng đã liên tiếp xin từ chức, khiến cho địa vị Thủ tướng của Tô-ny Ble lung lay. Nhiều cuộc điều tra dư luận do một số cơ quan có thẩm quyền ở Mỹ và châu Âu tiến hành từ năm 2002 đến nay cho thấy, đại đa số dân chúng EU không thích chính sách của chính phủ Mỹ. Ví dụ, trong cuộc điều tra dư luận tháng 10-2002, có 81% số người EU thích người Mỹ, nhưng trên 70% không thích G.Bu-sơ và chính sách ngoại giao của Mỹ.

Xét nội dung cụ thể, tâm lý bất mãn của các nước EU đối với chính quyền Mỹ, trước hết bắt nguồn từ việc họ lo ngại về lợi ích an ninh của bản thân. Cụ thể là:

Thứ nhất, nhận thức của các nước EU và Mỹ về những mối đe dọa an ninh đã có những bất đồng sau "sự kiện 11-9". Đa số các nước EU cho rằng, Mỹ đã thổi phồng mối đe dọa khủng bố. Theo họ, thay đổi quan trọng nhất của môi trường an ninh là mối đe dọa từ việc

Liên Xô không còn tồn tại, chứ không phải là mối đe dọa khủng bố xuất hiện. Đồng thời, các nước EU cũng không cho rằng chống khủng bố là một cuộc chiến tranh, ngược lại, để đối phó với chủ nghĩa khủng bố cần hành động đồng loạt, đánh "từ gốc đến ngọn". Đại diện cao cấp, phụ trách về chính sách ngoại giao và an ninh EU, cựu Tổng Thư ký NATO, Sô-la-na, đã phân tích xác đáng những bất đồng giữa EU và Mỹ trong vấn đề này. Ông nói: "Đa số người Mỹ cho rằng những cuộc tấn công của bọn khủng bố là hành động chiến tranh, là sự thể hiện của một loại tội ác. Người châu Âu kiên quyết lên án những cuộc tấn công ấy, đồng thời coi đó là một chứng bệnh cực đoan nhất, cần lên án. Tuy nhiên, khác với các nhà quyết sách Mỹ coi mối đe dọa của chủ nghĩa khủng bố là thách thức nghiêm trọng nhất đối với an ninh và trật tự quốc tế, dường như vượt lên trên tất cả, người châu Âu cho rằng, nó là một trong nhiều mối đe dọa, giống như vấn đề đói nghèo, các cuộc xung đột khu vực chưa được giải quyết, dịch bệnh và khí hậu thay đổi".

Thứ hai, các nước EU lo ngại việc Mỹ mở rộng cuộc chiến chống khủng bố không những sẽ làm tan rã liên minh chống khủng bố thế giới, mà còn kích thích lực lượng khủng bố gia tăng các cuộc tấn công chống phương Tây, khiến cho các nước châu Âu "liên đới" chịu thiệt hại. Tháng 1-2001, Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ đưa ra quan niệm về "trục ma quỷ", khiến cho các nước châu Âu phải cảnh giác. Do đó, hai bờ Đại Tây Dương đã nổ ra cuộc tranh luận gay gắt. Tháng 9-2002, "Chiến lược an ninh quốc gia" của Mỹ ra đời, cũng làm cho các nước EU lo ngại. Họ cho rằng, từ thể chế kiểm chế và răn đe chuyển sang hành động "đánh phủ đầu" do một quốc gia quyết định là một sự thay đổi chính sách rõ rệt. Tuy đây chỉ là một chiến lược quốc gia của Mỹ, nhưng nó

có ảnh hưởng quốc tế rộng rãi, sẽ tác động trực tiếp đến mọi nước trên thế giới. Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho hai nước Pháp, Đức phản đối Mỹ tấn công I-rắc là do họ sợ cuộc chiến chống khủng bố mở rộng sẽ kích động thế giới Hồi giáo, từ đó dẫn đến cuộc xung đột thật sự giữa hai nền văn minh.

EU phản đối mạnh mẽ chính sách đơn phương của chính quyền G. Bu-sơ, chủ yếu do họ lo ngại bị "gạt ra bên lề sân khấu quốc tế". Điều quan trọng hơn là, chiến lược "đánh phủ đầu" của Mỹ hầu như đi ngược lại quan niệm "đa cực" mà vài năm gần đây, các nước EU đề cao. Sau khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, cùng với môi trường an ninh được cải thiện, các nước Tây Âu tiếp tục phát triển sâu rộng quá trình nhất thể hóa, tích cực đề xướng "quản lý toàn cầu", thúc đẩy hợp tác với các nước lớn và với các khu vực khác trên thế giới, cố gắng làm cho EU phát huy vai trò trong trật tự thế giới mới sau "chiến tranh lạnh". Chủ trương của EU về một trật tự thế giới mới sau "chiến tranh lạnh", chủ yếu dựa vào kinh nghiệm nhất thể hóa của bản thân và tình hình quốc tế mới. Nội dung trọng tâm *thứ nhất* của nó là "đa phương", "mọi vật trên thế giới đều dựa vào nhau để tồn tại"; vấn đề toàn cầu, dù là kinh tế, môi trường hay chính trị đều cần có giải pháp mang tính toàn cầu. *Thứ hai* là "pháp chế", bất kỳ nước nào dù mạnh hay yếu, đều phải hành động theo luật pháp quốc tế và các nguyên tắc quốc tế. *Thứ ba* là "hợp tác", tức là chủ trương thông qua các biện pháp chính trị và ngoại giao để xử lý những vướng mắc. Ủy viên Ngoại giao EU, Pát-ten công khai nêu rõ, việc đưa I-ran và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên hòa nhập quốc tế sẽ tốt hơn nhiều so với việc cô lập họ.

Do Mỹ, hay chính xác hơn là do chính sách ngoại giao của chính quyền G. Bu-sơ đe dọa lợi ích an ninh và vai trò quốc tế của EU, nên

xử lý mối quan hệ với Mỹ ra sao trở thành một trong những thách thức lớn mà EU phải đối mặt. Các nhà lãnh đạo EU đã thảo luận vấn đề làm thế nào để hợp tác với Mỹ. Nhưng trong vấn đề dùng phương thức nào để gây ảnh hưởng có hiệu quả đối với chính sách của Mỹ, nội bộ các nước EU đã xuất hiện hai phái khác nhau. Phái thứ nhất theo "kiểu T. Ble" còn được gọi là "phái đoàn kết" hay "phái hợp tác". Quan điểm chủ yếu của họ là :

Một là, để được Mỹ coi trọng, người châu Âu phải thay đổi triệt để sự lý giải về "thực lực", thay đổi hình ảnh "lực lượng dân sự". *Hai là*, thay đổi phương thức kết bạn với Mỹ và khi xử lý mối quan hệ với Mỹ cần lựa chọn "phong cách Anh", chứ không theo "phong cách Pháp". Trọng tâm của "phong cách Anh" là thông qua hợp tác để gây ảnh hưởng, tránh cô lập và đối kháng, tránh trao đổi riêng những ý kiến khác nhau ở hậu trường và tránh công khai những bất đồng.

Ngoài ra, trong nội bộ EU, còn có chủ trương "kiểu Đờ-gôn" hay còn gọi là "phái chống đối" hoặc "phái kiềm chế", đại diện là cựu Thủ tướng Đức Smít. Chủ trương của phái này là châu Âu không nên khuất phục học thuyết đơn phương ngạo mạn của Mỹ, nhưng để kiềm chế Mỹ, cần nắm vững thế "cân bằng mềm dẻo", xác định rõ châu Âu là một bộ phận của phương Tây, đồng thời nhấn mạnh quan điểm riêng trong vấn đề thiết lập trật tự thế giới.

Sự chia rẽ giữa các nước EU trong vấn đề chiến tranh I-rắc, phản ánh việc các nhà lãnh đạo các nước EU đã chọn "phong cách" khác nhau đối với chính sách của Mỹ.

Về căn bản, mâu thuẫn giữa hai nước Pháp, Đức với Mỹ trong vấn đề chiến tranh I-rắc là cuộc đấu tranh "đơn cực" và "đa cực", đúng như lời một quan chức Pháp được tờ *Liberation* trích dẫn: "Cuộc xung đột Pháp -

Mỹ trong vấn đề I-rắc là Pháp muốn bảo vệ một loại hình tổ chức của thế giới và phản đối một loại hình khác".

Tác động của mâu thuẫn tới Liên minh Đại Tây Dương

Xét từ góc độ các nước EU, Liên minh Đại Tây Dương vẫn có thể được duy trì trong tương lai gần. Tuy các nước EU đã xuất hiện những phe phái khác nhau trong quan hệ với Mỹ, nhưng ngay cả những người ra sức chủ trương áp dụng chính sách chống Mỹ cũng nhấn mạnh rằng, châu Âu nên xây dựng tình hữu nghị và kết thành đồng minh với Mỹ.

Trước hết, do châu Âu không thể đơn độc để đối phó với những mối đe dọa mới như chủ nghĩa khủng bố quốc tế, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, buôn lậu ma túy xuyên quốc gia, nên vẫn cần hợp tác chặt chẽ với Mỹ, cùng nhau giữ vững an ninh và ổn định toàn cầu.

Thứ nữa, các nước EU vẫn hy vọng tiếp tục ngồi trên "cỗ xe an ninh" của Mỹ. Nhờ đó, họ có thể tiếp tục chỉ dùng một phần rất nhỏ ngân sách vào công việc phòng thủ.

Cuối cùng là, kinh tế EU và Mỹ phụ thuộc vào nhau rất nhiều. Trong một Văn kiện về quan hệ với Mỹ, Ủy ban EU nhấn mạnh rằng, là hai thực thể kinh tế lớn nhất thế giới, mức đầu tư và buôn bán hàng ngày giữa 15 nước EU và Mỹ khoảng 1 tỉ USD; mức buôn bán song phương chiếm gần 40% tổng mức buôn bán toàn cầu. Do đó, chỉ có hợp tác chặt chẽ mới có thể bảo vệ có hiệu quả lợi ích song phương.

Chính vì việc duy trì Liên minh Đại Tây Dương là rất quan trọng đối với các nước EU, nên sau khi chiến tranh I-rắc nổ ra, hai nước Pháp, Đức cố gắng tránh mở rộng xung đột với Mỹ, và tìm cách nhấn mạnh mối quan hệ đồng minh và tình hữu nghị để làm dịu bớt những bất đồng. Ví dụ, tuy Pháp phản đối

cuộc chiến tranh I-rắc nhưng đã cam kết mở cửa không phận cho máy bay Anh, Mỹ đánh phá I-rắc. Đức cũng cố gắng cho thấy, tuy hai nước Đức, Mỹ có nhiều bất đồng, nhưng đóng góp cho Liên minh Đại Tây Dương của Đức lớn hơn nhiều so với những "nước châu Âu mới" đứng về phía chính quyền G. Bu-sơ trong vấn đề I-rắc. Sau khi chiến tranh I-rắc bùng nổ, Đức không những cử thêm 2 500 binh sỹ bảo vệ căn cứ quân sự của Mỹ tại Đức, mà còn vận chuyển 10 hệ thống tên lửa Pa-tri-ôt và cử 1 000 binh sỹ bảo vệ Thổ Nhĩ Kỳ.

Có thể thấy, *một mặt* các nước EU cố gắng duy trì quan hệ đồng minh với Mỹ; *mặt khác*, cùng với sự xuất hiện của "phe đối kháng", mối quan hệ bên trong Liên minh Đại Tây Dương sẽ nảy sinh những điều chỉnh quan trọng. Do đằng sau cuộc khủng hoảng I-rắc là những bất đồng về quan điểm quốc tế và những tranh cãi về vị trí và lợi ích song phương của hai bờ Đại Tây Dương sau khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, nên chừng nào Mỹ chưa từ bỏ chiến lược "đế quốc mới", chống lại việc chia sẻ quyền lực với các nước đồng minh thì mâu thuẫn giữa Mỹ với các nước EU, chẳng hạn như Đức và Pháp, vẫn có thể phát triển trong thời gian tới, từ đó đặt dấu chấm hết cho cục diện quan hệ nội bộ liên minh "Mỹ lãnh đạo, châu Âu phục tùng" được hình thành trong thời kỳ "chiến tranh lạnh". Một tờ báo đã nhận xét: "Xét về thực lực, quan hệ của các nước lớn hiện nay giống như thời kỳ Chiến Quốc của Trung Quốc xưa kia. Tức là tuy có "thất hùng" (7 cường quốc) nhưng nước Tần vẫn mạnh nhất. Nước Mỹ hiện nay cũng vậy. Các nước lớn nếu đơn độc chống lại Mỹ thì không có hiệu quả, nếu liên kết chống lại Mỹ thì không phù hợp với xu thế hiện nay. Nhưng do Mỹ lạm hành, bá quyền, trịch thượng, nên biện pháp tốt nhất là cùng nhau kiềm chế Mỹ thông qua quan hệ song phương và các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc" ⁽¹⁾.

Quan hệ Mỹ - EU trong tương lai

Một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển quan hệ Mỹ - EU trong tương lai là sự thay đổi về kinh tế và chính trị trong nội bộ nước Mỹ. Nếu G. Bu-sơ tái đắc cử, thì cùng với việc tiếp tục chiến lược ngoại giao đơn phương của nhiệm kỳ 4 năm trước đó, mâu thuẫn giữa Mỹ và EU trong việc phối hợp chiến lược, công việc quốc tế, quan hệ kinh tế, thương mại... sẽ ngày càng sâu sắc. Nhưng nếu đảng Dân chủ với khuynh hướng đa phương thắng thế thì quan hệ Mỹ - EU có thể sẽ quay trở lại hợp tác với nhau, dù vẫn còn những bất đồng khó giải tỏa, như tờ *Foreign Affairs*, số 11, tháng 12-2003 nhận xét, Mỹ và EU tuy chia rẽ nhưng vẫn cần đến nhau.

Nhìn về lâu dài, địa vị siêu cường của Mỹ có thể tiếp tục được duy trì, thậm chí còn mạnh hơn. Điều này có thể khiến Mỹ vận dụng hơn nữa chính sách đơn phương. Tuy nhiên, nếu Mỹ sử dụng vũ lực càng nhiều thì chính sách đơn phương của Mỹ càng mâu thuẫn với EU vốn theo xu hướng hòa bình, phát triển. Việc đồng ơ-rô lưu thông một cách ổn định trên thị trường và sự phát triển của tiến trình nhất thể hóa châu Âu khiến cho nhận thức chung của người châu Âu tăng lên, trên một mức độ nhất định đã tăng cường sự hội tụ và khiến cho các nước châu Âu cố gắng trở thành một "thực thể chính trị thống nhất", có chính sách ngoại giao và phòng vệ chung. Nếu châu Âu phát triển thành một thực thể chính trị giống như một quốc gia - dân tộc, nó sẽ trở thành một cực kiềm chế Mỹ và quan hệ Âu - Mỹ sẽ nhạt đi, tính cạnh tranh tăng lên, từ đó tạo ra sự kiềm chế chiến lược mới, thậm chí là mối đe dọa đối với Mỹ. Mâu thuẫn giữa Mỹ và EU sẽ ngày càng sâu sắc. □

(1) Tạp chí Thông tin công tác tư tưởng lý luận, số 12-2003, tr 43

HỘI NGHỊ KIỂM ĐIỂM 5 NĂM TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 (KHÓA VIII) CỦA TỈNH BẮC NINH

N GÀY 7-1-2004 vừa qua, Tỉnh ủy Bắc Ninh tổ chức Hội nghị kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Đại diện Bộ Văn hóa - Thông tin, các bộ, ngành và nhiều huyện, thị, xã, phường của tỉnh Bắc Ninh tham dự Hội nghị.

Bản Báo cáo kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc của Tỉnh ủy và 10 báo cáo tham luận của các cơ sở được trình bày. Các báo cáo đều khẳng định và đánh giá cao những thành tựu quan trọng của tỉnh Bắc Ninh sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) trên các mặt sau:

1 - Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa.

Trong 5 năm qua, tỉnh đã bổ sung, chỉnh sửa được 605 bản quy ước thôn (làng) theo Chỉ thị 24 của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường công tác quản lý nhằm phát huy giá trị bản sắc của lễ hội truyền thống. Trên 400 lễ hội do các làng, xã tổ chức theo Quy chế Lễ hội của Bộ Văn hóa - Thông tin. Về việc cưới, toàn tỉnh đã có 98/125 xã, phường, thị trấn có phòng tổ chức lễ trao giấy đăng ký kết hôn, không còn hiện tượng thách cưới, đốt pháo, hút thuốc trong đám cưới. Việc tang được thực hiện nghiêm túc theo các quy định của tỉnh; 631 nghĩa trang nhân dân được quy hoạch, đảm bảo vệ sinh. Việc tổ chức mừng thọ đang trở thành nét đẹp văn hóa ở một số nơi vào dịp đầu xuân; bỏ lệ khao lão gây tốn kém, lãng phí. Cấp ủy các cấp chỉ đạo triển khai thực hiện quyết định 87/CP, 88/CP, Nghị định 31/CP của Chính phủ về quản lý các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa. Ban Chỉ đạo 814 của tỉnh đã tổ chức kiểm tra và hướng dẫn đội kiểm tra liên ngành của các huyện, thị kiểm tra 7 126 lượt cơ sở, xử lý 1 249 cơ sở vi phạm, đình chỉ hoạt động 49 cơ sở, thu giữ nhiều phương tiện và văn hóa phẩm vi phạm quy định hiện hành.

2 - Phát triển văn hóa nghệ thuật.

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã chú trọng xây dựng các thiết chế phục vụ tốt hoạt động văn hóa. Các hoạt động biểu diễn của Đoàn Dân ca quan họ, Đoàn Xiếc Sông Cầu, múa rối nước, các câu lạc bộ tuồng chèo, hát quan họ... đã từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Trung tâm Phát hành phim và các đội chiếu phim đã tổ chức 2 299 buổi chiếu phục vụ 1 150 000 lượt người xem và cung cấp trên 17 600 băng đĩa hình các loại; phát hành 3 000 băng hình học hát quan họ phục vụ nhân dân trong tỉnh. Hoạt động thư viện có nhiều chuyển biến. Ngoài Thư viện tổng hợp của tỉnh còn có 267 thư viện của các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và phổ thông, 6 thư viện huyện, thị, 80 thư viện thôn làng, 125 tủ sách pháp luật, 105 điểm bưu điện - văn hóa xã... đã cung cấp hàng vạn lượt bản sách báo đến độc giả. Công tác xuất bản, in, phát hành, nhiếp ảnh mỹ thuật được các cấp ủy quan tâm hơn. Mỗi năm, tỉnh xuất bản được từ 5 đến 10 đầu sách với trên 5 000 cuốn. Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được các cấp ủy, chính quyền đặc biệt quan tâm. Năm 2002, toàn tỉnh có 246 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng, 62 di tích được tu bổ theo chương trình mục tiêu.

3 - Sự nghiệp giáo dục đào tạo, khoa học - công nghệ và môi trường đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2002, hiện có 125 trường đạt tiêu chuẩn Trường chuẩn Quốc gia.

4 - Hệ thống thông tin đại chúng của tỉnh ngày càng phát triển, hiện có 4 tờ báo và 11 bản tin; báo Bắc Ninh xuất bản 3 kỳ/ tuần với số lượng 3 700 tờ/kỳ. Ngoài Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh còn có 8 đài phát thanh huyện, thị phát sóng FM và 60 xã phường có trạm truyền thanh.

5 - Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với "Phong trào xây dựng khu dân cư văn hóa, làng văn hóa" và "Phong trào xây dựng gia đình ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo" ngày càng phát triển. Có 150 000 lượt hộ đạt danh hiệu gia đình "ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu

hiếu thảo", 425 thôn, làng được công nhận là làng văn hóa... Cuộc vận động đã khơi dậy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng, góp phần to lớn trong việc đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo ở địa phương. Thông qua cuộc vận động "Ngày vì người nghèo", toàn tỉnh đã đóng góp trên 4 tỉ đồng và xây dựng 307 nhà đại đoàn kết tặng các hộ nghèo; đồng thời, hỗ trợ giống vốn, vật tư sản xuất cho hàng ngàn hộ nghèo trong toàn tỉnh.

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và phát huy những thành tựu đạt được, Bắc Ninh quyết tâm làm tốt các nhiệm vụ:

- Giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh.
- Đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hóa trong khu dân cư. Phần đầu đến năm 2010 có 60 - 70% số gia đình được công nhận gia đình văn hóa, 60% số làng, khu phố được công nhận là làng văn hóa. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Đẩy lùi các hủ tục, tệ nạn cờ bạc, ma túy, mại dâm, gây rối công cộng.
- Nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện đời sống văn hóa ở vùng nông thôn, kinh tế khó khăn, xa trung tâm tỉnh, huyện, thị xã.
- Tăng cường quản lý, củng cố và khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, trang - thiết bị, thiết chế văn hóa hiện có. Đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm nhằm phát triển du lịch và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn. □

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2003 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI TUYỂN SINH NĂM 2004

NGÀY 3-2-2004, tại Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội nghị tổng kết tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2003 và phương hướng triển khai tuyển sinh năm 2004. Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ đã đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị. Tham dự Hội nghị có đại diện Ban Khoa giáo Trung ương, Ủy ban Văn hóa giáo dục Thanh thiếu niên - Nhi đồng của Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, Chủ tịch và Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố cùng Hiệu trưởng các trường đại học và cao đẳng trong cả nước...

1 - Tổng kết năm 2003

Sau phần khai mạc, Bản báo cáo tổng kết tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2003 và nghiên cứu các văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo được trình bày. Qua thảo luận, các đại biểu nhất trí đánh giá công tác tuyển sinh cao đẳng, đại học của năm qua trên các mặt sau:

Về ưu điểm: Công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2003 nói chung và kỳ thi tuyển sinh nói riêng đã kết thúc thắng lợi trong trật tự, an toàn, đúng quy chế, tiếp tục phát huy tác dụng tích cực của giải pháp "3 chung" niên đã được công luận ghi nhận và ủng hộ với nhiều tiến bộ mới so với năm trước.

- Để thi không quá khó, bám sát sách giáo khoa trung học phổ thông, chủ yếu là lớp 12. Kết quả làm bài thi của thí sinh trong hai năm 2002 và 2003 có ý nghĩa tích cực trong việc phản ánh một cách khách quan trình độ kiến thức còn thấp của học sinh (chỉ có gần 14% số thí sinh có tổng điểm 3 môn thi đạt 15 điểm trở lên); đồng thời, có tác dụng góp phần điều chỉnh cách dạy và học ở bậc trung học phổ thông, xác lập mặt bằng kiến thức trong việc tuyển chọn và bước đầu tạo cơ sở phân loại trường.

- Công tác tổ chức thi đã có bước đột phá trong việc chống gian lận, lập lại trật tự kỷ cương và công bằng trong thi cử. Trong số 943 407 thí sinh dự thi đại học và 340 271 dự thi cao đẳng, có 5 544 thí sinh bị xử lý kỷ luật, trong đó 4 657 trường hợp bị đình chỉ thi; hàng chục cặp thi hộ, thi kèm bị phát hiện; các đường

dây thi hộ, thi kèm có tổ chức tinh vi, liên quan đến hàng trăm đối tượng ở Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Thái Nguyên... đã bị phát hiện và xét xử.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyển sinh đã có nhiều tiến bộ đáng kể, bảo đảm độ tin cậy của dữ liệu và thời hạn xử lý dữ liệu.

- Công tác chỉ đạo điều hành kỳ thi có bước tiến mới, mọi công việc đều chủ động, kiên quyết, kịp thời, đảm bảo nghiêm minh; văn hóa thi cử ngày càng được nâng cao.

Một số hạn chế:

- Chính sách ưu tiên chưa thỏa đáng, khó thực hiện và bị lợi dụng phần nào làm mất đi sự công bằng. Quy định mức chênh lệch điểm giữa các đối tượng và khu vực chưa thật hợp lý, khiến tổng độ chênh lệch quá lớn (5 điểm), làm cho một số trường lớp dưới có điểm trúng tuyển thấp ảnh hưởng đến chất lượng "đầu vào". Quy định cơ sở để xét khu vực ưu tiên là hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống đã bộc lộ nhiều bất cập.

- Một số trường lợi dụng việc phân cấp, có biểu hiện xé rào, không tuân thủ các quy định chung trong việc sử dụng công nghệ thông tin, trong công tác coi chấm thi và xét tuyển.

2 - Phương hướng, nhiệm vụ tuyển sinh năm 2004:

Toàn ngành thống nhất ý chí và hành động, tiếp tục thực hiện giải pháp "3 chung" theo đề án cải tiến tuyển sinh giai đoạn 2002 - 2007 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 1-2002. Về cơ bản, công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2004 vẫn tiến hành như năm 2003 với một số sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 08/2003-QĐ-BGD&ĐT, ngày 13-3-2003, cho phù hợp với thực tế. Cụ thể là:

- a - Sau khi chấm thi xong, các trường công bố điểm thi của thí sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng, chậm nhất là ngày 15-8-2004.

- b - Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các nhóm đối tượng là 1 và giữa các khu vực kế tiếp nhau là 0,5.

- c - Tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học lớp cuối cấp có chuyển trường thì học ở đâu lâu hơn hưởng ưu tiên khu vực ở đó. Quy định này áp dụng cho cả các thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm thi tuyển sinh.

- d - Thí sinh mang tài liệu, phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm vào phòng thi dù sử dụng hay chưa sử dụng đều bị đình chỉ thi.

- đ - Điều chỉnh, sắp xếp lại bảng ký hiệu các đối tượng ưu tiên và bảng phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng.

- e - Ngoài ra còn một số sửa đổi bổ sung có tính chất kỹ thuật khác.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm hoan nghênh sự triển khai rộng rãi của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với công tác tuyển sinh và đánh giá cao những nỗ lực và kết quả mà ngành đã đạt được qua các kỳ tuyển sinh trước. Phó Thủ tướng khẳng định: Tổ chức thi theo phương thức "3 chung" về cơ bản là một định hướng đúng được dư luận đồng tình. Nhờ "3 chung", phát hiện được độ chênh lệch giữa thi phổ thông và đại học. Đây là vấn đề nan giải đòi hỏi Bộ Giáo dục và Đào tạo phải tiếp tục trả lời. Nhờ thi chung đánh giá được chất lượng, chọn được học sinh có chất lượng vào đại học. Qua thi chung, định hướng học phổ thông cho sát chương trình là cần thiết nhằm khắc phục hiện tượng học thêm, luyện thi thêm tràn lan, giảm bớt khó khăn cho xã hội và tấn công mạnh mẽ vào các tệ nạn xã hội trong thi cử; đồng thời, thúc đẩy công nghệ thông tin trong ngành giáo dục phát triển.

Phó Thủ tướng cũng chỉ rõ 3 vấn đề cơ bản tồn tại qua kỳ tuyển sinh năm 2003 và nêu ra những việc yêu cầu ngành giáo dục cần khắc phục trong kỳ thi tuyển sinh năm 2004: Cần thực hiện quy chế nghiêm túc, chặt chẽ và làm rõ trách nhiệm cá nhân đối với các thành viên tham gia tổ chức, thực hiện kỳ thi. Cần có sự hội tụ giữa phổ thông và đại học trong khâu làm đề, coi thi, chấm thi và tuyển chọn. Tăng cường quyền tự chủ của các trường và quan tâm đến chính sách xã hội đối với tuyển sinh, cần ưu tiên nhưng không được giảm chất lượng với nguyên tắc tối ưu là bảo đảm công bằng cho mọi thí sinh. □



CÔNG TY BAO BÌ 27-7 HÀ NỘI

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

CÔNG TY CHUYÊN SẢN XUẤT

1- Các loại bao bì cao cấp màng phức hợp in nhiều màu trên thiết bị hiện đại.

2- Túi xếp siêu thị, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

3- Bao bì ca-tông sóng (3-5 lớp).

4- Hộp đúp-lex có in từ 1-6 màu.

5- Bao PP các loại.

6- Máy mặc xuất khẩu.

7- Kinh doanh các loại vật tư, nguyên liệu hóa chất: hạt nhựa PE HD, PI...các loại màng: BOPP, MCPP, AL, PET.



Địa chỉ: Số 4 - đường Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội
ĐT: (84-4) 8 345 184/ 343 457 * Fax: (84-4) 8 344 609
Email: hapack27-7@fpt.vn

Digitized by Google



CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN I

Địa chỉ: 15 - Cửa Bắc - Hà Nội

ĐT: 04.8203 153 - 8293 152 *Fax: 04.8293 173 - 8238 638

Giám đốc: **KS VŨ HỮU HOA**



Thi công lắp đặt thiết bị mở rộng trạm 220 KV Sóc Sơn

của các trạm biến áp ở các cấp điện áp.
 + Sửa chữa điện nóng (đường dây đang vận hành) đường dây 220 kV.
 + Đào tạo chuyên sâu công nhân, nhân viên quản lý vận hành thiết bị lưới điện các cấp điện áp.

KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ VẬN HÀNH

+ 18 trạm biến áp 220 kV với 26 máy có tổng công suất đặt 4000 MVA
 + 7 trạm 110 kV với 14 máy 110 kV có tổng công suất đặt 433 MVA
 + 1 trạm biến áp 500 kV với tổng dung lượng 450 MVA
 + 1800 km đường dây 220 kV, 406 đường dây 500 kV.

CÁC THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

+ 1 đơn vị và 1 cá nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động
 + Một Huân chương Độc lập hạng Ba
 + 2 Huân chương Lao động hạng Nhất
 + 1 Huân chương Lao động hạng Nhì
 + 8 Huân chương Lao động hạng Ba
 + 4 cờ thi đua, 36 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
 + 4 cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
 + Nhiều cờ, bằng khen của Bộ Công nghiệp, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam,

NHIỆM VỤ

Là doanh nghiệp nhà nước, thành viên của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, hoạt động chuyên ngành truyền tải điện trên phạm vi các tỉnh phía Bắc Việt Nam, với các chức năng:

+ Quản lý vận hành lưới điện 220kV, 500kV khu vực miền Bắc.
 + Sửa chữa, đại tu các loại thiết bị điện áp 6kV trở lên đến 500kV gồm các loại máy cắt dầu, máy cắt không khí, máy cắt St6, máy biến thế các cấp điện áp, các loại TU, TI và các loại dao cách ly.
 + Thí nghiệm hiệu chỉnh các thiết bị điện

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM LÀO CAI

Địa chỉ: 316 Hoàng Liên, P. Kim Tân, TX. Lào Cai * ĐT: 020 844 576, 840 155

Hiệu trưởng: Thạc sĩ. PHÙNG QUANG THỤY

NHỮNG CHUYỂN BIẾN NỔI BẬT TRONG 10 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Công tác xây dựng đội ngũ: Trong 10 năm qua, nhà trường luôn đặt công tác xây dựng đội ngũ lên vị trí hàng đầu và coi đây là nhiệm vụ chiến lược; vừa tăng cường đưa cán bộ, giáo viên đi đào tạo ở bậc cao học, vừa tích cực bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên nhà trường. Đến nay, toàn trường đã có 23 CBGV được đào tạo ở bậc cao học, có 07 giáo viên đang học cao học và 04 giáo viên tiếp tục đi thi cao học.

Nhà trường đã đào tạo và bồi dưỡng thành công cả 3 ngành học lớn: Mầm non, Tiểu học và THCS.

Xây dựng phong trào thi đua dạy tốt, học tốt gắn với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo. Gắn công tác thi đua dạy

tốt, học tốt gắn với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết TW 4 (khóa VII) và Nghị quyết TW2 (khóa VIII) được quán triệt thường xuyên.

Để phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể và giữ vững kỷ cương, nề nếp, nhà trường đã mạnh dạn đổi mới công tác quản lý, tổ chức bằng giải pháp xây dựng các khoa, tổ, phòng, ban theo mô hình của trường CĐSP đa hệ; giao quyền chủ động cho các khoa, tổ, phòng, ban trong việc quản lý, điều hành chuyên môn cũng như giáo dục học sinh.

Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cho các ngành học góp phần hoàn thành mục tiêu CMC và PCGDTH của tỉnh nhà. Từ năm 1992 đến năm 2000, trường CĐSP Lào Cai đã đào tạo tại trường được 3 585 giáo viên các ngành học.

CHANG
DONG
10 NĂM
XÂY
DUNG
VA
PHAT
TRIEN



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN BẮC

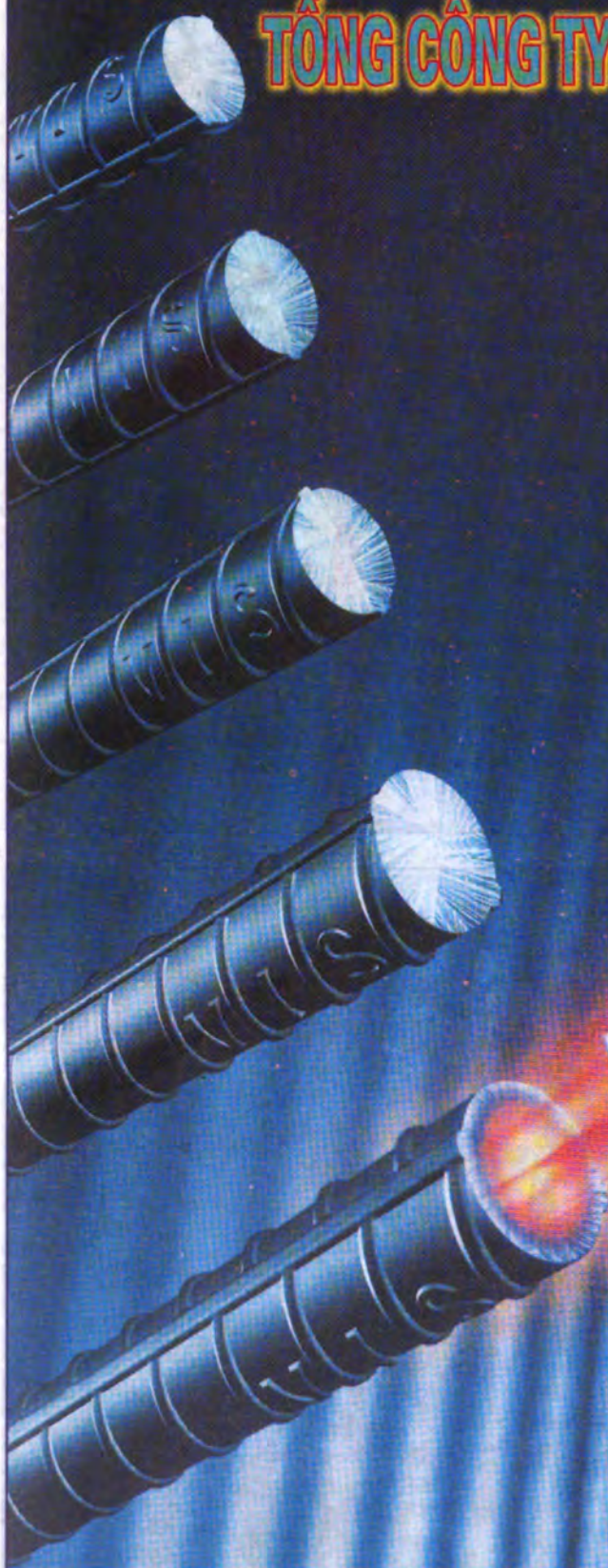


Địa chỉ: 905D Nguyễn Khoa I - phường Chương Dương - Hà Nội

Điện thoại: 04 9 840 825 - Fax: 04 9 840 824

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ



VIS

THÉP VIỆT - Ý

NHÀ MÁY THÉP VIỆT - Ý

Địa chỉ: Xã Giai Phạm, H. Yên Mỹ, T. Hưng Yên • ĐT: (0321) 942 224, 942 225 • Fax: 0321 942 226 • E-mail: vis@ipt.vn

QUẬN LIÊN CHIỂU²

Địa chỉ: Hòa Phú, Hòa Minh, Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng * ĐT: 0511 841 600 * Fax: 0511 731 088



Bí thư Quận ủy: HỒ VĂN CHINH

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, có nhiều chuyển biến tích cực. Phần lớn các chỉ tiêu kinh tế hàng năm đều tăng, một số chỉ tiêu có sự tăng trưởng vượt bậc tạo đà cho sự phát triển bền vững của quận. Nhiều vấn đề xã hội đã được giải quyết có hiệu quả, quốc phòng - an ninh được giữ vững, hệ thống chính trị ngày càng được củng cố vững chắc.

❖ **Công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp:** Quận đã và đang giữ vị trí hàng đầu, chiếm tỉ trọng cao trong các ngành kinh tế, giá trị bình quân hàng năm tăng 30,8%.

❖ **Thương mại dịch vụ:** Có nhiều tiềm năng và tỏ rõ ưu thế trong quá

trình phát triển kinh tế của quận. Giá trị thương mại tăng trưởng bình quân hàng năm là 20%.

❖ **Sản xuất nông nghiệp:** Cải tạo vườn tạp, chuyển đổi giống cây trồng con vật nuôi có những chuyển biến đáng kể, nghề nuôi tôm giống, tôm thịt đã và đang phát triển.

❖ **Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật:** Có bước tiến bộ, tạo điều kiện phát triển công nghiệp của quận và thành phố, chú trọng đầu tư xây dựng trường học, bệnh viện, giao thông, các công trình văn hóa và điện sinh hoạt.

❖ **Lĩnh vực văn hóa-xã hội:** Văn hóa, thể thao, truyền thanh được đầu tư đúng mức, có chuyển biến đáng kể và đã đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đạt nhiều kết quả đáng khích lệ.

Cơ sở vật chất, trang - thiết bị của các trường học được đầu tư xây dựng, có trên 70% số trường học tăng hóa. Công tác xã hội hóa giáo dục có

những chuyển biến quan trọng; giữ vững tỷ lệ huy động 100% trẻ em trong độ tuổi đến lớp hàng năm, 100% số trẻ em được tiêm chủng ngừa các bệnh theo quy định.

Đảm bảo việc thực hiện chế độ cho các đối tượng chính sách xã hội. Hiện nay, không còn nhà tạm đối với diện chính sách, có bản xóa nhà tạm cho hộ nghèo; cấp BHYT cho 379 đối tượng nghèo khó, tàn tật, ốm côi; hàng năm, tạo việc làm cho 3 000 lao động; tỷ lệ hộ nghèo còn 1,26%, không còn hộ đói.

❖ **Công tác xây dựng Đảng:** Các cấp ủy chủ trọng tuyên truyền, bảo vệ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyên truyền đường lối của Đảng, đấu tranh uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những biểu hiện dao động về tư tưởng đi đôi với các biện pháp về tổ chức để quản lý đảng viên. Công tác quy hoạch, đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ với hình thức khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là trình độ lý luận chính trị.





BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY ĐIỆN THOẠI TÂY THÀNH PHỐ

WHTC - WESTERN HCMC TELEPHONE COMPANY

SỐ 2 HÙNG VƯƠNG - P.1 - QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

* Tel: (08) 839 999 * Fax: (08) 839 6688

* Website: <http://whtc.com.vn> * Email: whtc@hempt.com.vn

CÔNG TY ĐIỆN THOẠI TÂY THÀNH PHỐ là đơn vị trực thuộc Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh, cung cấp các dịch vụ điện thoại cố định và các dịch vụ giá trị gia tăng của mạng điện thoại cố định thuộc khu vực phía Tây Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: các quận 5, 6, 8, 10, 11, 12, Gò Vấp, Hóc Môn, Củ Chi, một phần các quận: 1, 3, Tân Bình và Bình Chánh.

**Nhanh chóng
Chính xác
An Toàn
Tiện Lợi
Văn Minh**

CUNG CẤP MỌI DỊCH VỤ VỀ ĐIỆN THOẠI

1. Lắp đặt mới đường dây điện thoại:
 - Loại hữu tuyến
 - Loại vô tuyến cố định
2. Lắp đặt điện thoại tổng đài chờ
3. Lắp đặt fax, tổng đài và mạng nội bộ
4. Dịch vụ sau đặt mới
 - Chọn số điện thoại hoặc đổi số bất kỳ
 - Chuyển chủ quyền đường dây điện thoại
 - Dời dịch điện thoại, fax, tổng đài nội bộ
 - Thuê lại số điện thoại sau khi dời và đổi số
 - Thuê ngắn hạn đường dây điện thoại và thiết bị đầu cuối
 - Tạm ngưng, tái lập máy điện thoại
5. Dịch vụ cộng thêm (dịch vụ giá trị gia tăng)
6. Kinh doanh thẻ Cardphone Việt Nam, thẻ gọi 1717

LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG MỌI DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI TẠI CÁC ĐIỂM GIAO DỊCH:

- | | | |
|--|----------------|-----------------|
| • Số 2 Hùng Vương, P.1, quận 10 | • ĐT: 8322 666 | • Fax: 8299 666 |
| • Số 1 Trịnh Hoài Đức, quận 5 | • ĐT: 8566 666 | • Fax: 9508 650 |
| • 270B Lý Thường Kiệt, P.14, quận 10 | • ĐT: 865 2720 | • Fax: 865 7700 |
| • 246 Phan Văn Trị, P.10, quận Gò Vấp | • ĐT: 996 9391 | • Fax: 9969 268 |
| • BƯU ĐIỆN HÓC MÔN:
57/7 Lý Nam Đế, TT Hóc Môn, H. Hóc Môn | • ĐT: 891 4678 | • Fax: 7100 555 |
| • BƯU ĐIỆN CÚ CHI:
Khu phố 2, TT Củ Chi, huyện Củ Chi | • ĐT: 892 1921 | • Fax: 892 0511 |
| • BƯU ĐIỆN BÌNH CHÁNH:
164 Kinh Dương Vương, KP7, TT An Lạc, H.BC | • ĐT: 7515 444 | • Fax: 857 0630 |
| • TT ĐIỆN THOẠI CÔNG CỘNG:
77 - 78 Lý Thường Kiệt, P.9, quận Tân Bình | • ĐT: 865 0330 | • Fax: 865 0663 |
| • 80B Nguyễn Du, quận 1 | • ĐT: 822 9984 | • Fax: 823 1898 |

HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT

TỈNH TÂY NINH



Địa chỉ: 167 Đại lộ 30/4-Thị xã Tây Ninh ĐT: 822327 - 827536



KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn Và Hạnh Phúc

Giám đốc
Nguyễn Hữu Tài



BIỂU TƯỢNG HOÀ BÌNH



BIỂU TƯỢNG TÌNH YÊU



BIỂU TƯỢNG CỦA SỰ BỀN VỮNG



BIỂU TƯỢNG CỦA SỰ BỀN VỮNG



GẠCH NGÔI COTEC



TERRAZZO COTEC



BÊ TÔNG COTEC



BÁT ĐỘNG SÀN COTEC



XÂY LẬP COTEC



THƯƠNG MẠI COTEC



BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1
CÔNG TY KỸ THUẬT XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG



VĂN PHÒNG CÔNG TY COTEC: LẦU 6, SỐ 9 - 19 HỒ TÙNG MẬU, Q.1, TP.HCM. TEL: (84-8)8211965, 8294642. FAX: (84-8)8210293. EMAIL: cotec@hcm.vnn.vn
PHÒNG KD THỊ TRƯỜNG - TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI COTEC: 20/20,21,22 Đường 3/2, P.12, Q.10, TP.HCM. Tel: (84-8)8 621507, 8632208, 8621402. Fax: (84-8)8621507, 8621402

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHU VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GÒ VẤP TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 21- Nguyễn Hồng - Phường 1 - Quận Gò Vấp
Điện thoại: 08.9852 679 - 9852 680 * Fax: 08.8944 577

Giám đốc: Kỹ sư **Nguyễn Hồng**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Quản lý các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn quận Gò Vấp
bằng nguồn vốn ngân sách tập trung của Thành phố và quận.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ - NAPHACO
NAM HA PHARMACEUTICAL JOINT - STOCK COMPANY

CÔNG TY LUÔN PHẤN ĐẤU

VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG



Giấy Chứng Nhận GMP - GLP ASEAN



Bia Sài Gòn kể chuyện ngày Xuân



23 THÁNG CHẠP UỐNG TIỀN ÔNG TÁO



ĐÊM 30 UỐNG ĐÓN GIAO THỪA



MỪNG MỘT UỐNG MỪNG TÂN NIÊN



MỪNG 3 UỐNG TIỀN ÔNG BÀ



UỐNG QUANH NĂM
CẦU GIÁP THÂN ĐẮC LỘC



Bia Sài Gòn - Bia của người Việt Nam

Digitized by Google

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - thị xã Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước



Phó Giám đốc Sở Y tế
kiêm Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Bình Phước

HUỖNH KIM TIẾN



Một ca phẫu thuật tại Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức

Buổi ban đầu, Bệnh viện với đội ngũ cán bộ viên chức chỉ có 103 người (36 bác sĩ) thì đến nay đã có 386 người, trong đó có 83 bác sĩ và 3 dược sĩ đại học.

> Từ tháng 12-2002, Bệnh viện đã có cơ sở mới xây dựng với quy mô 300 giường bệnh đi vào sử dụng.

> Hoạt động chuyên môn có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 1999, tổng số bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện là 10 992 người, phẫu thuật 780 ca.

> Năm 2002, Bệnh viện tiếp nhận điều trị 14 728 lượt bệnh nhân nội trú và thực hiện phẫu thuật 1 518 ca.

> Năm 2003, khám bệnh cho 9 575 người, số bệnh nhân điều

trị nội trú là 19 417 lượt và số ca phẫu thuật là 2 145 ca.

> Bệnh viện đã phát triển toàn diện, trong đó trình độ của đội ngũ thầy thuốc được nâng lên rõ rệt. Các chuyên khoa ngoại chấn thương, ngoại niệu, ổ bụng, từ khi được Bệnh viện Chợ Rẫy tặng máy CT. Scanner (11-2002) đã triển khai phẫu thuật sọ não, cứu sống được nhiều bệnh nhân bị chấn thương do tai nạn giao thông. Đối với hệ nội đã điều trị hầu hết các bệnh khác.

> Được sự giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân, Bệnh viện đã có bếp ăn tình thương (khoảng 200 suất/ngày) góp phần không nhỏ vào việc chăm sóc các bệnh nhân nghèo, mang lại ý nghĩa xã hội tích cực.

> Tuy trang thiết bị còn thiếu nhiều, song với nguồn ODA của Cộng hòa Liên bang Đức dự kiến hoàn tất vào năm 2006, Bệnh viện sẽ có những thiết bị cần thiết đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân tỉnh nhà.

> Ngày đầu thành lập, Bệnh viện chỉ có 1 cán bộ tốt nghiệp sau đại học; đến nay, có 21 cán bộ viên chức có trình độ sau đại học; 18 người đang học sau đại học, 50 người đang đi học ở các lớp chuyên môn khác.

> Điều quan trọng hơn nữa là, Bệnh viện luôn giáo dục đội ngũ nâng cao ý thức phục vụ người bệnh, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác khám và điều trị, và đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học.



5/30

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM



XĂNG DẦU



BẢO HIỂM



VẬN TẢI BIỂN



XUẤT NHẬP KHẨU
TỔNG HỢP



KHÍ HÓA LỎNG



CƠ KHÍ



HÓA CHẤT



PETROLIMEX



THIẾT BỊ XĂNG DẦU



DẦU NHỜN



XÂY DỰNG



NHỰA ĐƯỜNG



THIẾT KẾ & TƯ VẤN
ĐẦU TƯ



TIN HỌC - VIỄN THÔNG
TỰ ĐỘNG HOÁ

TRỤ SỞ CHÍNH:

SỐ 1 KHÂM THIÊN, HÀ NỘI, VIỆT NAM.

ĐT: (84-4) 8512603

FAX: (84-4) 8519203

HX
9
.H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
MAR 30 2004
CURRENT SERIALS

CÔNG TY VƯỜN QUẢ - DU LỊCH TỪ LIÊM

Địa chỉ: Xã Minh Khai - Huyện Từ Liêm - Hà Nội * Điện thoại: 04 8374 286 * Fax: 04 8340 171

Công ty Vườn quả và Du lịch Từ Liêm là DNNN, thành lập theo Quyết định số 2710/QĐ-UB ngày 25-10-1994 của UBND thành phố Hà Nội.

Nằm ở phía Tây Thủ đô Hà Nội cách trung tâm thành phố 12 km, theo quốc lộ 32, trên địa bàn xã Phú Diễn - Minh Khai, với diện tích 42,8 héc-ta và 2 dự án: Vườn quả Thanh niên và Vườn Thực vật Hà Nội. Công ty có chức năng nhiệm vụ: Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp; thiết kế thi công công trình; dịch vụ ăn uống, vui chơi, giải trí; dịch vụ du lịch, lễ hành, nhà nghỉ.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

Nông nghiệp: Từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, đã duy trì bảo tồn giống bưởi Diễn đặc sản do Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội giao để cung cấp giống, giữ nguồn đặc sản cho thủ đô.

Hiện nay, Công ty có 5 héc-ta vườn cây giống gốc bưởi Diễn, đảm bảo cung cấp giống đầy đủ và 10 héc-ta vườn bưởi kinh doanh đang trong thời kỳ xây dựng cơ bản.

Từ 1999 đến nay, Công ty cung cấp hơn 1 vạn cây bưởi giống, giúp chuyển đổi cơ cấu cây trồng và phục vụ nhà vườn thuộc các xã trong huyện Từ Liêm, Gia Lâm, Sóc Sơn, Đông Anh, các tỉnh Hà Tây, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc,... và nhiều loại cây xanh khác.

Dịch vụ du lịch: Trên 10 héc-ta, CLB Cây xanh - Công ty Vườn quả Du lịch Từ Liêm có 2 khu nhà sàn phục vụ du lịch sinh thái, hội nghị, hội thảo, búp-phê, sinh nhật, mừng thọ, lễ cưới truyền thống trang trọng, lịch sự, tiết kiệm...đảm bảo phục vụ hàng ngàn người.

Có 1 hồ câu cá diện tích 1 héc-ta, khu nhà nghỉ 12 phòng khép kín và kèm theo nhiều dịch vụ vui chơi giải trí khác. Đây sẽ là địa điểm du lịch lý tưởng cho những ngày nghỉ cuối tuần. Hướng tới, Công ty sẽ trở thành Trung tâm Dịch vụ Du lịch sinh thái của thủ đô Hà Nội. Công ty Vườn quả Du lịch Từ Liêm sẵn sàng liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư với các bạn hàng trong và ngoài nước.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

Tổ chức cơ sở đảng của Công ty nhiều năm liền đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

Tự vệ Công ty 7 năm liền đạt danh hiệu quyết thắng.

An ninh trật tự nhiều năm liên tục đạt tiên tiến.

Công đoàn vững mạnh và nhiều năm được nhận được cờ thi đua của Thành phố.

Đoàn Thanh niên Công ty đạt danh hiệu tiên tiến xuất sắc.

Giám đốc công ty được công nhận là "Giám đốc doanh nghiệp giỏi".



BƯỞI DIỄN



HỒ CÂU CÁ





THÁNG RA 2 KỶ
RA NGÀY 1 VÀ 16 HÀNG THÁNG

SỐ 704

5

3-2004

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

**• Cơ quan thường trú
tại miền Trung :**

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchiconsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Bộ đội Biên phòng - người thầy
giáo mang quân hàm xanh
Ảnh: Nguyễn Lành

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

- *** Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) *Về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng* 3
- NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Xây dựng đảng cầm quyền: Một số kinh nghiệm từ thực tiễn đổi mới ở Việt Nam 9
- PHẠM VĂN TRÀ - Phát huy truyền thống 45 năm anh hùng, Bộ đội Biên phòng phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao 21

NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

- LÊ THỊ THỰC - Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực chính trị và thực thi quyền lực chính trị 26
- NGUYỄN NGỌC THU - Hồ Chí Minh với giáo dục cái đẹp cho tuổi trẻ 29

HỘI THẢO LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

- Xây dựng Đảng cầm quyền: Kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc 34

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- ĐINH QUANG TY - Toàn cầu hoá và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam hiện nay 40
- MAI TRUNG HẬU - Củng cố nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng - vấn đề cơ bản và cấp bách 46
- ĐƯỜNG VINH SƯỜNG - Nâng cao khả năng tiếp nhận và ứng dụng khoa học - công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân 51

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

- TRỊNH NGỌC HUYỀN - Bộ đội Biên phòng với Phong trào Thi đua Quyết thắng 54
- PHAN XUÂN BIẾN - Thành phố Hồ Chí Minh trên đường tới đích: Hoàn thành kế hoạch 5 năm 2001-2005 59
- PHẠM HẠNH SÂM - Nữ doanh nhân Việt Nam thời kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập 63

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

- ĐỖ MAI THÀNH - Bệnh "phong" 67

THẾ GIỚI; VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

- ĐỨC VƯỢNG - Những đóng góp lớn của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng thế giới 69
- VŨ CÔNG GIAO - Bình đẳng giới - cuộc đấu tranh lâu dài của nhân loại 74

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

- *** Chính phủ họp phiên thường kỳ tháng 1-2004 79
- *** Hội thảo khoa học: "Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển Kinh tế thị trường ở Việt Nam" 80

СОДЕРЖАНИЕ:

*** Резолюция IX Пленума Центрального Комитета Компартии (IX созыв) О некоторых генеральных партийных линиях, политических установках, больших решениях для успешного выполнения резолюций IX Общепартийного Съезда Компартии Вьетнама. НГУЕН ФУ ЧОНГ: Строительство правящей партии: некоторые опыты из практики обновления во Вьетнаме. ФАМ ВАН ЧА: Развивая 45-летнюю героическую традицию, пограничные войска прилагаем старания в успешном выполнении порученных политических заданий. ЛЕ ТХИ ТХУК: Изучение идеи Хо Ши Мина о политической власти и осуществлении политической власти. Практико-теоретический семинар: «Строительство правящей партии: опыты Вьетнама и опыты Китая». ДИНЬ КУАНГ ТИ: Глобализация и конкурентоспособные возможности вьетнамской экономики на данном этапе. ДЫОНГ ВИНЬ ШЫОНГ: Повышение способности к применению и внедрению научных технологий ради сельского хозяйства, сельских местностей и крестьян. ФАМ ХАНЬ ШАМ: Вьетнамские женщины-предприниматели в период рыночной экономики, открытой политики и интеграции. ДЫК ВЬОНГ: Большие вклады Коммунистического Интернационала в мировую революцию. ВУ КОНГ ЖАО: Равноправие между женщинами и мужчинами – долгая борьба человечества.

CONTENTS

*** Resolution of the 9th Plenum of CPV Central Committee (IX tenure) regarding some large lines, policies, measures to implement successfully the Resolution of the IX National Party Congress. NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Building the party in power: some experiences of the renovation practices in Vietnam. PHẠM VĂN TRÀ: Promoting the traditions of 45 heroic years, the frontier army strives to fulfill excellently the entrusted political tasks. LÊ THỊ THỤC: Finding out Hồ Chí Minh's ideas about political power and its implementation. **Theoretical-practical seminar:** "Building the party in power – experience of Vietnam, experience of China". ĐINH QUANG TY: Globalisation and competition ability of Vietnam's economy at the present. ĐƯỜNG VINH SƯỜNG: Enhancing the capability of accepting and applying sciences-technology for agriculture, the countryside and peasants. PHẠM HẠNH SÂM: Vietnam female businessmen in the period of market economy, opened-door policies and World integration. ĐỨC VƯỢNG: Significant contributions of Comintern to the World's revolution. VŨ CÔNG GIAO: Sex equality – a long struggle of humankind.

SOMMAIRE

*** Résolution du 9^e plénum du Comité central du PCV (issu du IX^e Congrès national) Sur quelques grandes options, politiques et solutions visant à réaliser avec succès la Résolution du IX^e Congrès national du Parti. NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Edification d'un parti au pouvoir: quelques expériences tirées de la pratique du renouveau au Vietnam. PHẠM VĂN TRÀ: En mettant en valeur leurs traditions de 45 années de lutte héroïque, les gardes-frontières s'efforcent d'accomplir brillamment les tâches politiques qui leur sont confiées. LÊ THỊ THỤC: Recherches sur la pensée de Hồ Chí Minh concernant le pouvoir politique et son exécution. **Colloque Théorie-Pratique:** "Edification d'un parti au pouvoir: expérience du Vietnam, expérience de Chine". ĐINH QUANG TY: La mondialisation et la compétitivité de l'économie du Vietnam à l'heure actuelle. ĐƯỜNG VINH SƯỜNG: Amélioration de la capacité de réception et d'application des progrès scientifico-techniques pour l'agriculture, la campagne et les paysans. PHẠM HẠNH SÂM: Femmes d'affaires vietnamiennes à l'époque de l'économie de marché, de l'ouverture et de l'intégration. ĐỨC VƯỢNG: Contributions importantes de l'Internationale communiste à la révolution mondiale. VŨ CÔNG GIAO: Égalité des sexes – une lutte de longue haleine de l'humanité.

SUMARIO

*** La Resolución de IX Pleno del CC del Partido (IX Congreso) Sobre algunas grandes directivas, políticas y soluciones con vistas a cumplir exitosamente las resoluciones del IX Congreso Nacional del Partido. NGUYỄN PHÚ TRỌNG: La construcción del partido en poder: ciertas experiencias sacadas de la práctica de renovación en Vietnam. PHẠM VĂN TRÀ: En despliegue de la tradición de 45 años heroicos, las tropas guardafronteras se esfuerzan por cumplir con excelencia las tareas políticas encargadas. LÊ THỊ THỤC: A conocer el pensamiento de Hồ Chí Minh sobre el poder político y la ejecución de ese poder. **Seminario de teoría y realidad:** "Edificar el Partido en poder: experiencias de Vietnam y China". ĐINH QUANG TY: La globalización y la competitividad de la actual economía vietnamita. ĐƯỜNG VINH SƯỜNG: Elevar la capacidad de recibir y aplicar la ciencia y la tecnología para la agricultura, el campo y los campesinos. PHẠM HẠNH SÂM: Las empresarias vietnamitas en el tiempo de la economía de mercado, de apertura y de integración. ĐỨC VƯỢNG: Los grandes aportes de la Internacional Proletaria hacia la revolución mundial. VŨ CÔNG GIAO: La igualdad de sexos – lucha prolongada de la humanidad.

目录

• 党中央委员会第九次会议上一些人的主张、政策、措施,旨在胜利实现党九大九中全会决议 • 阮富仲:建设执政党:通过越南革新实践的一些经验 • 范文茶:发挥45年英雄传统,越南边防部队努力出色地完成肩负的政治任务 • 黎氏淑:对胡志明思想中对有关政治权力及实施政治权力论述之探索 • 理论——科学实践研讨会:“建设执政党:越南经验、中国经验” • 丁光丝:全球化和目前越南经济竞争的能力 • 唐荣霜:提高越南农业、农村及农民对科学技术的接受能力及其应用 • 范幸琛:越南市场经济、开放及融入时期的女企业家 • 德旺:国际共产对世界革命所做出的巨大的贡献 • 武公交:男女平等——人类长期的斗争



NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA IX) VỀ MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP LỚN NHẪM THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX CỦA ĐẢNG *

...

2- Về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; phát triển văn hóa, xã hội

Tiếp tục triển khai mạnh trong thực tiễn quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; quán triệt sâu sắc hơn nữa ở các cấp, các ngành và trong toàn xã hội về vai trò động lực của các yếu tố văn hóa, xã hội đối với sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Tập trung chỉ đạo để làm tốt các việc sau:

- *Nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục và đào tạo.*

Giải pháp then chốt là đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn Việt Nam cùng với đổi mới cơ chế quản lý giáo dục. Kiên quyết giảm hợp lý nội dung chương trình học cho phù hợp với tâm sinh lý của học sinh cấp tiểu học và trung học cơ sở. Khẩn trương triển khai đề án phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; cơ cấu lại hệ thống đào tạo, hoàn

thiện hệ thống đào tạo thực hành định hướng nghề nghiệp. Khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, tạo cơ chế và điều kiện để các trường đại học và các trường dạy nghề chuyển mạnh sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Đổi mới cơ chế, chính sách tạo kinh phí cho giáo dục và đào tạo; xác định công khai và phù hợp phần đóng góp của người học, kiên quyết đấu tranh khắc phục các tiêu cực trong dạy và học; đồng thời có chính sách bảo đảm cho con các gia đình nghèo cũng có điều kiện được học tập. Tăng cường hợp tác với nước ngoài và thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực đào tạo đại học, sau đại học và đào tạo nghề; khuyến khích, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên ra nước ngoài học tập, đi đôi với tăng cường quản lý công tác lưu học sinh. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, xây dựng xã hội học tập.

- *Đổi mới một cách cơ bản cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; lấy sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của đất nước làm mục tiêu chủ yếu của hoạt động khoa học và công nghệ.*

* Tiếp theo số 4 (2-2004)

Có cơ chế, chính sách kinh tế để khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhà nước tích cực đổi mới công nghệ và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ. Khẩn trương khắc phục tình trạng bao cấp, hành chính hóa hoạt động khoa học và công nghệ. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để tạo bước bứt phá về một số công nghệ cao có tác động tích cực đến việc nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. Khẩn trương chuyển các tổ chức khoa học và công nghệ nghiên cứu triển khai sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Đổi mới cơ bản quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ, khuyến khích, tôn vinh các nhà khoa học trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài thực sự có tài, có đóng góp cho đất nước.

- Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống, lối sống văn hóa, văn minh; giữ gìn và phát triển các giá trị tốt đẹp của xã hội và con người Việt Nam.

Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo trong các lĩnh vực văn hóa, vừa phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa của văn hóa thế giới. Tăng cường quản lý và đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc. Có cơ chế khuyến khích lối sống văn hóa lành mạnh, văn minh và tạo dư luận mạnh mẽ đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống không lành mạnh, suy thoái đạo đức, trái với bản sắc tốt đẹp của dân tộc. Chú trọng công tác quy hoạch phát triển và tăng cường lãnh đạo, quản lý đối với các lĩnh vực thông tin, báo chí.

- Làm tốt hơn nữa việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

Nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh việc phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là các dịch bệnh mới phát sinh; tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ thống khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân (các cơ sở y tế của Nhà nước và ngoài nhà nước), hệ thống bảo hiểm y tế; hoàn thiện cơ chế, chính sách khám, chữa bệnh cho các đối tượng, đặc biệt là đối tượng chính sách và bệnh nhân nghèo. Tăng cường đầu tư để bảo đảm tự sản xuất được thuốc thiết yếu cho phòng, chữa bệnh. Nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ sở khám, chữa bệnh và y đức của các y, bác sĩ và nhân viên y tế. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động y tế. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao, nâng cao trình độ thể thao nước nhà. Giảm gia tăng dân số, nâng cao chất lượng dân số, giảm nhanh tỉ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em.

- Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giảm mạnh tai nạn giao thông và tích cực phòng chống tệ nạn xã hội.

Sớm ban hành các cơ chế, chính sách để khuyến khích các địa phương và người nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở đầu tư hỗ trợ của Nhà nước, tự lực phấn đấu vươn lên thoát khỏi đói, nghèo một cách bền vững; có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào các vùng nghèo, xã nghèo. Phát triển đào tạo nghề, chú trọng đào tạo có trọng điểm các lĩnh vực công nghệ mới để đáp ứng nhu cầu học nghề, tìm việc làm đa dạng trên từng địa bàn; từng bước đẩy mạnh xuất khẩu lao động có chất lượng cao.

Chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Hạn chế

tai nạn và thương tích trong cộng đồng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, giám sát và kịp thời tổng kết rút kinh nghiệm của cộng đồng về công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, coi đây là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên để có giải pháp phòng, chống tệ nạn xã hội hiệu quả hơn.

3- Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội và cơ quan dân cử các cấp.

Tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp của Quốc hội để nâng cao chất lượng của các luật, pháp lệnh; hoàn thiện quy chế về vai trò, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội chuyên trách; tổ chức chặt chẽ và hiệu quả công tác giám sát tối cao. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan của Quốc hội; kiện toàn tổ chức hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ba cấp thông qua bầu cử hội đồng nhân dân năm 2004. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp.

- Đẩy mạnh đồng bộ cải cách hành chính nhà nước, trọng tâm trong hai năm tới là điều chỉnh để làm rõ và thực hiện đúng chức năng của các cơ quan quản lý nhà nước trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đi sâu cải cách thể chế, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và thực hiện tốt cơ chế "một cửa", đẩy mạnh việc phân cấp quản lý để nâng cao tính chủ động, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của từng ngành, từng cấp; xóa bỏ bao cấp. Đề cao trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thạo việc, chí công vô tư. Áp dụng các

cơ chế, biện pháp để ngăn chặn và xử lý, khắc phục các trường hợp cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ để nhũng nhiễu, phiền hà gây bất bình cho nhân dân. Kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy công quyền những cán bộ, công chức thoái hóa, biến chất, sách nhiễu dân và thay thế kịp thời những người không đáp ứng được yêu cầu công việc.

Triển khai thực hiện chế độ dự bị công chức; có chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học về công tác ở cơ sở nhằm tạo nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Thực hiện triệt để việc tách quản lý hành chính nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh và quản lý hoạt động của tổ chức sự nghiệp dịch vụ công. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp dịch vụ công với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế. Các tổ chức sự nghiệp dịch vụ công, nhất là các bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu triển khai được tự chủ, tự chịu trách nhiệm về công việc, tổ chức, biên chế và tài chính.

- Đẩy mạnh đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Tiếp tục củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của tòa án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra các cấp. Đổi mới công tác xét xử của tòa án, cả về án hình sự, án dân sự, kinh tế, hành chính và lao động theo hướng mở rộng tranh tụng tại phiên tòa, coi trọng xem xét kết quả tranh tụng ở tòa khi kết án, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp. Sớm thực hiện chủ trương tăng thẩm quyền xét xử cho tòa án cấp huyện. Tập trung thực hiện tốt công tác thi hành án, nhất là thi hành án dân sự, khắc phục cơ bản tình trạng tồn đọng kéo dài. Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện với quyết tâm cao, có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc

biệt là tội phạm có tổ chức, các tội phạm tham nhũng.

- Thực hiện tốt hơn chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.

Xây dựng cơ chế, chính sách và cơ sở kinh tế bảo đảm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, động lực chủ yếu để phát triển đất nước trong tình hình mới. Tập trung chỉ đạo các xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp... thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp.

Bổ sung và hoàn chỉnh chủ trương, biện pháp xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức và doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đa dạng hóa hình thức, phương pháp tập hợp thanh niên, mở rộng phong trào tình nguyện của thanh niên, sinh viên. Làm tốt công tác dân vận, công tác dân tộc, công tác tôn giáo và từng bước ổn định cơ sở vùng xung yếu; xử lý kịp thời, linh hoạt các vấn đề đặt ra trên quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước. Ban hành pháp luật, cơ chế, chính sách có liên quan đến công tác dân tộc, tôn giáo, các hội quần chúng, hội nghề nghiệp, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm những điều kiện cần thiết và thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo luật định, đề cao vai trò giám sát, hướng mạnh về cơ sở, khắc phục tình trạng hành chính hóa trong tổ chức và hoạt động. Bồi dưỡng, đào tạo và kiện toàn đội ngũ cán bộ Mặt trận, đoàn thể. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ cơ sở vùng đồng bào tín đồ tôn giáo.

4- Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8 về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới" trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đồng thời, xây dựng, bổ sung ngay các phương án, kế hoạch phòng ngừa, nhằm chủ động ngăn chặn và đối phó thắng lợi mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch trong mọi tình huống; bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Xúc tiến việc chuẩn bị tổ chức chu đáo Hội nghị cấp cao Á - Âu lần thứ 5 (ASEM-5) do nước ta đăng cai lần đầu vào cuối năm 2004.

5- Về công tác xây dựng Đảng

Chỉ đạo quyết liệt hơn cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng tương xứng với vị trí là nhiệm vụ then chốt, tập trung vào một số việc trọng tâm sau:

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, kiên quyết khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.

Triển khai sâu rộng việc giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống trong toàn Đảng, trong cán bộ và nhân dân, mà nội dung cơ bản là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh. Tạo dư luận, ý thức xã hội phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân; đề cao cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư và kiên quyết chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bảo thủ trong cán bộ, đảng viên, nêu gương người tốt, việc tốt; đề cao tính gương mẫu của cán bộ chủ chốt các cấp.

Tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xác định rõ

tiêu chuẩn, đạo đức, lối sống, tác phong công tác cần xây dựng và những biểu hiện tiêu cực, việc làm sai trái thường gặp trong từng ngành, từng lĩnh vực cần đấu tranh ngăn chặn, khắc phục. Có biện pháp thiết thực khuyến khích tự phê bình, tự giác sửa chữa khuyết điểm. Xây dựng và thực hiện quy chế khuyến khích, biểu dương, bảo vệ người có tinh thần đấu tranh, tố cáo những vi phạm.

Kiểm tra, xác minh nhà đất của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, kết luận rõ đúng sai, xử lý kịp thời, thông báo công khai. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật và kỷ luật Đảng đối với những người có hành vi tham nhũng, tiêu cực, bất cứ người đó là ai, ở cương vị nào; xử lý cả những người bao che hành vi tham nhũng. Không dùng hình thức xử lý nội bộ, kỷ luật hành chính thay cho việc xử lý hình sự đối với người đã có đủ chứng cứ về hành vi phạm tội đến mức phải xử lý hình sự.

Đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí phải được tiến hành bằng hệ thống các biện pháp đồng bộ. Trong đó, chú trọng đổi mới thể chế, thực hiện công khai, dân chủ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính nhà nước các cấp, nhất là quản lý về đất đai, xây dựng cơ bản, quản lý doanh nghiệp nhà nước và ngân sách nhà nước. Quy định việc tặng quà, nhận quà; việc kê khai tài sản trước và sau khi nhận chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Tổ chức thực hiện tốt chủ trương đổi mới thể chế.

- *Đẩy mạnh xây dựng, kiện toàn và tăng sức chiến đấu cho tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể cơ sở và phong trào cách mạng của quần chúng.*

Toàn Đảng tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, tạo sự chuyển biến rõ rệt, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, gắn xây dựng tổ chức đảng với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; nhất là đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

Thực hiện những giải pháp đồng bộ, nhất là xây dựng cơ chế để phát huy quyền làm chủ, quyền giám sát của quần chúng đối với tổ chức đảng, đảng viên. Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong Đảng.

Sớm xây dựng và đưa vào thực hiện các quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng bảo đảm vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở. Tổ chức thực hiện các chính sách và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, đặc biệt là ở những khu vực có vị trí quan trọng và nhạy cảm về kinh tế, chính trị, vùng sâu, vùng xa. Cán bộ lãnh đạo chủ trì và cấp ủy cấp trên trực tiếp phải chịu trách nhiệm liên đới nếu để tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

- *Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm nội dung, phương pháp, tổ chức quản lý, chế độ trách nhiệm, bộ máy và con người làm công tác cán bộ, triển khai đồng bộ các mặt đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ.*

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 31-CT-TW, ngày 26-11-2003 của Bộ Chính trị để làm tốt công tác chuẩn bị nhân sự trong bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp tháng 4 năm 2004, nhân sự đại hội đảng bộ các cấp năm 2005 và Đại hội lần thứ X của Đảng.

Đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ thông qua việc xây dựng và thực hiện hệ thống các quy chế đánh giá cán bộ. Sớm ban

hành quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo chủ trì các tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể trong công tác cán bộ. Bộ Chính trị ra Nghị quyết về công tác quy hoạch cán bộ, Nghị quyết về kiện toàn tổ chức, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng cán bộ của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; tổng kết Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý. Triển khai dự án nhà nước thí điểm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực tài năng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới và phát triển đất nước, từng bước làm rõ những vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện mới. Tập trung nghiên cứu một cách hệ thống, cơ bản và đồng bộ về sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng và hoàn thiện các quy chế về sự lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực nhằm vừa nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng vừa phát huy quyền lực và hiệu lực quản lý nhà nước của các cơ quan chính quyền, phát huy vị trí và vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Chính phủ ra nghị định về xử lý trách nhiệm cá nhân của cán bộ lãnh đạo chủ trì cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tăng cường chỉ đạo công tác kiểm tra, công tác bảo vệ chính trị nội bộ; đề cao kỷ luật, kỷ cương.

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên, trong nhân dân và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể, thiết thực phù hợp với cấp mình, bảo đảm nghị quyết đi nhanh vào cuộc sống.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới những văn bản pháp luật cần thiết. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo các bộ, ngành khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện.

- Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể nhân dân xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, tổ chức tốt việc phổ biến, quán triệt nghị quyết trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

- Các ban của Trung ương Đảng có kế hoạch thực hiện Nghị quyết; thường xuyên theo dõi, kiểm tra và 6 tháng một lần báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kết quả thực hiện nghị quyết.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao tinh thần dân tộc, ý thức tự lực tự cường, truyền thống đoàn kết, ra sức thi đua yêu nước, huy động tối đa sức người, sức của, tài năng và trí tuệ quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH**

XÂY DỰNG ĐẢNG CẨM QUYỀN: MỘT SỐ KINH NGHIỆM TỪ THỰC TIỄN ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN PHÚ TRỌNG*

Lời Bộ Biên tập: Trong các ngày từ 16 đến 18-2-2004, tại Thủ đô Hà Nội đã diễn ra Hội thảo lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc với chủ đề: "Xây dựng Đảng cầm quyền: Kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc". Đây là cuộc Hội thảo lớn đề cập đến một vấn đề lý luận cơ bản, quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, theo sự thỏa thuận của Lãnh đạo hai Đảng.

Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, làm Trưởng đoàn. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc do đồng chí Hạ Quốc Cường, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Bí thư, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, làm Trưởng đoàn.

Hội thảo đã khẳng định sự cần thiết khách quan phải tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng; tổng kết một bước những kinh nghiệm thực tiễn phong phú ở mỗi nước; chỉ ra yêu cầu tất yếu phải làm tốt hơn nữa công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, phương thức lãnh đạo, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân trong điều kiện Đảng cầm quyền lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, Hội thảo cũng gợi mở nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đòi hỏi phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu phục vụ thiết thực cho công tác xây dựng Đảng phù hợp với đặc điểm và điều kiện của mỗi nước.

Tạp chí Cộng sản xin trân trọng giới thiệu bản Báo cáo đề dẫn của đồng chí NGUYỄN PHÚ TRỌNG tại Hội thảo và bài tổng thuật cuộc Hội thảo quan trọng này.

* GS, TS, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

XÂY dựng Đảng cầm quyền là một vấn đề rất rộng lớn, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, nhưng cũng rất khó và phức tạp. Ở Việt Nam, trong những năm qua, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này và cũng đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng cho đến nay, vẫn còn không ít nội dung cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, làm sáng tỏ. Chẳng hạn như: Thế nào là đảng cầm quyền? Đảng có phải là cơ quan quyền lực không? Đảng và Nhà nước có phải là hai hệ thống quyền lực song song không? Đảng cầm quyền trong điều kiện một đảng khác với trong điều kiện đa đảng ở chỗ nào? Đảng cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa khác ở các nước tư bản chủ nghĩa ra sao? Làm thế nào để xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, tránh được các nguy cơ của một đảng cầm quyền, nhất là trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế?... Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định: Trong những năm qua, bên cạnh những ưu điểm và thành tựu, công tác xây dựng Đảng, cả về lý luận và thực tiễn, cũng còn có những yếu kém, bất cập, trong đó có việc "chưa đi sâu làm rõ đặc điểm và yêu cầu về sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện *Đảng cầm quyền*"...

Trong tình hình như vậy, đối với chúng tôi, cuộc Hội thảo hôm nay có ý nghĩa rất lớn. Chúng tôi hy vọng sẽ học tập được nhiều kinh nghiệm của các đồng chí Trung Quốc - một Đảng Cộng sản lớn có hơn 80 năm phát triển, trong đó có hơn 50 năm cầm quyền, và hiện đang lãnh đạo nhân dân Trung Quốc anh em thu được nhiều thành tựu vĩ đại trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc. Dưới đây tôi xin trình bày một số ý kiến về thực tiễn xây dựng Đảng cầm quyền ở Việt Nam, chủ yếu trong những năm đổi mới gần đây. Mong được các đồng chí cùng trao đổi.

1 - Chúng ta đều đã biết, đảng là một tổ chức chính trị của những người tự nguyện cùng

chung một chí hướng đấu tranh cho lợi ích của một giai cấp hoặc tầng lớp nhất định. Các thuật ngữ "*đảng cầm quyền*", "*đảng chấp chính*", "*đảng nắm chính quyền*" đã được dùng từ lâu ở các nước phương Tây để chỉ rõ vai trò, vị thế và trách nhiệm của một đảng khi đã có chính quyền; phân biệt đảng nắm chính quyền với những đảng không nắm chính quyền, chưa giành được chính quyền hoặc ở vị thế đối lập. Trong xã hội có nhiều giai cấp và tầng lớp, có thể có một đảng hoặc nhiều đảng, trong đó có đảng cầm quyền, có đảng không cầm quyền. Tùy theo điều kiện và tương quan lực lượng cụ thể ở mỗi nước mỗi lúc mà có thể do một đảng hoặc một số đảng liên minh với nhau cầm quyền. *Đảng cầm quyền có nghĩa là đảng lãnh đạo chính quyền, chi phối chính quyền, làm cho mọi hoạt động của chính quyền thể hiện và thực hiện tư tưởng, đường lối của đảng đó, phù hợp với lập trường và phục vụ cho lợi ích của giai cấp, tầng lớp mà đảng đó đại diện.*

Ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, vấn đề đảng cầm quyền cũng được đặt ra khá sớm. Ngay từ trước Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917), V.I.Lê-nin đã nói rằng Đảng Bôn-sê-vich Nga "bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng đứng ra nắm toàn bộ chính quyền". Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, Đảng Bôn-sê-vich Nga và tiếp sau đó là Đảng Cộng sản Liên Xô trở thành đảng cầm quyền và đã có những đóng góp hết sức to lớn cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân Liên Xô và nhân dân thế giới. Ngày 27-3-1922 trong *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga*, V.I.Lê-nin lần đầu tiên đưa ra khái niệm "*Đảng Cộng sản cầm quyền*" và nhận định ở nước Nga chỉ có "một đảng cầm quyền". Từ đó về sau, trong rất nhiều tài liệu, văn kiện của Đảng Cộng sản Liên Xô đều dùng thuật ngữ "*đảng cầm quyền*" (правящая партия).

Tuy nhiên, có một thời gian khá dài, ở Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác, do chưa có sự sáng tỏ về lý luận và thực tiễn, còn

những cách hiểu không đúng về "đảng cầm quyền", cho nên có những việc làm không phù hợp, nhất là trong quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước. Bên cạnh những hiện tượng buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, có thể nói tình trạng phổ biến là Đảng làm thay công việc của chính quyền, bận rộn quá nhiều vào các công việc của Nhà nước và các tổ chức kinh tế, gần như Đảng cũng là cơ quan quyền lực nhà nước, đứng trên Nhà nước.

Phát hiện ra khuyết điểm này, vào những năm 80 của thế kỷ XX, Đảng Cộng sản Liên Xô chủ trương phải tiến hành cải tổ, đổi mới phương thức lãnh đạo, chống hành chính hóa công việc của Đảng, khắc phục tình trạng bao biện, làm thay Nhà nước. Đó là chủ trương đúng. Nhưng trong quá trình thực hiện, một số người lãnh đạo chủ chốt của Đảng lúc đó dần dần xa rời nguyên tắc và chủ định lúc ban đầu, trượt dài trên con đường sai lầm mới. Đưa ra những khẩu hiệu có tính chất mỉa mai "trả lại chính quyền cho nhân dân", "tất cả chính quyền về tay Xô-viết", xóa Điều 6 trong Hiến pháp Liên Xô (là điều khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô đối với toàn xã hội), họ từng bước hạ thấp, buông lỏng, rồi phủ định luôn vai trò lãnh đạo của Đảng. Với khẩu hiệu "phi đảng hóa", "phi chính trị hóa" trong quân đội, công an, KGB, họ còn vô hiệu hóa sự lãnh đạo của Đảng trong lực lượng chuyên chính này. Trong khi đó họ khuyến khích lập các đảng phái, tổ chức đối lập, tưởng làm như thế là dân chủ, rốt cuộc để tuột sự lãnh đạo, thủ tiêu vai trò cầm quyền của Đảng (đương nhiên đây không phải là nguyên nhân duy nhất).

2 - Ở Việt Nam, từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định: "*Đảng ta là đảng cầm quyền*". Điều đó không phải tự nhiên mà có; đây là thành quả của bao nhiêu năm đấu

tranh cách mạng của toàn đảng, toàn dân Việt Nam. Được thành lập năm 1930, phải 15 năm sau, trải qua biết bao hy sinh, thử thách, hàng loạt cán bộ, đảng viên, nhân dân, trong đó có rất nhiều lãnh tụ xuất sắc của Đảng hy sinh, Đảng Cộng sản Việt Nam mới giành được chính quyền. Rồi tiếp sau đó, ròng rã suốt 30 năm kháng chiến gian khổ và anh dũng, Việt Nam mới giải phóng được toàn bộ đất nước và Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành đảng cầm quyền trong cả nước thống nhất, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Những thành quả mà nhân dân đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng khiến cho nhân dân thấy rõ rằng, ở Việt Nam chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới có khả năng lãnh đạo nhân dân xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc; lợi ích của nhân dân gắn liền với sự nghiệp của Đảng; mục đích lý tưởng của Đảng cũng là ước mơ, nguyện vọng của nhân dân. Ngày nay, với tư cách là đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận rõ trách nhiệm của mình trước đất nước và dân tộc để vạch ra đường lối xây dựng phát triển đất nước, trên cơ sở đó phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị, của cả xã hội, tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó; đồng thời xác định đúng nội dung và phương thức hoạt động của Đảng, phát huy mặt thuận lợi, hạn chế mặt khó khăn, ngăn ngừa và khắc phục những nguy cơ của một đảng cầm quyền.

Khi nói tới đảng cầm quyền là nói đảng đó lãnh đạo toàn bộ xã hội, sử dụng bộ máy nhà nước quy tụ và phát huy sức mạnh của toàn thể nhân dân để làm cho quan điểm của Đảng giữ vai trò chủ đạo đối với sự phát triển xã hội, mục tiêu, đường lối của Đảng được thực hiện trong toàn xã hội. Đảng cầm quyền có nghĩa là Đảng phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, trước dân tộc. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói, Đảng chẳng những phải lo những việc lớn như biến đổi nền kinh tế và văn hóa, mà còn lo đến cả những việc nhỏ như "tương cà, mắm muối" là những thứ cần thiết cho đời sống thường

ngày của nhân dân. Khi đã trở thành đảng cầm quyền, Đảng càng có điều kiện đại biểu cho lợi ích của giai cấp mình là giai cấp công nhân đồng thời đại biểu cho lợi ích của toàn thể nhân dân lao động, trở thành đội tiên phong chính trị của cả dân tộc. Điều quan trọng quyết định là đảng phải luôn luôn giữ được bản chất cách mạng và khoa học của mình, không biến chất và có phương thức lãnh đạo đúng.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, sự lãnh đạo và vai trò cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam càng được thử thách và khẳng định. Trong hoàn cảnh đất nước có muôn vàn khó khăn, thế giới có những diễn biến hết sức phức tạp, Đảng đã kiên định mục tiêu cách mạng, giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, lãnh đạo toàn dân tiến hành công cuộc đổi mới bước đầu thu được kết quả: kinh tế không ngừng phát triển, chính trị - xã hội ổn định, đối ngoại được mở rộng, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Đó là những thành tựu to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng. Sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu của công cuộc đổi mới; mặt khác, chính trong quá trình đổi mới mà Đảng ngày càng trưởng thành, nhận rõ hơn những yếu kém, khuyết điểm để có biện pháp khắc phục và tiếp tục tiến lên.

3 - Từ thực tiễn đổi mới của Việt Nam trong gần 20 năm qua, có thể rút ra một kết luận quan trọng là: *Trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới, phải luôn luôn kiên định vai trò lãnh đạo, vị thế cầm quyền của Đảng; đồng thời, làm tốt công tác xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới, chỉnh đốn Đảng.* Đây là vấn đề có tính nguyên tắc, là nhân tố bảo đảm cho công cuộc đổi mới thành công, đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Càng đi vào đổi mới, đi vào kinh tế thị trường, mở cửa, càng phải giữ vững, tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, nắm chắc vai trò cầm quyền của Đảng. Tuyệt đối không mơ hồ, dao động về

vấn đề này. Đại hội VI của Đảng (12-1986) khẳng định: "Phải xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa". Ngay sau Đại hội VI, với phương hướng "đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác", các cấp ủy và tổ chức đảng đã triển khai thực hiện sâu rộng nhiệm vụ xây dựng Đảng. Tính ra, từ năm 1987 đến nay, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị các khóa đã ban hành 15 nghị quyết chuyên đề quan trọng về xây dựng Đảng, và đã chỉ đạo khá tập trung công tác này. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, từ năm 1992 đến năm 1996 chúng tôi còn tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng giai đoạn 1975-1995 trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ và phương thức lãnh đạo của Đảng, phục vụ thiết thực cho việc chỉ đạo công tác xây dựng Đảng. Mới đây, Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) trên cơ sở kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và căn cứ vào yêu cầu thực tiễn đã quyết định trong những năm tới phải chỉ đạo tập trung và quyết liệt hơn nữa công tác xây dựng Đảng nhằm tạo cho được sự chuyển biến sâu sắc hơn trên lĩnh vực này, từng bước đẩy lùi, khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Trong nhiều nghị quyết, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định *xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ sống còn của toàn bộ sự nghiệp cách mạng; thường xuyên đổi mới, chỉnh đốn là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.* Trong công tác xây dựng Đảng, phải luôn luôn kiên định và phát triển sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; chống các khuynh hướng bảo thủ, cơ hội, cực

đoan. Đổi mới nhưng không phủ nhận thành tựu của quá khứ, không dao động trên những vấn đề nguyên tắc, không lẫn lộn những vấn đề chiến lược với sách lược. Mặt khác, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc nhưng luôn luôn đổi mới sáng tạo, phù hợp với thực tế Việt Nam.

4 - Một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới là phải *phát huy truyền thống tốt đẹp, giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của Đảng*. Đây là vấn đề mà Đảng chúng tôi đặc biệt quan tâm. Bởi vì, với vị thế là đảng cầm quyền, lại hoạt động trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, bên cạnh thuận lợi, môi trường xã hội có những phức tạp mới. Nhiều cán bộ, đảng viên có chức, có quyền, hàng ngày hàng giờ tiếp xúc với hàng và tiền, với biết bao sự cám dỗ về danh và lợi. Nếu không chăm lo giáo dục, rèn luyện, giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản chất cách mạng của Đảng thì rất dễ bị biến chất. Giữ cho Đảng không biến chất, trước sau luôn luôn là Đảng Cộng sản, đảng cách mạng chân chính, hoạt động vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc, là vấn đề hết sức cơ bản.

Nói truyền thống tốt đẹp, bản chất cách mạng và khoa học là nói truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường bất khuất của dân tộc, ý chí kiên định, trí tuệ tiên phong, đạo đức vị tha và ý thức tổ chức chặt chẽ của giai cấp công nhân. Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân có nghĩa là Đảng phải kiên định quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc; phấn đấu vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Dù tình hình thế giới và trong nước khó khăn, phức tạp đến đâu, Đảng cũng không chao đảo, dao động, xa rời mục tiêu lý tưởng đó.

Đảng chúng tôi luôn luôn xác định phải lấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng

Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Trong tình hình hiện nay càng phải kiên định chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam để hoàn chỉnh cương lĩnh, đường lối; từ thực tiễn mà tổng kết, khái quát, bổ sung, phát triển, làm phong phú thêm học thuyết cách mạng và khoa học đó.

Bản chất cách mạng và khoa học đòi hỏi Đảng phải được tổ chức chặt chẽ và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Mọi sự chia rẽ, bè phái, buông lỏng kỷ luật đều trái với bản chất của Đảng.

Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân và dân tộc, lãnh đạo xây dựng và làm nòng cốt trong khối đại đoàn kết toàn dân; chống tư tưởng phường hội, cục bộ, bản vị, phân tán.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc với việc tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Ở Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân không đối lập với tính dân tộc; trái lại, nó quyện chặt nhuần nhuyễn với tính dân tộc. Nói theo nghĩa nào đó, trong bản chất giai cấp công nhân đã bao hàm tính dân tộc; và ngược lại, nói tính dân tộc trong thời đại hiện nay khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo đã bao hàm tính giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân Việt Nam có quan hệ máu thịt với giai cấp nông dân và toàn thể dân tộc Việt Nam; lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Và trên thực tế, Đảng chúng tôi phấn đấu hy sinh không chỉ vì lợi ích của giai cấp công nhân mà còn vì lợi ích của nhân dân và của cả dân tộc. Đảng chẳng những thường xuyên giữ vững và nâng cao bản chất giai cấp công nhân mà còn chú ý học tập, tiếp thu, phát triển tinh hoa và truyền thống dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc

Việt Nam. Chính truyền thống dân tộc đã nhân lên sức mạnh của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam - là sự thể hiện tuyệt vời sự thống nhất giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội. Người chẳng những là lãnh tụ tối cao của Đảng mà còn là lãnh tụ tối cao của dân tộc. Và như vậy cũng có thể nói rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong chính trị của giai cấp công nhân, mang bản chất cách mạng và khoa học của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong lãnh đạo của cả dân tộc, mang trong mình dòng máu và những phẩm chất tốt đẹp của dân tộc. Sự kết hợp nhuần nhuyễn tính chất giai cấp công nhân với tinh hoa truyền thống dân tộc, làm thành *bản chất đặc sắc của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

5 - Trách nhiệm cao cả và nặng nề trước hết của một đảng cầm quyền là vạch ra cương lĩnh, đường lối đúng để lãnh đạo đất nước, dẫn dắt cả dân tộc đi lên, tránh được nguy cơ sai lầm về đường lối. Đây là vấn đề cốt tử trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng, đòi hỏi phải thường xuyên *nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và chất lượng công tác lý luận của Đảng*. Đường lối chính trị đúng là đường lối phản ánh đúng quy luật khách quan, đáp ứng đúng yêu cầu của thực tiễn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, chỉ ra được mục tiêu, phương hướng và giải pháp cơ bản của cách mạng, trên cơ sở đó tập hợp, tổ chức, động viên quần chúng thực hiện một cách có hiệu quả.

Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình đổi mới đất nước đã đề ra được và từng bước bổ sung, phát triển, hoàn thiện dần đường lối đổi mới, hình thành ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tiếp theo những đổi mới bộ phận, đổi mới từng bước, đến Đại hội VI (năm 1986) Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, Đại hội VII đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong*

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, và các Đại hội tiếp sau đó của Đảng tiếp tục bổ sung, phát triển, đến nay đã hình thành một hệ thống các quan điểm chỉ đạo sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam. Đây là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, đổi mới tư duy lý luận, tổng kết thực tiễn, mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, nắm bắt được những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Trong khi kiên định mục tiêu, lý tưởng, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, Đảng luôn luôn có ý thức đổi mới sáng tạo, dám từ bỏ những cái cũ không còn thích hợp, cả trên lĩnh vực kinh tế cũng như trên lĩnh vực văn hóa, xã hội; cả đối nội và đối ngoại; giải quyết tốt mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, tập trung sức cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Nói cách khác, Đảng Cộng sản Việt Nam kiên trì nắm vững nguyên tắc và phương pháp biện chứng duy vật; không phiến diện, cực đoan, hoặc giản đơn từ cực này nhảy sang cực kia.

Việc nâng cao trình độ trí tuệ, tính tiên phong có quan hệ hữu cơ với việc đổi mới, nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn; củng cố, nâng cao niềm tin, bản lĩnh, ý chí kiên định lý tưởng cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Nhận thức được vấn đề này, Đảng chúng tôi đã có kế hoạch chỉ đạo và tổ chức cho cán bộ, đảng viên thường xuyên học tập, nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nhất là trình độ tư duy lý luận; trình độ nhận thức, nắm bắt quy luật; trình độ tiếp cận, phân tích, tổng kết thực tiễn; năng lực đề ra quyết sách đúng và tổ chức thực hiện có kết quả đường lối, chủ trương của Đảng.

Trước mỗi bước ngoặt và trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, Đảng đã kịp thời chỉ đạo, làm tốt công tác tư tưởng chính trị, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, phê phán những quan điểm và khuynh

hướng không đúng, tạo sự nhất trí cao và sự vững vàng về tư tưởng trong Đảng và sự đồng thuận trong nhân dân. Tuy nhiên, cho đến nay trình độ lý luận, kiến thức, năng lực lãnh đạo của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa theo kịp yêu cầu đổi mới, nhất là trên lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, lãnh đạo sản xuất, kinh doanh. Nếu không đẩy mạnh việc học tập, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn thì không thể đáp ứng được các yêu cầu mới của cách mạng.

Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng là một nhiệm vụ quan trọng và cũng là một khâu yếu hiện nay; không ít nghị quyết rất đúng nhưng chưa thực sự đi vào cuộc sống, chưa biến thành hiện thực. Vì vậy, Đảng chủ trương phải đẩy mạnh hơn nữa công tác chỉ đạo tổ chức thực tiễn, nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn, bao gồm cả việc cụ thể hóa, thể chế hóa, bố trí cán bộ, năng lực tổ chức điều hành, quản lý, kiểm tra của các cán bộ có trách nhiệm thực tiếp.

Đi đôi với việc nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo, Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt coi trọng việc rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, chống sự suy thoái, hư hỏng trong Đảng. Ngay sau Đại hội VI, năm 1987 Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết 04 *Về làm trong sạch Đảng, trong sạch bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*; Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII) ra Nghị quyết về đổi mới, chỉnh đốn Đảng; Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) khẳng định phải nâng cao phẩm chất đạo đức, coi đây là nét đẹp văn hóa trong Đảng, quyết định tiến hành một đợt tự phê bình và phê bình trong Đảng. Đặc biệt là Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã quyết định mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiến hành trong 2 năm 1999-2001 nhằm đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Bộ Chính trị cũng ban hành quy định 19 điều đảng viên

không được làm, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, xử lý đảng viên có vi phạm ở các cấp. Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX) đã kiểm điểm việc thực hiện cuộc vận động và ra kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Nhiều cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật đã bị xử lý, trong đó có cả một số cán bộ cao cấp (cấp Ủy viên Trung ương Đảng, thứ trưởng, bộ trưởng...).

Các nghị quyết của Đảng đã yêu cầu tất cả cán bộ, đảng viên dù ở cương vị công tác nào cũng phải không ngừng tự rèn luyện để nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục các thói quan liêu, cửa quyền, giữ gìn thanh danh, uy tín của Đảng. Phải thấm nhuần sâu sắc và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giữ gìn đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Cán bộ giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Các tổ chức đảng xây dựng quy chế và có biện pháp giáo dục, bồi dưỡng, kiểm tra, quản lý hoạt động của cán bộ, đảng viên. Kịp thời biểu dương những cán bộ, đảng viên gương mẫu, đồng thời xử lý nghiêm minh những người hư hỏng về phẩm chất đạo đức, bất kể họ là ai, ở cương vị công tác nào.

6 - Trong những năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam thường xuyên coi trọng việc *xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức, bảo đảm nội bộ luôn luôn đoàn kết thống nhất, có sức chiến đấu cao*. Xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức bao gồm nhiều việc, trong đó phải đặc biệt quan tâm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ và chấn chỉnh hệ thống tổ chức của Đảng.

Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ là vấn đề trọng yếu bảo đảm cho Đảng thật sự chặt chẽ về tổ chức, đoàn kết thống nhất và có sức chiến đấu cao. Vào những năm cuối thập kỷ 80 đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, trước sự tan rã của Đảng Cộng sản Liên Xô và một số đảng mác-xít ở Đông Âu, trước những đòn tiến công mới của các thế lực thù địch, ở Việt Nam

cũng có những biểu hiện dao động trên vấn đề thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; có khuynh hướng muốn hạ thấp hoặc phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ, muốn áp dụng chế độ "đa nguyên đa đảng" kiểu phương Tây. Đảng Cộng sản Việt Nam đã kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh những lệch lạc này, yêu cầu các cấp ủy và tổ chức đảng phải làm tốt công tác giáo dục, thống nhất nhận thức, đồng thời chỉ đạo xây dựng cơ chế bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong đảng. Một mặt phải thực hiện đầy đủ các quyền dân chủ của đảng viên, có quy chế, quy trình để các đảng viên tham gia trực tiếp vào quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu cấp ủy phải tôn trọng và lắng nghe ý kiến cũng như những việc làm sáng tạo của đảng viên, của cấp dưới; lắng nghe các ý kiến khác nhau trước khi quyết định; thực hiện dân chủ tập thể trong công tác cán bộ. Mặt khác, phải đấu tranh với những khuynh hướng dân chủ hình thức hoặc dân chủ cục bộ, muốn lợi dụng dân chủ để gây chia rẽ, bè phái, mị dân, theo đuôi quần chúng lạc hậu. Dân chủ chân chính không thể có được nếu thiếu tập trung, thiếu kỷ luật, thiếu trách nhiệm. Dân chủ không tương dung với độc đoán, chuyên quyền, cũng không phải là tự do vô chính phủ. Nếu xa rời hoặc coi nhẹ nguyên tắc tập trung dân chủ là làm sai lệch tổ chức đảng từ trong bản chất; nếu thực hiện không đúng nguyên tắc tập trung dân chủ là làm yếu sức mạnh của Đảng từ gốc.

Những năm gần đây, Đảng chúng tôi nhấn mạnh việc thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình, chăm lo củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình thương yêu đồng chí. Tập trung giải quyết tình trạng mất đoàn kết ở một số nơi. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng kèn cựa, địa vị, tranh giành ngôi thứ, lợi lộc, cũng

như đầu óc cục bộ, bản vị là nguyên nhân quan trọng gây ra tình trạng mất đoàn kết.

Trong việc xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị, chúng tôi luôn quán triệt tinh thần *tích cực, khoa học, đồng bộ*, bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Việc xây dựng hệ thống tổ chức không chỉ là việc sắp xếp cơ cấu bộ máy mà còn phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động của mỗi tổ chức cũng như của toàn hệ thống. Khắc phục tình trạng chồng chéo, chức năng không rõ, trùng lặp công việc; kiên quyết cắt giảm những bộ phận thừa, những khâu trung gian không cần thiết.

Trong hệ thống tổ chức của Đảng, tổ chức cơ sở đảng có vị trí rất quan trọng. Vừa qua, ở không ít nơi, tổ chức cơ sở đảng giảm sút vai trò lãnh đạo, thậm chí có nơi rệu rã, tê liệt. Để sớm khắc phục tình hình này, củng cố xây dựng các tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng ở tất cả mọi cơ sở, Đảng Cộng sản Việt Nam chú trọng việc chấn chỉnh và cải tiến sinh hoạt đảng, bố trí đúng cán bộ cốt cán - những người thật sự có năng lực, giữ gìn phẩm chất đạo đức, được nhân dân tín nhiệm; đồng thời làm tốt công tác đảng viên, kể cả việc phát triển đảng viên mới đúng tiêu chuẩn, thật sự có chất lượng. Đối với những tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp tư nhân, liên doanh với nước ngoài, có nhiều vấn đề mới đặt ra, chúng tôi chủ trương phải nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để thành lập, củng cố các tổ chức đảng và có các hình thức sinh hoạt thích hợp, vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tính tự chủ của đơn vị sản xuất, kinh doanh.

7 - Thực tiễn những năm gần đây càng chứng minh sâu sắc chân lý: cán bộ đóng vai trò quyết định; công tác cán bộ là công tác đặc biệt quan trọng. Là đảng cầm quyền trong điều kiện hiện nay, Đảng phải *thường xuyên chăm lo công tác cán bộ; chăm lo cán bộ cho cả hệ thống chính trị, trên tất cả các lĩnh vực*.

Trong nhiều nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về *Chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra những phương hướng, nhiệm vụ công tác cán bộ trong điều kiện mới, nhấn mạnh phải đổi mới tư duy trong công tác cán bộ, làm tốt hơn nữa công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ. Đồng thời đổi mới phương pháp tiến hành công tác cán bộ theo hướng thật sự dân chủ, tập thể, kết hợp với tập trung thống nhất theo một quy trình chặt chẽ.

Trên cơ sở nắm vững quan điểm giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra các chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ ở các thành phần kinh tế, đào tạo, vun trồng và trọng dụng nhân tài của đất nước, kể cả những người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Có chính sách thu hút nhân tài, tránh lãng phí chất xám. Một kinh nghiệm quan trọng là phải thực hiện trẻ hóa đội ngũ cán bộ, kết hợp tốt "ba độ tuổi", bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa và phát triển trong đội ngũ cán bộ, khai thác mặt mạnh của mỗi loại cán bộ để bổ sung cho nhau.

Trong khi kiện toàn các trường đào tạo cán bộ, chúng tôi chủ trương phải không ngừng đổi mới nội dung chương trình, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về phẩm chất, trình độ, năng lực; cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các chuyên gia, các nhà doanh nghiệp, trước hết là cán bộ chủ chốt ở các cấp. Mọi cán bộ phải thường xuyên rèn luyện, trau dồi phẩm chất cách mạng, gương mẫu về đạo đức, lối sống, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp của Đảng, của dân tộc, kết hợp hài hòa lợi ích riêng và lợi ích chung; khi lợi ích riêng mâu thuẫn với lợi ích chung thì phải biết đặt lợi ích chung

lên trên hết, trước hết... Chính đây là cái tạo nên uy tín của cán bộ, tạo nên uy tín của Đảng.

Trong việc sử dụng, bố trí cán bộ, Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh phải theo đúng tiêu chuẩn, đúng sở trường cán bộ. Cố gắng đề bạt, bổ nhiệm đúng lúc, giao việc đúng tầm, có cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ không ngừng phấn đấu vươn lên đảm nhiệm các công việc cao hơn, cống hiến được nhiều hơn. Xử lý nghiêm minh những cán bộ vi phạm kỷ luật, pháp luật; thay thế kịp thời những người yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ. Phát huy tốt đội ngũ cán bộ hiện có; bồi dưỡng, đào tạo cán bộ theo yêu cầu mới; tạo nguồn cán bộ cho lâu dài. Muốn thế, một nhiệm vụ rất quan trọng là phải làm tốt việc xây dựng quy hoạch cán bộ, kết hợp đào tạo ở trường lớp với rèn luyện thử thách trong thực tiễn công tác, thực hiện mạnh việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch; có biện pháp chủ động bảo vệ cán bộ, làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý cán bộ.

8 - Liên hệ chặt chẽ với nhân dân là quy luật tồn tại, phát triển và hoạt động của Đảng, là nhân tố quyết định tạo ra sức mạnh của Đảng. Đây là mối quan hệ "tin cậy lẫn nhau", "tín nhiệm lẫn nhau" như V.I. Lê-nin nói. Nhân dân tin Đảng, ủng hộ Đảng, theo Đảng làm cách mạng. Còn Đảng làm hết sức mình để phục vụ nhân dân, phát huy vai trò và khả năng sáng tạo không bao giờ cạn của nhân dân. Trong điều kiện đảng cầm quyền, vấn đề này lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi vì, như V.I. Lê-nin nói, một trong những nguy cơ lớn nhất và đáng sợ nhất đối với một đảng cầm quyền là đảng tự cắt đứt mối liên hệ với quần chúng nhân dân.

Hơn bảy mươi năm lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn gắn bó chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân cuu mang, che chở, giúp đỡ hết lòng. Và chính nhờ thế mà Đảng có đủ khả năng và sức mạnh lãnh đạo cách mạng vượt qua mọi

khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, dù đó là kẻ thù hung bạo nhất. Liên hệ mật thiết với nhân dân là một truyền thống tốt đẹp của Đảng, là bài học lớn của cách mạng Việt Nam.

Ngày nay, trong điều kiện mới, với quy mô, tầm vóc to lớn của cách mạng, với vai trò và trình độ ngày càng cao của nhân dân, với vị thế mới của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam có thêm điều kiện thuận lợi để mở rộng và tăng cường mối liên hệ với nhân dân. Nhưng mặt khác, với vị thế là đảng cầm quyền, tính chất và phương thức lãnh đạo mới, mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân cũng có những đòi hỏi cao hơn và đang đứng trước những thử thách mới. Ngoài những nỗ lực phấn đấu để vượt qua khó khăn khách quan, Đảng phải cố gắng rất nhiều để khắc phục những khuyết điểm chủ quan, như tình trạng quan liêu, mệnh lệnh, của quyền trong một số cơ quan lãnh đạo và quản lý; những hiện tượng sa sút về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là những hiện tượng tham nhũng, sách nhiễu dân, lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân, trù dập, ức hiếp quần chúng.

Nhận thức được điều đó, trong những năm qua Đảng chúng tôi liên tục có những chủ trương và biện pháp tăng cường công tác quần chúng của Đảng, tích cực làm những gì có thể làm được để củng cố, tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Các Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VI), Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) và nhiều nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị về công tác vận động quần chúng, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội đã đề cập sâu sắc, toàn diện vấn đề này. Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã khẳng định xây dựng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc để phát huy sức mạnh tổng hợp, thực hiện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, coi đây là động lực chủ yếu để xây dựng

và phát triển đất nước. Từ năm 1998, Bộ Chính trị khóa VIII đã ra chỉ thị thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở và tích cực chỉ đạo để phát huy mạnh mẽ và thực chất quyền làm chủ của nhân dân.

Thực tế cho thấy, để đổi mới công tác quần chúng của Đảng, củng cố và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, Đảng và Nhà nước phải làm rất nhiều việc cụ thể và thiết thực: chăm lo đầy đủ và sâu sắc đến đời sống của nhân dân; đề ra chủ trương, chính sách hợp lòng dân, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng và chỉnh đốn Đảng, cơ quan nhà nước trong sạch, vững mạnh; làm tốt công tác tư tưởng chính trị trong nhân dân; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tác phong công tác của cán bộ, công chức; khắc phục những hiện tượng thoái hóa, tiêu cực, đặc quyền đặc lợi trong cán bộ, đảng viên, làm lành mạnh các quan hệ xã hội,... tức là phải thấm nhuần và quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về quan điểm quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng và làm tốt công tác dân vận, thật sự gần dân, trọng dân, tin dân. Kiên quyết chống quan liêu, xa rời quần chúng.

Đảng yêu cầu và xây dựng các cơ chế, các quy định buộc các cấp ủy và tổ chức đảng phải tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân và các đoàn thể nhân dân thường xuyên tham gia các công việc của Đảng, đóng góp ý kiến xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng; giám sát, phê bình cán bộ, đảng viên; giới thiệu những người xứng đáng để bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn để kết nạp vào đội ngũ của Đảng; giúp tổ chức đảng làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện, đấu tranh với những hành vi tham nhũng, tiêu cực... Trên thực tế, trong những năm đổi mới, rất nhiều đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp được thành lập, được củng cố, đổi mới nội

dung, phương thức hoạt động và đã có nhiều hoạt động phong phú, sáng tạo, đóng góp thiết thực cho công cuộc đổi mới đất nước nói chung, xây dựng Đảng nói riêng.

9 - *Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, trước hết là sự lãnh đạo đối với Nhà nước*, là một nội dung hết sức quan trọng của việc xây dựng đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo đảm vừa giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước; đề phòng và khắc phục tình trạng "lộn sẩn", "bao biện làm thay" hoặc "buông lỏng" sự lãnh đạo. Qua thực tế công cuộc đổi mới, chúng tôi ngày càng nhận thức được rằng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước là hai mặt thống nhất, không cản trở nhau; trái lại, bổ sung cho nhau, hỗ trợ nhau trên cơ sở xác định rõ và làm đúng chức năng của mỗi tổ chức.

Đảng lãnh đạo là Đảng định ra đường lối, chủ trương, đồng thời lãnh đạo Nhà nước đưa đường lối, chủ trương đó vào nội dung hoạt động của Nhà nước, thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng thành chính sách, luật pháp và quản lý, điều hành, tổ chức việc thực hiện; Đảng bố trí cán bộ và kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng. Đảng cầm quyền nào cũng phải làm như vậy. Đó là lý do tồn tại, là chức năng không ai thay thế được của Đảng cầm quyền. Phải làm sao để khi nhân dân thực hiện chính sách, luật pháp của Nhà nước cũng tức là thực hiện cương lĩnh, đường lối của Đảng. Khi tòa án xét xử một tội phạm, kết luận một tội danh hoặc tuyên phạt một mức án là căn cứ theo điều luật của Nhà nước, tức cũng là thể hiện quan điểm, tư tưởng, thái độ của Đảng.

Còn làm thế nào để biến cương lĩnh, đường lối của Đảng thành chính sách, luật pháp của Nhà nước, thì đó là cơ chế, phương thức, là nghệ thuật lãnh đạo. Một biện pháp có ý nghĩa

quyết định là Đảng phải cử những cán bộ, đảng viên có uy tín, có năng lực, có tính đảng cao vào hoạt động trong các cơ quan Nhà nước, nắm giữ những cương vị then chốt trong bộ máy Nhà nước, đồng thời có cơ chế kiểm tra hoạt động của các đảng viên đó. Các đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước có trách nhiệm vận động, thuyết phục các cơ quan và công chức nhà nước thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng và ra sức hoạt động để biến đường lối của Đảng thành hiện thực. Mọi đảng viên phải chấp hành các quyết định của Đảng, phục tùng kỷ luật của Đảng; lại phải biết lắng nghe ý kiến của các cơ quan và công chức nhà nước để kiến nghị với Đảng, kịp thời điều chỉnh các chủ trương chưa thật phù hợp.

Vừa qua, chúng tôi đã lựa chọn và giới thiệu các đảng viên có trình độ, năng lực và phẩm chất sang hoạt động ở các cơ quan nhà nước. Ở các địa phương, bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy ứng cử vào chức vụ chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; một số trưởng ban đảng ứng cử tham gia một số ban của Hội đồng nhân dân; một số cấp ủy viên được giới thiệu vào chức danh trưởng, phó sở, ngành. Làm như vậy chính là để tăng thêm sự thống nhất giữa Đảng và Nhà nước, vừa giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa tăng cường hiệu lực thực tế của cơ quan nhà nước.

Có ý kiến lo ngại rằng, nếu cán bộ chủ chốt của Đảng đảm nhiệm cả chức vụ chủ chốt của chính quyền thì dễ sinh ra độc đoán, chuyên quyền, phải có cơ chế gì để kiểm tra, kiểm chế, ngăn ngừa tiêu cực. Đúng là phải có cơ chế. Ngoài sự giáo dục, quản lý của chi bộ, sự giám sát phê bình của nhân dân thì một trong những cơ chế bảo đảm sự lãnh đạo và kiểm tra hoạt động của các đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước chính là *đảng đoàn* (ở các cơ quan dân cử) và *ban cán sự đảng* (ở các cơ quan chấp hành, cơ quan tư pháp); định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của đảng đoàn, ban cán

sự đảng, thẩm quyền và trách nhiệm của những người đứng đầu cơ quan nhà nước. Cơ chế này là sự thể hiện và tạo điều kiện để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng và tính chất dân chủ, thuyết phục trong phương thức lãnh đạo đối với các cơ quan nhà nước.

Một biện pháp nữa rất quan trọng là Đảng luôn luôn dựa vào và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của các đoàn thể nhân dân, lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng hành chính hóa, thông qua các đoàn thể này để vận động, tổ chức nhân dân tham gia xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước, tham gia các công việc nhà nước, giám sát, kiểm tra hoạt động của Nhà nước và các cán bộ, công chức hoạt động trong các cơ quan nhà nước, đấu tranh ngăn ngừa và khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác. Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền thì đây là biện pháp quan trọng, và cũng có thể nói là một cơ chế, để phòng ngừa và hạn chế những tiêu cực do vị thế cầm quyền của Đảng sinh ra.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là làm cho Nhà nước hoạt động có hiệu quả theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, thể hiện được ý chí, nguyện vọng, lợi ích của nhân dân và gắn bó chặt chẽ với nhân dân. Đảng lãnh đạo không phải là Đảng thay thế Nhà nước quản lý xã hội hoặc thay thế nhân dân làm chủ Nhà nước. Cả Đảng, cả Nhà nước đều là công cụ bảo đảm và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, đều phấn đấu, hoạt động vì lợi ích của nhân dân. Đảng không phải là cơ quan quyền lực nhà nước, không nên hiểu Đảng và Nhà nước là hai hệ thống quyền lực song song, càng không nên tách rời hoặc đối lập Đảng và Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo

hệ thống chính trị, nhưng lại là một bộ phận của hệ thống chính trị, một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đảng lãnh đạo định ra Hiến pháp và pháp luật, đồng thời hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Cán bộ, đảng viên của Đảng không đứng trên pháp luật, hoạt động ngoài khuôn khổ của pháp luật.

Chúng tôi cho rằng, đó là những căn cứ lý luận quan trọng để tiến hành đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; và đó cũng là nguyên tắc cơ bản chỉ đạo hoạt động của một đảng cầm quyền.

*
* *

Trên đây là một số vấn đề cơ bản được rút ra từ thực tiễn xây dựng Đảng cầm quyền trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới ở Việt Nam. Không phải mọi việc đều đã làm tốt cả. Có việc đã làm được, có việc mới bắt đầu, có việc còn đang trong quá trình thử nghiệm. Nhưng dấu sao đó là những kinh nghiệm bước đầu, những định hướng cơ bản để tiếp tục thực hiện trên con đường xây dựng một đảng cộng sản cầm quyền đáp ứng yêu cầu sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Chúng tôi biết rằng, xây dựng một đảng cách mạng chân chính là công việc không đơn giản, trái lại, cực kỳ phức tạp khó khăn, đặc biệt là trong điều kiện Đảng cầm quyền, phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hiện nay. Đảng chẳng những phải đối phó với những âm mưu của các thế lực thù địch mà còn phải tự vượt qua những hạn chế của chính mình. Tuy nhiên, với những gì đã làm được trong hơn 70 năm qua, với những triển vọng tốt đẹp trong thời kỳ mới, được nhân dân tin cậy và ủng hộ, chúng tôi tin tưởng rằng Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ từng bước vươn lên hoàn thiện bản thân mình, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp cách mạng và sự mong đợi của nhân dân. □

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG 45 NĂM ANH HÙNG BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ ĐƯỢC GIAO

PHẠM VĂN TRÀ *

TUYẾN biên giới trên đất liền nước ta dài khoảng 4 550 km, tiếp giáp với 3 nước láng giềng: Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia; tuyến bờ biển dài 3 260 km. Khu vực biên giới, bờ biển và hải đảo là địa bàn hiểm yếu, có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, đối ngoại và an ninh - quốc phòng của quốc gia.

Biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia là một bộ phận của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đảng và Nhà nước ta đã sớm thấy rõ công tác bảo vệ, giữ vững độc lập chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ thành quả của cách mạng có tầm quan trọng đặc biệt và đặt ra những vấn đề cấp thiết cần tập trung lãnh đạo, giải quyết. Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng (1952) xác định: *Công tác biên phòng là một công tác khó khăn, phải giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc, phải giải quyết những vấn đề liên quan đến đường lối ngoại giao, chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo; và nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới, vùng biên, hải đảo của*

Tổ quốc tuy có phân cấp trách nhiệm cho địa phương nhưng mang tính chất quốc gia và có quan hệ quốc tế... Nhận thức đầy đủ những đặc điểm của công tác biên phòng, Đảng và Nhà nước ta khẳng định: Công tác biên phòng phải chỉ đạo tập trung, thống nhất quốc gia, không thể chỉ đạo riêng lẻ theo từng địa phương và phải có lực lượng chuyên trách giải quyết một cách hết sức thận trọng. Trên tinh thần đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 58/TW ngày 19-11-1958 và Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 100/TTg ngày 3-3-1959 nêu rõ: Để tăng cường công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, bảo vệ tốt biên giới, bờ biển, giới tuyến, thống nhất các đơn vị bộ đội đang làm công tác bảo vệ nội địa, bảo vệ biên giới, giới tuyến, các đơn vị công an biên phòng và cảnh sát vũ trang tổ chức thành một lực lượng thống nhất, chuyên trách đảm nhiệm công tác biên phòng và bảo vệ các mục tiêu trọng yếu ở nội địa, lấy tên là Công an nhân dân

* Đại tướng, Ủy viên Bộ Chính trị - Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

vũ trang, nay là Bộ đội Biên phòng. Từ đây, công tác biên phòng ở nước ta có một lực lượng chuyên trách, nòng cốt làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, với hệ thống chỉ huy, chỉ đạo thống nhất từ trung ương đến cơ sở, và cũng từ đó ngày 3-3 hằng năm trở thành Ngày Truyền thống của Bộ đội Biên phòng.

Ra đời trong sự nghiệp cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, được Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn ân cần chăm sóc dạy bảo, lực lượng Công an nhân dân vũ trang trước đây và Bộ đội Biên phòng ngày nay đã ra sức phấn đấu vượt qua muôn vàn gian nan thử thách, không ngừng trưởng thành, lớn mạnh và trở thành một trong những lực lượng vũ trang trọng yếu, công cụ chuyên chính sắc bén của Đảng và Nhà nước, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia trong mọi tình huống.

Trong quá trình phát triển và trưởng thành, Bộ đội Biên phòng luôn tỏ rõ là một lực lượng vũ trang cách mạng rất mực trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân. Do yêu cầu của tình hình nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn, chức năng nhiệm vụ và tổ chức lực lượng có thay đổi, nhưng dù ở đâu, chiến đấu và công tác trong hoàn cảnh nào, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng vẫn nêu cao phẩm chất tận tụy hy sinh, tuyệt đối trung thành với sứ mệnh thiêng liêng cao cả mà Đảng và nhân dân đã giao phó. Với bản lĩnh chính trị vững vàng và tình cảm son sắt *“chỉ biết còn Đảng là còn mình”* nên trước mọi âm mưu xảo quyệt, đen tối của kẻ thù, cán bộ chiến sĩ vẫn nêu cao tinh thần dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, kiên quyết bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu quan trọng của Đảng và Nhà nước ta. Những tấm gương tiêu biểu như tập thể Trung đoàn 600, Trung đoàn

254 và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Trần Văn Nhỏ vẫn mãi ngời sáng về chiến công bảo vệ Trung ương Đảng, bảo vệ lãnh tụ.

Trên trận tuyến bảo vệ biên giới, bờ biển, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đã nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, vận dụng đúng đắn đường lối, nhiệm vụ quân sự, nắm vững phương châm, nguyên tắc trấn áp lực lượng phản cách mạng; kết hợp chặt chẽ giữa chiến đấu vũ trang với vận động chính trị và các biện pháp nghiệp vụ, đã đập tan mọi âm mưu, ý đồ hoạt động phá hoại của địch, kịp thời phát hiện và bắt gọn nhiều toán gián điệp, biệt kích, đập tan nhiều vụ nổi phi, xưng “vua”, gây bạo loạn vũ trang ở khu vực biên giới, bảo vệ Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương và góp phần đem lại cuộc sống bình yên cho nhân dân và giữ vững chủ quyền, an ninh trật tự biên giới, vùng biển của Tổ quốc.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ở miền Bắc, Bộ đội Biên phòng đã nêu cao ý chí ngoan cường, dũng cảm vượt qua bom đạn, bấp bênh, bám trận địa, cùng với các lực lượng vũ trang nhân dân đánh bại hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ; trực tiếp bắn rơi 195 máy bay Mỹ các loại, bắt nhiều giặc lái, góp phần bảo vệ an toàn tuyến hành lang vận chuyển chiến lược cho chiến trường miền Nam; duy trì an ninh trật tự khu vực biên phòng và nội địa. Nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm ngoan cường, hy sinh cao đẹp của cán bộ, chiến sĩ trên trận tuyến chống quân thù, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân đã hun đúc nên truyền thống và tô thắm phẩm chất của người chiến sĩ biên phòng. Tiêu biểu là các đơn vị biên phòng Hiền Lương, Cù Bai (Quảng Trị), Cha Lo, Ròn, Đèo Ngang, C1

(Quảng Bình), Cầu Treo, C1 (Hà Tĩnh), Cửa Hội (Nghệ An), Phân đội Bảo vệ cầu Hàm Rồng (Thanh Hóa), Đoàn 34 (Hải Phòng).

Ở miền Nam, mặc dù sống, chiến đấu trong điều kiện hoàn cảnh cực kỳ gian nan, ác liệt, lực lượng an ninh vũ trang giải phóng vẫn giữ vững tấm lòng son sắt, kiên trung với cách mạng, đã lập được nhiều chiến công hiển hách, bảo vệ an toàn tuyệt đối Trung ương Cục ở miền Nam; luồn sâu vào lòng địch, diệt ác trừ gian, hỗ trợ đắc lực cho quần chúng nổi dậy phá thế kìm kẹp của Mỹ, ngụy; bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng. Đặc biệt, trong cuộc tổng tiến công mùa xuân năm 1975, lực lượng an ninh vũ trang miền Nam đã nắm vững thời cơ, thọc sâu đánh hiểm, vừa hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy, vừa trực tiếp chiến đấu cùng với bộ đội chủ lực đập tan các tuyến phòng thủ của địch, góp phần vào thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, lực lượng an ninh vũ trang đã nhanh chóng triển khai lực lượng tiếp quản và bảo vệ các mục tiêu trọng yếu, tích cực tham gia lập lại an ninh trật tự, ổn định tình hình, giúp nhân dân xây dựng đời sống mới ở các tỉnh, thành phố vừa được giải phóng. Tiêu biểu là các đơn vị an ninh vũ trang Sài Gòn (Gia Định), Sóc Trăng, Phú Yên, Quảng Trị, Trung đoàn 180. Tấm gương hy sinh dũng cảm của Anh hùng Liệt sĩ Nguyễn Kim Vang và nhiều đồng chí ưu tú khác vẫn sống mãi trong lòng nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng.

Đặc biệt, khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, thực hiện nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng ủy Quân sự

Trung ương, lực lượng Bộ đội Biên phòng đã thể hiện rõ vai trò nòng cốt chuyên trách trên mặt trận bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, phục vụ tốt cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ năm 1986 đến nay, lực lượng Bộ đội Biên phòng đã tích cực đổi mới chủ trương, biện pháp công tác biên phòng, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, chủ động kiên quyết tấn công các loại tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên phòng, phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới Tổ quốc và đã đạt được những kết quả quan trọng.

Trong nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, Bộ đội Biên phòng đã quán triệt và thực hiện đúng quan điểm, đường lối đối nội và đối ngoại, chủ động phối hợp với các ngành duy trì nghiêm việc thực hiện các hiệp định, hiệp nghị, quy chế biên giới, góp phần giữ nghiêm kỷ cương phép nước trên các tuyến biên giới, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng vượt biên trái phép, xử lý đúng đắn, kịp thời các vi phạm chủ quyền biên giới, vùng biển, giữ vững ổn định biên giới quốc gia. Trong đấu tranh, các đơn vị đã quán triệt và thực hiện tốt các đối sách, giữ vững nguyên tắc, khôn khéo mềm dẻo về phương pháp; phối hợp tốt giữa đấu tranh tại chỗ với đấu tranh ngoại giao các cấp nên vừa giữ được chủ quyền, vừa giữ được quan hệ láng giềng thân thiện với các nước; đồng thời, tránh được đối đầu căng thẳng, tạo môi trường thuận lợi, phục vụ tốt chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước ta.

Trên mặt trận giữ gìn an ninh trật tự, Bộ đội Biên phòng đã tích cực bám dân, bám địa bàn để phát hiện và đấu tranh làm thất bại nhiều âm mưu thủ đoạn “diễn biến hòa bình”

bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch ở khu vực biên phòng. Thường xuyên chú trọng đổi mới biện pháp nghiệp vụ, tăng cường thể trận bí mật, nắm chắc tình hình, đấu tranh có hiệu quả chống lại các hoạt động tình báo, gián điệp, phản động lưu vong xâm nhập, bọn phản động lợi dụng tôn giáo, dân tộc và các loại tội phạm hình sự khác như vận chuyển các chất ma túy, tiền giả, buôn bán phụ nữ, trẻ em, buôn lậu và gian lận thương mại trên các tuyến biên giới, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên phòng.

Quán triệt sâu sắc quan điểm “*Biên phòng toàn dân*”, Bộ đội Biên phòng đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, nhất là với cấp ủy, chính quyền và đoàn thể quần chúng ở địa phương đẩy mạnh việc thực hiện “Ngày Biên phòng toàn dân” và Chỉ thị 15/1998/CT-TTg, của Thủ tướng Chính phủ, Bộ đội Biên phòng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tích cực tham gia củng cố cơ sở chính trị, xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh, xây dựng những điểm sáng văn hóa trên biên giới; tích cực giúp dân chống lũ lụt và khắc phục các hậu quả thiên tai; vận động nhân dân không di, dịch cư tự do; đấu tranh với những âm mưu thủ đoạn kích động chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc...

Những thành tích của Bộ đội Biên phòng trong những năm qua không chỉ vun đắp truyền thống vẻ vang của Bộ đội Biên phòng mà còn góp phần tô thắm bản chất, truyền thống tốt đẹp của quân đội, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” trong giai đoạn cách mạng mới. Những tấm gương điển hình tiên tiến của Bộ đội Biên phòng, những hình ảnh “Chiến sĩ quân hàm xanh” dũng cảm chiến đấu hy sinh để bảo vệ chủ quyền, an ninh

biên giới của Tổ quốc như các Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Cảnh Dân, Phạm Xuân Phong; gương xả thân hy sinh để cứu tính mạng và tài sản của nhân dân trong bão lũ như các liệt sĩ Phạm Hữu Nghĩa, Phạm Văn Điền, Lê Đình Tư... mãi mãi in đậm trong tâm trí của đồng bào và chiến sĩ cả nước.

Có thể khẳng định, chặng đường 45 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lớp lớp cán bộ, chiến sĩ biên phòng đã nêu cao ý chí kiên cường, bất khuất, kiên trì chịu đựng gian khổ, vượt qua mọi hy sinh thử thách, sẵn sàng xả thân vì nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới của Tổ quốc, đã viết nên những trang sử hào hùng của lực lượng, góp phần chứng minh và khẳng định Bộ đội Biên phòng thực sự là lực lượng chuyên trách và làm nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới của Tổ quốc, tích cực xây dựng cơ sở chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng; góp phần cùng với toàn Đảng, toàn quân xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Với những thành tích to lớn đó, lực lượng Bộ đội Biên phòng đã được Đảng, Nhà nước tuyên dương danh hiệu cao quý: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, được tặng thưởng 2 Huân chương Hồ Chí Minh, 2 Huân chương Độc lập; 2 Huân chương Quân công (hạng Nhất và hạng Nhì); 130 lượt đơn vị và 60 cá nhân được Đảng, Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Đặc biệt, nhân kỷ niệm 45 năm truyền thống (3-3-1959 - 3-3-2004), Bộ đội Biên phòng vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý nhất: Huân chương Sao Vàng.

Chặng đường 45 năm qua của Bộ đội Biên phòng là lịch sử sáng ngời chủ nghĩa

anh hùng cách mạng, được kết tinh bằng mồ hôi, xương máu, bằng khí phách anh hùng và ý chí quyết chiến, quyết thắng của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ kế tiếp nhau cầm súng đứng ở tuyến đầu, bảo vệ biên cương của Tổ quốc, đã xây đắp nên truyền thống vẻ vang của lực lượng. Đó là:

- Tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới của Tổ quốc.

- Mưu trí, dũng cảm, kiên quyết tấn công địch và tội phạm, chủ động sáng tạo trong công tác, nhạy bén linh hoạt đấu tranh, quyết chiến, quyết thắng mọi kẻ thù, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Đoàn kết gắn bó máu thịt với nhân dân, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng khác, tích cực tham mưu đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh phong trào “toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới”.

- Đoàn kết thống nhất, giữ nghiêm kỷ luật, khắc phục khó khăn, chịu đựng hy sinh gian khổ; đẩy mạnh Phong trào Thi đua Quyết thắng, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

- Giữ vững nguyên tắc, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị với các nước láng giềng, góp phần thực hiện chính sách mở cửa, giao lưu, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước ta.

Trong giai đoạn mới, cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc trên thế giới và khu vực tiếp tục diễn ra rất gay go, phức tạp. Các thế lực thù địch đang đẩy mạnh thực hiện những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ nhằm chống phá nền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ra sức lợi dụng các vấn đề tôn giáo, dân tộc, “dân chủ”, “nhân quyền” để

chống phá, kích động, chống đối ta từ trong nước và tạo cơ can thiệp từ bên ngoài. Trên các tuyến biên giới còn diễn biến phức tạp cả trong bảo vệ chủ quyền và an ninh trật tự. Nhiều vấn đề nhạy cảm cần được chủ động xử lý một cách đúng đắn, sáng tạo và có hiệu quả. Đáng chú ý là, những âm mưu, thủ đoạn chiến tranh tâm lý của các thế lực thù địch nhằm kích động chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia cắt và làm suy yếu đất nước.

Trước sự phát triển của tình hình và nhiệm vụ hiện nay, dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội VII của Đảng bộ Quân đội, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, nhất là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới* lực lượng vũ trang nhân dân mà nòng cốt là Quân đội nhân dân, trong đó có Bộ đội Biên phòng phải ra sức phấn đấu nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu toàn diện, nhất là vấn đề nâng cao bản lĩnh chính trị, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ, “phi chính trị hóa quân đội” của các thế lực thù địch và nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu để đánh thắng mọi loại hình chiến tranh xâm lược với những phương thức khác nhau của kẻ thù, kể cả khi chúng sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Phát huy truyền thống xây dựng, chiến đấu và trưởng thành vẻ vang trong 45 năm qua, Bộ đội Biên phòng phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia, lập thành tích thiết thực chào mừng những ngày lễ lớn của đất nước trong năm 2004, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội VII của Đảng bộ Quân đội và Đại hội IX của Đảng. □

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

về quyền lực chính trị

và thực thi quyền lực chính trị

LÊ THỊ THỰC*

TRƯỚC hết, có thể khẳng định Hồ Chí Minh bàn rất nhiều về những nội dung như chính trị, quyền lực chính trị và thực thi quyền lực chính trị trong các tác phẩm của mình. Tuy nhiên, Người rất ít khi đề cập đến các vấn đề đó một cách thuần túy, mà Người thường đề cập đến nội hàm của những khái niệm ấy khi bàn về các vấn đề thực tiễn cách mạng. Người đặc biệt lưu ý đến những nội dung này trong giai đoạn cách mạng ở nước ta đã thành công, khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động cùng chung sức phấn đấu xây dựng và củng cố chế độ mới.

Kế thừa và phát huy những tư tưởng của C. Mác, Ph. Ăng-ghen và V.I. Lê-nin về quyền lực chính trị và thực thi quyền lực chính trị, Hồ Chí Minh trên nền tảng tư tưởng phương Đông và bằng thực tiễn chỉ đạo cách mạng nước ta đã làm cho hệ quan điểm mác-xít về những vấn đề này được bổ sung thêm những nội dung mới. Từ quan niệm cho rằng quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác và mục đích trước mắt của những người cộng sản là tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc, Hồ Chí Minh khẳng định: Nhân dân ta phải giành lấy chủ quyền, và vấn đề tiên quyết là phải xây dựng được một đảng cách mệnh để lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành lấy chính quyền. Việc đấu tranh giành chính quyền,

gìn giữ và củng cố chính quyền ấy là điều quan trọng, có ý nghĩa cốt tử nhất. Người tuyên bố trong *Tuyên ngôn Độc lập*: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".⁽¹⁾

Sau khi lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện thành công Cách mạng Tháng Tám, giành được độc lập, việc xây dựng một bộ máy thực thi quyền lực của dân, do dân và vì dân được Bác Hồ đặc biệt lưu ý. Nói về vấn đề quyền lực trong chế độ mới, Bác đã nhiều lần khẳng định: "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương đều do dân cử ra"; "Tất cả quyền lực trong nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều thuộc về nhân dân"; "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ"⁽²⁾...

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, quyền lực trong Nhà nước ta không phải là quyền lực của cá nhân hay của bộ máy, mà là của toàn thể nhân dân. Cơ quan nhà nước các cấp chỉ là người *chấp hành mệnh lệnh* của quốc dân, chấp hành ý chí của nhân dân. Bộ máy chính quyền nhà nước là do nhân dân bầu ra, vì vậy phải do nhân dân

* Ths, Trung tâm Xã hội học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 4

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 515

kiểm soát. Cũng như V.I. Lê-nin, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Nhà nước phải được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ thì nhân dân mới làm chủ được quyền lực của mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc tổ chức bộ máy chính quyền mới. Sau khi giành được độc lập, Người nhận thấy bộ máy chính quyền mới còn thiếu tính tổ chức. Vì vậy, Người đã viết bài *Thiếu óc tổ chức - một khuyết điểm lớn trong các Ủy ban nhân dân*, đăng trên báo Cứu quốc; trong đó, Người chỉ rõ: "Một khuyết điểm lớn, chung cho phần đông các Ủy ban nhân dân là bệnh lộn xộn, thiếu tổ chức". Ở đây, vấn đề dùng người đã được Hồ Chí Minh chỉ ra như một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng đó. Người viết: "Người nói giỏi lại cho vào việc chỉ cần khéo chân tay, người viết giỏi lại cho làm việc về lao động thì nhất định không thể nào thành công được"⁽³⁾. Vì thế, cần phải biết dùng người với phương châm "dùng người như dùng gỗ"; "tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cất làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì, ta đặt ngay vào việc ấy"⁽⁴⁾.

Nói về phương thức thực thi quyền lực của Đảng khi đã ở vị trí cầm quyền, Hồ Chí Minh đặc biệt phê phán cách lãnh đạo "quan liêu". Người khẳng định: "Đảng phải đi sát quần chúng, khéo tổ chức và lãnh đạo quần chúng thì cách mạng mới thành công". Người căn dặn: "Cán bộ lãnh đạo cần phải chống bệnh quan liêu, chống cách lãnh đạo chung chung. Cần phải đi sâu đi sát, điều tra nghiên cứu. Cần phải khuyến khích, thu góp, bổ sung và phổ biến rộng rãi những sáng kiến hay, những kinh nghiệm tốt của quần chúng"⁽⁵⁾. Người lãnh đạo không được "chỉ trông từ trên xuống", chỉ đưa ra chỉ thị, mệnh lệnh từ trên xuống mà phải biết nhìn vấn đề từ dưới lên, từ cuộc sống, từ phía quần chúng. "Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với dân chúng"⁽⁶⁾. Xa rời quần chúng, Đảng sẽ mất sáng suốt, sẽ rơi vào chủ quan duy ý chí, trở thành quan liêu, độc đoán chuyên quyền. Theo Người, đó là một trong những điều lớn nhất mà đảng cầm quyền phải hết sức tránh.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần phê phán bệnh quan liêu, máy móc trong bộ máy thực thi quyền lực của nhân dân. Ngay từ những ngày đầu giữ cương vị Chủ tịch nước, Người đã tuyên bố chống quan liêu, chống mất dân chủ. Khi nhắc nhở các Ủy ban nhân dân cần có "tinh thần tự động". Người phê phán tình trạng "Khi có công tác thì đem thi hành một cách máy móc. Khi làm xong việc lại chỉ ngồi không, không chịu bới việc ra mà làm nữa, cứ ỳ ra như xe bò lên dốc, không có người đẩy là y như đứng lại"⁽⁷⁾. Người còn chỉ ra cụ thể hơn: "Nhiều ủy viên trong các Ủy ban, đã được phân công rõ ràng, đã nhận phụ trách một việc nhất định, không biết xoay xỏa nghĩ cách thực hành công tác mình cho có hiệu quả, lại nhất nhất điều gì cũng chỉ đòi hỏi chủ tịch hay thượng cấp, không biết tự quyết, tự định cái gì, như vậy làm sao công tác phát triển được"⁽⁸⁾.

Nhằm khắc phục tình trạng đó, Người đề ra rất nhiều biện pháp, trong đó Người đặc biệt nhấn mạnh công tác kiểm tra. Người chỉ rõ: "Hiện nay, nhiều nơi cán bộ lãnh đạo chỉ lo khai hội và thảo nghị quyết, đánh điện và gửi chỉ thị, sau đó thì họ không biết gì đến những nghị quyết đó đã thực hành đến đâu, có những khó khăn trở ngại gì, dân chúng có ra sức tham gia hay không. Họ quên mất kiểm tra. Đó là một sai lầm rất to. Vì thế mà "đầy túi quần thông cáo, đầy túi áo chỉ thị" mà công việc vẫn không chạy"⁽⁹⁾.

Hồ Chí Minh cũng rất lưu ý phê phán tình trạng lạm dụng quyền lực của một số "quan cách mạng". Người viết: "Dân ghét các ông chủ tịch, các ông ủy viên vì cái tật ngông nghênh cậy thế cậy quyền. Những ông này không hiểu nhiệm vụ và chính sách của Việt Minh, nên khi nắm được chút quyền trong tay vẫn hay lạm dụng, có được mấy khẩu súng lục trong túi lúc nào cũng lăm le

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 39

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 39

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 307

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 249

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 40

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 40

(9) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 521

muốn bắn, đeo chiếc kiếm bên mình lúc nào cũng chỉ chực muốn chặt người ta"⁽¹⁰⁾. Trong bức thư gửi các đồng chí tỉnh nhà Nghệ An chỉ 2 tuần sau ngày đất nước độc lập, Bác cũng đã chỉ ra những "khuyết điểm to" của cán bộ địa phương là: "hủ hóa, lên mặt làm quan cách mạng, hoặc là độc hành độc đoán, hoặc là dĩ công dinh tư. Thậm chí dùng pháp công để bảo thù tư, làm cho dân oán đến Chính phủ và Đoàn thể"⁽¹¹⁾. "Những lỗi lầm rất nặng nề" của một số "quan cách mạng" như: *trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo, quân phiệt, quan liêu, hẹp hòi, ham chuộng hình thức...* cũng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở nhiều lần.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, một bộ máy nhà nước vững mạnh, có hiệu lực phải là một nhà nước làm cho mọi người dân biết sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; mặt khác, nhà nước đó "phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân". Để thực hiện được điều đó, cần phải đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ chính quyền phù hợp với bản chất của nhà nước ta, thấm nhuần tinh thần "dân là chủ, cán bộ là đầy tớ trung thành của nhân dân".

Áp dụng tư tưởng ấy, trong hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã thành công trong việc xây dựng một Nhà nước dân chủ kiểu mới. Vì vậy, dù trong điều kiện còn rất nhiều khó khăn, việc xây dựng nhà nước pháp quyền chưa có điều kiện triển khai đồng bộ, nhiều tổ chức, thiết chế pháp luật chưa được kiện toàn, còn nhiều nhược điểm và thiếu sót, nhưng nhà nước non trẻ của chúng ta đã hoàn thành được chức năng của mình, thể hiện được uy tín và quyền lực trong nhân dân, được nhân dân ủng hộ và tuân theo. Người đã chỉ rõ rằng cơ sở tạo nên uy tín và quyền lực ấy của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, không phải do "tự nhận" hoặc "đòi các tổ chức khác thừa nhận" mà chính là do quần chúng rộng rãi thừa nhận thông qua hoạt động thực tiễn của bộ máy chính quyền nhà nước mới. Hơn nữa, vai trò và địa vị làm chủ của người dân còn được Người khẳng định một cách dứt khoát: "Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ"⁽¹²⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ, nghĩa là Nhà nước do nhân dân làm chủ. Người xem dân chủ là bản chất của chế độ ta, Nhà nước ta. Người nói: "Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ, đó là do tính chất Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân. Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên"⁽¹³⁾. Người coi "*thực hành dân chủ* là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn"⁽¹⁴⁾. Cũng như V.I. Lê-nin, Người nhấn mạnh: Nền dân chủ của ta không phải nền dân chủ hình thức, dân chủ cho một số người mà là nền dân chủ của tuyệt đại đa số nhân dân; tập thể nhân dân là người chủ chân chính duy nhất của xã hội. Chính vì vậy, Nhà nước của ta phải là công cụ sắc bén để bảo vệ lợi ích của nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, chuyên chính là phương tiện để bảo vệ nền dân chủ: "Dân chủ và chuyên chính đi đôi với nhau. Muốn dân chủ thực sự phải chuyên chính thực sự"⁽¹⁵⁾; "*Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khóa, cái cửa để phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khóa, nhà không cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên có cửa phải có khóa, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ"⁽¹⁶⁾.

Như vậy, đối với Hồ Chí Minh, ở nước ta, quyền lực nói chung và quyền lực chính trị nói riêng chỉ là "tài sản" do nhân dân ủy thác. Tư tưởng đó của Người thể hiện rõ sự thấm nhuần các giá trị phổ biến của nhân loại trong lĩnh vực này. Trong tư tưởng của Bác, quyền lực chính trị là quyền lực công cộng của nhân dân, là cái mà các giai cấp thống trị phải trả lại cho những người

(Xem tiếp trang 33)

(10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 47

(11) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 21

(12) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 60

(13) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 592

(14) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 249

(15) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 29

(16) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 279-280

HỒ CHÍ MINH

VỚI GIÁO DỤC CÁI ĐẸP CHO TUỔI TRẺ

NGUYỄN NGỌC THU*

TUỔI thanh niên tươi đẹp luôn hướng về phía trước với tâm hồn rộng lớn vì các giá trị của ngày mai; dồi sức sống và lòng tin, tài năng và nghị lực phấn đấu cho sự giàu đẹp của Tổ quốc.

Bác Hồ đã nói rằng: "Tuổi trẻ là mùa xuân của cuộc đời".

Rõ ràng, đối với Bác, tổ chất mùa xuân tạo nên cái đẹp riêng của tuổi trẻ, bao hàm trong đó những sức sống kỳ diệu, hoài bão và ước mơ, của cái đang sinh thành và đang phát triển. Chính các tổ chất này lại thôi thúc tuổi trẻ mong chiếm lĩnh được những cái đẹp mới.

Khi trả lời câu hỏi vì sao con người ta luôn luôn trẻ, Bác Hồ nói rằng, bởi vì những người này mang trong mình "một tình yêu say mê đối với cái Thiện, cái Mỹ"⁽¹⁾.

Nhưng lý giải cái thiện và cái mỹ, tạo nên sức trẻ đẹp cho con người chẳng phải là một điều dễ dàng. Trong lịch sử nhân loại và lịch sử dân tộc ta đã có biết bao nhiêu quan niệm khác nhau về điều đó. Một số nhà triết học phương Đông và phương Tây trước kia, do có những cách nhìn thế giới lệch lạc và những quan niệm về nhân sinh không đúng đắn đã từng đẩy cội nguồn của cái đẹp về hai phía hoàn toàn đối lập nhau:

- Cái đẹp của con người là do Chúa Trời tạo nên.

- Cái đẹp của con người là cái đẹp cho mình, tự tạo cho mình một cảm giác thích thú.

Cả hai khuynh hướng giải quyết cội nguồn của cái đẹp đó được cụ thể hóa bằng nhiều quan điểm khác nhau ở Ki-tô giáo, Nho giáo, Phật giáo và Lão giáo... Khi Nho giáo nêu lên học thuyết về "Kính trưởng", về nhân, trí, dũng của người quân tử thì ở đó đã bao chứa một cách phân chia vĩnh viễn về đẳng cấp giữa người lao động và tầng lớp áp bức bóc lột. Khi Đạo giáo tuyên truyền cho lối sống vô vi của những người hòa mình vào tự nhiên của đất trời thì ở đó xuất hiện một thứ triết lý coi cái đẹp của con người là hòa nhập trong cái đẹp thiên định của trời đất.

Những quan niệm về cội nguồn của cái đẹp như vậy đã ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của nhiều thế hệ trẻ trong lịch sử phát triển của dân tộc. Có những thanh niên bị cái "mỹ đức" nô lệ của Khổng Tử trói chặt vào đạo tam cương, ngũ thường, để rồi tôn kính mù quáng bọn áp bức bóc lột. Không ít thanh niên đã bị tôn giáo huyễn hoặc u mê, bạc nhược đi đến quỳ lạy ông bình vôi bên gốc đa hay tin vào số mệnh.

* TS, Trường Khoa Triết - Xã hội học, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 388

Là học trò trung thành của C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n, V.I. Lê-nin, Hồ Chí Minh hiểu sâu sắc nguồn gốc đích thực của cái đẹp chính là lao động: "Lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta". Với ý nghĩa đó, Bác đã mang cái giá trị chân chính của con người trả lại cho con người. Toàn bộ cái đẹp về thân thể và tâm hồn của con người đều hình thành từ lao động.

Sinh thời, với cương vị là Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh viết: "Đây mạnh hơn nữa việc giáo dục lao động trong nhà trường là một khâu chủ yếu trong toàn bộ sự nghiệp giáo dục xã hội chủ nghĩa nhằm đào tạo thế hệ trẻ đã có kiến thức khoa học, lại có những kiến thức cơ bản về kỹ thuật sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, những thói quen lao động, sẵn sàng bước vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa"⁽²⁾.

Thấu suốt quan điểm lý luận và thực tế, khoa học và ứng dụng, lao động trí óc và lao động tay chân, nhất quán trong chỉ đạo thực hiện, Bác Hồ đã nâng người lao động lên một tầm cao mới. Người lao động trí óc khi gắn với kỹ thuật sẽ hành động thực tiễn tốt hơn và ngược lại từ thực tiễn trí tuệ lại được nâng cao.

Hồ Chí Minh luôn nhìn sự vật một cách tổng thể. Những phạm trù kép luôn luôn được Người sử dụng. Học đi với hành, lao động trí óc kết hợp lao động chân tay, đức gắn với tài, "hồng" đi với "chuyên"... Đó là các hướng giáo dục lao động cho con người một cách tối ưu. Người nói: "Cần có lao động, lao động trí óc và lao động chân tay, nghĩa là người lao động chân tay cũng phải có văn hóa, là lao động trí óc cũng phải làm được lao động chân tay". Người còn nói: "Lao động trí óc mà không lao động chân tay, chỉ biết lý luận mà không biết thực hành thì cũng là trí thức có một nửa... Muốn cho Tổ quốc giàu mạnh thì phải ra sức lao động, ra sức tăng gia sản xuất, thực hành

tiết kiệm... phải hiểu rõ sinh hoạt của nhân dân... yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội... Muốn thật thà yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội phải yêu lao động"⁽³⁾. Gắn cội nguồn, cái đẹp của tuổi trẻ với lao động, đặc biệt là lao động tập thể, lao động có khoa học, có kỹ thuật và giàu sáng tạo như là nét biểu hiện mới của cái đẹp, Bác đã tiếp nối và vận dụng sáng tạo quan điểm về cái đẹp của chủ nghĩa Mác vào điều kiện cụ thể của dân tộc ta trong thời đại ngày nay.

Dân tộc ta từ một nền sản xuất nhỏ, từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Quá trình cách mạng diễn ra rất phức tạp và rất đặc thù. Chúng ta không qua chế độ tư bản chủ nghĩa, vì thế quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội vừa có cái phải tạo ra hoàn toàn mới, vừa có cái phải cải tạo lại một cách rất gian khổ để có thể đủ sức mạnh vươn tới xã hội xã hội chủ nghĩa cao đẹp. Chính vì thế, khi Hồ Chí Minh đặt vấn đề lao động kết hợp với chủ nghĩa tập thể, lao động kết hợp với khoa học - kỹ thuật là xuất phát từ những đặc điểm của dân tộc và thời đại để xây dựng nên những quan niệm về cái đẹp mới cho con người. Coi chủ nghĩa tập thể là đặc trưng rất quan trọng trong cái đẹp của tuổi trẻ, Bác Hồ thấu hiểu mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội; Sự phát triển tốt đẹp của mỗi cá nhân được đánh dấu bằng sự phát triển tốt đẹp của cả xã hội; và ngược lại, mỗi cá nhân lại góp phần của mình vào làm nảy nở thêm các cái đẹp mới trong xã hội. Chủ nghĩa tập thể không làm thui chột tài năng cá nhân mà ngược lại luôn luôn tạo điều kiện cho mỗi cái mới, cái đẹp của cá nhân nảy nở và phát triển.

(2) *Văn học nghệ thuật là một mặt trận*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1981, tr 252

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 9, tr 73

Đi lên chủ nghĩa xã hội, nước ta đang ở những chặng đường mà lối sống cũ đang tìm đường né tránh cải tạo, ẩn vào những phần tử lạc hậu, thâm nhập vào những người không chịu rèn luyện và mất cảnh giác. Lợi dụng tự do tín ngưỡng, đặc biệt là lợi dụng những hiện tượng ngẫu nhiên và các khó khăn trong đời sống hằng ngày, những phần tử lạc hậu, và ở đây, có cả bàn tay của kẻ địch, khuấy động tâm lý sợ sệt của quần chúng, bằng cách ra sức tuyên truyền cho những phép lạ quái gở. Việc tuyên truyền mê tín dị đoan của bọn chuyên nghề đồng bóng, bói toán thường hướng vào một bộ phận thanh niên chậm tiến mà tiến công, tạo nên một tình trạng mất ổn định trong đời sống của họ, làm cho một bộ phận thoái thác nhiệm vụ xã hội, vô trách nhiệm với cuộc sống. Bác Hồ hiểu rất rõ rằng, giai cấp phản động muốn phá hoại niềm tin của con người, đưa tuổi trẻ dần dần tách khỏi cuộc đấu tranh. Vì những giá trị cao quý của con người, Bác Hồ thường nhắc nhở: "Giáo dục thanh niên không thể tách rời mà phải liên hệ chặt chẽ với những cuộc đấu tranh của xã hội. Trong xã hội cũ có nhiều nọc độc nó làm hại thanh niên. Nhất là văn hóa độc ác của Mỹ... làm cho thanh niên hư hỏng, trụy lạc... Thậm chí một số thanh niên hóa ra lưu manh, trộm cắp, cờ bạc"⁽⁴⁾. Cuộc đấu tranh chống lại mọi nọc độc của lối sống tư sản và tệ mê tín dị đoan trở thành một mặt quan trọng trong việc xây dựng cái đẹp cho tuổi trẻ. Để làm được điều đó, thanh niên phải có một ý thức tự giác và đây là một mặt quan trọng của việc khắc phục cái xấu trong lao động của tuổi trẻ.

Nói tới ý thức tự giác khắc phục cái xấu, xây dựng cái tốt và cái đẹp ở tuổi trẻ là nói tới tuổi trẻ cần sống và hành động có kỷ cương, năng động của cá nhân có phẩm cách văn hóa. Từ đó biến nhận thức thành niềm tin, biến niềm tin thành lẽ sống, biến lẽ sống tốt đẹp thành lối

sống, thành tập quán, thành bản chất của mình. Đó cũng chính là quá trình vượt qua khá nhiều thói hư tật xấu để đến với cái cao đẹp. Không có được tính năng động chủ quan bắt nguồn từ một ý tưởng cao đẹp thì tuổi trẻ không vượt qua cái hẹp hòi, lười biếng, trốn tránh việc khó và đặc biệt là tự buông thả trong các tính toán cá nhân vị kỷ. Nói đến trình độ tự giác là nói sự dũng cảm vượt qua mọi thách thức trong mỗi bản thân con người, nói đến lương tâm và danh dự. Tuổi trẻ Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đầy vinh quang trong từng giai đoạn lịch sử.

Đất nước có giặc thì đi chiến đấu. Đó là lương tâm, là nghĩa vụ của tuổi trẻ.

Ngày nay, tinh thần tự giác lại thử thách thanh niên hằng ngày: một ca lao động có hiệu quả trên công trường, trong xưởng máy; một thái độ văn minh trong giao tiếp, một việc nhỏ trong rèn luyện lời hay, ý đẹp... Tất cả tích hợp góp vào thành phẩm cách, thành giá trị cuộc sống đẹp của thanh niên.

Tính tự giác có nguồn gốc sâu sắc từ tinh thần tự chủ. Ở đó, lương tâm được thử thách, danh dự được kiểm tra, phẩm giá được xác lập. Tự giác làm mỗi công việc mà mình được phân công, được nhận biết sâu sắc chính là thực hiện điều nhắc nhở ân cần của Bác Hồ đối với tuổi trẻ. Bác nói: "Nhiệm vụ của thanh niên không phải là hỏi nước nhà đã cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà"⁽⁵⁾.

"Tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà" là biểu hiện khả năng, tầm suy nghĩ và cái đẹp đúng đắn của thanh niên. Tự hỏi và có thể tự làm được một cách tốt đẹp, đó là khả năng sáng tạo cái đẹp tuyệt vời của tuổi trẻ. Ý thức tự giác ấy là phần gốc của tuổi trẻ. Ý thức ấy mang

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 454, 455

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 455

trong nó giá trị đạo đức và thẩm mỹ. Khi ý thức đó được xác lập ở tuổi trẻ có ảnh hưởng to lớn và dây chuyền đến toàn bộ đời sống xã hội, tạo nên sự đồng cảm sâu sắc giữa mọi người trong cộng đồng, hình thành từ trong chiều sâu của xã hội một sức sống mãnh liệt, ánh lên thành cái đẹp rất phong phú mang tính chất thời đại của thanh niên.

Đối với Bác Hồ, cái đẹp của tuổi trẻ không chỉ bắt nguồn từ lao động tốt, chiến đấu tốt, mà còn ở trong học tập tốt.

Tuổi trẻ còn là tuổi cấp sách đến trường, hàng chục năm được rèn luyện trên ghế nhà trường, trước khi trở thành người lao động thực thụ. Các thành tựu học tập, văn nghệ, thể dục thể thao của những danh thủ, kiện tướng, những danh ca... đều có mầm mống từ ghế nhà trường. Vì lẽ đó, khi định hướng cái đẹp cho tuổi trẻ, bao giờ Bác Hồ cũng nhắc nhở thanh niên phải học tập tốt. Trong nhiều thư gửi học sinh nhân dịp khai trường hằng năm, Bác luôn luôn chú ý đến chất lượng học tập của thanh niên. Học tập tốt chính là chuẩn bị tốt cho lao động.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác lúc ở hải ngoại, khi trở về Tổ quốc cho đến cả lúc sắp từ giã cõi đời, Bác đều mong muốn mọi người đều có cơm ăn áo mặc, đều được học hành. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Bác cùng Trung ương Đảng đã hướng tất cả nỗ lực của mình vào mở các trường dạy học cho tuổi trẻ. Trong kháng chiến chống Pháp và trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, tư tưởng học kết hợp với hành của Bác đã đào tạo được bao nhiêu thế hệ thanh niên có tri thức lại có đạo đức ra sức phục vụ Tổ quốc.

Đảng và Bác Hồ đã đào tạo cả một đội ngũ trí thức to lớn cho cách mạng. Nhiều thanh niên đã trưởng thành trong học tập xứng đáng với lòng mong mỏi của Bác. Những gương mặt hiếu học, những tâm gương sáng tạo trong các

kỳ thi quốc tế của tuổi trẻ Việt Nam đã ánh lên cái đẹp rực rỡ trong kết quả học tập.

Nói về cội nguồn cái đẹp của tuổi trẻ, Bác Hồ luôn luôn quan tâm đến tính đặc thù của lứa tuổi. Trong các thư từ, lời khuyên, huấn thị của Bác đối với thanh niên, bao giờ Bác cũng nhìn rõ sự kết hợp một cách hài hòa giữa chiều sâu và bề nổi sinh hoạt của thanh niên. Khi Bác viết: "Thanh niên phải chuyên tâm học tập và công tác, nhưng cũng cần có vui chơi. Vui chơi lành mạnh là một bộ phận trong sự sinh hoạt của thanh niên"⁽⁶⁾, thì ở đó đã bao chứa tính đặc thù trong việc giáo dục cái đẹp cho tuổi trẻ.

Quan tâm tới vui chơi, giải trí lành mạnh, Bác Hồ hiểu rất rõ những phương tiện phục vụ nó còn phụ thuộc vào các phúc lợi xã hội. Đời sống vật chất còn thiếu thốn, lực lượng sản xuất chưa phát triển thì không thể đáp ứng mọi nhu cầu vui chơi giải trí được. Một số thanh niên không nhìn rõ hoàn cảnh đó lại đòi hỏi quá cao và quá nhiều đối với gia đình và đất nước mà quên mất cần phải làm cho các hoạt động vui chơi giải trí của mình có văn hóa, thanh cao, nhân đạo - mặc dù điều kiện kinh tế của chúng ta còn nhiều khó khăn. Rất nhiều cái xấu lẫn trốn trong lứa tuổi thanh niên ít kinh nghiệm sống, đam mê "cái mới lạ". Để chống lại những cái xấu đó, quan điểm của Bác Hồ về vấn đề lành mạnh hóa vui chơi có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong việc đẹp hóa, trẻ hóa của tuổi trẻ.

"Tương lai đẹp đẽ là của tất cả mọi người - mọi người phải cố gắng". Đó là lời hiệu triệu và cũng là mệnh lệnh của Bác yêu cầu tuổi trẻ phải trở thành người đẹp nhất của đất nước. Khi còn sống, mỗi ngày hội của học sinh, sinh viên Bác đều cổ vũ nồng nhiệt. Mỗi ngày vui của thiếu niên, thanh niên Bác đều có quà tặng những người xuất sắc. Ngày xuân, Bác trồng cây trên công viên cho tuổi trẻ vui chơi. Ngày

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 456

hè, Bác quan tâm đến nơi nghỉ ngơi của thanh niên. Những buổi liên hoan biểu diễn lớn của thanh niên, Bác đều đến dự. Với tấm lòng nhân ái vô bờ, với sự chăm sóc ân cần đến cái đẹp của tuổi trẻ, trước khi từ giã cõi đời, Bác còn dặn lại toàn Đảng, toàn dân cần chăm lo, săn sóc và giáo dục thanh niên.

Trong tất cả các Nghị quyết Đại hội của Đảng cũng như nhiều khóa họp của Trung ương Đảng về công tác thanh vận, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn luôn thống nhất và trở thành cương lĩnh chính trị nhất quán của Đảng ta. Nghị quyết Đại hội V của Đảng xác định rõ: Đảng ta luôn luôn nhận định rằng, công tác vận động thanh niên có tầm quan trọng đặc biệt. Đây là một vấn đề chiến lược của cách mạng, là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản. Nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài của công tác thanh niên là giáo dục cho thế hệ trẻ nâng cao ý thức làm chủ, phát huy vai trò xung kích trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhanh chóng khắc phục những biểu hiện không lành mạnh trong một bộ phận thanh niên, thiếu niên; ra sức đào tạo, rèn luyện thanh niên thành những con người mới phát triển toàn diện, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp của Đảng và của dân tộc... Đó chính là thực hiện đúng lời dặn trong *Di chúc* của Người: "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết".

Bồi dưỡng các thế hệ thanh niên, hướng thanh niên phấn đấu trở thành những con người phát triển toàn diện là một khâu quan trọng trong sự nghiệp giáo dục thẩm mỹ cho thanh niên của Đảng và của Bác Hồ. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII) đã phát triển các quan điểm trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về cái đẹp của tuổi trẻ và nêu ra những quyết sách để thế hệ trẻ tạo dựng cái đẹp mới cho dân tộc khi bước vào thế kỷ XXI và những năm tiếp theo. □

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG...

(Tiếp theo trang 28)

chủ đích thực của nó. Hơn ai hết, Hồ Chí Minh thấu hiểu sâu sắc rằng nhân dân lập ra quyền lực công cộng để bảo đảm an ninh và môi trường tự do cho từng cá nhân, để mưu cầu một cuộc sống ngày một đầy đủ, hạnh phúc hơn. Chính vì vậy, suốt cuộc đời, Người luôn luôn phấn đấu để có **quyền lực thực hiện tự do cho đa số**.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực chính trị và thực thi quyền lực chính trị là tài sản vô giá của cách mạng Việt Nam, đã được toàn Đảng, toàn dân ta trân trọng và vận dụng trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện bộ máy thực thi quyền lực của mình. Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng thực sự là một Nhà nước của dân, do dân và vì dân, theo đúng tinh thần của Hồ Chí Minh. Bộ máy nhà nước của chúng ta đã và đang thực hiện tốt sứ mệnh lịch sử của mình là tạo ra và bảo đảm môi trường tự do cho đông đảo nhân dân, bảo đảm **quyền lực thực hiện tự do cho đa số** như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong mỏi. Những thành tựu đó đã được Đại hội IX của Đảng ghi nhận: "Nhà nước tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện, nền hành chính được cải cách một bước... Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực được phát huy; một số chính sách và quy chế đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân, trước hết là ở cơ sở, bước đầu được thực hiện"⁽¹⁷⁾.

Chúng ta ôn lại tư tưởng quý báu của Người về quyền lực chính trị và thực thi quyền lực chính trị là một điều vô cùng bổ ích để tiếp tục vận dụng sáng tạo tư tưởng ấy vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. □

(17) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 71

XÂY DỰNG ĐẢNG CẦM QUYỀN - kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc

1 - Những vấn đề lý luận cơ bản của Đảng cầm quyền và xây dựng Đảng cầm quyền

Các báo cáo, ý kiến phát biểu, trao đổi tại Hội thảo đều chung nhận định, xây dựng Đảng cầm quyền ngang tầm nhiệm vụ cách mạng là một yêu cầu vừa cấp thiết, vừa lâu dài, có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước, nhất là trong tình hình hiện nay.

Báo cáo đề dẫn của GS, TS **Nguyễn Phú Trọng**, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam với nhan đề: *Xây dựng Đảng cầm quyền: Một số kinh nghiệm từ thực tiễn đổi mới ở Việt Nam* nhấn mạnh, đây là "một vấn đề rộng lớn, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất quan trọng". Đảng cầm quyền là Đảng lãnh đạo toàn bộ xã hội, trong đó có chính quyền, làm cho mọi hoạt động của chính quyền thể hiện được tư tưởng, đường lối của Đảng, phù hợp với lập trường và phục vụ lợi ích của giai cấp, của dân tộc mà Đảng là đại diện.

Báo cáo đề dẫn của đồng chí **Hạ Quốc Cường**, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Bí thư Trung ương, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc với nhan đề: *Không ngừng nâng cao trình độ lãnh đạo và trình độ cầm quyền, tăng cường năng lực chống tha hóa, phòng biến chất và chống rủi ro cho rằng, tăng cường và cải tiến xây dựng Đảng là vấn đề căn bản, liên quan đến toàn cục công tác và ổn định vững vàng, lâu dài của Đảng và Nhà nước. Muốn gắn kết ý chí và sức mạnh của nhân dân, tiến lên theo mục tiêu hiện đại hóa xã*

hội chủ nghĩa, nếu không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, thì Trung Quốc sẽ trở thành một đồng cát rôi, không những không thực hiện được hiện đại hóa, mà tất nhiên sẽ rơi vào vực thẳm hỗn loạn. Trong công cuộc cải cách mở cửa, Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, điều cơ bản là Đảng phải tiến hành theo đường lối chính trị của Đảng, không ngừng nâng cao sức sáng tạo, sức hội tụ và sức chiến đấu của Đảng.

Trong những năm qua, Việt Nam và Trung Quốc đã có nhiều công trình nghiên cứu về xây dựng Đảng cầm quyền và cũng đạt được một số kết quả bước đầu. Tuy nhiên, còn nhiều vấn đề phải được tiếp tục nghiên cứu. Một số báo cáo của hai đoàn đều có chung một nhận định là, nếu không chú trọng và tăng cường hơn nữa việc xây dựng Đảng, có thể làm cho Đảng rơi vào nguy cơ dao động về đường lối, trong Đảng xuất hiện chủ nghĩa cơ hội, quan liêu, xa rời dân, xa rời lý tưởng... và nguy hiểm hơn nữa có thể dẫn đến thoái hóa, biến chất của Đảng. Sự sụp đổ của Liên Xô, và sự tan rã của Đảng Cộng sản Liên Xô là một minh chứng cụ thể về điều đó. Trong quá trình thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc đã và đang nảy sinh biết bao vấn đề phức tạp, đòi hỏi Đảng cầm quyền phải đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo, không ngừng nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo, làm cho Đảng ngày càng thể hiện đầy đủ vị trí và vai trò lãnh đạo của mình.

Về lý luận cơ bản của Đảng cầm quyền, báo cáo của GS, TS **Nguyễn Phú Trọng** trình bày một cách hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra chung quanh Đảng cầm quyền. Báo cáo nhấn mạnh, Đảng cầm quyền là Đảng lãnh đạo toàn bộ xã hội, trong đó có chính quyền. Đảng sử dụng bộ máy nhà nước quy tụ và phát huy sức mạnh của toàn thể nhân dân để làm cho quan điểm của Đảng giữ vai trò chủ đạo đối với sự phát triển xã hội, mục tiêu, đường lối của Đảng được thực hiện trong xã hội; làm cho mọi hoạt động của chính quyền nhà nước thể hiện và thực hiện được tư tưởng, đường lối của Đảng, phù hợp với lập trường và phục vụ cho lợi ích của giai cấp, tầng lớp mà Đảng đại diện. Đảng phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, trước dân tộc. Để làm được điều đó, Đảng cầm quyền phải tiến hành đồng thời và hiệu quả hàng loạt vấn đề.

Trên phương diện này, ở góc độ khác, đồng chí **Hạ Quốc Cường** khẳng định: Xây dựng Đảng theo phương châm Đảng phải quản lý Đảng, quản lý Đảng phải nghiêm minh, tập trung tâm lực làm tốt việc xây dựng bản thân Đảng. Coi việc tăng cường xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng là trọng điểm, đồng thời tăng cường hơn nữa năng lực chống tha hóa, phòng biến chất và chống rui ro.

2 - Xây dựng Đảng cầm quyền vững mạnh về chính trị, tư tưởng

Về vấn đề này, GS, TS **Nguyễn Phú Trọng** xác định đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng. Xây dựng Đảng về chính trị là xây dựng Cương lĩnh, đường lối, nghị quyết, xác định rõ mục tiêu, giải pháp và tổ chức thực hiện những vấn đề mà Đảng đặt ra để lãnh đạo đất nước, dẫn dắt cả dân tộc đi lên, tránh được nguy cơ sai lầm về đường lối. Đây là vấn đề cốt tử của toàn bộ công tác xây dựng Đảng, đòi hỏi "*Đảng cầm quyền phải thường xuyên nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và chất lượng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, luôn giữ được bản chất cách mạng và khoa học, không biến chất và có phương thức lãnh đạo đúng*". Từ thực tiễn đổi mới của

Việt Nam gần 20 năm qua, trong tham luận của TS **Hồng Vinh** (Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam), PGS, TS **Tô Huy Rúa** (Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc Thường trực Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Việt Nam), GS **Đặng Xuân Kỳ** (Phó chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam) và PGS, TS **Mạch Quang Thắng** (Vụ trưởng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Việt Nam) đều khẳng định, thành công của công cuộc đổi mới ở Việt Nam thời gian qua là do Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm và rất chú trọng xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tạo nên sự nhất trí cao trong Đảng và sự đồng thuận trong nhân dân. Kết quả của đường lối chính trị đúng đắn đó là ở chỗ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, vừa phù hợp với thực tế của đất nước, vừa phù hợp với nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng. Tham luận: *Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận của Đảng với việc xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng* của TS **Hồng Vinh** viết: Đảng tiên phong trước hết cần tiên phong về mặt lý luận. Đồng chí nhấn mạnh nội dung đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận bao gồm đổi mới về tư duy lý luận, nhất là tư duy kinh tế; đổi mới về nội dung, phương thức tiến hành công tác tư tưởng, lý luận; đồng thời, góp phần tổng kết những vấn đề tư tưởng, lý luận từ thực tiễn đổi mới đất nước và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu; những giải pháp nhằm phục vụ tốt hơn nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Góp phần làm rõ tính tất yếu của việc Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, GS **Đặng Xuân Kỳ** cho rằng, để đổi mới tư duy, Đảng phải đấu tranh để khắc phục bệnh giáo điều, rập khuôn, bảo thủ, chủ quan, duy ý chí; mặt khác, phải bồi dưỡng tư duy biện

chúng, tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, kết hợp nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn để vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phát hiện ra những quy luật đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, xây dựng lý luận phát triển của Việt Nam trong thế kỷ mới.

Báo cáo của các đồng chí đại biểu Trung Quốc cũng đều khẳng định tầm quan trọng của việc xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng; làm gì để nâng cao hơn nữa trình độ lãnh đạo, trình độ cầm quyền của Đảng và làm thế nào để tăng cường hơn nữa năng lực chống tha hóa, phòng biến chất và chống rủi ro. Tham luận của đồng chí **Trần Tuấn Hồng** (Phó Tổng Thư ký kiêm Cục trưởng Cục Lý luận, Ban Tuyên truyền Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc) với nhan đề : *Kiên trì đặt việc xây dựng lý luận tư tưởng lên hàng đầu công tác xây dựng Đảng* nhấn mạnh: Đảng Cộng sản Trung Quốc thực hiện tư tưởng chỉ đạo tiến cùng thời đại là yêu cầu căn bản về tăng cường xây dựng lý luận, tư tưởng; kiên trì dùng lý luận khoa học vũ trang cho toàn Đảng là khâu trung tâm tăng cường xây dựng lý luận tư tưởng của Đảng; đi sâu nghiên cứu lý luận và tuyên truyền lý luận là nhiệm vụ quan trọng nhằm tăng cường xây dựng lý luận, tư tưởng của Đảng thông qua hệ thống trường Đảng, hệ thống các cơ quan nghiên cứu của hệ thống Đảng và chính quyền. Về vấn đề này, các đồng chí đại biểu Trung Quốc đặc biệt nhấn mạnh đến việc kiên quyết xóa bỏ các quan niệm tư tưởng cản trở phát triển; thống nhất việc kiên trì nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác với việc đẩy mạnh sáng tạo lý luận, vũ trang lý luận khoa học cho toàn Đảng, nhất là cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Đối mặt với tình hình thay đổi nhanh chóng, Đảng phải không ngừng sáng tạo lý luận, tăng cường sức sáng tạo; coi trọng sáng tạo lý luận và dùng cảm sáng tạo lý luận trên cơ sở thực tiễn của đời sống xã hội, kiên trì tăng cường cơ sở giai cấp của Đảng với việc mở rộng cơ sở quần chúng của Đảng, bảo đảm vừa giỏi tổng kết những kinh nghiệm thành công, lại vừa phải

giỏi rút kinh nghiệm những sai sót; vừa giỏi dẫn dắt quần chúng tiến lên bằng việc đề ra và quán triệt đường lối chính trị đúng đắn, lại phải vừa giỏi tạo thêm động lực tiến lên từ sáng tạo thực tiễn và yêu cầu phát triển của quần chúng.

Từ thực tiễn của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng chí **Trần Tuấn Hồng** nêu một số kinh nghiệm như: Đối với những vấn đề xuất hiện trong lĩnh vực lý luận tư tưởng, phải kiên trì nguyên tắc không tranh luận, chú ý phân biệt ranh giới giữa vấn đề nhận thức tư tưởng, vấn đề học thuật với vấn đề chính trị, phân tích cụ thể đối với vấn đề cụ thể, là vấn đề gì thì giải quyết vấn đề ấy. Bất cứ xử lý vấn đề gì đều dứt khoát không được ảnh hưởng đến nhiệm vụ trung tâm là xây dựng kinh tế, không được ảnh hưởng đến đại cục là cải cách, phát triển và ổn định.

3 - Xây dựng Đảng về tổ chức và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng

Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng. Xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức bao gồm nhiều việc, trong đó phải đặc biệt quan tâm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, chấn chỉnh hệ thống tổ chức của Đảng. Bài học thành công quan trọng từ thực tiễn lãnh đạo đất nước trong những năm đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, cải cách, mở cửa của Đảng Cộng sản Trung Quốc là thường xuyên coi trọng việc xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức, bảo đảm nội bộ luôn đoàn kết, thống nhất, có sức chiến đấu cao. Để làm tốt điều đó, việc thực hiện *nguyên tắc tập trung dân chủ* (của Đảng Cộng sản Việt Nam) hay *chế độ tập trung dân chủ* (của Đảng Cộng sản Trung Quốc), dù tên gọi thuật ngữ khác nhau, nhưng bản chất, nội dung của nó là giống nhau và đều được hai Đảng đặc biệt quan tâm.

Các báo cáo của GS, TS **Nguyễn Phú Trọng**, PGS, TS **Tô Huy Rứa** đều chung nhận định: Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ là vấn đề trọng yếu, bảo đảm cho Đảng thật sự chặt chẽ về tổ chức, đoàn kết, thống nhất, có sức chiến đấu cao; và đều cho rằng, việc xa rời

hoặc coi nhẹ nguyên tắc tập trung dân chủ là làm sai lệch tổ chức đảng từ trong bản chất; nếu thực hiện không đúng là làm yếu sức mạnh của Đảng từ gốc. Tham luận của PGS, TS **Tô Huy Rúa**, đã rút ra kinh nghiệm từ thực tiễn Việt Nam là: Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, thì việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ rất dễ có sai phạm về phía này hay phía khác. Khi vận dụng trong thực tế thường vấp phải sự thiếu rõ ràng trong ranh giới giữa "lãnh đạo" và "phụ trách". Một trong những khâu phức tạp, khó khăn nhất trong khi thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là công tác tổ chức - cán bộ. Từ thực tế hiện nay, Đảng ta khẳng định nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phải phát huy trách nhiệm của các bộ phận trong hệ thống chính trị, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức. Mặt khác với tư cách là một nguyên tắc, tập trung dân chủ cần được cụ thể hóa thành các quy chế, quy định, kèm theo các chế tài cần thiết.

Các báo cáo của đồng chí **Hạ Quốc Cường** và **Lý Bồi Nguyên** (Cục trưởng Cục Giáo dục cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc) chỉ rõ, chế độ tập trung dân chủ là chế độ tổ chức và chế độ lãnh đạo căn bản của Đảng và Nhà nước Trung Quốc. Kiên trì và hoàn thiện chế độ tập trung dân chủ là hạt nhân của việc xây dựng chế độ của Đảng. Cùng với việc đẩy mạnh xây dựng chế độ, phải kiên trì, không buông lỏng việc nắm cơ sở, tăng cường cơ sở giai cấp và mở rộng cơ sở quần chúng của Đảng; luôn luôn nhận thức rằng, tổ chức cơ sở đảng là cơ sở của toàn bộ công tác và sức chiến đấu của Đảng, cũng là nền tảng của sự lãnh đạo và cầm quyền của Đảng.

Trong việc xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị, cần quán triệt tinh thần tích cực, khoa học, đồng bộ. Tham luận của GS, TS **Nguyễn Thị Doan** (Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam) với nhan đề

Đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới cho rằng, quá trình xây dựng Đảng về tổ chức phải được gắn với công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng. Trong giai đoạn cách mạng mới, công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng vừa phục vụ yêu cầu nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng, vừa phục vụ đắc lực yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, công tác kiểm tra, kỷ luật trong Đảng cần không ngừng đổi mới. Cụ thể là, xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách, với phương hướng phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, để nhân dân thực sự giám sát cán bộ, đảng viên; xây dựng quy trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật của cấp ủy các cấp; có chính sách và chế tài thống nhất về xử lý kỷ luật trong Đảng, thực hiện nghiêm phương châm "công minh, chính xác, kịp thời", bảo đảm bình đẳng đối với mọi cán bộ, đảng viên; đổi mới phương pháp phối hợp giữa Ủy ban kiểm tra các cấp với các ban, ngành, nâng cao năng lực và trình độ của cán bộ làm công tác kiểm tra. Trong công tác kiểm tra, phải đặc biệt lưu ý đến những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng; không cho phép "lấn sân" hoặc có "vùng cấm, ngoại lệ". Tham luận của đồng chí **Chu Húc Đông** (Phó Chủ nhiệm Văn phòng nghiên cứu, Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc) phân tích vấn đề kiểm tra và tổ chức là hai mặt kết hợp của công tác xây dựng Đảng. Đảng phải kịp thời kiểm tra và xử lý những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng trong Đảng và chính quyền, "chữa trị cả ngọn lẫn gốc, chữa trị tổng hợp"; thúc đẩy công tác xây dựng tác phong của Đảng, xây dựng liêm chính và đấu tranh chống tham nhũng từng bước đi vào con đường pháp chế hóa.

4 - Làm tốt công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng

Các tham luận tại Hội thảo đều thống nhất ý kiến cho rằng, những năm gần đây thực tiễn ở Việt Nam và Trung Quốc càng chứng minh

sâu sắc: Cán bộ đóng vai trò quyết định; công tác cán bộ là công tác đặc biệt quan trọng của cách mạng. Là đảng cầm quyền trong điều kiện hiện nay, Đảng phải thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt, chăm lo cán bộ cho cả hệ thống chính trị với ba độ tuổi, trên tất cả các lĩnh vực. Muốn vậy, Đảng phải đổi mới tư duy trong công tác cán bộ, làm tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có phẩm chất chính trị và năng lực công tác, coi đó là then chốt của nhiệm vụ then chốt. Với tham luận: *Công tác cán bộ và việc xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng*, PGS, TS **Vũ Văn Hiền** (Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam) và **Tạ Xuân Đại** (Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam) nêu và phân tích một số bài học kinh nghiệm của Việt Nam về vấn đề này: Công tác tổ chức cán bộ phải kết hợp chặt chẽ với công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và hoạt động của hệ thống chính trị; đổi mới tổ chức và cán bộ phải được tiến hành đồng bộ trong Đảng, Nhà nước, các đoàn thể, ở tất cả các cấp; phải xử lý đúng các mối quan hệ giữa đổi mới và ổn định tổ chức, giữa đổi mới cơ cấu tổ chức với việc xây dựng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, giữa đổi mới tổ chức và đổi mới cán bộ; Phải có chiến lược, tầm nhìn dài hạn và chương trình trong từng giai đoạn. Tham luận của PGS, TS **Đỗ Ngọc Ninh** (Phó Viện trưởng Viện Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Việt Nam), cho rằng, việc quan tâm xây dựng đội ngũ đảng viên vững vàng về chính trị và gương mẫu về mọi mặt là một trong những nhiệm vụ được Đảng rất quan tâm. Nhiều ý kiến tập trung thảo luận về công tác phát triển đảng viên và việc củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng; công tác giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo về chính trị, lý luận, năng lực lãnh đạo, chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện đạo đức, phẩm chất người cán bộ, đảng viên.

Chia sẻ kinh nghiệm, bài học về công tác cán bộ của Việt Nam, các báo cáo của các đồng chí **Hạ Quốc Cường** và **Tôn Hiếu Quân** (Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc) đặt vấn đề kiên trì lấy con người làm gốc, tôn trọng sáng tạo của nhân tài. Kinh nghiệm đó được thể hiện qua các bước, cách làm sau: Kiên trì coi việc xây dựng đội ngũ cán bộ theo phương châm "bốn hóa" (cách mạng hóa, trẻ hóa, tri thức hóa, chuyên môn hóa) gắn với nguyên tắc vừa có đức, vừa có tài đối với đội ngũ cán bộ; luôn coi đào tạo, tuyển chọn cán bộ trẻ ưu tú là một nhiệm vụ chiến lược và tích cực thực hiện. Trong công tác cán bộ, cần thực hiện "một tay nắm khâu tuyển chọn, một tay nắm khâu đào tạo". Nghiêm chỉnh làm tốt công tác nhân tài, tập hợp các loại nhân tài ưu tú vào sự nghiệp của Đảng và Nhà nước với phương châm kiên trì nguyên tắc Đảng quản lý nhân tài và xây dựng đội ngũ nhân tài trên cơ sở nắm chắc và thực hiện tốt 3 khâu là *đào tạo, thu hút và sử dụng tốt nhân tài*.

Các ý kiến của các đại biểu cả hai Đảng đều khẳng định công tác cán bộ là vấn đề then chốt của nhiệm vụ then chốt xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, và việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là cái cốt lõi của vấn đề then chốt.

5 - Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng

Các tham luận, ý kiến trao đổi tại Hội thảo đều chung một nhận định: Đây là một nội dung rất quan trọng của việc xây dựng Đảng cầm quyền, là một nhu cầu vừa cấp thiết, vừa lâu dài.

Báo cáo của GS, TS **Nguyễn Phú Trọng**, tham luận của đồng chí **Nguyễn Khánh** (nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, Việt Nam) và GS, TS **Phạm Ngọc Quang** (Thư ký chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam) chỉ rõ, trong công cuộc đổi mới

hiện nay, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần đề phòng và khắc phục tình trạng "lộn sắn", bao biện làm thay hoặc "buông lỏng" sự lãnh đạo. Để khắc phục tình trạng lộn sắn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý Nhà nước, phải phân định rõ chức năng, quy định cụ thể lề lối làm việc giữa cơ quan đảng và cơ quan nhà nước ở các cấp, trước hết là ở Trung ương. Xác định rõ Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội trước hết bằng chủ trương, đường lối, chính sách và lãnh đạo quá trình thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách đó. Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng theo Hiến pháp, không được đứng trên Nhà nước, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc nhưng lại là thành viên của Mặt trận Tổ quốc.

Trong đổi mới phương thức lãnh đạo, Đảng phải xác định rõ cách thức, phương pháp lãnh đạo thích hợp đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội. Muốn đạt hiệu lực, hiệu quả cao, cần mở rộng và phát huy dân chủ trong Đảng; phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn nhằm làm cho bộ máy lãnh đạo của Đảng thật sự vì dân.

Về vấn đề này, các đồng chí đại biểu Trung Quốc nhấn mạnh cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng, quy phạm hóa mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, chính hiệp và các đoàn thể nhân dân theo nguyên tắc bao quát toàn cục, điều hòa các bên. Hoàn thiện cơ chế nghị sự và quyết sách trong cấp ủy, xây dựng và kiện toàn các quy phạm công tác của tổ chức đảng các cấp theo nguyên tắc "tập thể lãnh đạo, tập trung dân chủ, cá biệt bàn bạc, hội nghị quyết định"; lấy việc bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên làm cơ sở, xây dựng và hoàn thiện chế độ thông báo tình hình, phản ánh tình hình, trung cầu ý kiến trước khi ra quyết sách trọng đại trong Đảng. Hình thành trong Đảng "một cục diện vừa có tập trung, vừa có dân chủ, vừa có kỷ luật, vừa có tự do, vừa có ý chí thống nhất, vừa có cá nhân tinh thần thoải mái"

6 - Gắn bó máu thịt với nhân dân - nguồn gốc tạo nên sức mạnh của Đảng

Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, giữ gìn mối liên hệ máu thịt giữa Đảng với quần chúng nhân dân, là quy luật tồn tại, phát triển và hoạt động của Đảng, là nhân tố quyết định tạo ra sức mạnh của Đảng, là một trong những vấn đề cốt lõi của công tác xây dựng Đảng. Các tham luận, ý kiến thảo luận tại Hội thảo đều đi sâu phân tích một cách cơ bản, hệ thống về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân trong điều kiện Đảng cầm quyền. Trong nền kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập, Đảng muốn vượt qua mọi thách thức, cán bộ, đảng viên của Đảng và công chức của Nhà nước phải luôn luôn nhận thức đầy đủ mối quan hệ đó, phải luôn gắn bó với nhân dân, hết sức tránh bệnh quan liêu, xa rời nhân dân; phải dựa vào quần chúng, đi sâu sát cơ sở, lắng nghe tiếng nói, nguyện vọng của quần chúng, kiên trì phục vụ quần chúng, làm cho các quyết sách và công tác phù hợp với thực tế và yêu cầu của quần chúng nhân dân.

Tại buổi bế mạc, thay mặt Đoàn Trung Quốc, đồng chí **Tôn Hiếu Quân** đọc Lời bế mạc; thay mặt Đoàn Việt Nam, GS, TS **Lê Hữu Nghĩa**, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đọc Lời bế mạc. Đây là cuộc Hội thảo có ý nghĩa to lớn về lý luận và thực tiễn xây dựng Đảng cầm quyền qua kinh nghiệm của Việt Nam và của Trung Quốc. Với nội dung đúng và trúng, được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo cấp cao hai Đảng, với tinh thần làm việc khẩn trương, nghiêm túc, cởi mở, hữu nghị, Hội thảo lý luận "Xây dựng Đảng cầm quyền - Kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc" đã thành công tốt đẹp. Hội thảo đã cung cấp cho hai Đảng những kinh nghiệm phong phú về lĩnh vực xây dựng Đảng, đồng thời đặt ra nhiều vấn đề để cùng tiếp tục nghiên cứu, trao đổi.

NGUYỄN THÁI SON
(Tổng thuật)



TOÀN CẦU HÓA VÀ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM HIỆN NAY

ĐINH QUANG TY *

HIỆN nay, toàn cầu hóa kinh tế là một xu hướng nổi trội và do đó đã trở thành môi trường của các cuộc cạnh tranh gay gắt giữa các nước trên phạm vi toàn thế giới. Tuy thế, giữa các nước và các bộ phận xã hội ở mỗi nước vẫn đang tồn tại sự khác biệt đáng kể về nhận thức cũng như trong hành động trước toàn cầu hóa. Những nước và các nhóm xã hội yếu thế thường bị thua thiệt do tác động từ những mặt trái của toàn cầu hóa và luôn phản đối nó hoặc trong tâm thế thích ứng bị động. Trong khi đó, những nước và những người có sức mạnh chi phối toàn cầu hóa lại coi nó là cơ hội mang lại sự tiến bộ cho mình và ra sức tận dụng những mặt tích cực của nó. Cho dù vậy, toàn cầu hóa vẫn đã và sẽ diễn ra, chi phối dưới hình thức này hay khác, với các mức độ khác nhau đối với tất cả các lĩnh vực kinh tế và xã hội của hầu hết các nước, nếu nhìn về dài hạn.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập một số khía cạnh về ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đến quan hệ cạnh tranh.

1 - Tác động của toàn cầu hóa kinh tế đến cạnh tranh quốc tế

Do ảnh hưởng của toàn cầu hóa, nền kinh tế thế giới hiện nay đang chuyển thành một hệ thống liên kết ngày càng chặt chẽ thông qua các mạng lưới công nghệ thông tin. Toàn cầu hóa đòi hỏi các quyết định kinh tế, dù được đưa ra ở bất kỳ nơi nào trên thế giới, đều phải tính tới

các yếu tố quốc tế ⁽¹⁾. Từ cuối thế kỷ XX trở lại đây, sự chuyển dịch hàng hóa, dịch vụ và các nguồn vốn đầu tư giữa các nước gia tăng ngày càng nhanh, tạo ra sự biến đổi về chất so với trước đây.

Xu thế mới nhất trong sự phát triển của nền kinh tế thế giới và cũng là xu thế cơ bản của cạnh tranh quốc tế ngày nay là một mặt, tất cả các nước đều phải gia tăng thực lực kinh tế của mình và lấy đó làm điểm tựa chính để mở rộng khả năng tham dự vào cuộc cạnh tranh ngày càng quyết liệt trên phạm vi toàn cầu; mặt khác, cuộc cạnh tranh quốc tế lấy thực lực kinh tế làm cốt lõi có xu hướng ngày càng quyết liệt đó cũng khiến cho nền kinh tế thế giới phát triển theo hướng quốc tế hóa và tập đoàn hóa khu vực.

Toàn cầu hóa kinh tế và nhất thể hóa kinh tế khu vực làm gia tăng sự liên kết trực tiếp giữa các doanh nghiệp của các nước, nhưng đồng thời cũng buộc các doanh nghiệp phải trực tiếp cạnh tranh với nhau ngày càng gay gắt. Tuy nhiên, toàn cầu hóa hoàn toàn không phải là "trò chơi" hai bên đều thắng, mà nó thường gây ra hiệu ứng hai mặt. Có những khu vực, những

* TS, Vụ trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, Thư ký khoa học của Hội đồng Lý luận Trung ương

(1) Xem: Báo cáo năm 1999 của Ngân hàng thế giới (WB)

nước và doanh nghiệp giàu lên nhanh chóng nhờ toàn cầu hóa; nhưng có những khu vực, những nước và doanh nghiệp bị thua thiệt hoặc thậm chí bị đẩy ra khỏi dòng chảy sôi động của thương mại và đầu tư quốc tế ⁽²⁾.

Ngày nay, muốn tránh thua thiệt và được hưởng lợi trong cạnh tranh quốc tế, thì vấn đề cốt lõi là phải tăng cường thực lực kinh tế và chủ động hội nhập.

Động lực của toàn cầu hóa chính là lợi ích mà các lực lượng tham dự có thể thu được nhờ vào sự mở rộng thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Việc mở rộng này là hoàn toàn phù hợp với công nghệ đang thay đổi, làm giảm chi phí vận tải và thông tin liên lạc quốc tế, tạo điều kiện cho việc khuyến khích thương các hoạt động sản xuất và tiếp thị trên khắp thế giới. Song, do khởi điểm mà các nước gia nhập quá trình này rất khác nhau, lợi ích mà họ thu được từ toàn cầu hóa và tự do hóa không thể ngang nhau. Những nước kém phát triển nhất hoặc những nhóm xã hội yếu thế do hạn chế về năng lực cung ứng các nguồn lực, họ không được lợi trong thương mại. Trong lúc nhiều quốc gia thuộc nhóm đang phát triển đã mạnh dạn áp dụng chính sách mở cửa, thu hút FDI và đẩy nhanh thương mại, nhờ đó đã rút ngắn được khoảng cách so với các nước phát triển.

Cho dù đã và sẽ còn những nghi ngại đối với toàn cầu hóa, nhưng không thể phủ nhận và né tránh ảnh hưởng khách quan của nó đối với tất cả các nước. Trong tiến trình toàn cầu hóa, chắc chắn là cạnh tranh quốc tế sẽ ngày càng mạnh mẽ và quyết liệt hơn. *Xu hướng này liên quan đến hàng loạt nhân tố*, đó là : sự ra đời của thị trường toàn cầu; sự ra đời với tốc độ nhanh chóng của hàng loạt công ty mới giàu tinh thần lập nghiệp và năng lực sáng tạo kinh tế; sự xuất hiện liên tục của những kỹ thuật mới và thị trường mới; sự gia tăng thường xuyên sức ép trên thị trường chứng khoán đối với giá cổ

phiếu; sự rút ngắn vòng đời của sản phẩm và sự nhất thể hóa kinh tế có hiệu lực về mặt pháp lý... *Ngày nay, bất kỳ chủ thể nào muốn trụ vững và giành thắng lợi trên thị trường khu vực và thế giới, đều phải tính toán đầy đủ các nhân tố đó khi thiết kế và thực hiện chính sách cạnh tranh.*

2 - Về một số vấn đề liên quan đến Việt Nam

Phát triển đất nước theo đường lối đổi mới, Chính phủ Việt Nam ngày càng nhận thấy rõ hơn sự cần thiết phải tham gia vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế và cạnh tranh quốc tế. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 nêu rõ, phải "Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tranh thủ mọi thời cơ để phát triển... Trong quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, chú trọng phát huy lợi thế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, không ngừng tăng năng lực cạnh tranh và giảm dần hàng rào bảo hộ"⁽³⁾. Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 4 (tháng 10-2003) Quốc hội khóa XI, cũng thẳng thắn thừa nhận: Tăng trưởng kinh tế trong ba năm vừa qua (2001 - 2003) chủ yếu vẫn theo chiều rộng, tăng về số lượng, nhưng chậm chuyển biến về chất lượng... Nhìn chung, sức cạnh tranh và hiệu quả của doanh nghiệp và nền kinh tế đều thấp ⁽⁴⁾. Từ đó nhấn mạnh một trong các giải pháp lớn là "phải tạo bước phát triển mới về kinh tế đối ngoại... Năm 2004 phải có bước đi mạnh mẽ hơn, với quyết tâm cao về chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Đi đôi với việc thực hiện cam kết về lộ trình tham gia Khu vực Mậu dịch tự do Đông Nam Á (AFTA) và phát triển các quan hệ kinh tế song phương, cần đẩy mạnh đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) với phương án thích hợp để sớm trở thành thành viên của tổ chức này"⁽⁵⁾.

(2) Xem UNDP, (1996) Human Development Report, Oxford: Oxford University Press, P 103

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 167

(4) (5) Báo Nhân Dân, số ra ngày 22-10-2003, tr 3, 4

Như vậy, quyết tâm về mặt chính trị đối với vấn đề tham gia quá trình toàn cầu hóa kinh tế của Việt Nam đã rõ. Nhưng phân tích về thực chất, thì cho đến cuối năm 2003, Việt Nam vẫn còn nhiều vướng mắc liên quan đến việc tham gia vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế.

Một là, những vướng mắc về nhận thức.

Hiện thời, ngay trong giới nghiên cứu và hoạch định chính sách ở cấp chiến lược, vẫn còn nhiều bàn cãi về vấn đề nền hội nhập như thế nào ⁽⁶⁾. Gắn liền với câu hỏi lớn này là hàng loạt vấn đề cụ thể vẫn chưa có đáp án mạch lạc: Tốc độ tự do hóa nền như thế nào? Phải chăng cần trì hoãn quá trình tự do hóa để các doanh nghiệp hiện tại có thời gian thực hiện cơ cấu lại và chuẩn bị sẵn sàng cho cạnh tranh quốc tế? Nên hay không nên phân kỳ tự do hóa trên cơ sở căn cứ vào quá trình phát triển các thể chế cần có cho một nền kinh tế thị trường hiện đại? Phương thức hội nhập nên như thế nào: thông qua việc tham gia vào các hiệp định đa phương, khu vực và song phương, thông qua việc đơn phương tự do hóa, hay thông qua việc kết hợp các yếu tố này? Để hỗ trợ cho tự do hóa thương mại và đầu tư nhằm tối đa hóa các lợi ích và giảm thiểu các rủi ro thì cần có những biện pháp nào? v.v..

Hai là, những vướng mắc trên thực tế thể hiện ở một loạt chỉ tiêu so sánh khả năng cạnh tranh ⁽⁷⁾.

Về khả năng cạnh tranh trong xuất khẩu và du lịch (bao gồm kim ngạch xuất khẩu; kim ngạch xuất khẩu tính theo đầu người; tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu tính theo đầu người, thu nhập từ du lịch tính theo đầu người; tổng kim ngạch dịch vụ xuất khẩu): Tính đến giữa năm 2003, Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu chỉ ở mức trung bình yếu trong khu vực châu Á, với tỷ lệ khoảng 45% GDP. Trong khi đó, tỷ lệ này của Thái Lan là 55%, Xin-ga-po là 152%, Ma-lai-xi-a là 114% và Trung Quốc là 22%. Năm 2001, Việt Nam nhập siêu 1,2 tỉ USD, bằng 8% xuất khẩu, năm 2002 là 3 tỉ

USD, bằng 18% xuất khẩu; năm 2003 lên tới 4,5 tỉ USD (về số tuyệt đối là năm cao nhất từ trước đến nay), bằng 23% xuất khẩu và 11% GDP ⁽⁸⁾.

Về khả năng cạnh tranh đầu tư (liên quan đến các chỉ số: hoàn thành vốn góp, tổng đầu tư cố định của tư nhân, tăng trưởng tổng đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài thuần-tính theo tổng số và trên đầu người): Tổng đầu tư nội địa của Việt Nam đạt tỷ lệ 25% GDP, tuy có cao hơn mức trung bình của khu vực ASEAN (23 - 24%), nhưng đầu tư nước ngoài (FDI) còn thấp hơn rất nhiều so với nhiều nước trong khu vực, như Trung Quốc, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po. Suất đầu tư cho tăng trưởng (hệ số ICOR) của Việt Nam tăng nhanh và ở mức cao (năm 1995, một đồng tăng trưởng cần 3,4 đồng, năm 2001 cần trên 5 đồng, năm 2002 - 2003 giảm không đáng kể ⁽⁹⁾).

Về khu vực tài chính (liên quan đến các chỉ số: tiền và tiền tương đương được tính bằng % của GDP; tín dụng trong nước từ khu vực ngân hàng; tín dụng cấp cho khu vực tư nhân; đánh giá mức độ rủi ro trong tín dụng quốc tế; tổng tiết kiệm trong nước): Vào năm 2000, Việt Nam được đánh giá là nước có tỷ lệ tiết kiệm cao, xếp hạng 49/147 nước. Tuy nhiên, khu vực tài chính trong nước hiện nay vẫn ở tình trạng kém phát triển, chưa có khả năng cung cấp tín dụng để hỗ trợ cho sự phát triển của khu vực tư nhân. Tín dụng trong nước được khu vực ngân hàng cung cấp còn ở mức thấp; mức độ rủi ro trong tín dụng quốc tế xếp ở mức 79/127 nước. Cho đến cuối năm 2003, "tình hình tài chính - tiền tệ vẫn còn là yếu tố thiếu vững chắc, chứa đựng mầm

(6) Xem: *Việt Nam hướng tới 2010*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, t 1, tr 305-306

(7) Xem: "Các chỉ số đánh giá phát triển kinh tế - xã hội", Thông tin chuyên đề số 50 (tháng 10-2003) của Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

(8) (9) Báo cáo của Chính phủ tại Kỳ họp thứ 4 (tháng 10-2003), Quốc hội khóa XI

móng có thể gây mất cân đối kinh tế vĩ mô; nổi lên là: nguồn thu ngân sách chưa vững chắc, tỷ lệ thu nội địa còn thấp; trong hệ thống tài chính - tín dụng, tỷ lệ nợ xấu tuy có giảm nhưng vẫn còn cao, nợ chưa thanh toán trong xây dựng cơ bản khá lớn, việc sử dụng tiền gửi ngắn hạn để cho vay trung hạn, dài hạn vượt quá giới hạn an toàn, lãi suất tín dụng quá cao so với khả năng sinh lời của các doanh nghiệp..."⁽¹⁰⁾.

Về môi trường vĩ mô (bao gồm các chỉ số: lạm phát, thâm hụt ngân sách, tổng thương mại, thuế nhập khẩu, tiền thu từ tư nhân hóa): Phần lớn các chỉ số về chính sách vĩ mô của Việt Nam được đánh giá ở mức trung bình, riêng thuế nhập khẩu vẫn ở mức 26% - mức quá cao so với yêu cầu của WTO (từ 13 đến 15%).

Về quy chế môi trường kinh doanh (bao gồm các chỉ tiêu: số lượng doanh nghiệp mới thành lập; về xử phạt hành chính; chỉ số về nhận thức tham nhũng; chỉ số về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; về xử lý quan liêu của chính phủ; mức độ hoạt động của kinh tế ngầm; chỉ số về tự do kinh tế): Theo phân loại của Diễn đàn Kinh tế thế giới, Việt Nam được xếp ở nhóm thấp về thành tích trong quy chế hành chính, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, về sự quan liêu hành chính và mức độ mở cửa của nền kinh tế. Vào năm 2001, chỉ số nhận thức về tham nhũng của Việt Nam ở mức 75/91 nước; chỉ số di sản về tự do kinh tế ở mức 144/149 nước. Tại Kỳ họp thứ 4 (tháng 11-2003), Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật Doanh nghiệp nhà nước (sửa đổi), nhưng dư luận xã hội cho rằng luật này chưa đáp ứng được các đòi hỏi bức xúc của thực tiễn hiện nay: chưa tăng quyền tự chủ, tự hạch toán kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, chưa xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản, cơ chế bao cấp, "xin cho" và các đặc quyền đặc lợi khác (khoanh nợ, dân nợ, xóa nợ, bù lãi suất tiền vay...). Đây chính là những kẽ hở, là nguyên nhân chính dẫn đến tâm lý phổ biến của các doanh nghiệp nhà nước là trông chờ, ỷ lại

vào sự trợ giúp của Nhà nước, không muốn vươn lên bằng cạnh tranh lành mạnh. Những hạn chế này cũng là một căn nguyên làm tăng thêm nạn tham nhũng và tiêu cực vốn còn đang rất nghiêm trọng trong nhiều doanh nghiệp nhà nước hiện nay.

Về khả năng cạnh tranh trong khoa học và công nghệ (bao gồm các chỉ tiêu: số lượng tiến bộ công nghệ được ứng dụng; số kỹ sư và nhà khoa học trên một triệu dân; tổng chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển): Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới, Việt Nam có điểm rất thấp về sự tiến bộ công nghệ. Cho đến cuối năm 2003, vẫn chưa tạo được những cơ chế thiết thực để gắn kết khoa học - công nghệ với sản xuất, kinh doanh; chưa hình thành được thị trường khoa học - công nghệ. Hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ vẫn dựa chủ yếu vào ngân sách nhà nước. Chưa phân biệt rõ hoạt động nghiên cứu cơ bản cần được Nhà nước tài trợ với hoạt động nghiên cứu ứng dụng mà sản phẩm nghiên cứu phải trở thành hàng hóa, được tạo nguồn kinh phí từ người sử dụng các sản phẩm đó. Môi trường kinh doanh và sự phát triển ít coi trọng chất lượng và còn mang nhiều yếu tố bao cấp nên chưa tạo được động lực và sức ép buộc mọi doanh nghiệp chăm lo đổi mới công nghệ, tìm đến các cơ sở khoa học, công nghệ ⁽¹¹⁾.

Về công nghệ thông tin và truyền thông (bao gồm các chỉ tiêu: số máy tính cá nhân trên 1000 người; số thuê bao In-tơ-nét; chi phí gọi điện thoại trong nước và quốc tế; xếp hạng về sự sẵn sàng trong kinh doanh điện tử...): Nếu so với trước đây, tốc độ tăng trưởng công nghệ thông tin của Việt Nam những năm qua là khá nhanh; nhưng so với các nước khu vực ASEAN và nhất

(10) (11) Báo cáo của Chính phủ về "Tình hình kinh tế - xã hội năm 2003 và nhiệm vụ năm 2004" tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XI, Báo Nhân Dân số ra ngày 22-10-2003, tr 3

là các nước phát triển, Việt Nam vẫn được Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp ở mức thấp về công nghệ thông tin và truyền thông, do chưa sẵn sàng để kinh doanh điện tử, ít sử dụng thư điện tử và chi phí bình quân của các cuộc gọi trong nước và quốc tế còn cao...

Về kết cấu hạ tầng (bao gồm các chỉ số như đường đã được lát nhựa hoặc bê-tông hóa trên tổng số đường hiện có; số km² đường được lát tính bình quân theo đầu người; mật độ điện thoại cố định; mật độ điện thoại di động; tiêu thụ điện năng trên đầu người...): Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có những nỗ lực lớn để phát triển kết cấu hạ tầng, nhưng vẫn chỉ được xếp ở mức 76/100 nước; chỉ số về tiêu dùng điện bình quân đầu người/năm mới đạt 391 kWh (trong khi Ca-na-da là 17 000 kWh/năm, Mỹ là 14 000 kWh/năm, Trung Quốc là 926 kWh/năm, Hồng Kông là 5 700 kWh/năm, Nhật Bản là 8 200 kWh/năm, Ma-lai-xi-a là 2 800 kWh, Thái Lan là 1 600 kWh, Xin-ga-po 8 100 kWh, Cam-pu-chia 20 kWh).

Về nhân lực (bao gồm chỉ số phát triển con người, tỷ lệ lao động nữ, tỷ lệ mù chữ, tỷ lệ không được vào trung học trong độ tuổi, mức rò rỉ chất xám ra nước ngoài): Trong năm 2003, Việt Nam mới chỉ đạt trình độ trung bình yếu về nhân lực, xếp thứ 3,79/10 - đứng cuối cùng trong 13 nước ở khu vực; đáng lo ngại hơn là trình độ tiếng Anh và trình độ tiếp cận công nghệ cao đều còn ở mức cuối bảng.

3 - Để nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam

Theo chúng tôi, *nguyên nhân khách quan mang tính bao trùm* của tình hình là do Việt Nam hiện nay vẫn chưa ra khỏi giai đoạn khởi động của quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường. Nhưng *chủ yếu vẫn là do nguyên nhân chủ quan* bắt nguồn trực tiếp từ những khiếm khuyết trong hoạt động quản lý nhà nước: Môi trường đầu tư còn nhiều hạn chế chưa đủ sức hấp dẫn,

do chưa đủ quyết tâm chuyển mạnh và đồng bộ sang thể chế kinh tế thị trường. Khung pháp lý hiện có chưa đáp ứng kịp nhu cầu hình thành và phát triển của các thị trường thiết yếu, bộ máy quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương chưa đủ sức kiểm soát và ngăn chặn được các "thị trường ngầm" gây nhiều tiêu cực. Trong việc thiết kế và áp dụng các công cụ điều tiết vĩ mô, nhiều cơ quan nhà nước vẫn thiên về lợi ích cục bộ của chính mình, chưa thực sự coi trọng lợi ích và nhu cầu chính đáng của doanh nghiệp và nhân dân. Tình trạng phân biệt đối xử với các thành phần kinh tế vẫn còn khá phổ biến. Những hình thái biến tướng của bao cấp, bảo hộ và độc quyền kinh doanh đang kìm hãm khả năng phát triển của đất nước, nhưng chưa có biện pháp đủ mạnh để khắc phục. Trong một số lĩnh vực, sự độc quyền của Nhà nước bị các tổng công ty lợi dụng để biến thành đặc quyền riêng, biểu hiện ở giá cả của hầu hết sản phẩm hàng hóa và dịch vụ mang tính độc quyền đều cao hơn giá quốc tế, dẫn đến làm tăng chi phí "đầu vào" của các doanh nghiệp. Trong khi đó, chúng ta chưa xây dựng được khuôn khổ pháp lý bảo đảm cho sự cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng. Áp lực của hội nhập kinh tế và cạnh tranh quốc tế ngày càng mạnh, nhưng nhiều địa phương và doanh nghiệp vẫn "đứng đĩnh" để trông đợi vào sự đầu tư và bảo hộ của Nhà nước. Nguồn vốn ngân sách đang khan hiếm và tín dụng ưu đãi bị sử dụng dàn trải, thậm chí vẫn bao cấp tràn lan kéo dài cho nhiều doanh nghiệp nhà nước đang làm ăn không có hiệu quả. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp nhìn chung vẫn can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trong khi lại bỏ qua hoặc thực hiện không tốt những chức năng đích thực của mình. Biểu hiện cụ thể là: quy hoạch vừa kém chất lượng vừa thiếu hiệu lực, chưa xây dựng được hệ thống thể chế mang tính đồng bộ và thống nhất phù hợp với yêu cầu khách quan của cơ chế cạnh tranh thị trường trong điều kiện

toàn cầu hóa, quản lý và sử dụng tài chính cũng như tài sản công còn rất lãng phí - nhất là đối với đất đai, đầu tư công cộng và mua sắm bằng tiền ngân sách,...

Những thiếu sót nêu trên cùng với sự yếu kém về kết cấu hạ tầng kỹ thuật có ảnh hưởng rất tiêu cực đến khả năng tham dự toàn cầu hóa kinh tế và cạnh tranh quốc tế của Việt Nam.

Để tăng cường khả năng cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa đang ngày càng tác động mạnh mẽ cần phối hợp trí tuệ của nhiều nhà khoa học và quản lý ở nhiều cấp, nhiều ngành. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu một số vấn đề chủ yếu.

Trước hết, cần thống nhất nhận thức ưu thế lớn nhất của nền kinh tế thị trường chính là ở tính cạnh tranh. Nói cách khác, cạnh tranh là linh hồn của nền kinh tế thị trường. Vì thế, thủ tiêu hay hạn chế cạnh tranh tức là triệt phá sức sống của nó. Muốn có kinh tế thị trường theo nghĩa đích thực phải bảo vệ và duy trì cạnh tranh bằng các thể chế cần thiết, đặc biệt là bằng các quy định pháp luật minh bạch, dễ hiểu, dễ làm.

Hai là, nhanh chóng xác lập những điều kiện tiền đề cho chính sách cạnh tranh. Theo đó cần xác định rõ chủ thể thị trường, vạch rõ ranh giới giữa thị trường và Nhà nước; đồng thời, hình thành được hệ thống thị trường đồng bộ và hoàn thiện.

Ba là, có "công nghệ" xây dựng chính sách cạnh tranh theo chuẩn mực hiện đại, phù hợp với đòi hỏi khách quan của nền kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế. Theo đó, kết hợp hợp lý và có hiệu quả các biện pháp pháp chế, với kinh tế và biện pháp hành chính cần thiết. Về các biện pháp pháp chế, xác định rõ chủ thể thị trường và đưa ra những quy định thật khách quan và chặt chẽ để bảo đảm các chủ thể đó luôn được đối xử bình đẳng - đó là điều kiện quan trọng hàng đầu để duy trì cạnh tranh một

cách công bằng; đồng thời phải chú trọng tăng cường hiệu lực của pháp luật đối với trật tự thị trường, thúc đẩy việc thực hiện Luật Phá sản, sớm xây dựng và ban hành Luật Cạnh tranh và chống độc quyền - làm cho luật này của Việt Nam ăn khớp với các quy tắc thống nhất của khu vực và thế giới. Về các biện pháp kinh tế, cần bảo đảm nguyên tắc không mâu thuẫn với các biện pháp pháp chế, trên cơ sở đó xây dựng những nguyên tắc khách quan trong việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế như thuế, giá cả, tín dụng... để thúc đẩy cạnh tranh; đồng thời, tất cả các chính sách khác có liên quan đều phải có tác dụng bảo vệ và khuyến khích cạnh tranh, như chính sách phát triển các ngành, chính sách tài chính, chính sách đầu tư, chính sách thương mại, chính sách việc làm và tiền lương,... Về các biện pháp hành chính, cần chú ý đến mối quan hệ giữa nó với các biện pháp pháp chế và các biện pháp kinh tế; trên cơ sở đó, xác định rõ chức năng và quyền hạn của các cơ quan chuyên trách và các chủ thể khác khi họ trực tiếp dùng quyền lực hành chính để can thiệp, giám sát và quản lý các hành vi thị trường của các doanh nghiệp. Các chức năng và quyền hạn đó đều phải được quy định rõ ràng trong luật hành chính và có những điều khoản tương ứng trong Luật Cạnh tranh.

Bốn là, đẩy mạnh nghiên cứu và thực hiện việc quốc tế hóa chính sách cạnh tranh. Việt Nam sớm có các tổ chức chuyên trách xây dựng luật và chính sách cạnh tranh. Trong quá trình này, cần chú trọng tính quốc tế hóa của luật và chính sách cạnh tranh của Việt Nam (chú trọng các đối tác quan trọng như ASEAN, Mỹ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc... và các tổ chức quốc tế lớn như WTO, OECD, UNDP, UNCTAD...); đồng thời, đặc biệt lưu ý đến mối quan hệ giữa chính sách và Luật Cạnh tranh của Việt Nam với cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO,... □

CỦNG CỐ NỀN TẢNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG - VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ CẤP BÁCH

MAI TRUNG HẬU *

TRONG sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu của Đảng, của dân tộc, rất coi trọng vấn đề xây dựng nền đạo đức cách mạng. Nói về mối quan hệ giữa đức và tài của đội ngũ cán bộ, đảng viên, Người nhấn mạnh, đạo đức là gốc, nếu không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không thể lãnh đạo được nhân dân.

Để xây dựng nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng, của cán bộ, đảng viên, Chủ tịch Hồ Chí Minh kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc với quan niệm đạo đức của chủ nghĩa Mác -Lê-nin. Người sử dụng một cách tài tình những phạm trù đạo đức quen thuộc, có giá trị của xã hội phong kiến, cải tạo và đưa vào chúng những nội dung mới có tính cách mạng sâu sắc. Nội dung đạo đức cách mạng mà Người đề cập bao hàm rất nhiều vấn đề, nhưng trong đó, nội dung cơ bản nhất là trung với nước, với Đảng, hiếu với dân; nhân, nghĩa, trí, dũng, cần, kiệm, liêm, chính. Trung với nước, với Đảng, hiếu với dân là nguyên suốt đời phấn đấu cho độc lập của Tổ quốc, tự do của nhân dân, cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cao đẹp của Đảng. Đó là giá trị đạo đức cao nhất. Trung với nước, với Đảng, hiếu với dân thì phải quán triệt và thực hành tám đức lớn: nhân, nghĩa, trí, dũng, cần, kiệm, liêm, chính. Trong tám đức lớn đó, Người coi

cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức căn bản nhất. Người viết:

"Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.
Thiếu một mùa, thì không thành trời.
Thiếu một phương, thì không thành đất.
Thiếu một đức, thì không thành người."⁽¹⁾

Điều đó càng có ý nghĩa quan trọng khi Đảng ta trở thành đảng cầm quyền. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó không phải là đạo đức thủ cựu, mà là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại; đó không phải vì danh vọng cá nhân mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người. Đạo đức đó phục vụ cho đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa - một xã hội không còn áp bức bóc lột, tạo điều kiện để con người phát triển tự do và toàn diện. Đó chính là chủ nghĩa nhân đạo cao đẹp nhất.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta ra sức giáo dục cán bộ, đảng viên tu dưỡng, rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng để sao cho "ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong", và bản thân Người là một tấm gương sáng để cán bộ, đảng viên noi theo. Nhờ

* PGS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 631

vậy, Đảng ta xây dựng được một đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng, kiên định trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Trong đấu tranh cách mạng trước đây, họ đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, trung dũng, kiên cường, mưu trí, quả cảm, giữ vững khí tiết cách mạng, nêu cao tinh thần đấu tranh bất khuất trước quân thù tàn bạo và thâm độc. Do đó, họ được dân tin, dân phục, dân yêu, sẵn sàng che chở, bảo vệ và làm theo, đưa đến sự thành công của Cách mạng Tháng Tám và thắng lợi vĩ đại của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Thực tiễn đó chứng minh quan điểm đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng nền đạo đức cách mạng.

Ngày nay, trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; và coi đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường là vấn đề chính trị căn bản, thể hiện lập trường chính trị kiên định và đúng đắn của Đảng ta, là cái phân biệt trước hết với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Đúng như V.I. Lê-nin viết: "Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế... không có một lập trường chính trị đúng thì một giai cấp nhất định nào đó, không thể nào giữ vững được sự thống trị của mình, và do đó, cũng không thể hoàn thành được *nhiệm vụ của mình trong lĩnh vực sản xuất* ⁽²⁾.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta vận động trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế. Do đó, chúng ta cần chủ

động hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế quốc tế, xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát triển nhanh và bền vững. Mặt tiêu cực của kinh tế thị trường và mặt trái của toàn cầu hóa kinh tế mang tính chất tư bản chủ nghĩa cùng với chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch là những nhân tố gây tác hại đến nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng, của cán bộ, đảng viên. Chúng có thể làm cho Đảng thoái hóa, biến chất, dẫn đến "tự diễn biến" sang quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản, làm thất bại hai mục tiêu chiến lược cơ bản của cách mạng nước ta là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Để xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần xóa bỏ những thành kiến của đạo đức phong kiến theo quan niệm của Nho giáo. Một trong những thành kiến đó là: coi làm giàu là bất nhân (vi phú bất nhân); thương nhân bị xếp vào thang bậc cuối cùng của xã hội (sĩ, nông, công, thương). Trong thời kỳ tập trung quan liêu bao cấp, thành kiến đó biến tướng thành cơ chế "xin - cho", hình thành nên thứ bậc "nhất thân, nhì thế, tam chế, tứ tiền", gây trở ngại cho việc phát triển kinh tế. Hiện nay, Đảng ta chủ trương khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng; khuyến khích các nhà doanh nghiệp trong tất cả các thành phần kinh tế kinh doanh hợp pháp, hợp đức, cần kiệm, trong sạch, ngay thẳng, góp sức vào việc phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những người làm ăn giỏi, những nhà doanh nghiệp giỏi ở bất cứ thành phần kinh tế nào đều được Đảng, Nhà nước và nhân dân tôn vinh. Họ chính là đại biểu cho mặt tích cực của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, mục đích của kinh tế thị trường là lợi nhuận. Đồng tiền có vị trí to lớn trong sản

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t 42, tr 349-350

xuất, kinh doanh cũng như trong đời sống. Từ đó nảy sinh tư tưởng "sùng bái" đồng tiền. Để kiếm được nhiều tiền, càng nhiều càng tốt, có người dùng mọi thủ đoạn bất chấp pháp luật, đạo đức như gian lận thương mại, lừa đảo, buôn lậu, trốn thuế, làm hàng giả, hàng nhái, buôn bán ma túy, hối lộ, mua chuộc, hủ hóa cán bộ, v.v.. Đó là mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, trái với bản chất của Đảng, của Nhà nước, của chủ nghĩa xã hội. Trong khi đa số cán bộ, đảng viên ra sức phấn đấu thực hiện đường lối, chủ trương đổi mới của Đảng, góp phần làm nên những thành tựu to lớn về mọi mặt, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, được bạn bè quốc tế khâm phục, thì lại có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về phẩm chất, đạo đức, làm xói mòn nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng. Biểu hiện điển hình của sự suy thoái về đạo đức là *tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí ngày càng nghiêm trọng*. Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Đại hội VII, Đảng ta chỉ ra bốn nguy cơ cần ra sức phấn đấu để vượt qua. Đó là nguy cơ tụt hậu ngày càng xa hơn về kinh tế, *tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí*, nguy cơ chệch hướng và nguy cơ "diễn biến hòa bình" (do các thế lực thù địch gây ra). Trong bốn nguy cơ đó, chúng ta không thể xem nhẹ nguy cơ nào, bởi giữa chúng luôn có sự tác động, ảnh hưởng lẫn nhau. Theo chúng tôi, *tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí* là miếng đất béo bở để các nguy cơ khác phát huy tác dụng.

Để đưa Đảng lên ngang tầm với nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn cách mạng hiện nay, Đảng ta chủ trương xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là một đảng cầm quyền, một đảng đạo đức và văn minh như Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn được Đảng ta đặt ra một cách thường xuyên và được triển khai mạnh mẽ theo chủ trương của Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII. Công

tác đó tuy đạt được một số kết quả, nhưng vẫn chưa khắc phục được sự suy thoái về đạo đức trong cán bộ, đảng viên. Tại Đại hội IX, Đảng ta thẳng thắn nhìn nhận: *"Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng*. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến" ⁽³⁾. Thực trạng đó đang là một lực cản lớn trong việc thực hiện đường lối, chủ trương đổi mới của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân. Mới đây, Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) nhận định: "Điều làm cho nhân dân bất bình, lo lắng, bức xúc nhất hiện nay là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn rất nghiêm trọng, kỷ cương, phép nước trong nhiều việc, nhiều lúc chưa nghiêm".

Một vấn đề đặt ra là: Tại sao sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên diễn ra kéo dài và cho đến nay vẫn còn rất nghiêm trọng, mặc dù Đảng ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp giải quyết? Theo chúng tôi, tình trạng đó là do nhiều nguyên nhân, trong đó, có hai nguyên nhân cơ bản: *Thứ nhất*, chúng ta chưa nhận thức đầy đủ, chưa đánh giá hết những tác động tiêu cực do sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu; những tác động của mặt trái kinh tế thị trường, của toàn cầu hóa mang tính chất tư bản chủ nghĩa; sự tiến công trên lĩnh vực tư tưởng của các thế lực thù địch vào các đảng cộng sản, đặc biệt là các đảng cộng sản đang cầm quyền. *Thứ hai*, chúng ta chưa quán triệt một cách sâu sắc tư tưởng coi

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 76

đạo đức là gốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chưa thấy được vai trò và tác dụng to lớn của việc củng cố nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng trong bối cảnh lịch sử mới. Do đó, chúng ta chưa đặt đúng vị trí của đạo đức trong nhiệm vụ then chốt xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, còn nặng về chống mà nhẹ về xây.

Vừa qua, thực hiện Chỉ thị số 23 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, chúng ta đã triển khai một đợt tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng nhằm nâng cao nhận thức về tư tưởng của Người cho cán bộ, đảng viên. Điều đó là cần thiết, nhưng theo chúng tôi, cần tổ chức một đợt học tiếp theo tập trung vào việc giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện đảng cầm quyền, cần giáo dục trước hết bốn đức căn bản nhất: cần, kiệm, liêm, chính. Điều này có ý nghĩa thiết thực trong tình hình hiện nay. Trong học tập, cần tiến hành tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc, trung thực, làm rõ ưu, khuyết điểm của mỗi người trong nhận thức và *thực hành* bốn đức đó. Trên cơ sở đó, đề ra những biện pháp tu dưỡng, rèn luyện của mỗi người gắn với chức trách và công tác thực tế của mình, dưới sự kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng. Việc học tập cần được tiến hành từ trên xuống. Cấp trên tiến hành trước để rút kinh nghiệm chỉ đạo và để làm gương cho cấp dưới. Trong học tập, cán bộ, đảng viên nào có những khuyết điểm nghiêm trọng về cần, kiệm, liêm, chính mà cố tình che giấu, không thành khẩn tự phê bình, nếu bị phát hiện sẽ phải chịu xử lý kỷ luật một cách nghiêm minh. Ban Bí thư Trung ương Đảng giao cho cấp ủy ở các địa phương, các đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức, lãnh đạo đợt học tập này. Các cơ quan chức năng như Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cùng phối hợp, giúp Ban Bí thư Trung ương Đảng theo dõi, kiểm tra việc tổ chức học

tập. Nơi nào làm chưa đạt yêu cầu thì kiên quyết bắt làm lại. Sau đợt học tập, cần tiến hành tổng kết, đánh giá, phát huy kết quả trong toàn Đảng. Trên cơ sở đó, xây dựng thành chế độ học tập, tu dưỡng đạo đức, và chế độ này được ban hành trong toàn Đảng, được tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, thống nhất.

Việc củng cố nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng, làm cho nó "sâu rễ, bền gốc" trong cán bộ, đảng viên, trước hết là trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể các cấp và các tổ chức kinh tế là vô cùng quan trọng. Vì:

- Thấm nhuần và thực hành đạo đức cần, kiệm, liêm, chính sẽ làm cho cán bộ lãnh đạo đứng vững trước ma lực và sự cám dỗ của đồng tiền trong nền kinh tế thị trường. Họ nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức, kỷ luật, giữ gìn kỷ cương, phép nước trong lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước với tinh thần chí công vô tư. Họ có lối sống lành mạnh, trong sạch, giản dị, nêu gương sáng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng noi theo.

- Họ có đủ sáng suốt trong việc lựa chọn, bố trí sắp xếp cán bộ tại đơn vị, địa phương do mình phụ trách. Họ cùng với cấp ủy tiếp nhận mọi nguồn thông tin và trên cơ sở đó, cân nhắc, xử lý một cách khách quan, vô tư để chọn đúng những người thật sự có đủ đức tài, loại trừ những phần tử cơ hội, vụ lợi, chạy chức, chạy quyền, mưu cầu danh lợi bất chính. Từ đó, làm cho đội ngũ cán bộ dưới quyền trong sạch, vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Họ vì lợi ích của Đảng, của dân, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực của những phần tử thoái hóa biến chất, những phần tử quan liêu độc đoán, tham nhũng, lãng phí; giữ vững chế độ tập trung dân chủ, tập thể lãnh

đạo, cá nhân phụ trách, tạo nên sự thống nhất về ý chí và hành động trong cán bộ, nhân viên dưới quyền và trong toàn Đảng.

- Họ thật sự tôn trọng quyền làm chủ của dân, thường xuyên tiếp cận với dân. Họ nói cho dân nghe, làm cho dân hiểu rõ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và nghe dân nói, tiếp thu những ý kiến xây dựng, những nguyện vọng chính đáng của dân. Họ giải quyết kịp thời những kiến nghị, tố cáo của dân thuộc thẩm quyền của mình và kiểm tra, đôn đốc cấp dưới giải quyết những vấn đề của đơn vị mình theo đúng pháp luật, không để xảy ra tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, làm cho dân thất vọng và bất bình. Từ đó, họ được dân tin, dân phục, dân yêu vì dân thấy rõ họ thật sự là công bộc của mình.

Khi những cán bộ lãnh đạo có được sự tu dưỡng về đạo đức cách mạng thì họ sẽ là những tấm gương tỏa sáng trong toàn Đảng, toàn xã hội, là nhân tố to lớn thúc đẩy việc nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của Nhà nước và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, trong lĩnh vực kinh tế. Ngược lại, nếu những cán bộ lãnh đạo bị suy thoái về đạo đức sẽ gây tác hại lớn cho Đảng, cho dân. Vụ án "xã hội đen" Năm Cam, vụ án Lã Thị Kim Oanh và các vụ trọng án khác đã minh chứng điều đó.

Rõ ràng, chỉ có củng cố nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng một cách vững chắc mới có thể tiến hành đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực như quan liêu, tham nhũng, lãng phí một cách có hiệu quả. Phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống; xây tốt để chống tốt và chống tốt để xây càng tốt hơn. Việc chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, theo chúng tôi, cần dựa vào sự chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người coi quan liêu, tham nhũng, lãng phí là giặc "nội xâm". Nó là kẻ thù nguy hiểm, vì nó tuy không mang gươm, mang súng nhưng

lại nằm trong các tổ chức của chúng ta để làm hỏng công việc của chúng ta. Chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí là cách mạng, là dân chủ. Cách mạng là xây cái tốt, xóa bỏ cái xấu; dân chủ là phải dựa vào lực lượng quần chúng, làm cho quần chúng hiểu rõ và hăng hái tham gia thì mới chắc thành công. Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ và nhanh chóng. Trong cuộc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, phải có chuẩn bị kế hoạch, tổ chức, phải có lãnh đạo và kiểm tra.

Thiết nghĩ, đã đến lúc chúng ta cần xây dựng và ban hành Luật Chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm một cách toàn diện, thay cho các pháp lệnh đã có. Trong đó, cần có cơ chế kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với cán bộ có chức, có quyền phạm phải quan liêu, tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng. Cần quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn và các thủ tục tiến hành kiểm tra, giám sát của nhân dân và trách nhiệm của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc thi hành ý kiến của nhân dân theo đúng thủ tục luật pháp quy định. Làm được như vậy cũng có nghĩa là chúng ta đã kết hợp chặt chẽ đạo đức với pháp luật, pháp trị với đức trị. Luật pháp tạo nên sức mạnh cưỡng chế, còn đạo đức đem lại lòng vị tha, tính tự giác bởi sức mạnh của lương tâm con người. Luật pháp có tác dụng răn đe, bảo vệ đạo đức cách mạng; ngược lại, đạo đức cách mạng làm cho luật pháp được thực thi một cách tự giác, giảm thiểu những hành vi vi phạm pháp luật.

Tin rằng, với sự quyết tâm cao và những biện pháp triệt để có tính khả thi của Đảng, trước hết là của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân, chúng ta sẽ củng cố vững chắc nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng, chặn đứng được sự suy thoái về đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng ngày càng giành được những thắng lợi to lớn hơn. □

Kâng cao khả năng tiếp nhận và ứng dụng khoa học - công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân

ĐƯỜNG VINH SƯỜNG*

TIẾN hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của nước ta đã được *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010* xác định. Trong những định hướng chủ yếu mà Đảng ta đề ra, vấn đề tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn nhất là công nghệ sinh học kết hợp với công nghệ thông tin; chú trọng sử dụng giống cây, con có năng suất, chất lượng và giá trị cao; đưa nhanh công nghệ mới, công nghệ chế biến vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm... là một định hướng quan trọng. Trong những năm tới, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục xác định nông nghiệp và kinh tế nông thôn là cơ sở để tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Để thực hiện tốt định hướng trên, việc củng cố và tăng cường hệ thống nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ và khả năng tiếp nhận, ứng dụng khoa học - công nghệ của người nông dân giữ vai trò quyết định.

I- Tăng cường nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn

Hiện nay, nước ta có 32 viện nghiên cứu doanh nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các viện nghiên cứu tập trung chủ yếu ở một số thành phố lớn (22 Viện ở Hà Nội, 3 viện ở Thành phố Hồ Chí Minh và 7 viện ở các thành phố khác). Việc tập trung quá cao các cơ sở nghiên cứu ở thành phố lớn như vậy

gây nhiều bất lợi trong thực hiện các chương trình phát triển nông nghiệp ở những vùng sinh thái khác nhau trong quá trình nắm bắt các cơ hội, những khó khăn của nông dân ở các vùng này và cách giải quyết các vấn đề liên quan đến đói nghèo, sự bền vững của môi trường. Bên cạnh đó, sự chi tiêu của Nhà nước cho các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2002 chỉ chiếm khoảng 0,14% GDP, thấp hơn nhiều so với các nước như: Trung Quốc (0,43%), Thái Lan (1,4%)... Hơn nữa, hệ thống khuyến nông hiện nay chưa đủ mạnh để chuyển giao các kết quả nghiên cứu, các tiến bộ công nghệ mới trong nông nghiệp vào sản xuất. Kinh phí cho hoạt động khuyến nông còn hạn chế nên hiệu quả của hoạt động này không cao. Mặt khác, việc phân bổ kinh phí khuyến nông lại chỉ tập trung cho chăn nuôi, cây nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; kinh phí cho đào tạo rất ít và không có kinh phí cho hoạt động ma-két-ting. Mối liên hệ giữa hệ thống khuyến nông và hệ thống nghiên cứu còn yếu, tính hợp tác chưa cao. Do những bất cập của hệ thống nghiên cứu và hệ thống khuyến nông hiện nay nên các mối liên kết giữa nghiên cứu và dịch vụ khuyến nông rất yếu. Từ trung ương xuống địa phương, các cán bộ nghiên cứu ít có cơ hội tiếp xúc với cán bộ khuyến nông và nông dân trừ những địa điểm nghiên cứu của các viện và các trung tâm nghiên cứu.

* TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Để tăng cường chất lượng của công tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, xin đề xuất một số giải pháp sau:

1- Tiến hành sắp xếp lại hệ thống nghiên cứu để đáp ứng nhu cầu phát triển của từng vùng, tránh tập trung mật độ quá cao các cơ sở nghiên cứu ở một số thành phố lớn. Trong những năm tới, nên hướng vào tổ chức các cơ sở nghiên cứu theo các vùng sinh thái, gắn với địa bàn từng vùng.

2- Xây dựng và phát triển mối liên kết giữa hệ thống nghiên cứu thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với hệ thống nghiên cứu ngoài bộ như các trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Thái Nguyên, Đại học Nông lâm Huế, Thủ Đức, Đại học Cần Thơ... trong nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ để thực hiện các mục tiêu và định hướng của ngành, tranh thủ sự hợp tác, giúp đỡ và tài trợ cho nghiên cứu và chuyển giao công nghệ vào phát triển nông nghiệp.

4- Tăng cường đầu tư kinh phí của Nhà nước cho nghiên cứu từ mức 0,14% (năm 2002) lên 0,51% vào năm 2005 (bằng với mức trung bình của các nước châu Á năm 1998) và duy trì mức đó trong giai đoạn 2006-2010. Việc tăng cường kinh phí cho nghiên cứu có thể được thực hiện bằng hai cách: *Một là*: Huy động các cơ quan kinh tế - xã hội, đặc biệt là những người hưởng lợi từ kết quả nghiên cứu đóng góp cho nghiên cứu phát triển. *Hai là*: Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các viện nghiên cứu cố gắng thu hút các nguồn vốn từ bên ngoài (gồm các ngân hàng phát triển quốc tế, chính phủ các nước, các tổ chức trợ giúp kỹ thuật, các tổ chức nghiên cứu và các viện nghiên cứu quốc tế, các công ty tư nhân...) cho hoạt động nghiên cứu.

Chính phủ cùng với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, để cải tiến và cải thiện việc phân bổ kinh phí và các phương tiện nghiên cứu; đổi mới cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu phát triển nông nghiệp.

Cần xác định đây là một lĩnh vực được ưu tiên và có sự quan tâm đặc biệt.

5- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học - Công nghệ cần có sự kết hợp chặt chẽ hơn nữa trong việc xác định những yêu cầu nghiên cứu, giám sát và đánh giá kết quả các chương trình, dự án nghiên cứu về nông nghiệp.

6- Phát triển mạnh việc áp dụng cơ chế đầu thầu trong nghiên cứu để khai thác lợi thế so sánh giữa các viện nghiên cứu trong nước, kể cả các trường đại học nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu, tiết kiệm hợp lý kinh phí nghiên cứu.

Củng cố và tăng cường hệ thống khuyến nông, đổi mới phương pháp khuyến nông theo hướng:

+ Khuyến khích cán bộ tích cực tham gia vào các điểm trình diễn phản ánh nhu cầu của nông dân.

+ Các viện nghiên cứu cần kết hợp chặt chẽ với các dịch vụ khuyến nông ở các địa phương, với tư nhân, với các tổ chức phi chính phủ để xây dựng điểm trình diễn và nghiên cứu với sự tham gia của nông dân ngay trên đồng ruộng.

+ Thực hiện việc chia sẻ thông tin về các vùng và phối hợp hoạt động giữa các viện nghiên cứu với dịch vụ khuyến nông ở các cấp, nhất là trong việc thảo luận với địa phương về kỹ thuật thích hợp để xây dựng các mô hình canh tác.

+ Có chính sách khuyến khích thỏa đáng đối với những cán bộ khoa học có công trình nghiên cứu mang lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất.

+ Tăng cường đào tạo toàn diện về khuyến nông cả về kỹ thuật và công nghệ cũng như kiến thức về quản lý trang trại, về hệ thống nông nghiệp phát triển bền vững, thông tin thị trường và hướng dẫn sản xuất.

+ Mở rộng liên kết giữa các hoạt động nghiên cứu và công tác khuyến nông phải xuất phát từ yêu cầu sản xuất nhằm giảm sự chênh lệch tri thức về công nghệ giữa các địa phương, giữa cán bộ nghiên cứu trong hệ thống của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các cán bộ địa phương và người nông dân để có cơ hội khai thác tốt nhất tiềm năng nông nghiệp của từng vùng.

II- Tăng cường khả năng tiếp nhận và ứng dụng khoa học - công nghệ cho người nông dân

Hiện nay, trình độ học vấn của lực lượng lao động ở khu vực nông thôn còn thấp: 25% chưa tốt nghiệp tiểu học, số người tốt nghiệp phổ thông trung học mới chỉ chiếm 11,1%. Mặt khác, hầu hết lao động nông thôn làm các công việc trồng trọt, chăn nuôi không cần qua trường lớp mà theo kiểu "cha truyền con nối", theo kinh nghiệm là chính. Vì vậy, năng suất lao động trong nông nghiệp của nước ta thấp, dẫn tới thu nhập thấp (chỉ bằng 37% thu nhập của lao động khu vực thành thị). Thực tế đó ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tiếp nhận và ứng dụng khoa học - công nghệ của người nông dân. Để có thể đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, thực hiện rộng rãi các công nghệ tiên tiến vào các khâu của quá trình sản xuất, cần tăng cường khả năng tiếp thu và ứng dụng khoa học - công nghệ cho người nông dân theo những giải pháp chủ yếu sau đây:

1- Xây dựng chương trình và nội dung học tập thiết thực cho nông dân theo hướng: chương trình và nội dung học tập phải phù hợp với trình độ của người nông dân, sát với thực tế phát triển của nông nghiệp và nông thôn trong từng giai đoạn. Trước mắt, trang bị cho nông dân trực tiếp sản xuất các kiến thức về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ thực vật. Đồng thời, trang bị cho một bộ phận nông dân, nhất là lực lượng trẻ, một số nghề tiểu, thủ công nghiệp, sửa chữa và bảo quản máy móc, kỹ thuật bảo quản, chế biến hải sản, rau quả, kỹ năng dịch vụ... Những người trực tiếp lãnh đạo quản lý ở các cơ sở cần được trang bị các kiến thức về quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh. Cần tăng cường khả năng liên kết giữa Nhà nước - nông dân - nhà khoa học bằng các chương trình cụ thể để tiếp thu các kiến thức mới về khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh tế...

2- Đa dạng hóa hình thức và thời gian đào tạo bồi dưỡng cho từng loại đối tượng cụ thể: những người lao động trực tiếp, cán bộ quản lý và người kinh doanh. Cần phối hợp nhiều hình thức đào tạo (tập trung, tại chức, chính quy, bồi dưỡng...) với

thời gian học tập linh hoạt không làm ảnh hưởng đến hoạt động theo mùa vụ của người nông dân. Phát triển các trung tâm dạy nghề bằng việc mở các lớp học ngay tại nơi làm việc...

3- Xã hội hóa công tác đào tạo, bồi dưỡng lao động nông nghiệp, nông thôn ở mọi cấp, mọi ngành, mọi tổ chức quần chúng (Hội Làm vườn, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân...). Khuyến khích mọi người cũng như các tổ chức trong nước và quốc tế cùng tham gia vào công tác đào tạo, bồi dưỡng lao động nông nghiệp, nông thôn thông qua việc xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu xây dựng cơ sở vật chất của các trường, lớp, trợ giúp về kinh phí và phương tiện dạy, học. Phát triển các trung tâm dạy học cho cộng đồng, tận dụng các trường học nghỉ hè, trụ sở Ủy ban nhân dân xã, các câu lạc bộ, nhà dân và tổ chức các lớp học cho nông dân...

4- Đổi mới chính sách đãi ngộ, khuyến khích đối với lao động có chuyên môn kỹ thuật cao và lao động được đào tạo huấn luyện theo các hướng:

+ Thực hiện chính sách đãi ngộ cho những người có chuyên môn kỹ thuật cao (kỹ sư, bác sỹ...) nhằm thu hút lực lượng khoa học kỹ thuật về làm việc ở nông thôn, áp dụng chế độ miễn học phí và trợ cấp tiền cho các đối tượng cần đào tạo, bồi dưỡng. Cấp học bổng và miễn phí cho những người cam kết tình nguyện về công tác ở nông thôn sau khi tốt nghiệp. Thực hiện chính sách khen thưởng, tăng lương và ưu tiên chuyển vùng cho người ở nơi khác về công tác ở nông thôn sau một thời gian công tác nhất định.

+ Quy định chế độ đãi ngộ (lương, phụ cấp) đối với những người chuyên làm công tác giảng dạy cho các đối tượng làm nông nghiệp ở nông thôn, định kỳ xét tặng danh hiệu cao quý cho các nghệ nhân tích cực tham gia truyền nghề...

Những giải pháp trên được nghiên cứu, vận dụng linh hoạt vào từng vùng, trong từng thời kỳ nhằm từng bước nâng cao khả năng, trình độ tiếp nhận và ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến vào phát triển nông nghiệp, nông thôn, thực hiện mục tiêu phát triển nông thôn mới là nền tảng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □



BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG VỚI PHONG TRÀO THI ĐUA QUYẾT THẮNG

TRINH NGỌC HUYỀN*

THỰC hiện lời dạy của Bác "Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua", suốt chặng đường 45 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Bộ đội Biên phòng luôn gắn liền với phong trào thi đua sôi nổi ở các đơn vị từ biên giới đến hải đảo. Từ Phong trào Thi đua Vì an ninh Tổ quốc những năm trước đây đến Phong trào Thi đua Quyết thắng hiện nay đã kế tiếp nhau phát huy hiệu quả, tạo động lực cho toàn lực lượng vươn lên thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng. Trong thời kỳ đổi mới và đặc biệt là từ khi thực hiện Chỉ thị 35 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 198 của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng, Phong trào Thi đua Quyết thắng trong Bộ đội Biên phòng được phát triển cả về diện rộng và chiều sâu, thực sự là đòn bẩy, là động lực tinh thần to lớn thúc đẩy các tập thể và cá nhân thi đua lập công, nâng cao hiệu suất, chất lượng các mặt công tác, chiến đấu, góp phần hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới, vùng biển của Tổ quốc.

Trong những năm qua (nhất là 5 năm gần đây), Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã thường xuyên quan tâm đổi mới sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác thi đua - khen thưởng và Phong trào Thi đua Quyết thắng trong toàn lực

lượng. Các cấp ủy đã nghiêm túc quán triệt các chỉ thị của Bộ Chính trị, của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương và của Thường vụ Đảng ủy Bộ đội Biên phòng về "Đổi mới công tác thi đua - khen thưởng"; tổ chức học tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc. Đồng thời tổ chức quán triệt sâu sắc Lời Kêu gọi thi đua, ngày 11-6-1998, của Chủ tịch nước Trần Đức Lương. Các đơn vị đẩy mạnh Phong trào Thi đua Quyết thắng gắn với thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo lời Bác Hồ dạy đối với Bộ đội Biên phòng"; qua đó, tạo một bước chuyển biến rõ rệt trong nhận thức của cán bộ, chiến sĩ về vai trò của công tác thi đua - khen thưởng trong tình hình mới.

Hội đồng thi đua khen thưởng các cấp thường xuyên được củng cố, kiện toàn, hoạt động có nền nếp và đạt hiệu quả. Cơ quan chính trị các cấp trong toàn lực lượng vừa làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chỉ huy, vừa trực tiếp hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác thi đua - khen thưởng và Phong trào Thi đua Quyết thắng; đồng thời, phát huy vai trò tích cực của các tổ chức quần chúng, lôi cuốn mọi người tự giác tham gia, tạo khí thế thi đua sôi nổi rộng khắp ở tất cả các đơn vị.

* Thiếu tướng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng

Từ cơ quan biên phòng Bộ Tư lệnh đến các tỉnh, thành phố, hải đoàn và nhà trường đã duy trì các cụm thi đua hoạt động có nền nếp; định kỳ tổ chức các đợt kiểm tra, trao đổi, rút kinh nghiệm, chấm điểm, thông báo kết quả thi đua kịp thời. Việc phát hiện, xây dựng, nhân rộng các điển hình tiên tiến được quan tâm thường xuyên hơn.

Do đó, công tác khen thưởng những năm qua tiếp tục đi vào nền nếp, cơ bản thực hiện tốt phương châm "chính xác, kịp thời, công khai, công bằng, dân chủ". Trong khen thưởng, việc chú trọng những cá nhân trực tiếp chiến đấu, các đơn vị cơ sở, những đơn vị hoạt động ở địa bàn khó khăn gian khổ lập công xuất sắc, từ đó động viên mọi cán bộ, chiến sĩ thi đua lập công, góp phần thúc đẩy Phong trào Thi đua Quyết thắng của lực lượng phát triển và đạt hiệu quả tốt.

1 - Trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ

Trước những diễn biến phức tạp trên từng tuyến biên giới, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh đã kịp thời chỉ đạo các đơn vị đổi mới chủ trương, đối sách, bố trí lực lượng; tăng cường quản lý bảo vệ biên giới, vùng biển. Chủ động và có phương án đấu tranh ngăn chặn hiệu quả các hoạt động vi phạm chủ quyền lãnh thổ diễn ra hết sức phức tạp, nhiều lúc quyết liệt. Cán bộ, chiến sĩ các đơn vị đã tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, huy động đông đảo nhân dân địa phương tham gia đấu tranh tại chỗ, kết hợp với đấu tranh ngoại giao các cấp. Chính vì vậy, từ năm 2000 đến năm 2003, trên toàn tuyến biên giới, các đơn vị đã kịp thời phát hiện và đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả hàng trăm trường hợp vi phạm chủ quyền lãnh thổ Việt Nam; đẩy lùi 158 vụ, thu hồi 48,77 ha xâm canh và tái xâm canh sang địa phận nước ta; đấu tranh ngăn chặn 67 vụ làm thay đổi dấu hiệu đường biên, mốc giới.

Trên tuyến biển đảo, các hải đoàn, hải đội biên phòng đã vượt mọi khó khăn gian khổ, phối hợp chặt chẽ với lực lượng hải quân và ngư dân tích cực tuần tra, xua đuổi và bắt giữ 348 tàu với 3 991 người nước ngoài vi phạm đánh bắt trộm hải sản, giữ vững chủ quyền vùng biển của Tổ quốc. Tiêu biểu là các Hải đoàn 18, 28, 38 và 48...

2 - Trên mặt trận đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Các đơn vị đã triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 29 của Đảng ủy Bộ đội Biên phòng về công tác trình sát, trong đó đi sâu vào công tác điều tra cơ bản, triển khai các kế hoạch nghiệp vụ, củng cố mạng lưới bí mật, tập trung vào các địa bàn trọng điểm. Xác lập và đấu tranh nhiều chuyên án xâm phạm an ninh quốc gia, chống các hoạt động tình báo, gián điệp, phản động lưu vong, phản động lợi dụng dân tộc, tôn giáo. Kịp thời phát hiện và xử lý một số đường dây lôi kéo người vượt biên ở Tây Nguyên. Đồng thời tăng cường lực lượng, phương tiện đấu tranh chống các loại tội phạm như: buôn lậu, buôn bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, vũ khí, chất nổ đạt hiệu quả cao. Từ năm 2000 đến nay, đã phát hiện nhiều nhóm phản động lưu vong xâm nhập vào Việt Nam, một số tổ chức đặc biệt nước ngoài có hoạt động móc nối tại biên giới nước ta, hoạt động phá hoại, tổ chức đưa đón người nhập cảnh trái phép đi nước thứ ba; đã xác lập và đấu tranh 55 chuyên án, bắt 43 đối tượng. Trong đấu tranh chống bọn tội phạm hình sự, đã bắt giữ và xử lý 8 897 vụ, 1 327 phương tiện buôn lậu lớn, thu về cho Nhà nước hàng trăm tỉ đồng. Phát hiện, bắt giữ 693 vụ với 1 199 đối tượng buôn bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, thu hủy 257,84 kg thuốc phiện, 20,447 kg hê-rô-in, 826 kg cần sa, 78 692 ống thuốc gây nghiện và 17 979 viên ma túy tổng hợp; bắt giữ và xử lý 489 vụ với 936 đối tượng

mua bán tàng trữ và sử dụng vũ khí chất nổ trái phép, thu 171 súng các loại, 7 226 kg thuốc nổ và hàng nghìn viên đạn; bắt giữ và xử lý 108 vụ với 160 đối tượng buôn bán tàng trữ tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ giả, thu hủy 916 555 000 VNĐ, 24 900 USD và 10 959 Nhân dân tệ giả. Bắt giữ và xử lý 123 vụ với 204 đối tượng buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới.

Các cuộc đấu tranh này góp nhiều cách làm hay, sáng kiến tốt như: kinh nghiệm giải quyết "điểm nóng" về vấn đề dân tộc, tôn giáo; kinh nghiệm trong đấu tranh chống gián điệp tình báo cài cắm móc nối; kinh nghiệm trong phối hợp với bạn Lào đấu tranh và tuyên truyền, vận động phi ra hàng của Bộ đội Biên phòng Nghệ An; kinh nghiệm trong đấu tranh với các loại đối tượng buôn bán vận chuyển trái phép các chất ma túy của Bộ đội Biên phòng Sơn La, Lai Châu, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh; kinh nghiệm trong đấu tranh giữ vững trật tự an ninh trên biển của Bộ đội Biên phòng Kiên Giang... Qua đó, nhiều gương chiến đấu dũng cảm, nhiều tập thể xuất sắc... đã xuất hiện.

Cùng với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, vùng biển, những năm qua trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu đường bộ và đường biển, các đơn vị đã thực hiện tốt chủ trương đổi mới công tác kiểm tra, kiểm soát xuất nhập cảnh, phát hiện và xử lý 38 vụ vận chuyển tài liệu mật ra nước ngoài, 324 vụ với 789 trường hợp sử dụng hộ chiếu giả. Những hoạt động trên vừa duy trì chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật, các quy định qua lại biên giới, vừa phục vụ tốt mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế.

Có thể nói, cuộc đấu tranh chống các loại tội phạm những năm qua diễn ra ngày càng gay gắt, có lúc, có nơi quyết liệt, có trường hợp tổn thất, thương vong. Nhưng nổi lên là tinh thần chủ động, tích cực tiến công, mưu trí,

dũng cảm, đoàn kết hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng, giữ vững an ninh trật tự khu vực biên giới, góp phần giữ gìn an ninh quốc gia. Trong cuộc đấu tranh này, đã xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu dũng cảm hy sinh, mưu trí, sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ các đơn vị. Đó là biểu hiện phẩm chất sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thời kỳ đổi mới.

3 - Tích cực tham gia xây dựng, củng cố cơ sở chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở khu vực biên giới, biển đảo và tham gia phòng chống thiên tai, bão lụt, cứu hộ cứu nạn

Một trong những thành tích nổi bật của phong trào thi đua 4 năm qua là các đơn vị đã kết hợp chặt chẽ giữa thực hiện nhiệm vụ công tác biên phòng với tham gia xây dựng, củng cố cơ sở chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở khu vực biên giới, biển đảo. Trên cơ sở đó, góp phần chăm lo nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh, xây dựng củng cố nền biên phòng toàn dân vững mạnh. Bốn năm qua, Bộ đội Biên phòng đã tham gia củng cố 410 chi bộ, 51 Ủy ban nhân dân xã, 29 Hội đồng nhân dân xã, 772 chi đoàn thanh niên, 558 tổ, hội phụ nữ, 547 chi hội nông dân, 88 ban công an, 42 ban xã đội, 6 000 tổ an ninh nhân dân, tổ tự quản, tổ hòa giải và đội dân phòng. Đã phát hiện làm tham mưu cho cấp ủy địa phương thay thế 458 cán bộ xã, phường, thôn, bản. Triển khai thực hiện 44 dự án kinh tế với tổng số vốn là 287 067 triệu đồng; chủ yếu là các dự án: làm đường giao thông, định canh, định cư, làm thủy lợi, thủy điện và cấp nước sạch cho khu dân cư biên giới.

Thực hiện chương trình xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học trên biên giới, bờ biển, từ năm 2000 đến nay, các đồn biên phòng đã trực tiếp mở được 486 lớp phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ cho 9 781 học viên, 99 lớp học tình thương cho 2 032 cháu có hoàn cảnh khó khăn; phối hợp vận động 2 125 học

sinh bỏ học trở lại trường; giúp hàng nghìn ngày công xây dựng 125 phòng học mới, tu sửa 78 phòng học cũ, mua và đóng tặng hàng trăm bộ bàn ghế và nhiều dụng cụ, đồ dùng học tập. Ngoài ra, các đơn vị còn dành gần 800 triệu đồng từ quỹ vốn tăng gia sản xuất xây dựng quỹ khuyến học, nhận đỡ đầu các cháu học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn ở địa bàn.

Lực lượng quân y ở các đồn biên phòng đã tích cực phối hợp với ngành y tế làm tốt công tác quân dân y kết hợp; tổ chức 112 đợt phòng dịch ở các xã biên giới, tổ chức phun thuốc chống muỗi cho hơn 9 000 hộ dân, tẩm màn bằng hóa chất được 12 nghìn chiếc; vận động 175 800 cháu đến tiêm chủng và uống vắc-xin phòng bệnh. Tổ chức khám chữa bệnh miễn phí cho 235 800 lượt bệnh nhân, với tiền thuốc là 227,4 triệu đồng.

Các đơn vị còn tích cực tham gia các chương trình "xóa đói giảm nghèo"; hướng dẫn nhân dân sản xuất, đưa lúa nước lên vùng cao biên giới, thực hiện chương trình "đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa thông tin ở vùng đồng bào dân tộc, biên giới". Đến nay, có 41/41 tỉnh, thành biên phòng có đội tuyên truyền văn hóa, 368 đồn biên phòng duy trì tổ tuyên truyền văn hóa; đặc biệt đã phối hợp với ngành phát thanh, truyền hình phủ sóng 125 điểm cụm dân vùng đồng bào các dân tộc ở khu vực biên giới. Qua đó góp phần đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đến với nhân dân biên giới, củng cố lòng tin của người dân đối với Đảng, củng cố khối đoàn kết quân dân, đoàn kết các dân tộc.

Đặc biệt trong phòng chống thiên tai, bão lụt, các đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch cứu hộ, cứu nạn; dũng cảm cứu tính mạng và tài sản của nhân dân; tích cực tham gia khắc phục hậu quả, nhường cơm sẻ áo, giúp dân ổn

định đời sống. Nhiều tập thể và cá nhân đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân khen ngợi, tiêu biểu là Bộ đội Biên phòng các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp...

Những chiến công của các đơn vị Bộ đội Biên phòng trong giúp dân xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe đồng bào các dân tộc, cũng như trong phòng chống thiên tai bão lụt và tham gia cứu hộ cứu nạn đã làm rạng rỡ thêm bản chất truyền thống của anh "Bộ đội Cụ Hồ" trong thời kỳ đổi mới, xứng đáng với lời dạy của Bác Hồ kính yêu: Trung với Đảng, hiếu với dân; được các cấp bộ Đảng, các cấp chính quyền và nhân dân tin yêu.

+

+ +

Công tác thi đua - khen thưởng và Phong trào Thi đua Quyết thắng của toàn lực lượng 4 năm qua đã có nhiều đổi mới quan trọng và thu được những kết quả thiết thực, tạo động lực lớn làm chuyển biến các mặt, nhất là thực hiện nhiệm vụ chính trị. Nét nổi bật của Phong trào Thi đua Quyết thắng những năm qua là, bám sát nhiệm vụ chính trị, hướng trọng tâm về cơ sở, gắn Phong trào Thi đua Quyết thắng với các phong trào thi đua chuyên ngành, chuyên đề và các cuộc vận động; đồng thời, tập trung hướng vào các nhiệm vụ trọng tâm, địa bàn trọng điểm. Công tác khen thưởng đã đi vào nền nếp, bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định, do đó đã động viên sâu rộng phong trào, thúc đẩy việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ ở các đơn vị, góp phần vào việc bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới của Tổ quốc. Bốn năm qua, toàn lực lượng có 1 tập thể và 1 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; 1 tập thể

được tặng thưởng Huân chương Quân công; 53 tập thể và cá nhân được tặng Huân chương Chiến công; 4 tập thể được tặng Cờ luân lưu của Chính phủ; 82 tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 12 tập thể được tặng cờ của Bộ Quốc phòng; 131 tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; 270 tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen của các bộ, ban, ngành ở trung ương; 1 750 tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; hàng trăm đơn vị đạt danh hiệu "Đơn vị Quyết thắng"; hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua". Điển hình là các đơn vị Bộ đội Biên phòng Hà Tĩnh, Hà Giang, Quảng Bình, Gia Lai, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hải đoàn 28, Cục Trinh sát, Học viện Biên phòng... Đó là những bông hoa tươi thắm tiêu biểu cho Phong trào Thi đua Quyết thắng của toàn lực lượng.

Bên cạnh những kết quả, thành tích đã đạt được là chủ yếu, công tác thi đua - khen thưởng và Phong trào Thi đua Quyết thắng của lực lượng còn bộc lộ một số hạn chế: Về nhận thức, đôi lúc có nơi chưa sâu sắc; về chỉ đạo điều hành, có lúc chưa năng động sáng tạo; về công tác kiểm tra tổng kết, có khi chưa kiên quyết triệt để; về vấn đề khen thưởng, có mặt chưa thật hợp lý, chưa đạt như mong muốn... Tất cả những điều đó cần được khắc phục để đưa phong trào phát triển sâu rộng và có hiệu quả hơn.

Với những thành tích đã đạt được cũng như từ những thiếu sót của Bộ đội Biên phòng trong phong trào thi đua yêu nước trong những năm qua, bước đầu có thể rút ra một số bài học quý giá:

Một là: Cấp ủy, chỉ huy các đơn vị, nhất là cán bộ chủ trì các cấp phải có nhận thức đúng về vị trí, tầm quan trọng của công tác thi đua - khen thưởng và Phong trào Thi đua Quyết thắng, từ đó thường xuyên quan tâm lãnh đạo,

chỉ đạo nhằm khơi dậy mọi tiềm năng sáng tạo và tính tích cực chủ động của mọi cán bộ, chiến sĩ để hoàn thành xuất sắc các mục tiêu của phong trào thi đua.

Hai là: Từng cấp, từng đơn vị phải căn cứ vào nội dung, mục tiêu Phong trào Thi đua Quyết thắng của toàn lực lượng để vận dụng vào nhiệm vụ, đặc điểm cụ thể của đơn vị mình, từ đó xây dựng kế hoạch, mục tiêu, nội dung thi đua sát thực, vừa có tính toàn diện, vừa tập trung đột phá vào những khâu trọng tâm, trọng điểm, nhất là những thiếu sót, yếu kém của đơn vị, tạo chuyển biến trên các mặt công tác cụ thể.

Ba là: Kết hợp chặt chẽ giữa Phong trào Thi đua Quyết thắng với các phong trào thi đua chuyên ngành và các cuộc vận động xây dựng tổ chức đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng, qua đó thể hiện những sắc thái riêng của từng ngành, từng đoàn thể, tạo nên sự đa dạng phong phú của phong trào thi đua, thực hiện "Người người thi đua, ngành ngành thi đua", như lời Bác Hồ dạy.

Bốn là: Kết hợp tốt giữa thi đua và khen thưởng. Mọi thành tích, sáng kiến, kinh nghiệm hay đều phải được ghi nhận qua bình công, báo công một cách công khai, dân chủ, công bằng và cần khen thưởng kịp thời. Phát huy nhân tố tích cực, đấu tranh đẩy lùi, xóa bỏ mọi biểu hiện tiêu cực. Kết hợp chặt chẽ giữa động viên tinh thần với khuyến khích vật chất; gắn thành tích khen thưởng với tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất, năng lực cán bộ trong xem xét đề bạt, bổ nhiệm và phân tích chất lượng đảng viên, đoàn viên cũng như trong đánh giá, bình xét các tập thể, đơn vị và tổ chức đảng.

Năm là: Coi trọng công tác kiểm tra, chỉ đạo điểm, sơ kết, tổng kết, kịp thời phổ biến các kinh nghiệm hay, sáng kiến tốt để nhân ra diện rộng. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, cổ động trong thi đua - khen thưởng. □

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRÊN ĐƯỜNG TỚI ĐÍCH: Hoàn thành kế hoạch 5 năm 2001 - 2005

PHAN XUÂN BIÊN *

TRONG cơn lốc phát triển của thế kỷ mới - thế kỷ hội nhập, thế kỷ của cách mạng khoa học - công nghệ với ưu thế ngày càng lớn của kinh tế tri thức, với nhiều thuận lợi và không ít khó khăn, thách thức, nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phát huy cao độ tính tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, quyết tâm làm tròn trách nhiệm của một thành phố lớn đóng vai trò trung tâm trên nhiều lĩnh vực của đất nước. Nhìn lại năm 2003 - năm thứ 3 của thiên niên kỷ mới, năm "bản lề" đánh dấu hơn nửa chặng đường thực hiện kế hoạch 5 năm (2001 - 2005), Thành phố Hồ Chí Minh về cơ bản đã đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ Thành phố đề ra, ***tạo thế và lực mới để tiến về đích thành công.***

Kinh tế liên tục tăng trưởng theo xu hướng năm sau cao hơn năm trước: năm 2000 tăng 9%, năm 2001: 9,5%, năm 2002: 10,2% và năm 2003: 11,2% (chỉ tiêu Đại hội đề ra mức tăng bình quân trong 5 năm là 11% trở lên). Cơ cấu tăng trưởng của các khu vực kinh tế là: kinh tế tư nhân: 4,6%; kinh tế nhà nước: 3,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: 2,6%. Các chủ trương, chính sách đúng đắn, kịp thời của Nhà nước đang từng bước khơi dậy tiềm năng của khu vực kinh tế tư nhân. Cơ cấu tăng trưởng giữa các ngành diễn ra

theo đúng kế hoạch chỉ tiêu của Đại hội: giá trị các ngành thuộc khu vực I (nông - lâm - ngư nghiệp) tăng 9,1% (chỉ tiêu là 2%); khu vực II (công nghiệp và xây dựng) tăng 15,3% (chỉ tiêu là 13%); khu vực III (dịch vụ - thương mại) tăng 9,6% (chỉ tiêu là 9,5%). Như vậy, qua năm

"bản lề", các ngành đã vượt "ngưỡng" chỉ tiêu, tạo động lực cơ bản và điều kiện thuận lợi để hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội trong 2 năm cuối của kế hoạch 5 năm (2001 - 2005). Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng khu vực II (công nghiệp và xây dựng) ngày càng tăng theo chiều thuận với động thái vận hành của một khu vực đang được công nghiệp hóa mạnh mẽ. Các sản phẩm và dịch vụ có hàm lượng khoa học cao chiếm tỷ trọng tăng dần trong nhiều ngành công nghiệp (cơ khí, chế tạo máy, luyện kim, điện tử, tin học, phần mềm, hóa chất...). Tỷ trọng các ngành sử dụng nhiều lao động phổ thông và không thuận lợi về nguồn nguyên liệu (chế biến nông - lâm sản...) đã giảm từ 40,4% (1995) xuống còn 31,4% (2003). Trên cơ sở tăng trưởng kinh tế, cho phép Thành phố huy động vốn và chi cho đầu tư phát triển tiếp tục tăng cao. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 38 491 tỉ đồng (tăng 8,7% so cùng kỳ), trong đó nổi bật là thu ngân sách nhà nước phần nội địa đạt 22 184 tỉ đồng (tăng 17,9% so cùng kỳ). Từ đó đã chi cho

* PGS,TS, Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, Phó trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

dầu tư phát triển 7 000 tỉ đồng (tăng 52,6% so với cùng kỳ năm 2002).

Với sự đóng góp của nhiều thành phần kinh tế, sản xuất công nghiệp đã đa dạng hơn cả về quy mô, trình độ công nghệ, chủng loại và chất lượng sản phẩm. Đây cũng là kết quả bước đầu của các chương trình, các chính sách khuyến khích hướng vào *những nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực có thể cạnh tranh cao*. Xuất khẩu hàng công nghiệp chiếm hơn 90% tổng kim ngạch; trong đó, bên cạnh dầu thô, các mặt hàng nông sản (cà-phê, cao-su...), may mặc có tỷ trọng tăng khá cao, đặc biệt là hàng xuất vào thị trường Mỹ (tăng 3 lần, chiếm 24,7% tổng kim ngạch).

Khu vực dịch vụ đã chuyển biến tích cực dù rằng trong những tháng đầu năm đã chịu ảnh hưởng xấu của đại dịch SARS, nhưng trong những tháng cuối năm đã dần dần hồi phục và phát triển nhanh, đưa kết quả tăng trưởng lần đầu tiên đạt mức bình quân của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. Điểm nổi lên trong khu vực này là *các thế mạnh của Thành phố* vẫn tiếp tục phát huy vai trò động lực của phát triển. Nhân dịp diễn ra SEA Games 22, với việc tuyên truyền quảng bá trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng, với nỗ lực nâng cao chất lượng và mở rộng các loại hình du lịch... đã thu hút đông đảo du khách đến tham quan và mua sắm ở Thành phố, góp phần tăng 7% doanh thu.

Nông nghiệp có sự tăng trưởng vượt bậc với mức 9,1% (vượt xa chỉ tiêu do Đại hội đề ra từ năm 2000 là 2%; năm 2003 là 4,5%), tạo cơ sở thuận lợi để hoàn thành chương trình xóa đói giảm nghèo; tạo thế và lực mới để tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn ngoại thành. Đây là kết quả quan trọng đánh dấu sự định hướng đúng trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, với Chương trình Phát triển 2 cây - 2 con.

Bên cạnh các chỉ tiêu kinh tế, các *mục tiêu xã hội* như giải quyết việc làm, đào tạo nghề, xóa đói giảm nghèo, giải quyết các tệ nạn xã hội đều đạt được những kết quả tích cực theo chiều hướng tăng trưởng kinh tế gắn liền với các mục tiêu phát triển xã hội.

Năm 2003 đã trở thành cái mốc quan trọng của quá trình 12 năm thực hiện Chương trình Xóa đói giảm nghèo. Đến nay, về cơ bản Thành phố không còn hộ nghèo.

Với kết quả tập trung 30 000 đối tượng nghiện ma túy vào các trung tâm giáo dục, dạy nghề, Chương trình "3 giảm" đã thu hút sự chú ý và đồng tình của dư luận cả nước. Đây cũng là mũi đột phá của Thành phố kiên quyết tấn công, ngăn chặn những tệ nạn xã hội lâu nay được coi là bị "nhờn thuốc". Nhờ vậy, trong khi tình hình chung trên cả nước vẫn hết sức phức tạp, nhức nhối vì tội phạm gia tăng thì ở Thành phố Hồ Chí Minh tỷ lệ phạm pháp đã giảm xuống gần 10% mỗi năm.

Nét nổi bật của đời sống xã hội của Thành phố trong vài năm gần đây là vấn đề quản lý đô thị. Trước đây, vấn đề này ít được quan tâm, ngay cả trong Nghị quyết Đại hội VII của Đảng bộ Thành phố cũng chưa đặt ngang tầm với yêu cầu của cuộc sống. Với sự nỗ lực và đóng góp tích cực của các ngành, các cấp và của toàn xã hội, bằng nhiều phong trào quần chúng sâu rộng, "Năm trật tự, kỷ cương, nếp sống văn minh đô thị" mà Thành phố phát động đã tạo ra nhiều chuyển biến tích cực, trước hết là trong nhận thức của mỗi người dân và của toàn xã hội, đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong công tác quản lý đô thị. Các chương trình chống ùn tắc giao thông nội thị, chống lấn lòng lề đường, lập lại trật tự kỷ cương trong xây dựng, quản lý đất đai, cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh đô thị, v.v.. đã thu được những kết quả bước đầu, tạo ra những nếp nghĩ và hành động của người dân phù hợp dần với lối sống

văn minh đô thị. Rõ ràng là, với một thành phố lớn và đông dân, trình độ và hiệu quả quản lý đô thị là một trong những nhân tố có tính quyết định đến sự phát triển của tất cả các mặt hoạt động. Muốn quản lý đô thị tốt, phải thực hiện một loạt vấn đề: hoàn thiện hệ thống pháp chế, thể chế quản lý các lĩnh vực của đời sống đô thị; có quy hoạch hoàn chỉnh, có bộ máy quản lý phù hợp.

Trên chặng đường về đích, Thành phố còn phải đối mặt với biết bao khó khăn do thời gian qua chưa khắc phục được những yếu kém, hạn chế. Vấn đề *nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh*, bảo đảm sự *phát triển bền vững* vẫn đang là yêu cầu gay gắt. Để khẩu hiệu "Phải giành thắng lợi trong cạnh tranh và hội nhập" thành hiện thực, trước hết phải nâng cao chất lượng tăng trưởng, chất lượng sản phẩm. Thế mạnh cả về thị trường và khoa học - kỹ thuật vẫn chưa được phát huy đầy đủ. Chương trình phát triển sản phẩm các ngành chủ lực: cơ khí, điện tử viễn thông, công nghệ sinh học v.v., triển khai chậm và chưa phát huy đáng kể hiệu quả. Tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng một số ngành dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất, kinh doanh và dịch vụ cao cấp: vận tải, tài chính tiền tệ, giao dịch bất động sản, tư vấn, bảo hiểm... còn thấp, chưa góp phần tạo ra các ưu thế trong cạnh tranh. Trước nhu cầu khách quan của tiến trình hội nhập, còn khá phổ biến ở nhiều doanh nghiệp tính ỷ lại, thiếu năng động, sáng tạo, chưa chủ động tìm kiếm thị trường, đổi mới công nghệ.

Công tác quản lý đô thị vẫn tiếp tục bộc lộ sự bất cập từ việc quản lý thực hiện quy hoạch, quản lý các dự án, đến quản lý xây dựng, nhất là trình độ và phẩm chất của cán bộ chuyên môn chưa đáp ứng nhu cầu để vận hành một đô thị lớn và đông dân nhất nước. Mặc dù gần đây Thành phố đã huy động lực lượng các nhà khoa học tham gia, song cho

đến nay, đây vẫn là lĩnh vực còn nhiều bất ổn, gây nhiều lo ngại trong nhân dân và trong dư luận xã hội về năng lực quản lý, về hiệu quả của các giải pháp đã thực hiện.

Văn hóa - xã hội vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra khá gay gắt bởi những yếu kém lâu nay vẫn chưa được khắc phục: chất lượng giáo dục, điều kiện, môi trường sống, khám chữa bệnh; công tác quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa còn nhiều bất cập, nảy sinh nhiều tiêu cực; các tệ nạn xã hội tuy đã suy giảm song vẫn diễn biến rất phức tạp... luôn là nỗi lo canh cánh trong lòng mỗi người dân.

Nhiệm vụ phải hoàn thành trong hai năm cuối của kế hoạch 5 năm còn hết sức nặng nề. Năm 2004 là năm có tính quyết định đến thời gian và kết quả hoàn thành kế hoạch 5 năm. Chính vì vậy, năm 2004 đang đặt ra những yêu cầu rất cao cả về nhịp độ và chất lượng công việc, cả về chiều rộng lẫn chiều sâu của sự phát triển. Trong năm nay, phải phấn đấu tăng GDP gần 12% (ít nhất phải 11,5%, trong đó dịch vụ tăng 11,5%, công nghiệp tăng 15,5%, nông nghiệp tăng 6%); tạo việc làm mới cho 80 nghìn người, thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 47 000 tỉ đồng. Nếu đạt được những chỉ tiêu đó thì lộ trình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 sẽ hiện thực hơn và có điều kiện thuận lợi để xây dựng kế hoạch các năm tiếp theo. Để đạt được những chỉ tiêu trên đây, cần sự nỗ lực và phối hợp đồng bộ của mọi cấp, mọi ngành trên nhiều lĩnh vực và ngay từ những ngày đầu năm. Tiếp tục tập trung sức đột phá mạnh hơn nữa vào các ngành mũi nhọn; triển khai thực hiện 16 chương trình mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo đảm mỗi chương trình phải có đề án thực hiện trong năm 2004, tập trung sức mạnh cho Chương trình Sản xuất các sản phẩm chủ lực, tạo thế mạnh để giành thắng lợi trong cạnh tranh và hội nhập.

Công tác quản lý đô thị có tầm quan trọng đặc biệt bảo đảm cho sự phát triển bền vững, giải quyết hài hòa các lợi ích trước mắt và lâu dài, bộ phận và toàn cục, cá nhân và cộng đồng. Vì thế, cần tập trung nghiên cứu để tháo gỡ tình trạng bế tắc, yếu kém trong quản lý và hoàn thiện các định chế, thiết chế, các thành tố liên quan đến quản lý đô thị, tạo ra bước chuyển quan trọng nhằm nâng cao trình độ quản lý theo hướng văn minh hiện đại. Mô hình quản lý đô thị phải được xây dựng phù hợp với văn minh đô thị, được điều hành bởi hệ thống bộ máy chức năng có sự phân công rõ ràng. Mọi người phải dựa vào hệ thống chức năng của các cơ quan quản lý, các hoạt động của các tổ chức và cá nhân trong xã hội đô thị để sống và làm việc, không thể tùy tiện, vô tổ chức và cũng không thể lệ thuộc vào một cá nhân hay vài cá nhân nào. Ở đây, đòi hỏi mọi người, dù ở cương vị nào, cũng đều phải phát huy đầy đủ ý thức công dân của một xã hội dân sự có tổ chức cao. Có sự thống nhất trong nhận thức như vậy mới có thể tập trung sức lực giải quyết một số vấn đề cấp bách để tạo ra bước chuyển quan trọng về quản lý đô thị trong năm 2004 như: điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể, thực hiện nhanh quy hoạch chi tiết, đặc biệt là quy hoạch sử dụng đất; xây dựng các khu đô thị mới, các khu kinh tế, văn hóa; tiếp tục tấn công mạnh vào các vi phạm trật tự, kỷ cương đô thị; tăng cường quản lý dân cư, quản lý văn hóa và hoàn thiện các dịch vụ phục vụ đời sống của nhân dân ở đô thị; gắn công tác quản lý đô thị với thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ văn hóa - xã hội để tạo dựng một xã hội đô thị hiện đại, giàu bản sắc dân tộc, nâng cao mức sống và chất lượng sống cho người dân; xây dựng đời sống văn hóa đô thị.

Một trong những nhiệm vụ hết sức nặng nề được đặt ra trong năm 2004 là, tập trung nguồn lực để thực hiện có hiệu quả *Chương*

trình "3 giảm"; thực hiện thành công bước đầu *Đề án "Sau cai nghiện"* cho hàng ngàn người; tiếp tục đẩy lùi các tệ nạn xã hội, tạo ra môi trường sống ngày càng lành mạnh, kết hợp tăng cường các chương trình phát triển văn hóa xã hội theo lộ trình xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên mà Thành phố phải làm trong năm nay là nâng cao hiệu quả toàn diện, *phát huy vai trò vị trí đi đầu, vị trí trung tâm* của mình. Trước hết, tiếp tục mở rộng hợp tác kinh tế với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, các tỉnh, thành phố trong cả nước cũng như tăng cường các quan hệ hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả các mô hình, các dự án đang thực hiện, đồng thời chọn các mũi đột phá vào một số lĩnh vực chính có mối quan hệ đến sự phát triển lâu dài và có thể phát huy vai trò động lực của Thành phố như: phối hợp bố trí và xây dựng các khu công nghiệp; xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật về cầu đường để kết nối các khu kinh tế, các đô thị trong vùng; phối hợp giải quyết vấn đề môi trường, tạo điều kiện để phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân.

Bước sang năm thứ tư của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, năm thử thách quyết liệt mà kết quả sẽ cho thấy được sự "thành hay bại" của cuộc tiến quân về đích trong giai đoạn 5 năm đầu của thế kỷ mới. Với kinh nghiệm và bản lĩnh được tôi luyện, bồi đắp qua những năm tháng khó khăn, không coi thường những tai ương nghiệt ngã của thiên nhiên vẫn thường bất ngờ xảy ra, cùng những khó khăn, biến cố phức tạp của thời cuộc, với truyền thống và ý chí, với tri thức và trách nhiệm cao nhất, Đảng bộ và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang vững bước trên con đường xây dựng một thành phố văn minh, hiện đại, quyết tâm đến đích kịp và vượt thời gian. □

THEO báo cáo của Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam, đến nay cả nước ta đã có gần 120 000 doanh nghiệp có đăng ký thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó phụ nữ làm chủ chiếm khoảng 20% và 2,3 triệu hộ kinh doanh hoạt động trên tất cả các lĩnh vực. Doanh nghiệp Việt Nam đã góp phần tạo ra gần 51% tổng thu nhập quốc dân, trong đó khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa - nơi có lực lượng nữ tham gia đông đảo cả ở trên cương vị quản lý và lao động đã góp phần tạo ra hơn 30% giá trị GDP của cả nước và giải quyết hơn 30% tổng số lao động hằng năm.

Điều đáng tự hào là nữ doanh nhân Việt Nam, vẫn những người phụ nữ Việt Nam cần cù, chịu thương, chịu khó và có phần thụ động ấy trong cơ chế bao cấp ngày nào, nay bỗng vươn lên mạnh mẽ, tạo nên một bước bứt phá không ngờ trong “trận chiến” mới của thời kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập.

Từ chỗ chỉ có 20 sản phẩm năm 1991, doanh nghiệp của chị Mai Kiều Liên - Tổng Giám đốc Công ty sữa Việt Nam - đã phát triển tới 120 loại sản phẩm sữa năm 2002, trong đó các sản phẩm thuộc sáng kiến của chị chiếm một tỷ lệ áp đảo (90%). Doanh thu của Công ty sữa Việt Nam đạt 3 500 tỉ đồng/năm, tốc độ tăng trưởng cao trong sản xuất - kinh doanh và có tỷ suất lợi nhuận cao nhất ngành

công nghiệp, thu nhập của người lao động bình quân đạt 3,2 triệu đồng/tháng, hằng năm nộp thuế cho Nhà nước gần 500 tỉ đồng.

Công ty Bóng đèn Điện Quang do chị Hồ Thị Kim Thoa làm Tổng Giám đốc, sau 5 năm mở rộng thị trường xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu của Công ty đạt mức tăng trưởng xấp xỉ 20 lần. Đây là kết quả rất đáng tự

hào vì trước đó chưa có doanh nghiệp Việt Nam nào xuất khẩu được bóng đèn và ống thủy tinh.

Chị Trần Ngọc Sương, Anh hùng Lao động, Giám đốc nông trường Sông Hậu, người đoạt giải “Người phụ nữ ấn tượng 2002” Châu Á - Thái Bình Dương, đã có công biến vùng đất hoang hóa, chua phèn nặng trở thành đất lành của hơn 2 800 hộ gia đình với trên 10 000 lao động

và đưa nông trường trở thành mô hình kinh tế nông nghiệp mang tính xã hội điển hình của cả nước; được tỉnh Cần Thơ và Chính phủ chọn thành lập Khu Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Khởi sự doanh nghiệp là một bước đi đầy khó khăn, song giữ được và phát triển được doanh nghiệp quả là còn khó hơn nhiều. Điều này rất đúng với chị Phạm Thị Tổ - người đứng đầu một trong những cơ sở sản xuất kẹo dừa - một loại đặc sản nổi tiếng của quê hương đồng

Nữ doanh nhân Việt Nam THỜI KINH TẾ THỊ TRƯỜNG, MỞ CỬA VÀ HỘI NHẬP

PHẠM HẠNH SÂM *

* Phó Trưởng Ban Tuyên giáo, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

khởi Bến Tre. Trong 10 năm đầu tiên, cơ sở sản xuất kẹo dừa của chị thuộc loại doanh nghiệp nhỏ, vốn chỉ có 3 000 000 đồng. Đến nay, tổng doanh thu đạt 7 tỉ đồng, sản lượng đạt 6 000 tấn. Để đi lên, người phụ nữ xứ dừa dịu dàng ấy đã mạnh dạn trong đầu tư và sắp xếp lại sản xuất. Chị đã quyết định thay thế máy móc (như máy xay dừa, máy ép cốt, máy trộn nước hòa, nấu kẹo bằng hơi nước) vào một số công đoạn thủ công. Sản phẩm kẹo dừa đã vượt qua biên giới sang Lào, Căm-pu-chia, Thụy Điển, Mông Cổ, Ôt-xtrây-li-a và nhiều nhất là thị trường Trung Quốc. Chính tại thị trường Trung Quốc, sản phẩm kẹo dừa do doanh nghiệp của chị Tổ sản xuất đã thắng lợi trong việc giành lại thương hiệu vào cuối năm 1999, sau hai năm bị hàng giả lấn chiếm thị trường.

Bên cạnh những doanh nghiệp có tên tuổi trên các lĩnh vực được nhiều người biết đến, trong đội ngũ nữ doanh nhân Việt Nam đã xuất hiện những gương mặt mới mẻ. Các chị vốn không phải sinh ra để làm kinh doanh nhưng cũng vì cuộc sống gia đình và cộng đồng khó khăn mà vươn lên để vượt qua gian khó. Đó là các nữ giám đốc các doanh nghiệp tư nhân, giám đốc các công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã, những doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ... mà vốn liếng ban đầu rất ít ỏi. Chị Đinh Thị Sở, chủ doanh nghiệp sản xuất dép nhựa tái sinh Tân Quang, tỉnh Hưng Yên, có chồng là bệnh binh đã mất, con nhỏ, làm nghề nông, hoàn cảnh rất nghèo túng. Chị đã vay 50 000 đồng để mua chiếc xe đạp cũ và đi đổi kem lấy đồ phế liệu. Nay, chị đã trở thành người thu gom phế liệu và hiện đang là chủ một cơ sở sản xuất dép nhựa thu hút thường xuyên từ 40 đến 50 lao động, trong đó có cả các thanh niên chậm tiến vào làm việc. Từ năm 1999 đến nay, chị vừa trả hết nợ vay làm vốn ban đầu, vừa có vốn lưu động 600 triệu

đồng với một tài sản cố định gồm nhà xưởng, máy móc công cụ sản xuất, 2 xe ô-tô chở hàng và đã xây được căn nhà trưng bày sản phẩm trị giá hơn 1 tỉ đồng.

Để khôi phục lại nghề thêu ren truyền thống ở xã thuần nông Minh Lăng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, chị Nguyễn Thị Túy đã quyết định vào miền Nam để vừa học kỹ thuật thêu ren vừa tìm đối tác để ký hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Giờ đây, cơ sở thêu ren của chị được Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Công ty thêu Thành Tổ, với sản phẩm chủ yếu là hàng thêu trắng có đối tác nước ngoài là Nhật Bản và Hàn Quốc. Công ty Thành Tổ có 200 lao động, thu nhập bình quân từ 500 000 đến 600 000 đ/người/tháng. Hằng năm lợi nhuận của công ty đạt từ 25 đến 30 triệu đồng.

Dù ở các lĩnh vực, quy mô, hay loại hình khác nhau, có những doanh nghiệp doanh thu, lợi nhuận và mang lại thu nhập bình quân người lao động cao, có những doanh nghiệp doanh thu, lợi nhuận, thu nhập bình quân của người lao động còn thấp... nhưng đều có một điểm chung ở các nữ doanh nhân là tính năng động, sáng tạo. Các doanh nghiệp đều thu hút được nhiều lao động, nhất là lao động nữ, trong đó có cả người khuyết tật. Thu nhập của người lao động ở các doanh nghiệp đó đều ổn định, các chế độ bảo hiểm lao động, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, nghỉ mát, tham quan học tập, đào tạo nâng cao tay nghề, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động được thực hiện đầy đủ, chấp hành nghiêm pháp luật, chính sách của Nhà nước. Không chỉ làm tốt công việc kinh doanh mà các nữ doanh nhân còn làm tốt công tác nhân đạo, từ thiện, chính sách đối với thương binh - liệt sỹ, nuôi dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, giúp đỡ các hộ nghèo.

Để đạt được kết quả trong sản xuất kinh doanh, ngoài những nỗ lực của bản thân, nữ

doanh nhân Việt Nam đã được thụ hưởng những điều kiện thuận lợi căn bản. Điều này được thể hiện qua Luật Doanh nghiệp, Nghị định 90/NĐ-CP về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo, Chương trình Quốc gia về giải quyết việc làm... Cùng với chính sách mở cửa, các quan hệ kinh tế thương mại ngày càng mở rộng và hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, nhiều cơ hội kinh doanh được mở ra, tạo điều kiện phát triển cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngoài quốc doanh, trong đó có các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hoặc quản lý.

Về chủ quan, nữ doanh nhân Việt Nam có trình độ học vấn khá cao so với các nước trong khu vực có cùng mức thu nhập. Đặc biệt là chị em phát huy được truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam cần cù, chịu khó, tận trọng, nhạy cảm, sáng tạo và tiết kiệm.

Bên cạnh những thuận lợi căn bản, nữ doanh nhân Việt Nam vẫn gặp không ít khó khăn về vốn, mặt bằng sản xuất, môi trường kinh doanh, nhất là khả năng tiếp cận thông tin và kỹ năng quản lý kinh doanh chưa cao. Đội ngũ nữ doanh nhân và hiệp hội nữ doanh nhân chưa phát triển. Do thiên chức gia đình, phụ nữ thường gặp khó khăn hơn so với nam giới trong các lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực kinh doanh.

Quan tâm, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là trách nhiệm chung của cả xã hội, trong đó không thể thiếu vai trò của Hội Phụ nữ các cấp.

Tuy nhiên, là một tổ chức đoàn thể quần chúng, các hoạt động của Hội chủ yếu là khuyến khích, hỗ trợ giúp các doanh nghiệp do nữ làm chủ phát triển. Đó là các hoạt động tập trung vào các lĩnh vực cơ bản như hỗ trợ tín dụng, nâng cao nhận thức và xây dựng mạng

lưới doanh nghiệp. Bên cạnh tổ chức các lớp tập huấn, Hội đã tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại như các hội chợ, hội thảo, triển lãm trong và ngoài nước. Các cấp Hội cũng tích cực hợp tác với các tổ chức như Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh các hợp tác xã Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức các hội thảo nhằm chia sẻ kinh nghiệm giữa các nữ doanh nhân và để thúc đẩy đối thoại giữa các nữ chủ doanh nghiệp với các nhà hoạch định chính sách.

Hỗ trợ phát triển mạng lưới các doanh nghiệp do nữ làm chủ là một hoạt động cần thiết để giúp các nữ doanh nhân dễ dàng kết nối với nhau và kết nối với thị trường. Từ năm 1993, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã chỉ đạo và hỗ trợ bước đầu cho Hội Phụ nữ ở một số tỉnh, thành phố thành lập Câu lạc bộ doanh nhân nữ, như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng, Hải Phòng, Quảng Ninh... Đến cuối năm 2002, có 20 tỉnh, thành phố trong toàn quốc thành lập được 84 Câu lạc bộ với 2 861 thành viên. Đây là nơi các doanh nhân nữ trao đổi thông tin, sinh hoạt theo các chuyên đề mà họ quan tâm như thuế, thông tin thị trường, trao đổi kinh nghiệm, phối hợp làm ăn với các đối tác và các câu lạc bộ ở các địa phương khác.

Chính những hoạt động hỗ trợ của Hội đã giải quyết một phần khó khăn cho một bộ phận doanh nhân nữ trong kinh doanh. Hoạt động khá nổi bật của Hội Phụ nữ các cấp là hỗ trợ nữ chủ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn tín dụng và tài chính. Trong những năm qua, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tích cực khai thác các nguồn vốn trong và ngoài nước theo cơ chế tín chấp hoặc trực tiếp quản lý tạo điều kiện cho phụ nữ vay vốn để khởi sự và phát triển doanh nghiệp. Thông qua các dự án

quốc tế, nhất là vốn do Hội tín chấp từ Chương trình Quốc gia về giải quyết việc làm, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng phục vụ người nghèo, Ngân hàng Công thương... đã tạo điều kiện cho hàng trăm ngàn nữ chủ doanh nghiệp nhỏ và hộ gia đình được vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh với tổng số vốn hàng chục tỉ đồng. Chỉ riêng nguồn vốn Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm do Trung ương Hội trực tiếp quản lý từ năm 2000 tới nay tăng 13 tỉ đồng, nâng tổng số vốn vay lên 39,5 tỉ đồng. Nguồn vốn này trong 3 năm qua đã được tập trung cho vay tới các doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ do phụ nữ làm chủ, đầu tư cho sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao và tạo việc làm tại chỗ cho hàng trăm ngàn lao động nữ. Cùng với hỗ trợ vốn, chị em còn được huấn luyện, tư vấn, trao đổi kinh nghiệm làm ăn... nhằm giúp chị em quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để chị em phát triển doanh nghiệp.

Để hỗ trợ giúp nữ chủ doanh nghiệp vượt qua những khó khăn và thách thức trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, định hướng hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp do nữ làm chủ bao gồm các lĩnh vực sau:

- Tổ chức các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, diễn đàn... về phụ nữ với doanh nghiệp và lao động nữ trong các doanh nghiệp để có các kiến nghị, đề xuất với Nhà nước có chính sách cụ thể nhằm khuyến khích phụ nữ tham gia phát triển doanh nghiệp có hiệu quả, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đẩy mạnh phát triển mạng lưới tập hợp nữ chủ doanh nghiệp như câu lạc bộ, hiệp hội..., mô hình tư vấn doanh nghiệp và các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, tạo thuận lợi cho các nữ doanh nhân được tham gia hội chợ, giới thiệu sản phẩm, tham quan học hỏi trong

và ngoài nước. Mở rộng quan hệ với các nước nhằm trao đổi thông tin, kinh nghiệm và tìm kiếm bạn hàng.

- Đào tạo, tư vấn với mục tiêu nâng cao kiến thức, kỹ năng về khởi sự, quản lý và phát triển kinh doanh, đặc biệt là kiến thức về pháp luật, chuyên môn, nghề nghiệp, giới... cho nữ doanh nhân, trước hết là nữ doanh nhân trong các doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ.

- Tiếp cận tín dụng, mục tiêu nhằm tăng cường khả năng tiếp cận một cách thuận lợi và bình đẳng của nữ doanh nhân đối với các nguồn tín dụng.

- Tăng cường các hoạt động nhằm tạo điều kiện cho nữ chủ doanh nghiệp vừa làm tốt vai trò xã hội vừa làm tròn trách nhiệm gia đình nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong sản xuất kinh doanh: tổ chức các diễn đàn “Doanh nghiệp với công việc gia đình và xã hội”, “Bình đẳng giới trong sản xuất và kinh doanh”, “Phong trào nam giới chia sẻ công việc gia đình với phụ nữ”, “Doanh nghiệp với công việc gia đình ngày chủ nhật”, “Hội thi Kiến thức kinh doanh và Văn nghệ thời trang”...

Đó là những giải pháp sẽ được Hội Phụ nữ các cấp tiếp tục thực hiện trong thời gian tới, với hy vọng là sẽ hỗ trợ các nữ chủ doanh nghiệp được nhiều hơn. Tuy nhiên, về phía mình, các nữ chủ doanh nghiệp cần tự trang bị cho mình nhiều hơn những kiến thức và kỹ năng quản lý doanh nghiệp. Đó là kiến thức về luật pháp liên quan đến doanh nghiệp, thị trường, công nghệ, mẫu mã, văn hóa trong kinh doanh, kiến thức về khởi sự và phát triển doanh nghiệp. Chúng ta cũng rất kỳ vọng là, các nữ chủ doanh nghiệp ngoài công việc kinh doanh, luôn luôn quan tâm đến các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện, phát huy truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, góp phần bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội. □



BỆNH "PHONG"

ĐỖ MAI THÀNH

LỚP tôi chỉ có 21 anh em. Ra trường đã lâu, nhưng cũng thành cái lệ, anh em chúng tôi hẹn ước dù lý do nào, Tết đến đều hội tại nhà một người để gặp gỡ, thăm hỏi, giúp đỡ nhau theo tình bạn cũ. Tết này, như mọi năm, chúng tôi hẹn gặp ở nhà anh Bí thư chi đoàn lớp năm xưa. Gặp nhau, bạn bè chúng tôi ai nấy tít tít, tay bắt, mặt mừng. Sau những chén rượu nồng đầu Xuân mới, câu chuyện giữa chúng tôi nổ như pháo rang. Mọi người kể cho nhau nghe những điều mới mẻ, những niềm vui, nỗi buồn của cuộc sống. Nào là chuyện cậu B. vừa xây nhà 3 tầng, cô C. khao khát cậu quý tử nay đã được toại nguyện, cậu G. mới lên chức giám đốc.

Nhưng bao giờ cũng vậy, rôm rả nhất vẫn quay quanh chuyện thời cuộc,

công việc làm ăn. Chẳng giấu gì nhau, chúng tôi từng người kể một cách đại thể công việc làm ăn của mình trong năm qua. Đến L. - cậu bạn vốn tính "phối bò" như chúng tôi vẫn thường gọi hồi trước - nhanh nhẹn rút trong túi ra một tập phong bì vừa cười, vừa nói: Đây công việc của tớ đây. Đố cậu nào trong các cậu, ngoài lương, Tết còn có khoản này giống tớ. Nói rồi, L. rút từ trong từng phong bì cái thì 200 000 đ, cái thì 300 000 đ... và giải thích: Tớ làm công tác công đoàn thôi nhưng cứ tổng kết cuối năm là các đơn vị trong ngành đều phải mời chúng tớ đến dự để nắm tình hình hoạt động mà đã đến là tất nhiên phải có "phong bì". Các cậu xem bao nhiêu đơn vị là bấy nhiêu giấy mời. Theo dõi Công đoàn của Bộ, chúng tớ chỉ có vài người, thế là cứ chia nhau mà đi lĩnh.

Tất cả chúng tôi ngán người nghe L. nói. Rồi, mọi người bắt đầu rào rào lên tiếng xoay quanh chủ đề cái "phong bì".

- Như cậu được người ta mời, mà một năm cũng chỉ một lần chứ có thăm tháp vào đâu mà khoe. Minh thấy bây giờ đâu đâu cũng "phong bì". Chẳng hạn, như Công ty của mình đây, trước kia khi có lãnh đạo cấp trên xuống làm việc do công việc kinh doanh quá bận, phải giải quyết ngay, nhiều khi không có thời gian ngồi lâu tiếp lãnh đạo bữa cơm thân mật được nên mới nảy ra sáng kiến gửi các anh để tự lo hộ bữa trưa, mong các anh thông cảm. Thế nhưng lâu rồi thành lệ, mà thành lệ rồi thì lại có nhiều đoàn xuống kiểm tra, thăm hỏi và thích phong bì hơn là ăn uống rườm rà. Công ty mình làm ăn nghiêm chỉnh, làm gì cũng xin phép đảng hoàng tử tế, kinh doanh đúng pháp luật, ấy thế mà... G. nói trong sự đắn đo, hình như các đoàn xuống "kiểm tra" trở nên ngày càng chi chít hơn...

- Thế ăn thua gì - H. góp chuyện - một lần, tớ đi dự cuộc họp báo thấy, một cô phóng viên rất trẻ của một tờ báo đang chất vấn rất gay gắt với một cô khác cũng khoảng tầm cỡ tuổi đó trong ban tổ chức, làm nhiệm vụ phát "phong bì" cho khách mời. Mà câu chuyện có gì đâu, chỉ xoay quanh vấn đề tại sao chỉ phát có một "phong bì" mà lẽ ra phải phát 3 hay 4 cái vì đoàn của cô ta đi còn có cả người quay phim, người cầm đèn chiếu v.v. làm cô trong ban tổ chức không biết nói thế nào khi chỉ biết chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị của cấp trên quy định là mỗi báo chỉ mời một giấy mời vì kinh phí tổ chức hạn chế.

Một tiếng nói vang lên từ góc bàn của M. - anh chàng có tiếng là củ mì củ mì : - Thế còn chưa tệ bằng chuyện giấy mời đến dự họp một người mà 3 người kéo đến, lát szu 2 người rút, để lại một người dự đến cuối buổi. Còn chuyện tổ chức các cuộc hội thảo thì hầu như hội thảo nào cũng phải có "phong bì". Nếu không, chắc chắn hội thảo khó thành công vì không ít

đại biểu chỉ ngồi rán đến giờ giải lao, may ra thì hết buổi sáng... và sau đó, đánh bài... "chuồn". Có người đã phải thốt lên, thời buổi này muốn tổ chức hội thảo thành công thì chỉ có bằng cách kéo nhau ra "đảo xa" mới may ra toại nguyện. Còn chuyện kéo sang tỉnh khác hay thành phố khác để mong giữ chân đại biểu thì nhiều cơ quan vẫn không thoát nổi cái nạn ấy.

- Chuyện hội thảo phải có "phong bì" như đã trở thành "nếp" rồi. H. lại xen tiếp vào câu chuyện. Chẳng thế tớ được biết ở một Viện nghiên cứu khoa học nọ, cuộc thảo luận với phía nước ngoài chuyện ấy tự nhiên biến thành chuyện chính. Khi phía nước ngoài không chấp nhận đề xuất phát "phong bì" cho đại biểu đi dự hội thảo, bên phía Viện nọ nêu lý do rằng, đó là chuyện thường tình của người Việt Nam, là nét "văn hóa" của các cuộc hội thảo (!) Nếu không chấp nhận thì hội thảo khó đạt được kết quả như mong muốn. Mấy ông nước ngoài nghe mà "trố mắt" nhưng cũng phải gật gật đầu đồng ý.

Thôi, thôi, thế là rõ rồi - anh P, nguyên Bí thư Chi đoàn lớp, luôn được chúng tôi rất kính nể là người đàn anh - đứng dậy khua tay như để kết luận: Như vậy, chuyện "phong bì" thế là quá rõ. Nếu như Công ty của G. không bị người ta "mê" vì cái "phong bì" thì đã không thường xuyên bị sách nhiễu, lạm dụng; nếu ban tổ chức cuộc họp báo mà H. dự, những cuộc hội thảo mà M. nói không bao giờ phát "phong bì" cho khách mời thì chắc chắn sẽ lâm nạn lớn. Gay chưa? Nhưng có chữa được không? Các bạn có biết, ở quê mình mọi người đã hài hước gọi bệnh "phong bì" là bệnh gì không? Bệnh "phong". Đó là nói tắt của chữ phong bì, và cũng có nghĩa bóng. Nhưng dù là nghĩa bóng hay nghĩa đen thì đều là thứ bệnh cần phải được cứu chữa triệt để. Tứ chứng nan y: phong, lao, cổ, lậu ngày xưa, nay đã được chữa triệt ba bệnh, chỉ còn món "cổ", thì "phong" kia ta có sợ gì, nếu có quyết tâm? Cả bọn chúng tôi cùng cười. □



NHỮNG ĐÓNG GÓP LỚN CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG THẾ GIỚI

ĐỨC VƯỢNG *

1 - Trong lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã có ba tổ chức cách mạng ra đời: Quốc tế I (Liên minh Công nhân quốc tế) được thành lập năm 1864, do C. Mác đề xướng, trực tiếp viết bản "*Tuyên ngôn thành lập*" và là một trong những nhà lãnh đạo Liên minh này; Quốc tế II (Liên minh Quốc tế của các đảng xã hội và đảng cộng sản) ra đời năm 1889, do Ph. Ăng ghen chỉ đạo và Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản) thành lập năm 1919, do V.I. Lê-nin sáng lập.

Tháng 1-1919, tại Hội nghị của 8 đảng và nhóm cộng sản, V.I. Lê-nin kêu gọi các đảng cộng sản, các tổ chức xã hội chủ nghĩa thành lập Quốc tế Cộng sản. Từ ngày 2 đến 6-3-1919, tại Mát-xcơ-va, Đại hội thành lập (Đại hội I) Quốc tế Cộng sản với sự tham gia của 30 đảng cộng sản và nhóm cộng sản được tiến hành. Đây là lần đầu tiên trong hàng ngũ của tổ chức những người cộng sản có đại biểu của giai cấp công nhân một số nước thuộc địa ở phương Đông tham dự. Đại hội thông qua bản Tuyên ngôn "*Gửi giai cấp công nhân toàn thế giới*" kêu gọi giai cấp công nhân và nhân dân các dân tộc bị áp bức đấu tranh giành chính quyền.

Dưới sự lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản, phong trào cách mạng thế giới đã phát triển

manh mẽ, nhiều đảng cộng sản và đảng công nhân tiếp tục ra đời. Quốc tế Cộng sản đã trở thành trung tâm lãnh đạo cách mạng thế giới. Tính đến Đại hội VII (tháng 7-1935), Quốc tế Cộng sản đã có 76 đảng, trong số đó có Đảng Cộng sản Việt Nam. Hệ thống tổ chức của Quốc tế Cộng sản khá chặt chẽ, hoạt động theo Điều lệ. Nhiều ban, bộ được thành lập, trong đó có Bộ Phương Đông. Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội bầu, ấn định số Ủy viên Ban Chấp hành là 24 người. Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản lần lượt do G. Di-nô-vi-ép, N. Bu-kha-rin, G. Đê-mi-tơ-rốp đảm nhiệm. Đồng chí Lê Hồng Phong được Đại hội VII Quốc tế Cộng sản bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Quốc tế Cộng sản. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc từng là đại diện Quốc tế Cộng sản tại một số nước phương Đông.

Trong Chiến tranh thế giới thứ II, nhiệm vụ và hoạt động của các đảng cộng sản trở nên phức tạp hơn. Tuy điều kiện và hoàn cảnh của mỗi nước, mỗi đảng khác nhau, song các đảng cộng sản đều đã trưởng thành một bước, được củng cố thêm về tư tưởng và

* PGS.TS, Vụ trưởng, Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

tổ chức. Trước tình hình đó, những nhà lãnh đạo Quốc tế Cộng sản nhận định rằng, nếu tiếp tục duy trì sự lãnh đạo các đảng cộng sản từ một trung tâm duy nhất, thì sự lớn mạnh và tính độc lập tự chủ, sáng tạo của mỗi đảng cộng sản sẽ bị kìm hãm. Vì vậy, đến tháng 5-1943, căn cứ vào tình hình mới, và với sự tán thành của đa số các đảng cộng sản, Chủ tịch Đoàn Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đã thông qua Nghị quyết giải tán Quốc tế Cộng sản. Như vậy, tổ chức cách mạng này tồn tại được 24 năm, từ năm 1919 đến 1943. Trong suốt thời gian đó, Quốc tế Cộng sản đã tổ chức được 7 kỳ đại hội và đã có nhiều cống hiến lớn lao cho phong trào cách mạng thế giới.

Thứ nhất, Quốc tế Cộng sản đã mở ra thời kỳ đấu tranh mới không chỉ cho riêng giai cấp công nhân thế giới mà còn cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Khẩu hiệu mà C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ đưa ra: "Vô sản thế giới đoàn kết lại!" đã được V.I. Lê-nin phát triển lên thành khẩu hiệu: "Vô sản thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!". Khẩu hiệu của V.I. Lê-nin trở thành tiêu điểm cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển. Như một luồng gió mới thổi vào phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, khẩu hiệu này làm bùng lên ngọn lửa cách mạng lan tỏa khắp nơi. Đây là cống hiến lớn nhất của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng thế giới.

Thứ hai, Quốc tế Cộng sản đã mở rộng phạm vi hoạt động của mình bằng việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin ra toàn thế giới, đấu tranh không mệt mỏi chống lại một số nguy cơ nảy sinh trong phong trào cộng sản và phong trào công nhân quốc tế, như bệnh ấu trĩ "tả khuynh" và bệnh cơ hội hữu

khuyh. Trung tâm tổ chức và lý luận quốc tế này đã đề ra và tổ chức thực hiện có hiệu quả những chiến lược, sách lược cách mạng; xác định phương hướng cho các đảng cộng sản và đảng công nhân giải quyết đúng đắn vấn đề chiến tranh và hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa phát xít, cách mạng vô sản thế giới, phong trào giải phóng dân tộc, xây dựng đảng cộng sản, mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn của mỗi đảng. Định hướng lý luận đúng đắn của Quốc tế Cộng sản nhằm nâng cao sự trưởng thành về chính trị - tư tưởng của phong trào cộng sản và phong trào công nhân. Ở giai đoạn đầu, dưới sự chỉ đạo của V.I. Lê-nin, Quốc tế Cộng sản đã tích cực trang bị cho các đảng cộng sản mới ra đời những kinh nghiệm giải quyết các vấn đề về quan hệ giữa đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc. Đúng như cố Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đánh giá: "Với uy tín hết sức cao của V.I. Lê-nin, Quốc tế Cộng sản đã thông qua các nghị quyết trên cơ sở tập trung dân chủ. Đại diện của tất cả các đảng cộng sản và đảng công nhân có quyền phát biểu tự do, trao đổi ý kiến của mình trong bầu không khí sôi nổi đặc biệt"⁽¹⁾.

Thứ ba, Quốc tế Cộng sản đã có những nỗ lực trong việc thành lập thêm các đảng cộng sản và đảng công nhân. Vào những thập niên đầu của thế kỷ XX, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đã dấy lên ở nhiều nước, nhưng do phong trào này chưa có đảng cộng sản lãnh đạo, nên những cuộc đấu tranh đó chỉ mang tính tự phát và hầu như không giành được thắng lợi. Trước tình hình đó, Quốc tế Cộng sản đã cử phái viên tới các nước đó nắm tình hình, gặp gỡ những phân

(1) Tạp chí *Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội*, số 1-1990, tr 82

tử tiên tiến, giúp giai cấp công nhân nước đó thành lập đảng cộng sản bằng nhiều hình thức khác nhau, như thống nhất các nhóm cộng sản lẻ tẻ, thu hút các đại diện cánh tả của các đảng xã hội, đảng dân chủ vào hàng ngũ những người cộng sản...

Thứ tư, Quốc tế Cộng sản đã ra sức ủng hộ phong trào đấu tranh của công nhân ở các nước tư bản và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc tại các nước thuộc địa, nửa thuộc địa. Cứ mỗi lần, trong các nước khác nhau nổ ra cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đều ra lời tuyên bố ủng hộ, đồng thời kêu gọi sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần cho những cuộc đấu tranh đó. Những Đề cương của V.I. Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa được Đại hội II Quốc tế Cộng sản thông qua, đã trở thành nền tảng tư tưởng trong chiến lược và sách lược của Quốc tế Cộng sản đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Thứ năm, Quốc tế Cộng sản đã có những cống hiến to lớn trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, giành ngọn cờ hòa bình cho các dân tộc. Năm 1922, khi chủ nghĩa phát xít mới xuất hiện, Quốc tế Cộng sản đã vạch cho nhân dân thế giới thấy rõ nguy cơ và bản chất xâm lược của nó; đồng thời, tuyên bố ủng hộ tích cực cho cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa phát xít, giành độc lập dân tộc, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thời gian này, Quốc tế Cộng sản đã giúp các đảng cộng sản thành lập mặt trận nhân dân chống phát xít, dành sự ủng hộ to lớn về tinh thần và vật chất cho những nạn nhân của cuộc chiến tranh do chủ nghĩa phát xít gây ra; chỉ đạo thành lập các đội quân quốc tế giúp các nước bị xâm lược...

Bên cạnh những cống hiến lớn lao trên, trong hoạt động của mình, Quốc tế Cộng sản cũng còn một số hạn chế:

Một là, trong quá trình chỉ đạo hoạt động của các đảng cộng sản - những thành viên của mình - Quốc tế Cộng sản chưa chú ý đúng mức đến những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của các nước khác nhau, nhưng lại đòi hỏi các đảng cộng sản phải khuôn theo một nghị quyết, chỉ thị, quyết định chung. Vì vậy, trên thực tế, đã làm nảy sinh không ít mâu thuẫn khó giải quyết, thậm chí dẫn đến sự tổn thất.

Hai là, Quốc tế Cộng sản từng có đánh giá không chính xác về triển vọng của cách mạng thế giới theo tinh thần lạc quan thiếu căn cứ. Trong một bài viết đăng trên tạp chí *Quốc tế Cộng sản* số 1, Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, G. Di-nô-vi-ép tuyên bố: "Thắng lợi cuối cùng của phong trào cộng sản và phong trào công nhân quốc tế sẽ vào những tháng tới, thậm chí trong tuần tới". Ông còn viết: "Phong trào diễn ra nhanh đến chóng mặt, khiến chúng ta có thể nói một cách đầy tin tưởng rằng, qua một năm nữa, toàn châu Âu sẽ là châu Âu cộng sản". Văn kiện Đại hội VI của Quốc tế Cộng sản (năm 1928) đánh giá châu Âu đang bước vào thời kỳ cao trào cách mạng mới. Sự đánh giá quá lạc quan này đã làm cho Quốc tế Cộng sản rơi vào "tả" khuynh.

Ba là, Quốc tế Cộng sản đã đánh giá không hết khả năng tự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản cũng như những ảnh hưởng của trào lưu xã hội - dân chủ trong phong trào công nhân. Sự đánh giá này dẫn đến chủ quan duy ý chí, tạo sơ hở cho trào lưu xã hội - dân chủ phát triển.

Bốn là, hoạt động của Quốc tế Cộng sản rơi vào tập trung hóa cao độ, nhất là từ cuối

những năm 20 của thế kỷ XX. Có lúc quan hệ giữa Đảng Cộng sản Liên Xô với các đảng cộng sản khác thuộc Quốc tế Cộng sản là quan hệ giữa lãnh đạo và bị lãnh đạo. Tính dân chủ đã mất dần trong Quốc tế Cộng sản. Một số phái viên được Quốc tế Cộng sản ủy quyền theo dõi đảng cộng sản ở các nước đã hành động như những thanh tra đứng trên đảng cộng sản nước đó. Họ không nắm được đặc điểm dân tộc, tâm lý người dân nước mình đến công tác, lại áp dụng cách tiếp cận dập khuôn, giáo điều trong việc thực hiện các nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, nên đã gây ra những tổn thất nghiêm trọng cho phong trào cách mạng nước đó.

2 - Sau khi Quốc tế Cộng sản giải tán, một số đảng cộng sản được Quốc tế Cộng sản tôi luyện, đã tỏ rõ sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, hoạt động mang tính độc lập kết hợp với sự liên kết cách mạng quốc tế, đã lãnh đạo thành công phong trào cách mạng của nước mình, tiến lên phá bỏ chế độ thực dân, phong kiến, xây dựng chính quyền nhân dân. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới xuất hiện với tư cách là người giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động thế giới và đã trở thành lực lượng hùng mạnh làm chao đảo cả hệ thống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc. Cán cân chính trị thế giới từng nghiêng hẳn về hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên vào những năm 90 của thế kỷ XX, do nhiều nguyên nhân khác nhau, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bị sụp đổ, chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng thế giới lâm vào thoái trào. Nhưng thực tế cho thấy, chủ nghĩa xã hội ở Cu Ba, Việt Nam, Trung Quốc... vẫn đứng vững và phát triển, tỏ rõ sức sống của mình. Bất chấp sự bao vây, cấm vận của đế quốc

Mỹ, nước Cu Ba xã hội chủ nghĩa vẫn vững vàng, hiên ngang, kinh tế, xã hội đều phát triển. Gần đây, nhiều tờ báo trên thế giới tổng kết tình hình quốc tế đều bình luận rằng, có hai nước tăng trưởng kinh tế nhất, nhì thế giới lại là hai nước xã hội chủ nghĩa: Trung Quốc tăng hơn 9%, Việt Nam tăng hơn 7%. Một tờ báo của Anh viết bài về Trung Quốc, luận rằng: "Xin hãy để cho Trung Quốc ngủ yên, vì nếu thức dậy, đất nước này sẽ làm rung chuyển thế giới". Với Việt Nam, báo chí Pháp bình luận: "Năm 2003 là năm thứ ba, Việt Nam liên tiếp đạt mức tăng trưởng cao nhất tại khu vực ASEAN (+7%). Hà Nội, một thành phố buồn tẻ trước đây, đã trở thành một thủ đô náo nhiệt, không thua bất kỳ một thành phố châu Á nào khác". Trung Quốc đang vận hành nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Việt Nam đang vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc tìm ra cơ chế vận hành nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là bước đột phá lý luận của hai Đảng và hai Nhà nước, bước vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của mỗi nước. Trong cuộc hành trình gian nan của chủ nghĩa xã hội, cuối cùng, một số nước xã hội chủ nghĩa còn lại cũng đã tìm được đường đi mới đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển của nhân loại và phù hợp với sự phát triển của dân tộc mình.

Hiện nay Chủ nghĩa xã hội thế giới đang lâm vào thoái trào, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang gặp rất nhiều khó khăn. Tuy vậy, thời gian gần đây một số Đảng cộng sản đã bắt đầu được phục hồi. Tại châu Âu, nhất là ở những nước Tây Âu, phong trào công nhân đang có những diễn biến theo hình thức công liên với mô hình xã

hội - dân chủ. Tại một số nước ở châu Âu và khu vực Mỹ La-tinh đang xuất hiện các phong trào xã hội mới đòi cải cách xã hội, cải cách dân chủ. Tuy chưa phải là phong trào do những người cộng sản chủ trương, nhưng nó cũng không ngả vào lòng các trào lưu xã hội - dân chủ. Vì vậy, cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc phải liên kết, thu hút các phong trào xã hội mới với tư cách là những đồng minh của mình.

Hiện nay ở Việt Nam, hai giai cấp cơ bản của cách mạng là công nhân và nông dân vẫn đang từng bước trưởng thành, cùng với đội ngũ trí thức đã và đang tạo ra sức mạnh mới. Vấn đề đặt ra hiện nay là, phải tiếp tục chú trọng xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh. Người công nhân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải có trình độ chuyên môn giỏi, tay nghề cao, có văn hóa, kiến thức. Để nâng cao mức sống của công nhân, nông dân, nhân dân lao động và tạo ra được những động lực mới có tính đột phá trong việc khắc phục những hạn chế, giải quyết những vấn đề bức xúc đang có nguy cơ làm yếu đi khối đại đoàn kết toàn dân tộc, suy giảm lòng tin của nhân dân, chúng ta phải phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế, tạo việc làm cho công nhân; phấn đấu thu hẹp khoảng cách giàu nghèo; tăng các hoạt động phúc lợi công cộng; động viên đội ngũ trí thức gắn chặt hơn nữa với công - nông, cùng công - nông phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới; xây dựng mối liên hệ Đảng - Nhà nước - nhân dân ngày càng gắn bó; hoàn chỉnh các chính sách phát triển nguồn nhân lực, sử dụng lao động và giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, trọng dụng nhân tài, phân phối bảo đảm công bằng, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, ưu đãi, chính sách đất đai...

Thế giới đang đứng trước những biến đổi phức tạp và những thách thức mới. Chủ nghĩa bá quyền của các thế lực đế quốc hiếu chiến và chủ nghĩa khủng bố đang là mối đe dọa chung, làm cho cuộc đấu tranh dân tộc phải đương đầu với nhiều khó khăn và nguy cơ. Hy vọng rằng, làn sóng đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc trên thế giới sẽ lại phát triển mạnh mẽ, tạo động lực mới cho sự phát triển của phong trào, từng bước đi tới giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, điều mà V.I. Lê-nin và Quốc tế Cộng sản hằng mong ước.

Trong tác phẩm nổi tiếng *Đường cách mệnh* do đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết cách đây 77 năm, Người đã dành hẳn 6 Mục, từ Mục 7 đến 12 để trình bày một cách hệ thống về "Đệ tam Quốc tế". Người viết: "Đệ tam Quốc tế là một Đảng Cộng sản thế giới", "Đệ tam Quốc tế chủ trương đập đổ tư bản, làm thế giới cách mệnh", "Đệ tam Quốc tế giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa", "An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam Quốc tế".

Tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, trong phiên họp ngày 10-8-1935, với tư cách Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương, Tổng Bí thư Lê Hồng Phong đã phát biểu trong Hội nghị toàn thể lần thứ 11 của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản: "Đảng chúng tôi được kết nạp vào hàng ngũ của Quốc tế Cộng sản. Như vậy là bộ tham mưu Đảng quốc tế của giai cấp vô sản thừa nhận chúng tôi xứng đáng có thể đứng trong khối đại đoàn kết của những người bên-sơ-vích toàn thế giới"⁽²⁾.

Mối liên hệ bền chặt giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với Quốc tế Cộng sản đã được lịch sử chứng minh. □

(2) Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, t 5, tr 315-316

BÌNH ĐẲNG GIỚI - cuộc đấu tranh lâu dài của nhân loại

VŨ CÔNG GIAO *

Bình đẳng giới - từ hình thức đến thực chất

Bình đẳng giới là một nguyên tắc chỉ đạo của phong trào nữ quyền từ mấy chục năm qua. Mặc dù vậy, không phải lúc nào, ở đâu cũng có một cách hiểu thống nhất về vấn đề này. Ít nhất đã và đang tồn tại ba quan niệm khác nhau về bình đẳng giới.

Theo quan niệm *thứ nhất*, đàn ông hay phụ nữ đều là những con người. Bởi vậy, xét về hình thức, họ đều là những chủ thể bình đẳng trong các quan hệ pháp luật, có các quyền và nghĩa vụ pháp lý ngang bằng. Quan niệm này chứa đựng tư tưởng rất tiến bộ. Tuy nhiên, trên thực tế, nó vẫn dẫn đến sự bất bình đẳng nam nữ, nhất là sự bóc lột về kinh tế đối với phụ nữ. Sự yếu thế và chịu gánh nặng về sinh sản và nuôi con, phụ nữ phải chịu thiệt thòi rất lớn so với đàn ông trên mọi lĩnh vực, song không phải ở nước nào họ cũng được dư luận quan tâm và pháp luật bảo vệ. Về quyền bình đẳng hình thức giữa nam và nữ trong pháp luật tư sản, Ph. Ăng-ghen đã từng nhấn mạnh rằng, pháp luật tư sản chưa có những chế định để giải quyết cái mâu thuẫn mà "... khiến cho người đàn bà nếu làm tròn bốn phận phục vụ riêng cho gia đình, lại phải đứng ngoài nền sản xuất xã hội và không thể có được

một thu nhập nào cả; và nếu họ muốn tham gia vào lao động xã hội và kiếm sống một cách độc lập, thì họ lại không có điều kiện để làm tròn nhiệm vụ gia đình"⁽¹⁾. Kết cục là, dưới xã hội tư bản chủ nghĩa, "... trong phần lớn các trường hợp, người chồng phải kiếm tiền, phải là người nuôi dưỡng gia đình... và điều đó mang lại cho người đàn ông một địa vị thống trị mà không cần phải có một đặc quyền pháp luật nào cả" ⁽²⁾.

Theo quan điểm *thứ hai*, bởi phụ nữ yếu hơn đàn ông về thể chất nên để thực hiện bình đẳng giới cần "miễn" cho phụ nữ tham gia vào một số lĩnh vực được coi là không thích hợp với đặc trưng của họ. Về hình thức, quan điểm này dường như là "bênh vực" phụ nữ, nhưng xét bản chất, đó chính là sự hạn chế được trả hình về các quyền và cơ hội phát triển của phụ nữ. Trên thực tế, quan điểm này đã thừa nhận sự bất bình đẳng với phụ nữ là "hợp lý", xuất phát từ đặc thù giới tính của họ; và cho rằng, bởi nó là hợp lý nên phụ nữ cần cam chịu sự áp bức của đàn ông. Rõ ràng, có một sự lẫn lộn về lô-gích trong cách tiếp cận này. Bởi lẽ sự

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1), (2) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 21, tr 115, 116

bất bình đẳng tự thân không gây ra sự áp bức mà chính sự áp bức mới là thủ phạm của tình trạng bất bình đẳng. Bàn về mối quan hệ bất bình đẳng giữa nam và nữ, Ph. Ăng-ghe-nh khẳng định: "Tình trạng không bình quyền giữa đôi bên, *do những quan hệ xã hội trước kia để lại cho chúng ta*, tuyệt nhiên không phải là nguyên nhân, mà là kết quả của việc áp bức đàn bà về mặt kinh tế" ⁽³⁾.

Quan điểm *thứ ba* cũng thừa nhận sự yếu thế của phụ nữ, tuy nhiên không coi đó là cơ sở để đặt phụ nữ vào địa vị phụ thuộc nam giới mà ngược lại, là để đưa phụ nữ thoát khỏi tình trạng tồi tệ ấy. Bởi vậy, đồng thời với việc quy định những quyền và nghĩa vụ chung cho cả nam và nữ, nó còn xác định những đặc quyền chỉ áp dụng cho phụ nữ, nhằm bù đắp cho phụ nữ những thiệt thòi, đặt họ vào vị trí xuất phát ngang bằng với đàn ông trong các quan hệ xã hội, bảo đảm cho họ có thể tiếp nhận các cơ hội và hưởng thụ các quyền một cách bình đẳng trên thực chất như nam giới.

Từ bình đẳng hình thức tới bình đẳng thực chất là một quá trình phát triển trong nhận thức về vấn đề bình đẳng giới của nhân loại. Và nhân loại phải mất một thời gian khá dài mới đi tới nhận thức đúng đắn về vấn đề tương chừng giản đơn này. Đến khi Liên hợp quốc thông qua Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) vào năm 1979 thì cách tiếp cận bình đẳng giới thực chất mới thực sự trở thành phổ biến trên thế giới.

Bình đẳng giới trong thế kỷ XXI - những thuận lợi và thách thức

Để đánh giá đúng những thuận lợi và thách thức trong cuộc đấu tranh vì bình đẳng giới của nhân loại trong thế kỷ XXI,

cần xem xét những thành tựu và hạn chế về vấn đề này trong thế kỷ XX, đặc biệt là trên những lĩnh vực sau:

- *Trên lĩnh vực kinh tế*: Vào những thập niên cuối của thế kỷ XX, nhân loại đã nhận thức được rằng, bình đẳng giới là một trong những yếu tố có tầm quan trọng quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Từ nhận thức này, các tổ chức quốc tế ngày càng quan tâm đến việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào chiến lược hành động và các chương trình hỗ trợ phát triển. Nhiều chính phủ cũng có những nỗ lực lớn để lồng ghép vấn đề giới vào các chính sách và chương trình kinh tế, xã hội, tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận bình đẳng với các cơ hội kinh tế. Nhiều sáng kiến đã được đưa ra nhằm thúc đẩy các cơ hội về việc làm, tăng thu nhập cho phụ nữ. Nhờ vậy, sự tham gia của phụ nữ vào thị trường lao động và mức độ tự chủ trong hoạt động kinh tế của phụ nữ ngày càng tăng. Phụ nữ ngày càng được hưởng lợi ích nhiều hơn từ những chương trình phát triển kinh tế, xã hội ở các nước.

Tuy vậy, bước sang thế kỷ XXI, phụ nữ vẫn còn chiếm tới 70% số người nghèo trên trái đất. Tình trạng bất bình đẳng nam nữ trong lĩnh vực kinh tế vẫn còn phổ biến trên thế giới, nhất là việc làm, hưởng lương, cơ hội thăng tiến trong lao động, cơ hội tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng hay tình trạng phụ nữ phải làm những công việc nội trợ nặng nhọc nhưng không được tính tiền lương... Tính trung bình trên thế giới, hiện nay thu nhập của phụ nữ chỉ bằng 75% của nam giới. Ở hầu hết các xã hội, phụ nữ vẫn

(3) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nh: *Sđd*, t 21, tr 116

thuộc về những đối tượng được tuyển dụng sau cùng và bị sa thải đầu tiên. Những bất bình đẳng này có xu hướng ngày càng nặng nề thêm do sự tác động của các yếu tố như toàn cầu hóa, nạn thất nghiệp, tình trạng kém phát triển, gánh nợ nước ngoài khổng lồ của nhiều quốc gia, việc chạy đua vũ trang, lệnh cấm vận ngang ngược và vô nhân đạo của một số nước phương Tây, sự thất hứa của các nước giàu trong việc cung cấp viện trợ phát triển cũng như sự bất bình đẳng trong trật tự kinh tế thế giới mà phần thiệt hại nghiêng về phía các nước nghèo...

- *Trên lĩnh vực chính trị:* Nửa cuối thế kỷ XX là thời gian đánh dấu những thành tựu vượt bậc của nhân loại tiến bộ trong việc bảo đảm quyền bình đẳng về chính trị cho phụ nữ. Một loạt điều ước quốc tế liên quan đến vấn đề này đã được ban hành, trong đó có một công ước riêng về quyền chính trị cho phụ nữ ra đời năm 1952. Tầm quan trọng của việc bảo đảm cho phụ nữ được tham gia đầy đủ và bình đẳng với nam giới vào các quá trình ra quyết định ngày càng được cộng đồng quốc tế thừa nhận. Nhiều quốc gia đã đưa ra những chính sách kiên quyết và tích cực, với những mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể, để tạo lập và thúc đẩy các cơ hội tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội cho phụ nữ. Các cơ chế bảo đảm quyền bình đẳng về chính trị cho phụ nữ được phát triển nhanh chóng, cả ở cấp độ quốc gia và quốc tế.

Tuy nhiên, vào đầu thế kỷ XXI, sự bình đẳng giới trên lĩnh vực này vẫn mới chỉ nằm trong những cam kết bằng văn bản. Giữa những mục tiêu và thực tế bảo đảm quyền bình đẳng về chính trị cho phụ nữ vẫn còn một khoảng cách rất xa. So với nam giới, tỷ lệ phụ nữ giữ các vị trí ra quyết định, cả ở

cấp độ quốc gia và quốc tế, vẫn còn rất thấp và trong mấy chục năm gần đây hầu như chưa có chuyển biến đáng kể. Hiện tại, mới chỉ có hơn 1/3 số nước trên thế giới có phụ nữ được tham gia nội các, tỷ lệ phụ nữ giữ cương vị lãnh đạo cao trong các tổ chức xã hội quốc gia và quốc tế chỉ chiếm chưa đến 5%... Tại nhiều nước, những định kiến về vai trò giới của phụ nữ vẫn tồn tại rất nặng nề, tiếp tục đẩy phụ nữ vào công việc nội trợ và cản trở họ tham gia các hoạt động chính trị. Những sáng kiến và chương trình thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào các quá trình ra quyết định ở các quốc gia có kết quả vẫn rất hạn chế bởi rất nhiều yếu tố: nhận thức không đầy đủ của cộng đồng về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phụ nữ được tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội; sự ích kỷ và thiếu trách nhiệm của nam giới cũng như của nhiều đảng phái chính trị trong việc bảo đảm quyền bình đẳng cho phụ nữ trên lĩnh vực này; thiếu sự đối thoại và phối hợp giữa các chính phủ và các tổ chức xã hội của phụ nữ; thiếu những nguồn hỗ trợ nâng cao năng lực cho phụ nữ và tuyên truyền về quyền bình đẳng nam nữ về chính trị...

- *Trên lĩnh vực văn hóa, xã hội:* Trong thế kỷ XX, quyền được giáo dục của phụ nữ đã được khẳng định một cách vững chắc. Sự tham gia của phụ nữ vào lĩnh vực giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp đã trở nên phổ biến trên thế giới - điều mà trong những thế kỷ trước đó không tồn tại. Đến cuối thế kỷ XX, nhân loại đã nhận thức được rằng, giáo dục là một trong những biện pháp quan trọng nhất để thực hiện bình đẳng giới, thúc đẩy vị thế và các quyền con người cho phụ nữ. Bởi vậy, nhiều quốc gia đã có những cam kết mạnh mẽ và phân bổ những nguồn lực đáng kể để xây dựng những cơ sở vật chất -

kỹ thuật nhằm bảo đảm quyền được học tập của tất cả phụ nữ và trẻ em gái; đồng thời, đã nỗ lực xóa bỏ những định kiến truyền thống bất lợi với phụ nữ ở lĩnh vực này.

Cũng trong thế kỷ XX, nhân loại đã nhận thức rõ sự cần thiết phải quan tâm đặc biệt đến việc chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ. Các tổ chức quốc tế phát động nhiều chương trình nhằm hỗ trợ các chính phủ và cộng đồng cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ. Nhiều chính phủ có những nỗ lực đáng kể và thường xuyên để phòng chống, giảm tỷ lệ tử vong ở phụ nữ và trẻ em gái trong quá trình mang thai, sinh con cũng như do các bệnh thông thường. Đặc biệt, nhân loại ngày càng quan tâm hơn đến những vấn đề có liên quan mật thiết đến thiên chức làm vợ, làm mẹ của phụ nữ, như nâng cao sức khỏe giới tính và sức khỏe sinh sản cho phụ nữ; bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái trước đại dịch HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của nam giới trong vấn đề kế hoạch hóa gia đình cũng như chia sẻ vai trò tái sản xuất với phụ nữ...

Tuy nhiên, bước sang thế kỷ XXI, vẫn còn những trở ngại lớn đối với việc bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trên các lĩnh vực giáo dục, y tế. Ở hầu hết các nước, ảnh hưởng của những định kiến có tính chất phân biệt đối xử với phụ nữ trong giáo dục vẫn còn rất nặng nề. Sự chuyển đổi cơ chế kinh tế với việc xóa bỏ bao cấp trong giáo dục ở một số nước đã tác động nghiêm trọng đến cơ hội tiếp cận với giáo dục của phụ nữ và trẻ em gái... Những điều đó khiến cho tình trạng bất bình đẳng nam, nữ trong giáo dục trên thế giới vẫn còn rất sâu sắc. Hiện tại, 2/3 trong số gần một tỉ người mù

chữ trên thế giới là phụ nữ, 3/5 trong số hơn 100 triệu trẻ em ở các nước đang phát triển không được đến trường là trẻ em gái. Tỷ lệ nam giới trong độ tuổi 15 đến 24 ở các nước đang phát triển biết chữ là 80%, trong khi tỷ lệ tương ứng của nữ giới chỉ là 60%...

Về y tế, do đặc thù giới tính và thiên chức làm mẹ, lẽ ra phụ nữ cần phải được ưu tiên so với đàn ông trong vấn đề chăm sóc sức khỏe, nhưng thực tế trên thế giới hiện nay đang ngược lại. Việc xóa bỏ bao cấp trong lĩnh vực này ở nhiều quốc gia đã tác động nghiêm trọng đến việc bảo đảm quyền được chăm sóc sức khỏe của phụ nữ. Chiếm đa số trong lớp người nghèo và thu nhập thấp, phụ nữ không được hưởng những điều kiện y tế như nam giới, nhất là khi chăm sóc sức khỏe là một hình thức dịch vụ phải trả tiền trong bối cảnh kinh tế thị trường. Bởi vậy, tỷ lệ tử vong của phụ nữ và trẻ em gái do các bệnh thông thường, các bệnh có liên quan đến sinh nở ở một số khu vực trên thế giới còn rất cao. Tình trạng lây lan HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục ở phụ nữ tại một số khu vực đã lên đến mức báo động. Hiện tại, mỗi năm trên thế giới có khoảng nửa triệu phụ nữ bị chết vì nguyên nhân mang thai và sinh con. Nếu năm 1997, tỷ lệ phụ nữ bị nhiễm HIV/AIDS trên thế giới chỉ chiếm 47% thì đến cuối năm 2002, con số đó đã là 50%. Tại một số nước, nguy cơ bị nhiễm HIV ở phụ nữ cao gấp từ 4 đến 6 lần so với đàn ông...

Như vậy, có thể thấy rằng, trên lĩnh vực bình đẳng giới, trong thế kỷ XXI, bên cạnh những thuận lợi, cộng đồng quốc tế vẫn phải đương đầu với những thách thức rất to lớn. Để đạt được mục tiêu bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực, nhân loại sẽ còn phải trải qua một cuộc đấu tranh gian khổ, lâu dài.

Việt Nam hướng tới sự bình đẳng nam nữ thực sự

Bình đẳng nam nữ là một trong những mục tiêu cơ bản được đặt ra trong văn kiện đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngay sau khi đất nước giành được độc lập, cùng với quyền bình đẳng giữa các dân tộc, các tầng lớp, thành phần, quyền bình đẳng nam nữ đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1946, thể hiện quyết tâm và bản chất ưu việt của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong cuộc đấu tranh xóa bỏ những áp bức, bất công trong xã hội.

Hơn nửa thế kỷ qua, một hệ thống chính sách và quy định pháp luật liên quan đến vấn đề này đã được xây dựng, tạo nền tảng pháp lý vững chắc bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ được thực hiện trên thực tế. Nhà nước Việt Nam cũng tích cực tham gia những điều ước và sự kiện quốc tế trên lĩnh vực này, trong đó nổi bật là Công ước CEDAW và các hội nghị thế giới về phụ nữ.

Kể từ khi đổi mới, vấn đề bình đẳng nam nữ càng được Đảng và Nhà nước quan tâm. Hệ thống chính sách, pháp luật về quyền bình đẳng của phụ nữ liên tục được sửa đổi, bổ sung, bảo đảm sự phù hợp ở mức độ cao với các quy định pháp luật quốc tế có liên quan. Bởi vậy, địa vị của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội ngày càng được củng cố và nâng cao. Từ vị thế phụ thuộc vào đàn ông và bị trói buộc trong công việc nội trợ gia đình dưới chế độ xã hội thực dân nửa phong kiến, ngày nay phụ nữ Việt Nam không chỉ tham gia mà còn đóng vai trò không thể thiếu trong nhiều lĩnh vực như giáo dục, y tế, nông nghiệp, công nghiệp nhẹ... Vị thế của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị cũng ngày càng được khẳng định.

Hiện tại, tỷ lệ đại biểu nữ trong Quốc hội ở Việt Nam giữ vị trí cao nhất trong khu vực châu Á và thuộc vào nhóm nước có tỷ lệ phụ nữ trong Quốc hội cao nhất trên thế giới. Những thành tựu của Việt Nam trong lĩnh vực này đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận và đánh giá cao. Trong những năm gần đây, chỉ số phát triển về giới của Việt Nam luôn được UNDP xếp ở vị trí cao hơn so với chỉ số phát triển về kinh tế.

Mặc dù vậy, cũng như các quốc gia khác trên thế giới, để bảo đảm quyền bình đẳng hoàn toàn giữa nam và nữ, Việt Nam vẫn còn rất nhiều việc phải làm, trong đó việc xóa bỏ những phong tục tập quán phân biệt đối xử với phụ nữ đòi hỏi những nỗ lực lâu dài. Tuy nhiên, với nền tảng pháp lý và xã hội vững chắc về bình đẳng nam nữ mà chúng ta đã tạo lập được trong nửa thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhất định trong thời gian tới, đất nước ta sẽ tiếp tục thu được những thành tựu to lớn hơn trong lĩnh vực này. Để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa về quyền bình đẳng của phụ nữ, cần quán triệt đường lối chỉ đạo mà Đại hội IX của Đảng đã xác định: "Đối với *phụ nữ*, thực hiện tốt luật pháp và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn; có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em; tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt thiên chức người mẹ; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc"⁽⁴⁾. □

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 126

CHÍNH PHỦ HỌP PHIÊN THƯỜNG KỲ THÁNG 1-2004

TRONG hai ngày 4 và 5-2-2004, tại Hà Nội, Chính phủ đã họp phiên thường kỳ dưới sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải và các Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Vũ Khoan, Phạm Gia Khiêm.

Chính phủ đã dành nhiều thời gian tập trung thảo luận và cho ý kiến về: Dự thảo Luật Cạnh tranh; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Báo cáo về tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo trong năm 2003 và Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 1-2004. Chính phủ nhận định, tình hình kinh tế - xã hội tháng 1-2004 vẫn tiếp tục xu hướng phát triển của những tháng cuối năm 2003. Các hoạt động phục vụ Tết Nguyên đán sôi động; giao thông trong dịp Tết được bảo đảm tốt; bộ mặt đô thị được cải thiện, đường phố khang trang, xanh, sạch, đẹp... Tuy nhiên, những khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế trước mắt là rất to lớn: Thời tiết xấu, hạn hán nặng ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân. Dịch cúm gà diễn biến phức tạp và có xu hướng lan rộng, ảnh hưởng xấu không chỉ đối với ngành sản xuất nông nghiệp mà cho cả các ngành du lịch, dịch vụ, nhất là tác động xấu tới sức khỏe của nhân dân và thu nhập của người chăn nuôi. Hàng hóa xuất khẩu phải đối mặt với nhiều rào cản kỹ thuật của các nước nhập khẩu. Sức cạnh tranh cao của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây bất lợi đối với tăng trưởng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp trong nước.

Phát biểu ý kiến kết luận phiên họp, Thủ tướng Phan Văn Khải nhấn mạnh: Nghị quyết số 1/2004/NQ-CP của Chính phủ đã chỉ ra nhiều công việc và các nhóm giải pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2004; Nghị quyết Trung ương 9 có nhiều điểm mới và cụ thể làm tăng thêm sức mạnh trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ. Căn cứ vào Nghị quyết của Trung ương và của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương cần xác định ngay chương trình hành động cụ thể, không trông chờ vào chương trình của Chính phủ, chọn đúng đầu việc nhằm phát huy cao nhất tiềm năng, giải phóng năng lực sản xuất, thúc đẩy sản xuất phát triển, quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2004 là 8,5%. Kinh nghiệm năm 2003 cho thấy, trong chỉ đạo điều hành ở tất cả các cấp, cần có một cuộc cách mạng, tạo khâu đột phá một cách đồng bộ và quyết liệt; đồng thời, phải kiểm tra, đôn đốc thường xuyên, sâu sát thì mới tạo được chuyển biến và có kết quả tốt.

Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, địa phương phải cụ thể hóa 5 nhóm giải pháp chỉ đạo điều hành được đưa ra trong Nghị quyết số 1 của Chính phủ; trong đó, đặc biệt chú trọng cải thiện môi trường đầu tư nhằm giải phóng năng lực sản xuất, phát triển sản xuất kinh doanh, tích cực tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong bố trí mặt hàng sản xuất, giải quyết vốn vay, ưu đãi thuế... cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện để loại hình doanh nghiệp này phát triển và xem đó như là một hướng để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Chú trọng chính sách thúc đẩy đầu tư để phát triển doanh nghiệp trong nước, thu hút doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, triển khai các phương án phát hành trái phiếu, cổ phiếu đối với các tổng công ty, các doanh nghiệp lớn thuộc các ngành hàng không, bưu chính - viễn thông, ngân hàng... để đưa ra niêm yết trên thị trường chứng khoán. Thủ tướng cũng yêu cầu Bộ Giáo dục và Đào tạo phải xây dựng chương trình nâng cao chất lượng giáo dục hằng năm, xem xét lại vấn đề học phí, chấm dứt tình trạng dạy thêm học thêm tràn lan. Bộ Y tế cần đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động y tế, quản lý tốt giá thuốc, khắc phục biểu hiện tiêu cực trong ngành y tế, nâng cao ý đức của người thầy thuốc. Thủ tướng nêu rõ, trong năm 2004, phải tập trung vào cải cách thủ tục hành chính; làm tốt cải cách hành chính sẽ nâng cao hiệu lực phòng chống tham nhũng. Thủ tướng yêu cầu, từ nay trong các phiên họp thường kỳ của Chính phủ phải đưa nội dung báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính. □

HỘI THẢO KHOA HỌC: "ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM"

HAI ngày 6 và 7-2-2004, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương đã họp phiên thường kỳ lần thứ 9 và tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề: **"Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam"**. Tham dự Hội thảo gồm các đồng chí thành viên Hội đồng và nhiều nhà khoa học ở nước ta đi sâu nghiên cứu về lĩnh vực này.

Sau phân khai mạc chỉ đạo Hội thảo của GS, TS Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Hội thảo dành phần chủ yếu thời gian tập trung thảo luận về vấn đề nêu trên. *Bản Báo cáo đề dẫn* của GS, TS Đỗ Hoài Nam và 15 báo cáo tham luận cùng 22 ý kiến đã được trình bày tại Hội thảo. Các ý kiến với cách tiếp cận khác nhau đã đi sâu phân tích những nội dung chủ yếu dưới nhiều khía cạnh nhằm tìm hiểu bản chất của vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta. Trong không khí khoa học, cởi mở, dân chủ, đầy trách nhiệm, các ý kiến đều cho rằng, việc Thường trực Hội đồng chọn chủ đề Hội thảo: "Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam" là rất đúng và rất trúng. Nó đáp ứng những yêu cầu và phù hợp với tình hình nước ta hiện nay. Đây là vấn đề khó và mới, chưa có tiền lệ ở Việt Nam, nhưng rất quan trọng và thiết thực không thể không được xác định rõ ràng, cụ thể trên con đường phát triển đi lên của đất nước. Những vấn đề quan trọng được Hội thảo tập trung thảo luận sôi nổi nhằm nhận thức sáng rõ, sâu sắc như: Định hướng xã hội chủ nghĩa là gì? Thế nào là kinh tế thị trường? Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là gì? Vì sao phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường? Những điều kiện bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường? Những sáng tạo của Đảng ta trong xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, v.v..

Tổng kết Hội thảo, GS, TS Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, đã nhấn mạnh ý nghĩa, tầm quan trọng, sự cần thiết của cuộc Hội thảo và những vấn đề nội dung hết sức phong phú, sâu sắc được các nhà khoa học nêu ra trong Hội thảo; đồng thời, nêu một số vấn đề đòi hỏi tiếp tục đi sâu nghiên cứu: Ngoài những vấn đề chung, bao quát về định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cần làm sáng rõ các vấn đề cụ thể như: chế độ sở hữu; các thành phần kinh tế; vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước; sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; sự phát triển kinh tế tư nhân; sự công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước cũng như vai trò các tổ chức của hệ thống chính trị trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường... □

45
NĂM

**XÂY DỰNG VÀ
TRƯỞNG THÀNH**

BỘ TƯ LỆNH BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG

NHỮNG THÀNH TÍCH CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG GIÀNH ĐƯỢC QUA 45 NĂM XÂY DỰNG CHIẾN ĐẤU VÀ TRƯỞNG THÀNH

Lực lượng Công an nhân dân vũ trang trước đây, nay là Bộ đội Biên phòng, thành lập ngày 03-03-1959.

45 năm qua, Bộ đội Biên phòng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia; tích cực tham gia củng cố cơ sở chính trị, giúp dân phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng điểm sáng văn hóa ở vùng cao biên giới; đấu tranh hiệu quả chống các loại tội phạm, buôn lậu, gian lận thương mại ở khu vực biên giới; tích cực tham gia cứu trợ, cứu nạn; xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị với các nước láng giềng.

Toàn lực lượng được Đảng, Nhà nước tuyên dương danh hiệu: Đơn vị Anh hùng LLVTND và được tặng thưởng 3 Huân chương Hồ Chí Minh; 1 Huân chương Độc lập hạng Nhì; 1 Huân chương Quân công hạng Nhất và 1 Huân chương Quân công hạng Nhì.

Có 130 lượt đơn vị và 60 cá nhân được tuyên dương danh hiệu Anh hùng LLVTND, trong đó có 5 đơn vị được tuyên dương danh hiệu Anh hùng LLVTND lần thứ hai; 27 đơn vị và 6 cá nhân được tuyên dương trong thời kỳ đổi mới.

7313 lượt đơn vị và cá nhân được tặng thưởng Huân chương Quân công; Huân chương Chiến công và Huân chương Lao động.

14 594 đơn vị và cá nhân được tặng Bằng khen của Chính phủ, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Hàng nghìn lượt đơn vị và cá nhân được tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng; Chiến sĩ thi đua; Chiến sĩ giỏi trong Phong trào Thi đua quyết thắng.



Đồng bào dân tộc cùng BĐBP đón Săm Pun (Hà Giang)



Trạm kiểm soát biên phòng của khẩu cảng Sài Gòn tuần tra bảo vệ an ninh bến cảng



Dân quân xã Xi Ma Cai (Lào Cai) cùng BĐBP huấn luyện phương án tác chiến bảo vệ bản làng



Thầy giáo quân hàm xanh



TỔNG CÔNG TY CAO-SU VIỆT NAM

CÔNG TY CAO-SU CHƯ SÊ

Địa chỉ: 420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (059) 851 159 - 851 059 * **Fax:** (059) 851 244

Tài khoản: - *Tiền Việt nam: 7301-0522 A, tại Ngân hàng Đầu tư Phát triển Gia Lai.*
- *Ngoại tệ: 7303-0522 tại Ngân hàng Đầu tư Phát triển Gia Lai.*

1. CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG:

- ☒ Khai hoang, xây dựng vườn cây.
- ☒ Trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ xuất khẩu cao su.
- ☒ Thương nghiệp bán buôn và sản xuất phân bón phức hợp hữu cơ vi sinh.
- ☒ Kinh doanh, chế biến nông sản.
- ☒ Xây lắp các công trình kiến trúc dân dụng, công nghiệp và giao thông.

2. NHÀ MÁY CHẾ BIẾN:

1. Nhà máy Chế biến Cao-su la Glai, hiện có công suất: 6 000 tấn/năm; dự kiến phát triển lên 9 000 tấn/năm vào năm 2005.

Thiết bị, công nghệ được nhập từ Ma-lai-xi-a, tiên tiến nhất khu vực Tây Nguyên.

Sản phẩm chế biến cao-su: SVR 3L; SVR 5; SVR 10; SVR 20.

2. Nhà máy Chế biến phân phức hợp hữu cơ vi sinh, hiện có công suất 5 000 tấn/năm; dự kiến tăng lên 10 000 tấn/năm vào cuối năm 2005.

Sản phẩm sử dụng bón cho các loại cây trồng: Cao- su, mía, cà phê, hồ tiêu... với nguyên liệu men vi sinh sản xuất, được cung cấp độc quyền từ Xí nghiệp Cổ phần Phân bón FİTOHOOCMON, với chất lượng sản phẩm cao được người sử dụng ưa chuộng.

3. THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ:

Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trong và ngoài nước như: Xin-ga-po, Trung Quốc, Nga...

Công ty Cao-su Chư Sê sẵn sàng hợp tác, liên doanh với các đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước để sản xuất những sản phẩm công nghệ, các mặt hàng tiêu dùng từ cao su, phân bón... và phát triển

Huyện HIỆP HÒA



Địa chỉ: Khu II - Thị trấn Thăng - Hiệp Hòa * Điện thoại: (0240) 872 203 * Bí thư: NGÔ DƯƠNG CẦU



HIỆP HÒA LÀ HUYỆN CÓ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA LÂU ĐỜI VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, KIÊN CƯỜNG, BẤT KHUẤT CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM. VỚI NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN TRONG HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VÀ CHỐNG MỸ, NGÀY 11 - 8 - 1999, ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA VINH DỰ ĐƯỢC ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN.

Đảng bộ và nhân dân Hiệp Hòa đã đoàn kết, khắc phục khó khăn, kiên trì phấn đấu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nỗ lực phấn đấu giành được những kết quả quan trọng trong sự nghiệp đổi mới.

Năm 2003, các chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp- TTCN đều đạt và vượt kế hoạch:

* Nông nghiệp: Tổng diện tích gieo trồng là 28 872 héc-ta, tăng 0,5% so với năm 2002. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 83 950 tấn tăng 3,8% so cùng kỳ, bình quân lương thực đầu người đạt 406kg/người/năm.

* Công nghiệp, TTCN: Giá trị tổng sản lượng đạt 17,9 tỉ đồng, tăng 7% so với kế hoạch và 29,2% so cùng kỳ năm 2002. Năm 2003 có tốc độ tăng trưởng cao nhất từ trước tới

nay; trong đó, sản lượng tơ đạt 35 tấn, tăng 133% so với kế hoạch và tăng 23 tấn so với cùng kỳ năm 2002; sản xuất gạch tăng 14% kế hoạch; may mặc tăng 12% kế hoạch... các hoạt động thương mại dịch vụ phát triển phục vụ tốt hơn cho sản xuất và đời sống nhân dân.

* Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch tiến bộ, nông nghiệp, thủy sản và thương nghiệp dịch vụ có bước tăng trưởng đáng kể. Đời sống nhân dân nâng lên và được cải thiện rõ rệt, số hộ khá và giàu tăng lên, số hộ nghèo thu giảm chỉ còn 3,1% so với năm 2002. Kết cấu hạ tầng được củng cố và phát triển. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa có nhiều tiến bộ, quốc phòng an ninh được ổn định giữ vững. Hệ thống chính trị không ngừng được củng cố và tăng cường.

* Tiếp tục sự nghiệp CNH-HĐH, năm 2004, nhiệm vụ cơ bản đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân Hiệp Hòa là: Quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của trung ương, của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, bám sát mục tiêu "lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt", phát huy nội lực, khai thác có hiệu quả những tiềm năng thế mạnh sẵn có, tranh thủ mọi điều kiện, thời cơ thuận lợi, khắc phục khó khăn, thử thách, phấn đấu hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh mà Đại hội lần thứ XIX của Đảng bộ Huyện đề ra.



VIỆN DẦU KHÍ



Địa chỉ: Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội * ĐT: 04 8347 402, 7843 016 * Fax: 04 7844 156



Đảng bộ Viện Dầu khí (VDK) là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ cơ quan Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam, có 7 chi bộ, trong đó có 6 chi bộ sinh hoạt ở cơ sở chính tại Hà Nội và 1 chi bộ ở Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với 74 đảng viên, trong đó có 59 nam, 15 nữ, chiếm tới 33,6% biên chế lao động trong cơ quan và đảm nhận trên 91% vị trí lãnh đạo từ phó phòng, ban trở lên.

Nhiệm kỳ 2000 - 2003, Đảng bộ VDK đã phát huy thành tựu của nhiệm kỳ trước, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của đơn vị:

➢ Lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ NCKH, nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Năm 2003, theo kế hoạch sẽ hoàn thành 21 nhiệm vụ, tiêu chuẩn và 8 hợp đồng KTKT với các công ty nhà thầu đang TKTD dầu khí tại Việt Nam.

➢ Trong lĩnh vực dịch vụ KHKT, Đảng bộ đã lãnh đạo khai thác tốt cơ sở vật chất - kỹ thuật và đội ngũ cán bộ khoa học với nhiều năm kinh nghiệm thực hiện có hiệu quả các dịch vụ KHKT và phân tích mẫu, ngày càng khẳng định vị thế và uy tín của mình đem lại nguồn thu đáng kể. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ cũng không ngừng tăng lên: Năm 2001 thu 35,6 tỉ VNĐ đạt 150% kế hoạch; năm 2002 là 28,2 tỉ VNĐ, đạt 105%; năm 2003, ước đạt 47 tỉ VNĐ, bằng 148% kế hoạch.

➢ Đảng bộ đã chủ trương và lãnh đạo đẩy mạnh

hoạt động nghiên cứu ứng dụng phục vụ SXKD, bước đầu đạt hiệu quả tích cực được các đơn vị SXKD rất hoan nghênh.

➢ Sinh hoạt định kỳ của các chi bộ trực thuộc Đảng bộ được giữ vững. Song song với việc phổ biến quán triệt các chỉ thị, NQ, các chi bộ đã tập trung bàn và quán triệt các giải pháp thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu KHKT, ứng dụng công nghệ vào sản xuất và công tác quản lý.

➢ Hiện nay, Đảng bộ VDK tiếp tục lãnh đạo xây dựng tập thể lao động chung sức, chung lòng xây dựng lực lượng cán bộ KHKT vừa hồng vừa chuyên; nâng cấp cơ sở vật chất, hiện đại và đồng bộ hóa thiết bị, hoàn thiện về mặt tổ chức nhằm xây dựng VDK trở thành học viện dầu khí hiện đại, ngang tầm với các viện dầu khí khu vực và đủ sức để giải quyết mọi nhiệm vụ do yêu cầu SXKD của Tổng Công ty đã đặt ra.

Với những thành tích đã đạt được trong nhiều năm trong đó vai trò lãnh đạo của đảng bộ rất cơ bản, VDK được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1998), Huân chương Lao động hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ nhân dịp kỷ niệm 25 năm xây dựng và trưởng thành của VDK (5 - 2003), Thủ tướng Chính phủ và Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã tặng bằng khen cho tập thể và các cá nhân của Viện.



NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

LEASING COMPANY OF INCOMBANK OF VIETNAM

Địa chỉ: Số 18 phố Phan Đình Phùng - quận Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: (04) 8 233 045 7 336 328 * Fax: (04) 7 333 579

Giám đốc: NGUYỄN VĂN BÌNH

LÀ DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN HẠCH TOÁN ĐỘC LẬP

THUỘC NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

VỐN ĐIỀU LỆ 75 TỈ ĐỒNG

*** Được huy động vốn dưới các hình thức:**

- + Nhận tiền gửi kỳ hạn từ 1 năm trở lên của tổ chức, cá nhân
- + Phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi... có kỳ hạn từ 1 năm trở lên.
- + Vay vốn ngắn hạn, trung, dài hạn của tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.
- + Nhận các nguồn vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

*** Công ty rất hân hạnh được phục vụ Quý khách hàng các dịch vụ sau:**

+ Cho thuê tài chính đối với tổ chức và cá nhân hoạt động tại Việt Nam.

+ Mua và cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính.

+ Nhập khẩu trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và động sản mà bên thuê được phép mua, nhập khẩu và sử dụng.

+ Tư vấn, bảo lãnh cho khách hàng về những dịch vụ liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính.

+ Các hoạt động khác khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.



**"Sự thành đạt của khách hàng
là sự thành công của Công ty"**

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (061) 838 020 - 838 648 * Fax: (061) 838 803 * Hiệu trưởng: Th.s NGUYỄN THẾ HUÂN

Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai thành lập ngày 20-11-1957 với tên gọi đầu tiên là Trường Đảng miền Đông. Từ buổi khởi đầu dựng, với những vất vả nhọc nhằn, hăm, hào trong vùng Chiến khu Đ anh hùng, các thế hệ đàn anh đã gánh chịu những thiếu thốn, gian khổ, đói rét để tổ chức những lớp học với những nội dung quan trọng, bức thiết phục vụ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Qua 46 năm xây dựng và trưởng thành, đến năm 2003, tổng số lớp mà Trường đã mở là 450 lớp với trên 48 000 học viên ra trường.

Nhiệm vụ chủ yếu của Trường Chính trị trong những năm qua là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt xã, phường, cán bộ trưởng, phó phòng, ban, ngành cấp huyện và cấp tỉnh, các chuyên viên và cán bộ lý luận, quản lý chuyên môn nghiệp vụ... Năm 2003, duy trì và mở mới 43 lớp; trong đó, chương trình bồi dưỡng gồm 19 lớp; chương trình đào tạo 24 lớp gồm Trung học chính trị, Trung học Luật, Trung học Hành chính, Trung học Chính trị thanh vận và Trung học Chính trị - phụ vận; liên kết với các trường đại học, học viện

đào tạo cử nhân Công đoàn và Quản trị kinh doanh, cử nhân Triết học, cử nhân Chủ nghĩa xã hội khoa học, cử nhân Hành chính, cử nhân Bảo hộ lao động, Chứng chỉ học phần Đại học Công đoàn, Chương trình Cao cấp lý luận chính trị. Trong năm, 4 206 học viên tới Trường.

Với đội ngũ 38 cán bộ, công nhân, viên chức và 6 lao động hợp đồng công việc, Nhà trường luôn hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng từ 40 - 50 lớp/năm và từ 3 500 đến 4 500 học viên nội trú.

Để đáp ứng nhiệm vụ chính trị,



năm 2003, chi bộ cơ sở của Trường được nâng lên thành Đảng bộ cơ sở với 5 chi bộ trực thuộc.

Năm 2002, Nhà trường được Học viện Hành chính Quốc gia cấp Bằng khen.



Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai Hoàng Bình Quân phát biểu tại lễ Kỷ niệm 45 năm thành lập trường





PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HUYỆN BẮC QUANG

Địa chỉ: Thị trấn Việt Quang - Bắc Quang - Hà Giang * Điện thoại: 019 821 633



Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Bắc Quang là đơn vị trực tiếp quản lý 79 đơn vị trường học đóng trên địa bàn huyện; trong đó, có 80 % số xã, thị trấn có trường học được xây dựng kiên cố, mạng lưới trường lớp đã được phủ kín trên địa bàn 33 xã, thị trấn. Cơ sở vật chất từ phòng GD - ĐT đến các đơn vị trường học đều khang trang, thu hút học sinh trong địa bàn và đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục trên địa bàn.

Toàn huyện có 2 098 lớp, với tổng số 49 348 học sinh; có 79 trường mầm non, 12 trường và 24 xã có mầm non gắn liền với tiểu học; 12 trường THCS; 20 trường THPT; 5 trường cấp 2-3; 1 trường THPT; 1 TTGDTCX.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- củng cố, duy trì và giữ vững thành quả PCGDTH - CMC.
- Mở các lớp xóa mù chữ tại các thôn bản vùng sâu, vùng xa.
- Tổ chức mở các lớp sau xóa mù chữ cho người trong độ tuổi.
- Mở các lớp bổ túc THCS cho người trong độ tuổi chưa có bằng tốt nghiệp THCS.
- Ban Chỉ đạo PCGDTHCS các xã đã chỉ đạo tốt công tác bổ túc tiểu học.
- Công nhận được 30/33 xã, thị trấn đạt chuẩn cấp quốc gia về PCGDTHCS.
- Công tác quản lý trường học được thực hiện quyền tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách, tăng cường vai trò lãnh đạo

của Đảng trong trường học.

- Tổ chức tốt các hoạt động dạy và học, hoạt động ngoại khóa, tăng cường chất lượng giáo dục, xây dựng đội ngũ giáo viên, cải tiến phương pháp dạy, học, nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo.

- Phòng GD-ĐT huyện thường xuyên kiểm tra đôn đốc, khen thưởng và kỷ luật kịp thời 80 đơn vị trường học trên địa bàn huyện; đồng viên khích lệ các đơn vị trường học hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Bên cạnh đó, Phòng GD - ĐT huyện luôn tham mưu với chính quyền quan tâm sâu sắc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học và sự nghiệp GD-ĐT của huyện.

CÔNG TY DỊCH VỤ CÔNG CỘNG VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ GIANG

Địa chỉ: P. Trần Phú - TX. Hà Giang - T. Hà Giang * Điện thoại: 079 866 541

NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN:

- Quét, thu gom, vận chuyển xử lý rác thải.
- Ươm trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh đường phố và công viên.
- Duy tu và bảo dưỡng hệ thống thoát nước giao thông nội thị.
- Quản lý, lắp đặt, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng.
- Quản lý nghĩa trang và dịch vụ tang lễ.

KẾT QUẢ THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ:

1. Công tác thu gom, vận chuyển xử lý rác thải được bảo đảm thường xuyên sạch sẽ, không có rác tồn qua ngày; doanh thu ước đạt 4552 triệu đồng/năm, bằng 110% so với kế hoạch.
2. Công tác ươm trồng, chăm sóc duy trì cây xanh được tập trung trồng trên các trục đường đã được giải phóng mặt bằng, vỉa hè. Cây thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa, góp phần cải thiện môi trường. Giá trị thực hiện ước tính cả năm là 912 triệu đồng, đạt 127% so với kế hoạch.
3. Công tác duy tu, bảo dưỡng được duy trì, bảo đảm đúng quy định kịp thời, nên đảm bảo hệ thống cống rãnh thông thoát, giá trị ước tính đạt 912 triệu đồng/năm, đạt 123% kế hoạch.
4. Đảm bảo sửa chữa kịp thời và vận hành hiệu quả 28km đường dây với trên 1 000 bộ bóng các loại, đảm bảo ánh sáng, tiết kiệm điện năng, góp phần bảo đảm an toàn giao thông và trật tự an ninh. Giá trị thực hiện ước đạt 1 977 triệu đồng/năm, đạt 113% so với kế hoạch.
5. Công tác quản lý nghĩa trang và dịch vụ tang lễ: Ước tính cả năm đạt 100 triệu đồng, thu phí vệ sinh ước tính đạt 100% kế hoạch.



CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Ngã tư Hòa Lân - Đại lộ Bình Dương - Thuận An - Bình Dương
ĐT: (0650) 822 602 * Fax: (0650) 823 922

CHỨC NĂNG:

Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương là doanh nghiệp nhà nước, được phép thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, xuất nhập khẩu trực tiếp các loại khoáng sản.

Xây dựng kết cấu hạ tầng mỏ, các công trình dân dụng và thi công các công trình giao thông nông thôn, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, nước uống tinh khiết đóng chai. Nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản, thực phẩm.

SẢN PHẨM CHÍNH:

Đá xây dựng các loại, Cao-lanh nguyên khai và Cao-lanh chế biến, gạch, cát xây dựng, nước uống tinh khiết đóng chai hiệu BIMICO.

Giám đốc: **TRẦN ĐÌNH HẢI**

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM

CƠ CỤC DĂNG KIỂM SỐ 6

Địa chỉ: 160 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 9 304 207 - 9330 841 * Fax: (08) 9 330 849



XÃ BOM BO



Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân

Địa chỉ: Xã Bom Bo - huyện Bù Đăng - tỉnh Bình Phước * Điện thoại: 0651 974 456



Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng LLVTND ngày 2 - 9 - 2002



Bí thư đảng ủy
ĐINH VĂN TÍN



Chủ tịch UBND
PHẠM THIỆN HẠNH

“Bom Bo đã trở thành địa chỉ đỏ của Tỉnh Bình Phước, là niềm tự hào của quê hương “Miền Đông gian lao mà anh dũng”, Bom Bo đã đi vào lòng người của cả dân tộc Việt Nam, thậm chí cả trên thế giới bởi một ca khúc “Tiếng chày trên sóc Bom Bo” mà cố Nhạc sĩ Xuân Hồng - Người chiến sĩ cách mạng đã từng sống và chiến đấu cùng đồng bào Bom Bo, sáng tác trong những ngày tháng sôi sục khí thế cách mạng: chuẩn bị lương thực phục vụ cho chiến dịch Đồng Xoài - Phước Long năm 1965”.

Xã Bom Bo được thành lập theo Nghị định 119/NĐ-CP của Chính phủ, tháng 12 - 1997, có diện tích tự nhiên 12 680 hecta và 5 565 người (tách từ một số thôn của xã Đắc Nhau và xã Minh Hưng “Đất lành chim đậu”), đến nay Bom Bo đã có hơn 15 700 người của 12 dân tộc anh em chung sống làm ăn.

Bom Bo được Nhà nước đầu tư hơn 20 tỉ đồng xây dựng kết cấu hạ tầng, có 12 km đường nhựa chạy qua xã, cả 10 ấp đã có điện, hơn 200 hộ dùng nước máy. Khu trung tâm xã đã được xây dựng có trụ sở làm việc, nhà văn hóa, bia tưởng niệm, đài truyền thanh, chợ lồng mái che, ngân hàng nông nghiệp, v.v...

Trong 6 năm qua, nhìn chung, nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội ở Bom Bo tăng trưởng nhanh, đời sống nhân dân từng bước cải thiện, sự nghiệp văn hóa - giáo dục ngày càng ổn định và phát triển. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

HUYỆN BẮC QUANG

BÍ THƯ: NGUYỄN NGỌC ĐỐI

Địa chỉ: Thị trấn Việt Quang - Bắc Quang - Hà Giang * ĐT: 019 821 142



Lãnh đạo tỉnh đến dự lễ khánh thành cầu treo ở H. Bắc Quang

Đại hội XVIII của Đảng bộ huyện Bắc Quang đã quyết định phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ và các biện pháp chủ yếu để phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2000 - 2005.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT (01-2000 ĐẾN 6-2003)

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đã biểu quyết phương hướng mục tiêu chủ yếu của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2000 - 2005 gồm các chỉ tiêu chính sau:

- * Tổng giá trị sản phẩm đạt 800 tỉ đồng.
- * Tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định hàng năm 12%.
- * Tỷ trọng cơ cấu kinh tế:
 - Nông - Lâm nghiệp: 45%.
 - Công nghiệp - Xây dựng: 22%.
 - Dịch vụ - Thương mại: 33%.

* Mục tiêu phấn đấu đến hết năm 2005 đạt 15 vạn tấn sản phẩm, trong đó 7 vạn tấn lương thực quy thóc, 5 vạn tấn cam quýt, 2 vạn tấn chè búp tươi, 1 vạn tấn nguyên liệu giấy và bột giấy, 1 vạn tấn cà-phê, giá trị hàng xuất khẩu và có tính chất xuất khẩu đạt 3 triệu USD, tăng 3 lần so với năm 2000.

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XVIII CỦA ĐẢNG BỘ HUYỆN (NHIỆM KỲ 2000 - 2005).

Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của tỉnh, của trung ương và từ bên ngoài; khai thác cao nhất các tiềm năng, thế mạnh tại địa bàn, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trước hết là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, đặc biệt đẩy nhanh sự phát triển công nghiệp nhất là những lĩnh vực mà huyện có ưu thế, gắn với quá trình đô thị hóa và phát triển thương mại du lịch và dịch vụ; tiếp tục xây dựng kết cấu hạ tầng, nâng cao dân trí, phát triển văn hóa - xã hội; củng cố quốc phòng an ninh; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh từ huyện đến cơ sở.

Nhiệm vụ cụ thể:

- * Tổng giá trị sản xuất đạt 800 tỉ đồng.
- Nông - lâm nghiệp: 338 tỉ đồng.
- Công nghiệp - Xây dựng: 245 tỉ đồng.
- Thương mại - Du lịch: 208 tỉ đồng.
- * Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt 12% trở lên;
- Tổng sản lượng lương thực: 62 830 tấn.
- Bình quân lương thực đầu người: 444 kg/năm.
- Bình quân giá trị sản xuất đầu người: 5,6 triệu đồng.
- Thu nộp ngân sách: 30 tỉ đồng (tăng 10 tỉ đồng).
- Độ che phủ của rừng: 62%.
- Huy động 100% lao động tham gia đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng.
- 90% số tuyến đường liên xã được rải nhựa (tăng 20%); 100% số thôn bản có đường ô-tô đến trung tâm (tăng 30%).
- 100% các trường học tại trung tâm các xã, thị trấn xây cao tầng.
- 100% trụ sở xã xây kiên cố.
- Trên 99,5% trẻ em trong độ tuổi (6-14 tuổi) đến trường.
- 100% số xã được phủ sóng truyền hình.
- 100% số thôn bản sử dụng điện.
- 100% số xã có điện thoại.
- Hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,35% (giảm 0,05%).
- Trên 90% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh (tăng 5%).



TRUNG TÂM SX CAM, QUÝT SẠCH BỆNH Ở H. BẮC QUANG

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM MU

CÔNG TY SÔNG ĐÀ 9

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Bắc Quang - Hà Giang * ĐT: 019 827 276

Giám đốc: **VŨ CHÍ MỸ**

Xây dựng theo hình thức BO (quản lý vận hành)

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ:

220 tỉ đồng

CÔNG SUẤT THIẾT KẾ:

12.000kW (3 tổ máy)

SẢN LƯỢNG ĐIỆN BÌNH QUÂN:

55,74 triệu kW/h

ĐỊNH HƯỚNG:

Kết hợp với Khu Du lịch sinh thái



Digitized TUYẾN ỐNG ÁP LỰC

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Trụ sở chính: 105 Lê Lợi, Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 839 871 * Fax: (064) 839 857 * Email: hq@vietsov.com.vn

XNLD Vietsovpetro thành lập năm 1981, là đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Liên bang Nga khai thác dầu khí lớn nhất Việt Nam.



HOẠT ĐỘNG TRÊN 2 MỎ: Bạch Hổ, Rồng
SẢN LƯỢNG: 37 000 tấn dầu thô/ngày đêm
6 triệu m³ khí/ngày đêm

Từ năm 1986 đến 2003 đạt 127 triệu tấn dầu thô
và hơn 10 tỉ m³ khí



**SẴN SÀNG HỢP TÁC, LIÊN DOANH
VỚI CÁC CÔNG TY DẦU KHÍ KHÁC
TRONG CÁC LĨNH VỰC:**

Thiết kế, lắp ráp, xây dựng các
công trình dầu khí biển, khoan
thăm dò - khai thác dầu khí, dịch vụ
cảng, vận tải biển, phòng chống
phun trào dầu, bảo vệ môi trường



HX
9
H08B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



6
3-2004

UNIV. OF MICH.
APR 13 2004
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

CÔNG TY

XE ĐẠP - XE MÁY ĐỒNG ĐA HÀ NỘI (DMC)

Địa chỉ: 181 Tây Sơn - Đống Đa Hà Nội * Điện thoại: 8 572187 * Fax: (84-4) 5 330218

⊙ Công ty Xe đạp - Xe máy Đồng Đa Hà Nội (DMC) tiền thân là Xí nghiệp phụ tùng xe đạp - xe máy Đồng Đa, được thành lập theo Quyết định số 42/QĐUB ngày 09-01-1995 của UBND Thành phố Hà Nội.

⊙ Tổng vốn đầu tư trên 2,17 tỉ đồng, DMC có chức năng sản xuất và kinh doanh xe đạp, các loại phụ tùng xe đạp, xe máy, thiết bị nội thất văn phòng và lắp ráp xe máy hoàn chỉnh.

⊙ Chỉ sau hơn hai năm hoạt động, DMC đã phát triển mạnh, đủ khả năng cạnh tranh với các sản phẩm ngoại nhập cả về chất lượng và giá thành sản phẩm.

⊙ Nếu trước đây, Công ty chỉ sản xuất và kinh doanh các mặt hàng truyền thống như phanh, bàn đạp, thì nay chúng loại đa dạng hơn và rất nhiều sản phẩm của Công ty đã giành được Huy chương Vàng tại các triển lãm, hội chợ quốc tế như các sản phẩm nhựa phục vụ ngành điện tử, phương tiện vận tải, thiết bị vệ sinh, các phụ tùng xe hơi, phụ tùng chính xác, hay các linh kiện điện tử, v.v....

⊙ Không dừng lại ở đó, DMC đã tiếp tục mở rộng kinh doanh bằng cách đăng ký thêm ngành hoạt động về nhập khẩu các loại máy móc thiết bị và nguyên vật liệu phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Công ty; đồng thời, xuất khẩu các sản phẩm do chính Công ty sản xuất. Với những nỗ lực đó, DMC luôn luôn có những bước phát triển tốt trong những năm gần đây. Năm 2000, DMC đạt tổng doanh số là 46,043 tỉ đồng, nộp ngân sách nhà nước 5,584 tỉ đồng. Năm 2001 ước tính DMC đạt doanh thu 51,356 tỉ đồng, và nộp ngân sách 5,911 tỉ đồng.



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Sản xuất các chi tiết nhựa cao cấp phục vụ cho xe máy, điện tử, thiết bị vệ sinh.
- Sản xuất các loại ruột, vỏ phanh các loại xe đạp - xe máy.
- Sản xuất các loại dây ga, dây côn, dây phanh xe máy.
- Sản xuất một số phụ tùng xe đạp xe máy khác.





Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

THÁNG RA 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16 HÀNG THÁNG

SỐ 705

6

3-2004

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

• Cơ quan thường trú tại miền Trung :

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



6
3-2004

Bìa 1: Ở Công ty Dệt Thái Tuấn
Ảnh: Hoài My

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN SINH HÙNG - Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội	3
ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG - Bước phát triển mới của khoa học và công nghệ nước ta	8
TÔ HUY RÚA - Nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	13

NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ (7-5-1954 - 7-5-2004)

VÕ NGUYỄN GIÁP - Tinh thần Điện Biên Phủ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta	18
VĂN TẠO - Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp là "một Điện Biên Phủ anh hùng"	26

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	
LÊ HỮU NGHĨA - Báo cáo đề dẫn	31
*** Tổng thuật Hội thảo	38

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ĐOÀN VĂN THÁI - Nhận thức vị trí, vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong tình hình mới	42
NGUYỄN VĂN LONG - Âm mưu và luận điệu chống phá chủ nghĩa xã hội của các thế lực thù địch ngày nay	46

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN THANH CAO - Kon Tum với công tác chuyển dịch cơ cấu sản xuất gắn với định canh, định cư và xóa đói, giảm nghèo	50
PHAN KHẮC TỬ - Phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào Công giáo Việt Nam	55
NGUYỄN SINH CÚC - Nông nghiệp Việt Nam nửa đầu kế hoạch 5 năm 2001 - 2005	59

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN MINH LINH - Vấn đề sức khỏe sinh sản vị thành niên ở Việt Nam hiện nay	64
---	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

ĐÌNH TRỌNG THỊNH - WTO với các nền kinh tế yếu	69
PHAN ĐOÀN NAM - Về sự điều chỉnh chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ	74

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Hội nghị công tác tư tưởng - văn hóa toàn quốc	78
*** Hội nghị tổng kết ngành kiểm tra toàn quốc năm 2003	79
*** Hội nghị toàn quốc triển khai công tác văn hóa - thông tin năm 2004	80

СОДЕРЖАНИЕ:

НГУЕН ШИНЬ ХУНГ: Мобилизация резервов для инвестиций в социально-экономическом развитии. ДО НГУЕН ФЫОНГ: Новый шаг в развитии науки и технологии нашей страны. ТО ХУ РЬА: Повышение главенствующей роли государственной экономики в рыночной экономике по социалистической ориентации. ВО НГУЕН ЖАП: Дух победы Диен Биен Фу вечно живёт в нашем деле. ВАН ТАО: Девять лет борьбы против французских колонизаторов есть «героический Диен Биен Фу». ЛЕ ХЫУ НГИА: Вводный доклад к Научно-практическому Семинару: «Развитие многоукладной экономики во Вьетнаме на данном этапе: реальная обстановка и меры решения» *** Обзор Семинара. ДОАН ВАН ТХАЙ: Понимание позиции и роли Коммунистического Союза Молодёжи имени Хо Ши Мина в новой обстановке. НГУЕН ВАН ЛОНГ: Антисоциалистические замыслы и доводы враждебных сил на данном этапе. НГУЕН ТХАНЬ КАО: Провинция Контум и работа по сдвигу производственной структуры, связанному с оседлым образом жизни, оседлым земледелием, ликвидацией голода и уменьшением бедности. ФАН ЮАК ТЫ: Движение патриотических соревнований среди вьетнамских католических соотечественников. НГУЕН ШИНЬ КУК: Сельское хозяйство Вьетнама за полсрока пятилетнего плана 2001 – 2005 гг. НГУЕН МИНЬ ЛИНЬ: Вопрос полового здоровья подростков во Вьетнаме на данном этапе. ДИНЬ ЧОНГ ТХИНЬ: ВТО и слаборазвитые экономики. ФАН ЗОАН НАМ: Об урегулировании стратегии государственной безопасности США.

CONTENTS

NGUYỄN SINH HÙNG: Mobilising resources for investments in socio-economic development. ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG: A new development of our country's science and technology. TÔ HUY RÚA: Enhancing the decisive role of state economy in socialist-oriented market economy. VÕ NGUYỄN GIÁP: The spirit of Điện Biên Phủ will live for ever in our cause. VÂN TẠO: 9 years resisting French colonialists is a "heroic Điện Biên Phủ". LÊ HỮU NGHĨA: Introduction report to the Scientific-Practical Seminar: "Development of multi-sectored economy in Vietnam at the present: realities and solutions" *** Overview of the seminar. ĐOÀN VĂN THÁI: Recognising stand, role of Hồ Chí Minh Communist Youth Union in new circumstances. NGUYỄN VĂN LONG: Plots and allegations that oppose and undermine socialism of contemporary hostile forces. NGUYỄN THANH CAO: Kontum province and the matter of production-structure shift, connected with settled agriculture, sedentary life, famine cancellation and poverty reduction. PHAN KHẮC TỬ: The campaign of patriotic competitions among Catholic Vietnamese countrymen. NGUYỄN SINH CÚC: Vietnam's agriculture in the first half of the 2001 – 2005 five-year plan. NGUYỄN MINH LINH: The problem of reproductive health of minors in Vietnam nowadays. ĐINH TRỌNG THỊNH: WTO and the weak economies. PHAN DOÃN NAM: Regarding the USA' regulations of security strategy.

SOMMAIRE

NGUYỄN SINH HÙNG: Mobilisation des ressources pour investir dans le développement socio-économique. ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG: Un nouveau pas de développement des sciences et de la technologie au Vietnam. TÔ HUY RÚA: Rehaussement du rôle directeur du secteur étatique dans l'économie de marché à orientation socialiste. VÕ NGUYỄN GIÁP: L'esprit de Điện Biên Phủ restera à jamais dans notre œuvre. VÂN TẠO: Les neuf années de la résistance anti-française constituent "un Điện Biên Phủ héroïque". LÊ HỮU NGHĨA: Rapport d'introduction du Colloque Science-Pratique: "Développement d'une économie à plusieurs composantes au Vietnam à l'heure actuelle: état réel et solutions". *** Aperçu du colloque. ĐOÀN VĂN THÁI: Conception de la place et du rôle de l'Union de la Jeunesse communiste Hồ Chí Minh dans la nouvelle conjoncture. NGUYỄN VĂN LONG: Complot et argumentation des forces hostiles d'aujourd'hui contre le socialisme. NGUYỄN THANH CAO: La province de Kon Tum et la restructuration de la production dans le sens de sédentarisation, d'éradication de la faim et de réduction de la pauvreté. PHAN KHẮC TỬ: Mouvement d'émulation patriotique parmi les catholiques au Vietnam. NGUYỄN SINH CÚC: L'agriculture vietnamienne dans la première moitié du quinquennal 2001-2005. NGUYỄN MINH LINH: La santé reproductrice des mineurs vietnamiens d'aujourd'hui. ĐINH TRỌNG THỊNH: L'OMC et les faibles économies. PHAN DOÃN NAM: Sur le réajustement de la stratégie américaine de sécurité nationale.

SOMMARIO

NGUYỄN SINH HÙNG: Movilizar el fuente de fuerzas para la inversión del desarrollo socioeconómico. ĐỖ NGUYỄN PHONG: Nuevos avances de ciencia y tecnología de nuestro país. TÔ HUY RÚA: Elevar el papel rector de la economía nacional en la economía mercantil a orientación socialista. VÕ NGUYỄN GIÁP: Vivirá eternamente el espíritu de Điện Biên Phủ en nuestra causa. VÂN TẠO: Nueve años de guerra antifrancesa es un "heroico Điện Biên Phủ". LÊ HỮU NGHĨA: Informe de introducción para el Seminario de Ciencia y Realidad: "El actual desarrollo de una economía de múltiples sectores en Vietnam: actual situación y soluciones". *** Descripción general del Seminario. ĐOÀN VĂN THÁI: La comprensión de puesto y rol de la Unión de Jóvenes Comunistas Hồ Chí Minh en la nueva coyuntura. NGUYỄN VĂN LONG: Intenciones y argumentos contra el socialismo de las potencias hostiles de hoy. NGUYỄN THANH CAO: Kontum y el trabajo de transformación estructural de producción en ligazón a la vida sedentaria y la eliminación de la pobreza. PHAN KHẮC TỬ: El movimiento de emulación patriótica en la comunidad católica de Vietnam. NGUYỄN SINH CÚC: La agricultura vietnamita en la mitad del quinquenio 2001-2005. NGUYỄN MINH LINH: El actual problema de salud productora de la menoría en Vietnam. ĐINH TRỌNG THỊNH: OMC y las débiles economías. PHAN DOÃN NAM: Sobre el reajuste estratégico de seguridad nacional de EE.UU.

目 录

• 阮生雄：为投资发展经济、社会而动员能源 • 杜元芳：越南科学技术新发展的步伐 • 苏辉若：提高国有经济在社会主义定向市场经济中的主导作用 • 武元甲：奠边府精神永存于我们事业中 • 文造：抗击法国殖民者的九年抗战是《一个英雄的奠边府》 • 黎发义：《科学——实践》研讨会的提要报告：《发展目前越南多种经济成分：实况及解决措施》***研讨会综述 • 段文泰：认识新形势下胡志明共产主义青年团的地位及其作用 • 阮文龙：目前，反社会主义敌视力量的阴谋和论调 • 阮青高：昆嵩省与定耕、定居及消饥减贫项目相连的生产结构的转换工作 • 潘克慈：在越南天主教同胞中展开的爱国竞赛运动 • 阮生菊：2001年至2005年五年初前半阶段计划的越南农业 • 阮明灵：目前越南未成年者生育健康问题 • 丁仲盛：WTO与各薄弱经济 • 潘尹南：美国国家安全战略的调整



HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

NGUYỄN SINH HÙNG *

BA năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của Quốc hội, sự chỉ đạo sát sao, chặt chẽ của Chính phủ, cùng với sự ủng hộ của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân, ngành tài chính đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được kết quả có ý nghĩa quan trọng. Đó là: hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật tài chính có nhiều đổi mới tiến bộ, góp phần tạo môi trường và thị trường thuận lợi hơn để giải phóng sức sản xuất của xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, các tầng lớp nhân dân tích cực thực hành tiết kiệm, tăng tích lũy cho đầu tư, tạo thêm việc làm cho người lao động nhằm tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội. Do đó, đã góp phần tạo động lực mạnh mẽ để nền kinh tế nước ta tiếp tục phát triển với tốc độ tăng trưởng khá cao: Năm 2003 tăng 7,24% (bình quân 3 năm là 7,1%), huy động thêm nhiều nguồn nội lực và ngoại lực để tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội, cải cách tiền lương và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Trong hai năm còn lại của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, nhiệm vụ đặt ra cho chúng ta còn nặng nề hơn, đòi hỏi phải có sự thống nhất ý chí, hành động với quyết tâm cao hơn để thực

hiện cho được mục tiêu: nâng cao hơn nữa chất lượng và nhịp độ tăng trưởng kinh tế - xã hội, với tốc độ trên 8%/năm, nhằm tạo ra thế và lực mới cho đất nước phát triển mạnh mẽ và bền vững. Đại hội IX của Đảng đề ra mục tiêu: Phân đầu tổng vốn đầu tư xã hội đạt 31 - 32% GDP. Trong 3 năm qua, đã thực hiện đạt bình quân 34,7% năm, vượt mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, nếu tính đến nhu cầu vốn đầu tư đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở 2 năm tới và giai đoạn tiếp theo thì phải phân đầu tăng mức vốn đầu tư xã hội đạt khoảng từ 36 đến 40% GDP. Để đạt được mục tiêu trên, cần tập trung thực hiện tốt các vấn đề sau:

1 - Tiếp tục đổi mới để tạo môi trường đầu tư thuận lợi, hấp dẫn, khuyến khích sản xuất, kinh doanh

Về tổng thể, môi trường đầu tư ở nước ta trong 3 năm qua được cải thiện tích cực. Cùng với việc tiếp tục giữ vững tình hình chính trị, xã hội ổn định, đã chú trọng tập trung chỉ đạo, tháo gỡ các rào cản về vốn, cơ chế chính sách, pháp luật về kinh tế - tài chính và các thủ tục hành chính trong việc thành lập doanh nghiệp, giảm sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước trong hoạt động của doanh nghiệp, bảo đảm mở rộng

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính

quyền chủ động tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Đáng lưu ý là, đã tập trung vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước kết hợp với đầu tư của các thành phần kinh tế khác để nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Bảo đảm dự trữ các nguồn hàng hóa để ổn định giá cả thị trường và kiềm chế lạm phát ở mức hợp lý, ổn định tài chính - tiền tệ trên tầm vĩ mô. Nhờ đó, môi trường đầu tư và môi trường kinh doanh ngày càng cởi mở, thông thoáng, minh bạch và có tính cạnh tranh cao hơn so với giai đoạn trước.

Vấn đề lớn đặt ra là, phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách để thu hẹp và đi đến chấm dứt mọi sự phân biệt đối xử không bình đẳng như hiện nay trong các quan hệ vay vốn tín dụng ngân hàng, miễn giảm thuế, giá thuê đất, giá cước dịch vụ, thuê và tuyển chọn lao động... giữa các thành phần kinh tế, giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp ngoài quốc doanh, giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài, giữa người trong nước và người nước ngoài. Đi đôi với việc nhanh chóng xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử không bình đẳng, phải tiếp tục đổi mới chính sách, bảo đảm sự ổn định, công khai, minh bạch và tăng cường sức cạnh tranh lành mạnh. Tiếp tục tăng cường đầu tư của Nhà nước và khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo quy chế "một cửa". Coi trọng việc điều hành vĩ mô của Nhà nước nhằm tiếp tục duy trì được môi trường tài chính - tiền tệ, giá cả, lạm phát, thị trường ổn định. Từng bước điều chỉnh giá hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá xuống ngang bằng các nước khu vực, xây dựng cơ chế quản lý, kiểm soát các mặt hàng độc quyền, cơ chế chống bán phá giá và cơ chế kiểm soát việc chuyển giá nội bộ trong

doanh nghiệp để bảo đảm môi trường kinh doanh lành mạnh. Có biện pháp tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ theo chiều hướng đổi mới mang tính cách mạng trong nhận thức, tư duy, cách làm việc của hệ thống các cơ quan công quyền, của đội ngũ cán bộ, công chức, các chủ doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, của từng người có sức lao động, có tiền tiết kiệm, có vốn, tài sản... Thực hiện tốt các biện pháp trên sẽ có điều kiện xây dựng và phát triển môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh cởi mở, thông thoáng, hấp dẫn nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tiếp tục khơi dậy và phát huy tối đa các nguồn nội lực và ngoại lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

2 - Đa dạng hóa các kênh và hình thức động viên nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội

Bằng sự tìm tòi, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo kinh nghiệm của các nước trong việc phát triển kinh tế thị trường, nhất là các hình thức và các kênh động viên nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong 3 năm qua, chúng ta đã có các công cụ tạo vốn đa dạng, phong phú hơn. Thành công lớn trong việc này là, các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể đã quan tâm chỉ đạo thực hiện và đạt kết quả tốt nhiệm vụ động viên từ tổng sản phẩm trong nước (GDP) cho ngân sách nhà nước, năm sau luôn cao hơn năm trước, đạt bình quân 21,8%/năm, góp phần làm gia tăng quy mô của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, có điều kiện thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Mức động viên từ GDP vào ngân sách nhà nước nói trên, nếu so với các nước trong khu vực là mức trung bình, nhưng so với nhu cầu vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo yêu cầu Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) thì mức độ đó còn

thấp. Do đó, chúng ta phải tập trung phần đầu tăng tỷ lệ động viên từ GDP vào ngân sách nhà nước với mức cao hơn, đạt khoảng 21 - 22%/năm trong giai đoạn 2001 - 2005 và 22 - 23% trong giai đoạn 2006 - 2010.

Để đạt được mục tiêu trên, phải tiếp tục chỉ đạo tập trung tăng tỷ lệ động viên từ các nguồn thu trong nước trên cơ sở tổ chức thực hiện tốt các luật thuế mới vừa được kỳ họp thứ 3 của Quốc hội khóa XI thông qua. Tổ chức triển khai có hiệu quả hơn Pháp lệnh Phí, lệ phí và các chế độ thu khác theo quy định hiện hành. Thực hiện giảm dần mức động viên từ kinh tế bên ngoài trên cơ sở điều chỉnh giảm chính sách thuế nhập khẩu với mức độ cần thiết để vừa bảo hộ được sản xuất trong nước, vừa thực hiện đúng các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh việc điều chỉnh tăng tỷ lệ phân phối lần đầu từ GDP, cần tiếp tục chỉ đạo tăng tỷ trọng phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển. Như vậy, bằng sự đổi mới trong phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm trong nước, chúng ta sẽ tăng được mức độ động viên từ nền kinh tế cho đầu tư phát triển.

Ngoài việc sử dụng có kết quả các công cụ tạo lập vốn truyền thống, cần nghiên cứu, đa dạng hóa công cụ thu hút các nguồn lực theo cơ chế thị trường. Các hình thức trái phiếu, cổ phiếu, các quỹ đầu tư, các tổ chức tài chính trung gian ngân hàng, phi ngân hàng, tiết kiệm bưu điện, các loại hình xổ số kiến thiết và một số hình thức huy động vốn khác thông qua kênh thị trường vốn, thị trường chứng khoán cần tiếp tục được vận dụng có kết quả nhằm tăng tỷ trọng vốn trung hạn và dài hạn cho nền kinh tế. Vấn đề đặt ra là, phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ trong tư duy và phương thức tạo vốn kinh doanh, chấm dứt tư tưởng ỷ lại vào ngân sách nhà nước, trông chờ vốn vay tín dụng ngân hàng hoặc vay vốn qua các hình thức và thị trường vốn "ngầm" không được pháp luật bảo vệ. Muốn có nguồn vốn bền vững theo cơ

chế thị trường, phải coi việc tạo lập vốn thông qua thị trường vốn là giải pháp cơ bản, lâu dài để phát huy có hiệu quả cao nguồn lực cho đầu tư. đương nhiên, để thực hiện được mục tiêu này, cần nhanh chóng đa dạng hóa công cụ tạo vốn, kết hợp sử dụng có hiệu quả các công cụ trái phiếu, cổ phiếu mang tính cổ điển với các hình thức văn minh, hiện đại áp dụng rộng rãi ở tất cả các lĩnh vực, ngành, nghề, địa phương. Tiếp tục thực hiện huy động công trái giáo dục, trái phiếu chính phủ để đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi trọng điểm của đất nước. Mặt khác, cần tập trung hơn để nhanh chóng hoàn chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động giao dịch, mua bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp để nâng cao hiệu quả sử dụng các công cụ tạo vốn, tạo động lực đủ mạnh để khuyến khích các tổ chức kinh tế tạo vốn qua thị trường vốn.

Vừa qua, việc động viên nguồn lực tài chính từ đất đai, các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các tài sản, bất động sản khác thuộc sở hữu nhà nước đã thu được kết quả tích cực. Từ đó, đã góp phần thực hiện việc quản lý bất động sản, đất đai, tài sản của Nhà nước bằng giá trị, bảo đảm xiết chặt hơn trật tự, kỷ cương tài chính và pháp luật của Nhà nước. Trong thời gian tới, cần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên, thiên nhiên, đất đai; sớm ban hành Luật Thuế sử dụng đất để vừa tạo cơ sở pháp lý quản lý chặt chẽ đất đai, vừa động viên một phần cho ngân sách nhà nước; tiếp tục nghiên cứu hoàn chỉnh hệ thống thuế, phí trong sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường. Áp dụng rộng rãi việc tổ chức đấu giá, đấu thầu công khai để phát triển đô thị như hiện nay ở nhiều địa phương, tiến tới thu hẹp và chấm dứt việc lãng phí tài nguyên đất. Tổ chức thực hiện tốt cơ chế tài chính để sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng. Nghiên cứu để sớm áp dụng cơ chế bán quyền khai thác và thu phí đối với một số công trình kết cấu hạ tầng kinh tế

như hệ thống cầu, đường, cấp và thoát nước...; đồng thời, phát triển hình thức công ty cổ phần để đầu tư xây dựng trong lĩnh vực này. Khẩn trương tổ chức thực hiện cơ chế điều tiết hợp lý thu nhập từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất; sớm đưa thị trường bất động sản vào hoạt động một cách có tổ chức. Nếu các địa phương tổ chức thực hiện tốt việc quy hoạch và công khai hóa quy hoạch sử dụng đất để nhân dân an tâm đầu tư, làm ăn lâu dài thì các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đất đai sẽ được sử dụng có hiệu quả hơn.

Cùng với các nguồn lực nêu trên, trong 3 năm qua, nguồn lực trong các thành phần kinh tế đã được Đảng và Nhà nước quan tâm, từng bước tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi dậy và phát huy sức mạnh để thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Vấn đề trọng tâm trong các năm tới là, tiếp tục đổi mới để nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của các thành phần kinh tế.

- *Đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước*, quán triệt sâu sắc quan điểm đổi mới của Đảng theo Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 và Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) nhằm tiếp tục tập trung rà soát, sắp xếp thu hẹp hơn lĩnh vực kinh doanh mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn sở hữu. Tiếp tục mở rộng quyền tự chủ tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp nhà nước về vay vốn, quản lý tài sản, quyết định kế hoạch sản xuất, kinh doanh, chế độ trả lương, thưởng. Đa dạng hóa hình thức sở hữu để đẩy mạnh hơn tiến độ thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước, thúc đẩy cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn, kinh doanh có hiệu quả. Nghiên cứu áp dụng cơ chế chủ động tạo vốn để đổi mới nhanh công nghệ của các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh có hiệu quả. Hoàn chỉnh các chính sách tài chính đối với trước, trong và sau khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, bổ

sung phương pháp định giá doanh nghiệp, từng bước đưa giá trị đất trong định giá doanh nghiệp. Mở rộng việc bán cổ phần ra bên ngoài, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ sắp xếp, cổ phần hóa và Quỹ Hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp doanh nghiệp nhà nước; xóa bỏ sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp nhà nước sau khi cổ phần hóa với các doanh nghiệp khác trong quan hệ vay vốn tín dụng của các ngân hàng thương mại quốc doanh. Tập trung xử lý dứt điểm nợ tồn đọng của doanh nghiệp khu vực nhà nước. Sớm có chính sách tài chính áp dụng cho mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước, "công ty mẹ - công ty con", công ty đầu tư tài chính nhà nước, cơ chế tài chính đối với hoạt động và sản phẩm công ích. Nghiên cứu sớm ban hành Luật Sử dụng vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh.

- *Đối với khu vực kinh tế tập thể*, cần nhanh chóng xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử. Coi trọng hỗ trợ về tài chính để đầu tư giống mới, chuyển giao các kỹ thuật khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, đào tạo cán bộ quản lý, hỗ trợ xuất khẩu, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (thủy sản, làng nghề, chợ đầu mối) để tạo tiền đề cho việc thành lập Sở Giao dịch hàng hóa nông, lâm, hải sản ở các vùng, khu vực sản xuất hàng hóa lớn. Nhanh chóng giải quyết dứt điểm tình trạng nợ đọng của hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã phi nông nghiệp theo cơ chế đã ban hành.

- *Đối với khu vực kinh tế tư nhân*, rà soát, xóa bỏ mọi phân biệt đối xử trong các quan hệ tài chính, tín dụng, giá thuê đất, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong thành lập doanh nghiệp. Nhà nước tạo môi trường thuận lợi để thành phần kinh tế này phát huy cao độ các nguồn lực trong nhân dân để đầu tư vốn vào sản xuất, kinh doanh ở mọi ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Sớm nghiên cứu ban hành cơ chế tài chính đối với doanh nghiệp dân doanh.

- Đối với khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và ổn định chính sách. Mở rộng các hình thức thu hút nhà đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng, bất động sản dưới các hình thức BT, BOT, ... Tăng cường thu hút vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài, xúc tiến tổ chức phát hành trái phiếu chính phủ ra thị trường vốn quốc tế để tạo điều kiện phát hành trái phiếu công ty; tích cực tham gia thị trường trái phiếu châu Á, tạo môi trường thuận lợi cho các quỹ đầu tư nước ngoài vào hoạt động tại Việt Nam. Mở rộng giới hạn mức đầu tư của tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia vào quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài về thuế, giá thuê đất, giá cước dịch vụ, điện, nước... Tiếp tục có biện pháp đẩy mạnh xúc tiến vay vốn ODA để đẩy nhanh hơn và chấm dứt việc giải ngân vốn này chậm như hiện nay (đạt 50% tổng số vốn đã ký kết), chuẩn bị đủ vốn đối ứng, chuẩn bị tốt các dự án đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn.

3 - Áp dụng cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp và mở rộng xã hội hóa các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao

Việc áp dụng cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu và đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao... là những chủ trương nhất quán của Đảng và là chính sách lớn của Nhà nước ta. Thực hiện chủ trương này nhằm mục đích phân định rõ các đơn vị hành chính với đơn vị sự nghiệp, vừa tạo cơ chế để huy động sự đóng góp của các thành phần kinh tế, tổ chức, mọi người dân trong việc tham gia phát triển các hoạt động sự nghiệp, vừa tạo

điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp chủ động và có quyền tự chủ hơn trong việc giải quyết công việc, quyết định biên chế, chi trả tiền lương, tiền thưởng nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ mà các đơn vị sự nghiệp cung cấp cho xã hội. Bảo đảm cho mọi người lao động có điều kiện phát huy hết tài năng sáng tạo, tăng thêm thu nhập cho chính mình và làm giàu cho đơn vị mình.

Trong 3 năm thực hiện chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa và 2 năm thực hiện cơ chế khoán chi tài chính, khoán biên chế và cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu, chúng ta đã thu được nhiều kết quả tốt. Đáng chú ý là, đã động viên được hàng nghìn tỉ đồng đóng góp của nhân dân, bảo đảm các nhiệm vụ chi nâng cao chất lượng, hiệu quả trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao. Nhìn chung, chất lượng dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp được nâng cao hơn trước, thu nhập của người lao động tăng, việc tổ chức quản lý được đổi mới tiến bộ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới là, phải thống nhất trong nhận thức, đổi mới tư duy và tổ chức đồng bộ ở tất cả các bộ, ngành, địa phương để tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh sự nghiệp xã hội hóa ở các lĩnh vực cung cấp sản phẩm và dịch vụ công cộng khác. Nhanh chóng áp dụng cơ chế khoán chi hành chính, khoán biên chế đối với tất cả các đơn vị, cơ quan hành chính nhà nước và áp dụng cơ chế tài chính mới đối với tất cả các đơn vị sự nghiệp. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, cần tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc tổ chức thực hiện từ khâu tổ chức quán triệt chủ trương đến khâu chỉ đạo lập đề án, phê duyệt đề án, tổ chức thực hiện đề án và giám sát việc thực hiện. □

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NƯỚC TA

ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG *

QUA hơn nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội của Đảng, khoa học và công nghệ nước ta đã có những bước phát triển mới, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Báo cáo kiểm điểm nửa đầu nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội, Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) nhấn mạnh: *Khoa học và công nghệ đã có bước phát triển phục vụ thiết thực hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đã xuất hiện những nhân tố mới trong quá trình hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở nước ta. Tiềm lực khoa học và công nghệ được tăng cường.* Những thành tựu đáng khích lệ ấy của khoa học và công nghệ nước ta có thể được nhìn nhận và đánh giá trên những mặt sau:

I- Hoạt động khoa học và công nghệ

Hiện nay, nước ta có trên 1 150 tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, với 1,8 triệu người có trình độ đại học và cao đẳng trở lên; trong đó, có hơn 3 vạn người có trình độ trên đại học (gồm 1,4 vạn tiến sĩ và 1,6 vạn thạc sĩ). Năng lực nghiên cứu khoa học cũng như năng lực tiếp thu và áp dụng công nghệ của đội ngũ khoa học và công nghệ nước ta đã được nâng lên một bước quan trọng. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta còn phải phấn đấu nhiều để nâng cao năng lực sáng tạo công nghệ, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học, xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu đàn trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Tỷ lệ đầu tư cho khoa học và công nghệ trong tổng chi ngân sách nhà nước tăng từ 0,78% (năm 1996) lên 2,13% (năm 2002). Năm 2003, tổng chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước đạt trên 3 150 tỉ đồng, chiếm 60% tổng đầu tư của xã hội cho khoa học và công nghệ. Nhờ đầu tư chiều sâu từ ngân sách, cho đến nay, 1/3 số thiết bị khoa học của các cơ quan nghiên cứu là những thiết bị thế hệ mới.

Khoa học Xã hội và Nhân văn đã và đang nghiên cứu các vấn đề: Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng trong điều kiện mới; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực; dự báo về chiến tranh kiểu mới của địch; âm mưu, ý đồ chiến lược và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các thế lực thù địch trong thời gian tới; chủ nghĩa tư bản hiện đại và các xu thế phát triển lớn của thế giới.

Khoa học - Công nghệ đã và đang tập trung vào những hướng mũi nhọn như: Công nghệ thông tin và truyền thông; công nghệ sinh học; công nghệ vật liệu mới; công nghệ tự động hóa; cơ khí chế tạo máy; khoa học và công nghệ

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương.

phục vụ sản xuất các sản phẩm xuất khẩu và sản phẩm chủ lực; khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai; điều tra cơ bản và nghiên cứu ứng dụng công nghệ biển; khoa học và công nghệ phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ đã được đổi mới một bước quan trọng, thể hiện ở việc tập trung thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Nhà nước và thực hiện cơ chế tuyển chọn đề tài, dự án theo tinh thần của Luật Khoa học và Công nghệ. Tuy nhiên, công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ vẫn còn những yếu kém và mang nặng tính hành chính, bao cấp; chưa tạo được cơ chế để phát huy mạnh mẽ khả năng sáng tạo của các nhà khoa học và gắn kết chặt chẽ hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục - đào tạo và sản xuất - kinh doanh.

II- Những kết quả nổi bật của hoạt động khoa học và công nghệ

Khoa học và công nghệ đã góp phần phục vụ sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước thông qua việc cung cấp những căn cứ khoa học để đổi mới nhận thức và tư duy trong việc định rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, xác định mô hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phục vụ việc xây dựng các chủ trương lớn, đổi mới các chính sách và giải pháp quản lý ở trung ương, các ngành và các địa phương. Nhiều kết quả khoa học của các chương trình, đề tài khoa học xã hội đã phục vụ kịp thời việc chuẩn bị văn kiện của các Hội nghị Trung ương. Thí dụ, 70 đề tài thuộc các chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước giai đoạn 1996-2000 đã được cung cấp 485 nhóm kiến nghị khoa học cho trung ương và các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước.

Khoa học và công nghệ đã cung cấp căn cứ cho việc xác định phương hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến 2010 của cả nước

nói chung và của từng ngành, từng lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật nói riêng, góp phần xác định những ngành sản xuất, lĩnh vực hoạt động và những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao, tạo điều kiện cho sự tăng trưởng và phát triển nhanh của một số ngành, lĩnh vực (như thủy sản, bưu chính - viễn thông, du lịch, chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp và công nghiệp), nghiên cứu và kiến nghị phương hướng điều chỉnh các chính sách và cơ chế quản lý kinh tế (cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, hệ thống thuế...), phục vụ cải cách hành chính, xây dựng hệ thống chính trị theo mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Khoa học và công nghệ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và rút ngắn khoảng cách về trình độ khoa học giữa Việt Nam với các nước thông qua việc tập hợp lực lượng cán bộ khoa học và công nghệ nhiều nơi hợp lực cùng nhau nghiên cứu, giải quyết những vấn đề khoa học có tính liên ngành. Qua đó, đã hình thành nhiều tập thể khoa học mạnh, tập trung vào một số hướng nghiên cứu mũi nhọn của thế giới như: công nghệ viên thám, sinh học phân tử, công nghệ na-nô, công nghệ gien... Thông qua hoạt động nghiên cứu, tạo điều kiện cho hàng nghìn cán bộ khoa học bảo vệ thành công luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ; đồng thời, thu hút được sinh viên các trường đại học tham gia nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở bậc đại học. Việc trao đổi khoa học với nước ngoài ngày càng được tăng cường và mở rộng.

Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống thông qua việc áp dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, sản phẩm có chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, thay thế hàng nhập ngoại, góp phần nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta. Trong khuôn khổ các chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước giai đoạn 1996-2000, đã có 172 trong số 233 đề tài, dự án có kết quả được áp dụng vào sản xuất (chiếm tỷ lệ xấp xỉ 74%), góp phần nâng cao năng lực khoa học

và công nghệ, tăng tính chủ động trong sản xuất một số mặt hàng quan trọng và mang lại lợi ích trực tiếp là 613 tỉ đồng (gấp hơn 2,5 lần so với tổng đầu tư cho các chương trình khoa học và công nghệ). Các kết quả cụ thể đã được ghi nhận và đánh giá cao trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, y tế, công nghệ điện tử - truyền thông và công nghệ thông tin, giao thông vận tải, xây dựng...

III- Hiệu quả hoạt động của khoa học và công nghệ

Dư luận xã hội còn có ý kiến khác nhau về hiệu quả của khoa học và công nghệ, song chúng tôi cho rằng, trong điều kiện đất nước ta còn nghèo, cơ sở vật chất của khoa học và công nghệ còn thấp kém, đầu tư kinh phí hạn hẹp và còn nhiều khó khăn trong tổ chức thực hiện khi cơ chế quản lý kinh tế đang trong quá trình đổi mới thì hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ những năm qua là rất đáng khích lệ. Hiệu quả đó được thể hiện rõ trên những khía cạnh sau:

Trước hết, khoa học và công nghệ đã góp phần quan trọng phục vụ việc xây dựng đường lối, chính sách, chiến lược của Đảng và Nhà nước và công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành, các địa phương. Khoảng 2/3 số đề tài nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chính sách đã được các cơ quan đặt hàng tiếp nhận và xem xét vận dụng.

Thứ hai, khoa học và công nghệ đã góp phần nâng cao nhận thức và phát triển tiềm lực khoa học thông qua sự tích lũy và nâng cao trình độ nhận thức, năng lực nghiên cứu và khả năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn một cách khoa học. Khoảng 2/3 số đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ loại này đã mang lại hiệu quả trực tiếp phục vụ nâng cao nhận thức và phát triển tiềm lực khoa học.

Thứ ba, khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống thể hiện thông qua sự tăng trưởng về số lượng sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm, mức độ gia tăng thị phần và

sức cạnh tranh, sự tăng cường lòng tin và độ tin nhiệm của người tiêu dùng, sự tăng thêm sức mạnh tổng thể của nền kinh tế hoặc của lực lượng dân cư... Gần 74% số đề tài, dự án thuộc các chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước giai đoạn 1996-2000 đã được áp dụng vào sản xuất. Đây là tỷ lệ không thấp so với thế giới.

Mặc dù khoa học và công nghệ đã có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển đất nước, song xét từ góc độ tổ chức và quản lý, việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tế sản xuất - kinh doanh vẫn còn những hạn chế sau đây:

Một, xét từ phía tạo ra sản phẩm khoa học và công nghệ, một số nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra còn thiếu gắn bó chặt chẽ với yêu cầu của thực tiễn sản xuất - kinh doanh; chất lượng đào tạo và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ chưa theo kịp đòi hỏi của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; việc bố trí và sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ còn nhiều bất cập. Đặc biệt, chúng ta còn rất thiếu chuyên gia đầu đàn; chưa có chính sách thu hút và sử dụng cán bộ trẻ có trình độ cao về làm việc tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực. Ngoài ra, tuy cơ sở vật chất của các phòng thí nghiệm đã tốt hơn nhiều so với trước đây, song nhìn chung vẫn còn khoảng cách khá xa so với khu vực và thế giới.

Hai, xét từ phía sử dụng kết quả khoa học và công nghệ, có một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt ra để nghiên cứu là đúng, kết quả nghiên cứu được đánh giá tốt, nhưng điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước chưa cho phép ứng dụng ngay hoặc do các doanh nghiệp chưa sẵn sàng ứng dụng (do hạn chế về quy mô sản xuất, khó khăn về vốn, thiếu hụt thông tin,...). Bên cạnh đó, bản thân nền kinh tế nước ta đang trong thời kỳ chuyển đổi sang cơ chế thị trường, các biện pháp cải cách doanh nghiệp nhà nước còn chậm được thực thi, vẫn còn sự bảo hộ, độc quyền trong nhiều lĩnh vực làm cho doanh

ngành chưa chịu áp lực cạnh tranh cao, chưa buộc phải đổi mới công nghệ và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

Ba, xét từ phía cơ quan quản lý, chưa tạo ra cơ chế, chính sách quản lý kinh tế thúc đẩy nhu cầu đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp; chưa xác định rõ nhu cầu nghiên cứu, nhu cầu đào tạo và nhu cầu tăng cường cơ sở vật chất để tập trung các nguồn đầu tư của xã hội vào việc xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ đủ mạnh cũng như các hướng nghiên cứu cần thiết; chưa tạo ra được cơ chế năng động và hiệu quả để gắn kết khoa học với đào tạo và doanh nghiệp.

Nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) chỉ rõ: *Đổi mới một cách cơ bản cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; lấy sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của đất nước làm mục tiêu chủ yếu của hoạt động khoa học và công nghệ.* Trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ cơ bản sau:

1- Đối với phía sử dụng sản phẩm khoa học và công nghệ

Để nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế nước ta trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới, cần nhanh chóng đổi mới mạnh mẽ các chính sách kinh tế theo hướng giảm dần chế độ bao cấp, bảo hộ, độc quyền nhằm tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng, vừa đòi hỏi, vừa khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, tính toán hiệu quả khi lựa chọn công nghệ và tích cực ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ vào sản xuất và kinh doanh. Đẩy nhanh tốc độ đổi mới doanh nghiệp nhà nước thông qua cổ phần hóa, sáp nhập, giải thể, phá sản và giao bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp... Đối với nền kinh tế nói chung, các chính sách này là điều kiện sống còn; đối

với khoa học và công nghệ, đây chính là sự kích cầu và tăng cường năng lực tiếp nhận khoa học và công nghệ của nền kinh tế, đồng thời là điều kiện tiên quyết để phát triển thị trường công nghệ.

2- Đối với phía cung cấp sản phẩm khoa học và công nghệ

Cần có các chính sách và biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm khoa học và công nghệ, xây dựng các mô hình chuyển giao và ứng dụng nhanh kết quả khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Dành tỷ lệ thích đáng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc hỗ trợ hoàn thiện kết quả khoa học và công nghệ có khả năng thương mại hóa; tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Phát triển các tổ chức dịch vụ tư vấn, môi giới, mua bán, trao đổi công nghệ, cung cấp thông tin...; xây dựng hệ thống các tổ chức dịch vụ chuyển giao và truyền bá công nghệ làm cầu nối giữa khoa học với sản xuất và phục vụ việc tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Đẩy nhanh tốc độ hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, trong đó chú trọng nội dung thể chế hóa việc góp vốn bằng bản quyền hoặc các hình thức sở hữu trí tuệ khác đối với sản phẩm nghiên cứu.

3- Về chính sách tài chính cho khoa học và công nghệ

Đây được coi là khâu đột phá quan trọng nhất trong đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, trong đó điều mấu chốt là phải tạo được cơ chế tăng nhanh tổng đầu tư của xã hội cho khoa học và công nghệ. Cần có những chính sách mở rộng các hình thức đầu tư và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho khoa học và công nghệ với cơ chế tài chính, thuế, tín dụng đủ khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư và vay vốn, đầu tư vào hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ. Đối với nguồn kinh phí từ ngân sách, cần tập trung đầu tư cho nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, nghiên cứu phục vụ

xây dựng chính sách, chiến lược, phục vụ công ích và các hướng khoa học và công nghệ ưu tiên; thực hiện đầu tư nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ một cách đồng bộ để tạo dựng các tập thể, tổ chức khoa học và công nghệ đủ mạnh, có khả năng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng, tạo nên những đột phá trong các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn. Tăng cường đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong các trường đại học; có cơ chế tạo sự liên kết vững chắc giữa đào tạo và nghiên cứu ở các trường đại học, viện nghiên cứu. Áp dụng cơ chế tài chính phù hợp để khuyến khích liên kết giữa trường đại học và viện nghiên cứu với doanh nghiệp.

4- Đổi mới cơ cấu và phương thức hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ

Các tổ chức khoa học và công nghệ cần được đổi mới theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong xây dựng và thực hiện kế hoạch, quản lý tài chính, tài sản, quản lý nhân lực và hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Tổng kết các mô hình tổ chức và hoạt động khoa học và công nghệ để xác định rõ các loại hình tổ chức khoa học và công nghệ. Đối với các tổ chức khoa học và công nghệ chủ yếu thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu luận cứ phục vụ cho xây dựng chính sách, chiến lược và nghiên cứu trong những lĩnh vực công ích, ngân sách nhà nước chỉ bảo đảm kinh phí nghiên cứu thường xuyên theo định biên. Đối với các tổ chức khoa học và công nghệ chủ yếu thực hiện nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ trực tiếp phục vụ sản xuất, kinh doanh và gắn với thị trường cần nhanh chóng chuyển sang chế độ tự chủ tài chính, sẽ tiến đến tự trang trải kinh phí, từng bước hình thành cơ chế doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ.

5- Chính sách đối với cán bộ khoa học và công nghệ

Nhanh chóng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ; trong đó, đặc biệt chú trọng đào tạo cán

bộ có trình độ cao, các tổng công trình sư, các nhà khoa học đầu đàn có trình độ quốc tế. Có chính sách sử dụng, đãi ngộ và gắn trách nhiệm của nhà khoa học với kết quả nghiên cứu của mình thông qua cơ chế phân chia lợi ích giữa nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà dịch vụ. Thực hiện chế độ hợp đồng lao động đối với cán bộ khoa học và công nghệ và chuyển chế độ công chức nhà nước sang chế độ viên chức đối với cán bộ thuộc các tổ chức khoa học và công nghệ của nhà nước. Nghiên cứu và ban hành chính sách huy động người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của nước nhà.

6- Thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm

Sớm xây dựng và ban hành quy chế để bảo đảm thực hiện pháp quy tự do sáng tạo và khai thác mọi tiềm năng trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận. Tăng cường quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ gắn liền với trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và thành tựu khoa học vào nông nghiệp và nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; tăng cường sự gắn kết các chương trình kinh tế - xã hội với các chương trình khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp và nông thôn; phối hợp với các địa phương thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm nhằm tạo ra động lực phát triển cho từng khu vực và từng vùng kinh tế. Trước mắt, tập trung vào phát triển giống cây trồng, vật nuôi và phát triển các mô hình công nghệ bảo quản và chế biến nông, lâm hải sản nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của hàng hóa nông sản. Xây dựng có trọng điểm một số hướng công nghệ cao và một số ngành công nghiệp công nghệ cao; tập trung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu cho các tổ chức và tập thể khoa học thực hiện các nhiệm vụ quan trọng thuộc các chương trình khoa học và công nghệ và các chương trình kỹ thuật - kinh tế, tạo những đột phá cho sự phát triển kinh tế - xã hội. □

NÂNG CAO VAI TRÒ CHỦ ĐẠO CỦA KINH TẾ NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TÔ HUY RỬA *

KINH tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát mà nước ta lựa chọn trong thời kỳ đổi mới. Nó vừa mang tính chất chung của kinh tế thị trường, vừa có những đặc thù, được quyết định bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đây là sự vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm trong nước và thế giới về phát triển kinh tế thị trường, là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng trong quá trình lãnh đạo nhân dân xây dựng đất nước. Đảng ta đã xác định một cách nhất quán kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Vì vậy, việc xác định một cách rõ ràng và nhất quán vị trí, vai trò của kinh tế nhà nước trong quá trình hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế đất nước là rất cần thiết.

Ở nước ta, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước là xuất phát từ lợi ích của đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, là "hòn đá thử vàng" để xem xét sự đúng hướng hay lệch hướng xã hội chủ nghĩa trong tiến trình phát triển kinh tế. Kinh tế nhà nước càng phát huy tốt vai trò chủ đạo bao nhiêu thì kinh tế - xã hội sẽ phát triển nhanh, góp phần thực hiện

mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" nhanh và vững chắc bấy nhiêu.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, hiện nay, trong thành phần kinh tế nhà nước các doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí cơ bản và rất to lớn nhưng không ít đơn vị chưa xứng đáng với vai trò mà nó đang nắm giữ. Vẫn tồn tại những doanh nghiệp nhà nước không những không nuôi nổi người lao động của mình, mà còn luôn đòi được Nhà nước cứu trợ cho sự tồn tại của nó; số khác liên tục thua lỗ, dù đã hơn một lần được Nhà nước "khoanh nợ" hoặc trợ cấp vốn từ ngân sách. Sự phê phán của dư luận xã hội đối với kinh tế nhà nước chính là nhằm vào bộ phận những doanh nghiệp loại này. Xét từ góc độ lợi ích của xã hội mà Nhà nước là người đại diện, những doanh nghiệp nhà nước được nêu ở đây thật sự đang là những gánh nặng, cần giải quyết càng sớm càng tốt.

Nhưng ngoài những doanh nghiệp thuộc loại đó, nhiều doanh nghiệp nhà nước kinh doanh

*PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc Thường trực Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

có hiệu quả và những doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực công ích đang góp phần thể hiện rõ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Đó là những "người lính đi đầu" trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong cuộc chiến chống đói, nghèo và tụt hậu; là chỗ dựa để Nhà nước điều tiết nền kinh tế thị trường đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Ngay cả những người "phản biện" nghiêm khắc nhất đối với các doanh nghiệp nhà nước cũng không thể phủ nhận được thực tế đó.

Tuy khuyến khích các thành phần kinh tế cùng phát triển, nhưng chúng ta không thể kỳ vọng nhiều vào các doanh nghiệp tư nhân trong nước hoặc nước ngoài đầu tư phát triển các ngành kinh tế như kết cấu hạ tầng kỹ thuật, cung ứng những hàng hóa và dịch vụ quan trọng. Đó còn chưa kể đến việc giải quyết các vấn đề xã hội. Trước đây, nếu không dựa vào kinh tế nhà nước thì làm sao trong một thời gian tương đối ngắn, Liên Xô có thể trở thành cường quốc. Ngày nay, đâu phải nền kinh tế Trung Quốc chủ yếu là do các doanh nghiệp tư nhân và các "hộ chuyên" góp sức tạo thành. Ngay tại những nước tư bản phát triển nhất, kết cấu hạ tầng cũng vẫn phải do nhà nước đảm nhận xây dựng và vận hành. Chẳng hạn, ở Anh, dưới thời Thủ tướng M. Thatcher, người ta không thể nào tư nhân hóa được hệ thống đường sắt mà chỉ bán các nhà ga và những đoàn tàu; nước Mỹ cũng không thể rao bán NASA và các nhà máy điện hạt nhân cho những tập đoàn tư bản kèch sù, dù đó là Bô-ինh hay Mai-crô-xốp... Bài học của Mê-hi-cô, do hành động theo "đơn thuốc" của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB) là tư nhân hóa ồ ạt các doanh nghiệp nhà nước, đã dẫn đến thảm họa thế nào, chúng ta đều biết rõ. Vậy thì, ở một nước

kém phát triển như Việt Nam, tư nhân nào có thể nâng cấp và làm mới các tuyến đường giao thông, các nhà máy điện và các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ; tư nhân hoặc liên doanh nào đến những xã vùng sâu, vùng xa để làm đường ô-tô, xây dựng trạm biến thế, để bán điện với giá tương đương như ở đô thị; hoặc khi thiên tai xảy đến, tư nhân nào có thể cứu hộ, trợ giúp được cả một địa phương, một khu vực?

Đất nước ta mới bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân. Khó khăn càng chồng chất, khi quan hệ hợp tác kinh tế với các đối tác quốc tế có trình độ phát triển cao hơn rất nhiều. Việc tiếp nhận, chuyển giao công nghệ phụ thuộc vào năng lực tiếp thu và khả năng nội sinh hóa công nghệ nhập khẩu. Tiềm lực khoa học và công nghệ yếu kém, lẽ đương nhiên, dễ gặp phải những khó khăn, rủi ro hơn trong việc thực thi các hợp đồng chuyển giao công nghệ cũng như các dự án góp vốn đầu tư hoặc nhập khẩu thiết bị toàn bộ. Trong hoàn cảnh này, các đối tác nước ngoài có thể lợi dụng ưu thế của họ để khống chế các đối tác nội địa. Chính vì vậy, nếu không có một khu vực kinh tế nhà nước đủ mạnh thì Nhà nước không thể hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác vươn lên trong cuộc hợp tác và cạnh tranh với các đối tác nước ngoài. Dù không nói công khai, nhưng dưới nhiều hình thức, ở những nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa như Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po,... kinh tế nhà nước vẫn đóng vai trò "bà đỡ" cho các doanh nghiệp vào những giai đoạn khó khăn, nhất là trong chuyển giao công nghệ, liên doanh góp vốn với nước ngoài. Những năm gần đây, khi nền kinh tế trì trệ, các chính phủ Mỹ, Nhật Bản, không phải chỉ một lần, xuất dự trữ nhà nước mua cổ

phiếu để cứu vãn một số công ty khi chúng bị chao đảo trên thị trường chứng khoán.

Để vươn lên nhằm thoát khỏi tình trạng của một nước kém phát triển bằng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế là hướng đi đúng của nước ta và không có con đường nào khác. Cuộc đấu tranh để bảo vệ sự lựa chọn con đường phát triển của mình trong hội nhập kinh tế quốc tế và thực tiễn những năm vừa qua càng cho thấy, nhất thiết không thể thiếu vai trò của kinh tế nhà nước, trong đó các doanh nghiệp nhà nước - yếu tố quan trọng nhất trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế Việt Nam trong quá trình xây dựng nền kinh tế quốc dân. Điều đó thể hiện trước hết ở chỗ, trong hội nhập kinh tế quốc tế, nền kinh tế Việt Nam sẽ phải hợp tác và cạnh tranh với hàng loạt các đối tác nước ngoài rất mạnh về vốn và công nghệ. Đương nhiên, các đối tác nước ngoài đó muốn ở Việt Nam sẽ chỉ còn lại những doanh nghiệp nhỏ làm vệ tinh, đại lý tiêu thụ cho chúng và không có khả năng cạnh tranh đáng kể với chúng. Chính vì thế, họ không mấy thiện cảm khi thấy chúng ta duy trì và củng cố các doanh nghiệp nhà nước cỡ lớn. Khi làm ăn với những đối tác có tiềm lực to lớn đó, nếu Việt Nam không có một khu vực kinh tế nhà nước đủ mạnh, sẽ khó có thể vừa hợp tác hiệu quả lại vừa giữ vững được sự ổn định kinh tế, chính trị, xã hội trên mỗi bước đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế nhà nước phải đủ sức làm chỗ dựa cho Nhà nước "của dân, do dân và vì dân" trong việc điều tiết, phát triển nền kinh tế nhằm chủ động hơn nữa trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích của đại đa số nhân dân, bảo đảm thống nhất giữa phát triển kinh tế với thực hiện công bằng xã hội - một trong những tiêu chí then chốt

của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ góc độ lợi ích của chủ nghĩa xã hội, trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, rõ ràng vị trí quan trọng, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước là điều không cần tranh luận, nhất là khi hiểu đúng quan điểm của Đảng và Nhà nước ta: "kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân... Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật"⁽¹⁾. Điều cần làm hiện nay là, phải tiếp tục đổi mới các doanh nghiệp nhà nước. Ngoài việc giải thể không chậm trễ những doanh nghiệp không còn khả năng tự tồn tại, cần tiếp tục đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc giữ cổ phần chi phối của Nhà nước. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp nhà nước do cấp tỉnh, thành phố quản lý, phải coi cổ phần hóa là giải pháp cấp thiết. Đã đến lúc các cấp ủy và tổ chức đảng, các cấp chính quyền cần nhanh chóng vào cuộc để đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa và coi đây là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách.

Đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước cần nắm 100% vốn thì vấn đề số một là phải có những cơ chế bảo đảm để các doanh nghiệp này đủ sức vươn lên đóng vai trò "chủ lực quân" trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Muốn thế, việc bổ nhiệm tổng giám đốc doanh nghiệp nhà nước

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 96

phải trên cơ sở giao khoán các nhiệm vụ và chỉ tiêu cụ thể, trước hết là yêu cầu bảo toàn vốn, tỷ suất lợi nhuận doanh nghiệp, đóng góp cho ngân sách nhà nước,... và có cơ chế ngăn chặn mọi sự can thiệp vô nguyên tắc vào hoạt động của doanh nghiệp.

Để các doanh nghiệp nhà nước có thể tăng sức cạnh tranh và ngăn ngừa nguy cơ "chảy máu chất xám", cần thực hiện nghiêm Luật Doanh nghiệp nhà nước, bảo vệ các quyền tự chủ của họ trong giải quyết các vấn đề về trả lương và các hình thức phân phối thu nhập phù hợp với khả năng của doanh nghiệp. Nhà nước chỉ quy định mức lương tối thiểu của người lao động trong doanh nghiệp nhà nước, không hạn chế mức lương tối đa. Về mức lương tối đa và các loại hình khuyến khích vật chất tại doanh nghiệp nhà nước sẽ do đại hội công nhân, viên chức của doanh nghiệp quyết định theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Đây là một cơ chế bảo đảm và thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước nâng cao năng suất lao động và nêu gương trước các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác về trả công cho người lao động. Và xét cho cùng, đây cũng là một trong những tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Do đó, trước di sản "quốc doanh hóa tràn lan" để lại từ thời bao cấp, việc đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (ngành nào, quy mô nào là tối ưu và số lượng bao nhiêu là hợp lý) thật sự là việc cần kíp trong cải cách doanh nghiệp nhà nước. Nhưng chúng ta không thể không tìm cho ra lời giải.

Ở nước ta hiện nay, chính quyền cấp tỉnh, thành phố và các bộ, ngành không cần thành lập và quản lý các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh vì lợi nhuận, mà chỉ thành lập và quản lý các doanh nghiệp công ích theo quy

định chung, có tính tới đặc thù của mỗi địa phương. Cần xem xét và xử lý hữu hiệu lại cơ chế cơ quan chủ quản của doanh nghiệp nhà nước đang tồn tại tràn lan như hiện nay. Có lúc chúng ta cho rằng, đó là một sự phân cấp hợp lý trong điều kiện chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế. Nhưng thực tế ngày càng cho thấy, không phải bao giờ các cơ quan chủ quản cũng giúp các doanh nghiệp nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động; trái lại, nhiều khi lại gây phiền hà, làm trầm trọng thêm cơ chế "xin - cho" - một biến thể của cơ chế bao cấp trước đây, làm nảy sinh các tệ nạn tham nhũng, cửa quyền và lãng phí. Theo đó, vốn ngân sách của Nhà nước bị thất thoát do có quá nhiều cơ quan thực hiện chức năng cấp phát, khi vốn đến doanh nghiệp thì không còn đủ để thực thi những kế hoạch ban đầu. Vì lợi ích cục bộ của mình và của các doanh nghiệp nhà nước trong ngành, một số bộ, ngành đã cố ý tạo những kẻ hở trong việc đề xuất các văn bản pháp lý để bảo hộ, ưu đãi cho doanh nghiệp của ngành, gây thiệt hại cho nền kinh tế quốc dân.

Do đó, xóa bỏ cơ chế chủ quản theo lối hành chính quan liêu, bao cấp đối với các doanh nghiệp nhà nước, để các doanh nghiệp này được tự chủ trong cơ chế thị trường và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng đồng vốn của Nhà nước trước các cơ quan tài chính là một giải pháp cần được áp dụng trong đổi mới doanh nghiệp nhà nước nói chung và trước hết là đối với các doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt của nền kinh tế. Cần có cơ chế bảo đảm để phân định rạch ròi nhiệm vụ chính trị - xã hội mà Nhà nước giao cho với lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp.

Xây dựng cơ chế bảo đảm để các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả trong

nền kinh tế thị trường là rất quan trọng, nhưng đào tạo và tuyển chọn cho được đội ngũ những cán bộ quản lý doanh nghiệp ngang tầm cũng rất cần thiết. Trong quản lý doanh nghiệp, không thể chấp nhận những cán bộ có trình độ chuyên môn thấp, kém năng động, nhất là khi trao cho họ những doanh nghiệp có số vốn lớn hàng trăm tỉ đồng và hàng nghìn người lao động. Kinh doanh trên thương trường khốc liệt chẳng kém gì trên chiến trường. Quản lý doanh nghiệp nhà nước mang những đặc thù riêng, nhất là phải chấp hành hàng loạt những quy định riêng do Nhà nước đặt ra với tư cách là chủ sở hữu. Vì vậy, phát hiện và sử dụng các cán bộ quản lý doanh nghiệp giỏi khó hơn nhiều so với các loại hình cán bộ khác. Việc đào tạo cán bộ quản lý doanh nghiệp phải lấy tự đào tạo là chính, đào tạo qua trường lớp chỉ có vai trò ban đầu và hỗ trợ.

Vấn đề công chức hóa cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước cần được tiếp tục đổi mới hơn nữa. Cần nghiên cứu, tham khảo những kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới trong vấn đề này: Tổng giám đốc của các hãng lớn kinh doanh toàn cầu hiện nay làm việc theo cơ chế gì mà hiệu quả sản xuất, kinh doanh vẫn được bảo đảm và lợi ích của chủ sở hữu vẫn được thực hiện, khi chủ sở hữu không mấy khi can thiệp vào hoạt động quản lý? Nên chăng, áp dụng chế độ thi tuyển để chọn giám đốc của từng doanh nghiệp nhà nước và chỉ bổ nhiệm có thời hạn dựa trên những điều kiện hợp lý mà các ứng cử viên đưa ra khi tham dự thi tuyển? Trong thực tế, ở nước ta có không ít cán bộ nhiều năm, thậm chí gần cả cuộc đời, suy tư, trăn trở về những ngành nghề mà họ say mê, về những phương thức, bước đi để kiến tạo những doanh nghiệp làm ra sản phẩm có thể cạnh tranh không chỉ

trong nước mà cả ở khu vực và thế giới. Những suy nghĩ đó có thể bắt nguồn từ chính những sai lầm và thất bại mà họ từng gánh chịu hoặc từ những gì họ thấy qua công việc kinh doanh của người khác, ở các nước khác. Khi vấn đề được đặt ra, họ sẽ tìm tòi bằng được những giải pháp để thực hiện nó. Cần có một cơ chế đủ sức hấp dẫn để thu hút những con người đầy tâm huyết và năng lực ấy vào đội ngũ quản lý doanh nghiệp nhà nước là một việc cấp bách, có ý nghĩa rất lớn. Sau gần 20 năm đổi mới, đội ngũ những người có đức, có tài sống bằng lao động chân chính ở nước ta cũng phát triển theo hướng đông hơn về số lượng và cao hơn về chất lượng. Có một cơ chế đủ sức thu hút nhân tài, tin tưởng, trao cho họ những cơ hội để thể hiện năng lực và lòng yêu Tổ quốc của mình, sẽ đưa đến những thành quả vô cùng to lớn.

Trên nền tảng chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu, xây dựng một cơ chế quản lý hữu hiệu, kiến tạo được một đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp giỏi là mấu chốt của thành công.

Cả lý luận và thực tiễn đều khẳng định, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không thể thiếu khu vực kinh tế nhà nước vững mạnh, đủ khả năng đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong thành phần kinh tế nhà nước, không có những doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích và những doanh nghiệp giữ các vị then chốt của nền kinh tế quốc dân không thể tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta sẽ thất bại, nếu để kinh tế nhà nước nói chung, doanh nghiệp nhà nước nói riêng, rơi vào tình trạng yếu kém kéo dài. □

TINH THẦN ĐIỆN BIÊN PHỦ SỐNG MÃI TRONG SỰ NGHIỆP CỦA CHÚNG TA

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

TRONG buổi bình minh của thiên niên kỷ mới, trên Tổ quốc Việt Nam hoàn toàn độc lập, thống nhất, công cuộc đổi mới xây dựng phát triển đất nước đang từng ngày khởi sắc, nhân dân ta kỷ niệm trọng thể 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Chúng ta còn nhớ: Thu - Đông năm 1953, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp bước sang năm thứ 8. Sau 5 năm tự lực chiến đấu trong vòng vây, từ năm 1950 trở đi, chủ lực ta liên tiếp mở nhiều chiến dịch lớn, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở biên giới Việt - Trung, Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào. Chiến tranh du kích phát triển mạnh, làm "ruỗng nát" vùng tạm chiếm của đối phương.

Trước tình hình nguy khốn ở Đông Dương, Chính phủ Pháp cử tướng bốn sao H. Na-va sang làm Tổng chỉ huy thứ 7 của đội quân viễn chinh xâm lược. Ta được biết nội dung kế hoạch Na-va do bạn Trung Quốc cung cấp. Theo kế hoạch này, H. Na-va đề ra mục tiêu trong vòng 18 tháng, tập trung lực lượng cơ động chiến lược để tiến công tiêu diệt phần lớn chủ lực ta, buộc Chính phủ ta phải chấp nhận đàm phán theo những điều kiện do Pháp đề ra, nhằm tìm "lối thoát danh dự" cho cuộc chiến tranh xâm lược.

Trong Đông - Xuân 1953 - 1954, Na-va tập trung các binh đoàn cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ nhằm đối phó với cuộc tiến công có thể xảy ra của chủ lực ta, cần quét bình định vùng sau lưng chúng; cho quân nhảy dù xuống Lạng Sơn, đánh ra Ninh Bình, uy hiếp các căn cứ kháng chiến của ta ở Việt Bắc và Thanh - Nghệ - Tĩnh.

Để phá tan kế hoạch Na-va, buộc chúng phải phân tán lực lượng, bị động đối phó, Bộ thống soái tối cao của ta chủ trương dùng một bộ phận quân chủ lực, phối hợp với các lực lượng địa phương, chủ động mở các cuộc tiến công lên Tây Bắc, Trung Lào và Hạ Lào, Bắc Tây Nguyên, lấy Tây Bắc làm hướng chính. Đó là những hướng chiến lược hiểm yếu mà địch tương đối yếu, ta có thể tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, tiếp tục khoét sâu mâu thuẫn cơ bản giữa tập trung và phân tán binh lực của địch, tạo nên thế trận mới, thời cơ mới. Tình hình có thể phức tạp, ta cần theo dõi diễn biến, khi thời cơ xuất hiện thì nhanh chóng tập trung lực lượng, tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân địch, làm chuyển biến cục diện chiến tranh có lợi cho ta.

Tháng 11-1953, khi phát hiện chủ lực ta tiến lên Tây Bắc, H. Na-va cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ để yểm trợ cho các đơn vị ở Lai Châu rút chạy, đồng thời bảo vệ Thượng Lào.

Sau khi biết chắc phần lớn chủ lực ta đã tiến lên Tây Bắc, H. Na-va chủ trương tăng cường lực lượng, gấp rút xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương nhằm thu hút và đánh bại chủ lực ta.

Đầu tháng 12-1953, quân ta mở cuộc tiến công tiêu diệt phần lớn quân địch ở **Lai Châu** rút chạy, bao vây Điện Biên Phủ. Hạ tuần tháng 12, Quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với Quân giải phóng Pa-thét Lào mở cuộc tiến công vào **Trung Lào**, giải phóng Thà Khẹt và phát triển xuống **Hạ Lào**, giải phóng cao nguyên Bô-lô-ven. Tháng 1-1954, tuy có tin địch sẽ tiến công vào vùng tự do ven biển Liên khu 5, nhưng chủ lực ta vẫn nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, kiên quyết mở cuộc tiến công lên **Bắc Tây Nguyên**, giải phóng Kon Tum và một vùng rộng lớn, nối liền với khu giải phóng Hạ Lào. Hạ tuần tháng 1-1954, trong khi tạm đình cuộc tiến công vào Điện Biên Phủ, một đơn vị chủ lực ta đã bất ngờ mở cuộc tiến công sang **Thượng Lào**. Đòn tiến công này đã giải phóng lưu vực sông Nậm Hu, uy hiếp thủ đô Luông Pha-băng.

Bằng 5 đòn tiến công chiến lược nói trên, ta đã điều động được lực lượng địch, thu hút chúng đến những chiến trường có lợi cho ta, buộc khối cơ động chiến lược của Na-va phải chia năm sẻ bảy để tiêu diệt chúng.

Phối hợp với các đòn tiến công của bộ đội chủ lực, chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ ở các vùng địch hậu đồng bằng **Bắc Bộ**, **Bình - Trị - Thiên**, cực **Nam Trung Bộ** và **Nam Bộ**. Hàng chục đoàn tàu bị lật đổ, hàng chục máy bay bị phá hủy trên các sân bay, hàng trăm đồn bốt bị san bằng, nhiều vùng căn cứ du kích được mở rộng.

Thắng lợi to lớn của các chiến trường phối hợp trong giai đoạn đầu của chiến cuộc Đông - Xuân 53 - 54 đã làm cho kế hoạch Na-va bị đảo lộn và bắt đầu phá sản. Ở chiến trường chính, **Điện Biên Phủ**, lúc đầu chưa có trong kế hoạch Na-va và cũng chưa có trong kế

hoạch tác chiến của ta, đã trở thành nơi diễn ra trận quyết chiến chiến lược, cuộc đọ sức quyết liệt nhất giữa ta và địch.

Thực hiện quyết tâm tiêu diệt địch ở Điện Biên Phủ, bộ phận tham mưu của ta và của đoàn cố vấn đi trước để chuẩn bị chiến trường, đã đề nghị phương án tranh thủ "**đánh nhanh giải quyết nhanh**" khi địch còn đứng chân chưa vững, dốc toàn lực đánh trong 3 đêm 2 ngày tiêu diệt toàn bộ quân địch giành thắng lợi. Tôi và đồng chí Trưởng Đoàn cố vấn đi sau, lên đến mặt trận đã nghe báo cáo phương án đánh nhanh.

Tại cuộc họp đầu tiên của Đảng ủy chiến dịch, tôi đã nêu những khó khăn lớn mà bộ đội ta chưa thể vượt qua nếu đánh theo phương án đó. Nhưng ý kiến chung đều cho rằng: Bộ đội ta được huấn luyện về cách đánh tập đoàn cứ điểm, hiện đang sung sức, quyết tâm chiến đấu rất cao, lại có lựu pháo và cao xạ pháo lần đầu xuất trận, với sức mạnh mới, có thể gây bất ngờ và sẽ chiến thắng. Nếu không đánh sớm, để địch tăng thêm quân và củng cố công sự, khiến tập đoàn cứ điểm trở nên quá mạnh, ta sẽ bỏ lỡ cơ hội đánh tiêu diệt lớn trong Đông Xuân này. Chiến dịch kéo dài sẽ không giải quyết được khó khăn về hậu cần. Đồng chí Trưởng Đoàn cố vấn cũng tán thành phương án ấy.

Tuy không tin vào thắng lợi của phương án đánh nhanh thắng nhanh, nhưng tôi tự thấy mình vừa mới đến chiến trường, chưa có đủ cơ sở thực tế để bác bỏ ý kiến của đa số, nên đã đồng ý triệu tập Hội nghị cán bộ để phổ biến kế hoạch tác chiến theo phương châm "**đánh nhanh, giải quyết nhanh**". Đồng thời, tôi chỉ thị cơ quan tham mưu theo dõi chặt chẽ tình hình địch từng ngày, từng giờ, kịp thời báo cáo; nếu tình hình thay đổi, ta có thể thay đổi kế hoạch.

Suốt 11 ngày đêm theo dõi tình hình, tôi thấy địch ngày càng tăng cường lực lượng, ra sức củng cố trận địa, và những khó khăn của ta chưa có cách khắc phục. Nhiều đêm trăn trở, cân nhắc, đêm cuối cùng thức trắng, tôi đi đến

kết luận: đánh theo cách này nhất định thất bại. Sáng ngày 26-1, tôi đã trao đổi ý kiến thống nhất với đồng chí Trưởng đoàn cố vấn, tiếp đó đưa ra Đảng ủy mặt trận bàn thay đổi cách đánh. Cuộc thảo luận trong Đảng ủy đã diễn ra gay go sôi nổi. Tất cả đều cho rằng bộ đội quyết tâm cao, mọi mặt đã chuẩn bị, phải đánh nhanh, nếu không sẽ khó khăn, mất thời cơ. Nhưng khi đặt ra câu hỏi: Vậy đánh nhanh có bảo đảm chắc thắng 100% như Bác Hồ căn dặn không? Thì không ai dám khẳng định; **cuối cùng Đảng ủy đã đi đến nhất trí phải chuyển sang phương châm "đánh chắc, tiến chắc"** - một phương án đã từng dự kiến trước đây. Mặc dầu mấy vạn quân ta đã giần trận, đạn đã lên nòng sẵn sàng nổ súng vào đêm 26 tháng 1, nhưng chúng ta đã kiên quyết dừng lại, cho lui quân về vị trí tập kết, kéo pháo ra để chuẩn bị trận địa đánh theo phương án mới. Quyết định thay đổi phương châm đã được triển khai, sau đó báo cáo về Trung ương bằng thư hỏa tốc, được Bác Hồ và Bộ Chính trị nhất trí và cho biết sẽ động viên hậu phương đem toàn lực chi viện cho tiền tuyến đánh thắng.

Thay đổi cách đánh trong tình thế toàn mặt trận từ trên xuống dưới quyết tâm chiến đấu theo phương án đánh nhanh giải quyết nhanh, các đơn vị đã vào vị trí chiến đấu, chờ giờ nổ súng là **quyết định khó khăn nhất** trong cuộc đời chỉ huy của tôi.

Chúng ta chuyển sang cách đánh chắc, tiến chắc, tức là bao vây đánh dần từng bước, tiêu diệt từng bộ phận, từ ngoại vi vào trung tâm. Đánh theo cách này, ta có điều kiện tập trung binh hỏa lực ưu thế tuyệt đối trong từng trận, tạo nên sức mạnh áp đảo đánh thắng địch.

Để bảo đảm bao vây, tiêu diệt địch từng bước, theo kinh nghiệm chiến đấu của Giải phóng quân Trung Quốc mà Đoàn cố vấn giới thiệu, chúng ta đã xây dựng một hệ thống đường kéo pháo bằng cơ giới và các trận địa pháo có hầm đào sâu vào vách núi; xây dựng một hệ thống trận địa bao vây và tiến công quy mô

chiến dịch, với hàng trăm ki-lô-mét hào giao thông để cơ động tiếp cận địch, với hàng vạn công sự chiến đấu, công sự ẩn nấp cho người và vũ khí, có hầm nghỉ ngơi, sinh hoạt, cấp cứu thương binh trong lòng đất, bảo đảm cho bộ đội chiến đấu liên tục ngày đêm trên cánh đồng Mường Thanh, dưới sự đánh phá ác liệt của không quân và pháo binh địch.

Trải qua một quá trình chiến đấu dài ngày, chúng ta đã lần lượt tiêu diệt từng cụm cứ điểm của địch, xiết chặt vòng vây, vận dụng chiến thuật đánh lấn, bắn tỉa, chia cắt sân bay, triệt đường tiếp tế... làm cho tập đoàn cứ điểm ngày càng bị bóp nghẹt, không phận ngày càng bị thu hẹp, khó khăn ngày càng chồng chất, tinh thần chiến đấu của địch ngày càng sa sút. Cuối cùng, ta mở đợt tiến công quyết định đánh vào sở chỉ huy đầu não, bắt sống tướng Đờ-Cát và Bộ chỉ huy, buộc toàn bộ quân địch đầu hàng, giành thắng lợi cho chiến dịch.

Như vậy, Quân đội ta từ chỗ mới tiêu diệt được từng tiểu đoàn địch phòng ngự trong công sự vững chắc và thường chỉ đánh trong đêm, đã tiến lên tiêu diệt 21 tiểu đoàn phòng ngự trong một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, với 8 trung tâm đề kháng, 49 cứ điểm và đánh liên tục trong 56 ngày đêm, đã tiêu diệt, bắt sống hơn 1 vạn 6 nghìn quân địch, đại bộ phận là lính Âu Phi tinh nhuệ.

Đây là trận tiêu diệt chiến lớn nhất, tiêu biểu nhất, một bước trưởng thành vượt bậc về trình độ tác chiến của quân đội ta.

*

* *

Kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Bác Hồ viết: *"Điện Biên Phủ như là một cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lần xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn"⁽¹⁾.*

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, t 11, tr 261

"Đó là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta mà cũng là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới".

Năm nay kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, nhìn lại tiến trình lịch sử của dân tộc ta và của nhân loại qua nửa thế kỷ, chúng ta càng thấy ý nghĩa to lớn và sâu sắc của chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ.

Điện Biên Phủ là trận đánh tiêu diệt và bắt sống quân viễn chinh xâm lược lớn nhất, gọn nhất của quân đội ta, dân tộc ta và của phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX.

Chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân xâm lược Pháp.

Ông cha ta trước đây từng tiêu diệt quân xâm lược ở Bạch Đằng, Chi Lăng... để giải phóng Thăng Long. Đến thời đại Hồ Chí Minh, quân và dân ta đã đánh một trận tiêu diệt lớn quân xâm lược ở Điện Biên Phủ, buộc đối phương phải đi đến ký kết Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, giải phóng nửa nước, giải phóng Thủ đô Hà Nội. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, được xây dựng ngày càng vững mạnh trở thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng cả nước, trở thành hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam. Đó là **"nhân tố quyết định nhất"**, trong khi phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam Thành đồng Tổ quốc là **"nhân tố quyết định trực tiếp"** của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Như chúng ta đã biết, sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ta bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với sức mạnh mới của một nửa nước được hoàn toàn giải phóng, xây dựng chế độ xã hội mới với sự giúp đỡ của các nước anh em cả về kinh tế và quốc phòng. Ta có một Quân đội nhân dân được xây dựng theo phương hướng chính quy và hiện đại, gồm nhiều binh chủng và quân chủng, với một đội ngũ cán bộ dạn dày kinh nghiệm, đã được bồi dưỡng, đào tạo trưởng thành. Trong quá trình kháng chiến

chống Mỹ, hàng triệu thanh niên lên đường vào Nam chiến đấu, trong đó hàng vạn "chiến sĩ Điện Biên Phủ" đã lập công xuất sắc. Hàng ngàn "chiến sĩ Điện Biên Phủ" đã tham gia cuộc tổng tiến công và nổi dậy đại thắng mùa xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, trong đó có 3 trong 4 Tư lệnh Quân đoàn từng là Trung đoàn trưởng chiến đấu ở Điện Biên Phủ.

Như vậy, chiến thắng Điện Biên Phủ đã tạo nên chỗ dựa vững chắc, tạo lên lực lượng, ý chí, niềm tin và kinh nghiệm để quân và dân ta tiến lên, đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đưa đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập, thống nhất hoàn toàn, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, qua 9 năm kháng chiến nhân dân ta đã làm nên **trận Đại thắng Điện Biên Phủ giải phóng nửa nước**, tạo điều kiện để 21 năm kháng chiến tiếp theo, làm nên **trận toàn thắng mùa Xuân 1975 giải phóng nửa nước còn lại**, đưa giang sơn về một mối. Điều trùng lặp kỳ lạ là về thời gian, hai trận quyết chiến chiến lược ấy đều diễn ra trong 56 ngày đêm chiến đấu liên tục và chiến thắng vẻ vang. Cũng một điều trùng lặp nữa là khi tình thế thay đổi thì cả hai trận đã kịp thời thay đổi quyết sách. Trận trước, dự định đánh trong 2 ngày 3 đêm đã chuyển sang đánh gần 2 tháng; trận sau, dự định đánh trong 2 năm nhưng khi thời cơ đến đã tiến công thần tốc chỉ đánh trong gần 2 tháng.

Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam như Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa trong thời đại mới.

Ý nghĩa to lớn của chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ đối với dân tộc ta là như vậy.

Trên phạm vi thế giới, với chiến thắng Điện Biên Phủ, lần đầu tiên trong lịch sử nhân

loại: một dân tộc vốn là thuộc địa nửa phong kiến, đất không rộng, người không đông, kinh tế còn lạc hậu, vũ khí kém cỏi, đã đánh thắng quân đội xâm lược của một cường quốc phương Tây có tiềm lực kinh tế và quân sự lớn, trang bị vũ khí hiện đại.

Trong lần đến thăm Việt Nam gần đây, Chủ tịch Phi-đen Cát-xơ-rô đã nói: "Tôi đã đọc lịch sử chiến tranh. Từ trước đến nay chưa từng có một cuộc chiến tranh nào mà một nước nhỏ, kinh tế lạc hậu như Việt Nam mà vẫn đánh thắng Pháp và Mỹ. Đó là vô song. Trên thế giới chưa từng có. Trong lịch sử chưa từng thấy".

"Chiến thắng Điện Biên Phủ đã làm cho các dân tộc thuộc địa ngừng cao đầu"⁽²⁾. Tiếng sấm Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, vang tới những vùng xa xôi còn chìm đắm trong đêm dài nô lệ, thức tỉnh và tạo niềm tin cho các dân tộc bị áp bức vùng lên. Gần hai thập kỷ sau Điện Biên Phủ, hàng loạt nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ La-tinh đã lần lượt giành độc lập với hình thức và mức độ khác nhau. Phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội phát triển sâu rộng.

Với Điện Biên Phủ, Việt Nam trở thành nước đi tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc, đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa thực dân cũ - một vết nhơ trong lịch sử nhân loại.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã góp phần làm thay đổi cục diện thế giới. Ý nghĩa quốc tế lớn lao của Điện Biên Phủ là như vậy.

*

* *

Chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ bắt nguồn từ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ kính yêu, từ tinh thần chiến đấu dũng cảm và mưu trí sáng tạo của quân và dân ta; từ sự phối hợp chiến đấu của nhân dân hai nước Lào, Cam-pu-chia anh em, sự giúp đỡ quan trọng của Trung Quốc, Liên Xô và sự đồng tình ủng hộ của bạn bè quốc tế, kể cả nhân dân Pháp.

Chiến thắng Điện Biên Phủ bắt nguồn sâu xa từ truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí quật cường bất khuất; trí thông minh sáng tạo; tình đoàn kết nhân ái là những nhân tố chủ yếu tạo nên bản sắc văn hóa của dân tộc ta được hun đúc qua mấy nghìn năm lịch sử. Trong thời đại mới, sức sống mãnh liệt của văn hóa Việt Nam đã được khơi dậy mạnh mẽ, được nâng lên tầm cao mới, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đã tạo nên sức mạnh phi thường, lần lượt đánh thắng hai đế quốc to, giành thắng lợi trọn vẹn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

*

* *

Ngày nay, sau 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, cục diện thế giới và đất nước đã và đang có những biến đổi lớn lao, sâu sắc.

Đất nước ta đang đứng trước thời cơ và vận hội mới, đồng thời, phải đương đầu với những nguy cơ và thách thức mới. Trong khi kinh tế và khoa học trên thế giới đang có những bước phát triển vượt bậc, thì nước ta vẫn còn là một trong những nước nghèo. GDP bình quân đầu người mới bằng 1/3 của Thái Lan, 1/50 của Xin-ga-po, 1/70 của Mỹ.

Kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, điều thiết thực nhất là chúng ta hãy phát huy tinh thần Điện Biên Phủ trong cuộc chiến đấu mới - cuộc chiến đấu chống nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho toàn dân ta.

Tinh thần Điện Biên Phủ trước hết là tinh thần yêu nước, "không có gì quý hơn độc lập, tự do", không cam chịu làm nô lệ, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, quyết chiến, quyết thắng, kết hợp tinh thần

(2) Ô-mam U-xê-dich, Trưởng Đoàn đại biểu quân đội An-giê-ri nói trong dịp sang thăm Việt Nam năm 1960

dũng cảm kiên cường với trí thông minh sáng tạo, nỗ lực phi thường để khắc phục những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua, làm được những việc tưởng chừng không thể làm nổi, tạo nên bước tiến vượt bậc về khả năng và sức mạnh chiến đấu để đánh bại kẻ thù lúc chúng có những cố gắng chiến tranh cao nhất.

Ngày nay, phát huy tinh thần Điện Biên Phủ chúng ta hãy nêu cao lòng yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, tự tôn dân tộc, tự lực tự cường, không cam chịu nghèo nàn và lạc hậu, quyết tâm vượt qua thách thức, phát huy trí thông minh sáng tạo, dám nghĩ dám làm, làm nên một "Điện Biên Phủ" mới trong sự nghiệp đổi mới. Mỗi người, mỗi tổ chức có những nỗ lực vượt bậc, lập nên những đỉnh cao thành tích mới, những "Điện Biên Phủ" lớn, nhỏ trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học, giáo dục, văn hóa, xã hội. Chúng ta đã từng thực hiện được bước tiến vượt bậc trong sản xuất, xuất khẩu lương thực, biến những vùng, những hộ nghèo đói trở thành giàu có; đạt đỉnh cao trong thi tài văn hóa, khoa học trên thế giới; đạt được một bước tiến vượt bậc về thành tích thi đấu của tuổi trẻ Việt Nam trong SEA Game 22. Điều cực kỳ quan trọng là, chúng ta phải thực hiện cho được chủ trương coi khoa học và giáo dục là quốc sách hàng đầu, làm cho con người Việt Nam tiến lên chiếm những đỉnh cao của khoa học, làm cho khoa học - giáo dục thật sự trở thành động lực, nhất định chúng ta sẽ tạo nên những bước phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết của Trung ương 9 vừa qua của Đảng, góp phần sớm khắc phục sự tụt hậu, từng bước đưa nước ta tiến lên nhanh và vững, sánh vai cùng các nước trung bình rồi các nước tiên tiến trên thế giới.

Trong lúc tập trung vào nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, phải thường xuyên coi trọng nhiệm vụ tăng cường an ninh, củng cố quốc phòng. Có kế hoạch chống lại các âm

mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, nghiên cứu những phát triển của khoa học quân sự hiện đại thế giới, các hình thức chiến tranh kiểu mới, vận dụng và phát triển sáng tạo kinh nghiệm quý báu của hai cuộc kháng chiến, hoàn thiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chuẩn bị cho các lực lượng vũ trang, cho đất nước sẵn sàng đánh bại mọi cuộc chiến tranh xâm lược mà kẻ địch có thể gây ra với nước ta, bảo vệ vững chắc vùng đất, vùng trời, vùng biển của Tổ quốc.

Tinh thần Điện Biên Phủ là tinh thần tôn trọng thực tế, nắm vững quan điểm thực tiễn, không chủ quan duy ý chí, luôn bám sát sự phát triển của thực tiễn, khi thấy tình hình đã thay đổi thì mục tiêu tiêu diệt địch ở Điện Biên Phủ vẫn giữ vững, nhưng kiên quyết thay đổi cách đánh, dù cách đánh ấy đã thành Nghị quyết đang triển khai, tìm ra cách đánh phù hợp để giành thắng lợi. Đây là bài học sâu sắc nhất về lãnh đạo và chỉ huy trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngày nay, bài học ấy đang hết sức có ý nghĩa đối với chúng ta. Đảng ta từ Đại hội VI đến Đại hội IX đã xuất phát từ tình hình thực tiễn, từng bước phát triển sáng tạo lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành được thắng lợi to lớn, quan trọng. Tuy nhiên, sự nghiệp xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội ở một nước kinh tế chậm phát triển như nước ta là chưa có tiền lệ. Tình hình thực tiễn của thế giới và nước ta đã và đang có những biến đổi sâu sắc và những phát triển mới chưa từng có. Quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội còn nhiều vấn đề đặt ra phải nghiên cứu giải đáp.

Chúng ta hãy phát huy tinh thần thực tiễn và sáng tạo của Điện Biên Phủ trong công cuộc đổi mới. Luôn gắn lý luận với thực tiễn, thấm nhuần quan điểm coi thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, luôn bám sát thực tiễn, phân tích phát hiện, nhận thức đúng đắn những phát

triển mới của tình hình thế giới và trong nước. Nghiên cứu tổng kết thực tiễn, phát triển sáng tạo lý luận. Khi thực tiễn đã thay đổi thì mục tiêu xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh vẫn giữ vững, nhưng kiên quyết thay đổi, bổ sung những chủ trương, chính sách, biện pháp, dù có những vấn đề đã thành quyết định, nghị quyết nhưng không còn phù hợp, không có hiệu quả. Không chủ quan, duy ý chí, không bảo thủ giáo điều, dừng lại ở nhận thức và quan điểm cũ đã lỗi thời. Có như vậy mới đưa sự nghiệp đổi mới đến thắng lợi.

Sức mạnh làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ là sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, sức mạnh của toàn dân, của cả nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, chúng ta đã động viên được sức mạnh của toàn quân, toàn dân, từ tiền tuyến đến hậu phương vào trận quyết chiến Điện Biên Phủ. Lần đầu tiên chúng ta đã tập trung gần 5 sư đoàn chủ lực mạnh vào một trận đánh, động viên các chiến trường trong cả nước và hai nước bạn Lào - Cam-pu-chia chiến đấu phối hợp với chiến trường chính Điện Biên Phủ. Chúng ta đã huy động sức người sức của từ vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh, Tây Bắc, Việt Bắc đến nhiều tỉnh vùng địch tạm chiếm ở Bắc Bộ chi viện cho Điện Biên Phủ. Hàng chục vạn đồng bào đã hăng hái đi dân công, thanh niên xung phong, tham gia làm đường, vận tải tiếp tế, phục vụ chiến dịch, bảo đảm hậu cần cho một mặt trận xa hậu phương hàng năm, bảy trăm cây số, trong điều kiện đường sá khó khăn, phương tiện vận tải thô sơ thiếu thốn, địch đánh phá ác liệt; làm được một việc mà kẻ thù không thể ngờ tới ta có thể làm được.

Ngày nay, sức mạnh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vẫn là sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, của toàn dân.

Chúng ta phải luôn coi trọng nêu cao tinh thần dân tộc, quán triệt sâu sắc nghị quyết của Đại hội IX về phát huy sức mạnh khối

đại đoàn kết dân tộc. Đoàn kết 54 dân tộc anh em, đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết đồng bào trong nước và đồng bào định cư ở nước ngoài, làm thất bại âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch. Phải thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các vùng đồng bào dân tộc, trong đó có Điện Biên Phủ và Tây Bắc, vùng căn cứ kháng chiến, vùng sâu vùng xa, giúp đồng bào phát triển kinh tế, văn hóa, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, khắc phục tình trạng quá chậm trễ như hiện nay, làm cho miền núi sớm tiến kịp miền xuôi như Bắc Hồ mong muốn.

Thực hiện các nghị quyết của Trung ương về **phát huy thế mạnh của các vùng kinh tế, phát huy vai trò của các thành phần kinh tế, động viên toàn dân ra sức làm kinh tế, để thực hiện dân giàu, nước mạnh, với một khí thế thi đua sôi nổi như toàn dân đã hăng hái tham gia hai cuộc kháng chiến trước đây.** Phải luôn luôn ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ trong *Di chúc* đối với công cuộc xây dựng đất nước sau chiến tranh: **"Để giành được thắng lợi trong công cuộc khổng lồ này, phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của nhân dân"**.

Thực sự mở rộng dân chủ, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, tránh dân chủ hình thức, tạo nên sự nhất trí giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, sự gắn bó của người dân với chế độ xã hội, với lãnh đạo, như dân đã từng gắn bó với cách mạng trong thời kỳ kháng chiến. Thực hiện dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ cương pháp nước.

Chỉ trên cơ sở sự đồng tình ủng hộ và tham gia tự nguyện của nhân dân, giữ vững được lòng dân, ta mới giữ vững được ổn định chính trị, tạo nên sức mạnh đưa công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đến thành công.

Nhân tố quyết định đưa đến thắng lợi Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến thắng Điện Biên Phủ là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng

ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Sự lãnh đạo đó không những trước hết thể hiện ở đường lối chính trị và đường lối quân sự đúng đắn, ở sự chỉ đạo chiến lược tài tình mà điều quan trọng còn thể hiện ở vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên.

Trước thách thức quyết liệt của trận Điện Biên Phủ, biết bao đảng viên ưu tú đã một lòng vì nước vì dân, nêu cao tinh thần gương mẫu trong chiến đấu, không quản gian khổ, hy sinh, sẵn sàng xả thân để giành chiến thắng. Tại mặt trận, trước tình huống khó khăn, gay go, quyết liệt đã vang lên tiếng thét "Các đảng viên cộng sản tiến lên", "Ai là người theo Đảng hãy tiến lên" hai tiếng đảng viên thiêng liêng và hành động tiên phong gương mẫu của đảng viên đã có sức mạnh cổ vũ đồng đội xông lên tiêu diệt kẻ thù, giành thắng lợi.

Ngày nay, sự lãnh đạo của Đảng, vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên vẫn là nhân tố quan trọng, quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đảng ta đã có một đội ngũ cán bộ đảng viên kế tiếp xứng đáng, có phẩm chất và năng lực, năng động, sáng tạo, làm hạt nhân lãnh đạo trong các cấp, các ngành, đưa công cuộc Đổi mới tiến lên đạt những thành tựu to lớn. Tuy nhiên, điều mà hiện nay toàn Đảng, toàn dân quan tâm và lo ngại là bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên suy thoái về chính trị, đạo đức, tiêu cực, quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng, đang làm giảm uy tín và sức mạnh lãnh đạo của Đảng, đe dọa sự tồn vong của Đảng. Vì vậy, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đồng tâm, nhất trí, tìm ra nguyên nhân yếu kém và biện pháp có hiệu lực, thực hiện bằng được nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, làm cho đội ngũ đảng viên thật sự hết lòng vì nước, vì dân, tiếp tục nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu trong nhiệm vụ cách mạng mới, như đã từng tiên phong gương mẫu trong chiến đấu. Đây

cũng là nhân tố quyết định đưa sự nghiệp Đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc tiến lên đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đối với nhân loại, Điện Biên Phủ là điểm hẹn tất yếu mà lịch sử dành cho những cuộc chiến tranh xâm lược trong thời đại ngày nay. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã chứng minh một chân lý của thời đại là các dân tộc bị áp bức, bị xâm lược, nếu biết đoàn kết đứng lên đấu tranh vì độc lập tự do, vì quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc của mình, có đường lối đúng đắn, dám đấu tranh và biết đấu tranh thì dân tộc đó nhất định thắng lợi. Trong thời đại ngày nay, bất cứ dân tộc nào dùng sức mạnh để áp đặt ý muốn của mình lên dân tộc khác thì cuối cùng, nhất định sẽ thất bại.

Các lực lượng hiếu chiến dù có tàn bạo đến đâu thì cuộc đấu tranh của nhân loại tiến bộ vì hòa bình, hữu nghị và phát triển, vì một trật tự thế giới mới công bằng, dân chủ nhất định thắng lợi.

*

* *

Kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đòi đòi nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại, nhớ ơn các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc, nhớ ơn các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng đã hiến dâng cho đất nước những người con thân yêu. Chúng ta gửi lời thăm hỏi thân thiết nhất đến các đồng chí thương binh, bệnh binh, cựu chiến binh, thanh niên xung phong, dân công, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi của chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ, của cuộc kháng chiến 30 năm chống đế quốc xâm lược.

Chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ đã làm cho ba tiếng "Điện Biên Phủ" trở thành biểu tượng của sức mạnh văn hóa.

Tinh thần Điện Biên Phủ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.□

Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp là ***“MỘT ĐIỆN BIÊN PHỦ ANH HÙNG”***

VĂN TẠO*

CHIẾN thắng Điện Biên Phủ cách đây 50 năm, nhưng ý nghĩa lịch sử của nó vẫn cần được khai thác để tìm ra những bài học bổ ích cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước hiện nay và mai sau. Một trong những ý nghĩa có tầm quan trọng hàng đầu là, với chiến lược kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện, liên tục tiến công... nhân dân Việt Nam đã "Chín năm làm một Điện Biên" như chúng ta thường nói. Nay đi sâu tìm hiểu những bài học lịch sử, chúng ta còn có thể khẳng định: **Cả chín năm kháng chiến toàn dân, toàn diện đã làm nên một Điện Biên Phủ anh hùng.**

Có thể nói như vậy là vì, ngay từ những ngày đầu, chúng ta đã đi vào cuộc kháng chiến với tinh thần "Quyết chiến, quyết thắng", "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Tinh thần đó không hề có chút nào phiêu lưu, mạo hiểm, mà bắt nguồn từ **đường lối khoa học và cách mạng** của Đảng và Nhà nước ta, với chủ trương "**Kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện**". Chủ trương đúng đắn đó đã từng bước đưa lực lượng kháng chiến của ta từ không đến có, từ thiếu đến đủ, từ yếu đến mạnh, từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, từ "giữ gìn và phát triển lực lượng" đến tổng phản công giành toàn thắng ở Điện Biên Phủ.

Thực tế, đến năm 1954, cuộc kháng chiến của chúng ta đã **đạt đến đỉnh cao** về tất cả các mặt,

tạo thành một sức mạnh tổng hợp, một thế trận áp đảo kẻ thù ở Điện Biên Phủ để kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh.

Về chính trị: Sau Cách mạng Tháng Tám thành công năm 1945, vị thế chính trị của chúng ta đang xây nền dựng móng. Chính phủ cách mạng lâm thời ra đời gặp vô vàn khó khăn. Thù trong chưa hết, giặc ngoài đã đến. Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ. Thực dân và bọn tay sai phản động bắt tay nhau, ra sức chống phá cách mạng. Chính phủ cách mạng *chưa được một nước nào trên thế giới công nhận*, lại đứng trước một tình thế "ngàn cân treo trên đầu sợi tóc". Nhưng, dưới sự cheo lái tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng, dân tộc ta đã vượt qua mọi khó khăn. Cuộc Tổng tuyển cử tự do được tổ chức thành công. Hiến Pháp được xây dựng. Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa - một Chính phủ hợp hiến, hợp pháp, ra đời.

Với tinh thần đoàn kết dân tộc, Việt Minh bắt tay với các đảng Việt Cách và Việt Quốc thành lập Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Nhưng, có vấn đề Bảo Đại cùng một số thành viên Chính phủ Liên hiệp thuộc các đảng Việt Cách

* GS Sử học

và Việt Quốc lại đào nhiệm. Chính phủ được cải tổ, bổ sung, có thêm nhiều nhân sĩ, trí thức yêu nước. Chính phủ đã lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kỳ với phương châm *"vừa kháng chiến, vừa kiến quốc"*. Thắng lợi đầu tiên là đánh bại hoàn toàn chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của địch trong chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947. Uy tín của Chính phủ được nâng cao. Việt Minh và Liên Việt hợp nhất thành một mặt trận đoàn kết toàn dân rộng rãi, vững chắc, lấy liên minh công nông làm cơ sở. Công nhân, nông dân, trí thức liên kết, gắn bó với nhau, cùng nhau vừa sản xuất, vừa chiến đấu, đưa kháng chiến vượt qua các giai đoạn thứ nhất là *giữ gìn và phát triển lực lượng*, tiến lên giai đoạn thứ hai là *chuẩn bị thế và lực để tổng phản công*.

Chiến dịch Biên giới Thu - Đông năm 1950 thắng lợi. Cả vùng biên giới phía Bắc được giải phóng, mở cửa cho Việt Nam thông ra thế giới. Các chiến khu kháng chiến ở cả Bắc, Trung, Nam được củng cố và mở rộng. Uy tín của Chính phủ ở trong nước cũng như ưu thế chính trị của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao. Năm 1950, Liên Xô, Trung Quốc và một số nước anh em công nhận Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đại hội II của Đảng (năm 1951) đánh dấu bước lớn mạnh vượt bậc của *hệ thống chính trị*. Nhiệm vụ phản phong được đẩy mạnh. Đến năm 1953, nhiệm vụ này được đưa lên đỉnh cao, đó là cuộc phát động quần chúng thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất. Nhiệm vụ phản phong hỗ trợ tích cực nhiệm vụ phản đế. Thắng lợi trên các mặt trận kinh tế, văn hóa, quân sự, ngoại giao... làm cho thắng lợi chính trị tăng lên. So với ngày *"toàn quốc kháng chiến"*, vị thế chính trị của Việt Nam năm 1954 đạt đến đỉnh cao chưa từng có, tạo điều kiện cho cuộc tổng phản công thắng lợi. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát: "Lòng yêu nước nồng nàn, sự thống nhất về tinh thần và chính trị của nhân dân và quân đội xung quanh Đảng và Chính phủ đã giúp chúng tôi vượt qua những thử thách khó khăn không tưởng tượng được và tạo những điều kiện về chính trị, kinh tế và quân sự để chiến thắng..."⁽¹⁾.

Về kinh tế: Tháng 12-1946, khi tiếng súng kháng chiến bùng nổ, nhân dân Việt Nam còn thiếu thốn mọi bề: thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu thuốc men, vũ khí, đạn dược... Kẻ thù cho rằng, với những khó khăn về kinh tế như vậy, chúng ta không tài nào vượt nổi. Nhưng cách mạng Việt Nam đã có cách đi của mình. Với chủ trương "ba diệt" là *"diệt giặc đói khổ, diệt giặc dốt nát, diệt giặc ngoại xâm"* được đề ra từ sau Cách mạng Tháng Tám, Đảng và Nhà nước ta đã đưa việc "diệt giặc đói khổ" (tức đưa nhiệm vụ kinh tế) lên hàng đầu.

Chủ trương *"vừa kháng chiến vừa kiến quốc"* được thực hiện với phương châm *triệt để dựa vào dân, phát huy sức mạnh của dân, lấy tự lực cánh sinh làm chính, đồng thời tích cực tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế*. Khẩu hiệu chung là *"sản xuất đi đôi với chiến đấu"*, *"sản xuất với tinh thần chiến đấu"*. Với nông dân thì *"ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ, hậu phương thi đua với tiền phương"*. Với công nhân thì thi đua sản xuất ra nhiều nông cụ, phân bón, đạn dược, thuốc men... Với trí thức thì kết hợp kỹ thuật nông nghiệp truyền thống "nước phân cần giống" với trí thức nông nghiệp hiện đại vào tăng gia sản xuất. Tất cả các giới, các ngành đều tích cực hưởng ứng phong trào thi đua *"thực túc binh cường, ăn no đánh thắng"* mà Hồ Chủ tịch đề ra. Nhờ vậy, tất cả các ngành sản xuất đều phát triển nhanh chóng và đạt năng suất cao. Đặc biệt, sản xuất nông nghiệp phát triển đến đỉnh cao: *đạt 3 triệu tấn lương thực/năm*.

Nông nghiệp phát triển đã khiến các địa phương cung cấp vượt chỉ tiêu kế hoạch cho chiến trường. Chỉ riêng chiến dịch Điện Biên Phủ, hậu phương đã cung cấp 27 000 tấn gạo và hơn 1 800 tấn thực phẩm các loại, cùng 260 000 dân công với 11 300 000 ngày công. *Đỉnh cao thắng lợi về kinh tế* nói trên là điều kiện không thể thiếu để có được đỉnh cao thắng lợi về quân sự.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 8, tr 55

Về văn hóa - tư tưởng: Nếu phát triển kinh tế bắt đầu bằng "diệt giặc đói khổ" thì phát triển văn hóa - tư tưởng bắt đầu bằng "diệt giặc dốt nát".

Chế độ thực dân phong kiến để lại một di sản văn hóa vô cùng thâm hại: hơn 90 % số dân mù chữ, tri thức nghèo nàn, khoa học - kỹ thuật lạc hậu. Nhưng cách mạng là sáng tạo. Cả một dân tộc vùng lên thoát hiểm. Theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một chiến dịch "diệt dốt" được mở ra trên khắp mọi miền đất nước. Người người diệt dốt, nhà nhà diệt dốt. Người biết chữ dạy người chưa biết chữ. Người biết ít học người biết nhiều. Học trên cánh đồng, học ngoài trận địa...

"Dốt" không chỉ là mù chữ mà còn là "dốt" về văn hóa, khoa học, lạc hậu về tư tưởng, kiến thức, trì trệ về tư duy. Một hệ thống giáo dục phổ thông và bổ túc văn hóa được xây dựng. Cho đến năm 1950, đã có 10 tỉnh xóa xong nạn mù chữ. Từ năm 1946 đến năm 1954, tổng số người thoát nạn mù chữ là 10,5 triệu. Số lượng các trường cấp I, II, III niên học 1949 - 1950 là 3 047 với 7.989 giáo viên; niên học 1953 - 1954 là 4 004 với 12 592 giáo viên. Giáo dục trung học và đại học cũng phát triển⁽²⁾.

Văn hóa, khoa học, nghệ thuật phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, theo 3 phương châm "dân tộc, khoa học, đại chúng" mà Đề cương Văn hóa của Đảng đã đề ra. Đại hội Giáo dục được mở ra tháng 7-1951. Ban Nghiên cứu Lịch sử - Văn học - Địa lý được thành lập năm 1953. Các giải thưởng văn hóa, nghệ thuật, cải tiến kỹ thuật bước đầu được bình chọn. Những anh hùng, chiến sĩ thi đua trong văn hóa - nghệ thuật, khoa học - kỹ thuật được biểu dương trong Đại hội Thi đua toàn quốc tháng 5-1952, tiêu biểu như Trần Đại Nghĩa, Ngô Gia Khảm, Lương Định Của. Cả một nền văn hóa dân tộc được phục hưng và nâng cao nhờ tiếp thu khoa học, kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật mới của thời đại. Tất cả đã tác động mạnh mẽ đến sản xuất và chiến đấu. Con người Việt Nam đã **phát huy tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường bất**

khuyết của ông cha, nay lại tiếp thu lý luận **khoa học và cách mạng của thời đại**, để có được một quyết tâm: "Hễ còn một tên lính thực dân trên đất nước Việt Nam, thì Việt Nam cứ đánh, đánh cho đến thắng lợi hoàn toàn, đánh cho đến độc lập và thống nhất thật sự"⁽³⁾, như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định.

Đỉnh cao về văn hóa - tư tưởng của con người Việt Nam kháng chiến đã góp phần quyết định vào trận quyết chiến Điện Biên Phủ.

Đỉnh cao về quân sự: Sức mạnh quân sự Việt Nam khi bước vào kháng chiến còn chưa cao. So sánh ta - địch, có thể ví như "châu chấu đấu voi". Nhưng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, với cách nhìn biện chứng về chiến tranh nhân dân chống đế quốc xâm lược, đã nhận định: "Chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc. Cho nên chúng ta quả quyết trả lời những người lừng chừng và bi quan kia rằng:

Nay tuy châu chấu đấu voi,

Nhưng mai voi sẽ bị lòi ruột ra"⁽⁴⁾.

Đúng là đội quân thường trực của chúng ta lúc đầu, trang bị lạc hậu, thiếu thốn. Cán bộ chỉ huy chưa có nhiều hiểu biết về quân sự và kinh nghiệm chiến đấu. Vũ khí chủ yếu là giáo mác, đại đao, mã tấu, một số súng trường, súng máy kiểu cổ với lượng đạn dược ít ỏi. Nhưng, quân đội cách mạng là quân đội "từ nhân dân mà ra". Dân mạnh thì quân mạnh. Sự trưởng thành về chính trị, kinh tế, văn hóa - tư tưởng nói trên là điều kiện tiên quyết cho sự trưởng thành về quân sự.

Ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích) từng bước trưởng thành theo đường lối quân sự của Đảng. Qua 8 năm chiến đấu, *tổng số quân trên cả nước lên tới khoảng 30 vạn người*. Quân chủ lực của

(2) Xem Viện Lịch sử quân sự: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1993, t6, tr 26

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 720

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 163

Bộ Tổng tư lệnh gồm 6 đại đoàn bộ binh và một đại đoàn công binh - pháo binh, cùng nhiều trung đoàn độc lập. Bộ đội chủ lực của các liên khu và các khu được tổ chức tới cấp trung đoàn; nơi ít có một trung đoàn, nơi nhiều có hai trung đoàn. Ngoài ra còn có một số tiểu đoàn độc lập. Bộ đội địa phương ở nhiều tỉnh được tổ chức tới cấp tiểu đoàn; ở nhiều huyện được tổ chức tới cấp đại đội. Đó là chưa kể đến hàng chục vạn du kích ở khắp mọi miền đất nước.

Về trang bị, từ những dân quân du kích "đầu trần, chân đất" với súng kíp, súng trường... đã tiến lên có vũ khí hiện đại, đặc biệt là phi pháo các loại. Sức người, sức của của cả nước chi viện cho chiến trường cũng lên cao chưa từng có. Nhờ vậy, trên chiến trường cả nước diễn ra sự phối hợp tác chiến với quy mô rộng lớn giữa mặt trận chính diện và mặt trận sau lưng địch.

Về cách đánh, từ *du kích chiến*, tiến lên *công kiên chiến*, đánh vào các công sự mới và vận động chiến, kể cả cách đánh những trận vận động lớn đối với quân địch có lực lượng cơ động mạnh như các chiến dịch Biên giới, Trung du, Hòa Bình, Tây Bắc...

Quan trọng hơn cả là *sự trưởng thành về chỉ đạo chiến lược và nghệ thuật quân sự*. Tư tưởng *chỉ đạo chiến lược* là *luôn giành và phát huy quyền chủ động tiến công địch*; kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, lấy đấu tranh vũ trang làm chủ yếu; thực hiện đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính; phân chia ba giai đoạn chiến lược, đánh thắng địch từng bước để cuối cùng giành toàn thắng... *Nghệ thuật quân sự* là *nghệ thuật của chiến tranh nhân dân*: Toàn dân đánh giặc, nêu cao tư tưởng chủ động, tích cực tiến công; đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị; lấy ít đánh nhiều về chiến lược, đồng thời biết tập trung lực lượng nhiều hơn địch một cách hợp lý để tiêu diệt địch trong chiến dịch và chiến đấu; đánh địch bằng cách do ta lựa chọn, không cho địch phát huy được cách đánh sở trường của chúng... Tất cả đều được phát huy đến đỉnh cao và đạt đến trình độ điển hình trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch này do

Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy với phương châm *chỉ đạo chiến lược* là *tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt*. Phương châm *chỉ đạo chiến dịch* là *đánh chắc, tiến chắc; đánh chắc thắng, chắc thắng mới đánh, không chắc thắng thì không đánh*. Phương châm *chỉ đạo chiến thuật* là *kết hợp những biện pháp kỹ thuật với tinh thần anh dũng, tinh thần lao động và chiến đấu của quân đội nhân dân...* (xây dựng cả một hệ thống trận địa tiến công và bao vây, yểm hộ cho quân ta liên tục mở những đợt tấn công tiêu diệt địch).

Trong chiến đấu, *con người và tinh thần là yếu tố quyết định*. Tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ đã được phát huy đến đỉnh cao. Đáp lời kêu gọi của Bộ Chỉ huy chiến dịch: "*Một viên đạn, một tên địch; một viên đạn, mấy tên địch; kiên nhẫn, tích cực, nhằm đúng mục tiêu, hễ bắn là trúng*", có chiến sĩ diệt 13 tên địch bằng 15 viên đạn. Biểu hiện rực rỡ của chủ nghĩa anh hùng cách mạng là các anh hùng và tập thể anh hùng như Tô Vĩnh Diện hy sinh únh mệnh để cứu pháo, Bế Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng, Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, Tô Xung phong cầm cờ chiến thắng lên đồi Him Lam, Tiểu đội Xung phong đánh chiếm Sở Chỉ huy địch, Trung đội Anh dũng trên đồi 674 - một ngày đánh lui 12 đợt xung phong của hai tiểu đoàn địch...

Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra ác liệt trong 56 ngày đêm (bắt đầu từ 17 giờ ngày 13-3-1954) với 3 giai đoạn tiến công theo các phương châm chỉ đạo nói trên. Đúng 15 giờ ngày 7-5-1954, các binh đoàn quân đội nhân dân Việt Nam từ hai phía Đông và Tây tiến công thẳng vào Sở Chỉ huy của tướng Đờ Cát-tơ-ri ở Mường Thanh. Đến 17 giờ 30 cùng ngày, Sở Chỉ huy của địch bị đánh chiếm; tướng Đờ Cát-tơ-ri và toàn bộ Bộ Tham mưu quân viễn chinh Pháp ở Điện Biên Phủ (gồm 20 tên, trong đó có 4 quan năm, 6 quan tư) bị bắt sống. Số còn lại hạ súng đầu hàng... Hơn 2 000 quân địch ở phân khu phía Nam Hồng Cúm trên đường rút về Thượng Lào

cũng bị chặn lại và bị bắt. 22 giờ ngày 7-5-1954, chiến dịch tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ kết thúc toàn thắng.

Tại chiến dịch Điện Biên Phủ, tổng số quân địch bị diệt và bắt sống là 16 200 tên, gồm 17 tiểu đoàn bộ binh và lính dù, 3 tiểu đoàn pháo binh, súng cối, 10 đại đội ngự vừa bổ sung và các đơn vị công binh, vận tải, xe tăng, không quân... Tổng số sĩ quan, hạ sĩ quan bị diệt và bắt sống là 1 766 tên, gồm 1 thiếu tướng, 16 đại tá và trung tá, 353 sĩ quan từ cấp thiếu úy đến cấp thiếu tá, 1 396 hạ sĩ quan. Tổng số máy bay bị bắn rơi và phá hủy ngay tại mặt trận là 57 chiếc; ngoài ra còn 5 chiếc bị bắn rơi trên tuyến cung cấp mặt trận. Quân ta thu được 28 khẩu pháo lớn, 64 xe, 5 915 súng các loại, 20 000 lít xăng, 21 000 chiếc dù, 20 tấn thuốc súng và dụng cụ quân y, cùng rất nhiều đạn dược, quân trang, quân dụng.

Thắng lợi quân sự góp phần đưa ngoại giao phát triển đến đỉnh cao. Ngay từ những ngày đầu kháng chiến, ngoại giao của chúng ta đã được mở rộng với nhiều hình thức: ngoại giao nhà nước, ngoại giao nhân dân, ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa, với thế giới thứ ba và cả với nhân dân các nước đế quốc chống lại chúng ta. Xuất phát từ tinh thần yêu chuộng hòa bình, chúng ta đã tiến hành đàm phán với thực dân Pháp ngay từ những ngày đầu, với việc ký Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946, Tạm ước ngày 14-9-1946. Sau ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, chúng ta vẫn phát đi những tín hiệu mong muốn hòa bình nhưng thực dân Pháp vẫn phớt lờ. Mặt khác, các nước bè bạn, anh em chưa có điều kiện để công nhận Chính phủ ta. Phải đến khi giành được thắng lợi trên chiến trường, từ chiến thắng Thu - Đông năm 1947 đến chiến thắng Biên giới năm 1950, chúng ta mới tiến tới một bước *phát triển đột biến về ngoại giao*. Ngày 14-5-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa tuyên bố sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới. Ngày 15-1-1950, Chính phủ Việt

Nam tuyên bố công nhận nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Ngày 18-1-1950, Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và ngày 30-1-1950, Chính phủ Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết công nhận Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tiếp đó, các nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng công nhận nước ta. Nhân dân thế giới yêu chuộng hòa bình, kể cả nhân dân Pháp, ngày càng tích cực ủng hộ chúng ta và tham gia đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược. Tiêu biểu là hành động phản chiến của các chiến sĩ hòa bình Pháp như Mác-tanh, Rây-mông- diêng... Tất cả những điều nói trên đã tạo điều kiện để Việt Nam có thể đạt tới đỉnh cao thắng lợi ngoại giao năm 1954, buộc Pháp, Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán. Ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng thì ngày 8-5-1954, Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương bắt đầu diễn ra. Hội nghị kết thúc bằng việc ký kết *Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Đông Dương*. Các nước tham gia Hội nghị ra Tuyên bố công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Thắng lợi ngoại giao này là thắng lợi của nhân dân ba nước Đông Dương; là thắng lợi của phe xã hội chủ nghĩa, của lực lượng hòa bình và dân chủ thế giới. Đúng như Đại hội III của Đảng đánh giá: *Việc lập lại hòa bình ở Đông Dương, hoàn toàn giải phóng miền Bắc Việt Nam và đặt cơ sở pháp lý cho việc thống nhất nước ta là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta; đồng thời, cũng là thắng lợi của phe xã hội chủ nghĩa, hòa bình và dân chủ thế giới. Nó phản ánh tình hình lực lượng so sánh ở Đông Dương và trên thế giới lúc bấy giờ. Cái mà chúng ta giành được trên bàn đàm phán ngoại giao là phản ánh kết quả của thắng lợi toàn diện: chính trị, kinh tế, văn hóa - tư tưởng, quân sự, ngoại giao, mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ. Có thể nói: Cả chín năm kháng chiến toàn dân, toàn diện đã làm nên một Điện Biên Phủ anh hùng, một Điện Biên Phủ vĩ đại.* □

PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Lời Bộ Biên tập: Ngày 20-2-2004, tại Hà Nội, Tạp chí Cộng sản và Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề: **Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và giải pháp.** GS, TS Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, trình bày Báo cáo đề dẫn. Có 130 đại biểu là lãnh đạo và đại diện cho các bộ, ban, ngành ở trung ương, các nhà khoa học thuộc các viện nghiên cứu, các trường đại học lớn tại Hà Nội, cùng nhiều nhà doanh nghiệp tiêu biểu cho các thành phần kinh tế đã tới dự. Hội thảo đã nhận được 43 báo cáo tham luận.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

LÊ HỮU NGHĨA

PHÁT triển nền kinh tế nhiều thành phần là một trong những chủ trương lớn, rất quan trọng của Đảng ta trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Thực tế đã chứng tỏ đây là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn. Trong những năm vừa qua, nhờ các thành phần kinh tế phát triển, đất nước ta đã huy động được nhiều nguồn lực trong nước và ngoài nước, tạo ra động lực phát triển kinh tế mạnh mẽ. Nhưng hiện nay, trước những yêu cầu mới, phải đẩy nhanh nhịp độ phát triển đất nước, bảo đảm sự phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động

hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế và thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần đang đặt ra nhiều vấn đề mới cả về lý luận và thực tiễn.

Như chúng ta đều biết, sự tồn tại khách quan của nhiều thành phần kinh tế trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được V.I. Lê-nin đề cập từ những ngày đầu của chính quyền Xô-viết. Vào năm 1918, V.I. Lê-nin đã chỉ ra rằng, trong nền kinh tế của thời kỳ quá độ có sự đan xen của những yếu tố, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn

chủ nghĩa xã hội, nghĩa là những yếu tố của năm thành phần kinh tế - xã hội khác nhau ở Nga lúc bấy giờ (kinh tế gia trưởng, tiểu sản xuất hàng hóa, chủ nghĩa tư bản tư nhân, chủ nghĩa tư bản nhà nước, chủ nghĩa xã hội).

Những tư tưởng ấy của V.I. Lê-nin đã được triển khai trong công cuộc xây dựng đất nước Xô-viết và đã đem lại thành tựu quan trọng, nhất là ở thời kỳ thực hiện Chính sách kinh tế mới. Đây là thời kỳ mà về sau này được đánh giá rằng, chính V.I. Lê-nin đã thực hiện một bước ngoặt cách mạng vĩ đại đối với nền kinh tế Xô-viết, hình thành lý luận về một mô hình kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ những nước lạc hậu, sản xuất nhỏ còn là phổ biến.

*

* *

Ngay sau khi giành được độc lập dân tộc, Nhà nước non trẻ của chúng ta vừa phải kháng chiến chống thù trong giặc ngoài, vừa tiến hành kiến quốc, nhưng ngay từ năm 1953, trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói đến sự tồn tại của năm loại *kinh tế* khác nhau trong chế độ mới:

"A- Kinh tế quốc doanh (thuộc chủ nghĩa xã hội, vì nó là của chung của nhân dân).

B- Các hợp tác xã (nó là nửa chủ nghĩa xã hội, và sẽ tiến đến chủ nghĩa xã hội).

C- Kinh tế cá nhân, nông dân và thủ công nghệ (có thể tiến dần vào hợp tác xã, tức là nửa chủ nghĩa xã hội).

D- Tư bản tư nhân.

E- Tư bản của Nhà nước (như Nhà nước hùn vốn với tư bản tư nhân để kinh doanh).

Trong năm loại ấy, loại A là kinh tế lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên kinh tế ta sẽ phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không theo hướng chủ nghĩa tư bản⁽¹⁾.

Tuy nhiên, sau Đại thắng Mùa xuân năm 1975, miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, chúng ta chưa quán triệt tư tưởng

Hồ Chí Minh do mắc phải bệnh chủ quan, nóng vội, duy ý chí trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, nên đã muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế "phi xã hội chủ nghĩa", nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh, muốn hoàn thành trong thời gian ngắn cải tạo xã hội chủ nghĩa. Kết quả là những thành phần kinh tế thuộc sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất cơ bản đã bị triệt tiêu, kinh tế phát triển chậm dần, từ đầu những năm 80 thế kỷ XX đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Đúng như Văn kiện Đại hội VI của Đảng khẳng định: "Trong nhận thức cũng như hành động, chúng ta chưa thật sự thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta còn tồn tại trong một thời gian tương đối dài, chưa nắm vững và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất"⁽²⁾.

Khắc phục sai lầm trên, từ Đại hội VI của Đảng - Đại hội khởi đầu sự nghiệp đổi mới - chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần được nhận thức lại và thực hiện nhất quán. Đảng ta đã xác định, *nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ*, phát triển kinh tế nhiều thành phần là một chủ trương chiến lược, lâu dài trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó các thành phần kinh tế tư bản tư nhân, tiểu chủ, kinh tế hộ gia đình mới có điều kiện hình thành và phát triển trở lại một cách công khai, hợp pháp. Một trong những nội dung quan trọng của tư duy kinh tế mới (lúc đó) là phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó thừa nhận sự tồn tại của nhiều hình thức sở hữu và các loại hình tổ chức kinh tế gắn liền với các hình thức sở hữu đó do lịch sử để lại, chùng nào chúng còn phát huy tác dụng đối với tiến bộ xã hội, tức là chùng nào chúng còn chưa bị một hình

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 7, tr 247-248

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*: Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr 23

thức kinh tế có năng suất và hiệu quả cao hơn hẳn thay thế chúng trong nền kinh tế - xã hội.

Qua thực tiễn những năm đổi mới, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế nhiều thành phần đã từng bước được tổng kết và làm rõ:

- Phát triển kinh tế nhiều thành phần là động lực tăng trưởng và phát triển kinh tế, là phương thức giải phóng sức sản xuất và huy động tối đa, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

- Phát triển kinh tế nhiều thành phần là phương thức thực hiện dân chủ hóa đời sống kinh tế, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động sức mạnh tổng hợp để phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Phát triển kinh tế nhiều thành phần cũng là con đường xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất cho phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong suốt thời kỳ quá độ.

Đại hội IX của Đảng tiếp tục khẳng định tính đúng đắn của chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (gọi tắt là *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*). Khẳng định sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, coi các thành phần kinh tế đều là *những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Thực tiễn đã khẳng định động lực to lớn mà chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần đem lại. Nó không những góp phần quyết định làm cho đất nước vượt qua được khủng hoảng kinh tế - xã hội vào những năm 80 của thế kỷ XX, mà còn tạo điều kiện để duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế nhanh và tương đối ổn định trong nhiều năm qua; hạn chế được ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực và thế giới vào cuối những năm 90 của thế kỷ XX; nền kinh tế đã huy động

được nhiều nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội; đã làm nảy nở nhiều nhân tố mới trong giải phóng sức sản xuất và phát huy nội lực thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từ sau Đại hội IX, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra nhiều nghị quyết về phát triển kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân. Điều đó thể hiện sự quan tâm của Đảng đối với việc tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, không ngừng giải phóng sức sản xuất, phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa IX) là một sự kiện rất quan trọng trong toàn bộ chương trình tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành một nghị quyết nhằm tạo ra một diện mạo mới, cũng như khẳng định đúng vị trí, vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong toàn bộ khu vực kinh tế nhà nước. Nhiều chuyên gia cho rằng, đây thực sự là một "Cương lĩnh" về đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX), đã ban hành hai nghị quyết quan trọng: *Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể* và *Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chủ trương, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân*. Và mới đây, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) *Về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng*, đã đưa ra những chủ trương, chính sách, giải pháp quan trọng về phát triển các thành phần kinh tế. Có thể nói, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có những chủ trương, chính sách kịp thời đối với từng thành phần kinh tế, nhằm đánh giá đúng thực trạng tình hình phát triển, tổng kết những mặt được và chưa được, để từ đó đề ra các giải pháp thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển.

Những chủ trương, quan điểm của Đảng trong thời gian qua cũng đã được thể chế hóa thành luật và các văn bản pháp quy quan trọng, từng bước đưa vào thực tế cuộc sống.

Việc ra đời của *Luật Doanh nghiệp* không những là một bước ngoặt về tư duy xây dựng pháp luật nói chung, mà còn đã tạo ra được động lực mạnh mẽ để huy động các nguồn lực trong nhân dân cho sự phát triển của đất nước.

Luật Doanh nghiệp nhà nước (sửa đổi) vừa mới được thông qua tại kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XI. Tuy chưa được như mong mỏi, nhưng những điều sửa đổi đã thêm một bước làm rõ phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp nhà nước, góp phần tách chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh và hướng tới bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

Luật Hợp tác xã đã được sửa đổi tại kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XI nhằm củng cố lại về mặt thể chế, đưa kinh tế tập thể phát triển mạnh mẽ hơn nữa, xứng đáng với vị trí, vai trò của nó, như Đảng ta đã khẳng định là kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Dự thảo *Luật Cạnh tranh và Kiểm soát độc quyền kinh doanh*, *Luật Chống bán phá giá* và nhiều luật khác tới đây cũng sẽ được Quốc hội góp ý và thông qua trong kế hoạch làm việc của Quốc hội trong năm nay và những năm tiếp theo.

Có thể khẳng định rằng, thời gian qua đất nước ta đã chứng kiến nhiều cuộc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung các luật, chính sách với một mục tiêu thống nhất là những gì còn cản trở, vướng mắc thì tìm giải pháp tháo gỡ, những gì là khiếm khuyết, sai lầm thì tìm cách khắc phục kịp thời để bảo đảm phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Chúng ta đã tiến hành nhiều biện pháp về cải cách hành chính, điều chỉnh chính sách thuế

và giá nhằm giảm thiểu những phiền hà, rườm rà trong các thủ tục hành chính, khắc phục tệ quan liêu, từng bước cải thiện môi trường kinh doanh, góp phần hoàn thiện hệ thống và xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Thủ tướng Chính phủ đã chủ động tổ chức nhiều cuộc tiếp xúc với các nhà doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế để lắng nghe ý kiến, nguyện vọng và kiến nghị, đề xuất nhằm cùng với doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Những cách làm dân chủ, cởi mở và công khai đó đã và đang phát huy tác dụng tốt.

Đến nay, số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh tăng lên với tốc độ nhanh chưa từng có. Tính đến hết tháng 9-2003 cả nước có khoảng trên 12,4 triệu hộ kinh doanh cá thể, hơn 117 ngàn doanh nghiệp tư nhân. Khu vực kinh tế tư nhân đã chiếm tỷ trọng áp đảo trong việc tạo chỗ làm mới. Không những thế, lượng vốn huy động được cho đầu tư phát triển khá lớn, lớn hơn cả lượng vốn đầu tư nước ngoài, chưa kể số việc làm mới tạo ra, khu vực kinh tế tư nhân cũng đang chiếm vị trí hàng đầu. Thực tế đã chứng tỏ mấy năm vừa qua là một thời kỳ "nở rộ" của khu vực kinh tế tư nhân.

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tuy bối cảnh quốc tế còn nhiều phức tạp, nhưng trong thời gian qua cũng đã có tốc độ tăng trưởng khá, có đóng góp đáng kể cho tăng trưởng kinh tế chung, nhất là trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật quản lý kinh doanh hiện đại và tạo việc làm. Nếu tính sự tham gia vào cơ cấu GDP của cả nước, thì khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tăng từ 6,0% (năm 1995) lên 13,3% (năm 2000) và đạt trên 14% năm (2003).

Trong nông nghiệp, việc thừa nhận vai trò độc lập, tự chủ của kinh tế hộ cùng với quá trình hoàn thiện chính sách quản lý mới trong nông nghiệp đã tạo ra bước phát triển nhảy vọt và khá bền vững. Điều đó đã cho phép nước ta

chuyển từ tình trạng nhập khẩu lương thực hằng năm để cứu đói sang tình hình mới, chẳng những bảo đảm được an ninh lương thực quốc gia, mà còn đưa nước ta lên hàng thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo, nhiều mặt hàng nông sản đứng vị trí nhất, nhì thế giới cả về số lượng và chất lượng.

Và nhiều những thành tựu khác, có thể kể đến, trong mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa, xã hội đã chứng tỏ chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần do Đảng ta đề ra là hoàn toàn đúng đắn, mang lại sức sống mới cho nền kinh tế. Chính sách đúng, trước hết, được thể hiện rõ trong phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân, làm cho bộ mặt nông thôn cũng như thành thị trên cả nước có nhiều khởi sắc, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được củng cố và nâng cao.

Tuy vậy, thực tiễn phát triển nền kinh tế nhiều thành phần cũng đã bộc lộ nhiều vấn đề bất cập, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả kinh tế - xã hội nhìn chung còn thấp so với yêu cầu đề ra; năng lực cạnh tranh chậm được cải thiện so với lịch trình hội nhập kinh tế quốc tế mà chúng ta đã cam kết với khu vực và thế giới. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về kiểm điểm nửa đầu nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng chỉ rõ: Việc thực hiện chính sách phát triển các thành phần kinh tế tuy đã có tiến bộ nhưng vẫn còn thiếu nhất quán, chưa khai thác tốt nguồn nội lực trong dân. Việc sắp xếp, đổi mới, nhất là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, thực hiện chậm so với mục tiêu đề ra. Có xu hướng bao cấp trở lại và bảo trợ dưới nhiều hình thức cho doanh nghiệp nhà nước. Nhiều doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không cần nắm làm ăn thua lỗ kéo dài, đã làm hạn chế vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, đang là gánh nặng cho ngân sách và các ngân hàng. Một số chính sách khuyến khích phát triển các

thành phần kinh tế ngoài quốc doanh chậm được áp dụng. Trên thực tế vẫn còn nhiều biểu hiện phân biệt đối xử, chưa thực sự bình đẳng, cởi mở đối với kinh tế tư nhân. Kinh tế tập thể phát triển chậm; các hợp tác xã chậm đổi mới, vị trí, vai trò còn thấp. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn do môi trường đầu tư chưa đủ thông thoáng, thuận lợi, nhất quán và ổn định. Chưa thực hiện tốt quản lý nhà nước đối với các thành phần kinh tế.

Tất cả những vấn đề đó đang đòi hỏi cần phải có lời giải. Tại cuộc Hội thảo này chúng tôi hy vọng chúng ta sẽ cùng nhau trao đổi, thảo luận thẳng thắn về một số vấn đề cụ thể như sau:

1 - Tiếp tục làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn của việc xác định thành phần kinh tế và vị trí, vai trò các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay. Về mặt quan điểm của Đảng và trong tư tưởng Hồ Chí Minh cũng đã khẳng định rõ là thành phần kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Vậy, *thế nào là chủ đạo? và làm thế nào để kinh tế nhà nước thực sự là chủ đạo?* Vừa qua, chúng ta đã tập trung ưu tiên đầu tư cho doanh nghiệp nhà nước tương đối lớn (chiếm 80% vốn đầu tư nhà nước), nhưng kết quả đem lại chưa tương xứng (đóng góp 40% ngân sách). Tuy được ưu đãi nhiều hơn cả trong nhiều lĩnh vực, như: sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất, tín dụng ưu đãi, tiếp cận vốn vay ngân hàng, cơ chế chính sách thuận lợi, nhưng kết quả hoạt động nhìn chung còn thấp, lúc thua lỗ thì ỷ lại, xin khoan nợ, treo nợ, dãn nợ, hoãn nợ, xóa nợ, bù lỗ... Tình trạng chậm đổi mới công nghệ, hiệu quả đầu tư thấp đang khá phổ biến. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, hệ số ICOR trong khu vực nhà nước đã nhảy lên đến 7,2 trong khi khu vực tư nhân là 3,9. Vậy sắp tới, cần tháo gỡ những chính sách, cơ chế gì nữa để khu vực kinh tế nhà nước thực sự đóng vai trò chủ đạo và phát triển có hiệu quả?

2 - Tại sao tuyệt đại đa số các doanh nghiệp nhà nước sau khi cổ phần hóa đều có cải thiện

rõ rệt về hiệu quả sản xuất, kinh doanh? Điều đó cho thấy, chủ trương cổ phần hóa là đúng, nhưng vì sao số doanh nghiệp "tự nguyện" đăng ký chuyển sang cổ phần hóa lại không nhiều? Chủ trương chuyển một bộ phận doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để hoạt động theo sự điều tiết của Luật Doanh nghiệp đang gặp nhiều trở ngại. Hầu hết các địa phương và các ngành đều đã có chương trình sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước và sự cam kết về lịch trình thực hiện, nhưng tại sao thực tiễn tiến độ vẫn còn rất chậm, trong lúc sức ép nâng cao năng lực cạnh tranh để hội nhập kinh tế đang rất lớn?

3 - Trong một số khu vực kinh tế, động lực phát triển đã có dấu hiệu chững lại. Thực tiễn đang cần có một "cú huých" mới để tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng nhanh. Ví dụ, trong nông nghiệp, nếu không có sự tích tụ về ruộng đất và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn một cách hợp lý, thì trong một vài thập niên tới khó có thể giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của sản phẩm và hội nhập thành công, chưa nói đến việc tiếp tục đi lên sản xuất hàng hóa lớn.

4 - Trong khu vực kinh tế tư nhân, sự tăng lên về số lượng doanh nghiệp và huy động vốn đầu tư đã bắt đầu gặp phải những rào cản. Điều đó thể hiện không những trong việc chưa ban hành kịp thời các văn bản dưới luật, mà ngay cả một số chủ trương, chính sách đã được ban hành vẫn chưa được thực hiện nghiêm túc hoặc chưa thể thực hiện được, chậm đi vào cuộc sống. Chẳng hạn, việc xóa bỏ những thành kiến cũ đối với khu vực kinh tế tư nhân, việc thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Còn có những phân biệt về chính sách thuế, mặt bằng sản xuất... đang tạo ra nhiều khác biệt, chưa bình đẳng, chưa tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh.

Hiện nay, tiềm lực bên trong của nền kinh tế quốc dân vẫn còn rất lớn. Nguồn vốn tiềm tàng trong dân còn nhiều. Hằng năm, có khoảng từ

15 đến 20% vốn tiết kiệm nội địa chưa được huy động vào đầu tư. Những bước phát triển mạnh mẽ và có hiệu quả từ khi có Luật Doanh nghiệp đến nay, phải chăng, mới chỉ tháo gỡ bước đầu. Vậy cần tháo gỡ tiếp như thế nào để tạo động lực phát triển tiếp theo mạnh mẽ hơn nữa?

5 - Về mặt quản lý nhà nước đối với các thành phần kinh tế cũng còn nhiều tranh cãi. Có ý kiến cho rằng, "quản được đến đâu thì mở ra đến đấy". Nếu vậy có cản trở sự phát triển không? Vấn đề là ở chỗ Nhà nước phải làm sao vừa quản lý, kiểm soát được nhưng không làm hạn chế sự phát triển và phải tạo điều kiện cho phát triển các thành phần kinh tế. Nói cách khác, *quản lý phải theo kịp sự phát triển và vì sự phát triển*. Tiếc rằng, hiện nay chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức còn thấp, hệ thống pháp luật kinh tế chưa đồng bộ, tình trạng quan liêu, tham nhũng chậm bị ngăn chặn và khắc phục có hiệu quả..., đang là cản trở lớn cho phát triển các thành phần kinh tế. Chúng ta đang đứng trước mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển các thành phần kinh tế với năng lực quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế đối với các thành phần kinh tế. Nhu cầu bức xúc của thực tiễn và bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, nhất là đất nước đang đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, đòi hỏi phải có sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa về mặt quản lý nhà nước.

6 - Việc hình thành một "sân chơi" bình đẳng để tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và chống độc quyền kinh doanh của doanh nghiệp cũng đang là vấn đề nổi cộm, gây nhiều ý kiến tranh luận rất khác nhau. Mỗi thành phần kinh tế gần như đã được điều tiết bởi một luật riêng. Nhưng nhu cầu hội nhập và tăng trưởng nhanh không cho phép kéo dài tình trạng tồn tại nhiều "sân chơi", với sự cạnh tranh không lành mạnh (đó là chưa nói đến những phân biệt đối xử trong hành động cụ thể thi hành pháp luật đối với khu vực tư nhân). Chính điều đó đã hạn chế quá trình nâng cao hiệu quả chung của nền

kinh tế, cũng như năng lực cạnh tranh quốc gia và không phù hợp với những thông lệ quốc tế trong tiến trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

7 - Dự báo chiến lược như thế nào về xu thế phát triển của kinh tế nhiều thành phần để từ đó có chính sách phù hợp thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững, nhất là trong vấn đề hoàn thiện quan hệ sản xuất trong suốt thời kỳ quá độ? Có ý kiến cho rằng, ngoại trừ một số sản phẩm đặc biệt, Nhà nước phải tự đứng ra bố trí sản xuất, và những lĩnh vực sản xuất đó thường không theo quy luật của thị trường, phi lợi nhuận hoặc tuân thủ các mục tiêu về chính trị, an ninh quốc gia, và có cả tính chất từ thiện, xã hội và nhân đạo... cũng phải do các chủ thể là doanh nghiệp của Nhà nước thực hiện. Nhưng thực tế lại cho thấy, ngay lĩnh vực dịch vụ công, nhiều quốc gia trên thế giới cũng giao cho cả khu vực tư nhân. Trong điều kiện đó, các doanh nghiệp sẽ phải đấu thầu để được nhận phần việc này, chính phủ dựa vào môi trường cạnh tranh thầu để chọn đối tượng sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư nhà nước. Tất cả các lĩnh vực còn lại, hễ là sản xuất, kinh doanh thì đều phải cạnh tranh bình đẳng. Nghĩa là phải có cùng cơ hội như nhau, mới có thể phát hiện được những người tài, sản xuất được những sản phẩm tốt cho đất nước. Lúc đó đòi hỏi kinh tế nhà nước phải có những tiến bộ vượt bậc về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh thì mới thực hiện tốt được vai trò chủ đạo của mình (chủ đạo không đồng nghĩa với độc quyền).

8 - Bên cạnh đó, có thể khẳng định rằng, không có sở hữu nhà nước, sở hữu toàn dân thì không thể nói đến định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng không có kinh tế tư nhân thì cũng không thể có kinh tế thị trường. Vậy, giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa tư hữu với công hữu trong chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như thế nào cho thỏa đáng và hợp quy luật phát triển khách quan, phù hợp với thời kỳ quá độ đi lên chủ

nghĩa xã hội. Hiểu thế nào cho đúng về sở hữu nhà nước, sở hữu toàn dân? Lấy chế độ công hữu làm nền tảng là gì? Gắn kết chế độ công hữu với sở hữu cá nhân của người lao động là như thế nào?

Ở đây, có thể nhắc lại một luận điểm rất quan trọng của Đảng ta mà đến nay vẫn còn có ý nghĩa thời sự nóng hổi được nêu ra trong Nghị quyết Đại hội VI, cách đây 18 năm, là: "Tiêu chuẩn đánh giá sự vận dụng đúng đắn các quy luật thông qua chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là sản xuất phát triển, lưu thông thông suốt, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân từng bước được ổn định và nâng cao, con người mới xã hội chủ nghĩa ngày càng hình thành rõ nét, xã hội ngày càng lành mạnh, chế độ xã hội chủ nghĩa được củng cố. Mọi chủ trương, chính sách gây tác động ngược lại là biểu hiện sự vận dụng không đúng quy luật khách quan, phải được sửa đổi hoặc bãi bỏ"⁽³⁾.

Vậy, việc đánh giá đúng thực trạng nền kinh tế nhiều thành phần của nước ta nói chung, của từng thành phần kinh tế nói riêng hiện nay, phát hiện kịp thời những vấn đề đang đặt ra để dự báo xu thế phát triển trong thời gian tới là việc làm rất cần thiết. Qua đó mới có thể tổng kết được những vấn đề thực tiễn một cách sát hợp và có ý nghĩa, *một mặt*, giúp cho các nhà hoạch định chính sách tìm giải pháp hữu hiệu phát huy hơn nữa vai trò tích cực của các thành phần kinh tế trong phát triển đất nước; hạn chế những mặt tiêu cực làm cản trở quá trình phát triển chung của cả nước, cũng như giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa; *mặt khác*, những kết quả đó sẽ đóng góp rất quý báu nhằm góp phần vào quá trình tổng kết lý luận và thực tiễn 20 năm đổi mới toàn diện đất nước theo chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng để chuẩn bị soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng. □

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr 30

TỔNG THUẬT HỘI THẢO

1- Trước vấn đề lý luận về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các đại biểu đều nhất trí khẳng định chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề này là hoàn toàn đúng đắn. Nhiều tham luận đã cung cấp những tư liệu rất phong phú nói lên động lực to lớn do các thành phần kinh tế trong thời gian vừa qua đã đem lại, nhất là trong việc giải phóng sức sản xuất, huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, xóa đói giảm nghèo, làm thay đổi bộ mặt thành thị và nông thôn, làm xuất hiện nhiều nhân tố mới trong áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Tuy vậy, một số nhà khoa học cũng nêu lên những vấn đề lý luận cấp thiết cần sớm có lời giải để phát huy tốt hơn động lực phát triển kinh tế do nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường đem lại, như nhận thức về xu thế vận động của các thành phần kinh tế để từ đó xây dựng một cách khoa học và khả thi cơ cấu kinh tế quốc dân và định hướng đúng cho chúng phát triển mạnh mẽ và hiệu quả; làm rõ xu thế tất yếu của việc đa dạng hóa các hình thức sở hữu trên cơ sở phân định rõ giữa sở hữu cá nhân với chế độ tư hữu; đổi mới nhận thức, quan điểm về bóc lột, đảng viên làm kinh tế tư nhân v.v.. Giải quyết tốt những vấn đề đó

chính là góp phần làm cho lý luận thực sự đóng vai trò mở đường cho thực tiễn, ở đây là cho các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ.

2 - Khẳng định tính đúng đắn của tư tưởng coi các thành phần kinh tế hoạt động sản xuất, kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các ý kiến cũng đã khẳng định rằng, để đưa quan điểm đó vào cuộc sống, vừa qua Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách và ban hành các luật cần thiết nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho các thành phần kinh tế cùng phát triển. Tuy vậy, thực tiễn luôn vận động không ngừng và rất phong phú đang đặt ra nhiều vấn đề mới. Một số chính sách đã ban hành hoặc sớm bị lạc hậu, hoặc đang bộc lộ sự bất cập, có lúc có nơi tạo ra những rào cản không đáng có đối với các thành phần kinh tế; vẫn đang tồn tại những ưu đãi, bảo hộ chưa hợp lý, bảo hộ trá hình... đang tạo ra môi trường cạnh tranh chưa thật bình đẳng và lành mạnh. Nội dung chủ yếu của chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần được thể hiện trước hết và cụ thể nhất trong hoạt động của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau - đội quân chủ lực của nền kinh tế. Bởi vậy, vấn đề quan trọng là, tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi để phát triển đa dạng các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Các ý kiến đánh giá cao những

đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của các doanh nghiệp trong thời gian qua. Nhưng muốn có môi trường kinh doanh thực sự thông thoáng - "trường đua" - để các doanh nghiệp có điều kiện phát huy tài năng, trước mắt phải tháo gỡ nhiều vấn đề về mặt thể chế theo hướng mọi hoạt động của tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế chỉ chịu sự chi phối, điều tiết của một luật thống nhất.

Một số ý kiến khác nêu rằng, sự bình đẳng trong cạnh tranh là đòi hỏi rất bức xúc hiện nay của đại đa số các doanh nghiệp, nhưng cũng cần phải thấy rằng, việc bảo hộ và ưu đãi cũng là một thực tế đang tồn tại trong các nền kinh tế của nhiều quốc gia. Nó thể hiện chức năng kinh tế của nhà nước. Vấn đề là ở chỗ ưu đãi ai?, ưu đãi như thế nào? để đạt được hiệu quả chung cả về kinh tế lẫn xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh trên cả ba cấp độ: nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững. Để thực hiện điều đó, Nhà nước nên sớm công khai hóa chính sách ưu đãi theo hướng căn cứ vào mục tiêu phát triển nền kinh tế - xã hội và ngành hàng, sớm khắc phục tình trạng phổ biến hiện nay là ưu đãi trên cơ sở phân biệt sở hữu, phân biệt thành phần kinh tế, nhất là chỉ ưu đãi doanh nghiệp nhà nước, bất kể hoạt động của nó có hiệu quả hay không.

3 - Nguồn động lực to lớn của các thành phần kinh tế tư nhân trong việc góp phần thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh đã rất rõ ràng. Các ý kiến đều thống nhất rằng những nguồn lực trong nhân dân vẫn còn rất lớn. Do đó, cần có cơ chế, chính sách thích hợp để huy động sức mạnh của các nguồn lực ấy.

Các tham luận đánh giá cao sự xuất hiện và phát triển rầm rộ khu vực kinh tế dân doanh trong mấy năm gần đây như là một thành công rất quan trọng. Kinh tế dân doanh là nhân tố chủ yếu thúc đẩy sức cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế; góp phần ngày càng quan trọng vào tăng trưởng GDP; thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất của nhiều địa phương; bảo đảm tuyệt đại đa số chỗ làm mới, góp phần đắc lực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo. Khu vực kinh tế dân doanh đang góp phần hình thành một lớp doanh nhân. Tuy còn có những mặc cảm, nhưng phần lớn trong số họ đều tin tưởng ở đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, trung thành với lợi ích của dân tộc và đều có tinh thần yêu nước.

Trong thời gian tới, cần có những đột phá quan trọng trước hết về quan điểm, nhận thức về vấn đề này. Chẳng hạn, việc tuyên bố kinh tế tư nhân tồn tại lâu dài cần được cụ thể hóa hơn nữa để các doanh nhân yên tâm làm ăn, đầu tư vốn lớn vào những lĩnh vực phát triển dài hạn, không hành động theo kiểu chụp giật, đánh quả như đã xảy ra một vài nơi. Các tham luận tại Hội thảo đã nêu cụ thể một số rào cản về mặt chính sách đối với các thành phần kinh tế, trong đó có ý kiến nhấn mạnh đến khái niệm rủi ro trong sản xuất, kinh doanh do chính sách gây ra (như đối với lĩnh vực sản xuất ô-tô, xe gắn máy, mũ bảo hiểm người đi xe gắn máy... làm nhiều doanh nhân đầu tư lớn nay bị phá sản). Cho nên ngoài việc khắc phục các rào cản thì tạo nên tính ổn định về mặt chính sách cũng trở thành yêu cầu bức thiết hiện nay.

4 - Về vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước đang đòi hỏi đổi mới nhận thức

và hành động một cách đúng quy luật phát triển. Ngay cả việc xác định rõ như thế nào là chủ đạo, nhất là vị trí, vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong khu vực kinh tế này cũng tiếp tục phải được làm rõ hơn. Hội thảo hoàn toàn đồng tình và khẳng định tính đúng đắn của những nhận định trong Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) về phát triển các thành phần kinh tế, cũng như đánh giá về thực trạng của các doanh nghiệp nhà nước.

Mặt khác, các tham luận nêu lên tình trạng một số đơn vị lạm dụng công cụ vật chất do Nhà nước nắm nên không ít doanh nghiệp nhà nước đi đến dựa dẫm, y lại... vào sự bảo hộ, ưu đãi của Nhà nước. Chính điều đó đang làm cho các doanh nghiệp này yếu, kém đi, không có động lực vươn lên cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ và quản lý để nâng cao năng lực cạnh tranh. Muốn khắc phục một cách hữu hiệu tình trạng đó, các ý kiến cho rằng, không nhất thiết thực hiện các mục tiêu của Nhà nước lại chỉ giao cho các doanh nghiệp nhà nước mà thực tế ai làm tốt nên giao cho người đó làm. Trong mọi trường hợp, kinh tế nhà nước phải bằng những lợi thế của mình để tạo vai trò động lực và mở đường cho nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

Về vấn đề chủ đạo của kinh tế nhà nước, các ý kiến đều khẳng định đây là sự cần thiết khách quan để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường. Nhưng phải hiểu kinh tế nhà nước ở đây một cách rộng hơn, đúng với thực chất của vấn đề, như phải bao gồm cả sở hữu của nhà nước trong thành phần kinh tế tư bản nhà nước, trong các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, các công ty cổ phần... Tuy vậy, cũng có ý kiến cho rằng nên coi vai trò chủ

đạo đó về thực chất là của Nhà nước. Nó thể hiện chức năng quản lý nhà nước về mặt kinh tế. Có như vậy mới tránh được sự lạm dụng chức năng chủ đạo của một số doanh nghiệp nhà nước lớn để lái chủ trương, chính sách vận hành nền kinh tế quốc dân theo ý họ, nhất là những biến tướng theo thiên hướng độc quyền nhằm và chỉ vì lợi ích cục bộ của họ.

Có ý kiến cho rằng, doanh nghiệp nhà nước không phải là sản phẩm riêng có của Nhà nước ta. Ở đây, có thể Nhà nước sử dụng doanh nghiệp nhà nước như là công cụ vật chất để giải quyết các mục tiêu của mình, coi nó là công năng đặc biệt, nhưng phải thừa nhận rằng đó không phải là giải pháp duy nhất. Hơn thế nữa, Nhà nước không nhất thiết chỉ làm giàu bằng doanh nghiệp nhà nước mà phải bằng hiệu quả chung và sức cạnh tranh cao của toàn bộ nền kinh tế. Trong điều kiện đó, doanh nghiệp nhà nước nên chỉ được xác định là công cụ kinh tế để Nhà nước sử dụng những lúc cần thiết nhằm thực hiện các cân đối lớn, các mục tiêu quan trọng có ý nghĩa then chốt và tạo luật chơi định hướng nền kinh tế phát triển lành mạnh.

Chung quanh vấn đề nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, nhiều tham luận đã nêu lên sự cần thiết phải có những giải pháp kiên quyết nhằm thực hiện thắng lợi Chương trình sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước vào năm 2005, để sau đó tiếp tục xúc tiến cải cách doanh nghiệp nhà nước, và coi đây là nhiệm vụ quan trọng trong cải cách kinh tế trong thời gian tới.

Hội thảo nhất trí rằng, việc tìm mọi biện pháp để tạo ra động lực phát triển kinh tế mạnh mẽ hơn nữa trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết. Các động lực ấy đều có

liên quan đến việc giải quyết nhiều vấn đề thực tiễn chung quanh môi trường kinh doanh, môi trường cạnh tranh, quan hệ hợp tác liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế, chế độ phân phối và sử dụng các nguồn lực, xóa bỏ những định kiến, phân biệt đối xử, cũng như việc xây dựng đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

TS Đinh Văn Ân, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương tổng kết Hội thảo, đánh giá cao những ý kiến tâm huyết, thẳng thắn của các đại biểu nêu trong Hội thảo; đồng thời, bước đầu nêu lên một số kiến nghị, đề xuất nhằm góp phần tháo gỡ về mặt tư duy làm cho nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta có thêm những động lực phát triển mới, nền kinh tế quốc dân có tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, chủ động hội nhập thành công với kinh tế khu vực và thế giới. Bài tổng kết nhấn mạnh:

- Cần tập trung quán triệt tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước cho kịp với tiến độ đề ra, cũng như thực hiện đúng lịch trình mà các đề án của các ngành, các địa phương cam kết với Chính phủ và của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) về những chủ trương, chính sách, giải pháp lớn thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

- Giải tỏa các vướng mắc về mặt nhận thức và quan điểm để khắc phục thái độ phân biệt, kỳ thị đối với các thành phần kinh tế tư bản tư nhân, tư bản nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cũng như các hộ kinh doanh cá thể, nhằm phát triển mạnh các

thành phần kinh tế - những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo chủ trương của Đảng. Sớm thống nhất về mặt chính sách đối với các vấn đề về giá "đầu vào" của một số dịch vụ chủ yếu như điện, nước, thông tin, cước phí giao thông, cũng như mặt bằng sản xuất để mọi doanh nghiệp tham gia cạnh tranh một cách bình đẳng trong môi trường cạnh tranh thực sự lành mạnh.

- Sớm ban hành Luật Cạnh tranh và Kiểm soát độc quyền kinh doanh, Luật Chống bán phá giá để bảo đảm từng bước hội nhập với kinh tế thế giới. Đồng thời, cần có những biện pháp thiết thực nhằm giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp trong trường hợp có những thay đổi về chính sách, hoặc phải dự tính khoảng thời gian chuẩn bị đủ để các doanh nghiệp có điều kiện ứng phó nhằm tránh những tổn thất không đáng có trong sản xuất, kinh doanh.

- Tăng cường các cuộc tiếp xúc giữa các cơ quan chức năng và các nhà doanh nghiệp để các bên cùng trao đổi, thảo luận về những khó khăn, cản trở trong chính sách và luật pháp, kịp thời tìm các giải pháp tháo gỡ, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi nhất cho các nhà doanh nghiệp đua tài, phát huy sáng kiến, tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của toàn bộ nền kinh tế.

- Tăng cường hơn nữa công tác tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận trên cơ sở thực sự cầu thị xuất phát từ nhu cầu đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế của đất nước, tránh sự tụt hậu xa hơn về kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và chủ động hội nhập thành công với kinh tế khu vực và thế giới nhằm tham mưu cho các nhà hoạch định chính sách. □



NHẬN THỨC VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

ĐOÀN VĂN THÁI *

ĐOÀN Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn bao gồm những thanh niên tiên tiến, tự nguyện phấn đấu xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam, là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, người đại diện chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tuổi trẻ; phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt chính trị trong phong trào thanh niên và các tổ chức thanh niên Việt Nam. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là thành viên của hệ thống chính trị hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đoàn phối hợp với các cơ quan nhà nước, các đoàn thể và tổ chức xã hội, các tập thể lao động và gia đình chăm lo giáo dục thanh, thiếu nhi, tổ chức cho đoàn viên, thanh niên tích cực tham gia vào việc quản lý nhà nước và xã hội.

Trong điều kiện hiện nay, tình hình thanh niên có nhiều biến đổi lớn về cơ cấu, số lượng và chất lượng. Cùng với sự chuyển dịch mạnh của cơ cấu kinh tế, kinh tế ngoài quốc doanh (nơi thu hút ngày càng lớn lực lượng thanh niên) phát triển rất mạnh mẽ đang đặt ra những vấn đề mới trong đó có thách thức lớn đối với tổ chức đoàn (vì chính ở những khu vực này, tổ chức của Đoàn, Hội được thành lập và hoạt động rất khó khăn). Điều đó, đòi hỏi:

Thứ nhất, hoạt động của Đoàn cần "chính trị hơn". Điều đó có nghĩa là mục tiêu chính trị trong chức năng của Đoàn phải được thể hiện nhất quán trong mọi hoạt động. Chức năng cơ bản phân biệt Đoàn với các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ là *trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, đội hậu bị của Đảng*. Nhiệm vụ chính trị hàng đầu của Đoàn là giáo dục lý tưởng cộng sản cho thanh niên, góp phần *bồi dưỡng thế hệ cách mạng* cho đời sau. Mức độ giác ngộ chính trị

* ThS, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

của đoàn viên, dù không chỉ phụ thuộc vào hoạt động của Đoàn, vẫn phải được coi là một trong những thước đo chủ yếu để đánh giá hiệu quả hoạt động của Đoàn. Thanh niên - họ chưa là đảng viên của Đảng, nhưng *tinh thần của Đảng, lý tưởng của Đảng, đạo đức và phong cách của Đảng* phải thấm đượm trong trái tim, khối óc của thanh niên. Vì vậy, mỗi hoạt động của Đoàn đều phải có mục tiêu và biện pháp để góp phần nâng cao nhận thức chính trị của đoàn viên, thanh niên, giúp cho họ củng cố niềm tin vào lý tưởng cộng sản, vào sự nghiệp của Đảng, vào các giá trị tích cực, tham gia đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, không để các hiện tượng tiêu cực chi phối, làm suy giảm lòng tin. Nội dung giáo dục của Đoàn phải gắn được lý luận với những vấn đề thực tiễn trong cuộc sống mà đoàn viên, thanh niên đang quan tâm, đang cần lời giải đáp. Sinh hoạt Đoàn phải trở thành diễn đàn thường xuyên của thanh niên để họ trao đổi ý kiến, nâng cao nhận thức về những vấn đề đang đặt ra trong cuộc sống hàng ngày, trong tâm tư và suy nghĩ thực sự của họ.

Thứ hai, Đoàn phải "thanh niên hơn". Điều đó có nghĩa là Đoàn cần gắn bó hơn, ảnh hưởng rộng hơn đối với thanh niên, hoạt động của Đoàn cần mang tính thanh niên, tính quần chúng hơn. Đoàn cần thực hiện được chức năng đại diện cho lợi ích chính đáng của thanh niên để gắn kết thanh niên với Đoàn, góp phần thể hiện tính định hướng xã hội chủ nghĩa, tính vì dân của chế độ ta trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay. Nếu không thực hiện được chức năng này, Đoàn sẽ chỉ là "*cánh tay kéo dài*" của hệ thống hành chính, nặng về tuyên truyền, giáo dục và huy động thanh niên, chưa thực sự là tổ chức của thanh niên, vì thanh niên. Đoàn cần trở thành "*bạn tốt của thanh niên*", là cầu

nối thực sự giữa thanh niên với Đảng, với hệ thống chính trị.

Để làm được điều đó, mỗi cấp bộ đoàn phải nắm chắc tình hình thanh niên, có chương trình hành động cụ thể phù hợp với các đối tượng thanh niên và phối hợp với các ngành chính quyền để thúc đẩy việc cải thiện tình hình thanh niên tại địa phương, đơn vị mình. Mỗi cơ sở đoàn phải nắm được số thanh niên gặp khó khăn, có biện pháp hoặc đề xuất, kiến nghị để giúp đỡ họ. Các cấp bộ đoàn cần chủ động tổ chức nghiên cứu, tham khảo lấy ý kiến thanh niên và phản ánh nguyện vọng, kiến nghị của thanh niên (chứ không phải là suy nghĩ chủ quan của một số cán bộ của Đoàn) với cấp ủy, chính quyền các cấp, các bộ, ngành và Chính phủ, về những chủ trương, chính sách có liên quan đến lợi ích của thanh niên. Sinh hoạt đoàn định kỳ ở các cấp phải có nội dung là đánh giá tình hình thanh niên và đề ra các biện pháp để cải thiện tình hình thanh niên tại địa phương, đơn vị mình.

Mặt khác, tính thanh niên cần được thể hiện xuyên suốt trong các hoạt động của Đoàn. Các nội dung, phương thức hoạt động của Đoàn cần phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng và trình độ nhận thức của thanh niên hơn, phát huy được vai trò chủ thể của thanh niên trong các hoạt động, sinh hoạt, không để họ làm "*khán giả*" thụ động. Cán bộ đoàn phải kiên quyết khắc phục bệnh quan liêu, hành chính hóa trong công tác và sinh hoạt.

Đồng thời, sự phát triển và hoạt động của Đoàn phải phù hợp với "dòng chảy" của thanh niên, với sự thay đổi của cơ cấu thanh niên, sự phát triển của tình hình thanh niên. Đoàn cần tăng cường ảnh hưởng và có hình thức tổ chức phù hợp trong thanh niên lao động cá thể, lao động tự do, lao động trong doanh nghiệp ngoài quốc doanh v.v..

Thứ ba, tình hình mới đòi hỏi Đoàn phải "Trí tuệ hơn". Điều đó có nghĩa là phải nâng cao tính trí tuệ, tính khoa học, nghệ thuật trong mọi hoạt động của tổ chức đoàn để đạt hiệu quả chính trị mong muốn. Thanh niên ngày nay có trình độ văn hóa cao hơn; đồng thời, lại đang bị phân hóa rất đa dạng về mức sống và điều kiện sống, về nghề nghiệp và sở thích, nhu cầu... Môi trường xã hội, văn hóa, thông tin cũng đang ngày càng đa dạng, tác động phức tạp đến thế hệ trẻ. Trong điều kiện đó, hoạt động của Đoàn phải thực sự đổi mới cả về nội dung lẫn hình thức mới thu hút được thanh niên và đạt hiệu quả giáo dục mong muốn. Nội dung và phương thức hoạt động của Đoàn phải bắt nhịp và đón đầu được sự phát triển về trình độ văn hóa của thanh niên, sự đa dạng của nhu cầu, sở thích của các đối tượng thanh niên. Vì vậy, công tác đoàn ngày càng phải thực sự là một khoa học và là một nghệ thuật.

Các cấp lãnh đạo của Đoàn nên đầu tư nhiều hơn vào công tác nghiên cứu nhu cầu, sở thích, nhận thức của *từng nhóm đối tượng thanh niên*, tham khảo các loại hình hoạt động, các hình thức sinh hoạt trong nước và quốc tế để xây dựng mô hình hoạt động phù hợp phổ biến, hướng dẫn cho cơ sở. Đồng thời, cần biết chủ động khai thác, sử dụng các phương tiện hiện đại như in-tơ-nét, các phương tiện thông tin đại chúng để giáo dục, định hướng hoạt động cho thanh, thiếu nhi. Cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cấp để các hoạt động của mỗi cấp bộ đoàn không bị phân tán, không bị tách rời chức năng nhiệm vụ đề ra, tập trung mọi nguồn lực của toàn bộ hệ thống vào việc thực hiện các mục tiêu của Đoàn.

Cán bộ đoàn cần có ý thức đầu tư thiết kế chuẩn bị rất kỹ càng cho mỗi buổi sinh hoạt, mỗi hoạt động bảo đảm sự hấp dẫn và hiệu

quả, phù hợp với đối tượng. Cần tham khảo các tài liệu hướng dẫn, huy động tư vấn của những người lớn tuổi có hiểu biết tại địa phương, đơn vị, phát huy được trí tuệ tập thể đoàn viên thanh niên trong quá trình chuẩn bị và triển khai mỗi hoạt động; tìm hiểu, đánh giá được phản ứng, nhận xét của thanh niên sau mỗi hoạt động nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động. Để làm được những điều đó, mỗi cán bộ đoàn phải tự rèn luyện với trách nhiệm cao nhất trước tổ chức và trước đoàn viên; đồng thời, mỗi cấp bộ đoàn cần có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ đoàn ở cấp mình.

Thứ tư, sự quan tâm lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn thanh niên cần "đặc biệt hơn". Đối với cấp ủy, việc xác định rõ, đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đoàn, tôn trọng tính độc lập về tổ chức của tổ chức Đoàn là yêu cầu thiết yếu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với Đoàn Thanh niên. Đây là vấn đề không mới, nhưng trong thực tế, vẫn có sự thiếu thống nhất, chưa đầy đủ trong nhận thức của nhiều cấp ủy, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và đánh giá đối với Đoàn Thanh niên. Một số nơi, cấp ủy thậm chí coi Đoàn Thanh niên như là công cụ chỉ để huy động quần chúng cho các hoạt động tập trung, thực thi các công việc cụ thể, đột xuất mà chưa quan tâm đến việc lãnh đạo, tạo điều kiện cho Đoàn thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ cơ bản của mình. Tại nhiều cơ sở, việc tham gia các cuộc họp theo cơ chế đại diện, việc làm báo cáo, văn bản các loại theo yêu cầu của cấp ủy, chính quyền và Đoàn cấp trên đang chiếm phần lớn thời gian làm việc của cán bộ đoàn, hạn chế đáng kể thời gian tiếp xúc, tìm hiểu và vận động thanh niên. Đó cũng là sự lệch lạc về chức năng nhiệm vụ, cần được điều chỉnh.

Khắc phục điều đó, các cấp ủy tiếp tục đổi mới nhận thức, nội dung, phương thức lãnh đạo công tác thanh niên. Trong chương trình công tác định kỳ (hàng tháng, hàng quý, mỗi năm hay mỗi nhiệm kỳ) của mình, *các cấp ủy* cần có chương trình công tác cụ thể lãnh đạo, chỉ đạo Đoàn Thanh niên; phân công cấp ủy viên phụ trách công tác thanh niên; giao nhiệm vụ vận động thanh niên cho mỗi đảng viên; chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện nội dung công tác thanh niên; kiểm tra việc thực hiện các chủ trương về công tác thanh niên, trong đó chú trọng kiểm tra công tác phát triển đảng từ đoàn viên; xây dựng quy chế, lề lối làm việc với cấp bộ đoàn và các ngành về công tác thanh niên, nêu cao tính kỷ luật Đảng trong công tác thanh niên...

Đối với *mỗi đảng viên*, cần thống nhất nhận thức rằng, công tác thanh niên trước hết là công tác của Đảng; tiến hành công tác thanh vận là trách nhiệm của từng đảng viên, chứ không phải và không chỉ là nhiệm vụ của riêng cấp ủy viên phụ trách công tác thanh niên hay của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Do đó, cùng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình, mỗi đảng viên đi vào phong trào của tuổi trẻ, tuyên truyền đường lối, chủ trương, của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; sống mẫu mực, là tấm gương cho thanh niên noi theo; đồng thời, tham gia bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét và kết nạp.

Thứ năm, để tạo điều kiện cho Đoàn hoạt động có hiệu quả, vai trò quản lý của Nhà nước phải được "thực thi hơn". Có thể nói, Đoàn là một tổ chức quần chúng của thanh niên, có chức năng vận động, giáo dục thanh niên. Quá trình vận động thanh niên là quá trình tự giác, mang tính chính trị và tính xã hội sâu sắc. Quá trình này được tiến hành trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật.

Chính pháp luật là môi trường pháp lý thuận lợi để Đoàn thực hiện tốt hơn chức năng của mình. Để làm được điều đó, Nhà nước đã thành lập cơ quan chuyên trách về công tác thanh niên; ban hành một số chính sách, luật pháp liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên. Tuy nhiên, các hoạt động đó còn mang tính hình thức; hệ thống các chính sách bồi dưỡng, phát huy thanh niên thiếu đồng bộ, chưa huy động được các nguồn lực và sức mạnh xã hội, cộng đồng trong giáo dục và phát huy thanh niên. Vì vậy, Nhà nước phát huy tốt hơn vai trò của Ủy ban Quốc gia về Thanh niên trong tham mưu hoạch định các chính sách thanh niên; giao nhiệm vụ cụ thể về công tác thanh niên cho các bộ, ngành, các cấp chính quyền; xác lập cơ chế thực thi và kiểm soát các chủ trương, chính sách thanh niên, góp phần tạo ra môi trường thuận lợi cho thanh niên rèn luyện và phát triển.

Thứ sáu, vấn đề xây dựng Đoàn trong quan hệ với xây dựng Đảng. Xây dựng Đoàn theo quan điểm trước đây được coi là một bộ phận rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Tuy nhiên, *trong điều kiện mới, với vai trò là đội hậu bị của Đảng, xây dựng Đoàn cần được nhận thức là xây dựng Đảng trước một bước, là quá trình xây dựng và chuẩn bị đội hậu bị tin cậy bổ sung lực lượng cho Đảng; là một trong những nhân tố quyết định đối với công tác xây dựng Đảng*.

Muốn thực hiện tốt nhiệm vụ trên đây, một trong những giải pháp quan trọng là: Đảng không ngừng nhận thức một cách đầy đủ và khoa học về thanh niên và công tác thanh niên, về công tác Đoàn và Đoàn Thanh niên, có giải pháp thiết thực, cụ thể đối với từng vấn đề đặt ra đối với Đoàn Thanh niên và công tác thanh niên. Đó cũng là yêu cầu của đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn Thanh niên và công tác thanh niên. □

TRONG toàn bộ chiến lược toàn cầu phản cách mạng chống phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, các thế lực hiếu chiến và chống cộng luôn tập trung mũi nhọn tuyên truyền về sự phá sản của chủ nghĩa xã hội và sự vinh hăng của chủ nghĩa tư bản. Họ sử dụng đồng bộ và tổng hợp nhiều biện pháp, kể cả những biện pháp bạo lực phản cách mạng nhằm làm giảm bớt

mục tiêu ấy đến những thập niên đầu thế kỷ XXI. Việt Nam được xác định là một trong những trọng điểm trong chiến dịch tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội của họ.

Thời gian gần đây, các thế lực hiếu chiến và chống cộng ở phương Tây rộ lên các chiến dịch chống Việt Nam; ngang nhiên đả kích, trắng trợn vu cáo, xuyên tạc, bôi nhọ Đảng Cộng sản Việt Nam. Một số phần tử phản

động người Việt sống lưu vong ở nước ngoài cũng ráo riết hoạt động. Chúng lập ra các nhóm, đảng, nhen nhóm cái gọi là phong trào nọ, chiến dịch kia; rồi giao dịch, thư từ, móc nối, đi lại ríu rít như con thoi. Thậm chí chúng chuẩn bị kế hoạch đưa cả người, cả tiền của, súng đạn về nước để tiến hành hoạt động lật đổ. Đặc biệt, chúng triệt để khai thác các phương tiện thông tin như một công cụ cực kỳ lợi hại để tuyên

truyền, kích động, phá hoại ta về mặt tư tưởng. Chỉ trong một thời gian ngắn, chúng đẻ ra nhiều tờ báo, nhiều ấn phẩm; sử dụng lợi thế của các phương tiện nghe nhìn, và công nghệ mới, lập thêm các đài phát thanh với nhiều thứ tiếng ra rả rêu rao các luận điệu chống chủ nghĩa xã hội một cách thâm độc. Mục tiêu số một của họ lúc này là xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, khai tử nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiến tới lật đổ chính quyền nhân dân do Đảng cộng sản lãnh đạo, thay nó bằng chế độ tư bản chủ nghĩa.

* TS, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai

Âm mưu và luận điệu chống phá chủ nghĩa xã hội của các thế lực thù địch ngày nay

NGUYỄN VĂN LONG*

hoặc vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Đảng, tiến tới tiêu diệt đảng cộng sản, nhằm có chứng minh cho cái gọi là chủ nghĩa xã hội sẽ bị phá sản hoàn toàn và chủ nghĩa tư bản sẽ tồn tại vĩnh hăng (!).

Từ khi Đảng Cộng sản Liên Xô và một số đảng cộng sản, công nhân ở Đông Âu tan rã, các thế lực chống cộng càng đẩy tới chiến dịch tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội, chống các đảng cộng sản và các nước xã hội chủ nghĩa còn lại một cách quyết liệt. Họ cho rằng, không có thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội do Cách mạng Tháng Mười mở đầu, và điên cuồng chống phá chủ nghĩa xã hội với mưu đồ kết liễu nó vào cuối thế kỷ XX. Khi ý đồ đó bị thất bại, họ tiếp tục quyết định kéo dài việc thực hiện

Gần đây, trong một "Giác thư gửi lãnh đạo", một số người nhân danh những tổ chức, hội đoàn và cộng đồng người Việt chống chủ nghĩa xã hội tại Pháp đã "phản đối ý đồ tiếp tục áp đặt thể chế độc tài đảng trị của lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam", "phủ nhận tư cách đại diện nhân dân Việt Nam của Quốc hội Hà Nội", "phủ nhận bản Hiến pháp nhân dân chủ của Đảng Cộng sản Việt Nam", và đòi "lãnh đạo Đảng phải chấp nhận những thay đổi cần thiết", "xóa bỏ những quy định của Hiến pháp và luật pháp về quyền lãnh đạo tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam", "trả lại cho nhân dân Việt Nam quyền được quyết định vận mệnh của chính mình và của đất nước", v.v.. Trong bài "Bàn về tư cách và khả năng quản lý đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam" (đăng trên Tạp chí *Người dân*), Phạm Chính Tâm đòi "Đảng Cộng sản Việt Nam tự nguyện rút lui, nhường chỗ cho một "hội đồng dân tộc" hoặc "hội nghị toàn dân". Còn Âu Trường Thanh, người đã ba lần tham gia chính phủ ngụy quyền Sài Gòn, trong bài "Làm sao cho dân Việt Nam thoát khỏi cảnh bần cùng" nói thẳng ý đồ "phải làm sao cho Đảng Cộng sản không còn nắm vận mệnh của quốc gia". Với luận điệu "Chúng ta có thể chấp nhận làm việc chung với những người cộng sản hay không?", Trần Quốc Chí thì dự đoán bừa rằng, chế độ cộng sản Việt Nam bị sụp đổ đến nơi, v.v.. Gần đây, chúng dựng lên cái gọi là "Đảng dân tộc Việt Nam", đưa ra dự thảo cương lĩnh và điều lệ hoạt động với mục tiêu là "phát động phong trào quần chúng đấu tranh đến cùng để chiến thắng cộng sản, xây dựng một chế độ xã hội đa nguyên, đa đảng"... Ngoài ra, chúng còn tung ra hàng loạt tài liệu nói xấu mối quan hệ giữa các tôn giáo nhằm gây ra sự chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc của chúng ta.

Rõ ràng, điều đó càng chứng minh tính chất quyết liệt của cuộc đấu tranh giữa hai

lý tưởng, giữa hai hệ tư tưởng và giữa hai chế độ xã hội: xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Sự chống phá chủ nghĩa xã hội và đảng cộng sản từ phía chủ nghĩa đế quốc và các thế lực hiếu chiến ngày càng *điên cuồng về cường độ, thâm hiểm về thủ đoạn và toàn diện về các lĩnh vực*. Chúng đánh vào chủ nghĩa xã hội, trước hết là đánh vào Đảng một cách có hệ thống, với sự phối hợp rất bài bản, cả trên những vấn đề cơ bản, then chốt nhất về nền tảng tư tưởng, cương lĩnh chính trị; cả về nguyên tắc tổ chức, mối liên hệ giữa Đảng với dân, và quan hệ quốc tế giữa các đảng.

Về *nền tảng tư tưởng của Đảng*, các phần tử chống cộng luôn luôn rêu rao rằng, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã lỗi thời, chủ nghĩa xã hội khoa học không có sức sống. Điều này không lạ. Ngay khi chủ nghĩa cộng sản mới chỉ là "bóng ma ám ảnh châu Âu", các nhà tư tưởng chống cộng cùng các thế lực đế quốc đã cay cú, tìm mọi cách xua đuổi, rắp tâm xóa bỏ nó rồi. Sau đó, suốt một thời gian dài, bằng hàng loạt thủ đoạn: từ chiến lược, học thuyết này đến chiến lược, học thuyết khác, các chuyên gia chống cộng cố tìm cách chứng minh những sai lầm của học thuyết Mác - Lê-nin. Nhưng, họ càng *điên cuồng cố tình phủ nhận* thì chủ nghĩa Mác - Lê-nin càng sáng ngời.

Những năm gần đây, lợi dụng và khai thác triệt để sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu, các chuyên gia chống cộng khét tiếng như Brê-din-xki, H. Kít-sinh-giơ... cùng những người một thời đứng đầu Nhà Trắng như R. Ních-xon, R. Rê-gân... hoặc đang đứng đầu Nhà Trắng như G. Bu-sơ đua nhau viết sách, đọc diễn văn với các giọng điệu rất hần học, ca ngợi sự thành đạt của "thế giới tự do", của "phong trào dân chủ", và hí hửng với cái gọi là "sự ra đi của chủ nghĩa xã hội" (!) Trong cuốn sách

Thất bại lớn - sự ra đời và cái chết của chủ nghĩa cộng sản ở thế kỷ XX, Brê-din-xki, sau khi tưởng tượng ra sự thất bại và tan rã của chủ nghĩa cộng sản vào đầu thế kỷ XXI, đã cố truy tìm nguồn gốc thất bại ở chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Các nhà tư tưởng chống cộng cũng đã xuyên tạc, cắt xén thô bạo, bác bỏ vô lý những luận điểm căn bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, như: quy luật vận động và phát triển của xã hội, sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, chuyên chính vô sản...

Cùng với việc xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, các chuyên gia chống Đảng Cộng sản Việt Nam đồng thời xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng vu cáo, dựng chuyện, hòng bôi nhọ đời tư, hạ thấp uy tín và vai trò của Người. Đã có những cuộc "hội thảo", những tờ báo, những cuốn sách được chúng xuất bản ở nước ngoài cố tình bóp méo sự thật. Họ không biết rằng, đối với dân tộc Việt Nam và nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh là gần gũi, thiêng liêng và vĩ đại đến mức không thể nào xuyên tạc và phá vỡ!

Về *cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng*, các phần tử chống cộng luôn luôn rêu rao đường lối của Đảng Cộng sản là sai lầm. Họ ra sức tô son, trát phấn cho chủ nghĩa tư bản, nào là chủ nghĩa tư bản đã thay đổi bản chất, chủ nghĩa tư bản có thể hội tụ với chủ nghĩa xã hội trong thời đại văn minh hậu công nghiệp, văn minh trí tuệ, tin học; nào chủ nghĩa tư bản là vĩnh hằng. Họ cũng hàm hồ nói rằng, chủ nghĩa xã hội có trăm nghìn thứ khuyết tật, không dân chủ, thiếu nhân quyền, không nhân đạo... Họ quy kết mọi yếu kém (nếu có) của ta hoàn toàn "là hậu quả của chính sách cai trị độc tài dựa trên chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà Đảng Cộng sản áp đặt trên đất nước Việt Nam". Thậm chí, họ còn

đòi rằng, tư nhân hóa và đa nguyên chính trị là điều kiện tiên quyết để thiết lập quan hệ với Việt Nam. Như vậy phải chăng họ muốn có quan hệ thành thật và chân tình với chúng ta? Xin thưa, hoàn toàn không phải. Chính những người chống cộng ở Mỹ đã bộc lộ rõ ý đồ của họ. Năm 1988, khi Liên Xô lâm vào tình trạng khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng, R. Ních-xơn viết cuốn *Chiến thắng không cần chiến tranh* để vạch ra kế hoạch thúc đẩy chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô nhanh chóng đi đến sụp đổ. Năm 1992, sau khi Liên Xô sụp đổ, họ lại viết cuốn *Chớp thời cơ*, vạch ra chiến lược đưa các nước thuộc Liên xô trước đây và Đông Âu dứt khoát đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Họ còn nói rằng, phải tận dụng thời cơ quý báu khi "chất keo của tư tưởng cộng sản đã mất hiệu lực", dù biết rằng đó là việc hết sức khó khăn.

Gần đây, một số người ra vẻ lên tiếng đòi Mỹ quan hệ bang giao tốt với Việt Nam, nhưng kỳ thực với dụng ý là để làm biến đổi dần dần chế độ chính trị của Việt Nam. Họ cho rằng: Căn bản là kinh tế, kinh tế kéo theo chính trị, thay đổi kinh tế sẽ kéo theo thay đổi thể chế chính trị... Mỹ vào Việt Nam mặc nhiên sẽ dần dần áp dụng những định chế kinh tế thị trường, làm thay đổi căn bản thể chế chính trị. Thử nữa, Mỹ vào, những quyền tự do được bảo đảm hơn... Có sự hiện diện của người Mỹ ở Việt Nam, ta dễ dàng dùng ảnh hưởng để thay đổi chính trị, còn đứng ở ngoài la hét, đòi hỏi sẽ không thay đổi được cái gì hết.

Về *tổ chức của Đảng*, các thế lực chống cộng tập trung đánh vào các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, đặc biệt là vào nguyên tắc tập trung dân chủ. Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức rất cơ bản của một đảng Mác - Lê-nin chân chính, bảo đảm phát huy sáng kiến và tính tích cực sáng tạo của

mỗi tổ chức đảng và đảng viên; đồng thời, là điều kiện giữ gìn sự thống nhất ý chí và hành động của đảng. Các phần tử chống cộng cho rằng, nguyên tắc tập trung dân chủ đến nay đã lỗi thời, thực hiện tập trung dân chủ sẽ dẫn đến mất dân chủ trong Đảng, mất dân chủ trong xã hội. Họ ra sức tán dương và khuyến khích thực hiện dân chủ tự do, dân chủ cực đoan. Theo họ, trong Đảng nên có nhiều phe nhóm đối lập để đấu tranh, bàn cãi, tranh luận! Sử dụng triệt để những chiêu bài "dân chủ", "đa nguyên", họ cổ vũ sự bất đồng ý kiến về quan điểm trong Đảng; rồi lợi dụng sự bất đồng đó để chia rẽ Đảng thành những phe phái đối lập, dựng ra cái gọi là phe bảo thủ, phái ôn hòa, phái cứng rắn,... Đánh vào nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, các thế lực thù địch muốn phá vỡ sự thống nhất của Đảng, làm tan rã hoặc phân liệt Đảng về tổ chức.

Về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, dù thừa biết sức mạnh vô địch của Đảng là ở mối quan hệ máu thịt với nhân dân, nhưng các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách để chia rẽ Đảng với dân; lôi kéo, kích động, tách nhân dân ra khỏi ảnh hưởng của Đảng. Bằng việc vu cáo Đảng chiếm quyền của dân, vi phạm dân chủ, nhân quyền, "độc đoán", "đảng trị", "sự thống trị quan liêu của giới thượng lưu",... chúng đem đối lập Đảng với Nhà nước, đối lập Đảng và Nhà nước với nhân dân và dân tộc. Lợi dụng việc chúng ta công khai tự phê bình, đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu và các hiện tượng tiêu cực khác trong Đảng và bộ máy nhà nước, chúng không tiếc sức công kích, nói xấu Đảng. Chúng thổi phồng khuyết điểm, sai lầm của một số đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện để gán cho Đảng Cộng sản đủ các thói xấu, bệnh hoạn. Thông qua các phần tử bất mãn, các phần tử phản động đội lốt tôn giáo, chúng ra sức tác động, lôi kéo

quần chúng, chia rẽ tôn giáo, khơi lên ngọn lửa hận thù dân tộc, hòng làm mất ổn định chính trị, tạo cơ hội để tạo ra sự tự diễn biến từ bên trong và lật đổ ta từ bên trong.

Ngón đòn hiểm độc mà chúng đã sử dụng thành công ở một số nơi đang được áp dụng mạnh để đánh vào các nước xã hội chủ nghĩa là các chiêu bài "tự do", "dân chủ", "nhân quyền". Họ nói rõ ý đồ sử dụng con bài nhân quyền như một "sức ép", "thúc đẩy sự thay đổi chính trị hòa bình từ bên trong". Theo đuổi với chiến lược đó, nhiều tờ báo của người Việt Nam lưu vong ở nước ngoài cũng rộ lên những chiến dịch đòi tự do, nhân quyền, dân chủ, đa nguyên, đa đảng... Gần đây, Bùi Tín viết một tài liệu và tán phát đến các phần tử cơ hội chính trị, để tuyên truyền tư tưởng thân Mỹ và cổ xúy cho việc đi theo chủ nghĩa tư bản.

Như vậy, rõ ràng sự chống phá Đảng Cộng sản của các thế lực thù địch rất thâm độc, rất toàn diện, nhất quán và ngày càng điên cuồng với mục đích cuối cùng là xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, tôn vinh cái gọi là sự vĩnh hằng của chủ nghĩa tư bản. Điều nguy hiểm là ở chỗ, có những luận điệu do chúng đưa ra được dựa vào sự tự phê phán để đổi mới của chúng ta. Có những câu, chữ chúng nói giống hệt như ta nói (như *phải đổi mới, phải dân chủ...*), nhưng đương nhiên với một động cơ khác, nhằm những mục đích khác. Đáng tiếc là trong đội ngũ chúng ta có những người không nhận ra điều đó. Lại có những phần tử bất mãn, những kẻ cơ hội, cực đoan đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Theo voi ngơ ăn bã mía, họ hằn học, tức tối, quy cho Đảng, cho những người lãnh đạo của Đảng đủ mọi thứ tội.

(Xem tiếp trang 68)



KON TUM VỚI CÔNG TÁC CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU SẢN XUẤT GẮN VỚI ĐỊNH CÁN, ĐỊNH CƯ VÀ XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO

NGUYỄN THANH CAO*

VỚI đặc điểm và điều kiện của một tỉnh miền núi, vùng cao biên giới, địa hình chia cắt, phức tạp, thiên nhiên, khí hậu ít thuận lợi, Kon Tum còn nhiều khó khăn về nhân tài, vật lực. Hơn nữa, trong một thời gian dài do chưa đầu tư đúng mức nên kết cấu hạ tầng của Kon Tum còn yếu kém, kinh tế - xã hội chậm phát triển. Nhưng với sự nỗ lực cố gắng của các cấp ủy, chính quyền các cấp và nhân dân các dân tộc Kon Tum, hơn 12 năm qua (kể từ ngày tỉnh tái thành lập), tình hình chung đã có sự chuyển biến đáng khích lệ, tạo ra diện mạo mới và hình thành những tiền đề quan trọng cho sự phát triển của những năm tiếp theo.

Tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm được duy trì ở mức 10%/năm; trong đó: ngành nông - lâm nghiệp tăng trên 7,5%/năm, ngành công nghiệp - xây dựng tăng trên 30%/năm, ngành thương mại - dịch vụ tăng trên 8%/năm. Tuy cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm nhưng đã dần theo hướng tiến bộ (tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng, tỷ trọng nông - lâm nghiệp giảm dần). So với năm 1991, năm 2002, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng tăng gấp 4,5 lần, ngành dịch vụ

tăng gấp 1,3 lần, ngành nông - lâm nghiệp tăng về số lượng tuyệt đối nhưng giảm về tỷ trọng, và đã có sự chuyển dịch, thay đổi về chất trong nội bộ ngành nông nghiệp.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh đã tạo điều kiện thúc đẩy việc hình thành và phát triển các cơ sở chế biến nông - lâm sản (Công ty Mía - đường Kon Tum, Nhà máy Tinh bột sắn Đắc Tô, các cơ sở chế biến đồ gỗ...), khuyến khích các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp phát triển góp phần nâng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong những năm qua, tạo điều kiện nâng mức lưu chuyển hàng hóa tăng hơn 10 lần so với những năm đầu tái lập tỉnh. Mạng lưới thương nghiệp nhiều thành phần được mở rộng, hàng hóa đa dạng, phong phú hơn, đáp ứng các mặt hàng thiết yếu và cung cấp kịp thời các loại hàng hóa khác.

Đồng thời, những năm qua kết cấu hạ tầng của tỉnh cũng từng bước được quan tâm xây dựng. Các công trình đường giao thông, điện sinh hoạt, thủy lợi, trường học, trạm

* Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

y tế được đầu tư đáng kể, đáp ứng cơ bản nhu cầu xã hội và yêu cầu phát triển của tỉnh. Công tác chỉnh trang đô thị được chú trọng, bộ mặt thị xã Kon Tum và các thị trấn huyện lỵ có nhiều đổi thay.

Những kết quả trên đã góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh, củng cố ngày càng vững chắc niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Nói khái quát, nhân tố nổi bật của những thành tựu đạt được trong thời gian qua của Kon Tum là, đã tích cực nỗ lực triển khai công tác chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, định canh, định cư và xóa đói, giảm nghèo.

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật nuôi đối với quá trình xây dựng và phát triển kinh tế của địa phương, trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền các cấp ở tỉnh Kon Tum đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các ban, ngành triển khai và đạt được những kết quả ban đầu; cơ cấu cây trồng, con vật nuôi trên địa bàn tỉnh có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, phù hợp với điều kiện tự nhiên và quy hoạch, hình thành một số tiểu vùng chuyên canh cây công nghiệp (cà-phê, cao-su) ở Đắc Hà, thị xã Kon Tum; công tác quản lý bảo vệ và trồng rừng được thực hiện có kết quả; chăn nuôi gia súc được chú ý phát triển. Từ việc xác định đúng thế mạnh là rừng, trong những năm qua, tỉnh luôn quan tâm đến công tác trồng và quản lý, bảo vệ rừng thông qua việc tích cực triển khai thực hiện Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng, Dự án trồng rừng nguyên liệu giấy; công tác khoán quản lý, bảo vệ rừng cũng được quan tâm thực hiện và đạt kết quả tốt. Đến nay, diện tích rừng của tỉnh đạt 631 276 ha, tăng 35 121 ha (5,9%) so với năm 1991, nâng độ che phủ

của rừng lên 65,7%; với diện tích rừng lồ ô, tre, nứa hiện có và diện tích rừng trồng đạt gần 30 000 ha qua các năm sẽ là nguồn nguyên liệu cơ bản và ổn định của Nhà máy Bột giấy Đắc Tô với công suất 130 000 tấn bột/ năm.

Là một tỉnh miền núi, Kon Tum không đặt vấn đề phát triển diện tích lúa nước bằng mọi giá nhưng tỉnh luôn vận động nhân dân phát triển diện tích lúa nước ở những nơi có điều kiện, chú trọng công tác khai hoang phục hóa, phấn đấu bảo đảm lương thực tại chỗ, do đó diện tích ruộng nước đã không ngừng tăng, năm 2003 diện tích ruộng nước của tỉnh đạt gần 8 000 ha. Bên cạnh việc tích cực mở rộng diện tích lúa nước, tỉnh đã tập trung phát triển các loại cây chất bột. Đến nay, toàn tỉnh có trên 21 000 ha sắn (gấp 3,2 lần diện tích năm 1991), trên 7 000 ha ngô (gấp 2,6 lần diện tích năm 1991). Đã và đang tạo điều kiện cho công nghiệp chế biến nông sản hình thành và phát triển.

Với giá trị kinh tế cao trong những năm giữa thập niên 90, diện tích cà-phê trên địa bàn tỉnh nhanh chóng được mở rộng: từ 3 046 ha (năm 1991) lên 14 400 ha (gấp 4,72 lần - vào năm 2000) và đến nay giảm xuống còn 12 980 ha. Đặc biệt, với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp, diện tích cao-su tăng mạnh qua các năm, đến nay tỉnh có 15 800 ha, tăng 17,8 lần so với diện tích năm 1991. Hưởng ứng Chương trình mía - đường của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tỉnh đã quy hoạch và phát triển trên 3 500 ha mía (tăng gấp 3,7 lần so với năm 1991), bảo đảm cơ bản việc cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy Đường Kon Tum hoạt động với công suất 1 500 tấn mía cây/ngày.

Tuy phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh nhưng các đàn gia

sức trên địa bàn đều tăng qua các năm. Thấy rõ ý nghĩa, vai trò, vị trí của công tác định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, sau khi tỉnh tái lập, tuy điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn nhưng Kon Tum đã quan tâm đúng mức đến công tác định canh, định cư, triển khai đồng bộ các nội dung của công tác định canh, định cư và thực hiện có hiệu quả các dự án định canh, định cư trên địa bàn (bao gồm 30 dự án định canh, định cư và 3 dự án hỗ trợ vùng đồng bào các dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí gần 56 tỉ đồng), tổ chức vận động và giúp 26 335 hộ với 134 974 người định canh, định cư (đạt 80, 65% số hộ và 81,03% số người).

Cùng với công tác định canh, định cư, công tác xóa đói, giảm nghèo cũng được các cấp ủy, chính quyền các cấp ở địa phương hết sức quan tâm. Kon Tum đã có nhiều chủ trương, biện pháp thiết thực cho công tác này. Cụ thể là tăng cường cán bộ chuyên trách về xóa đói, giảm nghèo cho 100% số xã; dùng ngân sách địa phương để cấp bù lãi suất 0,3%/tháng cho tất cả các hộ nghèo vay vốn sản xuất; trợ cấp cho các khuyến nông viên đến các thôn, làng... Do đó, công tác xóa đói giảm nghèo đã đạt kết quả quan trọng: đưa tỷ lệ hộ nghèo từ 57,3% (năm 1997) xuống còn 22,6% (theo tiêu chí mới - năm 2002) và đến tháng 6-2003 chỉ còn 19,27% (vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh đề ra).

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, góp phần xóa đói, giảm nghèo, Kon Tum còn một số yếu kém. Đó là việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật nuôi trên địa bàn chưa tốt, thiếu tính chiến lược và

bền vững; công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch còn bất cập, tình trạng phát triển tự phát, phá vỡ quy hoạch, kế hoạch còn xảy ra; quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật nuôi chưa gắn với việc chú trọng phát triển công nghiệp chế biến và tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm đã ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế và tác động đến tâm lý của nhân dân (có thời điểm nhân dân phải chặt mía, phá bỏ cà-phê...). Một số tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, nhất là trong lĩnh vực chăn nuôi chưa được quan tâm khai thác đúng mức. Công tác định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn tỉnh chưa đi vào chiều sâu, tỷ lệ tái du canh, du cư và tái nghèo trong đồng bào các dân tộc thiểu số còn cao; chưa xác định được mô hình thiết thực, bền vững đối với công tác định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo, phù hợp với đặc điểm, điều kiện đặc thù của tỉnh.

Những yếu kém, khuyết điểm trên có nguyên nhân khách quan, nhưng cơ bản vẫn thuộc về nguyên nhân chủ quan. Cấp ủy ở một số nơi chưa thật sự quan tâm lãnh đạo công tác chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, định canh, định cư và xóa đói, giảm nghèo dẫn đến việc chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp còn hạn chế và bất cập; năng lực tham mưu và khả năng tổ chức thực hiện ở các ngành chức năng còn có mặt yếu kém, lệch lạc. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa năng động, trình độ, năng lực hạn chế, chưa thực sự tâm huyết, nhiệt tình với công việc, với nhân dân; công tác kiểm tra, phối hợp chưa thường xuyên và thiếu đồng bộ. Bên cạnh đó, ý thức phát huy nội lực trong nhân dân chưa cao, nhiều nguồn lực trong dân chưa được khai thác và huy động hiệu quả; trình độ dân trí và năng lực sản xuất của đại đa số đồng bào các dân tộc

thiếu số vẫn còn hạn chế; tập quán, hủ tục ở nhiều địa phương còn nặng nề; mặt khác, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại ở một bộ phận cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc thiểu số.

Thời gian tới, Kon Tum sẽ đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng cho hộ gia đình quản lý, bảo vệ; nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng đa canh, thâm canh; hình thành các cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm sản quy mô vừa và nhỏ với thiết bị và công nghệ hiện đại, sản phẩm tạo ra đủ sức cạnh tranh trên thị trường và hỗ trợ đắc lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện có hiệu quả cao nhất chương trình định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo, quyết tâm đến năm 2005 hoàn thành công tác định canh, định cư trên địa bàn tỉnh và đưa tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 13% (theo mục tiêu chung của Chính phủ đề ra cho các tỉnh Tây Nguyên).

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh, Kon Tum chủ trương kết hợp chặt chẽ giữa việc tổ chức thực hiện với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các mô hình tốt, có hiệu quả; chấn chỉnh nghiêm túc những thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra. Đồng thời, phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, năng động sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành nhằm giải quyết kịp thời, hiệu quả những khó khăn, ách tắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Trước mắt, tập trung thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, khẩn trương hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả đề án chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật nuôi trên địa bàn tỉnh; đồng thời, tập trung rà soát, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội

của các huyện, thị xã, bảo đảm phát huy tối đa các nguồn tiềm năng, lợi thế của từng địa phương.

Rà soát lại quy hoạch đất nông, lâm nghiệp, bảo đảm bố trí đủ quỹ đất cho phát triển đồng cỏ để hình thành doanh nghiệp chăn nuôi gia súc và các vùng chuyên canh cây công nghiệp, vùng nguyên liệu cho nhà máy bột giấy, nhà máy đường, tinh bột sắn. Đẩy mạnh khai hoang, xây dựng đồng ruộng để có đủ đất sản xuất cho các hộ còn thiếu và mở rộng khu được tưới nước, phát huy tối đa công suất của các công trình thủy lợi. Thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật để tăng năng suất cây trồng, con vật nuôi; chú trọng chuyển giao kỹ thuật để mở rộng diện tích ngô lai và các cây trồng họ đậu. Có kế hoạch khảo sát thực trạng thu nhập trên một đơn vị diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đề xuất các giải pháp phân đầu xây dựng cánh đồng có thu nhập cao, sát hợp với thực tế từng vùng, từng địa phương trong tỉnh. Đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng cho nhân dân quản lý, bảo vệ, thực hiện tốt việc tăng thu nhập cho người làm nghề rừng.

Thứ hai, tập trung các biện pháp cụ thể để tháo gỡ kịp thời các khó khăn ách tắc về cơ chế, đất đai, tiền vốn... tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp...

Chú trọng công tác khuyến nông, khuyến lâm, thú y, bảo vệ thực vật để đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất, nâng cao đời sống. Chú trọng phát huy vai trò, "bà đỡ" của các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn, nhất là trong việc giúp nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Vận dụng sáng tạo chủ trương của trung ương và có cơ chế, chính sách cụ thể để khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia mô hình "bốn

nhà liên kết" (chú trọng xác định vai trò quản lý, điều hành, phối hợp của Nhà nước), nhằm bảo đảm cung cấp đầy đủ các loại vật tư, nhu yếu phẩm, công nghệ, tiến bộ khoa học - kỹ thuật và tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân. Kon Tum kiến nghị với Chính phủ chỉ đạo sự phối hợp chặt chẽ giữa tỉnh với các ngành trung ương để đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án Nhà máy Bột giấy Đắk Tô; đồng thời, khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm sản trên địa bàn tỉnh với quy mô vừa và nhỏ, thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại. Quan tâm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, ưu tiên các dự án, công trình trọng điểm để tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm thay đổi một bước quan trọng đời sống kinh tế, văn hóa của nhân dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số. Từng bước rút ngắn khoảng cách về mức sống giữa đồng bào các dân tộc thiểu số với đồng bào Kinh, giữa vùng sâu, vùng xa với thị xã, thị trấn.

Thứ ba, tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo thông qua Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Từng tổ chức hội, đoàn thể phải có kế hoạch cụ thể để hướng dẫn, động viên các hộ là đoàn viên, hội viên của các tổ chức mình khắc phục sự tự ty, quyết tâm vượt khó vươn lên, phát huy nội lực, mạnh dạn vay vốn và áp dụng các mô hình định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo bền vững và việc triển khai các dự án cụ thể nhằm giữ vững và phát huy những kết quả đã đạt được trong thời gian qua. Sớm xác định mô hình định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo bền vững đối với từng vùng sinh thái trên địa bàn tỉnh trên cơ sở mỗi hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số

phải có một ngôi nhà lợp ngói hoặc tôn, hai con trâu hoặc bò; có đủ đất sản xuất theo Quyết định số 132 của Thủ tướng Chính phủ; có nước sạch sinh hoạt. Tập trung bài trừ các hủ tục lạc hậu, các hoạt động mê tín dị đoan; vận động bà con đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Đồng thời, thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, Nhà nước về y tế, giáo dục, văn hóa - văn nghệ đối với đồng bào vùng sâu, vùng xa trong đó chú trọng việc nâng cao dân trí, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Thứ tư, tăng cường lồng ghép việc thực hiện công tác định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo với việc triển khai các chương trình, dự án kinh tế - xã hội trên địa bàn, bảo đảm huy động và phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của các nguồn lực, phục vụ có hiệu quả cho việc củng cố vững chắc thành tựu định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng kinh tế mới khó khăn. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo từ tỉnh đến cơ sở bảo đảm đủ cán bộ có năng lực, tâm huyết để thực hiện nhiệm vụ. Chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ với nhau để xây dựng cho được phương án cụ thể, thiết thực và triển khai một cách đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả.

Những kết quả đạt được thời gian qua cùng với tinh thần lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền các cấp, sự nỗ lực phấn đấu của các ban, ngành, tin tưởng rằng, thời gian tới, Kon Tum sẽ vượt qua những khó khăn, trở ngại, hoàn thành các mục tiêu đã định, tạo ra thế và lực mới để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, nhanh chóng đưa Kon Tum từng bước đuổi kịp các tỉnh trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên. □

Phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào Công giáo Việt Nam

PHAN KHẮC TỬ *

PHÁT huy truyền thống đoàn kết của dân tộc, thời gian qua, các phong trào yêu nước của đồng bào Công giáo đẩy lên mạnh mẽ, đều khắp, hòa nhịp với phong trào cách mạng chung của nhân dân cả nước. Với phương châm "Sống tốt đời đẹp đạo", nhằm góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh... phong trào thi đua yêu nước của đồng bào Công giáo Việt Nam diễn ra ở hầu khắp các giáo xứ và họ đạo đã có bước khởi sắc, góp phần quan trọng vào thắng lợi trên các lĩnh vực xây dựng đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước.

1 - Đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo

Mặc dầu luôn phải đối mặt với những khó khăn, trở ngại do thiên tai và thời tiết bất thường nhưng đồng bào Công giáo khắp các xứ, họ đạo vẫn không ngừng đẩy mạnh phong trào thi đua phấn đấu vươn lên trong lao động sản xuất, đạt thành tích và sản lượng lương thực cao, góp phần giải quyết cơ bản vấn đề lương thực phục vụ đời sống, tăng sản lượng có chất lượng cao phục vụ xuất khẩu. Nhiều địa phương có đồng bào Công giáo làm ăn sinh sống đã phát huy được tiềm năng, kinh nghiệm và áp dụng

hiệu quả các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, thâm canh, đổi mới giống cây trồng, con vật nuôi nên nhiều năm liền đã giữ được lá cờ đầu trong phát triển sản xuất, đầu tư thâm canh. Điển hình là các huyện: Hải Hậu, Nghĩa Hưng (Nam Định), Đông Hưng, Hưng Hà (Thái Bình) và một số

vùng thuộc đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và Tây Nguyên... Nhất là, tại các tỉnh Tây Nguyên, sau những năm sản phẩm cây cà-phê gặp khó khăn về giá cả, bà con giáo dân ở nhiều nơi đã mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản xuất những mặt hàng cho thu nhập khá.

Thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, từ nhiều năm qua, đồng bào Công giáo có những biện pháp hữu hiệu giúp nhiều gia đình khó khăn vươn lên thoát đói nghèo. Đồng bào đã tìm tòi, khai thác, mở mang nhiều ngành nghề truyền thống, làm dịch vụ phục vụ đời sống. Hưởng ứng chủ trương của Nhà nước và các cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể xã hội, nhiều dòng tu trên địa bàn cả nước đã góp phần tích cực và có hiệu quả vào công tác xóa đói giảm nghèo bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như tổ chức các lớp hướng nghiệp, các lớp dạy nghề cho lớp trẻ. Ở các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Bình Định, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Đồng Nai, Lâm Đồng... nhiều cơ sở sản xuất của các dòng tu do chính chị em các nữ tu sĩ phụ trách luôn hoạt động có hiệu quả, thu hút và tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động là nam nữ thanh niên, không phân biệt tôn giáo. Gần đây, hưởng ứng cuộc vận động đóng góp

* Linh mục, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Ủy ban đoàn kết Công giáo Việt Nam

xây dựng quỹ "Ngày vì người nghèo" do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, được các cấp Mặt trận Tổ quốc các địa phương triển khai, giới Công giáo trên địa bàn cả nước đã nhiệt tình hưởng ứng. Nhiều tòa Giám mục, các cơ sở dòng tu, giáo xứ, họ đạo và cá nhân các Đức Giám mục, các vị linh mục, nam nữ tu sĩ và giáo dân đã tự nguyện đóng góp với số tiền lớn xây dựng quỹ tại địa phương. Công tác chăm lo cho người nghèo là một trong những công việc thường xuyên được đồng bào Công giáo quan tâm với trách nhiệm cao không phải chỉ do công tác vận động, tuyên truyền của các đoàn thể xã hội mà còn xuất phát từ những đòi hỏi của Đức Ái Tin Mừng.

Vươn lên trong các phong trào thi đua lao động sản xuất, mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực để phát triển kinh tế, thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo đạt hiệu quả, phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một nội dung của phong trào thi đua yêu nước của đồng bào Công giáo. Nhiều vùng Công giáo trước đây vốn còn nhiều khó khăn, nay tỷ lệ hộ khá và giàu ngày càng tăng, số hộ nghèo do hoàn cảnh khó khăn chiếm tỷ lệ ngày càng nhỏ. Do đó, đồng bào Công giáo càng có điều kiện thuận lợi hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, cùng cộng đồng trên mỗi địa bàn dân cư đóng góp xây dựng cuộc sống ngày thêm "Tốt đời đẹp đạo".

2 - Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục, xây dựng đời sống văn hóa mới, đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội

Những năm qua, giới Công giáo trong cả nước có nhiều hoạt động thiết thực, gắn bó và thể hiện trách nhiệm của mình cùng đồng bào cả nước từng bước thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ nhận thức về trách nhiệm và bổn phận người Ki-tô hữu trước vận mệnh của dân tộc, đồng bào Công giáo Việt Nam với truyền thống đoàn kết, đã luôn cùng với các tầng lớp nhân dân trên các địa bàn dân cư, đóng góp tích cực vào việc xây dựng đời sống mới.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được trên lĩnh vực này, trong nhiều năm qua, nhất là năm 2003, ở các địa phương, đồng bào Công giáo tìm tòi nhiều hoạt động, xây dựng được mô hình hiệu quả, hỗ trợ, giúp đỡ, động viên con em trong các gia đình Công giáo có thêm điều kiện trong học tập. Một trong những hoạt động mang lại hiệu quả trong việc hỗ trợ công tác giáo dục tại mỗi địa phương là: ở đâu bà con giáo dân cũng đóng góp hàng vạn ngày công, ủng hộ hàng chục, hàng trăm triệu đồng vào việc sửa chữa, nâng cấp, xây mới các cơ sở trường lớp. Quan tâm tới công tác này, nhiều Đức Giám mục trong các giáo phận, các vị linh mục, nam nữ tu sĩ trong các cơ sở dòng tu đã trực tiếp tham gia, đóng góp công sức, vận động giáo dân và ủng hộ tiền bạc trong việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục; đồng thời, cùng với chính quyền và ngành giáo dục địa phương đứng ra thành lập các trường mầm non, các lớp dân lập và các lớp học tình thương, thu hút đông đảo các em tới trường. Nhiều cơ sở giáo dục và các trường lớp mầm non do đồng bào Công giáo đảm trách luôn được đánh giá là những đơn vị dạy và học có chất lượng, đạt kết quả và thành tích cao trong công tác, học tập và rèn luyện. Điển hình là các Trường Khuyết tật tình thương Mỹ Lâm (tỉnh Kiên Giang), Trường Mẫu giáo Măng Non (thành phố Đà Nẵng), Trường Dân lập Hùng Vương Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang), Trường Mầm non tư thục Sao Mai và Sao Biển (tỉnh Bình Định). Trường Mầm non tư thục Sao Mai tỉnh Bình Định do các nữ tu phụ trách đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen. Nhằm hỗ trợ các cháu có hoàn cảnh khó khăn, cho đến nay, nhiều xứ, họ đạo trong các giáo phận trên cả nước đã thành lập "Quỹ Khuyến học", tổ chức các hoạt động phong phú, kịp thời hỗ trợ các cháu nghèo vươn lên, kịp thời khen thưởng và động viên các cháu có nhiều thành tích trong học tập và rèn luyện.

Tham gia các hoạt động xã hội, đồng bào Công giáo ở các địa phương trên cả nước thời

gian qua đã dành sự quan tâm thiết thực trong công tác xây dựng đời sống văn hóa. Nhiều tỉnh và thành phố đã phát động và duy trì tốt các phong trào "Người tốt việc tốt", xây dựng xứ họ đạo gương mẫu, gia đình Công giáo tiên tiến, xuất sắc... Trong nội dung của các phong trào thi đua, việc xây dựng đời sống văn hóa mới tiên tiến, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc và phong tục tập quán tại mỗi địa phương luôn được coi là những tiêu chí quan trọng trong việc bình xét, biểu dương khen thưởng những cá nhân, gia đình Công giáo. Hưởng ứng và thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, nhiều địa phương đã có những sáng kiến hay, đề ra những nội dung, tiêu chuẩn cụ thể, gắn với đời sống, vận động từng gia đình giáo dân phấn đấu thực hiện để đạt các danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Áp văn hóa", "Khu dân cư văn hóa". Nhờ đó, năm 2003, nhiều xứ, họ đạo, nhiều gia đình giáo dân trên các địa bàn dân cư đạt danh hiệu "Xứ họ đạo gương mẫu, gia đình Công giáo tiên tiến" được chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành chức năng biểu dương, khen thưởng. Phong trào thi đua "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, sống tốt đời đẹp đạo" do Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam phát động tiếp tục được các tỉnh, thành phố triển khai trong đồng bào Công giáo. Đến nay, những nội dung thi đua của phong trào ngày càng đi vào đời sống đồng bào Công giáo ở khắp các giáo xứ và họ đạo.

Thời gian qua, mặc dầu các tệ nạn xã hội diễn ra phức tạp, nhưng ở nhiều vùng Công giáo, nhiều xứ, họ đạo do thực hiện tốt các nội dung xây dựng đời sống văn hóa nên đã giảm thiểu được tình trạng trên. Trước những thách thức mới từ thực tế cuộc sống trong cơ chế thị trường, giới Công giáo nói chung đã có nhiều hoạt động cụ thể, hướng lớp trẻ vào các sinh hoạt đạo đức. Nhiều địa phương tổ chức các hoạt động văn hóa lành mạnh, thu hút đông đảo nam nữ thanh niên tham gia, do đó đã hạn chế hữu hiệu các biểu

hiện tiêu cực. Thực hiện phong trào quần chúng giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ Tổ quốc, nhiều xứ họ đạo, nhiều gương người Công giáo tiêu biểu có thành tích trong thực hiện "Phong trào phòng chống, đấu tranh với tội phạm" đã được các cấp, các ngành biểu dương khen ngợi. Tham gia vào các hoạt động xã hội, thể hiện niềm tin tôn giáo bằng các sinh hoạt cụ thể trong đời sống xã hội, theo tinh thần Thư Chung năm 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam đã trở thành một thực tế sinh động của đồng bào Công giáo cả nước. Các hoạt động xã hội đó đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cùng nhân dân cả nước thực hiện công cuộc đổi mới và tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3 - Đẩy mạnh công tác từ thiện, bác ái và "Phong trào Chăm sóc người có công với đất nước"

Xuất phát từ niềm tin Ki-tô giáo, thể hiện nếp sống đạo tình thương và phát huy truyền thống nhân ái ngàn đời của dân tộc, thời gian qua, đồng bào Công giáo cả nước đã có những đóng góp to lớn trong công tác từ thiện bác ái. Thông qua phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội, ở nhiều địa phương, đồng bào Công giáo đã tự nguyện đóng góp với số tiền lớn giúp vào việc chăm lo cho người nghèo, người cơ nhỡ, bất hạnh và những người có hoàn cảnh khó khăn. Trong quá trình triển khai, vận động đồng bào Công giáo thực hiện phong trào thi đua "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, sống tốt đời đẹp đạo", nhiều tỉnh, thành phố đã chọn và thực hiện những nội dung phù hợp với giới Công giáo. Nổi bật là công tác từ thiện bác ái. Kết quả cho thấy, nhiều địa phương, bà con giáo dân luôn có các hoạt động phong phú trong công tác đóng góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai, trợ cấp các bệnh nhân nghèo, trẻ mồ côi lang thang, cơ nhỡ, người già cô đơn không nơi nương tựa. Nhiều cơ sở dòng tu, nhiều linh mục đã trực tiếp tổ chức các hoạt động, thành lập các

cơ sở chăm lo cho người nghèo, người bệnh, trẻ em khuyết tật. Với tinh thần "Yêu thương và phục vụ", thời gian qua, thông qua các hoạt động từ thiện bác ái, nhiều xứ, họ đạo trên địa bàn cả nước đã xây dựng "Quỹ Tình thương", nhiều ngôi "nhà tình thương" được trao tặng cho người có hoàn cảnh khó khăn. Phong trào "lon gao tình thương", "nồi cháo không bao giờ cạn" nhằm giúp bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện luôn được duy trì đều đặn ở nhiều nơi. Các phòng khám nhân đạo từ thiện, các đợt tổ chức khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho người nghèo, đặc biệt là những người ở vùng sâu, vùng xa luôn là những hoạt động sôi nổi ở nhiều xứ họ. Các hoạt động phong phú, đa dạng vì tình yêu thương đó thực sự mang lại niềm an ủi, chia sẻ phần khó khăn cho những hoàn cảnh cơ nhỡ bất hạnh.

Thể hiện đạo lý và truyền thống nhân ái ngàn đời của dân tộc trong việc quan tâm, chăm sóc người có công với đất nước, trong mọi hoàn cảnh và điều kiện, đồng bào Công giáo cả nước luôn có những hoạt động thiết thực thể hiện tình cảm, trách nhiệm và lòng biết ơn đối với những người đã hy sinh vì hạnh phúc của đồng bào. Với truyền thống "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây", giáo dân trong khắp các giáo xứ, họ đạo cả nước đã tích cực tham gia, đóng góp cho phong trào "Đền ơn đáp nghĩa". Ở nhiều địa phương, đồng bào Công giáo đã đóng góp hàng tỉ đồng vào "Quỹ Đền ơn đáp nghĩa", xây dựng hàng trăm "căn nhà tình nghĩa" tặng các đối tượng chính sách còn gặp khó khăn, kể cả những nạn nhân bị ảnh hưởng chất độc màu da cam. Tùy hoàn cảnh và điều kiện của mỗi địa phương, các hoạt động của giới Công giáo hết sức phong phú và đa dạng. Năm 2003 vừa qua, một số tỉnh khu vực miền Trung liên tiếp chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, nhiều gia đình chính sách vốn đã khó khăn lại tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn thử thách mới. Với tấm lòng nhân ái và trách nhiệm, giáo dân ở nhiều nơi đã tự giác quyên góp tiền và đồ dùng thiết yếu gửi tặng đồng bào gặp khó khăn. Nhiều cơ

sở dòng tu, giáo xứ và họ đạo đã tổ chức các đoàn tới vùng lũ thăm hỏi, tặng quà. Phong trào tặng "Sổ tiết kiệm tình nghĩa" cho các gia đình liệt sĩ, thương binh và nhận chăm sóc nuôi dưỡng các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các mẹ liệt sĩ từ những năm trước đây, được đồng bào Công giáo ở nhiều địa phương phát triển không ngừng. Vào các dịp lễ tết, nhất là hằng năm vào dịp kỷ niệm Ngày Thương binh liệt sĩ 27-7, các hoạt động thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách luôn được đồng bào Công giáo cả nước quan tâm.

Với tinh thần trách nhiệm gắn bó với vận mệnh của quê hương, đất nước, hòa nhập với phong trào cách mạng chung của nhân dân cả nước, trong những năm đầu của thiên niên kỷ mới, Đại hội đại biểu lần thứ IV "Những người Công giáo Việt Nam xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" đã đề ra nhiệm vụ cho phong trào Công giáo yêu nước và hoạt động của Ủy ban Đoàn kết Công giáo những năm tiếp theo nhằm cùng toàn dân đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống. Phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào Công giáo cả nước và hoạt động của Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam và Ủy ban Đoàn kết Công giáo các địa phương đang tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1- Phát huy truyền thống yêu nước, tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước của đồng bào Công giáo. Tập trung tuyên truyền, vận động đồng bào Công giáo trong khắp các giáo xứ, họ đạo thực hiện ngày càng có hiệu quả phong trào thi đua "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, sống tốt đời đẹp đạo" do Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam phát động với 10 nội dung cụ thể, kết hợp với thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động và phong trào thi đua yêu nước được các địa phương triển khai.

(Xem tiếp trang 73)

1 - Sản xuất lương thực có sự điều chỉnh mới

Từ năm 2001, diện tích và sản lượng lương thực có hạt đã giảm so với năm 2000. Đó là nét mới, khác hẳn các năm trước của thời kỳ đổi mới. Thực tế này thể hiện rõ nhất đối với sản xuất lúa. Trong 3 năm, từ 2001 đến 2003, sản xuất lúa đã xuất hiện xu hướng: diện tích giảm, sản lượng tăng không đáng kể và chủ yếu do năng suất tăng.

Hiện tượng giảm diện tích lúa 2,3% (174 nghìn ha) và sản lượng lúa 1,3% (42 vạn tấn) của năm 2001 không bắt nguồn từ nguyên nhân thời tiết xấu hoặc chỉ

đạo kém mà là do thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong ngành trồng trọt để tăng hiệu quả trên từng đơn vị diện tích, phù hợp với chủ trương của Chính phủ. Trong điều kiện quan hệ cung cầu về lương thực trong nước và thế giới xuất hiện xu hướng cung vượt cầu, giá lương thực giảm mạnh, Chính phủ chủ trương chuyển một phần diện tích lúa năng suất thấp, không ổn định sang trồng các cây khác hoặc nuôi trồng thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn. Thực hiện chủ trương đó, nhiều địa phương đã chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu, nguồn nước và môi trường sinh thái đạt kết quả bước đầu đáng khích lệ. Cả nước đã chuyển trên 166 nghìn ha đất lúa vùng ven biển sản xuất bắp bênh, năng suất và hiệu quả thấp sang nuôi trồng thủy sản và trồng các cây lâm nghiệp, cây ăn quả có lợi hơn. Các vùng và địa phương chuyển đổi nhiều và nhanh là vùng bán đảo Cà Mau, duyên hải Nam Trung Bộ. Các vùng khác xa biển, xu hướng phổ biến là chuyển đất lúa năng suất thấp

sang trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, kể cả trồng cỏ... Điển hình là các tỉnh đồng bằng sông Hồng: Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Tây, Hà Nội, Vĩnh Phúc. Hiện tượng giảm diện tích lúa do chuyển đổi cơ cấu cây trồng diễn ra trên phạm vi cả nước trong năm 2001 là nét mới, đặc trưng của nông nghiệp nước

ta trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Đó là kết quả đáng ghi nhận của chính quyền địa phương các cấp và bà con nông dân trong việc thực hiện chủ trương của Nhà nước và là xu hướng tiến bộ.

Xu hướng chuyển đổi cơ cấu mùa vụ cũng là

nét mới trong sản xuất lúa. Vụ lúa đông - xuân có nhiều lợi thế về thời vụ, ánh sáng, độ ẩm, khí hậu, thời tiết, giống, khả năng thâm canh, năng suất cao và ổn định, giá bán cao, chi phí thấp nên có xu hướng tăng nhanh. Vụ hè - thu và vụ mùa thường chịu ảnh hưởng lớn của bão, lũ, lốc, sâu bệnh, năng suất bấp bênh, chi phí cao nên diện tích gieo cấy giảm dần.

Cùng với việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, nhiều địa phương đã chủ động đổi mới cơ cấu giống lúa theo hướng tăng tỷ trọng diện tích các giống lúa có chất lượng gạo ngon, dù năng suất không cao, giảm dần các giống lúa chất lượng thấp dù năng suất cao hơn. Tuy xu hướng này chưa phổ biến song bước đầu đã hình thành những vùng sản xuất lúa đặc sản, có chất lượng gạo phù hợp với yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, rõ nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng.

Năng suất lúa bình quân năm 2001 đạt 42,9 tạ/ha (đông - xuân: 50,6 tạ/ha; hè - thu:

NGUYỄN SINH CÚC*

* PGS, TS Tổng cục Thống kê

37,7 tạ/ha và vụ mùa 37,3 tạ/ha), sản lượng đạt 32,3 triệu tấn, giảm gần 60 vạn tấn so với năm 2000. Các số liệu tương ứng của năm 2002 là 45,9 tạ/ha (đông xuân: 55,0 tạ/ha, hè thu: 40 tạ/ha, mùa: 45,9 tạ/ha), tăng 2,3 triệu tấn so với năm 2001. Hiện tượng giá lúa trên thị trường cả nước những tháng cuối năm 2002 và năm 2003 tăng lên và đạt mức khá cao so với năm 2001 là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố; trong đó, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ và giống lúa cũng đóng góp một phần quan trọng. Cùng với việc chất lượng gạo được nâng cao, việc giảm diện tích và sản lượng lúa tăng chậm lại trong hai năm 2001 - 2002 cũng góp phần giảm bớt lượng lúa hàng hóa tồn đọng trong dân và giảm dần tình trạng vượt quá cầu trên thị trường lúa gạo trong nước. Tuy sản lượng lương thực có hạt nói chung và sản lượng lúa nói riêng 2 năm qua tăng chậm so với năm 2000 trong khi dân số vẫn tiếp tục tăng trên một triệu người/năm nhưng an ninh lương thực quốc gia vẫn giữ vững, khắc phục từng bước tình trạng thiếu đói giáp hạt, thị trường và giá cả lương thực ổn định, không có các cơn sốt cục bộ kể cả ở những vùng bị thiên tai, lũ lụt. Ở nông thôn, tình trạng thiếu đói giáp hạt hai năm 2001 và 2002 giảm so với các năm trước cả về số hộ và số người. Năm 2001, giảm 15,8% về số hộ và 14,3% về số người so với năm 2000; năm 2002 so với cùng kỳ 2001, hai tỷ lệ trên giảm tương ứng là 32,7% và 34,5%. Thực tế đó cho thấy, xu hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng để tăng hiệu quả kinh tế là phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế hàng hóa gắn với thị trường.

Không chỉ bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, việc sản xuất lương thực còn tiếp tục nâng cao số lượng và chất lượng gạo xuất khẩu: năm 2001 xuất khẩu 3,55 triệu tấn, năm 2002 xuất khẩu 3,2 triệu tấn, sản lượng có giảm nhưng nhờ giá gạo xuất khẩu tăng nên kim ngạch vẫn giữ vững như năm 2001. Năm 2003, lượng gạo xuất khẩu ước đạt 4 triệu tấn, tăng 20,3% so với năm 2002. Thực tế đó chứng minh rằng, chủ trương điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp nói chung, sản xuất lương thực nói riêng của Nhà nước trong năm 2001, 2002 và năm 2003 là đúng đắn và là nét mới tích cực.

Báo cáo năm 2002 của Chương trình Lương thực thế giới (WFP) đã khẳng định: "Hiện nay Việt Nam đã là nước xuất khẩu gạo thứ hai thế giới, bảo đảm được về vấn đề an ninh lương thực, đủ lương thực cho mọi người dân. WFP có thể chấm dứt chương trình của mình ở Việt Nam". Điều đó khẳng định thành tựu to lớn của sản xuất lương thực nước ta trong hai năm qua.

Trong sản xuất lương thực, lúa vừa chiếm tỷ trọng lớn nhất lại vừa tăng trưởng nhanh về năng suất. So sánh năm 2003 với năm 2000, dù diện tích lúa không tăng nhưng năng suất bình quân tăng thêm 3,6 tạ/ha đã nâng sản lượng tăng thêm 1,7 triệu tấn, đưa Việt Nam thành nước có tốc độ tăng sản lượng lúa nhanh nhất thế giới và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Theo đánh giá của Tổ chức Lương thực nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO), trong 13 năm qua (1990 - 2003), tốc độ tăng sản lượng gạo của Việt Nam là 5,3% so với 1,5% của thế giới và 1,51% của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (27 nước), tốc độ tương ứng về diện tích là 2,4%; 0,5% và 0,5%, về năng suất lúa là 2,8%; 1,1% và 1,0%. Năm 2002, sản lượng thóc của Việt Nam đạt 34,47 triệu tấn, chiếm khoảng 6,4% sản lượng thóc thế giới và 7,2% của khu vực. Ba con số tương ứng của năm 1996 là 26,39 triệu tấn, 4,6% và 5,2%. Năng suất lúa Việt Nam bình quân 1 vụ năm 2003 đạt 46,0 tạ/ha, đứng thứ 4 thế giới sau Hàn Quốc 68 tạ/ha, Nhật Bản 64 tạ/ha và Trung Quốc 63 tạ/ha (năm 1996 nước ta đứng thứ 6, thấp hơn cả I-ran và In-đô-nê-xi-a).

Nguyên nhân của thành tựu sản xuất lúa trong những năm qua là, Nhà nước đã đầu tư tập trung cho công tác thủy lợi, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long khai hoang, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, tạo tiền đề để thâm canh tăng năng suất cao hơn. Đặc biệt, việc áp dụng tiến bộ sinh học, mở rộng diện tích giống lúa lai, lúa thuần có năng suất cao, kết hợp với các biện pháp thâm canh tổng hợp đã góp phần chủ yếu làm tăng năng suất lúa từng vụ và cả năm với tốc độ cao và ổn định hơn các thời kỳ trước đó. Tỷ lệ diện tích gieo cấy bằng các

giống lúa lai, lúa thuần năng suất cao tăng từ 50% (thời kỳ 1991 - 1995) lên 80% (thời kỳ 1996 - 2000) và 95% (thời kỳ 2001 - 2003) và trở thành yếu tố cơ bản đưa năng suất lúa bình quân 1 vụ từ 34,3 tạ/ha lên 40 tạ/ha và 45 tạ/ha trong ba thời kỳ tương ứng.

Một xu hướng chuyển đổi khác trong sản xuất vụ đông - xuân những năm gần đây là tăng nhanh diện tích ngô (đông - xuân 2002 lên 385,7 nghìn ha, tăng 22,9 nghìn ha so với đông - xuân 2001; đông - xuân 2003 lên 432,5 nghìn ha, tăng 46,8 nghìn ha so với cùng kỳ), nhằm đáp ứng nhu cầu làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thức ăn gia súc.

Sản xuất ngô có nhiều tiến bộ cả về diện tích và năng suất. Năm 2002, diện tích ngô đạt 816 nghìn ha, tăng 86 nghìn ha so với năm 2000, năng suất đạt 29,6 tạ/ha, tăng 2,1 tạ/ha và sản lượng đạt xấp xỉ 2,2 triệu tấn, tăng 20 vạn tấn trong 2 năm tương ứng. Xu hướng trên tiếp tục phát triển trong năm 2003. Vụ đông - xuân 2003, diện tích ngô tăng gần 47 nghìn ha, năng suất đạt 32,4 tạ/ha, tăng 1,7 tạ/ha, sản lượng 1,4 triệu tấn, tăng 17 vạn tấn so với cùng kỳ năm 2002. Ngô trở thành cây màu lương thực hàng hóa có vị trí quan trọng trong cơ cấu bữa ăn, chế biến thức ăn gia súc và có dư thừa để xuất khẩu. Việc áp dụng tiến bộ sinh học trong sản xuất ngô đã đem lại kết quả đáng khích lệ. Diện tích ngô lai đến nay đã chiếm 80% tổng diện tích ngô cả nước. Chúng ta thay thế dần các giống ngô cũ năng suất thấp. Phương thức trồng ngô thâm canh đã thay thế dần trồng ngô quảng canh. Chính yếu tố này đã tạo ra sự tăng trưởng có tính đột biến về sản lượng ngô ở các vùng trọng điểm.

2 - Sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, rau đậu có nhiều khởi sắc

Thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng giá trị trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp nói chung, đất canh tác nói riêng, trong hai năm rưỡi đầu thế kỷ XXI, nhiều địa phương đã có các giải pháp tích cực và hiệu quả để chuyển những diện tích đất lúa năng suất thấp, không ổn định sang trồng các cây màu, cây

công nghiệp, rau, quả có hiệu quả hơn. Kết quả là, diện tích gieo trồng các cây màu, cây công nghiệp, rau, quả tăng nhanh cả về số lượng và tỷ trọng: từ 4 979 nghìn ha và 39,4% (năm 2000) lên 5 014 nghìn ha và 40,1% (năm 2001); 5 328 nghìn ha và 41,6% (năm 2002) và ước 5 836 nghìn ha và 43% (năm 2003). Các nhóm cây trồng có diện tích tăng nhanh là, cây ăn quả: 11%, cây công nghiệp hằng năm: 7,6%, cây chất bột có củ: 6,9%, rau đậu: 5,8% /năm. Diện tích tăng, trình độ đầu tư thâm canh tăng nên năng suất và sản lượng các cây màu, cây công nghiệp cũng tăng nhanh trong những năm gần đây.

Bình quân 2 năm 2001, 2002 so với bình quân 5 năm trước đó, sản lượng lạc tăng 8%, mía tăng 13,7%, cà-phê nhân tăng gấp 1,56 lần, cao-su tăng 39%, hồ tiêu tăng 2,1 lần, chè tăng 43,6%, bông tăng 54,2%. Nguyên nhân của xu hướng này là do chủ trương khuyến khích phát triển sản xuất bông vải của Nhà nước để hạn chế bông nhập khẩu và thực hiện chương trình 1 triệu tấn đường. Năm 2002 diện tích trồng mía tăng đột biến từ 290 nghìn ha (năm 2001) lên 320 nghìn ha và ước 330 nghìn ha (năm 2003), làm cho sản lượng mía tăng từ 15 triệu tấn (năm 2000) lên 17,1 triệu tấn (năm 2002) và khoảng 18 triệu tấn (năm 2003). Sản lượng cà-phê tăng nhanh từ 119 nghìn tấn (năm 1990) lên 268 nghìn tấn (năm 1995); tới 320 nghìn tấn (năm 1996) và 420 nghìn tấn (năm 1997). Hai năm 2001, 2002 tuy thời tiết không thuận, nắng hạn nặng và kéo dài ở Tây Nguyên và do giá cả cà-phê trên thế giới giảm nhưng sản xuất cà-phê nước ta vẫn tiếp tục phát triển với tốc độ nhanh. Sản lượng cà-phê nhân khô năm 2001 đạt mức kỷ lục: 840 nghìn tấn, tăng 4,7% so với năm 2000 và tăng 2,62 lần so với năm 1996. Năm 2002 đạt gần 700 nghìn tấn và năm 2003 ước đạt khoảng 715 nghìn tấn.

Cùng với cà-phê, cây cao-su có diện tích và sản lượng tăng với nhịp độ nhanh so với các năm trước từ 395 nghìn ha (năm 1999) lên 412 nghìn ha (năm 2000), tới 416 nghìn ha (năm 2001), rồi 419 nghìn ha (năm 2002) và ước

440 nghìn ha (năm 2003), trong đó có gần 250 nghìn ha cho sản phẩm. Năng suất bình quân trong 2 năm 2001, 2002 luôn ổn định ở mức từ 12,2 đến 13 tạ/ha (mủ khô). Sản lượng đạt từ 290 nghìn tấn (năm 2000) lên 312 nghìn tấn (năm 2001); tới 296,7 nghìn tấn (năm 2002) và ước 320 nghìn tấn (năm 2003). Nguyên nhân tăng diện tích và sản lượng cao-su trong hai năm qua chủ yếu là do phát triển mô hình cao-su tiểu điền, các trang trại trồng cao-su ở miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, các tỉnh miền Trung. Cao-su vẫn là mặt hàng nông sản xuất khẩu còn thị trường và có giá trị lớn thứ 3 sau gạo và cà-phê. Sản lượng cao-su xuất khẩu, năm 2001 đạt 308 nghìn tấn; năm 2002 đạt 449 nghìn tấn và năm 2003 đạt 450 nghìn tấn, bằng 100,5% so với năm 2002, đạt giá trị 365 triệu USD, tăng 36,3% (do giá cao-su trên thị trường thế giới tăng). Thị trường nhập khẩu cao-su Việt Nam đã mở rộng ra 30 nước, trong đó Trung Quốc là thị trường lớn nhất, thu hút 80% sản lượng cao-su xuất khẩu, chủ yếu bằng con đường tiểu ngạch.

Sản xuất chè tiếp tục phát triển nhanh. Trong 3 năm (2001 - 2003), thực hiện chủ trương gắn sản xuất với chế biến và xuất khẩu, sản xuất chè của nước ta đã có bước phát triển khá nhanh. Nếu năm 1996 diện tích chè chỉ mới 75 nghìn ha, sản lượng 210 nghìn tấn (chè búp tươi), thì đến năm 2001 đạt 98,3 nghìn ha và 340 nghìn tấn, năm 2002 là 109 nghìn ha và 423 nghìn tấn. Sản lượng chè xuất khẩu cũng ngày càng tăng: 1996 là 20,8 nghìn tấn; 1997 là 32,9 nghìn tấn; 1998 là 33 nghìn tấn; 1999 là 36 nghìn tấn; 2000 là 25,6 nghìn tấn; 2001 là 68,2 nghìn tấn; 2002 là 74,8 nghìn tấn (chè khô), năm 2003 tuy có khó khăn về thị trường do chiến tranh I-rắc, nhưng vẫn xuất khẩu 60 nghìn tấn, đạt 60 triệu USD, bằng 80,2% về lượng và 73% về giá trị so với năm 2002.

Về sản xuất hạt tiêu, năm 2002 so với 1990 sản lượng hạt tiêu tăng gần gấp 10 lần và sản lượng xuất khẩu tăng 8,5 lần; trong đó tăng nhanh nhất là thời kỳ 2001-2002. Kim ngạch

xuất khẩu hạt tiêu năm 2002 đạt 108 triệu USD, đứng thứ 6 trong các mặt hàng nông sản xuất khẩu, cao hơn chè, lạc nhân, nhưng thấp hơn năm 2001 về giá trị, dù sản lượng xuất khẩu cao hơn. Năm 2003, sản lượng hạt tiêu xuất khẩu ước đạt 77 nghìn tấn, đạt giá trị kim ngạch 100 triệu USD, chỉ bằng 100,5% và 93,3% so với năm 2002.

Cây công nghiệp ngắn ngày trong 3 năm (2001 - 2003) tiếp tục phát triển ổn định với xu hướng tăng dần qua từng năm, góp phần đa dạng hóa cây trồng. Năm 2002, diện tích gieo trồng cây công nghiệp hằng năm là 845,8 nghìn ha, tăng 7,8% so với 2001 và tăng 8,9% so với năm 2000. Ước tính, năm 2003 đạt 900 nghìn ha, do tăng nhanh diện tích bông hạt, mía, đậu tương để phục vụ yêu cầu công nghiệp chế biến. Nguyên nhân của xu hướng này là do chủ trương khuyến khích phát triển sản xuất bông của Nhà nước để hạn chế bông nhập khẩu và thực hiện chương trình 1 triệu tấn đường và chủ trương chuyển dịch cơ cấu cây trồng để tăng hiệu quả trên 1 đơn vị diện tích.

Ba năm (2001 - 2003), cây ăn quả ở nước ta tiếp tục phát triển với nhịp độ nhanh. Diện tích cây ăn quả năm 2001 đạt 609,6 nghìn ha, tăng 7,9% so năm 2000; năm 2002 đạt 677 nghìn ha, tăng 11,2% so năm 2001. Các cây có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu như vải thiều, nhãn, xoài, dưa, nho, mận, thanh long được các hộ gia đình chú trọng phát triển về diện tích. Nhiều địa phương đã chuyển một phần đất lúa năng suất thấp sang trồng cây ăn quả, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, trong đó một số diện tích đã đạt và vượt 50 triệu đồng/ha/năm, cao hơn hẳn trồng lúa trước đây. Hai năm (2001, 2002), tỉnh Ninh Thuận ổn định 1 576 ha nho, giống nho Red Carline và Black Queen đạt năng suất 7 tấn/ha/vụ (1 năm trồng 2-3 vụ), doanh thu bình quân từ 70 đến 100 triệu đồng/ha/năm, thu nhập từ 40 đến 50 triệu đồng/ha/năm. Không chỉ tăng nhanh về diện tích, năng suất và sản lượng, chất lượng và độ sạch của trái cây đã được nâng cao

so với các năm trước như táo, lê, nho, cam quýt, vải, nhãn, xoài, bưởi... nên một số trái cây Việt Nam đã cạnh tranh được với sản phẩm cùng loại nhập khẩu từ Trung Quốc. Trái cây xuất khẩu của Việt Nam ngày càng tăng: năm 2001 đạt gần 200 triệu USD, năm 2002 trên 220 triệu USD, năm 2003 tuy có khó khăn về thị trường nhưng vẫn ước đạt 160 triệu USD.

3 - Chăn nuôi phát triển toàn diện, tăng trưởng nhanh

Thời kỳ 2001 - 2003, chăn nuôi gia súc và gia cầm phát triển toàn diện với tốc độ tăng trưởng cao hơn các thời kỳ trước, nhất là đàn bò, lợn và gia cầm. Năm 2002, đàn trâu đạt hơn 2,8 triệu con, ngang với năm 2001; đàn bò đạt 4,1 triệu con, tăng 163 ngàn con; đàn lợn là 23,17 triệu con, tăng 1,3 triệu con; gia cầm là 233,3 triệu con, tăng 15,1 triệu con. Sản lượng thịt các loại đạt 2 146,2 ngàn tấn, tăng 8,9%. Nguyên nhân chủ yếu do sản xuất lương thực được mùa, thức ăn phong phú, giá đầu vào ổn định, thị trường và giá cả sản phẩm chăn nuôi có lợi cho người sản xuất.

Nét mới trong chăn nuôi hai năm 2001 và 2002 là xuất hiện một số mô hình chăn nuôi quy mô lớn, sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao theo yêu cầu của thị trường. Đến năm 2002, cả nước có 2 048 trang trại chăn nuôi, tăng 286 trang trại so với năm 2001 và tăng nhiều ở đồng bằng sông Cửu Long (90 trang trại), Đông Nam Bộ (63 trang trại). Các trang trại chăn nuôi tăng chủ yếu là nuôi bò sữa, lợn thịt hướng nạc, vịt siêu trứng, siêu trọng, gà công nghiệp. Chăn nuôi cừu ở Ninh Thuận tiếp tục phát triển thuận lợi và tăng khá do có thị trường. Phong trào nuôi bò lai sin, dê, ong được mở rộng ở các địa phương miền núi, Tây Nguyên và đem lại hiệu quả khá. Nguyên nhân của kết quả trên là Nhà nước có nhiều cơ chế và chính sách khuyến khích chăn nuôi theo các chương trình cụ thể có đầu tư thỏa đáng: chương trình bò sữa, nuôi lợn hướng nạc, bò lai sin. Trong 2 năm 2002 và 2003, tình hình chăn nuôi cả nước tiếp tục phát triển, hàng nghìn bò sữa năng suất cao từ Úc đã được nhập nội và

bước đầu phát huy tác dụng tích cực. Số bò cho sữa và sản lượng sữa tăng nhanh, nhất là ở Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

Kết quả tổng hợp những chuyển biến tích cực của các ngành trồng trọt, chăn nuôi trong 3 năm qua là, giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp bình quân tăng 4%. Thu nhập của hộ nông dân tăng từ 225 nghìn đồng/người/tháng (năm 1999) lên 275 nghìn đồng (năm 2002). Cơ cấu sản xuất nông nghiệp đã có chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng trồng trọt, giảm tỷ trọng chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của toàn ngành.

4 - Những bất cập và hạn chế

Bên cạnh những thành tựu to lớn và cơ bản, tình hình nông nghiệp nước ta 3 năm đầu kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 vẫn còn nhiều bất cập và hạn chế. Tốc độ tăng trưởng sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ khá cao nhưng chưa vững chắc. Chất lượng và giá cả nhiều loại nông sản còn kém sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, chưa theo kịp yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới và khu vực. Cơ cấu sản xuất chuyển dịch chậm, tự phát, không theo quy hoạch và kế hoạch, chưa gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Thị trường và giá cả vật tư nông nghiệp và nông sản hàng hóa chưa ổn định, quan hệ cung - cầu chưa cân đối nhưng chậm điều chỉnh, nhất là mía đường, cà-phê, thịt lợn, rau quả... Một số chính sách kinh tế - tài chính chưa có tác dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo hướng kinh tế hàng hóa gắn với thị trường. Tiềm năng lao động, đất đai, nguồn nước chưa được sử dụng hợp lý, quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường còn bất cập...

Xét cho cùng, đó chỉ là những hạn chế tạm thời trên bước đường đi lên. Chúng ta đã nhận diện rõ ràng và có đủ khả năng để khắc phục nó trong những năm tới. Vì vậy, triển vọng hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu phát triển nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là khá lạc quan. □

VẤN ĐỀ SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN MINH LINH

CÔNG tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở Việt Nam thời gian qua đã đạt được những thành tích vượt bậc. Chúng ta đã hạ mức tăng dân số xuống mức thay thế, gia đình nhỏ, ít con đã từng bước trở thành khuôn mẫu, chất lượng dân số đã từng bước được nâng cao, công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh đã được toàn xã hội quan tâm... Tuy nhiên, để thực hiện thành công Chiến lược dân số Việt Nam 2001 - 2010, chúng ta cần sớm vượt qua những trở ngại và thách thức mà thực tiễn đang đặt ra. Một trong những thách thức đó là vấn đề sức khỏe sinh sản vị thành niên.

Khái niệm sức khỏe sinh sản và sức khỏe sinh sản vị thành niên mặc dù mới xuất hiện cùng với quá trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng nó không quá mới lạ, vì chỉ là sự phản ánh một số khía cạnh đặc thù của sức khỏe con người. Khái niệm sức khỏe sinh sản được chính thức nêu ra trong Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển tổ chức tại Cai-rô năm 1994 như sau: Sức khỏe sinh sản là một trạng thái khỏe mạnh hoàn toàn về thể chất, tinh thần và xã hội chứ không chỉ là bệnh tật hay ốm yếu, trong tất cả các thứ liên quan đến hệ thống, các chức năng và quá trình của nó. Do đó, sức khỏe sinh sản hàm ý là con người có thể có cuộc sống tình dục thỏa mãn, an toàn,

có khả năng sinh sản và được tự do quyết định thời điểm và số lượng sinh con. Điều kiện cuối cùng này ngụ ý về quyền của phụ nữ và nam giới được thông tin và tiếp cận các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, an toàn, hiệu quả, dễ dàng và thích hợp tùy theo sự lựa chọn của họ cũng như được lựa chọn những phương pháp thích hợp nhằm điều hòa việc sinh đẻ không trái với pháp luật, quyền được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thích hợp giúp cho người phụ nữ trải qua thai nghén và sinh đẻ an toàn, và tạo cho các cặp vợ chồng những điều kiện tốt nhất để có đứa con mạnh khỏe⁽¹⁾.

Theo đó, sức khỏe sinh sản vị thành niên là một trạng thái hoàn toàn khỏe mạnh và phát triển lành mạnh của bản thân mỗi vị thành niên về thể chất, tinh thần và xã hội. Đó là sự phát triển toàn diện và hoàn thiện hệ thống cơ quan sinh sản, sự phát triển năng lực tình dục, sự phát triển hài hòa về nhân cách và tâm-sinh lý của tuổi dậy thì... Những nội dung cụ thể của sức khỏe sinh sản vị thành niên là dậy thì, tình bạn, tình yêu, tình dục, cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh sản, thụ thai và

(1) Hoàng Bá Thịnh (chủ biên): *Một số nghiên cứu về sức khỏe sinh sản ở Việt Nam sau Cai-rô*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 12

thai nghén, phòng tránh thai và nạo hút thai, phòng chống bệnh lây truyền qua đường tình dục, di hại của nạo hút thai và sinh con ở tuổi vị thành niên, kế hoạch hóa gia đình, tảo hôn, lạm dụng tình dục trẻ em, hiếp dâm trẻ em, buôn bán trẻ em, nghiện hút và phòng chống HIV/AIDS... Vấn đề sức khỏe sinh sản vị thành niên nếu không được quan tâm đúng mức, sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, có thể hủy hoại thế hệ trẻ từ đó hủy hoại giống nòi. Vì vậy, sức khỏe sinh sản vị thành niên thực sự là một vấn đề hệ trọng trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Điều này còn do, vị thành niên chiếm tỷ lệ rất cao trong cơ cấu dân số Việt Nam.

Dân số nước ta đến nay khoảng 80 triệu người, trong đó độ tuổi từ thanh niên trở xuống chiếm 50%. Riêng tuổi vị thành niên, theo số liệu Tổng Điều tra dân số năm 1989 có 14 336 482 người chiếm 22,3% số dân cả nước; và năm 1999, có khoảng 17,3 triệu người chiếm 22,7% số dân.

Như vậy, hiện nay nước ta có gần 25% số dân ở tuổi vị thành niên. Và, theo dự báo, tỷ lệ vị thành niên trong cơ cấu dân số nước ta sẽ tiếp tục tăng trong khoảng 15 năm nữa. Với một cơ cấu dân số trẻ, vị thành niên chiếm tỷ lệ cao là một thế mạnh của Việt Nam trong tương lai. Thực tế này hứa hẹn một tiềm năng lao động dồi dào, một nguồn nhân lực trẻ tạo động lực mới cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế thị trường và toàn cầu hóa hiện nay, tỷ lệ cao dân số ở tuổi vị thành niên cũng sẽ đặt chúng ta trước những vấn đề xã hội nan giải, những thách thức mới đối với sự phát triển.

Theo Tổ chức Y tế thế giới, vị thành niên là nhóm trẻ ở độ tuổi từ 10 đến 19 - một giai đoạn đặc biệt trong cuộc đời mỗi con người. Đây là thời điểm thay đổi một cách toàn diện

cả thể chất, tâm sinh - lý và nhân cách - bước quá độ từ trẻ em thành người lớn nên lứa tuổi này rất nhạy cảm, nhiều biến động và đột biến về tâm sinh lý, đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt trong các mối quan hệ họ với gia đình, nhà trường và xã hội...

Từ những biến đổi trên, ở vị thành niên diễn ra một sự khủng hoảng toàn diện về tâm lý, ý thức và tình cảm. Thực tế, trong bước quá độ này, họ thường rơi vào tâm trạng bị đảo lộn các khuôn mẫu và chuẩn mực giá trị. Trong điều kiện chuyển đổi mạnh mẽ của xã hội ta hiện nay thì sự đảo lộn ấy ở họ càng trở nên mạnh mẽ và khó kiểm soát.

Do tác động mạnh mẽ của điều kiện kinh tế - xã hội mới nên so với các thế hệ trước, vị thành niên hiện nay thường có tuổi dậy thì sớm hơn từ 1 đến 2 năm, điều này cũng có nghĩa trẻ trưởng thành sớm và có xu hướng sớm bước vào tình yêu, quan hệ tình dục. Qua khảo sát 596 vị thành niên học sinh tại Quảng Ninh và Thái Bình, có 36,8% số em khẳng định đang có bạn thân khác giới, trong đó 26,27% ở tuổi 16; 35,02% ở tuổi 17; 35,02% ở tuổi 18 và theo các thầy, cô giáo có tới 80% số nữ học sinh ở lớp 12 có người yêu. Số liệu còn cho thấy, 11,1% số vị thành niên khẳng định có thể quan hệ tình dục trước hôn nhân và 16,1% cho rằng mang thai trước kết hôn là có thể chấp nhận được.

Và hằng năm, nước ta có 1 - 1,4 triệu ca nạo hút thai, trong đó ước tính có từ 20 - 30% số ca thuộc nhóm vị thành niên⁽²⁾. Sáu tháng đầu năm 2001 có 19,5% số thanh niên đến nạo hút thai, vị thành niên chiếm 6% và học sinh, sinh viên chiếm 17,29% tổng số người đến

(2) Phạm Thị Minh Đức: *Sức khỏe sinh sản vị thành niên*, Hội thảo Vị thành niên: Sức khỏe và phát triển, Hà Nội, 9-2001

nạo thai. Theo thống kê thì 80% đối tượng nạo hút là chưa chồng nhưng các chuyên gia khẳng định phải tới 90% là chưa chồng mới là sự thật ⁽³⁾...

Các tệ nạn nghiện ma túy và mại dâm đang có chiều hướng gia tăng và đó là những mối đe dọa thực sự đối với sức khỏe sinh sản vị thành niên. Một báo cáo cho biết, 70% số người nghiện ma túy ở Hà Nội dưới 30 tuổi và 50% số người nghiện là dưới 18 tuổi. Năm 1999, có 105 000 người nghiện được quản lý, thanh thiếu niên chiếm 70% và có 3 000 em là học sinh, sinh viên⁽⁴⁾. Cục Phòng chống tệ nạn xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) cho biết, năm 1998 cả nước có 72 000 gái mại dâm có hồ sơ quản lý; trong đó, trên 50% gái mại dâm được phát hiện ở Hà Nội, Hà Tây và Thanh Hóa có tuổi từ 15 đến 24"⁽⁵⁾. Theo một nghiên cứu gần đây, 63,5% gái mại dâm được khảo sát trong độ tuổi 18 - 25, nhóm vị thành niên chiếm 7,7% (nhóm này ở thành phố Hồ Chí Minh là 12,8% và Thái Nguyên 13,3%)⁽⁶⁾.

Nạn dịch HIV/AIDS có xu hướng tăng vọt ở nước ta mấy năm qua; trong đó, nhóm tuổi dưới 19 chiếm 7,9%⁽⁷⁾. Theo một báo cáo, tỷ lệ nhiễm HIV độ tuổi 13 - 19 năm 1997 là 5,3% trong số người nhiễm bệnh và đến năm 1998 tăng lên 12%⁽⁸⁾. ...

Chỉ qua một vài số liệu trên, rõ ràng, một số khía cạnh của vấn đề sức khỏe sinh sản vị thành niên ở nước ta vào thời điểm hiện nay đã trở nên hết sức bức xúc và đang đứng trước nguy cơ khó kiểm soát. Đó không chỉ là những vấn đề liên quan đến tệ nạn xã hội như nghiện ma túy, mại dâm, hiếp dâm và buôn bán trẻ em, HIV/AIDS, tội phạm... mà cả những vấn đề thường được xem là tế nhị và có vẻ ít nguy hiểm hơn như sự phát triển lệch lạc nhân cách, quan hệ tình dục, mang thai sớm,

nạo hút thai, tảo hôn, mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục,...

Như đã trình bày, vị thành niên là giai đoạn phát triển quá độ về cả tâm lý, tình cảm và thể chất. Đây là giai đoạn diễn ra nhiều khủng hoảng trong tâm lý, tình cảm và nhận thức ở trẻ, do đó, trẻ rất dễ bị lợi dụng, bị lôi cuốn vào các tệ nạn xã hội. Chỉ vì một cú sốc nhỏ về tâm lý, tình cảm trong quan hệ gia đình hay bè bạn, chỉ vì bị dụ dỗ bởi người lớn hay đua đòi theo lối sống thực dụng... do thiếu suy nghĩ, do không có kinh nghiệm, không làm chủ được bản thân, vị thành niên rất dễ có những ứng xử bất thường, rất dễ bỏ nhà đi lang thang, phạm tội, lạm dụng ma túy hay tham gia hoạt động mại dâm. Cũng vì thế, vị thành niên rất dễ trở thành nạn nhân hay bị bọn tội phạm biến các em thành những tội phạm nguy hiểm. Mặt khác, ở giai đoạn này, cơ thể và các cơ quan sinh sản của trẻ có sự phát triển đột biến, các hoóc-môn tình dục hoạt động mạnh... nhưng, cơ thể nói chung và cơ quan sinh sản nói riêng ở vị thành niên chưa phát triển hoàn thiện; vì thế, nó chưa đủ khả năng thực hiện tốt các chức năng của mình, nhất là chức năng sinh sản và nuôi con. Do đó, nếu trẻ sinh hoạt tình dục, mang thai, phải nạo hút thai, phải sinh con và phải làm vợ sớm hay bị mắc các bệnh lây truyền qua

(3) Nguyễn Thị Mỹ Hương: "Nạo phá thai ở tuổi thanh niên tại Bệnh viện Bảo vệ bà mẹ và Trẻ sơ sinh", Hội thảo Vị thành niên: sức khỏe và phát triển, Hà Nội, 9-2001

(4) Lê Thị Quý: "Phụ nữ, giới và ma túy ở Việt Nam", Khoa học về phụ nữ, số 1-2000, tr 16

(5) Nguyễn Kim Hà: *Giới và vấn đề sức khỏe trong phát triển hệ thống y tế cộng đồng*, Bộ Y tế - Liên minh Châu Âu, Hà Nội, 2001, tr 25

(6) Lê Phương: "Nguy cơ lạm dụng ma túy trong nhóm gái mại dâm ở Việt Nam", Khoa học về phụ nữ, số 6-2001, tr 24

(7) Chu Quốc Ân: *Tài liệu đã dẫn*, tr 61

(8) Phạm Minh Đức: *Tài liệu đã dẫn*

đường tình dục ở tuổi vị thành niên, sẽ làm cho sự phát triển thể chất của trẻ bị lệch lạc, sẽ tàn phá nặng nề sức khỏe của trẻ, đặc biệt là sức khỏe sinh sản.

Rõ ràng, vị thành niên là một giai đoạn đặc biệt của đời người. Đó là thời điểm mang tính "bản lề" trong sự phát triển của mỗi con người. Vì vậy, nếu họ không được quan tâm chăm sóc chu đáo, giáo dục đầy đủ và định hướng đúng cho sự phát triển thì rất dễ đứng trước nguy cơ hoặc trở thành nạn nhân hoặc trở thành kẻ gây ra các tệ nạn xã hội. Nói cách khác, vị thành niên hoặc có thể trở thành công dân hữu ích cho xã hội, chủ nhân tương lai của đất nước hoặc biến thành nạn nhân, thành tội phạm - một gánh nặng cho xã hội - là phụ thuộc vào chính chúng ta. Đặc biệt, sẽ là thảm họa đối với xã hội ta nếu chúng ta không sớm có một chiến lược đúng cho sự phát triển vừa trước mắt, vừa lâu dài đối với vị thành niên. Là lực lượng trẻ trong cơ cấu dân số và sẽ là chủ nhân tương lai của đất nước, do đó, sự phát triển của vị thành niên nói chung, sức khỏe và sức khỏe sinh sản vị thành niên nói riêng là một vấn đề thực sự có ý nghĩa vô cùng hệ trọng của chiến lược dân số nước ta hiện nay.

Làm thế nào để định hướng đúng cho sự phát triển của trẻ và tăng cường sức khỏe sinh sản vị thành niên ở Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay? Trả lời câu hỏi này, thời gian qua đã có rất nhiều nỗ lực không chỉ từ các nhà hoạch định chính sách, quản lý xã hội, giáo dục, khoa học, các bậc cha mẹ mà cả các đoàn thể chính trị - xã hội, các cộng đồng và từ chính vị thành niên. Tuy nhiên, do sự biến đổi hết sức nhanh chóng của điều kiện kinh tế - xã hội trong bối cảnh kinh tế thị trường, toàn cầu hóa kinh tế và do chúng ta chưa ý thức một cách đầy đủ vị trí và tầm quan trọng của vấn đề sức khỏe sinh sản vị

thành niên nên những nỗ lực của chúng ta nhằm giúp đỡ vị thành niên chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Sức khỏe sinh sản là một vấn đề mới mẻ và liên quan đến một số khía cạnh tế nhị, thâm kín của đời sống con người vốn vẫn bị coi là "kiêng kỵ" trong cảm quan văn hóa của chúng ta, do đó, nó thường ít được thừa nhận và truyền bá công khai. Hơn thế, không ít suy nghĩ vẫn còn nghi ngại rằng nếu giáo dục cho trẻ những vấn đề này là "vẽ đường cho hươu chạy"... Thực ra, các kết quả khảo sát khoa học cho thấy, sở dĩ một số khía cạnh về sức khỏe sinh sản vị thành niên trở nên bức xúc, một số tệ nạn xã hội liên quan đến vị thành niên bùng phát thời gian qua chính là do sự hiểu biết không chỉ của vị thành niên, của các bậc cha mẹ, của các nhà giáo dục mà của cả xã hội về các vấn đề này còn hết sức mơ hồ, sơ sài và phiến diện. Sức khỏe sinh sản vị thành niên là vấn đề mới mẻ, vì vậy, cần phải phổ biến và tuyên truyền cho mọi người hiểu về nó một cách đầy đủ. Bởi lẽ, chỉ khi đó con người mới có quan niệm và thái độ chuẩn mực, mới có những hành vi đúng đắn. Rõ ràng, để định hướng đúng cho sự phát triển của trẻ và tăng cường sức khỏe sinh sản vị thành niên trong điều kiện hiện nay cần thực hiện một số giải pháp sau:

1 - Sớm thực hiện một dự án quốc gia nghiên cứu toàn diện về vị thành niên và sức khỏe sinh sản vị thành niên nhằm nhận diện thực trạng, dự báo xu hướng phát triển và các nguy cơ đối với vị thành niên trong giai đoạn hiện nay, từ đó, xây dựng một chiến lược về tăng cường sức khỏe sinh sản vị thành niên thời gian tới.

2 - Tiến hành truyền thông rộng khắp nhằm nâng cao vai trò của xã hội, cộng đồng đối với việc chăm sóc và giáo dục trẻ em nói chung và chăm sóc sức khỏe và sức khỏe sinh sản vị thành niên nói riêng.

3 - *Thực hiện các biện pháp hữu hiệu để tuyên truyền, vận động, trang bị kiến thức về sức khỏe sinh sản và sức khỏe sinh sản vị thành niên* cho các bậc cha mẹ, nhà giáo dục, cán bộ quản lý cộng đồng, các thành viên gia đình... nhằm thay đổi quan niệm, thái độ và hành vi của họ đối với việc giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên.

4 - *Xây dựng một chương trình giáo dục quốc gia thống nhất và toàn diện về giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên.* Đó là chương trình giáo dục đồng bộ và kết hợp với nhau chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các đoàn thể xã hội trong giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên.

5 - *Để vị thành niên thực sự trở thành chủ nhân tương lai của đất nước phải có những giải pháp tích cực tạo lập cho trẻ một môi trường sinh sống và phát triển lành mạnh.* Cần có những biện pháp kiên quyết ngăn chặn sự lây lan của các tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nghiện hút, mại dâm, lạm dụng tình dục trẻ em, buôn bán trẻ em...

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình của nước ta ở thập niên qua đã đạt được kết quả thực sự to lớn. Tuy nhiên, để duy trì những thành tựu và tiếp tục nâng cao chất lượng công tác dân số thời gian tới đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực hơn nữa để thực hiện thành công chiến lược dân số. Đặc biệt, sức khỏe sinh sản vị thành niên là một vấn đề cần được quan tâm và đầu tư đúng mức. Cần có một chiến lược quốc gia nhằm tăng cường sức khỏe sinh sản vị thành niên - chiến lược ấy là một bộ phận quan trọng của chiến lược dân số và cuối cùng là một bộ phận không thể thiếu của chiến lược phát triển con người Việt Nam với ý nghĩa vừa là mục đích, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế-xã hội thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. □

ÂM MƯU VÀ LUẬN ĐIỀU...

(Tiếp theo trang 49)

Tất nhiên, chúng ta không vơ đũa cả nắm, không nhầm lẫn loại người chống Đảng, chống chế độ với những người có tâm huyết; muốn suy nghĩ tìm tòi, sáng tạo, thành tâm tìm cách đổi mới hoạt động của Đảng vì sự nghiệp cao cả của đất nước, của dân tộc. Chúng ta cũng không quá đa nghi "nhìn đâu cũng thấy địch", bởi Đảng và Nhà nước ta đã trịnh trọng tuyên bố "Việt Nam sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước, sẵn sàng làm đối tác tin cậy của các nước vì hòa bình, độc lập và phát triển", và trên thực tế, chúng ta đã và đang cố gắng làm hết sức mình theo tinh thần đó.

Chính Đảng ta cũng coi việc tự đổi mới, tự chỉnh đốn là nhiệm vụ thường xuyên và cấp bách hiện nay và đã đề ra những biện pháp tích cực và cụ thể để xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Chúng ta cũng tiếp tục khuyến khích sự suy nghĩ sáng tạo, trân trọng những ý kiến đóng góp xây dựng; nhưng chúng ta cũng luôn cảnh tỉnh táo phân biệt; phê phán, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những suy nghĩ mơ hồ; cảnh giác đập tan mọi âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá Đảng ta, chế độ ta. Chúng ta cần đẩy mạnh việc nghiên cứu có hệ thống những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch trong bối cảnh toàn cầu hóa, kinh tế tri thức, văn minh tin học hiện nay; xây dựng và dự báo các chiến lược, giải pháp để ứng phó kịp thời và có hiệu quả; đồng thời, thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao cảnh giác cho cán bộ và nhân dân. Cuối cùng, chúng ta cần phải tạo sự đoàn kết, nhất trí cao để đủ sức bác bỏ những quan điểm, luận điệu sai trái của các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội chính trị; luôn kiên định trên con đường đã chọn. □



WTO VỚI CÁC NỀN KINH TẾ YẾU

ĐINH TRỌNG THỊNH *

HIỆP định chung về thuế quan và thương mại (GATT) được ký kết vào năm 1947 và chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-1948 giữa 23 nước theo tinh thần của Hiến chương La Ha-ba-na nhằm mục đích thúc đẩy thương mại quốc tế và tạo công ăn việc làm cho các nước thành viên. Đến ngày 1-1-1995, GATT đã có 124 bên ký kết và tiếp nhận 25 đơn xin gia nhập. Trong 48 năm tồn tại, trải qua 8 vòng đàm phán, nội dung của GATT ngày một mở rộng: từ việc giảm thuế quan tiến tới các biện pháp phi thuế quan, dịch vụ, sở hữu trí tuệ và tìm kiếm một cơ chế quốc tế giải quyết các tranh chấp thương mại giữa các quốc gia. Nếu năm 1948, mức thuế quan trung bình khoảng 40%, thì đến năm 1995, con số đó chỉ còn khoảng 4% ở các nước phát triển và khoảng 15% ở các nước đang phát triển. Trên cơ sở của GATT và theo kết quả của vòng đàm phán U-ru-goay, từ ngày 1-1-1995, các nước thành viên đã nhất trí thành lập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) nhằm thúc đẩy thương mại và giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu. Cho đến nay, WTO đã có 148 thành viên chiếm khoảng 97% kim ngạch thương mại quốc tế. Hiện có 25 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có Việt Nam, đang trong quá trình xin gia nhập tổ chức này. Mức thuế quan trung bình của các nước phát triển trong WTO đã giảm xuống còn 3,8%, các nước đang phát triển còn 12,3%. Hệ thống thương mại đa biên đã được mở rộng từ thuần

nhân nhượng về thuế quan trong thương mại hàng hóa đến toàn bộ các định chế về thương mại hàng hóa và các lĩnh vực khác đầy tiềm năng, như thương mại dịch vụ, đầu tư liên quan tới thương mại, sở hữu trí tuệ và cơ chế quốc tế giải quyết các tranh chấp thương mại giữa các quốc gia.

Đàm phán gia nhập WTO là một quá trình rất phức tạp, lâu dài với rất nhiều đòi hỏi về mở cửa thị trường, minh bạch hóa, xây dựng và sửa đổi các chính sách về tài chính, thương mại, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ... Các đòi hỏi này cùng với những yêu cầu ngày càng cao hơn của một số thành viên WTO đối với các nước đang xin gia nhập làm cho nhiều người nghĩ rằng *WTO là công cụ của một hành lang quyền lực, là một tổ chức không dân chủ; rằng, các nền kinh tế yếu bị ép buộc gia nhập WTO và WTO là một tổ chức thiết lập chính sách thương mại quốc tế*. Chẳng hạn, để được gia nhập WTO vào năm 2001, Trung Quốc, một nền kinh tế lớn thứ sáu trên thế giới, cũng mất hơn 10 năm đàm phán với việc mở cửa thị trường, sửa đổi hầu như toàn bộ các chính sách về kinh tế. Cam-pu-chia, một nước kém phát triển được coi là thành công nhất trong đàm phán gia nhập WTO, cũng mất 10 năm đàm phán (từ năm 1994 đến 2003) và phải chấp nhận những điều kiện về mở cửa thị trường và

* TS. Học viện Tài chính

thay đổi chính sách kinh tế mà theo đánh giá của nhiều chuyên gia là vượt quá khả năng thực hiện của nước này...

Thế nhưng, một thực tế không thể phủ nhận là, trong điều kiện hiện nay, khi hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành xu thế tất yếu, *hầu hết các nước nhận thấy rằng, gia nhập WTO sẽ tốt hơn là đứng ngoài*. Các lý do mang tính tích cực nhiều hơn là tiêu cực và chủ yếu nằm trong các nguyên tắc chính của WTO. Bằng cách gia nhập tổ chức này, một nước nhỏ, một nền kinh tế yếu (nền kinh tế của các nước đang phát triển và chậm phát triển) cũng hoàn toàn được hưởng các lợi ích mà các thành viên WTO dành cho nhau. Đó chính là lý do vì sao trong danh sách các nước gia nhập WTO và các nước tham gia đàm phán để trở thành thành viên của tổ chức này lại bao gồm cả các nền kinh tế lớn và nhỏ. Tuy nhiên, lợi ích khi tham gia vào tổ chức này, hạ thấp hàng rào thuế quan, tham gia mở cửa thị trường, tự do hóa thương mại lại phụ thuộc vào lượng hàng hóa của quốc gia đó tham gia thương mại quốc tế và như vậy phụ thuộc cả vào năng lực cạnh tranh hàng hóa của quốc gia đó. Nếu một quốc gia có hàng hóa càng nhiều, công nghệ sản xuất càng cao, năng lực cạnh tranh của hàng hóa càng lớn, hàng rào thuế quan và phi thuế quan càng hạ thấp và thị trường càng mở cửa thì cũng được các thành viên khác đối xử lại như vậy và lợi ích kinh tế thu được càng nhiều. Điều này cắt nghĩa cho việc các nền kinh tế mạnh, các nước công nghiệp phát triển rất mong muốn đàm phán và cố vũ mạnh mẽ về toàn cầu hóa kinh tế, về hạ thấp hàng rào thuế quan và phi thuế quan, về mở cửa thị trường, về tự do hóa thương mại hàng hóa phi nông nghiệp, dịch vụ, đầu tư liên quan tới thương mại, sở hữu trí tuệ...; đồng thời, cố tình lảng tránh đàm phán và trì hoãn thực hiện hạ thấp hàng rào thuế quan và phi thuế quan, cắt giảm

trợ cấp, mở cửa thị trường, tự do hóa thương mại đối với hàng hóa nông nghiệp, nguyên liệu, tức những hàng hóa được coi là thế mạnh của các nền kinh tế yếu, các nước đang phát triển và chậm phát triển. Ví dụ, mức thuế bình quân đối với các sản phẩm nông nghiệp nhập khẩu của Liên minh châu Âu (EU) là 252%, của Mỹ là 120%, thuế nhập khẩu gạo của Nhật Bản là 486%, của Thái Lan là 213%, của In-đô-nê-xi-a là 160%, thuế nhập khẩu thịt gà của Thụy Sĩ là 480%... Trong khi thuế suất bình quân của thuế quan, như đã nói ở trên, tại các thành viên phát triển của WTO trong năm 2003 chỉ còn 3,8%, ở các thành viên đang phát triển chỉ còn 13,2%. Hơn nữa, việc quy định cắt giảm trợ cấp cho nông nghiệp được quy định trong các hiệp định của WTO tại vòng đàm phán U-ru-goay hầu như không ảnh hưởng tới trợ cấp của các nước phát triển, mà chủ yếu chỉ tác động tới các nền kinh tế yếu. Các cam kết của Mỹ, EU và các nước phát triển khác về giảm trợ cấp nông nghiệp từng giai đoạn theo kết quả các cuộc đàm phán vào tháng 1-2001 tại Đô-ha không hề được các nước này thực hiện. Theo số liệu được đưa ra tại Hội nghị Can-cun, hằng năm, Mỹ và các nước EU đã chi khoảng 370 tỉ USD trợ cấp cho sản xuất nông nghiệp. Số tiền trợ cấp cho nông nghiệp ở các nước này trong hai năm 2001 và 2002 đã lên tới gần 1 000 tỉ USD. Các nước công nghiệp phát triển đã phớt lờ một thực tế là, với cách làm như vậy, trong khi lợi ích kinh tế mà họ thu được ngày một nhiều hơn, thì các nền kinh tế yếu, các nước đang và chậm phát triển ngày càng phải trao đổi nhiều hàng hóa nông sản hơn để đổi lấy một lượng hàng hóa công nghiệp cần thiết, lại ngày càng nghèo đi. Hồ ngấn cách giàu nghèo vì vậy càng sâu rộng hơn và sự đấu tranh đòi quyền bình đẳng, công bằng xã hội càng trở nên mạnh mẽ và quyết liệt hơn. Đó cũng là lý do giải thích tại sao ngày càng có nhiều cá nhân, tổ chức xã hội và

tổ chức phi chính phủ đấu tranh phản đối mặt trái của toàn cầu hóa kinh tế và tự do hóa thương mại, đòi xây dựng một trật tự thương mại quốc tế công bằng hơn. Đây chính là bức tranh hiện thực và triết lý của trật tự thương mại và quan hệ quốc tế hiện nay.

Ngoài trường hợp kết nạp các thành viên mới, các quyết định trong WTO nói chung được thông qua theo nguyên tắc đồng thuận, tức là đòi hỏi sự nhất trí của tất cả các thành viên. Các nước miễn cưỡng, sẽ được thuyết phục bằng việc được nhận một lợi ích nào đó để đổi lấy sự chấp nhận một thiệt thòi nhất định. Nói khác đi, nguyên tắc đồng thuận cũng có nghĩa là mỗi thành viên phải biết cách chấp nhận các quyết định để không có bất kỳ một thành viên nào chống đối. Do đó, *các quyết định và các hoạt động của WTO mang tính dân chủ*. Các quyết định đó chính là kết quả những đàm phán của các chính phủ thành viên, phải được tất cả quốc hội các nước thành viên thông qua và được thực hiện trong WTO theo nguyên tắc đồng thuận. Điều đó có nghĩa là, các quyết định được thực hiện trong WTO phải thông qua đàm phán một cách rõ ràng và dân chủ. Trong tất cả các lĩnh vực, WTO không bức chế các chính phủ phải chấp nhận hay bỏ qua những chính sách nhất định nào đó mà chỉ cung cấp một diễn đàn để các chính phủ có thể thảo luận các chính sách thương mại quốc tế. Ban Thư ký của WTO đơn giản chỉ là cơ quan cung cấp hỗ trợ về hành chính và kỹ thuật cho WTO và các thành viên của tổ chức. Trường hợp duy nhất mà WTO can thiệp trực tiếp đối với chính sách của các chính phủ là khi có một tranh chấp được đưa ra WTO và dẫn đến phán quyết của Cơ quan Giải quyết tranh chấp của WTO (cơ quan này bao gồm tất cả các thành viên). Thông thường, cơ quan này ra quyết định bằng cách chấp thuận kết quả tìm ra của cơ quan hội thẩm hay báo cáo chống án. Phạm

vi của quy định này đơn giản chỉ là sự phán quyết hay giải thích việc chính phủ đó có vi phạm một trong những hiệp định đã ký kết khi gia nhập WTO hay không. Nếu vi phạm cam kết thì chính phủ đó phải sửa đổi chính sách vi phạm đó và phải tuân thủ các hiệp định.

Như vậy, *WTO không phải là tổ chức thiết lập chính sách thương mại quốc tế*, mà chính chính phủ các nước thành viên mới là người quyết định chính sách này nhằm đem lại lợi ích cao nhất có thể trong thương mại quốc tế cho tất cả các nước thành viên. Tuy nhiên, sẽ là sai lầm nếu cho rằng, các nước thành viên có thể mạnh thương lượng ngang nhau trong các vấn đề thương mại quốc tế, đặc biệt là trong đàm phán các hiệp định song phương với từng đối tác thương mại. Ngay trong các quyết định thường xuyên của WTO vấn đề về thế mạnh thương lượng của các thành viên bị chi phối bởi sự lệ thuộc về chính trị, về kinh tế của một số quốc gia vào một quốc gia nào đó hoặc bị ảnh hưởng của những vận động hành lang hay những lợi ích kinh tế trước mắt của một số thành viên. Kết quả là các nước nhỏ, các nền kinh tế yếu, các nước đang phát triển thường bị chèn ép, thậm chí bị phân biệt trong các hoạt động thương mại quốc tế. Hơn nữa, sản phẩm tham gia thương mại quốc tế của các nền kinh tế yếu lại thường là các sản phẩm "truyền thống", các nguyên liệu và sản phẩm thô, ít qua chế biến nên thường dễ gặp phải các rào cản và các biện pháp ứng xử "theo thông lệ" của các nước đi trước. Mặt khác, các nền kinh tế yếu cũng thường thiếu khả năng và kinh nghiệm trong đàm phán song phương và đa phương nên dễ bị thiệt thòi khi tham gia vào thương mại quốc tế. Những quốc gia có nền kinh tế yếu như Nga, Trung Quốc, Cam-pu-chia, Việt Nam... đã gặp không ít trở ngại khi đàm phán gia nhập WTO do một số nước phát triển đưa ra các yêu cầu cao hơn so

với quy định hiện hành của WTO, như thoái thác quyền của các nước đang phát triển được hưởng "sự đối xử đặc biệt và khác biệt"; yêu cầu hạ thuế suất toàn bộ của biểu thuế nhập khẩu xuống mức rất thấp; cam kết ở những lĩnh vực dịch vụ mà các nước thành viên còn đang tranh cãi; không đưa ra được những lập luận xác đáng cho các yêu cầu quá mức về mở cửa thị trường, không tính đến tình hình thực tế và các điều kiện cụ thể của các nước gia nhập... Nhiều nước mới gia nhập gặp khó khăn khi bắt đầu thực hiện các cam kết cụ thể với WTO. Việc một số nước như Lit-va, Lát-vi-a, Crô-a-ti-a, Môn-đô-va, Gru-di-a và các thành viên khác mới gia nhập WTO đã cùng đưa ra tuyên bố báo chí tại Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ IV tại Đô-ha về sự đối xử thiếu công bằng với các nước mới gia nhập WTO và khả năng không thực hiện được các cam kết quá mức đó là một ví dụ. Trước thực tế đó, nhiều ý kiến cho rằng, WTO là công cụ của một hành lang quyền lực của các nền kinh tế mạnh trong chính sách thương mại quốc tế với các nền kinh tế yếu.

Tuy nhiên, trên thực tế, WTO chỉ là một diễn đàn để chính phủ các nước thành viên thương thuyết, đàm phán và đưa ra các quy định, các hiệp định, các cam kết thực hiện trong thương mại quốc tế trên cơ sở chấp thuận các lợi ích của nhau. Không có WTO thì các nền kinh tế yếu sẽ còn phải chịu những thiệt thòi lớn hơn trong thương mại quốc tế, sẽ không có đủ thế mạnh để chống lại các đối tác thương mại có tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ mạnh hơn. *Chính WTO đã tăng cường thế mạnh thương lượng của các nền kinh tế yếu* bởi vì khi tham gia vào WTO, các thành viên đều phải tuân theo các quy định nhất định được hình thành thông qua các đàm phán đa phương và được hưởng các lợi ích của các thành viên dành cho nhau. Bằng việc gia

nhập WTO các nền kinh tế yếu cũng có thể tăng cường thế mạnh đàm phán thương mại bằng cách thiết lập đồng minh với các nước khác có cùng chung lợi ích. Thời gian gần đây, các nước đang phát triển, các nền kinh tế yếu trong WTO đã phối hợp thành công trong việc đấu tranh buộc các nền kinh tế mạnh, các nước phát triển phải chấp nhận cải cách thương mại quốc tế. Tại vòng đàm phán U-ru-goay, các nước phát triển đã nhất trí cải cách thương mại trong lĩnh vực dệt may và nông nghiệp, những lĩnh vực có ý nghĩa rất quan trọng đối với nhiều nền kinh tế yếu. Mặc dù, các kết quả thực tế từ những cải cách này còn thấp xa so với mong đợi của các nước đang phát triển và các nền kinh tế yếu và thành công trong những đàm phán về tiếp tục cải cách hệ thống thương mại thế giới, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp tại Hội nghị Can-cun, còn chưa đạt được, song, sự phối hợp hành động ngày càng chặt chẽ hơn của các nền kinh tế yếu trong WTO đã làm cho hy vọng về một trật tự thương mại thế giới công bằng hơn có cơ sở thực tiễn.

Hàng xuất khẩu của Việt Nam hiện nay đang phải chịu mức thuế quan khoảng từ 30% đến 40%, tức cao hơn nhiều so với mức thuế quan mà các thành viên WTO dành cho nhau, nên khả năng cạnh tranh và thâm nhập thị trường của hàng hóa Việt Nam bị giảm. Tham gia vào WTO sẽ mang lại nhiều lợi ích to lớn cho Việt Nam vì hàng hóa và dịch vụ được nhập khẩu với giá rẻ hơn nhiều so với hiện nay; đồng thời, hàng hóa, vốn đầu tư và dịch vụ của Việt Nam sẽ thâm nhập dễ dàng, với số lượng không hạn chế vào thị trường các nước thành viên (vì thuế quan rất thấp và theo các quy định của WTO); có khả năng tăng thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân, cải thiện chất lượng dịch vụ, giải quyết tốt các tranh chấp trong thương mại quốc tế, nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế... Chỉ tính

riêng thị trường Mỹ, sau một năm thực hiện Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ, một hiệp định được ký kết trên cơ sở của các hiệp định của WTO, với mức thuế nhập khẩu vào thị trường Mỹ giảm từ khoảng 40% xuống còn khoảng 4%, kim ngạch xuất khẩu năm 2002 của Việt Nam vào thị trường này đã tăng gấp đôi so với năm 2001 và hiện nay thị trường Mỹ đã trở thành thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn nhất của Việt Nam. Chính vì vậy, từ tháng 1-1995, Việt Nam đã nộp đơn gia nhập tổ chức này. Đến nay, trải qua 7 vòng đàm phán (vòng 7 được tiến hành vào tháng 11 và 12-2003), trả lời hơn 3 000 câu hỏi về mọi lĩnh vực của chính sách kinh tế và thương mại, cung cấp các chương trình hành động thực hiện các hiệp định đa phương của WTO về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIM), về quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ (TRIP), về trị giá tính thuế hải quan, thông báo về trợ cấp công nghiệp... Việt Nam, về cơ bản, đã kết thúc giai đoạn minh bạch hóa chính sách, chuyển sang đàm phán thực chất về mở cửa thị trường và chuẩn bị vào giai đoạn dự thảo Văn bản gia nhập với những điều kiện, cam kết cụ thể để có thể sớm gia nhập WTO.

Việt Nam sẽ chính thức trở thành thành viên của WTO khi được Ban Công tác do Đại hội đồng thành lập chấp thuận và được ít nhất hai phần ba thành viên WTO biểu quyết kết nạp. Thành phần của Ban Công tác gồm 40 thành viên, chủ yếu là những đối tác thương mại chính của Việt Nam, đại diện cho 148 thành viên của WTO tiến hành đàm phán chung và đàm phán song phương về mở cửa thị trường. Tham gia WTO là một sự cần thiết đối với Việt Nam trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của tất cả các quốc gia trên thế giới và đặc biệt là khi Việt Nam chọn sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. □

PHONG TRÀO THI ĐUA...

(Tiếp theo trang 58)

2 - Trong quá trình triển khai các nội dung phong trào thi đua yêu nước trên các địa bàn dân cư, cần tập trung vào những vấn đề mà giới Công giáo có điều kiện thực hiện tốt hoặc những vấn đề bức xúc tại địa phương cần được triển khai theo hướng tích cực. Nội dung trọng tâm bao trùm là vận động đồng bào Công giáo tích cực thi đua lao động, sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa mới, làm tốt công tác xóa đói giảm nghèo, phát huy tinh thần bác ái trong các hoạt động nhân đạo, từ thiện, gắn với công tác đền ơn đáp nghĩa. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa, phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động chăm lo cho người nghèo, người cơ nhỡ, bất hạnh.

3 - Nhằm đáp ứng những đòi hỏi từ thực tế các phong trào thi đua yêu nước, Ủy ban Đoàn kết Công giáo các cấp cần không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; từng bước tháo gỡ những khó khăn; thường xuyên quan tâm đến đời sống tinh thần cũng như vật chất của đồng bào Công giáo. Trên cơ sở đó, làm tốt chức năng, nhiệm vụ cầu nối giữa đồng bào Công giáo với Nhà nước; kịp thời và có trách nhiệm phản ánh tâm tư nguyện vọng của mọi giới đồng bào Công giáo và kiến nghị các cơ quan có trách nhiệm kịp thời giải quyết, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mỗi địa bàn dân cư.

4 - Tăng cường các hoạt động thông tin, tuyên truyền, giữ mối liên hệ thường xuyên giữa Ủy ban Đoàn kết Công giáo ở Trung ương với các địa phương; bảo đảm chế độ báo cáo thường xuyên và định kỳ giữa địa phương với trung ương về tình hình phong trào thi đua yêu nước và hoạt động của Ủy ban Đoàn kết Công giáo; duy trì công tác thông tin, trao đổi kinh nghiệm và phản ánh các hoạt động của phong trào một cách kịp thời. □

VỀ SỰ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC AN NINH QUỐC GIA CỦA MỸ

PHAN ĐOÀN NAM

CÓ lẽ trên thế giới không có một quốc gia nào mà việc điều chỉnh chiến lược lại diễn ra hầu như thường xuyên như nước Mỹ. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, hầu như đời Tổng thống nào của Mỹ cũng tiến hành điều chỉnh chiến lược. Có ba nhân tố khiến mỗi chính quyền đều có yêu cầu điều chỉnh chiến lược. *Một là*, tình hình thế giới luôn luôn thay đổi, *hai là* nội lực của Mỹ mỗi thời một khác và *ba là*, tổng thống nào cũng muốn để lại dấu ấn của mình "cho muôn đời sau".

Thực chất của việc "điều chỉnh chiến lược" của Mỹ là điều chỉnh cách điều hành chính sách đối nội và đối ngoại nhằm thực hiện một mục tiêu chiến lược không thay đổi là củng cố địa vị chi phối của Mỹ đối với thế giới, giữ được ưu thế tuyệt đối, ngăn chặn sự trỗi dậy của bất cứ nước nào hoặc nhóm nước nào có thể trở thành lực lượng thách thức vai trò của Mỹ. Ngay trong thời kỳ "chiến tranh lạnh", tuy thế giới chia làm hai phe theo thỏa thuận ở Tê-hê-ran và Pôt-xđam nhưng từ H. Tru-man cho đến G. Bu-sơ (cha), mỗi tổng thống đều cho ra đời một học thuyết mang tên mình nhằm đẩy lùi chủ nghĩa cộng sản thực hiện nền hòa bình kiểu Mỹ (Pax American) trên toàn thế giới. Cho đến khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, tuy với những

tên gọi khác nhau nhưng nội dung chủ yếu của chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ là đe dọa và kiềm chế do Tru-man đề ra năm 1947.

Sau khi Liên Xô sụp đổ, G. Bu-sơ (cha) đã nói đến một trật tự thế giới mới do Mỹ lãnh đạo. Tuy nhiên, thời gian cầm quyền còn lại của vị tổng thống này quá ngắn để có thể thực thi ý định của mình. W. J. Clin-تون lên thay đã đưa ra một học thuyết có tính mơ hồ là "can dự và mở rộng". Với vị trí là siêu cường còn lại duy nhất, G. Bu-sơ (cha) cũng như W. J. Clin-تون đã tiến hành một số cuộc tấn công phủ đầu đánh vào các nơi mà Mỹ nghi là hang ổ của bọn khủng bố như Áp-ga-ni-xtan, Xu-đăng, Li-bi, I-rắc v.v..

Tuy trong vận động bầu cử tổng thống năm 2000, G. Bu-sơ đã phê phán "chính sách ngoại giao mơ hồ" của chính quyền W. J. Clin-تون, tỏ ý sẽ thi hành một chính sách ngoại giao đơn phương, xem Trung Quốc là đối thủ chứ không phải là đối tác, nhưng G. Bu-sơ chỉ bắt tay vào điều chỉnh chiến lược thực sự khi bước vào Nhà Trắng. G. Bu-sơ đã có một loạt hành động gây chấn động thế giới như thúc đẩy Kế hoạch phòng thủ tên lửa, tự ý rút khỏi Hiệp ước chống tên lửa đạn đạo, rút khỏi Nghị định thư Ky-ô-tô, không phê chuẩn Hiệp ước cấm thử vũ khí toàn diện, v.v.. Như vậy, có thể thấy "sự kiện ngày 11-9-2001" là dịp để chính quyền

G. Bu-sơ hoàn chỉnh việc điều chỉnh chiến lược an ninh quốc gia nhằm phục vụ quyền lãnh đạo của Mỹ đối với thế giới. Chiến lược mới này đã được thảo ra từ trước nhưng do "sự kiện ngày 11-9-2001" nên phải hoãn đến ngày 20-9-2002 mới được trình ra Quốc hội. Nội dung chủ yếu của nó là từ bỏ "đe dọa và kiềm chế" có từ thời Tru-man và chuyển sang chiến lược "tấn công trước để kiềm chế đối phương + can dự mang tính phòng ngự" đối với các tổ chức khủng bố và các nước chứa chấp khủng bố, từ đó có thể tạo ra cơ sở cho việc định ra chính sách ngoại giao quân sự của Mỹ trong nửa thế kỷ tới. Nội dung này còn được thể hiện rõ trong các phát biểu của G. Bu-sơ ở Học viện quân sự Oét Poi (West Point) ngày 1-6-2002 và ở Đức trước đó.

Qua nghiên cứu các văn kiện trên có thể tóm tắt nội dung chiến lược "đánh đòn phủ đầu" của G. Bu-sơ trong mấy điểm sau đây:

- Mục tiêu chiến lược mang tính toàn diện. Mỹ lợi dụng ưu thế tuyệt đối để tìm kiếm an ninh tuyệt đối cho mình và cho rằng "sự kiện ngày 11-9-2001" là thách thức đối với Mỹ về an ninh quốc gia, phương thức sống và quan điểm giá trị, nhưng có thể lợi dụng chống khủng bố để củng cố địa vị chi phối của Mỹ.

- Chống khủng bố được đặt ở vị trí ưu tiên trong chiến lược an ninh, nên Mỹ coi trọng vấn đề ngăn chặn phổ biến vũ khí giết người hàng loạt hơn so với trước đây. Về mặt này, Mỹ có nhu cầu hợp tác với các nước khác, đặc biệt là các nước lớn nhằm tăng cường an ninh cho mình.

- Thủ đoạn chiến lược của Mỹ mang tính tổng hợp, cả quân sự, chính trị, kinh tế nhưng chính quyền G. Bu-sơ đặc biệt coi trọng thủ đoạn quân sự.

- Hình thức chiến lược của Mỹ được đa dạng hóa, chủ yếu là thực hiện đơn phương

nhưng khi cần thì tìm liên minh kể cả những liên minh không cố định.

Như vậy khác với trước đây, chiến lược toàn cầu mới của Mỹ mang tính thực dụng và cơ động hơn.

Một là, tuy vẫn xem châu Âu là trung tâm, là nơi Mỹ luôn luôn muốn khống chế, nhất là sau khi Liên Xô tan rã, nhưng châu Á ngày càng quan trọng đối với Mỹ vì ở đây tập trung nhiều "đối thủ tiềm tàng" như Nga, Trung Quốc, Ấn Độ và kể cả Nhật Bản. Sau "sự kiện ngày 11-9-2001", châu Á lại càng quan trọng đối với Mỹ vì đó là "sào huyệt" của chủ nghĩa khủng bố quốc tế. Mỹ đã liệt I-rắc, I-ran và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên vào "trục ma quỷ" và sau đó lại thêm vào gần chục nước nữa. Theo Mỹ, hiện nay có đến 60 nước có căn cứ của chủ nghĩa khủng bố quốc tế trước hết là An Kê-đa. Như vậy, trọng điểm chiến lược của Mỹ chia làm hai loại. Một loại lâu dài, một loại ưu tiên trước mắt. Chiến trường chống khủng bố ở đâu thì trọng điểm chiến lược ở đó, chỉ ít là trong một thời gian. Do đó hiện nay, Mỹ xem Trung Đông, Nam Á và Đông-Bắc Á là trọng điểm chiến lược trước mắt cần đối phó. Đông-Nam Á là một căn cứ của chủ nghĩa khủng bố nhưng Mỹ chỉ dính líu có mức độ vì còn "hội chúng Việt Nam".

Hai là, quan niệm mới của Mỹ về kẻ thù cũng rất thực dụng theo nguyên tắc "ai không theo Mỹ tức là chống Mỹ". Tuy nhiên trên thực tế, Mỹ cũng phân ra hai loại "kẻ thù". Một loại tức là những "kẻ thù" hiển hiện - các nước bất trị và loại kẻ thù biến ảo - lực lượng khủng bố quốc tế.

Ba là, không cần chờ đến khi địch đến mới đánh mà theo lời G. Bu-sơ thì "nếu chúng ta đợi cho tới khi mối đe dọa chín muồi thì sẽ quá lâu. Chúng ta phải đưa chiến trường tới

lãnh thổ đối phương để đối mặt với những mối đe dọa tệ hại trước khi chúng xuất hiện”.

Bốn là, khi tiến hành chiến tranh thì dùng tất cả các loại vũ khí (Mỹ đang chế tạo bom hạt nhân chiến thuật) với nguyên tắc càng ít thương vong cho lính Mỹ càng tốt.

Năm là, đối với các hiệp ước quốc tế từ Hiệp ước ABM, START về quân sự chiến lược cho đến các Hiệp ước quốc tế về môi trường, Tòa án Hình sự quốc tế, cái nào bỏ chân bó tay thì Mỹ xé bỏ không thương tiếc.

Còn quá sớm để cho thấy chiến lược mới này sẽ dẫn nước Mỹ đi đến đâu nhưng trong hơn hai năm thực hiện có thể thấy nó chứa đựng nhiều điều bất cập. Cái mà Mỹ gặt hái được trong việc thực hiện chiến lược mới là đã dọa được một số nước và làm cho nhiều nước thận trọng hơn trong việc quan hệ với Mỹ.

Xi-ri, I-ran đều phản ứng rất ôn hòa trước những lời cảnh cáo của Mỹ, nhiều nước đã giúp Mỹ bắt các trùm khủng bố, không dám chứa chấp những tên tội phạm mà Mỹ đang truy nã. Một số nước lớn tuy vẫn giữ lập trường của mình trong việc chống chiến tranh xâm lược I-rắc nhưng khi cuộc chiến đã chấm dứt thì thái độ với Mỹ cũng mềm dẻo hơn, vẫn tiếp tục đấu tranh đòi tăng vai trò của Liên hợp quốc ở I-rắc nhưng tránh đối đầu và tránh sự đổ vỡ quan hệ với Mỹ.

Cái lợi có tính chiến lược lớn nhất là lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố, Mỹ đã đặt chân được vào Trung Á - một địa bàn mà trước đây các nhà địa chiến lược thế giới đã cho rằng ai làm chủ được khu vực này sẽ khống chế được thế giới.

Tuy nhiên, những điều hạn chế thì đã rõ:

Một là, cuộc chiến chống khủng bố là một cuộc chiến lâu dài. Chính G. Bu-sơ cũng thừa nhận như vậy. Nguy cơ của chủ nghĩa khủng

bố vẫn treo lơ lửng trên đầu nhân dân Mỹ và không biết khi nào nó ập xuống. Điều đó đặt Mỹ luôn ở trong tình trạng báo động chiến tranh, tạo ra một tình hình hết sức căng thẳng.

Hai là, do chính sách hiếu chiến và thái độ ngạo mạn của chính quyền Mỹ nên sự cảm thông của nhân dân thế giới đối với Mỹ qua "sự kiện ngày 11-9-2001" đã sớm tan biến và thay vào đó là sự phản đối Mỹ, G. Bu-sơ và dĩ nhiên cả tập đoàn của ông ta. Uy tín của G. Bu-sơ ngày càng giảm.

Ba là, cuộc chiến chống I-rắc đã làm cho Mỹ từ chỗ là người muốn mang sứ mạng hướng dẫn thế giới thực thi luật pháp quốc tế trở thành người phá hoại luật pháp quốc tế. Có nơi người ta cho rằng Mỹ là tên khủng bố quốc tế lớn nhất thế giới. Nội bộ Mỹ ngày càng chia rẽ. Chính quyền G. Bu-sơ, CIA bị tố cáo là đã lừa dối nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới về việc I-rắc sở hữu vũ khí giết người hàng loạt để lấy cớ gây chiến tranh.

Bốn là, bản thân cuộc gây chiến ở I-rắc là một thất bại của Mỹ. Nhân dân I-rắc không đổ ra đường để đón liên quân như những đoàn quân đến "giải phóng" họ. Trái lại, họ đòi liên quân rút về nước. Lực lượng bù nhìn I-rắc do Mỹ dựng lên không được nhân dân ủng hộ. Mỹ và liên quân đang sa lầy vào cuộc chiến tranh du kích không biết đến bao giờ chấm dứt. Lính Mỹ tiếp tục chết hàng ngày. Tổng số lính Mỹ chết từ khi Mỹ tuyên bố cuộc chiến chấm dứt đang không ngừng tăng thêm và đã vượt tổng số lính Mỹ chết trong chiến tranh trước đó. Việc trụ sở của Liên hợp quốc bị đánh bom cho thấy lực lượng chống đối muốn gửi một thông điệp cho Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế này không được hợp pháp hóa sự chiếm đóng của Mỹ và cảnh cáo Mỹ là tình hình I-rắc còn lâu mới được yên chùng nào quân đội Mỹ và các nước khác

chưa trả I-rắc lại cho người I-rắc. Vụ đánh bom nhà thờ Hồi giáo dòng Si-ai, giết chết giáo chủ Ha-kim và các vụ đánh bom sau khi Xát-đam Hu-xê-in đã bị bắt cho thấy liên quân không làm chủ được nền an ninh của I-rắc và tình hình I-rắc ngày càng xấu thêm.

Việc Mỹ yêu cầu Liên hợp quốc gửi quân gìn giữ hòa bình đến I-rắc chứng tỏ một mình Mỹ không kham nổi. Mỹ muốn các nước khác gửi quân đến I-rắc theo lệnh Mỹ và để chết thay cho lính Mỹ. Pháp, Nga, Trung Quốc và Đức đồng ý thông qua nghị quyết của Hội đồng Bảo an cử quân mũ nồi xanh đến I-rắc nhưng với điều kiện Mỹ phải chia quyền kiểm soát cho Liên hợp quốc chứ không phải làm theo lệnh của Mỹ. Sau vụ đánh bom trụ sở Liên hợp quốc, Nhật Bản cũng phải hoãn thi hành quyết định gửi quân sang I-rắc. Một sự kiện khác nổi lên giới hạn sức mạnh của Mỹ là mặc dù Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên bị Mỹ liệt vào "trục ma quỷ" và tự họ đã tuyên bố có bom hạt nhân nhưng Mỹ phải nhờ Trung Quốc đứng ra dàn xếp để giải quyết vấn đề này bằng thương lượng. Điều nghịch lý là, I-rắc không có vũ khí giết người hàng loạt thì Mỹ cố dựng lên những bằng chứng giả để lấy cớ gây chiến, trong lúc Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên tự nhận mình có vũ khí hạt nhân thì Mỹ lại cho rằng "có lẽ Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên nói nhầm".

Sáu là, người ta bắt đầu ngán ngẩm nền ngoại giao của Mỹ. Chính H. Kít-xing-giơ cũng nói "hiện nay, đến chính sách đối ngoại, Mỹ cũng chẳng cần đến nữa". Thực tế phái quân sự đang điều hành chính sách đối ngoại của Mỹ. Hằng ngày, Mỹ chỉ cho quân sự trên một tỉ đô-la. Thời kỳ hoàng kim của thập kỷ 90 của Mỹ đã thuộc về lịch sử. G. Bu-sơ có thể sẽ trúng cử thêm một nhiệm kỳ nữa vì cho

đến nay chưa có một gương mặt nào của Đảng Dân chủ có thể mang lại lòng tin cho nhân dân Mỹ, nhưng nếu tái đắc cử thì với chiến lược hiện nay, nước Mỹ sẽ tiếp tục rơi vào sự bất ổn mới.

Có thể nói, chiến lược an ninh quốc gia mới của Mỹ thể hiện sự hiếu chiến, ngạo mạn của chủ nghĩa cực hữu trong nền chính trị Mỹ. Nó phản ánh lợi ích của tập đoàn tư bản lái súng và dầu hỏa. Lịch sử quan hệ quốc tế cũng cho thấy, các đế chế thường bắt đầu suy sụp khi ở đỉnh cao nhất. Từ đế quốc La Mã đến Na-pô-lê-ông, tới nước Mỹ ở thập kỷ "xã hội vĩ đại" đầu những năm 60... đều bắt đầu quá trình suy sụp từ đỉnh cao nhất. Đã xuất hiện thực trạng lực lượng quân Mỹ ngày càng bị dần mỏng ra toàn thế giới trong khi chỗ nào cũng trở thành mục tiêu của các lực lượng khủng bố Hồi giáo cực đoan. Điều tai hại đối với Mỹ là, trong lúc phải đối phó với các lực lượng Hồi giáo cực đoan trên khắp thế giới và ngay trên nước Mỹ thì các cường quốc khác tập trung vào công cuộc xây dựng, phát triển. Chiến lược an ninh mới của Mỹ đã đi ngược lại xu thế chủ đạo của thế giới là hòa bình và phát triển. Chính vì vậy mà H. Kít-xing-giơ gần đây đã phải kết luận: "Lịch sử không chứng minh thế giới mãi mãi chỉ có thể có một siêu cường. Mỹ cũng không đủ khả năng để ngăn ngừa các nước khác phát triển thành siêu cường trên một số mặt nào đó như Mỹ hiện nay". Do đó, có thể nói, Mỹ không thể tiếp tục theo đuổi chiến lược này trong những năm tới mà nhất thiết sẽ phải điều chỉnh cho hợp với xu thế của thời đại. Một thế giới đa trung tâm về kinh tế không có chỗ cho một trật tự thế giới đơn cực về chính trị. Một thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau trong kỷ nguyên tin học và kinh tế tri thức không có chỗ cho chủ nghĩa bá quyền, cho một ai mưu đồ trở thành sen đầm quốc tế. □

HỘI NGHỊ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA TOÀN QUỐC

DƯỢC sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức "Hội nghị tư tưởng - văn hóa toàn quốc triển khai nhiệm vụ công tác năm 2004" tại Thành phố Đà Nẵng từ ngày 19 đến ngày 22-2-2004. Dự Hội nghị có các đồng chí lãnh đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, gần 600 đại biểu làm công tác tư tưởng - văn hóa ở các bộ, ban, ngành, cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố trong cả nước. Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; đồng chí Nguyễn Khoa Điểm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì Hội nghị.

Tại Hội nghị, đồng chí Phan Diễn đã truyền đạt nội dung Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX). Hội nghị đã tập trung vào các vấn đề lớn: Tổng kết công tác tư tưởng - văn hóa năm 2003, triển khai phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2004; đánh giá tình hình tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tư tưởng - văn hóa; dự thảo báo cáo 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.

Với tinh thần trách nhiệm cao, trong không khí dân chủ, cởi mở, thẳng thắn, Hội nghị đã đi sâu phân tích, đánh giá công tác tư tưởng - văn hóa năm 2003 và cho rằng, năm 2003 mặc dù tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp đã tác động không nhỏ tới nước ta, nhưng công tác tư tưởng - văn hóa đã chủ động, sáng tạo nên đã góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng, của nhân dân, lòng tin của nhân dân với Đảng được tăng cường, sự đồng thuận xã hội ngày càng tăng làm cơ sở cho việc giữ vững ổn định và phát triển đất nước. Việc tổ chức học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh được triển khai rộng rãi trong cả nước với 10 chuyên đề và được các tầng lớp nhân dân đón nhận tốt. Hội nghị cho rằng, đây là vấn đề lớn và lâu dài, cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh một cách thiết thực, hiệu quả hơn nữa. Công tác tư tưởng - văn hóa trong năm qua đã nhằm vào việc thúc đẩy hai nhiệm vụ lớn phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Trong năm qua, việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh trong các cộng đồng dân cư có nhiều tiến bộ. Cùng với những vấn đề trên, chúng ta có những cải tiến công tác tổ chức - cán bộ, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên trách làm công tác tư tưởng - văn hóa ở các đơn vị, các địa phương. Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, biện pháp làm công tác tư tưởng - văn hóa phù hợp với điều kiện hiện nay.

Tuy nhiên, Hội nghị cũng chỉ rõ công tác tư tưởng - văn hóa năm qua vẫn còn những hạn chế cần khắc phục như: chậm trả lời những vấn đề lý luận bức xúc do thực tiễn cách mạng đang đặt ra; một bộ phận cán bộ, đảng viên bị sa sút về phẩm chất, đạo đức, lối sống chậm được ngăn chặn, khắc phục. Việc quản lý báo chí, xuất bản còn những yếu kém, sơ hở, v.v..

Kết luận Hội nghị, đồng chí Nguyễn Khoa Điểm một mặt khẳng định những mặt được và chỉ ra những hạn chế của công tác tư tưởng - văn hóa năm qua; mặt khác, nhấn mạnh phương hướng, nhiệm vụ công tác tư tưởng - văn hóa năm 2004 là cần nhận rõ những thách thức chúng ta phải vượt qua. Đó là các hạn chế, yếu kém của chính bản thân công tác tư tưởng - văn hóa; những tình huống và tính chất phức tạp của tình hình thế giới và khu vực hiện nay. Tập trung tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân thực hiện tốt các mục tiêu do Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX) đề ra. Thấy được cuộc đấu tranh tư tưởng ngày càng gay gắt, phức tạp hơn trước. Từ đó phải đổi mới công tác tư tưởng - văn hóa, sao cho có hiệu quả nhất như: nâng cao chất lượng giáo dục lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tạo nên sự đồng thuận xã hội rộng lớn và vững chắc; xây dựng đạo đức cách mạng; xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh; làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch...

Đồng chí Nguyễn Khoa Điểm nhấn mạnh, để hoàn thành tốt những nhiệm vụ quan trọng này, công tác tư tưởng - văn hóa phải chủ động, sáng tạo, dự báo được tình hình, hướng mạnh về cơ sở, giải quyết kịp thời, tại chỗ những vấn đề tư tưởng nảy sinh trên tinh thần thực sự dựa vào dân, tôn trọng dân và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. □

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT NGÀNH KIỂM TRA TOÀN QUỐC NĂM 2003

TRONG hai ngày 3 và 4-2-2004, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã tổ chức Hội nghị tổng kết ngành kiểm tra toàn quốc năm 2003. Dự hội nghị có các đồng chí: Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an; Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyễn Văn Chi, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Tại hội nghị, các đại biểu đã nhất trí thông qua Báo cáo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về nhiệm vụ công tác kiểm tra của các Ủy ban Kiểm tra các cấp năm 2003, phương hướng, nhiệm vụ công tác kiểm tra năm 2004; các báo cáo về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, về công tác thi đua khen thưởng, về kiểm tra tài chính của Đảng và Đề án tổ chức bộ máy cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Thành ủy và Đảng ủy trực thuộc Trung ương. Báo cáo tổng kết ngành kiểm tra nêu rõ: Năm 2003, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban Kiểm tra các cấp đã triển khai thực hiện toàn diện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 32 Điều lệ Đảng và đã thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, các lĩnh vực trọng điểm và đối tượng chính cần tập trung kiểm tra. Nhiều nhiệm vụ thực hiện đạt kết quả cao hơn so với năm 2002. Thành tựu đó đã góp phần tăng cường sự đoàn kết và kỷ luật trong Đảng, giữ vững nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, và vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên; khẳng định vị trí, tác dụng công tác kiểm tra, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Ủy ban Kiểm tra các cấp đã chú ý vai trò tham mưu đề xuất với cấp ủy về các vấn đề cần lãnh đạo, chỉ đạo; đồng thời, qua đó bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra từng bước được kiện toàn, chất lượng công tác ngày càng có chuyển biến tiến bộ hơn.

Thảo luận tại Hội nghị, 16 ý kiến đại diện các tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban Kiểm tra các đơn vị trực thuộc đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc, thiết thực, đầy trách nhiệm, làm rõ thêm những thành quả cũng như những hạn chế cần khắc phục, đề xuất, kiến nghị những giải pháp thiết thực cho việc thực hiện nhiệm vụ năm 2004.

Theo dõi và chỉ đạo Hội nghị, đồng chí Phan Diễn, nêu rõ nội dung chủ yếu của công tác kiểm tra, của Ủy ban Kiểm tra các cấp trong thời gian tới là tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giáo dục, rèn luyện đạo đức, nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trọng đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX). Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên, công tác kiểm tra của Đảng phải nâng cao hơn nữa chất lượng kiểm tra toàn diện theo Điều lệ Đảng. Ủy ban Kiểm tra các cấp cần chủ động chọn đúng điểm cần kiểm tra, nhất là trong những lĩnh vực như quản lý về đất đai và xây dựng cơ bản.

Tổng kết Hội nghị, đồng chí Nguyễn Văn Chi nêu rõ nhiệm vụ của năm 2004: Công tác kiểm tra phải đi vào trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, chung chung, phải có bước đột phá trong công tác kiểm tra, trước hết không để cho những phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất tham gia Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 và tham gia cấp ủy trong Đại hội Đảng các cấp năm 2005; tạo được sự chuyển biến trong việc phòng ngừa, ngăn chặn, cảnh báo, răn đe những hành vi vi phạm của cấp ủy, cán bộ và đảng viên. Khi tiến hành kiểm tra, phải tập trung vào địa bàn, lĩnh vực quan trọng và dễ xảy ra vi phạm; phải coi trọng hiệu quả của công tác kiểm tra, cần tập trung vào đối tượng đảng viên giữ chức vụ trong Đảng và cán bộ diện cấp ủy cấp mình quản lý. Phải hết sức chủ động tiến hành công tác kiểm tra ngay từ khi có dấu hiệu vi phạm. Không nhất thiết kiểm tra đảng viên có dấu hiệu vi phạm để xử lý kỷ luật, mà kiểm tra nhằm ngăn chặn, phòng ngừa để không trở thành sai phạm nặng, nhằm cảnh báo, răn đe, góp phần làm trong sạch Đảng. Đây là cách phòng ngừa tốt nhất để bảo vệ tổ chức và đảng viên của Đảng ở thời điểm hiện nay. Để làm tốt nhiệm vụ đó, những người làm công tác kiểm tra phải đổi mới tư duy, có phương pháp ứng xử văn hóa trong công tác kiểm tra; bảo đảm đúng nguyên tắc và nghiêm túc; sâu sắc về nhận thức, vững vàng về tư tưởng, tiếp thu nhanh, năng lực khái quát cao; chống hẹp hòi, định kiến cá nhân, không cố chấp, kiêu ngạo; nắm chắc tình hình tổ chức và cán bộ để có kế hoạch kiểm tra đúng, kịp thời.

Cũng tại Hội nghị này, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã tặng cờ thi đua cho 12 đơn vị đạt thành tích xuất sắc và bằng khen cho 30 đơn vị đạt thành tích khá về công tác kiểm tra năm 2003. □

N.H

HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC TRIỂN KHAI CÔNG TÁC VĂN HÓA - THÔNG TIN NĂM 2004

TRONG hai ngày 12 và 13-2-2004, tại Hà Nội, Bộ Văn hóa - Thông tin đã tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai công tác văn hóa - thông tin năm 2004. Đến dự, có Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải và các đồng chí Nguyễn Khoa Điểm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương; Phạm Gia Khiêm, Phó Thủ tướng Chính phủ; Phạm Quang nghị, Bộ trưởng Văn hóa - Thông tin; Huỳnh Đảm, Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cùng đại diện ngành văn hóa - thông tin, các bộ, ban, ngành ở trung ương và địa phương.

Sau khi thảo luận, các đại biểu đều nhất trí cho rằng, năm 2003, công tác văn hóa - thông tin có sự chuyển biến khá toàn diện trong công tác quản lý nhà nước và thực tiễn phát triển. Hoạt động văn hóa - thông tin đã góp phần tích cực vào thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quan tâm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được nâng lên một bước, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật được tổ chức sôi nổi, phong phú, có tác dụng giáo dục thẩm mỹ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Các cơ quan thông tin báo chí thực hiện tốt chức năng là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước và là diễn đàn của nhân dân, phát hiện và biểu dương những nhân tố mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội. Công tác xây dựng đời sống văn hóa có sự tiến bộ, nổi bật là phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Tại Hội nghị, các đại biểu cũng tập trung phân tích, thảo luận và chỉ ra những yếu kém trong hoạt động văn hóa - thông tin. Tình trạng lai căng, sùng ngoại, coi thường giá trị văn hóa và thuần phong mỹ tục tốt đẹp của dân tộc còn khá phổ biến. Hiện tượng suy thoái về đạo đức, lối sống ở một bộ phận, nhất là lớp trẻ vẫn chưa có biện pháp ngăn chặn. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội còn hạn chế, nhất là những biểu hiện tiêu cực, các hủ tục lạc hậu chưa được ngăn chặn. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức nhà nước thiếu gương mẫu, có những tiêu cực trong việc cưới, việc tang bị dư luận xã hội phê phán.

Thay mặt Đảng và Nhà nước, Thủ tướng Phan Văn Khải phát biểu ý kiến chỉ đạo Hội nghị. Thủ tướng biểu dương tinh thần phấn đấu khắc phục khó khăn, năng động sáng tạo và những thành tích của ngành văn hóa - thông tin; đồng thời, chỉ ra những mặt hạn chế cần nhanh chóng khắc phục. Thủ tướng nhấn mạnh, bước sang năm 2004, phải tập trung thực hiện tốt các chủ trương, giải pháp chủ yếu về văn hóa - thông tin được đề ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX). Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống, lối sống văn hóa, văn minh; giữ gìn và phát triển các giá trị tốt đẹp của xã hội và con người Việt Nam. Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo trong các lĩnh vực văn hóa, vừa phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa của văn hóa thế giới. Tăng cường quản lý và đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc. Có cơ chế khuyến khích lối sống văn hóa lành mạnh, văn minh và tạo dư luận xã hội mạnh mẽ đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống không lành mạnh, suy thoái đạo đức, trái với bản sắc tốt đẹp của dân tộc. Chú trọng công tác quy hoạch phát triển và tăng cường lãnh đạo, quản lý đối với các lĩnh vực thông tin, báo chí. Thủ tướng tỏ ý tin tưởng rằng, với quyết tâm và trách nhiệm cao, với đội ngũ văn nghệ sĩ, cán bộ, công nhân, viên chức chí cốt với nghề, tâm huyết với sự nghiệp, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự tham gia tích cực của nhân dân trong hoạt động văn hóa, nhất định chúng ta sẽ giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. □

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM LAO ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 14 Lê Thánh Tông - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: 04 8 262 018 * Fax: 04 8 269 466 * Email: trungtamldhn@gmail.vn

Trung tâm Lao động hướng nghiệp là đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được thành lập theo Quyết định số 663/TCCB ngày 18 - 3 - 1991 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trung tâm có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo hoạt động giáo dục lao động hướng nghiệp toàn ngành.

Giáo dục hướng nghiệp là một bộ phận của nội dung giáo dục phổ thông toàn diện đã được xác định trong Luật Giáo dục.

Giáo dục hướng nghiệp nhằm góp phần tích cực và có hiệu quả vào việc phân luồng học sinh, chuẩn bị cho học sinh đi vào cuộc sống lao động hoặc được tiếp tục đào tạo phù hợp với năng lực bản thân và nhu cầu của xã hội.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TRUNG TÂM

1. Phòng Nội dung - Phương pháp:

- Nghiên cứu xây dựng nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy môn công nghệ, giáo dục hướng nghiệp, nghề phổ thông.

- Chỉ đạo hoạt động giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông trong các trường THCS và THPT ở các địa phương thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Phòng Hướng nghiệp:

- Nghiên cứu nội dung, phương pháp

và biên soạn tài liệu tư vấn hướng nghiệp.

- Chỉ đạo toàn diện hoạt động của các Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp (KTTH- HN) trên toàn quốc (320 Trung tâm KTTH- HN và giáo dục thường xuyên hướng nghiệp).

Ngoài ra, tư vấn hướng nghiệp cho thanh niên theo nhu cầu.

3. Phòng Hành chính - Tổng hợp:

Phục vụ công tác nghiên cứu, chỉ đạo của Trung tâm.



Thủ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Văn Bổng khai mạc Hội thi giáo viên dạy giỏi nghề phổ thông toàn quốc năm 2003 tại TP. Huế

ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ: 14a Phan Chu Trinh - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội * Điện thoại: 04 8 251 589 * Fax: 84 4 8 243 289 * Bí thư: NGUYỄN LAN HƯƠNG

NĂM 2004 LÀ NĂM "GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG" VỚI PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG LÀ:

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả.
- Mở rộng các hình thức thu hút, tập hợp các đối tượng đoàn viên, thanh thiếu nhi.
- củng cố tổ chức đoàn.
- Tích cực tham gia xây dựng Đảng và chính quyền.
- Đóng góp thiết thực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội.

📖 **Đẩy mạnh công tác tư tưởng - văn hóa, giáo dục truyền thống, giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục đạo đức, lối sống, nếp sống cho đoàn viên, thanh, thiếu nhi.**

📖 **Xây dựng thế hệ trẻ Thủ đô văn minh - thanh lịch - hiện đại, xứng danh thế hệ trẻ của Thủ đô ngàn năm văn hiến, anh hùng.**

📖 **Củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đoàn,**

công tác quản lý cơ sở, quản lý đoàn viên.

📖 **Mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên. Chỉ đạo Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên các cấp, Đại hội lần thứ IV của Hội Liên hiệp Thanh niên Thành phố.**

📖 **Thúc đẩy mạnh mẽ phong trào "Thanh niên tình nguyện" trong các đối tượng thanh niên.**

📖 **Nâng cao chất lượng hiệu quả phong trào, tập trung một số nhiệm vụ, công trình cụ thể.**



Lễ ký kết giao ước thi đua giữa các đơn vị quyết tâm thực hiện thắng lợi "Tháng Thanh niên"

✧ **Năm 2004, là năm đầu tiên Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định lấy tháng 3 hằng năm là "Tháng Thanh niên", với ý nghĩa toàn xã hội chăm lo bồi dưỡng cho thanh niên và công tác thanh niên**

Hướng tới kỷ niệm 73 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, "Tháng thanh niên" của tuổi trẻ Thủ đô tập trung vào 4 tuần hoạt động:

* **Tuần "Vì cộng đồng".**

* **Tuần "Nghe thanh niên nói - nói với thanh niên".**

* **Tuần "Bác Hồ với tuổi trẻ - tuổi trẻ với bác Hồ".**

* **Tuần "Tự hào là thanh niên tình nguyện Thủ đô".**

✧ **Hoạt động "Tháng thanh niên" tập trung vào các hoạt động hướng tới kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ và các hoạt động tuyên truyền, phục vụ bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009.**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Đường Phạm Hữu Lầu - phường 6 - Thị xã Cao Lãnh - Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (067) 881 518 - 881 713 * HIỆU TRƯỞNG: NHÀ GIÁO ƯU TÚ LÊ HIỂN DƯƠNG



Thầy Lê Hiển Dương phát biểu trong buổi lễ công bố QĐ thành lập trường



Biểu diễn văn nghệ



Thực hành môn sinh vật

Ngày 10-01-2003, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thành lập trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp. Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có nhiệm vụ:

- * Đào tạo giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông, các cấp học cho tỉnh Đồng Tháp và đồng bằng sông Cửu Long.

- * Bồi dưỡng và đào tạo lại chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.

- * Nghiên cứu khoa học, triển khai áp dụng tiến bộ khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Kế thừa những kinh nghiệm và thành tựu đã đạt được gần 30 năm qua của Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp, Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp tiếp tục xây dựng và phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành giáo dục. Mục tiêu đặt ra trong những năm trước mắt:

Quy mô đào tạo phải tương quan với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực. Mở rộng quy mô nhưng

không xa rời chất lượng. Hiện tại, Nhà trường đang khẩn trương hoàn thiện các điều kiện cần thiết như đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy, cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy học, nghiên cứu theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Năm học 2003 - 2004, Nhà trường tuyển sinh trên 200 sinh viên hệ đại học chính quy và gần 500 sinh viên hệ cao đẳng chính quy thuộc các ngành học ... Ngoài ra, còn liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với các trường đại học trong và ngoài nước.

Là một trường đại học còn hết sức non trẻ, điều kiện cơ sở vật chất và nguồn nhân lực (đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy) còn khiêm tốn nhưng tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sự quan tâm giúp đỡ của các ban, ngành trong tỉnh, Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp sẽ phát triển vững chắc, ngang tầm với các trường đại học trong khu vực. Trong tương lai, Đại học Sư phạm Đồng Tháp sẽ hướng tới một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực đáp ứng tốt yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.





TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

CÔNG TY PHÁT TRIỂN NHÀ BÌNH THẠNH

ĐC: 36 Nguyễn Huy Lượng, phường 14, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh * ĐT: (84.8) 8 412 199 * Fax: (84.8) 8 412 202

CHỨC NĂNG

- * XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ NHÀ Ở.
- * QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ.
- * KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG.
- * SAN LẤP MẶT BẰNG, THI CÔNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG CÁC KHU QUY HOẠCH.

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY PHÁT TRIỂN NHÀ BÌNH THẠNH

KIẾN TRÚC: KTS KHUÔNG VĂN MƯỜI
KTS HOÀNG VIỆT PHƯƠNG
KTS HỒ CAO HOÀ SANG
KTS PHAN TÂN MẠI KHANH
KẾT CẤU: KTS EMMC LÊ ANH BÌNH



Chung cư lô D Khu Quy hoạch nhà ở phường 17 - Đường Nguyễn Ngọc Phương - quận Bình Thạnh

MAY 10

Garment company 10



Cùng với mặt hàng Sơ-mi truyền thống có uy tín cao trên thị trường trong nước và quốc tế, Công ty May 10 đưa ra thị trường sản phẩm Veston Nam - Nữ cao cấp, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, đạt chất lượng cao.



ĐỊA CHỈ: SÀI GÒN - LONG BIÊN - HÀ NỘI * TEL: 84-4-8 276 923. 8 276 398 * FAX: 84-4-8 276 925
E-MAIL: GARCO10@FPT.VN *** WEBSITE: WWW.GARCO10.COM

CHI NHÁNH TẠI TP HCM: 32 LÊ LẠI - PHƯỜNG BẾN THÀNH - QUẬN 1

CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÂN THUẬN **KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC**

Văn phòng KCN: Xã Long Thới - Huyện Nhà Bè * Tel: 7800345 - 7800350 - 7800351 * Fax: 7800341

E-mail: hiepphuocmkg@hcm.vnn.vn * Homepage: [http:// www.ipcvn.com](http://www.ipcvn.com)

Khu Công nghiệp Hiệp Phước là một trong những dự án chính trong chương trình xây dựng - phát triển thành phố Hồ Chí Minh hướng ra Biển Đông. Đây là khu công nghiệp cơ bản phù hợp với các ngành cần sử dụng đất rộng, cần bến cảng cho tàu có trọng tải lớn cập bến.

Khu Công nghiệp Hiệp Phước nằm ở huyện Nhà Bè, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 20km, bên cạnh sông Soài Rạp - tuyến đường thủy lớn nhất và rộng nhất từ Biển Đông đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Khu Công nghiệp Hiệp Phước được quy hoạch trên 2 000 ha đất, với ba hướng phát triển chính:

(1) Một **Khu Công nghiệp** được thiết kế đặc biệt dành cho các ngành công nghiệp như hóa chất, đóng tàu, vật liệu xây dựng, dệt nhuộm, luyện cán thép, cơ khí, đặc biệt là các ngành sản xuất nguyên liệu, cần giao thông đường thủy, cần sử dụng đất rộng, cần bến cảng cho tàu có trọng tải lớn cập bến.

(2) Một **Cảng Nước sâu** mới nhằm thay thế hệ thống Cảng Sài Gòn hiện nay. Cảng này sẽ được trang bị các cầu cảng với mớn nước sâu cho phép các tàu có trọng tải 25 000DWT ra vào cảng. Trong tương lai, cảng và luồng tàu sẽ được nâng cấp để đón nhận tàu có tải trọng trên 40 000DWT.

(3) Nghiên cứu chỉnh trị sông Soài Rạp để mở một **Luồng Tàu mới** từ Biển Đông đến Khu Công nghiệp Hiệp Phước và hệ thống cảng của thành phố Hồ Chí Minh.



Công ty Đầu tư xây dựng hạ tầng:

Giai đoạn 1 gồm 332ha đất của Khu Công nghiệp Hiệp Phước đang được xây dựng và quản lý bởi **CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÂN THUẬN (IPC)**; một doanh nghiệp nhà nước, được thành lập để thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhằm phát triển nhóm dự án ở phía Nam Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Khu Chế xuất Tân Thuận; Công ty Liên doanh Phú Mỹ Hưng, Đô thị mới Nam Sài Gòn; Khu Công nghiệp Hiệp Phước và Luồng tàu Soài Rạp.



CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÂN THUẬN (IPC)

210-212 Lê Hồng Phong- quận 5- Thành Phố Hồ Chí Minh- Việt Nam

Tel: (84-8) 8350780 - 8353596 * Fax: (84-8) 8351564

E-mail: hiepphuocmkg@hcm.vnn.vn * Homepage: [http:// www.ipcvn.com](http://www.ipcvn.com)

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIA CẦM THỤY PHƯƠNG

ĐC: Chèm - Thụy Phương - Từ Liêm - Hà Nội * Tel: (84.4) 838 9773 * Fax: (84.4) 838 5804 * Email: tncgctp@hn.vnn.vn



GIÁM ĐỐC:

TS. CN CHÍNH TRỊ - PHÙNG ĐỨC TIẾN

GÀ LƯƠNG PHƯỢNG:

- Số lượng trứng/mái/năm: 175 quả
- Nuôi thịt:
- Khối lượng cơ thể lúc 10 tuần tuổi: 1,8-1,9 kg
- Tiêu tốn thức ăn: 2,6-2,7kg/kg tăng trọng.



GÀ KABIR: TRỐNG GGK x MÃI K277:

- Số lượng trứng/mái/70 tuần tuổi: 180-190 quả.
- Nuôi thịt:
- Khối lượng cơ thể lúc 9 tuần: 2,17-2,2 kg
- Tiêu tốn thức ăn: 2,47-2,51kg/kg tăng trọng



NGAN PHÁP ĐỒNG SIÊU NẶNG:

- Số lượng trứng/mái/năm: 192 quả
- Nuôi thịt:
- Khối lượng cơ thể lúc 12 tuần tuổi: ngan trống 5,5 kg, ngan mái 3 kg
- Tiêu tốn thức ăn: 2,7kg/kg tăng trọng.



BỎ CẦU ĐỒNG MIMAS:

- 10 lứa đẻ/mái/năm
- Khối lượng cơ thể lúc 28 ngày tuổi: 585 g
- Số con non tách mẹ lúc 28 ngày: 15 con/mái
- Tiêu tốn thức ăn/cặp/năm: 42-43 kg



ĐÀ ĐIỀU CHÂU PHI:

- Số lượng trứng/mái/năm: 35-40 quả
- Khối lượng cơ thể lúc trưởng thành: trống 135-145kg, mái 110-120kg.
- Nuôi thịt: tăng trọng TB 10kg/tháng
- Tiêu tốn thức ăn: 4,5-5 kg thức ăn tinh và 5-6kg cỏ xanh/kg tăng trọng.



1. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP:

- 1969 - 1985: Đội Chăn nuôi Gia cầm
- 5/1985 - 2/1989: Trại Nghiên cứu Chăn nuôi gia cầm
- 3/ 1989 đến nay: Trung tâm Nghiên cứu Gia cầm Thụy Phương

2. CHỨC NĂNG:

- Nghiên cứu thích nghi các giống nhập nội, chọn tạo và nghiên cứu quy trình nuôi dưỡng chăm sóc phòng trừ bệnh các giống gia cầm, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.
- Đào tạo và huấn luyện cán bộ và công nhân kỹ thuật

3. NHIỆM VỤ:

- Nghiên cứu thích nghi các giống gia cầm nhập nội
- Nghiên cứu chọn tạo giống, kỹ thuật và quy trình công nghệ chăn nuôi gia cầm
- Nuôi giữ giống gốc một số giống gia cầm
- Chủ trì và thực hiện các đề tài cấp nhà nước và cấp ngành về gia cầm
- Đưa tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi gia cầm vào sản xuất
- Phối hợp nghiên cứu với các đơn vị trong và ngoài nước
- Tư vấn kỹ thuật, dịch vụ về giống, thức ăn và thuốc thú y gia cầm

4. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO (1989 - 2002):

- Tiến sĩ khoa học Nông nghiệp: 8 người
- Thạc sĩ khoa học Nông nghiệp: 19 người
- Nghiên cứu sinh: 7 người
- Đào tạo cao học: 6 người
- Cán bộ có trình độ đại học trở lên: 66 người

5. KHEN THƯỞNG:

- Huân chương Lao động hạng Nhì: 1
- Huân chương Lao động hạng Ba: 3
- Bằng khen của Chính phủ: 4
- Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 2
- Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 33
- Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam: 20
- Giải thưởng Bông Lúa Vàng: 16
- Huy chương Tuổi trẻ sáng tạo: 2
- Cúp Vàng Vì sự nghiệp xanh: 3
- Huy chương Vàng Vì sự nghiệp xanh: 9
- Giải thưởng Cô-va-lép-xai-a
- Đề tài được công nhận tiến bộ kỹ thuật: 26

BỘ Y TẾ

BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG II

Địa chỉ: quốc lộ I, Biên Hòa, Đồng Nai * Tel: 061.822.965 * Fax: 061.819.187 * Giám đốc: NGUYỄN VĂN THỌ

Bệnh viện luôn tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đạt trình độ của bệnh viện chuyên khoa hạng 1, đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện trung ương chỉ đạo mạng lưới chăm sóc sức khỏe tâm thần ở miền Nam. (từ Đà Nẵng đến Cà Mau). Bệnh viện có 2 bác sĩ CK II; 64 bác sĩ CK I; trong tổng số CBCNV 500 người (78% trình độ đại học và trên đại học).

1. Công tác khám chữa bệnh: Nâng cao chất lượng điều trị người bệnh ở trình độ chuyên khoa sâu.

- Tăng thêm kinh phí thuốc, hóa dược, kinh phí mua thuốc chiếm khoảng 15%; trong đó, thuốc quý hiếm chiếm 20% tổng kinh phí thuốc.

- Hoàn thiện các thủ thuật chuyên khoa, đặc biệt thủ thuật sốc điện phải được tiến hành có thuốc gây mê (hiện nay đang sử dụng kỹ thuật sốc thuốc không có hỗ trợ thuốc).

- Đẩy mạnh hơn nữa liệu pháp lao động và tái thích ứng xã hội, hoàn thành quy hoạch khu nuôi trồng cho bệnh nhân lao động liệu pháp. Phấn đấu đưa trung tâm điều trị phục hồi chức năng tâm thần thành đơn vị mạnh nhất toàn quốc.

- Đang hoàn thiện cơ sở vật chất - kỹ thuật cho Khoa Nhi "Bệnh viện ban ngày", Bệnh Nhi và Khoa Người già. Tổ chức hình thành Khoa Nhi (nhiều năm qua, Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa không có khoa riêng cho bệnh nhân trẻ em).

2. Công tác đào tạo và chỉ đạo:

- Năm 2003, kết hợp với Đại học Y đào tạo 45 B/s CKI tại Bệnh viện).

- Tiếp tục mở lớp định hướng chuyên khoa tâm thần cho các tỉnh; tăng cường đào tạo theo địa chỉ để cung cấp

cán bộ cho các tỉnh làm công tác chương trình, mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện hiệu quả dự án Bảo vệ SKTT cộng đồng. Tiếp tục tăng cường đi công tác tuyến, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các địa phương làm chương trình mục tiêu. Giúp đỡ các tỉnh có nhu cầu lập dự án xây dựng Bệnh viện Tâm thần tỉnh theo chủ trương của Bộ Y tế mỗi tỉnh trên 1 triệu dân có một bệnh viện tâm thần.

3. Công tác nghiên cứu khoa học:

- Tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp Nhà nước.
- Đăng ký 1 đề tài cấp Bộ, 10 đề tài cấp cơ sở.
- Duy trì Nội san và Tạp chí Thông tin chuyên ngành, nâng cao chất lượng và hình thức tạp chí thông tin.
- Tiếp tục khai thác tích cực nguồn thông tin trên mạng in-tơ-nét.

4. Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị bệnh viện:

- Khu khám và điều trị ngoại trú, khu trung tâm kỹ thuật cao được xây dựng hiện đại đáp ứng đủ nhu cầu của bệnh nhân.

- Hoàn thành Khoa Chống lây nhiễm, nhà giặt.
- Sân thể thao cho bệnh nhân.
- Khu lao động liệu pháp.
- Xây mới khoa tâm thần nhi, khoa tâm thần người cao tuổi.

- Xây dựng khu nuôi trồng cho bệnh nhân lao động liệu pháp.

- Sửa chữa một số cơ sở cần thiết.
- Nâng cấp trang thiết bị nội thất cho các khoa đã được xây dựng.

- Xin phê duyệt dự án về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện.





CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO

VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION

CHỦ TỊCH HĐQT: KỸ SƯ MAI VĂN HÒA * TỔNG GIÁM ĐỐC: KỸ SƯ LÊ TRỌNG HẢI

LĨNH VỰC KINH DOANH CHỦ YẾU



Trụ sở Công ty

- * Vận tải hàng hóa bằng đường biển, đường sông, ô-tô trong và ngoài nước.
- * Kinh doanh kho bãi, trung tâm phân phối hàng hóa.
- * Dịch vụ vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế, nhận ủy thác xuất, nhập khẩu và làm thủ tục hải quan cho hàng xuất, nhập khẩu.
- * Sản xuất, kinh doanh sắt thép xây dựng.
- * Kinh doanh thiết bị viễn thông.

Địa chỉ: Tòa nhà vinafco, 36 đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04 7 684 464 - Fax 7 684 465. Email: Vinafco @ hn.vnn.vn



LILAMA 45-1

CÔNG TY LẮP MÁY VÀ XÂY DỰNG

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

ĐÃ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ISO 9001 - ASME



ISO - 9001



ASME



* Lắp đặt tua bin hơi cho NM nhiệt điện

Trên 40 năm hoạt động, Lilama 45-1 đã tham gia lắp đặt thành công hàng trăm công trình

Để phát huy nội lực nhà máy mở rộng sản xuất - kinh doanh và đa dạng hóa sản phẩm, từ những năm



* Chế tạo bồn chứa khí lỏng (LPG)

trọng điểm của Nhà nước. Ngày nay, Lilama 45-1 là đơn vị có năng lực hàng đầu của Việt Nam về chế tạo thiết bị cơ khí và xây lắp các công trình công nghiệp. (Riêng tại Khu Công nghiệp khí điện đạm Phú Mỹ, Lilama đã lắp đặt trên 45 000 tấn thiết bị).

1990, Lilama đã đầu tư chiều sâu vào lĩnh vực chế tạo thiết bị cơ khí. Hằng năm, Nhà máy Cơ khí Lilama 45-1 có thể chế tạo từ 15 000 đến 20 000 tấn kết cấu thép, thiết bị bồn bể chịu áp lực, bồn chứa khí hóa lỏng (LPG) cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, hóa chất, xi-măng, dầu khí, thực phẩm v.v... theo tiêu chuẩn quốc tế với chất lượng cao.

* **Trụ sở:** 140 Điện Biên Phủ - quận 1 - TP.HCM - Tel : 8297527 - 8201124 - Fax : (84.08) 8201455
E-mail : binhecc451@hcm.fpt.vn



BƯU ĐIỆN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU



**ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT**

Địa chỉ: 408 Lê Hồng Phong - thành phố Vũng Tàu * Điện thoại: 064.852 100 * Fax: 064.858 999

Doanh nghiệp duy nhất

Cung cấp đầy đủ các dịch vụ bưu chính, viễn thông trên địa bàn

THÀNH TÍCH TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

- ☎ 5 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba.
- ☎ 4 Cờ thi đua của Chính phủ
- ☎ 10 Cờ của Bộ Bưu chính - Viễn thông Việt Nam
- ☎ 12 Cờ của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam
- ☎ 19 Bằng khen của UBND tỉnh.

NĂNG LỰC VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

- ☎ Hệ thống tổng đài điện tử kỹ thuật số, chất lượng cao, dung lượng 120 000 số.
- ☎ 100% số xã có máy điện thoại, 47 bưu cục, 180 đại lý điện thoại công cộng và đại lý bưu điện, 16 Bưu điện - Văn hóa xã.
- ☎ Mật độ điện thoại 18 máy/100 dân.
- ☎ Bưu điện tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sẵn sàng cung cấp đầy đủ, chất lượng cao các dịch vụ bưu chính - viễn thông - tin học. Tư vấn, khảo sát, xây lắp chuyên ngành viễn thông.

Chi tiết các dịch vụ BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG - TIN HỌC, xin liên hệ các điểm giao dịch của Bưu điện tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hoặc điện thoại số: 064.852 227; 1080

BỘ THƯƠNG MẠI

CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ XÂY LẮP THƯƠNG MẠI



TRỤ SỞ CHỈ HUY BỘ TƯ LỆNH QH-P

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

- ☆ Tổng nhận thầu - nhận thầu thi công xây dựng, lắp đặt, trang trí nội - ngoại thất các công trình công nghiệp - dân dụng, hệ thống đường dây - trạm biến thế điện, đường giao thông và các công trình kỹ thuật hạ tầng cơ sở.
- ☆ Sản xuất các mặt hàng vật liệu xây dựng, sản phẩm gỗ và trang trí nội thất. Đầu tư liên doanh liên kết với các tổ

chức kinh tế trong và ngoài nước.

- ☆ Kinh doanh và đại lý tiêu thụ vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội - ngoại thất, thiết bị máy xây dựng.
- ☆ Thiết kế, tư vấn thiết kế xây dựng các công trình.
- ☆ Kinh doanh và dịch vụ phát triển nhà.
- ☆ Xuất nhập khẩu trực tiếp các vật tư, thiết bị hàng vật liệu xây dựng - trang trí nội thất, hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, phương tiện vận tải (ô-tô, xe máy), thủy hải sản, tinh dầu, nông thổ sản.
- ☆ Xây dựng đường giao thông (đến cấp 1 đồng bằng).
- ☆ Xây dựng công trình thủy lợi.
- ☆ Tổng Đại lý thẻ cào Mobicard.
- ☆ Khách sạn quốc tế và nội địa, phòng nghỉ, ăn uống giải khát và các dịch vụ khác,... Dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế. Kinh doanh hàng hóa vật tư, kinh doanh xăng dầu,...
- ☆ Kinh doanh vận tải hàng hóa và đại lý vận tải hàng hóa đường biển.
- ☆ Khai thác cát, đá sỏi, đất sét.

ĐC: 108 - 110 Nguyễn Trãi - quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 8 322 322 - 8 398 642 - 8 398 643 - 8 355 648 * Fax: (84-8) 8 398 644

Email: ctybmc@hcm.vnn.vn * Tổng Giám đốc: NGUYỄN VĂN NGỌC

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT

TỈNH TÂY NINH



Địa chỉ: 167 Đại lộ 30/4-Thị xã Tây Ninh ĐT: 822327 - 827536



KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BAO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May mắn Và Hạnh Phúc

**Giám đốc
Nguyễn Hữu Tài**

THỊ XÃ PHỦ LÝ

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG BIÊN HÒA, P. LƯƠNG KHÁNH THIÊN, TX. PHỦ LÝ * ĐIỆN THOẠI: 0351 851 008 * BÍ THƯ: PHẠM VĂN LÂM



NĂM 2003 LÀ NĂM "BẢN LỀ" THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG; NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XVI CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIX CỦA ĐẢNG BỘ THỊ XÃ. NĂM 2003, THỊ XÃ ĐÃ TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CÁC NHIỆM VỤ TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA- XÃ HỘI, AN NINH, QUỐC PHÒNG. KẾT QUẢ CỤ THỂ NHƯ SAU:

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG

- Tổ chức quán triệt, nghiên cứu và triển khai thực hiện các Nghị quyết hội nghị lần thứ XII, lần thứ XIII Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX), học tập, nghiên cứu, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Thực hiện chương trình giáo dục lý luận chính trị trong Đảng.
- Thị ủy đã chỉ đạo tổ chức tốt các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, phổ biến thời sự, chính sách của Đảng và Nhà nước kịp thời đến cán bộ, đảng viên.
- Tăng cường công tác tư tưởng, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học đảm bảo nghiêm túc, thiết thực, tiếp tục chỉ đạo các chi, đảng bộ tiến hành tổ chức đại hội đảm bảo nhanh gọn, kịp thời, chất lượng.

CÔNG TÁC QUY HOẠCH CÁN BỘ

- Tiến hành xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ cán bộ từ thị xã đến các phường, xã, đảm bảo mỗi chức danh có từ 1 đến 3 nhân sự.
- Công tác phát triển Đảng được các cấp ủy quan tâm đúng mức. Năm 2003, kết nạp được 111 người vào Đảng. Số đảng viên mới được kết nạp đảm bảo tiêu chuẩn về chính trị, có phẩm chất tốt, được rèn luyện và trưởng thành qua thực tế ở các cơ sở.

CÔNG TÁC KIỂM TRA

- Thị ủy tập trung chỉ đạo - kiểm tra việc chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiểm tra thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ở các cấp, kiểm tra các vi phạm về kinh tế, tài chính, về thực hiện nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng và thực hiện Quy định số 19 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm.
- Việc giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo cán bộ, đảng viên có nhiều cố gắng, các đơn thư được giải quyết kịp thời đúng nguyên tắc, đúng Điều lệ Đảng.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI:

CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP: Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển; giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn ước đạt 264 tỉ đồng, đạt 101,54 % kế hoạch, tăng 21,21 % so với cùng kỳ năm 2002.

THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ: Hàng hóa trên thị trường phong phú, đa dạng, giá cả cơ bản ổn định, đảm bảo chất lượng; tổng giá trị dịch vụ - thương mại trên địa bàn ước đạt 630 tỉ đồng, tăng 15,6 % so với cùng kỳ năm 2002.

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP: Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng các mô hình kinh tế đa canh, quy hoạch vùng rau sạch, nhân rộng các mô hình chăn nuôi thủy sản, mô hình kinh tế trang trại với năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao.

TÀI CHÍNH- NGÂN SÁCH: Thu từ kinh tế trên địa bàn thị xã quản lý ước đạt 11 tỉ 942 triệu đồng, đạt 167,65 % kế hoạch năm. Công tác quản lý ngân sách luôn được thực hiện theo luật định.

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ ĐÔ THỊ: Chỉ đạo chặt chẽ công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng, quản lý đất đai trên địa bàn; hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đợt I cho các cơ sở tôn giáo tín ngưỡng, công tác vệ sinh môi trường luôn được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện.





CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Tổ 27 Khu ga thị trấn Văn Điển Thanh Trì - Hà Nội * Điện thoại: 04.8611822

Văn phòng giao dịch số 2: Khu Đô thị mới, thôn Đại Từ, Đại Kim - Thanh Trì - Hà Nội * ĐT: 04.641 4175

Giám đốc: HOÀNG VĂN LÂM



Cán bộ, CNV Công ty tại khu tham quan, nghỉ mát
Thâm Quyển, Trung Quốc tháng 9 - 2002



Đồng chí Giám đốc Công ty phát biểu tại buổi lễ
chào mừng Ngày Quốc tế phụ nữ 8 - 3



Nhà lô phố cao cấp 207Đ7
Khu Đô thị mới Đại Kim, Định Công

Công ty TNHH
Xây dựng
công trình
Hoàng Hà được thành
lập theo Luật Doanh
nghiệp nhà nước.
Trong hơn 10 năm
hoạt động, Công ty
đã đúc kết được
nhiều kinh nghiệm
sau mỗi công trình.
Từ 25 người có nghề,
với số vốn ít ỏi, đến
nay Công ty đã có
đội ngũ 600 cán bộ,
công nhân viên giàu
kinh nghiệm cùng
mấy chục tỉ đồng
vốn làm tài sản lưu
động và cố định
được tích lũy.

Cất lượng
sản phẩm
được Công
ty đặt lên hàng đầu,
những căn nhà đẹp cho

người sử dụng là mục
tiêu của Công ty. Nhiều
năm qua, Công ty luôn
quan tâm nâng cao
trình độ chuyên môn
bằng các hình thức:
đào tạo trực tiếp,
hàm thụ, thi tay nghề
tuyển chọn đội ngũ
công nhân có tay
nghề cao có tính
chuyên nghiệp,
thành thạo và toàn
năng.

Hiện nay,
Công ty đã
liên doanh
với các Công ty Nhà
nước thực hiện các
dự án khu đô thị mới,
cùng với các đối tác
của mình; đang triển
khai các dự án khu đô
thị mới gồm các nhà từ 9
đến 22 tầng và các khu
biệt thự cao cấp...



Lễ cắt băng khánh thành tòa nhà Văn phòng giao dịch II
Công ty TNHH Xây dựng công trình Hoàng Hà



Đội xe, máy cơ giới của Công ty

UNIVERSITY OF MICHIGAN



3 9015 05793 9707

